

# TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN  
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



TRUYỆN NGẮN  
HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

# VĂN HỌC HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

\*

QUYỀN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ THUYẾT

QUYỀN 2: TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

\*

*Tổ chức biên soạn:*

LAI NGUYỄN ÂN, ĐOÀN TỬ HUYẾN

© TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

giữ bản quyền tổ chức, bố cục bộ sách

## TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

LÊ HUY BẮC *sưu tầm và tuyển chọn*

từ các bản dịch của: ĐÀO TUẤN ANH, LÊ HUY BẮC,  
PHẠM BÁ ĐẠM, ĐẶNG ANH ĐÀO, NGUYỄN TRUNG ĐỨC,  
ĐÀO THU HẰNG, PHAN THU HIỀN, BÙI VIỆT HOA,  
PHẠM VIÊM PHƯƠNG, NGUYỄN VĂN QUA, NGUYỄN HỒI THỦ,  
BẢO TRÂN, LUU ĐỨC TRUNG, NGUYỄN VINH, NGÂN XUYÊN

TRUYỆN NGẮN  
HẬU HIỆN ĐẠI  
THẾ GIỚI

LÊ HUY BẮC  
*Tuyển chọn và giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN  
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



# BA KHUYNH HƯỚNG TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI<sup>(\*)</sup>

LÊ HUY BẮC

Chủ nghĩa *Hậu hiện đại* trong văn học ra đời từ những năm 1950, là khuynh hướng tiếp nối *Chủ nghĩa Hiện đại*, gắn với sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ thông tin của sự phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật vượt bậc, của thành tựu đô thị hóa... được thể hiện ở cả ba phương diện thơ, kịch, văn xuôi (chủ yếu là văn xuôi hư cấu) với các đặc điểm chính: đa trị, huyền ảo, lắp ghép, mảnh vỡ, cực hạn, độ căng; hạn chế tối đa vai trò thống trị của người kể chuyện, không quan tâm đến cốt truyện, kịch và văn xuôi mang nhiều đặc điểm của thơ.

Riêng về truyện ngắn, do đặc trưng cơ bản của thể loại (ngắn) nên giống thơ là đặc điểm dễ nhận thấy nhất. Mặc dù, đây cũng là thuộc tính chung của văn xuôi thế kỷ XX.

Có thể phân chia truyện ngắn *Hậu hiện đại* theo nhiều kiểu khác nhau. Dựa vào tiêu chí hình thức thể hiện, chúng tôi phân tích ba khuynh hướng tiêu biểu nhất.

## 1. Truyện ngắn huyền ảo (*Magical Short Stories*)

Khuynh hướng này phát triển mạnh mẽ ở khu vực Mĩ-Latinh

<sup>(\*)</sup> Phần lí luận về chủ nghĩa *Hậu hiện đại*, mời bạn đọc tìm hiểu ở tập sách *Văn học Hậu hiện đại thế giới-Những vấn đề lí luận* do Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây tổ chức xuất bản cùng tập *Truyện ngắn Hậu hiện đại thế giới* này. Ở đây chúng tôi chỉ giới thiệu một phần trong bài viết của tiến sĩ Lê Huy Bắc về truyện ngắn *Hậu hiện đại* để bạn đọc tiện theo dõi. Toàn văn bài viết xin mời đọc ở tập sách trên.

vào những năm 1960. Tuy nhiên, dấu vết huyền ảo thì đã xuất hiện sớm hơn trong văn học phương Tây, rõ nhất là ở thế kỉ XIX với các tác phẩm của Balzac, Hoffmann, Poe, Hawthorne... Nhà văn sáng tác theo khuynh hướng này thường sử dụng yếu tố hoang đường trong phản ánh hiện thực. Điểm khác nhau cơ bản giữa huyền ảo Hậu hiện đại và huyền ảo Cổ điển là ở chỗ yếu tố *ma*, yếu tố *kinh dị* bị giảm thiểu đến mức tối đa. Thay vào đó, các nhà Hậu hiện đại thường sử dụng các hình ảnh siêu nhiên gắn với các thành tựu khoa học kỹ thuật, gần gũi hơn với đời sống con người. Cách các nhà văn thường sử dụng là nâng một sự việc, một hiện tượng... lên tầm huyền thoại và xếp đặt một cách bình thường các yếu tố siêu nhiên bên cạnh các yếu tố thực của đời sống. Gabriel Garcia Marquez, Mighen Asturias, Leslie Marmon Silko... là những bậc thầy trong lĩnh vực này. Đọc tác phẩm của họ, ta thấy các yếu tố siêu nhiên không hề gây cho nhân vật và cho cả độc giả chút ngạc nhiên, kinh hãi nào. *Mĩ học của Chủ nghĩa Hậu hiện đại cho phép con người thoái mái sinh hoạt, giao tiếp qua những môi trường và hoàn cảnh mà trong đời sống thực thì không thể nào tương thông.* Biển của thời đã mất của Marquez với cuộc sống khô cằn xác xơ của các ngôi nhà bên bờ biển và ngôi nhà trống đầy hoa hồng ngát hương dưới đáy đại dương là huyền thoại về việc đánh mất thiêng đường trên mặt đất.Thêm vào khung cảnh đó là hình ảnh một bà lão đã chết, xác được ném xuống biển theo phong tục của dân làng, hóa thành thiêu nǔ xinh đẹp bởi trong làn nước huyền thoại và cả những người đang sống lặn xuống đại dương bắt rùa ăn cho đỡ đói theo cách “bơi chéch xuống” đáy biển... vừa gợi cho ta nhớ về các nhân vật trong câu chuyện cổ vừa khiến ta liên tưởng đến những con người Hậu hiện đại thám hiểm đại dương bằng những trang thiết bị cực kì tối tân.

Điểm khác giữa Huyền ảo Hậu hiện đại Marquez và Huyền ảo Hiện đại Kafka là: nhân vật của Kafka vẫn còn chút ít trăn trở khi tiếp xúc với yếu tố hoang đường (chẳng hạn như Grego Samsa bắn khoan khi biến thành con bọ trong *Biến dạng*); nhân vật của Marquez thì thản nhiên chấp nhận việc mình có khả năng bơi xuống đáy đại dương hay săn sàng sống cùng ông lão có đôi cánh khổng lồ trong gia

dình... *Bình thường hóa những điều kì lạ và xóa bỏ khoảng cách giữa bình thường và dị biệt, dị biệt và dị biệt là một trong những nguyên tắc thẩm mĩ chính của Chủ nghĩa Hậu hiện đại.* Sở dĩ, họ làm được điều đó là do chịu ảnh hưởng của công nghệ truyền thông computer.

Truyện viết theo khuynh hướng huyền ảo thường được thể hiện theo cảm hứng thơ với những tiếp nối, liên tưởng bất chợt không theo quy luật tư duy logic và lí trí. Đây là kết quả từ quan niệm thẩm mĩ của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong việc *đả phá tư duy lý trí, đầy tinh táo của thi pháp cũ.* *Linh hồn muốn gì* (Helen Garner), *Tấm khăn* (Cynthia Ozick), *Chú ngựa san hô* (Onelio Cardoso)... là những bài thơ - văn xuôi, khai thác cái hiện thực bên kia hiện thực, hiện thực trong ẩn ức, kí ức và cả sức tưởng tượng đến mức phi phàm: "Tôi không thể đi tìm chàng. Tôi không thể theo chàng. Tôi không thể viết cho chàng. Chàng không tồn tại. Nhiều ngày trôi đi và khi nhiều ngày nối tiếp theo nhau, máu và cơ thể giải phóng ý tưởng chàng, khi nhiều ngày qua đi không ngừng qua đi. Dần dần chàng biến thành ma, chỉ là một linh hồn, xám và vô hình. Chàng chưa từng tồn tại. Chàng là ảo ảnh. Tôi tạo ra chàng" (*Linh hồn muốn gì*).

Bởi chàng là linh hồn nên dấu cho tôi khao khát được bên chàng và chàng rất gần với tôi nhưng tôi không thể có chàng. Giữa tôi và chàng luôn tồn tại khoảng cách. Khoảng cách của sự sống và cái chết. Cái chết của người không muốn sống hay không ý thức được giá trị hoặc vô giá trị của sự sống lẫn cái chết. Đối với họ, sống hay chết đều vô nghĩa. Sống là một cuộc chơi và chết cũng là một cuộc chơi nốt. *Chủ nghĩa Hậu hiện đại* không chỉ đa trị hóa tràn thuật mà còn đa trị hóa cái nhìn về cuộc đời. Cuộc đời là nghiêm túc nhưng cũng là một cuộc chơi, *cuộc thể nghiệm của những cái tôi nhỏ bé.* Song không vì thế mà nó không đề xuất vấn đề xã hội. Một xã hội phồn thực về vật chất, về kĩ nghệ thì nỗi ám ảnh của cái phi lý, cái bi đát của kỉ nguyên hiện đại vẫn tiếp tục gia tăng. Không chỉ riêng nhân vật *tôi* của Helen Garner mà nhân vật người - đàn - ông - cô - độc và đứa cháu trong *Khói thị thành* (Pinckney Benedict) cũng có tâm trạng này. Họ không chấp nhận thực tại bởi thực tại không còn nguyên những giá trị đạo đức truyền thống hoặc là những giá trị

hoàn toàn mới mà đây chỉ là sự lai ghép thảm hại, đánh mất thuần chủng, tinh khiết trong đời sống tinh cảm, vật chất của con người.

## 2. Truyện ngắn mảnh vỡ (*Fragment Short Stories*)

Nhà văn tiêu biểu nhất cho khuynh hướng này là Donald Barthelme. Ông từng tuyên bố truyện ngắn hay hiện nay phải là truyện được xây dựng từ những mảnh vỡ của hiện thực. Nguyên tắc sáng tạo của kiểu truyện này là sử dụng những motif đồng dạng xếp cạnh nhau nhưng khác với những nhà hiện đại, người thường hướng đến một chủ đề nhất định, thì các nhà Hậu hiện đại lại hướng đến nhiều chủ đề khác nhau. *Lớp học* là truyện ngắn độc đáo của Barthelme. Học sinh được dạy thực hành: trồng cây thì cây chết, nuôi rắn rắn chết, nuôi cá cá chết, nuôi chó chó chết, nhận bảo trợ một em bé Triều Tiên thì em bé này cũng chết và sau cùng là các bạn Matthew và Tony chết do bị gõ công trường đè phải. Bọn trẻ rất hoang mang và buồn. “Ngày nọ, chúng tôi thảo luận ở lớp. Chúng hỏi tôi (người kể chuyện và là thầy giáo), chúng đã đi đâu? Dám cây, con kỉ nhông, cá nhiệt đới, cún Edgar, ba và mẹ, Matthew và Tony, họ đã đi đâu? Và tôi nói tôi không biết, tôi không biết. Và chúng nói, ai biết? Và tôi nói, chẳng ai biết. Và chúng nói, có phải cái chết mang lại ý nghĩa cho sự sống? Và tôi nói, không, chính cuộc sống mang lại ý nghĩa để sống”. Rồi chúng đề nghị *tôi* làm tình với cô trợ giảng Helen vì “chúng em đòi hỏi sự xác định giá trị”. *Tôi* không đồng ý vì việc đó “không bao giờ được làm như một sự biểu diễn.” *Tôi* chỉ hôn Helen. Chỉ cần hôn nhau, một con thú lạ xuất hiện, “bọn trẻ reo hò ầm ĩ”.

Dựa vào cái nhìn của trẻ con, Barthelme *bình đẳng hóa* nhiều vấn đề không cùng bình diện như: *trò chơi, cái chết, làm tình...* Những vấn đề này đặt bên nhau đã góp phần hạ bệ hoặc tôn vinh nhiều yếu tố đã được xác định giá trị. Bọn trẻ được *dạy*. Nhưng tất cả những điều được dạy đó đối với chúng đều mơ hồ, *đáng hoài nghi*. Không phải ngẫu nhiên mà tác phẩm lại có nhiều câu hỏi và cũng không phải thầy giáo dốt đến mức không thể trả lời các câu hỏi của chúng, có điều người thầy ấy nhận thức rõ ràng, việc trả lời cũng

như mọi câu trả lời khác đều là *chủ quan, phiến diện*. Do vậy, nhân vật *tôi* muốn chúng tự tìm lấy câu trả lời. Và độc giả đọc đến đây cũng tham dự vào cuộc tìm kiếm lời đáp ấy. Chủ nghĩa Hậu hiện đại mở ra *tôi đa những con đường để người đọc tự đi vào văn bản*.

*Lớp học* tạo được độ căng bởi tác giả chộp đúng thời điểm nỗi lo âu đã lên đến tột đỉnh. Từ những mảnh vỡ đa dạng của cuộc đời, át hẳn nhà văn ghép lại để đề xuất vấn đề “xác định giá trị”. Đối tượng tham gia “xác định giá trị” không chỉ là học trò mà còn cả *bạn* (xuất hiện khi người kể chuyện ở ngôi thứ hai để độc giả trở thành một nhân vật của truyện), cả *tôi* và cô Helen. Và có lẽ, tác giả đi đến kết luận: giá trị chỉ có được khi con người thực sự có tình yêu. Tuy nhiên, đây chỉ là một cách hiểu *đồng sáng tạo* chứ kết luận này không hề được phát biểu trực tiếp trong tác phẩm.

Cùng viết theo kiểu *mảnh vỡ* song nhà văn Italy, Italo Calvino lại có cấu trúc của riêng mình. *Cuộc phiêu lưu của người lính* là tên của một truyện ngắn Hậu hiện đại tiêu biểu của ông. Truyện kể về anh lính Tomagra trên chuyến tàu trong lần nghỉ phép đầu tiên (chứng tỏ hãy còn rất trẻ) phiêu lưu tình dục với một quả phụ. Truyện được kể từ ngôi thứ ba nhưng điểm nhìn chủ yếu được chuyển sang cho Tomagra khi nhân vật này liên tục phân tích tình hình để bàn tay tấn công hay không tấn công lên cơ thể của người đàn bà (xuất hiện yếu tố mỉa mai: anh lính chiến thuật, tấn công... bắp đùi phụ nữ). Còn người đàn bà sau khi hành khách trong toa xuống hết vẫn lặng im như tờ dầu, “vẫn giữ vẻ diêm tĩnh, trong tráng, đoan trang, cái mũ kiêu hanh vẫn đội trên đầu” bình thản để “cơn cuồng điên” của anh lính “ôm chầm lấy cái vật thể câm lặng của nó: nàng”.

Khi cuộc mây mưa kết thúc, “Tomagra đứng dậy và, bên dưới anh, góa phụ vẫn nằm với cái nhìn bình thản, nghiêm trang, trong sáng (mắt nàng xanh) với cái mũ và mạng che vẫn ngay ngắn trên đầu, và con tàu không tiếng rít của nó qua cánh đồng”.

Đọc truyện ta chỉ biết xúc cảm của Tomagra chứ không hề biết chút gì về tâm trạng của người đàn bà, ta chỉ biết ngoại hình nàng qua cái nhìn của anh lính và phần nào đó qua người kể chuyện. Đây

là nét đặc trưng của tự sự Hậu hiện đại: không suy diễn, không nhảy vào nội tâm nhân vật như cách các nhà hiện đại vẫn làm. Vì cách tự sự này nêu quan hệ giữa hai nhân vật ấy là *mảnh vỡ*, là *chắp nối*, là *những phiến đoạn chia cách của cuộc đời*. Người phụ nữ hiện lên như một manơcanh (hay là kiểu hình nhân nữ bằng nhựa dẻo biết làm tình đang được bày bán ở nhiều nơi ở Mĩ, Tây Âu, Nga và cả Thái Lan...). Một vật thể nhưng lại biết (và có vẻ muốn) ân ái. Câu chuyện thật lạ, thật hấp dẫn, nhưng để cất nghĩa nó: chúng tôi xin nhường cho các bạn (hẳn Calvino muốn nói như thế).

*Shiloh* của Bobbie Ann Mason cũng thuộc về khuynh hướng này. Leroy Moffitt, làm nghề lái xe tải đường trường sau mười lăm năm, bị tai nạn quay về sống cùng vợ Norma Jean. Norma đã quen với cảnh sống xa chồng nên khi Leroy trở về nhà với tình cảm "âu yếm dịu dàng khác thường đối với vợ và hối hận về lỗi lầm do những chuyến đi xa lâu ngày của mình" thì Norma "thường hơi giật mình khi thấy Leroy trong nhà". Khoảng cách giữa họ cứ thế tiếp tục nới rộng. Leroy muốn dựng một ngôi nhà gỗ cho vợ nhưng Norma không hề quan tâm đến ước muốn đó. Cuộc sống của họ do vậy ngày một ngọt ngào hơn, đến mức "khi anh và cô cùng ngồi làm việc bên bàn bếp, Leroy thầm hi vọng họ đang chia sẻ một điều gì đó, nhưng anh biết chỉ là một gã ngớ ngẩn mới nghĩ như vậy. Norma Jean đã ở xa anh". Mabel, mẹ Norma gợi ý hai vợ chồng đến Shiloh, chiến địa xưa để "có một chút thay đổi", "một chút khuấy động trong cuộc sống". Norma miễn cưỡng đồng ý đi với chồng. Trên đường đi, Norma lái xe, Leroy ngồi ở bên cạnh "cảm thấy mình giống như một người khách nhạt nhẽo cô cho dù nhờ xe". Di tích lịch sử cũng không thể hàn gắn được tình cảm của họ. Điều này có lỗi từ Leroy khi anh nhận thức ra rằng: "anh đã bỏ rơi nội hàm của lịch sử. Lịch sử đối với anh luôn chỉ là những cái tên và những con số. Anh bỗng nhận ra rằng đựng một ngôi nhà gỗ cũng trống rỗng như vậy - cũng quá đơn giản. Còn động lực nội tại thực sự của một cuộc hôn nhân cũng như phần lớn động lực nội tại của lịch sử, đã lìa bỏ anh".

Câu chuyện được dựng theo kiểu *ghép mảnh*. Ở góc độ nhân vật, không chỉ Norma được ghép bên Leroy, Mabel ghép bên Norma (hay

Leroy) mà bản thân *Lịch sử* (hiện diện qua Shiloh) cũng được ghép bên đôi vợ chồng. Giữa họ không có kết nối mà nếu có thì chúng được thực hiện bằng lỗi so sánh đầy mai mỉa: "Anh chỉ có thể nghĩ tới chiến tranh như một trò cờ bạc lớn, chơi với những người lính bằng nhựa". Anh thầm so sánh trận tấn công của quân đội Liên bang vào trại lính Đồng minh với chiến dịch của thanh tra Mathis tấn công vào ngôi nhà chứa thuốc phiện; hay là việc Mabel so sánh chuyện hai vợ chồng Leroy để mất đứa con "do sơ ý" như người ta sơ ý để chó Dachshund cắn chết một đứa trẻ... Ngay cả tình cảm vợ chồng cũng chỉ là ghép nối: Leroy muốn hàn gắn, muốn làm lại từ đầu song Norma lại muốn chia tay; rồi đến cả ước muốn chia tay của Norma cũng được ghép bên sự ân hận không muốn xa lìa chồng... Những ghép nối chiều sâu này được thể hiện qua các tiểu đoạn đứt khúc, ghép quá khứ với hiện tại, tâm cảnh và ngoại cảnh, lịch sử và phi lịch sử... Trên đó nổi bật lên các chi tiết: đứa con bị chết, bà Mabel cô độc, Norma ngột ngạt trong các quan hệ, Shiloh không được thấu hiểu, đôi chân của Leroy muốn đi theo vợ nhưng "bên chân còn lành thì mệt mỏi, bên chân bị thương thì vẫn còn đau"... Những ghép nối trên đây rõ ràng làm cho tính mảnh vỡ tăng thêm.

*Truyện mảnh vỡ* (hay có thể gọi là *phân mảnh, ghép mảnh*) thường đề cập đến yếu tố tình dục nhưng không đi vào miêu tả chuyện chăn gối mà hướng đến kiểu tình dục bất lực (mảnh vỡ) để cho thấy sự trống vắng, cằn cỗi, không tái sinh của đời sống tình cảm, đời sống vật chất của con người.

### 3. Truyện ngắn cực hạn (*Short Stories of Minimalism*)

Chủ soái của khuynh hướng này là Raymond Carver. Như tên gọi của nó, *Chủ nghĩa Cực hạn* hạn chế tối đa khả năng hư cấu, khả năng tự sự chủ quan, khả năng bao quát hết mọi vấn đề... mà theo cách gọi của Jean - François Lyotard là *đại tự sự* (grand narrative). Ông xem đây là "hiện tượng cực đoan" của trần thuật kiểu cũ. Ông xác định văn chương Hậu hiện đại cần "đơn giản hóa" hiện tượng ấy và yêu cầu nó phải *hoài nghi đối với đại tự sự*. Chủ nghĩa Cực hạn

đã đáp ứng yêu cầu này. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa khuynh hướng *cực hạn* và hai khuynh hướng trên. Truyện của các nhà cực hạn không phản ánh thực tại bằng *ẩn dụ*, *biểu tượng* mà bằng *hoán dụ*. Cách làm của họ là kể một câu chuyện bình thường, rất bình thường trong cuộc sống, chẳng hạn một cuộc đi săn (*Những người thợ săn trên tuyêt* của Tobias Wolff), một đứa trẻ bị tai nạn ôtô (*Điều tốt lành nho nhỏ* của Carver) hay kỉ niệm về *Ngôi nhà sa thạch* của John Updike... theo sự quan sát hay trải nghiệm hẹp của nhân vật hoặc của người kể chuyện nhưng lại có khả năng *thay thế* rất lớn. Cách trân thuật của các nhà *cực hạn* rất dung dị. Truyện của họ tựa lát cát rất thực của đời sống, nhưng tài năng của họ là biết khai thác những khoảnh khắc nào đó mang trong đó những *tương quan* với các phương diện khác của đời sống xã hội mà chưa được nói đến trong tác phẩm. Do vậy, sức gợi, sức lan tỏa của những áng văn này là rất lớn. Sự thấu hiểu văn bản phụ thuộc rất nhiều từ phía độc giả.

Khác với các nhà văn cổ điển như Hugo, Balzac... những người luôn xây dựng hình tượng nghệ thuật theo lối *tương phản*, các nhà *cực hạn* đặt các tình huống, hình tượng theo lối *song song*, cùng hướng nhau. Thảm họa của vợ chồng Ann và Howard trước việc cậu con bị hôn mê (trong *Điều tốt lành nho nhỏ*) được đưa vào bệnh viện và việc tiếp xúc giữa Ann và gia đình của chàng thanh niên Franklin, vô tình bị chém tử thương trong cuộc xô xát tại vũ hội cho thấy sự bấp bênh của cuộc sống con người thời kĩ trị. Trong lúc vợ chồng Howard đau khổ vì cái chết của cậu con Scotty thì tiếng chuông điện thoại vẫn bình thản reo và ai đó ở đầu dây đằng kia nhắc nhở về Scotty. Thoạt tiên vợ chồng Howard cứ nghĩ kẻ độc ác nào đó cố trêu đùa với nỗi mất mát của họ và phẫn uất muốn trả thù. Ann nhận ra đó là người làm bánh, người mà cô đã đặt chiếc bánh định mệnh vào sáng sinh nhật hôm ấy của con trai. Hai vợ chồng tìm đến xưởng bánh để trả thù nhưng khi hiểu hết mọi chuyện, người làm bánh thành thật xin lỗi và động viên đôi vợ chồng trẻ.

*Điều tốt lành nho nhỏ* vừa là nhan đề vừa hàm chứa quan niệm sáng tác của tác giả. Cũng như nhiều nhà Hậu hiện đại khác, Raymond Carver không phát biểu trực tiếp chủ đề truyện mà thông

qua hệ thống hình tượng, ông giúp người đọc tự nhận ra *điều tốt lành* ấy là gì. Câu chuyện tái hiện nhiều kiểu bất hạnh của con người (người thì con chết, người thì không có con nhưng phải làm quẫn quật suốt ngày để kiếm sống...) Những bất hạnh này gặp nhau một cách *tình cờ*. Có thể nói, cái tình cờ vốn dĩ là đặc trưng của đời sống thường nhật bây giờ lại luôn xuất hiện trong tác phẩm của những nhà *cực hạn*. Trong câu chuyện này, nhờ việc đi đặt bánh sinh nhật và những cú điện thoại vô tình nhắc nhở về chuyện cái bánh đã khiến các tâm hồn cô đơn gặp gỡ nhau. Người làm bánh cũng là một cô độc. Mọi niềm vui và nỗi buồn của ông chất đầy cả không gian chật hẹp của xưởng bánh nhỏ. Đây là nhân vật mang tính thức tỉnh. Người làm bánh già ấy am hiểu cuộc đời. Hai vợ chồng vừa mất con ấy lắng nghe khi “ông bắt đầu đề cập đến nỗi cô đơn, sự hoài nghi và những giới hạn đã đến với ông trong những tháng năm ở độ tuổi trung niên này. Ông kể cho hai vợ chồng nghe về cuộc sống không con cái của mình. Tháng ngày cứ lặp đi lặp lại với những lò bánh hết đầy ắp rồi lại trống rỗng”. Rồi ông biết đôi vợ chồng kia cần được ăn uống chút ít để phục hồi sức lực sau nỗi mất mát vô bờ. Việc ăn bánh và uống cà phê được xem là *điều tốt lành nhỏ*. Nó giúp cho Howard và Ann đang tuyệt vọng bỗng ý thức ra rằng: suy cho cùng, con người đau đớn khổ đến đâu thì cũng cần phải sống. Để giúp cho họ ý thức được chân lý của tồn tại thì cần phải có sự thông cảm, chân tình. Người làm bánh đã thực hiện được sứ mạng này. Thì ra *điều tốt lành nhỏ* có lẽ là cách nói khiêm tốn ngầm chỉ cái tình người kia. Chút tình ấm áp giữa bao trơ trọi của cuộc đời xuôi ngược.

Nhan đề truyện được *nhặt tình cờ* trong lời khuyên của người làm bánh với vợ chồng Howard. Đây là kiểu nhan đề hiếm khi thấy xuất hiện trong truyện ngắn trước Chủ nghĩa Hậu hiện đại nhưng lại thường xuyên xuất hiện trong sáng tác của Carver. Ngoài nhan đề trên, ông còn có: *Mình đang gọi từ đâu*, *Cuộc đối thoại nghiêm túc*, *Nhà của Chef...* đều là lời của nhân vật trong truyện. Các nhà văn cùng thời với Carver, như Tim O'Brien (*Hành trang của họ*, Leslie Marmon Silko (*Người đàn bà da vàng*)... cũng có chung cách đặt tiêu

dề. Qua thao tác này, các nhà văn nhằm giảm thiểu tối đa ý đồ nghệ thuật chủ quan của mình. Người đọc, khi tiếp xúc với kiều nhan đề ấy thì chẳng đọc được gì nhiều hơn về văn bản ngoài chính nhan đề.

Ba khuynh hướng truyện trên là những diện mạo tiêu biểu của truyện ngắn Hậu hiện đại. Đặc điểm chung giữa chúng là làm sao trong một dung lượng câu chữ hạn hẹp phải đề xuất được một nội dung rộng lớn. Điều đáng chú ý là sau bao nhiêu cách tân táo bạo của các trường phái trước, các nhà Hậu hiện đại lại có xu hướng quay về với những cái giản dị, bình thường, ngõ như rất ít tính nghệ thuật, ít dấu ấn chủ quan. Bởi họ ý thức được rằng chính cuộc sống mới là nhà cách tân vĩ đại nhất trong mọi khả năng cách tân.

Hà Nội, 11.2001 - 7.2002.

### *Ghi chú của người biên tập*

Chủ nghĩa Hậu hiện đại là một hiện tượng phức tạp, chưa được định hình thống nhất, còn mới mẻ đối với bạn đọc Việt Nam, kể cả các nhà lí luận phê bình văn nghệ.

Khi Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây tổ chức làm bộ sách về *Văn học Hậu hiện đại Thế giới* (gồm 2 tập), Tiến sĩ Lê Huy Bắc chịu trách nhiệm sưu tầm tuyển chọn các tác phẩm cho tập *Truyện ngắn Hậu hiện đại* này. Việc tuyển chọn dựa trên các cơ sở định tính chung về văn học hậu hiện đại, nhưng chắc chắn không tránh khỏi quan niệm chủ quan của người thực hiện, nhất là trong tình trạng còn thiếu khá nhiều thông tin tư liệu hiện nay. Vì vậy, chúng tôi đề nghị bạn đọc xem đây là một thử nghiệm tham khảo, chủ yếu dựa trên nhận định cá nhân của nhà nghiên cứu Lê Huy Bắc, chứ chưa phải là tiếng nói chung của Nhà xuất bản, người biên tập và nhóm biên soạn bộ sách này.

KHUAGIA AMET ABAT  
(Ấn Độ)

## NGƯỜI KHÔNG MUỐN NHỚ

*V*ậy là các ông muốn biết tại sao tôi lại cười? Các ông muốn biết làm sao một kẻ sắp chết lại cười không?

Bác sĩ Xahép, bác sĩ đừng lo lắng làm gì, bác sĩ nên quay về bệnh viện của mình mà bán thuốc kinin, aspirin đi thì hơn. Bác sĩ không cứu được tôi nữa đâu. Chẳng ai có thể cứu tôi được. Là vì tôi bị hai vết thương rất sâu. Một ở lưng, xuyên qua xương sườn, vào tận gan. Một ở bụng. Các ông không thấy ruột lòi cả ra ngoài sao?

Vậy là tất cả các ông đều muốn biết tại sao tôi cười. Các ông thắc mắc không hiểu sao có cái thứ hài hước gì lạ lùng khiến một kẻ sắp chết lại cười vào lúc trút hơi thở cuối cùng. Tôi sẽ xin kể các ông nghe. Lý do là vì tôi vừa mới nhớ ra tôi là ai...

Sao, ông bạn bảo sao? Rằng cái đó thì có gì đáng buồn cười ấy à? Xin ông bạn hãy nghe tôi đã. Rồi ông bạn sẽ hiểu tại sao sắp chết đến nơi mà tôi lại cười...

Đã hơn hai tháng nay tôi cố nhớ ra mình là ai: theo đạo Hồi hay theo Ấn Độ giáo hay theo đạo Xích? Một người Bà La Môn hay một “pa-ri-a”<sup>(1)</sup>? Giàu hay nghèo? Quê miền Đông

---

<sup>(1)</sup> *Dâng cấp thấp hèn nhất trong xã hội Ấn Độ.*

Pungiáp hay miền Tây? Sóng ở Laho hay ở Amrítxa? Ở Raoanpindi hay Giulundun? Tôi đã cùng nhiều người khác cố gắng tìm ra thân phận mình, đẳng cấp, tôn giáo, tên tuổi mình, nhưng chẳng một ai khám phá ra được điều bí mật đó. Ngay cả tôi, tôi cũng chẳng nhớ được gì, mặc dầu đã cố gắng hết sức. Nhưng bây giờ thì trí nhớ của tôi bỗng hồi phục... Đúng lúc tôi sắp chết!

Bác sĩ ơi, đừng lo lắng làm gì, vẻ mặt bác sĩ thật buồn cười quá đấy. Xin hãy tin tôi, có lo lắng cũng chẳng ích gì đâu. Không một bác sĩ nào trên đời này có thể cứu tôi sống được. Tôi biết tại sao bác sĩ lại có vẻ bối rối như thế. Tôi hiểu cái tình thế lưỡng nan của bác sĩ. Vết thương của tôi rắc rối quá bác sĩ không biết nên bắt đầu từ đâu chứ gì. Nếu đặt tôi nằm ngửa để nhét ruột vào bụng rồi khâu lại thì qua vết thương ở lưng, tôi đã mất hết máu, và chết ngay trước khi bác sĩ khâu bụng cho tôi. Còn nếu lật tôi lại để khâu vết thương ở lưng thì ruột non ruột già, cả gan lấn thận sẽ rơi hết ra ngoài. Vậy thì bác sĩ đừng quan tâm đến chuyện đó nữa mà hãy nghe tôi kể...

Cách đây khoảng hai tháng, sau nhiều ngày mê sảng, tôi tỉnh lại và thấy mình nằm trong một bệnh viện ở Đêli.

- Tên anh là gì? Bác sĩ hỏi.

Tôi suy nghĩ và đầu óc tôi mờ mịt chẳng nghĩ ra được cái gì cả. Tôi đành phải nói:

- Xin lỗi bác sĩ, tôi không nhớ...

- Theo Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?

Bác sĩ đề cập vấn đề chủ chốt. Nhưng tôi vẫn phải nói là tôi cũng quên mất không còn nhớ mình theo đạo nào.

Tôi không còn nhớ một tí gì về quá khứ của tôi, tôn giáo, đẳng cấp, gia đình, quê quán, cũng không nhớ mình đã có vợ hay chưa. Không biết mình bao nhiêu tuổi. Tôi chỉ mơ hồ cảm

thấy có lẽ mình còn trẻ nhưng khi nhìn vào gương thì lại thấy một bộ mặt già nua, ngơ ngác, nhăn nheo, râu ria lởm chởm mà tôi không hề quen thuộc. Hình như tôi chưa trông thấy bộ mặt ấy bao giờ.

Các bác sĩ ở Niu Đêli cố gắng hết sức để hồi phục trí cho tôi, nhưng thất bại. Họ bèn tìm cách giúp tôi tìm ra cẩn cước của tôi. Bản thân tôi cũng cố gắng bởi vì không tên tuổi, tôi không thể tồn tại được về mặt pháp lý, tôi chỉ là một người chết. Khi tìm hiểu, tôi chỉ biết được là người ta đã đưa tôi cùng với những người tị nạn khác từ Pungiáp đến, phần lớn đã chết ở bệnh viện. Tôi hỏi xem những người kia có phải theo Ấn Độ giáo, đạo Xích hay Hồi giáo không thì người ta trả lời rằng trong số họ có cả ba hạng người. Hình như giữa Amritxa và Laho, hai đoàn tàu đặc biệt chở người tị nạn đã bị tiến công và trật bánh. Trên một đoàn tàu có những người tị nạn Ấn Độ giáo đi từ Pungiáp tới Amritxa, còn trên đoàn tàu kia là những người tị nạn Hồi giáo đi từ miền Đông Pungiáp tới Laho.

Vào khoảng 11 giờ tối, một quả bom nổ dưới đường ray khi tàu đang chạy qua một chiếc cầu. Đầu máy trật bánh, kéo theo nhiều toa lăn xuống một lòng suối cạn. Nhiều người đã chết ngay và nhiều người bị thương, còn những người ở các toa sau vô sự thì lập tức bị một nhóm cướp nấp trong rừng xả súng bắn. Những người bị thương chạy tán loạn trong đêm tối tìm nơi trú ẩn. Khoảng một giờ sau, một đoàn tàu khác chạy ngược lại cũng bị chung số phận, cách đó khoảng một dặm. Những người bị thương ở đoàn tàu này cũng chạy trốn vào rừng gần đấy, nhiều người gục ngã vì kiệt sức, nhiều người loạng choạng lẩn mò qua các cánh đồng trong đêm tối.

Ngày hôm sau, các đơn vị vũ trang của Ấn Độ và Pakixtan đi tuần ở hai bên biên giới tìm thấy nhiều người chết và bị thương trên hai đoàn tàu nằm lăn lóc ngay trên đường ngăn

đôi hai nước, lẩn lộn vào với nhau không còn phân biệt được ai là Hồi giáo, ai là Ấn Độ giáo. Tôi là một trong những người bị thương đó. Một chiếc cảng đưa tôi tới xe cấp cứu, một người khiêng cảng cho tôi biết anh ta tìm thấy tôi với bộ quần áo bê bết máu, nằm bất tỉnh, vắt ngang đường biên giới, thành thử châr, tôi thì ở bên phía Pakixtan còn người thì lại nằm bên Ấn Độ. Đường biên giới mới cắt ngang qua cánh đồng được vạch ra bằng máu! Máu người Ấn Độ giáo, người Hồi giáo, người Xích trộn vào với nhau, thâm xuống đất dai màu mỡ bây giờ không còn phân biệt nổi, không còn phân chia nổi!

„Này cụ Manlana râu bạc! Cụ đừng nhìn tôi như thế! Tôi biết cụ đang nghĩ gì. Đừng quên rằng tôi sắp chết và vào lúc này, con người ta biết hết mọi thứ. Cụ hy vọng tôi sẽ tuyên bố tôi là người Hồi giáo và như vậy, trước khi tôi tắt thở, cụ sẽ nhò “Angiuman Khuđanun muxlimen”<sup>(1)</sup> chuẩn bị tang lễ cho tôi chứ gì? Còn Mahasaygi, với chiếc mũ thiêng liêng trên cái đầu cao trọc lóc kia, tôi xin nói là tôi cũng biết ông đang nghĩ gì. Ông chờ tôi nói tôi là người Ấn Độ giáo để có thể chuẩn bị hỏa táng tôi theo mong muốn của tổ chức “Hindu Darum Xêvắc Xango”<sup>(2)</sup> của ông. Tôi có nghe nói là ở Bombay này, dân tộc Pác-xi đặt người chết lên Tháp Im Lặng cho chim kền kền rỉa xác. Những con chim ác độc đó, theo như người ta kể, suốt ngày bay lượn quẩn quanh ở đó để chờ người ta đem xác người đến, nhưng không biết có những con “kền kền người” săn lùng cả những kẻ hấp hối trước khi những kẻ đó chết hẳn.

Để tôi kể tiếp câu chuyện của tôi vì tôi không còn nhiều thì giờ nữa. Vết thương của tôi không nặng lắm và chỉ hai tuần sau tôi đã khỏi. Tuy nhiên, các bác sĩ tuyên bố rằng tôi bị chấn thương sọ não nặng, ảnh hưởng đến trí nhớ. Vì thế

<sup>(1)</sup> Hội tương trợ của người Hồi giáo.

<sup>(2)</sup> Hội những tín đồ Ấn Độ giáo.

tôi trở thành một “kỳ quan”, một con người không tên. Báo chí đăng ảnh tôi, cả báo chí Pakixtan lẫn báo chí Ấn Độ, nhưng chẳng có một người thân thuộc, một người quen hay hàng xóm nào đến nhận dạng tôi cả. Có lẽ tôi chỉ có một mình trên đời này. Trong khi ấy thì có nhiều người bị thương và đau ốm đến và các bác sĩ bảo họ không thể giữ tôi ở lại được nữa. Tôi đành phải rời khỏi bệnh viện, hy vọng tìm được nơi trú ngụ ở đâu đấy.

Lang thang trong thành phố, tôi tới Giam Maxgít, ở đó có một trại tị nạn bên ngoài thành phố, trên một khoảng đất rộng.

Tôi nói với ông trưởng trại thế này:

- Thưa ông, tôi thật không còn phương kế gì để sinh sống, xin ông cho tôi trú ngụ ở trại này.

Ông ta hỏi:

- Anh là người Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?
- Thưa ông, tôi không nhớ được nữa ạ.

Đó hoàn toàn là sự thật. Tôi không hề có ý dối trá hay giấu giếm gì. Nhưng ông trưởng trại sẵng giọng đuổi tôi đi.

- Trại này là dành cho người Hồi giáo!

Lần theo các nẻo đường bụi băm, tôi tới Niu Đêli. Ở đó có một trại tị nạn còn to hơn trại kia nhiều. Tôi đến đó van nài người ta cho tôi trú ngụ. Tôi hầu như nói không ra hơi vì tôi không được ăn đã ba ngày rồi. Người ta lại hỏi tôi:

- Anh theo đạo Hồi hay Ấn Độ giáo?

Tôi vẫn phải trả lời là tôi không nhớ.

- Tên anh là gì?

- Thưa ông, đến tên tôi tôi cũng không nhớ. Tôi chẳng nhớ được gì hết.

- Thế thì đi chỗ khác. Đây là trại dành cho người Ấn Độ giáo!

Cứ thế tôi lang thang hết trại này sang trại khác. Có những trại cho người Ấn Độ giáo, có những trại cho người Hồi giáo, nhưng chẳng có một trại nào cho con người!

Đêm đó, mệt quá, lại đau chân, tôi ngất xỉu trên đường trước một biệt thự mà sau này tôi biết chủ của nó là một người Xích, tên là Xácđa Xahíp, viên chức nhỏ của một bộ nào đó. Thấy tôi nằm đấy, ông ta đưa tôi về nhà, cho tôi uống sữa. Khi tôi tỉnh lại, ông ta không hỏi tôi là người Hồi giáo hay Ấn Độ giáo mà chỉ hỏi: "Thế nào, anh bạn, đã đỡ chưa?".

Tôi ở lại nhà ông ta một thời gian. Xácđa Xahíp và vợ con ông đối với tôi rất tốt. Tôi nói với họ tất cả sự thật: Tôi không biết tôi là ai, tuy vậy họ vẫn tỏ ra rất thông cảm, ân cần với tôi. Vài ngày sau, có một đoàn tàu chở người tị nạn tới, trong số đó có vài người là bà con họ hàng của Xácđa Xahíp ở Raoanpindí. Họ cướp theo đạo Hồi đã hành hạ một số những người tị nạn đó rất khổ sở: Chúng buộc họ phải cải đạo, phải cạo trọc đầu, phải cắt da quy đầu, còn phụ nữ thì bị chúng làm nhục. Họ đã phải chứng kiến cảnh bà con, hàng xóm của họ bị giết một cách tàn nhẫn ngay trước mắt họ. Lòng họ tràn đầy oán hận và căm thù. Nghe họ kể chuyện, tôi cũng thấy căm ghét đám Hồi giáo.

Xácđa Xahíp kể cho họ nghe câu chuyện kỳ lạ của tôi, tôi mất trí nhớ như thế nào và một vài người nhiều tuổi nhất trong bọn họ hỏi han tôi với rất nhiều thiện cảm, thậm chí còn cố tìm cách làm tôi nhớ lại được. Nhưng đám trẻ thì nhìn tôi với một vẻ nghi ngờ và một đêm tôi nghe thấy đám này nói với nhau: "Ngộ nhỡ nó nói dối thì sao? Vả lại cứ cho là nó mất trí nhớ thật đi nữa, ngộ như cuối cùng lại khám phá ra nó theo đạo Hồi thì sao?". Và tôi thấy mắt họ lóe lên ánh sáng dữ dàn. Đầu óc tôi cứ luẩn quẩn với ý nghĩ: "Giả sử mình là người theo đạo Hồi thì sao? Biết đâu đây, có thể mình cũng đã nhúng tay vào những vụ tàn khốc như thế

trước khi bị thương và mất trí nhớ! Có lẽ mình đã bị trừng phạt vì những hành động tội lỗi của mình!". Đêm đó, tôi trốn khỏi nhà Xácđa Xahíp.

Thế là tôi lại lang thang ngoài phố, lại đói.

“Trại này là dành cho người Hồi giáo!”

“Trại này là dành cho người Ấn Độ giáo!”

“Mày là ai?”

“Tên mày là gì?”

“Mày theo đạo nào?”

“Mày từ đâu tới đây?”

Toàn là những câu hỏi! Mà tôi thì lại không trả lời được một câu nào vì tôi là người không có trí nhớ.

Khi đã đi hết các trại và không vào được trại nào, không còn sức mà lê chanh nữa, tôi đến nằm dài ra trước cửa “Trại giam Maxgít”, trong lòng định ninh sê cam chịu chết. Tôi ngất đi và không biết thời gian trôi qua đã bao lâu, nhưng khi mở mắt ra, tôi thấy một chú bé chừng tám tuổi đứng bên cạnh. Chú gọi: “Tỉnh lại đi! Mẹ cháu bảo đưa cho cháu ăn cái này”. Có lẽ vì nghe nói đến ăn mà tôi tỉnh lại được. Nhưng tôi không còn sức ngồi dậy và chú bé phải đỡ tôi, tôi mới ăn được “chapatít” và “đaan”<sup>(1)</sup> chú đưa cho tôi. Sao mà ngon thế! Tôi ăn ngấu nghiến! Ăn xong miếng cuối cùng, vét sạch cái đĩa bằng nhôm, tôi nói với chú bé: “Cầu trời ban phước cho cháu sống lâu!” Tôi cầm lấy bàn tay chú bé để tỏ lòng biết ơn thì chú kêu lên: “Trời ơi, tay cháu nóng quá, cháu sốt đấy! Chú về nhà bố cháu đi. Bố cháu là *ha-kim*<sup>(2)</sup>, bố cháu sẽ cho cháu uống thuốc là cháu khỏi ngay!”

Thế là chú bé đưa tôi về nhà. Ông *hakim* là một ông già

<sup>(1)</sup> *Bánh và đậu*.

<sup>(2)</sup> *Thầy thuốc địa phương*.

đi đạo Hồi, mỗi ngày cầu kinh năm lần và phát thuốc không lấy tiền cho những bệnh nhân nghèo đến khám bệnh, chẳng cần biết họ theo đạo Hồi giáo hay Ấn Độ giáo. Ông cho tôi một ít thuốc “unani”, cho tôi uống sữa mỗi ngày ba lần và một cái giường để ngủ. Nhờ vậy tôi khỏi sốt nhưng ngay một thày thuốc giỏi như ông ta cũng không làm cho tôi lấy lại được trí nhớ. Tôi kể cho ông nghe cảnh khổ của tôi: “Có lẽ tôi là người Ấn Độ giáo chăng? Và như thế tốt hơn hết là tôi nên đi khỏi đây”. Nhưng ông cụ rất tốt, khuyên tôi nên ở lại. Ông cụ bảo: “Nếu anh theo Ấn Độ giáo thì có làm sao đâu? Người theo Ấn Độ giáo không phải là người ư?” Thế là tôi ở lại.

Nhưng một chuyện xảy ra khiến tôi không thể nào lưu lại nhà ông *hakim* được nữa. Một hôm, con trai ông *hakim* theo lệ thường đem thức ăn đến cho một con người khốn khổ nào đó như tôi và đi mãi không thấy về. Chúng tôi bỗng đi tìm, mãi đến đêm chúng tôi mới được tin, một cái tin khủng khiếp: Từ “Trại giam Maxgít” trở về, chú bé đã bị những người Ấn Độ giáo giết chết. Trong “dēnana”<sup>(1)</sup> tiếng kêu, tiếng khóc vang lên và tôi được biết mẹ chú bé, người vợ rất rộng lòng thương người của ông *hakim* đã ngất xỉu. Tôi bắt đầu thấy những huyền ảnh. Ngày cũng như đêm, tôi luôn luôn bị bóng ma của chú bé thân yêu đó đeo đuổi và chú không ngừng nói với tôi, giọng thân mật và quen thuộc: “Chú nhớ lại đi, cháu đã cho cháu ăn khi cháu sắp chết. Vậy mà cháu lại giết cháu!” Dĩ nhiên, tôi biết, là không phải tôi giết cháu. Nhưng tôi cứ luẩn quẩn mãi với ý nghĩ này: “Giả dụ như mày là người Ấn Độ giáo! Giả dụ như trước khi mất trí nhớ, mày cũng đã giết trẻ con theo đạo Hồi như con ông *hakim* đây!” Tôi luôn luôn bị giày vò như chịu cực hình. Một buổi sáng khi trong nhà chưa ai dậy, tôi lặng lẽ bỏ đi.

---

<sup>(1)</sup> Phòng riêng của phụ nữ.

Ở Đêli khi ấy tình hình rất hỗn loạn, kinh hoàng. Người ta giết nhau giữa ban ngày, đạn bay vèo vèo ngay trên các đại lộ ở trung tâm thành phố. Lang thang vơ vẩn, né tránh các chỗ nguy hiểm, tôi lần mò được tới nhà ga. Tôi có nghe nói là ở Bombay tình hình tương đối khá hơn, cho nên khi trông thấy đoàn tàu *Bưu vụ biên giới* sắp chạy, tôi leo luôn lên tàu. Trong toa, ngồi bên cạnh tôi là một thanh niên có đôi mắt râu rí, quê ở Pungiáp.

Khi tàu chuyển bánh, anh thanh niên hỏi: “Chú ơi, chú là ai?”

- Chú cũng không biết nữa - tôi đáp, có lẽ là theo Ấn Độ giáo, có lẽ là theo đạo Hồi.

- Cháu nghe nói đường này rất nguy hiểm cho những người Hồi giáo. Mà cháu thì lại để râu thế kia, cho nên cháu mới hỏi vậy.

Tôi kể cho anh ta nghe chuyện của tôi, nhưng cứ bằng vào cái kiểu anh ta nhìn bộ râu của tôi đã ba tuần không cạo, tôi biết là anh ta không tin.

Tôi bèn chuyển sang hỏi chuyện anh thanh niên và được biết là cửa hiệu và nhà của anh ta ở Laho đã bị cướp, một số họ hàng bị giết chết, một số khác thì mất tích. Böyle giờ anh ta đi Bombay để tìm cách gây dựng lại cơ đồ.

Tàu bị chặn lại ở Boharátputra và tất cả các hành khách bị nghi ngờ là Hồi giáo đều bị lôi ra khỏi các toa rồi giết chết ngay lập tức.

Rồi bọn giết người kéo đến toa tôi ngồi. Tôi chuẩn bị chết. Tôi không biết tôi có phải là người Hồi giáo không, nhưng tôi biết là tôi có bộ râu rậm. Thế là đủ để bị giết chết rồi. Tuy nhiên, bọn sát nhân chưa trông thấy tôi thì anh thanh niên đã lấy một cái chǎn chụp lên người tôi rồi khi bọn chúng hỏi về tôi thì anh ta trả lời ngay, không hề do dự: “Đây là ông

anh tôi. Xin các ông để cho anh ấy yên. Anh tôi bị thương ở Laho, không đủ sức trả lời các câu hỏi của các ông đâu”. Bọn kia có vẻ tin và bỏ đi. Đạn bay tứ tung chung quanh. Một số nạn nhân rên lên những tiếng cuối cùng rồi đoàn tàu lại chuyển bánh.

Tôi tối được Bombay. Nhưng ở đâu cũng vậy, vẫn cái câu hỏi quái ác ấy hành hạ tôi: “Mày có theo Ấn Độ giáo không? Mày có phải người Hồi giáo không?”

Tôi suy nghĩ mông lung: “Ai là người Ấn Độ giáo? Ai là người Hồi giáo? Anh thanh niên đã cứu mạng ta trên tàu khi ta trông như một người Hồi giáo, anh ta có phải là người Ấn Độ giáo không? Hay cái bọn súc sinh ở Dariba đã giết chết đứa con vô tội của ông *hakim*, bọn chúng có phải là người Ấn Độ giáo không? Nhưng người Hồi giáo là ai? Là ông *hakim* nhân hậu và gia đình ông ta hay là những kẻ đã tàn sát ở Đêli? Ai là người Hồi giáo? Ai là người Ấn Độ giáo? Ai là người theo đạo Xích?”.

Và câu hỏi day dứt đó cứ luẩn quẩn mãi trong đầu tôi rồi in sâu vào tiềm thức tôi. “Mi là ai? Mi là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?”

“Tôi là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo?”  
 Ngày cũng như đêm câu hỏi đó ám ảnh tôi. Ngay cả khi tôi ngủ tôi cũng mơ thấy những con quỷ khạc ra lửa, cầm đinh ba đỏ rực đâm vào người tôi buộc tôi phải trả lời “Mày là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo? Hồi giáo hay Ấn Độ giáo?” và tôi thét lên trong mơ: “Hãy để cho tôi yên. Tôi không biết tôi là ai cả. Tôi không phải là người Hồi giáo. Tôi không phải người Xích. Tôi không phải là cái gì cả. Tôi chỉ là một con người thôi!”

Ở Bombay cũng có trại tị nạn. Nếu anh là người Xích thì phải đến thẳng trường Khanxa. Nếu anh là người Ấn Độ giáo thì phải tìm đến Ramacrisna Asram. Còn nếu anh là người

Hồi giáo thì nơi trú ngụ của anh là trường trung học Agiuman Ixlam. Nhưng tôi, tôi biết đi tới đâu? Tôi chẳng biết tôi là ai, chẳng đâu có chỗ cho tôi cả.

Ngay đến cửa bố thí người ta cũng không cho tôi. Trước khi cho, người ta đều hỏi xem tôi có phải là người cùng cộng đồng với họ không. Nhưng tôi lại chẳng thuộc cộng đồng nào hết!

Vậy tôi phải chết đói sao? Không, không, bằng bất cứ cách nào tôi cũng phải tìm cho ra xem tôi là ai. Nếu không, tôi không thể hy vọng sống sót được.

Có người khuyên tôi thế này: "Hãy đến gặp bác sĩ Xamani. Chỉ có ông ấy làm cho anh hồi phục được trí nhớ".

Chắc các ông đều biết tiếng bác sĩ Xamani. Ông ấy là bác sĩ tâm thần, chữa bệnh không phải bằng phẫu thuật mà bằng lời nói và bằng cách làm cho bệnh nhân nói. Tôi đã tìm gặp ông ta.

Trong căn phòng khám bệnh, ánh sáng rất dịu. Tường trắng toát, áo của bác sĩ cũng như của cô y tá cũng trắng toát. Mọi thứ đều trắng toát và êm dịu. Nhưng giọng nói của ông bác sĩ còn êm dịu hơn tất cả mọi thứ.

Ông ta nói giọng rất dịu dàng làm cho tôi yên tâm: "Bây giờ, anh hãy để cho đầu óc người nghỉ. Đừng bắt nó cố gắng gì hết. Rồi sau đó, anh hãy nói cho tôi nghe bất cứ cái gì anh muốn, ngay dù cho anh thấy điều đó có vẻ là hoàn toàn chẳng đâu vào đâu anh cũng cứ nói". Ông ngồi xuống chuẩn bị bút chì ghi lại những lời tôi sẽ nói. Tôi nhắm mắt để mặc cho trí óc bỗng lông vôt định.

Rồi tôi bắt đầu nói: "Trời xanh", khi cảm giác về một khôn gian mông mênh chiếm lấy con người tôi, như từ quá khứ dội về. "Trời xanh, những cánh đồng cỏ non trải rộng tới tận chân trời".

: Tốt lắm, tốt lắm. - Ông bác sĩ khen tôi và tôi nghe

thấy tiếng bút chì sột soạt trên giấy. - Đừng dừng lại, cứ nói tiếp đi.

Tôi tiếp tục mô tả đủ mọi thứ chợt đến với tôi. "Trời xanh, cánh đồng cỏ non. Một dòng sông, vào kỳ gió mùa, dâng nước tràn qua bờ. Thuyền bè trên sông. Một con kênh, trẻ con tắm trong kênh, đứa nghịch, té nước vào nhau. Trong đám trẻ có tôi, tôi cũng là một đứa trẻ, bơi lội bì bõm..."

- Những đứa trẻ đó là ai? - bác sĩ nói, giọng ông có vẻ vãng vǎng từ rất xa tới. - Ấn Độ giáo, Hồi giáo hay là Xích?

- Chỉ là những đứa trẻ thôi, - tôi nghe thấy tiếng tôi trả lời.

- Được rồi, cứ nói tiếp đi.

- Một cánh đồng sau vụ gặt. Một đống rơm cao ngất. Hội "baisakhi"<sup>(1)</sup>. Suyt! Hãy nghe tiếng "đôlắc"<sup>(2)</sup> kia! Và tiếng hát nữa!

- Ai hát?

- Phụ nữ.

- Được rồi, được rồi, nhưng là phụ nữ Ấn Độ giáo, Hồi giáo hay Xích?

- Phụ nữ vùng Pungiáp, theo Ấn Độ giáo, theo Hồi giáo, theo đạo Xích.

Tôi nghe thấy tiếng ông bác sĩ thát vọng thở dài:

- Thôi được cứ tiếp tục.

Nhưng bây giờ thì tôi chẳng còn trông thấy gì, chẳng còn nghe thấy gì nữa. Tôi nói cho ông bác sĩ biết.

- Tại sao? Có chuyện gì vậy?

- Thưa bác sĩ, tôi đau đầu quá. Tôi thấy khắp nơi chỗ nào cũng tôi om. Những tiếng động kỳ quái, ghê sợ...

- Anh hãy cố gắng thêm một chút, anh không thấy gì cả ư?

- Có, tôi thấy. Những ngọn lửa lem leм bốc cao, những

<sup>(1)</sup> Hội mùa xuân ở Pungiáp.

<sup>(2)</sup> Trống Ấn Độ.

làng mạc cháy trui. Tiếng ầm ī đinh tai nhức óc, tiếng la hét, kêu gào, tiếng phụ nữ khóc...

- Tốt! Đó là bọn gây rối, chúng đã giết gia đình anh, đốt nhà anh, đã làm cho anh mất trí nhớ... Hãy lắng nghe xem chúng nói gì, nghe cho kỹ...

- Tôi chẳng hiểu gì cả. Ôn ào quá. Tôi chỉ nghe thấy mỗi một tiếng hét: "Giết! Giết!" Ông bác sĩ, hãy cứu tôi, cứu tôi với!

- Nào, nào! Anh hãy nghe cho kỹ, nhìn cho kỹ, hãy cố nhớ lại đi. Những ai đang đốt nhà anh, giết gia đình anh, chúng là ai? Anh phải trả thù, phải trả thù...

- Tôi là người Hồi giáo! Tôi đã giết họ hàng ông Xácđa Xahíp, cướp cửa hiệu anh thanh niên Ấn Độ giáo quê ở Pungiáp đã cứu sống tôi trên tàu. Tôi đã giết chết hàng ngàn người Ấn Độ giáo và Xích... Tôi là người Ấn Độ giáo! Tôi đã giết chết con trai ông *hakim* và hàng ngàn người Hồi giáo, đàn ông có, trẻ con có... Không! Không!- Tôi gào lên. - Tôi không muốn biết tôi là ai. Tôi không muốn thành người Ấn Độ giáo, Hồi giáo hay Xích. Tôi muốn chỉ là một người thôi.

Tôi mở choàng mắt ra, làm tan biến cái tác dụng xoa dịu trong giọng nói êm ái của ông bác sĩ. Tôi bỗn nhào ra cửa. Ông bác sĩ sững sờ không kịp nói được một lời nào.

- Tôi là người Ấn Độ giáo!

- Tôi là người Hồi giáo!

- Tôi là người Hồi giáo! Tôi là người Ấn Độ giáo!

- Tôi là ai? Tôi là cái gì đây?

- Tôi chẳng là ai cả. Tôi là mọi người!

- Tôi là người Ấn Độ giáo! Tôi là người Hồi giáo!

Tôi cắm đầu chạy, như ma đuổi, nhưng những tiếng nói đó cứ theo tôi, cứ ám ảnh tôi hoài, dù cho tôi đi bất cứ đâu.

Tôi không biết tên thi trấn tôi đang đi ngang qua. Bỗng một gã trông có vẻ hung tợn giữ tôi lại:

- È, Xaala<sup>(1)</sup>, mày đi đâu? Mày là ai?

Đó là một gã *macali*<sup>(2)</sup> theo đạo Hồi. Tôi thấy tay gã cầm một con dao trông rất rùng rợn, và cứ nhìn mắt gã tôi cũng biết là gã sắp giết tôi. Nhưng quá mải mê với ý nghĩ của mình, tôi vẫn cứ lầm bẩm:

- Tôi là người Ấn Độ giáo! Tôi là người Hồi...

Tôi chưa kịp nói hết câu "... Hồi giáo" thì con dao của gã đã đâm thẳng vào lưng tôi. Đó chính là vết thương các ông trông thấy lúc này đây.

- "Caphia ka bacha"<sup>(3)</sup> - tôi nghe thấy gã nói trong lúc tôi lảo đảo và phải gắng gượng lăm le mới không ngã gục.

Tôi tiếp tục bước đi tuy máu chảy ròng ròng để lại đằng sau một vệt đỏ lòm trên mặt đất. Các ông không tin à? Cũng không sao! Sắp chết rồi, tôi chẳng cần gì hết thái độ của các ông đối với sự thành thật của tôi.

Tôi tiếp tục bước đi, loạng choạng, lê lết mãi mới đến được một thị trấn khác. Lần này thì tôi bị một gã *gundā*<sup>(4)</sup> Ấn Độ giáo chặn lại:

- È, mày là ai? Ấn Độ giáo hay Hồi giáo? - Nó vừa hỏi vừa rút con dao găm "cucorít"<sup>(5)</sup> dắt ở thắt lưng ra.

Tôi vẫn lầm bẩm: "Tôi là người Hồi giáo. Tôi là người Ấn..." Lần này chưa kịp nói xong "Ấn Độ giáo" thì lưỡi dao sắc đã đâm thủng bụng.

Bây giờ thì các ông đã biết tôi bị hai vết thương này như thế nào. Tôi đã bị một người Ấn Độ giáo và một người Hồi giáo đâm. Vì vậy, thưa bác sĩ, bác sĩ không thể cứu sống tôi

<sup>(1)</sup> Tiếng chữ: *Đồ khốn nạn, đồ lưu manh.*

<sup>(2)</sup> Cuồng tín.

<sup>(3)</sup> Quân ta giáo.

<sup>(4)</sup> Kẻ cướp, côn đồ.

<sup>(5)</sup> Dao găm lưỡi cong.

được.. Kể cả tất cả các ông ở đây, những người đang nóng lòng chờ tôi chết. Thật ra, trong các ông chẳng ai thật sự muốn cứu tôi. Không một ai! Dĩ nhiên, các ông rất muốn trả thù cho tôi. Nếu vào lúc tắt thở, tôi tuyên bố tôi là người Ấn Độ giáo, thì những người Ấn Độ giáo anh dũng kia sẽ lập tức quyết định giết chết bốn người Hồi giáo vô tội để trả thù. Còn nếu tôi nói tôi là người Hồi giáo thì những nhà hiệp sĩ Hồi giáo kia sẽ trút căm thù lên toàn thể cộng đồng người Ấn Độ giáo...

Và tôi phì cười vì lúc này, đúng lúc này đây, tôi đã nhớ ra tôi là ai. Trí nhớ đã trở lại. - Đôi mắt đẹp tuyệt vời của vợ tôi, những cử chỉ ngây thơ, hồn nhiên của con tôi. - Tôi đã nhìn thấy cả hai bị giết chết trước mắt tôi. Vì thế cho nên tôi đã mất trí nhớ. Phải, bây giờ tôi đã nhớ lại tất cả - những cánh đồng cỏ, làng tôi, bè bạn của tôi, hàng xóm láng giềng của tôi... tôi đã nhớ lại tất cả vào lúc tôi sắp chết. Khi sắp lìa đời, con người ta vẫn nhớ lại tất cả.

Nhưng các ông, các ông bạn của tôi ơi. Các ông chờ đợi uống công thôi. Không đời nào, không đời nào tôi nói cho các ông biết tôi là người Ấn Độ giáo hay Hồi giáo đâu. Những kẻ giết người, dù cho chúng là Ấn Độ giáo hay Hồi giáo, không một kẻ nào sẽ biết được ai đã giết “nhầm” một người trong cộng đồng của chúng! Đó là sự trả thù của tôi, không phải trả thù riêng gì hai gã đã đâm tôi, mà là tất cả những kẻ Ấn Độ giáo kia, những kẻ Hồi giáo kia ~~cũ~~ giết hàng ngàn, hàng vạn con người như tôi, đã làm ô nhục quê hương Pungipá tươi đẹp và yêu dấu của tôi.

Tôi là người Ấn Độ giáo hay người Hồi giáo? Tôi là người Hồi giáo hay người Ấn Độ giáo?

Câu hỏi sẽ day dứt, giày vò chúng ngày cũng như đêm. Trong các thành phố và tại các xóm làng, trong tiếng máy của các xí nghiệp, tiếng leng keng của tàu điện và của xe

buýt, tiếng ồn ào của các đoàn xe lửa, tiếng cót két của các nguồn nước và các cối xay nơi thôn dã, chúng sẽ còn nghe thấy mãi câu hỏi kinh hoàng này: “Nó là người Ấn Độ giáo hay người Hồi giáo?” và chúng sẽ không còn bao giờ có được sự thanh thản trong lòng, kể cả con cái của chúng. Sự trả thù của tôi sẽ là ghê gớm, rùng rợn! Các ông còn muốn biết tại sao tôi cười nữa không? Mà tôi sẽ còn cười mãi sau khi tôi chết kia!

NGUYỄN VINH *dịch*

SHERMAN ALEXIE  
(Mĩ)

## LỜI CUỐI CỦA HÀNH TRÌNH PHOENIX, ARIZONA

*N*gay sau khi Victor mất việc làm tại Vụ Quan Hệ Da Đỏ, anh được tin ba mất vì bệnh tim tại Phoenix, Arizona. Vài năm nay, Victor đã không gặp ba, thỉnh thoảng anh chỉ nói chuyện với ba qua điện thoại, song sự mất mát ấy đã làm anh đón đau vô cùng tận, nhức nhối và hiện hữu như khi cơ thể gãy một chiếc xương. Victor không có tiền. Chẳng một ai trong khu dành riêng cho người da đỏ có tiền cả, ngoại trừ những người bán lẻ pháo và thuốc lá. Ba của anh đã để dành được một món tiền nhỏ, đang chờ công bố quyền thừa kế, nhưng Victor cần phải xoay xở để đi từ Spokane đến Phoenix. Mẹ Victor cũng nghèo như anh, và kể cả các thành viên trong gia đình cũng chẳng thể nào giúp được anh. Như thế, Victor phải kêu gọi sự giúp đỡ từ phía hội đồng bộ lạc.

“Thưa hội đồng”, Victor nói. “Ba tôi vừa mới qua đời. Tôi cần một ít tiền để đi đến Phoenix thu xếp công việc”.

“Victor”, hội đồng nói, “anh biết chúng ta đang gặp khó khăn về mặt tài chính”.

“Nhưng tôi nghĩ hội đồng phải có quỹ đặc biệt dành riêng cho các thành viên gặp những cảnh ngộ như thế này”.

“Victor”, tộc trưởng nói, “chúng ta luôn săn tiền để lo đám tang cho những thành viên chính thức của bộ tộc. Nhưng bác không nghĩ hội đồng có đủ tiền để chuyển thi hài của ba cháu từ Phoenix trở về đây”.

“Nhưng”, Victor nói “sẽ không tốn nhiều tiền như bác nghĩ đâu. Thi thể ba cháu đã được thiêu. Điều ấy thực tồi tệ. Ba cháu qua đời vì một cú sốc tim trong chiếc xe kéo moóc và sau một tuần, người ta mới phát hiện ra. Thêm nữa, thời tiết ở đây rất nóng. Bác có thể hình dung được cảnh tượng ấy”.

“Nào, Victor, bác xin chia buồn về sự mất mát và hoàn cảnh của cháu. Nhưng hội đồng chỉ có khả năng biểu cháu một trăm đôla”.

“Ngân ấy đâu có đủ để mua một chiếc vé máy bay”.

“Đúng, song cháu có thể đi bằng xe hơi xuống Phoenix”.

“Cháu không có xe. Với lại cháu phải lái chiếc moóc của ba cháu trở về đây”.

“Ô, Victor”, tộc trưởng nói. “Bác chắc rằng sẽ có một ai đó cho cháu đi nhờ đến Phoenix. Hoặc một người nào đó sẽ cho cháu vay tiền”.

“Bác biết là chẳng một ai có thể có sẵn món tiền ấy”.

“Ô, bác lấy làm tiếc, Victor, nhưng bác đã làm hết khả năng của mình rồi đó”.

Victor nhận khoản tiền trợ cấp của hội đồng. Anh còn biết làm gì nữa? Anh ký nhận tấm séc rồi mang nó đến Trạm Thương Mại để đổi ra tiền mặt.

Trong lúc Victor đứng sấp hàng, anh nhìn thấy Thomas - Nhóm Lửa đang đứng bên cạnh quầy báo và đang lẩm bẩm nói một mình, theo cách hẩn thường làm. Thomas là người thích kể chuyện nhưng chẳng một ai muốn nghe. Chúng ta có thể hình dung thái độ của mọi người đối với hẩn như kiểu họ xử sự với tay nha sĩ ở thành phố, nơi họ đến để trông rặng già.

Victor và Thomas - Nhóm Lửa bằng tuổi nhau, cùng nghịch ngợm và trưởng thành. Kể từ khi Victor có thể hồi tưởng được thì Thomas là người luôn có một câu chuyện gì đó để kể.

Một dạo, vào hồi lên bảy, lúc ba Victor còn sống với gia đình, Thomas nhắm mắt lại và bảo Victor: “Tim của ba cậu bị yếu. Ông sợ cuộc sống gia đình. Ông sợ cậu. Ông ngồi trong bóng tối vào lúc đã khuya. Xem tivi cho đến khi hình chẵng còn gì ngoài những đốm sáng ôn ào. Thỉnh thoảng ông nảy ý định muốn mua một chiếc xe máy để đi xa. Ông muốn trốn chạy và ẩn nấp. Ông không muốn bị tìm thấy”.

Thomas - Nhóm Lửa đã biết trước tất cả mọi người rằng ba của Victor sẽ bỏ nhà ra đi. Bây giờ lúc Victor đang đứng tại Trạm Thương Mại với tấm ngân phiếu một trăm đôla, anh tự hỏi liệu Thomas có biết ba của mình đã mất và liệu hắn ta có biết điều gì sẽ xảy ra đây.

Ngay khi ấy, Thomas nhìn Victor, mỉm cười và bước về phía anh.

“Victor, tớ chia buồn về việc ra đi của ông cụ”, Thomas nói.

“Làm thế nào mà cậu biết chuyện ấy?” Victor hỏi.

“Ồ”, Victor thốt lên và nhìn quanh Trạm Thương Mại. Tất cả những người da đỏ khác ở đây đang chăm chú nhìn, ngạc nhiên trước việc Victor lại đi nói chuyện với Thomas. Ngày nay, chẵng một ai trò chuyện với Thomas nữa bởi lẽ hắn cứ kể đi kể lại nhiều mẩu chuyện xúi quẩy. Victor ngượng, nhưng anh nghĩ Thomas có thể giúp mình. Trong anh bỗng dấy lên nhu cầu được tiếp xúc.

“Tớ sẽ cho cậu vay tiền”, đột nhiên, Thomas nói. “Nhưng cậu phải cho tớ đi theo”.

“Mình không nhận tiền của cậu đâu”, Victor nói. “Đã từ lâu, mình không nói chuyện với cậu. Điều ấy có nghĩa chúng ta không còn là bè bạn của nhau nữa”.

“Tôi không nói chúng ta là bạn bè. Tôi chỉ yêu cầu rằng cậu hãy cho tôi đi cùng”.

“Để mình suy nghĩ đã”.

Victor về nhà với tập giấy bạc một trăm đôla và ngồi cạnh chiếc bàn trong bếp. Anh ôm đầu và nghĩ về Thomas - Nhóm Lửa, nhớ lại từng chi tiết rất nhỏ đã xảy ra từ thời thơ ấu, những giọt nước mắt, những vết sẹo, chiếc xe đạp họ đèo nhau suốt cả mùa hè và rất nhiều chuyện khác.

Thomas - Nhóm Lửa đang ngồi trên chiếc xe đạp, đợi trong sân nhà Victor. Nó đã lên mười nhưng ốm yếu. Đầu óc quá bẩn vì hôm ấy là ngày mồng bốn tháng Bảy<sup>(1)</sup>.

“Victor”, Thomas gọi. “Nhanh lên! Chúng ta sẽ nhỡ buổi xem pháo hoa đấy”.

Vài phút sau Victor chạy ra khỏi nhà, nhảy qua hàng rào xuống đường.

Thomas đưa cho nó chiếc xe đạp, chúng đèo nhau về hướng bắn pháo hoa. Trời sắp tối, người ta chuẩn bị bắn.

“Cậu thấy đấy”, Thomas nói, “người Da đỏ chúng ta kỉ niệm ngày lễ mồng bốn tháng Bảy thật lạ. Như thể đấy không phải là ngày độc lập của chúng ta”.

“Cậu suy diễn về điều ấy hơi nhiều”, Victor nói. “Người ta chỉ cốt mang lại sự vui vẻ. Có thể Junior cũng có mặt ở đấy”.

“Junior nào nỗi? Mọi người trong khu tự trị này đều có tên là Junior”.

Cuộc bắn pháo hoa không kéo dài, chỉ có máy chiếc, quanh đài phun nước. Song hai chú nhóc Da đỏ cảm thấy đủ để phấn chấn. Phải nhiều năm sau này, chúng mới đòi hỏi nhiều hơn.

Sau đó, lúc ngồi đập muỗi trong bóng tối, Victor quay sang Thomas - Nhóm Lửa:

<sup>(1)</sup> Ngày Quốc Khánh nước Mĩ.

“Này”, Victor nói. “Kể từ nghe một câu chuyện đi”.

Thomas nhắm mắt và đây là câu chuyện: “Có hai đứa trẻ Da đỏ muốn trở thành chiến binh. Nhưng ngày nay, đã quá muộn cho chúng trở thành những tráng sĩ hành hiệp theo kiểu cũ. Đàn ngựa đã đi xa. Thế là chúng ăn cắp một chiếc ô tô và lái vào thành phố. Chúng đã chiếc xe ăn trộm ngay trước đồn cảnh sát rồi xin đi nhờ xe về nhà trong khu vực tự trị. Lúc chúng trở lại, tất cả bè bạn đều hoan hô ầm ĩ và mắt bỗng mè chúng đã sáng lên trong niềm kiêu hãnh. “Các con thực dũng cảm”, mọi người bảo hai đứa trẻ. “Rất dũng cảm”.

“Hả”, Victor nói. “Câu chuyện hay quá. Giá mà tớ có thể làm một chiến binh”.

“Tớ cũng muốn thế”, Thomas nói.

\*

Victor ngồi cạnh chiếc bàn trong bếp. Anh đếm đi đếm lại một trăm đôla của mình. Anh biết anh phải cần nhiều hơn nữa để mới có thể đi đến Phoenix và trở lại. Anh hiểu mình rất cần Thomas - Nhóm Lửa. Thế là, anh cho tiền vào ví rồi mở cửa trước để gọi Thomas đang đứng cạnh cổng.

“Sao rồi, Victor?” Thomas nói. “Tôi biết cậu sẽ tìm tôi”.

Thomas bước vào phòng khách và ngồi xuống chiếc ghế tựa ưa thích của Victor.

“Tôi để dành được ít tiền”, Thomas nói. “Nhưng chỉ đủ để chúng ta đến đấy, còn lượt về thì cậu phải lo”.

“Mình chỉ có một trăm đôla”, Victor nói. “Nhưng mình sẽ có một ít từ khoản tiết kiệm của ba”.

“Bao nhiêu vậy?”

“Cũng vừa đủ. Vài trăm”.

“Nghe chừng ổn đấy. Khi nào ta khởi hành?”

\*

Ngày chúng mười lăm tuổi và đã từ lâu không còn là bạn của nhau nữa, giữa Victor và Thomas đã xảy ra trận ẩu đả. Đúng ra là, lúc ấy Victor đã say khướt, cậu “tẩn” Thomas mà chẳng vì lý do gì cả. Bọn trẻ Da đỏ đứng vòng quanh xem. Junior ở đó. Lester, Seymour và nhiều đứa khác cũng ở đó.

Trận chiến có thể kéo dài cho đến lúc Thomas chết nếu Norma Many Horses không đến kịp để ngăn lại.

“Này, bọn nhóc”, Norma hét lên và nhảy ra khỏi xe. “Hãy để thằng bé yên”.

Nếu đây là một người khác, thậm chí là một gã đàn ông, thì những đứa trẻ Da đỏ sẽ phớt lờ lời cảnh cáo. Nhưng Norma là một chiến binh. Cô rất khỏe. Cô có thể tóm lấy hai thằng nhóc và cộc đầu chúng vào với nhau. Và tệ hơn cả thế, cô sẽ kéo sên sít chúng đến một chiếc lều nào đó và bắt chúng phải nghe một người lớn tuổi kể một câu chuyện cũ rích nào đó về đạo lý.

Bọn trẻ lỉnh đi, Norma cúi xuống đỡ Thomas đứng dậy.

“Nào, chàng trai trẻ, cháu không sao chứ?” cô hỏi.

Thomas gật đầu.

“Tại sao chúng luôn gây sự với cháu?”

Thomas lắc đầu rồi nhắm mắt lại nhưng chẳng có câu chuyện nào được kể ra, chẳng một lời, thậm chí cả một điệu nhạc cũng im áng. Nó chỉ muốn về nhà, nằm trên giường và để những giấc mơ kể những câu chuyện cho mình.

\*

Thomas - Nhóm Lửa và Victor ngồi cạnh nhau trong khoang ghế ngồi, trên máy bay. Một phụ nữ da trắng ngồi gần

cửa sổ. Nàng đang vặn người ra phía sau. Trông nàng thực uyển chuyển.

“Tớ phải thử hỏi”, Thomas nói, còn Victor xấu hổ nhắm nghiền mắt.

“Đừng”, Victor nói.

“Xin lỗi, thưa cô”, Thomas lên tiếng. “Cô có phải là vận động viên điền kinh hay không?”

“Đúng đây”, nàng đáp. “Tôi là người dự khuyết số một của đội dự thi Olympic năm 1980”.

“Thực sao?”

“Thực”.

“Tôi muốn hỏi trước đây cô là vận động viên thế giới?” Thomas hỏi.

“Chồng tôi cho rằng tôi vẫn còn đang là...”

Thomas - Nhóm Lửa mỉm cười. Nàng cũng có một tâm hồn lành mạnh. Nàng đưa thẳng chân lên, áp sát vào người, gần đến nỗi nàng có thể hôn lên đầu gối.

“Tôi muốn mình có thể làm được điều ấy”, Thomas nói.

Victor gần như sắp nhảy ra khỏi máy bay. Thomas, gã kể chuyện lẩn thẩn có những chiếc răng gãy và bộ đồ cũ bẩn thỉu người Da đỏ kia, lại đang đùa với một vận động viên Olympic xinh đẹp. Chẳng một ai ở khu vực tự trị lại có thể tưởng tượng ra điều ấy.

“Ồ”, nữ vận động viên nói. “Dễ thôi mà. Thủ làm xem”.

Thomas nắm lấy chân mình, cố kéo vào người như cô bạn đồng hành đã làm. Nhưng hắn chẳng thể nào kéo gần được. Điều ấy đã khiến Victor và nữ vận động viên bật cười.

“Này”, nàng hỏi. “Các anh có thật đúng là người Da đỏ không?”

“Chính cống”, Victor đáp.

“Tôi không phải”, Thomas nói. “Tôi kế thừa một nửa khả

năng ma thuật của mẹ và một nửa khiếu khôi hài của bố”.

Tất cả họ cùng cười.

“Tên của các anh là gì?” nàng hỏi.

“Victor và Thomas”.

“Tên tôi là Cathy. Rất hân hạnh được làm quen với hai anh”.

Ba người trò chuyện trong suốt cả chuyến bay. Cathy phê phán chính phủ về việc cắt bỏ một số môn thi đấu để tiết kiệm kinh phí tại Olympic 1980 ấy.

“Điều ấy nghe như thể cô có nhiều ý nghĩ giống với người Da đỏ”. Thomas nói.

Không có ai cười.

Sau đó, máy bay đáp xuống Phoenix, họ tìm lối ra, Cathy mỉm cười và vẫy tay tạm biệt.

“Nàng rất đẹp”, Thomas nói.

“Ừ, nhưng theo kiểu mọi người nói chuyện với nhau trên máy bay”, Victor nói.

“Cậu thường bảo tớ là người suy nghĩ quá nhiều”, Thomas nói. “Nhưng bây giờ, nghe chừng cậu cũng đang suy nghĩ nhiều đấy”.

“Có thể mình bị ảnh hưởng từ cậu”.

“Vậy sao?”

Thomas và Victor đón tắcxi đến chỗ chiếc xe moóc, nơi ba Victor đã qua đời.

“Nghe này”, Victor nói khi họ đứng trước chiếc moóc. Mình chưa nói với cậu rằng mình có lỗi vì đã đánh cậu dạo ấy”.

“Ô, không sao. Ngày ấy tụi mình còn nhỏ và cậu thì đang say”.

“Ừ, nhưng mình vẫn có lỗi”.

“Thôi được rồi”.

Victor trả tiền tắcxi, hai người đứng trong cái nóng của mùa hè ở Phoenix. Họ có thể ngủi thấy mùi hôi tỏa đến từ chiếc moóc.

“Công việc không dễ chịu đâu”, Victor nói. “Cậu không phải vào”.

“Nhưng cậu sẽ cần sự giúp đỡ”.

Victor bước đến cánh cửa phía trước và mở ra. Mùi hôi thối bốc lên khiến họ phải bịt miệng lại. Ba của Victor đã nằm chết ở đó suốt cả tuần dưới cái nóng như thiêu như đốt lúc người ta phát hiện ra. Và lý do duy nhất để biết ông đã chết là mùi hôi. Người ta đã dựa vào những khám nghiệm về răng để nhận dạng ông. Đấy là tất cả những gì mà nhân viên điều tra cho biết. Họ đã sử dụng những kết quả khám răng.

“Này, cậu”, Victor nói. “Tôi không biết mình có thể chịu đựng được không”.

“Vậy thì đừng vào”.

“Nhưng có lẽ còn những thứ có giá trị ở trong ấy”.

“Tôi nghĩ tiên đã được gửi ở ngân hàng”.

“Đúng đấy. Nhưng mình đang nói về những bức ảnh, thư từ và những thứ đại loại như thế”.

“Ô”, Thomas nói khi hắn nín thở và theo Victor vào bên trong.

\*

Ngày Victor lên mươi hai, cậu sụt chân xuống một tổ ong đất. Đầu cho có cố sức rút bao nhiêu chặng nữa thì chân của cậu vẫn mắc kẹt ở trong hố. Nếu Thomas - Nhóm Lửa không tình cờ đi qua đây thì Victor hẳn đã bị chết bởi sê chịu hàng ngàn cú đốt.

“Chạy đi”, Thomas hét và kéo chân Victor ra khỏi hố. Chúng chạy cật lực, nhanh hơn cả Billy Mills lẫn Jim Thorpe, nhanh hơn cả tốc độ bay của bầy ong đất.

Victor và Thomas chạy cho đến khi chúng nụt hơi, chạy

cho đến khi trời chuyển lạnh và tối, chạy cho đến khi lạc lối và phải mất nhiều tiếng đồng hồ sau, chúng mới tìm ra đường về. Suốt dọc đường, Victor đếm những vết đốt.

“Bảy”, Victor nói. “Con số may mắn của tôi”.

\*

Victor không tìm thấy nhiều thứ trong chiếc moóc. Chỉ có một cuốn album ảnh và cái máy cát xét. Những thứ khác đã bốc mùi hoặc đã trở nên vô dụng. “Mình nghĩ chỉ có thể thôi”, Victor nói. “Không nhiều”.

“Có còn hơn không”, Thomas nói.

“Ừ, mình thừa hưởng chiếc xe kéo moóc”.

“Ừ, Thomas nói. “Nó vẫn còn tốt”.

“Ba rất thạo về máy móc”.

“Đúng. Tớ còn nhớ rõ về ba cậu”.

“Thật sao?” Victor hỏi. “Cậu nhớ gì?”

Thomas - Nhóm Lửa nhắm mắt và kể chuyện này: “Tớ nhớ trong một giấc mơ, tớ nhận được lời truyền rằng hãy đi đến Spokane, đứng cạnh thác nước ngay chính giữa thành phố để nhận một thông điệp. Tớ biết mình phải đến đây song tớ không có xe, không có bằng lái bởi tớ chỉ mới mười ba tuổi. Như thế tớ phải đi bộ. Chặng đường khiến tớ phải đi mất cả ngày. Cuối cùng tớ cũng tìm đến được thác nước. Tớ đứng đấy, chờ đợi suốt cả tiếng đồng hồ. Lát sau tớ thấy ba cậu đi đến. “Mày đang làm cái quái quỷ gì ở đây?” ba cậu hỏi. Tớ đáp “Cháu có một cuộc hẹn”. Rồi ba cậu nói. “Điều cháu cần ở đây đã bị đánh cắp cả rồi”. Thế là ba cậu chở tớ đến nhà hàng Denny, gọi bữa tối cho tớ và đưa tớ về nhà trong khu tự trị. Mai lâu về sau, tớ gần như phát điên bởi tớ nghĩ diêm mộng báo đã lừa tớ. Nhưng không phải thế. Ba cậu là người đã trao

thông điệp cho tớ. *Hãy quan tâm đến nhau* là những gì giắc mộng muốn nhắn gửi. *Hãy quan tâm lẫn nhau.*

Victor lặng im một hồi lâu. Anh tìm trong ký ức những kỉ niệm về người ba; những kỉ niệm êm đềm lẩn những kỉ niệm cay đắng. Chúng quyện chặt lấy nhau. Anh mỉm cười.

“Ba mình đã chẳng bao giờ kể về việc gặp cậu ở Spokane”, Victor nói.

“Ông nói ông sẽ không kể với bất kì ai. Ông không muốn tớ gặp rắc rối. Nhưng ông bảo tớ phải chú ý đến cậu, người giữ vai trò như một vế của thông điệp.

“Có thật không?”

“Thật. Ba cậu cần sự giúp đỡ. Ông đã đúng”.

“Đấy là nguyên nhân khiến cậu xuống đây với tớ phải không?” Victor hỏi.

“Tớ đến vì ba cậu”.

Victor và Thomas leo lên xe moóc, lái đến ngân hàng và rút hết ba trăm đôla từ khoản tiền tiết kiệm của ba.

\*

Thomas - Nhóm Lửa có thể bay.

Một dạo, hắn nhảy từ mái nhà của ngôi trường trong bộ lạc xuống và vỗ hai cánh tay như thể một con chim đại bàng kiêu hùng. Hắn bay. Trong vài giây, hắn chao lượn, sà thấp xuống trên đầu cả đám trẻ Da đỏ, những đứa chỉ biết khoác lác hoặc quá sợ hãi để nhảy như hắn.

“Cậu ấy đang bay”, Junior hé lén, trong lúc Seymour đang bận tìm có sợi dây bảo hiểm hay một tấm kính phản chiếu lọc lửa nào. Nhưng đấy là sự thực. Thực như đám bụi bốc lên khi Thomas loạng choạng và đâm sầm xuống đất.

Cánh tay của hắn bị gãy hai chỗ.

"Hắn đã làm gãy cánh. Hắn đã bị gãy cánh. Hắn đã gãy cánh", lũ trẻ gào lên trong lúc chạy, vỗ vỗ cánh của chúng và mong ước mình cũng có thể bay. Chúng ghét Thomas vì lòng can đảm, vì khoảnh khắc tung cánh ngắn ngủi của cậu. Con người ta luôn mơ ước được bay lên. Thomas đã bay.

Dẫu chỉ trong giây lát, dẫu chỉ vừa đủ để khẳng định sự thực thì một trong những giấc mơ hão huyền của Thomas cũng đã hiện hữu trên cõi đời.

\*

Tro thi hài của ba Victor được đựng đầy trong chiếc hòm gỗ và một hộp catton nhỏ.

"Bác luôn là một người to lớn", Thomas nói.

Victor bê chiếc hòm gỗ còn Thomas mang hộp catton ra xe. Họ cẩn thận đặt ba xuống ghế. Đội chiếc mũ cowboy lên hòm gỗ và mũ Dodgers lên hộp catton. Đây là nghi thức rước tro thi hài.

"Sẵn sàng để khởi hành chưa?" Victor hỏi.

"Đoạn đường sẽ khá dài đấy".

"Có thể phải mất vài ngày".

"Chúng mình thay phiên nhau", Thomas nói.

"Tốt", Victor đáp, nhưng họ không đổi nhau lái. Victor chạy suốt mười sáu giờ liền về hướng Bắc. Đoạn đường đã được rút ngắn còn một nửa trước lúc anh thấm mệt

"Này, Thomas", Victor nói. "Cậu lái hộ tớ một lát".

- "Được thôi".

Thomas - Nhóm Lửa ngồi vào sau tay lái và đánh xe rời khỏi con đường. Suốt cả khoảng thời gian chạy xuyên qua Nevada, Thomas và Victor ngạc nhiên bởi không thấy có bóng dáng của một loài vật nào, không có nước và thậm chí cả gió.

“Chúng biến đi đâu cả rồi?” Victor nhiều lần lặp lại câu hỏi.

Bấy giờ, lúc Thomas đang lái, họ nhìn thấy con vật đầu tiên, có thể là sinh vật duy nhất ở Nevada. Đó là chú thỏ rừng tai lớn và dài.

“Nhìn kìa”, Victor nói lớn. “Nó còn sống”.

Ngay khi Thomas và Victor đang say sưa trước phát hiện của mình thì con thỏ nhảy xuống đường và lao vào bánh xe.

“Đừng lại”, Victor hét, Thomas phanh và lùi xe khỏi con thỏ đã chết.

“Ôi, lạy Chúa, nó đã chết”, Victor nói khi anh nhìn vào con vật bị chà nát.

“Chết thật sao?”

“Chúng mình vừa mới giết chết sinh vật duy nhất của cả bang này”.

“Tôi không cố ý”, Thomas nói. “Tôi nghĩ nó muốn tự sát”.

Victor nhìn quanh sa mạc, hít một hơi dài, trong lòng cảm thấy trống rỗng và cô độc; anh gật đầu.

“Đúng”, Victor nói. “Nó phải tự sát”.

“Tôi không thể tin điều này”, Thomas nói. “Cậu lái cả ngàn dặm mà chẳng hề có lấy một con bọ va vào kính chắn gió. Trong lúc tôi chỉ mới chạy được mười giây thì đã giết chết sinh vật duy nhất của Nevada”.

“Ù”, Victor tán thành. “Thôi để mình lái”.

“Đúng đấy, cậu nên lái tiếp”.

\*

Thomas - Nhóm Lửa lang thang một mình trên hành lang của ngôi trường trong bộ lạc. Sau tất cả những chuyện ấy, không một ai muốn đến gần hắn. Hết chuyện này lại tiếp chuyện khác.

Thomas nhắm mắt và câu chuyện sau đây đến với hắn: “Tất cả chúng ta khi sinh ra đã được ban tặng một vật. Vật ấy sẽ đo, sẽ xác định cuộc sống của chúng ta. Thuộc quyền sở hữu của tôi là những câu chuyện. Chúng có khả năng làm thay đổi hoặc giữ nguyên trật tự của thế giới. Sẽ chẳng hề gì nếu tôi tiếp tục kể chuyện. Bố của tôi; người đã chết ở Okinawa trong Thế Chiến II, chết khi đang chiến đấu cho đất nước này, đất nước đã từng cố giết chính ông suốt nhiều năm. Mẹ tôi, người đã mất khi sinh tôi, mất trong lúc tôi còn đang ở trong bụng. Mẹ đưa tôi chào đời bằng hơi thở cuối cùng của mình. Tôi chẳng có anh em trai cũng như chị em gái. Tôi duy nhất chỉ có những câu chuyện của tôi. Chúng đến với tôi trước khi tôi tập nói. Tôi biết hàng ngàn câu chuyện trước lúc chập chững bước đi đầu tiên. Chúng là tất cả những gì tôi có. Và là tất cả những gì tôi có thể tạo ra”.

Thomas - Nhóm Lửa kể chuyện cho tất cả những ai muốn nghe. Hắn vẫn tiếp tục kể rất lâu sau khi người ta không còn hứng thú nghe nữa.

\*

Victor và Thomas về đến khu tự trị vào đúng lúc mặt trời đang mọc. Một ngày mới đã đến với thế gian, nhưng những định kiến xưa cũ thì vẫn đang còn lưu tồn trong bộ tộc.

“Xin chào”, Thomas nói.

“Xin chào”.

Bộ lạc đang thức giấc, chuẩn bị đi làm, ăn sáng, đọc báo; y hệt như những người ở nơi khác sinh hoạt. Willene LeBret mặc áo choàng bước ra vườn. Bà vẫy tay chào khi Thomas và Victor chạy qua.

“Mấy thằng Da đỏ khùng khùng”, bà lảm bẩm rồi cúi xuống những luống hồng.

Victor dừng xe trước nhà của Thomas - Nhóm Lửa. Cả hai đều ngáp, duỗi tay chân và phủi bụi trên áo quần.

“Mình mệt mỏi”, Victor nói.

“Về mọi thứ”. Thomas tiếp lời.

Họ dang ngỏ lời trước lúc chấm dứt cuộc hành trình. Victor cảm ơn sự giúp đỡ của Thomas và khoản tiền của hắn. Anh hứa sẽ hoàn trả.

“Đừng ngại về chuyện tiền nong”, Thomas nói. “Chẳng hề gì đâu”.

“Không sao chứ?”

“Không”.

Victor biết rằng Thomas vẫn là thằng kể chuyện dở hơi, người luôn chuyện trò với lũ chó và các loại xe cộ, người lắng nghe lời của gió và tiếng của rừng thông. Dẫu cho sau tất cả những gì đã diễn ra, Victor vẫn ý thức được mình chẳng thể nào làm bạn thực sự với Thomas. Điều này thật tàn nhẫn nhưng nó là sự thực. Thực như nấm tro của ba Victor đang đẻ đầy sau xe.

“Tôi hiểu mọi chuyện”, Thomas nói. “Tôi biết cậu sẽ không đối xử với tôi tốt hơn so với trước đây. Tôi biết bạn bè cậu sẽ giấu cậu về chuyện này”.

Victor cảm thấy xấu hổ. Ý thức cộng đồng và quan hệ bộ tộc đã mang lại gì cho anh? Vật cụ thể, duy nhất mà anh nhận được từ phía mọi người là một bó cỏ khô và những khát vọng đã bị bào mòn xơ xác. Anh nợ Thomas nhiều thứ, mọi thứ.

“Này”, Victor nói và trao cho Thomas chiếc hộp catton đựng nửa phần tro của ba mình. “Tôi muốn cậu giữ phần ấy”.

Thomas nhận hộp tro và mỉm cười, nhắm mắt và kể chuyện này: “Tôi sẽ đến thác nước Spokane lần cuối để rắc phần tro xuống nước. Và ba của cậu sẽ phục sinh tựa một chú cá hồi, nhảy lên cầu, nhảy qua tôi và tìm lối về. Thân hình ba

sẽ tuyệt đẹp. Hàm răng sáng tựa bạc, tựa chiếc cầu vồng. Ba sê phục sinh, Victor, ba sê phục sinh”.

Victor mỉm cười.

“Mình sẽ lên kế hoạch để thực hiện với nửa phần còn lại”, Victor nói. “Nhưng mình không hình dung ba giống một chú cá hồi đâu. Mình nghĩ công việc ấy như thể chùi căn phòng áp mái hoặc một vật gì đấy. Giống như ta quẳng đi những đồ vật nào đó sau khi đã hết khả năng sử dụng”.

“Chẳng có thứ gì vô dụng cả, người anh em”, Thomas nói. “Không có gì vô dụng”.

Thomas - Nhóm Lửa bước ra khỏi xe và đi lên con đường vào nhà. Victor khởi động xe rồi lái về nhà.

“Hãy đợi đã”, Thomas đột nhiên gọi lớn khi đang đứng trước cổng nhà mình.

“Tôi chỉ muốn xin một đặc ân”.

Victor dừng xe, nhoài người ra cửa và gào trở lại.

“Cậu muốn điều gì?” anh hỏi.

“Chỉ một lần, lúc tôi định kể một câu chuyện ở đâu đó thì cậu có chịu dừng lại để nghe hay không? Thomas hỏi.

“Chỉ có một lần?”

“Một lần”.

Victor vẫy tay theo kiểu để báo cho Thomas biết lời thỉnh cầu đã được chấp thuận. Cuộc trao đổi đã ổn thoả. Đây là tất cả những gì Thomas từng ao ước trong suốt cả đời mình. Thế là Victor lái chiếc xe của ba về nhà trong lúc Thomas bước vào nhà của mình, đóng cửa và nghe một câu chuyện mới, chuyển di trong không gian im lặng, đang dần bùa xuống anh.

THEA ASTLEY  
(Australia)

## TIẾN SĨ FORKHAMMER ĐƯA BẠN GÁI VỀ PHÒNG

Tiến sĩ Forkhammer có một cô gái ở trong phòng. Ông ta hoặc đưa bạn gái về phòng hoặc vợ ông vừa mới quay về từ Botswana.

Nhưng vợ ông đã ở đây suốt ba tuần trước và bây giờ bà đang ở Bostwana trong khoảng thời gian hai tuần. Tôi không hiểu điều đó.

Hầu như tôi không thể nào hiểu được một ai đó, người lên thăm Sven Forkhammer, là người đến từ Botswana.

Phòng chúng tôi nằm gần nhau trong khu nhà khách của trường đại học. Đây là những căn phòng rất nhỏ và chúng tôi dùng chung bếp. Tôi lắng nghe, cố xác định xem khi nào có ai sử dụng bếp hay không để mình khỏi xâm phạm đến đời tư của kẻ khác. Đã có một tối kinh hoàng khi cả bọn năm người chúng tôi cùng một lượt nấu bữa ăn của mình trên bốn cái bếp. Tất cả bọn đều lắng nghe ai vào ai ra để khỏi làm phiền nhau. Buổi tối, bởi vì phòng quá nhỏ nên bọn tôi nằm nghe hơi thở, động tác tắt mở vòi nước và tiếng thở dài của nhau. Buổi tối, bọn tôi cố hạn chế việc dội toilet. Bọn tôi nghe người khác đi tiểu. Bọn tôi không dội toilet. Toilet rất ồn.

Đây là xứ sở văn minh lịch sự nhất.

Lần đầu tiên tôi gặp tiến sĩ Forkhammer là ở trong bếp.

Tôi đang đi vào. Ông đang đi ra. Có một mẩu giấy nhỏ trong bếp nhắc nhở: "Làm ơn, hãy luôn khoá bếp".

Mọi thứ phải được khoá ở đây.

Tôi đang đi vào. Ông đang đi ra. Thoáng vẻ ngượng ngùng nào đấy.

Tôi nghĩ ông rất cao và hấp dẫn qua đôi môi mím chặt trông rất nghiêm trang. Hắn ông đoán được điều tôi đang nghĩ. Sau rốt, những căn phòng thì rất nhỏ.

Ngay lập tức ông bảo tôi vợ ông đã đi và ở lại Botswana trong vòng nửa tháng.

Có phải việc tiết lộ ấy nhằm để che dấu sự bối rối? Điều quan tâm lớn nhất của ông là loại giun đất mìn tròn. Và các con bọ cánh cứng sống ở rừng bạch đàn. Tôi không hiểu việc ấy. Làm sao một ai đó có thể nghiên cứu loại bọ đó ở Bắc Âu?

"Tôi không được hạnh phúc ở nơi này", ông nói. "Các đồng nghiệp xem tôi như đồ bẩn thỉu. Tôi không thể bỏ đi. Tôi đang làm việc", ông nói, "mười sáu tiếng một ngày để có thể kết thúc công việc sớm hơn".

Thậm chí, khi ông nói, tôi vẫn ngầm xem tuyết rơi đều trên mái vòm của chiếc cửa sổ sau vai ông.

"Ô, tôi hiểu điều ấy", tôi đáp.

Tôi không gặp tiến sĩ Forkhammer trong suốt cả tuần lễ, cho đến một sáng nọ ông thấy tôi đang nói chuyện với tiến sĩ Grussgott tại phòng điểm tâm. Tất cả bọn đều ăn chung trong một phòng.

Tiến sĩ Forkhammer cau mày và gật nhanh đầu chào bọn tôi. Ông bức bối vì cả nhóm đang bù khú vào lúc sáng sớm.

"Tại sao", tôi nghĩ, tiến sĩ Forkhammer lại là hiện thân của sự đạo đức trước thế giới xấu xa và là người đáng nghi ngờ nhất. Lạy Chúa! Tôi hiểu tiến sĩ Grussgott rất rõ. Chúng tôi

chỉ đang lên kế hoạch cho sự hợp nhất chính trị giữa miền Đông và miền Tây thông qua hiệp ước hữu nghị bằng mồm.

Tiến sĩ Grussgott - nhà toán học của kỷ nguyên vũ trụ - đã ăn sáu chiếc bánh mì hình chữ nhật được xếp sát sao theo những vòng tròn của nhân bánh màu hồng. Món ăn sáng của ông trông như thể chuỗi những con số dùng để chứng minh một định lý toán học gần đây. Tôi không thể không bình luận.

Tiến sĩ Grussgott không cười. Một vài người cười. Nhưng dấu hiệu của nó đang in trên những gương mặt cố kìm lại. Forbudit đang cười.

"Tôi thích món này", ông nói khi đang nhìn vào bữa sáng của mình. "Sausage rất ngon". Sau đó, suốt nửa tháng, tôi không gặp tiến sĩ Forkhammer.

Sau đây, tiến sĩ Grussgott ra đi. Ông đã để lại mẫu giấy đầy hấp dẫn cho cả hai chúng tôi ở trong bếp.

*Thea và Sven thân mến,* ông viết, *cảm ơn về sự giúp đỡ, ủng hộ và trao đổi của các bạn.* *Gởi lại lời chúc tốt đẹp nhất.* *Mong các bạn hạnh phúc.* Ông ta viết theo lối ấy. Trên tờ giấy là phần còn lại của gói bơ được bao bọc cẩn thận, vài miếng đường và lọ muối đã với đi một nửa.

Trong suốt hai ngày, tiến sĩ Forkhammer và tôi phớt lờ mẫu thông điệp cũng như các món ấy. Mỗi một người hy vọng kẻ khác sẽ thấy và dùng chúng. Lúc ấy, tôi không đếm xỉa. Cuối cùng tôi dành cho tiến sĩ Forkhammer rất nhiều thời gian và nếu cái cung cách mím chặt môi đầy đạo đức ấy nghĩ tôi sẽ ăn mười miếng đường, một muỗng đầy muối và một ounce bơ, thì khi ấy tôi có thể lấy tất cả.

Bây giờ, lúc đã thanh toán xong chõ bơ, đường và muối; tôi hoàn toàn khẳng định tiến sĩ Forkhammer có một cô gái trong phòng.

Ba hôm trước, tôi nghe ông quay về nhà vào lúc chiều đã

muộn. Có tiếng của hai bước chân. Và không gian bị xáo động lên đầy bí ẩn. Những căn phòng này hiển nhiên là rất nhỏ. Có giọng của một người đàn bà, tự tin và đầy quyền lực đang nói một cách thoải mái. Phụ nữ châu Âu đều như thế. Cuộc thoại kéo dài cả tiếng đồng hồ. Sau đấy là âm nhạc được mở lớn, bản nhạc *Thứ Tư* của Beethoven thường được dùng trong tình huống đó, nhưng lời chuyện trò vẫn lấn át. Một lát sau tôi nghĩ hoặc là do TV hoặc là do nhà phê bình âm nhạc mất tự chủ nên lời chuyện trò không còn nữa, song tiếng nhạc vẫn không yếu hơn so với lúc bắt đầu. Tôi chẳng thể hiểu điều này.

"Vợ ông ta đấy", tôi nghĩ, "vừa quay trở về từ Botswana".

Lát sau, nhạc nhỏ hơn. Không còn tiếng nói chuyện. Tôi lẩm bẩm. "Tiến sĩ Forkhammer đưa bạn gái về phòng". Và điều ấy đã được xác minh. Mười phút sau, cửa phòng ông mở rồi đóng và tôi nghe tiếng bước chân của họ đi qua phòng ăn sáng để đến thang máy.

Bốn ngày sau, tình cờ lúc đang mở cửa phòng mình thì tôi thấy tiến sĩ Forkhammer cũng đang mở cửa phòng ông. Ông mỉm cười và biểu lộ tâm trạng hài lòng về một việc nào đó.

"Lâu ghê nhỉ!", ông nói với làn điệu du dương theo kiểu dân ngoại quốc, những người không quen với các tiếng lóng méo mó.

"Tôi đi vắng", tôi đáp, "ở Đức".

Ngay tức khắc, ông quay lưng lại, đi vội vào cánh cửa hé mở của phòng mình như thể sợ tôi bước theo vào. Miệng của ông bây giờ, tôi thấy đã xé xuống, và yếu đuối. "Lạy Chúa!" tôi nghĩ, "cô vợ đáng thương của ông ở Botswana có biết ông đang chơi bản nhạc *Thứ Tư* của Beethoven với những người đàn bà khác hay không".

Ông giữ nguyên nụ cười xã giao để rút lui. Cánh cửa khép lại cùng với nụ cười. Tôi xuống lâu. Tôi gọi điện. Tôi quay trở lại.

Khi tôi quay lại qua phòng ăn sáng, một phụ nữ trẻ trong dáng điệu của một nhà thể thao ngoảnh mặt nhìn nơi khác khi tôi bước qua. Tôi hầu như hiểu được vấn đề. Khi qua cửa phòng tiến sĩ Forkhammer, tôi thấy cánh cửa khép hờ. Lúc đi vào phòng mình, tôi nghe tiếng bước chân rồi cánh cửa ấy đóng lại.

Rõ ràng, tiến sĩ Forkhammer có một cô gái trong phòng.

Có lẽ đây là con gái của ông ở Botswana về. Hoặc cô cháu gái ở Namiabia. Tôi không đoán được điều này, có thể vợ ông vẫn còn rất trẻ? Nhưng bây giờ đã đến lúc tôi phải dội toilet.

Ba hôm nữa trôi qua. Bốn. Năm. Vào cuối tuần, âm thanh của hai bước chân đã không còn nữa. Cánh cửa mở và đóng, song chẳng âm vang niềm háo hức như cũ. Bước chân của ông không còn vội vã. Hai chúng tôi gặp lại nhau khi đang cùng mở cửa.

"Bệnh cảm của bạn ra sao rồi?" tiến sĩ Forkhammer hỏi. Nhiều tối nay tôi thường xuyên ho và tôi sợ mình đã làm phiền ông. Thực sự nhưng căn phòng là rất nhỏ. "Như đối với tôi", ông nói, "tôi không thể đi sớm hơn".

Tôi xấu hổ khi nhìn vào mắt ông. Ông biết tôi bối rối lúc nhìn vào chúng. Ông hiểu vì sao tôi bối rối. Gương mặt ông không chỉ trông mệt mỏi mà còn xệ xuống. Tiến sĩ Forkhammer, thật chắc chắn, là đã đưa bạn gái về phòng.

Tối nay, chỉ có âm thanh của gió đang mang những bông tuyết cuối mùa dạo qua nóc nhà nhọn của những căn phòng áp mái này. Qua gió, tôi nghe tiếng radio hay tiếng của máy cát xét (mà mình không biết chính xác) của tiến sĩ Forkhammer đang rên rỉ suốt hai tiếng đồng hồ những nhạc phẩm của Stockhausen. Tôi không rõ điều này.

Tôi nghĩ sự quan tâm chủ yếu của ông là giống giun đất mình tròn. Hoặc loại bọ cánh cứng sống ở rừng bạch đàn.

Và vợ ông đang ở Botswana. Tôi chắc chắn điều ấy.

Và bất kỳ lúc nào, vào bây giờ, bất kỳ lúc nào tôi cũng săn sàng gõ cửa phòng ông, không quá lớn bởi những căn phòng, như tôi đã từng lưu ý, là quá bé. Và tôi sẽ nói (nhưng rất nhỏ để không làm phiền người khác), "Thú lỗi cho tôi, tiến sĩ Forkhammer, nhưng tôi, cũng thế, rất thích bản nhạc *Thú Tư* của Beethoven...".

LÊ HUY BẮC *dịch*

MARGARET ATWOOD  
(Canada)

## NHỮNG CÁI KẾT HẠNH PHÚC

John và Mary gặp nhau.  
Điều gì sẽ xảy ra?

Nếu bạn muốn một cái kết hạnh phúc, hãy đọc A.

### A

John và Mary yêu nhau và lấy nhau. Cả hai có những việc làm xứng đáng và được trả lương cao, họ cảm thấy công việc ấy hứng thú và đầy thử thách. Họ mua một ngôi nhà xinh xắn. Giá trị bất động sản tăng lên. Cuối cùng, khi có mức sống thừa thãi, họ có hai con, họ dành hết mọi thứ cho chúng. Những đứa trẻ khỏe mạnh. John và Mary sống cuộc sống tình dục đầy hứng thú và thử thách và với những người bạn xứng đáng. Họ cùng nhau đi nghỉ những kì nghỉ vui vẻ. Họ về hưu. Cả hai có những sở thích mà họ cảm thấy hứng thú và thử thách. Cuối cùng, họ chết. Đấy là kết thúc của câu chuyện.

### B

Mary yêu John nhưng John không yêu Mary. Anh ta chỉ sử

dụng thể xác cô cho sự thỏa mãn và cho sự hài lòng ích kỉ của cái tôi trước một đồng loại ám áp. Anh ta đến căn hộ của cô hai lần một tuần và cô nấu bữa tối cho anh ta, bạn sẽ lưu ý rằng thậm chí anh ta không xem cô đáng giá một bữa ăn tối ở nhà hàng, rồi sau khi ăn tối, anh ta làm tình với cô và sau đó anh lăn ra ngủ, trong lúc cô rửa bát đĩa để anh ta đừng nghĩ cô không gọn gàng, vứt bữa bãi bát đĩa bắn ra khắp nơi rồi đánh lớp son môi mới để trông quyến rũ khi anh ta thức dậy, nhưng khi anh ta thức dậy, thậm chí chẳng buồn nhìn, anh ta đi tất, mặc quần ngắn, quần dài, áo sơ mi, cà vạt rồi đi giày, một trình tự ngược với trình tự khi anh ta cởi ra. Anh ta không bao giờ cởi quần áo cho Mary, cô phải tự cởi lấy - Cô điệu bộ như thể sắp chết đến nơi vì ngượng mỗi khi tự tuột quần áo, không vì cô thích làm tình, thực sự cô không thích nhưng cô muốn John nghĩ như thế bởi vì nếu họ thường xuyên ân ái thì anh ta sẽ có thói quen muốn làm tình với cô, anh sẽ phụ thuộc cô rồi họ sẽ cưới nhau, nhưng John ra khỏi cửa vội như lời chào tạm biệt và ba ngày sau, anh lại đến vào lúc sáu giờ rồi họ bắt đầu làm lại mọi chuyện.

Mary tàn tạ. Khóc thì rất hại cho khuôn mặt bạn, mọi người biết điều đó và Mary cũng biết nhưng cô không thể dừng lại. Mọi người ở nơi làm việc để ý. Bạn bè bảo với cô John là một con chuột, con lợn, con chó, anh ta chẳng xứng với cô, nhưng cô không thể tin điều đó. Bên trong John, cô nghĩ, là một John khác, dễ thương hơn nhiều. Cái John khác này sẽ xuất hiện giống như một cánh bướm bay ra từ tổ kén, như John ra khỏi hộp đồ chơi, như cái hạt thoát ra khỏi quả mận khô, nếu gã John thứ nhất chỉ cần bị siết đủ chặt.

Tối nọ John phàn nàn về thức ăn. Trước đây anh ta chưa bao giờ phàn nàn về thức ăn. Mary tổn thương.

Bạn cô nói cho cô biết họ từng thấy anh ta vào nhà hàng với một người đàn bà khác, tên là Madge. Ngay cả Madge cũng không phải là nguyên nhân tác động đến Mary: đây là cái nhâ

hàng. John chưa bao giờ đưa Mary đến nhà hàng. Mary gom hết chỗ thuốc ngủ và aspirin mà cô có thể tìm thấy rồi uống với nửa chai rượu xêri. Bạn có thể hiểu cô ta thuộc loại đàn bà nào bởi chi tiết rằng đây không phải là rượu whisky. Cô để lại một mẩu giấy nhắn cho John. Cô hi vọng anh ta sẽ tìm thấy và đưa cô đến bệnh viện đúng lúc rồi hối hận rồi họ có thể cưới nhau, nhưng điều đó không xảy ra và cô chết.

John cưới Madge và mọi chuyện tiếp tục như ở A.

## C

John, người đàn ông lớn tuổi hơn, yêu Mary, và Mary chỉ hai mươi hai tuổi, cảm thấy thương xót ông ta bởi vì ông ta cứ lo nghĩ về mái tóc đang rụng dần. Cô ngủ với ông ta mặc dù cô không hề yêu. Cô gặp ông ta tại nơi làm việc. Cô yêu một người khác, tên là James, cũng hai mươi hai tuổi và cũng chưa sẵn sàng lập gia đình.

Trái lại, John đã ổn định gia đình từ lâu: đây là nguyên nhân khiến ông ta buồn chán. John có công việc ổn định, phù hợp và đang dẫn đầu trong lĩnh vực chuyên môn, nhưng Mary lại không bị gây ấn tượng bởi ông ta, cô chịu ấn tượng về James, người có chiếc mô tô và bộ sưu tập đĩa nhạc tuyệt diệu. Nhưng James thường đi xa trên chiếc mô tô, để tự do. Tự do không cùng dành cho các cô gái, vậy nên trong lúc ấy, Mary qua đêm với John vào thứ năm. Thứ năm là dịp duy nhất John có thể thoát khỏi gia đình.

John kết hôn với người đàn bà, tên gọi là Madge, họ có hai đứa con và một ngôi nhà xinh xắn mà họ mua ngay trước khi giá trị bất động sản tăng và các sở thích mà họ cảm thấy hứng thú và thách thức, khi họ có thời gian. John nói với Mary tầm quan trọng của cô đối với ông, nhưng dĩ nhiên ông ta không

thể bỏ vợ bởi vì một lời hứa là một lời hứa. Ông cứ tiếp tục như thế hơn là nhu cầu cần thiết và Mary thấy phát chán, nhưng những người lớn tuổi hơn thì có thể duy trì quan hệ lâu hơn và cứ thế toàn bộ những gì cô có được là một khoảng thời gian tương đối tốt đẹp.

Ngày nọ, James tạt vù vào trên chiếc mô tô với một gã người lai California bảnh bao nào đó, James và Mary vui vẻ hơn mức bạn có thể tưởng tượng, rồi họ lên giường. Mọi thứ trở nên chìm hết xuống nước, nhưng cùng lúc đó, John đến, ông ta có chìa khóa căn hộ Mary. Ông ta thấy họ cứng đơ và cuộn riết lấy nhau. Dù ở bất cứ địa vị nào, ông ta cũng khó có thể nổi cơn ghen, bởi phải nghĩ đến Madge, nhưng tuy vậy, ông ta vẫn choáng váng vì tuyệt vọng. Cuối cùng, ông ta sang tuổi trung niên, trong vòng hai năm, đầu ông ta hói như một quả trứng và ông ta không tài nào chịu đựng nổi điều đó. Ông ta mua một khẩu súng ngắn, giải thích ông ta cần nó để tập bắn - đây là phần nhỏ của kế hoạch mà về sau nó sẽ diễn ra - và bắn chết đôi trai gái kia lẩn ông ta.

Madge, sau một thời gian để tang phù hợp, kết hôn với một người đàn ông hiểu biết tên là Fred rồi mọi thứ tiếp diễn như ở trong A, nhưng dưới những cái tên khác.

## D

Fred và Mary chẳng gặp rắc rối nào. Họ sống rất hòa thuận và giải quyết tốt bất kì một khó khăn nhỏ nào có thể xuất hiện. Nhưng ngôi nhà xinh xắn của họ lại ở bên bờ biển và ngày nọ một cơn sóng biển khổng lồ ập đến. Trị giá bất động sản giảm. Phần còn lại của câu chuyện là về những gì mà cơn sóng biển đó gây nên và cách họ thoát khỏi nó. Họ bị cuốn đi, trong lúc hàng ngàn người chết đuối, nhưng Fred và

Mary sống sót và may mắn. Cuối cùng, trên gò đất cao, họ ôm chầm lấy nhau, ướt sũng nước và rất vui mừng vì thoát chết, rồi tiếp tục như trong A.

## E

Đúng, nhưng Fred có trái tim bệnh tật. Phần còn lại của câu chuyện là về sự tử tế và thông cảm lẫn nhau giữa họ cho đến khi Fred chết. Sau đó Madge hiến dâng cuộc đời mình cho công việc từ thiện cho đến cái kết của A. Nếu bạn thích, nó có thể là "Madge" "ung thư" "cảm thấy tội lỗi và bối rối", và "sự nghiên cứu, về chim trong môi trường tự nhiên".

## F

Nếu bạn nghĩ tất cả chuyện này là quá tầm thường, hãy đặt John vào một cuộc cách mạng và Mary là một điệp viên và tìm hiểu xem đoạn kết câu chuyện theo bạn sẽ diễn ra như thế nào. Hãy nhớ, đây là Canada. Bạn sẽ vẫn kết thúc với A, mặc dù ở đoạn giữa bạn có thể đưa ra cả một thiên hùng ca tranh luận về tình dục từ sự đòi hỏi của đam mê, một kiểu biên niên sử của thời đại chúng ta.

Bạn sẽ phải đối mặt với nó, những cái kết điều giống nhau, tuy nhiên bạn lại thái mỏng nó. Chớ để bị đánh lừa bởi bất kì kiểu kết nào khác, chúng giả dối tất, hoặc giả dối có chủ ý, với sự cố ý đầy toan tính để đánh lừa, hoặc chỉ bị thúc đẩy bởi sự lạc quan quá mức nếu không nói là bởi sự yếu đuối rõ ràng.

Cái kết đáng tin cậy duy nhất là cái được đưa ra dưới đây: *John và Mary chết. John và Mary chết. John và Mary chết.*

Quá nhiều cho cái kết. Sự bắt đầu thì luôn vui vẻ hơn. Tuy nhiên, những người sành sỏi thực sự, nổi tiếng được biết đến thì thiên vị cho đoạn ở giữa, bởi vì nó là chỗ khó nhất để thực hiện bất cứ điều gì.

Đây là tất cả những gì mà người ta có thể nói về cốt truyện, mà dẫu sao thì cũng chỉ là một điều đặt sau điều trước, một điều và một điều và một điều.

Bây giờ hãy thử bằng cách nào và tại sao.

LÊ HUY BẮC *dịch*

DONALD BARTHELME  
(Mi)

## LỚP HỌC

**P**hai, chúng ta đã bảo cả đám trẻ ấy đi trồng cây, đây, bởi chúng ta cho rằng... đây là một phần của chương trình giáo dục, để thấy bạn hiểu như thế nào về hệ thống giáo dục cơ bản... và cũng là ý thức trách nhiệm, quan tâm mọi thứ, là bốn phận cá nhân. Bạn hiểu điều tôi muốn nói. Nhưng cây thì chết ráo hết. Đây là những cây cam. Tôi không biết tại sao chúng chết, đơn giản là chúng chết. Có lẽ đất có điều gì đó không ổn hoặc có thể giống ta lấy từ vườn ươm chưa phải là loại tốt nhất. Chúng ta đã phàn nàn về điều đó. Ấy thế mà ta vẫn đưa ba mươi đứa trẻ đến đó, mỗi đứa tự mang một cây bé nhỏ của riêng mình để trồng lấy, rồi chúng ta có đến ba mươi cây chết. Bọn trẻ ấy cứ nhìn những thân cây úa vàng bé nhỏ ấy. Đây là nỗi tuyệt vọng.

Sự việc hẳn sẽ không quá bi đát nếu không có chuyện xảy ra trước việc đám cây, tất cả rắn đều chết. Nhưng tôi nghĩ cái lũ rắn ấy - à, lý do lũ rắn chết là vì... bạn nhớ chứ, nồi hơi sưởi đã bị ngắt bốn ngày bởi vì cuộc đình công, và điều đó còn có thể giải thích được. Bạn có thể lấy cuộc đình công làm nguyên nhân để giải thích cho bọn trẻ. Tôi cho là chẳng một bậc phụ huynh nào lại cho phép con mình vượt qua hàng rào công nhân đình công và chúng biết cuộc đình công vẫn tiếp tục, vấn

đề là ở chỗ ấy. Vậy nên khi mọi chuyện lại bắt đầu và chúng ta tìm thấy lũ rắn thì chúng rất bức bối.

Với vườn cây thì chuyện có lẽ là do thừa nước nhưng rốt cuộc thì chúng đâu có biết là do thừa nước. Bọn trẻ rất nhạy cảm với vườn cây và đôi đứa ắt hẳn... bạn biết đấy, tưới thêm nước khi chúng ta không để ý. Hoặc có thể... à, tôi không muốn nghĩ về sự phá hoại ngầm, mặc dù điều đó rất có thể xảy ra với chúng ta. Ý tôi là chuyện ấy vẫn nằm trong giả thuyết của ta. Chúng ta đang nghĩ về khả năng xảy ra chuyện ấy bởi vì lũ gerbil (loại gặm nhấm giống như chuột ở sa mạc, hai chân sau dài hơn hai chân trước) đã chết, chuột bạch và cả kì nhông... này, bây giờ chúng không biết mang thú gì đi trong túi ni lon nữa.

Đĩ nhiên chúng ta *nghĩ* những con cá nhiệt đới sẽ chết, điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Những con cá ấy, bạn thấy chúng lờ đờ rồi nổi phơi bụng lên mặt nước. Nhưng chương trình học cần một con cá nhiệt đới để minh họa cho quan điểm đó và chúng ta chẳng có thể làm gì được, nó xảy ra hàng năm, bạn chỉ phải bỏ nhanh qua nó.

Thậm chí chúng ta cũng không được phép có một chú cún con.

Thậm chí chúng ta cũng không được phép có một con, dẫu chỉ là con cún mà cô bé Murdoch tìm thấy dưới chiếc xe tải của Gristede ngày nọ và cô bé sợ chiếc xe cán chết nó khi tài xế giao xong hàng, vậy nên cô cho nó vào ba lô mang về trường. Thế là ta có được con cún này. Ngay khi nhìn thấy chú cún ta nghĩ, ôi lạy Chúa, ta cuộc nó sẽ sống trong vòng hai tuần và rồi... Và mọi việc diễn ra như thế. Nó không mong đợi xuất hiện trước lớp tí nào, có vài quy định về việc này nhưng bạn không thể bảo chúng là chúng không thể có một con cún khi con cún đã thực sự ở đây ngay trước mặt chúng, chạy quanh sàn và sủa ăng ăng, ăng ăng, ăng ăng. Chúng đặt tên cho nó

là Edgar - thế đấy, chúng lấy tên tôi đặt cho con chó. Chúng rất vui khi đùa giỡn với con chó "Lại đây Edgar! Edgar ngoan!", rồi chúng phá lên cười nắc nẻ. Chúng thích thú sự nhập nhằng về nghĩa ấy. Bản thân tôi cũng thích điều đó. Tôi không bận tâm về việc mình bị mang ra cười đùa. Chúng làm một ngôi nhà nhỏ cho nó ở trong phòng chứa đồ dự trữ và tất cả là thế. Tôi không hiểu tại sao nó chết. Bị sốt ho, tôi đoán. Có lẽ là nó chưa được tiêm. Tôi đưa nó ra khỏi chỗ đó trước khi bọn trẻ đến trường. Tôi kiểm tra phòng chứa đồ dự trữ mỗi sáng, đều đặn bởi tôi biết chuyện gì sắp xảy ra. Tôi đưa nó cho nhân viên bảo vệ.

Rồi sau đó là đứa trẻ mồ côi Triều Tiên này, đứa trẻ mà cả lớp nhận nuôi thông qua chương trình Giúp Đỡ Trẻ Em, mỗi đứa trẻ góp một phần tư đôla một tháng, đấy là ý tưởng. Chuyện lại hoá thương tâm, đứa bé tên là Kim và có lẽ tại chúng tôi nhận nuôi nó quá trễ hoặc đại loại là thế. Nguyên nhân của cái chết không được viết rõ trong thư, thay vì nó người ta gọi ý chúng tôi nhận nuôi một đứa trẻ khác và gởi cho chúng tôi mấy hồ sơ đáng quan tâm, nhưng chúng tôi không còn hứng thú nữa. Lớp rất hoang mang khi được tin chúng bắt đầu, (tôi nghĩ chẳng có ai trực tiếp nói với tôi) cảm thấy rằng có chuyện gì đó bất ổn với lớp học. Nhưng tôi không nghĩ lớp học có điều gì đó không ổn, đặc biệt, tôi thấy cũng chẳng tốt hơn hay tồi hơn. Đấy chỉ là vận rủi. Chẳng hạn, chúng tôi có rất nhiều phụ huynh qua đời. Tôi biết hai người chết vì bệnh tim, hai người tự sát, một người chết đuối và bốn người cùng chết trong một tai nạn xe hơi. Một người bị điện giật. Và chúng tôi thường có tỉ lệ tử vong cao trong số các ông bà, có lẽ năm nay tỉ lệ ấy lớn hơn, dường như thế. Và cuối cùng là bi kịch này.

Bí kịch xảy ra khi Matthew Wein và Tony Mavrogordos đang chơi ở nơi người ta đào đất xây tòa văn phòng liên bang

mới. Có nhiều cây xà gỗ lớn chất đống ở đáy, bạn biết, bên rìa khu đất. Có một vụ kiện từ việc ấy, các phu huynh cho rằng đống xà gỗ ấy sắp xếp cầu thả. Tôi không biết cái gì đúng và cái gì không. Đây là một năm kỉ lục.

Tôi quên không nhắc đến trường hợp cha của Billy Brandt, người bị đâm chết thê thảm khi ông ta tóm lấy kẻ lừa mặt đeo mặt nạ đột nhập vào nhà mình.

Ngày nọ, chúng tôi thảo luận ở lớp. Chúng hỏi tôi, chúng đã đi đâu? Đám cây, con kỉ nhông, cá nhiệt đới, Edgar, ba và mẹ, Matthew và Tony, họ đã đi đâu? Và tôi nói tôi không biết, tôi không biết. Và chúng nói, ai biết? Và tôi nói, chẳng ai biết. Và chúng nói, có phải cái chết mang lại ý nghĩa cho sự sống? Và tôi nói, không, chính cuộc sống mang lại ý nghĩa để sống. Rồi chúng nói, nhưng chẳng lẽ không phải cái chết, được xem như một nhân tố cơ bản, là phương tiện nhờ nó mà trần thế được nhận ân huệ hằng ngày để có thể được vươn cao hơn theo hướng của...

Tôi nói, ừ, có lẽ.

Chúng nói, chúng em không thích điều đó.

Tôi nói, t! ế là tốt.

Chúng nói, thật đáng xấu hổ!

Tôi nói, thế đấy.

Chúng nói, ông sẽ làm tình bấy giờ với Helen (trợ giảng của chúng tôi) để chúng em có thể xem cách thức làm như thế nào? Chúng em biết ông thích Helen.

Tôi rất thích Helen nhưng tôi nói tôi sẽ không.

Chúng em đã nghe quá nhiều về chuyện đó, chúng nói, nhưng chưa bao giờ được xem.

Tôi nói tôi sẽ bị sa thải và rằng chuyện đó không bao giờ hoặc gần như là không bao giờ được làm như là một sự biểu diễn. Helen nhìn ra ngoài cửa sổ.

Chúng nói, xin, xin hãy làm tình với Helen, chúng em đòi hỏi sự xác định giá trị, chúng em sợ.

Tôi nói chúng không nên sợ (mặc dù tôi thường xuyên sợ) và rằng giá trị thì có ở khắp mọi nơi. Helen đến và ôm chầm lấy tôi. Tôi hôn lông mày cô mấy cái. Chúng tôi ôm nhau. Bọn trẻ háo hức. Khi ấy có tiếng gõ cửa. Tôi mở cửa, một con gerbil mới bước vào. Bọn trẻ reo hò ầm ī.

LÊ HUY BẮC *dịch*

PINCKNEY BENEDICT  
(Mì)

## KHÓI THỊ THÀNH

Chá tói đã ở ngoài bãi đất hai tiếng đồng hồ trước khi trời bắt đầu mưa. Chú Hunter đi lên mái hiên, lấy một khúc gỗ thông ngắn với con dao Kayba, còn tói đang ngồi ngoài sân để tránh khỏi âm thanh chíp chíp chíp như của một con sóc chết tiệt nào đó. Chú Hunter cựa quậy trên ghế khi chú thấy không thể ngồi yên được.

Cơn mưa lớn đang rơi xuống và ập tới rất nhanh, như thể người ta không mong chờ trận mưa đó chút nào. Tôi nhìn lên bầu trời đang mưa và cái tôi thấy chỉ là một khoảng trời xanh. Như thể ở đây có chuyện gì xảy ra ấy, cha nói với tôi, cái mà người ta có được là trận mưa to và bầu trời xanh, cả hai thứ đó cùng xuất hiện một lúc. Dù sao, tôi nhớ lại, đó cũng là lần đầu tiên tôi thấy một cảnh tượng như vậy.

Cnáu dẹp chuyện đó đi, chú Hunter nói với tôi, tôi nghe rất khó vì tiếng mưa đập mạnh lên nền sân đất và đập thẳng vào mái tôn.

Chuyện gì à, tôi nói. Chú chỉ cách chỗ tôi chưa đến mười mét nhưng ở đó mưa như một tấm khăn ngăn giữa hai chúng tôi, phủ lên mắt và tai tôi, rơi xuống cổ áo tôi. Tôi thích kiểu mưa lạnh và cảm giác khi mưa làm ướt sũng quần áo. Tôi hớp vài giọt vào trong miệng, chúng chẳng có vị gì cả. Mưa tẩy sạch mồ hôi và bụi bẩn trên người tôi.

Rồi thì ướt sưng như một con gà tây trong mưa thối, chú Hunter nói. Cứ ở ngoài ấy mà há mồm ra. Chú đứng dậy, đi vào trong nhà. Những vụn gỗ và con dao để dưới ghế. Mũi dao nặng cắm vào ghế. Chú Hunter đi lại như một ông già, già hơn cả cha tôi, béo phì và mệt mỏi. Lúc nãy, mồ hôi chú túa ra như lợn khi chúng tôi đang cuốc bời vì đất vụn rắn dang đóng cứng lại chỗ chúng tôi đặt huyệt mộ phía sau lưng ngôi nhà. Tôi nghĩ có lẽ tim chú bị nhồi máu mất một lúc và tất cả máu cùng hơi thở như trào qua miệng khi chú làm việc.

Chú Hunter tháo dây đeo cái áo choàng lao động khi chú đi vào nhà và tôi biết chú sẽ tiêu phí cả một ngày nghỉ ngơi trong bộ đồ lót của chú, say mê rượu ngô và nghe dài.

Đi vào không có mưa, chú ngoái đầu lại nói với tôi. Tôi ở ngoài sân cho tới khi cánh cửa đung đưa đóng lại sau lưng chú. Mặt đất trở nên mềm mại dưới đôi giày vải của tôi nhưng tôi biết đất chỉ mềm ở lớp bụi bề mặt. Mưa không kéo dài lâu và lớp đất sét vẫn khô ráo. Mưa xuống quá nhanh nên khó có thể làm ngấm nước. Tôi biết nước sẽ không thấm sâu được chút nào.

Tôi đi đến cửa và tôi có thể ngửi thấy mùi những mẩu gỗ chú Hunter đẽo ra, mùi nhựa thông hăng hắc. Chú Hunter chạm trổ một cái răng giống như nanh của con lợn rừng to tướng, từ mẩu gỗ xù xì, được gọt trơn và cong. Chú đẽo rất nhiều thứ như thế.

Chú là em trai của cha tôi, sống với chúng tôi ở túp lều trên Tree Mountain. Chú là một người đàn ông to lớn; cái đầu nhỏ xíu ngự trên cơ thể ấy trông như ống khói hỏng ở trên ngôi nhà. Chú ít nói. Chú Hunter già sẽ làm người ta ngạc nhiên về món hàng tuyệt hảo chú đã đẽo gọt. Chú bán những thứ ấy dưới thị trấn.

Nước dội từ mái lều xuống chảy sâu quanh mép hiên. Đứng ngoài trời mưa, quần áo ướt và nặng nề trên người tôi.

Dính vào ống chân tôi, ngấm lạnh vào túi tôi, tôi sờ vào đầu mũi tên mà mình tìm thấy trong mộ cha. Đầu nhọn cứng của mũi tên với các cạnh vẫn còn sắc. Nó không còn dài lắm, chỉ khoảng hơn một tấc. Tôi không biết đó là nơi dễ dàng kiếm được đầu mũi tên. Tôi sẽ lại cuốc lần nữa ở những chỗ đó, để tìm thêm một ít. Tôi liếm môi, thèm một hơi thuốc, có lẽ là một điếu Camel.

Chú có thuốc lá à, tôi nói khi đi vào trong nhà.

Tháo giày ra đi bờm, lại công cả mưa vào trong nhà nữa chứ, chú Hunter nói. Chú mặc quần soóc đứng trong phòng phía trước, tóc chú dựng đứng lên như thể chú đang luồn những ngón tay qua chân tóc. Chiếc đài trong phòng chú đang phát bản tin. Nay, một thằng nhóc mười bốn thì cần thuốc lá để làm gì, chú nói.

Mười lăm tuổi, tôi nói. Tôi tháo giày ra khỏi chân, nước ọc ạch. Tôi không đi bít tất mà sàn gỗ thì đầy dầm. Tôi biết là phải cẩn thận với đôi chân trần không thì sẽ lĩnh một miếng cưa.

Chú không có thuốc lá, chú nói.

Chú có một nhúm mà, tôi nói. Cho dù tôi biết chú không có thuốc lá vụn nhưng tôi cứ hỏi.

Chú Hunter ngồi xuống. Chú cầm chai rượu trong tay. Lạy Chúa, chú nói. Cháu mà cũng đi gặp mấy ả gái điếm à?

Đó là những điều mà một người đàn ông cần làm, tôi nói. Cháu nghĩ cháu chỉ cảm thấy thèm một hơi thuốc thôi.

Tôi cười nhưng chú Hunter không hưởng ứng. Chú nhìn tôi. Khi tôi vẫn tiếp tục nhìn chú thì chú quay đi, nhìn ra ngoài cửa sổ. Mưa to làm bắn lên một lớp bụi nước khiến người ta không thể nhìn thấy dù chỉ cách hơn hai mét. Mái lều hoàn toàn mới và kín nênh không bị dột tí nào. Chú Hunter và cha tôi mới lợp nó vào mùa hè năm ngoái trước khi có trận mưa này và họ đã lợp rất cẩn thận. Tôi đưa dinh và tôn lên cho họ, cứ sợ bị trượt rơi khỏi mái lều.

Mưa như rửa trời ấy, chú Hunter nói. Người ta đứng xem dòng nước xả lũ đổ xuống thung lũng. Rác rưởi từ nhiều trang trại được cuốn ra sông, mưa vẫn không ngớt.

Chú tiếp tục nhìn ra ngoài cửa sổ, càng ngày mưa càng nặng hạt hơn. Cuối cùng bên ngoài trời tối sầm lại, mây che mất mặt trời. Chúng tôi ở trên cao và thật là kỳ lạ để thấy bóng đêm giữa ban ngày. Thường thường chúng tôi phải chông chọi với ánh sáng chói lòa trên núi, thứ ánh sáng làm người ta chói mắt khi nhìn vào.

Cha cháu luôn tự quấn thuốc cho mình đáy, chú Hunter nói.

Tôi nói là tôi biết.

Có thể cháu cứ lục hết đồ của cha lên, tìm những cái mà cháu cần, chú nói.

Thật là một ý kiến hay, tôi nói. Tôi không gây nên bất cứ xáo trộn nào trong phòng cha mà tôi đã quan tâm, chia sẻ. Tôi đứng, nước chảy thành giọt xuống sàn nhà và lắng nghe tiếng mưa. Chú Hunter nhìn tôi như nhìn một con rắn hay có lẽ một con chó như khi người ta không chắc lắm. Cơn mưa ngoài cửa sổ khiến cho trời đất trông như không có gì tồn tại trên thế giới này, mà chỉ có căn lều và chúng tôi trong đó. Chúng tôi cô độc ở đây. Tôi nghĩ có lẽ trời chưa thể ngớt mưa ngay được.

Chú Hunter nói, cháu cứ làm bất cứ điều gì cháu muốn. Dù sao cháu vẫn luôn làm theo cách đó phải không.

Chú đứng vặn vẹo đôi vai của mình. Chú bị đau bởi cuộc đắt nên tôi biết chú muốn được xoa bóp. Trong những ngày này trời mưa làm chú ê ẩm.

Chú sẽ nghe dài một lát, chú nói.

Tôi tự đánh cuộc là chú đã ngủ trước đáy một lúc lâu.

Cánh cửa phòng chú Hunter không đóng hẳn nên khi chú đóng cửa tôi vẫn có thể nghe được âm thanh từ chiếc dài trong phòng chú. Có một trăm phát thanh trong thung lũng. Người

phát thanh viên nói đang quan sát dòng nước lũ trong những nhánh sông hẹp có bờ cao đổ xuống chân núi. Anh ta nói nó như thể cắt phăng qua quả núi.

Tháp phát thanh đặt trên đỉnh núi cách không xa cǎn lêu. Nơi người ta dựng tháp cao hơn chô chúng tôi ở khoảng bảy mươi mét và bạn có thể trông thấy nó từ mái hiên khu lều vào một ngày đẹp trời. Người ta đốn trụi những cây vân sam xanh lớn đi để dựng tháp.

Từ nơi chúng tôi ở trông nó như một cái sân vì người ta đã thu dọn sạch sẽ, sáng sửa, mát mẻ và gọn gàng; tôi đã lên đó hai lần- không đến nỗi khó trèo như người ta tưởng, chỉ mất hai tiếng bò lên – quanh chân tháp cây cối mọc um tùm. Dây nho và các giống cây leo bò quanh chân tháp, còn cỏ thì mọc cao ngang đầu gối. Cụm vân sam xanh cũng đang mọc lại, chúng là loài cây lớn rất nhanh.

Chú Hunter tắt dài và tôi nghe thấy chú duỗi người ra trên giường. Chú vẫn trở mình như thể chú sẽ không ngủ.

\*

Đồ đạc của cha tôi ngắn ngang khắp phòng không theo một trật tự nào cả. Giống như ông vẫn còn ở đó cùng với tất cả những đồ dùng cá nhân này, dù tôi biết rằng ông bị lạnh, đã chết và đang nằm sâu dưới đất cách tôi chừng mười hai mét.

Những thứ đó bây giờ là của mình tôi, nói thế nhưng chúng hình như không thuộc về tôi chút nào cả. Vài thứ trong số đó sẽ là của chú Hunter. Tôi không chắc rằng tôi muốn chú Hunter lấy chúng, dù tôi sẽ khá khó khăn để giải thích tại sao.

Tôi nhắc khẩu súng đang nằm trên giường cha, một khẩu Marlin tự động, nặng, dây đai đạn cũng đang nằm ở đó.

Những ngón tay tôi sờ vào cái nòng thép xanh lạnh và tôi biết rồi sẽ phải lau chỗ thép đó bằng một miếng vải dầu. Không có gì tệ hơn đối với một miếng thép tốt khi bị tay người chạm phải, cha tôi luôn nói như vậy.

Trong nhà tôi có hai khẩu súng, cả hai đều của cha, khẩu Marlin cũ là của cha và khẩu Colt.38 là khẩu mà cụ tôi thỉnh thoảng đã dùng từ khởi nghĩa Philippin. Tôi đặt khẩu Colt xuống giường bên cạnh khẩu kia, lôi ổ đạn ra. Khi sờ vào, trong ổ không còn nhiều đạn, nó đã thủng lỗ chổ và rất cũ. Ngoài những khẩu súng và quần áo, cha không còn gì nhiều trong phòng.

Trên nóc tủ quần áo cũ tôi tìm thấy cái bao tải nhỏ đựng thuốc lá của ông. Trong bao không còn nhiều thuốc lá, tôi có thể chắc rằng nó đã hơi cũ và khô. Cha không phải là người hút nhiều; với túi thuốc ấy ông đã dùng cả đời. Có một thùng giấy đựng diêm còn đầy, đã dùng hết hai hộp đặt cạnh bao thuốc lá. Nó được mua từ Pioneer, quán bar dưới thung lũng mà tôi đã từng thấy. Còn có cả hai tờ giấy bạc, một tờ năm đôla và một tờ một đô. Tôi đút tiền vào túi.

Tôi lôi đồ đặc đã bị nén chặt của ông trong ngăn kéo ra – một cái còi điểu khiển chó và hai băng đạn chừng 410 viên cho một loại súng mà chúng tôi không có; những cây kim và cuộn chỉ ở trong túi may vá; một ít tiền Việt Nam mà ông đã thường xuyên giữ bên mình để đùa nghịch – lấy ra con dao gấp Barlow cũ của ông và cuốn sách của Gideon. Tôi lảng con dao gấp xuống đống đồ mà tôi nghĩ mình sẽ lấy đi. Nó đập vào nòng khẩu Colt đánh cạnh một cái, để lại một vết xước trên thép. Đó là vết xước mà tôi không thể nào xóa nổi.

Cuốn *Gideon* đã cũ, trơn tuột trong tay tôi và đã bị mất nhiều trang. Cha đã dùng nó trong nhiều năm. Giấy rất mỏng và tốt để cuộn thuốc; nếu khéo tay thì một tờ giấy bạn có thể cuộn được hai điếu thuốc. Như tôi đã nói ông không phải là

người nghiện thuốc và thậm chí ông còn chưa đụng tới cuốn *Tân Uớc*, chỉ mới xé đến cuốn *Jeremiah*<sup>(1)</sup>.

Tôi xé trang tiếp theo và cuốn cong nó bằng ngón giữa rồi đổ thuốc lá vào. Thuốc lá đã nát vụn thành những mẩu nhỏ vì để lâu, màu nâu sẫm và trông rẻ tiền. Một vài sợi bám vào da tôi. Tôi nằm xuống giường, đặt điếu thuốc vào miệng. Vụn thuốc lá dính vào lưỡi tôi. Tôi phì ra rồi châm điếu thuốc.

Lạy Chúa, tôi nói. Thuốc chẳng có vị ngon gì cả, như thuốc mốc ấy. Tôi búng điếu thuốc xuống sàn nhà, những tia lửa bắn ra khỏi nó. Chúng bám vào sàn gỗ và cháy âm ỉ ở đó, từng tia lửa một tự cháy dần đến hết.

\*

Cháu nghĩ cháu phải đi xuống thị trấn một lát, tôi nói với cái lưng chú Hunter.

Chú nằm úp mặt xuống cái giường nhỏ của mình ở trong phòng và tôi nghĩ chú buồn ngủ. Chai rượu ở cạnh giường đã bị uống hết độ vài ngón tay. Lưng chú Hunter trắng nhợt và rộng, có một nốt ruồi mà trước đó tôi chưa bao giờ trông thấy nằm ở giữa chỗ lõm của đường xương sống.

Chú nói, đi đâu? Và đột nhiên trở mình lại làm tôi giật nảy mình. Mặt chú ướt đầm nước mắt và tôi ngạc nhiên ông già này lại đang khóc chứ. Ngay lúc đó tôi không nhớ được tại sao. Chiếc giường vông xuống dưới cơ thể chú.

Xuống núi, tôi nói. Để cháu có thể hút vài điếu thuốc.

Chú lau mặt bằng cánh tay, say rượu và lúng túng khi biết tôi thấy chú khóc. Người ta có thể khóc cho anh trai mình, tôi muốn nói thế.

<sup>(1)</sup> *Dạng kinh dài dòng như Cung oán ngâm khúc.*

Cháu sẽ không quay trở lại có phải không, chú Hunter nói. Chú đặt chân xuống sàn, cái chai đổ nhào. Tôi nhặt nó lên, để vào chỗ cũ cho chú. Cái chai lành nguyên nhưng đã rỗng không vì rượu bị đổ hết. Sàn nhà nhợp nháp, căn phòng đầy mùi rượu ngô. Tôi nhìn ra ngoài khung cửa sổ nhỏ trong phòng ngủ chú Hunter và thấy mưa đã ngớt đi chút ít. Được đấy.

Khẩu súng để ở trên giường, tôi nói. Cha muốn trao nó cho chú.

Tôi đi ra phòng trước, chú Hunter mặc đồ ngủ và đi chân trần theo tôi. Tôi đặt khẩu Colt.38, con dao gấp và tất cả hành lý vào trong túi mình, sẵn sàng ra đi.

Tại sao cháu lại đi bây giờ, chú Hunter nói. Với cơn mưa và tất cả. Hôm nay là một ngày trời xấu để đi xuống thung lũng.

Tôi nghĩ về điều đó. Đó không phải là điều mà trước đây tôi bận tâm nhiều. Tôi nhìn chú.

Bởi vì cháu mệt mỏi. Chán ngon núi và thứ thuốc lá gốm ghiếc này. Có lẽ cháu chỉ muốn hút một điều cho ra hồn để thay đổi.

Chú đoán là cháu muốn một chút khói thị thành, chú Hunter nói.

Tôi đáp, chắc thế.

Cũng có thể là muốn hôn tất cả bọn gái tơ dưới thung lũng, chú Hunter nói. Tôi không nói gì.

Thôi được, chú nói. Khi cháu về nhớ mang cho chú một chai.

Cháu sẽ làm điều đó, tôi nói. Chú yên chí.

Tôi đi ra ngoài, ngập trong bầu không khí mát lạnh của một ngày giữa hè. Cơn mưa đã chuyển bụi thành bùn, nước chảy thành dòng trong sân, nhè nhẹ bẩn. Một cơn mưa lớn trong vòng vài giờ, tôi biết có thể nước trong các nhánh sông sẽ dâng cao tràn qua bờ và nhấn chìm những chiếc lá mục xuống đáy. Tôi không biết người ta sẽ làm gì khi tất cả số nước

này đổ xuống thị trấn. Không khí ẩm thấp nhưng mưa hầu như đã tạnh.

Chú Hunter theo tôi ra sân, bàn chân chú ngập trong bùn. Làm sao cháu xuống được? Chú nói.

Đi thẳng theo đường ray, tôi nói. Đó là cách nhanh nhất.

Chú Hunter đi theo tôi thêm vài bước nữa rồi khi tôi đi qua sân bước ra hàng cây bụi lúp xúp, chú dừng lại không theo nữa. Lá cây đọng nước làm ướt áo sơmi và bọc hành lý của tôi. Tôi biết hơi ẩm sẽ làm hỏng khẩu súng. Để xảy ra chuyện như với cha cháu, Hunter nói. Chú nhìn vào bụi cây như thể chú không thấy nơi tôi đứng, nhưng chú muốn tôi nghe chú nói.

Khi cây đổ, tôi nói cách tốt nhất là người đốn cây phải tránh xa khỏi đó.

Điều ấy khó dấy, chú Hunter nói vọng đến bụi cây. Dấy, cái cách thẳng bé nói như thế về cha nó, người đã nuôi dưỡng nó khôn lớn dấy.

Tôi biết chú Hunter sẽ nhìn tôi nếu tôi tiếp tục nói. Tôi không muốn chú thấy tôi. Tôi quay người và đi thẳng ra con đường xuống núi.

Chúng ta nên nhắn tên qua ai đó, chú Hunter gọi với theo tôi. Thật không phải khi không có người để nhắn tin cho chú ấy.

Tôi tiếp tục đi xuyên qua bụi rậm. Tôi nghĩ tôi sẽ nhắn nếu tôi biết ai đó. Cho dù tôi không có dự định nhắn gửi gì như chú muốn.

\*

Lần cuối cùng tôi trông thấy cha mình là khi ông kể cho tôi một câu chuyện. Ông đặt cái cửa kép cũ lên vai, ông biết

nơi có nhiều cây đã đổ và bằng bí quyết nào đó dự tính được những cây nào sắp đổ. Cha có cần giúp không, tôi hỏi, cha không nói gì.

Rồi ông nhìn về nơi chú Hunter đang ngồi trên hiên, lần này chú đang đeo một con cú to có sừng từ khúc gỗ sồi lớn mà nó sẽ cháy tốt trong bếp lửa vào mùa đông.

Hunter không thường xuyên béo và lười biếng, cha nói lớn để chắc rằng chú Hunter có thể nghe thấy. Chú Hunter vẫn say xưa đeo gọt, chú đang dùng cái đục thay cho con dao Kaybar. Đấy là cách chú làm những đồ vật mà chú nghĩ sẽ bán được.

Không thưa ngài, cha tôi nói, đấy là dạo chú mày và tao thường lang thang và nảy ra trò quái quỷ gì đó ở nơi ấy. Khi vào khoảng bằng tuổi mày, tao nhớ lần xuống nơi ở của Seldomridge, một trang trại nhỏ nuôi thú có sừng ngắn nằm bên sông. Chú nhớ điều đó chứ Hunter.

Chú Hunter vẫn im lặng, chú hí hoáy đục khúc gỗ dài thành lưng con cú. Tôi nghĩ con cú trông mới thảm hại làm sao.

Dòng sông đã đóng kín băng, sát hai bên bờ dày gần một mét, cha tôi nói. Băng mỏng dần ra giữa dòng nơi ở dưới sâu nước vẫn đang chảy.

Ông chuyển cái cưa xích từ vai này sang vai kia, tôi thấy ở chỗ đó một ít dầu pha dầu nhòn rót trên áo ông. Ông dường như không quan tâm đến.

Thế là chú Hunter mày làm náo động đàn gia súc của Seldomridge và khoảng một tá thú nuôi sừng ngắn leo lên mặt băng, cha tôi nói.

Cha tôi bắt đầu cười rũ rượi, nước mắt túa ra trong khoé mắt. Tôi không thể đứng nhìn ông vì ông nghĩ câu chuyện rất buồn cười còn tôi thì cho là nó chẳng buồn cười tí nào cả.

Và ngoài đó chúng rùng mình, cha tiếp tục. Không thể

đứng, tất cả giạng chân và cố đứng vững trên mặt băng. Cố đi và thở phì phò, sợ chảy dót chảy dài ra, mặt chúng lộ vẻ khiếp đảm. Tiếng hò hét của chú Hunter từ bờ vọng đến càng làm chúng nháo nhác lùi xa bờ hơn. Trên vùng không gian yên tĩnh phủ đầy tuyết, giọng chú Hunter dội vang.

Rồi con đầu tiên đi qua, cha tôi nói và ông không thể tiếp tục giữ cái cưa trên vai mình để cưỡi nữa.

Khi băng nứt, một âm thanh tựa phát súng vang lên, con vật biến mất, chỉ còn những tia nước đèn ngòm bắn lên từ cái lỗ trên mặt băng như suối nước nóng. Điều đó làm cả đàn gia súc kinh hoàng, chúng chạy huỳnh huỵch, rống lên rồi con tiếp theo chạy xuyên qua mặt băng, loạng choạng lướt đi từng con một. Có lẽ là sáu con, con nọ nỗi con kia, chúng tiến đến mặt băng mỏng ở giữa dòng và không có thời gian để biếu lộ cái nhìn kinh ngạc trước lúc chìm xuống.

Còn anh thì mãi cưỡi, chú Hunter nói từ phía sau chỗ chú đang đeo.

Mẹ kiếp chú đúng, thật tôi cưỡi nhiều quá, cha tôi nói. Tôi cưỡi rống lên như một thằng khùng, ông nói, ông quay vào khu rừng phía sau cái cây đã đè lên người ông. Khi ông đi, tôi và chú Hunter có thể nghe thấy ông ở trong khu rừng đó, đang cưỡi mãi về những bộ mặt kinh hãi lúc đi lên lớp băng ra giữa sông.

Chúng, đàn gia súc ấy rơi tôm hết xuống sông như chú Teaberry Hunter kể sau khi cha mất.

Chết đuối, tôi hỏi.

Chết thằng cảng, chú đáp. Cháu đúng đấy.

\*

Khoảng nửa đường xuống núi, một con lợn chạy ngang qua giữa đường chỉ cách trước mặt tôi chừng nửa mét. Giật

mình khi thấy tôi, nó co cẳng lao vào bụi rậm bên đường và gần như đâm sầm vào tôi khi vượt qua. Nó chững lại một lát rồi băng qua đường ray và tôi thấy nó là một chú lợn con, chỉ là một chú lợn còn bú tí da lốm đốm đang gặp nguy hiểm. Nó khẽ kêu lên khi vượt qua đường ray sắt cao ngang bụng nó, đuôi ngoe nguẩy như đuôi một con chó. Khi đã đi cách xa đường sắt nó quay lại nhìn tôi một lát, mắt nó như trộn ngược lên. Rồi nó lẩn vào trong bụi rậm bên kia đường, đi mất.

Sau khi nó đi, có hai thằng bé ra khỏi bụi cây; chúng cũng đi thẳng lên đường ray chỗ tôi. Lạy Chúa, một trong hai đứa nói và xô vào tôi. Nó không lớn lăm nên tôi đánh ngã nó bằng cái túi của mình. Đứa kia lớn, tóc đỏ, mang súng. Nó chạy vội qua đường, nhìn trùng trùng vào bụi cây. Mẹ kiếp, đồ chó chết, nó nói.

Nó nâng khẩu súng lên, nhầm vào bụi rậm dõi theo con lợn, ngay khi ấy tôi nghĩ nó sẽ để tôi đi. Rồi tôi nhận ra bây giờ con lợn hẳn đã vào nơi ẩn nấp và thằng kia có là dân thì mới bắn. Ngón tay nó vẫn uốn cong trên cò súng một lát, kéo mạnh gần như sắp bóp cò.

Nó đang mang khẩu cắcbin Winchester nòng ngắn, đầu ruồi bọc vải để tránh va quệt vào cây. Báng súng được quấn quanh bằng dây điện màu đen và hộp đạn đã giả hết.

Bọn chúng trông nhếch nhác. Tôi nghĩ đứa lớn khoảng bằng tuổi tôi còn đứa nhỏ bé hơn một chút.

Đứa lớn đầu đỏ quay về phía tôi, ánh mắt nó lạnh lẽo. Tôi nghĩ nó điên lên vì đã để sống mất con lợn mà chúng đang bám theo. Nó thả lại cò súng đã kéo nửa chừng, ung dung kẹp khẩu súng trong khuỷu tay. Quần áo nó bẩn thỉu và quá chật trên cái cơ thể to lớn của nó.

Chúng ta tiếp tục đuổi đi Okie, đứa bé nói. Răng nó đã sâu rụng làm cho cách nói của nó rất kỳ quái, rõ ràng là hụt hơi

nó như thể mồm nó bị đau. Nó nói, có thể chúng ta vẫn bắt được con lợn đó mà.

Darius mày im đi, đứa lớn nói và nó vẫn nhìn tôi. Cái nhìn làm tôi căng thẳng, tôi cúi đầu nhìn xuống lòng đường rải xỉ. Than xỉ đã trở nên mềm mại vì mưa. Chúng dính vào đế giày tôi, làm chân tôi cảm thấy nặng nề. Dù sao, đi bộ trên những thanh tà vẹt cũng vất vả bởi vì chúng quá ngắn so với bước chân.

Khi tôi quay đi thì Okie, đứa lớn, vẫn đang nhìn tôi trừng trừng từ dưới mái tóc đỏ dài. Nó liếm môi.

**Đứng lại ngay,** nó nói.

Đứa bé chạy lảng cách sau tôi hai bước, tôi cảm thấy chân nó bị khuyết tật gì đó, cái cách đôi chân quá ngắn phải chống cơ thể làm cho nó trở nên còi như vậy. Có lẽ nó không đến nỗi bé như tôi thoát nghẽ, có khi nó còn già hơn tôi hay cả Okie. Những thanh tà vẹt vừa với nó, nó dễ dàng bước từ thanh này sang thanh khác. Okie vẫn đứng nguyên chỗ cũ.

Chúng tao đã mất con lợn đó, Darius nói, giọng giống tiếng gào. Mày thấy đấy, nó nói.

Bây giờ Darius đứng thẳng trước mặt tôi, chỗ tôi có thể người thấy nó và tôi dừng lại.

Bọn mày hãy để tao yên, tôi nói. Tao chẳng quấy rầy gì bọn mày cả.

Ai bảo là mày không quấy rầy, Okie nói với tôi.

Bây giờ hai tay nó giữ khẩu súng, nòng súng chia lên bầu trời u ám. Nó nhổ nước bọt xuống lớp xỉ, lấy nhúm thuốc lá vụn bên mép phải trong mồm nó ra. Nó đi xuống đường ray, mỉm cười và tôi thấy răng nó cũng bị sâu hết. Rõ ràng thuốc lá vụn cũng sẽ gây ra điều đó cho bất kì ai.

Mày có cái gì đấy, Darius nói, tôi thấy nó nhìn vào túi của

mình. Nó chìa tay ra như một đứa trẻ xin kẹo. Tôi thả cái túi xuống đẩy ra sau lưng mình. Darius nhảy lò cò tới lui từ thanh tà vẹt này tới thanh kia. Cái quần nhung sọc của nó vẩy bùn tới tận gối, nhưng dường như nó không muốn chạm chân xuống lòng đường.

Nó không muốn mày lục lọi bừa bãi các thứ của nó, Okie nói với Darius. Cách nói như thể một người đàn ông nói với một đứa trẻ.

Nó nhìn tôi. Mày đang đi xuống thị trấn à, nó nói. Mày sống ở trên núi à? Nó đưa khẩu súng chỉ lên con đường phía sau mà tôi đã đi.

Ừ, tôi nói.

Nó nhìn Darius, khịt khịt mũi và lại khạc nhổ. Mẹ kiếp, một thằng người rừng, nó nói. Từ núi xuống và chẳng biết cái mẹ gì cả. Darius cười ngặt nghẽo. Mày muốn xuống thị trấn để làm gì, hả thằng người rừng? Okie nói. Đột nhiên nó thúc báng súng vào ngực tôi. Cú thúc dội vào xương sườn làm tôi đau quằn quại. Tôi có thể nghe thấy Darius đang đi đến chỗ cái túi của mình nhưng tôi không nhìn thấy được.

Chẳng có việc gì để mày xuống thị trấn cả, thằng nhãi Okie nói. Tốt nhất mày hãy quay lại núi và ở đó với dòng giống người rừng của mày.

Chỉ mang toàn thứ vớ vẩn thôi, Darius nó nói, chẳng ích gì mà cứ đứng mục chân ở đó. Darius không dừng lại. Okie quay lại phía tôi.

Đốc hết túi của mày ra, nó nói và lại lấy súng nện tôi. Bọn tao có thể thịt mày, nó nói. Giết mày chỉ đơn giản như giết con lợn đó và chẳng có ai biết tí gì về chuyện ấy. Dẫu sao thì ai thèm quan tâm đến chuyện gì xảy ra với một thằng người rừng như mày.

Tao biết, tôi nói. Tôi nghĩ nó nói đúng, chúng tôi cách xa nhau lừng chừng 500 mét.

Dốc hết túi của mày ra và câm miệng lại thì mày sẽ yên ổn thôi, Okie nói. Darius vẫn lục lọi các thứ của tôi và tôi có thể nghe thấy tiếng khẩu Colt đập vào thứ gì đó kêu leng keng. Tôi căm giận khi nghĩ về hai thằng này và những thứ đồ đạc nhưng tôi không thể làm gì được. Tôi ước chi tôi đã để chúng lại cho chú Hunter.

Cha tao đã chết, tôi nói. Tôi không biết tại sao tôi lại nói điều đó.

Nhin này, Darius nói và giơ cao con dao Barlow lên. Nó bật con dao ra, lưỡi dao sáng loé dưới bầu trời đầy mây. Nó thủ cạo vào cánh tay đầy lông của mình. Sắc dây, nó nói. Okie chĩa thằng khẩu súng vào tôi nhưng nó đang quay nhìn nơi nào đó, về phía con lợn đã đi. Sau đó tôi móc tiền trong túi ra.

Một cái cây đã đổ lên người ông ấy, tôi nói. Khi ông đang chặt nó.

Okie lấy sáu đôla của tôi đút vào trong quần. Tôi nghĩ việc gì xảy ra khi một khẩu cỡ 30 – 30 gây ra cho người ta ở cự ly gần này. Một dạo tôi đã từng thấy một phát súng cách chừng 200 mét tiễn phăng toàn bộ phần bụng sau của một con lợn rừng, hất tung nó lên và quẳng xa nó chừng ba mét. Tôi đưa đầu mũi tên cho nó, lộn túi quần ra cho nó thấy là tôi chẳng còn gì cả. Nó cầm lấy đầu mũi tên, giơ lên bằng tay trái. nheo mắt nhìn. Nó biết tôi sẽ không còn có thể gây cho nó bất cứ rắc rối nào.

Để cho tao một ít để mua thuốc dưới thung lũng, tôi nói. Và một chai rượu cho chú tao.

Bắn, Okie nói. Nó ném mũi tên về phía sau qua vai. Mũi tên va vào đường sắt trơn, phát ra một âm thanh thú vị, giống như một nốt nhạc trên cây đàn hạc cũ của cha tôi. Đầu mũi tên cứng vỡ nát ra thành mấy mảnh.

Đấy là một cái đầu mũi tên cổ đẹp đẽ. Tôi không biết nó cổ nhu thế nào nhưng tôi muốn nói một điều gì đó.

Lấy cho tao đôi giày của nó, Darius nói.

Nó đang đứng nhìn chân tôi. Đôi giày của nó trông như hai cái bị cột bằng dây hay bằng thứ gì đó. Đôi giày của tôi không còn tốt lắm nhưng còn khá hơn đôi giày của nó, đôi giày mềm cũ này là của cha tôi.

Giày nó không vừa với mày đâu, đồ chân vẹo, Okie nói. Darius vẫn đứng trên thanh tà vẹt, nhún nhảy lên xuống. Nó cầm cái túi của tôi trong tay. Nó chỉ nhìn Okie và liếm môi. Tôi thấy nó nhún nhảy chậm lại một chút.

Tháo đôi giày của mày ra đi, Okie nói. Giờ đây đường như nó đã phát chán mọi chuyện. Mau lên, tháo nhanh, nó nói. Böyle giờ thậm chí nó còn không chĩa súng vào tôi nữa.

Tôi tháo giày đưa cho Darius. Thậm chí nó cũng không đi thử nữa. Nó chỉ nhét chúng vào túi và cười to, nghe như tiếng chó sủa. Lòng đường lạnh vì mưa và than xỉ bám vào gan bàn chân tôi, bôi bẩn chúng thành màu đen kịt.

Darius đi đến lề đường bên phải nhìn vào bụi rậm. Okie, bây giờ chúng ta hãy thử bắt con lợn đó xem, nó nói. Nó đi vào trong bụi rậm mang theo cả cái túi của tôi. Ngay sau đó tôi không thể thấy hình dáng nó nữa, chỉ nghe tiếng nó sột soạt trong đó.

Okie nhìn tôi từ đầu đến chân, mắt nó vẫn lạnh lùng. Mùi của nó lúc đến gần thật nhòn nhụa, giống như một con gì đó béo ú đang bị quay trên lò lửa.

Mày quay lên đi, nó nói. Nơi tốt nhất cho bọn người rừng là đỉnh núi.

Tao đang xuống thị trấn, tôi nói.

Nó điên cuồng nhìn tôi và tôi nghĩ ngay bây giờ có thể nó sẽ bắn tôi nhưng thậm chí nó không chĩa súng vào tôi. Nó nhìn tôi thêm lát nữa rồi biến vào bụi rậm bám theo Darius.

Tôi đợi một chút để xem chúng có quay lại không nhưng cả hai đứa đều đã đi. Chẳng ích gì mà cố bám theo chúng vào

bụi rậm với đôi chân không giày. Tôi lại đi theo mép phải của con đường vào thung lũng. Bước đi bây giờ dễ dàng hơn khi không còn cái túi. Trời lại bắt đầu mưa, lần này mưa nhẹ hơn. Kiểu mưa ấy không có vẻ kéo dài quá lâu.

Xỉ than làm chân tôi đen ngòm và đau đớn. Tôi đi bộ trên con đường đó một lúc rồi thay đổi bằng cách đi lên những thanh tà vẹt. Thật lạ lùng khi phải đi những bước ngắn, nhưng dễ dàng hơn khi duỗi chân bước băng qua một thanh. Tôi đã quen với cách đi ấy.

\*

Khi chúng tôi tìm thấy cha, ông đã chết khá lâu. Cái cây đổ một cành to đè lên ngực ông. Chắc ông đã tìm cách nhảy sang bên để tránh khi nó lao xuống. Mặt ông lộ vẻ kinh hoàng; cơ thể ông không còn gì giống như trước đó mà tôi đã từng thấy, tất cả mọi hình dạng đều thay đổi khi sự việc xảy ra, xương sườn ông bị đẽ nát, quần áo ông bị xé rách, thật khủng khiếp khi nhìn thấy. Chú Hunter bọc ông bằng một tấm vải dầu dày và tốt ngay sau khi chúng tôi nâng cái cây ra khỏi ông, tôi không có cơ hội nhìn thấy ông sau đó. Chúng tôi chôn ông cùng với tấm vải dầu.

Cái cưa đốn cây nằm trên mặt đất bên cạnh ông. Nó không bị cây chèn vào tí nào cả, trông nó vẫn giống như khi ông mang đi làm. Tất cả số dầu trong cưa không còn nữa nên hǎn máy đã tắt sau khi ông bị đẽ. Chú Hunter và tôi nói về điều đó nhưng không bao giờ hình dung nổi việc cây sồi già đó đổ xuống một cách tệ hại như vậy hay tại sao cha không nghĩ cách chạy đi khi nó đổ. Hǎn là ông đã cưa sai bằng cách nào đó và hoàn toàn không nhận ra sai lầm của mình cho tới khi quá muộn.

\*

Rất nhiều người mất hết của cải, người đàn ông chủ hiệu thuốc lá nói. Ông ta là người đàn ông nặng nề đeo tạp dề trắng, buộc dây sau lưng. Nhà cửa, hàng hoá, kho thóc, toàn bộ những trang thiết bị cuốn xuống sông và cuốn đến hạt Mouroe. Ông ta đang nói chuyện với một người đàn ông gầy gioi xương mặc bộ quần áo công nhân đang gặt dầu.

Ông cuộc đi, người đàn ông chủ hiệu thuốc nói. Chúng ta may mắn kinh khủng vì ở chỗ cao ráo này. Ông ta quét vũng nước gần cửa hiệu thuốc của mình, hất ra ngoài phố. Ông đeo kính, chiếc kính loé lên khi ông di chuyển, đầu ông cúi chạm vào cái chổi. Bé chổi ướt sũng nước bẩn và ông quét như thể nó rất nặng.

Thị trấn yên tĩnh, giống như ngày chủ nhật, đường phố ướt át vì nước mưa. Khi tôi vào cửa hàng hai người đàn ông nhìn tôi. Họ nhìn đôi chân không giày của tôi.

Các thứ bị cuốn xuống dồn đống ngay dưới cầu, ông chủ hiệu thuốc lá nói. Điều kinh hoàng nhất, chưa một ai từng thấy. Giúp gì được cháu đây, ông nói với tôi. Tôi không có tiền nên tôi không đáp lại gì cả.

Tàu buôn Dodge đang ở dưới sông đáy, người đàn ông gầy nhom nói. Sim, anh biết không. Nghe nói ôtô nổi lên gần đến trần nhà. Nước lên nhanh đến nỗi không ai có thời gian di chuyển cái gì cả. Đập đất dài hai dặm cũng bị vỡ, đáy là tất cả những gì thống kê được.

Tôi không biết, ông chủ hiệu thuốc nói. Ông quét một ít nước qua chân tôi và lại nhìn tôi. Cháu cần gì, ông nói.

Cháu đang cần vài hơi thuốc, tôi nói. Thuốc lá.

Chúng tôi có thuốc lá đáy, ông chủ hiệu thuốc nói. Đủ loại. Cháu tìm loại nào.

Camels, tôi nói.

Đã đi nhiều dặm xuống núi nên tôi cảm thấy mệt mỏi, bái hoái. Tôi muốn ngồi xuống và có một điều thuốc. Tôi ước tôi có dù chỉ một ít tiền. Chân tôi đau nhức.

Ông Carl, ông chủ hiệu thuốc nói. Phiền ông đến sau quầy đó, lấy hộ tôi gói thuốc Camels.

Được rồi, người đàn ông gầy nhom nói. Ông ta lấy gói thuốc và lảng nó cho tôi. Tôi bắt gói thuốc bay vào ngực mình, gói thuốc hơi bị bẹp.

Cháu không có tiền.

Ông chủ hiệu ngừng quét một lát. Chỗ nước ông vừa quét ra khỏi cửa lại chảy tràn vào trong. Nước sông bẩn, nau trên nền nhà trắng.

Sẽ ổn thôi, bác nghĩ không sao đâu, ông nói. Ông nở nụ cười với tôi và tôi biết mình rất bẩn. Tôi biết người ngợm mình ra sao. Ông áy nghĩ tôi vừa mới bị trộn lụt quét sạch.

Cha cháu đã chết, tôi nói.

Ông chủ hiệu lắc đầu.

Thật là một ngày tồi tệ. Carl nói phía sau quầy hàng. Ông ta cũng lắc đầu, tự lấy cho mình một gói thuốc. Thực là một ngày tồi tệ. Tôi không nói với họ là cha tôi chết trước khi trời bắt đầu mưa.

Thật là một đứa con khốn khổ, ông chủ hiệu nói. Khốn khổ khốn nạn.

Người ta phải hoài nghi những gì Chúa ban cho con người, người đàn ông gầy nhom nói. Để lại thằng bé không cha.

Tôi nghĩ đó là điều dễ chịu nhất mà tôi từng nghe thấy. Tất cả những gì tôi muốn ngay khi ấy là ngồi xuống và khóc. Tôi bóc gói thuốc, ông chủ hiệu đưa cho tôi cái bật lửa, một chiếc bật ga nhựa. Bên cạnh đế Coleman's Since 1942, đó là tên của ông chủ cửa hàng. Tôi bật bánh răng bằng ngón tay

cái, chiếc bật lửa kia, bùng lên một ngọn lửa mạnh ngay từ lần đầu.

Tôi hút đến điếu thuốc thứ ba và vị của nó vẫn ngon như điếu đầu. Không có gì sánh bằng điếu thuốc bạn ngậm trên môi được cuộn bằng máy, không rớt lại tí thuốc vụn nào trên lưỡi.

Tôi ngồi bên ngoài gần chân cầu chõ chắc chắn là nơi tiếp giáp của hai phần thị trấn chạy ngang qua dòng sông. Đó là một cây cầu sắt đã cũ nằm trên những đống đá, ông chủ hiệu thuốc lá nói đúng: những cột chống đã bị cuốn đi và rầm cầu oằn xuống ở giữa trong dòng nước sông đen ngòm đang chảy qua. Gần chõ tôi ngồi có một bảng hiệu ghi trọng tải không quá hai tấn.

Tôi hút điếu thuốc cho tới khi nó cháy đến gần ngón tay mình. Tôi thấy những người hút thuốc thường bị chai vàng ngón cái và ngón trỏ, có thể hút một điếu thuốc bằng tất cả các cách nếu người ta muốn mà không bao giờ phải sờ vào nó cả. Tôi không thể làm được điều đó, hơn nữa tôi có cả một gói thuốc chưa hút hết. Chẳng ích gì khi tự làm khổ bản thân mình. Tôi búng mẩu thuốc xuống sông và nó trôi nhanh theo dòng nước chảy xiết thậm chí gần như trước khi tôi thấy nó rơi xuống.

Tôi nghe thấy nói rằng trong lũ lụt đôi khi người sẽ thấy súc vật và cây cối bị cuốn trong nước xuống hạ nguồn. Lúc này tôi không thấy gì cả và tôi nghĩ tất cả chúng hẳn đã bị dòng sông cuốn đi ngay từ lần đầu tiên khi nước dâng cao nhất. Có lẽ sẽ không có những thứ ấy cho tới lần nước sông dâng lên tiếp theo.

Trời lại bắt đầu mưa nặng hạt, bây giờ không chỉ là mưa phun nhẹ nữa và tôi phải che điếu thuốc thứ tư tránh nước bắn vào để châm. Chiếc bật lửa cháy ngay từ lần bật đầu tiên. Tôi nghĩ điếu thuốc sẽ cháy tốt trong mưa, tôi xoay xở để bắt

đâu hút. Tôi lại ướt nhưng lần này không dễ chịu như lúc sáng. Lần này chỉ thấy lạnh và dơ dáy. Tôi không chắc điều mình sẽ làm. Chỉ có một điều chắc như đinh đóng cột là tôi sẽ không quay lên núi nữa.

Sau đó một lúc có lẽ tôi đi đến dòng sông, tìm đập đất vỡ đã gây ra tất cả những thiệt hại. Trông nó hẳn rất kinh khủng, vỡ tung ra ở giữa và nước sông rì rỉ chảy qua đến miệng hố, nâu sệt, đáy nước đặc bùn. Không giống những nhánh sông trên núi mà là một con sông thật sự, chỉ chảy theo cách nó muốn mà không gì có thể ngăn lại được. Chà, chắc chắn sẽ có một cái gì đó để xem.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

ITALO CALVINO  
(Italy)

## CUỘC PHIÊU LƯU CỦA NGƯỜI LÍNH

Trong toa tàu, một phụ nữ đến và ngồi xuống, cao và nở nang, bên cạnh Private Tomagra. Nàng hẳn là một phụ nữ tinh lẻ goá chồng, nhận xét ấy dựa vào áo quần và mạng che mặt của nàng: quần áo bằng lụa đen, phù hợp với việc đẻ tang dài ngày, nhưng lại có các đường riềng trang trí vô dụng và những vật phục sức loè loẹt không hợp cách; mạng che mặt phủ quanh mặt nàng, buông xuống từ vành mũ đồ sộ, mờ cũ. Nhiều chỗ khác còn trống, trong toa xe, Private lưu ý và anh chắc người đàn bà goá hẳn sẽ chọn một trong những chỗ ấy. Nhưng trái lại, bất chấp sự kẽ cận với một người lính lỗ mãng như anh, nàng đến và ngồi ngay đây - chẳng nghi ngờ gì nữa trước lý do nào đó liên quan đến việc đi lại, anh lính quyết định nhanh, một sự nhở vả hoặc hướng dẫn về hành trình.

Cơ thể nàng rực lửa thanh xuân, săn chắc, nhưng hơi vuông. Nếu những đường cong ở phần trên cơ thể không được điều tiết bởi vẻ mềm mại đoan trang thì bạn hẳn đã bảo nàng chưa quá ba mươi, nhưng khi bạn nhìn khuôn mặt nàng, nhìn làn da vừa trắng mịn vừa chùng, cái nhìn không nhanh nhẹn bên dưới mi mắt nặng và đôi mày đen rậm, nhìn đôi môi mím chặt nghiêm nghị, phủ vội lớp son đỏ chót, thì nàng như thế 'thực sự đã quá bốn mươi'.

Tomagra, một lính bộ binh trẻ nghỉ phép lần đầu (dịp lễ Phục Sinh), thu người lại trên ghế vì sợ rằng người đàn bà, rất thon thả và hấp dẫn, có thể không thoải mái; ngay lập tức anh thấy mình chìm trong vùng nước hoa của nàng, một mùi hương thông dụng và có lẽ rẻ tiền, nhưng lúc này, đã nhạt vì dùng lâu, trộn với mùi tự nhiên của cơ thể.

Người đàn bà ngồi xuống với dáng vẻ diêm tĩnh, phơi bày, bên cạnh anh, kích thước oai vệ nhỏ hơn anh tưởng khi nhìn thấy nàng ở tư thế đứng, tay nàng bụ bã, sít chặt nhẵn đen; nàng cuộn tay trong lòng, trên cái ví màu sáng và chiếc jacket vừa cởi ra để lộ đôi cánh tay trắng muốt, tròn trĩnh. Với cử động đầu tiên của nàng, Tomagra xê dịch để lấy không gian cho sự di chuyển rất khéo léo của đôi tay nàng; nhưng nàng vẫn như bất động, tuôn đôi tay áo bằng vài động tác uốn éo khẽ tuột ra khỏi vai và cơ thể.

Ghế ngồi trên toa xe vì thế khá thoải mái cho hai người và Tomagra có thể cảm nhận được sự kề cận sát rạt của người đàn bà, tuy nhiên chẳng hề ngại người đàn bà bức bối bởi sự tiếp xúc của mình. Mọi chuyện như cũ, Tomagra suy luận, người đàn bà mặc dù nàng là... nàng hoàn toàn không tỏ ra bất kì dấu hiệu khó chịu nào với anh, với bộ quân phục thô ráp của anh; nếu không thì hẳn nàng đã dịch xa ra. Và với ý nghĩ như thế, các cơ bắp của anh, bây giờ vẫn co cứng và căng thẳng, tự do buông chùng ra thanh thản, thực sự, không cử động, chúng cố mở hết khả năng mở rộng của mình, và chân anh - đang co cứng hết cỡ, thoát tiên như thể hoàn toàn không tiếp xúc gì đến lớp vải quần - bỗng phình rộng ra, căng cứng lớp vải che ngoài chúng và chất len làm xước cả lớp lụa đen của người phụ nữ góa. Bây giờ, qua lớp len và lớp lụa ấy, chân của người lính đang dính vào chân người đàn bà với sự xao động lướt qua, mềm mại, tựa một con cá mập đang khẽ vờn một con cá mập khác, dùng vi dồn song đến vi của con kia.

Đây chỉ là sự dụng chạm rất khẽ mà mỗi cú xóc của con tàu cũng có thể chia tách và tiếp xúc trở lại; đầu gối người đàn bà đãy và khoẻ, xương của Tomagra cảm nhận được qua từng cú xóc cái đầu gối tròn uể oải kia. Bắp chân mềm mại nâng lên với cú chạm rất khẽ, phải được điều chỉnh sao cho phù hợp với anh. Cuộc gặp của các bắp chân là rất quý giá nhưng phải trả giá, một thiệt thòi bởi trọng lượng cơ thể phải chuyển dịch và sự ủng hộ qua lại của các cái hông đã thôi không bắt nhịp với vẻ hoàn toàn phục tùng ngoan ngoãn. Để giữ được tư thế thoái mái và tự nhiên, thì hai người cần phải khẽ di chuyển trên ghế với sự trợ giúp ở mỗi chỗ lượn trên đường ray và cũng với sự cần thiết hiểu biết để thường xuyên thay đổi tư thế.

Người đàn bà lạnh lùng bên dưới cái mũ doan trang của mình, cái nhìn đăm đăm của nàng không thay đổi, mi mắt nặng, bàn tay để yên trên cái ví trong lòng. Nhưng cơ thể nàng, trong lúc vươn rộng, đã gặp phải cái vươn người của người đàn ông: nàng có nhận thấy điều ấy không? Hoặc nàng đang chuẩn bị bỏ đi? Hay sừng sộ?

Tomagra quyết định, dẫu sao thì cũng chuyển một thông điệp đến cho nàng: anh gồng cứng bắp chân vòng lên cả khôi hình vuông rồi với khôi bắp cứng ấy, như thể một bàn tay bên trong nó, muốn mở ra, anh hích nhanh vào bắp chân của bà goá. Chắc chắn đây là động tác rất nhanh nhưng cũng đủ để làm rung gân nhưng dẫu sao đi nữa thì nàng cũng không rụt lại - chí ít thì một ly như anh nghĩ nhưng không và ngay sau đó muốn điều chỉnh lại hành động lén lút ấy, Tomagra buông chùng chân như thể muốn tống khứ sự khẽ khăn ra khỏi nó.

Bây giờ anh lại phải bắt đầu lần nữa; cái hành động đã được tính toán khôn khéo và kiên nhẫn ấy đã bị thất bại. Tomagra quyết định phải can đảm hơn; như thể tìm kiếm vật gì đó, anh đút tay vào túi bên phía người phụ nữ rồi như thể quên khuấy, anh cứ để tay như thế. Động tác ấy hẳn diễn ra

rất nhanh, Tomagra không biết liệu anh đã chạm nàng hay chưa, điều đó không quan trọng; nhưng bây giờ anh ý thức động tác tiếp theo của mình là rất quan trọng và đây là trò chơi nguy hiểm mà anh đã tham dự. Dựa vào lưng bàn tay của anh, cái hông của người đàn bà vận đồ đen lúc này đang đè vào; anh cảm thấy nó trึu nặng mấy ngón tay, trึu nặng từng đốt xương; bây giờ bất kì cử động nào từ bàn tay thì cũng sẽ như một hành động chung chǎn gối kì lạ đối với người đàn bà góa. Nín thở, Tomagra trở bàn tay trong túi áo; nói cách khác, anh ngửa lòng bàn tay về phía người đàn bà, mở rộng chạm vào nàng, mặc dù bàn tay vẫn ở trong túi. Đây là động tác khó thực hiện, cổ tay bị xoắn. Thế nhưng vào lúc này hẳn anh đã rất quyết tâm trong việc thực hiện hành động quyết định, vậy nên anh liều lĩnh cử động mấy ngón tay của bàn tay bị vặn xoắn đó. Chẳng còn nghi ngờ thêm tí nào nữa; goá phụ không thể không để ý đến động tác khéo léo của anh, và nếu nàng không rụt người lại mà giả vờ thản nhiên và đứng dừng thì điều đó có ý nghĩa nàng không phản đối sự dấn tới của anh. Khi Tomagra nghĩ về điều đó, dĩ nhiên, sự không may mắn chú ý của nàng đến bàn tay phải luồn lách của anh có nghĩa nàng thực sự tin anh đang tìm kiếm cái gì đó trong túi: chiếc vé tàu, hộp diêm... Đây: nếu bây giờ mấy đầu ngón tay của người lính, đôi chân, đường như đột nhiên được ban tặng khả năng tiên đoán, có thể cảm nhận thông qua những chất liệu khác nhau này đường riềng của đồ lót và ngay cả độ nhám rất mịn của làn da, lỗ chân lông và cả nốt ruồi - nếu, như tôi đã nói, đầu ngón tay của anh sờ đến chỗ này, có lẽ là thịt da nàng, như cảm thạch và uể oải, không biết được đây là, thực sự là đầu ngón tay và chắc là không biết, chẳng hạn như móng tay hay đốt ngón tay.

Rồi, với những bước ngầm ngầm, bàn tay rút ra khỏi túi, dừng ở đó, không quyết định và đột nhiên xốc lại quần theo

đường may bên ngoài, việc ấy cứ xuôi mãi xuống đầu gối. Chính xác hơn, nó mở lối: để tiến về phía trước, bàn tay phải luồn giữa anh và người phụ nữ, một hành trình mà, ngay cả trong tốc độ của nó, đây ắt nỗi áu lo lắn xúc cảm ngọt ngào.

Dễ đoán rằng Tomagra đã ngã ngửa đầu ra sau ghế, để một ai đó hắn cũng nghĩ anh đang ngủ; điều đó với anh không hoàn toàn là chứng cớ vắng mặt như đối với người đàn bà, trong trường hợp mà hành động dai dẳng của anh không làm nàng bức bối, một lý do để cảm nhận thoái mái, biết rằng hành động của anh không xuất phát từ ý thức mà chỉ xuất phát từ giấc ngủ sâu. Và thế dưới giấc ngủ trá hình phòng xa đó, bàn tay của Tomagra đang bám đầu gối, tách ra một ngón và hướng nó đến để thăm dò. Ngón tay ấy trượt dọc theo đầu gối nàng vẫn bất động và điềm tĩnh; Tomagra có thể biểu diễn những đường nét cần mẫn với ngón tay út trên lớp vải lụa của chiếc bít tất dài mà qua đôi mắt khép hờ, anh có thể thoáng thấy, màu sáng và đường cong. Nhưng anh nhận ra rằng sự liêu lînh của trò chơi sẽ chẳng mang lại kết quả gì, bởi ngón tay út, không đủ bề rộng và lóng ngóng khi di chuyển, chỉ truyền lại một ; hân rất nhỏ cảm xúc và không đủ khả năng tri giác hình hài hay chất liệu của những thứ nó chạm phải.

Sau đó anh chập ngón út vào các ngón còn lại của bàn tay, không rút lui mà bổ sung vào nó ngón đeo nhẫn, ngón giữa và cả ngón trỏ; bây giờ cả bàn tay anh đặt trợn trên đầu gối của người đàn bà và tâu dung đưa nó trong sự áu yếm vỗ về.

Đến khi ấy, Tomagra lại nghĩ tới những tình huống khác: nếu người đàn bà hoặc là không có khả năng nhận biết phải trái, hoặc là không có khả năng xác định hành động bí ẩn, đã không phản ứng lại sự thô lỗ của anh, đối mặt với hành động đó cứ như một ai khác đang ngồi, những người hắn đã làm âm lên bởi hành vi thiếu nghiêm túc của anh. Cốt làm người đàn bà ngạc nhiên. Tomagra rút tay lại, hoặc khác đi là anh đã

giấu nó như thể đây là phần phạm lỗi duy nhất. Nhưng việc giấu nó, anh nghĩ lại, chỉ là hành vi đạo đức giả: trong lúc bỏ bàn tay ở đó trên ghế anh dự định khiêm tốn là đích nó đến sát người đàn bà hơn, người thực tế đã chiếm một phần không gian rất rộng.

Thực sự, bàn tay đã sờ soạng quanh. Đây: giống như vận may bất ngờ của một con bướm, mấy ngón tay đã cảm giác được sự hiện diện của nàng; và đây: nó vừa đủ để đưa toàn bộ lòng bàn tay tới trước dịu dàng, cái nhìn đăm đăm của bà goá bên dưới tấm mạng là không thể nào hiểu được, bộ ngực chỉ khẽ bị khuấy động bởi nhịp thở của nàng. Nhưng không! Tomagra đã rút tay lại, như thể một con chuột vội tháo chạy.

Nàng không cử động, anh nghĩ: Có lẽ nàng muốn thế. Nhưng anh lại nghĩ: Thời gian trôi qua và sẽ quá muộn. Hoặc có lẽ nàng ngồi đó theo dõi mình, chuẩn bị làm âm lên.

Rồi chẳng vì lý do nào ngoại trừ lý do thận trọng, Tomagra chuỗi tay dọc theo lưng ghế và đợi cho đến khi tàu xóc, rất nhẹ, khiến người đàn bà chạm vào các ngón tay của anh. Nói anh chờ đợi thì không đúng; thực tế, với các đầu ngón tay của anh, như những cái nêm giữa ghế ngồi và nàng, anh thực hiện những cú chạm nhẹ mà có thể hoàn toàn phù hợp với tốc độ của con tàu. Nếu anh dừng ở một điểm nào đó, thì không phải tại người đàn bà biểu lộ bất kì dấu hiệu nào của sự không tán thành, mà trái lại bởi Tomagra nghĩ nếu nàng chấp nhận thì với nàng sẽ rất dễ, chỉ cần khẽ trả người thì đã gặp sự đợi sẵn, thoải mái ngả ra trên cánh tay đợi chờ. Nhầm báo hiệu cho nàng mục đích hữu nghị của hành động mình, Tomagra ở tư thế bên dưới người đàn bà, cố vung vẩy mấy ngón tay một cách khôn khéo; người đàn bà đang nhìn ra cửa sổ, tay nàng thẫn thờ nghịch cái khóa ví, mở ra và đóng lại. Đây có phải là dấu hiệu cảnh báo anh hãy ngừng lại? Có phải là sự nhượng bộ cuối cùng nàng tạo cho anh, một lời cảnh báo mà

lòng kiên nhẫn của nàng đã hết mức chịu đựng? Thế nào nỗi?  
 - Tomagra thầm hỏi - Thế nào nỗi?

Anh để ý bàn tay mình, giống như một con bạch tuộc lùn phịch, đang bấu lấy da thịt nàng. Böyle giờ tất cả đã được quyết định: anh không thể kéo bàn tay lui về, không, Tomagra. Nhưng còn nàng? Nàng là một con Xphanh (con quái vật đầu người mình thú).

Với lối chạy thoăn thoắt cheo chéo của một con cua, bàn tay của người lính bây giờ lần xuống đùi nàng. Nó có phô ra khoảng trống, trước mắt bàn dân thiên hạ không? Không; lúc này người đàn bà đang kéo lại chiếc jacket ôm trong lòng, để nó buông sang bên. Nhằm giúp anh vật che hay chặn đường anh lại? Kìa: bây giờ bàn tay di chuyển tự do và không bị nhìn thấy, nó bấu chặt nàng, nó xoè ra mơn trớn vuốt ve khẽ như làn gió nhẹ. Nhưng mặt người đàn bà vẫn quay đi, xa cách; Tomagra hé nhìn phần cơ thể nàng, vùng da trần giữa tai và đường lượn từ búi tóc tròn căng của nàng. Và trong vùng trũng dưới tai, mạch máu đang đập mạnh: đây là câu trả lời nàng dành cho anh, rõ ràng, thống khổ và cấp bách. Bỗng nàng đột nhiên quay mặt lại, kiêu hanh và lạnh lùng; tấm mạng buông phía dưới mũ đung đưa tựa bức rèm; cái nhìn đăm đăm chìm dưới đôi mi nặng. Nhưng cái nhìn ấy vượt qua anh, Tomagra, có lẽ thậm chí không liếc thoảng qua anh; nàng đang nhìn phía bên kia, vào một cái gì đó, hoặc chẳng vào cái gì cả, bằng chứng của một suy nghĩ gì đó, nhưng chắc là thứ quan trọng hơn anh. Điều này về sau anh mới nhận biết, bởi trước đó, khi vừa mới phát hiện ra sự cử động của nàng, anh lập tức rút ngay tay lại và nhắm nghiền mắt như thể đã ngủ, cố kìm cơn đờ bừng đang lan khắp mặt, và vì thế mà có lẽ để mất cơ hội bắt gặp cái nhìn đầu tiên trong ánh mắt một câu trả lời cho nỗi hoang mang tột độ của chính anh.

Bàn tay anh, giấu dưới chiếc jacket đen, nằm yên như thế đã tách rời khỏi anh, tê điểng, ngón tay co quắp về phía cổ tay: chẳng còn là bàn tay thực nữa, bây giờ chẳng còn chút cảm giác nào ngoài cảm giác của một bộ xương bám lấy thân cây. Nhưng ngay khi cuộc ngưng chiến mà người đàn bà goá ban cho chính vẻ thản nhiên của mình bằng cái liếc nhìn ngắn, mơ hồ ra xung quanh, máu và lòng can đảm lại đổ dồn vào bàn tay ấy. Và ngay lúc đó, khi lại bắt đầu tiếp xúc với chỗ thịt lưng đùi mềm mại, anh nhận ra rằng mình đã đến một giới hạn: mấy ngón tay đang lần theo gấu váy mà bên kia là môt thịt dẫn đến đầu gối và xa hơn là khoảng trống.

Đấy là sự kết thúc, Private Tomagra nghĩ, của cuộc chơi bí mật này. Lại nghĩ, anh nhận thấy đấy thực sự là điều thảm hại trong kí ức mình, mặc dù anh khao khát khuấy tung nó lên trong lúc khám phá: cảm giác vụng về trước bộ đồ lụa, cái mà lẽ ra không thể nào được phép cự tuyệt anh đơn giản chỉ vì vị trí thảm hại làm lính của anh và cũng là cái mà người đàn bà đã lạnh lùng hạ cố, chẳng có chút biểu lộ nào, để nhận thua cuộc.

Anh bị chặn lại, dĩ nhiên, bởi dự định buồn bã trước việc rút bàn tay về khi anh để ý thấy cách nàng giữ chiếc jacket trên đầu gối: không còn gấp lại nữa (mặt dù trước đấy anh dường như đã thấy điều đó), mà rũ xuống bất cẩn, để tà áo phủ lên chân nàng. Bàn tay anh vì thế đã được che giấu hoàn toàn - có lẽ đấy là bằng chứng cuối cùng của sự tin cậy mà người đàn bà đã trao cho anh, ý nghĩ về việc không tương hợp giữa địa vị của nàng và của mình quá lớn đã khiến anh không muốn nhận cơ hội thuận lợi ấy. Người lính cố kiểm điểm lại những gì đã xảy ra cho đến lúc ấy giữa người đàn bà goá và bản thân mình khi anh muốn khám phá ra điều gì đấy trong cách cư xử của nàng mà hàm ẩn sự hạ cố dai dẳng ấy; bây giờ anh quyết định hành động của mình hoặc là vô nghĩa, tầm

thường, chỉ là lê lết, sờ mó hoặc là khác đi, đây là hành động âu yếm tình cảm và sẽ không rụt tay về nữa.

Bàn tay anh hoàn toàn nhất trí với quyết định thứ hai, bởi lẽ trước khi anh có thể điều chỉnh bản chất của hành động thì nó vượt lên rồi. Còn người đàn bà? Nàng đã ngủ. Nàng tựa đầu gối với cái mũ khenh kiệu vào góc ghế, mắt nàng nhắm chặt. Liệu anh, Tomagra, nghĩ kiểu ngủ này là thật hay giả hay chỉ sự rút lui? Hay đây là dấu hiệu biểu lộ sự cho phép của người đàn bà mà lẽ ra anh phải hiểu và theo đó để đê ra hành động đúng đắn hơn? Chỗ anh đã sờ đến lúc này không chấp nhận sự do dự: anh chỉ có thể tiến lên.

Bàn tay của Private Tomagra nhỏ và tròn trĩnh, những chỗ chai và cứng của nó hòa lẫn rất khéo vào các cơ thịt, uyển chuyển; những đốt xương khó có thể được phát hiện và cử động của nó được hình thành bởi sự căng thẳng, mặc dù dịu dàng, nhiều hơn là bởi các khớp xương. Bàn tay bé nhỏ ấy chuyển động chậm chạp thoái mái và liên tục để giữ được sự trọn vẹn của cảm giác tiếp xúc sống động và nóng bỏng. Nhưng cuối cùng, khi sự xao động đầu tiên thoảng lan trên thịt da mềm mại của người đàn bà góá, giống như chuyển động của một chiếc tàu ngầm từ xa tạo nên những luồng sóng bí mật dưới nước, người lính ngạc nhiên bởi điều đó đến nỗi, bởi dường như anh đã thực sự nghĩ rằng người đàn bà góá đã không lưu ý đến bất cứ chuyện gì cho đến khi ấy, đã ngủ say mê anh đã rụt tay lại trong cơn hoảng sợ.

Bây giờ anh ngồi yên, hai tay đặt trên đùi mình, lùi sâu vào ghế như trước, khi nàng mới bước vào. Anh đang hành động ngớ ngắn; anh ý thức được điều đó. Với cú miết gót giày, nồng rộng hông ra, anh như thể háo hức tiếp xúc trở lại nhưng sự thận trọng ấy của anh cũng là ngớ ngắn, dường như anh muốn bắt đầu lại động tác cực kì kiên nhẫn của mình, như thế lúc này anh không chắc có đạt đến mục tiêu cao nhất hay

không. Nhưng liệu anh có thể đạt được? Hoặc đây chỉ là điều tưởng tượng mà thôi?

Đường hầm trùm lấy họ. Bóng tối dần dày đặc hơn, và Tomagra, thoát tiên với động tác nhút nhát, đôi lúc rụt về như thể anh thực sự sẵn sàng ở những bước tiến ban đầu và rồi ngạc nhiên bởi sự táo bạo của mình, rồi cứ cố thuyết phục mãi về sự hiểu biết sâu sắc mình đã có được với người đàn bà ấy, vươn rộng bàn tay, xấu hổ như một ả gà mái tơ, về phía ngực nàng, rộng và có gì đó lơi lỏng từ lực hấp dẫn của nó, rồi qua động tác sờ soạng háo hức, anh cố giải thích cho nàng nỗi khổ sở và hạnh phúc không thể nào nói hết từ địa vị của anh và anh chẳng cần đến bất kì thứ gì khác ngoài nàng để được ở trên khu bảo tồn của nàng.

Người đàn bà goá phản ứng, bằng động tác bất thình lình để bảo vệ bản thân và chối bỏ anh. Ngần ấy đã đủ để Tomagra rụt sâu vào góc của mình và vặn vẹo đôi tay. Nhưng lại hoá ra là, dấu hiệu báo động giả được gây ra bởi luồng sáng quét qua lối đi và nó đã khiến bà goá sợ đường hầm đột nhiên chấm dứt. Có lẽ; hoặc giả anh đã quá trớn hay lại quá thô lỗ với nàng, người đã rất hào phóng với anh? Không, bây giờ thì chẳng còn điều gì ngăn cấm giữa họ; và hành động của nàng, trái lại, là dấu hiệu cho thấy, tất cả là thực, rằng nàng đã chấp nhận cuộc chơi. Tomagra lại dấn tới. Biết chắc rằng, sự trùng trình sẽ làm lâng phí rất nhiều thời gian; đường hầm đâu còn dài nữa và sẽ chẳng khôn ngoan tí nào nếu bị người ta bắt gặp khi ánh sáng đột nhiên xuất hiện. Tomagra đang ngóng chờ ánh sáng xám mờ in trên tường đường hầm; càng hồi hộp ngóng chờ thì sức cám dỗ liêu lindhàng càng tăng. Dĩ nhiên, đây là một đường hầm dài; anh nhớ tới những chuyến đi khác là nó thực sự rất dài. Và nếu anh tóm lấy cơ hội ngay lập tức thì anh hãy vẫn còn nhiều thời gian. Bây giờ tốt hơn cả là đợi cho đến lúc kết thúc, nhưng nó không hề kết thúc và ắt

hắn đây là cơ hội cuối cùng của anh. Kìa: bây giờ bóng tối nhạt dần, đường hầm sấp hết.

Họ ở vào khoảng những ga cuối cùng của tuyến nội tỉnh. Tàu đang trống dàn; vài hành khách trong toa xuống ga và bây giờ, những người cuối cùng đang chuẩn bị hành lý rời đi. Cuối cùng chỉ còn mình họ trên toa, anh lính và người đàn bà goá, rất gần nhưng lại đứng đứng, cánh tay họ khoanh lại, im lặng, mắt nhìn vào khoảng không. Tomagra vẫn phải nghĩ: Bây giờ tất cả ghế đều đã trống, nếu nàng muốn thoải mái và dễ chịu, nếu nàng chán ngấy mình thì nàng sẽ chuyển...

Có điều gì đó kiềm chế và làm anh ngần ngại, có lẽ là sự hiện diện của nhóm người hút thuốc ngoài lối đi hay ngọn đèn đã bật sáng bởi trời đã tối. Lúc ấy anh nghĩ đến việc kéo rèm che ở phía lối đi, giống như một ai đó cần ngủ. Anh đứng dậy vung về bước đi, với vẻ thận trọng hết mực và chậm rãi, anh bắt đầu tháo rèm, kéo ra rồi buộc giữ lại, anh thấy nàng duỗi người ra. Như thể nàng muôn ngủ; dẫu cho mắt nàng vẫn mở và đang nhìn, nàng đã trườn thấp người xuống, vẫn giữ vẻ diêm tĩnh, trong trắng, đoan trang, cái mũ kiêu hãnh vẫn đội trên đầu, lúc này đang gối tay lên ghế.

Tomagra đang đứng phía trên nàng. Và để bảo vệ sự tưởng tượng về giấc ngủ, anh muôn che kín cửa sổ bên ngoài; anh chồm người lên nàng để kéo rèm. Nhưng đấy chỉ là cách biểu lộ hành động kì quặc của anh trên bà goá không xúc động. Rồi lúc anh dừng việc hành hạ cái khóa rèm thì anh biết mình phải làm một việc khác; bày tỏ cho nàng thấy tất cả nỗi khao khát nóng bỏng của chính mình, nếu chỉ giải thích cho nàng sự hiểu lầm mà với nó nàng hắn sẽ mũi lòng, như thể để nói với nàng: Cô thấy đấy, cô tử tế với tôi bởi cô nghĩ chúng ta có một nhu cầu thôi thúc về tình cảm, chúng ta những quân nhân có đơn tội nghiệp, nhưng đấy là cảnh ngộ thực của tôi, đây là cách tôi nhận được phép cư xử lịch sự từ cô, đây là cấp

độ tham vọng không thể thực hiện mà tôi đã vươn đến, cô hiểu chứ, đây.

Và vì thế, bây giờ nó là bằng chứng cho thấy không có bất cứ điều gì có thể làm người đàn bà ngạc nhiên, và thực tế, mọi thứ bằng cách nào đó đã được nàng tiên liệu. Private Tomagra chỉ có thể khẳng định chẳng còn nghi ngờ gì nữa, điều đó là có thể, cuối cùng sự cấp bách từ cơn cuồng điên của anh cũng đã giúp ôm chầm lấy vật thể câm lặng của nó: nàng.

Khi Tomagra đứng dậy, bên dưới anh, người đàn bà goá vẫn nằm với cái nhìn bình thản nghiêm trang, trong sáng (mắt nàng xanh) với cái mũ và mạng che vẫn ngay ngắn trên đầu, và con tàu không nguôi tiếng rít của nó qua cánh đồng, và bên ngoài những hàng nho bất tận trải dài, và cơn mưa, cứ bám riết lấy hành trình vẫn không ngừng quất lên các ô kính cửa sổ bây giờ lại bắt đầu cơn cuồng nộ mới, anh lại có một cơn sợ ngắn, và đang nghĩ bằng cách nào mà anh, Private Tomagra, đã quá liều lĩnh đến thế.

LÊ HUY BẮC *dịch*

ONELIO JORGE CARDOSO  
(Cuba)

## CHÚ NGƯÁ SAN HÔ

**B**ốn chúng tôi sống bằng nghề câu tôm lênh đênh trên mặt nước. Con tàu Eumelia có độc một cột buồm. Về đêm, khi một người giữ tay lái giữa hai đầu thì ba người còn lại nằm úp thia ngủ ở trên boong tàu mà cảm thấy nước bẩn ở dưới khoang theo nhịp sóng dung đưa xô lên liếm mắt cá chân mình.

Bốn chúng tôi đã gắn chặt với cuộc sống này. Bởi vì khi con người đã chọn hướng đi và chiếc tàu đã nhổ neo khởi hành rồi thì lúc ấy không thể trở lại phía sau được nữa. Con tàu đã có lộ trình được sắp đặt và nó không thể có một lộ trình khác. Chúng tôi đã quen với nếp nghĩ ấy. Cho tới khi có người thứ năm nhập cuộc đã làm đảo lộn ý nghĩ đó của chúng tôi, và chúng tôi không thể nào quên được với việc ông ta hiện diện trên con tàu này. Không có nghề đã dành, ông ta cũng chẳng có lý do gì để phải sống cuộc sống này của chúng tôi. Và điều này mới tệ hại hơn: so với bất kỳ ai trong chúng tôi, ông ta cũng gấp đôi tuổi. Ngoài ra, ông ta là người giàu có, do đó chẳng phải vụ gì vất vả như chúng tôi để rồi cùng chia nhau mấy đồng pêxô còm. Đó là một việc không thể hiểu được, nó làm chúng tôi khó chịu. Và tôi cảm thấy rằng sớm hay muộn sự khó chịu đó, vẫn ẩn sâu trong những cái nhìn và những lời

cố nhịn, vào một ngày nào đấy sẽ bùng ra ngoài. Và quả vây, đến ngày thứ ba, tôi không nén được, hỏi:

- Nay Mônggô! Cái ông nhà giàu ở đây để làm gì vậy? Cậu hãy nói tớ nghe nào.

- Nhìn đáy biển!

- Nhưng ông ta không phải là người đánh tôm.

- Nhìn để mà nhìn thôi.

- Cái ấy chẳng giúp chúng ta xua mồi vào lưới được.

- Đúng thế! Nhưng đối với chúng mình thì cứ coi như đã có tôm bán rồi.

- Nghĩa là ông ta trả tiền phải không?

- Đúng thế!

- Trả bao nhiêu?

- Muốn bao nhiêu ông ta cũng trả.

Mônggô chăm chăm nhìn tôi và rồi còn cười nữa, như thể cậu ta đợi cho tôi hiểu những ý nghĩ dí dỏm của mình không cần thêm những lời giải thích.

- Ông ta có biết là đôi lúc chúng mình ở lì ngoài biển vài ba tuần liền không?

- Biết.

- Và thứ nước uống của chúng mình không phải là nước ướp trong tủ lạnh, cũng không phải nước lọc trong bình thuỷ tinh?

- Biết.

- Và giường nằm thay cho nệm là những tấm ván cứng?

- Biết, biết, nhưng ông ta chẳng đổi hỏi gì cả. Mà thôi, cậu hỏi in ít thôi, kéo sau này muốn hỏi lại chẳng biết đằng nào mà lần. Ở ngoài biển, câu hỏi nó cũng như thuốc lá ấy, có khi cần lại hết mất rồi.

Thuyền trưởng Mônggô quay đi đúng lúc sao Hوم hiện lên trên đảo Caduêlô.

Đêm ấy tôi nghĩ mông lung về con người đó. Suốt ngày, khi mọi người hí húi làm việc, ông ta cứ nằm vục mặt xuống sát mặt nước để làm gì? Hay là ông ta không muốn người trên các tàu khác trông thấy? Vì sao ông ta để lại sau lưng mình nào đất đai, nào tiền của? Ông ta tìm kiếm cái gì trên con tàu Eumêlia này mà chẳng biết rằng những đêm như đêm nay cơn gió bắc có thể sẽ cuốn nó đi bất cứ phương trời nào? Tôi ngủ với đôi mắt nóng ran vì suốt ngày cứ phải nhìn đáy biển và tay vô nhịp lùa tôm vào lưới. Tôi ngủ say như một dân chài thực thụ, ngủ từ trong sâu thẳm của tâm tư cho đến đầu ngón tay.

Vào lúc trời rạng, như một tia nắng, tôi bắt gặp câu trả lời: hay là ông ta đợi một con tàu khác có tốc độ lớn hơn con tàu này sẽ tới đón ông ta? Có lẽ ông ta sẽ sang Dutacăng, đất nước của Mêhicô. Vì một tội lỗi nào đó không thể lấy tiền của mà che đậy được, và ông ta phải bỏ của mà chạy lấy người. Bởi vậy mà thuyền trưởng Mônggô bảo rằng muốn lấy bao nhiêu ông ta cũng trả. Có Pêđritô cầm mái chèo, cả ngày hôm ấy tôi cứ úp mặt xuống nước đánh tôm trên chiếc xuồng con, con tàu Enmêlia thả neo trên biển lặng không một gợn sóng nhỏ, để mặc mặt trời soi bóng.

- Cái nhà ông ấy cứ cúi đầu nhìn đáy biển cả ngày, - Pêđritô cười nói, còn tôi vẫy tay cho khô để khỏi ướt điếu thuốc thứ hai trong ngày. Tôi bảo chú em:

- Chú không thấy là ông ta đang đợi tàu khác sao?
- Tàu nào kia?
- Tàu nào, tao biết à! Có lẽ ông ta sẽ sang cư trú ở Dutacăng.

Đôi mắt trong xanh của Pêđritô, trong suốt như tuổi mười bốn và xanh như nước biển quê chú, nhìn tôi bằng cái nhìn rất thiêng thần.

- Thực em không hiểu anh nói gì?

- Ông ta muốn trốn khỏi Cuba.
- Ông ta bảo rằng ông ta sẽ trở về cảng mà, rằng khi nào biển nổi gió là ông ta trở về đất liền ngay.
- Chú nghe thấy thế à!
- Hiển nhiên rồi! Ông ta bảo với anh Mônggô thế này: khi biển im gió tôi ở với các anh. Sau đó tôi sẽ trở về nhà mình.
- Sao?
- Anh Luxiô ạ, hai bên thoả thuận với nhau thế này: Chúng mình sẽ đưa ông ta trở lại cảng khi nào có gió, dù chỉ là gió nhẹ lúc đang trưa.

Rõ ràng là ông ta không có ý định chạy trốn, mặc dù ông ta có tiền. Phải là một anh dân chài mới hiểu đó là điều không thể hiểu được. Bởi vì bất cứ một người đàn độn nào cũng sẵn sàng làm bất cứ việc gì để có lấy ngày hoàn toàn thoát khỏi cái cảnh đêm nầm trên boong tàu và ngày úp mặt xuống biển.

Tôi giật lấy mái chèo trong tay Pêđritô và không nói không rằng với nhau lấy nửa lời, chúng tôi bơi về phía con tàu Eumêlia. Khi đi qua trước mũi tàu, tôi thấy ông ta hâu như nầm úp mặt xuống nhìn biển. Không nhìn thấy thuyền chúng tôi và cũng chẳng nghe thấy tiếng mái chèo khua trên mặt nước, ông ta chỉ hơi nhăn mặt khó chịu khi sóng nước xô tới xoa nhoà mặt nước phẳng lì trong gương, nơi ông ta đang dán mắt vào nhìn đáy biển.

Người ta có thể tính được số tiền sẽ có, nhưng còn việc này quan trọng hơn: đó là việc cần phải biết cái gì hấp dẫn con người có đôi mắt mỏ to, vầng trán rộng lại im lặng như một pho tượng đá ấy. Bởi vậy, tôi chạy tới nói với thuyền trưởng Mônggô:

- Nay Mônggô, ông ta muốn gì? Ông ta tìm kiếm cái gì? Vì sao ông ta lại trả tiền cho chúng mình?

Mônggô đang vá lưới, miệng mấp máy định nói, nhưng chỉ

có làn khói thuốc lá phả ra rồi tan ngay vào trong không khí của biển.

- Không nghe thấy tớ hỏi hay sao?

- Có

- Còn đợi gì mà cậu không trả lời đi?

- Mình biết cậu định hỏi cái gì rồi và mình đang tìm cách trả lời cậu đây.

- Bằng lời nói.

- Đã dành là bằng lời nói, nhưng sao cho nó dễ hiểu hơn...

Mônggô quay lại phía tôi và đặt cần lưới xuống bên cạnh. Tôi cố nhẫn nại chờ đợi, nhưng rồi cũng phải thúc giục cậu ta:

- Câu hỏi của tớ không có gì là lạ lùng cả.

- Nhưng câu trả lời có không ít điều lạ lùng, Luxiô ạ! - Cậu ta nói với vẻ rất trịnh trọng. Nhưng khi tôi chưa kịp lấy hơi để nói thì đã nghe Pêđritô gào to:

- Tàu chúng ta mắc cạn rồi!

Chúng tôi nhảy ào xuống nước, đứng ngập đến cổ, hùng hục đẩy bụng con tàu Eumêlia cho đến khi nó nổi lên vượt qua chỗ cạn, kéo theo những luồng nước xoáy cát ở dưới đáy biển lên đục ngầu. Mônggô đi kiểm tra lại lưới, còn tôi phải chuẩn bị bữa sáng - hôm đó đến lượt tôi. Vậy là cả ngày hôm đó không có dịp ngồi nói chuyện với thuyền trưởng. Ngược lại, tôi có điều kiện để nhìn rõ hơn khuôn mặt của ông ta. Lần đầu tiên tôi nhận thấy đôi mắt to và sáng của ông ấy không nhìn ra phía xa lâu được. Ông ta không nói chuyện với tôi một lời, nằm cạnh buồng lái và ngủ say không còn biết đến trời đất là gì nữa. Khi đêm tối, thuyền trưởng Mônggô đánh thức ông ta dậy. Ngồi trong bóng tối, ông sì sụp húp xúp rồi sau đó lại nằm lăn ra ngủ.

Cơn gió nhẹ từ những lùm nho biển trên đảo Caduêlê thổi tới. Tôi rửa nhoáng nhoảng cho chóng xong các bát đĩa trong

nước mặn để tới đầu tàu nơi thuyền trưởng đang nằm phơi bụng dưới ánh trăng tròn. Thuyền trưởng vẫn giữ thái độ im lặng, buộc tôi phải mở đầu câu chuyện từ chối bị bỏ lửng:

- Nay Mônggô, câu hỏi của tớ chẳng có gì lạ lùng cả.

Dưới ánh trăng, cậu ta nhoẻn miệng cười. Nằm lại cho thoái mái, và trong lúc châm thuốc lá, thuyền trưởng bảo tôi:

- Ngồi xuống đi, Luxiô. Tớ đã tìm ra cách trả lời cậu rồi.

Dựa lưng vào cột buồm, tôi từ từ trượt lưng cho tới khi ngồi sệt trên sàn tàu.

- Hãy nghe tớ nhé. Hãy cứ mường tượng là đầu óc ông ta không được bình thường lắm, và ông ta phải trả tiền cho bọn ngư dân chúng mình để được ở trên tàu này chữa bệnh.

- Bằng cách suốt ngày cứ vục mặt xuống nhìn nước biển!

- Không phải. Nhìn đáy biển.

- Dù nhìn nước hay nhìn đáy biển thì chẳng nhẽ cái đó không phải là một trò đùa.

- Thế thì với cậu quan trọng cái nỗi gì, khi mà người ta đã trả tiền cho trò chơi của họ?

- Quan trọng hắn đi chứ!

- Vì sao?

Tự nhiên tôi bị tắc tị, nhưng dù sao tôi cũng liều mạng trả lời:

- Bởi không chỉ bằng lòng với đồng tiền bõng dưng mà có, mà còn muốn biết cái bàn tay vung tiền ra ấy muốn gì.

- Thì hãy cứ cho đó là một cơn điên chẳng hạn.

- Và ở cùng với thằng điên trên một con tàu lênh đênh giữa biển khơi là hay ho lắm sao?

- Luxiô ạ, đó là một cơn điên đặc biệt, nó lặng lẽ và chỉ hơn khó chịu khi có gió thổi.

Câu trả lời ấy khiến tôi bực mình, xăng giọng hỏi:

- Thế gió gì sao hả? Điều cậu vừa nói chính Pêđritô đã nói

với tớ rồi. Nhưng mà tớ muốn được biết, vì sao cái ông ấy lại cứ mong biển phảng lăng như một vũng nước con?

- Tớ đã bảo cậu rồi: đó là một cơn điên.

- Láo toét! - Tôi xẳng giọng trả lời, và sợ hãi quay nhìn về phía mũi tàu, nghĩ rằng ông ta đã bị đánh thức; nhưng mắt tôi chỉ thấy đôi chân trần của ông ta lòi ra ngoài tấm trong ánh trăng. Tôi quay lại phía Mônggô, bắt gặp khuôn mặt cậu ta đang nhăn nhở cười.

- Người anh em, chớ nên giật mình như vậy. Đó là một cơn điên đần đần độn độn, và vì nó mà ông ta phải trả tiền. Cơn điên này chẳng ảnh hưởng tới những người xung quanh.

- Nhưng cần phải đề phòng chứ, - tôi nói nhanh với thuyền trưởng, và tôi tin rằng lúc này thuyền trưởng sẽ nói thực với tôi.

- Thôi được, tớ trả lời vào câu hỏi của cậu đây: ông ta tin là có người sống ở biển.

- Có người?

- Không! Một con ngựa!

- Sao?

- Một con ngựa hồng, ông ta bảo thế, hồng như san hô.

Mônggô bật cười ha hả, cười to đến mức khiến tôi tin điều cậu ta nói. Bỗng nhiên tôi thấy cái ông ấy đứng giữa chúng tôi; và để đánh trống lảng, Mônggô vờ hỏi:

- Thế nào ông bạn? Ông bị mất ngủ à?

- Anh vừa nói tới con ngựa và chớ nghĩ rằng tôi bịp anh nhé! Trong những chuyện như thế này tôi không bịp bợm ai cả.

Tôi lặng lẽ đứng dậy để nhìn cho rõ khuôn mặt ông, vì lúc này tôi chỉ nhìn rõ ánh trăng viền quanh đầu ông ta. Tôi nghĩ thế nào trên khuôn mặt ông cũng hiện rõ vẻ bực dọc, mặt dù giọng nói của ông vẫn rất điềm nhiên. Nhưng không, ông ta vẫn trầm tĩnh như biển. Mônggô phớt lờ ông, chậm rãi đứng dậy và nói:

- Tôi chẳng bảo ai là đồ bịp bợm cả, nhưng tôi sẽ không bao giờ đi tìm con ngựa sống ở dưới đáy biển. - Cậu ta chui qua chiếc cửa vuông để vào trong buồng đi ngủ.

- Vâng. Không bao giờ anh ta sẽ đi tìm nó, - ông ta nói, - và dù anh ta có cất công đi tìm cũng sẽ không thấy.

- Sao lại không nhỉ? - Tôi thốt lên, bởi vì tin tưởng rằng không ai thông thạo biển bằng Mônggô. Ông ta day mặt về phía tôi và ánh trăng chiếu thẳng vào mắt ông.

- Bởi vì phải có mắt mới nhìn thấy được. Ai có mắt người ấy mới thấy.

- Thấy gì kia?

- Thấy cái mà mắt muốn nhìn khi nó nhìn chán những cái cứ lặp đi lặp lại.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một cơn điên hiền lành và dịu dàng.

Mônggô có lý; nhưng tôi, tôi không thích lột tiền của những thằng điên kiểu này, và cũng chẳng muốn ở cùng với họ. Bởi thế tôi bỏ đi, và đã đi được vài bước về phía mũi tàu thì bỗng nghe ông ấy nói chuyện với tôi:

- Này anh bạn kia, khoan khoan đã nào... Phải biết đê phòng...

Đó chính là những lời của tôi vừa nói, và tôi cảm thấy cần phải bảo vệ chúng:

- Đúng rồi! Thế thì đã sao nào?

- Anh đê phòng tôi?

- Tôi thì chẳng việc gì cả. Anh có thể để cả đời mình vào cái việc nhìn nước hoặc nhìn đáy biển, tôi cũng chẳng sao.

- Ừ nhỉ. Nhưng mà anh lại muốn biết vì sao.

- Böyle giờ thì tôi biết rồi.

- Một cơn điên chứ gì?

- Đúng thế. Một cơn điên.

Ông bật cười và nói trong tiếng cười:

- Với cái mà ta chưa hiểu thì cần phải đặt cho nó một cái tên.
- Nhưng ai có thể nhìn thấy cái không có bao giờ? Một con ngựa sinh ra là để mũi nó thở hít không khí, là để bờm nó bay trong gió và để vó nó khua lộp cộp trên những tảng đá.

- Nhưng con ngựa cũng được làm ra cho trí tưởng tượng nữa chứ.

- Ông bảo sao kia?

- Tức là để nó phi ở nơi mà nó làm phản chấn sự suy nghĩ của con người.

- Vì thế mà ông đã cho nó phi ở dưới nước?

- Anh hãy hiểu cho là nó vốn ở dưới nước chứ tôi không cho nó phi ở dưới nước. Tôi nghe thấy nó và nhìn thấy nó. Trong lúc trời yên biển lặng, tôi có thể phân biệt những tiếng động của nó từ rất xa, nghe rõ tiếng vó nó gõ lách cách trên những tảng đá, sau đó nhìn thấy bờm nó và toàn thân hồng của nó, hồng như san hô, hồng như máu trong huyết quản khi chưa kịp tiếp xúc với không khí.

Dích thị là ông ta đang hứng chí, và tôi lại muốn bỏ đi. Nhưng tự trong đáy lòng mình, tôi phải thú nhận rằng, kể cả ra cũng thích khi được ngắm một chú ngựa san hô như thế, dù nó chỉ qua miêu tả bằng lời của một người đang cao hứng. Dĩ nhiên là phải giữ kín cái ý nghĩ này, bởi vì tôi ngại phải thú nhận rằng ông ta đã thuyết phục được mình qua cuộc đối thoại.

- Thôi được, ông cứ việc tìm kiếm chú ngựa ấy, vì ông không phải lo kiếm miếng ăn.

- Tất cả mọi người, ai cũng như ai, đều cần chú ngựa san hô ấy.

- Nhưng nhiều người cần cái ăn hàng ngày hơn.

- Và tất cả đều có nhu cầu xem chú ngựa san hô.

- Hãy để yên cho tôi đi kiếm miếng ăn hàng ngày, vì cái cuộc sống này là một thứ nợ đói mà chúng tôi phải gánh chịu.

- Khi nào đã có miếng ăn hàng ngày, lúc đó anh sẽ thích thú chú ngựa ấy mà.

Có thể tôi chưa hiểu nổi những lời này, nhưng chúng cũng loé sáng và để lại ấn tượng trong trí não tôi. Vấn đề thật hóc búa và nặng nề đối với tôi, còn nặng nề hơn cả cái công việc hàng ngày úp mặt xuống nước dõi nhìn những con tôm. Bởi thế tôi bỏ đi, lần này đi thật nhanh để không cho phép ông ta gọi tôi, và nếu có gọi thì tôi không cũng không quay trở lại.

Như thường lệ, ngày lại bắt đầu khi mặt trời hiện ra trên đảo. Caduêlô và cơn gió mang tới tiếng kêu quang quác của bầy côrua<sup>(1)</sup>. Khi Mônggô cùng với Pêđritô bước lên thuyền con, tôi gấp riêng Mônggô để nói nhỏ với cậu ta mà không cần phải trả lời:

- Đừng chia tiền cho tớ nhé vì tớ chẳng muốn lột tiền của ông ấy đâu.

Chúng tôi lại bắt đầu công việc hàng ngày. Chúng tôi bơi xuống ra chỗ nước suối nhìn rõ đáy biển mọc đầy rong rêu với lưới đánh tôm săn trong tay. Chính tại đây, lần đầu tiên, tôi bỗng bật cười quay đầu lại nói với Pêtritô.

- Chú em nghĩ thế nào nếu anh cũng lùa vào lưới được một chú ngựa san hô ấy?

Chú đưa đôi mắt ngây thơ nhìn tôi, không trả lời vào câu hỏi của tôi, mà lại nói những lời sau đây khiến tôi phải giật mình:

- Anh Luxiô, cẩn thận, kẻo ông mặt trời đốt nóng đầu anh rồi đấy.

“Không phải mặt trời mà chính là ông ấy đấy”, - tôi nghĩ như vậy và thoảng cảm thấy một nỗi buồn bâng quơ.

<sup>(1)</sup> Côrua - một loại chim có chân màng sống ở vùng biển Caribê.

Ba ngày nữa trôi đi, vẫn những ngày giống nhau như đúc. Ông ta vẫn lâm lì ăn ít nhìn nhiều và thường phớt lờ những câu châm chọc của Vixênhhtê để lộ trong những cái cười và vừa mới đây cả trong những lời nói:

- Nay ông bạn, ở phía Bắc rong rêu cứ mọc um tùm, hình như chúng mọc tốt như thế nhờ phân của chú ngựa san hô thì phải!

Tôi không cho những lời ấy là độc địa nhưng quả có hơi thô thiển. Trước đây tôi vẫn thường cười phụ họa theo những lời đùa téu của Vixênhhtê, nhưng giờ đây thì những lời ấy quá ư hèn kém và tẻ nhạt bên cạnh ý nghĩ về một chú ngựa san hô tự do, rung bờm, mỗi bận phi qua gó vó lách cách trên những tảng đá nơi đáy biển. Những lời ấy khiến tôi nhức nhói trong tim tới mức tự mình phải tìm đến bên ông ta vào một đêm, mặt dù trong bụng đã tự nhủ là không được nhượng bộ.

- Hãy cứ cho là chú ngựa san hô ấy có thật đi, cứ cho là nó phi ở dưới đáy biển đi. Vậy nó tồn tại để làm gì? Phận sự của nó là gì?

- Phận sự của nó là phi qua trong nước, là làm rực sáng tâm tưởng ta, hoặc giả là nó chẳng có phận sự gì cả.

- Vậy thì có đáng phải tồn công tốn sức như ông trong những ngày vừa qua để nhìn nó phi qua rồi mất hút đi không?

- Muốn có cái mới phải dày công tốn sức, muốn có cái kì diệu sẽ tới trong tương lai thì phải biết hy sinh.

- Toàn chuyện tầm phào! Chú ngựa ấy không có thực, nó sẽ chẳng bao giờ phi dưới đáy biển và không một ai đã nhìn thấy nó.

- Chính tôi đã nhìn thấy và rồi tôi sẽ lại nhìn thấy nó.

Tôi định trả lời ông ta ngay; nhưng nhìn vào mắt ông, tôi im bặt. Trong con mắt ông toát ra sức mạnh kỳ diệu của đức tính chân thành, trong thái độ ông toát ra vẻ cao thượng hiếm

người có. Những thứ ấy đã ngăn lại, không cho phép tôi được láo xược bác bỏ ông. Tôi thấy cần phải nhìn đi nơi khác, qua vai ông tôi thấy vòng lượn gần kề của con bói cá bông khép cánh lại rồi lao tump xuống biển.

Ông đặt bàn tay mềm mại lên vai tôi và bảo:

- Anh sẽ cùng nhìn thấy. Chiều nay nhớ hãy ở cạnh tôi nhé.

Gần như nỗi cău, tôi gạt phắt bàn tay ông đi. Ông ta không được phép làm tôi nóng đầu thêm. Mặt trời hiện đang ở phía trái ông đã làm tôi đủ nóng đầu rồi, ông không được phép buộc tôi cũng phải thấy cái ảo ảnh ông ta thấy, dù cho cái ảo ảnh ấy thuộc thế giới này hoặc thế giới khác.

- Đối với tôi những con tôm biển đủ rồi. Tôi chẳng có nhu cầu những thứ khác, - Tôi quay đi nhưng vẫn nghe thấy ông ấy nói vọng theo:

- Cũng như tôi, anh có vô khối nhu cầu. Anh có mắt để nhìn kia mà.

Ngày hôm ấy tôi không ăn trưa, phần vì không cảm thấy đói, phần vì công việc nhiều; lúc hết giờ nghỉ, tôi cùng đánh tôm với Pêđritô trên một chiếc xuồng, và tôi mải mê làm việc cho đến năm giờ chiều, cái giờ hầu như không còn đủ ánh sáng để nhìn thấy con vật bình thường ở dưới đáy biển. Tôi trở lại tàu, và điều tai hại đối với tôi là cả ba người đều đi vắng hết. Vixênhêtê, Mônggô, Pêđritô lên đảo để tìm quả dừa lửa. Lê ra tôi cùng đi với họ, nhưng khi họ bơi thuyền đi thì tôi không biết. Tôi đành phải làm bất kì công việc nào đấy cốt tránh tiếp xúc với con người ấy. Chiếc tàu bỏ neo ở phía Nam hòn đảo Caduêlô, nơi nước sâu nhất. Lúc này cả trời lẫn biển đều im ắng một cách lạ thường. Ngay cả rong rêu dưới bụng con tàu Eumêlia cũng không hề động đậy. Bầu trời cao và thanh lặng để ta nghe rõ tiếng thở nhẹ nhàng của không khí. Tôi đang ở trong khung cảnh ấy thì nghe:

- Hãy tới đây mau lên!

Tay lướt tuột khỏi tay tôi và hai chân như muốn hất tôi ngã xuống biển. Nhưng tôi vẫn ngồi yên.

- Hãy lại đây mau lên, nó đang phi tới đấy!

- Ông không có quyền lây bệnh điên của mình cho người khác nhé.

- Anh sợ phải đối mặt với sự thật hay sao?

Tôi không thể chịu đựng được nữa. Chẳng nói chẳng rằng, gạt chiếc lưới sang bên, tôi chạy ào tới bên ông.

- Tôi không sợ, - tôi nói.

- Hãy nghe... tiếng nó đang tới đấy...

Cố nín thở lắng nghe, sau đó tôi quay lại phía ông:

- Đó là tiếng sóng chử.

- Không phải.

- Đó là tiếng nước chảy ở dưới gầm tàu...

- Anh nhớ cho là không phải đâu.

- Vậy là tiếng gì ấy chứ không thể là tiếng động do chú ngựa san hô gây ra.

- Nghe! Nghe!... Đôi lúc tôi nghe rõ cả tiếng vỏ nó gõ trên các tảng đá:

Tôi nghe thấy gì? Cái mà tôi nghe thấy có phải chính lỗ tai tôi nghe thấy hay tôi nghe bằng lỗ tai ông ta? Tôi không biết cả người tôi đang nóng ran lên và máu cứ rần rật chạy nơi cổ.

- Böyle giờ anh bạn hãy nhìn xuống, nhìn cho tinh vào.

Ông ta nói cứ như ra lệnh cho tôi ấy và không biết rằng người ta chỉ để mắt tới cái mà người ta thích. Tôi nhìn ra biển, lặng lẽ nhìn tàu lá mănggiê<sup>(1)</sup> nổi trên mặt nước ngay gần chỗ chúng tôi.

- Nó đến kia, nó đến! - Ông ta nói với tôi bằng một giọng gần như ra lệnh và cầm lấy cánh tay tôi chắc tới mức tôi cảm

<sup>(1)</sup> Mănggiê: một loài dây leo mọc ở bờ biển châu Mỹ nhiệt đới.

thấy móng tay ông cắm vào da thịt mình. Nhưng mắt tôi vẫn diễm nhiên ngắm tàu lá mǎnggiê và tai tôi vẫn chênh mảng nghe ngóng tận đâu đâu ấy. Tôi cứ để mặc cho ông ta muốn làm gì thì làm, cho tới khi toàn thân ông ta run lên, run từ đầu tới chân, và bỗng ông ta gào túng lên:

- Kìa!... Kìa!... Kìa, nó đến!

Tôi day mặt lại, hướng cái nhìn từ tàu lá mǎnggiê vào thăng mắt ông ta. Thú thực, tôi chẳng muốn nhìn ảo ảnh có liên quan tới thế giới này hoặc thế giới khác. Hãy giết quách đi còn hơn bắt buộc tôi phải làm cái việc tôi không thích. Nhưng rồi bỗng ông ta quên tôi đi. Ông buông cánh tay tôi. Mắt ông mở ngày một to hơn. Trong lúc tôi chẳng muốn nhìn gì hết, thì tôi lại thấy quanh cảnh đáy biển được phản chiếu trong mắt ông ta, thấy một chú ngựa san hô, hồng tuyền một màu từ tai tới đuôi, và rồi chú ngựa ấy lại biến khỏi mắt ông.

Từ đấy đến nay đã không ít thời gian trôi qua, và giờ đây thỉnh thoảng tôi lại thích thú đi đánh cá và cả đánh tôm nữa. Tôi không còn phải vật lộn với miếng ăn hàng ngày và cũng không lẩn tránh những cuộc đàm đạo về những sự việc cao siêu có liên quan tới thế giới này hoặc thế giới khác. Tôi không biết đích xác là chú ngựa ấy có phi thật ở phía dưới bụng con tàu Eumêlia không hay là tôi chỉ thấy trong đôi mắt ông là một chú ngựa được tạo nên bởi cơn sốt cảm thức của ông từng đốt nóng vầng trán của tôi. Sự thật là trong lúc càng trăn trở suy nghĩ, tôi càng giác ngộ điều này, và chỉ điều này thôi: đó là con người luôn luôn có hai đòi hỏi.

BO CARPELAN  
(Phần Lan)

## CƠN BÃO

**T**ôi nhớ, mình mơ thấy cơn bão lớn, đã từng làm rung chuyển ngôi trường cũ kỹ nằm bên cạnh Công viên Đại dương của chúng tôi vào một buổi tối tháng Mười hơn bốn mươi năm về trước. Giấc mơ đầy những tiếng ầm ĩ, kêu van, những tiếng nổ rền vang, và những cuộc gắp gỡ kỳ lạ, cả một món hổ lốn của thầy phù thủy vẫn đang tiếp tục sôi và bốc hơi khi tôi nhớ lại ngày hôm đó và những đám mây lớn màu vàng.

Cô giáo dạy toán của chúng tôi - một phụ nữ nhỏ nhắn gầy gò, trông giống như người đã từng nuốt phải dấu hỏi và luôn luôn ngạc nhiên tìm kiếm xem dấu chấm lạc đi đâu, vì thế mà cô luôn nói bằng giọng trầm trồ, mắt nhìn xuống đất như thể những đứa học trò chúng tôi không hề tồn tại, mặc dù đôi mắt nhỏ màu đen của cô vẫn nhìn thấy tất cả những gì xảy ra trong lớp, và trong nháy mắt cô đã đứng ngay cạnh đứa nào không vâng lời - đang viết lên bảng đen bảng bảng cửu chương, thì có luồng sáng màu vàng kỳ lạ tràn vào trong lớp. Chúng tôi quay nhìn ra cửa sổ: có cảm giác như cả ngôi trường trong nháy mắt biến thành ga xe lửa. Toà nhà rung chuyển và lung lay, tiếng hú lanh lảnh xuyên qua những bức tường đá dày lạnh lẽo và những luồng khí đậm đặc như khói lao vun vút qua ngay trước những khung cửa sổ cao tít; chúng lao nhanh

đến mức cả lớp học cũng lao về phía trước như thể chúng tôi đang ngồi trong khoang máy bay. Cô giáo ngừng tay viết và ngẩng cái đầu nhỏ nhắn với mái tóc đen lên. Không nói một lời nào, cô đi đến bên cửa sổ và đứng nhìn chằm chằm những đám mây bay.

Từ phía hành lang vang lên những tiếng cửa đập chát chúa và những tiếng kêu the thé. Những hàng ghế nhè nhẹ rung, và như nghe hiệu lệnh tất cả chúng tôi bao người như một lao về phía những chiếc cửa sổ, trèo lên trên thành cửa và ngồi đó dõi theo cơn lốc. Từ đó trở đi hai loại âm thanh, âm đục và trầm, âm cao và sắc, cả hai xoắn bện vào nhau như dây chão liên tục quất vào thân những cây thích già nua và bứt sạch những cái lá cuối cùng, làm cho cả công viên trông như một đống những cành cây tro trọi đen thuỷ. Những cây thích uốn cong như những cánh cung đang chống trả từng đợt sóng lớn ầm ào lao vào từ phía biển.

- Trở về chỗ ngay! Cô giáo hét lên bằng giọng sắc lạnh, nhưng chúng tôi vẫn bám chặt vào cửa sổ, những đám mây lao vun vút biến mất. Một sự yên lặng âm ỉ bao trùm bên ngoài, và cả sáu chiếc đèn trần màu trắng trong lớp nhất loạt sáng bừng lên rồi vụt tắt - trở về chỗ ngay! Cô giáo hét lên và chúng tôi miễn cưỡng quay lại ghế ngồi. - Làm bài tập đi! Giọng nói vang lên từ hành lang. Đột nhiên đèn bật sáng chói chang và cánh cửa bật tung. Chúng tôi đứng phắt dậy, chen lấn xô đẩy nhau lao ra hành lang tối om về phía cửa ngoài.

Bỗng nhiên một tiếng âm rung chuyển vang lên, nhấn chìm tiếng kính vỡ và hàng ngàn âm thanh hỗn độn của đám mây màu vàng khổng lồ đang tiến lại. Chúng tôi nhìn thấy qua khung cửa sổ nơi cầu thang mái thiếc lấp loáng của ngôi trường vừa kêu xoảng vừa bứt khỏi khung xà dọc ngang và uốn lượn như tấm khăn trải giường bay ra phía biển. Trên quãng đường đi nó phat ngang các ngọn cây thích dọc con

đường nhỏ và rú rít vụt qua phía sau dài thiêng văn đang nghiêng ngả cái mái nhọn đèn thăm của mình trên khuôn công viên đung đưa. Và một đám mây trắng tiếp ngay sau mái thiếc: bằng tốt nghiệp cùng các bài kiểm tra được tồn lưu lại qua gần trăm năm trên tầng áp mái. Như những chiếc lông chim bay tung ra từ một chiếc gối khổng lồ, những mảnh giấy trắng bị cuốn lên phía trên ngôi trường trông như một cơn bão tuyết và bay vút ra mặt biển hoang với một vận tốc khủng khiếp biến mất vào sâu trong đất liền. Thiên nhiên quả là kỳ hùng! Sau này mới biết rằng, những bài luận chủ đề tự do như: “Nhà nghỉ hè của chúng tôi”, “Một buổi bình minh”, “Đại dương với tôi có ý nghĩa như thế nào”, “Nhà văn tôi yêu thích”, “Hoa cảnh và hoa đồng nội” và một loạt bài có chủ đề tựa tựa như vậy đã bay ra biển và sau đó đem đến cho bao thế hệ dân chài lưới món ăn tinh thần vào những tối mùa thu bên cạnh ngọn đèn dầu. Họ phải mất bao thời gian và rất cẩn trọng để phơi khô - mẹ kế thế - những cuốn vở bìa xanh sưng nước từ trên trời cao bất ngờ rơi xuống rải khắp các hòn đảo và ghềnh đá, và rồi hăng hái gắng phỏng đoán những dòng chữ đẹp nhấp nhô lên xuống của các cuốn vở ấy. Còn những người thợ săn và nông dân sống trên phương Bắc xa xôi lại được nhận những “Đức vua Các lốt XII anh hùng”, “Ảnh hưởng của châu Âu đến văn hóa Mỹ”, “Mussolini, nhà lãnh đạo”, và “Điện năng như nguồn năng lượng” để đọc.

Khi những bài luận văn và bằng tốt nghiệp - những giấy tờ sau này thì đúng ra không có ai để mắt tới, chúng cứ thế biến mất, hoặc giả có ai đó dùng chúng làm mồi nhom lửa - cứ thế bay lên trên mái trường trông trơ xáu xí của chúng tôi, thì thầy hiệu trưởng - một người đàn ông gầy cao, có khả năng uốn thân mình vào những tư thế kỳ quặc nhất - lao vội lên cầu thang dẫn lên tầng áp mái, và cả trường rầm rắp theo sau. Ông già cổ sức ngăn chúng tôi lại, nhưng vô ích: như

một dòng sông người khổng lồ cuồn cuộn chảy qua và đánh chiếm tầng mái, đúng lúc xung quanh đột nhiên yên lặng như tờ. Trường chúng tôi đã rơi vào tâm bão, và một sự câm lặng rợn người bao trùm lên những vật ít ỏi còn sót lại. Nhưng bên các bờ tường vẫn còn hàng tủ, tủ sắt tủ đứng cạnh nhau và trong đó có niềm kiêu hãnh của nhà trường: những con chim nhồi bông do thầy hiệu trưởng cũ của trường tặng lại. Thầy hiệu trưởng leo lên trên bàn và kêu to: "Chúng ta phải mang chim vào nơi an toàn. Bão ập đến ngay bây giờ đây!" - Ông kêu, mái tóc trắng dựng ngược trông hệt một bức tranh thánh mà tôi đã nhìn thấy trong nhà thờ. Nhưng ông già trong tranh tay cầm kiếm, còn thầy hiệu trưởng chỉ có gậy chỉ bàn đồ.

Sao thầy nói đúng thế! Chúng tôi vừa kịp mở các cánh cửa tủ để cứu các con chim nhỏ, vịt trời và sẻ ngô, thiên nga và chim anca, những con ibis và con cò, những con quạ và cú đất, những con hải âu và đại bàng, thì gió lại ập đến. Trên bầu trời vừa quang đãng sáng sủa đó thấy xuất hiện một luồng sáng đỏ như lửa, và một cơn gió xoáy rú rít lồng lộn quét ào qua tầng mái tan hoang, giật phăng những con chim ra khỏi tay chúng tôi.

Và những con chim! Cứ như bao nhiêu năm tháng bụi bặm tĩnh lặng này chỉ chờ có hiệu lệnh xuất phát này đây! Cả một bầy chim cùng nhau hót vang như một cây đàn thụ cầm khổng lồ. Và bay vào khoảng không. Chúng quét ngang những bức tường quen thuộc và vừa líu ríu, líu lo, vừa gù gù và chiêm chiếp, vừa rú rít và rền rĩ, vừa the thé và chin chít bay dần lên cao, cao mãi ra ngoài tầm với của chúng tôi. Những đôi cánh đậm bành bạch, những đôi cánh vẩy chấp chới, những đôi cánh kêu vun vút; những đôi mắt lấp lánh và những cái cổ vươn dài ra phía trước, những đôi chân duỗi thẳng về phía sau và những cái móng chân co quắp, đàn chim bay xung quanh thầy hiệu trưởng của chúng tôi, người giơ tay về phía chúng bất lực.

rồi biến mất như những chiếc lá cây, biến mất, về phía chân trời xa. Cả những tiếng kêu của chúng hòa lẫn với những tiếng vọng thưa thớt cũng dần tắt ngấm, trong khi chúng tôi vừa vật lộn với cơn gió mạnh vừa lần lần xuống cầu thang.

Đột nhiên chúng tôi nhận ra là chúng tôi chỉ còn nghe thấy tiếng nói và những bước chân của chính mình, vì gió cũng bất chợt lặng đi như khi nó nổi lên lần thứ hai, và ở phía ngoài kia một sự tĩnh lặng khủng khiếp và trống như tuyệt đang bao trùm. Những cánh cửa dần ra sân trường mở toang. Những cột đèn thảm thấp nằm ngổn ngang trên sân trường trong những hình dáng uốn éo rất kỳ cục, và thầy dạy thể dục nghiêm khắc của chúng tôi thét gào: - Các em nhìn gì những cột điện ấy, có nghe không đấy! Nhưng tiếng thét của thầy thật cô đơn và yếu ớt trong im lặng... Hơn nữa, ai có thể cảm được chúng tôi nhìn sự đổ vỡ tan hoang đang chế ngự xung quanh, những bức tường đầy rạn nứt, bẩn thỉu của ngôi trường cũ kỹ, những chiếc cột trên mái như những chiếc xương sườn của một con cá voi già chia lởm chởm lên bầu trời có màu hồng phớt nhạt, những cây to lá rụng cành gãy, thế giới vừa trải qua cuộc tàn phá và bây giờ vừa sống lại? Nhắm mắt lại tôi vẫn nhìn thấy tất cả mọi người, những đứa con trai trong những chiếc quần chơi golf và những chiếc áo khoác đã quá ngắn, những đứa con gái mặc những chiếc váy bông kẻ ô, những chiếc quần tất nhăn nhúm, và những chiếc áo len tóc tết cao - nhắm mắt lại tôi vẫn nhìn thấy tất cả mọi người, họ đứng trong sân trường, khuôn mặt lấp loá, khi cơn bão đã qua đi, cơn bão màu vàng khủng khiếp. Sau này tôi có nghe rằng đó chỉ là một cơn bão cục bộ. Nó bỏ qua tất cả các trường học và các khu phố khác, trừ ngôi trường của chúng tôi.

Tôi tỉnh dậy, thấy cõi giáo dạy toán đang đứng ngay cạnh ghế của mình trong tay là chiếc thước kẻ mềm. Tôi đứng lên, đầu óc vẫn mù mị vì giấc mơ.

- Em ngủ trong giờ học phải không, Carpelan? Em có biết điều gì sẽ xảy ra khi ngủ trong giờ không? Trả lời đi!

Cả lớp im phăng phắc. Tất cả mọi người nhìn chằm chằm vào tôi. Tôi thì thào:

- Nằm mơ ạ.
- Nói to vào. - Cô giáo dồn hết sức gào lên. - To vào!
- Nằm mơ! - Tôi hé.

- Nằm mơ. Cả lớp đồng loạt vừa reo hò vừa gào lên nhắc lại. - Nằm mơ! Nằm mơ! - Và tiết học trôi qua trong tiếng cười đùa gào hét. Còn tôi bị phạt ở lại sau giờ học.

Nhưng trên đường về nhà tôi nhặt được trên sân trường tối mù một cuốn vở bài tập đốm màu xanh, trong đó có những dòng chữ viết nắn nót: “Cơn bão lớn màu vàng”. Tôi đứng dưới cột đèn đường, dưới ánh sáng im lìm bất động của nó, xung quanh tôi là những cây thích vàng rực, mà mỗi một cái lá của chúng chỉ chờ đợi băng giá đầu tiên đến để bình thản rơi xuống đất. Tim tôi đập thình thịch, và tôi bắt đầu đọc: “Tôi nhớ, mình mơ thấy cơn bão lớn, đã từng làm rung chuyển ngôi trường cũ kỹ của chúng tôi vào một buổi tối tháng Mười hơn bốn mươi năm về trước” - Những trang vở sau đập vào mắt tôi trắng xoá, trống rỗng. Trên bìa vở không có cái tên nào. Tôi mang vở về và giấu nó vào trong ngăn tủ của bàn viết. Còn sổ liên lạc tôi buộc phải đưa cho mẹ tôi. “Cháu ngủ trong giờ học và trả lời rất buông bỉnh”.

Mẹ tôi vô cùng lúng túng:

- Nay, mẹ phải làm gì với cái này đây?
  - Mẹ ký xuống dưới.
  - Nhưng con trả lời thế nào mới được chứ?
  - Là con nằm mơ
  - Vậy à, nhưng ai ngủ mà chẳng nằm mơ, phải vậy không?
- Tôi không biết trả lời làm sao. Tôi và mẹ nhìn nhau bất lực.

- Con nambi mơ thấy gì?
- Thấy một cơn bão lớn màu vàng.
- Vậy à. - Mẹ gật đầu và viết: - "Chính tôi cũng đã từng nhìn thấy một cơn bão lớn màu vàng".

Và mẹ ký tên xuống dưới.

Nhưng cứ mỗi lần gió nổi lên và những đám mây lấp lánh trên bầu trời, tôi lại nhớ đến ngày mái lợp của ngôi trường bay mất và đàn chim cũng biến mất, khi Công viên Đại dương trở nên đen kịt đầy đe doạ và cả thế giới kêu gào và run rẩy dưới áp lực của luồng gió lớn; cơn bão cho đến bây giờ vẫn còn lang thang đâu đó và chỉ chờ để làm mọi vật xung quanh nó thay đổi và đổ vỡ trên đường nó đi qua.

BÙI VIỆT HOA *dịch*

ANGELA CARTER

(Anh)

## CÔ GÁI TUYẾT

Ngày giữa đông - lạnh lẽo và trăng xoá. Bá tước cùng vợ dạo chơi, ông cưỡi con ngựa cái xám, còn bà cưỡi con ngựa cái đen; bà choàng tấm da lông cáo màu đen óng ánh, đi ủng cao cổ màu đen sáng bóng có gót và cựa thúc ngựa màu tía. Tuyết trắng muốt rơi chôn lên mặt tuyết, khi tuyết ngừng rơi, không gian chìm trong màu trắng bất tận. "Tôi ước, giá mà tôi có được một cô gái da trắng như tuyết", Bá tước nói. Hai người tiếp tục dạo chơi. Họ đến bên cái hố trên mặt tuyết; cái hố ngập máu. Ông nói: "Tôi ước tôi có được một cô gái môi đỏ như máu". Họ lại đi rồi thấy một con quạ đậu trên cành cây trại lá. "Tôi ước tôi có một cô gái tóc đen như lông con chim ấy".

Ngay lúc ông vừa dứt lời, cô gái đã đứng đó, bên cạnh đường, trần truồng, da trắng, môi đỏ, tóc đen; cô gái được sinh ra từ ước nguyện của ông, nhưng bà Bá tước thì lại ghét cay ghét đắng cô. Bá tước bế cô lên, đặt ngồi vào lòng, còn bà Bá tước thì mải nghĩ: mình sẽ rũ bỏ con nõm ấy bằng cách nào đây?

Bà Bá tước thả rơi một chiếc găng tay xuống đất rồi bảo cô gái xuống nhặt với dự định là bà ta sẽ phóng ngựa chạy thật nhanh, bỏ rơi cô ta lại, nhưng Bá tước bảo: "Tôi sẽ mua cho bà

một đôi mới". Ngay khi lời ấy vừa dứt, tấm áo choàng bằng lông thú rời khỏi vai bà Bá tước bay đến quấn quanh cơ thể trần truồng của cô gái. Không nản lòng, bà Bá tước ném cây trâm cài đầu bằng kim cương xuống một hố nước phủ băng mỏng: "Lặn xuống và tìm nó cho ta", bà ta nói; bà nghĩ cô gái sẽ chết đuối. Nhưng Bá tước bảo: "Cô ta có phải là cá đực mà có thể bơi trong hố nước lạnh như thế?" Ngay khi ấy, đôi ủng tụt khỏi chân bà Bá tước bay đến xỏ vào chân cô gái. Böyle giờ, đến lượt bà Bá tước trần trụi còn cô gái thì có áo khoác lông và ủng; Bá tước cảm thấy xấu hổ vì bà vợ. Họ đến cạnh bụi hoa hồng đang nở rộ. "Hái cho ta một bông", bà Bá tước bảo cô gái. "Tôi không thể ngăn bà làm việc này", Bá tước nói.

Thế là cô gái ngắt một bông hồng, ngón tay bị gai đâm; cô hét lên rồi ngã vật xuống.

Mặt đầm đìa nước mắt, Bá tước nhảy xuống ngựa, cởi quần rồi ấn cái của đàn ông của mình vào cô gái đã chết. Bà Bá tước ngồi trên lưng con ngựa cái đang giẫm chân, quan sát ông ta thật kĩ lưỡng; lát sau, ông ta kết thúc.

Rồi cô gái bắt đầu tan ra: thoảng chốc, cô gái chẳng để lại chút dấu vết gì trừ một chiếc lông chim hẳn đã rơi xuống nơi cô nằm; một vệt máu, tựa vệt máu của một con cáo bị giết, vương trên tuyêt; và bông hồng cô đã ngắt ra khỏi khóm hoa. Böyle giờ, quần áo lại hiện lên trên người bà Bá tước. Bà ta đưa mấy ngón tay thon mịn vuốt lên mặt áo. Bá tước nhặt bông hoa, cúi đầu đưa tặng vợ; khi tay bà vừa chạm đến bông hoa, bà vội thả rơi xuống đất.

"Nó cắn!", bà hét.

RAYMOND CARVER

(Mĩ)

## THÁNH ĐƯỜNG

Người mù này, bạn cũ của vợ tôi, tối nay sẽ ở lại qua đêm. Vợ ông đã qua đời. Ông đang đi thăm họ hàng gần nhà vợ ở Connecticut. Ông gọi điện cho vợ tôi từ nhà của một trong những người bà con ấy. Việc đón tiếp đã được thoả thuận. Ông sẽ đến bằng chuyến tàu chạy suốt năm giờ, vợ tôi đón ông tại ga. Đã mười năm nay, cô ấy không gặp ông kể từ mùa hè làm việc cho ông ở Seattle. Nhưng cô ấy và người mù vẫn liên lạc với nhau đều đặn. Họ gửi cho nhau những cuốn băng và thư từ. Chuyến viếng thăm của ông không làm tôi hào hứng lắm. Tôi không biết ông. Hơn nữa, hình ảnh một người mù thì luôn khiến tôi rờn rợn. Những suy nghĩ của tôi về sự mù loà xuất phát từ những cảnh được đưa lên màn hình. Trong phim, người mù đi lại chậm chạp và chẳng hề cười. Đôi lúc, họ được dẫn đường bởi các chú khuyển. Một người mù ở lại nhà là điều tôi chẳng lấy làm thú vị cho lắm.

Mùa hè năm ấy ở Seattle, nàng cần kiếm việc làm. Nàng không có tiền. Gã đàn ông sẽ cưới nàng vào cuối mùa hè ấy đang học trường huấn luyện sĩ quan. Hắn cũng không có tiền. Nhưng nàng yêu hắn và hắn cũng mê nàng như điếu đổ. Nàng đọc mục CẦN NGƯỜI GIÚP VIỆC trên tờ báo với tí:

*Đọc cho người mù và số phông.* Nàng gọi điện đến, bàn bạc, rồi được thuê làm. Nàng làm việc cho người mù này suốt mùa hè. Nàng đọc thư từ tài liệu cho ông ta, trao đổi ý kiến, viết báo cáo.... công việc chỉ có thể. Nàng giúp ông ta mở một văn phòng nhỏ trong khu dịch vụ - xã hội của quận. Vợ tôi và người mù dần trở nên thân thiết. Nhưng làm sao tôi biết được những chuyện ấy? Nàng kể cho tôi. Và nàng còn kể nhiều chuyện khác. Vào ngày làm việc cuối cùng của nàng tại văn phòng, người mù xin phép được sờ tay lên mặt nàng. Nàng đồng ý. Nàng bảo tôi ông ấy đặt tay lên từng bộ phận của khuôn mặt, mũi nàng và cả cổ nữa! Nàng chẳng bao giờ quên được cảm giác ấy. Thậm chí nàng đã cố lột tả cảm xúc của mình trong một bài thơ. Thỉnh thoảng nàng làm thơ. Mỗi năm nàng viết một hoặc hai bài. Những bài thơ thường xuất hiện ngay sau khi một sự kiện quan trọng nào đó xảy ra trong đời nàng.

Ngày hai đứa quen nhau, nàng cho tôi xem bài thơ ấy. Trong thơ, nàng miêu tả những ngón tay của ông ta và cách chúng lần đi trên mặt mình. Trong thơ, nàng gởi gắm những xúc cảm trào dâng vào khoảnh khắc khi tay người mù chạm đến mũi và môi mình. Cảm giác ấy chẳng hề phai mờ. Tôi nhớ mình đã không bận tâm nhiều về bài thơ ấy. Dĩ nhiên, tôi không hiểu thơ mấy. Tôi phải thú nhận rằng thơ không phải là loại ấn phẩm đầu tiên mà tôi tìm kiếm khi cần một cuốn sách nào đó để đọc.

Dẫu sao thì gã sĩ quan tương lai - người tình đầu tiên của nàng - vẫn hiện diện trong đời nàng như một cuộc tình thời hoa mộng. Mọi chuyện là thế. Tôi đang kể về những ngày cuối cùng của mùa hè năm ấy, nàng cho phép người mù sờ tay lên mặt, chào từ biệt ông rồi đi lấy chồng. Bấy giờ chồng của nàng là một sĩ quan đương nhiệm và nàng phải theo hắn rời xa Seattle, song người mù và nàng vẫn thông tin đều đặn cho

nhau. Tuy nhiên, khoảng chừng một năm sau thì cuộc nói chuyện đầu tiên của nàng mới được thực hiện. Một tối nọ, từ doanh trại của lực lượng không quân ở Alabama nàng gọi cho ông. Nàng muốn nói chuyện. Họ trò chuyện với nhau. Ông yêu cầu nàng gửi cho mình cuốn băng kể về cuộc đời nàng. Nàng thực hiện điều ấy. Nàng gửi cuốn băng. Trong băng nàng kể cho người mù nghe về chồng nàng, về cuộc sống của họ ở trong quân ngũ. Nàng nói với người mù là nàng yêu chồng nhưng nàng không thích môi trường họ đang sống, nàng không thích cuộc sống ấy bởi lẽ chồng nàng là một bộ phận của nền công nghiệp quân sự. Nàng kể với người mù rằng ông là nhân vật trong bài thơ nàng vừa mới viết xong. Nàng bảo với ông nàng sẽ viết bài thơ miêu tả đời sống của vợ một sĩ quan thuộc lực lượng không quân. Bài thơ vẫn chưa kết thúc. Nàng hãy đang còn viết. Người mù cũng thu băng của mình và gửi cho nàng. Việc liên lạc theo kiểu ấy vẫn kéo dài trong mấy năm. Gã sĩ quan của vợ tôi cứ luôn bị điều từ căn cứ này đến căn cứ khác. Nàng gửi những cuốn băng từ Moody, AFB, McGuire, MrConnell và sau cùng là Travis, một địa danh gần Sacramento, nơi mà tối nọ nàng cảm thấy cô đơn vì bị tách ra khỏi thế giới nhân quần bởi cuộc sống cứ chuyển dời liên tục. Nàng cảm nhận đời mình không thể trôi theo hướng ấy. Nàng tìm tất cả các thứ thuốc ở trong tủ, uống cùng với một chai rượu gin. Sau ấy nàng đi tắm nước nóng và đợi tử thần đưa đi. Nhưng thay vì chết, nàng chỉ ốm. Nàng vật vã. Gã sĩ quan của nàng - tại sao hắn cần một cái tên? Hắn chỉ là người lính thuở xuân sắc của nàng và có sao chúng ta lại cứ phải biết thêm về hắn? - từ đâu đó trở về nhà, phát hiện ra nàng rồi gọi xe cứu thương. Lần ấy nàng kể mọi chuyện trong cuốn băng và gửi đến người mù. Nhiều năm trôi qua, nàng đã ghi tất cả sự kiện trong đời mình vào băng và cuối cùng đã gửi đi những cuốn băng kể về sự tan vỡ. Hàng

năm, mỗi độ nàng làm thơ tôi nghĩ từng kỷ niệm trong băng ấy là chất liệu chủ yếu nhất để nàng tái hiện tâm trạng, tái hiện cuộc đời. Trong một cuốn băng, nàng bảo người mù rằng nàng quyết định ly thân với gã sĩ quan của mình một thời gian. Ở cuốn băng khác nàng kể cho tôi nghe về việc ly hôn của nàng. Dĩ nhiên nàng cũng kể cho người mù của mình biết chuyện nàng và tôi quen nhau. Nàng kể cho ông ta mọi thứ như đã từng kể với tôi. Một dạo, nàng hỏi tôi có thích nghe cuốn băng gần đây nhất của người mù? Chuyện ấy xảy ra cách đây một năm. Nàng nói cuốn băng đó nhắc tới tôi. Thế là tôi đồng ý nghe cuốn băng ấy. Tôi đi lấy đồ uống và chúng tôi ngồi trong phòng khách. Chúng tôi bắt đầu nghe. Đầu tiên nàng trả cuốn băng rồi tiếng một người nào đó nói bằng giọng khá to, nàng vặn nhỏ volume. Sau vài mẩu chuyện tán gẫu vô hại, tôi nghe tên mình trong giọng nói của con người xa lạ, người mù mà tôi chưa từng biết. Rồi sau đó là những lời này: “Từ những điều cô nói về anh ấy, tôi chỉ có thể kết luận”... Nhưng một tiếng động hay một tiếng gõ cửa nào đó đã ngăn không cho chúng tôi nghe tiếp. Chúng tôi không có thời gian để tiếp tục nghe cuốn băng. Có lẽ ngàn ấy là đủ. Tôi đã nghe hết những gì tôi cần.

Bây giờ chính người mù này sắp đến ngủ tại nhà tôi.

“Anh sẽ đón tiếp ông ấy chu đáo”, tôi nói với vợ. Nàng đang đứng cạnh bàn để làm món khoai tây cắt theo hình vỏ sò. Nàng đặt con dao đang dùng xuống rồi quay lại: “Nếu anh yêu em”, nàng nói, “anh có thể làm điều ấy vì em. Còn nếu anh không yêu em, thì cũng chẳng sao. Nhưng nếu anh có bạn, bất kỳ ai khi đến thăm nhà, em cũng sẽ làm cho người ấy cảm thấy thoải mái”. Nàng chùi tay vào chiếc khăn lau bát đĩa.

“Anh không có người bạn mù nào cả”, tôi nói.

“Anh không có ai là bạn”, nàng nói. “Đã từ lâu rồi. Bên cạnh đó”, nàng nói tiếp. “điều ấy thực đáng buồn, vợ ông ta

vừa mới mất. Anh không hiểu sao? Một người đàn ông có vợ đã qua đời!"

Tôi không trả lời. Nàng kể đôi điều về vợ của người mù. Tên của bà ta là Beulah. Beulah! Đây là tên của một người phụ nữ da màu.

"Vợ ông ta có phải là nô lệ không?" Tôi hỏi.

"Anh điên hay sao đấy?" Vợ tôi nói. "Anh vừa mới uống rượu hả?" Nàng nhặt củ khoai tây, tôi thấy nó rơi xuống sàn nhà và lăn vào dưới bếp. "Anh làm sao thế?" Nàng nói. "Anh có say không?"

"Anh hỏi chỉ để tìm hiểu thôi", tôi nói.

Rồi ngay lúc ấy nàng cho tôi biết thêm nhiều chi tiết mà tôi quan tâm. Tôi rót cốc rượu, ngồi vào cạnh bàn bếp, lắng nghe. Những chi tiết của câu chuyện bắt đầu lần lượt diễn ra.

Beulah đến làm cho người mù ngay sau khi vợ tôi từ giã ông. Không lâu sau đó, Beulah và người mù làm lễ cưới tại nhà thờ. Hôn lễ rất đơn giản - ai lại muốn tổ chức một đám cưới như thế tại nơi trang trọng? - Chỉ có ông ấy, vị hôn thê và mục sư. Nhưng mọi thủ tục hôn lễ ở nhà thờ được tiến hành có quy củ. Đây là những gì Beulah muốn, ông ấy nói. Sau đó Beulah mắc bệnh ung thư. Sau tám năm trời sống gần gũi nhau - lời vợ tôi, *sống gần gũi nhau* - sức khoẻ của Beulah suy sụp nhanh chóng. Bà chết ở bệnh viện Seattle, người mù ngồi bên giường, nắm tay bà. Họ đã kết hôn, sống, làm việc và ngủ với nhau - và ái ân, chắc vậy - rồi sau đó người mù mai táng bà. Tất cả diễn ra trong khi ông ta không hề nhìn thấy gương mặt của người phụ nữ khổ khốn khổ ấy ra sao. Tôi chẳng thể nào hiểu được. Nghe chuyện, tôi cảm thấy hơi buồn trước cuộc sống của người mù. Rồi sau đó ý nghĩ của tôi hướng về cuộc đời đáng thương của người đàn bà ấy. Hãy hình dung một phụ nữ, người chẳng bao giờ nhìn thấy bóng hình mình trong mắt người yêu. Một người phụ nữ, người lại có thể kéo lê chuỗi

ngày của đời mình mà chẳng bao giờ nhận được, đâu chỉ một lời ngợi khen nhỏ bé nhất từ ánh mắt của người yêu. Một người phụ nữ chẳng bao giờ được chồng đọc thấy những xúc cảm biểu lộ trên mặt mình, chẳng biết đây là dấu hiệu của sự đau khổ hay niềm hạnh phúc. Một ai đó, đâu cho có trang điểm hay không trang điểm, thì có gì khác đối với ông đâu. Nếu muốn thì bà ta có thể quấn tấm khăn màu xanh che đầu, trang điểm cái mũ bằng những chiếc ghim thắt, vận quần màu vàng và đi giày màu tía, chẳng hề gì. Rồi sau đó khi trượt chân vào lãnh địa thần chết, bàn tay của người mù nắm tay bà, đôi mắt mù trào tuôn những dòng lệ - tôi đang hình dung bây giờ rằng - ý tưởng cuối cùng của bà là: ông ta chẳng bao giờ biết diện mạo thực của bà và chẳng bao giờ biết đến chuyến tàu tốc hành đưa bà đến nghĩa địa. Robert chỉ còn lại khoản tiền bảo hiểm nhỏ và một nửa trong số hai mươi đồng peso Mexico. Nửa số tiền đồng còn lại được ông cho vào hộp mai táng cùng với bà. Thực cảm động.

Nhưng giờ hẹn đã đến, vợ tôi ra ga đón ông. Lúc đang ngồi uống và xem tivi tôi lấy làm bức bình với ông vì mình chẳng có việc gì làm ngoại trừ ngồi đợi, tôi nghe tiếng xe lăn bánh trên đường rẽ vào nơi đỗ. Tay cầm ly rượu, tôi rời ghế sofa, đi đến cửa sổ nhìn.

Tôi thấy vợ tôi cười khi nàng dừng xe. Tôi thấy nàng bước ra khỏi xe và đóng cửa, môi nàng vẫn giữ nụ cười. Thật lạ. Nàng đi vòng qua phía bên kia chiếc xe đến nơi người mù đang chuẩn bị bước ra. Nét đặc biệt của người mù này là bộ râu dài. Bộ râu của một người mù! Quá rậm, tôi nghĩ. Người mù đưa tay về phía ghế đằng sau kéo ra chiếc vali. Vợ tôi nắm cánh tay ông; miệng không ngớt trò chuyện trong lúc đóng cửa xe và dẫn ông bước đi trên các bậc tam cấp về phía cửa chính. Tôi tắt ti vi, uống cạn chõ rượu, rửa cốc rồi lau khô tay. Tôi đi ra cửa.

Vợ tôi lên tiếng. “Giới thiệu với anh đây là Robert. Robert, đây là chồng tôi. Tôi đã kể cho ông nghe tất cả về anh ấy”. Về mặt nàng rạng rỡ. Nàng đang cầm tay ông ta.

Người mù đặt chiếc vali xuống rồi đưa tay ra.

Tôi bắt tay. Ông nắm chặt, giữ một lát rồi thả ra.

“Tôi cảm nhận như thế trước đây chúng ta đã từng gặp nhau rồi”, ông nói oang oang.

“Tôi cũng nghĩ thế”, tôi đáp. Tôi không biết phải nói gì. Lát sau tôi lên tiếng: “Rất hân hạnh được ông ghé thăm. Tôi đã nghe kể nhiều về ông”. Chúng tôi hợp thành nhóm đi từ cổng vào phòng khách, vợ tôi nắm tay ông dắt đi. Tay kia của người mù xách chiếc vali. Vợ tôi chỉ dẫn như, “Robert, ở bên trái ông đây này. Đúng rồi. Bây giờ hãy cẩn thận, có một chiếc ghế. Đây rồi. Ngồi xuống đây. Đây là ghế sofa. Chúng tôi vừa mới mua chiếc ghế này hai tuần trước”.

Tôi bắt đầu nói đôi điều về chiếc ghế sofa cũ. Tôi thích chiếc ghế cũ, nhưng không để lộ ý tưởng ấy ra. Tôi tiếp tục đề cập đến những thứ khác, nhưng chỉ nói ngắn thô, về con đường rất ngoạn mục dọc theo miền Hadson. Nếu muốn chiêm ngưỡng cảnh quan dọc đường đến New York thì bạn phải ngồi phía bên phải của con tàu; còn đi từ New York bạn nên ngồi phía bên trái.

“Hành trình bằng xe lửa của ông thú vị chứ?” Tôi nói. “Ông ngồi phía bên nào của chuyến tàu ấy?”

“Thế mà cũng hỏi, phía bên nào!” Vợ tôi nói. “Ngồi phía nào thì có hề gì?”, nàng nói.

“Tôi hỏi thế thôi”, tôi nói.

“Phía bên phải”, người mù lên tiếng. “Gần bốn mươi năm nay tôi không đi tàu. Thuở còn bé tôi thường đi tàu. Với mấy đứa bạn. Những chuyến tàu ấy đã quá xa rồi, bây giờ cảm giác của tôi về nó dường như không còn nữa. Tôi co ca một rừng kí

ức trong tâm trí”, ông nói. “Như tôi đã miêu tả, trông tôi có khác không, hổ em bé?”, người mù nói với vợ tôi.

“Robert, trông ông khác lắm”, nàng nói. “Robert”, nàng nói, “Robert, tôi rất vui mừng khi được gặp lại ông”.

Sau cùng vợ tôi rời mắt khỏi người mù, nhìn sang tôi. Tôi có cảm giác nàng không thích hình ảnh nàng vừa bắt gặp. Tôi nhún vai.

Tôi chưa từng gặp hay chưa từng biết tới một người mù nào cả. Người mù này đã gần năm mươi tuổi, thân hình nặng nề, đầu hói, đôi vai hơi chuí về phía trước như thể đang mang một vật gì đó rất nặng. Ông mặc chiếc quần nâu, đi giày nâu, áo sơmi màu nâu nhạt, thắt cà vạt và khoác chiếc áo thể thao. Trông thực hài hòa. Râu của ông rậm. Nhưng ông không dùng gậy và không đeo kính đèn. Tôi luôn luôn nghĩ những người mù phải dùng kính đèn. Thực tế là tôi muốn ông đeo kính. Ngay cái nhìn đầu tiên, mắt của ông trông giống như mắt của bất kỳ người bình thường nào khác. Nhưng nếu nhìn kỹ, bạn sẽ thấy sự khác biệt giữa chúng. Tròng đèn có quá nhiều màu trắng, còn con ngươi thì dường như chuyển động tự do trong hốc mắt, ông không ý thức được điều đó và không làm chúng đứng yên được. Thực đáng sợ. Khi nhìn mặt ông, tôi thấy con ngươi mắt trái đang di chuyển về phía mũi trong lúc con ngươi kia đứng yên. Nhưng đây chỉ là những khoảng thời gian ngừng ngắn ngủi, bởi con mắt ấy cứ ngao du bất chấp chủ nhân của nó muốn hay không.

Tôi nói: “Ông uống rượu nhé? Ông dùng loại gì? Chúng tôi có vài thứ. Đây là một trong những thứ tiêu khiển của chúng tôi”.

“Anh bạn trẻ, tôi là người Scotch chính cống”, ông nói nhanh bằng giọng kiểng khá lớn.

“Vâng”, tôi nói. “Tuyệt! Ông yên tâm. Tôi biết pha”.

Ông đưa mấy ngón tay sờ lên chiếc vali đang đặt cạnh ghế sofa. Trông ông khá kiêu cách song tôi không bực mình.

“Tôi sẽ mang chiếc vali lên phòng ông”, vợ tôi nói.

“Không cần, ổn thôi mà”, người mù nói lớn. “Khi nào lên tôi sẽ xách theo”.

“Chỉ pha thêm ít nước vào rượu Scotch chứ?” tôi hỏi.

“Một chút thôi”, ông đáp.

“Tôi hiểu”, tôi nói.

Ông nói: “Chỉ ít thôi. Anh có biết anh chàng nghệ sĩ người Ailen là Barry Fitzgerald chứ? Tôi giống gã ấy. Fitzgerald nói khi hắn uống nước có nghĩa là hắn uống nước. Còn khi uống whisky thì phải đúng là uống whisky”. Vợ tôi cười. Người mù luôn tay vào bộ râu, nâng lên rồi từ từ thả xuống.

Tôi pha rượu, ba ly Scotch lớn có thêm sôđa. Sau đó chúng tôi ngồi nhấm nháp và hỏi về hành trình của Robert. Chúng tôi biết, thoát tiên, ông đáp chuyến bay dài từ West Coast đến Connecticut rồi đi tàu lửa từ Connecticut đến đây. Chúng tôi uống thêm một cốc rượu nữa khi chuyện trò đến những chi tiết cuối của hành trình ấy.

Tôi nhớ mình đã đọc đâu đó rằng người mù không hút thuốc bởi vì khi hút họ sẽ không nhìn thấy khói họ nhả ra. Tôi nghĩ đấy là điều duy nhất tôi biết rõ về những người mù. Nhưng người mù này cứ đốt hết điếu này đến điếu khác. Chiếc gạt tàn trước mặt ông đầy lên và vợ tôi mang đi đổ.

Lúc chúng tôi ngồi vào bàn ăn tối, mỗi người uống thêm một cốc nữa. Vợ tôi múc bít tết thái theo hình hạt lựu, khoai tây hình vỏ sò, đậu xanh cho vào đầy đĩa của ông. Tôi phết bơ lên hai lát bánh mì rồi trao cho ông. Tôi nói: “Đây là bánh mì đã phết bơ của ông”. Tôi hớp một ngụm rượu. Tôi đề nghị: “Bây giờ chúng ta hãy cầu nguyện”, người mù cúi đầu xuống. Vợ tôi nhìn tôi, mồm há ra vì kinh ngạc. “Cầu cho điện thoại đừng reo và thức ăn không nguội”, tôi nói.

Chúng tôi xúc thức ăn. Chúng tôi ăn mọi thứ bày ở trên bàn. Chúng tôi hì hục như thể ngày mai chẳng bao giờ đến. Chúng tôi không nói chuyện. Chúng tôi ăn. Chúng tôi xén thức ăn thành từng miếng nhỏ. Chúng tôi vét sạch các đĩa. Chúng tôi ăn cật lực. Người mù nhận chính xác từng vị trí món ăn của mình, ông biết rõ nơi chúng được đặt ở trên đĩa. Tôi ngưỡng mộ quan sát khi ông dùng dao và nĩa để cắt thịt. Ông cắt hai miếng thịt, xiên vào nĩa đưa lên miệng, rồi tiếp tục ăn miếng khoai tây hình vỏ sò, đậu rồi bánh mì phết bơ. Ông kết thúc bữa ăn với một cốc sữa lớn. Đôi lúc, trong bữa ăn, ông sử dụng tay cũng rất thoả mái.

Chúng tôi xơi hết mọi món, kể cả nửa chiếc bánh nướng nhân dâu tây. Sau đó, chúng tôi ngồi im lặng trong khoảng thời gian khá lâu. Mồ hôi túa đầy trên mặt. Cuối cùng, chúng tôi rời bàn ăn, để lại đằng sau những chiếc đĩa bẩn. Không quay nhìn lại, chúng tôi vào phòng khách và ngồi vào chỗ cũ. Robert và vợ tôi ngồi xuống ghế sofa. Tôi ngồi vào chiếc ghế lớn. Chúng tôi uống mỗi người thêm hai, ba ly nữa trong lúc hai người say xưa kể về những sự kiện quan trọng xảy ra trong đời suốt mười năm qua. Tôi ít tham gia, chỉ lắng nghe. Thỉnh thoảng mới xen vào một câu. Bởi tôi không muốn ông nghĩ mình đã rời khỏi phòng và tôi cũng không muốn nàng hiểu nhầm rằng tôi muốn ra ngoài. Họ kể cho nhau nghe những chuyện đã đến với họ - với họ! - trong suốt mười năm ấy. Tôi tuyệt vọng đợi chờ tên mình được nhắc đến từ đôi môi ngọt ngào của nàng - Chẳng hạn như: "Rồi sau đó, người chồng yêu thương của tôi đã đến trong đời tôi". Nhưng tôi chả nghe được một lời nào tương tự như thế. Cuộc thoại chỉ xoay quanh Robert. Robert thuộc kiểu người mù có thể làm được nhiều việc nhưng chả tinh nghệ nào. Gần đây, ông và vợ giữ chân đại lý phân phối sản phẩm Amway. Tôi nghĩ đấy là cách kiếm sống của họ. Người mù đã từng làm nhân viên

trực tổng dài nghiệp dư. Ông oang oang kể lại, những cuộc thoại của mình với các đồng nghiệp ở Guam, Philippines, Alaska và thậm chí ở cả Tahiti. Ông bảo ông có rất nhiều bạn bè ở nơi ấy, nếu muốn, ông có thể đến chơi. Thỉnh thoảng ông quay mặt về phía tôi, vuốt râu và hỏi tôi điều gì. Tôi đã làm công việc hiện tại của mình trong bao lâu? (Ba năm). Tôi có hài lòng không? (Tôi không). Tại sao tôi vẫn tiếp tục công việc ấy? (Muốn biết quan điểm của tôi sao?) Cuối cùng, do nghĩ ông đã thấm mệt, tôi đứng dậy bật ti vi.

Vợ tôi nhìn giận dữ. Nàng đang chăm chú lắng nghe. Lát sau nàng nhìn người mù và nói: “Robert, ông có tivi chứ?”

Người mù đáp: “Em bé, tôi có hai chiếc. Một chiếc tivi màu và chiếc kia là đen trắng. Kỷ vật cũ đấy. Dẫu nghe có thật buồn cười chẳng nữa nhưng nếu tôi bật công tắc chiếc tivi màu thì tôi cũng bật luôn công tắc của nó. Cô nghĩ điều ấy buồn cười phải không?”

Tôi chẳng biết nói gì. Tôi hoàn toàn chẳng có điều gì để nói. Không ý kiến. Thế là tôi quay sang chương trình *Tin tức*, lắng nghe người phát ngôn viên nói.

“Đây là một chiếc tivi màu”, người mù nói. “Đừng hỏi tôi tại sao nhưng tôi biết”.

“Chúng tôi mua đã khá lâu rồi”, tôi nói.

Người mù uống một ngụm rượu. Ông khẽ nâng chòm râu, người rồi thả xuống. Rồi nhổm người khỏi ghế sofa, trước mặt là chiếc gạt tàn đặt trên bàn cà phê, ông lấy bật lửa châm thuốc hút; rồi tựa lưng trở lại, vắt chân chữ ngũ.

Vợ tôi che miệng ngáp. Nàng duỗi chân. Nàng nói: “Đã đến lúc tôi phải lên lầu thay đồ. Tôi sẽ soạn sửa vài thứ khác. Robert, ông tự nhiên nhé”, nàng nói.

“Tôi rất thoải mái”, người mù đáp.

“Tôi muốn ông cảm thấy dễ chịu trong nhà này”, nàng nói.

“Tôi rất dễ chịu”, người mù đáp.

\*

Nàng rời phòng, ông ta và tôi nghe dự báo thời tiết rồi sau đó là chương trình *Thể thao*. Lúc ấy, nàng vắng mặt lâu đến nỗi tôi phân vân không biết nàng có còn quay xuống không. Tôi nghĩ nàng đã đi ngủ. Tôi mong nàng xuống. Tôi không thích ngồi một mình với người mù. Tôi hỏi ông có muốn dùng thêm rượu, ông trả lời có. Rồi tôi hỏi ông có thích hút thuốc phiện với tôi. Tôi bảo mình vừa mới quấn xong một điếu. Tuy chưa có điếu nào trong tay song tôi dự định sẽ quấn nhanh sau vài giây.

“Tôi sẽ hút vài hơi với anh”, ông nói.

“Tuyệt”, tôi đáp. “Đúng là chiến hữu”.

Tôi đi lấy rượu và ngồi vào ghế sofa với ông. Lát sau, tôi đã quấn xong hai điếu lớn. Tôi châm một điếu rồi chuyển sang tay ông. Ông đón lấy rồi hút.

“Hãy giữ khói lâu đến mức ông có thể”, tôi nói. Tôi có thể khẳng định ông ta chưa biết thưởng thức món ngoại hạng này.

Vợ tôi bước xuống lâu trong bộ váy màu hồng, đôi dép cũng màu hồng.

“Mùi gì vậy”, nàng hỏi.

“Chúng tôi đang hút bồ đề”, tôi nói.

Vợ tôi trừng mắt nhìn tôi rồi nhìn người mù và nói: “Robert, tôi không biết là ông đã hút”.

Ông đáp: “Tôi đang hút, cô bé. Đây là lần đầu tiên tôi thử. Nhưng tôi chưa cảm nhận được điều gì hết”.

“Loại thuốc phiện này rất tuyệt”, tôi nói. “Nó nhẹ nên nhiều người ưa dùng”, tôi nói. “Nó không kích thích ông mạnh lắm đâu”.

“Không mạnh đâu, anh bạn trẻ”, ông nói và cười ha hả.

Vợ tôi ngồi xuống ghế sofa giữa ông và tôi. Tôi chuyển cho

nàng điếu thuốc. Nàng cầm lấy, hút rồi trả lại tôi. "Thuốc này sê tác động sao đây?", nàng hỏi. Rồi tiếp tục nói: "Lẽ ra tôi không nên hút. Khi hút, tôi không thể nào mở mắt nổi. Tôi lại ăn tối quá nhiều. Đúng ra tôi không nên ăn nhiều như thế".

"Lỗi tại chiếc bánh nướng nhân dâu tây", người mù lên tiếng. "Nó được làm bằng nguyên liệu gì?", ông nói rồi lại cười ha hả. Lát sau, ông lắc đầu.

"Vẫn còn bánh nhân táo đấy", tôi nói.

"Ông có muốn dùng thêm không, Robert?" vợ tôi hỏi.

"Đợi lát nữa xem", ông trả lời.

Chúng tôi tập trung vào màn hình. Vợ tôi lại ngáp, nàng nói: "Robert, giường của ông đã được chuẩn bị. Tôi biết ông đã đi suốt cả ngày. Khi nào muốn đi nghỉ, ông bảo nhé!". Nàng kéo cánh tay ông. "Robert?"

Ông quay lại nói: "Tôi đang trải qua những phút giây diệu kỳ. Cuộc nói chuyện này có thể thu băng được chứ?".

Tôi trả lời: "Tùy ông", rồi đặt điếu thuốc vào tay ông. Ông nuốt giữ khói rồi nhả ra. Cử chỉ của ông trông như thể ông hãy còn là cậu bé lén chín.

"Cảm ơn, anh bạn", ông nói. "Nhưng tôi thấy chừng ấy đã đủ đối với tôi. Tôi bắt đầu cảm nhận được nó", ông nói và chuyển mẩu thuốc sang vợ tôi.

"Tôi cũng thế", nàng nói. "Như vậy. - Tôi. Cũng đủ". Nàng đưa nó cho tôi. "Tôi có thể ngồi giữa hai người ngủ một lát có được không? Không phiền ai chứ? Cả hai? Nếu khó chịu thì hãy bảo. Còn không thì tôi sẽ nhắm mắt, ngồi đây cho đến khi hai người cần đi ngủ", nàng nói. "Giường của ông đã được chuẩn bị, Robert, cạnh phòng chúng tôi, ở tầng trên. Chúng tôi sẽ đưa ông lên khi nào ông buồn ngủ. Các người sẽ đánh thức tôi dậy nếu tôi ngủ quên chứ?" Nàng nói xong, nhắm mắt ngủ.

Chương trình *Thời sự* chấm dứt. Tôi đứng dậy đổi kênh rồi ngồi trở lại ghế sofa. Tôi thầm mong vợ tôi đừng trở mình nhiều trong giấc ngủ. Đầu nàng tựa vào lưng ghế, miệng hơi há. Nàng cứ co duỗi nhiều đến nỗi tấm váy ngủ tuột khỏi thân, để lộ đôi bắp vẽ ngọt ngào. Tôi đưa tay kéo lại chiếc váy nhưng ngay lúc ấy tôi sực nhớ lại người mù. Đoảng thật! Tôi cứ để nàng ngủ trong tư thế hở hang đó.

“Ông bảo mình muốn ăn thêm ít bánh nhân táo nữa sao?” tôi hỏi.

“Tôi sẽ ăn”, ông đáp.

Tôi nói: “Ông mệt phải không? Ông có muốn tôi đưa lên lầu ngủ? Ông cần ngả lưng chưa?”

“Chưa đâu”, ông đáp. “Chưa cần, tôi sẽ ngồi lại với anh, anh bạn trẻ. Nếu anh đồng ý, tôi sẽ nói chuyện cho đến lúc anh cảm thấy buồn ngủ. Chúng ta không có nhiều cơ hội để chuyện trò. Anh có hiểu những gì tôi muốn nói không? Tôi cảm nhận như thể mình cùng ngồi với cô ấy vào những buổi tối cách đây mười năm”. Ông nâng bộ râu lên rồi thả xuống. Ông cầm bao thuốc của mình và chiếc bật lửa.

“Không sao”, tôi nói, ngừng một lát rồi tiếp tục; “Tôi lấy làm憾 diệu trước tình cảm ấy”.

Rồi tôi nghĩ về bản thân. Mỗi buổi tối, tôi hút thuốc phiện và ngồi nán lại rất lâu cho đến khi buồn ngủ. Vợ tôi và tôi thường như chẳng bao giờ đi ngủ cùng một lúc. Khi chìm vào giấc ngủ, trong đâu tôi cứ lớn v� những hình ảnh cách ngắn ấy. Đôi lúc một trong những giấc mơ đánh thức tôi dậy, tim tôi gõ nhịp điên cuồng.

Ti vi đang chuyển qua cảnh nhà thờ và các hình ảnh thời Trung cổ. Chương trình rất xoàng. Tôi muốn xem chương trình khác. Tôi chuyển nhiều kênh. Song không có kênh nào còn hoạt động. Thế là tôi phải quay lại kênh ban đầu và xin lỗi.

“Anh bạn trẻ, chẳng sao đâu”, người mù nói. “Tôi thích theo dõi bất kỳ thứ gì anh muốn xem. Tôi muốn học hỏi. Việc học thì chẳng bao giờ chấm dứt. Tôi nay, những gì tôi biết được sẽ không làm tổn thương tôi. Tôi có tai”, ông nói.

Chúng tôi im lặng, khá lâu. Ông ngồi cúi người về phía trước, mặt hướng sang tôi, tai phải của ông nghiêng thăng về tí vi. Rất tập trung. Thỉnh thoảng, mi mắt ông khép lại rồi chợt mở ra. Thỉnh thoảng ông đặt tay lên bộ râu và vuốt như thể đang nghĩ về điều gì đó nghe được trên tí vi.

Trên màn hình, nhóm người đội mũ trùm đầu đang bị hành hạ bởi những người mặc quần áo hóa trang thành những bộ xương và nhiều người ăn vận theo lốt quỷ sứ. Những người trong lốt quỷ đeo mặt nạ quỷ, có sừng và đuôi. Đám rước ấy chỉ là một phần của chương trình. Tay phát thanh viên người Anh cho biết nghi lễ ấy hàng năm đều diễn ra ở Tây Ban Nha. Tôi cố giải thích cho người mù.

“Những bộ xương”, ông nói. “Tôi biết các bộ xương”, ông nói tiếp và gật đầu.

Ông kính dừng lại trước một thánh đường. Sau đó quay thật chậm và lâu một nhà thờ khác. Cuối cùng, trên tivi là cảnh một nhà thờ nổi tiếng ở Paris với nhiều trụ ốp vút cao và những chóp nhọn vươn thẳng lên trời mây. Camera chuyển sang quay toàn bộ hình thể của thánh đường đang in trên nền trời.

Nhiều lần, người dẫn chương trình không nói trong lúc camera lướt qua những nhà thờ hoặc hướng ống kính ra miền quê phụ cận, nơi có bắc nông dân bước sau đàn bò. Tôi đợi khá lâu cho đến lúc cảm thấy mình phải lên tiếng. Tôi nói: “Bây giờ, họ đang quay mặt ngoài của nhà thờ Gargoyles. Mấy bức tượng nhỏ chạm ở đó trông như thể những con quỷ. Còn đây, tôi nghĩ họ đang ở Italy. Đúng, cảnh vật ở Italy. Có nhiều tranh trên những bức tường của nhà thờ.

"Những bức tranh trên tường được vẽ sao hả anh bạn trẻ?", ông hỏi rồi hớp một ngụm rượu.

Tôi cầm lấy cốc của mình. Nhưng nó đã cạn. Tôi cố nhớ những gì còn đọng lại trong đầu. "Có phải ông hỏi tôi về những bức tranh vẽ trên tường ấy không?", tôi hỏi. "Câu hỏi thật thú vị nhưng tiếc là tôi không được nhìn thấy rõ".

Ông kính lia đến ngôi thánh đường bên ngoài Lisbon. Ngoại diện các thánh đường ở Bồ Đào Nha không khác nhiều khi so với những thánh đường của Pháp hay Italy. Có khác chăng, thì chỉ là cách trang trí bên trong. Lúc ấy, một ý tưởng chợt xuất hiện trong đầu. Tôi nói: "Tôi đang nghĩ về một vấn đề. Ông có hình dung ngôi thánh đường ra sao không? Trong nó như thế nào? Ông có hiểu điều tôi nói không? Nếu có ai đó miêu tả ngôi thánh đường, thì liệu ông có hình dung được những gì họ tả? Ông có phân biệt được sự khác nhau giữa ngôi thánh đường ấy với những nhà thờ theo phái Tin lành hay không?"

Ông từ từ nhả khói ra khỏi miệng. "Tôi biết họ sử dụng hàng trăm ngàn thợ xây dựng và phải mất từ năm mươi đến một trăm năm để hoàn thành", ông nói. "Dĩ nhiên tôi chỉ nghe người ta kể lại. Tôi biết nhiều thế hệ trong cùng một gia đình đã kế tục nhau xây dựng một ngôi thánh đường. Người ấy cũng bảo với tôi như thế. Nhiều người, kể từ lúc bắt tay vào cuộc lao động của mình cho đến khi nhắm mắt, vẫn chưa thấy được đoạn cuối trong công việc của mình. Lập luận theo kiểu ấy, anh bạn trẻ à, thì chúng ta chẳng có gì khác họ, đúng không?", ông cười lớn. Mi mắt chớp xuống lần nữa. Đầu gật gật trông như thể đang buồn ngủ. Có thể ông tưởng tượng mình đang ở Bồ Đào Nha. Bấy giờ, ngôi thánh đường khác đang xuất hiện trên ti vi. Lần này là ở Đức. Giọng của người Anh nọ vẫn đều đặn. "Thánh đường", người mù nói. Ông ngồi dậy và lắc lắc đầu. "Anh bạn trẻ, nếu muốn biết sự thật thì

đấy là tất cả những gì tôi biết. Những gì tôi vừa mới nói. Những gì tôi đã nghe người đàn ông ấy kể. Nhưng anh có thể miêu tả một ngôi thánh đường cho tôi không? Tôi muốn anh làm việc ấy. Tôi thích nghe sự miêu tả đó. Còn nếu anh muốn tôi trả lời câu hỏi của anh thì tôi dành thú thực là mình chẳng có một ý kiến hay ho nào cả”.

Tôi nhìn chầm chằm theo đường ống kính lia dọc theo ngôi thánh đường trên ti vi. Nhưng làm thế nào để tôi bắt đầu miêu tả được? Chỉ biết tâm trí tôi đang dán vào đó, cuộc sống của tôi đang bị đe doạ bởi một ngã khùng, người đang bảo tôi phải làm việc này hay việc nọ.

Tôi cẩn thận quan sát ngôi thánh đường thêm lát nữa trước lúc màn hình chuyển sang cảnh làng quê. Chẳng ích gì. Tôi quay sang người mù và nói: “Bắt đầu là, ngôi thánh đường rất cao”. Tôi nhìn quanh phòng để tìm thêm các chi tiết: “Chúng vươn lên. Vươn lên rồi vươn lên. Về phía bầu trời. Vài ngôi trong số đó rất lớn. Chúng cần những trụ đỡ phụ để giúp đứng vững. Những trụ đỡ phụ ấy được gọi là trụ ốp. Đôi khi vì lý do gì đó, mấy chiếc trụ ốp gợi tôi nhớ lại những cây cầu cạn. Song có lẽ chắc ông cũng không hình dung được chiếc cầu cạn? Ngoài ra, nhiều ngôi thánh đường còn tạc hình quý sứ ở mặt tiền. Thỉnh thoảng còn có cả các đức ông và đức bà. Nhưng đừng hỏi tôi tại sao lại như thế”, tôi nói.

Ông gật đầu. Toàn bộ nửa người phía trên dung đưa nhẹ.

“Tôi miêu tả chưa được rõ có phải không?”, tôi hỏi.

Ông thoi thoi gật đầu và nghiêng người về phía trước ghế sofa. Lúc nghe tôi nói, bàn tay của ông nhè nhẹ vuốt chòm râu. Tôi hiểu mình đã không làm ông hình dung được. Nhưng ông vẫn lắng nghe cho đến hết, gật gật như thể để động viên tôi. Tôi cố tìm từ để diễn đạt. “Chúng thật lớn”, tôi nói. “Chúng khổng lồ và được xây bằng đá. Đôi khi bằng gạch. Thuở xưa, khi xây thánh đường, con người muôn vươn

đến gần Chúa. Ngày ấy, Chúa là phần quan trọng trong đời sống của mỗi người. Ông có thể đọc được điều đó từ kiểu kiến trúc nhà thờ. Tôi lấy làm tiếc", tôi nói, "nhưng đây là nỗ lực lớn nhất của tôi để miêu tả cho ông. Tôi lấy làm tiếc", tôi nói, "nhưng đây là nỗ lực lớn nhất của tôi để miêu tả cho ông. Tôi không thạo việc miêu tả".

"Tốt rồi, anh bạn trẻ", người mù nói. "Nào, hãy nghe này. Tôi hi vọng anh sẽ không khó chịu với lời đề nghị. Tôi có thể nhờ anh một việc được không? Cho phép tôi yêu cầu một việc đơn giản, chỉ trả lời được hay không. Tôi chỉ tò mò chứ chẳng có ý đòi hỏi. Anh là chủ. Nhưng cho phép tôi được hỏi anh có theo tín ngưỡng nào không? Anh không phật lòng với câu hỏi ấy chứ?"

Tôi lắc đầu. Song ông không thể thấy. Một cái nháy mắt đổi với người mù cũng tương tự như một cái gật đầu. "Tôi nghĩ tôi không tin tôn giáo. Ở mọi lĩnh vực. Thực khó diễn đạt. Ông có hiểu những gì tôi đang nói chứ?"

"Hắn rồi, tôi hiểu", ông nói.

"Cám ơn", tôi đáp.

Giọng tay phát thanh viên người Anh nọ vẫn đều đặn. Vợ tôi thở dài trong giấc ngủ. Nàng hít một hơi dài rồi lại tiếp tục ngủ.

"Ông bỏ qua cho", tôi nói. "Nhưng tôi không thể tả cho ông biết hình dáng của một ngôi thánh đường. Trong tôi, không có ngôi thánh đường nào để miêu tả. Tôi chẳng biết làm gì hơn những điều đã nói ra".

Người mù ngồi bất động, đâu cúi xuống khi nghe tôi nói.

Tôi nói: "Sự thực là, tôn giáo chẳng có ý nghĩa đặc biệt nào đối với tôi. Chẳng nghĩa lý gì cả. Những ngôi thánh đường, chúng chỉ là những hình ảnh bình thường trên tivi trong chương trình buổi tối muộn. Chỉ có thế".

Đến đây, người mù đãng hắng. Ông rút chiếc khăn tay từ

túi sau ra rồi nói: “Tôi hiểu, anh bạn trẻ, chẳng sao đâu. Mọi chuyện có thể diễn ra như thế. Đừng nghĩ nhiều về nó. Nào, hãy nghe tôi đây này. Anh sẽ vui lòng giúp tôi việc này nữa chứ? Tôi này ra ý định. Tai sao chúng ta không kiểm một tờ giấy thô? Và cả cây bút. Chúng ta sẽ làm, sẽ cùng nhau vẽ một ngôi thánh đường. Đi lấy bút và vài tờ giấy thô, anh bạn trẻ, đi đi. Lấy những thứ đó”.

Thế là tôi bước lên lầu. Đôi chân tôi nhẹ bỗng tựa như không còn chút sức lực. Tôi cảm nhận như thể mình vừa trải qua cuộc thi chạy đường dài. Trong phòng vợ tôi, nhìn quanh, tôi thấy mấy chiếc bút bi và một chiếc giỏ nhỏ đặt trên bàn. Rồi tôi cố nghĩ xem nơi nào mình có thể tìm được loại giấy ông yêu cầu.

Xuống lầu, đi vào bếp, tôi thấy chiếc túi giấy đựng hàng trống rỗng với vài cái vỏ hành bên trong. Tôi giữ sạch túi rồi xé ra, mang vào phòng khách, ngồi xuống cạnh chân ông. Tôi dọn dẹp vài thứ, vuốt phẳng mấy nếp nhăn của chiếc túi rồi trải ra trên bàn.

Người mù rời ghế sofa, ngồi xuống thảm bên cạnh tôi.

Ông lướt mấy ngón tay trên tờ giấy, sờ xuống sờ lên dọc theo rìa tờ giấy, cả bốn phía. Ông sờ các góc.

“Được rồi”, ông nói. “Được rồi, chúng ta bắt đầu vẽ”.

Tìm bàn tay cầm bút của tôi, ông đặt tay mình lên. “Nào, ta bắt đầu, anh bạn trẻ, vẽ đi”, ông nói. “Vẽ, anh sẽ thấy. Tôi cùng vẽ với anh. Ồn cả thôi. Chỉ bắt đầu khi tôi bảo anh. Anh sẽ nhận ra. Vẽ đi”, người mù nói.

Thế là tôi bắt đầu. Thoạt tiên tôi vẽ chiếc hộp trông như thể một ngôi nhà. Hắn đáy là căn nhà tôi đã từng sống. Sau đáy tôi đặt mái nhà lên. Hai đầu nóc, tôi vẽ những chóp nhọn. Thật đên rồ.

“Tuyệt”, ông nói. “Khiếp thật. Anh đang vẽ những nét tuyệt vời”, ông nói. “Anh chưa bao giờ từng nghĩ những điều

như thế này lại có thể xảy ra trong đời mình có phải không, anh bạn trẻ? Cuộc sống thật kỳ lạ, tất cả bọn ta đều biết điều đó. Böyle giờ hãy tiếp tục. Vẽ đi”

Tôi vẽ cửa sổ có mái vòm che bên trên. Tôi vẽ những chiếc trụ ốp trong dáng bay lên. Tôi vẽ những chiếc cửa ra vào lớn. Tôi không thể dừng lại. Chương trình tivi đã hết. Tôi thả cây bút rồi nắm, xoè các ngón tay. Người mù sờ quanh tờ giấy. Ông lần đầu các ngón tay theo từng nét vẽ của tôi và gật đầu.

“Vẽ rất tuyệt”, người mù nói.

Tôi cầm cây bút trở lại. Ông tìm tay tôi. Tôi tiếp tục. Tôi không phải là họa sĩ. Nhưng tôi vẽ với niềm đam mê tương tự.

Vợ tôi mở mắt, sững sờ nhìn chúng tôi. Nàng ngồi dậy trên ghế sofa, tấm váy ngủ hở rộng hơn. Nàng hỏi: “Hai người đang làm gì đấy? Hãy nói cho tôi hay, tôi muốn biết”.

Tôi không trả lời nàng.

Người mù nói: “Chúng tôi đang vẽ ngôi thánh đường. Tôi và anh ấy cùng vẽ. Ấn bút mạnh xuống”, ông bảo tôi. “Được rồi. Tốt đấy”, ông nói. “Tôi có thể khẳng định anh đã hình dung ra nó, anh bạn trẻ. Anh không nghĩ rằng mình có khả năng. Nhưng anh đã thể hiện được phải không? Böyle giờ anh sắp đi đến chỗ két thúc. Anh hiểu những gì tôi đang nói chứ? Lát nữa, chúng ta sẽ thực sự đạt được điều mình cần. Những người già đâu rồi?” Ông hỏi. “Đặt mấy người vào vị trí ấy. Chẳng thể hình dung nổi một ngôi thánh đường lại vắng bóng người?”

Vợ tôi hỏi: “Chuyện gì đang xảy ra? Robert, các anh đang làm gì? Điều gì sẽ đến?”

“Ôn cả thôi”, ông bảo nàng, rồi nói với tôi: “Hãy nhắm mắt lại”.

Tôi nghe. Tôi nhắm mắt ngay khi ông vừa dứt lời.

“Nhắm chưa?” ông nói. “Đừng có giả vờ”

“Tôi nhấm rồi”, tôi đáp.

“Giữ nguyên như thế”, ông nói. Ông bảo: “Bây giờ đừng dừng lại. Tiếp tục vẽ”.

Thế là tôi tiếp tục. Tay ông đặt trên tay tôi khi chúng tôi lướt đi trên mặt giấy. Đến giờ, tôi vẫn giữ nguyên cảm giác ấy trong lòng.

Lát sau, ông nói: “Tôi nghĩ nó kia rồi. Tôi biết anh đã hình dung ra nó”, ông bảo: “Nhìn xem. Anh nghĩ gì vậy?”

Nhưng tôi vẫn nhấm nghiền mắt. Tôi nghĩ mình tiếp tục giữ tư thế ấy thêm một lát nữa. Tôi biết đây là điều mình nên làm.

“Nào?” ông hỏi. “Anh đang nhìn chung?”

Mắt tôi vẫn nhấm. Tôi ở trong nhà của mình. Tôi biết rõ điều đó. Nhưng tôi không có cảm giác rằng mình đang tồn tại trong không gian đóng kín nào.

“Ngôi thánh đường thực sự hiện hữu”, tôi nói.

LÊ HUY BẮC *dịch*

## MÌNH ĐANG GỌI TỪ ĐÂU

J P và tôi ngồi ở cổng phía trước trại cai nghiện của Frank Martin. Giống nhiều người trong bọn, J.P mới đến và là con nghiện vào hàng bậc nhất. Hắn làm nghề cạo ống khói. Đây là lần đầu hắn đến trại. Hắn sợ. Tôi đã từng ở trại. Chuyện gì nhỉ? Tôi quay lại đây. J.P tên thật là Joe Penny nhưng hắn bảo tôi gọi hắn là J.P. Hắn khoảng ba mươi.

Trẻ hơn tôi nhưng không nhiều lắm, chỉ vài tuổi. Hắn đang kể tôi nghe chuyện quyết định chọn nghề của mình, đôi tay cứ giật giật khi nói bởi hắn mắc chứng run. Tôi muốn nói chúng không thể đứng yên như thường được. "Trước đây tôi chưa hề mắc bệnh này", hắn nói. Hắn ám chỉ bệnh run tay. Tôi ngồi đôi lời cảm thông rồi bảo bệnh run ấy sẽ khỏi. Chúng sẽ chấm dứt. Nhưng phải mất nhiều thời gian.

Bọn tôi chỉ ở đây trong vòng vài ngày. Mọi người chưa ai ra khỏi rừng. Tay J.P bị run, còn thần kinh tôi thì thường xuyên căng thẳng - có thể đấy không phải là sự căng thẳng, song có sự trục trặc nào đó - bắt đầu giật giật trong vai tôi. Đôi khi nó xuất hiện một bên cổ. Lúc triệu chứng ấy lan đến, miệng tôi khô đắng. Cổ tôi khó nuốt. Tôi biết chuyện gì sắp sửa xảy ra và cố không nghĩ về nó. Tôi muốn từ bỏ nó và đây là điều tôi thực sự muốn thực hiện. Chỉ nhắm mắt và để cơn giày vò qua đi, để nó đến quyến rũ một gã khác. J.P có thể đợi một lát.

Sáng hôm qua, tôi chứng kiến cơn kịch phát. Người ta gọi hắn là Tiny. Một gã đàn ông to béo làm nghề thợ điện ở Santa Rosa. Họ bảo gã ở đây đã gần hai tuần và đã chiến thắng được bệnh nghiện. Một hoặc hai hôm nữa, gã sẽ về nhà, cùng vợ xem ti vi, đón giao thừa. Vào dịp Tết, Tiny dự định uống chocolate và ăn bánh quy. Sáng hôm qua, khi xuống ăn sáng, trông gã khá khoẻ khoắn. Gã bước xuống cùng với những tiếng kêu quạc quạc và tỏ cho đám bạn biết cách mình gọi lũ vịt trời đậu xuống ngay trên đầu. "Blam Blam". Tiny kêu hai tiếng một. Tóc gã ướt, dính bết vào hai bên thái dương. Gã vừa mới tắm xong. Gã tự mình làm đứt cầm với mấy vết dao cạo. Tại sao phải nói như thế? Chỉ vì một ai đó ở khu điều dưỡng Frank Martin cũng có thể làm xước cầm gã. Điều ấy đã xảy ra. Tiny ngồi xuống phía đầu bàn rồi bắt đầu kể đôi điều về những chuyện đã diễn ra với

một trong những cơn vật vã chống thuốc của mình. Mọi người ngồi quanh bàn cười và lắc đầu trong lúc xắn trứng ăn. Tiny nói đôi lời, cười rồi nhìn quanh để tìm những cử chỉ tán thành. Bọn tôi tất cả đều cười vang và hắn dây là điều điên rồ, ngu dại nhất. Tiny khuấy lộn tùng phèo trứng, bánh quy và mật ong trong đĩa của hắn. Tôi ngồi vào bàn nhưng không đói. Tách cà phê đặt trước mặt. Bất thình lình, Tiny biến mất. Hắn đổ ầm ra phía sau ghế. Nằm ngửa trên sàn, mắt hắn nhắm nghiền, chân đẹp rầm rầm vào tấm đệm trải nhà. Mọi người hốt hoảng gọi Frank Martin. Nhưng ông đã đứng ngay đó. Vài người ngồi xuống sàn, bên cạnh Tiny. Ai đó bóp mạnh vào quai hàm hắn để giữ cho lưỡi khỏi bị cắn đứt. Frank Martin gào lớn: "Mọi người lui cả ra!" Lúc ấy tôi mới nhận thấy mọi người đang xúm quanh Tiny, nhìn chằm chằm và khó có thể rời mắt. "Để hắn thở!" Frank Martin nói. Rồi ông vào phòng làm việc, gọi xe cứu thương.

Hôm nay, Tiny trở về trại và hỏi về cú ngã của mình. Ban sáng, Frank Martin đã đánh xe đến bệnh viện đón hắn. Tiny không về kịp để ăn món trứng, nhưng hắn vẫn ngồi vào bàn uống cà phê. Tay đầu bếp nướng bánh nhưng hắn không ăn. Hắn chỉ ngồi uống cà phê và nhìn vào cốc. Thỉnh thoảng hắn đầy đầy chiếc cốc trước mặt.

Tôi muốn hỏi xem cơ thể hắn có dấu hiệu nào trước khi chứng bệnh xuất hiện. Tôi muốn biết hắn có cảm nhận được tim mình đập ngắt quãng hay nhanh hơn. Mí mắt hắn có giật giật không? Nhưng tôi vẫn không mở miệng. Bởi trông hắn chẳng có chút hứng thú nào khi đề cập đến những chuyện ấy. Song tôi sẽ chẳng bao giờ quên hình ảnh Tiny lúc đó: nằm ngửa trên sàn, gót chân nện thình thình. Dần dần hình ảnh ấy len sâu vào óc tôi, tôi hít thở vài hơi và chờ mình ngã vật ra, mắt trợn ngược, mồm bị bóp chặt để khỏi cắn phải lưỡi.

\*

Ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế đặt sát cửa trước, tay của J.P đặt trong lòng. Tôi hút thuốc và sử dụng chiếc xô đựng than cũ làm chiếc gạt tàn. Tôi nghe J.P nói huyên thuyên. Bấy giờ đã mười một giờ trưa, còn một tiếng rưỡi nữa mới đến giờ ăn. Bọn tôi không đói. Nhưng cả hai đều muốn vào nhà, ngồi xuống bàn. Có lẽ hai đứa sẽ cảm thấy đói.

Nhưng J.P đang kể chuyện gì vậy? hắn kể lại chuyện bị rơi xuống giếng vào năm mười hai tuổi, tại vùng quê cạnh nông trại nơi hắn trưởng thành. May cho hắn đây là một cái giếng khô. "Hoặc không may", hắn nói, nhìn quanh rồi lắc đầu. Hắn bảo mãi đến gần tối hôm ấy, sau khi tìm thấy, bố hắn dùng dây kéo hắn lên. Ngồi dưới giếng, J.P rách ướt cả quần. Hắn đã ném qua vô vàn nỗi kinh hoàng. Hắn kêu cứu, chờ đợi và lại tiếp tục gào cho đến khi khản cả giọng. Song hắn bảo tôi rằng những ấn tượng được thu nhận từ đáy giếng ấy chẳng phai mờ trong tâm thức. Hắn ngồi và nhìn lên miệng giếng. Trên cao, hắn thấy khoảng trời xanh tròn tria. Lác đác nhiều đám mây trắng bồng bềnh bồng trôi. Đàm chim bay qua, cánh chúng vỗ loạn xạ. Hắn còn nghe nhiều âm thanh khác. Tiếng xào xạc quanh hắn dưới đáy giếng ngõ chừng như có vật gì rơi chạm trên tóc. Hắn ngõ đây là đám côn trùng. Hắn nghe tiếng gió lùa qua miệng giếng. Âm thanh ấy cũng đã in trong hắn một ấn tượng mạnh mẽ. Tóm lại, dưới đáy giếng, những điều hắn cảm nhận khác xa với cuộc đời thực. Song chẳng có gì rời trên đầu hắn và vòng trời xanh bé nhỏ vẫn mãi trong veo. Khi bố hắn đến với sợi dây, thời gian hắn sống trong thế giới xa lạ ấy đã chấm dứt.

"Kể tiếp đi, J.P. Sau đó chuyện gì xảy ra?" tôi hỏi.

Ngày hắn mười tám, mười chín tuổi, mới tốt nghiệp phổ thông và hãy còn lông bông, chiêu nọ hắn đến thăm một người

bạn. Bạn hán sống trong ngôi nhà có lò sưởi. J.P cùng ngồi uống bia và nghe tiếng gió rít bên ngoài. Chúng mở nhạc, lát sau, chuông cửa reo. Người bạn ra mở cửa. Cô gái cạo ống khói đứng đấy cùng với dụng cụ lao động của mình. Cô đội chiếc mũ có chớp nhọn. Thoạt nhìn, J.P đã bị gây ấn tượng bởi trang phục ấy. Cô bảo với bạn của J.P rằng cô đã hẹn trước để đến cạo ống khói. Người bạn cúi chào và để cô vào. Người phụ nữ ấy không mấy may để ý gì đến hán. Cô trải mảnh chăn trên nền nhà phía trước lò sưởi rồi bày dụng cụ ra. Cô vận chiếc quần cộc màu đen, sơ mi đen, giày và tất màu đen. Dĩ nhiên đến giờ cô mới bỏ mũ. J.P bảo hán nhìn như thể dán mắt vào cô. Cô bắt tay vào công việc cạo ống khói, trong lúc J.P cùng bạn nghe nhạc và uống bia. Họ nhìn cô và dõi mắt theo công việc của cô. Thỉnh thoảng, J.P và bạn nhìn nhau, mỉm cười hoặc nháy mắt. Họ nhíu lông mày khi nửa thân hình phía trên của người phụ nữ trẻ biến mất trong ống khói. Nàng thực dễ thương, J.P nói.

Khi làm xong việc, cô quấn dụng cụ vào chiếc chăn. Bạn của J.P trao cô tấm séc, được bố mẹ anh ta chuyển đến. Lúc ấy, cô hỏi người bạn có muốn hôn mình hay không. “Chỉ cầu mong sự may mắn thôi”, cô nói. J.P rất dõi ngạc nhiên. Người bạn tròn xoe mắt. Anh ta đùa thêm lát nữa. Sau đó, có lẽ do xấu hổ, anh ta chỉ hôn lên má cô. Ngay lúc ấy, trong đầu của J.P đã hình thành ý tưởng. Hán đặt cốc bia xuống, đứng dậy khỏi ghế sofa và bước về phía người phụ nữ trẻ lúc cô đang chuẩn bị bước ra khỏi cửa:

“Còn tôi nữa chứ?” J.P hỏi cô.

Cô quay nhìn hán. J.P nói hán cảm thấy tim mình đập rộn ràng. Tên của thiếu nữ, hóa ra là Roxy.

“Được thôi”, Roxy đáp. “Tại sao không? Tôi còn vài nụ hôn đây”. Và cô ngọt ngào hôn lên môi hán rồi quay người bước đi.

Ngay lúc ấy, chẳng kịp suy nghĩ gì, J.P theo nàng ra cửa. hán giữ cánh cửa cho nàng. Hán bước xuống các bậc tam cấp

cùng nàng và bước đi trên con đường hẹp đến nơi đỗ chiếc xe tải chở hàng nhỏ của nàng. Hắn cảm nhận như thể điều gì đó sắp vuột khỏi tầm tay nhưng chẳng thể nào cắt nghĩa được. Hắn biết hắn đã gặp được người có thể làm chân tay hắn run rẩy. Hắn vẫn cảm nhận được nụ hôn của nàng còn đang cháy bỏng trên môi. Tư duy của J.P không còn mạch lạc nữa. Trong hắn đang ngập tràn những cảm xúc, lẩn dần đi các suy nghĩ tinh túng.

Hắn giúp nàng mở cánh cửa phía sau của chiếc xe tải. Hắn đặt dụng cụ của nàng vào bên trong. “Cám ơn”, nàng bảo hắn. Lúc ấy hắn thổi lò rằng hắn muốn gặp lại nàng. Rằng hắn có thể mời nàng đi xem phim được chăng? Hắn cũng ý thức được những gì mình sẽ chọn làm nghề trong đời. Hắn muốn theo học nghề của nàng. Hắn muốn trở thành người cạo ống khói. Nhưng lúc này, hắn chưa vội nói với nàng.

J.P kể: nàng chống nạnh và nhìn hắn suốt từ đầu đến chân. Nàng tìm tấm các trong khoang trước của chiếc xe tải. Nàng trao cho hắn. Nàng nói: “Sau mười giờ tối nay, hãy gọi theo số này. Chúng ta có thể nói chuyện. Bây giờ tôi phải đi”. Nàng đội chiếc mũ nhọn vào rồi cởi nó ra. Nàng nhìn J.P lần nữa và hắn thích thú với những gì mình thấy được bởi lẽ lần này nàng mỉm cười. Hắn bảo nàng có một vết than dính cạnh miệng. Nàng ngồi vào xe, bóp còi rồi lái đi.

“Rồi sau đó chuyện gì xảy ra?” tôi hỏi: “Đừng dừng lại bây giờ J.P”.

Câu chuyện đã cuốn hút tôi. Dĩ nhiên tôi phải nghe để biết lý do tại sao một ngày nào đó, J.P lại sa vào con đường hư hỏng.

\*

Tối qua, trời mưa. Mây dồn đống lại trên những đỉnh đồi ngang qua thung lũng. J.P đãng hắng rồi nhìn rặng đồi và

đám mây. Hắn day day cầm rồi tiếp tục trở lại câu chuyện đang kể dở.

Đôi lần, Roxy hẹn đi chơi cùng hắn. Dần dần, hắn bảo nàng cho phép nhập nghề. Nhưng công việc của Roxy phụ thuộc vào cha và anh nàng. Hơn nữa, số khách hàng của họ có hạn. Họ không cần nhận thêm người. Bên cạnh đó, thằng cha J.P này là ai? J.P là gì? Hãy cẩn thận - họ cảnh cáo.

Dẫu sao thì nàng cũng đã đôi lần đi xem phim với J.P. Họ còn đi khiêu vũ. Nhưng chủ yếu, việc tìm hiểu của họ thường diễn ra qua nhiều lần cùng đi cao ống khói. Trước lúc mọi người biết chuyện, J.P kẽ, họ tính chuyện hứa hôn. Và không lâu sau đó, hai người làm hôn lễ. Bố vợ J.P thừa nhận hắn như một thành viên chính thức của gia đình. Hơn một năm sau, Roxy sinh con, nàng không đi cao ống khói nữa. Dẫu sao thì nàng cũng phải nghỉ việc. Bởi không lâu sau đó, nàng cho ra đời đứa con thứ hai. Bấy giờ J.P đã vào tuổi hai mươi lăm. Hắn mua nhà. Hắn bảo cuộc đời hắn thật hạnh phúc. "Tôi hạnh phúc với từng sự kiện đang diễn ra", hắn nói. "Tôi có một thứ mình khao khát, vợ và hai chú nhóc đáng yêu. Tôi sẽ thực hiện nốt những dự định ấp ú trong đời". Nhưng rồi vì một lý do nào đó - chẳng ai có thể biết được tại sao mình làm điều tương tự như thế? - hắn trở nên nghiện rượu. Xưa rày, hắn uống bia và chỉ uống bia. Tất cả các loại bia - chẳng có vấn đề gì. Hắn bảo hắn có thể uống bia hai bốn trên hai bốn. Buổi tối hắn uống bia lúc xem tivi. Tuy nhiên, đôi lúc hắn cũng uống rượu mạnh. Nhưng chỉ vào những dịp họ xuống thành phố - rất ít khi họ đến thành phố - hoặc giả vào lúc có bạn đến chơi. Dần dần, hắn không thể nào cắt nghĩa được, là mình đã chuyển sở thích từ bia sang rượu. Rồi hắn uống rượu mạnh sau bữa tối, uống khi ngồi xem tivi. Trong tay hắn, luôn luôn có cốc gin pha rượu bồ. Hắn bảo hắn rất thích loại rượu ấy. Rời khỏi công việc, hắn

uống trước khi trở về nhà. Rồi đôi lúc hắn bỏ ăn tối. Hắn không tỏ vẻ đói. Hoặc đâu có đôi hắn cũng chẳng muốn ăn. Bởi hắn đã kịp nhấm nháp vài món nhậu tại quán bar. Đôi lần, hắn bước qua cửa và chẳng vì lý do thích đáng nào đã quẳng chiếc cặp lồng đựng bữa ăn trưa của mình lăn lông lốc trong phòng khách. Khi bị Roxy quát, hắn quay lưng và lại bỏ đi. Hắn chuyển các bữa nhậu của mình vào đầu giờ chiều, trong lúc nhiều người cứ ngỡ hắn đang làm việc. Hắn kể với tôi rằng mỗi buổi sáng, hắn lấy lại sự hưng phấn bằng vài ly. Hắn phải nốc đủ đô trước khi đánh răng. Sau đó hắn mới dùng cà phê. Hắn đi làm với một phích rượu vodka trong chiếc túi đựng bữa ăn trưa.

J.P ngừng nói. Hắn im thin thít. Chuyện gì xảy ra vậy? Tôi đang lắng nghe.

Câu chuyện khiến tôi thư giãn. Nó giúp tôi quên băng di cảnh ngộ của mình. Độ chừng phút sau, tôi lên tiếng, “Chuyện quái quỷ gì thế? Kể tiếp đi J.P”. Hắn đang day day cầm. Nhưng ngay sau đó hắn lại tiếp tục.

Bấy giờ, thỉnh thoảng J.P và Roxy có những cuộc dung độ. Tôi muốn nói đến những trận đánh nhau. J.P kể, một tối nọ, nàng đấm vào mặt làm giập sống mũi hắn. “Nhìn đây này”, hắn nói. “Ngay đây”. Hắn chỉ tôi xem vết sẹo nhỏ vát ngang qua sống mũi. “Đây là cái mũi gãy”. Hắn nổi đoá, đánh trật khớp xương vai nàng. Lần khác hắn tẩn rách môi nàng. Họ nện nhau ngay trước mắt bọn trẻ. Hạnh phúc vuột khỏi tầm tay. Nhưng hắn vẫn uống. Hắn không thể bỏ, và chẳng có thứ gì trên đời có thể làm hắn dừng lại được. Thậm chí ngay cả khi cha và anh trai Roxy doạ sê giā cho con ma men trong người hắn phải từ bỏ. Họ bảo Roxy đưa bọn trẻ đi. Song Roxy bảo đấy là việc của nàng. Nàng tự chuộc lấy và muốn tự mình giải quyết.

Đến đây, J.P trầm ngâm trở lại. Hắn rụt vai, ngồi sâu vào

trong ghế, mắt dõi theo chiếc xe đang lái xuống con đường chạy giữa khu diều duồng và những ngọn đồi.

Tôi nói: “Mình muốn nghe hết phần còn lại của câu chuyện; J.P, kể nốt đi”.

“Tôi không biết,” hắn đáp rồi so vai.

“Sẽ ổn thôi”, tôi nói với nghĩa là hắn sẽ thoái mái khi nói hết mọi chuyện. “Kể tiếp đi, J.P”.

Cách nàng giải quyết vụ việc là, J.P nói, kiểm một thằng bạn trai. J.P tò mò muốn biết làm thế nào để nàng còn có thời gian một khi phải xoay sở với việc nhà và lũ nhóc.

Tôi nhìn hắn và rất đỗi ngạc nhiên. Hắn đã trưởng thành. “Nếu một ai muốn làm điều đó”, tôi nói, “thì họ sẽ tìm ra cách. Họ thu xếp được thời gian”.

J.P lắc đầu. “Tôi đoán thế”, hắn nói.

Dẫu sao thì hắn cũng đã phát hiện ra chuyện ấy - về bạn trai của Roxy - hắn phát rõ. Hắn cố tháo chiếc nhẫn cưới ra khỏi tay Roxy, rồi cắt vụn bằng chiếc kéo cắt thép. Ừ, một trò đùa dai dẳng. Trong trận này, họ đã kịp chạm trán nhau vài hiệp. Nhưng sáng hôm sau, trên đường đi làm hắn bị bắt vì tội say rượu. Hắn mất bằng lái. Hắn không thể đánh xe đi làm. Đến đây, hắn nói, một tuần trước đó hắn bị rời khỏi mái nhà, ngón tay cái của hắn đã gãy, còn nếu tiếp tục như thế, thì hắn chỉ chờ đến lúc tự mình làm gãy cổ nữa mà thôi.

\*

Hắn đến trại điêu duồng của Frank Martin để cai rượu và nghĩ cách để quay lại cuộc sống hạnh phúc trước đó của mình. Khác với tôi, hắn không phải cố sức chống lại những cảm xúc tội lỗi trong đời mình. Bọn tôi không bị ràng buộc. Chúng tôi có thể ra đi bất cứ lúc nào nếu muốn. Nhưng người ta đề nghị

tối thiểu bọn tôi nên ở lại một tuần. Những trường hợp khác thì lời “khuyên chân thành nhất” là hai tuần hay một tháng.

Như đã nói, đây là lần thứ hai tôi đến trại Frank Martin. Khi tôi sắp sửa ký tấm séc trả trước cho một tuần cư ngụ, Frank Martin nói: “Những dịp nghỉ thường không dễ. Có lẽ anh nên nghĩ đến việc ở đây lâu hơn? Vài ba tuần chăng? Anh có thể nghỉ vài tuần được chứ? Dẫu sao thì cũng nên suy nghĩ kỹ. Anh chưa cần phải quyết định ngay bây giờ”, ông ta nói. Ông đặt ngón tay cái lên tấm séc giữ cho tôi ký. Rồi tôi tiễn bạn gái ra cửa và chào tạm biệt. “Tạm biệt”, nàng đáp rồi bước nhanh ra cửa đi về phía cổng. Lúc ấy đã xế chiều. Trời đang mưa. Tôi chuyển từ cửa ra vào đến bên cửa sổ, kéo tấm rèm và nhìn nàng đánh xe đi. Nàng lái chiếc xe của tôi. Nàng đang say. Nhưng tôi cũng say. Tôi chẳng thể làm được gì. Tôi lê cơn say vào chiếc ghế lớn đặt cạnh lò sưởi và ngồi xuống. Vài đứa rời mắt khỏi tivi nhìn tôi. Rồi quay lại theo dõi màn hình. Tôi vẫn ngồi đó. Thỉnh thoảng ghé nhìn đôi cảnh trên ti vi.

Chiều muộn, cánh cửa phía trước bị đẩy tung, hai người đàn ông lực lưỡng - mà về sau tôi biết là ông già và anh vợ của J.P - mang hắn vào. Họ kéo rê J.P qua phòng. Người lớn tuổi ký tên và trao cho Frank Martin tờ séc, rồi cả hai đưa J.P lên lâu. Tôi đoán họ đặt hắn vào giường. Lát sau hai người bước xuống, đi về phía cửa trước. Họ dường như phải vội rời khỏi nơi này. Như thể họ không đủ kiên nhẫn để chịu đựng thêm cảnh ấy. Tôi không trách họ. Quý quái thật, đâu dễ. Tôi không biết mình phải xử sự ra sao nếu ở vào địa vị họ.

Một ngày rưỡi sau. J.P và tôi gặp nhau ở cổng trước. Bọn tôi bắt tay và chuyện trò về thời tiết. J.P mắc chứng run tay. Bọn tôi ngồi gác chân lên hàng rào, dựa lưng vào ghế như thể đang tận hưởng những phút giây thoái mái, như thể đang chuyện trò về những người quen cũ. Lúc ấy, J.P bắt đầu kể câu chuyện của mình.

\*

Trời lạnh, không lạnh quá nhưng khá u ám. Frank Martin bước ra khỏi nhà để hút hết điếu xì gà. Ông ta vận chiếc áo len cài cúc đến tận cổ, Frank Martin thấp người song chắc nịch. Mái tóc bạc của ông xoăn tít trên cái đầu nhỏ. Nó quá nhỏ so với cơ thể ông. Frank Martin ngậm điếu thuốc, đứng khoanh tay trước ngực. Vẫn điếu xì gà trên môi, ông nhìn quanh thung lũng. Ông đứng đó tựa như một nhà vô địch quyền anh, hay tựa như người biết quá rõ giá trị của mình.

J.P lại im lặng. Tôi thấy hắn khó thở. Tôi dụi điếu thuốc của mình vào cái xô đựng than và chăm chú nhìn J.P, lúc này đang ép người sâu hơn vào chiếc ghế. J.P dựng cổ áo lên. Chuyện quái quỷ gì vậy? Tôi thầm hỏi. Frank Martin đưa tay cầm đốt điếu xì gà. Ông nhả khói ra khỏi miệng. Rồi hất cầm về phía rặng đồi và nói: “Trước đây, Jack London có một trang trại lớn ở phía bên kia thung lũng này. Ngay đằng kia, phía sau ngọn đồi xanh mà các anh đang nhìn thấy. Nhưng rượu đã giết ông ấy. Đây là bài học tốt cho các anh. Ông ấy là người trác tuyệt hơn hết thảy chúng ta. Nhưng ông không thể cưỡng lại sức quyến rũ của rượu”. Frank Martin nhìn xuống chỗ còn lại của điếu xì gà. Điếu thuốc cháy hết. Ông thả vào cái xô. “Trong lúc ở đây, các anh nên đọc sách, sách của ông ấy như *Tiếng gọi nơi hoang dã*. Các anh biết cuốn sách tôi giới thiệu chứ? Tôi có một cuốn ở trên giá nếu các anh cần đọc. Sách kể về cuộc đời của chú khuyển mang trong huyết quản nửa dòng máu chó và nửa dòng máu sói. Thế thôi”, ông nói rồi xốc chiếc quần lên và kéo áo xuống. “Tôi vào nhà đây”, ông nói: “Hẹn gặp lại các anh vào bữa trưa”.

“Khi ông ta nói, tôi như bị hớp mất魂” J.P nói. “Ông ta biến tôi thành một kẻ cuồng tín”. J.P lắc lắc đầu, rồi nói tiếp, “Jack London. Ai vậy? Giá mà tôi được mang cái tên ấy, thay vì cái tên như bây giờ”.

\*

Lần trước, vợ tôi đưa tôi đến đây. Lúc ấy, chúng tôi hãy còn hoà thuận để cùng tìm giải pháp. Cô ta chở tôi đến, ở lại bàn bạc với Frank Martin độ một, hai tiếng đồng hồ. Sau đó cô ta đi. Sáng hôm sau, Frank Martin tìm tôi, bảo: "Chúng tôi sẵn sàng giúp anh, nếu anh cần sự giúp đỡ và biết nghe theo những gì chúng tôi đề nghị". Song tôi không rõ họ có thể giúp tôi được hay không. Một phần trong tôi cần sự giúp đỡ còn những phần khác thì lại không.

Nhưng lần này, cô bạn gái đưa tôi đến. Nàng đi chiếc xe của tôi. Nàng đưa tôi xuyên qua làn mưa bão. Chúng tôi đã uống champagne suốt dọc đường. Cả hai đều say khi nàng rẽ vào lối đỗ xe. Nàng định thả tôi lại, lái xe về nhà. Nàng có việc cần làm. Một trong việc nàng phải làm là sẽ đến công sở vào ngày mai. Nàng giữ chân thư ký, một chỗ làm tuyệt vời tại một hãng điện tử. Nàng có một chú nhóc lăm môm. Tôi bảo nàng thuê phòng ở lại thành phố, đợi qua đêm rồi hãy về. Tôi không biết nàng có tìm ra chỗ hay không. Tôi chẳng nhận được tin nàng từ lúc nàng dẫn tôi bước lên những bậc tam cấp vào ngày hôm kia để đưa tôi đến văn phòng của Frank Martin và nói: "Hãy đoán xem, ai đây?"

Nhưng tôi không phát cuồng lên vì nàng. Ngay lần gặp gỡ đầu tiên, nàng không bận tâm nhiều về hành động của mình khi bảo tôi có thể ở lại cùng nàng sau khi vợ tôi buộc tôi ra khỏi nhà. Tôi cảm thấy thương nàng. Lý do nữa để tôi thương nàng là vào hôm trước lễ Giáng sinh, bệnh nàng tái phát với nhiều triệu chứng xấu. Nàng phải đến gặp bác sĩ ngay lập tức. Những tin tức ấy đủ cho chúng tôi viện cớ để uống. Như thế những gì chúng tôi đã làm là nhằm giúp bản thân hưng phấn và lâng quên. Chúng tôi đến dùng bữa tại nhà hàng bởi nàng không thích nấu. Hai chúng tôi cùng cậu

con đang tuổi niên thiếu lầm mồm của nàng mở mấy món quà tặng và sau đó đi đến tiệm ăn gần nhà nàng. Tôi không đợi. Tôi ăn ít súp, xúc xích nóng và uống một chai vang. Nàng cũng uống vang rồi cả ba đi dạo quanh Bloody Marys. Vài ngày sau, tôi không nuốt nổi món nào ngoại trừ trứng muối, nhưng lại uống rất nhiều whisky. Rồi tôi bảo nàng: “Cưng, anh nghĩ tốt hơn hết là bỏ rượu. Anh sẽ quay lại trại điều dưỡng của Frank Martin”.

Nàng cố giải thích cho cậu quý tử biết nàng phải có việc ra ngoài một lát và cậu ta phải ăn hết thức ăn của mình. Nhưng ngay khi chúng tôi ra đến cửa, chú nhóc lầm lời cất giọng hét. Nó gào, “Xéo đi! Mẹ đừng quay lại nữa. Mẹ chết quách cho rồi đời! Thật hư đốn!”

Trước lúc rời thành phố, tôi bảo nàng dỗ xe tại một cửa hàng để tôi vào mua champagne rồi chúng tôi còn dừng nữa để mua cốc nhựa. Chúng tôi mua một túi thịt gà rán, lái xe đến trại Frank Martin trong mưa bão, uống và nghe nhạc. Nàng lái. Tôi giữ radio và rót. Bọn tôi cố tạo ra không khí của một bữa tiệc nhỏ. Nhưng chúng tôi vẫn buồn. Chỗ thịt gà rán còn đó, chúng tôi không ăn.

Tôi nghĩ hẳn nàng sẽ về nhà bình yên. Tôi trấn an bằng luận điểm mình sẽ nghe tin đồn nào đó nếu rủi ro xảy ra với nàng. Nhưng nàng không gọi cho tôi và tôi cũng không liên lạc với nàng. Có lẽ nàng đã nhận được vài chuẩn đoán về bệnh tật của mình. Rồi sau đó, nàng không được biết gì thêm. Hắn là có sự nhầm lẫn. Mẫu thử ấy có thể là của người khác. Nhưng nàng đi xe tôi và tôi còn vài thứ để ở nhà nàng. Tôi biết hai đứa sẽ lại gặp nhau.

Họ rung chiếc chuông cũ ở nông trại để báo hiệu giờ ăn. J.P và tôi rời ghế, đi vào nhà. Ngoài cổng, trời trở nên lạnh giá. Chúng tôi có thể thấy hơi thở của mình tỏa thành luồng trắng phía trước mặt.

\*

Buổi sáng đầu tiên của năm mới, tôi cố gọi cho vợ. Không có ai nhắc máy. Ôn. Nhưng nếu không ổn thì thử hỏi tôi còn biết phải làm gì bây giờ? Lần cuối cùng nói chuyện qua điện thoại cách đây vài tuần, bọn tôi chửi nhau. Tôi lảng nhục cô ta. “Đồ đần!” cô ta nói rồi đặt ống nghe xuống.

Nhưng bây giờ tôi muốn nói chuyện với cô ta. Tôi cần giải quyết vấn đề tài sản. Tôi còn mấy thứ ở nhà cô ta.

Một trong số những gã ở đây là du khách. Gã từng sống ở châu Âu và nhiều nơi khác. Dẫu sao thì chuyện ấy từ miệng lão nói ra. Đi buôn bán, gã kể. Gã còn nhận mình là con nghiện và chẳng hề nghĩ sẽ tá túc nơi trại Frank Martin này. Gã không nhớ tại sao mình đến đây. Gã cười ầm lên về chuyện đó, về sự dũng trí của mình. “Con người ta luôn có thể có những phút giây mất trí”, gã nói. “Chẳng hề hấn gì cả”. Lúc tỉnh táo, gã kể cho bọn tôi nghe. “Đấy chỉ là mèo vặt thôi”, gã nói. “Rằng kiểu chuyện trò này có thể phá hỏng tiền đồ của một người đứng đắn”. Gã bảo nếu chỉ uống whisky pha nước, không dùng đá thì gã không bao giờ mất trí. Chính mấy mẩu đá họ thả vào ly rượu đã gây ra tác hại ấy. “Anh có quen ai ở Ai Cập không?” gã hỏi tôi. “Tôi có thể kể tên của vài người bạn ở đó”.

Frank Martin dọn món bít tết và khoai tây nướng trên bàn ăn tôi vào ngày mồng một của năm mới. Cảm giác muốn ăn lại đến với tôi. Sau khi ăn hết mọi thứ trên đĩa, tôi vẫn hay còn muốn ăn thêm. Tôi nhìn qua đĩa của Tiny. Chết thật, hắn chẳng hề động đũa. Chỗ bít tết của hắn vẫn y nguyên, Tiny không giống như Tiny cũ. Con người tội nghiệp ấy dự định tối nay sẽ về nhà. Hắn nghĩ về bộ đồ ngủ, đôi dép đi trong nhà, nắm tay vợ trong lúc xem tivi. Bây giờ hắn sợ phải về nhà. Tôi có thể hiểu. Một ai đó ra về có nghĩa chỗ ấy đã sẵn sàng đón

người khác. Tiny không nói về những câu chuyện dở hơi xảy ra cho bản thân mình nữa. Hắn ngồi trầm ngâm, im lặng. Tôi hỏi hắn rằng mình có thể ăn chõ bít tết của hắn. Hắn đẩy cái đĩa về phía tôi.

Vài kẻ trong bọn tôi cũng im lặng, ngồi trước tivi, xem chương trình *Times Square* trong lúc Frank Martin mang chiếc bánh bước vào. Ông ta chìa cho chúng tôi thấy. Tôi biết ông không làm bánh. Chiếc bánh được mua ở cửa hiệu. Nhưng vẫn là bánh, một chiếc bánh lớn, màu trắng. Trên mặt bánh, có dòng chữ màu hồng: *Chúc mừng năm mới*.

“Tôi không muốn xơi miếng mánh vớ vẩn ấy,” gã từng ở châu Âu và nhiều xứ khác nói. “Champagne đâu?” - gã hỏi rồi cười vang.

Cả bọn đi vào phòng ăn. Frank Martin cắt chiếc bánh. Tôi ngồi gần J.P. J.P ăn hai miếng và uống một cốc nước quả. Tôi ăn một miếng và gói miếng còn lại vào tấm khăn ăn để dành lát nữa.

J.P châm thuốc hút - bây giờ tay hắn hết run - và bảo sáng mai vợ hắn đến thăm - ngày đầu tiên của năm mới.

“Tuyệt vời”, tôi nói. Hắn gật đầu. Tôi liếm vết kem bám trên ngón tay. “Tin tốt đấy, J.P”.

“Tôi sẽ giới thiệu cô ấy với anh”, hắn nói.

“Tôi lấy làm hân hạnh về chuyện đó,” tôi đáp.

Chúng tôi chào tạm biệt. Chúng tôi nói: Chúc Mừng Năm Mới. Tôi cầm chiếc khăn ăn. Chúng tôi bắt tay nhau.

Tôi đến bên điện thoại, gọi vợ tôi. Nhưng lần này cũng chẳng có ai trả lời. Tôi nghĩ sẽ gọi cho cô bạn gái và khi quay số của nàng, tôi nhận thấy mình thực sự không muốn nói chuyện với nàng. Có lẽ nàng đang ở nhà xem cùng chương trình trên tivi như tôi đang xem. Dẫu sao, tôi không muốn nói chuyện với nàng. Tôi hy vọng nàng khỏe. Nhưng nếu có chuyện gì xảy ra, thì tôi cũng không muốn nói chuyện.

\*

Sau bữa ăn sáng, tôi và J.P mang cà phê ra ngồi trước cổng. Bầu trời quang đãng nhưng phải mặc cả áo len và jacket thì mới đủ ấm.

“Nàng hỏi tôi có nên đưa bạn trẻ đến không,” J.P nói.

“Tôi bảo để chúng ở nhà. Anh có thể hình dung nổi không? Lạy Chúa! Tôi không muốn trẻ con đến đây”.

Chúng tôi dùng cái xô đựng than làm cái gạt tàn, rồi nhìn qua thung lũng nơi Jack London đã từng sống. Trong lúc hai thằng đang uống thêm cà phê thì chiếc xe ấy rời đường, rẽ xuống lối vào cổng.

“Cô ấy đấy!” J.P nói. Hắn đặt cốc cà phê xuống cạnh ghế, đứng dậy và bước xuống bậc tam cấp.

Tôi thấy người đàn bà dừng xe, nhả phanh. Tôi thấy J.P mở cửa. Tôi nhìn nàng bước ra và thấy họ ôm chầm nhau. Tôi quay sang hướng khác. Khi nhìn lại, J.P đã nắm tay nàng bước lên các bậc cấp. Người phụ nữ này có đạo đánh giập sống mũi J.P. Nàng sinh hai chú nhóc và gấp nhiều rác rối nhưng nàng yêu người đàn ông đang nắm tay nàng. Tôi rời ghế đứng dậy.

“Đây là bạn anh”, J.P nói với vợ. “Còn đây là Roxy”.

Roxy bắt tay tôi. Nàng cao, rất xinh trong chiếc mũ len. Nàng vận chiếc áo khoác, áo len dày và quần dài. Tôi sực nhớ đến những gì J.P kể về gã bạn trai của nàng và chiếc kéo cắt thép. Tôi không thấy chiếc nhẫn cưới. Tôi nghĩ nó bị cắt vụn để ở đâu đó. Bàn tay nàng rộng, đốt ngón tay lớn. Người phụ nữ này thuộc dạng có thể sử dụng được nắm đấm nếu cô ta muốn.

“Tôi đã nghe kể về chị”, tôi nói. “J.P cho tôi biết các bạn đã làm quen ra sao. J.P kể nhiều chuyện về chiếc ống khói”.

“Vâng, về ống khói”, nàng đáp. “Hắn còn nhiều chuyện anh ấy giấu không kể cho anh”, nàng nói. “Em chắc anh ấy đã không kể hết mọi chuyện”, nàng cười, rồi không thể đợi thêm

nữa bèn vòng tay qua người J.P. hôn lên má chồng. Họ bắt đầu đi về phía cửa. “Rất vui mừng được gặp anh”, nàng nói. “Nhưng mà anh ấy có bảo anh rằng mình là tay cạo ống khói cù khôi không đấy?”

“Đi thôi, Roxy” J.P giục. Tay hắn đã đặt lên núm cửa. “Anh ấy bảo tôi là đã học mọi thứ từ chị”, tôi trả lời.

“Ô, đa số là thực”, nàng nói và lại cười. Nhưng với chất giọng ấy, dường như người nói đang nghĩ về chuyện khác. J.P xoay núm cửa. Roxy đặt tay mình lên. “J.P, tụi mình không thể ăn trưa trong thành phố à? Em không thể đưa anh đi đâu đó sao?”

J.P dèng hắng. Hắn đáp: “Chưa hết tuần”. Hắn buông tay khỏi núm cửa rồi đưa lên sờ còng. “Anh nghĩ họ sẽ hài lòng nếu anh không rời nơi này đâu chỉ là trong khoảnh khắc. Chúng ta có thể dùng cà phê tại đây”, hắn nói. “Được rồi” nàng đáp. Mắt nàng lướt qua tôi lần nữa “Em mừng vì Joe có bạn. Thật thú vị khi gặp anh”, nàng lên tiếng.

Họ chuẩn bị bước vào trong. Tôi biết ý nghĩ ấy thật kỳ quặc, nhưng đâu sao tôi vẫn thực hiện. “Roxy”, tôi gọi. Họ dừng trên ngưỡng cửa và nhìn tôi. “Tôi muốn được ban may mắn”, tôi nói. “Nghiêm túc đấy, tôi có thể tự hôn”.

J.P nhìn xuống. Hắn vẫn đang giữ núm cửa dãu cho cửa đã mở. Hắn xoay xoay cái núm. Nhưng tôi vẫn nhìn nàng. Roxy cười. “Em không còn là người cạo ống khói”, nàng nói. “Nhưng chưa lâu đâu. Joe chưa kể cho anh nghe chuyện đó hay sao? Song chắc chắn em sẽ hôn anh, thật vậy”.

Nàng bước lại, nắm vai tôi - bởi tôi khá cao - rồi đặt lên môi tôi nụ hôn.

“Thế nào?” nàng hỏi.

“Tuyệt”, tôi đáp.

“Chẳng phải thế đâu”, nàng nói trong lúc vẫn giữ vai tôi. Nàng nhìn thẳng mắt tôi. “Chúc anh may mắn”, nàng nói rồi buông tay ra.

"Hẹn gặp lại, chiến hữu", J.P nói. Hắn mở rộng cánh cửa. Họ bước vào.

Tôi ngồi xuống bậc thềm phía trước và châm điếu thuốc. Tôi quan sát cử chỉ của đôi tay và ném que diêm. Tay tôi run. Sáng nay tôi mới biết. Sáng nay tôi muốn uống. Nó dần vặt tôi song tôi đã không thô lộ với J.P. Tôi cố nghĩ chuyện khác.

Tôi đang nghĩ về nghề cạo ống khói, về tất cả những điều J.P kể cho tôi. Lúc ấy, vì một lý do nào đó, tâm trí tôi hướng về ngôi nhà mà tôi và vợ đã từng chung sống. Ngôi nhà ấy không có ống khói, bởi thế, bây giờ chẳng biết tìm đâu ra kỉ niệm để gợi nhớ về nó. Nhưng tôi vẫn nhớ ngôi nhà và khi đã ở đó vài tuần tôi còn nhớ cảm giác khi nghe thấy tiếng động bên ngoài vào một buổi sáng chủ nhật. Trong phòng ngủ, trời hãy còn đang tối. Song những tia sáng yếu ớt đã len vào từ cửa sổ. Tôi nghe. Tôi lắng nghe tiếng gì đó sượt qua tường nhà. Tôi nhảy khỏi giường để nhìn xem.

"Lạy chúa!" Vợ tôi thốt lên, ngồi dậy và vén tóc khỏi mặt. Khi ấy nàng mở miệng cười. "Ông Venturini đấy mà", nàng nói. "Em quên không nói với anh. Ông ấy hẹn hôm nay đến sơn nhà, ngay từ sáng bởi thời tiết quá nóng. Em quên khuấy chuyện này", nàng cười. "Về giường đi, anh yêu, ông ta đấy".

"Đợi đã", tôi đáp.

Tôi vén rèm lên khỏi cửa sổ. Bên ngoài, ông già mặc bộ đồ bảo hộ màu trắng đang đứng cạnh chiếc thang của mình. Mặt trời sắp sửa chiếu những tia nắng đầu tiên qua rặng núi. Lão và tôi nhìn nhau. Đúng rồi! ông già trong bộ đồ bảo hộ là người thợ sơn. Nhưng bộ đồ quá lớn so với cơ thể lão. Lão cũng cần phải cạo râu. Lão đội chiếc mũ chơi bóng chày để che cái đầu hói. Trời hõi, tôi nghĩ, trông lão già thế! Và cảm giác hạnh phúc chạy lướt qua người tôi bởi lẽ tôi không già như lão; tôi là tôi, tôi đang ở trong phòng ngủ với vợ.

Lão đưa ngón tay cái chỉ về phía mặt trời. Lão vò chùi

trán như ngầm để tôi biết lão không có nhiều thời gian. Khuôn mặt già nua bỗng nở nụ cười. Lúc ấy tôi ý thức được cơ thể mình tồng ngồng. Tôi nhìn xuống, tôi lại nhìn ông lão rồi nhún vai. Lão đang nghĩ gì?

Vợ tôi cười. "Lại đây nào", nàng nói. "Về giường đi. Ngay bây giờ. Nhanh lên. Quay lại giường đi".

Tôi thả tấm rèm, nhưng vẫn đứng cạnh cửa sổ. Tôi có thể thấy ông lão gật gật đầu như thể đang lẩm bẩm điều gì. "Lại đây nào, cưng, về giường đi. Em hiểu". Lão giật mạnh cái mác đính phía trước ra khỏi mũ rồi chuẩn bị làm việc. Lão xách chiếc xô bắt đầu leo lên thang.

\*

Bây giờ tôi tựa lưng vào bậc cấp và gác chéo chân lên nhau. Có lẽ gần tối tôi sẽ cố gọi cho vợ thêm lần nữa. Và xem đó tôi sẽ gọi xem điều gì đã xảy ra với cô bạn gái. Nhưng tôi không thích nghe phải giọng nói của cậu quý tử lầm lời của nàng trên điện thoại. Nếu tôi gọi, tôi hy vọng thằng nhóc đã ra khỏi nhà để làm một việc gì đó. Tôi cố lục trong kí ức xem mình đã từng đọc truyện của Jack London chưa. Tôi không nhớ. Nhưng dạo còn học phổ thông, tôi đã đọc được tác phẩm của ông. "Nhóm lửa" là nhan đề của câu chuyện. *Bên dòng Yukon gã đàn ông ấy đang lạnh冷*ong. *Hãy hình dung - gã sẽ phải chết vì lạnh nếu không nhóm được lửa*. Có lửa, gã có thể hong khô tất cả, đồ đặc và sưởi ấm.

*Gã đang nhóm ngọn lửa của mình thì ngay lúc ấy, sự cố xảy ra. Một nhánh tuyết đổ ập vào nó. Ngọn lửa tắt. Trong khi đó, trời càng lúc càng lạnh. Đêm tối đang dần đến.*

Tôi rút vài tấm các điện thoại ra khỏi túi. Thoạt tiên, mình sẽ gọi cho vợ. Nếu nàng nhắc ống nghe, mình sẽ chúc:

Năm Mới Hạnh Phúc. Nhưng nếu nàng không vui, mình sẽ không đả động bất cứ chuyện gì. Mình sẽ không to tiếng, dẫu cho nàng muốn gây sự. Nàng sẽ hỏi mình đang gọi từ đâu và mình sẽ phải nói cho nàng biết. Mình sẽ không đề cập đến việc hoà giải nhân dịp Năm Mới. Chuyện này chẳng thể đùa được. Sau khi phone cho nàng, mình sẽ gọi đến cô bạn gái. Có lẽ mình sẽ gọi nàng trước. Mình chỉ cầu mong sao đừng gặp quý tử của nàng trên đường dây. “Xin chào, cưng”, mình sẽ đáp khi nàng trả lời. “Anh đây”.

LÊ HUY BẮC *dịch*

## ĐIỀU TỐT LÀNH NHO NHỎ

*C*hiều thứ bảy, chị đánh xe đến hiệu bánh tại trung tâm thương nghiệp. Sau khi xem mẫu đính trên từng trang giấy rời trong kẹp, chị đặt làm chiếc bánh sôcôla, loại con mình thích. Chị chọn chiếc bánh có đắp hình con tàu vũ trụ có bệ phóng bên dưới bầu trời lác đác sao trăng và một hành tinh đắp bằng kem đỏ ở góc bên kia. Tên cháu bé, Scotty, sẽ đắp bằng kem màu xanh ở ngay dưới hành tinh ấy. Người làm bánh, ở vào tuổi trung niên, có cái cổ to, chỉ lắng nghe không hề nói khi chị bảo, thứ hai tối, cháu tròn tám tuổi. Người làm bánh deo tạp dề trắng trông như thẻ chiếc áo blu. Sợi dây đeo, vòng ra sau lưng ở chỗ dưới cánh tay rồi được kéo buộc chặt ra phía trước dưới cái bụng phệ. Lúc nghe chị nói, ông chùi chùi tay vào tạp dề, nhìn mấy tấm hình mẫu. Để chị

dặn dò thoái mái. Ông vừa đến xưởng và sẽ ở lại đó suốt đêm để nướng bánh, ông không bận lắm.

Chị nói tên mình, Ann Weiss, và số phone cho người làm bánh. Chiếc bánh sẽ được lấy ra khỏi lò vào sáng thứ hai, từ đây đến chiều, hãy còn nhiều thời gian để chuẩn bị tiệc cho chú bé. Người làm bánh chẳng vồn vã lắm. Giữa họ không có sự đồng cảm, chỉ nói với nhau vài lời nhăm trao đổi những thông tin cần thiết. Ông làm chị khó chịu, chị không thích không khí ấy. Trong khi ông đang cầm cây bút chì, cúi người trên quầy, chị quan sát nét mặt thô vụng của ông và thầm hỏi không biết trong đời liệu ông có còn biết gì khác ngoài việc nướng bánh. Chị ba mươi tuổi, đã làm mẹ và dường như với chị tất cả mọi người, đặc biệt là ai đó ở vào độ tuổi của người làm bánh - già bằng tuổi bố chị - hẳn là có nhiều chú nhóc, người trải qua những phút giây đặc biệt trước những chiếc bánh và những lần sinh nhật. Chúng hẳn luôn có cùng tâm trạng ấy, chị nghĩ. Nhưng ông ta làh lạnh với chị - không thô lỗ mà chỉ đứng đung. Chị từ bỏ ý định bắt chuyện với ông ta. Chị nhìn sâu vào sau xưởng bánh và thấy một chiếc bàn gỗ thô, dài có nhiều chiếc khay nhôm chất đống ở một đầu; bên cạnh bàn là chiếc thùng sắt đầy ắp những cái khuôn rỗng. Có một cái lò khổng lồ. Radio đang phát một giai điệu của miền quê phía Tây.

Người làm bánh viết xong các thông tin lên tám các đợt hàng đặc biệt rồi gấp kẹp giấy in mẫu bánh lại. Ông nhìn chị và nói: "Sáng thứ hai". Chị cảm ơn rồi lái xe về.

Sáng thứ hai, đứa trẻ sinh nhật cùng với một chú nhóc nữa đi đến trường. Chúng chuyền tay nhau túi khoai tây rán. Cậu bé sinh nhật đang cố đoán xem bạn sẽ tặng món quà gì cho mình nhân dịp sinh nhật vào chiều hôm ấy. Không để ý, cậu bé sinh nhật bước ra khỏi lề đường tại chỗ hai con phố giao nhau và ngay lập tức bị một chiếc ô tô húc ngã. Cậu ngã

nghiêng người, đầu nằm trong rãnh nước, còn chân thò ra ngoài đường. Mắt cậu nhắm nghiền nhưng chân vẫn đạp đạp như thể đang cố vượt lên một vật nào đó. Bạn cậu thả rơi túi khoai tây và khóc. Chiếc xe chạy thêm khoảng chừng ba mươi mét rồi dừng lại giữa đường. Từ ghế tài xế, một người đàn ông nhìn lại. Ông ta đợi cho đến khi cậu bé lảo đảo đứng lên. Cậu bé hơi loạng choạng. Trông cậu hơi dờ dẫn. Nhưng không sao. Người lái xe sang số rồi lái đi.

Cậu bé sinh nhật không khóc, nhưng cũng không hề mở miệng. Cậu không trả lời khi đứa bạn hỏi có hề gì không khi bị xe tông. Cậu đi về nhà, còn bạn tiếp tục đến trường. Nhưng khi cậu bé sinh nhật đã về nhà và đang kể cho mẹ nghe chuyện bị xe húc - chị ngồi cạnh con trên ghế sofa, giữ tay con trong lòng và hỏi: "Scotty, cưng, con có chắc mình chẳng hề gì không?" rồi nghĩ đâu sao mình cũng nên gọi bác sĩ - thì bất thình lình, cậu duỗi người trên ghế, mắt nhắm chặt và rũ người ra. Lúc không thể lay gọi con tỉnh lại, chị chạy đến bên điện thoại gọi tới văn phòng của chồng. Howard bảo chị hãy bình tĩnh, bình tĩnh; rồi anh gọi xe cứu thương đón con, còn mình thì đến thẳng bệnh viện.

Đĩ nhiên, tiệc sinh nhật đã bị huỷ bỏ. Cậu bé nằm viện do bị chấn động nhẹ và phải chịu đựng cú sốc. Cậu nôn, phổi sung dịch, phải hút chiểu hôm ấy. Bây giờ, đường như cậu chìm vào giấc ngủ thật sâu - chứ không phải trạng thái hôn mê, bác sĩ Francis nhấn mạnh, không hôn mê, lúc ông nhìn thấy nỗi lo sợ trong mắt ba mẹ đứa trẻ. Mười một giờ tối đó, lúc cậu bé dường như đang nằm nghỉ dễ chịu sau nhiều lần chụp X quang và những xét nghiệm khác, chỉ cần chờ cậu thức giấc hồi tỉnh, Howard rời bệnh viện. Anh cùng Ann đã ở bệnh viện với con suốt cả chiểu hôm ấy, anh sẽ về nhà một lát để tắm và thay quần áo. "Một tiếng nữa, anh quay lại", anh nói. Chị gật đầu. "Anh về đi", chị đáp. "Em sẽ ở đây". Anh hôn lên trán chị, hai

người nắm tay nhau. Chị ngồi xuống chiếc ghế đặt cạnh giường, nhìn cậu bé. Chị đang đợi con tỉnh lại và bình yên. Khi ấy chị bắt đầu cảm thấy dễ chịu. Rời bệnh viện, Howard đánh xe về nhà. Anh lái rất nhanh trên những con đường tối đèn, ẩm ướt, rồi giật mình giảm tốc độ. Mãi đến giờ, cuộc sống của anh bình lặng trôi, kể cả các ước nguyện - trường đại học, hôn nhân, thêm nhiều năm ở trường đại học để kiếm mảnh bằng kinh doanh cao hơn, thành viên cấp dưới của một công ty đầu tư. Làm ba. Anh hạnh phúc và từ đấy đến nay, anh may mắn - anh biết điều đó. Ba mẹ anh vẫn còn sống, các anh chị đều ổn định, bạn bè thời đại học đã đi làm và đã khẳng định được chỗ đứng. Cho đến nay, những bất hạnh chưa chạm đến anh, thế lực ấy, anh biết vẫn tồn tại và có thể bám riết hoặc đánh gục bất kỳ ai nếu vận may đã đi, nếu mọi thứ đột nhiên không còn nguyên vẹn trật tự như trước. Anh giảm tốc độ và đỗ xe lại. Chân trái của anh bắt đầu run. Anh ngồi trong xe một lát, cố xoay xở với tình huống thực tại bằng cách hợp lý. Scotty bị xe tông và đang nằm viện, song con sẽ chẳng hề gì. Howard nhắm mắt rồi đưa tay vuốt mặt. Anh ra khỏi xe, bước lên phía cửa trước. Trong nhà, chó đang sủa. Điện thoại vẫn tiếp tục reo khi anh mở khoá và lần mò bật điện. Anh không nên rời bệnh viện, lẽ ra anh không nên. “Xúi thật!” anh nói. Anh nhắc ống nghe rồi nói: “Anh chỉ vừa mới về đến cửa!”

“Có cái bánh ở đây, chưa thấy ai đến nhận” giọng ở đầu dây đáp.

“Ông bảo gì vậy?” Howard hỏi:

“Một chiếc bánh”, giọng ấy trả lời. “Chiếc bánh mười sáu đôla”.

Howard áp chặt tay phone vào tai, cố hiểu. “Tôi không biết tí gì về bánh trái cả”, anh nói. “Lạy Chúa, ông đang nói gì vậy”.

“Đừng trêu tôi nữa”, giọng ấy đáp.

Howard cúp máy. Anh vào bếp, rót một ít whisky. Anh gọi

đến bệnh viện. Nhưng tình trạng cậu bé vẫn như cũ, cậu đang ngủ và chẳng có gì tiến triển. Trong khi đợi nước chảy đầy bồn tắm, Howard bôi xà phòng cạo râu. Nhưng ngay khi anh vừa đuổi người trong bồn, nhắm mắt thì chuông điện thoại lại reo. Anh nhổm người dậy, chộp khăn tắm chạy vội vào nhà, lấm bẩm: “Ngốc thật, ngốc thật”, vì đã rời bệnh viện. Song khi nhấc tay nghe và hét “Hello!”, anh không nhận được tín hiệu. Người gọi đã dập máy.

Quá nửa đêm một chút, anh trở lại bệnh viện. Chị vẫn ngồi trên chiếc ghế cạnh giường. Chị ngược nhìn Howard rồi lại nhìn cậu bé. Mắt cậu vẫn nhắm, đầu vẫn quấn băng. Hơi thở cậu nhẹ và đều đặn. Trên chiếc giá ở đầu giường, chai glucose đang nồi ống dẫn xuống cánh tay cậu bé.

“Con sao rồi?” Howard nói. “Sao lại thế này?” anh chỉ tay vào bình glucose và ống dẫn.

“Yêu cầu của bác sĩ Francis”, chị nói. “Cần chất dinh dưỡng để giữ cho cơ thể khỏi suy sụp. Sao con lại không tỉnh dậy hả Howard? Em chẳng hiểu liệu con có khỏe không?”.

Howard đặt tay lên phía sau đầu chị. Anh luồn mây ngón tay vào mái tóc. “Con sẽ khỏe. Lát nữa nó sẽ tỉnh. Bác sĩ Francis biết rõ điều ấy”.

Lát sau, anh nói. “Có lẽ em nên về nhà nghỉ ngơi một lát. Anh sẽ ở lại đây. Có điều chó có bực mình với cái gã cứ gọi dai dẳng. Đừng bạn tâm tới gã”.

“Ai gọi vậy”, chị hỏi.

“Anh không rõ, chắc là thằng cha nào đó chẳng có việc gì để làm ngoài việc ngồi bấm máy lung tung. Thôi, em về đi”.

Chị lắc đầu. “Không”, chị nói. “Em khỏe”.

“Nào”, anh bảo. “Về nghỉ một lát rồi sáng mai đến thay anh. Chẳng có gì hệ trọng đâu. Bác sĩ Francis nói gì nhỉ? Ông ấy đã bảo Scotty sẽ bình phục. Chúng mình đừng nên quá lo lắng. Böyle giờ con đang ngủ, thế thôi”.

Một cô y tá mở cửa. Cô gật đầu chào khi bước đến cạnh giường. Cô nâng cánh tay trái ra khỏi chăn, đặt mây đầu ngón tay lên tìm mạch ở cổ tay cậu bé rồi nhìn đồng hồ. Lát sau, cô đặt cánh tay vào lại trong chăn, đi về phía chân giường, viết gì đó lên tấm bảng đính vào giường.

“Cháu ra sao?”, anh hỏi. Bàn tay Howard đè nặng lên vai chị. Chị cảm nhận được mây ngón tay đang bấu xuống.

“Cháu ổn định”, cô y tá đáp. Rồi cô nói: “Bác sĩ sẽ lại đến ngay đây. Ông ấy vừa mới đến và sẽ đi khám một lượt ngay bây giờ”.

“Tôi đang bảo cô ấy nên về nhà nghỉ một chút”, Howard nói. “Sau khi bác sĩ đến khám”.

“Chị có thể làm như thế”, cô y tá nói. “Tôi nghĩ nếu hai anh chị cảm thấy mệt thì cứ việc về nhà nghỉ, không sao đâu”. Cô y tá là người Bắc Âu, tóc vàng hoe. Cách phát âm của cô vẫn mang chất thổ ngữ.

“Chúng tôi sẽ chờ lời kết luận của bác sĩ”, Anh nói. “Tôi muốn trao đổi đôi điều với ông ấy. Tôi không an tâm khi con cứ ngủ mãi như thế này. Tôi không tin đấy là dấu hiệu tốt”. Chị đưa tay che mặt rồi gục đầu xuống một lát. Howard nắm chặt vai chị, bàn tay lần lên cổ, mây ngón tay bóp nhẹ những múi cơ ở đó.

“Vài phút nữa, bác sĩ Francis sẽ đến đây”, cô tá nói rồi ra khỏi phòng. Howard chăm chú nhìn con trai một lát, lồng ngực nhở lặng lẽ nhô lên, xẹp xuống dưới tấm chăn. Đây là lần đầu tiên, kể từ giây phút kinh hoàng sau khi Ann gọi đến văn phòng, anh thấy nỗi lo sợ thực sự bắt đầu ngấm vào từng đốt xương. Anh lắc đầu. Scotty bình yên, nhưng thay vì ngủ ở nhà, trên giường của mình, con ngủ trên giường bệnh viện, băng quấn quanh đầu, ống chuyền đậm đính vào cánh tay. Nhưng những vật ấy, bây giờ, đang giúp nó bình phục.

Bác sĩ Francis bước vào, bắt tay Howard mặc dù chỉ vài giờ trước họ đã gặp nhau. Ann rời ghế đứng lên. “Bác sĩ”.

“Ann”, ông nói và gật đầu. “Chúng tôi chỉ xem qua cháu ra sao”, bác sĩ nói.

Ông đến bên giường bắt mạch cậu bé. Ông lần lượt vạch hai mí mắt lên nhìn. Howard và Ann đứng cạnh bác sĩ quan sát. Tiếp đó ông lật tấm chăn, dùng ống nghe theo dõi nhịp tim và nghe phổi. Ông ấn mấy ngón tay lên vài nốt trên bụng cậu bé. Lúc khám xong, ông đi đến cuối giường, đọc tấm bảng. Ông đánh dấu thời gian, viết nguêch ngoạc mấy chữ lên bảng rồi nhìn Howard và Ann.

“Thưa bác sĩ, cháu có sao không?” Howard nói. “Chính xác thì cháu đang gặp mối hiểm nguy gì?”

“Tại sao cháu không tỉnh lại?”, Ann nói.

Bác sĩ là người đàn ông đẹp trai, vai rộng, khuôn mặt sạm nắng. Ông mặc bộ đồ màu xanh ba mảnh, đeo cà vạt sọc và cài khuy măng sét. Mái tóc bạc chải rẽ ngôi, trông ông như thể vừa bước ra khỏi phòng hòa nhạc. “Cháu ổn định”, bác sĩ nói. “Chớ lo, cháu sẽ khỏe hơn, tôi nghĩ. Dẫu sao thì cháu vẫn ổn định. Nhưng tôi muốn cháu thức dậy. Cháu nên thức dậy nhanh”. Bác sĩ lại nhìn cậu bé. “Vài giờ nữa, khi mấy mẫu xét nghiệm bổ sung có kết quả, chúng ta sẽ khẳng định rõ thêm. Nhưng cháu sẽ bình phục, hãy tin tôi, ngoại trừ một vết rạn ở sọ ngay đường chân tóc. Sọ cháu bị rạn”.

“Ồ, không”, anh nói.

“Và hơi bị chấn động như tôi đã thông báo trước. Dĩ nhiên, anh chị biết cháu bị sốc”, bác sĩ nói. “Thỉnh thoảng triệu chứng này xảy ra với nhiều ca sốc. Ngủ ấy mà”.

“Nhưng cháu đã vượt qua giai đoạn hiểm nghèo chưa?” Howard nói. “Trước ông bảo cháu không bị hôn mê. Vậy thì ông sẽ không gọi triệu chứng này là hôn mê có phải không, thưa bác sĩ?” Howard đợi. Anh nhìn bác sĩ.

“Không, tôi không muốn gọi trạng thái ấy là hôn mê”, bác sĩ đáp rồi liếc cậu bé thêm lần nữa. “Cháu chỉ rơi vào giấc ngủ

rất sâu. Đây là cách để cơ thể tự phục hồi. Cháu đã qua giai đoạn hiểm nghèo, tôi có thể khẳng định điều đó, đúng. Nhưng chúng ta sẽ biết chính xác hơn khi cháu thức dậy và kết quả xét nghiệm bổ sung được đưa đến”, bác sĩ nói.

“Đây là một kiểu hôn mê”, Ann nói.

“Chưa thể khẳng định như thế, cháu chưa bị hôn mê”, bác sĩ nói. “Tôi không muốn nghĩ đó là hiện tượng hôn mê. Dẫu sao cũng chưa thể kết luận. Cháu bị sốc. Trong nhiều trường hợp sốc, kiểu phản ứng như thế là rất thường. Đây là kiểu phản ứng nhất thời của sự chấn thương cơ thể. Hôn mê. Ừ, hôn mê là hiện tượng bất tỉnh nặng, kéo dài; đôi lúc diễn ra trong vài ngày, thậm chí có khi nhiều tuần lễ. Scotty không thuộc diện đó, chúng tôi có thể nói như thế. Tôi chắc là cháu sẽ đỡ hơn vào sáng mai. Tôi cuộc điệu đó sẽ xảy ra. Chúng ta sẽ biết chắc hơn khi cháu tỉnh, bây giờ điệu đó không còn lâu nữa. Dĩ nhiên, anh chị có thể làm theo ý mình, ở lại đây hay về nhà một lát. Nếu anh chị muốn thì có thể an tâm rời bệnh viện một lát. Nhưng tôi biết, chuyện ấy đâu có dễ”. Bác sĩ lại nhìn cậu bé, quan sát kỹ rồi quay sang nói với Ann: “Chị đừng sợ, bà mẹ trẻ à. Hãy tin tưởng ở tôi, bọn tôi đang cố thực hiện hết sức những gì phải làm. Vấn đề là chỉ còn phải đợi thêm lát nữa thôi”. Ông gật đầu chào chị, bắt tay Howard lần nữa rồi rời phòng.

Ann đặt tay lên trán con. “Dẫu sao, nó cũng không bị sốt”, chị nói. Rồi lại nói: “Lạy Chúa, nhưng sao con lại lạnh thế, Howard? Họ có biết trước thân nhiệt của con như thế này không? Sờ trán con này”.

Howard chạm vào thái dương của con. Hơi thở của anh chậm lại. “Anh nghĩ người ta đã dự đoán thân nhiệt của con bây giờ là thế”, anh nói. “Con bị sốc, em nhớ chứ? Bác sĩ đã bảo thế. Ông ấy vừa mới ở đây. Nếu Scotty ở trong tình trạng tồi tệ thì ông ấy hẳn đã cho chúng ta biết”.

Ann đứng đấy thêm một lúc, cắn cắn môi, rồi lại ghế, ngồi xuống.

Howard ngồi vào ghế cạnh ghế chị. Hai người nhìn nhau. Anh muốn nói đôi điều nữa để trấn an chị, nhưng bản thân anh cũng lo lắng. Anh cầm tay chị đặt vào lòng mình, anh thấy bình tâm hơn khi tay chị để ở đó. Anh nâng bàn tay lên và bóp chặt. Sau đó giữ trong tay mình. Họ cứ ngồi trong tư thế ấy, lặng lẽ quan sát con. Thỉnh thoảng anh bóp mạnh tay chị. Cuối cùng, anh thả ra.

“Em đang cầu nguyện”, chị nói.

Anh gật đầu.

Chị bảo: “Em dường như không nhớ cách cầu nguyện, nhưng rồi mọi thứ sống lại trong em. Tất cả những gì em làm là nhắm mắt và thầm nhủ: “Lạy Chúa, xin Người ban phước cho chúng con. Người hãy cứu Scotty”, rồi sau đó những lời thành tâm cứ tiếp tục tuôn ra. Điều định nói có sẵn ngay trong đầu. Có lẽ anh cũng nên cầu nguyện”, chị nói với anh.

“Anh đã cầu rồi”, anh nói. “Cầu vào chiều nay - đúng hơn là chiều qua - sau lúc em gọi và lúc anh đang trên đường đi đến bệnh viện. Anh vẫn đang nguyện cầu”, anh nói.

“Làm thế là tốt”, chị nói. Bởi đây là lần đầu tiên, chị cảm nhận sự hoà hợp giữa hai người trước thảm họa của gia đình. Chị giật mình khi ý thức được rằng, mãi cho đến giờ, tai ương ấy chỉ đổ lên đầu chị và Scotty. Chị không để Howard vướng vào mặc dù anh luôn ở đấy và sẵn sàng chia sẻ. Chị cảm thấy hạnh phúc khi làm vợ anh.

Cô y tá bước vào bắt mạch cậu bé lần nữa rồi kiểm tra độ dịch chảy từ cái chai treo đầu giường.

Trong vòng một tiếng đồng hồ, một bác sĩ nữa đi vào. Ông giới thiệu tên mình là Parsons, chuyên khoa X quang.

Bộ ria mép của ông rậm. Ông đi đôi giày để phẳng, vận sơ mi Western và quần jean.

“Chúng tôi sẽ đưa cháu xuống dưới chụp thêm phim”, ông bảo họ. “Chúng tôi cần chụp thêm vài mẫu nữa kể cả phải chụp cắt lớp”.

“Cái gì?” Ann hỏi. “Chụp cắt lớp à?” Chị đứng giữa bác sĩ và cái giường. “Tôi nghĩ các ông đã chụp X quang cẩn thận rồi”.

“Tôi e rằng cần phải chụp thêm”, ông nói. “Cứ cẩn thận thì hơn. Chúng tôi chỉ chụp thêm phim và chụp cắt lớp nǎo cho cháu”.

“Lạy Chúa”, Ann nói.

“Trong các ca giống thế này, đây chỉ là những thao tác nghiệp vụ hoàn toàn bình thường”, bác sĩ ấy nói. “Chúng tôi cần tìm rõ nguyên nhân tại sao cháu vẫn chưa hồi tỉnh. Chẳng hề hấn gì đâu, chỉ đơn thuần là các thao tác nghiệp vụ. Vài phút nữa, cháu sẽ được đưa xuống”, bác sĩ nói.

Lát sau, hai nhân viên bệnh viện đẩy chiếc xe chuyên dụng vào. Hai người mặc đồng phục trắng, nước da sẫm màu và tóc đen, trong khi tháo ống chuyền dịch khỏi tay và chuyển cậu bé sang xe, họ trao đổi vài câu bằng tiếng nước ngoài. Rồi họ đẩy cậu bé ra khỏi phòng. Howard và Ann, cùng bước vào thang máy với họ. Ann nhìn con. Chị nhắm mắt khi thang máy bắt đầu hạ xuống. Hai nhân viên đứng hai đầu xe không chuyện trò, duy nhất chỉ một lần, một người bình luận gì đó bằng ngôn ngữ của riêng họ, người kia chậm rãi gật đầu.

Muộn sáng hôm đó, lúc mặt trời bắt đầu chiếu qua cửa sổ phòng đợi bên ngoài buồng chụp X quang, họ đưa cậu bé ra và chuyển lên phòng. Howard và Ann lại bước vào thang máy với con và một lần nữa họ về chỗ của mình bên cạnh giường.

Hai vợ chồng đợi suốt cả ngày nhưng cậu bé vẫn chưa tỉnh. Đôi khi, họ thay phiên nhau xuống quây uổng cà phê nhưng lúc ấy, dường như bất thình lình sức nhớ và cảm thấy có lỗi, họ rời bàn, vội quay về phòng. Chiều ấy, bác sĩ Francis lại ghé vào khám rồi rời phòng sau khi bảo họ bây giờ cháu

đang phục hồi và sẽ tỉnh lại bất cứ lúc nào. Thỉnh thoảng mây cô y tá, khác những cô hôm trước, vào phòng. Sau đó, người phụ nữ trẻ ở phòng xét nghiệm, gõ cửa rồi vào. Cô mặc quần dài trắng, áo blu trắng, tay bưng chiếc khăn nhỏ đựng vài dụng cụ; cô đặt xuống trên bệ cạnh giường. Chẳng nói chẳng rằng, cô trích máu từ cánh tay cậu bé. Howard nhắm mắt khi người đàn bà tìm đúng điểm thích hợp trên cánh tay và ấn mũi kim vào.

“Tôi không hiểu việc này”. Ann nói với người phụ nữ.

“Đây là yêu cầu của bác sĩ”, người phụ nữ trẻ đáp. “Tôi chỉ làm những gì họ bảo. Họ bảo lấy máu. Tôi lấy. Dẫu sao thì có gì hại cho cháu đâu?” cô nói. “Cháu thật dễ thương”.

“Cháu bị xe húc”, Howard nói. “Húc rồi bỏ chạy”.

Người phụ nữ trẻ lắc đầu rồi lại nhìn cậu bé. Lát sau. cô mang khay ra khỏi phòng.

“Tại sao con vẫn chưa tỉnh?” Ann nói, “hả Howard? Em muốn có câu trả lời của bác sĩ”.

Howard không trả lời. Anh lại ngồi xuống ghế, chân gác lên nhau. Anh xoa xoa mặt mình. Anh nhìn con rồi ngả hẵn lưng ra ghế, nhắm mắt, chìm vào giấc ngủ.

Ann bước đến cửa sổ, nhìn ra bãi đỗ xe. Trời tối, những chiếc xe bật đèn khi vào, ra bãi đỗ. Chị đứng cạnh cửa sổ, tay bấu vào bụng cửa và tận đáy lòng, cảm nhận bây giờ hai người đang gặp rắc rối, một thảm họa lớn. Chị sợ, rằng bắt đầu đánh cầm cập cho đến lúc chị cắn chặt hàm, chị thấy một chiếc xe lớn dừng lại trước cổng bệnh viện, một người phụ nữ vận áo khoác dài bước vào xe. Chị thầm ước giá mà mình là người phụ nữ ấy hoặc là một ai khác, bất kỳ ai, để chị có thể lánh xa nơi này, đến chốn nào đó, để có thể thấy Scotty đợi mình khi chị bước ra khỏi xe, để nghe được tiếng gọi mẹ và để có thể ôm con trong vòng tay.

Lát sau, Howard thức giấc. Anh lại nhìn con, rồi rời ghế,

vươn vai đi đến đứng bên chị cạnh cửa sổ. Cả hai hướng mắt về bãi đỗ xe. Họ không nói. Nhưng đường như họ có thể thấu hiểu được nỗi lòng của nhau như thể nỗi lo lắng đã khiến họ phô đúng bản chất của mình.

Cửa mở, bác sĩ Francis vào. Lần này, ông thay đồ và đeo cà vạt khác. Mái tóc bạc được chải rẽ ngôi, trông ông như thể vừa mới cạo râu xong. Ông bước thẳng đến giường và khám cậu bé. “Đáng lẽ giờ này cháu đã tỉnh lại. Triệu chứng này không tốt đây”, ông nói. “Nhưng tôi có thể bảo đảm với anh chị rằng tất cả chúng tôi đều cho là cháu đã qua cơn nguy kịch. Nhưng chúng tôi sẽ yên tâm hơn nếu cháu thức giấc. Chẳng có lý do, hoàn toàn không, để cháu không hồi tỉnh. Ngay bây giờ đây.Ồ, khi cháu tỉnh, anh chị có thể thấy trạng thái choáng váng của cháu bởi cơn đau đầu. Nhưng tất cả các dấu hiệu cho thấy cháu vô sự. Chúng bình thường”.

“Vậy thì đây có phải là hôn mê không?” Ann nói.

Bác sĩ xoa tay lên gò má mịn của mình. “Chúng tôi sẽ gọi tên triệu chứng như thế khi thời gian hồi tỉnh của cháu kéo dài. Nhưng chắc anh chị đã lả rồi. Thật gay go. Tôi biết việc ấy thật gay go. Ra ngoài một lát để ăn chút gì ấy mà”, ông nói. “Nó sẽ khiến anh chị bớt căng thẳng. Trong lúc anh chị ra ngoài, nếu anh chị cảm thấy dễ chịu hơn khi đi như thế thì tôi sẽ cử một y tá lên đây trông nom. Hãy đi và ăn cái gì đó”.

“Tôi không thể nuốt nổi bất kỳ thứ gì”, Ann nói.

“Dĩ nhiên, hãy làm những gì chị muốn”, bác sĩ nói. “Đầu sao, tôi muốn nói với anh chị rằng các dấu hiệu đều tốt, những xét nghiệm bình thường, không có biểu hiện nào đáng ngại; ngay lúc cháu tỉnh, cháu sẽ mau bình phục”.

“Cám ơn ông, thưa bác sĩ”, Howard nói. Anh lại bắt tay bác sĩ. Bác sĩ vỗ vai Howard rồi đi ra.

“Anh nghĩ một trong hai ta nên về, dọn dẹp nhà cửa”. Howard nói. Và phải cho Slug ăn”.

“Hãy nhở hàng xóm”. Ann nói. “Gọi gia đình Morgan. Ai cũng có thể cho con chó ăn nếu anh nhở”.

“Thôi được”, Howard đáp. Lát sau, anh nói: “Em này, tại sao em không làm điều ấy? Sao em không về nhà, dọn dẹp rồi trở lại? Nó sẽ khiến em bót lo lắng. Anh ở lại đây với con. Nghiêm túc đấy”, anh nói. “Chúng mình cần giữ gìn sức khoẻ bởi lẽ rất có thể còn phải ở lại đây ngay cả sau khi con tỉnh lại”.

“Sao không tự anh về?”, chị nói. “Cho Slug ăn. Mình ăn”.

“Anh đã về”, anh đáp. “Chính xác anh đi hết một tiếng mười lăm phút. Em hãy về nhà một tiếng để tắm giặt rồi quay lại”.

Chị cố nghĩ về việc ấy nhưng cơ thể quá mệt. Chị nhắm mắt và cố nghĩ về nó lần nữa. Lát sau, chị nói: “Có thể em sẽ về nhà vài phút. Nếu em không ngồi đây theo dõi từng giây một thì có thể con sẽ hồi tỉnh lại và khoẻ mạnh. Anh hiểu chứ? Có thể con sẽ tỉnh lại nếu không có em ở đây. Em sẽ về nhà tắm và thay quần áo. Em sẽ cho Slug ăn rồi quay lại”.

“Anh sẽ ở đây”, anh nói. “Em về nhà đi, cưng. Anh sẽ để ý mọi thứ ở đây”. Mắt anh sưng húp và đỏ ngầu, như thể đã uống khá nhiều rượu. Áo quần anh nhăn nhúm. Râu anh mọc dài trở lại. Chị đưa tay sờ mặt anh rồi rút về. Chị hiểu anh muốn có khoảnh khắc ngồi một mình, không phải chuyên trò hoặc giải bày nỗi âu lo. Chị cầm chiếc ví trên bệ, anh giúp chị mặc áo khoác.

“Em đi không lâu đâu”, chị nói.

“Em hãy nghỉ ở nhà một lát”, anh nói. “Ăn món gì đó. Tắm. Sau khi tắm xong hãy nghỉ một lát. Em sẽ thấy dễ chịu. Rồi quay lại”, anh nói. “Chúng mình không nên lo lắng. Em đã nghe những gì bác sĩ Francis nói rồi mà”.

Chị khoác áo đứng chầm chừ vài giây, nhớ lại thật chính xác lời bác sĩ, mường tượng lại sắc thái, ẩn ý qua từng lời bác sĩ nói. Chị cố nhớ xem vẻ mặt của bác sĩ có thay đổi không khi

ông cúi xuống khám con. Chị nhớ cách ông động viên họ lúc ông vạch mí mắt và lắng nghe nhịp thở của con.

Chị tiến về phía cửa, quay đầu nhìn lại. Chị nhìn con rồi nhìn người cha. Howard gật đầu. Chị ra khỏi phòng và kéo cánh cửa khép lại sau lưng.

Chị đi qua buồng y tá, đến cuối hành lang, tìm thang máy. Cuối hành lang, chị rẽ phải, bước vào phòng đợi nhỏ nơi có gia đình người da đen ngồi trên mấy chiếc ghế đan bằng liễu gai. Một người đàn ông đứng tuổi, mặc bộ đồ kaki, cái mũ bóng chày kéo sụp xuống đầu. Một phụ nữ to lớn, mặc đồ và đi dép trong nhà, ngồi co mình trên ghế. Một thiếu nữ mặc quần jean, tóc tết thành nhiều bím nhỏ, nằm duỗi người trên ghế, chân gác chéo mắt cá lên nhau, phì phèo điếu thuốc. Cả gia đình ngược nhìn lúc Ann bước vào phòng. Cái bàn nhỏ ngổn ngang những mảnh giấy bọc bánh hamburger và cốc Styrofoam.

“Franklin”, người đàn bà to lớn nhổm người dậy hỏi. “Có tin gì về Franklin?” mắt bà ta mở to. “Thưa cô, cho tôi biết”, người đàn bà nói. “Tin gì về Franklin vậy?” Bà ta đang cố ngồi dậy trên ghế xong người đàn ông đã nắm cánh tay bà.

“Bình tĩnh, bình tĩnh”, ông ta nói. “Evelyn”.

“Xin lỗi”, Ann nói. “Tôi đang tìm thang máy. Con trai tôi nằm viện và bây giờ tôi chẳng thể tìm thấy thang máy”.

“Thang máy ở đằng kia, rẽ trái”, người đàn ông chỉ tay nói.

Cô gái rít điếu thuốc và nhìn Ann. Mắt cô nheo khít lại. đôi môi dày chàm chậm mở ra khi cô nhả khói. Người đàn bà da đen ngoeo đầu lên vai, không nhìn Ann, chẳng buồn lưu ý đến cô nữa.

“Con trai tôi bị xe tông”, Ann kể với người đàn ông, Dường như bản thân chị cần ngỏ lời giải thích. “Cháu bị chấn thương, sọ chỏm nứt, nhưng cháu sẽ bình phục, bây giờ cháu đang chìm trong cơn sốc, song có lẽ đây cũng là một kiểu hôn mê. Điều ấy khiến chúng tôi thực sự lo ngại, triệu chứng hôn mê.

Tôi ra ngoài một lát, chồng tôi ở lại với cháu. Có thể trong lúc tôi vắng mặt, cháu sẽ hồi tỉnh”.

“Tình trạng ấy quá tôi”, ông ta nói và dịch người trên ghế. Ông ta lắc đầu, nhìn xuống bàn rồi ngược nhìn Ann. Chị vẫn đứng đó. Ông nói, “Franklin của chúng tôi đang trên bàn mổ. Người nào đó đã chém nó. Cố giết nó. Có trận ẩu đả và nó có mặt tại đó. Tại bữa tiệc đó. Họ kể nó chỉ đứng nhìn. Không gây gỗ với ai cả. Nhưng thời buổi bây giờ, điều ấy chẳng có nghĩa lý gì. Giờ thì nó đang trên bàn mổ. Chúng tôi chỉ biết hi vọng và nguyện cầu, đây là tất cả những gì chúng tôi có thể làm”, ông ta nhìn chị chầm chằm.

Ann nhìn cô gái, người vẫn quan sát chị, rồi nhìn người đàn bà lớn tuổi, ngoeo đầu, đôi mắt bây giờ đã nhắm. Ann thấy đôi mắt mấp máy không thành tiếng. Chị muốn hỏi đấy là lời gì. Chị muốn chuyện trò thêm nữa với những người đang ở cùng cảnh ngộ chờ đợi ấy của chị. Chị lo sợ, họ cũng lo sợ. Họ có cùng chung nỗi lo. Hắn chị rất muốn kể đôi điều nữa về tai nạn, nói với họ chuyện của Scotty, rằng tai hoạ ập đến vào ngày sinh nhật của cậu bé, vào thứ hai, đến bây giờ cháu vẫn chưa tỉnh lại. Nhưng chị không biết phải bắt đầu như thế nào. Chị đứng nhìn họ lặng im.

Chị bước ra hành lang, theo hướng người đàn ông chỉ và tìm thấy thang máy. Chị dừng một phút trước cánh cửa khép kín, tự vấn xem hành động mình đang làm có đúng không. Lát sau, chị đưa tay bấm nút.

Chị lái xe vào lối rẽ vào nhà rồi tắt máy. Chị nhắm mắt gục đầu xuống tay lái một lát. Chị nghe những tiếng tí, tí của động cơ khi máy bắt đầu nguội. Rồi chị ra khỏi xe. Chị nghe tiếng chó sữa trong nhà. Chị đi vào cửa trước, không khoá. Chị bước vào, bật đèn và dun nước pha trà. Chị mở túi thức ăn của chó rồi cho Slug ăn ở hiên phía sau. Con chó đang đói, ăn ngấu nghiến. Nó cú chạy vào bếp để biết chắc

chị sē ở lại. Lúc chị bụng tách trà ngồi vào thế sofa, chuông điện thoại reo.

“Thưa, tôi nghe!”, chị nói.

“Thưa bà Weiss”, giọng đàn ông nói. Bấy giờ đã năm giờ sáng, chị cảm thấy mình nghe được tiếng máy móc hoặc âm thanh của dụng cụ gì đó vọng vào tai phone.

“Vâng, vâng! Chuyện gì vậy?” chị hỏi. “Weiss đây. Tôi đây. Chuyện gì vậy, làm ơn nói đi”. Chị nghe tiếng gì đó vọng vào điện thoại, rồi giục: “Phải chuyện về Scotty không, hãy vì Chúa?”

“Scotty”, giọng đàn ông nói. “Đúng, Scotty. Chuyện liên quan đến Scotty, đúng đấy. Bà đã quên băng Scotty rồi chăng?” người đàn ông nói rồi cúp máy. Chị quay số bệnh viện, nhờ nối lên tầng ba. Chị đề nghị cô y tá trực điện thoại cho biết tình hình con mình. Sau đó chị xin nói chuyện với chồng. Chị bảo, đây là trường hợp khẩn cấp.

Chị đợi, mẩy ngón tay xoắn xoắn sợi dây phone. Chị nhắm mắt và cảm thấy bụng cồn cào. Chắc mình phải nấu món gì đó để ăn. Slug đi từ hiên vào, nằm xuống gần chân chị, vãy vãy đuôi. Chị kéo tai nó khi nó liếm tay chị. Howard ở đầu dây.

“Có ai đó vừa gọi đến đây”, chị nói. Chị xoắn dây phone. “Hắn bảo đấy là chuyện Scotty”, chị khóc.

“Scotty vẫn bình thường”, Howard đáp. “Anh muốn nói, con vẫn đang ngủ. Không có gì thay đổi. Từ lúc em đi, có người ghé qua hai lần. Một cô y tá hay là bác sĩ gì đó. Con không sao cả”.

“Người đàn ông gọi. Hắn bảo đấy là chuyện về Scotty”, chị nói với anh.

“Cưng, em nghỉ đi một lát. Em cần nghỉ ngơi. Thằng cha ấy hắn vẫn là kẻ đã gọi cho anh. Quên hắn đi. Hãy trở lại đây sau lúc em nghỉ xong. Rồi có lẽ chúng mình sẽ ăn sáng”.

“Ăn sáng”, chị nói. “Em chẳng muốn ăn tí nào”.

“Em hiểu ý anh chứ”, anh nói. “Nước trái cây, hoặc món gì đó. Anh không biết. Ann, anh chưa chắc chắn gì cả. Jesus, anh cũng không đợi. Ann, giờ thì chưa thể nói. Anh đang đứng cạnh bàn đây. Tám giờ sáng nay, bác sĩ Francis sẽ đến khám lại. Lúc ấy ông mới có thể nói cho chúng ta biết đôi điều, đôi điều rõ hơn. Một trong số y tá bảo anh thế. Cô ta cũng không biết gì thêm. Ann? Cưng, lúc ấy may ra chúng ta mới rõ hơn. Tám giờ. Hãy đến đây trước tám giờ. Trong thời gian đó, anh sẽ ở đây, Scotty bình thường, vẫn trong tình trạng cũ”, anh nói thêm.

“Em đang uống trà”, chị nói, “thì điện thoại reo. Hắn bảo chuyện có liên quan đến Scotty. Nhiều âm thanh khác vọng vào phone. Anh có nghe thấy những âm thanh ấy trong cú gọi cho anh không, Howard?

“Anh không nhớ”, anh đáp. “Có thể đây là gã đi chiếc xe, hắn có thể là người mắc bệnh tâm thần và bằng cách nào đó đã tìm ra số điện thoại của Scotty. Nhưng anh đang ngồi bên con. Cứ làm những gì em muốn. Đi tắm đi rồi trở lại vào khoảng bảy giờ, chúng ta sẽ cùng nói chuyện với bác sĩ lúc ông ấy đến. Sẽ tốt đẹp cả thôi mà, cưng. Anh ở đây, với nhiều y tá, bác sĩ bên cạnh. Họ bảo cơ thể của con ổn định”.

“Em sợ đến chết đi được” Ann nói.

Chị vặn nước, cởi đồ bước vào bồn. Chị tắm và nhanh chóng lau khô, không gội đầu, mặc đồ lót sạch, quần len và áo len tay dài. Chị vào phòng khách. Con chó ngồi nhìn chị, đuôi nó vẫy vẫy đập mạnh xuống sàn hai lần. Trời vừa hửng sáng lúc chị ra xe.

Chị lái xe đến bãi đỗ của bệnh viện và tìm thấy một chỗ trống ngay phía cửa trước. Chị rơi vào cảm giác mơ hồ rằng mình cũng chịu trách nhiệm trước tai nạn của con. Chị để tâm trí hướng về gia đình người da đen. Chị nhớ tên Franklin và cái bàn ngắn ngang giấy gói hamburger, cô thiếu nữ chăm chú

nhìn chị khi rít điếu thuốc. “Đừng sinh con”, chị đối thoại với hình bóng thiếu nữ lúc chị đi vào cửa trước bệnh viện. “Vì Chúa, đừng”.

Chị đi thang máy lên tầng ba cùng với hai y tá đi làm nhiệm vụ. Sáng thứ tư, bảy giờ kém mấy phút. Khi cửa thang máy mở ở tầng ba, có mẫu giấy viết tên bác sĩ Madison. Chị ra sau hai cô y tá. Họ rẽ lối khác và tiếp tục cuộc thoại bị gián đoạn khi chị bước vào thang máy. Chị đi theo hành lang về phía phòng đợi nhỏ nơi gia đình da đen đã ngồi đợi. Họ không còn ở đó, nhưng mấy chiếc ghế nằm rải rác trong tư thế như thể vài phút trước những người ngồi vội đứng lên. Mặt bàn vẫn đầy những chiếc cốc và giấy bọc áy. Gạt tàn đầy mẩu thuốc lá hút dở.

Chị dừng lại ở phòng trực của y tá. Một cô y tá đang đứng sau bàn chải tóc và ngáp. “Chị cho tôi hỏi về ca phẫu thuật của anh chàng da đen tối qua”, Ann nói. “Tên là Franklin. Cả gia đình ngồi trong phòng đợi. Tôi muốn biết tình trạng của cậu ta ra sao?”.

Cô y tá ngồi ở phía sau bàn nhìn danh sách trước mặt mình. Điện thoại reo, cô nhấc tay nghe nhưng mắt vẫn nhìn Ann.

“Bệnh nhân ấy đã mất rồi”, từ sau bàn, cô y tá nói. Cô vẫn cầm chiếc lược và nhìn chị. “Chị là thân nhân hay là bạn của gia đình?”

“Tôi gấp gia đình ấy tối qua”, Ann đáp. “Con trai tôi nằm viện. Tôi nghĩ cháu bị sốc. Chúng tôi không biết chắc nguyên nhân triệu chứng ấy. Tôi chỉ muốn biết tin về Franklin, thế thôi. Cám ơn chị”. Chị bước xuôi hành lang. Cửa thang máy cùng màu với bức tường mở ra, một người đàn ông hói đầu, gầy gò vận quần trắng, giày trắng đầy chiếc xe kéo ra khỏi thang máy. Tối qua, chị không lưu ý mấy cánh cửa ấy. Người đàn ông đẩy xe vào hành lang và dừng trước cửa phòng gần thang máy, xem bảng đính tên. Rồi ông ta cúi xuống, kéo một

cái khay ra khỏi xe, gõ nhẹ lên cửa rồi bước vào phòng. Khi vượt qua chiếc xe, chị ngửi thấy mùi thức ăn ấm, chẳng dễ chịu tí nào. Chị vội vã bước, không nhìn mấy cô y tá, đẩy cửa vào phòng con.

Howard chắp tay sau lưng đứng cạnh cửa sổ. Anh quay lại khi chị bước vào. “Con thế nào rồi?” chị nói. Chị đến bên giường, thả ví xuống sàn cạnh bệ. Chị cảm nhận như thể mình đã đi quá lâu. Chị sờ mặt con. “Howard?”

“Bác sĩ Francis vừa mới ở đây”, Howard nói. Chị nhìn kỹ và nghĩ vai anh hơi gồ lên.

“Em nghĩ, ông ấy sẽ không đến sau tám giờ”, chị nói nhanh.

“Có một bác sĩ nữa đi cùng ông ấy. Bác sĩ thần kinh”.

“Một bác sĩ chuyên khoa thần kinh”, chị nói.

Howard gật đầu. Vai anh đang rụt lại, chị có thể thấy. “Họ nói những gì vậy, Howard? Hãy vì Chúa, họ bảo gì. Chuyện gì vậy?”

“Họ bảo sẽ đưa con xuống kiểm tra thêm, Ann. Họ nghĩ cần phải tiến hành phẫu thuật. Em à, họ sẽ mở. Họ không thể tìm ra nguyên nhân bất tỉnh của con. Nó không phải là một cú sốc hay sự chấn thương đơn thuần. Bây giờ họ đã rõ điều đó. Nó ở bên trong sọ, vết rạn, họ nghĩ, đã gây nên những thương tổn bên trong. Thế là họ sẽ mở. Anh cố gọi cho em, nhưng lúc ấy hắn em đã rời nhà”.

“Ôi, lạy Chúa”, chị nói. “Ôi, làm ơn, Howard, làm ơn” chị nói, nắm chặt cánh tay anh.

“Nhìn kìa!” Howard nói. “Scotty! Ann, nhìn kìa” Anh quay mặt chị về phía giường.

Cậu bé đã mở mắt rồi nháy lại. Bây giờ cậu lại mở ra. Đôi mắt nhìn thẳng về phía trước hồi lâu, rồi từ từ di chuyển cho đến khi gặp Howard và Ann, rồi lại nhìn đi nơi khác.

“Scotty”, mẹ cậu đến bên giường gọi.

“Nào, Scotty”, ba cậu nói. “Nào, con trai”.

Họ cúi người trên giường. Howard cầm tay con, nắn nắn rồi vuốt ve. Ann cúi xuống đứa trẻ và tới tấp hôn lên trán con. Chị giữ hai má con. “Scotty, cục cưng của mẹ, ba và mẹ đây”, chị nói. “Scotty”.

Cậu bé nhìn họ nhưng không biểu lộ bất kỳ dấu hiệu nhận biết nào. Sau đó miệng cậu há ra, mắt nhắm nghiền lại; cậu rít lên cho đến lúc không khí không còn trong phổi. Lát sau, mặt cậu dường như giãn và mềm ra. Đôi môi hé mở khi hơi thở cuối cùng thoát khỏi cổ họng và từ từ ra ngoài qua hàm răng nghiến chặt.

\*

Các bác sĩ gọi đây là triệu chứng tắc ngầm và bảo nó chỉ chiếm tỉ lệ một phần triệu. Nếu tiến hành phẫu thuật ngay sau khi được phát hiện thì họ có thể cứu sống cậu bé, Nhưng đâu phải dễ, bởi làm sao họ chẩn đoán ra được một khi những tấm phim chụp X quang và các mẫu xét nghiệm chẳng cho thấy điều gì.

Bác sĩ Francis run run nói: “Tôi không thể tỏ bày cho anh chị hiểu hết nỗi lòng mình. Tôi rất buồn nhưng không thể diễn đạt hết với anh chị được”, ông nói khi đưa họ đến phòng bác sĩ. Một bác sĩ đang ngồi gác chân lên lưng chiếc ghế khác, xem chương trình TV buổi sáng sớm. Ông ta mặc bộ đồ xanh của bác sĩ, quần dài màu xanh lụng thụng, áo blu xanh, đội mũ xanh. Ông nhìn Howard và Ann rồi nhìn bác sĩ Francis. Ông bỏ chân xuống, tắt TV rồi ra khỏi phòng. Bác sĩ Francis dắt Ann đến ghế sofa, ngồi xuống cạnh chị, an ủi bằng giọng trầm trồ. Có lần, ông nâng người, ôm vai chị. Chị có thể cảm nhận ngực ông nâng lên, hạ xuống đều đặn trên vai mình. Chị thở thản mở mắt, để ông giữ vai mình. Howard đi vào buồng tắm, nhưng anh không khép cửa. Sau

một hồi nức nở, anh vặn vòi, rửa mặt. Sau đó, anh bước ra ngồi vào chiếc bàn nhỏ đặt điện thoại. Anh nhìn nó như thể đang quyết định nên làm việc gì trước. Anh gọi mấy cú. Rồi bác sĩ Francis dùng máy.

“Bây giờ, tôi có thể làm gì cho anh chị?” ông hỏi.

Howard lắc đầu. Anh nhìn chằm chằm vào ông như thể chẳng hiểu lời ông nói. Bác sĩ đưa họ đến cửa phía trước của bệnh viện. Mọi người tấp nập ra vào. Lúc ấy đã mười một giờ trưa. Ann biết được chân của mình rất lóng ngóng, miễn cưỡng. Chị nghĩ, dường như bác sĩ Francis đang buộc họ rời đi; thay vì, họ nên ở lại. Chị nhìn ra bãi đỗ xe, nhìn quanh rồi nhìn về phía mặt tiền của bệnh viện. Chị lắc đầu. “Không, không”, chị nói. “Tôi không thể để con ở lại đó, không”. Chị nghe lòng mình thầm thì điều ấy, rồi nghĩ, thật không phải bởi đây là những từ ngữ được dùng trên TV nơi người ta bị choáng bởi bạo lực hay những cái chết bất thành lịnh. Chị muốn nói lên lời của chính trái tim mình.”Không”, chị thốt lên, và vì lý do gì đó, ký ức về người đàn bà da đen ngoeo đầu lên vai chợt về với chị. “Không”, chị thốt lên lần nữa.

“Tôi sẽ nói chuyện với anh chị vào .hiều nay”, bác sĩ bảo Howard. “Vẫn còn vài việc phải tiến hành để làm sáng tỏ những nghi vấn của chúng tôi. Chúng cần được giải thích “.

“Mô tả thi”, Howard nói.

Bác sĩ Francis gật đầu.

“Tôi hiểu”, Howard nói. Rồi anh thốt lên, “Ôi, Jesus, không, tôi không hiểu, thua bác sĩ. Tôi không thể, tôi không thể. Tôi không thể nào hiểu nổi”.

Bác sĩ Francis choàng tay lên vai Howard. “Tôi rất buồn. Chúa chứng giám nỗi buồn của tôi”. Ông buông vai Howard rồi đưa tay. Howard nhìn bàn tay rồi nắm lấy. Bác sĩ Francis vòng tay ôm Ann lần nữa. Trong ông trào dâng những tình cảm xót xa chân thành nhất mà Ann không

hiếu. Chị gục đầu lên vai ông, mắt vẫn mở. Chị cứ nhìn bệnh viện. Khi hai người đánh xe khỏi bãi đỗ, chị ngoài đầu nhìn lại bệnh viện.

\*

Đến nhà, chị đút tay vào túi áo khoác, ngồi trên ghế sofa. Howard khép cửa dẫn đến phòng con. Anh pha cà phê rồi đi lấy cái hộp rỗng. Anh định nhặt cát mẩy món đồ chơi của con đang nằm lăn lóc trong phòng khách. Nhưng anh lại ngồi xuống ghế sofa, bên cạnh chị, cúi người về trước, đút tay giữa hai đầu gối, cái hộp được đẩy sang bên cạnh. Anh oà khóc. Chị kéo đầu anh vào lòng, vỗ vỗ lên vai. “Con đã mất” chị nói. Chị vẫn vỗ đều trên vai anh. Chị nghe ấm đun cà phê xì xì hơi trên bếp qua tiếng nức nở của anh. “Nào, nào”, chị dịu dàng nói. “Howard, con không còn nữa. Con đã mất và bây giờ chúng mình phải quen với nỗi trống vắng ấy. Nỗi cô đơn”.

Một lúc sau, Howard đứng dậy, bước đi thẫn thờ quanh phòng với cái hộp, nhưng không để gì vào đó mà chỉ xếp vài thứ trên sàn ngay đầu ghế sofa. Chị vẫn ngồi, tay để yên trong túi áo khoác. Howard đặt cái hộp xuống, mang cà phê vào phòng khách. Sau đó, Ann gọi cho họ hàng. Mỗi lần gọi, nhận được trả lời, Ann chỉ thốt lên đôi lời rồi khóc. Sau đó, bằng giọng bình tĩnh, chị giải thích chuyện gì đã xảy ra và nói với họ cách thu xếp của mình. Howard mang cái hộp ra gara. Nhìn thấy chiếc xe đẹp của con, anh để rơi cái hộp, ngồi xuống bên cạnh rồi lồng ngóng ôm chầm chiếc xe vào lòng mình. Anh giữ chặt, cái pedal cao su đâm vào ngực. Anh quay bánh xe.

Sau cuộc nói chuyện với chị mình, Ann bỏ tay nghe xuống. Lúc chị đang tìm số khác để gọi thì điện thoại reo. Chị nhấc máy ngay tiếng chuông đầu tiên đổ.

“Hello!”, chị nói và nghe âm thanh vo vo nào đó vọng vào

phone. "Hello!" chị chào. "Lạy Chúa", chị nói. "Ai đây? Ông cần gì?".

"Scotty của bà, tôi sẵn sàng trao nó cho bà", giọng người đàn ông nói. "Bà quên nó rồi sao?"

"Đồ con hoang ác độc!" chị thét vào tai nghe. "Sao mày lại làm thế hở thằng chó đẻ bẩn thiu ?"

"Scotty", người đàn ông nói. "Bà đã quên chuyện Scotty rồi chăng?" rồi cúp máy.

Howard nghe tiếng thét bèn chạy vào thấy chị ôm đầu gục trên bàn khóc. Anh cầm ống nghe. Không còn tín hiệu.

\*

Rất lâu sau đó, độ trước nửa đêm, sau khi họ dọn dẹp nhiều thứ, điện thoại lại reo.

"Anh nghe đi", chị nói. "Howard, hắn đấy. Em biết". Họ đang ngồi cạnh chiếc bàn trong bếp, cà phê trước mặt. Howard rót một ly whisky nhỏ đặt cạnh cốc cà phê. Anh nháu má khi chuông đổ lần thứ ba.

"Hello", anh nói. "Ai đây? Hello!". Đường dây bị cắt. "Hắn cúp máy", Howard nói. "Đồ khốn nạn".

"Hắn đấy", Ann đáp. "Thằng con hoang ấy. Em muốn giết hắn", chị nói. "Em muốn bắn và xem hắn gục xuống".

"Lạy Chúa, Ann", anh nói.

"Anh có nghe thấy âm thanh gì không?", chị nói. "Trong máy ấy? Một tiếng động, tiếng máy móc hay thứ gì đó kêu vo vo?"

"Không rõ ràng, không có những âm thanh ấy", anh nói. "Không có thời gian. Anh nhớ có tiếng nhạc radio. Đúng, có tiếng radio, đấy là tất cả những gì anh có thể nói. Lạy Chúa, chẳng biết chuyện gì sắp xảy ra nữa đây".

Chị lắc đầu. "Giá mà em có thể nhận ra hắn". Lúc ấy chị sực nhớ. Chị biết hắn. Scotty, chiếc bánh, số phone. Chị đẩy chiếc ghế ra xa bàn và đứng dậy. "Đưa em đến trung tâm thương mại", chị nói. "Howard".

"Em bảo gì vậy?"

Đến trung tâm thương mại. Em biết người gọi điện. Em biết đây là hắn. Gã nướng bánh, Howard, gã làm bánh chó đẻ. Em đặt hắn làm chiếc bánh sinh nhật cho Scotty. Hắn là người gọi điện. Hắn có số phone và liên tục gọi chúng ta, quấy rầy chúng ta vì chiếc bánh đó. Gã làm bánh. Đồ con hoang".

\*

Họ đánh xe đến trung tâm thương mại. Bầu trời quang đãng, sao lặn dần. Trời lạnh, họ bật điều hòa nhiệt trong xe. Hai người đỗ xe trước hiệu bánh. Tất cả các cửa hiệu đều đóng cửa nhưng vẫn còn mấy chiếc xe đậu đằng cuối bãi trước rạp chiếu bóng. Cửa sổ hiệu bánh tối om, nhưng khi nhìn qua lớp kính họ có thể thấy ánh sáng của căn phòng phía sau và thỉnh thoảng, một người đàn ông to lớn vận tạp dề đi lại trong luồng sáng ấy. Nhìn qua kính chị có thể thấy mấy chiếc bánh bày bán và vài cái bàn nhỏ có ghế. Chị gõ cửa, đập mạnh vào tấm kính. Nhưng đâu cho người đàn ông nghe thấy ông ta cũng chẳng buồn để ý. Ông không nhìn về phía họ.

Hai người lại vòng ra sau hiệu bánh rồi đỗ lại. Họ ra khỏi xe. Có ánh sáng hắt qua cửa sổ, song nó quá cao để có thể nhìn vào bên trong. Tấm biển gắn trên cửa sau với dòng chữ *Hiệu bánh Pantryn đáp ứng mọi yêu cầu*.

Chị có thể nghe văng vẳng tiếng radio từ bên trong và tiếng gì kêu cái cách - như thể nắp lò được đóng xuống. Chị gõ cửa và đợi. Rồi chị lại gõ, lần này lớn hơn. Radio được vặn nhỏ

và bây giờ có tiếng gì kẹt kẹt, một âm thanh khác, tiếng khay được kéo ra và đóng lại.

Ai đó vặn khoá rồi mở cửa. Người làm bánh đứng trong luồng sáng, chầm chầm nhìn họ. “Tôi đang bận công việc”, ông ta nói. “Anh chị cần gì vào giờ này? Đã nửa đêm rồi. Hai người đã say hay có gì muốn nói?”

Chị bước vào luồng sáng chiếu qua cánh cửa để ngỏ. Ông ta hấp háy mi mắt nặng trịch khi nhận ra chị. “Bà đây ư?” lão nói.

“Tôi đây”, chị nói. “Mẹ của Scotty. Còn đây là ba của Scotty. Chúng tôi muốn vào nhà”.

Người làm bánh nói. “Bây giờ tôi đang bận. Tôi phải làm việc”.

Nhưng chị đã bước vào trong cửa. Howard đi theo chị. Người làm bánh bước lùi lại. “Trong này có mùi bánh. Phải mùi bánh không, Howard?”

“Các người cần gì?” người làm bánh nói. “Hắn các người muốn lấy chiếc bánh của mình? Chắc thế rồi, các người quyết định lấy bánh. Bà đã đặt tôi làm chiếc bánh, có phải không?”

“Mày là thằng làm bánh khốn nạn”, chị nói. “Howard, thằng này gọi điện quấy chúng ta”. Chị siết chặt nắm đấm, trừng mắt hung tợn nhìn ông ta. Tựa như có ngọn lửa đang hừng hực cháy trong lòng, cơn giận đã khiến chị dũng mãnh hơn bẩn thân, mạnh hơn cả hai người đàn ông đang đứng đó.

“Đợi đã”, người làm bánh nói. “Bà muốn lấy chiếc bánh đã đặt ba ngày trước sao? Phải không? Tôi không muốn tranh cãi, thưa bà. Đây, nó đây, đã bốc mùi. Tôi sẽ trao nó cho bà với một nửa giá đã định. Không. Bà cần nó hả? Bà có thể lấy nó. Bây giờ nó chẳng có giá trị gì với tôi, với bất kỳ ai. Tôi đã mất thời gian và tiền để làm. Nếu bà lấy nó, tốt; còn nếu bà không muốn nhận, cũng chẳng sao. Tôi phải trả lại với công việc đây”. Ông ta nhìn họ, lười rà rà dưới hàm răng.

“Nhiều bánh quá”, chị nói. Chị biết mình đã bình tĩnh, đã kiềm chế được bức xúc trong lòng. Chị bình tĩnh.

“Bà xem, tôi phải làm mười sáu tiếng một ngày tại nơi này để kiếm sống”, người làm bánh nói. Ông chùi tay vào tạp dề. “Tôi làm việc ngày đêm ở đây, cố giải quyết cho xong công việc”. Liếc nhìn qua mặt Ann, ông ta lùi lại và nói: “Đừng gây rối bây giờ”. Ông bước đến quầy, cầm cái ống lăn bằng tay phải rồi gõ vào lòng bàn tay kia. “Bà có lấy bánh không? Tôi còn phải làm việc. Người nướng bánh làm việc vào ban đêm” ông nhắc lại. Mắt lão ti hí, ti tiện, chị nghĩ, gần như lọt thỏm trong các túi thịt chùng trên mặt. Cổ lão nung núc.

“Tôi biết người sản xuất bánh làm việc vào ban đêm”, Ann nói. “Bạn họ cũng gọi điện vào ban đêm nữa. Hở thằng con hoang”, chị nói.

Người làm bánh vẫn tiếp tục đập đập cái ống lăn vào trong lòng bàn tay. Ông liếc nhìn Howard. “Cẩn thận, cẩn thận”, ông nói với Howard.

“Con trai tôi đã chết”, chị nói lạnh lùng, đều đều. Sáng thứ hai, nó đã bị xe tông. Chúng tôi chăm sóc cho đến lúc nó chết. Nhưng, dĩ nhiên, ông không biết chuyện đó, đúng không? Người làm bánh không thể biết mọi chuyện - có phải không, thưa ngài bán bánh? Nhưng, nó đã chết. Đã chết. Đồ ác độc!”. Bất thình lình như lúc đến, cơn giận đột nhiên tan biến, trong chị bỗng trỗi lên cảm giác khác: sự choáng váng của cơn buồn nôn. Chị gục đầu lên chiếc bàn gỗ bám đầy bột, úp mặt vào tay rồi khóc, đôi vai giật giật theo tiếng nấc. “Thật xấu xa”, chị thốt. “Ác độc, xấu xa”.

Howard đặt tay lên eo lưng chị và nhìn người làm bánh. “Ông đáng xấu hổ”, anh nói. “Thật xấu hổ”.

Người làm bánh đặt cái ống lăn xuống quầy, tháo tạp dề quăng lên quầy. Ông nhìn hai vợ chồng rồi chậm rãi lắc đầu. Ông kéo cái ghế dưới bàn viết để giấy tờ, hóa đơn, chiếc máy

tính và cuốn danh bạ điện thoại. "Ngồi xuống đi", ông nói. "Để tôi tìm cho anh chiếc khác", ông nói với Howard. "Nào, mời ngồi". Người bán bánh đi ra phía trước cửa hiệu mang vào hai chiếc ghế sắt nhỏ. "Ngồi xuống đi, anh chị".

Ann chùi nước mắt và nhìn người làm bánh. "Tôi muốn giết ông", chị nói. "Tôi muốn ông chết".

Người làm bánh chùi sạch khoảng bàn trước mặt họ. Ông gạt chiếc máy tính cùng với cuốn sổ và tập hóa đơn sang một bên. Ông quẳng cuốn danh bạ điện thoại xuống sàn. Nó rơi mạnh. Howard và Ann ngồi xuống rồi kéo ghế đến gần bàn. Người làm bánh cũng ngồi xuống.

"Cho phép tôi tỏ bày lời xin lỗi", người làm bánh nói, trong lúc chống khuỷu tay lên bàn. "Chỉ có Chúa mới chứng giám được lòng ân hận của tôi. Làm ơn nghe tôi. Tôi chỉ là một lão nướng bánh. Tôi không bảo mình là một ai khác. Có thể, một đạo, đã nhiều năm về trước, tôi là loại người khác. Tôi không chắc mình đã quên thật chưa. Nhưng nếu tôi là kiểu người ấy thì tôi đã không còn tồn tại. Giờ đây, tôi chỉ là người làm bánh, tôi hiểu, việc làm **vừa rồi** của tôi khó có thể được tha thứ. Nhưng tôi rất ân hận. Tôi có lỗi với con anh chị và thực sự ân hận về hành động của mình trước nỗi đau này", người làm bánh nói. Ông xoè bàn tay ra bàn, rồi lật ngửa lòng bàn tay lên. "Bản thân tôi không có con, như thế tôi chẳng có thể hình dung những mất mát anh chị đang chịu đựng. Tất cả những gì tôi có thể nói với anh chị bây giờ là tôi có lỗi. Hãy tha thứ cho tôi, nếu có thể", ông nói. "Tôi không phải là hạng người ác độc, tôi không nghĩ thế. Không đến nỗi xấu xa như chị gọi trên điện thoại. Anh chị phải hiểu cho rằng làm sao tôi có thể biết để cư xử cho đúng mực. Thế đấy. Làm ơn", người đàn ông nói, "cho phép tôi hỏi tận đáy lòng mình, anh chị đã thông cảm và có thể tha thứ cho tôi chưa?"

Trong xưởng rất nóng. Howard đứng dậy cởi áo khoác.

Anh giúp Ann cởi áo khoác của chị. Người làm bánh nhìn họ một lát, gật gật đầu và đứng dậy. Ông đến bên lò, tắt vài công tắc. Ông tìm cốc rót cà phê từ chiếc ấm điện ra. Ông đặt hộp kem và một chén đường lên bàn.

"Anh chị cần phải ăn vài miếng", người làm bánh nói. "Tôi hi vọng anh chị sẽ dùng mấy chiếc bánh nóng của tôi. Hai người phải ăn để sống. Ăn là điều tốt lành nho nhỏ trong những lúc như thế này", ông nói.

Ông mang cho họ những chiếc bánh quế nóng, vừa mới lấy ra khỏi lò, bụi bánh hãy còn bám. Ông lấy bơ và dao ăn đặt lên bàn. Sau đó, người làm bánh ngồi vào bàn với họ. Ông đợi. Ông chờ cho đến khi mỗi người cầm một cái bánh trên đĩa đưa lên miệng ăn. Sẽ dễ chịu khi ăn món gì đó", ông nói lúc xem hai người ăn. "Còn nhiều đó. Ăn thêm nữa đi. Ăn thỏa thích. Đây có đủ các loại bánh trên thế giới".

Họ ăn bánh và uống cà phê. Bỗng nhiên Ann thấy đói bụng, thấy mấy miếng bánh ấm và ngọt ngào. Chị ăn ba chiếc, người làm bánh hài lòng. Rồi ông mở miệng nói. Họ chăm chú lắng nghe. Mặc dù mệt mỏi và đau khổ nhưng họ vẫn lắng nghe lời người làm bánh phải buộc lòng nói. Họ gật gật đầu khi ông bắt đầu đề cập đến nỗi cô đơn, sự hoài nghi và những giới hạn đã đến với ông trong những tháng năm ở độ tuổi trung niên này. Ông kể cho hai vợ chồng nghe về cuộc sống không con cái của mình. Tháng ngày cứ lặp đi lặp lại với những lò bánh hết đầy ắp rồi lại trống rỗng. Những buổi tiệc, những lễ kỷ niệm ông từng phục vụ. Bột bánh bám đầy tay. Tên của những cặp vợ chồng đính trên bánh. Phải đến hàng trăm tên, không, bây giờ đã là hàng ngàn. Sinh nhật. Hãy hình dung các ngọn nến đang cháy. Công việc của ông rất thiết yếu. Ông là người làm bánh. Ông hạnh phúc vì mình không phải là người bán hoa. Cung cấp thức ăn cho mọi người có giá trị hơn. Bất cứ lúc nào, mùi bánh cũng thơm hơn mùi hoa.

“Hãy ngửi cái này”, người làm bánh bảo khi bẻ đôi ổ bánh mì đen. “Nó là loại bánh mì đặc nhưng giàu chất dinh dưỡng”. Họ ngửi, rồi ông bảo hai người nếm thử. Chiếc bánh có mùi mật đường hăng hăng. Họ nghe ông nói. Họ ăn những gì mình muốn. Họ nhai nuốt chiếc bánh mì đen. Dưới ánh sáng của đèn huỳnh quang, không gian tựa như ban ngày. Họ nói chuyện mãi cho đến rạng sáng, lúc những tia nắng yếu ớt xuyên qua cửa sổ, mà không nghĩ đến chuyện chia tay.

LÊ HUỲNH BẮC *dịch*

CAO HÀNH KIỆN  
(Pháp gốc Hoa)

## TRONG CÔNG VIÊN

-  ā lâu lăm rồi mình không còn đi dạo công viên.  
Không lúc nào có thì giờ rồi mà cũng chẳng còn thấy thú vị gì với chuyện ấy nữa.
- Mọi người ai cũng thế cả, hễ xong công việc là chạy thẳng về nhà, bao giờ cũng vội vã.
- Mình nhớ thuở bé cứ thích đến cái công viên này để nhào lộn trên cỏ.
  - Bố nẹ dẫn đến đấy chứ.
  - Dĩ nhiên rồi.
  - Nhất là khi có đằng ấy ở đó.
  - Mình còn nhớ chứ.
  - Thuở đó đằng ấy còn có hai cái bím tóc.
  - Còn đằng ấy thì mặc một cái quần yếm, trông ra vẻ lấm.
  - Còn đằng ấy thì lại quá cao xa, trông rất kiêu.
  - Thế à ?
  - Chứ sao, chả ai dám đến gần.
  - Thế mà mình nhớ đấy, ấy thế mà mình lại rất thích chơi với đằng ấy mới lạ chứ, và ngay cả đá bóng.
  - Đùa, đằng ấy mà đá bóng à ! Đi giày trắng nõn, lúc nào cũng sợ bẩn giày.

- Đúng đấy, hồi bé lúc nào mình cũng thích đi giầy thể thao tráng.
  - Trông cứ như là một nàng công chúa.
  - Sao lại không, một nàng công chúa đi giầy thể thao.
  - Sau đó đằng ấy dọn nhà đi nơi khác.
  - Ủ nhỉ.
  - Lúc đầu, chủ nhật còn hay đến nhà mình chơi, sau đó thưa dần.
  - Lúc đó mình lớn rồi.
  - Mẹ mình quý đằng ấy lắm.
  - Mình biết chứ.
  - Trong gia đình không có con gái mà.
  - Mọi người đều bảo chúng mình giống nhau, trông như hai chị em.
  - Nay bà đừng quên là mình sinh cùng một năm mà tôi còn hơn bà những hai tháng đấy.
  - Nhưng trông tớ lại lớn hơn đằng ấy, lúc nào cũng cao hơn một gang tay, ai cũng bảo là tớ là chị.
  - Ở tuổi đó, con gái bao giờ cũng lớn nhanh hơn con trai. Mà thôi, mình nói chuyện khác được không?
  - Nói chuyện gì bây giờ?
- Dưới hai hàng cây bên lối đi là một rặng bách cắt gọn ghẽ; trên con dốc, phía bên kia hàng bách, một cô gái mặc váy hồng cầm sắc tay đỏ đang ngồi trên một chiếc ghế đá dài.
- Mình cũng ngồi xuống đây một lát đã.
  - Được.
  - Mặt trời sắp lặn.
  - Ủ, đẹp nhỉ.
  - Tớ không thích cái kiểu đẹp giữa cảnh giả tạo này.
  - Đằng ấy chẳng bảo vẫn thích đi công viên à.
  - Đó là lúc mình còn bé. Sau đó mình lên sống ở miền núi, làm nghề đốn củi trong rừng hoang bảy năm liền.

- Gian khổ thế mà cũng chịu được.

- Đúng là đời sống trong rừng không phải là dễ.

Người con gái mặc váy đứng lên khỏi ghế, ngóng về cuối lối đi, qua hàng rào cắt thẳng tắp, vài người từ phía này đi lại, trong số ấy có một thanh niên tóc dài xuống mang tai. Phía bên trên vòm cây và đầu tường, các tia nắng sấp tắt ngập trời một màu đỏ rực, ngả sang màu tím rồi vươn lên rẽ quạt theo hình thù khúc khuỷu những đám mây.

- Đã lâu lắm rồi tớ chưa nhìn thấy một buổi hoàng hôn đẹp như thế này, cả bầu trời rực lửa.

- Như một đám cháy.

- Như một đám cháy rừng.

- Nói đi, nói tiếp đi mà.

Khi có đám cháy rừng, trời cũng y như thế này, lửa lan nhanh một cách mãnh liệt đến độ không ai có thì giờ đốn cây nữa. Cảnh tượng rất kinh hoàng, tất cả củi đốn rồi đều bay tung lên trời, chẳng khác nào những tàn rơm bay loạn trong bếp lửa. Lúc đó những con báo bắt đầu chạy trốn như điên khùng, nhảy cả xuống sông và bơi về phía người...

- Báo không tấn công người à?

- Chúng còn thiết gì đến việc ấy nữa.

- Các anh không bắn chúng à?

- Bọn này cũng thế, sợ xanh mặt, đứng tất cả trên bờ, dương mắt nhìn như chôn chân tại chỗ.

- Thế không có cách nào chạy à?

- Cả cái khe núi cũng không là chướng ngại gì đối với lửa, những thân cây bên kia sông đều nám đen, nổ "lốp bốp" rồi bắt đầu cháy trong một tiếng vang "uào..." lớn. Trong vòng mấy cây số chung quanh, khói, lửa tràn ngập tất cả, không khí ngọt ngạt khó thở, chỉ còn cách chờ cho lửa đổi chiều hoặc cháy đến bờ sông mới yểu đi mà lui dần.

Cô gái mặc váy lại ngồi xuống ghế đá, đặt cái xắc tay bên cạnh người.

- Nay, người hãy kể về những năm tháng ấy đi.

- Có gì mà kể.

- Làm sao mà không có gì, tất cả những điều vừa kể chẳng là thú vị ư?

- Không đâu, những thứ ấy có gì là hay ho. Thôi, nói về chuyện của đằng ấy đi.

- Về mình à?

- Ừ, về đằng ấy.

- Tớ có một đứa con gái.

- Nó mấy tuổi?

- Sáu tuổi.

- Nó giống đằng ấy nhiêu không?

- Giống, mọi người ai cũng bảo thế.

- Nó có giống đằng ấy lúc còn bé không, nó cũng đi giày thể thao trắng à?

- Không, nó chỉ thích đi giày da thường, bố nó mua cho nó hàng lô.

- Đằng ấy sống có hạnh phúc không? Ông chồng thế nào?

- Anh ấy đối với mình tốt lắm, nhưng bảo là có hạnh phúc không thì mình cũng chẳng biết thế nào mà nói.

- Hiện giờ công việc làm ăn ra sao? Có gì thú vị không?

- Cũng được, nếu so sánh với những người cùng tuổi mình thì cũng khoẻ: Ngồi văn phòng, trực điện thoại, bàn giao hồ sơ lên ban giám đốc.

- Thư ký à?

- Thủ thư.

- Đó là một công việc đòi hỏi sự tin cẩn, như thế là được tin dùng đấy.

- Khá hơn làm công nhân một tí, còn đằng ấy, không tìm cách mà đổi đời đi chứ.

- Có đấy, cũng cố gắng lắm nên giờ có khá hơn.

Trên bầu trời, ánh chiều đã yếu ớt, ngả sang màu đỏ sẫm, chỉ còn phía chân trời xa, dưới một viền mây đen kịt, là còn một vệt ánh sáng vàng nhạt chiếu lờ mờ lên các ngọn cây. Trên con dốc, mây bụi cây đã trở thành các bóng đen. Người con gái vẫn ngồi đó, đâu cúi xuống trên ghế đá, cô ta làm một động tác như đang nhìn đồng hồ, rồi đứng lên, cầm xác tay, xong lại đặt xuống ghế, ngóng ngóng về phía lối đi bên kia hàng bách; rõ ràng là cô đã nhìn thấy mặt trăng vừa ló dạng từ mây đám mây, cô quay người lại, bắt đầu đi từng bước chậm rãi, đầu cúi thấp.

- Cô này đang chờ ai đó.

- Không gì mệt bằng chờ đợi, thời buổi này mấy thằng con trai toàn cho con gái ăn thịt thỏ.

- Ở đây, trong thành phố, con gái nhiều hơn con trai à?

- Thật ra con trai cũng không ít, nhưng con nhà đàng hoàng thì hiếm lắm.

- Trông cô bé này xinh ra phết.

- Con gái mà đi bước đầu là đứa nào cũng khổ cả.

- Không biết thằng bồ rồi có đến không?

- Ai biết được, lo làm gì cho mệt đâu.

- May mà chúng mình cũng đã qua cái thời ấy rồi. Đằng ấy có bao giờ đợi ai thế chưa?

- Chỉ có cái ông nhà mình là lúc nào cũng phải đợi thôi. Còn đằng ấy có hay bắt người ta đợi không?

- Tớ chưa bao giờ lỗi một cuộc hẹn nào cả.

- Đằng ấy hiện đang có cô nào phải không?

- Ủ, cũng nhì nhằng.

- Thế sao không lấy nhau đi?

- Có lẽ rồi cũng phải thế.
- Đằng ấy có vẻ không thích cô ta mấy thì phải?
- Tớ chỉ thấy thương hại.
- Thương hại không phải là tình yêu. Nếu đã không yêu người ta thì đừng nói dối người ta làm gì.
- Tớ chỉ tự dối mình thì có.
- Nhưng thành ra cũng dối cả người ta nữa.
- Thôi bỏ chuyện ấy qua một bên đi.
- Ủ thì thôi.

Người con gái đã ngồi xuống. Bỗng nhiên, cô ta đứng bật dậy nhìn ra lối đi đã nhá nhem, chỉ còn lờ mờ một vệt đỏ nhạt nhạt cuối cùng ở phía chân trời. Cô lại ngồi xuống, như thể biết mọi người đang nhìn mình, cô cúi xuống, hình như đang sửa lại váy nơi đầu gối.

- Không biết anh chàng rồi có đến không?
- Chịu.
- Đáng lẽ anh ta không nên làm như thế.
- Có biết bao nhiêu thứ đáng lẽ người ta không nên làm.
- Cô bạn đằng ấy có xinh không.
- Trông chán mờ đời.
- Ai lại dùng những từ ngữ như vậy. Nếu không yêu người ta thì cũng đừng nói dối. Sao không tìm lấy một người mà mình yêu thích thật sự, một cô nào trẻ, đẹp ấy?
- Một cô gái đẹp mà thích tớ làm gì có trên đời này.
- Tại sao?
- Bố tớ có quyền cao chức trọng gì đâu.
- Đừng nói thế, tớ không muốn nghe ai nói như vậy cả.
- Thế thì đừng nghe nữa, chúng mình phải đi thôi.
- Đằng ấy đến nhà tớ đi.
- Tớ phải tìm một món quà gì cho con gái đằng ấy, để mừng chứ.

- Đừng nói thế.
- Có gì là xấu đâu?
- Chỉ giỏi châm chọc.
- Tớ có ý ấy đâu.
- Tớ chỉ muốn đằng ấy được hạnh phúc.
- Tớ không muốn nghe nói đến hai chữ đó nữa.
- Đằng ấy không có hạnh phúc à?
- Tớ không muốn nói về chuyện đó nữa. Trong tất cả những năm tháng ấy, gặp nhau đâu có dễ gì. Nói làm gì những lời ác độc thế.

- Được rồi, chúng ta nói chuyện khác.

Đột nhiên người con gái đứng dậy. Ở cuối lối đi một bóng đen đang đến gần, đi rất nhanh.

- Cuối cùng anh chàng cũng đã đến.

Đó là một thanh niên, đeo trên vai cái cặp vải. Nhưng người này tiến thẳng, không dừng chân, đi ngang qua chỗ cô gái rồi xa dần. Cô gái ngoảnh mặt đi.

- Vẫn không phải người cô ta đang đợi. Trong cuộc đời thường như vậy, thế có lạ không?

- Cô bé khóc.

- Ai?

Cô gái ngồi, úp mặt vào hai bàn tay như muốn trốn. Lùm cây bên dốc mờ tối đến độ không còn rõ hình thù. Chỉ còn nghe thấy tiếng chim sẻ ríu rít.

- Vẫn còn chim à?

- Cứ phải ở trong rừng mới có chim đấy.

- Vẫn còn chim sẻ à?

- Nay, đừng có khinh bạc như thế.

- Tớ lúc nào cũng thế thôi. Nếu không giữ được cái khinh bạc đó thì ngày hôm nay tớ đã không còn ở đây.

- Đằng ấy không nên quá hận đời. Đâu phải chỉ có mỗi

đằng ấy là phải chịu khổ đâu. Tất cả mọi người đều phải rời thành phố. Đằng ấy phải hiểu: một người con gái trẻ mà phải về miền quê, không gia đình, không quen biết còn gặp khó khăn nhiều gấp mấy đám con trai. Nếu tớ đã phải lấy chồng, chỉ vì không còn cách nào khác tốt hơn. Chính bố mẹ anh ấy đã xoay sở cho tớ về lại thành phố.

- Tớ có trách đằng ấy đâu.
- Đằng ấy cũng chẳng có quyền làm điều đó.
- Có ai có quyền được trách ai đâu.

Đèn đường đã sáng, luồng ánh sáng vàng xuyên qua vòm lá cây xanh. Bên trên thành phố, trong cái mầu sáng lờ mờ của khung trời đêm, ngay cả ánh những vì sao cũng bị che phủ, nhạt mờ. Trong khi đó những cột đèn giữa các bụi cây lại trở thành rực rỡ.

- Có lẽ mình nên đi đi thôi.
- Đúng rồi, mà đáng lẽ mình cũng chẳng nên đến đây làm gì.
- Người ta lại nghĩ mình là những kẻ yêu nhau. Nhỡ chồng đằng ấy biết được, ông ta lại có thể hiểu lầm, đúng không?
- Anh ấy không thể đâu.
- Nếu thế thì cũng là người khá đấy.
- Đằng ấy có thể đến nhà tụi này chơi.
- Nếu ông ấy mời tớ.
- Nếu mình mời đằng ấy thì có khác gì nào?
- Nhưng đáng tiếc là tớ không biết địa chỉ nhà đằng ấy ở đâu, nên mới phải đến cơ quan tìm. Nếu không tớ đã đi thẳng đến nhà đằng ấy rồi.
- Bỏ cái kiểu lý sự ấy đi.
- Thôi, cãi nhau làm gì.
- Chính đằng ấy chọc tức người ta đấy chứ.
- Được rồi, tớ xin lỗi, tớ có cố ý đâu.

- Böyle giờ ta nói chuyện khác đi.
- Ờ.

Cái lùm cây đã hoàn toàn chìm vào màn đêm, cả bóng của người con gái cũng không còn rõ ràng nữa. Tuy nhiên ánh sáng đèn làm vòm lá cây dương xanh màu ngọc thạch như có ánh lân tinh. Một cơn gió nhẹ lướt qua làm rung động bề mặt lá óng ánh mịn màng.

- Hình như cô ta vẫn chưa đi về.
- Chưa, cô ta đang đứng tựa vào cây.

Cách cái ghế khoảng mười thước là một thân cây lớn, đúng là trên đó có lờ mờ một bóng người dựa vào.

- Cô ta đang làm sao thế?
- Đang khóc.
- Đáng gì mà khóc.
- Tại sao?

- Khóc cho một người như thế thì chả bõ. Cô ta có thể tìm được một người con trai khác yêu cô mà được cô yêu. Cô ta nên đi về thì hơn.

- Cô ta vẫn còn hy vọng.
- Thật ra rồi giữa đường đời rộng lớn, thể nào mà cô ấy lại không tìm được con đường của mình.
- Đừng có tưởng cái gì mình cũng biết. Đằng ấy không hiểu một tí gì về đàn bà cả. Nếu muốn xúc phạm đến họ thì cũng dễ thôi. Đó là những sinh vật yếu đuối.
- Nếu họ biết là mình yếu, sao không phán đầu cho mạnh lên.
- Nói thì lúc nào nghe cũng hay lắm.
- Cần gì cứ phải tự làm khổ mình. Đau khổ trong cuộc sống cũng quá đủ rồi. Phải biết sáng suốt chứ.
- Có biết bao nhiêu điều phải thế này, phải thế kia.
- Tớ muốn nói con người đáng lẽ phải làm những điều phải làm.

- Đằng ấy nói toàn những câu vô nghĩa.
  - Cứ thế đấy, đáng lẽ tôi chẳng nên đến gặp đằng ấy làm gì.
  - Nói thế cũng lại là vô nghĩa.
  - Được rồi, chúng ta nên đi thôi, Tớ mời đằng ấy đi ăn cơm.
  - Tôi chẳng thích ăn gì cả. Có lẽ mình có thể nói chuyện gì khác.
  - Nói về gì bây giờ?
  - Về đằng ấy.
  - Nói về thế hệ sau đi, con gái đằng ấy tên gì?
  - Thật ra là tớ mong có một đứa con trai.
  - Nhưng một đứa con gái thì cũng thế.
  - Không, lớn lên con trai không phải chịu khổ nhiều như con gái.
  - Trong tương lai, bọn trẻ sẽ đỡ khổ hơn vì chúng ta đã trả nợ cho chúng rồi.
  - Cô ta khóc.
- Chỉ có tiếng lá xác xào trong gió; tuy nhiên, trong tiếng lay động của lá người ta vẫn có thể phân biệt được tiếng thốn thúc từ sau cái ghế và thân cây.
- Phải an ủi cô ta.
  - Không được đâu.
  - Cứ phải thử.
  - Đi đi.
  - Một phụ nữ mà làm chuyện này thì tốt hơn.
  - Cô ta có cần đâu cái loại an ủi đó.
  - Tôi không hiểu đằng ấy muốn nói gì.
  - Đằng ấy chả hiểu gì cả.
  - Thà không hiểu còn hơn.
  - Hiểu nhiều quá lại càng nặng nợ.
  - Nếu như thế, cần gì an ủi cô ta? Đằng ấy tự an ủi lấy mình còn hơn.

- Nói thế là nghĩa gì?
  - Đằng ấy chẳng hiểu gì tình cảm con người cả. Nếu tình cảm chỉ là gánh nặng thì cũng chẳng cần hiểu làm gì.
  - Thế thì chúng mình đi đi.
  - Minh đi về nhà tớ?
  - Chẳng để làm gì.
  - Thế thì chúng ta chia tay như thế này à?
  - Tớ đã mời đằng ấy đến nhà ăn cơm ngày mai rồi mà. Anh ấy sẽ có mặt.
  - Tớ cho là tớ không nên tới làm gì, đằng ấy thấy thế nào?
  - Thế nào cũng được.
- Trong bóng đêm, tiếng thở thức bị dồn nén càng trở nên rõ ràng. Nó nổi trôi, quyện vào trong tiếng tàn lá xác xao trong gió tối.
- Tớ sẽ gửi thư cho đằng ấy khi tớ lấy vợ.
  - Tốt hơn là đừng gửi gì cả.
  - Mai kia nếu tớ đi ngang đây, có lẽ tớ sẽ ghé thăm đằng ấy.
  - Tốt hơn là đừng bao giờ đến.
  - Đúng rồi, đó là một sai lầm.
  - Sai lầm gì?
  - Đáng lẽ tớ không bao giờ nên quay lại gặp đằng ấy.
  - Không, đằng ấy làm điều đó là đúng.
  - Đằng ấy và tớ, chúng ta chẳng có tội tình gì. Đó là lỗi lầm của thời đại. Tất cả cũng trở thành quá khứ rồi. Phải cố mà quên đi thôi.
  - Riêng tớ, khó mà quên tất cả được.
  - Có lẽ với thời gian...
  - Thôi bây giờ đằng ấy đi đi.
  - Đằng ấy không muốn tớ đưa đến xe buýt à?

## TAI NẠN

Sự việc xảy ra như sau:

Lúc đó là 5 giờ chiều: bên trong cửa hàng chữa radio nằm ở đường Đức Thắng, vang lên 4 tiếng tuýt của đồng hồ điểm giờ. Bên ngoài gió đã lên làm tung bụi từ đống cát xám đổ trước cửa nhà sách Tân Hoa phía kia con đường lúc đó đang được sửa chữa lại. Bụi đất dấy lên một vòng cung trên mặt đường nhựa. Thế rồi cát cũng rơi xuống và bụi cũng lảng đi. Lúc này vẫn chưa phải là mùa gió cát, trời mới chỉ vừa ấm lại thôi. Vài người cưỡi xe đạp còn khoác trên người áo choàng màu xám lúc giao mùa, trong khi các cô gái đi ngang đường đang diện áo mùa xuân xanh nhạt. Bộ hành và người đi xe đạp cứ tuôn đi không ngớt thành một dòng liên tục, nhưng đường chưa bị ngẽn như vào giờ cao điểm lúc tan tầm.

Lúc nào cũng có một số người đi làm về sớm hơn mọi người, còn một số khác thì đang được nghỉ việc. Họ đi trên đại lộ này. Ngày nào cũng thế, cứ vào tầm này những xe buýt đều lưng lửng người, không chật quá và cũng không ít quá. Tất cả những chỗ ngồi đều có người và một vài người phải đứng, bám vào những tay cầm, mặt hướng ra phía cửa sổ.

Một chiếc xe đạp kéo theo chiếc xe trẻ con bên trên che tấm bạt carô xanh đỏ đi chéo sang đường. Ngồi trên xe đạp là một người đàn ông. Từ phía đối diện là một chiếc xe buýt hai toa đang tiến lại với một vận tốc lớn, thật ra nó vẫn đi chậm hơn chiếc xe màu xanh nhạt đang vượt chiếc xe đạp, nhưng có lẽ mấy cỗ xe này đã vượt quá vận tốc cho phép trong thành phố. Người cưỡi xe đạp gò lưng chui ra đằng trước, cố đạp sang đường, và chiếc xe con lao vút vượt qua nó. Chiếc xe buýt đã

đến trước mặt, người đi xe đạp do dự một lúc nhưng không có vẻ muốn phanh lại. Anh ta vẫn cứ tiếp tục lùi lùi sang đường, chiếc xe buýt bấm còi inh ỏi nhưng không giảm tốc độ. Chiếc xe đạp ra đến vạch với giữa đường, giờ lúc ấy đã ngót và mọi người đã nhìn rõ hơn. Người đi xe đạp không nháy mắt, anh ta ngẩng cao đầu. Đó là một người khoảng 40 tuổi, mũ cát-két trật ra sau gáy cho thấy đầu đã bắt đầu hói. Chắc chắn anh ta thấy ô-tô buýt đang chạy thẳng về phía mình cũng như đã nghe thấy tiếng còi của nó. Anh ta do dự một lúc và có vẻ muốn phanh. Chiếc xe đạp đi chậm hẳn lại, nhưng vẫn lăn bánh. Chiếc xe buýt bóp còi liên tục, nhưng chiếc xe đạp vẫn tiếp tục tiến. Một đứa trẻ khoảng hai, ba tuổi, mặt hồng hào ngồi dưới tấm bạt. Tiếng phanh xe ken két hoà lẫn tiếng còi xe. Chiếc xe buýt lao tới trong tiếng ồn ào càng lúc càng inh tai. Cái bánh trước của chiếc xe đạp đã nằm trong tầm tiến của chiếc buýt. Tiếng phanh và tiếng còi xe càng trở nên dữ dội. Chiếc xe buýt tuy đã chậm lại, nhưng cái đầu xe như một bức tường thẳng đứng vẫn tiếp tục lao tới một cách ghê rợn. Lúc chiếc xe buýt và xe đạp sắp sửa va vào nhau, một người đàn bà đang đi ở vạch sang đường kêu lên một tiếng thất thanh. Người đi bộ, đi xe đạp nín thở chờ xem chuyện gì sắp xảy ra. Cái bánh trước của xe đạp đã vượt ra khỏi đầu xe buýt. Người đi xe đạp nhấn hết sức lực xuống bàn đạp - anh ta có lẽ còn đủ thì giờ để vượt qua, nhưng anh ta bỗng giơ tay về phía cái xe trẻ con căng bạt ca-rô đằng sau như thể muốn đẩy nó ra. Tay anh ta vừa chạm được vào nó thì nó đã bị tung lên trời. Một bánh xe rơi ra và nẩy trên mặt đường. Người đàn ông giơ tay lên trời và ngã xuống bên cạnh, nhưng chân anh ta bị kẹt lại. Giữa tiếng còi, tiếng phanh xe, tiếng kêu thất thanh của phụ nữ và tiếng rú kinh hồn của những người nhìn thấy cảnh tượng, người đàn ông đã bị bánh xe buýt cán lên. Cái xe đạp cong queo còn tiếp tục chạy trên lối khoảng hơn 10 thước rồi mới ngã xuống.

Trên vỉa hè hai bên đại lộ, người bộ hành đứng như trời trỗng và người đi xe đạp đều dừng lại, xuống xe. Toàn quang cảnh bỗng yên lặng như tờ. Chỉ còn nghe thấy một điệp khúc lè rè phát ra từ cửa tiệm chữa radio:

*Em nhớ không,*

*Em và anh, chúng ta gặp nhau dưới vòm cầu đầy sương mù...*

Có lẽ đấy là cuộn băng của một ca sĩ Hồng Kông nào đó kiểu Đặng Lệ Quân. Cái bánh trước xe buýt dừng lại trong một vũng máu hồng. Từ tấm thông hơi ở đầu xe máu nhỏ giọt xuống thân người chết. Người đầu tiên đến gần là lái xe buýt, vừa nhảy từ ca-bin xuống. Rồi những kẻ bàng quan chạy ùa đến, một số người khác bu quanh chiếc xe trẻ con đang nằm cạnh miệng cống. Một người đàn bà bế đứa bé lên lòng vừa đóng đưa, vừa xem xét.

- Nó chết chưa?

- Nó chết rồi!

- Nó chết chưa?

Những tiếng thì thầm nỗi lên chung quanh. Đứa bé mắt nhắm nghiền, dưới làn da mịn và nhợt nhạt nổi lên những gân máu nhỏ nhặt. Trên người nó không có một vết máu nào, mà trông bề ngoài cũng chẳng có một vết thương nào.

- Đừng để cho nó trốn!

- Gọi cảnh sát.

- Cứ để y nguyên hiện trường! Đừng đi, để nguyên hiện trường.

Đám đông vây quanh đầu xe buýt, một người ở ngoài vòng, tò mò, cúi xuống nâng cái xe đạp cong queo lên. Khi ông ta để xuống, cái chuông xe còn vang lên một tiếng.

- Tôi bóp còi và phanh đấy chứ, mọi người đều thấy rõ. Ông này lao vào xe như thế là muốn tự tử đấy. Đâu phải lỗi

tại tôi - Bằng một giọng khàn khàn, người tài xế tìm cách chống chế - Bà con làm chứng cho tôi, bà con đều thấy rõ đây.

- Lui ra, lui ra! Tất cả lui ra! - Một cái mũ cảnh sát xuất hiện trong đám đông.

- Phải cứu đứa bé. Ai có thể chặn một cái xe lại để đưa nó đến bệnh viện không? - Một giọng đàn ông lên tiếng.

Một thanh niên mặc áo da nâu giơ tay lên và chạy ra giữa đường. Một chiếc Toyota đi ngang bóp còi inh ỏi trong đám đông. Rồi một chiếc xe tải nhỏ cũng dừng lại. Qua cánh cửa chiếc xe buýt gây ra tai nạn, người ta thấy hành khách đang bàn tán với người bán vé. Một xe điện bánh hơi đi qua, nó bị những người hành khách xe buýt vây lấy và ùa vào mấy cái cửa vừa mở trong tiếng ồn ào.

*Không bao giờ, không bao giờ tôi quên...*

Những âm thanh nổi của bài hát bị chìm trong tiếng lao xao. Máu vẫn tiếp tục chảy và bốc lên mùi nồng nặc.

Oe... Một tiếng khóc trẻ con bật lên. Đó là tiếng oe oe của đứa trẻ đã ngất đi vừa tỉnh dậy

Ối trời ơi, may quá!

Nó vẫn còn sống!

Có những tiếng reo mừng vang lên giữa tiếng khóc trẻ con càng ngày càng to. Cả đám đông sống động hẳn ra như vừa được giải thoát. Thế là họ lại đến vây quanh thi thể kẻ xấu số.

*Tu út, tu út, tu út...*

Một xe công an mang đèn quay màu xanh trờ tới. Mọi người đặt ra nhường lối cho 4 cảnh sát nhảy từ xe xuống. Hai người trong bọn tay khua dùi cui để dấn đám đông ra.

Con đường hoàn toàn bị nghẽn. Một hàng xe kéo dài về hai hướng. Một bản hoà táu kèn ô-tô thay thế cho tiếng người ồn ào. Ngay lúc ấy, một cảnh sát ra đứng giữa đường bắt đầu ra hiệu bằng hai tay đeo găng trắng.

Cảnh sát gọi cô bán vé xe buýt xuống. Cô này giải thích gì đó một cách miên cưỡng rồi đón lấy đứa bé từ một bà đương bế, leo lên chiếc xe tải nhỏ. Xe nổ máy, dưới sự chỉ đường của đôi găng tay, nó đem đi theo nó tiếng khóc dữ dội của đứa trẻ thơ.

Cảnh sát lại bắt đầu vãy vãy dùi cui, đấm đong tò mò dấn ra thành một hình chữ nhật quanh cái xe đạp cong queo.

Ngay lúc đó, phía bên này đại lộ, người ta có thể nhìn thấy anh lái xe lau mồ hôi bằng cái mũ cát-két vải thô. Một người cảnh sát hỏi cung anh ta. Anh ta chìa cái bằng lái bọc trong bìa nhựa đỏ, nhưng người cảnh sát không thèm cầm. Anh ta cái vã một cách bức dọc với nhân viên cảnh sát.

- Còn có gì để mà giải thích? Nó cán người ta rõ ràng ra thế rồi. - Một giọng ồm oàm của một thanh niên đang đẩy xe chen vào.

- Người này tìm cái chết đấy chứ! Người ta đã bóp còi và phanh như thế mà cũng không tránh lại còn lăn vào xe. - Một người bán vé đeo một tấm che tay vừa bước xuống xe cãi lại.

- Giữa đại lộ, thanh thiên bạch nhật, một người kéo một đứa bé, có mắt mù mới không nhìn thấy được. - Trong đầm đong có tiếng người giận dữ cất lên.

- Mấy thằng tài xế này, chúng có sợ gì mà không cán người, chúng có chết đâu. - Một giọng mỉa mai chế giễu.

- Tội nghiệp, nếu ông ta không kéo theo đứa bé thì chắc đã vượt qua đường được rồi.

- Thế còn có thể cứu được ông ta không?

- Óc vỡ ra rồi à?

- Tôi nghe thấy kêu rốp một cái...

- Nghe thấy tiếng à?

- Vâng, nghe rốp một cái...

- Thôi, đừng nói nữa, nghe kinh quá!

- Ối giờ ơi, mấy người thật, việc đã xong rồi mà!
- Nó khóc kìa.
- Ai?
- Thằng tài xế.

Ngồi xổm, cúi đầu, anh tài xế giấu đôi mắt mình dưới mũ cát két.

- Đúng rồi, ai mà cố ý.
  - Chẳng qua là số không may mới xảy ra...
  - Có kéo theo một đứa bé à? Thế đứa bé đâu? Nó đâu?
- Những người vừa mới tới lại dồn dập hỏi.
- Thật là số mệnh, sai một ly đi một dặm!
  - May mà thoát được một mạng.
  - Cái ông người lớn bị chết!
  - Chắc là bố thằng bé?
  - Tại sao lại kéo theo một cái xe trẻ con như thế? Ngay cả đi xe đạp một mình có khi còn bị tai nạn nữa là!
  - Có lẽ ông ta vừa đón con từ vườn trẻ ra.
  - Đúng rồi, vườn trẻ bây giờ họ không giữ trẻ con suốt ngày đâu!
  - Thậm chí người ta nhận cho là đã may rồi.
  - Hay lắm đấy mà cứ chui mũi vào. Đây rồi cứ mà chạy lung tung sang đường đi. - Một người đàn ông vừa nói, vừa kéo tay một đứa bé từ đám đông ra.

Ca sĩ Hồng Kông đã ngừng hát. Đám đông tụ họp lại trên thềm cửa hàng chữa radio.

Một chiếc xe cứu thương trên gắn đèn quay chạy tối. Những người khiêng cáng mặc áo blu trắng đem xác chết vào xe. Đám người trên thềm cửa hàng đại lộ kiêng chân nhìn. Một người đầu bếp pháp, bụng quấn tạp-dề, từ bên một quán ăn nhỏ xông ra xem chuyện gì.

- Chuyện gì thế? Tai nạn à? Có người bị xe cán?

- Hai bố con, một người chết.
- Người nào?
- Ông bố.
- Còn đứa con?
- Không việc gì.
- Ghê thế, thế nó không nắm tay bố nó à?
- Bố nó đã đẩy nó ra được.
- Cứ đòi này đến đòi sau lại càng tệ hại. Cái đứa con đó, cứ xem là nuôi thật phí công.

- Không biết gì thì đừng nói lung tung
- Ai nói lung tung?
- Tôi có nói anh đâu.
- Người ta đem đứa bé đi rồi.
- A, thế còn có một đứa bé nữa à?

Một số người khác vừa kéo đến.

- Làm gì mà xô đẩy thế?
- Tôi đẩy à?
- Không có gì để xem cả đâu. Đi đi, giải tán, giải tán!

Bên ngoài vòng, mấy người đàn ông nắm tay lôi mấy người đứng trong đám đông ra. Đó là những nhân viên của toán tuyên truyền cổ động an toàn giao thông tay đeo băng đỏ. Bọn người này còn dữ hơn cả cảnh sát.

Người tài xế bị tống vào trong xe cảnh sát. Anh ta có vẻ muốn kháng cự, nhưng vẫn bị đẩy vào. Người đi bộ bắt đầu tản ra, nhiều người đi xe đạp đã leo lên xe, người xem bắt đầu rã đám, nhưng vẫn còn những người đến sau dựng xe, hoặc từ vỉa hè bước xuống lòng đường xem hiện trường. Một phía cửa đại lộ, cái hàng xe lớn, bé, xe buýt nhỏ, xe zíp, xe điện bánh hơi, chầm chậm đi qua như một đám rước cạnh cái xe trẻ con bị lật bên cạnh miệng cống với tấm bạt ca-rô xanh đỏ rách mướp. Nhiều người đứng trên bức thềm cửa hàng đã vào bên trong hoặc bỏ đi.

Khi đám đông đã tan, một ít kẻ tò mò còn đứng lại, một cảnh sát đo những khoảng cách bằng thước dây, một nhân viên khác đứng hý hoáy ghi chép gì đó vào sổ. Cái vũng máu dưới bánh xe buýt đã bắt đầu đông đặc, trở thành màu sẫm. Một cô bán vé còn ngồi lại trên xe nhìn ra con đường băng dài mắt không hồn: Phía trước, chiếc xe điện bánh hơi đi ngang, tất cả mọi khuôn mặt đều nhìn ra ngoài. Vài người còn thở hắn ra cửa sổ. Lúc giờ tan tầm vừa điểm, người đi bộ trên vỉa hè và người đi xe đạp càng đông hơn, nhưng họ bị cảnh sát và nhân viên tuyên truyền an toàn giao thông chặn lại.

- Có tai nạn à?
- Có nhiều người chết không?
- Chắc chắn rồi, bao nhiêu máu thế này.
- Hôm kia, mới có một đứa trẻ 16 tuổi bị tai nạn trên đường Kiện Khang, người ta đem nó đi nhà thương, nhưng nó đã chết, nghe nói nó là con một thì phải.
- Thời này gia đình nào mà không con một?
- Ôi dà, không biết rồi bố mẹ nó sống thế nào sau cái chuyện đó?
- Nếu vấn đề giao thông mà không giải quyết được thì các tai nạn vẫn tiếp tục.
- Đúng rồi, còn nhiều là đằng khác.
- Hàng ngày, lúc tan trường, cứ lúc nào thằng Chí Minh nhà tôi mà chậm về là tôi cứ lo ngay ngáy...
- Bà còn may có con trai, đối với bọn con gái cha mẹ còn lo hơn.
- Nay, nay, ta chụp một cái ảnh nhé!
- Bây giờ thì còn gì mà chụp.
- Thế nó cố ý cản người ta à?
- Tìm nó mà hỏi!
- Hình như nó không tông vào thì phải, chứ không thì làm sao mà nó cán lên người ta.

- Tôi cũng thế, cũng chỉ mới đi qua đây thôi.
- Bạn lái xe cứ như điên, họ chẳng bao giờ nhường đường cho mình đâu, mình không tránh thì chỉ có toi với chúng nó.
- Nhiều thằng đúng là bọn sát nhân, nếu xảy ra tai nạn với chúng thì chỉ có chết.

- Biết làm thế nào, con người ta có số cả. Trong làng tôi có một anh thợ mộc, tay này cù lăm, chỉ tội mắc tật nghiện rượu. Một hôm đi làm về, say rượu thế nào không biết mà bị ngã, đầu đập vào một hòn đá nhọn...

- Từ hai hôm nay không hiểu sao em cứ máy mắt liên tục.
- Cả hai mắt à?
- Khi đi trên đường đừng có nghĩ vẫn vơ những điều không hay. Còn em nữa, bao nhiêu lâu nay anh thấy em...
- Có việc gì đâu.
- Lúc nào mà tai nạn xảy ra thì đã muộn rồi. Anh không thể chịu nổi cảnh ấy đâu!
- Đừng anh, người ta nhìn mình kìa.

Đôi trai gái đưa mắt nhìn nhau rồi dắt tay nhau đi xa dần  
 Người ta đã chụp xong ảnh hiện trường. Viên cảnh sát sau khi đo đạc đã rắc cát lên những vết máu. Gió đã lặng xuống. Trời càng lúc càng tối. Cô bán vé xe ngồi cạnh cửa xe buýt thắp một ngọn đèn để đếm tiền trong két của mình. Một cảnh sát bỏ cái xác xe đẹp vào trong xe. Hai nhân viên an toàn giao thông khiêng cái xe trẻ con. Rồi tất cả cùng rời hiện trường.

Giờ này độ chừng đã vào giờ cơm tối. Chỉ còn lại mỗi cô bán vé đang dài cổ chờ gần cửa xe buýt, có lẽ chờ nhà kho xe gửi một tài xế khác để đem xe về. Trong số người qua lại, chỉ còn một vài người nhìn cái xe buýt với dáng điệu tìm hiểu sao nó lại ngừng ở đó, giữa đường và không có hành khách. Trời tối thăm lại và chẳng còn ai chú ý đến vệt máu nằm dưới lớp đất cát rái trước đầu xe.

Sau đó, đèn đường sáng lên và chiếc xe buýt cũng đi mất. Giao thông trở lại bình thường, như không có gì xảy ra. Khoảng nửa đêm, lúc đường phố thưa người, phía xa xa bên cạnh cột đèn giao thông nhấp nháy, mọi người có thể đọc được một tấm biển xanh chữ trắng treo trên bờ rào sắt: "Vì hạnh phúc của mình và của người khác, tuân thủ luật đi đường". Một chiếc xe vệ sinh thành phố từ từ đi đến rồi lăn chậm lại ở chỗ xảy ra tai nạn. Ở đó, nó tăng sức nước ở vòi xịt để rửa sạch vết máu trên mặt nhựa.

Nhân viên vệ sinh vừa chùi lòng đường này có lẽ không ngờ được là cách đây vài giờ một tai nạn đã xảy ra và một người đáng thương đã thiệt mạng ở đấy. Mà vả lại người ấy là ai? Trong thành phố cả mấy triệu người này, có lẽ chỉ có gia đình và thân nhân người ấy mới biết người ấy là ai, và lúc này có thể họ vẫn còn chưa biết được hung tin. Vì không có một giấy tờ gì cho phép xác minh nhân thân kẻ xấu số. May ra đứa bé - người chết có lẽ là cha của nó - lúc hoàn hồn có thể gọi được tên bố nó. Người này chắc phải có vợ. Vì anh ta đã làm cái nhiệm vụ của một người mẹ chắc phải là một người tốt và chắc chắn là một người chồng tốt. Vì anh ta yêu con, nên chắc chắn cũng yêu vợ, nhưng vợ anh ta có yêu anh ta không? Nếu người vợ yêu chồng tại sao cô ta không làm nhiệm vụ người mẹ? Đời của anh ta chắc không lấy gì làm vui, nếu không tại sao lại dãng trí như vậy? Phải chăng điểm yếu của anh ta có lẽ là tính hay do dự. Phải chăng anh ta đang bị dâng vò bởi một chuyện gì đó? Hay là anh ta đã bị số mệnh bắt như thế? Tuy nhiên nếu anh ta rời khỏi nhà chậm hơn một tí, hay lên đường sớm hơn một tí, hay sau khi đón con anh ta đạp xe nhanh hơn hay chậm hơn một tí, hoặc giả ở nhà trẻ cô nuôi dạy trẻ nói với anh ta một hai câu, hoặc trên đường anh ta đi, anh ta gặp được một người quen gọi lại thì anh ta đâu có gặp cái tai hoạ này. Không có việc gì mà không

tránh được cả. Anh ta có bị cái bệnh nan y nào bắt phải chết đâu! Cái chết không ai tránh được, nhưng chết yếu người ta có thể tránh được. Và trong trường hợp này, nếu anh ta không chết trong một tai nạn thì rồi sẽ chết ở đâu? Trong thành phố này, những tai nạn trở thành phổ biến nhưng có thành phố nào mà không có tai nạn? Tất cả những thành phố lớn đều có xác suất cao chết vì tai nạn, mà dù cho cái xác suất này chỉ là một phần triệu thì trong thành phố lớn như thành phố này, mỗi ngày một người vẫn có khả năng mất mạng vì nó. Và trong trường hợp này, chính anh ta đã là kẻ không may đó. Không biết anh ta có linh cảm điều sắp xảy ra cho mình hay không? Anh ta nghĩ gì lúc việc ấy sắp xảy đến? Có lẽ anh ta cũng chẳng có thì giờ nghĩ đến điều gì cả mà cũng không hiểu sự bất hạnh nào sẽ giáng xuống đầu mình. Đối với anh ta, chắc chắn không có điều bất hạnh nào có thể lớn hơn, ngay cả khi anh ta chỉ là đại diện của một trường hợp trên một triệu người, một hạt cát. Tuy nhiên lúc chết, ai cũng thấy là anh ta nghĩ đến đứa con – nếu đúng đứa trẻ là con anh ta - sự hy sinh của anh ta chẳng phải là tuyệt vời ư? Không phải chỉ có tuyệt vời mà còn có cả một phần của bản năng. Một bản năng của người cha. Người ta chỉ nói đến bản năng người mẹ, thế mà vẫn có những người mẹ bỏ rơi con. Hy sinh thân mình cho con quả là một việc tuyệt vời. Tuy nhiên, sự hy sinh này đáng lẽ có thể hoàn toàn tránh được nếu anh ta chỉ đi hơi sớm hay hơi muộn một tí, nếu anh ta bớt đăng trí hơn một tí, nếu anh ta bớt bận lòng hơn, nếu anh ta bớt do dự hơn, linh hoạt hơn. Tất cả những yếu tố này tích luỹ lại đã đưa anh ta đến chỗ chết và cái điều bất hạnh đó đã trở thành tất yếu. Rồi người ta lại quay về với triết học. Nhưng cuộc đời lại không phải là triết học, mặc dù triết học vẫn đến từ tri thức mà con người lấy từ cuộc đời. Đáng lẽ không nên đưa vào thống kê những tai nạn xe cộ trên đời, đó phải là công việc của cục giao

thông hay cảnh sát. Dĩ nhiên điều đó cũng có thể trở thành tin vặt trên mặt báo. Nó cũng có thể làm chất liệu văn chương để trở thành một thiêng truyện cảm động nhờ vào óc tưởng tượng. Điều đó lại thuộc về lĩnh vực sáng tác. Nhưng ở đây chỉ là quá trình một tai nạn được kể lại, một cái tai nạn xảy ra vào lúc năm giờ chiều trên đại lộ Đức Thắng, ở quãng có cái tiệm chữa radiô mà thôi.

NGUYỄN HỒI THỦ *dịch*

SANDRA CISNEROS  
(Mỹ)

## NGÔI NHÀ TRÊN PHỐ MANGO

C húng tôi không thường xuyên sống trên phố Mango. Trước đó chúng tôi sống ở phố Loomis trên tầng ba, còn trước đó chúng tôi sống ở Keeler. Trước Keeler là Paulina, và trước đó nữa thì tôi không thể nào nhớ. Nhưng điều khiến tôi nhớ nhất là việc di chuyển quá nhiều. Cứ mỗi một lần chuyển nhà thì như thể gia đình tôi có thêm một người. Lúc chúng tôi đến phố Mango, gia đình đã có sáu người – mẹ, cha, Carlos, Kiki, Nenny – em gái và tôi.

Ngôi nhà trên phố Mango là nhà của chúng tôi, chúng tôi không phải trả tiền thuê nhà cho bất cứ ai, hoặc dùng chung sân với những người tầng dưới, hoặc cẩn thận không gây tiếng động lớn quá và không có người chủ nhà nào dùng cán chổi gỗ lên trần nhà. Nhưng dẫu thế, đấy không phải là ngôi nhà chúng tôi mong ước.

Chúng tôi phải nhanh chóng rời khỏi căn hộ ở phố Loomis. Ông nước bị vỡ nhưng chủ nhà không muốn sửa vì ngôi nhà quá cũ. Chúng tôi phải rời đi ngay. Chúng tôi đang sử dụng phòng vệ sinh sát cửa và phải mang nước vào bằng những thùng sữa rỗng. Đấy là lý do để cha mẹ đi tìm nhà, và đấy là lý do chúng tôi chuyển đến ngôi nhà ở phố Mango, rất xa, phía bên kia thành phố.

Chúng tôi luôn được nghe nói một ngày nào đó sẽ chuyển tới một ngôi nhà, ngôi nhà thực sự của chúng tôi mãi mãi để hàng năm không phải chuyển nhà nữa. Ngôi nhà chúng tôi sẽ có đường ống và vòi nước tốt. Và bên trong sẽ có chiếc cầu thang giống hệt như trong các ngôi nhà trên tivi. Chúng tôi có cả tầng trệt, và ít nhất là ba phòng vệ sinh để khi tắm mọi người không phải đợi nhau. Nhà của chúng tôi phải được sơn trắng, có cây trồng xung quanh, một cái sân thật lớn phủ đầy cỏ, không có hàng rào. Đây là ngôi nhà cha luôn nói về mỗi khi cầm trên tay một tập vé số và đây cũng là ngôi nhà mẹ hằng mơ ước trong những câu chuyện kể ru chúng tôi chìm vào giấc ngủ.

Nhưng ngôi nhà trên phố Mango không phải như lời miêu tả của cha mẹ. Nó nhỏ, màu đỏ, cầu thang ở phía trước, dốc; cửa sổ quá nhỏ; hẳn bạn sẽ nghĩ chúng không cung cấp đủ không khí để thở. Gạch thì sắp long ra khỏi tường, còn cửa trước thì nở to đến nỗi bạn phải đẩy cật lực mới mở ra được. Không có sân trước nhà, chỉ có bốn cây du nhỏ thành phố trồng cạnh lề đường. Phía sau có một cái gara nhỏ nhưng không thuộc quyền sở hữu của chúng tôi, và một khoảng sân nhỏ, trông nhỏ hơn khi bị kẹp giữa hai tòa nhà. Trong nhà, chúng tôi cũng có cầu thang, nhưng đấy là loại cà khổ thông thường; và chỉ mỗi một phòng vệ sinh. Mọi người phải nằm ngủ chung – mẹ và cha, Carlos và Kiki, tôi và Nancy.

Dạo chúng tôi đang sống ở Loomis, một bà xơ ở trường tôi đi qua thấy tôi đang chơi phía trước. Tiệm giặt tay dưới bị đỗ tung bởi hai hôm trước đã bị trộm; ông chủ viết lên tường gõ VÀNG CHÚNG TÔI SẮP KHAI TRƯƠNG để không bị mất khách.

"Con sống ở đâu?" Xơ hỏi.

"Thưa, ở kia"; tôi đáp và chỉ tay lên tầng ba.

"Con sống ở đó sao?"

"Ở đó". Tôi phải nhìn theo hướng xơ chỉ – tầng ba, những thanh gỗ sơn loam nhoam cha đóng định vào cửa sổ để chúng tôi khỏi bị ngã ra ngoài. Con sống ở đó sao? Tôi không cảm nhận được nổi cách xơ nói. *Ở đó.* Con ở đó. Tôi gật đầu.

Sau đấy tôi hiểu phải có một ngôi nhà. Một ngôi nhà thực sự. Một ngôi nhà tôi có thể chỉ. Nhưng đây không phải là ngôi nhà ấy. Ngôi nhà trên phố Mango không phải là nó. Vì phải đợi, dần dần, mẹ nói. Tạm thời, cha nói. Nhưng tôi biết những lời hứa ấy sẽ đi đến đâu.

## ĐIỀU SALLY NÓI

*O*ng ấy không hề đánh đau con. Cô nói với mẹ đang bôi mỡ lợn lên những chỗ bị đánh. Đến trường cô bảo cô ngã. Đây là lý do gây nên những vết bầm. Là lý do khiến da cô luôn bị xước.

Nhưng ai lại tin cô. Một cô gái đã lớn như thế, khuôn mặt xinh xắn bị tím bầm khi đến trường, không thể ngã cầu thang: Ông ấy không hề đánh đau tôi.

Nhưng Sally không kể cái lần ông ta vung nắm đấm nện cô như một con chó, cô nói, như thể tôi là đồ súc vật. Ông ấy nghĩ tôi sẽ hư hỏng như thể mấy cô em gái của ông, những người làm gia đình xấu hổ. Chỉ bởi vì tôi là con gái, rồi cô không nói nữa.

Sally sắp được phép ở chơi với chúng tôi một lát rồi thứ năm nọ rốt cuộc cô đến với chiếc túi đựng đầy quần áo và một cái túi giấy đựng bánh mì ngọt mẹ cô gói đến. Lẽ ra việc ở lại

đã được chấp thuận thì tối ấy cha cô đến, đôi mắt ướt vì vừa khóc xong, gõ cửa và nài nỉ quay về, đây là lần cuối. Cô nói với cha rồi về.

Sau đó chúng tôi không phải lo lắng nữa. Cho đến ngày nọ, cha Sally bắt gặp cô nói chuyện với một chàng trai và hôm sau cô không đến trường. Cả hôm sau nữa. Mãi đến khi, như cách Sally miêu tả, ông ta phát điên lên, ông ấy quên mất mình là cha một khi cầm thắt lưng trong tay.

Mày không phải là con tao, mày không phải con gái tao,  
rồi ông ta úp mặt vào tay.

## HOA HỒNG TRÊN VẢI LÓT SÀN

*S*ally lấy chồng như chúng tôi biết cô hay còn trẻ, chưa sẵn sàng với cuộc sống gia đình. Cô đã gặp người bán kẹo dẻo tại quầy hàng trong trường và tổ chức hôn lễ ở bang khác, nơi hôn nhân trước lớp tám được luật pháp công nhận. Bây giờ cô đã có chồng, có nhà riêng, chăn gối riêng và cả bát đĩa riêng nữa. Cô nói cô yêu nhưng tôi nghĩ cô làm thế để thoát đi.

Sally nghĩ cô thích lấy chồng bởi vì bây giờ cô có thể mua những thứ riêng của mình khi chồng đưa tiền cho cô. Cô hạnh phúc, trừ đôi lúc chồng cô nổi giận và có lần hắn ta đã dùng chân đá gãy cánh cửa, mặc dù hầu như lúc nào hắn ta cũng tử tế. Ngoài ra hắn không cho phép cô nói chuyện điện thoại. Hắn không cho phép cô nhìn ra cửa sổ. Hắn không muốn cô có bạn bè, vậy nên chẳng có ai đến thăm cô nếu hắn không đi làm.

Cô ngồi trong nhà bởi không dám ra ngoài khi chưa được phép hắn. Cô nhìn tất cả những thứ hai vợ chồng có: mấy chiếc khăn tắm, lò điện nướng bánh, đồng hồ báo thức và những tấm rèm. Cô thích ngắm những bức tường, nhìn những cái góc sắc sảo, nhìn những bông hoa hồng trên vải lót sàn, nhìn trần nhà láng mịn như chiếc bánh cưới.

## NGÔI NHÀ CỦA RIÊNG TÔI

**K**hông phải một phòng nhỏ. Không phải một căn hộ khép kín. Không phải nhà của người đàn ông. Không phải nhà của cha. Một ngôi nhà thuộc về tôi tất cả. Với ghế sofa và gối của tôi, những bông hoa dã yên thảo sắc tím xinh xắn của tôi. Sách của tôi và những câu chuyện của tôi. Đôi giày của tôi đang đợi bên giường. Không có ai khua gậy vào. Không có ai tha rác rưởi đến.

Duy chỉ một ngôi nhà lặng im như tuyết, một không gian cho tâm thân tôi đi lại, tinh khôi như trang giấy đợi bài thơ.

LÊ HUY BẮC *dịch*

LE CLÉZIO  
(Pháp)

## DAVID

**D**ôi khi, nó tưởng phố xá là của nó. Đây là nơi duy nhất nó yêu mến, thật thế, nhất là khi mới sáng ra, chưa có ai cả, chỉ có những chiếc xe hơi lạnh lẽo. David muốn tất cả cứ mãi như vậy: với bầu trời quang trên các ngôi nhà sầm tối, và yên lặng, cái yên lặng lớn lao, tưởng như từ trên trời xuống đây để vỗ về trái đất. Nhưng có các thiên thần không nhỉ? Xưa kia mẹ nó kể cho nó nghe những câu chuyện thật dài về những thiên thần có cánh bằng ánh sáng bay trên trời phía trên thành phố và hạ xuống để cứu giúp những ai cần giúp và mẹ nó nói rằng người ta biết là thiên thần có mặt khi ta cảm thấy một làn gió lướt qua cổ, nhanh và nhẹ như một hơi thở khiến ta run rẩy. Anh nó là Edouard thường cười nó vì nó tin những câu chuyện ấy, và anh nói rằng bọn thiên thần chẳng có đâu, rằng trên trời chẳng có gì khác ngoài mấy cái máy bay. Còn mây? Nhưng vì sao mây lại chứng tỏ rằng thiên thần tồn tại? David chẳng còn nhớ nữa, và dù cho nó ráng hết sức cũng chẳng nhớ được gì.

Nhưng vào buổi sáng, lúc này đây, thật tự do, quá tự do, bởi chẳng còn cái gì nữa, chẳng còn ai chờ đợi. Tuy nhiên nó muốn chuyện này không bao giờ chấm dứt, bởi vì sau đó mới khủng khiếp, sau đó, khi ngay thực sự đã bắt đầu, và xe hơi,

xe ca, môtô cứ chạy, và tất cả mọi người cứ đi - với bộ mặt đanh cứng. Họ đi đâu? Họ muốn gì? David muốn nghĩ tới các thiên thần, nhưng thiên thần bay cao tới mức chẳng còn thấy trái đất, chỉ còn tấm thảm mây màu trắng lướt chầm chậm dưới cánh của họ. Nhưng bầu trời nhất thiết phải là lúc về sáng cơ, thật to, và trong vắt, bởi đó hẳn là lúc các thiên thần có thể bay thật lâu, mà không sợ gặp phải một máy bay nào.

Phố xá vào lúc sáu giờ sáng thật đẹp và bình lặng. Sau khi đã đóng cửa nhà lại, và treo cái giây có buộc chìa khoá vào cổ, và kéo cái phéc mơ tuya trên áo bludông vải nilông màu xanh da trời, David lao ra phố. Nó chạy giữa những chiếc xe hơi đang đỗ, nó ngược các nhịp thang gác, nó dừng giữa trung tâm một quảng trường nhỏ, tim đập thình thịch cứ như có ai theo dõi nó. Chẳng có ai cả, và ngày chỉ mới rạng, bầu trời xám, trong khi những ngôi nhà hãy còn sẩm tối, cửa đóng kín, giam hãm trong giấc ngủ se lạnh lúc về sáng. Chim bồ câu giờ đã rộn rã bay trước mặt David. Tới chỗ đường gờ mái nhà chúng cất tiếng gù gù. Chưa nghe thấy tiếng động cơ rền, chưa nghe thấy tiếng người nói.

David đi tới tận cổng trường học mà không chú ý. Đó là một toà nhà ximăng xấu xí màu xám len lỏi vào giữa những ngôi nhà cũ kĩ bằng đá, và David nhìn cánh cửa quét màu lục sẫm, nơi bọn trẻ cứ đá vào thành vết sứt mẻ, phía dưới. Nhưng có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên nó tới đó; đơn giản là nó muốn thấy một lần nữa cái cánh cửa ấy mà, và cả bức tường có những hình vẽ trên đó, cái cầu thang dính đầy bã kẹo cao su, và những cửa sổ nham nhở bịt lại bằng lưới sắt. Nó muốn nhìn tất tật, và nghĩ rằng đây là lần cuối cùng khiến trái tim nó đập nhanh hơn, cứ như là tất cả đã đổi thay, là nó đã bị đuổi đi, bị rượt đuổi. Đây là lần cuối, lần cuối, và đó là điều nó nghĩ, và cái đó quay cuồng trong đầu nó tới chóng mặt. Nó

không nói chuyện đó với ai hết, không nói cả với mẹ nó, nhưng giờ thì chắc chắn là tất cả đã kết thúc.

Tuy nhiên nó cứ ở đó rất lâu, ngồi trên bậc cầu thang nhỏ dẫn tới cửa ra vào, cho tới khi tiếng động của xe trolley đường kéo nó ra khỏi cơn mơ màng. Nước phun ra từ ống như tiếng xé và tiếng nổ, chảy ướt đẫm dọc theo những hẻm phố. Tia nước khiến thùng xe hơi đang đỗ kêu vang lên, và quét đi rác rưởi ở dọc rãnh lề đường. David đứng dậy, đi khỏi trường, nó bắt đầu đi qua phố xá.

Phía kia của đại lộ là thành phố mới, bí hiểm, chứa đầy hiểm họa. Nó đã có lần tới đó, với anh Edouard, nó còn nhớ tất, các cửa hàng bách hoá, những toà nhà lớn đứng trước những khu sân bãi láng nhựa đường, những cột đèn đường cao hơn cả cây cối, tỏa ra ánh sáng vàng khè, chói mắt. Đó là những chỗ người ta không đi tới, chẳng biết được có gì. Những chỗ người ta sê lạc.

Thành phố lớn, lớn đến nỗi người ta không bao giờ thấy chỗ nó kết thúc. Có lẽ người ta có thể suốt đêm ngày cứ đi dọc theo đại lộ thôi, và người ta vẫn sê cứ đi dọc theo các bức tường, đi xuyên qua phố xá, bãi để xe, các bãi đất, mặt tiền các ngôi nhà, và người ta vẫn cứ thấy nơi chân trời, tựa như ảo ảnh, lấp lánh những tấm kính và đèn pha ô tô.

Thế đấy, ra đi để không bao giờ trở lại. Trái tim David hơi se lại, bởi lẽ nó nhớ tới lời anh Edouard của nó, khi anh ấy chưa đi: "Rồi một ngày, tao sê đi, và cả nhà sê không gặp lại tao nữa". Anh ấy đã nói không có ý phét lác, mà với ánh mắt đầy tuyệt vọng tăm tối đến nỗi David phải trốn vào góc khuất để khóc. Thật là khủng khiếp khi nói những chuyện ấy, rồi lại làm thế nữa.

Hôm nay là một ngày không phải giống như những ngày khác. Ánh sáng mùa hè đã tới, lần đầu tiên trên mặt tiền các ngôi nhà, trên các thùng xe ô tô đang đậu. Mùa hè tạo ra các

ngôi sao khắp nơi, khiến mắt nóng rẫy lên, và dù sợ hãi và lo ngại, David vẫn cứ thấy hài lòng vì đã đi ra thành phố. Chính vì thế mà nó đã rời nhà, rất sớm, ngay sau lúc mẹ nó đóng cửa để đi làm, nó đi mà không ăn miếng bánh mì phết bơ mẹ nó để lại trên bàn, nó chạy xuống cầu thang, và nó đã chạy ra khỏi nhà, với chiếc chìa khoá đập đập trên ngực. Chính vì điều đó, và cũng vì anh Edouard của nó, bởi nó đã nghĩ tới chuyện ấy suốt đêm, rốt cuộc, gần cả đêm, trước khi ngủ.

“Tao sẽ đi rất xa, và tao sẽ không bao giờ về nữa”. Anh Edouard đã nói thế, nhưng anh đã đợi gần cả năm trời mới đi. Mẹ nó đã tưởng là anh không còn nghĩ tới chuyện đó nữa, và tất cả mọi người - tóm lại, những ai đã nghe anh nó nói thế - cũng nghĩ vậy, nhưng còn nó, David, thì không quên. Nó nghĩ tới chuyện đó suốt cả ngày và cả ban đêm nữa, nhưng nó không nói gì. Vả lại có ích gì khi nói: “Bao giờ thì anh ra đi mãi mãi?”, bởi chắc chắn là anh Edouard sẽ nhún vai không đáp. Có lẽ bấy giờ anh ấy vẫn còn chưa biết ra sao.

Đó là một ngày giống như ngày hôm nay, David nhớ rất rõ. Cũng có mặt trời trên trời xanh, và đường phố của thành phố già nua đều sạch và trống rỗng, như là mới mưa xong, bởi xe trolley đường công cộng vừa mới đi qua. Nhưng rất trống trải và rất dễ sợ, và ánh đèn sáng trên cửa sổ, phía cao trên các ngôi nhà, và tiếng chim bồ câu gù, và người ta nghe thấy tiếng trẻ con gọi nhau từ nhà này sang nhà kia, trong mê cung của những hẻm phố hãy còn tối tăm và ngay cả cái thanh bình và lặng lẽ của buổi sáng cũng khủng khiếp, bởi David và mẹ nó đêm ấy đã không ngủ, để đợi anh nó về, đợi những tiếng gõ cửa bao giờ cũng gõ như vậy: Cốc - cốc - cốc, Cốc - cốc. Sau đó, bởi là ngày chủ nhật và mẹ nó không đi làm, ngôi nhà nhỏ đầy lo âu đến mức David chịu không nổi, và nó bỏ đi suốt cả ngày, khắp các phố, từ nhà này sang nhà khác, để tìm một dấu hiệu, nghe một tiếng nói, đến tận các

công viên, tận bãi cát. Những con chim mòng biển bay lên khi nó bước dọc theo bờ, đỗ xuống chỗ xa hơn, kêu eo éo vì chúng không thích người ta quấy rầy.

Nhưng David không thích nghĩ tới ngày hôm đó nhiều bởi nó nghĩ có lẽ mối lo âu sẽ trở lại, và bây giờ nó nghĩ tới mẹ, mẹ ngồi trên chiếc ghế tựa trước cửa sổ, mẹ chờ đợi, bất động và nặng nề chẳng khác gì một pho tượng. Nó ngồi xuống cái ghế dài trên quảng trường nhỏ, nhìn mọi người đã bắt đầu động đậy và bọn trẻ vừa chạy vừa hét, trước giờ học.

Thật khó khăn khi người ta còn bé mà chỉ còn một mình. David nghĩ tới anh Edouard của nó, nhớ rõ về anh, cứ như anh vừa mới đi, hôm kia. Anh nó mười bốn tuổi, vừa tròn mười bốn tuổi khi chuyện đó xảy ra, trong khi David mới lên chín. Quá bé để ra đi, có lẽ vì thế mà anh Edouard của nó không muốn cho nó đi. Mới chín tuổi, liệu có thể chạy, có thể đánh nhau kiếm sống, liệu có thể không bị lạc mất hay không? Tuy nhiên, có một hôm hai anh em đã đánh nhau trong nhà vì chuyện gì nhỉ? Nó chẳng biết nữa, nhưng chúng đã đánh nhau thực sự, và trước khi bắt nó phải bất động bằng cách khoá cổ nó lại, anh Edouard đã bị ngã, chính David đã khiến anh ngã bằng cú ngoéo giò, và anh nó vừa nói vừa thở hổn hển: “Bé con thế mà mày cũng đã biết đánh nhau đấy, mày ấy”, David nhớ rất rõ.

Bây giờ anh nó ở đâu? David nghĩ tới anh, nghĩ nhiều đến nỗi nó cảm thấy trái tim cứ đập thình thịch trong lồng ngực. Có thể nào anh không nghe thấy, tại nơi anh đang ở ấy mà lẽ nào anh không cảm thấy cái nhìn của nó đang gọi anh? Nhưng có lẽ anh ấy đang ở ngoài mút thành phố, xa hơn nữa, phía bên kia những phố lớn và đại lộ đã biến thành những cái hố không thể vượt qua, mé bên kia những vách đá trắng của các tòa nhà lớn, anh bị lạc, bị bỏ rơi. Vì tiền mà anh ấy đã ra đi, bởi mẹ không muốn cho anh gì cả, bởi mẹ đã thu những khoản

lương thợ cơ khí tập sự của anh ấy, và vì anh không bao giờ có tiền đi xem phim, chơi bóng đá, mua kem hay chơi bi-a điện tử trong các quán cà phê.

Đồng tiền thật bẩn thỉu, David ghét tiền, và nó ghét anh Edouard của nó đã bỏ đi vì cái đó. Đồng tiền thật là xấu, và David khinh bỉ tiền. Hôm nọ trước mặt thằng Hoceddine bạn nó, David đã vứt một đồng tiền xuống cái lỗ ở vỉa hè, chỉ vậy thôi, cho khoái. Nhưng Hoceddine nói rằng nó điên, và thằng đó đã tìm cách dùng một cái que kêu lên, nhưng chẳng được. Khi nào có tiền, David cho rằng nó sẽ ném tiền xuống đất hoặc xuống biển, để không ai tìm được. Còn nó, nó chẳng cần gì hết. Khi nào đói, đang ở giữa phố, nó lượn quanh các hiệu thực phẩm, và nó lấy cái gì lấy được, một quả táo hoặc quả cà chua, và nó chạy thực mạng qua các hẻm phố. Bởi lẽ còn bé, nó có thể chui vào vô khốii chỗ nấp, các tầng hầm, dưới gầm cầu thang, những góc để thùng rác, góc cửa. Không ai có thể tóm được nó. Nó chạy trốn rất xa, và ăn quả ấy thật chậm, không làm dây bẩn. Nó ném vỏ và hạt vào rãnh lề đường. Nó thích nhất là cà chua, anh Edouard bao giờ cũng ngạc nhiên về chuyện đó, chính vì thế mà xưa kia anh ấy đã đặt biệt hiệu cho nó là “Cà chua” mà chẳng phải có ác ý gì, có lẽ trong thâm tâm anh thán phục nó vì chuyện ấy, đó là điều duy nhất mà anh ấy không thể làm được.

Có chứ, nó rất yêu cái tên của nó nữa, cái tên David. Đó là tên của cha, trước khi ông chết do tai nạn xe máy, ông tên là David Mathis, nhưng bấy giờ nó quá bé nên đã không còn nhớ tới chuyện đó nữa. Và không bao giờ mẹ chúng thích nói với chúng về người cha, có chăng đôi khi chỉ để nói rằng ông đã mất mà chẳng để lại gì cho bà, bởi lúc đó bà bắt đầu phải đi làm nghề giúp việc cho người ta để nuôi hai đứa. Nhưng anh Edouard hẳn phải còn nhớ về ông, bởi lúc ông mất anh đã sáu hoặc bảy tuổi rồi, có lẽ vì thế mà đôi khi anh có cái giọng kì kì,

và cái nhìn đầy xúc động, khi anh lặp đi lặp lại tên nó: “David... David...”.

Khi nó tới đại lộ, tiếng xe hơi và xe cam nhông trổ nên kinh khủng, không tài nào chịu nổi. Mặt trời gay gắt chiếu trên bầu trời, ném những tia lửa xuống các thùng xe, rồi sáng phía trên cao mặt tiền những tòa nhà trắng. Người đi lại trên vỉa hè, nhưng đó không phải là những người nghèo trong thành phố cũ, những người Ả Rập, Do Thái, người ngoại quốc mặc quần áo cũ màu xám hoặc xanh, nơi đây, là những người mà David không hề biết, rất cao lớn, rất khoẻ. David hài lòng vì mình bé, bởi hình như không ai nhìn thấy nó, không ai có thể để ý đến đôi chân trần xỏ vào dép cao su của nó, cũng không để ý tới chiếc quần dài đầu gối đã sờn, nhất là khuôn mặt héo h López và tái, đôi mắt âm thầm của nó. Có một lúc, nó muốn quay lại khi chưa muộn, và bàn tay nó vô tình cứ xiết chặt cái chìa khoá đeo ở cổ.

Nhưng bao giờ cũng vậy, khi sợ hãi, nó nghĩ tới câu chuyện mẹ đã kể cho nó nghe, chuyện về người chăn cừu giết chết gã khổng lồ chỉ bằng một hòn đá bắn từ cái túi bắn đá của anh khi tất cả bọn lính tráng và ngay cả đức vua vĩ đại phải kinh hoảng. David thích câu chuyện ấy và anh Edouard cũng thích, và có lẽ vì thế mà anh cứ nhắc đi nhắc lại tên anh chàng kia, cứ như là có cái gì đó siêu thường trong các âm tiết của cái tên nó. Xưa kia, với anh nó, nó đâu có sợ khi bước đi ở đây, giữa cái phố không ai nhìn thấy chỗ két thúc này. Nhưng bây giờ, không còn thế nữa, bởi nó biết anh Edouard đã bước đi ở chỗ này, trước khi biến mất. Tự đáy lòng nó biết vậy, còn hơn cả khi nó nhìn thấy được những dấu vết của anh nó trên nền ximăng vỉa hè. Anh nó đã tới đây, rồi anh nó biến mất, mãi mãi. David muốn quên ý nghĩ của những chữ “mãi mãi”, bởi lẽ những chữ ấy khiến nó đau, chúng găm nhấm cơ thể nó từ bên trong, từ trong bụng.

Nhưng phải chú ý tới những người, những kẻ qua lại, cứ đi tới, đi tới một cách mù quáng. Mặt trời ở trên cao nơi bầu trời không mây, những tòa nhà trăng lộng lẫy. Chưa bao giờ David thấy nhiều người đến thế, tất cả đều xa lạ, và những quầy kính nhà hàng, những quán ăn, những tiệm cà phê. Anh Edouard của nó đã tới đây, vì anh muốn có tiền, vì anh muốn kiếm được tiền. Trong các phố tối tăm, trong nhà, trong các hành lang ẩm ướt không ánh sáng, cái nghèo giống như một tấm ga ướt dính vào da, hoặc tệ hơn nữa, như một làn da bẩn và nhơm nhớp mà người ta không thể bóc đi. Thế nhưng nơi đây, ánh sáng và tiếng động thiêu đốt làn da, thiêu đốt con mắt, tiếng động cơ gầm gừ rút ra những kỷ niệm. David ráng sức một cách tuyệt vọng để không quên mọi chuyện đó, nó muốn cứ nhớ mãi. Anh Edouard nói với nó rằng thà chết trong tù còn hơn là sống ở đó, trong cái nhà tối tăm. Nhưng khi David kể lại chuyện ấy với mẹ, mẹ đã nổi giận, và bà doạ sẽ giam anh vào một chỗ cải tạo, rất xa, rất lâu. Bà nói rằng anh sẽ là một thằng kẻ cắp, một tên giết người, và nhiều chuyện mà David không hiểu được, nhưng anh Edouard của nó tái hẵn mặt, anh ấy lắng nghe và trong cặp mắt âm thầm lóe lên một tia sáng mà David không muốn nhìn thấy, và hôm nay đây, khi nhớ lại, trái tim nó nhảy lên như lúc nó sợ hãi.

“Đồ hèn, đồ bẹp dí, thằng mách lẻo, thằng tồi”, anh Edouard hôm sau đã nói thế, và anh ấy ra sức nện nó, giáng cho nó những cú đấm vào mặt, cho tới lúc David khóc. Vì chuyện đó mà anh đã ra đi, vậy là mãi mãi, bởi lẽ David đã nói với mẹ rằng anh đã nói thà chết trong tù còn hơn.

Bây giờ David cảm thấy rất mệt, dột noreferrer như vậy. Nó nhìn ra sau, nó thấy quang đại lộ dài mà nó đã đi qua, các toà nhà, ô tô, xe tải, tất cả những thứ đó giống như cái còn đang ở trước mặt nó. Đì đâu đây? Nó đi tới điểm dỗ của xe buýt, nó ngồi lên một cái ghế nhựa dài. Dưới đất, có những chiếc vé đã

dùng rồi, mọi người vứt đi. David nhặt một cái, và khi chiếc xe buýt tới, nó ra hiệu, rồi leo lên xe, và nó đút vào chỗ bấm vé cái mé vẫn còn nguyên của tấm vé. Nó tới ngồi ở cuối xe, nếu người soát vé lên xe, nó sẽ dễ xuống trước. Xưa kia, anh Edouard ngày chủ nhật đưa nó đi ra sân vận động bằng cách đó, và tiền để di xe buýt, chúng mua kẹo gôm. David thích mua một mẩu bánh mì nóng trong tiệm bánh. Nhưng hôm nay đây, nó chẳng có lấy một đồng nào để mua bánh mì. Nó nghĩ đến cái đồng đã vứt vào lỗ nơi vỉa hè, có lẽ bữa nay nó phải thử kêu lên xem sao?

Xe buýt chạy dọc theo cái lạch cạn khô, nơi có những đám đất rộng, phủ đầy xe hơi bất động và những đám đất hoang không cỏ. Giờ đây có những bức tường lớn ven sông với hàng ngàn cửa sổ giống hệt nhau, nơi ánh mặt trời lấp lánh, cứ như là nó không bao giờ có thể tắt. Xa rồi, xa rồi, nhưng thành phố đâu? Biển ở đâu, những hẻm phố tối tăm, những cầu thang, những mái nhà nơi chim câu gù giờ đâu rồi? Nơi đây, đường như chẳng khi nào có cái gì khác, chỉ có độc những bức tường và đám đất kia, và những dải đất hoang mà cỏ không mọc.

Khi xe buýt đến bến chót, David lại bước đi trên đại lộ, dọc theo cái lạch khô. Rồi, nhìn thấy một cái cầu thang, nó đi xuống tận lòng sông, ngồi trên đám đá cuội. Mặt trời về chiều thiêu đốt dữ, làm khô héo tất cả trên lòng sông, giữa những đồng đá cuội, có những cành cây khô, những mảnh thùng vỡ, có cả một cái nệm lò xo đã rỉ. David bắt đầu đi giữa các đống đổ vỡ, như tìm một cái gì đó. Thật dễ chịu, ở đây người ta chẳng còn nghe thấy tiếng xe hơi và xe cam nhông, chỉ thỉnh thoảng có tiếng phanh két chói tai, hay một tiếng còi xe đường như sủa lên phía bên kia tường các tòa nhà. Đó là chỗ của chuột và chó hoang, và David không sợ chúng. Tuy vậy, nó chọn một viên đá đẹp, thật nhẵn và tròn trên bãi cát, giống

như chàng chăn cừu trong câu chuyện mà nó thích, và bỏ hòn đá vào túi. Có viên đá nó cảm thấy an tâm hơn.

Nó nằm khá lâu trên lòng cái lạch cạn. Nơi đây lần đầu tiên, nó cảm thấy dễ chịu, xa thành phố, xa những chiếc xe hơi và cam nhông. Ánh sáng mặt trời đã bớt gay gắt, bầu trời phủ sương mù. Hai bên sông, những tòa nhà đứng dựng lên, dãy núi bằng ximăng có cửa sổ nhỏ tí giông như hang rắn. Bầu trời bao la, và David nghĩ tới những đám mây xưa kia nó thường thích ngắm, khi nằm giữa các khu vườn, hay trên sỏi đá của bãi cát. Bấy giờ ta trông thấy hình thù các thiên thần, tia mặt trời phản chiếu màu vàng trên bộ lông cánh của họ. Nó không kể với ai về chuyện đó, bởi không nên nói chuyện với ai về các thiên thần.

Hôm nay, lúc này đây, có lẽ họ sắp trở lại, bởi rất cần như vậy. David nằm trên lòng lạch, như xưa kia, và nó nhìn bầu trời chói chang qua kẽ mắt khép hờ. Nó nhìn, nó chờ, nó muốn có cái gì đó đi qua, một ai đó, một con chim, để nhìn dõi theo, để thử bỏ đi theo. Nhưng bầu trời hoàn toàn trống rỗng, tái nhợt và sáng loáng, nó trải ra cái trống rỗng làm đau từ bên trong cơ thể.

Đã lâu rồi David không cảm thấy như thế: như một luồng xoáy lớn lên từ trong sâu thẳm người nó, gạt bỏ mọi giới hạn, cứ như lúc ấy người ta là một con ruồi tí tẹo bay vờn trước một cái đèn pha thấp sáng. Giờ đây David nhớ lại hôm nó đi tìm anh Edouard của nó, qua tất cả mọi hẻm phố, mọi quảng trường, vào sâu các sân, nó còn gọi tên anh nữa. Đó là một ngày chủ nhật, trời rét, bởi hãy còn là giữa mùa đông. Trời xám, và có gió. Nhưng trong nó nỗi lo âu cứ lớn dần, tới mức cơ thể chẳng chứa nổi, và trái tim pháp phồng, bởi lẽ một mình mẹ nó đang đợi ở nhà, bất động và lạnh ngắt trên ghế tựa, mắt đăm đăm nhìn ra cửa ra vào. Ngoài bãi, nó tìm thấy anh, với bọn con trai cùng lứa. Bọn họ ngồi vòng tròn, khuất

mắt mọi người và khuất gió nhò bức tường hộ đê. Khi David tới gần, một đứa trong bọn con trai, đứa bé nhất, tên là Corto, nô quay lại và nói gì đó, và bọn kia ngồi im, nhưng anh Edouard đi về phía nó, và nói bằng giọng gay gắt: "Mày muốn gì?". Và mắt anh nó kì kì và sáng rực như cơn sốt, nhìn rất sợ. Vì David không đáp lại, anh ấy nói thêm giọng cục cằn của người xa lạ: "Phải bà ấy phái mày đến rình mò tao không? Cút khỏi đây, về nhà đi". Lúc ấy Corto tối, nó là thằng con trai kì dị có gương mặt con gái, thân hình dài và mảnh như con gái, nhưng giọng trầm so với tuổi và nó nói: "Kệ nó, có lẽ nó muốn chơi bóng với chúng mình đấy". Anh Edouard của nó cứ đứng im, như thể anh ấy không hiểu. Corto lại nói với David với một nụ cười lạ lùng: "Bé con, đến đây nào, ta chơi một trận bóng thật hay". Bấy giờ David may móc bước theo Corto tới tận chỗ đó, nơi họ ngồi vòng tròn trên những hòn cuội và nó thấy dưới đất, ở chính giữa, trên cái túi nilông, một ống đựng dung dịch có nút chặt, và còn có một tờ giấy thấm gấp đôi lại, bọn con trai chuyền tay nhau, và lần lượt mỗi đứa áp mặt vào tờ giấy và chúng hít thở, mắt nhắm lại, và bọn chúng ho húng hắng. Bấy giờ Corto chia tờ giấy gấp lại cho David, và nó nói: "Nào, hít một cú đi, mày sắp được thấy các ông sao đó". Và trong tờ giấy thấm có một vệt hồ sền sệt khá to, và khi David đã hít rồi, cái mùi xộc thẳng vào trong nó, và khiến đầu nó quay, và nó bắt đầu run, rồi khóc, do cái trong rỗng đang ở kia, trên bã cát, gần bức tường bẩn, và vì Edouard không về nhà từ sáng nay.

Sau đó có cái gì kỳ lạ xảy ra, David nhớ rất rõ. Anh Edouard đã quàng tay quanh mình nó, giúp nó đi trên bã cát, và anh ấy cùng đi với nó trên phố xá của thành phố cũ, và anh ấy vào nhà, và mẹ chẳng dám nói gì, cũng không la hét, tuy anh ấy đã đi suốt cả ngày đến bữa ăn trưa cũng chẳng về, nhưng anh ấy đã dẫn nó vào tận giường, trong hốc giường và

anh ấy đã đỡ cho nó đi nầm, rồi anh nó cũng nầm luôn. Nhưng không phải để ngủ, bởi David đã thấy đôi mắt anh ấy mở ra nhìn nó cho tới khi nó chìm vào giấc ngủ.

Bây giờ giống như vậy, cơn lốc xoáy trở lại, khoét sâu sự trống rỗng trong đầu và trong cơ thể và ta đu đưa như đang rơi vào một cái lỗ sâu. Đó là do sự yên lặng và cô đơn gây nên. David nhìn quanh, những khoảng đá cuội bụi bậm trải ra, những mảnh vụn vỡ rắc trên lòng sông, và nó cảm thấy sự yên lặng ngọt ngạt. Bầu trời rất trong, hơi vàng do mặt trời đang lặn. Không ai tới nơi đây, chẳng bao giờ có ai tới. Chỉ là một chỗ của chuột, của những con ruồi bẹt dí tìm thức ăn trong rác rưởi con người bỏ lại trên lòng sông.

David đã thấy đói. Nó nghĩ rằng nó chưa ăn tí gì từ chiều qua, cũng chẳng uống gì cả. Nó khát và đói, nhưng nó không muốn trở về thành phố cũ. Nó bước trên những bãi đá cuội cho tới tận chỗ dòng nước đang chảy ngoằn ngoèo chậm chạp. Nước lạnh và trong, và David uống thật lâu, quỳ gối trên những viên đá cuội, mặt áp sát nước. Được uống như thế, nó cảm thấy khá hơn, và có đủ sức đi ngược lòng sông, tới chỗ dốc lên xuống hơi lùi về mé trên. Đó là nơi xe tải tới trú các thứ trong thùng đá, vôi vữa, bùn.

David rời dòng lạch khô, nó trở về giữa chốn nhà cửa, tìm cái ăn. Những toà nhà trắng viền thành một nửa vòng cung, vây quanh một quảng trường lớn phủ kín những xe ô tô đang đỗ. Cuối quảng trường có một trung tâm thương mại, cửa ra vào rộng, màu sẫm. Chưa chi điện đã lắp lánh quanh cửa, để người tưởng là đã tối rồi. David rất thích đêm tối. Nó không sợ, mà ngược lại, nó biết rằng nó có thể tránh trốn khi đêm tới, cứ như là nó trở thành vô hình. Trong siêu thị rất sáng. Mọi người đi lại với xe đẩy nhỏ bằng kim loại. David biết nó phải làm gì. Thằng bạn Lucas đã nói với nó đầu tiên. Ta phải chọn người để cùng đi vào, chọn đúng những người ngó bộ đứng

đắn, có thể có kèm theo một đứa nhỏ. Tốt nhất, là các vị nội ngoại, đầy chiếc xe nhỏ có em bé. Họ đi thong thả, họ không chú ý đến xung quanh, thế là ta có thể vào cùng họ, và làm như là đi sau. Những giám sát viên không theo dõi các vị nội ngoại kèm trẻ em.

David chờ một chút, trong góc bãi để xe. Nó thấy một chiếc ô tô đen lớn đỗ lại và từ trong đó bước ra một người đàn ông và một người đàn bà hãy còn trẻ, kèm theo cả gia đình gồm năm đứa con. Có ba đứa con gái và hai thằng con trai, bọn con gái cao lớn và đẹp, tóc dài màu vàng sẫm xõa xuống vai, riêng con bé nhất độ bốn năm tuổi thì tóc nâu. Hai đứa con trai khoảng từ mười một đến mười lăm tuổi, giống bố, cao lớn và thanh thoát, da rám nắng, tóc màu hạt dẻ. Tất cả bọn cùng bước về phía cổng siêu thị.

Con bé con ngồi vào một chiếc xe đầy kim loại và chính là đứa chị cả đầy xe, vừa đầy vừa phá lên cười. Mẹ nó gọi nó, mẹ nó kêu tên chúng: "Christiane! Isa!" Và bọn con trai chạy theo, và giữ chiếc xe lại.

David đi theo bọn họ, lúc đầu từ xa, sau nó cùng họ đi vào trong siêu thị. Nó gần họ đến nỗi nghe tiếng họ nói, nó lắng nghe tất cả những gì họ nói. Bọn trẻ đi theo nhóm hai đứa một, chúng tập trung lại, chúng chạy, chúng quay trở lại, thậm chí chúng bao quanh David nhưng chẳng nhìn thấy nó, cứ như nó chỉ là một cái bóng. Chúng kéo bố mẹ đến chỗ bán bánh ngọt, và David lợi dụng cơ hội để lấy một chiếc bánh mì mà nó đã ăn một cách từ tốn hết khoanh này đến khoanh khác. Bọn con gái thật đẹp, và David nhìn chúng với vẻ chăm chú gần như đau đớn. Ánh sáng điện lắp lánh trên những mái tóc vàng, trên những chiếc áo *anorak* bằng nilông màu xanh da trời hoặc đỏ. Đứa lớn nhất tên là Sonia, cô hồn đã đến mười sáu tuổi, với giọng du dương vừa nói vừa gạt mái tóc loà xòa nơi má, chạm vào môi. David nghĩ tới anh Edouard của nó, với

gương mặt âm thầm và rắn đanh, nghĩ tới đôi mắt đen bừng lên cơn sốt, nó cũng nghĩ tới Corto, trên bãi cát, tới cái nhìn vẫn đục, nước da tái, quầng mắt thâm lại làm bẩn cả mặt, nó nghĩ tới gió lạnh trên bãi cát hoang vu. Bọn trẻ con quay quanh nó, la hét, cười gọi nhau. David háo hức nghe tên chúng cứ vang lên: "Alian! Isa! Dino! Sonia!..." Tới một lúc, bố mẹ quay lại, họ ngạc nhiên nhìn thấy David ăn những khoanh bánh mì, dường như họ định nói gì với nó. Nhưng David ngoảnh đi, nó đứng lại và để cho họ đi, rồi nó lại đi theo họ, nhưng cách xa xa. Đi qua gian hàng bánh bích quy, nó chọn một gói bánh kẹp có phô mát, và bắt đầu gặm. Nhưng bánh quá mặn khiến nó khát. Thế là nó đặt gói bánh đã ăn dở xuống và cầm lấy một gói loại bánh quy có pha quả vả mà nó rất thích. Gia đình kia, phía trước, đã xếp nhiều thứ lên xe đẩy, bánh bích quy, nước khoáng, sữa, những túi khoai tây. Các túi bột, xà phòng. Cái xe nặng đến nỗi giờ đây hai đứa con trai đẩy xe, và con bé con mút ngón tay với vẻ ngán ngẩm.

David nghĩ nó rất muốn đi theo họ như thế kia suốt cả đời, cho tới tận cùng thế giới, cho tới tận nhà họ. Chiều đến, họ trở về ngôi nhà đẹp đẽ sáng sủa, có vườn bao quanh đầy hoa và cây liễu và tất cả bọn họ sẽ ăn uống quanh một cái bàn to, như người ta thường thấy trong phim ảnh, ở bàn có tất cả các loại món ăn, và hoa quả, và kem trong cốc. Và bố mẹ chúng sẽ nói chuyện với chúng, và cả hai sẽ kể những câu chuyện, nhưng câu chuyện thật dài khiến chúng cười vang lên, rồi sau đó sẽ là giờ đi ngủ, trước tiên là bé Christiane, và họ sẽ kể cho nó nghe một chuyện để ru nó ngủ, mỗi người một lượt, cho đến khi mắt bé nhắm lại, rồi họ đi vào giường để ngủ, mỗi người có một giường riêng, có những tấm ga với những hình vẽ như ta thường thấy, và gian phòng thì rộng rãi và sơn màu xanh nhạt. Và trước khi ngủ, Sonia sẽ tới trong bộ đồ ngủ, với mái tóc dài màu vàng xõa xuống vai, và cô sẽ hôn nó một cái, phớt

ở đâu mõi, và nó sẽ cảm thấy hơi ấm từ cô và mùi thơm từ tóc cô, ngay trước khi thiếp ngủ. Chính xác là như vậy, David có thể hình dung thấy điều đó khi nhắm mắt lại.

Bây giờ, tất cả bọn họ đi qua trước dây hàng hoa quả, và họ dừng lại để chọn. David trở lại giữa bọn họ, nó còn muốn nghe thấy giọng của họ, ngửi thấy mùi hương của họ biết chừng nào. Nó dừng lại đúng ở bên cạnh Sonia, và để cho cô, nó chọn một quả táo đỏ đẹp, và chia ra cho cô. Cô nhìn nó hơi ngạc nhiên, rồi mỉm cười thật dễ thương và nói cảm ơn, nhưng cô không cầm quả táo. Rồi gia đình ấy lại đi cách xa ra, và David từ từ ăn quả táo, mắt hơi nhòe đi vì nước mắt, chẳng hiểu vì sao nó lại muốn khóc. Nó nhìn họ đi về phía đầu bên kia cửa cửa hàng, vòng ra sau một núi những chai bia. Bấy giờ, không còn lẩn trốn được nữa, nó đi ra khỏi siêu thị, đi qua dây két trả tiền và nó ra ngoài ăn nốt quả táo, nhìn đêm xuống trên bãi đậu xe hơi.

Nó nán lại đó hồi lâu, ngồi trên một bờ ximăng, gần lối ra cửa bãi đậu xe, nhìn những chiếc xe hơi bật đèn pha lên và đi ra. Chiếc này tiếp sau chiếc kia, sập cửa, rồi lướt ra xa, biến đi, với những ngọn đèn đỏ và đèn hiệu nhấp nháy. Mặc cho lạnh lẽo lúc về đêm, David rất thích nhìn ô tô ra đi, như thế kia, với ánh sáng của chúng và những ánh hắt trên thùng xe. Nhưng phải cẩn thận với đám cảnh sát và những người gác. Họ có những chiếc xe hơi màu đen, đôi khi cả xe máy, và họ cứ thong thả đi tua trên bãi xe tìm kẻ cắp. Đột nhiên, David thấy có ai đó đang nhìn nó. Đó là một người đàn ông cao to và khoẻ, bộ mặt tàn nhẫn, ông ta ra khỏi siêu thị bằng cửa sau và bước đi trên mặt đường không hề có tiếng động, dầm sau David. Giờ thì ông ta ở kia, ông ấy nhìn nó và dưới ánh đèn mặt tiền của Siêu thị, mắt ông ta long lanh một cách kỳ lạ. Nhưng đó chẳng phải là một người gác, cũng không phải cảnh sát. Ông ta cầm một túi bóng ngô và chốc chốc ông lại áp tay

lên miệng, để ngôn ngữ nở bung, vẫn không ngừng nhìn về phía David, với đôi mắt đen, rất long lanh. David thỉnh thoảng liếc ông ta, và nó thấy ông ta đến gần, nó nghe tiếng động khi bàn tay to tướng khua trong túi bóng Ngô. Bây giờ thì ông ta đã đến gần nó rồi, và tim David đập thình thịch và nó nhớ lại những câu chuyện người ta kể, lúc ở trường, về những gã điên và mắc chứng bị ám ảnh chúng bắt cóc trẻ con để giết chết. Đồng thời, nỗi sợ hãi khiến nó không thể cựa quậy, và nó cứ ngồi trên bờ lề ximăng, nhìn thẳng về phía bãi xe trước mặt nó đã gần như trống trơn, ở đó ánh đèn đường tạo nên những vệt vàng.

“Cháu muốn ăn bóng Ngô không?” David nghe thấy tiếng người đàn ông, ông ta nói dịu dàng, nhưng có gì đó rung động chút xíu, như là ông ta cũng sợ hãi vậy. David vọt ra khỏi bờ lề và ráng chạy thật nhanh về phía lối ra của bãi đậu xe, nơi còn có những chiếc ô tô đang đậu. Sau khi vượt qua một chiếc xe, nó dừng lại, nó nằm bẹp xuống đất và nó bò dưới những chiếc xe hơi, từ chiếc này qua chiếc khác, rồi nó lại bất động, và nó nhìn quanh. Người đàn ông ở kia, ông ta chạy theo sau nó, nhưng gã quá to nên khó cúi xuống, gã sải bước dọc theo chiếc xe. David thấy bộ giò của gã đi qua, bước ra xa. Nó chờ một chút, rồi bò theo chiều ngược lại. Khi nó chui ra từ gầm chiếc xe tải đang đỗ, nó thấy bóng của người đàn ông, rất xa, đang vừa đi vừa nhìn quanh.

Giờ đây, David đã sợ, nhưng nó không dám đi trong đêm tối nữa. Chỗ đứng đầu xe cam không có phủ một tấm bạt, và David tháo một mé, và nó chui đầu dưới tấm bạt. Tôn lạnh leo, phủ đầy bụi ximăng. Gần ngăn lái, David tìm những tấm vải cũ, và nó dọn cho mình một chỗ nằm. Cái đói, nỗi sợ hãi, và cả một ngày xa nhà toàn cuộc bộ khiến nó mệt mỏi. Và nó ngủ thiếp đi, trong lúc nghe tiếng động của động cơ chạy trên đường, dọc theo cái lạch khô cạn. Có lẽ nó còn nghĩ tới anh

Edouard của nó một lần nữa, cũng chỉ độc có một mình như nó trong đêm, buổi tối nay.

Khi rạng đông lóe rạng, David tỉnh dậy. Cái lạnh ban đêm khiến nó ê ẩm, và cả nền cứng nơi chỗ đứng đầu xe nữa. Gió quất tấm bạt lật phật, lật nó lên rồi lại phủ xuống để lọt vào không khí lạnh lẽo và ẩm ướt, và màu xám của rạng đông.

David từ xe tải bước xuống, nó đi xuyên qua bãi đậu xe. Con đường lớn hoang vắng, vẫn còn được chiếu sáng bởi những bóng đèn đường màu vàng. Nhưng David rất thích thời khắc ấy, sớm đến nỗi cư dân thành phố đường như đã lẩn xa vào trong các ngọn đồi. Có lẽ họ cũng chẳng bao giờ trở về nữa, cả bọn họ nữa?

Không vội vã, nó đi ngang qua đường và dọc theo cảng. Dưới kia con lạch khô rộng lớn và lặng lẽ. Lòng sông đá cuội rải xa tít tắp mé thượng cũng như mé hạ. Ở giữa, dải nước hẹp chảy không thôi, hãy còn sẫm màu, màu đêm tối. David bước xuống bậc dẫn xuống sông, nó giẫm trên đá cuội. Nó có cảm giác tiếng chân bước đã thức tỉnh những con vật đương ngủ, những con ruồi to dẹt, những con ruồi trâu, con chuột. Khi nó tới gần nước, nó ngồi xổm, nó nhìn dòng chảy xiết cuộn xoáy, xói thành những đường xoáy.

Dần dà, ánh sáng tăng thêm, những hòn cuội xám bắt đầu lóng lánh, nước trở nên nhẹ nhàng, trong hơn. Có một thứ sương mù bốc lên từ lòng sông, khiến giờ đây David không còn nhìn thấy bờ sông, cả những cây đèn đường nữa, cả những ngôi nhà xấu xí cửa sổ đóng kín cũng không thấy. Nó rùng mình, và nhón đầu bàn tay chạm vào nước, giữ nước trong kẽ ngón tay. Nó không hiểu vì sao, tự nhiên nó nghĩ đến mẹ hắn đang đợi nó trong căn nhà tối tăm, ngồi trên ghế tựa trước cửa. Nó muốn trở về nhà cùng anh Edouard, giờ đây nó đã biết vì sao mà anh ấy đi, và nó cũng biết rằng nó sẽ không tìm thấy anh nó. Nó không muốn nghĩ tới chuyện đó để khỏi bị xúi

quẩy, nhưng nó tin rằng cái may rủi sẽ dẫn dắt nó đi qua tất cả các phố xá, đại lộ, giữa những người không biết mình đi đâu, tới cái chỗ mà nó không biết. Nó đã không tìm thấy gì, không có chuyện may rủi. Dù cho nó có đi tìm cả trăm năm, cũng không tìm thấy anh nó được. Giờ đây nó biết vậy, không tuyệt vọng, nhưng dường như có gì đó đã thay đổi trong sâu thẳm của nó, và nó sẽ không bao giờ là như cũ nữa.

Bấy giờ nó nhìn ánh sáng dần dần lan nới lòng sông. Bầu trời trongtreo và lạnh, ánh sáng mang lại cho nó sức mạnh. Sương mù buổi sớm đã tan. Giờ đây lại nhìn thấy những tòa nhà khổng lồ hai bên bờ sông. Mặt trời chiếu trắng xoá phía đông mặt tiền các tòa nhà khiến những tấm kính lấp lánh, phía sau đó chẳng có ai.

Khi thấy đổi, David quay trở lại siêu thị. Chưa có ai tới vào giờ này, và điệu nhạc khìn khịt của những loa phát thanh dường như vang lên trong một hang đá trống rỗng mênh mang. Bên trong cửa hàng, ánh sáng của những thanh đèn neon tàn nhẫn và tập trung khiến mọi vật và sắc màu lấp lánh. David thôi không lẩn trốn nữa. Không có gia đình nào, không có bạn trẻ nào để nó có thể đi lẩn vào. Chỉ có những người bận rộn, những nhân viên bán hàng mặc áo blu trắng, những thu ngân viên ở đằng sau cái két của họ. David ăn trái cây, đứng trước quầy bày hàng, một trái táo vàng, một quả chuối, nho đen. Chẳng ai để ý tới nó. Nó cảm thấy mình bé tí, gần như vô hình. Chỉ một thoáng, có một cô gái mặc áo blu trắng của cửa hàng nhìn nó ăn và một nụ cười lạ lùng hiện trên gương mặt cô, như thể cô nhận ra nó.

Nhưng cô vẫn tiếp tục xếp các dây hàng thực phẩm không nói gì.

Chính lúc bước ra khỏi Siêu thị là lúc David thấy muôn trộm tiền. Chuyện đó xảy ra đột ngột, có lẽ do đã chờ đợi bao nhiêu tiếng đồng hồ, có lẽ tại buổi đêm, hoặc tại nỗi cô đơn

trên những đá dám đá cuội của dòng lạch khô. Đột nhiên, David hiểu vì sao anh Edouard của nó không trở về, vì sao người ta không thể tìm thấy anh nó. Khi tới trước cửa hàng giày dép thì chuyện xảy ra. David nhớ tới hôm nó cùng với mẹ đi tới sở cảnh sát, và họ phải đợi thật lâu, thật lâu trước khi bước vào phòng ông thanh tra. Mẹ không nói gì, nhưng ông kia nêu những câu hỏi với giọng dịu dàng, và thỉnh thoảng ông nhìn thẳng vào mắt David, và David cố sức chịu đựng cái nhìn, tim cứ đập liên hồi. Có lẽ mẹ nó biết điều gì đó, một điều khủng khiếp mà bà không muốn nói, điều đã xảy ra với anh Edouard. Mặt bà tái hấn, và câm lặng, và người đàn ông ngồi sau bàn giấy bằng kim loại, cặp mắt long lanh như hạt huyền, và ông ta cố tìm hiểu, ông nêu ra những câu hỏi bằng giọng dịu dàng.

Chính vì điều đó mà giờ đây David dừng lại trước cái cửa hàng lớn bán giày dép, nơi ánh sáng trăng lấp lánh trên những tấm lát bằng vải nilông đỏ. Một cách thong thả, nó đi dọc theo những dãy giày dép mà không nhìn thấy, nó ngửi thấy mùi da và mùi nhựa nồng nặc. Nó làm thế một cách máy móc, như thể là nó lặp lại những cử chỉ ai đó đã từng làm vậy trước nó. Những tấm lát màu đỏ tạo nên ánh sáng quay cuồng; điệu nhạc êm dịu từ trên trần tỏa xuống làm nó thấy hơi buồn nôn. Không có ai trong cửa hàng lớn ấy. Bác nhân viên đứng ở gần cánh cửa, họ nói chuyện mà không nhìn thẳng bé đang đi về phía cuối cửa hàng.

Nhạc dùu đặt khiến giọng hát tao ra tiếng động phủ lên tất cả; những tiếng: a u, a oa, oa au... giống như tiếng chim trong rừng. Nhưng David không chú ý tới lời lẽ bài hát, nó dần bước, nhịn thở, tới đầu kia cửa hàng, nơi có két tiền. Nó bước đi rón rén giữa các ngăn hàng giày dép, ủng, giày cao cổ của trẻ con, nó tiến về phía két tiền tay trái nắm chặt viên đá tròn lượm ở bãi sông chiều qua. Tim nó đập mạnh trong lồng ngực, mạnh đến nỗi nó tưởng như những nhịp đập vang dội khắp cửa

hang. Ánh sáng từ những thanh neon chói lòa, những tấm gương trên tường và trên các cây cột hắt ra những tia chớp. Nền nhà trải thảm nilông đỏ rộng mênh mông và hoang vắng, chân David lướt trên đó như trên mặt gương. Nó nghĩ tới những người gác đang đi kiểm tra trong các cửa hàng, và trên các bãi để xe, trong những chiếc xe hơi màu xám, nó nghĩ tới những kẻ độc ác đang đợi, mắt vẫn lên hung dữ. Trái tim nó cứ đập, cứ đập, và mồ hôi ướt đẫm trán, gan bàn tay. Ở kia, đầu mút cửa hàng, nó nhìn rất rõ, đồ sộ và được ánh đèn chiếu sáng, cái két tiền bất động, và nó tiến về phía đó, tới cái nơi rốt cuộc nó đã có thể biết, có thể gặp anh Edouard, địa điểm nóng bỏng cất dấu bức thông điệp bí ẩn. Giờ đây, nó hiểu, nó biết rõ, chính là vì điều ấy mà sáng hôm qua nó đã rời nhà với chiếc chìa khoá buộc nơi cổ: để tới tận nơi đây, nơi có thể sắp tìm được anh nó. Nó tiến về phía két tiền cứ như là thật sự anh nó được dấu ở đó, và khi tới gần nó sắp thấy xuất hiện cái bóng dáng mảnh và âm thầm, gương mặt thật đẹp và cặp mắt đen, rực lên trong cơn sốt, mái tóc xoăn thành búp rối tung cứ như anh đang bước giữa gió vậy.

Nó xiết chặt viên đá tròn trong tay, viên đá nóng hổi và ướt đẫm mồ hôi. Người ta đánh nhau với những gã khổng lồ như vậy đây, chỉ độc có một mình trong thung lũng hoang vắng mênh mông, dưới ánh sáng chói loà. Ta nghe thấy xa xa tiếng thét của bầy thú hoang dã chó sói, linh cẩu, chó rừng. Chúng rên rỉ trong gió lặng. Và giọng nói của người khổng lồ vang lên, hắn cười, và hắn thét đứa trẻ đang đi về phía hắn:

“Lại đây! Tao sẽ cho chim trời và thú vật trên cánh đồng ăn thịt mày. Lại đây!...” Và tiếng cười của hắn khiến một luồng run rẩy lướt trên hòn đá cuội tròn của lòng sông.

Giờ đây, David đang ở tận cùng trong cửa hàng trước cái quầy trả tiền có kê két sắt. Ánh sáng trắng trên trần nhà phản chiếu lên các góc kim loại, lên lớp nhựa màu đen, lên

nền đất đỏ màu máu. David không nhìn gì khác ngoài cái két, nó tiến về phía đó, nó nhón ngón tay sờ lên két, nó đi vòng quanh quây hàng để tới sát gần hơn. Điệu nhạc êm dịu không ngừng tiếng than, tiếng rú rit xa xa, và tiếng tim David đập hoà với tiếng động chậm rãi của điệu nhạc. Một cơn say kì lạ, giống như cơn say tràn đầy đầu óc nó lúc nó hít tờ giấy thấm đượm mùi hăng hắc của thứ dung dịch nọ. Có thể gương mặt anh Edouard đang ở đây, giờ thì đã rất gần, âm thầm và uy nghi tựa như gương mặt của một gã da đỏ lưỡng quyền nhô cao, đang chờ đợi. Ai giam cầm anh? Ai ngăn anh không được trở về? Nhưng sự trống rỗng quay cuồng, chói lòa, không cho phép hiểu nổi.

David tì sát quây trả tiền, gương mặt ngang tầm với ngăn kéo của két tiền. Vừa vặn khi cái ngăn kéo hé mở, và nó từ từ trượt trên chính nó, cứ như là bàn tay một kẻ khác đã mở ra cầm lấy một xếp tiền và nắm chặt quá thế, ngón tay làm nhau nát cả tiền.

Nhưng đột nhiên, sự trống rỗng chấm dứt, và chỉ còn lại nỗi sợ. Có ai đó, bên cạnh David, một thanh niên hơi đãi, khuôn mặt nom hơi có vẻ đồng cô, mái tóc nâu cuộn búp phủ quanh mặt. Anh ta túm lấy tay David, hai bàn tay bóp chặt đến nỗi David nghe thấy khớp tay nó kêu răng rắc, và nó thét lên vì đau đớn. Gương mặt anh thanh niên bóng loáng mồ hôi, và mắt anh lóe lên ánh sáng độc địa, trong khi anh lặp đi lặp lại, răng nghiến chặt, đến nỗi bắn cả nước bọt: "Thằng ăn cắp! Thằng ăn cắp! Thằng ăn cắp!" David không nói năng gì, thậm chí cũng chẳng vùng vẫy. Bàn tay trái của nó buông hòn cuội tròn của dòng sông xuống đất, hòn cuội lăn trên sàn đỏ và dừng lại. "Thằng ăn cắp! Đồ ăn cắp bẩn thỉu!" Người thanh niên tiếp tục không biết mệt, và giờ thì anh nói rất to, để những cô bán hàng ở mé cửa ra vào chú ý. "Thằng ăn cắp! Thằng ăn cắp! Thằng nhóc ăn cắp bẩn thỉu!" anh ta hét, và

gương mặt mang cái vẻ phán khích và giận dữ khiến David không thấy sợ anh ta nữa. Đơn giản thôi, nó nhắm mắt cưỡng lại cái đau do hai bàn tay gã thanh niên đang nghiến nát xương bàn tay và cổ tay của nó. Nó không muốn kêu, không muốn nói, bởi lẽ nó cần phải làm như vậy nếu nó muốn tìm thấy anh Edouard của nó. Giọng nghèn nghẹn của người thanh niên vang lên trong tai nó, đầy đe doạ và hàn học: “Thằng ăn cắp bẩn thỉu! Thằng ăn cắp bẩn thỉu!” Nhưng nó không trả lời. Không van xin, cũng không khóc, không nói rằng là người tới đây không phải là nó đâu, rằng không phải thứ nó muốn là tiền, mà là nó muốn gương mặt của anh nó cơ. Cũng không được nghĩ tới chuyện đó nữa, một khi gã khổng lồ đã thắng nó, và nó sẽ không phải là vua, và nó sẽ không tìm thấy cái mà nó tìm. Nhưng nó phải im lặng, ngay cả khi những người gác và những cảnh sát tới đem nó vào tù. Giờ đây có những người đàn bà kéo tới, họ bao quanh hai người, họ nói, họ gọi điện thoại. Một chị nói: “Thả nó ra, xem kia, một đứa bé mà”. “Nhưng nếu nó trốn? Đây là một thằng ăn cắp bẩn thỉu, cái bọn đang đây ra ở đây, chúng chỉ đợi người ta quay đi là chộp lấy cái két”. “Mày tên là gì? Lên mấy?” Chính bố mẹ chúng dạy cho chúng làm vậy, mọi người biết đấy, hắn bọn nó mỗi tối lại mang tiền về nhà”. “Ăn cắp, đồ ăn cắp bẩn thỉu!”

Cuối cùng, người thanh niên nói lỏng tay, vì cánh tay y, xiết chặt quá bàn tay David, đã quá mỏi nhiều hơn là vì thương hại. Bấy giờ David ngã xuống nền nhà đỏ máu, nó sụp xuống từ từ như một đồng giẻ, bàn tay và cổ tay sưng phồng duỗi dọc theo người. Đau đớn cháy bỏng cho tới tận vai, nhưng nó không nói gì, nó không thốt lên một lời, ngay cả khi những giọt nước mắt mặn chảy trên má và thấm ướt hai bên mép.

Giờ đây là sự yên lặng trong chốc lát. Không ai nói gì, và người thanh niên lùi ra xa cái két một chút, như thể anh ta sợ, hoặc xấu hổ. David vẫn nghe âm thanh lả lướt của điệu nhạc

xa xa, giống như tiếng rền rĩ của những con thú đang than thở, nó nghe thấy tiếng trái tim mình đập mạnh, trên thái dương, trong cổ, trong những động mạch đang vỡ ra nơi khuỷu tay. Vết bỏng cháy nơi bàn tay đỡ hơn, nó cảm thấy những tờ giấy bạc nhau nát giữa kẽ ngón tay, mà chẳng ai nghĩ tới chuyện lấy đi. Cố gắng lắm, nó hơi ngóc dậy và ném những tờ giấy bạc ra xa rồi lật nhào trên thảm bằng vải nhựa giống như một viên thịt băm để lâu. Không ai nhúc nhích để tới nhặt. Trước mặt, qua làn sương nước mắt, nó còn nhìn thấy gương mặt của mẹ đang đợi trong căn nhà tắm tối, xa cách phía bên kia những bức tường dựng đứng và thung lũng nhộn nhạo của thành phố hiện đại. Nó nhìn thấy cái đó rất nhanh, đồng thời với lúc xuất hiện bộ đồng phục của những người gác ở mé đầu bên kia cửa hàng. Nhưng chuyện đó đối với nó chẳng hề hấn gì, nó không còn sợ nỗi cô đơn nữa, nó chẳng còn có thể sợ hãi mọi người, sợ hãi cái nhìn của thiên hạ, bởi lẽ giờ đây nó đã biết được cánh cửa dẫn tới anh Edouard của nó, tới chỗ trốn bí mật, nơi đó không bao giờ người ta còn trở về.

**DĂNG ANH ĐÀO** *dịch*

## VÒNG XOÁY

*H*ai cô gái mới lớn này đã quyết định gặp nhau ở đây, cái nơi mà đường phố Liberté mở rộng tạo thành một khoảng trống. Các cô gái hẹn gặp nhau vào lúc một giờ, vì Trường Tốc ký, nơi các cô học, hai giờ mới vào lớp. Với một tiếng đồng hồ các cô cho rằng đủ thời gian để làm việc định làm. Và rồi nếu như đến lớp muộn, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Có

thể là sẽ bị đuổi học chứ không chơi, nhưng cũng liều! Titi, cô gái lớn tuổi hơn, với mái tóc đỏ, đã nói như vậy và Martine thì nhún vai như vẫn thường làm mỗi khi cô có điều gì đồng ý nhưng lại không muốn nói ra bằng lời. Martine kém Titi hai tuổi, có nghĩa là một tháng nữa cô tròn mười bảy tuổi, ấy vậy mà trông hai cô cứ y như cùng tuổi với nhau. Dù tính khí Martine còn do dự, thiếu quả quyết như bạn bè cô thường nói, nhưng cô ta vẫn tìm cách giấu kín sự nhút nhát của mình bằng nét mặt cau có và cái nhún vai thay cho câu trả lời để người khác có thể hiểu là có hay không, tùy theo cách nhận định của mỗi người.

Dù sao chẳng phải do Martine bày ra chuyện này, mà cũng chẳng phải là Titi, chỉ do có một lần Titi gợi ra trước, Martine thì không tỏ ra ngạc nhiên, cũng chẳng thốt ra lời nào tỏ vẻ đồng ý. Cô ta chỉ khẽ nhún vai, giống như mọi cô gái khác thường làm. Và tất cả chỉ có vậy, mà hai cô gái đã thoả thuận được với nhau về cuộc đi chơi táo bạo này. Về nơi quy định thì cũng có bàn cãi đôi chút. Martine muốn phải ra khỏi thành phố đến Moulins chẳng hạn, nơi không đông đúc lắm, nhưng Titi thì lại muốn ngay trong nội thành, trái ngược với ý kiến của Martine, nơi càng đông người càng thú vị, và cô đã năn nỉ mãi cho đến lúc Martine cuối cùng nhún vai. Thực ra, trong nội thành hay đi tới Moulins cũng thế cả mà thôi, nào ai đã đi mà biết, vấn đề chỉ còn là may rủi mà thôi. Martine nghĩ như vậy và cô cho rằng tốt nhất là giấu không cho bạn biết ý nghĩ thầm kín của mình.

Trong suốt thời gian ngồi ăn điểm tâm với mẹ, Martine hầu như chẳng nghĩ gì đến điểm hẹn hò. Khi cô chợt nghĩ tới thì một điều thú vị khác cũng chợt đến trong ý nghĩ của cô là đến chỗ nào mà chả được. Nhưng đối với Titi thì hoàn toàn khác hẳn. Cô bé này đã nghiên ngâm cái ý đồ này từ nhiều ngày rồi, ngay cả những lúc ngồi ăn điểm tâm với bạn trai

của cô, cô cũng nhắc tới. Vả lại cũng chính cô đã hứa với Martine là cho mượn xe máy của mình vì Martine không có xe. Nhưng với Titi, có lẽ chẳng ai hiểu hết được ý nghĩ của nó. Cô bé này có cặp mắt luôn nheo lại và có trời mà đọc nổi những gì trong đôi mắt tì hí ấy, cho dù khi nó giận dữ hay khi nó buồn rầu.

Tuy nhiên, liều như cô bé mới lớn lên này mà khi tới phố Liberté gần chỗ hẹn, Martine bỗng đứng cảm thấy sợ hãi. Khi con người ta sợ hãi, trái tim có những diễn biến thật kỳ lạ. Nó đập bùm bụp, bùm bụp ngay trong lồng ngực, nó làm bần rún đôi chân, chỉ còn thiếu nước khuỷu gối xuống. Tại sao lại thế nhỉ?

Cô gái cũng chẳng tìm ra nguyên nhân, chỉ thấy cái đầu mình trở nên lạnh lẽo, mọi sự suy nghĩ tê liệt, sự buồn bã xâm lấn tâm hồn, dường như có ai đó đột nhập vào nội tâm làm cho cô hoảng hốt. Nhưng dù thế nào đi nữa cô cũng bặm môi lại, cố giữ cho nhịp thở đều đặn để khôi lộ ra cái tâm trạng chẳng bình thường của mình. Titi và bạn trai của nó đã đang đợi kia. Hai đứa, mỗi đứa ngồi trên một xe máy ở tư thế hai chân buông thõng hai bên. Martine vốn chẳng ưa gì thằng bạn trai của Titi. Cô cố ý không đến gần chỗ hắn để khỏi phải nhận cái hôn của hắn. Titi thì đối với cô lại khác. Từ một năm nay Martine đã trở thành bạn thân của nó. Đối với Martine mọi sự đã thay đổi khi cô có một người bạn gái. Giờ đây cô không thấy sợ bọn con trai nữa. Cô bé cho rằng chẳng đứa con trai nào dám đụng đến cô nữa. Titi không đẹp nhưng cười có duyên, đôi mắt xanh biếc thật tuyệt; chỉ có mái tóc màu đỏ là hơi kì cục, nhưng không sao, vì như vậy trông lại hợp với nó. Titi luôn bảo vệ Martine khỏi bọn con trai. Vì Martine xinh đẹp nên luôn có vấn đề đối với bọn chúng, nhưng Titi thì lúc nào cũng sẵn sàng tối hỗ trợ, đôi khi nó còn biết giờ cả đá và đấm ra nữa để đối phó với chúng.

Cũng có thể là chính thằng bạn trai của Titi cũng từng có ý định rủ rê chúng đi chơi xa bằng xe máy. Từ lâu nó cũng định thử một chuyến xem như thế nào nhưng bọn con trai thường chỉ vỗ mồm, chẳng đứa nào dám bạo phổi thực hiện. Chỉ có Titi là dám nói thẳng vào cuộc và đứng ra đầuêu têu. Nó bầy ra chuyện rủ rê các cô gái vào băng chơi bời, ăn mặc đồng phục và thế là Martine nhập cuộc chẳng còn biết sợ gì nữa. Giờ đây cô thấy tim đập mạnh trong lồng ngực, phải chăng đây là lần sát hạch đầu tiên, lần thử thách đầu tiên đối với sự to gan của cô. Từ trước đến nay, cô chưa từng suy nghĩ đắn đo gì về những chuyện đại loại như thế này, nay dùng một cái thấy Titi và thằng bạn trai của nó ngồi trên xe máy ở góc phố, dưới trời nắng, đang hút thuốc, cô hiểu rằng, người ta đang chờ cô và cũng hiểu luôn rằng đã tối lúc phải bắt chấp mọi chuyện. Tuy nhiên phố Liberté lúc này rất yên tĩnh, không có người qua lại. Những con chim bồ câu chuyển động dưới ánh nắng, trên vỉa hè, dọc bờ suối, đâu chúng gật gù trông thật sinh động. Nhưng đồng thời cũng ngay trước mắt cô đã trải ra một cảnh tượng trống rỗng đến từ mọi phía, đầy nghi ngại như có cái gì đó ủ lên ở trong tai, một sự trống rỗng có sức mạnh uy hiếp tinh thần cô bé đến từ những khói nhà cao bảy tầng kia, từ những ban công, từ phía sau mỗi cửa sổ hoặc từ ngay bên trong những chiếc xe ô tô đậu ở đường phố.

Martine đứng bất động, cô cảm thấy trong con người mình có cái lạnh lẽo của sự trống rỗng thẩm đến tận tim, làm toát mồ hôi ra cả lòng bàn tay. Titi và thằng con trai đang nhìn cô, mắt chúng nheo lại dưới ánh nắng mặt trời. Chúng nói với cô điều gì đó mà cô không nghe rõ. Mắt cô lúc này tái đi, mắt như muốn nhắm lại, môi run lên. Thế rồi dùng một cái, mọi thứ đã tan biến. Và bây giờ thì chính cô bé này cất tiếng nói, giọng khàn khàn nghe không được rõ lắm.

“Xong ngay! Nào đi chứ? Đi thôi!”

Thằng bạn trai xuống xe máy, dựng chiếc xe trên chân chổng. Nó đến ôm Titi hôn vào môi con bé, sau đó đi tới chỗ Martine nhưng bị cô cự tuyệt dữ dội.

“Mày về thôi kệ nó”. Titi bảo thằng bạn của mình.

Titi khởi động xe máy của mình, tối đỗ cạnh chiếc xe mà nó vừa mượn của thằng bạn trai cho Martine. Sau đó hai cô gái khởi động cùng một lúc, nhấp ga từng hồi. Chúng chạy trên vỉa hè một quãng rồi cùng lao xuống đường phố, chúng lái xe chạy song song với nhau theo phần đường dành cho xe buýt.

Bây giờ thì Martine đang phóng xe, cô chẳng còn thấy sợ hãi điều gì cả, có thể là do những rung động của xe, mùi xăng và nhiệt lượng bốc ra từ ống xả, mọi sự trống rỗng trong lòng cô đã được lấp đầy. Martine rất thích phóng xe máy đánh võng trên đường, nhất là trong những ngày nắng đẹp như thế này, thời tiết cũng chẳng lấy gì làm lạnh. Thật là khoái khi luồn lách giữa những chiếc ô tô đang chạy cùng chiều để vượt lên, đầu hơi nghiêng một chút để gió khói thốc vào mặt và phóng nhanh! Titi cũng gặp may, anh nó vừa nhượng lại cho nó cái xe máy của anh ta. Không phải là cho không mà để Titi trả dần. Anh của Titi, khác với những chàng trai khác, biết tính toán lợi hại cho mình chứ không phải loại thanh niên chỉ ba hoa khoác lác những chuyện không đâu. Vào lúc này, Martine cũng chẳng nghĩ lâu đến cái anh chàng ấy làm gì, mà chỉ thoáng qua một chút, nhớ lại những lần cô ngồi đằng sau hắn, trên cái xe Guzzi phân khối lớn, lao hết tốc độ trên đường phố vắng người. Cô gái như vẫn còn cảm thấy sức gió thổi thốc vào mặt cô lúc đó, trong khi cô ôm chặt anh ta trong vòng tay của mình, cái cảm giác chóng mặt khi xe đánh võng trên những khúc đường lồi lõm chẳng khác gì ngồi trên máy bay.

Hai cô gái phóng xe dọc theo vỉa hè lao về phía Tây. Mặt trời lúc này đang ở độ cao nhất, trời nóng như thiêu, gió thốc vụt vụt nhưng cũng không làm giảm được trạng thái buồn ngủ

do hơi nóng phả lên từ nhựa trên mặt đường và từ nhiều phiến ximăng lát trên vỉa hè. Các cửa hàng đều đóng cửa vào giờ trưa, các tấm lưới sắt đều đã buông xuống, điều đó càng khêu gợi sự chờ đón mệt mỏi. Xen lẫn với tiếng động cơ xe máy Martine chốc chốc còn nghe thoáng đến tai các âm thanh phát ra từ những máy truyền hình trong các tầng dưới mặt phố, nghe gợp gợp như tiếng kêu của gà tây. Có cả tiếng người, tiếng nhạc vắng đến nhưng nghe mới lạ lùng làm sao, phải chẳng khi cả thành phố đang chìm trong giấc ngủ trưa thì những âm thanh đó nghe chẳng được bình thường, cứ y như từ một hang sâu nào vọng tới.

Titi giờ đây đang ngồi ngay ngắn trên yên xe phóng nhanh. Mái tóc màu đỏ bay phất phới, gió thổi thoảng cảng phòng chiếc áo phi công cô mặc trên người. Martine phóng theo sau cùng một đường thẳng. Khi băng qua mặt phố cô liếc mắt vào các mặt kính quầy hàng, nhận ra bóng của hai đứa phản chiếu loang loáng cứ như hình bóng của các kỹ sĩ đang phi trên mình ngựa trong những phim cao bồi.

Rồi bỗng nhiên lại một nỗi sợ hãi mới vụt hiện ra trong ý nghĩ của Martine, cô thấy cổ họng khô đắng. Cô chợt nhận ra phố xá chẳng phải là trống rỗng, khác lạ, mà vẫn bình thường như mọi ngày, chỉ có chính các cô mới là những kẻ đang làm những điều liều lĩnh, đang tiến gần đến một cái gì đó sắp xảy ra mà không còn kịp vòng lại nữa, nỗi sợ hãi mạnh đến mức Martine có cảm giác là một điều gì đó rất dữ dội đang lớn vỗn ngay trước mặt. Cô muốn đỗ xe lại, nằm dài ra ở bất cứ đâu, nằm ngay xuống đất cũng được, hoặc dựa vào một góc tường nào đó cũng tốt, đầu gối co lên bụng để kìm bớt nhịp đập của trái tim đang làm cho toàn thân bùn rún. Xe máy của cô chạy chậm lại, ngoằn ngoèo trên mặt đường. Trước mặt cô, ở phía xa Titi tiếp tục phóng chẳng ngoài lại, người thẳng dù trên xe máy, mái tóc đỏ lóe lên dưới ánh nắng.

Điều làm cho Martine khiếp sợ nhất trong lúc này là cô cảm thấy có ai đó đang theo dõi cô. Martine không rõ là họ đang ở đâu, họ là ai nhưng cô biết chắc rằng họ có thể đang ở khắp mọi nơi dọc trên đường phố và những cặp mắt nghiêm khắc nào đó đang dõi theo cuộc đi chơi xa, liều lĩnh, bằng xe máy của các cô.

Cụ thể là họ đang theo dõi gì nhỉ? Họ muốn điều gì? Có thể họ đang ở trên các ngôi nhà cao tầng, quét vôi trắng kia, trên các ban công, hoặc ẩn sau các màn che gió ở những ô cửa sổ. Cũng có thể họ ở rất xa, ở ngay trong những cái ô tô đỗ kia, rồi theo dõi chúng bằng ống nhòm: Martine dường như nhìn thấy rõ điều đó khi đưa mắt bao quát một vài giây, xe máy của cô chậm lại, lượn zích zắc trên đường phố, gần ngã tư. Nhưng cũng chỉ trong một giây Titi sẽ có thể nhìn lại sau, sẽ quanh xe lại và sẽ hỏi cô: “Ê này! Ê này! Có chuyện gì vậy? Tại sao mày dừng lại?”

Martine nháu mắt lại, cô thoảng nghĩ trong ít giây về sự to gan ngu dại của mình trong cái ngày ghê gớm này. Khi cô ngược mắt nhìn lên thì phố xá vẫn còn thưa thớt, chói nắng, con đường nhựa trải dài mãi như một dòng sông đen ngòm, nhựa đường thì đang chảy ra dưới ánh nắng mặt trời. Martine mím miệng lại như để khoe lộ ra bên ngoài vẻ sợ hãi. Những ai đó có thể đang theo dõi cô, đang phục kích sau các cửa kính, sau những cái ô tô đỗ kia, và chợt Martine thấy không thể chịu đựng nổi tất cả những cái đó thêm nữa, môi cô lại run lên và trái tim cô đập loạn xạ diệp khúc đầu hàng. Tất cả những cảm xúc ấy qua lại thật mau chóng khiến cho Martine ngây ngất như say rượu, giống như một người đã uống rượu hoặc hút thuốc quá nhiều, thật sự cô như còn nhìn thấy những gương mặt đang như đợi cô tới, nhìn cô, những cuộc phục kích rình mò cô mới đáng ghét làm sao ở sau những cái màn gió, sau những chiếc ô tô. Đàn ông với những gương mặt lì lợm,

mắt sâu hoặc nét mặt sưng sỉa, nụ cười khó hiểu, những cái nhìn thèm khát, độc ác. Rồi đàn bà với vẻ mặt đanh đá nhìn cô đầy vẻ ghen ghét, khinh rẻ và cả sợ hãi nữa, rồi tiếp đến gương mặt của chính những đứa con gái học cùng Trường Tốc ký với cô, những gương mặt bọn họ sinh con trai dòm ngó cô từ mọi phía, sán đến cô, nhăn mặt với cô. Đường như tất cả chúng nó có mặt ở gần đây, sau những tấm kính của những quầy rượu, hoặc ở những góc phố xa tít, nơi mặt trời đã làm cho vắng ngắt.

Khi cô lại tiếp tục chặng đường, cô nhìn thấy Titi đang dừng lại ở ngã tư phía trước bến xe buýt. Titi ngồi trên yên xe, quay nửa người lại nhìn cô, mái tóc đỏ rủ xuống mặt. Mặt nó trông cũng tái đi, cũng cảm thấy bối rối trong lòng, cổ họng khô khốc. Chắc chắn là mặt trời rực lửa đã gây cho nó sự sợ hãi, bầu trời cao vời vợi chẳng có một bóng mây cao tít bên trên khối nhà cao bảy tầng mới xây.

Martine đỗ xe máy cạnh Titi. Cả hai đứng bất động, tay đặt trên nắm tay ga im lặng. Chúng không nói với nhau lời nào, không nhìn nhau, nhưng cả hai đều hiểu là những vòng lượn của cuộc phỏng xe lại bắt đầu, và giờ đây tim chúng đập rất mạnh, chẳng phải vì lo lắng mà vì nóng lòng ruột.

Phố Liberté thưa thớt, đường xá tráng bụi, mặt trời lúc này đang ở trên đỉnh cao nhất soi tới mọi ngóc ngách, vỉa hè vắng tanh. Ở khu nhà cao tầng những cửa sổ giống như những đôi mắt nhăm nhăm. Xe ô tô qua lại lặng lẽ. Tại sao mọi vật lại có vẻ yên tĩnh và xa xôi thế nhỉ? Martine có cảm tưởng như động cơ của hai chiếc xe máy này có thể bất chợt nổ tung ra như một tiếng sét, rồi cô lại nhìn phố xá như rẽ ra chạy ngược lại dưới bánh xe máy của cô, còn các cửa sổ trên cao kia thì nổ tung ra thành hàng ngàn mảnh thủy tinh nhỏ hình chữ nhật, rắc trải trên mặt con đường nhựa.

Chuyện xảy ra có lẽ do cái bà này và chỉ do bà ta. Đó là

một bà mặc áo xanh đang đứng chờ xe buýt ở bên xe, bà ta chẳng hề chú ý tới các cô gái này, trông cứ như bà ta đang ngủ vậy. Bà ta có một gương mặt đỏ au vì vừa đi dưới nắng gay gắt, và bên trong bộ váy áo màu xanh, cái áo lót màu trắng đẫm mồ hôi, dính bết vào da. Cặp mắt bà mở lim dim sâu trong hố mắt, đường như chẳng nhìn gì đến mọi vật xung quanh, có chăng chỉ thỉnh thoảng lướt về bên xe cuối phố để xem xe đã tới chưa. Tay phải bà ta vung vẩy một cái túi xách bằng da màu đen, cái khoá kim khí của chiếc ví phản chiếu ánh nắng mặt trời dọi xuống. Đôi giày bà ta đi màu đen, đã cũ oằn xuống dưới sức nặng của thân thể. Martine muốn nhìn rõ mặt người đàn bà mặc đồ xanh này nên có ý chờ bà ta quay đầu lại. Cặp mắt bà ta nheo lại ẩn dưới vòm lông mày và Martine không bắt gặp cặp mắt của bà ta nhỉ? Trong bà ta quen quen như đã gặp ở đâu, điều đó làm cho cô bối rối, lo lắng và giận dữ nữa là khác, bởi vậy cô muốn biết bà ta là ai. Có lẽ do ánh nắng lúc này quá chói chang gay gắt, gây khó chịu, làm cho người phụ nữ này có gương mặt nặng nề, làn da đẫm ướt mồ hôi và cái khoá của chiếc ví càng trở nên lóe mắt.

Bất chợt Martine nhấn ga và chiếc xe máy chồm lên. Ngay lúc ấy cô cảm thấy gió thốc vào mặt làm cho cô choáng váng. Cô phóng xe lao theo xe của Titi. Hai chiếc xe máy rú ga ầm ầm lao trên đường váng. Người đàn bà mặc đồ xanh nhìn theo chúng, bà chỉ kịp nhìn thấy hai chiếc xe chạy tít về phía phố xa rồi quặt sang phải. Tiếng động cơ xa dần rồi bất chợt tắt hẳn.

Từ những khói nhà hộp không xa nhà ga lầm một chiếc xe tải xanh chất đầy đồ đạc dọn nhà khởi động, trên xe đồ đạc cồng kềnh xếp dưới những tấm catton. Đó là một cái xe tải cũ, bánh cao, sơn màu xanh xỉn, chiếc xe này, mà những tay lái xe đã kế tiếp nhau sử dụng như phá, đã chạy tới hàng triệu

cây số, đã tàn tạ đi vì những cú phanh gấp, vì những động tác sang số thô bạo chẳng khác gì đập búa vào hộp số. Trên một đường phố hẹp có nhiều xe đồ, có nhiều xe cồng kềnh khác đỗ trước chiếc xe xanh. Khi chạy qua các quán rượu, người lái xe ngó nghiêng nhìn vào và nhận ra bóng mát phía trong các quán đó. Anh ta cảm thấy mỏi mệt, đói khát và mùi nhựa đường bốc lên từ mặt đường càng làm cho anh ta mệt mỏi hơn. Anh ta chớp chớp mắt, mặt nhăn nhó. Chiếc xe xanh phóng nhanh dọc theo đường phố hẹp, tiếng động cơ khuếch đại ì ì àm àm ở lối cổng ra vào nơi để xe. Phía sau thùng xe nơi chất đầy đồ đặc dọn nhà, các đồ gỗ cọ xiết vào nhau kêu cót két, những vật dụng khác cũng va vào nhau trong các thùng đóng gói bằng catton. Mùi khét của xăng dầu bốc tỏa ra, quyện vào không khí trong buồng lái rồi tỏa ra bên ngoài, một vệt khói xanh kéo dài trên đường phố. Chiếc xe tải cũ kỹ chạy lảo đảo như người say rượu, dập dềnh trên những cú xóc, nó lao thẳng về phía trước giống như một con thú đang cơn giận dữ. Những con chim bồ câu bay qua bay lại phía trước mũi xe. Xe băng từ phố này sang phố khác gần như chẳng giảm tốc độ, có lẽ hàng triệu cây số mà chiếc xe tải này đã lăn bánh qua đã cho nó cái quyền chạy liều lĩnh như thế này chăng.

Số hai, số ba, lại số hai. Mỗi lần sang số tiếng kèn kẹt rít lên trong hộp số, cần số gạt thô bạo như tiếng đóng nenen, tiếng máy lẹt xẹt trực trặc. Nhìn vào những mặt kính các quầy hàng mặt phố, bóng chiếc xe màu xanh lao nhanh như một con thú điên dại.

Phía xa kia, trên vỉa hè, người phụ nữ mặc áo xanh vẫn chờ đợi. Bà ta đã nhìn vào đồng hồ tay lần thứ ba, những chiếc kim đồng hồ dường như vẫn đứng im trên mặt số: một giờ hai mươi nhăm.

Bà ta đang nghĩ gì nhỉ? Mặt bà ta đỏ gay nhưng không có vẻ gì tỏ ra nao núng. Mặt trời lúc này chiếu chêch vào hai hố

mắt, vào mũi, vào cằm bà. Được chiếu sáng thẳng từ phía trước, bà giống như một bức tượng thạch cao bất động trên vỉa hè. Chỉ có màu da đen của chiếc ví và đôi giày là sinh động, nó phản chiếu lại những tia sáng mặt trời đang dọi vào nó. Cái bóng của bà ta cụm lại ngay dưới chân, trông lệch về phía sau giống như một cái xác lột vừa được lột ra và xếp lại. Có thể là bà ta không có điều gì bồn chồn lo lắng cả, chẳng có điều gì mong đợi quá đáng như ta tưởng, ngay cả về chiếc xe buýt số Bảy sắp tới đón bà, chiếc xe lúc này đang ở gần đâu đây, có thể nó đang dừng lại để đón học sinh các trường trung học. Mé xa nữa có một ông già mặc đồ xám. Bà yên lặng, chờ đợi, đầu óc thanh thản. Thỉnh thoảng bà ngược nhìn một chiếc xe máy rú ga phóng qua, hoặc một chiếc ô tô phóng trên đường nhựa đang nóng chảy.

Mọi chi tiết chuyển động nhanh như những tia chớp, những ánh sáng chói loà điên loạn giao nhau, vậy mà trên tổng thể đường như chỉ diễn ra rất chậm chạp. Trong giờ nghỉ trưa thành phố mới yên tĩnh làm sao. Những tiếng ì ầm, ken két; tất cả những tiếng náo động dữ dội ấy dường như cũng đang được thu nốt về cho sự yên lặng vào giờ này.

Martine phóng xe vượt lên trước Titi, cô lao băng qua các phố vắng, mỗi khi gặp khúc quanh cô lượn vòng, nghiêng sát xe giáp mặt đất, sát đến nỗi bàn đạp để chân cày nát cả đám cỏ trên mặt đất. Nắng nóng làm cô chảy cả nước mắt, khí nóng đồn nén xuống mũi, xuống mồm làm cho cô phải nghiêng đầu đi một chút để thở. Titi phóng theo sau cách vài mét, mái tóc đỏ tóc lén phần phát trước gió. Tóc độ cao và mùi xăng làm người nó bừng bừng như say rượu.

Các vòng lượn cứ kéo dài thêm mãi cuộc đi chơi lâu hơn, xa hơn, vòng vèo hơn qua từng phố một rồi từ từ tiến đến gần bến xe buýt, nơi mà bà mặc áo xanh có cái túi đen đứng chờ xe. Vẫn là những vòng lượn làm cho chúng ngây ngất, những

động tác lượn trên phố vắng, luồn lách qua những khói nhà yên tĩnh, dưới ánh mặt trời gay gắt làm chói mắt chúng. Những vòng lượn như muốn khoan sâu vào lòng đất, đào bới một cái gì đó để đáp lại sự điên cuồng của cái tuổi mới lớn này. Lúc này ở phía xa kia, chiếc xe tải màu xanh nhạt và chiếc xe khách màu xanh sẫm đang phóng nhanh cung đường như cùng phối hợp vào để cùng nhau sớm kết thúc các vòng lượn đó. Trong các khói nhà cao tầng mới xây kia, các cửa sổ lúc này đóng kín giống như những con mắt đã nhắm lại: mọi người trong nhà ẩn trong bóng râm của những màn che cửa, đang theo dõi các tiết mục truyền hình. Họ chẳng hề biết ánh nắng mặt trời bên ngoài gay gắt như thế nào, họ cũng chẳng hề nghe thấy tiếng gào rú chói tai của động cơ những xe máy chạy trên đường. Cũng có thể họ không thể ngờ chính con cái họ đang quay cuồng trong các vòng xoáy điên loạn. Cơn cái họ chẳng khác hai cô gái kia, còn nguyên gương mặt trẻ thơ, tóc rối bù trước gió.

Trong những phòng hẹp của khu nhà ở đóng kín này, những đứa trẻ mới lớn lên có thể không biết tới những việc đang xảy ra bên ngoài, có thể chúng cũng không muốn biết tới những chiếc xe máy đang đua nhau vòng lượn điên loạn trên đường phố. Làm sao mà chúng biết được? Chúng đang sống cùng gia đình trong các phòng ximăng với các tiện nghi sinh hoạt, trên màn hình của máy truyền hình đang chiếu những thước phim với các gương mặt tài tử, các cảnh trong phim. Ánh sáng của màn hình làm rõ những gương mặt chăm chú dõi theo. Còn ở ngoài trời kia, dưới ánh nắng gay gắt, chỉ có chỗ cho những điều ao ước dại dột.

Thế rồi, những vòng lượn của những chiếc máy ấy đang khép lại ở đại lộ Liberté. Giờ đây chúng phóng thẳng về phía trước, bỏ lại sau các khói nhà cây cối, quảng trường, ngã tư. Người phụ nữ mặc đồ xanh đứng một mình ngày trên mép vỉa

hở, im lặng như đang ngủ. Những chiếc xe máy phi sát vào vỉa hè nhập vào dòng xe cộ. Trái tim hai cô gái đâu có chịu đầu hàng. Lúc này, ngược lại, chẳng còn biết sợ mà rất bình tĩnh, chân chẳng còn run, lòng bàn tay chẳng còn toát mồ hôi. Xe chúng chạy song song với nhau cùng một tốc độ, tiếng động cơ giòn giã tạo thành một thứ tiếng ồn đồng âm đinh tai nhức óc, có sức phá phách mạnh tưởng chừng như đủ sức làm sập cả cầu cống và các tường nhà. Có thể có những ai đó ngay trên đường phố, hoặc ẩn náu trong những chiếc ô tô đồ ở đường cái kia hoặc họ cùng ẩn náu đằng sau những tấm màn che gió qua các gian phòng? Có thể họ đang nheo mắt theo dõi chúng, và họ có thể làm gì nhỉ?

Gần như giữ nguyên tốc độ, chiếc xe máy thứ nhất lao lên vỉa hè sáp vào người phụ nữ mặc đồ xanh. Việc xảy ra bất ngờ và trước khi ngã xuống vỉa hè, bà ta còn kịp nhìn thấy Martine phóng xe chạy hoà vào dòng xe ở đường phố, và bà cũng đã nhìn rõ được đôi mắt mở to trông rõ cả tròng đèn ấy lóe lên cái nhìn sắc như dao nhọn. Nhưng việc xảy ra quá nhanh, chưa đầy một phần trăm giây rồi tiếp theo là một tiếng kêu bật lên trong phố vắng, tiếng kêu đau đớn và kinh ngạc khi mà hai chiếc xe máy chạy trốn về phía ngã tư.

Gió nóng hầm hập thổi, tim đập mạnh trong lồng ngực, tay của Martine nắm chặt cái ví đen mà cô vừa giật của bà mặc đồ xanh, mồ hôi cô vã ra. Giờ đây, với Martine, chỉ còn là sự chống rỗng, vòng xoáy điên loạn đã chấm dứt. Sự say xưa chẳng thể có được nữa. Phía trước, đằng xa kia, Titi phóng xe chạy trốn, mái tóc đỏ bay trong gió. Xe máy của Titi phóng rất nhanh, vượt xe của Martine, qua được ngã tư và vút đi. Còn khi xe của Martine vừa tới ngã tư định vượt theo thì chiếc xe tải xanh chở đồ đặc dọn nhà cũng từ phố bên phóng vào ngã tư như một con thú điên dại. Nắp đậy của ô tô đã cán vào xe máy và chiếc xe tải đã nghiến nát nó, phát ra một tiếng động kinh

khủng, nghe như tiếng kim khí gãy, vừa như tiếng thủy tinh vỡ. Tiếng phanh gấp hộc lên.

Sự tĩnh lặng đã trở lại với đường phố ngay giữa cái ngã tư này. Trên mặt đường, sau chiếc xe tải xanh thi thể của Martine nằm thẳng dǎng, úp sấp nhưng mặt thì lại bị lật ngửa lên như một miếng vải bị vặt chéo, mắt cô mở to ngược nhìn lên trời cao, môi trông như hãy còn run rẩy. Một sự trống vắng cực kỳ thê thảm phảng phất hiện ra trên gương mặt người chết, những vệt máu chảy quanh co trên mặt đường đã khô bết lại đen xì với đôi chân gãy nát. Cách tay cô không xa, chiếc ví đen cướp giật bị văng ra nằm phơi dưới ánh nắng mặt trời cứ y như cô đánh rơi từ trước lúc cô chết, cái khoá mạ vàng của cái ví vẫn hắt lên những tia phản chiếu chói mắt giết người.

NGUYỄN VĂN QUA *dịch*

TONY EARLEY

(Mĩ)

## NHÀ TIỀN TRI TỬ JUPITER

hà tôi, ngôi nhà của người trông đập nước, nằm bên bờ hồ cạnh nhánh sông rẽ ở ngã ba Pierce Arrow. Con đập được đắp ở cuối chỗ phân dòng, uốn theo bờ vịnh và nối với bờ kia của dòng sông. Phía bên này là hồ nước, chỗ sâu nhất bên trong đập là 3,5mét. Còn bên kia là khoảng không: một máng nước, nơi dòng nước lại bắt đầu chảy; nhìn từ đây, khe núi nhấp nhô đá đổ xô xuống bên dưới, trông thực ngoạn mục. Quanh hồ, ở độ cao 3 mét, nhiều ngôi nhà được dựng lên, đất được chia thành nhiều lô nhỏ có cẩm bảng sở hữu của những người buôn bất động sản. Đôi khi vào ban đêm, các tay chủ đất ấy nhô mốc phân giới của nhau liêng xuống hồ.

Trên vịnh Tryon, có một gia đình nuôi chó cún nhật thú săn, giống Labrador. Con chó đầm mình trong hồ, bơi đuổi theo đàn vịt trời. Bạn có thể mua những tấm bưu thiếp trong thị trấn in hình một chú cún cổ sức bơi, bơi, đuổi theo bầy vịt trời luôn ở ngoài tầm với. Tấm biển màu đỏ và trắng đính trên chiếc cầu của vịnh Tryon nhắc nhở: *Không nhảy hoặc lộn đầu xuống từ thành cầu*, bởi vào các tối thứ bảy mùa hè tôi giảm mực nước trong hồ xuống nửa mét và nếu tôi muốn thì tôi có thể doạ các chú nhóc nghịch ngợm hoảng sợ. Thỉnh thoảng,

những kẻ lỗ mảng hò hét và gào lên *đồ moi đen!* rồi ném vỏ chai bia vào Junie Wilson, người thường đi quanh quẩn dọc đại lộ 20 với chiếc áo khoác vắt quanh cổ. Mỗi lần đi qua cầu, Junie thả tờ giấy bạc một đôla xuống nước. Nhà Tiên Tri từ Jupiter đưa năm đứa con trai của mình đến cầu để xem chú cún giống Lab bơi. Sáu người đứng thành hàng dọc lan can cầu, vỗ tay và reo hò để động viên chú cún. Dưới nước, bầy vịt để con chó đến thật gần rồi mới vỗ cánh. Chúng chỉ bay độ vài ba chục mét rồi đỗ xuống. Dân thị trấn gọi chú cún là Shithead. Có thể bạn không tin nhưng tôi thì rằng tôi đã nghe được tiếng cười của bầy vịt. Shithead, khi lội quanh vịnh, thở phì phò như thể sắp chết. Đây là nơi tôi sống và đây là những gì tôi nghĩ: con đập, với tư cách là vật ngăn cản, là một hiện hữu trái tự nhiên.

Phần việc quan trọng nhất của tôi là duy trì đều mực nước trong hồ. Nhưng mỗi buổi tối, nước hồ dâng cao và dòng sông thì chẳng hề ngừng chảy. Khi đánh xe về nhà dưới thị trấn, tôi hình dung mình sẽ gặp cả hồ nước đang cuồn cuộn xuyên qua máng nước đuổi theo. Ngày hoàn thành việc xây dựng hồ Glen, cả thị trấn Uree cổ đã chìm sâu dưới ba mét nước của lòng hồ. Rồi con đập ngày càng được tôn cao hơn, vắt ngang qua dòng sông, người ta không bận tâm phá bỏ những ngôi nhà chìm dưới nước. Cá nhởn nhơ bơi lội qua những cánh cửa để ngõ. Ông lão Bill Burdette, đồ chiếc xe Reo đời 1916 của mình cạnh nhà khi ông dời đi.

Gã thợ lặn kiểm tra đập vào năm 1961 nói với thị trưởng rằng gã nhìn thấy một con cá trê lớn bằng người, bơi cạnh những chiếc cống dưới đập. Con cá là huyền thoại của người bản xứ. Buổi tối, từ lối đi men theo đập phía trên cống, dùng sợi dây câu loại cá lớn ở biển và mồi là ruột bò, tôi câu nó. Con cá quẩn quanh gần đập, sống trên lớp bùn của đáy hồ và lắng nghe thanh âm yếu ớt của dòng sông đang mải miết trôi phía

bên ngoài hồ vọng lại. Nhà Tiên Tri từ Jupiter nói: *Khi anh kéo được con cá khổng lồ ấy lên khỏi mặt nước, nó sẽ ban cho anh những lời chân lí.* Rồi lúc các sử gia viết sử, họ sẽ nhớ đến tôi bởi nhờ con cá, thậm chí cả khi tôi không bắt được nó.

Tên thực của Nhà Tiên Tri từ Jupiter là Archie Simpson. Ông ta buôn bán bất động sản và đã kiếm được một số tiền kha khá ở Jupiter thuộc bang Florida, cho đến cách đây chín năm, lúc Chúa bảo ông ta rằng ông là nhà tiên tri thực sự, người duy nhất được giao trọng trách dẫn dắt các tín đồ Thiên Chúa giáo trong những Ngày tận thế trước khi bước vào cõi *Vĩnh hằng*. Nhà Tiên Tri thốt lên lời đầu tiên sau khi Chúa kết thúc lời phán truyền là: Lạy Chúa, Người phải lừa phỉnh sao. Ông ta không xấu hổ và không điên khi kể lại mọi chuyện. Ông ta có một người vợ luôn quàng trên đầu chuỗi hạt của người Da đỏ và không cạo lông nách.

Bốn đứa con trai của ông lão Bill Burdette thuê thợ lặn kéo chiếc xe Reo của bố mình lên khỏi hồ sau khi nó nằm ở đáy đã năm mươi năm. Cánh nhà Burdette sửa chiếc Reo cũ hết 6.000 đôla và luôn nói với bất kì ai chịu nghe: *Tôi không rõ tại sao bố lại bỏ nó. Chiếc xe hay còn mới.* Bill Jr, cậu con trai cả, đã lái chiếc xe trong đội diễu hành của thị trấn nhân dịp ngày mồng bốn tháng Bảy<sup>(1)</sup>. Cháu chắt nhà Burdette ngồi chật cả thùng xe. Những đứa lớn tuổi trông khá ngượng ngùng. Dưới phố, đằng trước nhà hàng Rogue Mountain là tượng một con gấu mắt xếch bằng gỗ. Con gấu giữ tấm biển hai màu trắng đỏ với một chữ ĂN.

Trước khi câu, tôi tưới máu tươi từ chiếc xô đựng mỗi xuống nước. Tôi sử dụng chiếc lưỡi câu ba ngạnh sắc như dao cạo. Một chiếc bánh xe câu giống như chiếc guồng quay tời. Randy, người phụ trông đập, là nhân viên vệ sinh tại bệnh

viện Hendersonville, luôn đến câu với tôi sau khi kết thúc công việc. Anh ta không tin câu chuyện nói về con cá lớn bằng con người. Tôi câu suốt đêm. Thỉnh thoảng, những con cá trê nhỏ mắc câu và khi tôi kéo chúng lên khỏi mặt nước, chúng phát ra những tiếng kêu nhỏ, tựa tiếng khóc. Tôi nấm đuôi, quật đầu chúng vào nền đường rồi quẳng chúng ra sau, qua bên kia bờ đậm. Vào lúc bình minh, tôi mở chiếc cửa nhỏ đưa nước vào nhà turbine, bật công tắc khởi động máy rồi đi ngủ. Thị trấn sở hữu hồ Glen lâi một triệu đôla mỗi năm nhờ tiền bán điện. Những người làm việc trong thị trấn hồ Glen đều có đủ tiền mua xe mới. Nhà Tiên Tri từ Jupiter làm những chiếc ghế tựa lưng gập bé xíu bán sỉ cho các nhà hàng lưu niệm dọc theo đường cao tốc. Vợ ông ta bện sợi da bò thành những chiếc roi rồi đính chúng vào những chiếc cán bằng gỗ thông xinh xắn. Sau đó, dùng cây bút sắt nung đỏ, bà trổ những gạch chéo nhỏ và dòng chữ *Hồ Glen, Bắc Carolina* lên cả hai mặt của chiếc cán. Một dạo bà bảo tôi: *Tôi biết những gì chồng tôi nói về Chúa là thực bởi lẽ, cứ mỗi lần chúng tôi làm tình ông ấy truyền cho tôi ánh sáng diệu kì nhất.* Những chiếc roi do bà ta chế tạo, treo lủng lẳng như đàn rắn trước cửa của nhiều cửa hàng lưu niệm. Du khách ngắm nhìn rồi mua hàng tá. Điều ấy thực không thể giải thích. Dạo nọ, vào bữa ăn trưa tại nhà hàng Rogue Mountain, Nhà Tiên Tri từ Jupiter nhìn xuống bát súp rau của mình và nói: *Anh biết đây, trong những ngày gần tân thế, tín đồ Thiên Chúa giáo sẽ không thể trông được ngũ cốc.* Những dây điện cao thế tỏa ra mọi phía từ nhà turbine, bạn có thể nghe rõ từng tiếng rên rỉ phát ra từ chúng.

Ngày ấy, suốt cả buổi chiều - do tivi đang chiếu phim hoạt hình nên các turbine phải chạy suốt ngày, trong toà thị chính người ta đang đếm tiền, những người trượt tuyết da rám nắng trên những chiếc thuyền lộng lẫy của họ, nhiều tay

đánh cá đã say, mực nước hồ đã hạ quá mức an toàn và chuông báo động reo. Tôi bước ra khỏi giường, lẩn theo chiếc cầu thang hẹp đi xuống nhà turbine để đóng cửa dẫn nước. Xung quanh hồ Glen, mùa hạ đang rạo rực khoe sắc: mấy viên cảnh sát của thị trấn dừng lại bên hồ, ngắm nhìn các nữ sinh lộng lẫy trong ánh nắng từ bên dưới những chiếc mũ rộng vành theo kiểu *Smokey the Bear*. Tôi mồng bốn tháng Bảy, nhánh sông chính chảy ra hồ chật ních thuyền bè, những luồng sáng quét trên mặt nước sẫm đen lấp lánh tựa những vì sao. Pháo hoa vẽ nhiều đường vòng cung lên trời như thể những bóng ma nhảy múa trong mắt khi bạn nhìn thẳng vào mặt trời.

Nhiều người cảm thấy thú vị khi trêu Junie Wilson. Nếu họ bảo hắn rằng bình xịt tóc sẽ khiến ma quỷ lảng xa thì bất kì đi đâu hắn cũng khu khu ôm chặt nó theo bên mình, cho đến khi có một ai đó nói khác đi. Nếu họ bảo hắn ban đêm ma quỷ dạo chơi trên những chiếc thuyền trượt tuyết thì hắn sẽ không bén mảng đến bến trong nhiều ngày hoặc tránh xa những chiếc thuyền ấy vài trăm mét. Nhà Tiên Tri từ Jupiter cho rằng Junie đã được mặc khải về thị lực. Còn để tránh rác rối cho hắn, thị trưởng đã cho Junie đi nhờ xe.

Đấy là những biểu hiện của sự sống diễn ra bên hồ Glen: mùa xuân, mặt trời soi sáng mọi nơi, xuyên qua anh, qua lớp vỏ bên ngoài để vào tận tâm hồn anh, tựa hạt giống, để nẩy mầm vươn lên. Nhiều tấm bảng đỏ và trắng cấm dọc theo bờ nước của con đập NGUY HIỂM! HÃY CÁCH XA 200 MÉT, song bạn sẽ không đọc ra được dòng chữ ấy ở khoảng cách xa như thế. Tháng Tư, gió tràn xuống từ các rặng núi, băng qua vịnh về hướng nhà tôi. Gió mang theo mùi của ánh nắng, của hơi nước thơm như mùi tóc vợ tôi. Mùa hè, dọc theo bờ phía Tây gần đường cao tốc, nơi có khu đất dành để cắm trại, nhiều ngọn đèn dầu nhấp nháy như thể bầy ma trời đang trêu doạ

những ngọn núi. Nhiều chàng trai, cô gái, những người sẽ chẳng bao giờ gặp nhau lần nữa, tôi biết, thầm thì những lời hứa, trao tặng nhau những vòng hoa và cùng lội đi giữa dòng nước lạnh lẽo của dòng sông. Trong đêm mùa hè, những sợi roi quất kêu bôm bốp trong không khí nghe như thể tiếng súng.

Vào năm 1927, Công ty Phát triển hồ Glen đã khởi công xây hồ giữa hai rặng núi Rogue Mountain và Rumbling Caesar. Họ đắp đập, xây thị trấn và một khách sạn 200 buồng trước lúc thị trường cổ phần phá sản. Vợ tôi tên là Elisabeth. Nàng sống với mẹ ở Monte Sano thuộc Alabama và chẳng chú ý gì đến tôi cho tới lúc tôi rời hồ Glen.

Mỗi ngày hai lần, chiếc thuyền du lịch của thị trấn dừng cách đập 200 mét và tôi có thể nghe tay hướng dẫn viên oang oang giải thích độ nguy hiểm ra sao nếu họ muốn đến gần con đập hơn. Từ hai mùa hè trước, giới chức sắc thị trấn đã yêu cầu gia đình sống ở vịnh Tryon nhốt chú Shithead lại, lúc thuyền đưa du khách đến thăm hồ vào mười giờ sáng và hai giờ chiều. Dĩ nhiên, đàn vịt trời thì chẳng can hệ gì. Chỉ có điều, lúc bị nhốt, Shithead trở nên ủ rũ. Đạo ấy, bạn không thể hình dung được rằng hàng ngày, đàn vịt trời đông đúc cứ nhởn nhơ trên vịnh Tryon. Elisabeth bảo trong nhiều năm tôi chẳng nói gì với nàng và tôi lại không muốn nàng nói nhiều với tôi. Ở hai đầu con đập, người ta dựng hàng rào chống bão. Chỉ có Randy, thị trưởng và tôi mới có chìa khoá cổng. Lúc những người đánh cá cho thuyền cắp sát vào, tôi đứng ở bếp rung chuông cho đến lúc họ bỏ đi. Tiếng họ mắng trả tôi lửng lơ trên mặt nước. Đôi lúc, họ không tự chủ nổi.

Người già bảo rằng khi dì Plutina Williams rời nhà trước lúc nước hồ dâng lên, bà đã đóng chặt cửa sổ và khoá cửa chính. Vài đường phố trong thị trấn Hồ Glen vẫn còn giữ tên từ thời Công ty Phát triển: *Air Strip Road, Yacht Club Drive, H.L Mencken Circle*.

Trước ngày ra đi, Elisabeth dạy lớp mẫu giáo của nhà thờ vào các chủ nhật. Năm nọ, nàng đưa cả lớp đến đây để tìm trú ẩn cho buổi lễ Phục Sinh. Khi nàng mở chiếc cổng phía trước, bọn trẻ xúng xính trong những bộ quần áo mới, bước xuống bờ dốc đầy cỏ tiến về phía hồ. Elisabeth đã một lần theo tôi xuống nhà turbine và át cả tiếng máy ầm ầm nàng hét vào tai tôi: *Tại sao anh không nói với em? Anh đang giữ gì trong đầu?* Tay cảnh sát trưởng mới nhậm chức đòi chìa khoá cánh cửa mở vào khu vực chống bão, song thị trưởng bác bỏ lời yêu cầu.

Cứ năm năm một lần, khách sạn Hồ Glen được bán đấu giá và được sửa sang lại, nhiều tấm biển thông báo treo ở bên ngoài trong khi khách sạn đang được sửa chữa.

Nhóm người già, ngồi dưới bóng của chiếc cổng vòm nhô ra từ tòa thị sảnh, ngắm nhìn. Một quan chức đến từ Florida đọc diễn văn về việc phục hưng vùng hồ Glen. Thị trưởng cắt băng khánh thành, mọi người vỗ tay. Nhưng thị trấn Hồ Glen không có đường bay lân câu lạc bộ thuyền buồm nên khách sạn chỉ hoạt động trong một mùa. Thời gian còn lại, hàng dãy thông báo phá sản trong thị trấn đứng xếp hàng trước mặt nó, trông như thể hàng cờ rủ.

Vào dịp lễ Phục Sinh ấy, Elisabeth vận chiếc váy mới màu vàng, lội trong hồ. Nước ngập đến bắp chân nàng. Bọn trẻ la hét ầm ĩ trên bờ. Có lẽ lúc ấy, khi ngắm nhìn Elisabeth, trong khoảnh khắc, tôi tin có sự hiện diện của Chúa. Đây là những gì đã xảy ra: vợ tôi, Elisabeth, có thai với ngài cảnh sát trưởng mới. Randy chẳng thèm đoái hoài gì đến nỗi bất hạnh của tôi nếu tôi không phải là người đầu tiên than thở. Tôi sẽ ủng hộ việc hắn trở thành người giữ đập mới. Buổi tối, từ lối đi men bờ đập, nhìn qua dòng sông đến tít tận đằng kia, chúng tôi thấy những ánh đèn của thị trấn. Chẳng có lí do gì để đến đây, để ở lại khách sạn 200 buồng. Chẳng có lí do gì để nán lại ở đây cả.

Randy câu rất giỏi, cần câu của hắn nhẹ và rất dẻo. Chỉ mấy buổi tối mà hắn đã kéo lên từ mặt nước đen sẫm gần một trăm chú cá lấp lánh, bóng loáng như mạ kền. Hắn mặc bộ đồ vệ sinh màu trắng khi câu. Hắn khoẻ nhưng không ở lại câu hết đêm. Đây là những gì tôi đã làm: tháo cái khung sắt bảo vệ hành khách từ chiếc xe tải thị trấn Hồ Glen của mình ra, buộc chặt nó vào mấy chiếc neo xoắn đóng trên bờ đập đầm sau lối đi bộ. Khi câu tôi phải buộc mình lại. Tôi không muốn bị lôi tuột xuống nước.

Randy đã hai mươi tuổi và có hai con. Hắn chưa kết hôn. Bạn gái của hắn cao, rám nắng và có duyên. Randy bảo cô nàng làm tình giống một con mèo cái. May người già kể lại rằng vào sáng ngày lúc nước dâng lên, có người hỏi dì Plutina tại sao bà đóng cửa sổ và khoá cửa chính, bà đáp: *Các người chẳng thể nào biết lí do đâu. Một ngày nào đó, có thể tôi này ý định muốn quay trở về.* Junie Wilson đã nhìn thấy bà. Tôi chắc rằng có lúc nào đấy tôi cũng sẽ gặp bà. Lần cuối cùng tôi ngủ với Elisabeth, hai trái tim cũng gõ nhịp trong lồng ngực nàng.

Randy sẽ hiểu hơn về thị trấn này. Thỉnh thoảng tôi có thể nhìn thấy Elisabeth uốn cong lưng nàng trên người tay cành sát trưởng mới. Randy bảo đừng nghĩ về điều đó. Hắn là kẻ trước đây rất giáo quyết, biết giá trị các kiểu tóc của mình, biết bợ đỡ các nhà chức sắc ở Florida. Rồi nữa, hắn có thể giữ chức thị trưởng. Hắn đưa bạn gái đến dự những cuộc liên hoan ngoài trời của các chủ doanh nghiệp trong thị trấn, kể cả việc cùng đến bơi tại nhà kính của thị trưởng, lâu đến nỗi đầu vú cô ta cứng lại như những chiếc cúc áo. Chiếc khung sắt bảo vệ là vật hữu ích: đôi lúc vào khuya tựa vào nó, tôi ngủ gật và mơ thấy một hình thể khổng lồ, lửng lơ trong làn nước dưới chân tôi, đôi mắt màu vàng của nó mở to, bất động. Tại bữa tiệc, tôi thấy Randy thì thầm điều gì đó vào tai bạn gái. Cô ta

cúi nhìn vạt áo phía trước rồi nói lớn: *Ôi, Lạy Chúa, Randy. Anh muốn em phải làm gì với nó bây giờ?*

Suốt các mùa hè của những năm ba mươi, khách sạn Hồ Glen là nơi đón những người không đủ khả năng đi nghỉ ở Catskills. Cạnh con đường dẫn đến khách sạn, nơi bấy giờ đã là Câu lạc bộ Khu vực, có một sân khiêu vũ lát bằng nhiều phiến gỗ nhô hẳn ra ngoài vịnh. Elisabeth mặc chiếc váy vàng mới, đứng trong hồ, tay giữ chiếc bình. Bọn trẻ học buổi chủ nhật ngồi sát mép nước nhìn những con nòng nọc. Vào mùa xuân, thị trưởng được các bác sĩ chẩn đoán bị ung thư tinh hoàn và đang chờ thử xem có phẫu thuật được hay không.

Ở con đập, tôi đã câu được nhiều cá trê cân nặng mươi tám, hai mươi bốn và ba mươi mốt pound - chỉ là những chú cá con. Randy nói những con nặng trên ba mươi mốt pound mới là cá lớn. Tôi nghĩ tôi đã làm hắn hoảng sợ. Tôi chụp bức hình mình đang giữ con cá trên tay và gởi đăng trên tờ báo ở Hendersonville. Râu của tôi dài và đẹp; con cá trê trông thực láu lỉnh. Tôi gởi một tờ đến Monte Sano tặng Elisabeth. Tay cảnh sát trưởng mới đi xe đến phía trước cổng của hàng rào chống bão, sau khi Randy về nhà và chiếu đèn pha vào tôi. Thậm chí tôi cũng không thèm mở sợi dây bảo hộ ra khỏi khung sắt ấy nữa. Thị trưởng không chạy đua để tái đắc cử. Tôi sẽ ở lại cho đến ngày tiến hành lễ nhậm chức thị trưởng mới. Tay cảnh sát trưởng mới sẽ sống với Elisabeth cùng đứa con của họ tại ngôi nhà của người trông đập; bạn gái của Randy lại có thai, ngôi nhà không đủ rộng để cả ba đứa trẻ cùng sống.

Dàn nhạc của vũ trường do các cậu bé ở trường cao đẳng Chapel Hill và những nhạc công người da đen, do mất việc phải lên miền Bắc kiếm sống, đảm nhiệm. Họ được trả lương theo các tối phục vụ. Trên bục dàn nhạc được rải thảm, họ chơi những bản nhạc phổ biến suốt những năm của thập kỉ

hai mươi. Những người tham dự, nhảy trên sàn gỗ lộ thiên bên trên làn nước hồ, trong ánh sáng của nhiều chiếc đèn lồng giấy và các ngọn đuốc hun muỗi đang cháy. Những tay bán rượu lậu, mặc đồ bảo hộ lao động, đội mũ rộng vành, đi những chiếc xe Model-Ts ra khỏi rừng nguyệt quế và bán rượu ở nhiều địa điểm khác nhau.

Cảnh sát trưởng mới từ New York đến đây. Gã được dân Florida cực kì ngưỡng mộ bởi phong cách nhã nhặn và các nếp nhăn trên quần dài của gã. Tôi cố ghét gã, song cảm giác ấy sao quá giống với thái độ thù hận chính bản thân mình về những gì tôi đã làm và những gì tôi chưa thể thực hiện. Dân Florida có quá nhiều tiền và chẳng phải làm gì. Họ chê bai các quan chức của thị trấn và xúi đấu đá nhau để tranh ghế hội đồng. Họ mặc đồ lót, lái xe đến Hendersonville, đi bộ dạo quanh các khu phố buôn bán. Randy đã không lờ ý định ra ứng cử vào hội đồng thị trấn. Thậm chí hắn còn giữ kín với tôi. Hắn sẽ tiến xa. Bạn gái của hắn sẽ trở thành đệ nhất phu nhân của thị trấn Hồ Glen.

Vào năm 1931, từ Chapel Hill thị trưởng đến đây vào dịp nghỉ hè và chẳng bao giờ quay trở lại. Ông chơi chiếc *trumpet* thứ hai trong dàn nhạc Hồ Glen. Dùng quỹ ủy quyền cho mình, ông mua mảnh đất phía trước hồ với giá phải chăng. Một đêm khiêu vũ nọ, thị trưởng kể, sau khi băng nhạc thu dọn nhạc cụ và đi về khách sạn, những người khiêu vũ cuối cùng vẫn đứng cạnh lan can sàn nhảy nhìn ra hồ. Sương mù từ mặt nước tỏa lên. Ếch nhái râm ran trong các lùm cây cạnh bờ sông. Thị trưởng nói rằng hắn những người khiêu vũ cuối cùng đã cởi bỏ áo quần, trần truồng lặn xuống hồ sương phủ. Ông kể khi họ cất tiếng cười, ông nghe rõ từ khoảng cách khá xa lúc ông rời đi, hay từ chiếc thuyền của ông khi nó trôi dạt trên mặt hồ tối đen giữa hai rặng núi trước khi mặt trời thức dậy. Nhiều đêm, tôi nghĩ nếu mình đánh xe

đến Câu lạc bộ Khu vực và tắt đèn thì có thể thấy những người khiêu vũ trong sương mù. Junie Wilson bảo tôi hãy tin có ma quỷ, tin vào tiếng nhạc đang vọng đến từ xa: tôi chẳng bao giờ chơi nổi một nốt. Tôi nhớ Elisabeth thường dặn gót chân xuống giường, ưỡn người lên - nàng có thói quen dùng tay kéo căng bầu vú. *Ma quỷ ở với chúng ta mọi nơi*, Junie Wilson nói.

Người già kể lại, vào tối hôm nước được tháo vào, thị trấn Uree đã tổ chức buổi khiêu vũ ngay trên bờ sông. Họ nói Jim Skipper trong lúc say rượu, đã i ngay giữa nền bếp rồi châm lửa dốt ngôi nhà của mình. Điều này đã xảy ra: Elisabeth và tôi cỗ sinh con suốt bảy năm trước khi chúng tôi đến gặp các chuyên gia sản khoa ở Asheville. Người già kể rằng toàn bộ thị trấn reo hò và nhảy theo vòng tròn ngay phía trước ngôi nhà đang cháy của Jim Skipper. Lúc ấy các chàng trai và cô gái phát cuồng lên với nhau, đã lén trốn và vội vã làm tình trong những ngôi nhà bỏ hoang. Đây là tối cuối cùng trước khi thị trấn chìm trong nước. Tất cả cây cối trong thị trấn Uree bị hạ gục. Chúng nằm ngả nghiêng theo tư thế bị đốn xuống.

Suốt Thế chiến II, chính phủ trưng dụng khách sạn Hồ Glen làm nơi điều trị các sĩ quan thuộc lực lượng không quân bị thương được đưa về từ châu Âu. Thị trưởng nói những phi công - không có vợ cùng đến khách sạn suốt ngày nằm im trên giường, mồ hôi nồng nặc mùi rượu. Buổi tối hoặc họ đến vũ trường, nơi có thể tán tỉnh các cô gái đi nghỉ hè hay các cô gái sống ở những vùng quê phụ cận, hoặc họ đến nhà chứa trên tầng hai của nhà hàng Glen Haven. Nơi này có nhiều loại điểm. Có ả đến từ Charleston, một vài cô là người ngoại quốc, người Gullah. Chiếc máy hát tự động lắc lư theo điệu nhạc. Đặc sản của nhà hàng là món cá trê rán và món thịt bò được chế biến đặc biệt. Nhà Tiên Tri từ Jupiter cùng vợ và năm con

sống trong tòa nhà Glen Haven bởi lẽ tiền thuê rất rẻ. Có mươi phòng ở tầng trên và năm phòng cạnh phòng khách nhỏ. Đầu mùa xuân, vào buổi sáng chủ nhật nọ, con trai của Nhà Tiên Tri là Zeke kể với Elisabeth rằng mình nằm mơ thấy Chúa Jesus đến nhà và kéo một xô nước lớn ra khỏi cái giếng để mọi người cùng uống.

Chuyên gia sản khoa, bác sĩ Suzanne Childress bảo tinh trùng của tôi thuộc loại kém sinh lực. *Em biết không phải tại em*, Elisabeth nói, *Em biết không phải em*. Bác sĩ Suzanne Childress nói: *Số lượng tinh trùng của ông bình thường. Chúng chỉ không đủ sức bơi đến để thụ tinh với trứng của Elisabeth thôi*.

Họ kể rằng Jim Skipper nằm bên dưới chiếc xe tải của mình suốt ba tuần cạnh hồ nước đang dâng. Gã mượn chiếc thuyền của Công ty Phát triển Hồ Glen để chèo quanh những ngôi nhà đang chìm dần xuống nước. Gã nhìn vào các cửa sổ cho đến khi chúng chìm hẳn. Gã nói gã không thể sống ở một nơi nào khác. Họ kể trước lúc tự bắn vào mình, Jim Skipper đứng trên chiếc thuyền mượn, đái xuống ống khói nhà ông lão Bill Burdette.

Elisabeth nói: *Anh luôn nghĩ là do em, có phải không?*

Bác sĩ Suzanne Childress nói: *Tôi nghĩ có lẽ chúng tôi sẽ điều trị bệnh của ông bằng cách bổ sung chế độ ăn uống. Các loại vitamin. Ông có tập thể dục không?*

Elisabeth nói: *Tôi sẽ thụ thai ngay bây giờ. Tôi có thể nói?*

Bác sĩ Suzanne Childress nói: *Tôi biết*.

Vì an ninh, vào năm 1944 người ta đóng cửa sàn nhảy ngay sau vụ gã say rượu có tên là Rudy Thomas trong trận ẩu đả giành Sunshine, một cô điếm ở Glen Haven, đã đâm chàng phi công lái B-27 người New York mười một nhát dao và đầy nạn nhân xuống hồ. Rudy Thomas chết vì bệnh lao tại nhà tù Trung tâm ở Raleigh vào năm 1951. Họ nói rằng Jim Skipper

là một người đàn ông tử tế nhưng cũng chính là đồ con hoang đên rồ.

Suốt mùa hè thứ hai của mình ở thị trấn, nhiều đêm liền trong tuần, thị trưởng đặt cô hầu phòng tựa vào trước kính chắn gió của chiếc thuyền máy Chiris - Craft 1928 của mình và làm tình với cô nhiều đến nỗi đôi chân quá yếu của ông đã làm cho ông suýt ngã nhào ra khỏi thuyền. Junie Wilson nói rằng máy chiếc hộp đặt bên cạnh trạm điện thoại - bởi ma quỷ đã lén vào đó - đã khiến hắn say đến nỗi hắn sợ mình sẽ ngã xuống hồ. Chiếc áo khoác quần quanh cổ Junie bảo vệ hắn thoát khỏi những linh hồn xấu xa. *Lavonia ngọt ngào, thị trưởng nói, có một cơ thể rực lửa mà bất kì một chàng trai nào cũng muốn vẽ hình cô lên thân máy bay của mình trước khi cất cánh lao vào cuộc chiến.*

Chàng thị trưởng trẻ tuổi cởi bỏ áo quần khi điều khiển chiếc thuyền máy lao nhanh trên mặt hồ trong đêm tối. Lavonia ngồi đợi giữa hai phiến đá trên bờ gần bãi cát ngập nước của Uree. Thị trưởng tắt máy, thả thuyền trôi bồng bềnh trên vịnh. Lavonia bước trên bãi cuội ngập nước, váy vén cao, đi về phía thuyền. Thân hình trắng trẻo của thị trưởng mờ mờ hiện trong bóng tối. Chiếc kèn trumpet của chàng ngân nga bài thánh ca theo nhịp chân vẫn vũ của nàng trên dòng nước. Những ngôi nhà và cả ánh sáng đã khuất xa tầm mắt. Lavonia thì thầm vào mỗi tối chàng ôm xiết nàng: *Anh đang truyền tội lỗi vào em.* Con thuyền xoay xoay trên mặt nước, thị trưởng được hưởng những gì chàng khát khao. Mặc bộ đồ lao động, đang chuẩn bị câu, Randy bảo tôi chẳng có bệnh tật gì hết. Điều quan trọng là nếu muốn có con, anh phải biết làm tình theo một tư thế nào đó, anh phải đưa tình trùng vào đúng nơi chúng cần tiếp xúc.

Sáng nọ Junie Willson đánh thức tôi bằng tiếng thét: *Mở cửa. Mở cửa.* Một trong những cảnh sát viên của thị trấn đã

bảo hắn rằng ma quỷ chẳng thể nào vượt qua đập. Khi một ai đó muốn vĩnh viễn giữ sạch ma quỷ ra khỏi đời mình thì cách duy nhất để đạt ước nguyện là phải bước qua một con đập - Junie mơ thấy ba bóng ma trong những giấc mộng của mình: hắn thấy một người đàn ông đứng trên thuyền, hắn thấy một phụ nữ cúi nhìn ra cửa sổ từ ngôi nhà chìm trong nước, hắn thấy mẹ hắn bước đi trên hồ. Hình ảnh trong cơn mơ cuối cùng ấy đã ám ảnh hắn rất nhiều bởi lẽ hắn không biết bơi. Hắn đứng trên bờ và thét gào mẹ quay lại. Chúng tôi đi băng qua đập, nước lan đến gần nơi Junie đứng, tôi cảm thấy không khí đang loãng tan xung quanh. Junie nói: *Tốt hơn hết mẹ đừng bước vào làn nước ấy nếu mẹ biết điều gì sẽ tốt cho mình.* Vợ tôi nói đúng: tôi chẳng bao giờ nghĩ lối tại mình. Sau khi hai đứa làm tình, Elisabeth kẹp chặt chân lại, thậm chí nàng vẫn giữ nguyên tư thế ấy trong giấc ngủ. *Lũ ma đang buộc tôi phải thức,* Junie nói. *Tôi chỉ có thể ngủ yên khi rũ bỏ được những bóng ma ấy. Ma quỷ đang hành hạ tôi.*

*Cơ thể em bất ổn,* Elisabeth thì thào, *em không thể có con.*

Tôi nói: *Anh vẫn yêu em.*

Trước khi chúng tôi đến gặp bác sĩ Suzanne Childress, tôi thích ngồi lên người Elisabeth, làm tình giữa hai vú nàng. Lavonia cố huỷ đứa con trong bụng bằng cách uống một lít rượu mua từ tay bán rượu lậu có tên Big Julie Cooper tại điểm bán rượu quanh vũng trường. Mãi đến năm lên bốn, Junie vẫn chưa biết nói. Ma quỷ bắt đầu ám hắn từ thuở lên mười hai. Lần đầu tiên, khi Lavonia trông thấy Junie nghịch của quý của hắn, bà lấy thắt lưng quật hắn và đe nếu hắn làm như thế lần nữa thì một con quỷ trắng toát sẽ xuất hiện, tay cầm con dao lớn và cắt bỏ nó đi. Khi tôi kết thúc, Elisabeth lấy khăn chùi ngực và cổ.

Đám bọ bay tựa những thiên thần trong ánh sáng lợt lạt của ngọn đèn dầu và sau đó quay tròn rồi rơi xuống nước.

Randy đâm mạnh ngón tay trỏ lên trời: *Đây là dạng phu nữ đặc biệt, người anh em, theo tư thế đàn sau. Tình trùng sẽ đi thẳng như đườngidan.* Hàng tháng, thị trưởng trợ cấp cho Lavonia khoản tiền nho nhỏ cho đến ngày nàng qua đời cách đây ba năm. Ông ta không cho Junie tiền bởi lẽ hắn sẽ thả những đồng đôla ấy xuống chiếc cầu bắc trên vịnh Tryon. Hắn làm điều đó nhằm để ma quý sẽ không khởi động máy móc của chúng khi hắn đi cạnh các trạm điện thoại. Thị trưởng nói: *Lạy Chúa, nếu tôi có đưa cho thẳng nhóc một triệu đôla thì nó cũng sẽ quẳng dần xuống dưới chiếc cầu chét tiệt ấy.*

Randy nói: *Người anh em, phu nữ sẽ phát rõ khi anh chuẩn bị làm tình theo kiểu ấy. Họ sẽ khiến anh hứng khởi đến tuyệt đối. Có điều là anh phải chú ý chọn đúng thời điểm. Anh phải xuất khi đưa sâu vào.* Hắn vỗ lòng bàn tay vào mặt sau của bàn tay kia. *Bang.* *Anh gấp phải một dạng đàn bà rắc rối khi anh muốn có con.*

Junie Wilson và tôi băng qua băng lại con đập mãi cho đến khi chuông báo hiệu reo, tôi phải đóng cổng và tắt máy. Tôi không nói cho Junie biết về những cỗ máy trong nhà turbine. Từ Monte Sano, Elisabeth gọi điện: *Em biết bây giờ anh không còn tin điều ấy nữa nhưng tất cả những gì em muốn là sự quan tâm của anh dành cho em.* Trong căn buồng dành cho những người đàn ông vô sinh tại phòng mạch của bác sĩ, tôi chống hai tay lên tường, Elisabeth giúp tôi lấy tinh trùng vào chiếc lọ thủy tinh. Junie bảo hắn chẳng cảm thấy đỡ hơn, rồi tôi nói đi qua đập cũng chẳng giải quyết được bất kì việc gì.

Mùa thu, không khí trên hồ dày đến nỗi bạn có thể nhìn thấy chúng. Lớp sương mù dày đặc ấy đã ngăn không cho mắt thường nhìn thấy gì đâu chỉ trong khoảng cách rất ngắn. Mặt nước dịu êm, ngả sang màu xám xám. Những tia sáng từ thị trấn Hồ Glen yếu ớt xuyên qua lòng sông tự như hình thể

đang cố vươn dậy của nó. Trên bờ hồ, cảnh sát ngồi mở máy điều hoà trong những chiếc xe chuyên dụng của họ. Các nữ sinh trường cao đẳng đang nhuộm màu những đôi găng bóng rổ. Bạn gái của Randy đã trở nên nặng nề, Randy ít đến câu; lũ cá vẫn còn nhiều nhưng chúng không đớp mồi nữa. Nhà Tiên Tri từ Jupiter nhăn nhó nói thời tiết nóng bức đã khiến vợ ông ta tỏa mùi như mùi bốc lên từ vật đất màu mỡ và đây cũng là cách Chúa ban ân sủng cho ông ta. Vào những ngày hè nóng nực, lũ ma quỷ mở máy suốt đêm ngày. Junie Wilson lê chân qua thị trấn như một gã say. Nếu tôi biết một điều duy nhất đúng để kể cho bạn thì nó đây: ở Bắc Carolina, thậm chí ngay cả trên núi, bạn nên dành hơn một tháng trong đời mình để trải qua một mùa thu tại đó.

Tháng Chín không lạnh hơn, bầu trời sáng sủa như hứa hẹn một tương lai rực rỡ. Thị trấn bắt đầu chuẩn bị ra đi. Đám nữ sinh cao đẳng đi trước, làn da rám nắng của họ nhạt đi, đoàn xe máy, xe đạp chở nặng nề nối đuôi nhau rời khỏi khu cắm trại, lăn bánh trên đường cao tốc mờ mờ. Các chàng trai, cô gái đầm mồ hôi vẫy tay chào tạm biệt trong cánh rừng nguyệt quế và nhắc lại lời hẹn ước lần cuối. Quanh hồ từng gia đình đến nghỉ hè đã khoá cửa, quay về nơi họ đến vào tháng Sáu. Giới chức sắc ở Florida đã thống nhất quyết định ai sẽ là thị trưởng mới, nhưng nhiều ứng cử viên hội đồng đã đánh xe quanh thị trấn vào buổi tối, dỡ bỏ các áp phích tuyên truyền tranh cử của nhau. Bộ râu của tôi dài chấm nửa ngực. Junie Wilson dùng tay che mặt giống như một người mù khi đi qua thị trấn để khỏi nhìn thấy những gương mặt rạng rỡ đang áp vào ống nghe điện thoại. Chiều nọ, tôi nằm ngủ trước một chiếc quạt và mơ về những ngày của mùa xuân: Elisabeth lội trong hồ, còn tôi ngồi trên bờ ôm đứa trẻ tóc vương mùi nắng. Tôi quay số điện thoại - tình yêu 1 - 900 đến thị trấn Hồ Glen, người đàn bà có tên Betty nói nàng đang khắc khoải đợi tôi.

Trong những ngôi nhà mùa hè khoá chặt, chuông báo trộm không ngừng reo nhưng chỉ có loài dơi lảng nghe. Suốt đêm những chiếc đồng hồ tự động vẫn nháy nháy. Những căn phòng trống rỗng và lạnh lẽo.

Mùa thu từng đàn vịt trời rời đi bay theo hình chữ V ngược trên bầu trời cùng lúc những người nghỉ hè quay về. Từ Charlotte và Greenville, khách du lịch cuối tuần đến nghỉ nhập với đoàn người ra về và mua bí. Đàn vịt trời chao cánh hạ sát xuống dòng sông phía trước nhà tôi, cánh chúng lướt nhanh tựa suối máu, băng qua đập rồi bất thình lình lao vút lên bầu trời: Dân Florida đốt lá trong vườn và hít hít khói như thể đấy là thuốc Mentholatum. Randy nói: *Người anh em, tôi hi vọng sẽ chẳng có gì khó khăn cả*, và không đến câu nữa. Sáng sớm nọ, dây cần câu của tôi bị kéo căng, tuột xuống mặt nước đến hai mươi yard. Khi tôi giật, cần câu cong oằn bởi sức nặng kinh khủng bám đầu lưỡi. Lát sau dây câu đứt. Tôi hôm sau, tay cầm súng trường mới đỡ chiếc xe Jeep của hắn bên ngoài cổng đập, mở máy chiếc loa cầm tay. Trong thị trấn Uree, dì Plutina Williams ngồi trong nhà nhìn qua cửa sổ. Jim Skipper đi vào đi ra loanh quanh trong mấy ngôi nhà. Con cá khổng lồ bơi xuyên qua không trung tựa chiếc khinh khí cầu. Cảnh sát trưởng mới nói vào loa: *Nghe này, cảnh sát trưởng đây, tôi chỉ - và ngay lập tức im bặt, quay lại, lên xe lái đi.*

Tháng Mười Một năm 1928, con đập hồ Glen gần như bị nước cuốn sạch. Sau một tuần mưa ròng rã, một cơn lũ kinh hoàng tràn xuống từ các rặng núi, trong lúc người giữ đập không mở cửa xả lũ kịp thời. Nước dâng lên, ngập đầy lòng hồ mà lúc ấy tựa như cái chén khổng lồ, trước khi tràn qua đập. Ông lão Bill Burdette đánh chiếc xe tải mới của mình từ trên núi xuống báo cho mọi người biết rằng lũ đang đến: hồ nước biến thành dòng sông, mở lối chảy qua khoảng đất thấp ngay

đầu con đập. Người ta kể công nhân của đội xây dựng thuộc Công ty Phát triển hồ Glen đã đẩy sáu chiếc moóc chở ngôi lợp màu đỏ từ khách sạn đến đổ xuống rãnh nước vừa bị xói. Từ trong rừng nguyệt quế, dân địa phương chạy đến, dầm mưa, xúc cát cho vào bao mang đến thả vào chỗ nước xoáy. Nhưng nước vẫn phá tung chỗ lấp, chảy ào qua đống ngôi và bao cát. Đám công nhân lăn cả sáu chiếc moóc xuống dòng nước. Họ mang tất cả đồ đạc, và cả hai chiếc bếp trong nhà người giữ đập quẳng xuống nước. Họ đẩy ba chiếc xe Ford Model-T của công ty và cả chiếc Pierce-Arrow của viên quản lí xuống dòng chảy cắt ngang đầu con đập. Nhưng nước vẫn luồn qua chỗ vỡ, chảy xuống đồi về phía dòng sông.

Tháng Mười này, công nhân thị trấn hồ Glen treo nhiều tấm vải quảng cáo màu đỏ và vàng theo hình những chiếc lá trên các sợi dây điện nối giữa các trạm điện thoại. Người ta dựng nhiều quầy bán rượu, hàng dãy kiốt bán văn phòng phẩm, sách báo tranh ảnh và một sân khấu nhỏ trên khu vực đỗ xe ngay trước khách sạn Hồ Glen. Phòng thương mại thị trấn đặt tên cho khu kinh doanh này là Color Fest và quảng cáo nó trên kênh truyền hình Asheville. Hàng trăm du khách đổ xô đến. Mặc dù trời ấm họ vẫn mặc áo len màu sáng. Tôi cảm nhận ánh mắt dân thị trấn nhìn mình: hắn sẽ làm nghề gì nhỉ, khi họ nghĩ tôi không chú ý đến họ. Râu tôi dài tựa suối tóc. Đội khiêu vũ của trường trung học Hendersonville giậm sàn gỗ uyên uỳnh. Máy chú nhóc đứng cạnh sân khấu ngược nhìn lên những gấu váy trắng đang quay tít của các nữ sinh khiêu vũ. Chủ của Shithead nắm xích đưa chú qua đám đông. Nhà Tiên Tri từ Jupiter và vợ bán những chiếc ghế lưng gập bé xíu cùng mớ roi bện trong quầy hàng và tặng những cuốn sách mỏng viết về sự siêu thoát tinh thần để lên miền Cực lạc. Junie Wilson, người luôn van nài ai đó giúp đỡ trước khi quý sứ đến cắt của quý của hắn, đang chìa dương vật cuồng cứng

của mình trước ba cô cháu gái của ông lão Bill Burdette đang ngồi trên thùng chiếc xe Reo 1916.

Năm 1928, tại chỗ con đập bị cuốn trôi, công nhân đứng nhìn nhau trong mưa. Mọi thứ sắp trôi tuột theo dòng nước. Viên quản lí của Công ty Phát triển Hồ Glen rút ra khẩu Colt ổ đạn xoay và một hộp đạn. Khi mọi người đang chán chường, Big Julie Cooper nâng khẩu súng, bắn vào giữa trán hai mươi bốn con lừa của Công ty Phát triển. Những người làm công nhanh chóng ném xác những con lừa đã chết hoặc đang hấp hối lên trên mây chiếc xe car, xe moóc, đống ngói đỏ, đồ đạc và bếp lò trước khi mưa nhẹ hạt và nước rút xuống lòng hồ. Lúc ấy, viên quản lí tung mũ mình xuống rãnh nước, nhảy điệu Jig và nói: *Hỡi các chàng trai trẻ, bạn không để mất nước của mình cho đến khi con đập của bạn bắt đầu bước đi.*

Ngày những con đường khô ráo, Công ty Phát triển cử một toán công nhân mang xêng lên xúc đất từ các sườn núi vùi cả đống gạch ngói, xe cộ và mây con lừa. Nhưng công việc ấy không được tiến hành trước lúc thời tiết trở lại bình thường và lúc mây con lừa trương phình lên, thổi inh dưới nắng thu muộn. Họ nói bạn có thể ngửi mùi lừa thối từ nhiều dặm. Thậm chí vài con trong số ấy đã nổ tung. Công nhân đang lợp mái khách sạn - ở mãi tận bên kia dòng sông cũng phải dùng khăn tay làm khẩu trang để tránh mùi hôi. Họ nói, từ khoảng cách rất xa bạn cũng có thể nhìn thấy đàn diều hâu và quạ đen bay lượn trên rãnh đập bị xói. Buổi tối, gấu lẩn ra khỏi rừng Rumbling Caesar để ăn xác lừa thối. Big Julie Cooper nói: *Thề có Chúa, bây giờ hãy để tôi kể cho bạn nghe. Cái đỗ con hoang chết tiệt ấy lại thích bỏ cuộc.*

Lúc ba cô cháu của ông lão Bill Burdette hé lén, cảnh sát trưởng mới bẻ quặt tay Junie Wilson ra sau lưng. Junie thét: *Jesus. Jesus. Ôi Lạy Chúa, làm ơn đừng cắt tôi, và cố vùng ra.* Toàn bộ những người ở Color Fest chạy đến gần và lặng lẽ

đứng nhìn trong lúc Junie và cảnh sát trưởng mới đang vần nhau. *Tao sē không làm mày bị thương, Junie*, cảnh sát trưởng mới nói. Hai cảnh sát thị trấn đến giữ Junie lại trong lúc cảnh sát trưởng mới cẩn thận xích tay và trói chân hắn bằng ba chiếc roi mà thị trưởng lấy từ quầy của Nhà Tiên Tri từ Jupiter. Cảnh sát trưởng mới che dương vật của Junie bằng tấm vải quảng cáo Color Fest màu đỏ, hình chiếc lá. Tấm áo khoác quần quanh cổ Junie bung ra che lấy mặt hắn. Cảnh sát trưởng mới tháo rã trao cho thị trưởng. Junie gào gọi mẹ, gọi mẹ mãi cho đến khi mắt trợn ngược, thân hình bắt đầu co giật. Shithead rú lên. Suốt thời gian ấy, đội khiêu vũ trường trung học Hendersonville vẫn nhảy, xoay, mắt dại đi trên sàn gỗ bập bềnh.

Thứ hai đầu tiên sau ngày lê Tạ Ông, tôi mở một trong những chiếc cổng phòng lũ để tháo bớt mấy phân nước trong hồ. Randy sẽ lấy đầy nước lại vào ngày thứ hai đầu tiên của tháng Hai. Công việc của hắn là duy trì đều mực nước hồ. Hằng ngày, đứng trên đập phía ngoài sông dẫu cho tôi cố đái thành dòng nước nhỏ chảy xuống tận lòng máng nước thì điều ấy chẳng thể nào thực hiện được. Khi mực nước hồ hạ thấp, mấy chiếc cột của nhà để thuyền cũ nhô lên trông như thể chân của người già. Bạn gái Randy sắp sinh, vú cô ta trễ xuống. Cảnh sát trưởng mới hàng tuần sống ba ngày với vợ tôi ở Monte Sano. Khách sạn đóng cửa, tối om, treo biển bán.

Khi nước rút xuống, những người sống ở đây gần một năm, thay những tấm ván mục trên bến thuyền và các bậc thang gỗ xuống bến không được sơn đã bị hỏng của họ. Quanh hồ vang lên tiếng cưa gỗ. Màu nước trên thị trấn Uree dường như sẫm màu hơn bất kì khu vực nào trong hồ. Tôi ước ao tháo thấp nước hồ đến mức có thể tận mắt thấy được những gì dưới đó. Vào lúc kết thúc đêm cuối cùng ấy, khi ngôi nhà của Jim Skipper cháy trụi thành đống tro tàn.

dân thị trấn Uree hát *Chúng ta sẽ tụ tập cạnh dòng sông*, đứng thành vòng tròn, nhìn những ngôi nhà, chuồng gia súc, nhà kho của họ, thầm mong ước được đứng mãi thế cho đến lúc mặt trời đi qua đập, chiếu thẳng xuống máng nước. Böyle giờ thị trưởng hầu như ở trong nhà. Người thay thế ông đã được bầu. Randy thắt cà vạt, mặc áo khoác thể thao, đến gặp thị trưởng mới để bàn bạc phương thức sản xuất điện hiệu quả hơn. Thị trưởng vận máy điều hoà nhiệt độ lên đến số tám mươi lăm mà vẫn cảm thấy chưa đủ ấm. Kết luận từ bệnh viện Morganton của bang về Junie Wilson rằng hắn không biết mình ở đâu hoặc việc gì đã xảy ra và la hét mỗi khi thấy một bác sĩ mặc blu trắng.

Tuần lễ trước Giáng Sinh hồ bắt đầu đóng băng khi đợt không khí lạnh tràn về. Có nhiều máng băng trắng trên hồ, tan dưới ánh nắng và đóng băng trở lại vào đêm tối. Nhiệt độ hạ thấp nhanh trong đêm Noel, những tảng băng dính lại, nhốt cứng chú vịt đã được thuần hóa trên vịnh Tryon. Shithead, lần theo vết con vịt, bị tụt xuống mặt băng và không thể nào ngoi lên được. Chỉ trong vòng mười lăm phút, cả thị trấn Hồ Glen đổ xô lên chiếc cầu trên vịnh Tryon và hét: *Cố lên, Shithead. Cố lên, nhóc, may có thể xoay xở được.* Chẳng một ai có thể nhớ nhà nào có ca nô hay nghĩ ra cách cứu con chó. Nhà Tiên Tri từ Jupiter, trước lúc ai đó kịp ngăn lại, đã chạy băng qua lớp bùn đóng băng, trườn người trên lớp băng mỏng. Con vịt bị băng giữ giữa hồ đang đập đôi cánh. Tôi đứng bên cạnh cảnh sát trưởng mới trên bờ và gào bảo Nhà Tiên Tri: *Hãy nằm yên! Nằm yên!, chúng tôi sẽ tìm cách cứu ông.*

Nhà Tiên Tri từ Jupiter mấp máy môi rồi bắt đầu lẩn từng tí một trên mặt băng. Băng nứt phát ra tiếng kêu dưới sức nặng của ông. Các vết nứt trên mặt băng bắn ra từ dưới cơ thể ông trông như thể những tia sáng bị đóng băng. Nhà Tiên

Tri tiếp tục lân tới, từng tí một, chúng tôi nín thở cho đến lúc ông đưa tay đến được hố nước, chộp lấy cổ Shithead kéo lên mặt băng. Băng vẫn chắc. Con chó đứng run một lát rồi lê bước vào bờ, bụng của nó kéo rẽ trên mặt hồ băng.

Chúng tôi vừa mở miệng reo hò thì một tiếng nứt tựa phát súng vọng lại, Nhà Tiên Tri từ Jupiter biến mất. Ông trôi lên một lần - trông ông kì lạ hơn bất kì vật thể nào khác, khuôn mặt ông trắng nhợt đầy tử khí, mồm là chữ O đen ngòm - và sau đó biến mất, không ngoi lên lần nào nữa. Trên cầu, năm đứa con trai của Nhà Tiên Tri đứng như trời trồng, kêu khóc và vỗ với tay về phía hồ băng. Bạn gái của Randy ôm chặt vợ Nhà Tiên Tri. Bà thét: *Ôi lạy Chúa! Ôi lạy Chúa!* và cố nhảy ra khỏi cầu. Lúc chúng tôi đưa được thuyền ra hồ, dùng búa phá vỡ băng, thả những sợi dây thừng có móc xuống làn nước đen ngòm, móc và kéo được ông lên thì kể cả Chúa cũng vô phương cải tử. Con vịt bị kẹt băng giữa hồ, đập thân nó vào băng cho đến lúc chết. Cảnh sát trưởng mới ngồi xuống bờ và khóc như một đứa trẻ.

Dòng sông lê của Elisabeth đã tràn bờ tối hôm ấy. Cảnh sát trưởng mới gọi thị trưởng và bỏ đến Monte Sano. Thị trưởng gọi tôi. Tôi bước lên, bước xuống, quay về con đập cho đến khi tất cả ma quỷ ở hồ Glen vo vo bên tai như tiếng điện. Tôi thấy Nhà Tiên Tri từ Jupiter ngồi với ông lão Bill Burdette trên chiếc xe Reo 1916 đi xuống đường phố thị trấn Uree, về hướng ánh sáng chiếu ra từ cửa sổ của dì Plutina Williams: tôi nhìn thấy con cá trê lớn băng người, có những sợi râu dài tựa mấy chiếc roi tép băng da bò đang nằm dưới chân Nhà Tiên Tri và nói băng hàng ngàn thứ tiếng kì lạ khác nhau; tôi thấy nhiều người khiêu vũ ôm nhau trong không trung lẩn bước về phía tiếng nhạc mà tôi chưa từng được nghe: tôi thấy Lavonia khoả thân và xinh uốn dang tắm, kì cọ Junie trong vịnh nhỏ đầy ánn trắng: tôi thấy Elisabeth đứng

sát mép hồ trong mùa xuân, tay bồng đứa bé thơm mùi nắng trời; tôi thấy cảnh sát trưởng mới ngồi trong thuyền canh chừng già đình mình; tôi thấy thị trưởng quỳ gối nguyện cầu ở Gullah bên cạnh các cô điếm Charleston; tôi thấy Jim Skipper, Rudy Thomas và Big Julie Cooper chờ viên phi công đầm đìa máu trên chiếc moóc do hai mươi bốn con lừa kéo đến cạnh bờ sông; tôi thấy Nhà Tiên Tri từ Jupiter cùng năm con trai bay vút lên khỏi hồ tựa những quả tên lửa được bắn lên nhân ngày mồng bốn tháng Bảy và cất lời hiệu triệu bằng thanh âm rực sáng diệu kì bằng ngôn từ của lửa:  *Hãy vươn lên, hỡi những đứa con của nước. Hãy đứng dậy và kết đoàn trong vương quốc bao la của Chúa Trời.*

LÊ HUY BẮC *dịch*

LOUISE ERDRICH  
(Mĩ)

## FLEUR

Lần đầu tiên suýt chết đuối trong làn nước lạnh giá, trong suốt của hồ Turcot, Fleur Pillager mới chỉ là một cô bé. Hai người đàn ông trông thấy mũi thuyền và thấy cô đang vật lộn trong những con sóng. Họ chèo đến chỗ cô chìm và nhảy xuống. Khi họ kéo được cô qua mạn thuyền, sờ vào thấy người cô đã lạnh và cứng đờ, nên họ day mặt cô, cầm gót chân cô xốc xốc, gập đi gập lại hai cánh tay cô, giàn lung cô cho tới khi cô ộc hết nước hồ ra. Cô rùng mình toàn thân như một con chó rồi bắt đầu thở. Nhưng không lâu sau đó, hai người đàn ông ấy đều biến mất. Người đầu tiên mất tích, còn người kia, Jean Hat thì bị xe ngựa cán chết.

Nó chứng tỏ đây, bà tôi nói. Rõ là nó đã chọn cô. Vì cứu Fleur Pillager, hai người đàn ông ấy đã mất mạng.

Lần thứ hai ngã xuống hồ, Fleur Pillager đã hai mươi tuổi và chẳng ai dám đụng vào người cô cả. Cô bị giật vào bờ, da cô ngả màu xám xỉn, nhưng khi George Many Women cúi sát xuống, ông thấy ngực cô thoi thóp. Rồi đôi mắt sắc đen trọn ngược lờ đờ mở ra, cô nhìn ông ta. “Ông sẽ thế mạng tôi”, cô ta rít lên. Tất cả mọi người bỏ chạy tán loạn, để lại mình cô ở đó, nên không ai biết làm thế nào mà cô lê về được đến nhà. Ngay sau đó, chúng tôi đều thấy Many Women thay đổi, trở nên sợ

hãi, không dám rời khỏi nhà, không thể nào bắt được ông ta đến gần nước. Vì sự cẩn trọng của mình, ông sống cho tới ngày con trai ông mang cho ông một chiếc bồn tắm bằng sắt tây. Khi lần đầu tiên sử dụng chiếc bồn ông đã bị trượt chân, ngã sấp xuống, ngọt nước, trong khi vợ ông đang đứng trong một căn phòng khác chuẩn bị bữa sáng.

Dàn ông đều tránh Fleur Pillager sau vụ chết đuối thứ hai này. Mặc dù cô xinh xắn, nhưng không ai dám tán tỉnh cô bởi vì rõ ràng là Misshepeshu, hà bá, một con quái vật, muốn giữ cô cho riêng mình. Hắn là một con quỷ, một kẻ đói tình với dục vọng và khát thèm thịt da của các cô gái trẻ, khoẻ mạnh và táo bạo, đặc biệt là những cô giống Fleur.

Các bà mẹ cảnh cáo rằng chúng tôi sẽ nghĩ hắn đẹp trai, vì hắn xuất hiện với đôi mắt xanh, nước da màu đồng, cái miệng mềm mại như miệng một đứa trẻ. Nhưng nếu bạn ngã vào vòng tay hắn hắn sẽ mọc sừng, mọc răng nanh, mọc vuốt, mọc vây. Bàn chân dính lại với nhau và da hắn, đâm vảy bằng đồng thau, phát lên tiếng kêu leng keng chạm vào. Một khi bạn đã bị hớp hồn, thì không thể nào cử động nổi. Hắn quăng một chuỗi hạt vỏ sò vào chân bạn, nước mắt nhỏ ra sẽ biến thành mêca trên ngực bạn. Hắn chế ngự bạn. Rồi hắn biến thành một con sư tử hay một con giun nâu béo mũm. Hắn được làm bằng vàng. Hắn được làm bằng rêu biển. Hắn là một loại bọt khô, là cái chết của những người chết đuối, cái chết mà một người Chippewa không thể thoát được.

Chỉ trừ phi bạn là Fleur Pillager. Tất cả chúng tôi đều biết cô ấy không biết bơi. Sau lần chết đuối đầu tiên, chúng tôi nghĩ cô ấy không bao giờ quay lại hồ Turcot nữa. Chúng tôi nghĩ cô ấy phải giữ mình, sống lặng lẽ, đừng giết chết dàn ông theo cái kiểu chết đuối trên hồ. Sau lần đầu tiên, chúng tôi nghĩ cô ấy phải giữ cách sống tốt. Nhưng rồi, sau lần suýt chết đuối thứ hai, chúng tôi biết rằng mình đang dính líu đến

một điều gì đó nghiêm trọng hơn nhiều. Cô ta bị hớp hồn, không làm chủ được. Cô ta làm loạn với quý, cười vào lời khuyên của các bà già, và ăn mặc như một gã đàn ông. Cô đã nhiễm phải một loại thuốc nửa lâng quên nào đó, mày mò những thứ chúng tôi không dám nói đến. Có người nói cô còn giữ ngón tay của một đứa trẻ trong túi và một ít bột phôi thai thỏ trong cái vòng da đeo quanh cổ. Cô đặt tim cú mèo lên lưỡi mình, nên cô có thể nhìn thấy vào ban đêm, và rút hồn ra khỏi xác để đi săn. Chúng tôi biết chắc điều đó, bởi vì sáng hôm sau, trên tuyết hoặc bùn bẩn, chúng tôi theo sau những vết chân trần của cô và nhận ra chỗ chúng thay đổi, chỗ những móng vuốt hiện ra, gan bàn chân nới rộng và lún sâu vào trong đất. Ban đêm, chúng tôi nghe thấy tiếng ho lục khục của cô, tiếng ho của một con gấu. Ban ngày cô yên lặng và nhẹ rộng hàm răng, cô tước mất sự tự chủ của chúng tôi, làm chúng tôi sợ hãi. Đôi người còn nghĩ rằng Fleur Pillager nên được đưa đến một vùng biệt lập, nhưng không tự một người nào đủ dũng cảm để nói ra điều đó. Và cuối cùng, khi mọi người chuẩn bị họp nhau lại đuổi cô đi thì cô tự bỏ đi và không quay trở lại suốt cả mùa hè. Đó là điều mà câu chuyện này đề cập đến.

Trong suốt mùa hè đó, khi cô sống cách đó vài dặm ở phía Nam thuộc vùng Argus, nhiều chuyện đã xảy ra. Cô hầu như phá tan thị trấn đó.

\*

Khi cô xuống Argus vào năm 1920, hai bên đường ray xe lửa mới chỉ có sáu con đường nhỏ mỗi bên. Có hai thang máy, một tổng đài điện thoại, một tổng đài khác cách xa vài dặm về phía Đông. Hai cửa hàng cạnh tranh buôn bán vì ba trăm công dân, ba nhà thờ mâu thuẫn với một nhà thờ khác vì phần

hôn của họ. Có một tòa nhà điêu hành cho những người theo thuyết Luther, một tòa bằng gạch nặng nề cho những người theo Tân giáo và một nhà thờ Công giáo hẹp dài lợp ván. Trên đỉnh nhà thờ này có một tháp chuông nhỏ cao vút, cao gấp đôi ~~cứ~~ bất cứ một ngôi nhà hay một cái cây nào.

Không do dự, cô đi qua cánh đồng lúa mì bằng phẳng, thấp; từ con đường khi đi bộ tới gần Argus, Fleur thấy cái gác chuông đó hiện lên, cái bóng mảnh như một chiếc kim. Có thể không gian nguyên sơ ấy đã lôi cuốn cô nhanh như một cái cây trơ trụi bị kéo đổ trong ánh chớp. Có lẽ, cuối cùng, những người theo đạo Công giáo cũng đáng khiển trách. Vì nếu cô không trông thấy cái dấu hiệu của sự kiêu hãnh đó, kẻ cầu nguyện nghèo nàn đó, cái dấu hiệu đó, thì có lẽ hẳn cô đã tiếp tục bước đi.

Nhưng Fleur Pillager đã rẽ vào, một khi cô vào thành phố thì nơi đầu tiên cô đến là cửa hậu phòng cha cố nối liền với tường bao nhà thờ. Không phải cô đến đó để xin của bố thí, mặc dù cô có làm điều đó, mà cô đến để hỏi việc. Cô đã được việc, hoặc thị trấn đã được cô. Không khó nói nguyên nhân dẫn đến sự tồi tệ, cô, dân chúng ở đó hay cái thị trấn ấy, mặc dù sự rối loạn của thị trấn là tất cả những gì liên quan đến cách sống của Fleur.

Bốn người đàn ông ở cửa hàng thịt đã mổ xé hàng ngàn con vật, có lẽ một nửa trong số đó là những con bò non thiến, nửa còn lại là lợn, cừu, thịt thú săn như hươu, nai sừng tấm và gấu. Thậm chí còn chưa kể đến gà, những con gà cần phải tinh đến vào nửa còn lại. Pete Kozka là chủ lò mổ, ông ta thuê Lily Veddar, Tor Grunewald và bố dượng tôi, Dutch James - người đã mang mẹ tôi xuống thị trấn từ vùng đất cấm một năm trước khi bà làm ông thất vọng bởi cái chết của bà. Dutch bắt tôi bỏ học để thay thế chỗ bà. Một nửa thời gian tôi trông nhà và làm những việc khác trong cửa hàng thịt, quét sàn, rải

mùn cưa, đem chân giò qua phố để khách hàng ninh đậu hay mang một gói xúc xích đến góc phố. Tôi là một người để sai vặt tốt, bởi thế nếu họ cần, tôi lại biến mất. Tôi ẩn vào những bức tường nâu ố màu, đứa con gái gầy giơ xương, mũi to với đôi mắt nhìn chầm chằm. Bởi vì tôi có thể ẩn vào một góc, hoặc ép chặt, người bên dưới giá sách, nên tôi biết tất cả mọi chuyện, những gì cánh đàn ông nói khi không có ai xung quanh và những gì họ nói về Fleur.

**Thịt cửa cửa hàng Kozka** phục vụ cho nông dân trong phạm vi năm mươi dặm, cửa hàng đảm nhận cả việc mổ thịt, vì ở đó có bãnh nhốt và máng để làm thịt xông khói hay tẩm gia vị vào xúc xích. Cái kho giữ lạnh là cả một kỳ công, được xây bằng gạch dày, đất cách điện và gỗ Minnesota, lót bên trong bằng mùn cưa và những tảng băng to lấy từ hồ Turcot vào mỗi mùa đông, được kéo về nhà bằng xe trượt tuyết do ngựa kéo.

Toà nhà lót ván xiêu vẹo, một phần làm lò mổ, một phần làm cửa hàng, được gắn liền với kho giữ lạnh vuông, dày và thấp. Đó là nơi Fleur làm việc. Kozka thuê cô vì cô khoẻ. Cô có thể nhắc một cái dùi gia súc hay mang một cọc xúc xích mà không run rẩy, cô sớm học được cách pha thịt từ vợ Pete, một người có mái tóc tơ hoe vàng, hút thuốc hết điếu nọ đến điếu kia, cầm những con dao sắc như dao cạo với vẻ điềm tĩnh, chính xác, lạng thịt gân sát đến những ngón tay nhem nhuốc của mình. Fleur và Fritzie Kozka làm việc vào buổi chiều, gói những miếng họ đã cắt vào giấy, và Fleur lôi những gói hàng đến kho chứa. Chỗ thịt được để lại bên ngoài cánh cửa gỗ sồi nặng nề đó, cánh cửa chỉ mở vào năm giờ mỗi buổi chiều, trước khi cánh đàn ông ăn tối.

Đôi khi Dutch, Tor, Lily ăn ở nhà kho và khi họ ăn tôi cũng ở đó lau sàn, cho thêm củi vào những cái lò ở nhà hun khói phía trước, trong khi cánh đàn ông ngồi quanh chiếc lò

thấp bằng gang kẹp những xiên cá trích vào bánh mỳ. Họ chơi bài xì hoặc kipbi khá lâu trên tấm ván lấy từ đáy phẳng của một chiếc thùng đựng muối. Họ nói còn tôi thì lảng nghe, mặc dù chẳng có gì nhiều để nghe, bởi ở Argus hầu như không có chuyện gì xảy ra. Tor đã cưới vợ, Dutch đã để mất mẹ tôi, còn Lily thì đọc thông báo. Họ chủ yếu tranh cãi về những cuộc bán đấu giá sắp tới, đồ đạc hoặc dàn bà.

Pete Kozka rất thường xuyên đến khu nhà ở phía trước chơi một ván úyt, để Fritzie hút thuốc và rán bánh rán bột nồi ở phòng sau. Ông ngồi chơi vài ván nhưng vẫn tiếp tục ruồi theo ý nghĩ của mình. Fritzie không chịu được khi ông nói sau lưng bà và cuốn sách mà ông ta đọc là cuốn *Kinh Tân Ước*. Nếu ông có nói điều gì đó thì nó sẽ liên quan đến thời tiết, hoặc số lòng cùu còn thừa, một miếng dăm bông hun khói xanh hoặc chuyện chợ búa về ngô và lúa mì. Ông ta có một cái bùa cầu may, lòng trắng như mả não lấy từ mắt một con bò cái. Lúc chơi bài ông ta dùng mấy ngón tay miết nó. Âm thanh mềm mại ấy và những tiếng quặt bài là những lời đối thoại duy nhất.

Cuối cùng Fleur là chủ đề của họ.

Má cô rộng và phẳng, đôi tay cô to, nứt nẻ, bắp thịt rắn chắc. Vai Fleur rộng như cái đòn càn, hông cô như hông cá, hẹp và trơn tuột. Một cái váy cũ màu xanh bám vào eo cô, đã bị sờn mỏng ra ở mông. Hai bím tóc cô dày như đuôi những con thú, đập vào người khi cô đi lại, cô làm việc chậm chạp, khoan thai, chắc chắn, nửa như dễ bảo, nhưng chỉ một nửa thôi. Tôi có thể biết điều đó, nhưng những người khác chẳng bao giờ biết. Họ không bao giờ nhìn vào trong đôi mắt nâu kín đáo của cô, hay để ý đến hàm răng khoẻ mạnh, uốn cong và rất trắng của cô. Bắp chân cô để trần, bởi vì cô đi lại bằng đôi giày làm việc để phẳng nên người ta không bao giờ biết rằng

ngón chân thứ năm của cô bị cụt. Họ không bao giờ biết cô đã từng chết đuối. Họ đui mù, ngu ngốc, họ chỉ nhìn thấy tấm hình hài của cô thôi.

Nhưng không chỉ ở chỗ cô là người Chippewa, hay thậm chí cô là một người đàn bà, cũng không phải cô là người dễ coi, hoặc cô chưa chồng đã làm cho đầu óc họ rối cả lên. Mà chỉ tại cách cô chơi bài.

Đàn bà thường không đánh bài với đàn ông, nên tối đó, lúc Fleur kéo ghế đến bên bàn cạnh đàn ông mà thậm chí chẳng có đến một lời mời nào, việc ấy gây nên một cú sốc vì kinh ngạc.

"Gì thế này", Lily nói. Hắn béo, có đôi mắt lạnh lẽo xanh xám của một con rắn và một làn da dài các, mượt mà, trắng như hoa huệ, đây là nguồn gốc của cái tên hắn. Lily có một con chó, một loại chó *bun* nhỏ, tầm thường, béo lùn với cái bụng căng như trống vì ăn mỡ lộn. Con chó thích được chơi bài giống như Lily, nó đứng dạng háng căng những cái bắp dùi tròn của mình ra trong khi mọi người chơi bài stu, bài xì khó chơi và lối chơi bài "21". Con chó đã đớp vào cánh tay Fleur ngay đêm đầu tiên ấy, nhưng lại nép xuống gầm gừ phát ồn lên khi cô chiếm lấy chỗ của mình.

"Tôi nghĩ", cô nói, giọng cô nhẹ nhàng và mơn trớn, "các anh có thể chia bài cho tôi được đấy".

Có một khoảng trống hẹp giữa những thùng bột nặng nề đã ướp gia vị và bức tường, chỗ tôi lọt vừa. Tôi ngồi xổm xuống, cổ mở mắt, nhìn mái tóc đen của cô du đưa trên ghế, bàn chân cô đặt chắc chắn lên sàn gỗ. Tôi không thể nhìn lên trên bàn chỗ những quân bài đang quật xuống được, nên sau khi họ đã chơi say sưa, tôi nhổm dậy trong bóng tối và nép bên nương cửa gỗ.

Tôi quan sát đôi tay Fleur dập, đảo và chia bài, chia chúng cho mỗi tay bạc trong ánh sáng lờ mờ, cào bài lên rồi xáo lại.

Tor, thấp lùn và thích đánh nhau, nhắm một mắt kia liếc nhìn Fleur. Dutch mím môi ngậm điếu xì gà ướt.

"Phải gặp một người", ông ta lầm bẩm, đứng dậy đi vòng ra sau tới nhà vệ sinh. Những người khác ngừng lại, đặt bài của mình xuống. Fleur ngồi một mình trong ánh đèn rực sáng, chiếu qua khuôn ngực pháp phồng của cô. Tôi nhìn sát cô, rồi lần đầu tiên cô nhìn lại. Cô quay người nhìn thẳng vào tôi, nhẹ hàm răng trắng như răng chó sói của họ nhà Pillager đang hướng về nạn nhân của nó, chỉ có khác là cô không doạ tôi.

"Pauline này", cô nói, "em có bao nhiêu tiền?"

Tất cả chúng tôi đều đã được trả lương tuần ngày hôm ấy. Trong túi tôi có tám xu.

"Góp vốn với chị đi", cô nói rồi chìa mấy ngón tay dài ra. Tôi đặt những đồng xu vào trong lòng bàn tay cô rồi lại lẩn vào giữa bức tường và mấy chiếc bàn để không ai thấy. Phải mất một lúc lâu trước khi tôi hiểu rằng cánh đàn ông sẽ không nhìn thấy tôi, không nhìn điệu tôi làm và cách tôi di chuyển. Tôi không có bất cứ một cái gì giống Fleur. Váy tôi bám lồng lěo vào người, còn lưng tôi thực sự là bị còng, lưng của một bà già. Công việc đã khiến tôi trở nên xù xì, đọc sách làm mất tôi nhức nhối, việc chăm sóc mẹ trước khi mẹ mất đã làm mất tôi chai sạn. Trông tôi không đáng nhìn, nên người ta chẳng bao giờ nhìn tôi.

Khi cánh đàn ông quay lại, ngồi quanh bàn, họ túm lại với nhau. Họ chuyển cho nhau những cái liếc nhìn nhanh, dùng lưỡi liếm lên má nhau thỉnh thoảng lại phá lên cười, cố để Fleur bối rối. Nhưng cô chẳng hề bận tâm. Họ đánh bài "21", chặn lại ngay cả khi Fleur dần dần thắng thế. Những đồng xu mà tôi đã đưa, cô cứ bỏ ra năm xu để thu về một hào cho tới khi có một đồng nhỏ trước mặt cô.

Rồi cô bình tĩnh đón bài năm lần. Cô chia ra, dập lại, rút

ra rồi cô thở dài, những quân bài cô chia khẽ rung rung. Mắt Tor loé lên, Dutch rướn thẳng người trên ghế.

"Tôi sẽ cược tiền để được xem qua", Lily Veddar nói.

Fleur chìa tay ra, không có gì trong đó, không có gì cả.

Tor cười giòn tan, và hắn cũng xoè bàn tay mình ra.

"Chà, chúng ta biết một điều", hắn nói, tựa lưng vào ghế, "đàn bà da đỏ không thể nào trung thực".

Lúc đó tôi nép người thấp hơn vào đống mùn cưa được quét dồn lại và ngủ. Tôi thức suốt đêm, nhưng không ai trong số họ đi cả, nên tôi cũng không thể đi được. Mãi sau đó, mấy gã đàn ông lại phải đi ra ngoài, hoặc Fritzie đến để giải tán cuộc chơi, và tôi đã được kéo lên, vuốt ve, nâng niu trong cánh tay một người đàn bà rồi du đưa nhẹ nhàng đến nỗi tôi tiếp tục nhắm mắt trong khi Fleur lăn tôi vào cái phòng đồ đầy những phiến đá cát bẩn, giấy dầu, những cuộn dây, và những cái đống dày trịch đó xếp khít dưới người tôi như một tấm nệm.

Trò chơi tiếp tục sau giờ làm việc vào tối hôm sau. Tôi nhận lại tám xen với lãi gấp năm lần, Fleur giữ số còn lại của đồng đôla mà cô đã thắng để làm tiền đặt cọc. Lần này họ không chơi quá khuya nhưng cứ đều đặn, tiếp tục hết đêm này qua đêm khác. Böyle giờ họ chơi bài xì hoặc nhiều loại bài khác trong suốt cả tuần và mỗi lần Fleur đều thắng đúng một đôla, không hơn không kém, vận may quả bền vững.

Lúc này, Lily và những người đàn ông khác đã khá bốc lên với tình trạng hồi hộp đó, nên họ gọi thêm Pete nhập bọn. Họ rất tập trung, con chó béo núc đang ngồi căng thẳng trong lòng Lily Veddar, Tor nghi ngờ, Dutch vuốt vầng trán vuông rộng của mình, Pete điềm tĩnh. Không phải vì Fleur thắng mà họ bối rối đến thế mà chỉ tại cô chẳng có mánh khoé gì. Rõ ràng tay cô không có bùa chú hay bất cứ điều gì khuất tất. Cô chỉ nhận được những quân bài thấp của mình, những quân

bài không thể thắng thế được. Nhưng bây giờ, nhờ may mắn, Fleur hẳn đã có được số điểm cao nhất hoặc một sấp bài cùng hoa. Điều khó chịu là cô đã thắng với cặp bài đó mà không bao giờ cần mánh khoé, bởi vì cô không thể mánh khoé được, và rồi kết thúc mỗi đêm chơi, cô vẫn thắng đúng một đôla. Thoạt tiên Lily không thể tin được, một người đàn bà mà lại có thể có đủ khôn khéo để chơi bài. Nhưng cứ cho là cô ta có đủ khôn khéo đi, thì rồi cô cũng vẫn khá khờ vì đánh thắng mỗi đêm có một đôla. Vào ban ngày, tôi theo dõi hắn đắn đo cân nhắc thế bài, khuôn mặt trắng lạnh lùng của hắn tối sầm lại, những ngón tay nhỏ của hắn tính toán trên từng đốt tay, cho tới lúc cuối cùng hắn nghĩ rằng Fleur đã tính toán như một tay bạc chuyên nghiệp, thận trọng khi đi bài. Nâng tiền cược lên thì sẽ đầy được cô ra.

Bây giờ hơn bất kì điều gì, hắn muốn Fleur biến khỏi với thứ gì đó trừ một đôla. Kém hơn hai đô hay nhiều hơn mười đô, số tiền không thành vấn đề, chỉ cốt hắn phá vỡ được vận may của cô.

Hết đêm này đến đêm kia cô chơi bài, thắng một đô, rồi rời đến ở một nơi mà chỉ Fritzie và tôi biết. Cô tắm trong bồn tắm lò mổ, ngủ trong nhà gạch xông khói đã hỏng phía sau kho, một nơi không có cửa sổ, nền phủ lớp mồ chay. Khi tôi chạm phải làn da cô tôi thấy cô có mùi của những bức tường, nồng nồng mùi gỗ và hơi khen khét. Kể từ đêm cô đặt tôi vào phòng chứa đồ tôi không còn sợ cô nữa, mà đi theo cô gần gũi, ở với cô, trở thành cái bóng biết di chuyển của cô mà cánh đàn ông không bao giờ trông thấy, cái bóng có thể bảo vệ được cho cô.

\*

Tháng Tám, tháng mà kết quả là, cửa hàng phải đóng cửa, Pete và Fritzie rời Minnesota để đi tránh nóng. Hết đêm nọ

qua đêm kia, dần dần, Fleur đã đánh thắng được ba mươi đôla, và chỉ có sự hiện diện của Pete mới giữ được Lily không làm bậy. Nhưng bây giờ Pete đã đi, và đến ngày phát lương, vì cái nóng khủng khiếp nên không ai có thể vận động nổi ngoài Fleur, cánh đàn ông ngồi chơi, chờ đợi trong khi cô hoàn thành công việc. Những quân bài nhờn mồ hôi mềm nhũn trong tay họ, chiếc bàn trơn tuột vì mỡ, ngay cả những bức tường cũng nóng lên khi sờ vào. Không gian im lìm. Fleur ở phòng kế bên đang luộc thủ.

Cái váy xanh của cô ướt sũng, quần quanh cô như một tấm ga trải giường trong suốt. Làn da của thảm cỏ mọc bên hồ. Những nốt gân đen nổi lên trên cánh tay cô. Bím tóc cô lủng lẳng, chùng ra, rồi được búi lại phía sau gáy thành một búi dây. Cô đứng trong làn hơi nước, trở những chiếc thủ trong cái thùng to bằng cái muôi gỗ. Khi những mẩu đầu thừa đuôi theo sôi, nổi lên mặt thùng, cô dùng cái rây tròn bằng thép cuộn xuống mức chúng ra. Cô múc đầy vào hai cái chảo.

"Vẫn chưa xong cơ à?", Lily gọi. "Chúng tôi đang đợi đấy". Mẫu chân ló ra của con chó run run trong lòng hắn, ngoe nguẩy vì giận dữ. Nó không bao giờ ngủi được hay phát hiện ra mùi tôi trên làn da ám khói của Fleur. Trong góc tôi ngồi, không khí đặc quánh, như ấn dí tôi xuống. Fleur ngồi xuống với họ.

"Bây giờ mày nói gì đi chứ?" Lily hỏi con chó. Nó sủa. Đây là dấu hiệu trò chơi thực sự bắt đầu.

"Đặt tiền cược đi", Lily nói, cả tháng nay đêm nào hắn cũng huênh hoang như vậy. Hắn có một cuộn tiền trong túi. Fleur có năm tờ giấy bạc lận trong váy. Cánh đàn ông đều để dành toàn bộ tiền lương của mình.

"Đặt một đô thôi nhé", Fleur nói và ném phần của mình xuống. Cô bị thua, nhưng chúng để cô thua từng xu một. Và rồi cô thắng được một ít. Cô đánh thất thường, như thể vận

may là tất cả những gì cô có. Cô quay họ. Trò chơi tiếp tục. Böyle giờ con chó nằm im, lơ lửng trên đầu gối Lily. Nó đưa ra lời khuyên bằng cách giật giật, huých huých vào khuỷu tay như thể đánh hơi được những quân bài của Fleur. Fleur đứng lên, rồi ngồi xuống, tránh được một cú cào. Tor chia bảy quân bài, đặt ba quân xuống. Số tiền tăng lên, dần dần, cho tới khi đòn thành đống. Không ai thu gọn lại. Tất cả số tiền đó nằm gối lên một quân bài cuối cùng, họ yên lặng. Fleur nhặt bài của mình lên và buông một tiếng thở dài. Hơi nóng giảm xuống dần như một tiếng chuông. Những quân bài của cô rung rung, nhưng cô ngồi yên.

Lily mỉm cười, xoa cái đầu mềm mại của con chó bằng bàn tay.

"Nói đi, Fatso", hắn nói, ngân nga từng từ, "mày có đoán được sự lừa bịp của cô gái kia không?"

Con chó rên ư ử, Lily cười. "Tao cũng vậy", hắn nói, "để rồi xem". Hắn gạt những tờ giấy bạc và tiền xu của mình vào đống tiền rồi họ bắt đầu lật bài của mình.

Lily nhìn một lần, rồi nhìn lại, hắn tóm chặt con chó lại như một nắm bột rồi ném phịch lên mặt bàn.

Fleur vươn tay kéo số tiền về, cười nhăn nhở như nụ cười của chó sói mà cô thường cười với tôi, nụ cười ấy dành cho họ. Cô lật những tờ giấy bạc vào trong váy, gom tiền xu vào trong một tờ giấy nến màu trắng rồi buộc lại bằng một sợi dây.

"Chơi thêm ván nữa đi", Lily nói, giọng hắn nghẹt lại vì những âm rè rè trong cổ. Nhưng Fleur đã há mồm ngáp, rồi quay về để lấy thức ăn cho một con lợn thiến to đang chờ giết thịt trong kho nuôi.

Bọn đàn ông ngồi yên như hoá đá, tay họ xuôi ra trên mặt bàn gỗ dầu. Dutch nhai điếu xì gà để làm mềm những mẩu nhỏ, mắt Tor thẫn thờ. Cái duy nhất dõi theo Fleur là cái nhìn chầm chằm của Lily. Tôi không cựa quậy. Tôi có cảm giác họ

đang tụ họp lại, tôi thấy mạch máu của cha dương tôi, mạch máu trên trán ông chỉ nổi lên khi giận dữ. Con chó lăn khỏi bàn, nằm cuộn lại ở ngay dưới quầy hàng, nơi không một ai có thể chạm vào nó.

Lily đứng lên, đi đến căn buồng nhỏ bằng đá phẳng, nơi Pete cất giữ đồ đạc của mình. Hắn mang ra một chai rượu, mở nút rồi dốc ngược lên uống. Cục yết hầu trên cổ hắn di chuyển khi hắn nuốt. Họ uống, nhanh chóng cảm thấy độ cháy của whisky, rồi trù tính bằng mắt những điều họ không thể nói thành lời.

Khi họ bỏ đi, tôi bám theo. Tôi nấp sau đống ván vỡ lộn xộn và những sọt đựng gà bên cạnh kho nuôi, chố họ đợi. Thoạt tiên, họ không thể trông thấy Fleur, nhưng rồi mặt trăng ló ra, soi rõ cô, đang cẩn thận di dọc theo tấm ván cầu xù xì với một cái xô trong tay. Tóc cô buông xoã, xơ xác và thô cứng, chạm đến eo cô, cái váy của cô là một miếng vá trôi nổi trong bóng đêm. Cô cất tiếng gọi lợn, khẽ rung rung cái xô thép đậm vào tấm gỗ, sự im lặng thật đáng ngờ. Nhưng đã quá muộn. Trong âm thanh của tiếng rung xô, Lily di chuyển, béo nhưng nhanh nhẹn, bước thẳng đến phía sau Fleur và vung cánh tay mịn màng của hắn ra. Ngay khi hắn chạm vào, cô xoay người và dội cả xô thức ăn chua lòm lên người hắn. Hắn đẩy cô vào cái hàng rào lớn, gói tiền xu rách tung, bật ra kêu leng keng, trong nháy mắt đã rơi xuống sàn gỗ. Fleur lăn mình một vòng và biến mất vào trong sân.

Mặt trăng chìm xuống sau tấm rèm mây tối tả, Lily bám theo vào trong đống rác rưởi tối tăm. Nhưng hắn bị nghẹo chân, ngã chồm lên trên sườn một con lợn to kềnh càng, con lợn đầm người vào trong bùn cho tới mõm, đang ngáy ầm ầm. Tôi nhảy ra khỏi đám cỏ dại và trèo lên chái kho nuôi, bám chặt như dính vào. Tôi thấy con lợn cái dướn những cái đầu gối ngắn ngắn và có u lên, lấy thăng bằng, rồi lắc lư tò mò

khi Lily trượt ngã về phía trước. Fleur đã lùi vào trong góc gỗ nhám phía bên kia, và khi Lily cố nhảy qua, con lợn chồm đứng lên trên hai chân sau và húc, nhanh, mạnh như một con rắn. Nó đâm đầu vào mạng sườn Lily và ngoặt chặt áo sơmi của hắn. Nó lại húc, giáng hắn xuống thấp hơn, khiến hắn rên rỉ đau đớn kinh ngạc. Đường như hắn đang cắn nhắc, thở hổn hển. Rồi hắn lao cái thân người đồ sộ của hắn đi trong tư thế nhảy lao đầu xuống nước của một vận động viên bơi lội.

Con lợn rống to khi cơ thể hắn chồm đúng lên người nó. Nó lăn đi, vung những cái móng sắc nhọn như dao lên, Lily lại đè được lên nó, tóm lấy tai, giữ chặt cái đầu dài ngoẵng của nó và kéo lê mõm nó về phía những trụ rào của khu chuồng. Hắn lảng mạnh cái đầu con lợn vào trụ sắt, nhưng thay vì đánh nó chết, hắn chỉ làm nó tỉnh giấc.

Con lợn chồm dậy, rống lên, kéo theo hắn cùng với nó khiến chúng ở trong tư thế như đứng thẳng lên. Chúng cúi xuống, trì niu nhau, như thể bắt đầu cuộc đấu. Rồi hai cánh tay hắn vung lên quật xuống. Nó ngoặt những cái răng đen sì vào vai hắn, quặp chặt lấy hắn, xô hắn tới lui khắp cái chuồng kho. Chân của chúng cùng nhịp, rồi loạn xạ. Cả hai nhập vào nhau như một, một cái hộp biết đi, quấn vào nhau. Con lợn chọc bàn chân nứt nẻ xuyên qua tóc hắn. Hắn chộp lấy cái đuôi xoắn của con vật. Chúng quần tới, quần lui, cùng một hình dạng, cùng một màu sắc, cho tới khi người ta không thể phân biệt kẻ nọ với kẻ kia trong cái ánh sáng ấy và Fleur có thể đã băng mình qua cổng, đu xuống, chạm chân vào sỏi.

Bọn đàn ông trông thấy, kêu âm lên, đuổi theo cô, chạy thực mạng đến nhà xông khói. Và Lily cũng đuổi, một khi con lợn đã từ bỏ vì kinh tởm và thoát khỏi hắn. Đây là nơi mà tôi phải đi với Fleur, bảo vệ cô, xông tới Dutch. Nhưng tôi trả nên

cứng đờ vì sợ hãi và không thể nhúc nhích hay cử động mảy may. Tôi nhắm mắt, gục đầu vào cánh tay, cố ẩn náu, vì không có gì dễ miêu tả ngoài những điều tôi không thể thốt ra. Hơi thở khàn khàn, khá lớn của Fleur trùm lên người tôi, cô khóc bằng một thứ ngôn ngữ xưa cũ, và nhắc đi nhắc lại tên tôi giữa đám từ ngữ ấy.

\*

Sáng hôm sau, hơi nóng vẫn đặc quánh khi tôi quay trở lại làm việc. Fleur đã đi nhưng bọn đàn ông vẫn còn ở đó, mặt mày phờ phạc, cúi gầm. Lily nhợt nhạt và rũ rượi hơn bao giờ hết, cứ như thịt da hắn đã bốc hơi khỏi bộ xương. Họ hút thuốc, mở nắp một chai rượu. Trời vẫn chưa trưa. Tôi làm việc một lúc, đợi ở cửa hàng và mài dao. Nhưng tôi ốm, tôi thấy ngọt ngạt. Tôi bị đổ mồ hôi nhiều đến mức hai bàn tay tôi trượt khỏi con dao, tôi lau sạch những ngón tay dính mỡ vì tiền của khách hàng. Có một lần Lily đã mở mồm và la hét, không vì giận dữ. Âm thanh ấy vô nghĩa. Con chó bôcxơ của hắn nằm ườn ra ủ rũ bên cạnh chân chủ, không buồn ngóé đầu lên. Ngay cả với người lạ.

Họ đã không trông thấy khi tôi bước ra ngoài, hy vọng dễ thở hơn. Và rồi tôi cũng quên mất họ vì tôi biết rằng tất cả chúng tôi đã được cân nhắc, tính toán, sẵn sàng ngã vật ra, bay lên, bị nghiền nát ngay khi thời tiết thay đổi. Bầu trời thấp đến nỗi tôi cảm thấy độ nặng của nó như một cái ách. Mây sà xuống, những vòng tròn ma quái, cuộn mây màu xanh xám của voi rồng và khi tôi nhìn, một cuộn mây tách ra, biến thành hình ngón tay cái mảnh run rẩy. Ngay khi tôi nhấc góit chạy quay vào trong nhà, gió đã đột nhiên nổi lên, lạnh giá, mưa trút xuống.

Bên trong, bọn đàn ông đã biến mất và toàn bộ ngôi nhà rung lên bần bật, như thể có một bàn tay khổng lồ đang giật rui nhà và lắc nó. Tôi chạy thẳng qua, héto gọi Dutch hay bất kỳ người nào trong số họ, rồi tôi dừng lại ở cánh cửa nặng nề của nhà kho, nơi mà chắc chắn họ lấy làm chỗ trú. Tôi đứng đó một lúc. Tất cả mọi thứ trở nên yên ắng. Rồi tôi nghe một tiếng khóc vang lên trong gió, lúc đầu nghe không rõ, một tiếng rít và rồi một tiếng thét theo sau xé toang những bức tường và bao bọc quanh tôi, nói rõ ràng khiến tôi hiểu rằng tôi nên hành động, đưa tay ra đóng cái chốt cửa to bằng sắt xuống vừa vặn qua bản lề và khoá lại.

Bên ngoài, gió thổi mạnh hơn, như thể có một bàn tay giữ tôi lại. Tôi di chuyển một cách khó khăn về phía trước. Những bụi cây bị hất tung lên, những tấm bạt bay xuống phía trước cửa hàng, lan can hành lang rơi lập đập. Đám mây đơn lẻ biến thành một cái vòi to, sục sạo dọc theo mặt đất, dò tìm, xoáy xuống, hất tung đồ đạc lên, hút lấy chúng, quăng chúng ra xa, sục sạo quanh quẩn như thể nó đang bám theo một thứ mùi nhất định, rồi dừng lại phía sau tôi ở cửa hàng thịt và xoáy xuống như một mũi khoan.

Tôi bay lên, rơi xuống một gò đất nào đó. Khi tôi mở mắt nhìn và thấy những điều lạ lùng đang xảy ra.

Một đàn gia súc bay qua không trung như một đàn chim khổng lồ thả phân xuống, miệng chúng ngoác ra trong những tiếng gầm vang điếc tai. Một cây nến, vẫn cháy, bay qua, bàn ghế, khăn ăn, dụng cụ làm vườn và cả một dòng kính mắt bồng bềnh, áo jăckét treo trên móc, búp, bàn cờ, chao đèn và cuối cùng là một con lợn cái ở phía sau nhà kho, trên bâi rào kín, những móng chân của nó nhem nhuốc, thả lỏng, sà thấp, chui đầu xuống, rống lên khi tất cả mọi thứ ở Argus bị dồn về một bên và bị đảo lộn ngược hết lên, bị nghiền nát và vỡ tung toàn bộ.

\*

Nhiều ngày trôi qua trước khi thị trấn tìm kiếm cánh đàn ông ấy. Trong số đó tất cả đều chưa vợ, trừ Tor, vợ anh ta đã chịu đựng một tai họa đáng xuống đầu khiến cô ta thành người mất trí. Tất cả mọi người đều bận rộn với việc đào bới trong đống đổ nát dồn cao bởi vì ngay cả đến gác chuông nhà thờ Công giáo cũng bị giật phăng ra như một chiếc mõ lưỡi trai và bắn đi qua năm cánh đồng, đám đồng lộn xộn trong nhà thờ đó đã trú trong hầm thì không bị xây xát gì cả. Những bức tường sụp đổ, cửa sổ cũng tan tành nhưng những cửa hàng thì còn nguyên vẹn, chủ ngân hàng và chủ cửa hàng cũng không hề hấn gì vì họ đã tìm nơi ẩn náu an toàn bên dưới những chiếc máy đếm tiền. Đó là một thảm họa công bằng, người ta nói chẳng một ai có thể chịu đựng nhiều hơn người khác, chí ít là như thế cho tới khi Fritzie và Pete trở về nhà.

Trong tất cả những cửa hàng ở Argus, hàng thịt của Kozka bị tổn thất nặng nề nhất. Những tấm ván mặt tiền đã bị tước vụn ra như củi, dồn đống lại như một chiếc kim tự tháp khổng lồ, đồ đặc của cửa hàng đã vỡ tung và bị quăng ra xa. Pete đo khoảng cách cái bồn tắm bị liệng đi - hàng bốn mươi mét. Tủ kính bày hàng cũng bắn ra xa hai mươi mét và rớt xuống mà không hề hấn gì ngoài một ô kính bị nứt. Ngoài ra cũng còn những điều ngạc nhiên khác bởi vì những căn phòng phía sau nơi Fritzie và Pete ở không hề bị xáo trộn gì. Fritzie nói rằng bụi vẫn phủ lên những hình nhân bằng sứ của cô, và trong chiếc gạt tàn trên bàn bếp vẫn còn nguyên điều thuốc cuối cùng cô để đó trong lúc vội vàng. Cô nhấc điều thuốc ra và hút nốt, nhìn qua cửa sổ. Từ đó cô có thể thấy ngôi nhà hun khói cũ mà Fleur đã từng ngủ trong đó đã bị đẽ bẹp dưới một đống cát hung đỏ, và kho chứa đã hoàn toàn bị phá

huỷ, những thanh lan can chất thành đống hỗn loạn. Fritzie hỏi Fleur đâu? Mọi người nhún vai. Rồi cô hỏi đến những người khác, và, đột nhiên, thị trấn mới biết rằng ba người đàn ông đã mất tích.

Sự giúp đỡ được huy động với nhiều người tình nguyện mang xe. Chúng tôi chuyền tay nhau những tấm ván, chất đống lên để lộ ra ở bên dưới một đống những mảnh vụn lởm chởm. Máy căn nhà kho đầy áp thịt dự trữ của Fritzie và Pete, dần dần hiện ra, vẫn không suy suyển gì. Khi đủ chỗ cho một người đứng trên mái nhà, thì có nhiều tiếng thòi thúc, đục một lỗ xuyên qua để xem cái gì nằm bên dưới. Nhưng Fritzie đã hé lén rằng cô không cho phép làm như thế bởi vì thịt sẽ bị hỏng. Vì thế, công việc tiếp tục, hết tấm ván này đến tấm ván khác, cho tới khi cuối cùng cánh cửa nặng bằng gỗ sồi của kho giữ lạnh lộ ra và người ta mở lối để đi vào. Tất cả mọi người đều muốn vào trước, nhưng bởi vì cha dượng tôi mất tích nên tôi được phép đi vào trong, khi Fritzie và Pete cũng len vào trong bầu không khí lạnh đột ngột.

Pete quét một que diêm vào đôi ủng của mình, châm vào cái đèn Fritzie đang cầm, rồi ba người chúng tôi đứng yên lặng trong vòng sáng của nó. Ánh sáng chiếu vào những xác súc vật đã được lột da và đang treo, những thùng xúc xích đè lên nhau, những tảng băng hồ u ám tỏa sáng, tinh khiết như mùa đông. Hơi lạnh châm vào người chúng tôi, đầu tiên dễ chịu nhưng sau đó thì tê cứng. Hắn là chúng tôi đã đứng đó đến hai phút trước khi trông thấy những người đàn ông, hay đúng hơn, là những đống lông da thú, những tấm da sống lờm xờm và đã đông cứng mà khoác lên người, họ đã lấy những tấm da gấu xuống và quấn quanh người họ. Chúng tôi bước đến gần hơn và chui cái đèn xách tay xuống mặt họ dưới mép bộ lông. Con chó cũng ở đó, ngồi giữa họ, nặng như một cái chặn cửa. Ba người khom xuống quanh một cái thùng

tròn nơi cạnh bậc vẫn đang diễn ra, một cái đèn lồng đã tắt ngấm và cả một chai rượu đã cạn. Nhưng họ đã ném những quân bài cuối cùng của mình xuống và ngồi xóm xít vào nhau, người này bám chặt lấy người kia, những khớp ngón tay trầy da vì đập cửa và bẩy cái móc cửa. Những ngôi sao lạnh giá lấp trên lông mi và bộ râu lởm chởm của họ. Gương mặt họ ở trong tình trạng tập trung suy nghĩ, những cái mồm há như thể để nói một ý tưởng quan trọng, một sự đồng tình nào đó khi họ khoác tay nhau.

\*

Sức mạnh được di truyền theo huyết thống, được kế thừa ngay trước khi con người sinh ra. Nó truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, mạnh mẽ, bền vững, rộng khắp, kết nối và nóng bỏng trong dòng họ Pillager, với những đầu ngón tay nhạy cảm rất giỏi bài bạc. Nó cũng được truyền thừa qua mắt, hiếu chiến, nâu sẫm như mắt gấu, ngạo nghễ khi chúng nhìn chằm chằm vào người khác.

Trong mơ, tôi nhìn thẳng vào Fleur, vào những người đàn ông kia. Tôi không còn là cô gái da bọc xương, người quan sát trên ngưỡng cửa tối nữa.

Huyết thống đã kéo chúng tôi gần lại, như thể nó chảy xuyên qua những mạch máu trong đất. Tôi trở về nhà và trừ khi phải nói chuyện với đứa em họ, còn thì tôi sống một cuộc đời lặng lẽ. Fleur cũng sống lặng lẽ, trên chiếc thuyền phía dưới hồ Turcot. Có người nói cô đã lấy hà bà, Misshepeshu, cũng có người nói cô đang lang thạ với bọn đàn ông da trắng hay da nâu gì đó, người ta cũng đồn rằng cô đã giết tất cả bọn họ. Tôi là người duy nhất ở đây tới thăm cô. Mùa đông năm ngoái tôi đến dọn dẹp căn phòng của cô khi cô sinh con, đứa bé có đôi mắt xanh và nước da màu đồng xu cổ đã gây

nhiều bàn tán, vì không ai có thể khẳng định được đứa bé được pha trộn dòng máu gì, dòng máu của những người cha trong nhà hun khói, hay dòng máu của một người có vảy đồng, hay của người sống bên hồ. Bé gái trần truồng mỉm cười trong giấc ngủ như thể nó biết điều người ta bàn khoăn, như thể nó nghe tiếng người già bàn tán mãi về câu chuyện ấy. Câu chuyện được nêu ra mỗi lần một khác, không có kết thúc, không có bắt đầu. Cả đoạn giữa họ cũng kể sai. Họ chỉ biết rằng họ chẳng hiểu gì cả.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

HELLEN GARNER  
(Australia)

## LINH HỒN MUỐN GI

*L*ối tại tôi? Tôi châm ngọn nến. Tôi chỉ muốn nhìn chàng. Bên ngoài, bầu trời trăng xoá với muôn vì sao, có đủ cửa sổ, nhưng tôi thấp nến và trong khoảnh khắc tôi thấy, tôi thấy, tôi thấy: Nến cháy, một giọt rớt trên vai chàng; giật mình, chàng thức giấc. Chàng không giận. Chàng nhìn tôi. Tôi thổi tắt ngọn nến, nhưng đã quá muộn. Chàng rời khỏi giường. Tôi đứng trong vườn. Chàng thực sự đã ~~ng~~ đi. Không gian lặng im. Không một chiếc lá cử động. Đồng cỏ khô dường như chẳng ghi lại dấu vết gì ngoại trừ những ánh sao lấp lánh.

Tôi không thể đi tìm chàng. Tôi không thể theo chàng. Tôi không thể viết cho chàng. Chàng không tồn tại. Nhiều ngày trôi đi và khi nhiều ngày nối tiếp theo nhau, máu và cơ thể giải phóng ý tưởng chàng, khi nhiều ngày qua đi không ngừng qua đi. Dần dần chàng biến thành ma, chỉ là một linh hồn, xám và vô hình. Chàng chưa từng tồn tại. Chàng là ảo ảnh. Tôi tạo ra chàng.

Philip mãi lang thang. Chàng mang chiếc túi nhỏ. Chàng chẳng bao giờ dùng sáo ngũ như *tia sáng ngao du*. Việc đầu tiên Philip làm khi chàng đến một thị trấn lạ là thuê một hộp thư. Philip có thể ngồi bất động.

Philip không hề nói về tàu thủy hay thuyền bè, nhưng tôi biết chàng đã vượt qua mặt nước bởi má chàng mang theo vị lạnh mà chỉ đến theo những làn gió thổi qua đại dương.

Tôi làm việc. Hạnh phúc với tình yêu tôi trao chàng.

Philip chẳng bao giờ dùng từ tình yêu.

Tôi đợi thư chàng. Nhưng khi nó đến, tôi không nhận ra nét chữ của chàng. Tôi cầm phong bì, xem kỹ dấu bưu điện kỳ lạ đã nhòa đi và nói: "Nào, ai gửi bức thư này nỉ?" Đôi khi nếu không nhìn trước chữ ký thì tôi sẽ đọc hết cả nửa trang đầu tiên trước lúc nhận ra đây là bức thư mình đang mong đợi. Lá thư mày muốn, lá thư mày khao khát đợi chờ, sẽ không đến hôm nay, và khi nó đến, cho dẫu có chứa đầy những lời lẽ mày cần thì mày vẫn sẽ buồn, sẽ thất vọng và sẽ thấy trống vắng.

Philip chẳng bao giờ gọi đúng tên tôi. Chàng hẳn đã biết rất nhiều phụ nữ. Thỉnh thoảng khi quay trở về từ nơi đã đến, chàng lơ đãng gọi tôi là *bé con*. Thậm chí tôi cũng không bận tâm đến điều đó. Chàng quen bao nhiêu người đàn bà thì cũng chẳng có vấn đề gì. Chỉ có điều là không một ai trong số đó có thể giống hệt tôi.

Tôi ngóng tin chàng lâu đến nỗi nhện đã giăng kín hộp thư.

Tôi viết một kiệt tác nhỏ gửi đến Philip. Tôi còn biết làm gì khi chỉ ngồi đọc đi đọc lại những lá thư của mình? Tôi sẽ tìm ra phản ứng của chàng qua tác phẩm ấy. Tôi cố tự làm mình ngạc nhiên trước những sự kiện mình đã thuộc lầu.

Sự táo bạo vô hiệu quả. Tôi sẽ cố trở thành *chàng*, ngay thời khắc chàng đọc thư tôi. Song bởi vì tôi không biết chàng ở đâu, chàng chẳng bao giờ muốn, và cũng chỉ như thế, bởi ý nghĩ ấy quá hoàn hảo. Tại sao tôi không thể viết những bức thư như những người vô tâm khác thường làm, những lá thư tuyệt vọng, đầy rẫy những chữ bị gạch xóa, chàng chừa lề, bắt

đầu dòng thứ nhất ngay sát rìa tờ giấy, những lá thư biết thốt lên những lời nức nở lặng câm?

Philip đẹp. Nhưng thoát nhìn người ta khó nhận ra điều ấy. Thường thường, ngay cái nhìn đầu tiên, trông chàng xấu xí, co quắp, vắn vẹo, vẻ mặt u ám, tâm trí thiển cận.

Philip làm vỡ tan biết bao trái tim phụ nữ; hoặc khác đi, phụ nữ tự làm vỡ tim mình trước chàng, đàn bà người không phải dành để cho chàng, đàn bà người mãi kiếm tìm một ai đó để phàn nàn về việc gì đấy, đàn bà người đã đánh mất chàng từ lâu và chẳng thể nào tìm thấy lần nữa.

Philip đưa tôi đến dự buổi lê cầu hôn. Chàng muốn nghe khúc hợp xướng. Chàng muốn chìm trong dòng nhạc ấy. Ban đồng ca của nhà thờ líu ríu, trôi tuột liến thoảng, trút hơi thở thành dòng hợp xướng, nhưng sảnh đường quá lớn để tâm hồn siêu thoát và tiếng nhạc đã kết thúc trước khi toà nhà nhận đủ âm thanh. Philip ra về trong nỗi thất vọng. Chàng đưa tôi xuyên qua những đường phố tối bằng chiếc xe đạp. Tôi co người ngồi trên giằng xe, nép mình vào người chàng. Tôi có thể cảm nhận được nhịp tim chàng đang đập theo từng bước đạp: đưa tôi đi, trả lại tôi trạng thái cân bằng, cưu mang tôi, như thể chàng là bà mẹ còn tôi là thai nhi bé bỏng. Trong đêm tối, chúng tôi đi qua hai đài phun nước: một chiếc thì thầm, cái còn lại thì gầm rít.

Philip nói đến vấn đề tự sát và cách thực hiện. Tôi nói: “Em sẽ nhảy ra khỏi một toà nhà”. Chàng nói: “Sao em không nhảy từ một chiếc cầu? Tôi đáp: “Không. Ô, không! Em ghét khi bị chạm phải nước”. Chàng nói: “Nhưng em không biết mình sẽ chạm phải vật gì”. Tôi nói trong tiếng cười ngu ngốc: “Em chẳng bao giờ nghĩ về việc nhảy xuống cả”. “Anh cũng thế” - Philip nói - “Chỉ bay lên”.

Ở biệt thự, tôi cuốc bộ trong bóng tối tối hơn cả bóng đêm. Tôi đi lộp bộ thở hổn hển đọc theo tường của căn phòng, sờ

sẵm hòng tìm một kẽ nứt, một cái rãnh, một núm cửa, mong tìm một ít không khí. Tôi sờ thấy cái mốc bằng kim loại lạnh lẽo: tôi vặn, tôi đẩy, một phần bức tường rơi xuống và vỡ tung ra bên ngoài trong lúc chiều muộn - nhưng một lọ hoa nặng nề lăn dọc theo ngưỡng cửa, lõi tại tôi, rơi khỏi ba tầng lâu xuống bãi sỏi rồi ném mảnh hình hài vỡ tan thành hai mảnh của nó xuống đó. Tiếng của một phụ nữ thét lên từ cửa sổ đằng kia: Feliiipe! ba âm tiết được phát ra như thể một sợi dây thừng dang quăng về phía thung lũng nơi bóng tối đang nuốt chửng những tán lá.

Philip vừa ở đây vừa không ở đây. Suốt mọi thời gian.

Philip nói: "Nhưng điều ấy phi logic. Em không thấy vậy sao?". Tôi nói: "Không phải thế, em chẳng tin vào logic, chỉ có điều em thực sự không biết nó là cái gì". Tôi không biết những việc chàng làm. Những việc tôi phải có nhiệm vụ biết theo cách ấy sẽ chẳng mấy chốc rời bỏ tôi. Chàng biết mọi thứ ẩn dưới Vật Chất, còn tôi thì hiểu những thứ khác. Những điều tôi biết, thì không có mở đầu, phân đoạn, chi tiết. "Cô ta đã nói gì với em?" Philip hỏi: "Em đã nói gì với cô ấy?" Tôi cố gắng viết một bản báo cáo nhưng không nhận được hồi âm.

Philip đi xa suốt cả khoảng thời gian dài. Tôi hiểu phàn nàn rồi thì cũng chẳng có nghĩa lý gì. Chàng đến nếu chàng có thể; nếu chàng muốn.

Philip đưa tôi qua sông vào chiều thứ sáu. Bên ngoài nhà ga trung tâm, xe cộ nối đuôi nhau dồn đống lại. Chúng tôi đóng cửa sổ để tránh khói. Chàng không vặn nhỏ nhạc, toàn bộ chiếc xe rung chuyển theo điệu nhạc, tôi cảm nhận sự rung chuyển khi da mình chạm vào kim loại. Chàng kể cho tôi về một nơi khủng khiếp, về những gì xảy ra ở đó, những hình phạt, chàng bao giờ kết thúc, băng giá, lửa, cảnh ăn sống nuốt tươi và những cú đánh vào đầu. Một nơi tồn tại để con người thực hiện những điều ấy với nhau. Cơ thể chàng quá gầy trong bộ đồ

màu xám rộng thùng thình như thể chàng chỉ là bộ xương bên cạnh tôi, bàn tay chàng đặt hờ trên tay lái, đùi chàng giống hai cây sậy, bàn chân to bè của chàng nhấn trên pedal. Những điều chàng nói đã làm tôi hoảng sợ và ghê tởm. Tôi phải quay mặt đi và giả vờ nhìn những người trên đường. Cơn đau bắt đầu từ dưới xương sườn. Nếu chiếc xe không chuyển động trong một phút thì tôi sẽ mở cửa và nôn xuống lớp nhựa đường. Nhưng tôi lắng nghe, tôi nghe, tôi không bảo chàng dừng lại.

Có phải tôi đã đẩy chàng đến đó nơi chàng đã từng đến? Vì trách nhiệm hay chỉ vì chàng muốn thế? Có phải bọn tôi đồng ý rằng chàng nên đi còn tôi ở lại? Chàng có réo gọi tôi không? Có đúng là chàng ra đi mà không nhắn lại một lời.

Hình dung một người đàn ông, hình dung một gã đàn ông, người thường xuyên sẽ đến, sẽ quay trở lại, sẽ thay đổi, sẽ hiện hình, thường xuyên sẽ viếng thăm, sẽ bước đi nặng nề, sẽ về nhà, sẽ hiện diện, sẽ lang thang từ thành phố khác, môi trường khác, từ sau hoang mạc, từ những mỏm đá, từ những con sóng tràn bờ ở đó, từ rừng tràm giữa những hòn đảo, từ những miền đất khác, từ những xứ sở không tên, từ hướng đối diện, từ mọi hướng ngay lập tức.

Ngôi nhà hình vuông, có đủ cửa sổ, mỗi phòng vài chiếc. Nàng có thể nhìn ra hướng Bắc, đến hướng Đông, qua hướng Nam, về hướng Tây, đến tất cả mọi hướng nằm tiếp giáp giữa những điểm giáp ranh, nàng có thể nghiêng mình ra ngoài, đứng trên ngực cửa, áp miệng vào lớp kính, nhìn những người đi qua. Nàng có thể chạy từ cửa sổ này đến cửa sổ nọ, mở, điều chỉnh - hình ảnh của sự chờ đợi. Hình dung quang cảnh của ngôi nhà qua mắt người chờ đợi. Sự chuẩn bị: đầu choàng khăn, mình vận tạp dề, động tác cởi găng tay, ném vào căn phòng trống rỗng, tiếng động trên thảm, những đồng xu được tìm thấy sau bức rèm, tiếng xé và tiếng những mảnh vải bị ném đi, độ cong của khuỷu tay và đầu gối, tiếng nước rò vào

chặt, tiếng rên rỉ của một cỗ máy nhỏ. Hãy nghĩ về nhịp đập chậm của nỗi sợ hãi khi mỗi lần cắt tóc chạm đến đỉnh điểm của nó rồi giảm xuống; sự thay đổi liên tục các tư thế đọc sách, sự trống rỗng của mùi hôi từ những lọ hoa, sự tung toé và đơm hoa kết quả của máu, sự trưởng thành, động tác trang điểm móng tay, độ nhọn của chúng, sự vênh váo và xẹp lép của tấm chăn bông, sự phập phồng của giường chiếu, sự dịch chuyển vị trí của bàn của giường để chọn cho bằng được độ sáng thích hợp. Những do dự của lòng quyết tâm. Tiếng thở phào của sự sẵn sàng.

Chuông điện thoại reo. Tôi nhấc máy. Có rất nhiều lời thăm hỏi nồng nhiệt trong ngôi nhà hình vuông này, nhiều như số lượng cửa sổ mà mỗi phụ nữ trấn giữ một chiếc - những đứa bạn tôi, các chị em tôi, con gái tôi, mẹ tôi - tất cả đều cười, thét và thảng thốt gọi tên tôi. Tôi biết người gọi tôi là Philip, tôi nhận ra giọng nam cao trong hơi thở của chàng, nhưng chàng mãi đợi chờ tiếng gào của cô gái sắp chết dịu xuống trước khi chàng lên tiếng.

Mặt trời đang tỏa sáng. Mười một giờ trưa. Tôi đang mặc chiếc áo khoác màu đen cài cúc đến tận cổ. Tôi đang hát thầm. Tôi đang chọn lối của riêng mình. Đó là cái sân nhỏ, rạn nứt, nằm cao phía bên trong tòa nhà bỏ hoang, cái sân nhỏ trung tâm cao, rạn nứt, cao hẳn trên mặt đường, một thời từng là mảnh vườn bây giờ bị bỏ hoá, khô và không còn vẻ quyến rũ như trước. Mình đã từng sống trong chiếc tháp này? Từng ngủ, thức giấc? Từng leo lên những bậc thang bằng gỗ, từng bước qua những căn phòng nơi mọi người đang mơ mộng, từng khúm khích cười, từng rên rỉ, từng cọ miết làn da xác xơ và từng làm khuỷu tay xây xát, rên rỉ không có tiếng trả lời, từng phập phồng trên những mảnh vải trải giường hôi hám? Tôi đã từng đầy và mở cánh cửa lên sân thượng, cái lỗ chỉ vừa một người, leo lên mái nhà để tận hưởng bầu không khí trong lành, từng

nhìn về phía Tây, về hướng Đông? Mình đã từng đợi ở nơi đây? Có một người đàn ông ở trong sân nhỏ ấy, đang cúi mình trước ngưỡng cửa. Tôi đứng bất động. Chàng nhìn xuống, chàng đang quấn điếu thuốc. Chàng đưa lên miệng liếm để dính nó, và thấy tôi đang đứng trên mái ngói. Chẳng nói chẳng rằng, chàng liếm tờ giấy và dán điếu thuốc. Chàng bị thôi miên trên ngưỡng cửa ngập tràn ánh nắng, một chân thẳng, một chân cong, như thế chàng có thể giữ không cho cánh cửa khép lại từ phía sau lưng. Đùi của chàng trong ống quần rách tiền chỉ là một khúc xương không còn thịt. Chàng gật đầu. Chàng mỉm cười. Những chiếc răng bên trong của chàng đã bị gãy. May mắn là còn lại đang trên đà hư hỏng, nhuốm màu xanh. Chàng đốt điếu thuốc. Chàng thọc tay vào túi trong của áo khoác và lấy nó chìa về phía tôi, rất gần. Tôi bước trên mái ngói đã hỏng nát đi về phía chàng. Chàng đặt vào tay tôi một vật cứng như thể được làm bằng nhựa hoặc thủy tinh. Lẽ ra nó phải ấm trong túi chàng, từ da chàng, nhưng nó lạnh. Một chiếc gương, rẻ, màu hồng, loại mà các thiếu nữ luôn mang theo trong túi xách tay. Mặt gương bị nứt, lổm đổm vệt máu. Tôi lật nó ra và xem xét cẩn thận. Rõ ràng tôi cảm thấy hơi ấm từ bàn tay mình đã làm tan đi độ lạnh của nó. Chàng nói: "Em sẽ làm gì với chiếc gương?" Tôi đáp: "Ngắm mình". Chàng hút. Tôi nhìn chàng, tôi nhìn rồi nhìn, tôi cần nhìn chàng, tôi cảm thấy mắt mình giật giật khi gặp mắt chàng. Chàng đứng chịu đựng cái nhìn chăm chú của tôi, thỉnh thoảng lơ đãng. Tôi nói: "Philip. Anh ở đâu?" Chàng nhắm rồi mở mắt ra. Chàng nói: "Nơi anh ở em sẽ không muốn đến. Nơi anh ở, người ta sẽ tước đi mọi thứ em có và không hoàn lại bất kỳ một cái gì". Cơ thể ốm gầy của chàng, sự rạn vỡ: thật khủng khiếp. Tôi không thể tự chủ. Tôi bước đến bên chàng. Tôi vòng tay quanh chàng; nhưng chàng cười và gõ ra. "Không phải bây giờ!". Chàng nói. "Chưa được, anh chưa sẵn sàng. Em luôn sốt ....." trước anh". Tôi ngả người ra

sau, hai tay buông xuống. Chàng lại cười, phô những chiếc răng vỡ và chiếc lợi sưng vù. “Em săn sàng muốn anh, phải không?”. Chàng nói. Tôi xấu hổ. Tôi ôm đầu: “Hiển nhiên rồi”. Có vệt máu đã khô trên áo sơ mi của chàng, vết máu kéo dài ngang qua sườn đến tận phía bên phải. Chàng hút và ngắm tôi. Chàng nói: “Ở đây có gì uống không?” Tôi đáp: “Chẳng còn gì. Nước bị cắt từ lâu. Mọi người đã ra đi. Không có gas. Không điện”. Chàng mỉm cười. Chàng nói: “Không sao. Anh chỉ tạt qua một lát thôi. Anh phải trở lại”. Tôi chẳng có ý nghĩa gì đối với chàng. Tôi chẳng có gì để tặng chàng, chàng chẳng muốn gì. Chàng nói: “Em sẽ đến thăm anh chứ? Em sẽ thăm anh?” Tôi nói: “Em không biết đấy là chốn nào. Anh có thể nói cho em về nơi ấy có được không? Em không thạo bản đồ. Làm sao em có thể tìm ra lối?” Chàng nhún vai, chàng thả mẫu thuốc và giẫm lên. Chàng nói: “Đừng lo. Anh sẽ chỉ ngay mà. Đợi anh một lát”. Những vết xăm trên các đốt tay chàng đã nhạt và dang phủ lông trở lại như thể da chàng được nhúng trong nước. Nếu chàng không viết cho tôi thì nó sẽ không, bởi lẽ chàng không muốn. Nơi chàng sống là nơi người ta chẳng bao giờ nghe nói đến thư từ. Nơi chàng ở lại là nơi họ đập vỡ răng chàng và nuôi chàng bằng đá. Vài phần cơ thể của chàng tôi đã thấy trong ánh nến và bây giờ đã được che lại. Có nhiều sẹo không? Có đau không? Mày không thể hỏi những điều như thế. Nơi chàng cư ngụ không có giấy, camera, rau quả, mù lòa. Nơi chàng sống, cửa sổ được khoét từ vách đá; không gian bên ngoài cũng là đá. Nơi chàng tồn tại mày có thể chết trong bóng tối. Nơi chàng ở là nơi chẳng một ai muốn mình phải đi đến. Mày đừng hỏi những câu hỏi về nơi chàng sống. Mày hãy nhìn vào thể xác. Nó run rẩy. Nó toát mồ hôi. Nó rỉ máu. Mày đừng mở miệng. Hãy nhìn cơ thể rồi sẽ tìm thấy câu trả lời.

NADINE GORDIMER  
(Nam Phi)

## CÁI TÌM ĐƯỢC

*M*ặc xác chúng mày.

Người đàn ông từng gặp nhiều bất hạnh với đàn bà đã quyết định sống độc thân một thời gian. Vì tình, đã hai lần anh kết hôn. Anh dọn ngôi nhà sạch hết những thứ mà vì lẽ gì đó cô vợ hai tận tâm đã bỏ sót khi rời đi cùng với những món đồ ưa thích mà hai người cùng thu thập - những bức tranh, cốc hiếm, kể cả mấy chai rượu hảo hạng dưới hầm. Anh vứt bỏ những cuốn sách mà cô vợ đầu tiên đã viết những dòng chữ yêu thương lên tờ ngỏ bằng tên của một cô dâu mới. Rồi anh đi nghỉ không có phụ nữ đi cùng. Bởi lẽ lần đầu tiên anh có thể nhớ; nhưng những cô ả đốn mạt và dĩ thoã anh nghĩ mình đã yêu ấy hóa ra lại tráo trở hết như mấy cô vợ trung thực luôn thề thốt yêu thương anh suốt đời.

Anh một mình đến bãi tắm nơi những tảng đá lồi lõm nhô ra biển, sóng vỗ i oẹp tạo thành những hốc nước. Không có cát. Trên những phiến đá tựa chõ kẹo nấu sôi, có vần, sọc và lõm đốm, nhiều người - cả phụ nữ - nằm trên những chiếc chiếu bạc muối, xoa dầu thơm lên người. Năm ấy, tóc họ búi cao và được giữ lại bằng những vòng hoa nhân tạo đàm hồi hoặc buông xuống - khi họ bước khỏi mặt nước với chuỗi pha lê bóng loáng trên ngực - từ cái cài mạ vàng có khoen móc vào tai

đung đưa lấp lánh. Ngực đê Trần. Họ đeo mảnh vải hình tam giác lộn ngược có thể phát sáng trước ~~những~~ sinh dục bằng một sợi dây chạy qua kẽ mông nối với sợi dây vòng qua bụng và eo. Từ góc nhìn của anh, khi họ đi xuống biển thì trông họ khoả thân hoàn toàn; rồi khi họ rời khỏi mặt biển, hồn hển thở với vẻ hài lòng, tiến vào tầm nhìn của anh thì ngực họ dập dềnh, rủ xuống khi họ cúi người, cười vang trong lúc lau mình, chải tóc và bôi dầu. Cơ thể của vài người được chia ra từng phần rõ như mảnh vải được nhuộm kỹ; những cái sọc, những mảng trắng hoặc đỏ tùy theo chỗ được quần áo che tránh khỏi sự thiêu đốt của mặt trời. Núm vú của đôi người đỏ ửng như những quả dâu tây, có thể thấy ngay là họ đã không chịu bôi dầu. Có cả đàn ông nhưng anh không nhìn đàn ông. Khi anh nhắm mắt, lắng nghe biển thì anh có thể ngửi thấy mùi đàn bà - mùi dầu.

Anh bơi nhiều. Ra tận vùng vịnh phảng lặng, giữa những người lướt gió dang tay giữ những cánh buồm sắc sỡ hay gần bờ nơi một tấm ván trượt hất tung bọt nước trắng xoá trùm lên đầu anh. Một nhóm các bà mẹ trẻ đưa con vào chỗ nước nông. Da thịt mềm mại, trần truồng áp sát da thịt mẹ chúng, những đứa trẻ bám chặt, sau đó tách ra nhưng dường như chúng vẫn có một phần da thịt đàn bà nơi chúng được hoài thai bởi những đàn ông như anh. Anh nằm phơi khô ~~mặt~~ trên tảng đá. Anh thích độ lồi lõm của đá nhưng ~~những~~ ~~mái~~ ~~của~~ quay điều chỉnh các khớp xương sao cho các đường cong trên cơ thể thoái mái hơn trên mặt đá. Anh ngủ. Anh thức giấc nhìn những cái chân cao lồng đang di gần đầu anh - đàn bà. Nước từ mái tóc ướt vung vẩy rơi xuống đôi vai ấm áp của anh. Đôi khi anh thấy mình lặn bên dưới họ, thân hình với làn da nhám của anh lướt qua như một chú cá mập.

Như cánh đàn ông thường làm trên bờ khi cô đơn, anh liệng đá xuống biển, nhớ cách giữ chúng nhảy lướt trên mặt

nước. Nằm úp mặt xuống những lạch nước nhỏ cuối cùng, anh nhặt một vốc đầy đá biển bóng láng, đưa lại gần và bắt đầu quan sát như thể người lớn dừng lại xem trẻ con tần ngần ngắm một bông hoa, một chiếc lá, một viên đá, với những sọc cát của nó, thành phần màu sắc bí ẩn, độ lóng lánh ẩn chứa bên trong sự cảm nhận (của chính anh) đã khám phá: hình thù quả trứng hay bầu dục của nó được bàn tay xoa dầu của biển mài nhẵn bóng.

Thật ra, những viên đá ấy không phải tất thảy đều là đá. Có những mẫu hình thoi màu hổ phách dẹt mà đại dương cắt ngọc đã đánh bóng từ những chai bia vỡ. Có cả những mẫu thủy tinh xanh da trời và xanh đậm (từ cái chai bị chém khác) mà có thể chuyển sang màu lục ngọc và màu ngọc lục bảo. Trẻ con nhặt chúng để vào mõ hoặc vào xô. Rồi một chiều nọ, trong mớ tài sản trộn lẫn với những mẫu nhựa dẻo bị vứt khỏi tàu chở hàng và cả những vật dụng bằng nhựa nổi lềnh bềnh tấp lên mọi bến bờ trên toàn thế giới, anh tìm thấy giữa những viên đá anh đang gạn trong tay giống như ông thầy tu lần tràng hạt, một vật quý giá thực sự. Giữa những viên cuội thủy tinh màu là một chiếc nhẫn kim cương sapphire. Nó không nằm trên bề mặt bờ biển đá nên rõ ràng là đã không bị một trong số những phụ nữ hôm ấy đánh rơi. Một người yêu (hay vợ bất hợp pháp) của một quý ông giàu có rót khói thuyền ở ngoài kia, đeo đồ trang sức trong lúc đang cố vứt bỏ những vật vương khác, hẳn đã để một trong số những chiếc nhẫn tuột khỏi tay chìm xuống nước. Mà không hề phát hiện ra mãi cho đến khi lên lại boong thì vội đi tìm chế độ bảo hiểm trong lúc biển cứ kéo chiếc nhẫn chìm xuống sâu, sâu hơn nữa; và rồi thủy triều từ ngày này sang ngày khác, năm này nối năm kia dần dần xô dạt nó vào bờ. Chiếc nhẫn tuyệt đẹp. Mặt sapphire hình chữ nhật rộng được bao quanh bằng những viên kim cương tròn và một viên kim

cương lớn được đặt một bên mặt đá sáng nõi nó với vòng tròn được chạm sâu.

Mặc dù chiếc nhẫn được mẩy ngón tay của anh tình cờ đào lên từ độ sâu chừng một tấc rưỡi nhưng anh vẫn nhìn quanh như thể chủ nhân của nó chắc chắn đang đứng bên cạnh.

Nhưng họ vẫn mải mốt bôi dầu, lau bọn trẻ, nhổ lông mày qua những chiếc gương bé xíu, họ ngồi gác chân, và uể oải tựa lên cái bàn thấp nơi bọn bồi nhà hàng đã đặt mấy đĩa salad và những chai rượu vang trắng. Anh mang chiếc nhẫn đến nhà hàng; có lẽ ai đó đã kể là bị mất. Chủ nhà hàng bước lùi lại. Bà ta hẳn đang được đề nghị mua món hàng ăn cắp của một kẻ gian lận. Chiếc nhẫn giá trị lắm. Hãy mang nó đến đồn cảnh sát.

Nghi ngờ dấy lên cảnh giác; có lẽ, trong nhà hàng ngoại quốc này, đã có nguyên nhân khiến người ta nghi ngờ. Thậm chí cả cảnh sát. Nếu không có ai nhận chiếc nhẫn thì một quan chức bản địa nào đó sẽ đút túi. Khác nhau là thế dấy - anh đút chiếc nhẫn vào túi hoặc an toàn hơn là vào túi đeo vai đang đựng tiền, thẻ tín dụng, chìa khoá xe và kính râm. Rồi anh quay lại bãi biển, nằm trên đá, giữa đám đàn bà. Suy nghĩ.

Anh dăng lời nhẫn tin trên tờ báo địa phương: *Nhẫn được tìm thấy trên bãi tắm Blue Horizon, thứ ba, mồng một*, kèm theo số điện thoại và số phòng của anh ở khách sạn. Bà chủ nhà hàng nói đúng; có rất nhiều cú điện thoại. Vài cú là của đàn ông nói rằng vợ, mẹ, bạn gái họ đã thật sự mất nhẫn ở bãi tắm ấy. Khi anh đề nghị họ miêu tả, họ thử vận may: một chiếc nhẫn kim cương. Nhưng khi bị buộc miêu tả chi tiết hơn thì họ chỉ có thể nói vòng vo. Nếu là giọng phụ nữ khéo nịnh và tán tỉnh vờ vĩnh (thậm chí đôi người còn sụt sùi) được phát hiện là giọng đàn bà đàng điếm luống tuổi thì anh cúp máy ngay khi thị ta cố miêu tả chiếc nhẫn mất của mình. Nhưng

nếu giọng ấy quyến rũ và thỉnh thoảng trẻ trung, dịu dàng kể cả có phần do dự vì sự nói dối táo bạo thì anh mời người ấy đến khách sạn nhận dạng chiếc nhẫn.

Hãy miêu tả nó.

Anh để họ ngồi thoải mái trước ban công thoáng đãng với luồng sáng ngoài biển dò xét nét mặt họ. Duy chỉ một người thuyết phục được anh rằng nàng thực sự đã đánh mất chiếc nhẫn; nàng miêu tả chi tiết rồi bỏ đi sau khi xin lỗi vì đã làm phiền anh. Những người khác - đôi người hấp dẫn hay thậm chí cực kỳ xinh đẹp, ăn vận trang nhã - hẳn đến vì mục đích khác nếu họ không bỏ đi cùng với sự miêu tả bịa đặt về chiếc nhẫn. Họ dường như tính toán chiếc nhẫn là một chiếc nhẫn; nếu có giá trị thì nó phải là nhẫn kim cương và một hoặc hai người tỏ ra thông minh khi xác nhận, vâng, chiếc nhẫn còn có mặt đá quý nhưng nó là đồ gia bảo (của bà hoặcdì) nhưng họ thực sự không biết tên của loại đá đó.

Thế còn màu sắc? Hình dáng?

Họ bỏ đi như thể bị xúc phạm; hoặc họ cười ngớ ngẩn như cảm thấy có lỗi, chỉ vì liều mạng mà họ đến thôi, thực là buồn cười. Và họ khó có thể giữ được lịch sự khi bỏ đi.

\*

Rồi có một người mà giọng nói chẳng giống bất kì giọng của những người đã gọi, giọng nhã nhặn của ca sĩ, nghệ sĩ, có lẽ, biểu lộ sự nhút nhát. “Tôi đã hết hy vọng. Về việc tìm lại nó... chiếc nhẫn của tôi”. Nàng đã đọc lời nhắn tin rồi nghĩ, không, không, chẳng ích gì đâu. Nhưng nếu cơ hội là một phần triệu... Anh mời nàng đến khách sạn.

Nàng chắc đã bốn mươi, có vẻ đẹp tự nhiên với đôi mắt phớt xanh, tinh lặng đầy ấn tượng và chẳng cần trang điểm gì

cả ngoài mái tóc đen màu lông công. Mái tóc mọc lên từ vùng đầu cao trên cái trán rộng và được búi thành cuộn quanh đầu, bóng mượt như những sợi lông chim mịn màng. Chẳng có lấy một nếp nhăn nào ở khoảng đôi bầu vú và cả mảng thịt da săn chắc nơi vùng cổ của chiếc váy đen như tóc nàng. Bàn tay nàng sinh ra là để đeo nhẫn; nàng ngửa hai lòng bàn tay, xoè rộng các ngón cái và những ngón còn lại. Và khi động tác kết thúc, tôi thấy một tia sáng lóe lên trong dòng nước.

Tả nó đi.

Nàng nhìn thẳng anh, ngẩng đầu để hướng cái nhìn ra xa và bắt đầu nói. Nàng nói rất tỉ mỉ, bạch kim và vàng... anh biết đấy, thật khó miêu tả chính xác một vật mình dùng quá lâu mà lại không còn để ý đến nó. Một chiếc nhẫn kim cương lớn... rất nhiều. Ngọc lục bảo và đá đỏ... ngọc rubi, nhưng tôi nghĩ chúng đã long ra trước khi...

Anh bước lại ngăn kéo của cái bàn trang điểm kiêm bàn viết của khách sạn và kéo từ dưới những tờ bìa miêu tả nhà hàng, chương trình TV cáp và dịch vụ phòng có sẵn ra một phong bì. Nhẫn của cô đây, anh nói. Anh mắt nàng không đổi. Anh đưa cái phong bì về phía nàng.

Tay nàng chầm chậm lướt về phía anh như thể đang ở dưới nước. Nàng cầm chiếc nhẫn từ tay anh rồi đeo vào ngón giữa tay phải. Nó không vừa, nhưng nàng điều chỉnh lại động tác bằng sự thay đổi nhanh nhẹn và chiếc nhẫn trượt khít vào ngón tay thứ ba.

Anh đưa nàng đi ăn tối, chuyện chiếc nhẫn không được đà động gì đến. Thế là lần nữa, nàng trở thành người vợ thứ ba của anh. Hai người sống với nhau tâm đầu ý hợp hơn bất kì đôi vợ chồng nào khác.

LYNDALL HADOW  
(Australia)

## CHIỀU CHỦ NHẬT

**T**hằng bé ngồi trên chiếc ghế bạt vồng xuống ngoài cửa bếp. Mẹ nó đang kiểm tra nước gội đầu trong chiếc bồn tắm mạ kẽm và gọi: “Sally, Lally”. Bà lê đôi chân nặng nề, cẩn thận vào bếp mang ra một cái ấm sắt.

“Con trai, đi tìm các em về đây cho mẹ”, bà nói. “Muộn mất rồi, kéo đến khi đi ngủ tóc chúng lại không khô”.

Theo như nó nhớ thì bà nói điều này vào mỗi chiều chủ nhật. Nó không nhúc nhích, chỉ ngồi nhìn lơ đãng vào mặt đất xám xịt, đã chai lại vì năm tháng dùng làm sàn chái nhà. “Có một đứa con trai tốt thế đấy”, bà nói chán nản, rồi quay lại gọi đầy hy vọng: “Sally, Lally”.

Một bé gái tóc vàng ló đầu vào ngó nghiêng quanh góc túp lều lợp tôn mui.

“Mẹ gọi ai, mẹ?”

“Con nghe đây: Cả hai con đến đây ngay trước khi nước nguội. Böyle giờ thì đến đây, cả hai đứa”.

Chúng mười tuổi. Hai đứa bé cuối cùng đã chết yếu, vì thế không còn ai bé hơn chúng để phải bận tâm cả, Sally và Lally đã trải qua một thời thơ ấu vô tư huyền anh trai chúng.

Phân mình, trong khi mẹ nấu ăn, giặt giũ hay khâu vá, cho gà ăn, chăm sóc rau thì cậu phải chăm nom hai đứa em sinh đôi khi chúng lớn lên. Cậu phải giữ cho chúng khỏi nắng, khỏi mưa. Cậu phải giữ chúng tránh cái giếng không được đậy nắp, gà, diều hâu, tránh khu vườn lộn xộn và tránh rắn.

Cậu làm đồ chơi cho chúng từ cái kẹp phơi quần áo, dây để nhảy dây từ những mẩu dây thừa; sưu tầm xương đốt từ những con cá chó nhỏ. Cậu dựng những túp lều cho riêng chúng. Và khi, ba hoặc bốn lần trong một năm, cả gia đình cùng lên quận trên một chiếc xe bò, cậu đặt hai đứa trẻ sinh đôi lên đầu gối, và sau đó cậu phải bám theo chúng quanh quần trong cửa hàng của người bán vải, người bán tạp phẩm và cả trong công viên phía trước nhà ga xe lửa, nơi trúc đào và bạch đàn nhựa mọc khồng ra hàng lối rụng lá úa lên đám cỏ râm nắng mặt trời.

Đầu tiên chẳng có ngôi trường nào gần với nông trại của họ để cho bọn trẻ theo học, nên cả ba đứa, ngay khi hai đứa bé sinh đôi có thể ngồi thẳng được bên bàn, đã phải tham dự những bài học không bắt buộc qua thư. Đó là một ý tưởng mới, và cậu bắt đầu chạy đua với hai em gái mình. Chẳng mấy chốc cậu đã dẫn đầu, vì việc đó là bắt buộc đối với cậu - những bài học của mấy anh em - cho tới khi trường Công lập được xây dựng cách hai dặm xuôi xuống phía con đường. Rồi cậu trở thành người trông nom cho hai đứa em khi chúng cùng nhau đi học năm ngày một tuần.

Bây giờ đã hơn một năm kể từ khi cậu bỏ học. Hàng ngày hai đứa bé sinh đôi đi về một mình trong khi cậu làm việc với cha trên cánh đồng, và tất cả họ đều biết rằng chẳng bao lâu nữa sẽ có em bé trong nhà. Hai bé gái bí mật chuyện đó. Cậu phật ý.

“Sally, Lally”, bà mẹ gọi. “Các con đến đây ngay, nếu không mẹ sẽ mách bố khi bố về đấy”.

“Muộn mất thôi”, bà nói với cậu, “và mẹ mệt quá”. Khi bà ngồi trên mép cái ghế giặt, loang lổ xà phòng bám thành sọc màu xanh, bà để bàn tay buông thõng phủ trên tạp dề.

Thằng bé nhảy chân sáo, vội vã đi tìm hai em gái. Chúng chạy, la hét và cười khúc khích, một đứa chạy đến đống máng nước lộn xộn han gỉ đã từng dùng trong sân nuôi gà; còn đứa kia chạy đến đống rễ cây malle cao vượt lên như một đống đầu lâu xương ống trên mặt đất xám xịt.

Cậu bắt được cả hai đứa. Chúng để cho cậu bắt - tất cả chỉ là các phần của cuộc chơi để trêu tức anh mình. Nhưng hôm nay trò chơi lại khác. Cậu túm mạnh đôi vai gầy nhom của hai đứa em làm chúng phát đau cả lên.

“Buông ra”, Sally la lên. “Mẹ, anh làm đau tay con này”. Nó giáng một cú đá vào ống chân cậu, cậu buông ra và tát nó, thật mạnh, khi nó chạy. Lally véo cậu và cậu lắc nó với một sự điên tiết kì lạ khi cậu lôi nó đến bồn tắm.

Gội đầu xong, hai đứa uể oải ngồi trên đống củi hong khô mái tóc dài, quăn, vàng hoe của chúng, bà mẹ múc nước từ bồn tưới vào cụm khoai tây leo lưa thưa bám quanh những cột chống của chái nhà; mặt đất hoang vắng trải dài ra khỏi tầm nhìn đến bờ của đồi lúa mì còn tro gốc màu xám xịt; bánh xe bò được dựng một cách lơ là, đang chờ sửa chữa; tấm khăn vắt bột bánh pútđing dập dờn trên dây phơi; một con quạ đậu trên hàng rào dây thép - chiều chủ nhật.

Mẹ theo cậu vào trong bếp.

“Ruồi nhặng đến khiếp”, bà nói khi xua đám ruồi ra khỏi những chiếc bánh nướng đang được để cho nguội dần trên bàn.

“Mẹ nghĩ bây giờ mẹ sẽ phải dọn bàn vì mẹ cần phải nghỉ ngơi trước bữa trà”. Với vẻ muôn nói, nhưng cậu không đáp lại. Cậu đang kéo sụp cái áo len dày trùm qua chiếc sormi lê phục của cậu.

“Con làm gì đấy?”, bà hỏi. Cậu thọc cánh tay vào trong áo khoác, chiếc áo đã từng là áo của cha cậu.

“Vào một ngày như thế này, người ta dễ phát cáu lên được”. Cậu đội chiếc mũ bọc nỉ cũ vào.

“Con có thể lấy số tiền tiết kiệm của mình không?”

Cậu không nhìn mẹ khi bà cẩn thận buông người xuống chiếc ghế dài dựa vào bức tường ám khói. Cuối cùng thì chuyện ấy cũng đã đến. Đứa con đầu lòng của bà sẽ rời bỏ cái tổ ấm tội nghiệp này.

“Con sẽ đi ư?” bà hỏi.

“Mẹ ạ, con phải đi, con không thể ở lại đây thêm tí nào nữa”. Giọng cậu trở nên gay gắt. “Ở đây. Không có gì ở đây hết. Con muốn... Con muốn có một chiếc máy hát... và một cái xe đẹp”.

Điều đó vượt quá khả năng. Lời tuyên bố về những ham muốn đơn giản của cậu. Cậu không dám nhìn vào mặt mẹ.

“Con biết là chúng ta không đủ điều kiện để có những thứ đó mà”. Bà bẽ bàng. “Ôi, con trai, mẹ đã làm những gì tốt nhất cho con. Đừng bỏ đi như vậy”.

Bây giờ bà khóc thút thít. Cậu không nhìn mẹ.

“Mẹ đã có mấy đứa con gái rồi”, cậu gào lên, cố làm dịu bớt việc bỏ đi của mình. “Con... con sẽ viết thư... và con sẽ gửi ngay cho mẹ một ít tiền khi con kiếm được việc làm”.

“Đấy đâu có phải lỗi của ông ấy”, bà nói. “Con biết đấy, cha con đâu có muốn trở thành nông dân. Đó là đất đai mà ông được sở hữu, và chính phủ đã định cư chúng ta ở đây...

Chúng ta không muốn ở đây lâu... khi chúng ta phát hiện ra là ở đây không có nhiều mưa”.

Gιọng bà đều đều, kiệt tẮt khi cậu tiến vέ phía cửa, rồi nâng lén, cầu khẩn. “Con ơi, đừng bỏ đi như thế. Mẹ sē đέ nghị cha con xem chúng ta có thể chuyển xuống thành phố khόng”. Bà khẩn nài. “Chúng ta sē nói chuyện này tối nay”.

Cậu nói, giành lấy thέ chủ động: “Con phải đi, mẹ ạ”.

“Con nói là con muốn có một cái xe đέ”, bà nói gần như thì thầm. “Có cái xe Darkie đέ”.

“Drakie! Cái đό cū nát hỏng hóc ấy. Dù sao, nó cung khόng phải là của con. Con muốn gặp gỡ nhiều người và làm việc thực sự. Không chỉ là phụ giúp quanh quẩn ở đây”.

“Cha cần con giúp việc đồng áng”.

“Không, cha khόng cần. Con biết là khόng có đέ việc cho cả hai cha con. Con phải đi”.

Bà nhượng bộ.

“Con sē ngủ ở đâu?”

“Con sē ổn thôi. Con có đέ tiền cho tới khi kiếm đέ được việc làm mà. Con có thể lấy số tiền tiết kiệm của con khόng?”

Bà tìm thấy nó trong ngăn kéo tủ bếp dưới đống hoá đơn và thư từ. Sổ tiết kiệm học sinh của cậu, có vài shiling nhỏ mọn tiết kiệm hàng tuần, một xu vào mỗi sáng thứ hai. Cậu cầm lấy nó và từ từ dịch ra xa. Bà sē muốn hôn cậu. Cậu đă khόng hôn mẹ hàng tháng nay.

“Con phải có một cái chǎn”.

“Con sē ổn thôi”. Cậu biết rõ mọi người thiếu đồ đέp.

Bà đi đến chố cái giường nhỏ của cậu. “Cứ mang cái mền sợi của con đi”. “Không, nó quá nặng”. Hơn nữa, cậu đă mệt vì những bao tải ngô gai; bây giờ sáu bảy bao trong số chúng đă đέ được tháo ra để khâu lại với nhau làm thành bộ đồ giường ngủ

cho cậu trong một thời gian dài. Bà mẹ lôi tấm mền mỏng xoàng xĩnh ra khỏi giường hai bé gái sinh đôi. “Bây giờ chúng có thể có một cái chăn”.

Hai bé gái chạy vào. “Mẹ, chúng con có thể ăn một mẩu bánh không? “Chúng con có thể ăn bánh nướng được không?”

“Anh các con sắp đi xa”.

Hai đứa bé không nói gì. Chúng bám lấy mẹ. Bà đẩy chúng sang một bên, nói: “Cứ lấy bánh đi”, và bắt đầu gói ghém vài thứ đồ đạc của cậu - một chiếc sơmi bạc màu nữa, một đôi ủng, một cái quần lao động bằng vải Flanen - vào trong tấm mền. “Tôi nay con sẽ ngủ ở đâu?”

“Con không sao đâu”, cậu gào lên, liều lĩnh ra đi. Nếu cậu ở lại thêm một lúc, nếu cậu để mình nhìn vào đôi mắt khẩn nài của bà, cậu sẽ thua cuộc. Ra đi sẽ chỉ trở thành một quyết tâm suông mà thôi. Chiều chủ nhật sẽ lại đến vào tuần tới, giữ cậu lại trong cái tổ ấm buồn tẻ không thể chịu nổi của nó. Không bao giờ có được cái máy hát, không bao giờ có được chiếc xe đẹp. Chỉ có hai đứa em sinh đôi lớn lên trong tuổi thơ tròn mau và một đứa em ầm ī khác.

Họ đi với cậu xa đến mức có thể; qua hàng rào dây thép đã đổ, lên sườn dốc nhuộm vàng của mảnh ruộng lúa mì tới con đường. Hai đứa em bám vào cậu như thể muốn giữ cậu lại, cố làm cho cậu đi đều từ từ cùng với chúng. Nhưng mắt cậu dán vào đường chân trời rộng mở và khi lên đến đường cậu bảo: “Tốt hơn là ta chia tay ở đây. Các em hãy chăm sóc mẹ”.

Vẻ đau khổ hiện lên trong mắt bà, còn mắt cậu thì đầy ắp những giọt nước mắt ngu ngốc. Cậu hôn mẹ thật nhanh.

“Tạm biệt”, cậu nói và với một vẻ can đảm sinh ra từ thuở niên thiếu mòn mỏi, cậu vội vã xuống đường.

Tiếng nấc phản đối cay đắng nghẹn trong cổ họng người mẹ. Cậu bé quay nhìn lại. “Mẹ, con sẽ viết thư cho mẹ ngay khi con tới nơi”, cậu nói. Rồi tất cả những gì họ có thể nhìn thấy là đám bụi đang di chuyển cùng với cậu. Chầm chậm, họ đi qua buổi chiều trống vắng quay trở lại túp lều.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

OE KENZABURO  
(Nhật Bản)

## QUÁI VẬT TRÊN KHÔNG

Một mình trong phòng, tôi buộc tấm băng đen trên mắt phải. Còn mắt trông thì có vẻ không sao cả nhưng sự thực là tôi hiếm khi nhìn được. - Tôi nói, hiếm khi, bởi vì nó không mù hẳn. Hậu quả là khi tôi nhìn thế giới bằng cả hai mắt, tôi thấy hai thế giới chồng lên nhau, một cái mờ ảo trên cái kia sáng rõ. Tôi có thể đang bước xuống lòng đường thì một cảm giác nguy hiểm và mất thăng bằng dừng chân tôi lại, giống như một con chuột vừa nhô khỏi miệng cống bỗng sưng lại bất động. Hoặc tôi sẽ khám phá ra cả một cuốn phim bất hạnh và mệt mỏi trên khuôn mặt một người bạn đang tươi cười hớn hở và dòng trò chuyện huyên thiên của tôi bỗng nhiên nghẽn lại vì tật nói lắp. Tôi cho rằng sau dần, tôi quen với điều đó. Nếu không thì tôi đã phải buộc tấm băng trên mắt không chỉ khi có một mình trong phòng mà cả khi ra phố, với chúng bạn. Người lạ có thể đi qua với nụ cười hạ cổ. - Ôi, một trò đùa lõ mốt - mà tôi thì đã già để không còn phiền lòng về tất cả những điều nhỏ mọn như vậy.

Câu chuyện tôi định kể là kinh nghiệm kiểm sống đầu tiên trong đời tôi. Tôi đã bắt đầu với con mắt bên phải vì hồi ức về kinh nghiệm mười năm trước đột ngột sống lại và hoàn

toàn sáng tỏ khi con mắt đó của tôi bị chấn thương vào mùa xuân năm ngoái. Tôi phải nói thêm rằng, khi nhớ lại, tôi đã tự do thoát khỏi nỗi căm thù trong tim. Cuối cùng, tôi sẽ kể về chính cái tai nạn đó.

Mười năm trước, thị lực của tôi là 20/20. Giờ đây một con mắt đã hỏng. *Thời gian* đã đổi thay, thời gian đã quăng mình vọt khỏi ván bập nhảy của con mắt bị ném đá. Còn khi lần đầu tiên tôi gặp người đàn ông mắc bệnh tâm thần rất nhạy cảm đó, tôi mới chỉ có hiểu biết ngây thơ của một đứa trẻ về *thời gian*. Tôi chưa nhận biết được cái *thời gian* tàn nhẫn khoan xoáy con mắt của nó vào sau lưng tôi và cái *thời gian* tàn nhẫn đang nằm đợi chờ tôi ở phía trước.

Mười năm trước, tôi 18 tuổi, nặng 110 cân Anh, vừa bước chân vào đại học và đang tìm việc làm thêm. Mặc dù tôi đọc tiếng Pháp vẫn còn vất vả lắm, nhưng tôi muốn mua một bộ *L'Âme Enchanté* hai tập. Tôi muốn một bộ của Moscow, với không những phần lời nói đầu mà cả các chú dẫn cuối trang và ghi chú cuối sách bằng tiếng Nga, và những dòng kẻ nhỏ như sợi chỉ nối các từ trong bài khoá Pháp văn. Nó hơi lạ, nhưng mạnh mẽ và trau chuốt hơn bản tiếng Pháp và lại rẻ hơn nhiều nữa. Khi tôi phát hiện ra nó trong một hiệu sách chuyên về các ấn phẩm Đông Âu, tôi ngay lập tức hành động để kiếm bằng được bộ sách đó cho mình. Thời ấy, tôi thường không cưỡng nổi một vài sự say mê kỳ quái và điều đó không bao giờ làm phiền tôi, tôi vẫn có ý nghĩ rằng chừng nào tôi còn bị ám ảnh bởi một ham muốn gì đó, tôi không có bất cứ một việc gì khác để làm ngoài việc thực hiện cho được ham muốn ấy.

Vì mới vào đại học và chưa đăng ký ở trung tâm tìm việc, nên tôi kiếm việc làm thêm cho mình bằng cách đi một vòng tới tất cả những người quen biết. Cuối cùng, bác tôi giới thiệu tôi đến một ông chủ nhà băng có nhu cầu. “Anh đã

xem phim *Harvey* chưa?" Ông ta hỏi. Tôi đáp "rồi ạ" và cố nở một nụ cười khiêm nhường, tìm kiếm thiện cảm. *Harvey* là phim của Jimmy Stewart về một người đàn ông sống cùng một con thỏ giả tưởng to như một con gấu, bộ phim làm tôi cười muối chết. Ông chủ nhà băng không đáp lại nụ cười của tôi:

- Gần đây, con trai tôi cũng có những ảo ảnh tương tự là nó đang sống với một con quái vật. Nó thôi không đi làm nữa mà ở lì trong phòng. Tôi muốn nó thỉnh thoảng ra ngoài chơi, nhưng, tất nhiên, nó sẽ cần một người đi kèm. Cậu có thể nhận việc đó chứ?

Tôi có biết chút ít về con trai ông chủ nhà băng. Ông ta là một nhà soạn nhạc trẻ đã giật được giải thưởng cho các tác phẩm âm nhạc ở Pháp, Ý và ảnh ông ta thường xuất hiện trên các tạp chí hàng tuần; mục "Những nghệ sĩ Nhật Bản của Ngày Mai". Tôi chưa bao giờ nghe những tác phẩm lớn của ông nhưng đã xem vài phim do ông viết nhạc. Một cuốn phim về những cuộc phiêu lưu của một thanh niên hư hỏng, tôi nhớ trong đó có một đoạn nhạc trữ tình, ngắn, chơi trên kèn harmonica. Đoạn ấy tuyệt lẩm. Khi xem ảnh ông, tôi nhớ là mình thường hình dung một người đàn ông chừng ba mươi tuổi (thực sự thì khi đó ông 28 tuổi đúng bằng tuổi tôi bây giờ) đang sáng tác một bản nhạc cho kèn harmonica. Bởi vì chiếc kèn harmonica của tôi đã chuyển cho em trai tôi khi tôi vào trường tiểu học. Và vì tôi biết về nhà soạn nhạc tên D này nhiều hơn những sự kiện được sách báo nói đến, nên tôi còn biết rằng ông mới có một vụ tai tiếng. Nói chung tôi chẳng hề có gì khác ngoài sự khó chịu đối với các vụ tai tiếng, nhưng tôi biết đứa bé sơ sinh của ông ta chết và vì vậy ông đã li dị bà vợ của mình và nghe đồn là đang quan hệ với một nữ nghệ sĩ điện ảnh. Tôi không biết rằng ông đang bị quấy nhiễu bởi con quái vật gì đó giống như con

thở trong phim của Jimmy Stewart, bỏ việc và giam mình trong phòng riêng. Tình trạng của ông trầm trọng ra sao, tôi tự hỏi, một ca khủng hoảng thần kinh hay hoàn toàn điên loạn?

- Cháu không hiểu rõ lầm điều mà ông muốn đòi hỏi ở một người đi kèm. - Tôi nói và lại cố cười. - Tất nhiên, cháu muốn nhận làm nếu cháu có đủ khả năng.

Che giấu sự tò mò và e ngại, tôi cố gắng làm cho giọng điệu và sự diễn đạt của mình có thể gây thiện cảm nhiều nhất. Chỉ là một việc làm thêm thôi nhưng đây là cơ hội đầu tiên mà tôi có và tôi quyết định sẽ tận dụng nếu có thể.

- Khi con trai tôi muốn đi đâu đó ở Tokyo, anh sẽ đi theo - chỉ vậy thôi. Ở nhà tôi đã có một cô y tá và cô ấy cũng chẳng gặp khó khăn gì khi trông giữ con trai tôi, vì vậy anh đừng lo lắng về bạo lực. - Ông chủ nhà băng biến tôi thành anh lính lộ mặt nhát gan.

Tôi ngượng đỏ cả mặt và cố gắng cứu vớt tình thế, tôi nói:

- Cháu rất yêu âm nhạc, cháu kính trọng các nhà soạn nhạc hơn mọi người khác, vì vậy cháu sẽ tìm cách gặp gỡ và chuyện với ông D.

- Đạo này nó chỉ nghĩ về cái đang ở trong đầu nó và chỉ trò chuyện với cái đó thôi. - Ông chủ nhà băng trả lời một cách cục cằn khiến mặt tôi càng đỏ lựng lên.

- Anh có thể đến gặp con tôi vào ngày mai. - Ông ta nói.

- Ở nhà của ông à?

- Đúng thế, anh cho rằng nó đang ở trong nhà thương điên chắc? - Giọng nói của ông ta khiến tôi nghĩ rằng ông ta là người khó chịu nhất trong những người tính tình cáu kỉnh, thô lỗ.

- Nếu cháu được nhận làm. - Tôi nói, mắt căm xuống sàn - cháu sẽ vô cùng cảm ơn ông. - Tôi gần muốn khóc.

- Không, nó sẽ thuê anh. - (Sau này, tôi sẽ gọi D là ông chủ của tôi) - vì vậy không cần phải cảm ơn tôi. Tất cả những gì mà tôi quan tâm là nó đừng mắc vào một rắc rối có thể gây tai tiếng nữa, thế thôi. Phải lo lắng cho sự nghiệp của nó. Tất nhiên, điều mà nó làm lại ảnh hưởng đến tôi.

À, ra vậy! Tôi sẽ được thuê làm người lính canh đạo đức, gác cho gia đình ông chủ nhà băng khỏi bị nhiễm bệnh bởi những chất độc tai tiếng một lần thứ hai nữa. Tất nhiên, tôi chẳng nói gì, chỉ gật đầu một cách thật tin tưởng, sốt sắng muốn sưởi ấm trái tim băng giá của ông chủ nhà băng với ngọn lửa tín nhiệm nơi tôi. Tôi thậm chí cũng không hỏi câu hỏi cần thiết nhất, tuy thực khó nói, rằng con quái vật vẫn quấy nhiễu con trai ông ta phải chăng là một con thỏ như của Harvey, cao tới gần sáu bộ? Hay là một tạo vật tua tủa tóc tai như Người Tuyết Tấn Công? Nó là loại quái vật nào chứ? Rốt cuộc, tôi chỉ giữ im lặng và tự khích lệ bản thân rằng tôi có thể tìm ra điều bí mật bằng cách kết bạn với cô y tá.

Tôi rời khỏi văn phòng ông chủ nhà băng và khi bước dọc hành lang, nghiến răng ken két vì bị xúc phạm như thế Julien Sorel sau cuộc gặp với một nhân vật quan trọng, tôi trở nên hoàn toàn tự chủ, kiểm nghiêm lại xử sự ấy. Khi từ trường đến, tôi không lựa chọn để tìm kiếm một công việc oái oăm, liều mạng như vậy, tôi tin rằng hồi ức về cuộc đối thoại với ông chủ nhà băng rất thiếu hoà nhã kia đã đóng một vai trò to lớn trong quyết định của tôi.

Mặc dù vậy, hôm sau, khi học xong, tôi lên tàu tới vùng ngoại ô nơi nhà soạn nhạc cư trú. Khi qua cổng tòa nhà, tôi nghe tiếng rống của những con thú như giữa một thảo cầm viên lúc đêm khuya. Tôi co rúm cả người, mất hết can đảm. Chao ôi, nếu đó lại là tiếng gầm thét của ông chủ tôi? Lúc ấy, tôi không hề nghĩ đến điều khá hơn, đó có thể là tiếng con

quái vật vẫn quấy nhiễu D, giống như con thỏ của Jimmy Stewart. Dù chúng là tiếng gì đi nữa, rõ ràng chúng làm tôi cuống đến mức cô giúp việc ra chỉ đường cho tôi không sao nhịn được, cười phá lên. Tiếp theo, tôi phát hiện một người nữa cũng đang cười, không thành tiếng. Ông ta ngồi trong bóng tối bên cửa sổ ngôi nhà nhỏ trong vườn. Đó chính là người sẽ thuê tôi làm việc, ông ta cười như một khuôn mặt trên phim, lặng ngắt. Và sôi sục xung quanh ông tiếng rít rú, gầm gào của những con thú hoang dã. Nghe gần hơn, tôi nhận ra tiếng vài con thú cùng loại đang đồng thanh tru lên. Với cái giọng chói lói kinh khủng như không thể thuộc về trái đất của chúng ta. Bị cô giúp việc bỏ rơi bén lối vào, tôi kết luận rằng tiếng rít gào chắc là từ những băng cassette của nhà soạn nhạc, tôi lấy lại can đảm, bước tới và mở cửa.

Bên trong, ngôi nhà nhỏ giữa vườn khiến tôi nghĩ đến một nhà trẻ. Trong căn phòng lớn có hai đàn piano, một cái organ điện tử, vài máy ghi âm, một cái cassette, một "bộ hoà âm" radio. Gần như không có chỗ cho anh bước vào. Cái trông như một con chó đang ngủ trên sàn nhà, hóa ra lại là một cây kèn tuba bằng đồng thau màu đỏ. Căn phòng đúng như tưởng tượng của tôi về một studio của nhà soạn nhạc, tôi thậm chí ngỡ mình đã từng nhìn thấy nó khi nào đó rồi trước đây. Dừng làm việc và thu mình trong phòng - cha ông có lâm lấn gì về những điều đó chăng?

Nhà soạn nhạc vừa cúi xuống để tắt máy thu băng. Giữa đống hỗn độn không phải là không có trật tự riêng của nó, ông ta di chuyển tay rất lanh lẹ và những tiếng thú gào rú bỗng rơi vào im lặng tăm tối. Rồi ông bước tới, hướng về phía tôi, với một nụ cười thực sự thanh thản.

Nhin quanh phòng, không thấy cô y tá đâu, tôi có hơi e dè, lo ngại, nhưng nhà soạn nhạc không khiến tôi có lý do gì để ngờ rằng ông sắp gây bạo lực.

- Cha tôi đã nói với tôi về anh. Vào đi, ở đây có chỗ đấy. - Ông nói bằng một giọng trầm buồn, âm vang.

Tôi tháo giày, đi chân không trên thảm. Rồi tôi nhìn quanh, tìm chỗ để ngồi xuống, nhưng ngoài những cái ghế tròn phía trước các cây đàn organ và piano, chẳng còn chút đồ đạc nào trong phòng, ngay cả đến một cái ghế nệm cũng không. Vì vậy, tôi đặt chân vào khoảng giữa một cặp trống và vài hộp băng rỗng, đứng ở đấy một cách gò bó. Nhà soạn nhạc cũng đang đứng, hai tay dang ra. Tôi tự hỏi không hiểu ông có bao giờ ngồi xuống không. Ông không bảo tôi ngồi, cứ đứng đó, im lặng và mỉm cười.

- Tiếng những con khỉ phải khôngạ? - Tôi nói, cố gắng phá vỡ sự im lặng đe doạ sẽ kết chặt nhanh hơn bất kỳ loại xi măng nào.

- Tê giác - chúng rống lên kiểu đó vì tôi đã tăng tốc độ và mở lớn âm lượng của máy. Tôi nghĩ chúng là tê giác - vì tê giác là loài thú mà tôi yêu cầu người ta ghi âm tiếng gầm gào của chúng vào cái băng này - tất nhiên, tôi cũng không thể chắc chắn về điều đó. Nhưng bây giờ đã có anh ở đây rồi, tôi sẽ có khả năng tự đi đến vườn thú.

- Tôi có thể hiểu điều đó có nghĩa tôi đã được nhận việc chǎng?

- Tất nhiên rồi. Tôi sẽ không bảo anh ra ngoài để kiểm tra, thử thách anh đâu. Một người điên làm sao có thể kiểm tra người tỉnh chứ? - Người sẽ là chủ của tôi nói câu ấy một cách thản nhiên và gần như ông ta chẳng chút buồn phiền. Ông khiến tôi cảm thấy khinh bỉ sự xum xoe, khummings dã có trong câu hỏi của mình. - Tôi có thể hiểu điều đó có nghĩa tôi đã được nhận việc chǎng? - Nghe như giọng một nhân viên bán hàng! Nhà soạn nhạc khác hẳn nhà doanh nghiệp là cha của ông và tôi có thể thẳng thắn hơn với ông ta.

- Tôi mong ông đừng tự gọi mình là người điên, như thế sẽ

ất bất tiện đối với tôi. - Cố gắng để thảng thắn, trung thực là một chuyện, nhưng diễn đạt như vậy mới ngu xuẩn làm sao! Nhưng nhà soạn nhạc đã ngắt lời tôi:

- Được thôi, nếu anh cảm thấy thế. Tôi thì cho rằng điều đó sẽ làm cho công việc dễ dàng hơn.

- Công việc là một từ mơ hồ. Nhưng, ít ra thì suốt vài tháng đó, mỗi tuần tôi đến thăm ông một lần, nhà soạn nhạc chẳng bao giờ đề cập đến công việc ngoài việc đến vườn thú để ghi âm tiếng tê giác thực thụ cho bản thân ông. Ông chỉ lang thang quanh Tokyo, đi bộ hoặc đi xe khách, thăm một vài địa điểm. Khi ông đề cập đến công việc, hẳn là trong óc ông phải nghĩ đến tôi. Và tôi đã làm rất nhiều; tôi thậm chí đã đi công cán một chuyến cho ông, tới tận Tokyo.

- Khi nào thì tôi sẽ bắt đầu? - Tôi nói.
- Ngay lập tức nếu nó phù hợp với anh. Ngay bây giờ.
- Nó phù hợp với tôi rồi.
- Tôi phải chuẩn bị một chút. Anh đợi ở ngoài nhé!

Đầu cúi xuống một cách thận trọng, cứ như ông đang bước trên đầm lầy, người chủ của tôi đi về phía cuối căn phòng qua các nhạc cụ, máy móc và những chồng bản thảo, đến một cánh cửa gỗ màu đen. Cánh cửa mở ra rồi đóng lại sau khi ông đã bước qua. Tôi nhìn lướt thấy một người đàn bà mặc đồng phục y tá, chừng bốn mươi tuổi; có khuôn mặt hơi dài với những vết sậm trên má, có thể là vết nhăn hoặc vết sẹo. Tay phải của bà ta gần như ôm lấy nhà soạn nhạc, đẩy ông vào phòng trong, còn tay trái, bà khép cửa lại. Nếu đây là một công đoạn của cả tiến trình thường lệ, tôi sẽ không có dịp trò chuyện với bà y tá trước khi đi cùng ông chủ tôi. Đứng trước cánh cửa đóng kín, nơi tối nhất trong căn phòng mờ ảo, tôi ngọ nguậy chân trong giày và cảm thấy nỗi lo lắng về công việc ngày càng tăng lên. Nhà soạn nhạc thường cười và khi tôi nhắc nhở, ông trả lời. Nhưng ông không tự nguyện lắm.

Người ta che giấu tôi điều gì đó chẳng? Tôi tự hỏi. Vì "đợi ở ngoài" có hai cách hiểu nghĩa, và vì tôi quyết tâm rằng mọi việc trong công việc đầu tiên này phải thật hoàn hảo nên tôi đứng đợi ông chủ bên trong cánh cửa chính, nơi từ đó tôi có thể nhìn thấy ngôi nhà nhỏ trong vườn.

D thấp bé, mảnh khảnh, chỉ cái đầu là có vẻ to hơn tất cả. Để che bớt cái trán dô, ông ta chải mái tóc mịn mượt, màu nhạt, được gọi kí lưỡng của ông, che phủ xuống lông mày. Miệng và hàm đều nhỏ hẹp, còn răng của ông ta thì khấp khểnh tệ hại. Đôi mắt sâu, màu mắt khiến gương mặt ông toát lên vẻ nghiêm trang, nhưng khi ông nở nụ cười yên bình thì gương mặt ông trở nên rất dễ chịu. Về ấn tượng chung, con người này gợi ta nghĩ đến một chú chó. Ông ta mặc cái quần nỉ, và một chiếc áo len với những đường sọc trông giống những hàng quân bọ chét. Đôi vai ông ta hơi khom xuống còn đôi tay thì dài một cách dị thường.

Khi bước ra khỏi cửa sau ngôi nhà, ông chủ tôi mặc một chiếc áo len không tay màu xanh nhạt bên ngoài một áo len khác và đi một đôi giày tennis màu trắng. Ông khiến tôi nhớ lại một ông thầy dạy nhạc ở trường phổ thông. Một tay ông cầm chiếc khăn màu đen, ông có vẻ bối rối không biết có nên quàng nó vào cổ không, và khi thấy tôi đứng đợi ở cổng, ông lúng túng nhẹ răng cười. Suốt thời gian tôi làm việc với ông, trừ lần cuối cùng khi ông nằm trên giường bệnh, ông luôn ăn mặc như vậy. Tôi nhớ rất rõ trang phục của ông vì tôi luôn cảm thấy hài hước khi nhìn một người đàn ông lớn tuổi mặc chiếc áo len không tay, trông cứ như một người đàn bà cải tráng vậy. Ông đi qua những bụi cây thấp tiến về phía tôi, cái tay cầm khăn giơ lên vã vãy. Sau cùng, ông quấn khăn quanh cổ. Lúc đó đã bốn giờ chiều và ngoài trời khá lạnh.

D ra khỏi cổng, còn tôi thì theo sau ông (đúng như quan

hệ của người làm thuê với ông chủ). Tôi có cảm giác mình đang bị theo dõi và quay đầu lại nhìn quanh: đằng sau cái cửa sổ mà lần đầu tiên tôi đã thấy ông chủ của tôi, bà y tá bốn mươi với những vết nhăn hay vết sẹo trên má, đang theo dõi chúng tôi với cái vẻ của một người lính đã bàn giao nhiệm vụ, đứng lại nhìn người lính nhận ca đi tiếp. Môi bà ta mím chặt như miệng của con rùa. Tôi quyết tâm sẽ sớm tìm cái gì đó bất thường ở bà ta? Bà chăm sóc cho một người đàn ông trẻ tuổi mắc bệnh tâm thần, thế mà khi bàn giao, bà không có gì để nói lại cho người sẽ đi kèm ông ấy. Một sự vô tâm nghề nghiệp chẳng? Việc giúp đỡ người mới vào việc như tôi không phải trách nhiệm của bà chẳng? Hay ông chủ tôi là một bệnh nhân hiền lành, vô hại chẳng có gì để kể?

Khi đi trên vỉa hè, đôi mắt trông mỏi mệt, sâu tối của ông đảo chớp lia lịa, hết ngược lên lại nhìn xuống đường phố vắng người. Tôi chẳng hiểu đó có phải là dấu hiệu triệu chứng bệnh tật của ông hay không, hoặc giả, những hành động đột ngột, ngắt quãng thuộc về thói quen của ông. Nhà soạn nhạc ngược lên bầu trời cuối thu, trong sáng, nhảm mắt lại rồi mở mắt ra, cứ thế liên tục. Có cái gì đó rất diễn cảm trong đôi mắt sâu thẳm ấy. Rồi ông ta ngừng nhấp nháy mắt và có vẻ tập trung hơn, như đang dò xét bầu trời. Tôi đứng chéch sau ông ta, theo dõi, và cái gây ấn tượng mạnh mẽ nhất đối với tôi là chuyển động của trái táo Adam của ông ta, nó to như một nắm đấm. Tôi băn khoăn suy nghĩ: phải chẳng định mệnh của ông ta là trở thành một con người to lớn, rồi có lẽ điều gì đó đã cản trở sự trổ vóc của ông từ thuở sơ sinh và giờ đây chỉ có cái đầu, từ cổ trở lên là còn nhắc nhở đến người khổng lồ mà ông định trở thành.

Khi nhìn xuống, ông chủ bắt gặp đôi mắt bối rối, dò hỏi của tôi. Ông nói thản nhiên, và với một giọng chắc chắn không cho phép sự hoài nghi hay phản đối:

- Vào một ngày trời trong sáng, anh có thể nhìn thấy những vật bay lượn trên cao kia rất rõ. Tôi thấy thằng bé bay cùng những vật đó và thường đến gặp tôi mỗi khi tôi ra phố.

Tôi bỗng hoảng hốt. Rời mắt khỏi ông chủ, tôi tự hỏi bằng cách nào có thể thoát ra khỏi thủ thách đầu tiên mà tôi đã chạm chán bất ngờ đến thế. Tôi sẽ giả bộ tin vào cái mà ông ta đã gọi là “thằng bé”, hay đó chỉ là một sự nhầm lẫn thôi? Tôi đang đối diện với một người điên lên cơn mê loạn hay nhà soạn nhạc là một tay hài hước đang chọc đùa tôi? Thấy tôi đứng đó, ủ rũ, chán nản, ông ta giúp đỡ tôi:

- Tôi hiểu, anh không nhìn được những hình ảnh bay lượn trên trời và anh sẽ không nhận ra thằng bé ngay cả khi nó ở ngay đây, sát bên anh. Tất cả những gì tôi muốn đòi hỏi ở anh chỉ là anh đừng làm gì kinh ngạc khi nó hạ xuống đất, thậm chí khi tôi nói chuyện với nó. Vì nếu anh phá lên cười hoặc cố bắt tôi im lặng, anh sẽ làm cho nó nổi giận. Còn nếu anh vô tình chú ý đến cuộc trò chuyện của chúng tôi, thì tôi muốn anh ủng hộ tôi, tôi sẽ rất biết ơn nếu anh phụ họa cùng tôi, nói vài điều gì đó, anh biết đấy, vài điều tán thưởng, đồng tình ấy mà. Anh hiểu chứ, tôi sẽ giải thích cho thằng bé rằng Tokyo giống một thiên đường. Có thể đối với anh Tokyo có vẻ một thiên đường rõ dại, nhưng anh cứ nghĩ nó là một thiên đường đi, dù với ý châm biếm cũng được, và dù thế nào, anh cũng hãy đồng tình với tôi, ít nhất là những khi thằng bé xuống đây gặp tôi.

Tôi lắng nghe chăm chú và nghĩ rằng tôi đã hiểu điều mà ông chủ trông đợi ở tôi, dù chỉ hiểu đại khái. Rốt cuộc, “thằng bé” ấy là một con thỏ, to lớn như người ta, cư ngụ trên bầu trời chǎng? Nhưng tôi không hỏi ông ta về điều đó, tôi tự kiềm chế để chỉ hỏi:

- Bằng cách nào tôi biết được anh ta sẽ xuống đây với ông?
- Chỉ cần quan sát tôi thôi, nó chỉ đến gặp khi tôi đi ra phố.

- Thế còn khi ông ở trong xe hơi?
- Trong xe hơi hoặc trên tàu hoả, khi tôi ngồi cạnh cửa sổ mở, nó cũng thường xuất hiện. Đã có những lần nó hiện ra khi tôi ở nhà nữa, đứng cạnh cửa sổ để mở ấy.

- Thế còn... ngay bây giờ thì sao? - Tôi hỏi một cách khó khăn. Giọng tôi nghe chắc là giống như của một thằng học trò ngu ngốc không sao nắm được phép tính nhân.

- Hiện bây giờ chỉ có tôi và anh thôi. - Ông chủ đáp, hiền hậu. - Vì sao hôm nay chúng ta không đi Shinjuku nhỉ? Lâu lắm rồi tôi không đi tàu hoả.

Chúng tôi đi bộ đến nhà ga. Suốt dọc đường, tôi luôn để mắt trông chừng dấu hiệu về cái gì đó sẽ hiện ra bên cạnh ông chủ tôi. Nhưng cho đến khi đã lên tàu và tôi có thể mở miệng chuyện trò, chẳng có gì xuất hiện cả. Một điều đã khiến tôi chú ý: nhà soạn nhạc làm ngơ trước tất cả mọi người trên phố, ngay cả khi họ chào hỏi ông. Cứ như thể chính ông không tồn tại, cứ như thể những người bước tới “xin chào” và “anh có khỏe không?” đều chỉ là ảo ảnh, ông chủ tôi hoàn toàn từ chối mọi đề nghị tiếp xúc.

Một chuyện tương tự đã xảy ra ở cửa bán vé. Dù đơn phương cắt bỏ quan hệ với những người khác. Đưa tôi 1000 yên, ông ta bảo tôi đi mua vé, đến khi tôi trao lại tấm vé của ông, ông cũng không chịu cầm. Tôi phải dừng lại ở cổng, chờ soát vé cho cả hai trong khi D băng qua cái cửa xoay, vào sân ga, chẳng bị ai cản trở, như ông là một người vô hình vậy. Ngay cả khi ngồi trên tàu, ông cũng xử sự như thể các hành khách khác không hơn gì không khí vậy. Thu mình trong chỗ ngồi ở góc xa nhất, ông nhám mắt lại và im lặng. Tôi đứng trước mặt ông, theo dõi trong nỗi lo sợ ngày càng tăng, bất cứ cái gì bay lượn qua cửa sổ mở và sẽ đáp xuống bên cạnh ông ta. Tất nhiên, tôi không tin có quái vật. Tôi chỉ quyết tâm không để sống mất giây phút ngắn ngủi nào đó khi mà

những ảo ảnh quấy nhiễu ông ta. Tôi cảm thấy mắc nợ ông nhiều hơn số tiền công ông đã trả cho mình. Nhưng, ông ta chỉ ngồi bất động như con thú nhỏ già chết suốt đường đến ga Shinjuku và tôi ngờ rằng không hề có ai từ bầu trời tới viếng thăm ông cả. Tôi cho là, chừng nào còn có nhiều người ở quanh chúng tôi, ông chủ còn tiếp tục làm một con hến câm lặng và ủ rũ.

Chúng tôi ra khỏi ga và đang đi bộ trên phố. Trời đã sắp tối, chỉ còn ít người trên đường, chúng tôi vượt qua một nhóm nhỏ đang tụ tập ở góc phố. Chúng tôi dừng bước, nhìn thấy đám người này vây quanh một ông già đang quay nhìn khắp phố nhưng hình như chẳng nhìn vào bất kỳ ai. Mặt mũi ông ta trông khá đằng hoàng. Ôm chặt một cái cặp và một cái ô vào ngực, tay vò tung mái tóc bạc bôi sáp thơm, ông ta đang điên cuồng giật chân và la hét như một con hải cẩu. Đám đông vây quanh ông, mặt đều tái xám và sạm khô trong cái lạnh chiều tối, riêng khuôn mặt ông già hồng hào, ướt mồ hôi và chừng như sắp bốc khói.

Tôi bỗng để ý thấy D, lúc trước đứng ngay cạnh tôi, đã lùi lại vài bước, đang vòng một cánh tay quanh đôi vai của một người vô hình nào đó cao gần bằng ông. Ông chăm chú nhìn vào khoảng không gian phía trên vòng ôm trống rỗng của ông một chút với vẻ đầy đau đớn, dǎn vặt. Đám đông mải chú ý vào ông cụ già nên không thấy màn biểu diễn đó của D, nhưng tôi thì vô cùng hãi sợ. Chậm chạp, nhà soạn nhạc quay lại phía tôi, như thể ông ~~muốn~~ giới thiệu tôi với một người bạn. Tôi không biết phải đáp lại thế nào, tất cả những gì tôi có thể làm là luống cuống và đỏ mặt. Y như bạn đã quên beng những câu thoại ngó ngắn bạn phải nói trong một vở kịch ở trường trung học. Nhà soạn nhạc vẫn nhìn tôi chằm chằm và giờ đây có sự phiền lòng trong đôi mắt của ông. Vì lợi ích của người khác đến thăm ông từ bầu trời cao, ông

muốn tôi giúp đỡ, giải thích rằng cụ già kia, không phải điên rồ, bực bội gì cả, chỉ đang dạo chơi vô tư trên phố mà thôi. Ôi, sự giải thích hoang đường như chính thiên đàng! Tất cả những gì tôi có thể thực hiện là tự hỏi một cách ngu xuẩn không hiểu ông già kia có phải đã chịu khổ sở vì điệu múa của Thánh Vitus hay chăng?

Khi tôi buồn bã lắc đầu im lặng, trong mắt ông chủ tôi tắt đi cái ánh nhìn cầu khẩn. Ông thả rơi cánh tay như đang rời xa một người bạn. Rồi ông chậm chậm ngược nhìn lên bầu trời cho đến khi đầu ông ngả hẳn ra sau và trái táo Adam to tướng nhô hoàn toàn ra phía trước. Cái bóng ma đã trở về trời, còn tôi thật sự hổ thẹn: tôi không tương hợp với công việc của mình. Tôi đứng đó, tay dang ra, nhà soạn nhạc bước nhanh về phía tôi và bảo rằng ngày đầu tiên cho công việc của chúng tôi đã xong.

- Böyle giờ chúng ta có thể về nhà thôi. Hôm nay thằng bé đã xuống đất một lần và anh chắc là đã mệt l้า rồi.

Tôi mệt thực sự sau tất cả sự việc căng thẳng vừa rồi. Chúng tôi trở về trên một chiếc xe tăcxì, cửa sổ đóng, và ngay sau khi được trả tiền, tôi rút lui. Nhưng tôi không đi thẳng ra ga mà đứng đợi đằng sau một cây cột điện thoại xéo chéch trước ngôi nhà. Hoàng hôn thăm dần, bầu trời rạng hồng lên. Và đúng khi đêm xuống, bà y tá, mặc một chiếc váy ngắn màu sắc mờ nhòa trong bóng tối, xuất hiện qua cái cổng chính, tay đẩy một chiếc xe đạp kiểu mới. Trước khi bà ta leo lên xe, tôi chạy kịp tới nơi. Không mặc đồng phục y tá, bà ta chỉ là một phụ nữ bình thường nhỏ bé chừng bốn mươi, trên gương mặt không còn chút gì vẻ bí mật mà tôi thấy qua cửa sổ căn nhà trong vườn. Sự xuất hiện của tôi đã quấy cản bà. Bà ta không đạp xe đi được nhưng cũng không chịu đứng yên, bà ta dắt xe đi bộ khi tôi đề nghị giải thích về tình trạng ông chủ chung của chúng

tôi. Bà ta thoạt tiên phàn nàn, phản đối nhưng tôi túm chặt lấy cái yên xe. Khi bà ta bắt đầu nói, cái hàm dưới xấu xí kỳ dị đẩy ra khép vào ở mỗi chỗ ngắt câu. Bà ta đúng thực là một con rùa đang trò chuyện.

- Ông ta nói đó là một đứa bé mập mạp mặc đồ ngủ bằng cotton màu trắng. To lớn như một chú Kangaroo, ông ta tǎ như vậy. Hình như nó sợ chó và cảnh sát, và nó từ trên trời cao bước xuống. Ông ta bảo tên nó là Aghwee! Tôi khuyên anh, nếu tình cờ anh đang ở cạnh khi ma quỷ quấy quả ông ta, tốt nhất hãy giả bộ câm, anh không nên bắt chuyện - đừng quên rằng anh đang đi với một người khùng! Và điều này nữa, anh đừng đưa ông ta tới bất cứ chỗ nào vui nhộn, ngay dù ông ta có muốn thế cũng mặc. Và trên tất cả mọi điều, tất cả những gì chúng ta cần ở quanh đây là một chút bệnh lậu!

Tôi đỏ cả mặt, trả lại chiếc yên xe. Bà y tá, nhấn chuông inh ỏi, đạp đi, biến mất trong bóng tối nhanh như đi trên cà kheo. Á à, một đứa trẻ mập mạp, trong bộ đồ ngủ bằng cotton trắng, to như một con Kangaroo!

Tuần sau đó, khi quay trở lại ngôi nhà, ông chủ nhìn thẳng vào tôi với đôi mắt màu nâu trong sáng và làm tôi bối rối bằng câu nói mở đầu, dù không hẳn là khiển trách.

- Tôi nghe nói anh đã đợi bà y tá và hỏi bà ta về người khách vẫn từ trời xuống thăm tôi. Anh làm cho công việc của mình trở nên nghiêm túc quá.

Buổi chiều hôm ấy, chúng tôi đáp tàu đi ngược hướng chuyến đi hôm trước, chừng nửa tiếng thì tới một vùng quê. Chúng tôi đến một công viên nằm trên bờ sông Tama. May mắn cho tôi, đứa bé to như một con Kangaroo đã hiện ra tham viếng D khi ông ta chơi trò Thuyền Buồm Giữa Không Trung, nghĩa là ngồi trên những hộp gỗ trông giống các thuyền buồm được nâng từ từ lên cao nhờ những cánh đỡ của một loại cối

xay gió. Đứng dưới đất, tôi theo dõi nhà soạn nhạc trò chuyện với một hình bóng tưởng tượng bên cạnh ông. Và khi người khách ấy chưa trở về trời thì D còn từ chối, không chịu xuống đất; ông ta ra hiệu cho tôi chạy đi mua hết vé này đến vé khác để ông chơi tiếp.

Một sự kiện khác gây ấn tượng mạnh cho tôi trong ngày hôm đó xảy ra khi chúng tôi đang đi qua công viên về phía cổng ra. D vô tình bước vào chỗ ximăng còn ướt. Khi nhìn thấy vết chân mình trên lớp ximăng, ông trở nên bứt rứt, khó chịu lạ lùng. Ông khăng khăng không chịu rời đi chỗ khác cho đến khi tôi phải điều đình với mấy người thợ, trả họ ít tiền để họ dùng bay tô trát lại, xoá sạch dấu vết chân. Đó là lần duy nhất nhà soạn nhạc biểu lộ sự hung hân, bướng bỉnh trong bản tính của ông ta. Trên đường trở về, ngồi trên tàu hỏa, hình như ông ta hối hận đã quát mắng tôi, ông xin lỗi bằng cách giải thích:

- Tôi không còn sống trong thời hiện tại nữa, ít nhất là về mặt ý thức. Anh có hiểu biết quy tắc chế ngự những chuyến đi trở về quá khứ trên chiếc máy thời gian không nhỉ? Chẳng hạn, có một người quay ngược trở lại một vạn năm trước, anh ta không dám làm bất cứ điều gì có thể lưu lại dấu vết của mình trong thế giới quá khứ ấy. Vì anh ta không hề tồn tại trong thời gian một vạn năm trước, nếu anh ta để lại bất cứ dấu vết gì đằng sau thì kết quả có thể sẽ là một sai sót, sai sót có thể nhỏ thôi nhưng vẫn cứ là sai sót, cho toàn bộ lịch sử từ vạn năm cũ ấy đến tận bây giờ. Quy luật là thế đấy, và vì tôi không sống trong thời hiện tại này anh ạ, nên tôi không được phép làm bất cứ điều gì trong thế giới này mà còn để lưu lại một dấu ấn gì.

- Nhưng tại sao ông lại ngừng sống trong thời gian hiện tại ạ? - Tôi hỏi.

Ông chủ tôi cuộn người lại như một trái golf và làm lơ,

không trả lời. Tôi hối tiếc vì những phát ngôn thiếu kiềm chế của mình, tôi đã vượt quá những giới hạn cho phép, đã quá quan tâm đến vấn đề của D. Có lẽ bà y tá nói đúng, làm một người câm là cách thức duy nhất hợp lý, tôi không đủ sức để can thiệp. Tôi không giải quyết được gì cả.

Sau chuyến đi đó, chúng tôi thỉnh thoảng lại dạo quanh Tokyo, và chính sách mới của tôi đã thành công. Nhưng đến một ngày, vấn đề của ông chủ liên quan đến tôi, bắt tôi tham dự dù tôi muốn hay không muốn. Buổi chiều đó, chúng tôi cùng lên một chiếc xe hơi, và lần đầu tiên từ khi tôi nhận việc, D nêu ra một địa điểm xác định để bảo người lái xe đưa chúng tôi đến đó. Một căn hộ ở Daikan Yama, trông phô trương như một khách sạn. Khi tới nơi, D ngồi chờ trong quán cà phê bên dưới, bảo tôi một mình trèo lên thang máy để mang xuống cho ông cái mà người ta sẽ đưa cho tôi. Người đó là vợ trước của ông, đang sống một mình trong căn hộ này.

Tôi gó vào cánh cửa khiến tôi nghĩ đến những căn phòng ở Sing Sing (hồi đó tôi rất hay đi xem phim và đến 95% hiểu biết của tôi từ các phim đó). Một người đàn bà thấp lùn với bộ mặt béo mập, đỏ đắn trên cái cổ cũng mập ú ra mở cửa. Bà ta bảo tôi tháo giày, bước vào trong rồi chỉ một cái sofa gần cửa sổ cho tôi ngồi. Đây chắc hẳn là cách mà xã hội thượng lưu đón một khách lạ, tôi còn nhớ lúc ấy đã nghĩ như vậy. Tôi chỉ là con trai của một nông dân nghèo, việc từ chối lời mời của bà ta, không bước vào nhà mà chỉ đứng ở cửa hỏi xin món đồ tôi phải mang xuống cho ông chủ, gần như đòi hỏi một lòng can đảm dám đương đầu thách thức cả giới thượng lưu Nhật Bản, chẳng khác nào một gã đồ tể dám doạ nạt đức vua Louis XIV. Nên tôi đã làm đúng như bà ta bảo. Lần đầu tiên trong đời, tôi bước vào một căn hộ đồng thời là studio bố trí theo phong cách Mỹ.

Bà vợ cũ của nhà soạn nhạc rót cho tôi ít bia. Bà ta có vẻ

già hơn D đôi chút. Mặc dù điệu bộ của bà khá đàng hoàng, nói năng cũng kiểu cách, nhưng bà ta quá đồ sộ nên trông không được sang trọng, cao quý. Bà ta mặc bộ đầm bằng vải khá dày có những đường viền theo kiểu trang phục của phụ nữ Ấn Độ, đeo chiếc dây chuyền vàng có nạm kim cương giống tác phẩm của thợ thủ công ở Inca (bây giờ nghĩ lại, tôi thấy tất cả đều toát mùi đặc trưng của những cuốn phim tôi đã xem). Cửa sổ nhà bà ta trông xuống phố xá Shibuya, nhưng ánh sáng từ đường phố tràn vào căn hộ qua cửa sổ hình như làm bà khó chịu. Bà ta liên tục đổi chỗ trên ghế, chìa ra trước mắt tôi đôi chân cũng tròn và đở vằn lên như cái cổ, trong khi bà hỏi tôi bằng giọng của một người hỏi thi. Tôi nghĩ rằng tôi là nguồn thông tin duy nhất của bà về người chồng cũ. Hớp từng ngụm bia đen và đắng như thể đang uống cà phê nóng, tôi cố trả lời bà với tất cả khả năng của mình. Nhưng hiểu biết của tôi về D hết sức ít ỏi và không chính xác nữa nên tôi không thể làm bà vừa lòng được. Rồi, bà ta bắt đầu tra hỏi về cô bạn gái nghệ sĩ của D, cô ta có gặp gỡ ông không và những chuyện đại loại như thế nhưng tôi chẳng biết nói gì. Thật bực mình, tôi nghĩ, đó đâu phải việc của bà ta chứ, bà ta không có chút kiêu hahn nữ tính nào特色的。

- D vẫn gặp bóng ma đó, phải không? - Cuối cùng, bà ta hỏi.

- Vâng, đó là một đứa trẻ to bằng con Kangaroo mặc đồ ngủ cotton màu trắng, ông ta nói nó là Aghwee, bà y tá kể lại cho tôi như vậy. - Tôi nói một cách hăm hở, nhiệt tình, vui sướng vì tìm được một câu hỏi mà tôi có thể trả lời được thành thạo. - Nó thường bay lượn trên trời nhưng đôi khi đáp xuống cạnh D.

- Aghwee, anh nói tên nó là Aghwee à? Thế thì nó chắc là hồn ma của đứa con chúng tôi đã chết. Anh có biết vì sao ông ta gọi tên nó là Aghwee không? Vì đứa bé chỉ nói có đúng một lần khi còn sống và từ mà nó nói là Aghwee. Thật là suýt

mướt, ủy mị khi đi đặt tên cho bóng ma ám ảnh mình, phải không nào? - Người đàn bà nhạo báng và từ mồm bà ta toát ra một mùi hôi khó chịu. - Con chúng tôi ra đời với một cái bướu trên lưng khiến nó trông như có hai đầu. Bác sĩ chẩn đoán nó mắc bệnh thoát vị não. Khi biết tin đó, D quyết định phải bảo vệ ông ta và tôi khỏi thảm họa, vì vậy, ông ta đã cùng tay bác sĩ giết đứa bé. Tôi cho rằng họ đã cho nó uống nước đường thay sữa và vì vậy đứa bé khóc gào rất to. Chồng tôi đã giết đứa bé vì ông không muốn chúng tôi phải mang gánh nặng một đứa trẻ chỉ có thể hoạt động như thực vật, điều mà bác sĩ nọ đã tiên đoán. Ông ấy đã hành động thực là ích kỷ. Nhưng, sau đó, người ta mổ xé, phân tích, cái bướu kia hóa ra chỉ là một u lành. Từ đó, D bắt đầu nhìn thấy những bóng ma, anh biết đây, ông ấy đã đánh mất sự can đảm cần thiết để chấp nhận sự ích kỷ của chính mình, vì vậy, ông ấy chối bỏ chính cuộc đời ông ấy hệt như ông ấy đã từ chối không cho đứa bé sống. D không tự sát, mà chỉ trốn khỏi thực tại, bước vào thế giới của ma quỷ. Nhưng nếu tay anh đã nhuốm máu với tội sát hại một trẻ thơ vô tội, anh không sao rửa sạch được chỉ bằng cách chạy trốn khỏi thực tế, ai cũng biết điều đó cả. Vì vậy mà ông ấy sống, đôi tay vấy bẩn vĩnh viễn và tâm thần mãi mãi bị ám ảnh về Aghwee.

Sự tàn nhẫn trong giọng phê phán của bà ta khó mà chịu đựng nổi. Tôi quay về phía bà ta, mặt bà đỏ hơn bao giờ hết giữa cơn diễn thuyết cao hứng và tôi ra một đòn công kích để bảo vệ cho D:

- Bà ở đâu khi tất cả những điều ấy xảy ra. Bà là mẹ cơ mà, phải không?

- Tôi phải mổ đẻ và một tuần sau khi sinh, tôi bị sốt cao và hôn mê. Mọi việc đã xong xuôi khi tôi tỉnh lại. - Bà vợ cũ của D trả lời, găng tay thách đấu của tôi rớt xuống. Rồi bà đứng dậy, đi về phía bếp:

- Tôi đoán anh muốn uống chút bia nữa chứ?
- Không, cảm ơn bà, tôi đủ rồi. Xin bà đưa tôi cái mà tôi phải trao lại cho Dạ.
- Tất nhiên rồi, đợi tôi súc miệng cái đã nhá. Tôi phải súc miệng thường xuyên, cứ mươi phút một lần. Tôi mắc bệnh chảy mủ - anh hẳn là chú ý đến mùi hôi rồi nhỉ?

Bà vợ cũ của D đặt một chiếc chìa khoá đồng vào trong phong bì đưa cho tôi. Đứng đằng sau tôi trong lúc tôi xỏ giày, bà ta hỏi về trường học của tôi, nhắc đến một tờ báo nào đó, rồi nói thêm hết sức kiêu hãnh: “Ở những vùng ngoại ô này chẳng có lấy một người đặt mua báo dài hạn. Cha tôi thì đặt mua nhiều báo, và luôn có báo sớm”.

Tôi diễn tả sự bức bối và khinh bỉ của mình bằng cách im lặng.

Tôi sắp bước vào thang máy thì mồi nghi ngờ bỗng lách con dao nhọn của nó vào ngực tôi, như thể được làm bằng bơ. Tôi phải suy nghĩ đã. Tôi để cho thang máy chạy xuống, còn mình thì quyết định đi bằng cầu thang. Nếu bà vợ cũ của D miêu tả chính xác tình trạng tinh thần của ông thì bằng cách nào tôi có thể tin chắc rằng ông ta sẽ không tự sát với một nhúm muối độc cyanide hoặc thứ gì gần gũi như thế mà ông ta sẽ lấy ra từ chiếc hộp có thể mở do chính chiếc chìa khoá đồng này? Trên đường đi xuống, tôi tự hỏi phải làm gì đây và khi đứng trước mặt D tôi vẫn chưa biết kết luận ra sao. Nhà soạn nhạc đang ngồi, mắt nhắm chặt, không hề dung đến tách trà để trên bàn. Giả sử ông uống thứ thuốc độc đó, kết thúc cuộc đời.

- Tôi đã gặp bà ta : tôi mở đầu câu chuyện và đột ngột quyết định sẽ nói dối. - Chúng tôi đã chuyện trò lâu, nhưng bà ấy chẳng đưa cho tôi cái gì cả.

Ông chủ nhìn tôi điêm tinh, không nói gì dù đám mây ngờ ngisper che phủ đôi mắt ông trông như mắt một con chó

nhỏ, trong những hốc mắt sâu. Dọc đường về, tôi ngồi im lặng trên xe, thầm run sợ. Tôi không rõ ông có thấu suốt sự đối trả của tôi chăng. Trong túi áo tôi, chiếc chìa khoá nặng lẹ lùng.

Nhưng tôi chỉ giữ nó lại trong một tuần. Thứ nhất vì, ý nghĩ ông D tự sát có vẻ ngu ngốc, và thứ hai, tôi sợ ông sẽ hỏi bà ta về chiếc chìa khoá. Vì vậy, tôi nhét nó vào một cái phong bì khác và gửi tới ông qua đường bưu điện. Ngày hôm sau, tôi tới nhà ông, lòng hơi lo lắng. Tôi thấy ông chủ ngoài sân, trước cửa ngôi nhà, đang đốt một đống các bản thảo âm nhạc. Chúng hẳn là các sáng tác của ông: chiếc chìa khoá kia để mở tủ bản thảo của nhà soạn nhạc.

Ngày hôm ấy, chúng tôi không ra phố. Tôi giúp D đốt toàn bộ các sáng tác âm nhạc của ông. Rồi đào một cái hố để chôn chỗ tro tàn. Tôi đang đổ tro xuống hố thì đột nhiên nghe D bắt đầu thì thầm. Bóng ma lại từ trời cao xuất hiện. Tôi tiếp tục làm việc, chôn đống tro tàn một cách chậm rãi cho đến khi bóng ma đi khỏi. Buổi chiều hôm đó, quái vật trên không Aghwee (không thể phủ nhận rằng đó là một cái tên rất ủy mị, sướt mướt) ở bên cạnh ông chủ tôi đến hai mươi phút.

Từ đó trở đi, mỗi lần bóng ma trẻ con xuất hiện, tôi hoặc là bước sang bên cạnh hoặc là lui ra sau, nhà soạn nhạc chắc chắn đã nhận ra rằng tôi chỉ thực hiện lời chỉ dẫn thứ nhất của ông, không gây kinh ngạc, không cản trở cuộc chuyện trò của ông với con ma, trong khi bướng bỉnh làm lơ trước đề nghị thứ hai của ông là hỗ trợ ông với những câu tán đồng về Thiên đàng. Nhưng ông có vẻ cũng bằng lòng, do đó, công việc của tôi trở nên dễ dàng hơn. Tôi không tin một người như D có thể gây rối loạn trên đường phố, thực tế thì những lời cảnh báo của cha ông ta bắt đầu có vẻ nhảm nhí. Những chuyến đi Tokyo của chúng tôi tiếp tục, hầu như bình yên,

chẳng có biến cố gì. Tôi đã mua được bộ *L'Âme Enchanté* mà tôi khao khát, nhưng tôi không hề có ý định từ bỏ một việc làm thêm thú vị như công việc với D. Ông chủ và tôi đi mọi nơi cùng nhau. D muốn tới mọi phòng hoà nhạc, nơi những tác phẩm của ông từng được trình diễn và mọi trường học ông đã từng theo học. Nhiều lần, chúng tôi đến những nơi ông từng vui chơi, giải trí - các quán bar, các rạp chiếu phim, các bể bơi - nhưng không vào mà lại quay về. Nhà soạn nhạc say mê mọi hình thức giao thông công cộng ở Tokyo. Tôi hoàn toàn tin chắc chắn rằng chúng tôi đã đi khắp toàn bộ hệ thống tàu điện ngầm của thành phố. Vì đứa bé quái vật không thể đáp xuống khi chúng tôi đang ở dưới lòng đất, tôi có thể vui hưởng hành trình trên tàu điện ngầm trong tâm trí yên bình, thanh thản. Tất nhiên, tôi càng thắng l้า mỗi khi gặp những con chó hoặc những viên cảnh sát, vì nhớ lời dặn dò của bà y tá, nhưng may là những lần chạm trán ấy không bao giờ trùng với sự xuất hiện của Aghwee. Tôi khám phá ra rằng mình đang yêu nghề. Không phải yêu ông chủ hay con ma trẻ em to bằng con Kangaroo. Chỉ đơn giản là thích công việc làm thêm của tôi.

Một hôm, nhà soạn nhạc đề nghị tôi đi một chuyến lo công chuyên cho ông. Ông ta sẽ trả chi phí đi lại, tiền công hàng ngày của tôi sẽ tăng gấp đôi; và vì tôi phải ở qua đêm tại một khách sạn, ngày hôm sau mới trở về, thành ra tôi kiếm được số tiền gấp bốn lần bình thường. Không những thế, mục đích của chuyến đi là để gặp nghệ sĩ điện ảnh, bạn gái cũ của D. Tôi đồng ý một cách hào hứng. Và thế là bắt đầu một chuyến đi lâm ly, cảm động và cũng hài hước nữa.

D đưa cho tôi tên khách sạn mà bà nghệ sĩ kia đã nói đến trong bức thư mới gửi ông và ngày hẹn gặp của bà ấy. Rồi ông truyền đạt nội dung thông điệp mà ông muốn tôi chuyển đến bà ta: chủ của tôi không còn sống trong thời

gian hiện tại nữa, ông giống một hành nhân đã đến đây trong một cỗ máy thời gian từ thế giới hàng vạn năm của tương lai. Theo đó, ông không được phép tạo ra một sự tồn tại mới với chữ ký của chính ông ta trên đó, dù chỉ là viết một lá thư.

Tôi ghi nhớ bức điện ấy và đêm khuya hôm đó, tôi đã đối diện với nữ nghệ sĩ điện ảnh trong quán bar dưới tầng trệt một khách sạn ở Tokyo. Thoạt tiên là giải thích vì sao chính D không thể đến được, tiếp theo thuyết phục bà ta về khái niệm thời gian của D, và cuối cùng, trao lại nội dung bức điện. Tôi kết luận:

- D muốn bà suy xét thận trọng để không nhầm lẫn giữa cuộc ly hôn gần đây của ông ta với cuộc ly hôn khác mà ông ta đã có lần hứa với bà là sẽ thực hiện, và vì ông ta không còn sống trong thời gian hiện tại, nên ông ấy nói rằng tất nhiên là ông ấy không thể gặp bà một lần nào nữa. - Tôi cảm thấy mặt tôi đỏ lên, lần đầu tiên tôi có cảm giác rằng tôi đang làm một công việc thực sự khó khăn.

- Cậu bé - D nói thế đấy à? Còn anh, thì anh nói sao? Anh cảm thấy thế nào về tất cả những chuyện này, khi anh làm một chuyến đi dài như thế đến Kyoto để đưa một bức thư kiểu đó?

- Thành thực mà nói, tôi cảm thấy D cũng hơi ủy mị.

- Ông ấy thì đúng thế rồi - Nhưng tôi muốn nói là ông ấy sướt mướt, ủy mị với anh cơ, khi đòi hỏi anh kiểu thiện cảm thiên vị như vậy, đòi hỏi anh một đặc ân như vậy!

- Tôi là người làm thuê, tôi được trả tiền cho công việc của mình.

- Anh uống gì nhỉ? Chút rượu brandy nhé?

Tôi uống một chút rượu brandy. Từ lúc bắt đầu câu chuyện, cô ta mời tôi bia đen, cùng loại bia mà người vợ cũ của D từng rót cho tôi, với một quả trứng trong đó. Tôi nghĩ đến cú đánh

trúng liên tiếp nhiều trái billiarb, và hồi ức về căn hộ của bà vợ cũ của D trở về trong tâm trí khi tôi ngồi đợi gặp bà bạn nghệ sĩ của ông ta. Nữ nghệ sĩ từ đầu đã uống brandy. Nó là thứ brandy nhập ngoại đầu tiên mà tôi được uống.

- Còn về chuyện D bé bỏng nhìn thấy ma, một đứa bé to bằng con Kangaroo? Anh gọi nó là gì ấy nhỉ, Ranghbee à?

- Aghwee! Đứa bé chỉ nói một lần trước khi chết và nó đã nói Aghwee.

- Rồi D cho rằng nó bảo cho ông ta biết tên của nó đấy chăng? Thế chẳng dễ thương chút nào! Giá mà đứa bé sinh ra bình thường, mọi việc đã được quyết định là D sẽ ly dị bà vợ cũ và cưới tôi. Cái ngày đứa bé ra đời, chúng tôi đang ở trên giường cùng nhau, trong một phòng khách sạn. Rồi một cú điện thoại, sau đó chúng tôi biết là điều gì đó kinh khủng đã xảy ra. D nhảy ra khỏi giường và bổ tới bệnh viện. Rồi ông ta chẳng nói lại với tôi một lời nào từ khi... - Bà nghệ sĩ uống cạn chỗ brandy của mình, lại rót đầy ly từ chai Hennessy đặt trên bàn cứ như thể bà đang rót nước hoa quả vậy, và uống cạn tiếp.

Bàn chúng tôi ngồi khuất sau một tủ trưng bày toàn thuốc lá. Treo trên tường, phía trên vai tôi là tấm hình màu cỡ lớn của nữ nghệ sĩ đang ngồi trước mặt tôi. Đó là một bức quảng cáo bia. Khuôn mặt trong ảnh lóng lánh, sáng rực rõ như vàng, chẳng kém gì màu ly bia. Còn cô gái đối diện với tôi không hoàn toàn rực rõ như vậy, trán cô ta, ngày trên chân mày có một vết lõm, trông sâu bằng một ngón tay người lớn. Nhưng chính khiếm khuyết đó khiến cô ta hấp dẫn hơn cả trong bức hình.

Cô ta không sao dứt được đứa bé ra khỏi tâm trí.

- Anh xem, phải chăng sẽ rất khủng khiếp nếu chết đi mà không hề có chút kỷ niệm hay kinh nghiệm nào vì anh chưa bao giờ làm bất cứ việc gì có nhân tính khi anh còn sống? Đấy,

nếu anh chết từ khi là một đứa hài nhi thì như vậy đây. Khủng khiếp quá, phải không?

- Đừng nói đến đứa bé nữa, tôi chẳng tưởng tượng gì hết. - Tôi đáp một cách hững hờ.

- Nhưng hãy nghĩ về thế giới sau khi chết. - Logic của cô nghệ sĩ này thật là đầy những đột biến.

- Thế giới sau khi chết ư?

- Nếu có một thế giới như vậy, linh hồn những người chết sẽ sống ở đây với những hồi ức sẽ trở thành vĩnh cửu. Nhưng linh hồn của một đứa trẻ sơ sinh chưa biết gì và chưa hề có một cảm nghiệm gì thì sao? Tôi muốn nói là, nó sẽ có những hồi ức như thế nào?

Tôi uống chõ brandy của mình và im lặng.

- Tôi sợ cái chết kinh khủng, vì vậy tôi luôn nghĩ về nó - anh không phải tự hành hạ vì không trả lời ngay cho tôi được. Nhưng anh hiểu điều tôi nghĩ chứ? Giây phút mà đứa bé chết, tôi cho rằng D bé bỗng đã quyết định sẽ không sáng tạo thêm bất cứ kỷ niệm nào nữa cho bản thân ông ấy, như thể chính ông ấy cũng đã chết, vì vậy, ông ấy ngừng sống trong thời gian hiện tại, anh hiểu không. Và tôi đoán, ông ấy kêu gọi đứa bé xuống trái đất này, đi khắp nơi ở Tokyo để ông ấy có thể tạo cho nó những kỷ niệm, những trải nghiệm mới.

Lần này tôi nghĩ cô ta nói đúng. Nữ nghệ sĩ điện ảnh có vết lõm trên trán, đã ngà ngà chênh choáng say này thực sự là một nhà tâm lý học. Cô ấy gần gũi với kiểu tính cách của D hơn nhiều, so với bà mập lùn, mặt cà chua, con gái một ông khách sộp của giới báo chí. Tôi bỗng nhận ra rằng, ngay cả ở đây, ở Tokyo này, cách xa D hàng vài trăm dặm, tôi, một mẫu mực người làm thuê trung thành, chỉ luôn luôn suy nghĩ về ông ta. Không, cũng còn là cái khác nữa, ấy là con ma của D. Tôi hiểu là đứa bé mà tôi hồi hộp đợi sự xuất hiện của nó

trong mọi lúc, mọi nơi khi đi cùng ông chủ, đứa bé ấy chẳng hề rời tâm trí tôi lấy một phút.

Đến giờ quán bar đóng cửa và tôi không kiểm được phòng. Từ bé đến bây giờ, tôi chưa hề nghỉ ở khách sạn nên tôi chẳng biết tí gì về đặt chỗ trước. May mắn thay, cô nghệ sĩ điện ảnh là chỗ quen biết của khách sạn này nên cô ta nói một lời, tức thì có phòng cho tôi ngay. Chúng tôi cùng vào thang máy, và khi tôi bắt đầu bước ra ở tầng lầu có phòng trọ của tôi thì cô ta mời tôi đến phòng cô uống một chút gì đó trước khi đi ngủ. Bắt đầu từ điểm đó trở đi, là những kỷ niệm lâm ly, thống thiết và hài hước. Sau khi ấn tôi ngồi xuống ghế, cô ta quay lại khoá chốt cửa, rồi tiếp theo là hàng loạt những hành động kích thích, lẩn lộn trên giường như để thử độ đàn hồi, bật đèn rồi tắt đèn, xả nước trong bồn tắm. Cô rót cho tôi ít brandy như đã hứa, và vừa nhấp Coca Cola, cô vừa kể cho tôi nghe chuyện một anh chàng theo đuổi cô trong khi cô đang có quan hệ với D, rồi cuối cùng lên giường với cô, rồi D đã đánh cô mạnh đến mức răng cô gãy lắc cắc trong mồm. Rồi cô lại hỏi các sinh viên đại học hiện nay có những phi vụ "trên mức cảm tình" không? tùy từng sinh viên à - tôi trả lời. Bất thình lình, cô nghệ sĩ điện ảnh biến thành một bà mẹ khiển trách đứa con thức khuya và bảo tôi tìm về phòng mà ngủ đi. Tôi chúc cô ngủ ngon xuống lầu và ngủ ngay lập tức. Lúc bình minh, tôi tỉnh giấc với ngọn lửa bỗng rãy trong cổ họng.

Khúc lâm ly và hài hước vẫn còn tiếp diễn. Ngay giây phút mở mắt ra, tôi hiểu rằng cô nghệ sĩ mời tôi về phòng với ý định quyết dụ một sinh viên đại học chắc hẳn rất ngang tàng, bụi bặm trong những trò yêu đương nặng ký. Dục vọng thấp hèn bỗng bùng lên trong tôi cùng với sự phẫn nộ. Tôi chưa bao giờ ngủ với phụ nữ, nhưng tôi phải trả thù sự xúc phạm này. Thú rượu Hennessy VSOP đầu tiên được uống

trong đời đã làm tôi say, và tôi không còn kiềm chế được trước thuốc độc của dục vọng trong một thằng trai mười tám. Lúc đó mới năm giờ sáng và không hề có dấu hiệu về một ai đó tỉnh thức trong các phòng. Như một con báo hoang giận dữ, tôi chạy chân không đến cửa phòng cô ta. Nó khép hờ. Tôi lén vào trong và thấy cô ta đang ngồi trước gương trang điểm, quay lưng về phía tôi. Rón rén đi thẳng tới đằng sau cô ta (đến nay, tôi vẫn tự hỏi lúc ấy tôi định làm gì không biết), tôi chụp lấy cổ cô ta bằng cả hai tay. Cô ta đứng dậy, quay người lại tươi cười, nắm lấy tay tôi và vừa vuốt ve tay tôi vừa hát “Xin chào! Xin chào! Ô buổi sáng tốt lành!”. Trước khi tôi kịp hiểu, tôi thấy mình ngồi trong một cái ghế, cùng ăn bánh mì nướng, uống cà phê và cùng đọc báo với cô ta. Một lát sau, cô ta nói, bằng giọng mà trước đó đã thảo luận với tôi về tình hình thời tiết:

- Anh muốn làm tình với tôi, ngay bây giờ, phải không nào? - Cô ta đi trang điểm, còn tôi bước ra, đi về phòng của mình, nằm dán lưng xuống giường, run lên như cơn sốt rét. Tôi sợ tin tức về vụ này đến tai D, nhưng không bao giờ nghe ông nhắc đến cô nghệ sĩ điện ảnh nữa. Tôi tiếp tục vui vẻ với công việc của tôi.

Mùa đông đã tới. Buổi chiều hôm đó, chúng tôi dự định đi xe đạp qua các nhà hàng xóm và những cánh đồng bao quanh khu nhà ông ta. Tôi ngồi trên chiếc xe hanh gỉ, cũ kỹ, còn ông chủ thì mượn chiếc xe mới bóng của bà y tá. Dần dần, chúng tôi mở rộng phạm vi cuộc đi vòng quanh nhà đi đến một khu nhà mới xây và miền đồi về phía những cánh đồng. Chúng tôi toát mồ hôi, sung sướng hưởng cảm giác được giải thoát, càng lúc càng hồ hởi, hào hứng. Tôi nói: “Chúng tôi” bao gồm cả D vì buổi chiều đó ông rõ ràng là cũng rất phấn khích. Thậm chí, ông còn huýt sáo một khúc Sonata của Bach viết cho sáo và đàn clavico, nhan đề *Siciliana*. Tôi vô tình biết khúc Sonata

đó vì khi học trung học, tôi có chơi sáo. Tôi chưa bao giờ được học hành để thổi sáo hay, nhưng từ đó tôi có thói quen dấu môi trên ra như một con heo vòi. Bạn bè hay giễu cợt tôi. Thực sự thì, các nghệ sĩ thổi sáo thông thường cũng giống những con heo vòi.

Khi chúng tôi đạp xuống phố, tôi huýt sáo cùng với D. *Sichliana* là một khúc nhạc êm đềm, tao nhã, nhưng tôi đã hết hơi vì đạp xe, nên tiếng huýt sáo của tôi nghe như tiếng xuyt gió. Trong khi D diễn tả thật tuyệt, luyến âm đàng hoàng. Tôi ngượng không dám huýt sáo tiếp, dừng lại giữa chừng, nhà soạn nhạc liếc nhìn tôi, môi vẫn chum chím huýt sáo giống một con cá chép nhếch mép để thở và mỉm cười, nụ cười thanh thản, trầm tĩnh. Dù đúng là có sự khác nhau giữa hai chiếc xe đạp, một mới, một tòng tọc, nhưng vẫn thật trái tự nhiên và đáng thương hại khi một sinh viên mười tám tuổi, cơ thể hơi mảnh khảnh, nhưng cao lớn, lại đã mệt dù, thở dốc bên cạnh nhà soạn nhạc, hai mươi tám tuổi, bé nhỏ, chưa biết mệt là gì. Thật thiếu công bằng. Tâm trí tôi bỗng dừng u ám và tôi cảm thấy chán ghét toàn bộ cái công việc này. Thế là tôi chồm đứng trên bàn đạp, tăng tốc điên cuồng như một tay đua xe. Thậm chí, một cách đầy dụng ý, tôi lượn xe xuống một con đường nhỏ rải sỏi nằm giữa hai cánh đồng trồng rau. Lát sau nhìn lại, tôi thấy ông chủ tôi bò rạp trên tay lái, cái đầu tròn, to lớn khom xuống đôi vai gầy gò, sỏi bắn tung dưới những bánh xe, đang cố hết sức để theo kịp tôi. Tôi dừng xe lại, gác một chân lên hàng rào dây thép gai bao quanh cánh đồng, đợi D đạp tới. Tôi xấu hổ vì sự trẻ nít của mình.

Đầu ông ta đang nhấp nhô trong guồng đạp gấp, thì tôi bỗng nhận ra rằng con ma đang đi cùng ông. D đang lái xe lăn xuống sát lề trái của con đường hẹp rải sỏi, mặt ông ta quay sang phải, ông gần như đang nhìn lên trên vai phải của mình,

và nguyên nhân khiến đầu ông nhấp nhô lên xuống là do ông đang trò chuyện thì thầm với một vật gì đó chạy theo, hay có thể bay lượn theo cạnh chiếc xe của ông. Giống một huấn luyện viên đang kèm cặp từng bước chạy cho một vận động viên marathon vậy. Ái chà, con quái vật to như con Kangaroo, đứa bé mập mạp mặc bộ đồ ngủ màu trắng, ông làm như đang quắp nó, cõi nó sát bên cổ ông, đúng như một con Kangaroo con trong túi của con Kangaroo mẹ, và cùng lao xuống con đường rải sỏi. Tôi sờn gai ốc sợ hãi, đạp chân vào cái hàng rào sắt, lên xe chầm chậm đi tiếp, đợi cho ông chủ và con quái vật trong tưởng tượng của ông trở tới.

Đừng tưởng tôi đã bắt đầu tin vào sự tồn tại của Aghwee. Tôi theo lời khuyên của bà y tá, không rời bỏ niềm tin vững chắc vào cảm giác bình thường của mình, không để rơi vào tình trạng điên rồ, như trong những hài kịch vẫn thường nói: người chủ viện tâm thần cũng dần dần trở thành điên, nên nhạo báng một cách có ý thức, tôi tự bảo mình rằng nhà soạn nhạc thần kinh đang bày trò trên chiếc xe đạp của ông chỉ để tiếp tục điều dối trá ông đã từng nói với tôi, và như thế, chẳng có quá nhiều phiên phức để mà lo nghĩ! Nói cách khác, tôi giữ một khoảng cách lâm sàng giữa bản thân mình và con quái vật của D. Tuy vậy, một sự thay đổi đã đến trong tâm trí tôi sau đó.

Chuyện bắt đầu như thế này: D cuối cùng cũng đạp gần tới và đang đi cách tôi chừng vài bộ thì, như một cơn mưa bất chợt ập đến, chúng tôi bỗng bị bao vây không lối thoát giữa một đàn chó săn, chuồng trên cổ kêu loảng xoảng, leng keng theo bước chạy gần. Chúng lao xuống con đường nhỏ rải sỏi, về phía chúng tôi, những con chó Dobermans cao chừng hai bộ, cả thảy đến hơn mươi con. Một người đàn ông, mặt quần áo bảo hộ lao động, chạy bở hơi tai sau lũ chó, tay cầm một cây da mảnh màu đen chăn đất chúng, nhưng có lẽ ông bị chúng

lôi theo thì đúng hơn. Giống Dobermans, đen ánh như nhung, bóng mượt như những con hải cẩu sũng ướt, cầm và ngực có lông màu sôcôla. Lỗ nhổ phủ kín con đường sỏi, hung hăng như đang lao vào một giao tranh, khi xuống dốc, trông chúng hệt như đang đổ nhào trên những cái mõm sùi bọt. Bên kia cánh đồng có một bãi cỏ, người đàn ông mặc quần áo bảo hộ lao động có lẽ đem chúng đến đó để luyện tập và bây giờ, đang trên đường trở về.

Run rẩy vì sợ hãi, tôi quẳng xe, tuyệt vọng nhìn sang cánh đồng bên kia hàng rào sắt. Hàng rào lên tới ngực tôi. Tôi có thể tự tẩu thoát nhưng không sao giúp nhà soạn nhạc bé nhỏ bên này hàng rào sang được nơi an toàn. Tôi gần như tê liệt tâm trí vì kinh khiếp, nhưng trong một thoáng sáng suốt, tôi hình dung ra thảm họa sắp xảy đến trong gang tấc. Khi bầy chó Dobermans xô tới, D sẽ lo lắng cho Aghwee trước sự tấn công của những con thú mà nó sợ hơn tất cả mọi thứ trên đời. Ông có lẽ nghe thấy cả tiếng khóc hãi hùng, thảm thiết của đứa bé. Chắc chắn ông sẽ đương đầu với đàn thú, bảo vệ cho con. Thế thì lũ Dobermans sẽ xé ông ra từng mảnh. Hoặc là, ông sẽ cố gắng chạy trốn cùng với đứa bé, ôm nó mà nhảy liều mạng qua hàng rào cao thì cũng bị gai sắt đâm chết. Cảnh tượng thương tâm mà tôi biết sẽ xảy ra làm tan nát lòng tôi. Và trong khi tôi đứng đó, mù quáng, hoàn toàn không nghĩ ra mưu kế gì, những con quỷ màu đen và nâu to lớn lùng lึง càng gần tôi, đớp đớp vào không trung những cái mõm khủng khiếp, giờ thì đã gần đến mức có thể nghe tiếng móng của chúng xào xạo trên sỏi. Tôi bỗng hiểu mình không thể làm được gì cho D và đứa bé của ông, tôi cảm thấy bài hoài cả người, tâm trí dần vặt bởi mặc cảm phản bội, trong khi ông chủ tôi bị kéo vào con đường hiểm nạn, chìm đắm giữa bóng đêm dày đặc nỗi hãi sợ của lòng tôi. Tôi lùi sát mãi vào hàng rào cho đến khi những gai sắt cứa vào

lưng tôi bỗng rát, kéo chiếc xe đạp vào trước mặt như thể nó là bức tường che chở, rồi nhắm chặt mắt lại. Mùi hôi của bầy chó xộc vào mũi tôi, tiếng sủa, tiếng móng nện trên đường, tôi cảm thấy nước mắt trào lên mi. Tôi để mặc làn sóng sợ hãi cuốn tôi đi...

Bàn tay ai đó, mềm mại cực kỳ, chạm vào tôi, Aghwee chẳng? Nhưng tôi nhận ra là ông chủ tôi; ông bảo rằng đàn chó quý sứ đã đi xa và ông không gặp thảm họa hãi hùng gì cả. Tuy vậy, tôi tiếp tục khóc, mắt nhắm nghiền, vai run lên. Tôi đã lớn rồi, đâu phải tuổi khóc trước mặt người khác nữa. Có lẽ cơn sốc kinh sợ làm tôi trở lại thành bé dại. Khi tôi ngừng khóc, chúng tôi dắt xe rời khỏi hàng rào, im lặng, ngẩng đầu nhìn qua đồng cỏ cạnh cánh đồng, nơi người ta đang chơi bóng và huấn luyện chó. Trông chúng tôi giống như những tù nhân trong một trại tập trung. (D không còn bận tâm đến Aghwee nữa, đưa bé chắc hẳn đã bay mất lúc tôi khóc). Chúng tôi đặt xe xuống nằm duỗi ra trên cỏ. Nước mắt đã cuốn đi tất cả những sự giả bộ, nghi ngờ, những ý nghĩ phiến loạn trong trái tim tôi. D cũng không phải dè chừng tôi nữa. Tôi nằm ngửa, vòng tay xuống dưới đầu, nhẹ nhõm lạ lùng sau tất cả khóc than, hãi sợ. Tôi nhắm mắt lại, trầm lắng, trong khi D tì má trên tay, kể cho tôi nghe về thế giới của Aghwee.

- Anh có biết bài thơ nhan đề *Nỗi hổ thẹn* của Nakahara Chuya không? Tôi đọc anh nghe đoạn thơ thứ hai nhé:

*Cao cao trên những nhành cây đan rối bầu trời  
thê lương, tang tóc  
linh hồn những hài nhi bé bỏng sớm lìa đời  
lượn bay, vướng vít;  
Tôi chớp mắt:  
trên đồng ruộng xa xăm, típ tắp chân trời*

*tuyết chấp chòn  
dệt bước một đàn voi.*

Đó là một trong những cảnh tượng về thế giới của những đứa bé vắn số. Vài bức phù điêu của Blake cũng khắc sâu trong trí tôi, đặc biệt là bức *Chúa từ chối bữa tiệc tối của quỷ Satan* - anh đã nhìn thấy bao giờ chưa? Còn bức nữa, *Những vì sao buổi sớm đồng ca*. Trong cả hai bức phù điêu đó, có hình ảnh những cư dân Thiên đàng, trông họ cũng thực như con người trên trái đất chúng ta, và bất cứ khi nào ngắm nhìn, tôi đều tin chắc rằng Blake ám chỉ một thế giới khác. Có lần, xem tranh Dali, tôi cũng gặp những tạo vật huyền ảo bay lượn khắp không trung, hàng trăm thước cách trái đất, rực rỡ trong ánh sáng trắng ngà. Bây giờ đây, tôi thấy thế giới đúng như thế đấy. Mà anh có biết những tạo vật chói sáng đang choáng ngợp khắp bầu trời ấy là gì không? Chính là những tạo vật chúng ta để mất khỏi cuộc đời chúng ta trên cõi đất này, giờ họ bay trên kia, trên bầu trời, hàng trăm thước cao hơn chúng ta, như những con trùng amip hiện ra rõ ràng và tinh lặng dưới kính hiển vi. Đôi khi họ sà xuống đất, như Aghwee từng làm vậy (Ông chủ tôi nói, còn tôi không phản đối, điều đó có nghĩa là tôi tán thành với ông). “Phải tiến hành những lễ cúng tế xứng đáng với họ, mắt anh mới có thể nhìn thấy họ bay lượn trên kia và tai anh mới bắt được tiếng họ nói khi họ sà xuống đất, nhưng cũng có những khoảnh khắc đột nhiên, chúng ta được phú cho khả năng nghe nhìn siêu phàm đó mà không cần bất cứ một tế lễ nào, không cần ngay cả sự nỗ lực về phía chúng ta. Tôi cho rằng điều đó đã xảy ra với anh vài phút trước đây đấy”.

Không cần tế lễ hay nỗ lực bản thân, chỉ vài giọt nước mắt hối hận, ông chủ tôi hình như muốn nói vậy. Sự thực thì tôi đã chảy nước mắt vì sợ hãi và cảm giác bất lực và

một nỗi lo sợ mơ hồ cho tương lai của mình (công việc đầu tiên của tôi, sự trải nghiệm trong một loại thế giới vi mô của cuộc sống, là canh giữ, bảo vệ nhà soạn nhạc tâm thần này, và tôi đã chẳng thể làm tròn công việc ấy, điều đó dự báo những tình huống sẽ làm tôi trở nên u mê, dần độn bởi vì việc tôi không thể đương đầu với các thử thách sẽ tái phát như một trong những động hình trong suốt cuộc đời tôi). Nhưng tôi không ngắt lời, cãi lại ông, tôi chỉ lặng lẽ lắng nghe ngoan ngoãn.

- Anh vẫn còn trẻ, có lẽ anh chưa đánh mất cái gì trong thế giới này nên anh không bao giờ hối tiếc, vì thế thật đáng quý là anh chẳng khi nào nhận ra sự hiện diện của thế giới kia. Có lẽ bầu trời, một trăm thước, cao vợi trên đầu anh, vẫn chẳng là cái gì khác hơn ngoài chính bầu trời. Nhưng tất cả những điều đó chỉ có nghĩa rằng cái nhà kho rộng lớn kia vô tình trống rỗng trong thoảng chốc thôi. Hay là, anh đã đánh mất cái gì đó thực sự quan trọng đối với anh rồi?

Nhà soạn nhạc ngừng lại, chờ tôi đáp lời. Tôi tự dung nhớ đến cô nghệ sĩ điện ảnh, bạn cũ của ông ta, cô gái với một vết lõm trên trán to như một ngón tay người lớn. Tất nhiên, với cô, tôi chưa mất mát cái gì trọng yếu; tiếng khóc cùng những giọt nước mắt xói mòn trong đầu tôi một rãnh nhỏ và mật ngọt của tình cảm ủm miourmet vào kẽ nứt đó.

- Thế nào, anh đã đánh mất cái gì chưa? - Lần đầu tiên từ khi quen nhau, ông chủ khăng khăng nài nỉ - đã mất một cái gì thực sự quan trọng?

Đột nhiên, tôi nói một câu ngu xuẩn để che đậy sự lúng túng của mình:

- Tôi đã mất một con mèo.
- Mèo Xiêm hay mèo gì?

- Chỉ một con mèo bình thường, có vằn màu cam, nó biến mất cách đây một tuần.

- Nếu mới chỉ một tuần thôi thì nó có thể sẽ lại quay về. Thời gian này không phải mùa mèo đi hoang.

- Tôi cũng nghĩ thế, nhưng giờ đây tôi biết nó sẽ không về nữa.

- Vì sao?

- Nó là một con mèo rất độc đoán, không bao giờ chịu cho kẻ khác xâm nhập vùng lãnh thổ riêng của nó. Thế mà sáng nay tôi thấy một con mèo trong yếu đuối lấm dám trèo lên treo xuống khu công sự của nó, thậm chí vào cả chỗ gác của nó - con mèo của tôi sẽ không trở lại nữa đâu. - Khi nói xong, tôi nhận ra rằng tôi đã kể câu chuyện có dụng ý gây cười bằng một giọng khẩn đặc vì rầu rỉ.

- Thế thì có một con mèo đang bay lượn trên bầu trời của anh đấy - Ông chủ tôi nói một cách nghiêm trang.

- Tôi nhắm mắt, hình dung một con mèo huyền ảo, lớn như một khinh khí cầu kỳ dị, phát ra ánh sáng trắng ngà bay qua bầu trời. Thật là một chuyến bay hài hước, nhưng nó cũng khiến tôi đăm chiêu nghĩ ngợi.

- Những hình bóng trong bầu trời của anh bắt đầu tăng tốc. Vì vậy mà tôi không còn sống trong thời gian hiện tại từ khi xảy ra sự cố với đứa bé, bằng cách đó, tôi có thể ngăn cản hình bóng đứa bé tản mát đi. Từ khi tôi không sống trong thời gian của chúng ta nữa, tôi không thể khám phá thêm cái gì mới mẻ, nhưng tôi cũng không đánh mất thêm cái gì nữa cả, tình trạng bầu trời của tôi không bao giờ biến đổi nữa. - Có một sự nhẹ nhõm sâu thẳm trong giọng nói của nhà soạn nhạc.

Nhưng có thực là bầu trời của riêng tôi trống rỗng, ngoại trừ hình bóng con mèo căng phồng có vằn màu cam

chẳng? Tôi mở mắt, bắt đầu ngược lên bầu trời buổi tối, trong veo, nỗi hãi hùng khiến tôi nhắm mắt lại. Tôi hãi sợ cho bản thân mình, nếu tôi đã có thể nhìn thấy cả một bầy đoàn không kể xiết những tạo vật chúng ta từng đánh mất trong đời, họ chói sáng và hạ cánh xuống đây trên trái đất, thì như thế liệu có ích gì?

Chúng tôi nằm trên cỏ, lặng lẽ hồi lâu, chia sẻ một niềm đồng cảm giữa những người có cùng một nỗi buồn thương. Nhưng dần dà, tôi hồi tỉnh. Tôi trở về với bản thân mình: một tên thực dụng mới có mười tám tuổi như tôi bằng cách nào lại tự buông thả cho mình chịu ảnh hưởng của một nhà soạn nhạc điên gàn kia chứ! Nhưng tôi không cho rằng sự thăng bằng đã được tái thiết lập hoàn toàn trong tôi. Ngày hôm đó, tôi không sao cưỡng nổi một lo âu lạ lùng, tôi bị hút lại, gần hơn bao giờ hết, với những cảm xúc của ông chủ tôi và với bầy đoàn những hình ảnh rực sáng trên bầu trời cách trái đất chúng ta hàng trăm thước, cao xa vời vợi. Cái mà người ta gọi là hậu hiệu ứng vẫn còn lại trong tôi.

Rồi đến cái ngày cuối cùng. Hôm ấy là ngày trước Noel. Tôi nhớ rõ ngày tháng vì hôm ấy D đưa cho tôi một chiếc đồng hồ đeo tay với lời xin lỗi đã tặng quà sớm một ngày. Và tôi nhớ là sau bữa trưa, tuyết rơi chừng nửa giờ. Chúng tôi cùng nhau đi xuống Ginza nhưng nó đã đông chật những người, vì vậy chúng tôi quyết định đi bộ ra bến cảng Tokyo. D muốn xem con tàu hàng Chilê ngày hôm đó sẽ cập bến. Tôi cũng thích ra cảng, tôi mường tượng đến một bến cảng với tuyết bao phủ tráng những boong tàu. Chúng tôi đã rời khỏi những đám mây ở Ginza và vừa mới ngang qua Nhà hát Kabuki thì D bỗng nhìn lên bầu trời tối đen và vẫn đang rơi tuyết. Rồi Aghwee hạ xuống bên cạnh ông. Như thường lệ, tôi bước lùi lại vài bước sau lưng họ. Chúng tôi đến một giao lộ rộng lớn. D và đứa bé vừa mới rời khỏi iế đường thì đèn tín hiệu giao thông đổi màu.

D đứng lại, và một dây xe tải với những thùng hàng Noel,тол  
lớn kềnh càng như những con voi, lao về phía trước. Chính lúc  
ấy điều đó xảy ra. D đột nhiên thét lên và dang cả hai tay ra  
trước như đang cố gắng cứu một ai đó, rồi ông lao ra giữa  
những chiếc xe và ngã vật ra đất. Tôi đứng trên vỉa hè, chỉ  
biết nhìn theo, mê mẩn.

- Tự tử, ông ta tự tử. - Giọng ai đó bàng hoàng, run rẩy  
bên tai tôi.

Tôi không có thì giờ để phán đoán đó là một vụ tự tử hay  
không. Trong phút chốc, giao lộ trở thành hậu trường một rạp  
xiếc, chật cứng những xe tải đồ sộ như những con voi. Tôi quỳ  
xuống bên D, ôm lấy cơ thể đẫm máu của ông và run rẩy như  
một con chó. Tôi không biết phải làm gì, một cảnh sát tới rồi  
lại chạy đi đâu mất.

D không chết, còn kinh khủng hơn. Ông đang hấp hối  
nằm trên lớp nước bẩn do tuyết đang rơi nhè nhẹ, máu rỉ ra  
như nhựa cây. Ánh sáng lúc lác lóa lên từ bức tượng  
tượng Tây Ban Nha *Đức Bà đau khổ*, xé toạc bầu trời tối  
tăm, tuyết phủ, khiến máu trên người ông chủ tôi bóng ánh  
lên như trơn mỡ. Lúc này, một đám đông tụ họp lại, điệp  
khúc *Jingle Bells* cuồn cuộn trên đầu chúng tôi. Chúng tôi  
giống như những con bồ câu nhát sợ, hoang mang. Tôi quỳ  
bên D, cố sức lắng nghe có tiếng gì khác lạ, và tôi nghe thấy  
tiếng thét xa xa. Nhưng đám đông đứng đó lặng lẽ, lạnh  
lùng, hoàn toàn hờ hững, làm lơ trước những tiếng kêu thét  
đó. Không bao giờ tôi còn lắng nghe chăm chú như thế trên  
phố nữa và cũng không bao giờ tôi còn nghe lại những tiếng  
khóc gào như thế nữa.

Xe cấp cứu cuối cùng đến và ông chủ tôi được đưa lên  
xe, bất tỉnh nhân sự. Bê bết bùn, máu, và cơn sốc hình như đã  
làm ông tiêu tụy hẳn. Chân ông xõ trong đôi giày tennis màu  
trắng. Trông ông như một kẻ mù loà bị thương. Tôi trèo lên xe

cùng với một bác sĩ, một nhân viên phục vụ và một thanh niên cỡ tuổi tôi, trông có vẻ kiêu ngạo và cách biệt. Anh ta hóa ra là tài xế của chiếc xe tải đường dài đã đâm vào D. Suốt thời gian xe cấp cứu đi qua Ginza, tắc nghẽn giao thông càng lúc càng tệ hại (theo những tài liệu thống kê tôi mới đọc gần đây có con số về những đám đông đêm Noel ấy). Những ai nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu thì dừng bước, nhìn chúng tôi qua, gần như tất cả đều nhìn với vẻ quan tâm nghiêm trang. Trong khi đó, D nằm mê man trên chiếc cáng nghiêng ngả, sức sống cạn kiệt dần.

Khi chúng tôi đến bệnh viện, các nhân viên phục vụ vội vã đưa D vào. Viên cảnh sát lúc này, không biết từ đâu, lại xuất hiện và bình tĩnh hỏi tôi hàng loạt câu hỏi. Sau đó, tôi được phép đến chỗ D. Người tài xế đã tìm được chỗ cho mình, đang ngồi trên chiếc ghế băng trong hành lang gần với phòng của D. Tôi ngồi xuống cạnh anh ta và chờ hồi lâu. Thoạt tiên, anh ta lẩm bẩm về những món hàng anh ta còn phải mang giao, nhưng hai tiếng sau, anh bắt đầu phàn nàn vì đã vội vã mà mang họa, băng một giọng trẻ con hết mức. Sự thù ghét của tôi đối với anh ta nhạt dần. Chúng tôi đợi nữa, sau đó, ông chủ nhà băng cùng bà vợ và cô con gái kéo đến, tất cả đều ăn mặc bóng bẩy như đi dạ hội. Phớt lờ chúng tôi, họ bước vào trong. Cả bốn người phụ nữ nhà họ đều béo mập, mặt đỏ, họ khiến tôi nhớ lại bà vợ cũ của D. Tôi tiếp tục đợi. Nhiều giờ đồng hồ, tôi dồn vặt, trăn trở với mối hổ nghi: phải chăng, ngay từ khởi đầu, ông chủ tôi đã dự liệu cho việc tự sát? Trước khi kết thúc đời mình, ông đã thu xếp chu tất mọi việc với bà vợ cũ và cô bạn gái, đốt hết các sáng tác âm nhạc của ông, đi khắp thành phố để gửi lời vĩnh biệt chào tất cả những nơi gắn bó kỷ niệm - phải chăng ông đã thuê tôi để làm một nguồn động viên, giúp đỡ tự nhiên khi ông tiến hành tất cả những việc đó? Ông không cho tôi

nhìn thấu kế hoạch của ông bằng cách sáng tác ra đứa bé ma quái bay lượn trên trời? Nói cách khác, chẳng phải nhiệm vụ thực sự của tôi là giúp ông tự tử hay sao? Người tài xế trẻ đã ngủ vùi, ngả đầu trên vai tôi và lúc lúc, anh ta lại nhăn nhó như bị đau. Hắn là anh đang gấp cơn ác mộng lái xe chết người ta.

Ngoài trời tối đen như mực khi ông chủ nhà băng hiện ra cửa phòng và gọi tôi. Tôi nhẹ nhàng kéo vai ra khỏi đầu anh tài xế và đứng dậy. Ông chủ nhà băng trả tôi tiền công ngày hôm ấy và bảo tôi vào phòng. D nằm ngửa, những ống cao su chọc vào lỗ mũi, như đang làm trò đùa. Mặt ông đen sạm như ám khói. Tôi không sao kiềm chế nổi ngò vỵ đã làm tôi hãi sợ. Tôi kêu lên thành tiếng với ông chủ tôi:

- Ông đã thuê tôi chỉ để giúp ông tự sát sao? Tất cả những câu chuyện về Aghwee chỉ là cái mặt nạ che đậy chẳng? - Giọng tôi nghẹn lại trong nước mắt và tôi ngạc nhiên nghe mình thầm thét lên đau xót - Tôi gân như đã tin vào Aghwee!

Đúng lúc đó, khi màn sương lệ che mờ đôi mắt, tôi nhìn thấy nụ cười trên khuôn mặt co quắp, tối tăm của D. Đó là cái cười nhạo báng, hay nụ cười ranh mãnh bạn bè. Ông chủ nhà băng bảo tôi lui ra. Chàng tài xế nằm duỗi dài trên ghế băng mà ngủ. Trên đường bước ra, tôi nhét 1000 yên mà ông chủ nhà băng mới đưa, vào túi áo anh ta. Trên tờ báo buổi chiều ngày hôm sau, tôi đọc thấy tin nhà soạn nhạc đã chết.

Mùa xuân năm ngoái, tôi đang đi dạo trên phố thì gặp một nhóm trẻ con. Sự việc xảy ra quá nhanh chóng, tôi không biết mình làm gì để hăm doạ bọn trẻ. Sự sợ hãi đã biến chúng thành những kẻ sát nhân. Chúng ném đá vào tôi và một đứa trong bọn ném trúng mắt bên phải của tôi. Cục đá to bằng một nắm tay. Tôi quỳ gối xuống, ấp tay vào mắt và cảm thấy một cục thịt nát bét. Với con mắt trái còn lành, tôi nhìn thấy từng vốc máu rớt xuống đường. Tôi như bị thôi miên. Chính lúc đó

tôi cảm nhận có một tạo vật quen thuộc, vừa rời mặt đường sau lưng tôi - to bằng cỡ một con Kangaroo - cất cánh bay lên bầu trời xanh lơ, râu ria, vẫn còn chút rơi rớt của mùa đông lạnh lẽo. Tạm biệt, Aghwee, tôi nghe tiếng thầm thì trong trái tim mình. Và tôi thấy nỗi hận thù lũ trẻ bỗng tan chảy, nguôi ngoai. Mười năm trôi qua, thời gian đã chất đầy bầu trời riêng của tôi biết bao những hình ảnh, chói lọi trong ánh sáng trắng ngà, tôi ngờ rằng không phải tất cả bọn họ đều thơ ngây thuần khiết. Khi bị lũ trẻ gây thương tật, tôi đã dâng lên, trong lễ tế sinh, thị lực một con mắt của mình và nhờ vậy, tôi được phú cho, dù chỉ trong khoảnh khắc, cái năng lực siêu phàm để đón nhận một tạo vật đã từ bầu trời cao của riêng tôi sà xuống trái đất này.

PHAN THU HIỀN *dịch*

JAMAICA KINCAID  
(West Indies)

## CON GÁI

*G*iặt quần áo trắng vào thứ hai rồi đem phơi lên đồng đá; giặt quần áo màu vào thứ ba rồi đem vắt lên dây phơi đợi khô; dừng đi đâu trán dưới nắng nóng; rán bánh bí trong dầu thơm thật nóng; nhúng ướt quần áo lót ngay khi mày cởi ra; khi mua vải bông để may cho mình một chiếc áo khoác đẹp, hãy chắc rằng không có hồ quét lên vải bởi nếu thế thì vải sẽ nhão sau lần giặt; ngâm cá muối qua đêm trước khi mày nấu; có đúng là mày đã hát nhạc tình ở trường Chủ nhật? luôn ăn thức ăn theo cách sẽ không làm lộn ruột bất kì một ai khác; vào chủ nhật cố đi bộ giống như một tiểu thư chứ đừng giống cái mụ đàn bà nhếch nhác mà mày có xu hướng sẽ thành; đừng hát nhạc tình ở trường Chủ nhật; mày tuyệt đối không được chuyện trò với những thằng ranh du côn, thậm chí cả việc chỉ đường; đừng ăn hoa quả trên đường - ruồi sẽ theo mày đấy; *nhưng tôi chẳng bao giờ hát nhạc tình vào chủ nhật và cũng chưa hề hát ở trường Chủ nhật*; đây là cách đơm một chiếc cúc; đây là cách thùa khuy cho chiếc cúc mày vừa mới đơm xong; đây là cách viền lại váy khi mày viền đường viền đi xuống và như thế là nhầm để tránh cho bản thân không bị trông giống một mụ đàn bà nhếch nhác mà tao biết không chóng thì chày mày sẽ

là; đây là cách mày là chiếc sơ mi khaki cho bố mày để nó không có một nếp nhăn; đây là cách mày trông mướp tây - phải cách xa nhà, bởi vì cây mướp tây là hải cảng của kiến đỗ; khi mày định trông dasheen, phải biết chắc nó cần nhiều nước nếu không thì nó sẽ khiến cổ họng ngứa ngáy khi mày ăn; đây là cách mày quét cái góc nhà; đây là cách mày quét cả ngôi nhà; đây là cách mày quét sân; đây là cách mày mỉm cười với người mày không thật thích; đây là cách mày mỉm cười với người mày chẳng thích chút nào; đây là cách mỉm cười với người mày thực sự thích; đây là cách mày dọn bàn trà; đây là cách mày dọn bàn ăn tối; đây là cách mày dọn bàn ăn tối với vị khách quan trọng; đây là cách mày dọn bàn ăn trưa; đây là cách mày dọn bàn ăn sáng; đây là cách cư xử khi hiện diện người đàn ông không biết mày thật rõ, và với cách này họ không lập tức nhận ra cái mực đàn bà nhếch nhác mà tao cảnh báo mày tránh xa; kiên trì giặt giũ mỗi ngày, ngay cả khi chỉ bị giây nước bọt của chính mình; đừng ngồi xổm chơi bi - mày không phải là con trai, mày biết rồi đó; đừng hái hoa của người ta - mày có thể bị vướng bởi cái gì đó; đừng ném đá vào lưng chim, bởi vì đấy có thể chẳng là lưng chim; đây là cách làm chiếc bánh put đình bột mì; đây là cách làm bánh put đình có mùi gia vị mã đề; đây là cách làm lợ đựng tiêu; đây là cách làm thuốc chữa cảm lạnh; đây là cách chế thuốc hữu hiệu để vứt bỏ một đứa bé ngay cả trước khi nó được sinh ra; đây là cách bắt cá; đây là cách ném trả lại con cá nếu mày không thích, với cách này thì vận rủi nào đó sẽ không rơi vào mày; đây là cách cưỡng bức một người; đây là cách người ta cưỡng bức mày; đây là cách yêu một người, và nếu cách này không được thì còn có nhiều cách khác, và nếu chúng vẫn chưa được thì đừng cảm thấy quá chán nản để từ bỏ mục đích; đây là cách nhổ lén trời nếu mày cảm thấy thích, và đây là

cách tránh nhanh để nó không rơi trúng mày; đây là cách kết thúc cuộc gặp; luôn luôn bóp bánh mì để biết chắc nó hãy còn mới: *nhung ngô nhõ người bán bánh không cho phép tôi sờ vào bánh mì?*; ý mày muốn nói rằng cuối cùng khi mày thực sự trở thành đàn bà thì người bán bánh không để mày lại gần bánh mì ư?

LÊ HUY BẮC *dịch*

ABE KOBO  
(Nhật Bản)

## CHIẾC KÉN ĐỎ

Mặt trời sắp bắt đầu lặn. Đó là thời điểm người ta vội vã trở về nhà mình, nhưng tôi nào có một nơi trú ngụ để quay về. Tôi tiếp tục đi bộ chậm chạp theo lối hẹp giữa những ngôi nhà. Mặc dù có nhiều nhà xếp thành hàng dọc theo những con đường như thế, tại sao không có ngôi nhà nào thuộc về tôi? Tôi suy nghĩ, lặp lại câu hỏi đó đến trăm lần. Khi tôi đi tiểu vào một cột điện thoại, đôi lúc có một sợi dây thừng rủ xuống, và tôi muốn treo cổ mình lên. Sợi dây thừng liếc nhìn vào cổ tôi, nói:

- Này người anh em, hãy bỏ qua.

Và tôi cũng muốn bỏ qua. Nhưng tôi không thể cho qua. Tôi không phải là người anh em của sợi dây thừng, và hơn nữa, tôi vẫn còn không thể hiểu tại sao tôi không có một căn nhà.

Ngày nào cũng thế, đêm đến. Khi đêm xuống, bạn cần nghỉ ngơi. Những ngôi nhà là để được yên nghỉ trong đó. Nếu thế thì không phải là tôi không có một căn nhà, phải không?

Bỗng nhiên, tôi có một ý định. Có thể tôi đã phạm một sai lầm nghiêm trọng trong suy nghĩ của mình. Có lẽ không phải là tôi không có một căn nhà, nhưng tôi đã quên điều đó. Đúng rồi, có thể như thế. Chẳng hạn, tôi ngừng phía trước ngôi nhà

này mà tôi tình cờ đi qua. Đây không phải là ngôi nhà của tôi sao? Dĩ nhiên, so sánh với những căn nhà khác, nó không có nét riêng biệt nào biểu lộ một cách đặc biệt khả năng đó, nhưng người ta có thể nói như vậy về bất kỳ ngôi nhà nào. Đó không thể là một bằng chứng xoá bỏ sự việc rằng đây có thể là ngôi nhà của tôi. Tôi cảm thấy can đảm. Được, ta hãy gõ cửa.

Tôi gặp may. Bộ mặt tươi cười của một phụ nữ kiểm tra qua cửa sổ mở một nửa. Bà ấy có vẻ tử tế. Ngọn gió hy vọng thoảng qua khu vực tim tôi. Trái tim tôi trở thành một lá cờ trại ra hoàn toàn và phát phói trong gió. Tôi cũng mỉm cười. Đúng như một người thật lịch sự, tôi nói:

- Xin lỗi, nhưng đây có lẽ không phải là nhà tôi sao?

Mặt người phụ nữ đột nhiên đanh lại:

- Cái gì? Anh là ai?

Về việc giải thích, một cách bất ngờ tôi không thể làm được. Tôi không biết tôi sẽ phải giải thích gì. Sao mà tôi có thể làm cho bà ta hiểu rằng lúc này tôi là ai đó không phải là vấn đề?

Trở nên một chút liêu lingo, tôi nói:

- Vâng, nếu bà nghĩ rằng đây không phải là nhà tôi, bà có vui lòng chứng minh điều đó cho tôi không?

- Trời ơi... - Mặt người đàn bà hoảng sợ. Điều đó làm tôi trở nên giận dữ.

- Nếu bà không có bằng chứng nào, tôi nghĩ rằng nó là nhà tôi cũng được thôi.

- Nhưng đây là nhà của tôi.

- Cái đó có gì quan trọng? Chỉ vì bà bảo nó là nhà của bà không có nghĩa là nó không phải là nhà tôi. Chỉ có vậy thôi.

Thay vì trả lời, người phụ nữ quay mặt vô tường và khép cửa sổ lại. Đó là hình dạng thực sự của một bộ mặt phụ nữ tươi cười. Sự biến đổi này bao giờ cũng để lộ cái lý luận không

thể hiểu được bởi một điều là, cái gì thuộc quyền sở hữu của người nào đó, nó không thuộc về tôi.

Nhưng, tại sao... tại sao mọi thứ thuộc về người nào khác và không thuộc về tôi? Ngay cả nếu nó không phải là của tôi, đó không thể chỉ là nó không thuộc về bất cứ ai sao?

Thỉnh thoảng tôi có những ảo tưởng. Đó là những ống dẫn bằng bê-tông trên những địa điểm xây dựng hay trong những kho dự trữ là nhà của tôi. Nhưng chúng đã thuộc về một người nào đó. Bởi vì chúng trở thành của người nào khác, chúng biến mất không đếm xỉa tới những ước mong hay sự quan tâm của tôi đối với chúng. Hoặc chúng trở nên cái gì đó rõ ràng không phải là nhà tôi. Được, thế còn những chiếc ghế dài ở công viên thì sao? Chúng có lẽ đẹp đây, dĩ nhiên. Nếu chúng thực sự là nhà tôi, và giá như hắn ta không đến để buộc tôi phải ra khỏi chúng với cây gậy của hắn... Chắc chắn chúng thuộc về tất cả mọi người, không phải bất kỳ ai. Tuy vậy hắn nói:

- Nay, anh, đứng dậy đi. Cái ghế dài này thuộc về mọi người. Nó không thuộc quyền sở hữu của bất cứ ai, anh thì lại càng không. Thôi nào, bắt đầu di chuyển đi. Nếu anh không thích thế, anh có thể qua đêm trong tầng hầm có khoá ở khu vực nhà ngoại ô. Nếu anh lưu lại bất cứ nơi nào khác, bất kỳ ở đâu, anh sẽ vi phạm luật.

Người Do Thái lang thang - đó có phải là tôi không?

Mặt trời đang lặn. Tôi vẫn cứ đi.

Một ngôi nhà... những ngôi nhà không biến mất, chỉ trở thành cái gì khác, đứng trên mặt đất và không dời chỗ. Ở giữa chúng, cái khe hở tiếp tục thay đổi, không có một biểu hiện nào lưu lại giống nhau... là con đường. Vào những ngày mưa, nó giống như một cái cọ đầy sơn, vào những ngày có tuyết rơi nó trở thành nguyên xi chiều rộng của những vết bánh xe, vào những ngày lộng gió nó chuyển động liên tục như một băng

tải. Tôi vẫn tiếp tục đi bộ. Tôi không thể hiểu tại sao tôi không có một ngôi nhà, và vậy mà thậm chí tôi cũng không thể tự treo cổ mình.

Này, ai đang giữ tôi quanh cổ chân đây?

Nếu đó là dây thừng để treo cổ, đừng trả nó cho tôi. Tôi là sợi chỉ tơ dính. Khi tôi chộp lấy và kéo nó ra, đâu sợi dây chỉ ở trong một vết rạn giữa phần trên và đế giày của tôi. Nó tiếp tục trả nó cho tôi ngày càng dài hơn, giống như trơn trượt. Điều này thật là kì quặc. Tính tò mò của tôi khiến tôi tiếp tục kéo nó. Rồi thì một cái gì đó thậm chí kỳ quái hơn xảy đến. Tôi đang từ từ nghiêng người ra. Tôi không thể đứng thẳng vuông góc với mặt đất. Phải chăng trực trái đất đã nghiêng đi hay là trọng lực đã đổi hướng?

Một tiếng thích. Giày của tôi rơi xuống và chạm phải mặt đất. Tôi nhìn xem cái gì đang xảy ra. Trục trái đất đã không nghiêng, một trong hai chân của tôi đã trả nó ngay lại. Khi tôi kéo sợi chỉ ra, chân tôi ngày càng ngắn hơn nhanh chóng. Giống như khuỷu tay áo vét tông sờn gỡ ra, chân của tôi đang được tháo ra. Sợi chỉ, giống như sợi của một loại cây leo ngoằn ngoèo, là cái chân tan rã từng phần của tôi.

Tôi không thể bước thêm một bước nữa. Tôi không biết phải làm gì. Tôi cứ tiếp tục đứng cũng không biết phải làm gì trong bàn tay của tôi, chân tôi đã trở thành một sợi chỉ tơ bắt đầu tự di động. Nó bò ra một cách êm ái. Đầu sợi chỉ, không cần sự giúp đỡ gì của bàn tay tôi, tự tháo ra và giống như một con rắn bắt đầu tự quấn xung quanh tôi. Khi chân trái tôi được tháo ra toàn bộ, sợi chỉ tự nhiên tùy thích chuyển đột ngột sang chân phải tôi.

Trong một khoảng thời gian ngắn, sợi chỉ đã quấn quanh toàn thân tôi trong một cái túi. Mặc dù thế, nó cũng không ngừng lại nhưng tháo tôi ra từ hông tới ngực, từ ngực tới vai,

và khi nó tháo ra nó làm cho cái túi trở nên kiên cố hơn từ bên trong. Cuối cùng, tôi tan biến.

Về sau, còn lại một cái kén lớn trống rỗng.

A, bây giờ tôi có thể nghỉ ngơi. Mặt trời chiều nhuộm đỏ cái kén. Cái này, ít nhất không nghi ngờ gì là nhà của tôi mà không ai có thể ngăn cản không cho tôi vào. Điều phiền phức duy nhất là hiện nay tôi có một căn nhà, thì không có “tôi” để quay trở về nhà.

Bên trong cái kén thời gian đã ngừng lại. Phía ngoài, trời đã tối nhưng phía trong kén lúc nào cũng là buổi chiều. Được chiếu sáng từ bên trong, nó đỏ rực rỡ với những màu sắc của mặt trời lặn. Tính chất lạ thường nổi bật này chắc chắn đã thu hút sự chú ý của viên cảnh sát tinh mắt. Anh ta nhận ra tôi, cái kén, nằm giữa những đường ray của giao điểm hai đường xe lửa. Thoạt tiên, anh ta giận dữ, nhưng chẳng bao lâu thay đổi ý kiến về vật phát hiện khác thường này, anh ta đặt tôi vào trong túi áo anh ta. Sau khi nhào lộn xung quanh trong đó một thời gian, tôi đã được đặt vào một hộp đồ chơi của con trai anh ta.

BẢO TRÂN *dịch*

MILAN KUNDERA

(Séc)

# HÃY ĐẾ CHO NGƯỜI CHẾT CŨ NHƯỜNG CHỖ CHO NGƯỜI CHẾT MỚI

*A*nh trở về nhà dọc theo con phố của một thành phố nhỏ ở Czech, nơi anh đã mấy năm sống bình lặng, quen chịu những người hàng xóm hay chuyện và cảnh tục tằn đơn điệu tại công sở - anh bước đi không để ý gì xung quanh (như người ta đi trên con đường đã qua lại trăm lần) và suýt nữa thì ngang qua chị mà không biết. Nhưng chị thì nhận ra anh ngay từ远远 xa, đi ngược lại phía anh, chị nhìn anh với một nụ cười nhẹ trên môi mà mãi đến phút cuối, khi họ sắp tách rời nhau, nó mới làm ký ức anh thức dậy và bứt anh ra khỏi trạng thái đờ đẫn mơ màng.

- Tôi đã không nhận ra chị! - anh nói vẻ hối lỗi, nhưng đó là câu lỡ lời ngốc nghếch ngay tức thì đúng đến một đê tài đau khổ mà tốt nhất là không nên chạm tới: trong khoảng mười lăm năm qua họ không gặp nhau, cả hai đều già hẳn đi.

- Tôi đã khác thế sao? - chị hỏi, và anh dù đáp là “không” nhưng thực là nói dối, một sự nói dối không hoàn toàn là dối, bởi vì nụ cười nhẹ này (nó nở ra một cách trinh khiết và ý

nhi trên làn sóng hân hoan vĩnh hằng nào đó) bây giờ bơi đến với anh từ một miền xa nhiều năm tháng không hề bị cái gì vấy bẩn và khiến anh choáng váng: nó khơi dậy trong anh diện mạo cũ của người phụ nữ rõ rệt đến nỗi anh phải cố sức để thoát khỏi hình ảnh đó và nhìn vào hình ảnh trước mắt của chị lúc này: đây là một phụ nữ già thật rồi. Anh hỏi chị đi đâu, làm gì, chị đáp có một số việc phải giải quyết nhưng bây giờ đã xong, chỉ còn chờ chuyến tàu tối đưa chị trở lại Praha. Anh tỏ vẻ vui mừng về cuộc gặp bất ngờ và mời chị (vì cả hai đồng ý với nhau là hai tiệm cà phê ở chỗ này đông người và bẩn thỉu) về căn hộ độc thân của mình nằm gần đó, ở đó có cả cà phê và chè, nhưng cái chính là ngăn nắp và tinh lăng.

\*

Ngày hôm nay ngay từ đầu đã không suôn sẻ với chị. Chồng chị, (ba mươi năm trước, sau khi cưới, chị đã sống cùng anh ấy tại thành phố này, sau đó chuyển đến Praha, nơi mươi năm trước đây anh ấy qua đời), theo một di chúc kỳ quặc của anh ấy, được chôn trong một nghĩa trang ở đây. Khi đó chị đã trả trước tiền mộ mươi năm, mãi gần đây chị mới hoảng hốt nhớ ra là đã quên kéo dài hạn thuê đất. Thoạt đầu chị định viết thư cho ban quản lý nghĩa trang, nhưng khi biết thư đi từ lâu rất lôi thôi, vô ích, chị quyết định tự mình đến tận nơi.

Chị nhớ thuộc lòng đường đến mộ chồng, nhưng chẳng hiểu sao hôm nay chị cứ thấy như lần đầu vào nghĩa trang. Không thấy mộ đâu, chị nghĩ mình bị lạc. Chỉ sau một lúc chị mới hiểu: chính cái chỗ trước đây đặt tấm bia cát xám có khắc dòng tên mạ vàng của người chồng (chị nhận ra hai ngôi

một kẽ bên) thì nay là một tấm bia bằng đá hoa cương đen khắc một dòng tên mạ vàng hoàn toàn khác. Bối rối cực độ, chị vào ban quản lý nghĩa trang hỏi thì được họ giải thích là sau khi hết hạn thuê đất, các ngôi mộ tự động bị phá bỏ. Đáp lại lời trách móc của chị sao không báo trước để kịp thời kéo dài thời hạn thuê, họ nói nghĩa trang không lớn, và những người chết cũ cần phải nhường chỗ cho những người chết mới. Bực bội, nén tiếng khóc, chị trách họ hoàn toàn coi thường những khái niệm như tính người, sự tôn trọng con người, nhưng chị hiểu ngay là có nói cũng vô ích, bởi vì chị không thể nào ngăn được cái chết của chồng, chị bất lực không cản được cái chết lần hai của anh ấy - cái chết của “người chết cũ” mà giờ đây thậm chí còn không được quyền tồn tại như người đã chết. Về thành phố, thêm vào nỗi buồn đau của chị là cảm giác lo lắng: làm sao giải thích cho đứa con trai về sự biến mất của ngôi mộ bố nó và biện hộ thế nào với nó về sơ suất của mình. Rốt cuộc chị thấy người mệt mỏi: khoảng thời gian dằng dặc trước khi tàu chạy biết phải làm gì đây? Thành phố chẳng còn bạn bè, mà ngay cả thành phố thời gian qua cũng đã thay đổi đến mức không còn hứng thú để dạo thăm: những nơi chốn chị từng quen giờ đã hoàn toàn khác. Bởi vậy chị chấp nhận với sự biết ơn lời mời của người bạn cũ (nửa nhớ nửa quên) bất ngờ hiện ra trên đường chị đi: trong nhà anh chị có thể rửa tay, sau đó ngồi trên chiếc ghế mềm (đôi chân mỏi nhừ) đưa mắt nhìn ngắm căn phòng và lắng nghe tiếng cà phê nhỏ giọt trong góc bếp được ngăn bằng bức bình phong.

\*

Khi đến tuổi ba lăm, anh chợt nhận thấy tóc trên đỉnh đầu thưa hẳn đi. Đó chưa phải là hói thực sự, nhưng nó cho thấy

rõ (dưới tóc da đã lộ ra): phải, việc hói là không tránh khỏi và đã đến rất gần. Tất nhiên, phỏng đại mấy sợi tóc thừa lén thành một tấn bi kịch lớn thì thật nực cười, nhưng anh hiểu với sự hói xuất hiện, khuôn mặt cũng thay đổi, từ đó, cả cuộc sống của diện mạo anh hiện nay (một diện mạo không nghi ngờ gì là đang rất tốt) cũng đang gần chấm dứt.

Thấy thế anh liền nghĩ xem những phú lộc cuộc sống của cái diện mạo (lông lá xồm xoàm) đang biến mất này của anh là gì, cái diện mạo đó đã được hưởng thụ và vui thú những gì. Và nhân vật của chúng ta sững người khi hiểu ra là chẳng có cái gì thích thú cả; điều này khiến anh đỏ cả mặt; phải, thật đáng xấu hổ: nhục nhã biết bao khi đã sống chừng ấy năm trên thế gian mà được hưởng thật ít ỏi! Nhưng ý anh muốn nói cái gì khi tự nhủ là được hưởng quá ít? Có phải anh muốn chỉ những chuyến du lịch, công việc, hoạt động xã hội, thể thao, phụ nữ? Có lẽ, khi nói “hưởng” là anh ngụ ý tất cả những thứ đó, nhưng cái chính, tất nhiên, là phụ nữ. Bởi vì nếu như trong các lĩnh vực khác, cuộc sống của anh là què quặt nặng nề thì anh không thấy đó là lỗi của mình: anh không có lỗi về nghề nghiệp của anh tẻ nhạt và kém triển vọng, về thiếu tiền đi du lịch, về không có những lời giới thiệu tốt đẹp để được đề bạt, sau hết, anh không có lỗi trong chuyện năm hai mươi tuổi anh bị sụn lưng đành phải từ bỏ các môn thể thao ưa thích. Nhưng thế giới phụ nữ đối với anh là một thế giới tự do tương đối, ở đó anh chẳng có gì phải phàn nàn; chẳng bị gì ngăn cách; ở đó anh có thể bộc lộ hết các khả năng phong phú của mình; cứ thế, phụ nữ đối với anh là thước đo xác đáng duy nhất sự đầy đủ của cuộc sống.

Nhưng tai họa xảy ra: chính với phụ nữ chuyện chẳng hiểu sao lại trục trặc; đến tuổi hai lăm (mặc dù là một chàng trai hấp dẫn) sóng lòng anh khô kiệt, sau đó anh yêu, cưới

vợ, và trong vòng bảy năm anh tin chắc là trong một phụ nữ cũng có thể có được tràn trề sắc dục; rồi anh ly hôn, sự biện hộ cho tính duy nhất của phụ nữ (giống như ảo ảnh về tính vô tận) tan biến, thế vào đó là niềm khao khát mãnh liệt có được những người phụ nữ (một hữu hạn đa dạng trong vô số họ), nhưng than ôi, nó đã bị kìm hãm lại bởi nguồn tài chính eo hẹp (phải chi cho người vợ cũ để nuôi đứa con mà anh chỉ được phép về thăm năm một, hai lần) và bởi hoàn cảnh một thành phố nhỏ, ở đó thói tò mò của những người hàng xóm là vô giới hạn, khiến cho sự lựa chọn các phụ nữ chẳng được nhiều. Mà thời gian thì cứ trôi vùn vụt; cho đến một hôm đứng trước tấm gương treo phía trên chậu rửa mặt trong buồng tắm, một tay cầm chiếc gương tròn giờ cao trên đầu, anh hoảng sợ thấy chõ hói đã rõ mồn một, hình dạng của nó thật bất ngờ khiến anh (không được chuẩn bị) đau khổ và mở ra cho anh một chân lí tầm thường: Cái đã qua không lấy lại được nữa. Anh rơi vào nỗi buồn kinh niên, thậm chí đã có những ý nghĩ tự sát. Lê tất nhiên (và đây là điều cần nhấn mạnh để khỏi ngờ anh là kẻ tâm thần hay thằng ngốc) khi thấy được ý nghĩ đó là vớ vẩn, anh đã quyết là không bao giờ thực hiện chúng (anh đã phải nén cười khi hình dung bức thư vinh biệt của mình: không đủ sức chung sống với sự hói đầu. Vĩnh biệt!). Nhưng chỉ cần những ý nghĩ đó, dù chúng siêu phàm đến đâu, hiện ra trong đầu anh, thế là đủ. Chúng ta thử hiểu anh: chúng vang lên trong anh như trong một người chạy maratông vang lên một ước muốn không cuồng nỗi là bứt ra khỏi cuộc đua, khi anh đang chạy đột nhiên nhận thấy mình đang thua cuộc một cách nhục nhã (do lỗi của mình, do những sai sót riêng). Và nhân vật của chúng ta, khi coi cuộc chạy của mình đã thua không muốn kéo dài nó nữa.

Giờ đây, cút mình trên chiếc bàn con và đặt một tách cà phê trước đi vãng (nơi lát nữa anh sẽ ngồi), một tách khác trước chiếc ghế hành tiện lợi, nơi vị khách nữ đang ngồi, anh tự nhủ trong toàn bộ chuyện này nliu có một mưu đồ quái ác cái gì đó: anh đã gặp lại người phụ nữ nhiều năm trước anh yêu tha thiết, người mà khi đó (do lỗi của mình, do sai sót riêng) anh đã để chị ra đi, trong một tâm trạng ảm đạm như thế, và vào lúc không thể lấy lại được cái gì nữa.

\*

Chị vị tất đã có thể đoán ra là anh đã gặp người phụ nữ đã rời bỏ anh; chị vốn không bao giờ quên cái đêm hai người ở bên nhau, chị nhớ diện mạo anh khi đó (anh hai mươi tuổi, không biết mặc quần, đỏ mặt và đùa chị bằng trò trẻ con của mình), chị nhớ cả chính mình (chị khi đó gần bốn mươi, một nỗi khát khao sắc đẹp đã xô chị vào vòng tay của những người đàn ông xa lạ, nhưng đồng thời đẩy chị ra xa họ, chị vốn luôn hình dung cuộc sống của mình nhất định phải giống người khiêu vũ đẹp và rất sợ biến sự phản bội vợ chồng thành một thói quen ghê tởm). Phải, chị đã hiến mình cho cái đẹp, như những người khác hiến mình cho các nền tảng đạo đức; nếu phát hiện thấy trong cuộc sống của mình có sự kỳ quặc chắc chị sẽ tuyệt vọng. Và bây giờ khi hiểu rằng sau mươi lăm năm xa cách cần phải tỏ ra cho vị chủ nhà thấy mình đã già (với tất cả những sự kỳ quặc vốn có của tuổi già), chị quyết định lập tức che mặt mình bằng chiếc quạt tướng tượng và hỏi dồn dập chủ nhà: chị hỏi sao anh đến thành phố này, chị hỏi anh làm công việc gì; chị khen cái bếp tiện lợi của anh, khen phong cảnh từ ô cửa sổ nhìn ra các mái nhà thành phố (chị nói dù cảnh thường thô nhỉn nhưng nhìn thấy vẫn

khoáng dâng và rộng rãi); chị kể tên tác giả mấy bức tranh trường phái ấn tượng có phiên bản lồng kính treo tường (việc kể tên này chẳng mấy khó: trong căn hộ của các trí thức Czech đáng thương bạn chắc chắn sẽ thấy cùng những phiên bản rẻ tiền đó); sau chị đứng dậy khỏi ghế, tay cầm tách cà phê uống dở cúi xuống chiếc bàn viết nhỏ trên có bày một số tấm ảnh (chị nhận thấy ngay là trong đó không có một tấm ảnh phụ nữ trẻ nào), chị hỏi khuôn mặt phụ nữ già trên một tấm ảnh có phải là mẹ anh không (anh nói phải). Sau đó anh hỏi chị ngụ ý gì khi mới gặp chị nói là đến thành phố giải quyết một số công chuyện. Chị hoảng sợ không muốn nói về nghĩa trang (chị cảm thấy ở đây, trong căn hộ trên tầng sáu, không chỉ vượt cao trên các mái nhà, mà còn được nâng cao lên khỏi cuộc đời mình), nhưng do anh cứ vật nài hỏi rốt cuộc chị phải thú nhận (chỉ rất ngắn thôii, bởi vì cái thói dốc tuôn tuột mọi chuyện ra bao giờ cũng làm chị kinh hãi) rằng nhiều năm trước chị sống ở đây với chồng, rằng anh ấy được chôn tại nghĩa trang ở đây (về việc di dời tấm bia mộ chị im lặng) và rằng đã mười năm nay, năm nào chị cũng cùng con trai đến đây vào ngày giỗ.

\*

### - Năm nào cũng đến ư?

Điều thô lộ này làm anh đau khổ, và anh lại nghĩ đến một mưu đồ quái ác nào đó; bởi nếu anh gặp chị ở đây sáu năm trước, khi anh đến đây, có thể mọi chuyện đã được cứu vãn: cái gì sẽ không in dấu lên chị đến mức như thế, vẻ ngoài của chị sẽ không khác biệt đáng buồn với hình ảnh người phụ nữ anh yêu mười lăm năm trước đến thế; khi đó anh vẫn còn có thể xóa bỏ sự khác biệt, nhập hai hình ảnh

(quá khứ và hiện tại) vào làm một. Nhưng bây giờ cái này đã tụt lại sau cái kia không thể nào kết nối lại được nữa. Chị vừa trò chuyện vừa uống hết tách cà phê, còn anh thử nhìn kỹ xem mức độ thay đổi của chị, vì nó chị đã chuỗi khỏi anh lần thứ hai: mặt chị có nhiều nếp nhăn (lớp phấn không đủ sức tẩy xoá), cổ nhăn nheo (chiếc cổ áo cao không đủ sức che đậm), hai má sê, tóc đã có ánh bạc (dù thế thậm chí là đẹp!); nhưng cái thu hút chú ý hơn cả là đôi tay (chao ôi, chúng không phấn son, trang điểm gì cả); đôi tay phủ chằng chịt những đường gân xanh như mạng nhện bất ngờ biến thành đôi bàn tay đàn ông. Trộn lẫn trong anh là nỗi luyến tiếc và sự hồn học, và để muốn nhấn chìm vào rượu cuộc gặp gỡ muộn màng của họ, anh hỏi chị có uống chút cò nhắc ch้าง (trong chiếc tủ con phía sau bức bình phong có cả một chai). Chị từ chối, và anh nhớ lại, hồi đó, nhiều năm về trước, chị hầu như không uống gì: có thể, chị không muốn để rượu phá mất kiểu cách tinh tế, chừng mực của mình. Nhìn cử chỉ duyên dáng của cánh tay chị giơ lên khuỷc từ lời mời của anh, anh hiểu sự duyên dáng, huyền diệu, cách cư xử âu yếm từng chinh phục anh trước đây vẫn chưa lui tắt trong chị, mà chỉ ẩn dưới lớp vỏ già nua, và dù có bị chị bóp nghẹt đi nữa, chúng vẫn còn sức hấp dẫn. Ý nghĩ chị bị tuổi già bóp nghẹt thầm vào anh nỗi xót thương vô hạn, biến chị thành người già gùi (người phụ nữ từng một thời kiều diễm mà khi đứng trước chị anh líu cả lưỡi) và muốn trò chuyện cùng chị một cách thân mật, thong thả, lâu dài, trong một tâm trạng ẩn nhẫn buồn bã gam màu xanh lơ. Và anh thực sự đã trò chuyện (và nói thực lâu) và sau rốt đã kể về những ý nghĩ không lấy gì làm vui những năm gần đây thường xâu xé anh. Tất nhiên, anh không hé lời nào về bệnh hói mới xuất hiện (cũng như chị, tiện thể nói

thêm, im lặng về ngôi mộ bị di dời); nhưng bóng ma hói đầu đã xui khiến anh thốt ra những câu triết lí vặt, rằng thời gian bay nhanh hơn ta kịp sống, rằng cuộc sống thật khủng khiếp vì rốt cuộc mọi vật đều không tránh khỏi phải chết; anh chờ đợi vị khách hào hứng đáp lại những câu nói thâm thuý đó, nhưng không được.

- Tôi không thích những chuyện ấy, - chị nói hơi vẻ gay gắt. - Tất cả những điều anh nói hời hợt kinh khủng.

\*

Chị không thể chịu được những câu chuyện về tuổi già và cái chết: chúng động đến sự xấu xí, què quặt thể chất mà chị chống lại. Chị nhắc lại có phần nóng nảy với chủ nhà rằng anh quan niệm thật là hời hợt; con người chẳng phải cái gì hơn là một cơ thể già đi theo năm tháng, cái chính là thành quả lao động của nó, là những gì nó để lại cho những người khác. Quả thật ý nghĩ này không phải bây giờ mới có ở chị, mà đã từ ba mươi năm trước khi chị yêu người chồng tương lai của mình, anh ấy già hơn chị mười chín tuổi; và chị luôn luôn thành thực kính trọng anh (mặc dù tất cả những sự phản bội của mình mà anh hoặc không biết, hoặc không muốn biết) bằng cách tự thuyết phục mình rằng trí thông minh và vai trò của anh, trường hợp làm cân bằng lại gánh nặng tuổi tác.

- Thành quả lao động nữa ư, nghe lạ quá! Chúng ta để lại đây thành quả lao động nào cơ chứ! - chủ nhà phản đối lại chị với một tiếng cười gần. Chị không muốn dẫn ra người chồng quá cố, dù chị tin chắc vào giá trị bất di bất dịch của tất cả những gì anh đã làm: chị chỉ nói rằng mỗi con người trong đời đều tạo ra một cái gì đó, thậm chí là hết sức nhỏ bé

đi nữa, nhưng chức phận của nó là ở đó và chỉ ở đó thôi; xong chị quay sang nói về mình; chị làm việc tại một Nhà văn hóa ở ngoại ô Praha, tổ chức các buổi nói chuyện và dạ hội thơ ca, chị nói (với vẻ hào hứng anh thấy là gượng gạo) về “bộ mặt biết ơn” của người nghe, đến đây chị lập tức chuyển sang đề tài con cái, thật hạnh phúc có đứa con trai và quan sát những đường nét riêng của chị (cậu con giống mẹ) biến đổi thành khuôn mặt đàn ông; thật sung sướng được đặt cho nó tất cả những gì mà một người mẹ có thể tặng cho đứa con trai, rồi sau đó lặng lẽ biến khỏi cuộc đời nó vì sự nối dài của chị.

Không phải ngẫu nhiên chị nói về đứa con trai: suốt cả ngày này nó cứ hiện ra trước mắt chị, nhìn chị với vẻ trách móc sự việc buổi sáng trong nghĩa trang; điều đáng ngạc nhiên là chị không bao giờ để cho một người đàn ông nào áp chế mình, chỉ riêng đứa con chẳng hiểu bằng cách nào lại có quyền sai khiến được ý chí của chị. Vả lại, sự việc ở nghĩa trang khiến chị lo lắng là vì chị cảm thấy có lỗi trước con, chị sợ nó trách móc. Từ lâu chị đã đoán rằng nếu con trai theo dõi một cách ghen tuông xem chị tôn kính kỹ ức về người chồng thế nào (chính nó luôn bắt chị ngày giỗ hàng năm hai mẹ con không được quên đến nghĩa trang) thì nguyên nhân không hẳn là tình yêu đối với người bố quá cố, mà là ý muốn khùng bô chị, chỉ cho chị thấy những ranh giới đặt ra cho một bà góa; và dù tự nó không bao giờ nói ra điều đó, còn chị cố gắng (một cách thất bại); không nghĩ tới điều đó, nhưng mọi sự chính là như thế: nó bị giày vò bởi ý nghĩ là cuộc sống tình dục của người mẹ vẫn còn tiếp tục; nó ghê tởm việc chị vẫn còn (ít nhất như là khả năng và cơ hội) tình dục, mà vì khái niệm tình dục gắn với khái niệm tuổi trẻ, nên nó ghê tởm ở chị tất cả những cái gì còn giữ được về

trẻ trung; nó không còn là đứa trẻ, nên sự trẻ trung của người mẹ (kết hợp với sự chăm sóc quá mức của chị) cản trở nó cảm nhận một cách tự nhiên vẻ tươi trẻ của các cô gái mà nó thấy thích; nó muốn người mẹ phải già đi, chỉ như thế mới có thể chịu được tình yêu của mẹ nó, nó mới yêu được mẹ. Còn chị, đôi khi hiểu rằng như thế thực chất là nó đẩy chị xuống mồ, rốt cuộc chị đã chịu khuất phục nó, đầu hàng sự áp chế của nó và thậm chí còn lí tưởng hóa sự khuất phục của mình bằng cách tự an ủi rằng vẻ đẹp cuộc đời chị chính là ở sự biến mất lặng lẽ này để cho một cuộc đời khác tiếp tục. Và giờ đây để biện hộ cho sự lí tưởng hóa đó (thiếu nó mặt chị sẽ còn nhiều nếp nhăn hơn) chị đột nhiên sôi nổi trò chuyện với vị chủ nhà. Nhưng vị chủ nhà bất ngờ vươn mình qua chiếc bàn con phân cách họ, vuốt cánh tay chị mà nói:

- Hãy bỏ qua cho những lời tôi vừa nói. Chị biết đấy, tôi bao giờ cũng là thằng ngốc mà.

\*

Anh không lấy làm bức khi câu chuyện giữa hai người xoay ra tranh cãi, ngược lại, trong mắt anh vị khách lại hiện ra với dáng vẻ trước đây; cái cách chị phản đối những câu chuyện ảm đạm (chẳng lẽ trước hết đó là không phải là chống lại sự lầm cảm và vô vị hay sao?) làm anh nhận ra chị như hồi nào đã biết, tâm trí anh càng lúc càng nhớ lại diện mạo thuở xưa của chị và cuộc tình ngày trước của hai người, bây giờ anh chỉ cầu mong sao không có một cái gì phá vỡ mắt bầu không khí mơ màng, rất thuận tiện để trò chuyện này (chính vì thế anh đã vuốt tay chị và tự nhận mình là thằng ngốc), anh những muốn nói với chị chuyện lúc này

anh thấy là quan trọng: chuyện cuộc tình của họ; bởi vì anh tin chắc rằng là đã cùng chị trải qua cái gì đó khác thường mà chị thậm chí là không ngờ tới, còn chính anh thì cũng rất khó tìm được lời chính xác để diễn tả. Chị chắc không còn nhớ họ quen nhau thế nào, có lẽ là trong một lần chị đi cùng nhóm bạn sinh viên của anh, nhưng cái quán cà phê nhỏ ở Praha, nơi lần đầu họ được ngồi riêng với nhau, thì chắc chị vẫn nhớ rõ: anh ngồi đối diện chị trong một buồng ngăn bằng nhung, dáng ngồi u sầu và im lặng, và đồng thời anh lại ngây ngất trước những lời bóng gió ý nhị chị bày tỏ cảm tình của mình với anh. Anh thử hình dung (dù không chút hi vọng là có lúc nào những cảnh đó lại thành hiện thực) chị trông ra sao nếu anh hôn chị, cởi quần áo chị và làm tình, nhưng trí tưởng tượng đã cuồng lại anh. Phải, thật lạ lùng: đã hàng nghìn lần anh hình dung chị trong cảnh hấp hối của tình yêu nhục thể, nhưng thay đều vô ích; khuôn mặt chị vẫn hướng về anh bằng nụ cười nhẹ nhàng và bình thản và anh không thể (ngay cả vận hết sức tưởng tượng) làm nó méo xệch đi vì cơn cực khoái tình yêu được. Chị hoàn toàn không chịu quy thuận sức mạnh tưởng tượng của anh. Và khi đó đã xảy ra một hiện tượng không bao giờ lặp lại lần thứ hai: anh đối mặt với cái phi tưởng tượng. Có lẽ anh đã trải qua thời kỳ (thiên đường) ngắn ngủi này khi trí tưởng tượng chưa được nạp nhiều kinh nghiệm hãy còn hủ lậu, hiểu ít, và biết ít, vì thế vẫn còn dư chỗ cho cái phi tưởng tượng; và nếu cái phi tưởng tượng phải biến thành hiện thực (thiếu sự trợ giúp của cái tưởng tượng, thiếu chiếc cầu của những sự hình dung), con người sẽ mất chân đứng và bắt đầu cảm thấy quay cuồng. Anh thật sự đã cảm thấy quay cuồng như vậy, khi sau vài cuộc gặp chưa đủ cho anh mạnh bạo quyết định, chị đã bắt đầu tò mò ráo riết hỏi cặn

kẽ anh về căn phòng trong ký túc xá sinh viên, đến mức anh đã gần như mời chị về đây.

Căn phòng nhỏ ở ký túc xá anh ở cùng một cậu bạn, (cậu ta nhận của anh một ly rum rồi hứa là sẽ chỉ trả về sau nửa đêm), ít giống với căn hộ hiện nay anh ở: hai chiếc giường sắt, hai cái ghế, một cái tủ, một cái đèn lóa mắt không có chụp, bừa bộn kinh khủng. Anh vừa kịp thu gọn xong đúng bảy giờ (đây là dấu hiệu nói lên tính quý phái của chị - chị không bao giờ cũng đến đúng giờ) thì có tiếng gõ cửa. Trời tháng chín đã bắt đầu tối. Họ ngồi trên mép giường và từ từ hôn nhau. Màn đêm buông dày hơn nhưng anh không muốn bật đèn để được thích thú giấu mình trong bóng đêm, che đi sự bối rối ngượng ngáp mà anh không tránh khỏi khi bắt đầu cởi quần áo trước mặt chị. (Rồi sẽ có lúc anh còn biết cởi áo phụ nữ một cách quấy quá, còn bản thân thì tuột quần áo ngay trước mặt họ vội vã đến xấu hổ). Nhưng lần đó anh hồi lâu không dám cởi chiếc cúc đầu tiên cho chị (anh nghĩ là khi cởi áo quần phải có những động tác lịch sự, tinh tế, mà chỉ những người đàn ông từng trải mới biết, anh sợ bộc lộ sự non nớt của mình); rốt cuộc tự chị phải đứng dậy và cười hỏi: “Đã đến lúc quẳng bỏ bộ giáp trụ này được chưa?...” rồi bắt đầu cởi quần áo, nhưng vì phòng tối nên anh chỉ thấy cái bóng chuyển động của chị. Anh cũng cuống quýt cởi quần áo, nhưng chỉ có được sự tự tin khi hai người làm tình (nhờ sự nhẫn耐 của chị). Anh nhìn mặt chị nhưng trong cảnh lờ mờ chẳng thấy được nét mặt, ngay cả hình dáng khuôn mặt cũng không rõ. Anh lấy làm tiếc là đã để phòng tối, nhưng ngay lúc ấy anh thấy không thể nào tách ra khỏi chị để đi lại chỗ cửa bật công tắc đèn; anh cứ chăm chăm nhìn chị nhưng vẫn chẳng nhận thấy gì; dường như anh đang làm tình với một ai khác, với một người nào

đó không thật hay với một người hoàn toàn không cụ thể, không có mặt.

Sau đó chị cưỡi lên anh (anh chỉ thấy cái bóng vươn dài của chị), rồi vừa vặn vẹo mông vừa nói gì đó bằng một giọng trầm trồ, thì thào, không rõ, chị nói với anh hay với mình. Không nghe rõ lời, anh hỏi chị nói gì. Nhưng chị cứ tiếp tục thì thào gì đó mà dù đã kéo chị sát vào mình hơn anh vẫn không biết chị thì thào cái gì.

\*

Chị nghe vị chủ nhà nói và mỗi lúc một đầm chìm vào những chi tiết đã quên từ lâu: chẳng hạn hồi đó chị mặc bộ đồ xanh da trời may bằng thứ vải nhẹ mùa hè trông ngây thơ như thiên thần (phải, chị nhớ bộ đồ đó), tóc cài một chiếc lược sừng to làm cho chị giống một mệnh phụ cổ xưa, trong tiệm cà phê chị bao giờ cũng gọi món trà pha rum (tội lỗi về rượu duy nhất của chị), những hồi tưởng đó làm chị khuây khỏa nỗi ám ảnh về nghĩa trang, ngôi mộ bị phá, đôi chân sây sát, Nhà văn hóa và cặp mắt trách móc của cậu con. Một ý nghĩ thoáng qua, giá mà mình cứ vẫn được như thế, nhưng nếu một phần tuổi trẻ của mình tiếp tục sống trong con người này, thế có nghĩa mình đã sống không vô ích; tiếp đến lại thoáng qua một ý nghĩ, rằng đó là sự khẳng định mới các quan điểm của chị: con người đáng giá ở chỗ nó vượt lên trên mình, ở chỗ nó bước qua những ranh giới của bản thân, hơn là sống trong người khác và vì người khác.

Chị lắng nghe và không phản đối khi chốc chốc anh vuốt tay chị; sự ve vuốt này quyện với tâm trạng dịu dàng thanh thản của cuộc nói chuyện và chứa đựng một sự bất định bị tước khí giới (Nó thuộc về ai? Về người được nói tới

hay về người nói); hơn nữa, người đàn ông vuốt ve chị là người chị thích; thậm chí chị còn nghĩ là bây giờ anh ta còn khiến chị thích hơn cái anh chàng mười lăm năm trước đây, hồi đó, nếu chị nhớ rõ, cái cung cách trẻ con của anh ta đã gây cảm tình đối với chị. Đến lúc giữa chừng câu chuyện anh nói tới cái bóng của chị rướn lên trên người anh, tới việc anh không hiểu được những lời thì thào của chị, rồi đột nhiên anh lặng đi chốc lát, thì chị (một cách không nghĩ ngợi, cứ như anh đã biết những lời đó và muốn sau nhiều năm nhắc cho chị nhớ lại chúng như một điều bí mật bị lãng quên) khẽ hỏi:

- Khi đó tôi đã nói điều gì vậy?

\*

- Tôi không biết, - anh đáp. Anh không biết thật, hồi đó chị chuỗi khỏi không chỉ trí tưởng tượng, mà cả sự cảm nhận của anh, chuỗi khỏi mắt và tai anh. Khi anh bật đèn trong phòng lên, chị đã mặc quần áo, trông chị lại phảng phiu, nền nã, lộng lẫy và anh không tài nào tìm được mối liên hệ giữa khuôn mặt chiếu sáng lúc này của chị và khuôn mặt mới một phút trước anh vẽ ra trong bóng tối. Vào cái ngày ấy, khi họ chưa kịp chia tay, anh đã hồi tưởng về chị, cố hình dung khuôn mặt (vô hình) và cơ thể (vô hình) của chị trong những phút giây hai người yêu nhau. Nhưng thấy đều không thành: chị cứ luôn chuỗi khỏi trí tưởng tượng của anh.

Anh quyết định lần sau sẽ yêu chị dưới ánh sáng rõ ràng. Nhưng cái lần sau đã không có. Kể từ cuộc gặp đó chị khéo léo và lịch sự lảng tránh anh, còn anh đầy hoài nghi và tuyệt vọng: mặc dù sự gần gũi yêu đương của họ rất tuyệt, phải, có lẽ thế, nhưng anh cũng biết rằng chắc là trước đó chị đã

không còn chịu nổi anh rồi, và anh lấy làm xấu hổ; cuối cùng anh hiểu là chị cố ý tránh mặt anh và thôi không tìm cách gấp nữa.

- Chị nói xem, sao hồi đó chị lại lảng tránh tôi?

- Ôi, tôi xin anh, đừng nói chuyện đó nữa, - chị nói bằng giọng hết sức dịu dàng.. - Chuyện đã lâu, tôi làm sao biết được... - Nhưng anh cứ khăng khăng nên chị nói thêm:

- Sao cứ mải lục lại chuyện cũ làm gì? chúng ta được chia sẻ cùng nhau nhiều thời gian ngoài ý muốn thế này là đủ lắm rồi.

Chị nói thế chỉ để ngắt sự khẩn nài của anh (và có thể nó là câu nói sau cùng được nói ra nhẹ nhõm thuộc về cuộc đi thăm nghĩa trang buổi sáng), nhưng anh lại hiểu những lời của chị theo cách khác: chúng dường như là để mở toang ra cho anh một điều hết sức hiển nhiên là không có hai người phụ nữ (trước đây và hiện nay), mà chỉ là một người phụ nữ ấy thôi và người phụ nữ mười lăm năm trước đã bỏ qua anh đi ấy bây giờ đang ở đây, bên cạnh anh, chỉ cần vươn tay là chạm tới được.

- Chị nói đúng, hiện tại mới là quan trọng hơn, - anh nói đây ẩn ý và chỉ nhìn chằm chằm vào khuôn mặt đang cười của chị - giữa cặp môi hơi hé là hàm răng trắng bóng; hồi ức chợt hiện về: hồi ấy trong căn phòng sinh viên chị đã cầm những ngón tay anh cho vào miệng và cắn mạnh đến làm anh đau nhói; nhưng khi đó anh đã bất giác cảm thấy và đến giờ vẫn còn nhớ như in là hàm phía trên phía trong miệng chị không có răng (điều này lúc ấy không làm anh thấy ghê, ngược lại cái khiếm khuyết nhỏ ấy nói lên tuổi tác của chị, độ tuổi đang hấp dẫn và kích thích anh). Còn bây giờ trong khoảng giữa cặp môi và góc miệng tất cả các răng đều nguyên vẹn, mà chúng vẫn trắng lạ kỳ; điều đó khiến anh kinh ngạc: hai hình ảnh lại

tách rời nhau, anh không muốn thế và nỗ lực nhập chúng lại làm một, anh nói:

- Thật chị không muốn cô nhắc sao?

Và khi chị mỉm cười quyến rũ, khẽ dướn mắt, lắc đầu, anh quay vào sau bức bình phong, cầm chai rượu đưa lên miệng dốc một口. Nhưng nghĩ chị có thể ngửi hơi thở mà đoán ra anh uống vụng rượu, anh cầm hai cái li cùng chai rượu mang ra phòng ngoài. Chị lại lắc đầu.

- Uống một chút tượng trưng thôi, - anh nói và rót rượu vào hai cái ly. Nâng ly chạm với chị: - Chúc mừng việc tôi đã nói về chị chỉ ở thi hiện tại!

Anh dốc cạn ly, chị chỉ nhấp môi; anh đi lại bên mép ghế chị ngồi và cầm lấy tay chị.

Khi bước vào căn hộ của anh, chị không hề nghĩ là sự việc lại đi đến chỗ đụng chạm này, cho nên thoát tiên chị sợ hãi (dường như sự đụng chạm đó xảy ra sớm trước khi chị kịp chuẩn bị đón nó; cái khả năng thường xuyên sẵn sàng rất quen thuộc đối với người phụ nữ trưởng thành, chị đã mất từ lâu); (trong nỗi sợ này, có lẽ, có thể tìm thấy cái gì đó chung với nỗi sợ của một cô gái trẻ lần đầu được hôn: nếu cô gái chưa được chuẩn bị, còn bản thân chị đã không được chuẩn bị, thì cái “chưa” và cái “đã” này giống nhau một cách bí ẩn, như những sự lạ lùng kỳ quặc của tuổi già và tuổi thơ giống như vậy). Sau đó anh chuyển chị từ ghế bành sang đi văng, ôm riết chị vào mình, rồi bắt đầu vuốt ve cơ thể chị, và chị thấy mình mềm nhũn trong vòng tay anh (phải, chính là mềm nhũn, bởi vì cơ thể chị lâu nay đã mất cảm giác sai khiến vốn được tạo hóa hào phóng ban tặng cho phụ nữ qua nhịp điệu xiết và buông, cũng như qua năng lượng của vô số những cú mơn trớn). Nhưng những sự đụng chạm của anh chóng làm tan nỗi sợ thoảng qua ở chị, chị bỗng quay lại cái

thời xuân sắc ấy, lại có sự tự cảm, ý thức, niềm tin như trước đây của một phụ nữ giàu kinh nghiệm tình ái, và niềm tin này càng mạnh hơn vì đã lâu chi không cảm thấy nó; cơ thể chị phút trước còn co rúm, sợ hãi, thụ động, mềm nhũn, bỗng sống dậy hào hứng đáp lại vị chủ nhà bằng những sự dụng chạm của mình, chị cảm nhận được tính chính xác của chúng và thích thú tận hưởng chúng; những sự dụng chạm ấy, cái cách chị áp mặt vào cơ thể anh, những cử động nhẹ nhàng đáp lại vòng ôm của anh, - chị coi tất cả đó không phải như một cái gì đã thuộc sẵn, một cái gì chị đã biết và nay tái hiện lại một cách khoan khoái lạnh lùng, mà như một cái gì hữu cơ chị được hòa vào một cách hân hoan, say đắm, dường như đó là hành tinh thân thuộc của chị (ôi, hành tinh cái đẹp!), nơi chị đã từng ở và giờ đang vui mừng trở về. Đứa con chị lúc này đang ở cách xa ngàn trùng; khi vị chủ nhà cầm lấy tay chị, thoảng trong óc chị hình ảnh đứa con như một sự nhắc nhở, ngăn chặn, nhưng nó tức khắc tan biến ngay, trong cả thế giới rộng lớn này giờ đây chỉ có mình chị và người đàn ông đang vuốt ve và ôm riết chị. Nhưng khi anh áp môi mình vào môi chị và muốn lấy lưỡi cạy miệng chị, tất cả đột nhiên đổ sụp: chị tỉnh lại. Chị nghiến chặt răng (cảm thấy vị khác lạ của hàm răng giả - nó chọc vào vòm miệng và hình như choán đầy miệng) không để anh đưa lưỡi vào, nhẹ nhàng đẩy anh ra, và nói:

- Không. Thật đấy, tôi xin anh; đừng làm thế.

Nhưng anh không chịu thua, thấy thế chị cầm lấy tay anh, nhắc di nhắc lại mấy tiếng “không” và nói rằng (thật khó nói, nhưng chị biết là phải nói, nếu như muốn anh lắng nghe) làm trò yêu bấy giờ với hai người là đã muộn màng; chị nhắc anh nhớ đến tuổi tác của mình; nếu họ làm tình, chị có thể sẽ làm anh chán ghét, mà điều đó sẽ khiến chị tuyệt vọng, bởi vì

những điều anh nói với chị về chuyện hai người, chị thấy rất tuyệt vời và quan trọng; cơ thể của chị đã chết, nó đã già nua, nhưng bây giờ chị biết nó để lại mọi thứ phi vật chất giống như tia sáng của một ngôi sao đã tắt; có nên buồn chăng việc chị đã già, nếu như tuổi trẻ của chị được giữ lại trong cái chưa bị ai làm suy suyển.

- Anh đã dựng trong lòng mình một tấm bia cho tôi. Không nên để nó sụp đổ. Hãy hiểu cho tôi, - chị nói trong khi cố chống đỡ. - Đừng thế. Đừng, đừng nêu thế.

Anh thuyết phục chị rằng chị hãy còn xinh đẹp, rằng thực chất không có gì thay đổi cả, rằng con người bao giờ cũng là chính mình, nhưng anh hiểu đây là anh đang nói dối chị và thật sự ở về phía chị: anh vốn biết quá rõ cái tính nhạy cảm quá mức của mình đối với những khuyết tật bê ngoài của cơ thể phụ nữ, thậm chí cả sự ghê tởm mỗi năm một tăng đỗi với chúng, khiến anh thời gian gần đây ngày càng hay nhìn ngắm những phụ nữ trẻ hơn, do đó, (như anh đau khổ nhận xét) cũng ngốc nghếch và trống rỗng hơn; phải, không nghi ngờ gì nữa: sự chung dung thể xác, nếu anh bắt ép được chị, sẽ gây cho anh ghê tởm, và sự ghê tởm đó sẽ xúc phạm tới không chỉ giờ phút hiện tại này, mà cả hình ảnh hồi nào của người phụ nữ đang yêu, hình ảnh được lưu giữ trong ký ức như một báu vật.

Tất cả những điều đó anh biết, chúng quẩn trong suy nghĩ của anh, nhưng những ý nghĩ đó có quan trọng lắm chăng so với nỗi khát khao đang chỉ nhằm tới một đích: người phụ nữ đã làm khổ anh suốt mười lăm năm vì không chạm tới được, không tưởng tượng được, người phụ nữ đó bây giờ đang ở đây; cuối cùng thì anh đã có thể trông rõ chị dưới ánh sáng; cuối cùng anh đã có thể lần theo cơ thể chị bây giờ mà đọc được cơ thể chị ngày trước, theo những đường nét

hiện lén đoán ra những đường nét xưa. Cuối cùng anh đã có thể đọc được diệu mĩt (không tưởng tượng ra nổi) và cơn co giật của anh chị trong lúc yêu đương. Anh ôm choàng vai chị và nhìn thẳng vào mắt:

- Đừng cự tuyệt. Cự tuyệt có nghĩa lí gì đâu!

Nhưng chị lại lắc đầu vì hiểu rằng sự cự tuyệt của chị không phải hoàn toàn vô nghĩa, chị vốn biết đàn ông và thái độ của họ đối với cơ thể phụ nữ, biết rằng ngay cả chủ nghĩa lí tưởng tình yêu bùng bùng nhất cũng không cứu được cơ thể khỏi sức tác động khủng khiếp; dù thân hình chị vẫn còn giữ được những tỷ lệ tự nhiên, và trong chiếc áo khoác trông chị hãy còn trẻ trung, nhưng chị không nhầm: chỉ cần chị cởi quần áo ra là thấy ngay những nếp nhăn trên cổ và hiện ra vết sẹo trên bụng sau ca mổ dạ dày mười năm trước. Trong khi chị đang tinh táo nhìn rõ lại diện mạo thể xác hiện thời của mình và chị vừa thoát ra khỏi, thì từ dưới phố đã vọng lên tới cửa sổ căn phòng (mà nay giờ chị vẫn nghĩ là vươn cao trên cuộc đời chị) những âu lo của buổi sáng nay, chúng dần choán ngập phòng, ngự lên những bức tranh phiên bản lồng kính, lên ghế hành, lên bàn, lên tách cà phê trống trơ, dẫn đầu cuộc diễu hành của chúng là khuôn mặt cậu con trai, thấy nó chị đỏ bừng mặt và vội thu mình lại: điên lên chị những muôn rẽ khỏi con đường đứa con đã sắp đặt sẵn mà từ trước đến nay chị vẫn tươi cười hân hoan bước đi, những muôn (dù chỉ thoáng chốc) rời khỏi nó, nhưng bây giờ chị đành phải nhân nhượng và thú nhận rằng đó là con đường duy nhất dành cho chị. Khuôn mặt đứa con có vẻ nhạo báng đến mức chị ngượng chín mặt, thấy mình mỗi lúc một bé lại trước mặt nó, bé đến chỉ còn như cái sẹo trên bụng mình.

Vị chủ nhà vẫn ôm vai chị, nhắc lại: “Cự tuyệt có nghĩa lí

gì đây!", còn chị cứ máy móc lắc đầu, vì lúc này chị không thấy vị chủ nhà, mà thấy đứa con thù nghịch của mình đang đầy tức giận vì mẹ nó không tự thấy mình nhục nhã. Chị như nghe nó đang trách móc chị về ngôi mộ bị phá, nhưng đột nhiên từ trong hồn độn ký ức, chẳng hiểu ma xui quỷ khiến nào, bỗng hiện ra cái câu chị đã giận dữ nói vào mặt nó: "Con ơi, những người chết cũ phải nhường chỗ cho những người chết mới".

\*

Anh không may may nghi ngờ rằng tất cả chuyện này đúng là sẽ kết thúc bằng sự ghê tởm, bởi vì ngay giờ đây chỉ mới nhìn qua chị (cái nhìn tò mò và xuyên thấu) trong anh đã có sự ghê tởm, nhưng lạ sao, nó không cản trở anh, mà ngược lại, khêu gợi và khích thích, dường như anh mong muốn sự thèm muốn rốt cuộc đọc được trên cơ thể chị cái bao lâu nay anh không được biết trộn lẫn sự thèm khát nhanh chóng làm mất giá cái đọc được đó. Do đâu anh có cảm giác này? Dù anh ý thức được nó hay không, nhưng giờ đây anh đang đứng trước một trường hợp đặc biệt: vị khách có thể bù lại cho anh tất cả những cái anh đã bị tước đoạt, đã chuôi khỏi tay anh, đã trôi qua anh, tất cả những cái mất đi đã làm tuổi tác anh trở nên không thể chịu nổi đánh dấu bằng đám tóc thưa dần và một bản tổng kết nghèo nàn đáng buồn; và anh; dù nhận thấy rõ hay chỉ cảm thấy lờ mờ điều đó, bây giờ đã có thể làm cho tất cả những niềm vui sướng anh không được tận hưởng đó mất hết ý nghĩa và màu sắc (bởi vì chính cái màu sắc không hiển lộ của chúng đã biến cuộc đời anh thành xám xịt), đã có thể phát hiện ra

rằng chúng là vụn vặt, chúng chỉ là ảo tưởng, là sự tắt ngấm, là bọt bèo trá hình, anh đã có thể báo thù, hạ nhục và huỷ diệt chúng.

- Đừng cự tuyệt!, - anh nhắc lại khi cố kéo chị vào sát mình.

\*

Chị nãy giờ vẫn thấy khuôn mặt nhạo báng của đứa con, và khi bị vị chủ nhà cố sức kéo riết, chị nói: "Tôi xin anh, để tôi yên một chút" và ngang ra; chị không muốn dứt mạch suy nghĩ: những người chết cũ phải nhường chỗ cho những người chết mới, còn những tấm bia là thứ nhảm nhí, cả tấm bia của chị mà người đàn ông đứng bên chị dây dựng lên trong tâm hồn mình mười lăm năm trước - nhảm nhí, cả tấm bia của người chồng - nhảm nhí, phải, con trai ạ, tất cả những tấm bia đều nhảm nhí hết, chị nói với đứa con và đầy vẻ khoái cảm trả thù nhìn khuôn mặt nó cau có méo xệch hét lên: "Mẹ không bao giờ nói như thế, mẹ!". Tất nhiên, chị biết là mình không bao giờ nói thế, nhưng giây phút này tỏa một thứ ánh sáng làm biến đổi mọi vật. Thích các tấm bia hơn cuộc sống có nghĩa lí gì? Đối với chị, tấm bia riêng của mình chỉ có một ý nghĩa duy nhất: bây giờ chị có thể lật đổ nó cho cái cơ thể hèn mọn của mình; người đàn ông đang ngồi bên cạnh khiến chị thích, anh trẻ trung, và có lẽ (thậm chí là chắc chắn), anh là người đàn ông cuối cùng chị thấy thích và có thể làm tình; đó là điều quan trọng duy nhất lúc này; nếu về sau anh cảm thấy ghê tởm chị và tấm bia của chị trong lòng anh sụp đổ - chị chẳng quan tâm; bởi tấm bia tồn tại bên ngoài chị, cũng như tâm hồn và kí ức của anh là ở bên ngoài chị, mà tất cả những gì tồn tại ở bên ngoài chị.

thì đứng dựng. “Mẹ không bao giờ nói như thế, mẹ!” - Chị lại nghe thấy tiếng hét của đứa con, nhưng bỏ ngoài tai. Chị mỉm cười.

- Anh nói đúng, cự tuyệt ích gì đây, - chị nói khẽ và đứng lên. Sau đó chị bắt đầu chậm rãi cởi cúc áo choàng. Trời còn lâu mới tối. Căn phòng lần này ngập tràn ánh sáng.

NGÂN XUYÊN *dịch*

DAVID LEAVITT

(Mĩ)

## TRỌNG LƯỢNG

**T**heo phải chọn lựa giữa một liều thuốc bảo vệ thị lực và một liều thuốc sẽ kéo dài tuổi thọ, cậu chọn thứ thuốc để không bị mù. Cậu đã ngừng uống thuốc viên và bắt đầu tiêm - việc ấy đòi hỏi chấp nhận một cái ống thông khó chịu và đau đớn ngay bên trên tim cậu - chỉ trong vòng vài ngày, những mảng lờ mờ trong mắt cậu đã bắt đầu tan ra, cậu lại có thể nhìn thấy được. Cậu nhớ chuyen đi tới thành phố New York tham quan với mẹ khi cậu mười hai tuổi và cậu đã không muốn thú nhận là mình cần kính. "Con có thể đọc được cái đó chứ?" bà kêu lên, chỉ lối cửa vào tòa nhà Broadway, và khi cậu liếc nhìn, chỉ đọc được một hai từ, bà đã tháo kính của mình ra - cặp kính sắc sỡ với những hạt kim cương giả nhỏ xíu ở hai bên góc kính - rồi ấn nó vào mặt cậu. Thế giới hiển hiện rõ ràng, cậu thở hổn hển, ngạc nhiên về độ chính xác quanh các đường nét của sự vật, tính rõ ràng, rành mạch, sắc nét, đầy màu sắc của phong cảnh. Ngày hôm đó, bà Sylvia đã xem hết chương trình *Người chơi đàn violông trên mái nhà*, nhưng về phần Theo, với gương mặt được ngụy trang bằng cặp kính khổng lồ của mẹ, tất cả mọi thứ dường như lóe sáng, chói lọi như một quyển truyện tranh, mặc dù người ta nhìn cậu chàm chàm, thì thầm điều gì đó, Sylvia không quan tâm, cậu có thể *nhìn* được.

Bởi lại suýt chết, nên Theo được chuyển về nhà mẹ mình ở New Jersey. Những mũi tiêm DHPG mà bà biết rõ - bà đã thấy mẹ bà vượt qua cơn hấp hối, sau tất cả. Bốn lần một ngày, với tính điềm tĩnh của một y tá, bà làm sạch chiếc ống nhựa, lồng một mũi tiêm dưới da đã khử trùng vào và ghém vào má cậu, chất lỏng trợ thi lực châm chậm chảy nhỏ giọt từ trong ống tiêm vào tinh mạch cậu. Họ chịu đựng thủ tục yên lặng này. Sylvia ngồi cạnh giường bệnh mà bà đã thuê trong thời gian Theo ở lại. Cuộc đời cậu, đôi khi cậu nghĩ, là xem bộ phim phát lại *Tôi yêu Lucy hay tin tức*, trong khi cậu cố không nghĩ về sự khó chịu của mẫu ống dẫn cứng đang đâm vào người cậu, thậm chí cái ống dẫn ấy còn là vật thường xuyên gợi nhớ về cái vịnh mênh mông không thể bơi qua được chấn giữa cậu và mực nước của cái giếng đang dần dần rút đi. Còn Sylvia thì vui mừng một cách khó hiểu. Mỗi ngày bà đều cố nài cậu đi ra ngoài với bà đến một nơi nào đó - thư viện hay bảo tàng nhỏ với những mô hình khủng long mà cậu thấy thích thú như một đứa trẻ - và khi sự gầy gò của cậu cùng với chiếc gậy bị nhìn chầm chằm, bà đã vận động cậu cứ đi quanh những người đang nhìn ấy, kiên quyết che chắn cho cậu khỏi bất cứ điều gì người ta có thể nói hoặc làm. Chuyện ấy cũng giống như một buổi chiều của nhiều năm về trước, khi bà đẩy cậu qua một dãy những gương mặt hiếu kỳ, cười cợt, kiên quyết không để cho điều gì có thể gây trở ngại cho quang cảnh cậu đang nhìn. Thực là một cặp tất yếu, một cậu bé với đôi kính xấu xí và bà mẹ dám thách thức cả thế gian nói một lời về điều đó.

Buổi chiều tháng Năm này ám áp, gió hiu hiu thổi, họ đi chợ để trả thù. "Tiệc đính hôn của anh Howie con sẽ tổ chức vào tháng tới", trong ô tô Sylvia giải thích. "Một cô gái dễ thương của miền Livingston. Mẹ đã gặp cô ấy cách đây mấy tuần, thực sự, cô ta là người thường lưu dãy".

“Con rất vui”, Theo nói. “Hãy chúc mừng Howie hộ con”.

“Con có nghĩ mình sẽ đến dự tiệc không?”

“Con không chắc. Liệu có ổn không khi con chỉ gửi cho anh ấy một món quà?”

“Con phải gửi. Theo ý mẹ, là một cái khay bằng bạc thật dễ thương. Việc cảm ơn phải được lưu ý trong phòng khách”.

“Mẹ”, Theo nói. “Tại sao mẹ luôn phải...”

Sylvia tí tít còi một chiếc xe tải rẽ trái không đúng luật.

“Tốt hơn là họ nên nhận một cái gì đấy hơn cả một món quà bình thường, đó là cái mẹ đã nói”, bà nói. “Nhưng bây giờ, vấn đề là vì con mẹ phải tặng Howie một cái gì đó, tốt hơn là nó phải có giá trị. Tốt hơn là nó phải rất, rất có giá trị”.

“Tại sao?”

“Con có nhớ cái thứ vật vãnh rẻ tiền không đáng giá mà Bibi đã tặng con vào lễ tốt nghiệp không? Nó thật đáng ghê tởm”.

“Con không thể nhớ cô ấy đã tặng con cái gì”.

“Tất nhiên là con không nhớ. Đó là một bộ bút chì và bút viết tồi tàn. Thậm chí còn không có cả một cái hộp bằng da thật nữa. Nên, hết sức tự nhiên, nó trở thành nguyên nhân khiến mẹ phải có cái gì đấy thật ngoạn mục cho lễ đính hôn của Howard. Một cái gì đó sẽ làm cho Bibi phải choáng. Dù sao, mẹ nghĩ mẹ phải tìm một món xứng đáng, nhưng mẹ cần lời khuyên của con”.

“Khuyên ư? À, khi Nick, thằng bạn cũ cùng phòng con cưới vợ, con đã tặng nó một cái máy ép tỏi. Cái máy giá năm đôla. Phản ánh chính xác cái con cảm thấy, lúc ấy, tình bạn của bọn con đã tồi tệ rồi”.

Sylvia cười lớn. “Thông minh đấy. Nhưng ý tưởng của mẹ còn lỗi lạc hơn nhiều, bởi vì nó có thể khiến con trả thù được Bibi và tặng Howard món quà dễ thương”. Bà mỉm cười, tự thấy dễ chịu và nhẹ nhõm. “À, con sinh sống và học hỏi”.

“Con sống”, Theo nói.

Sylvia nháy mắt. “Mà này, chúng ta đã tới nơi”. Bà quẹo xe vào một bãi đỗ xe dành cho người tàn tật trên đại lộ Morris và ra ngoài để giúp Theo nhưng cậu đã nhấc bổng người ra khỏi ghế, dùng tay vịn cửa xe như đòn bẩy. “Con có thể tự xoay xở được”, cậu nói trong một tình trạng cáu bẩn nào đó. Sylvia bước đi.

“Rõ ràng tất cả những sự thuận lợi này là dành cho con”, Theo nói, giữ thăng bằng trên chiếc gậy của mình, “đột nhiên lại quá dễ dàng kiểm được một bãi giữ xe như thế”.

“Ôi, Theo, xin con”, Sylvia nói. “Này, chúng ta đã đến nơi rồi đấy”.

Bà dẫn cậu vào trong một cửa hàng lưu niệm đầy những tượng sứ về nàng Bạch Tuyết và bảy Chú Lùn, những hộp nhạc mà khi bạn mở ra, nó sẽ chơi bài *Sự u ám trong nụ cười của em*, hoa khô ướp hương liệu có mùi hồn hợp đựng trong hộp giấy màu đỏ tía, những con rắn nhồi dùng để chống cửa và cửa sổ mỗi khi có gió lùa.

“Phu nhân Greenman”, một người đàn ông tóc xám trong bộ áo len đan dài tay xởi lởi nói. “Xem ai này, Archie, phu nhân Greenman đến đây”.

Một người đàn ông khác, người này gầy hơn và hói đầu, cũng mặc một chiếc áo len đan giống hệt người kia, ló ra từ phía sau quầy hàng. “Ô, xin chào!” ông ta mỉm cười, nói. Ông ta nhìn Theo, sự biểu lộ của ông ta liền thay đổi.

“Ngài Sherman, ngài Baker. Đây là Theo, con trai tôi”.

“Xin chào”, ông Sherman và Baker nói. Họ không đưa tay ra bắt.

“Bà đến đây vì chuyện chúng ta đã thảo luận lần trước, đúng không?”

“Đúng”, Sylvia nói. “Tôi muốn nhận được lời khuyên từ

con trai tôi đây". Bà đến bên một cái bát pha lê to hình nón, kiểu bát của những năm năm mươi, dáng khoẻ khoắn, cạnh vuông. "Con thấy thế nào? Đẹp đáy chứ?"

"Mẹ, thực sự mà nói, con nghĩ nó có phần xấu".

"Bốn trăm hai mươi lăm đôla đáy", Sylvia nói đầy thán phục. "Con cứ xem nó xem".

Rồi bà nhác cái bát lớn, ném nó cho Theo như ném một quả bóng.

Những quý ông trong bộ áo len dài tay thở hổn hển, không thốt ra được lời nói. Khi Theo bắt lấy cái bát, nó kéo trôi bàn tay cậu xuống. Chiếc gậy của cậu kêu lọc cọc khi rơi xuống nền nhà.

"Nó nặng đáy", bà Sylvia nói, quan sát với sự vừa lòng cái cách chiếc bát kéo trôi cánh tay cậu xuống. "Cái bát pha lê này được sản xuất ở đâu nhỉ, độ nặng cũng gây ấn tượng đấy".

Bà lấy lại cái bát từ tay cậu và mang nó đến quầy hàng. Ông Sherman lau trán. Theo nhìn xuống nền nhà, vẫn còn ngạc nhiên vì không thấy những mảnh thủy tinh vỡ quanh chân mình.

Lúc dường như không ai để ý gì, cậu liền cúi xuống, nhặt cây gậy lên.

"Bốn trăm năm mươi chín đôla, đã tính cả thuế", ông Sherman nói, giọng ông ta vẫn hơi run, một thoáng nhìn thú vị hiện trên gương mặt Sylvia khi bà xé tấm chi phiếu ra để trả. Phía sau quầy hàng, Theo có thể nhìn thấy ông Baker đặt tay lên trán và đưa mắt nhìn lên trần nhà.

Dường như Sylvia đã từng tìm kiếm cái gì đó trong một thời gian dài như cái này, thứ đủ nặng để giữ lại một cảm giác, nhưng khá dễ vỡ để khiến người ta có thể phải ân hận.

Họ quay trở ra ôtô.

"Bây giờ chúng ta có thể đi đâu đây?" Sylvia hỏi khi bà

bước vào ôtô. “Phải có một nơi nào đó để đi”.

“Về nhà”, Theo nói. “Đã gần đến lúc con phải uống thuốc”.

“Thật ư? Ô, được rồi”. Bà đeo dây an toàn cho mình, đút chìa khoá xe vào ổ và ngồi đó.

Trong khoảnh khắc, nhưng rõ ràng, gương mặt bà vỡ ra. Bà nhắm chặt mắt đến nỗi quầng xanh trên mi mắt rạn nứt.

Hầu như rất nhanh bà trở lại bình thường, và họ đi. “Trời đang nóng lên hơn đấy”, Sylvia nói. “Mẹ bật máy điều hoà được không?”

“Được ạ”, Theo nói. Cậu đang nghĩ về cái bát, hay chính xác hơn, sự ngạc nhiên về độ nặng đã kéo bàn tay cậu xuống. Giờ đây, trong một lúc, cậu thấy lo lắng cho mẹ mình, lo lắng về cái gây tổn hại đến sự ốm yếu của cậu, cái có thể bí mật đến nỗi tất nhiên mẹ sẽ không bao giờ thừa nhận. Bề ngoài thì mọi việc dường như ổn cả. Bà vẫn nướng những con gà đã lột da làm thức ăn cho bữa tối hàng đêm, vẫn bơi một dặm ruổi mỗi ngày, vẫn tiếp tục dùng trà gói bọc giấy bạc trong tủ lạnh. Chưa hết, khoảng ba giờ sáng, bà còn đánh thức cậu dậy, nói cho cậu biết bà sẽ đi siêu thị hai tư tiếng và hỏi xem cậu có muốn gì không. Rồi ở cửa hàng lưu niệm, đúng là bà đã ném cái bát đó về phía cậu, ném nó như ném một quả bóng, nó bay như một luồng sáng lớn và khi sự lo âu tiềm ẩn bay qua phía cậu thì trong cậu dấy lên một cảm giác rằng bà đang tuyệt đối tin tưởng vào đôi tay yếu ớt của cậu, để giữ cho cái bát khỏi vỡ. Bà đang cố kiểm tra điều gì vậy? Có phải cậu đã lấy lại được sức nhìn? Có phải chắc chắn cậu ở đây, còn sống, rằng cậu vẫn chưa vượt qua tất cả sự chở che của bà, một thằng bé còi cọc lúng túng trong cặp kính có chốt bằng kim cương giả? Chắc chắn những điều này người ta đã làm thậm chí trước cả khi người ta kịp nghĩ phải làm như thế nào - chẳng hạn, một

đứa trẻ bật ra từ phía trước ôtô, hay chiếc bát, thứ mà Theo đang giữ thậm chí trước khi cậu có thể bắt đầu tính toán sơ qua được đường bay của nó. Nó đã kéo trôi cánh tay cậu xuống, và trong tư thế ngớ ngẩn đó, cậu đã nhìn mẹ, người đang mỉm cười đầy độ lượng, cứ như là, trong cuộc chiến giữa sức nặng và sự đổ vỡ, cậu đã hoàn toàn giúp được cho chiến thắng của bà một cái gì đó nhỏ thôi nhưng thể hiện sự thắng lợi.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

DORIS LESSING  
(Anh)

## NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÊN MÁI NHÀ

**T**rời cứ nắng nóng suốt cả tuần, cái tháng Sáu ấy.

Ba người đàn ông làm việc trên mái nhà nơi các tấm lợp bằng chì nóng đến nỗi họ nảy ra ý nghĩ tưới nước làm nguội. Nhưng nước cứ xèo xèo bốc hơi và họ đùa với nhau về chuyện lấy cắp trứng của một phụ nữ nào đó sống trong các căn hộ phía dưới để ăn tối. Vào lúc hai giờ, không thể đúng vào đoạn máng nước họ đang thay và họ phỏng đoán về những gì mà công nhân làm tại những xứ triền miên nóng. Có lẽ họ mượn găng nấu ăn với trứng? Cả bọn hơi xây xẩm mặt mày bởi không quen với cái nóng; họ cởi áo khoác và đứng sát liền nhau trên vệt bóng mát rộng chừng hai tấc ngả xuống từ ống khói, cẩn thận mang tất dày và đi ủng khi ra ngoài nắng. Cách đấy vài mái nhà, khung cảnh thật dễ chịu. Không xa lắm là một người đàn ông ngồi trên ghế xếp đọc báo. Rồi họ nhìn thấy cô ta giữa các ống khói, cách chừng năm mươi mét. Cô nằm úp mặt trên cái mền nâu. Họ có thể nhìn thấy phần trên của người cô; tóc đen, lưng rắn chắc đỏ hồng, tay dang rộng.

“Cô ta trần như nhộng” - Stanley nói giọng bực bội.

Harry, người lớn tuổi nhất, khoảng bốn mươi lăm nói: “Trông đúng thế thật”.

Tom trẻ, mươi bảy tuổi, không nói gì nhưng trong hán đầy háo hức và cười toe toét.

Stanley nói: “Ai đáy nê bảo cho cô ta biết nếu cô ta không nhìn thấy”.

“Cô ta nghĩ không ai nhìn thấy”, Tom nói và nghênh cỗ cao hết cỡ để nhìn rõ hơn.

Lúc ấy người đàn bà, vẫn nằm sõng soài, nắm hai đầu chiếc khăn choàng vắt chéo qua lưng buộc lại rồi ngồi dậy. Cô buộc chiếc khăn đỏ quanh ngực và vận chiếc quần lót đỏ bikini ngắn cùn cõn. Trong ngày nắng đầu tiên, da cô trắng, ửng đỏ. Cô ngồi hút thuốc, không ngược nhìn khi Stanley buông tiếng hú dài theo kiểu sói. Harry nói: “Trò vật chỉ mua vui cho những tâm hồn thiển cận” trong lúc đang bước lùi trở lại chỗ sửa chữa trên mái nhưng đường ống vẫn bỏng rát. Harry nói: “Đợi đây, tao sẽ đi kiếm cái gì đó che mát” rồi biến mất khỏi khung cửa sổ trên mái, vào tòa nhà. Lúc này khi anh ta đã đi, Stanley và Tom lần ra điểm gần nhất để có thể quan sát rõ người đàn bà. Cô đã chuyển người và tất cả những gì họ có thể nhìn thấy là đôi chân hồng dang rộng trên mền. Họ huýt sáo và hét nhưng đôi chân kia vẫn không nhúc nhích. Harry quay lại với cái mền và quát: “Thôi nào, đi làm đi”. Anh ta cầu kỉnh bảo họ. Họ lóng ngóng quay lại và anh ta nói với Stanley: “Vợ mày thì sao?” Stanley vừa mới lấy vợ, khoảng chừng ba tháng. Stanley đáp với vẻ chế giễu: “Vợ tôi thì đã sao”. - Để bảo vệ sự không liên quan gì của gã. Tom chẳng nói gì nhưng tâm trí hán đầy áp thân hình gần như loã lồ của người đàn bà. Harry tung cái mền mượn của người phụ nữ tốt bụng ở tầng dưới từ cây ăngten tivi đến dây chụp ống khói. Bóng mát phủ lên chỗ máng nước họ phải thay thế. Nhưng bóng mát cứ di chuyển dần, họ phải điều chỉnh cái mền nên công việc chẳng tiến triển nhiều. Cuối cùng hơi nóng cũng dịu bớt trên mái, họ làm nhanh để bù lại khoảng thời gian bị mất. Thoạt tiên là

Stanley rồi Tom đi đến dầm cuối mái nhà xem người đàn bà. “Cô ta nằm ngủ”, Stanley nói kèm thêm điệu bộ khôi hài khiến Tom cười khúc khích và người lớn tuổi thì mỉm cười với vẻ bao dung. Tom thông báo cô ta không cử động nhưng đây là lời nói dối. Hắn chỉ muốn giữ những gì thấy được cho riêng mình; hắn bắt gặp cô đang vê mép quần lót nhỏ, đỏ xuống cho đến khi chỉ còn lại một mẩu hình tam giác nhỏ xíu. Cô ta nằm ngủ, thân hình lồ lộ lấp lánh ánh dầu xoa.

Sáng hôm sau, ngay khi lên đến nơi, họ tiến lại nhìn. Cô ta đã ở đó, nằm úp mặt, tay dang rộng, tồng ngồng trong chiếc quần lót nhỏ màu đỏ. Qua một đêm, da đẻ cô ta đã ngả màu nâu. Hôm qua cô ta là người đàn bà da trắng - đỏ au, hôm nay cô ta là người đàn bà da nâu. Stanley buông tiếng huýt sao. Cô nhổm đầu dậy, giật mình như thể đang ngủ và nhìn thẳng về phía họ. Mặt trời đang trong mắt cô, cô chớp chớp và nhìn chằm chằm rồi cô lại đặt đầu xuống. Trước thái độ dửng dưng này, cả ba người, Stanley, Tom, và Harry già đồng thanh huýt sáo và la ó. Harry đang làm theo cách chế giễu của hai người trẻ tuổi để trêu họ nhưng anh ta tức giận. Bọn họ đều bức tức bởi điệu bộ phớt lờ hoàn toàn của cô ta với ba người đàn ông đang nhìn cô.

“Đồ chó cái”, Stanley nói.

“Cô ta nên đề nghị bọn ta sang”, Tom nói, cười khẩy.

Harry trán tĩnh và lưu ý Stanley: “Nếu cô ta đã kết hôn thì thằng khomers của cô ta sẽ không thích thế đâu”.

“Lạy Chúa”, Stanley nói với vẻ đạo đức: “nếu vợ tôi nằm phơi thân như thế cho mọi người nhìn, thì tôi sẽ chấn chỉnh cô ta ngay tức khắc”.

“Harry nói, mỉm cười: Làm thế nào mà mày biết được. có lẽ ngay lúc này đây cô ấy cũng đang tắm nắng?”

“Không thể, không thể trên mái nhà chúng tôi”. Sự an toàn của cô vợ đã đặt Stanley vào trạng thái khôi hài dẽ

thương, họ bắt tay vào công việc. Nhưng hôm nay trời nóng hơn hôm qua và đôi lần người này hoặc người kia gợi ý họ nên đề nghị với Matthew, người đốc công, rời khỏi mái nhà cho đến khi sóng nhiệt không còn nữa. Nhưng họ đã không đề nghị. Có công việc để làm trong tầng trệt của chung cư lớn ấy, nhưng trên này họ cảm thấy tự do khi ở vào khoảng không cách biệt với những người bình thường đang chen chúc nhau trên đường phố hay trong những tòa nhà. Hôm ấy có nhiều người nữa lên các mái nhà vào khoảng thời gian giữa ngày. Vài cặp vợ chồng ngồi cạnh nhau trên ghế xếp, chân của cánh đàn bà không mang tất, đǒ hồng; còn đàn ông thì vận áo lót phô đôi vai đǒ ứng.

Người đàn bà kia nằm trên chiếc mền của cô ta, cứ trổ người māi. Cô ta phớt lờ họ, dẫu cho họ có làm bất cứ điều gì. Khi Harry đi lấy thêm mấy cái đinh ốc, Stanley nói: “Đi nào”. Mái nhà của cô ta thuộc về hệ thống mái nhà khác, ngăn cách với chỗ họ bởi mỏm nhô ra những bảy mét. Điều đó có nghĩa cần phải leo trườn từ độ cao này đến độ cao kia men theo rìa tường chấn mái, bám lấy cột ống khói, đôi ủng to của họ cứ trơn tuột nhưng cuối cùng họ cũng đứng được trên cái mái che hình vuông nhỏ nhô ra, nhìn thẳng xuống cô ta, rất gần. Cô ta đang ngồi hút thuốc, đọc sách. Tom nghĩ cô ta trông như thể một bức tranh quảng cáo hay một tờ bìa của tờ tạp chí với bầu trời xanh phía sau và đôi chân duỗi thẳng. Đằng sau cô, một chiếc cần trục đồ sộ làm việc ở tòa nhà mới trên đường Oxford, vung cần trục màu đen theo hình vòng cung lớn qua các mái nhà. Tom tưởng tượng, bản thân hắn đang làm việc trên cần trục ấy, điều chỉnh thay trực, vươn tay nhắc cô ta lên, đưa qua bầu trời rồi thả xuống bên hắn.

Họ huýt sáo. Cô ta ngược nhìn, lạnh lùng và xa cách, rồi tiếp tục đọc. Một lần nữa, họ bực mình. Hay đúng hơn thì chỉ có Stanley. Khuôn mặt nóng bừng bởi mặt trời của gā

cau có thành cơn cuồng nộ khi gã cứ liên tục huýt sáo, cố làm sao cô ta nhìn lên. Tom trẻ không huýt sáo. Hắn đứng bên cạnh Stanley, đầy vẻ kích động, cười nhăn nhó; nhưng hắn lại cảm nhận như thể hắn đang nói với người đàn bà: *Đừng có kết tội tôi với hắn ta vì nụ cười nhăn nhó của tôi là lời xin lỗi.* Tối qua, hắn tràn trọc vì người đàn bà xa lạ trước khi chìm vào giấc ngủ và cô ta đã dịu dàng với hắn. Hắn đang hồi tưởng sự dịu dàng ấy khi dợm chân bởi tiếng hò la, huýt sáo của Stanley và nhìn người đàn bà da nâu khoẻ mạnh đứng dựng ở bên dưới cách chừng một mét và cái khe hở sâu hun hút đến tận con phố ở giữa họ. Tom nghĩ cảnh ấy thật lãng mạn, như thể đang ở trên đỉnh hai ngọn đồi. Nhưng có tiếng quát của Harry rồi họ leo về lại. Nét mặt Stanley hăm hăm lộ vẻ tức giận thực sự. Chàng trai cứ nhìn gã và thầm hỏi tại sao gã ghét người đàn bà kia đến thế bởi vì bây giờ hắn đã yêu cô ta.

Họ trêu đùa nhau một tí với cái mền trong lúc cố thu xếp lấy bóng mát để làm việc nhưng trời lại vẫn cứ nóng, đến gần bốn giờ thì họ mới có thể thực sự làm việc nghiêm túc, rồi cả ba đều kiệt sức. Bây giờ họ đang càu nhau về thời tiết. Stanley rơi vào trạng thái cay cú ngoa ngoắt. Khi họ lại đến, như thường lệ để nhìn người đàn bà trước lúc kết thúc công việc trong ngày, cô ta đang ngủ say, nằm úp mặt, tẩm lưng trần trui trừ một mảnh hình tam giác đỏ thẫm ở mông. “Tôi dứt khoát phải báo cáo cô ta với cảnh sát”, Stanley nói và Harry nói: “Can hệ gì đến mà? Cô ta có làm điều gì tai hại nào?”

“Tôi sẽ cho anh biết nếu cô ta là vợ tôi!”

“Nhưng cô ta không phải, đúng không?” Tom biết rằng Harry, giống hắn, là không thoái mái với phản ứng của Stanley. Đơn giản hắn chỉ là một thanh niên nhạy cảm nhanh nhẹn trong công việc, đùa nhiều và dễ kết bạn.

“Có lẽ ngày mai trời sẽ mát hơn”, Harry nói.

Nhưng điều phỏng đoán lại không đúng, trời nóng hơn và dự báo thời tiết cho hay thời tiết tốt sẽ kéo dài. Ngay khi họ lên mái nhà, Harry bước đến xem người đàn bà có ở đó hay không, Tom biết anh ta làm như thế để ngăn không cho Stanley đến, tránh gây nên bức bối khó chịu. Harry có mấy đứa con đã trưởng thành, một đứa con trai trạc tuổi Tom, bọn trẻ tin tưởng và kính trọng cha.

Harry quay lại nói: "Cô ta không có ở đó".

"Tôi cuộc là lão già của ả đã ra tay" Stanley nói, Harry và Tom nhìn nhau mỉm cười sau lưng anh chàng trẻ tuổi vừa cưới vợ.

Harry gợi ý rằng họ nên chấp nhận làm việc dưới tầng trệt và hôm ấy họ lại ở đó. Nhưng trước khi ngừng tay, Stanley nói: "Chúng ta hãy hít thở ít không khí trong lành" Harry và Tom lại mỉm cười với nhau khi họ theo Stanley leo lên mái. Tom ở trong trạng thái nhiệt tình, tin chắc rằng mình đến đó để bảo vệ người đàn bà khỏi Stanley. Lúc ấy khoảng năm giờ ba mươi, ánh nắng êm dịu trải dài khắp các mái nhà. Chiếc cần trục đồ sộ vẫn vung vẩy cánh trực đèn của nó từ phố Oxford vượt qua đầu họ. Cô ta không có ở đó. Rồi có cái bóng trắng phát phơ phía sau bức tường chắn, cô ta đứng dậy trong chiếc áo khoác mặc ở nhà màu trắng thắt đai quanh hông. Có lẽ cô ta đã ở đó suốt cả ngày, nhưng phía mái nhà khác, tránh cái nhìn của họ. Stanley không huýt sáo; gã chẳng nói chẳng rằng mà chỉ nhìn người đàn bà cúi nhặt sách, báo, thuốc lá rồi gấp cái mền qua cánh tay. Tom đang nghĩ: Nếu họ không có ở đây thì mình sẽ đến và nói... nói gì? Nhưng hắn biết qua những giấc mơ hằng đêm về nàng rằng nàng là người tử tế và thân thiện. Có thể nàng sẽ mời hắn xuống phòng nàng? Có lẽ... Hắn đứng nhìn nàng mất hút sau cánh cửa trổ lên mái nhà. Khi cô ta đi, Stanley cất tiếng hét chê nhạo the thé, cô ta giật mình và như thế suýt ngã. Cô ta phải vén để giữ thăng

bằng, họ có thể nghe tiếng đồ vật rơi. Cô ta nhìn thẳng về phía họ, giận dữ. Harry nói đùa: "Cẩn thận với những bậc thang trơn ấy, cưng". Tom biết anh ta nói như thế để giải thoát cô ta khỏi Stanley nhưng cô ta không hiểu. Cô ta cau có biến mất. Hồn Tom ngập tràn cảm giác hài lòng bí mật, bởi hắn biết cô ta chỉ giận những người kia chứ không giận hắn.

"Mưa một tí đi chứ," Stanley nói, cay đắng nhìn lên bầu trời chiều xanh thăm.

Hôm sau, trời không mây, họ quyết định hoàn thành công việc trong tầng trệt. Họ cảm thấy như thể bị loại trừ - nhốt kín trong tầng trệt trát xi măng xám, sửa đường ống - khỏi bầu không khí nghỉ ngơi của London trong một ngày nóng bức. Vào giờ ăn trưa, họ leo lên trên để hít thở không khí, nhưng trong khi những đôi vợ chồng, những người đàn bà mặc sơmi trần hay áo lót ở đó thì lại không thấy cô ta đâu kể cả bên phía mái nơi cô thường nằm hoặc nơi cô xuất hiện hôm qua. Cả bọn, kể cả Harry, leo lên nhô đầu giữa các chụp ống khỏi nhìn qua các bức tường ngăn, chì nóng châm bỗng rát các ngón tay họ. Không có bất kỳ dấu hiệu nào của cô ta. Họ cởi sơmi, áo lót, phô ngực trần và cảm thấy bàn chân đẫm mồ hôi, bỗng rát. Họ không nhắc đến người đàn bà ấy. Nhưng Tom lại cảm thấy cô đơn. Tôi qua nàng đã mời hắn vào phòng: Căn phòng lớn, trải thảm trắng và cái giường có tấm ván dầu giường bọc da trắng có đệm lót. Nàng mặc bộ đồ trong nhà mỏng màu đen và vẻ ân cần của nàng đã khiến cổ họng hắn nghẹn ngào khi hồi tưởng lại. Hắn cảm thấy nàng đã bội bạc với hắn khi không ở đó.

Và lần nữa, sau khi kết thúc công việc, họ leo lên, nhưng chẳng thấy bóng dáng cô nàng đâu cả. Stanley cứ nhắc đi nhắc lại rằng nếu ngày mai trời vẫn nóng như thế này thì mặc xác, gã sẽ không đi làm. Nhưng cả bọn đều có mặt vào hôm sau. Vào lúc mười giờ, nhiệt độ khoảng chừng  $32^{\circ}\text{C}$  và gần

trưa nhiệt độ lên đến 36°C. Harry đến gặp đốc công báo là không thể làm việc trên mái nhà lợp tôle chì vào cái nóng ấy; nhưng đốc công báo không còn việc nào khác để bố trí và họ cứ phải làm. Khoảng trưa, họ đứng im lặng nhìn cánh cửa trổ lên mái bên dãy nhà cô ta mở ra, rồi cô từ từ nhô lên trong bộ váy trắng dài, ôm theo bó mền. Cô nghiêm nghị nhìn họ rồi đi đến chỗ mái được che khuất. Tom hài lòng. Hắn cảm thấy cô gần gũi hơn với hắn trong lúc mấy người kia chẳng hiểu gì cô. Họ đã cởi sơmi và áo lót nhưng bây giờ họ mặc lại vì cảm thấy mặt trời làm thâm tím thịt da họ. "Da cô ta chắc phải là da tê giác", Stanley nói lúc kéo áo tới bụng và lẩm bẩm chửi thề. Họ ngừng làm việc ngồi trong bóng mát đang di chuyển quanh đám ống khói. Một người đàn bà bước ra tưới nước cho bồn hoa dưới cửa sổ đối diện với họ. Bà ta đã đứng tuối, mặc bộ đồ mùa hè bằng vải hoa. Stanley nói với bà ta: "Chúng ta cần nước hơn chúng đấy". Bà ta mỉm cười và nói: "Tốt hơn là hãy xuống nhanh quán rượu, nó sắp đóng cửa rồi đó". Họ vui vẻ chuyện trò rồi bà ta vẫy tay và mỉm cười tạm biệt họ.

"Không giống Lady Godiva"<sup>(1)</sup> - Stanley nói. "Cô ta có thể ban tặng bọn ta một mẩu chuyện phiếm và một nụ cười".

"Thì anh đừng huýt sáo ghẹo cô ta", Tom nói với vẻ trách móc.

"Mày nói nghe hay nhỉ", Stanley nói. "Mày không huýt sáo phỏng?"

Nhưng chàng trai cảm nhận như thể mình đã không huýt sáo, như thể chỉ Stanley và Harry làm việc ấy. Hắn đang lên kế hoạch, khi thời điểm công việc kết thúc, tìm cớ nán lại và bằng cách nào đó tiếp cận người đàn bà. Dự báo thời tiết cho

<sup>(1)</sup> Theo truyền thuyết, Lady Godiva trần truồng cưỡi ngựa đi qua các đường phố Coventry để nỗ lực giành chiến thắng trong việc huỷ bỏ mức thuế quá cao cho người dân thành phố ấy.

hay đợt nắng nóng sắp hết, vậy nên hắn cần phải hành động nhanh. Nhưng hắn vẫn chưa tìm thấy cơ hội thuận lợi. Hai người kia quyết định dừng công việc vào lúc bốn giờ bởi vì họ đã kiệt sức. Khi họ đi xuống, Tom nhanh chóng leo lên bức tường chắn, đu vào ống khói, nhấc người lên cao hơn. Hắn thoáng nhìn thấy cô ta nằm ngửa, đầu gối co cao, mắt nhắm, một người đàn bà sạm da uể oải trong ánh nắng. Hắn trườn người lích kích xuống, khi Stanley nhìn với vẻ dò hỏi. "Cô ta đã xuống rồi" - hắn nói. Hắn cảm thấy như thể mình đã bảo vệ được nàng khỏi Stanley và chắc nàng phải biết ơn mình. Hắn có thể cảm nhận được sự ràng buộc giữa người đàn bà ấy và bản thân hắn.

Hôm sau, họ đứng quanh quẩn đầu cầu thang bên dưới mái nhà, miễn cưỡng khi phải leo lên phô mình trong bầu không khí nóng bức. Người đàn bà, cho Harry mượn mền bước ra và mời họ vào nhà uống trà. Họ vui vẻ nhận lời và ngồi nán lại trong bếp của cô Pritchett chừng một tiếng để tán chuyện. Cô ta là vợ của một phi công. Cô có mái tóc vàng, chừng ba mươi tuổi và vui vẻ bắt chuyện với anh chàng Stanley có khuôn mặt đẹp trai; hai người trêu đùa nhau trong lúc Harry ngồi trong góc, nhìn với vẻ mặt cảm thông, nhưng cung cách của anh ta thì lại lưu ý cho Stanley biết rằng gã đã có vợ. Còn Tom trẻ thì cảm thấy ghen với cung cách đùa giỡn thoải mái của Stanley, song cũng cảm thấy việc thiện thiện giữa Stanley và cô Pritchett đã để tình cảm lâng mạn của hắn với người đàn bà trên mái nhà an toàn và nguyên vẹn.

"Tôi nhớ người ta bảo đợt nắng này sắp hết", Stanley nói, cau có, khi đã đến lúc họ phải leo ra ngoài trời nắng.

"Anh không thích vậy sao?" - Cô Pritchett hỏi.

"Thích hợp với một người". Stanley nói, "chẳng có việc gì để làm ngoại trừ nằm vật vờ như thế là bãi biển ở trên ấy. Cô đã bao giờ lên trên ấy chưa?"

"Chỉ lên có một lần" - cô Pritchett nói. "Nhưng trên ấy bẩn lấm và lại nóng nữa."

"Đúng vậy thật" - Stanley nói. Lát sau họ leo lên, rời căn phòng bé nhỏ, gọn gàng, mát mẻ và cô Pritchett tốt bụng.

Lúc vừa lên đến nơi, họ trông thấy cô ta. Cả ba người nhìn cô ta, cáu tiết vì sự thoái mái của cô dưới cái nóng bức oi nồng. Lát sau Harry nói, bởi những dấu hiệu trên nét mặt Stanley: "Đi thôi, chí ít thì bọn ta cũng phải giả vờ như đang làm việc".

Họ phải vặn mở một đoạn ống dài khác chạy dọc theo bức tường chấn ra khỏi chỗ nối để có thể thay ống khác vào. Stanley dùng tay cầm ống kéo, chửi thề rồi đứng dậy. "Mẹ kiếp", gã nói và ngồi xuống bên dưới ống khói. Gã châm điếu thuốc. "Mẹ chúng mày" - gã nói. "Họ nghĩ bọn ta là gì cơ chứ, thằn lằn chắc? Tay ta phồng rộp hết cả lên rồi". Lát sau gã nhảy bật dậy, leo vượt qua các mái nhà rồi đứng quay lưng về phía họ. Gã đút tay vào miệng buông tiếng huýt sáo lanh lảnh. Tom và Harry ngồi xổm, không nhìn nhau mà theo dõi gã. Họ chỉ có thể nhìn thấy đầu người đàn bà và bờ vai nâu của cô ta. Stanley lại huýt sáo. Tiếp đó, gã bắt đầu giậm chân, huýt sáo, la lối và gào thét vào người đàn bà, mặt gã đổi sang màu đỏ au. Gã như thể đã phát khùng, gã cứ giậm chân huýt sáo trong lúc người đàn bà ngồi yên không nhúc nhích đâu chỉ là một bắp cơ.

"Đồ điên" - Tom nói.

"Đúng" - Harry nói, bất bình.

Bỗng nhiên người lớn tuổi đưa ra quyết định. Tom biết việc ấy nhằm tránh gây ầm ĩ hay rắc rối thực sự với người đàn bà. Harry đứng dậy và bắt đầu nhặt dụng cụ cho vào miệng vải dầu dài. "Stanley" - anh ta nói với vẻ ra lệnh. Thoạt tiên Stanley phớt lờ, nhưng Harry nói: "Stanley, chúng ta đừng làm nữa, tôi sẽ bảo Matthew".

Stanley quay lại, má lấm tẩm mồ hôi, mắt nhìn trừng trừng giận dữ.

"Không thể tiếp tục như thế này được" - Harry nói. "Thời tiết sẽ chuyển trong vòng một hai hôm nữa. Tôi sẽ bảo Matthew bọn ta say nắng và nếu ông ta không chấp nhận thì thật là quá quắt". Tom để ý thấy giọng Harry nói nghe buồn buồn. Con người nhiều kinh nghiệm, nhỏ con, con người có gia đình với mái tóc điểm bạc, người chưa bao giờ tỏ ra bối rối thì giờ đây giọng nói đã lộ vẻ mất bình tĩnh. "Đi thôi" - anh ta nói, giận dữ. Anh bước đến cánh cửa vuông trổ lên mái, bước xuống, mắt dõi nhìn theo từng bậc thang. Stanley xuống theo, không hề liếc nhìn người đàn bà. Rồi đến Tom, cổ họng giòn giật, vì hồi hộp, nhìn lại và thầm hứa: Hãy đợi tôi, hãy đợi tôi, tôi sẽ đến.

Ra đến lề đường, Stanley nói: "Tôi sẽ về nhà". Lúc này trông gã nhợt nhạt như thể bị say nắng thực sự. Harry đi tìm đốc công đang làm ở chõ ống nước của mấy căn hộ dưới phố. Tom lén lại nhưng không vào tòa nhà họ đang làm việc mà vào tòa nhà có người đàn bà nằm trên mái: Hắn đi thẳng lên, không có ai ngăn lại. Cánh cửa trổ lên mái nhà đang mở, một cái thang sắt dẫn lên. Hắn xuất hiện trên mái chỉ cách cô ta vài mét. Cô ta ngồi dậy, hất ngược mái tóc đen ra sau bằng cả hai tay. Chiếc khăn trên ngực cô ta được buộc chặt làm chõ thịt da nâu rám phồng ra xung quanh khăn. Chân cô ta rám nâu và mịn màng. Cô ta im lặng nhìn hắn chầm chằm. Chàng trai đứng cười nhăn nhở, ngu ngốc, thỉnh cầu sự dịu dàng mà hắn mong đợi ở cô ta.

"Anh muốn gì?" - cô ta hỏi.

"Tôi... tôi đến để... kết bạn với cô" - hắn nói lắp bắp, ngờ nghênh cười với vẻ cầu cạnh.

Họ nhìn nhau, chàng trai bồn chồn, khuôn mặt hơi ửng đỏ và người đàn bà nghiêm nghị, gần như trần truồng.

Giây lát, chẳng nói lời nào, cô ta nằm xuống cái mền nâu, phớt lờ hắn.

"Cô thích nắng trời, đúng không?" - hắn hỏi cái lưng bóng dầu của cô ta.

Không một lời đáp lại. Hắn cảm thấy hoảng sợ, khi nghĩ về cách nàng ôm hắn trong vòng tay, vuốt ve tóc hắn, đưa cho hắn, tạo chỗ ngồi uy nghi như một quý ông trên giường nàng, một cốc rượu làm phấn chấn tâm hồn mà hắn chưa bao giờ được nếm trong đời. Hắn nghĩ rằng nếu hắn quỳ gối, vuốt ve bờ vai nàng, tóc nàng sẽ quay lại ẩn riết hắn vào lòng.

Hắn nói: "Nắng trời tốt đối với cô, đúng không?"

Cô ta ngóc đầu dậy, tì cầm vào hai nắm tay nhỏ. "Cút đi" - cô ta nói. Hắn không nhúc nhích. "Nghe này" - cô ta nói, bằng giọng trầm phù hợp với cơn giận đã được kiềm chế nhưng phải khó khăn lắm; nhìn thẳng mặt hắn, gương mặt cô ta lộ vẻ giận dữ: "Nếu anh muốn đến nhìn đàn bà mặc bikini thì tại sao không bỏ ra sáu xu đi xe buýt đến bể tắm Lido? Anh sẽ nhìn thấy hàng tá mà chẳng cần phải leo lên mái nhà cao vọi này".

Nàng đã không hiểu hắn. Hắn cảm thấy sự bất công của nàng làm hắn nhợt nhạt. Hắn lắp bắp: "Nhưng tôi thích cô, tôi đã quan sát cô và..."

"Cám ơn" - cô ta nói rồi úp mặt xuống, quay khỏi hắn.

Cô ta nằm yên. Hắn đứng yên. Cô ta không nói. Đơn giản cô ta không bận tâm đến hắn. Hắn đứng câm như hến trong vài phút. Hắn nghĩ: Nàng sẽ phải nói điều gì đó nếu mình ở lại. Nhưng đã nhiều phút trôi qua mà chẳng có chút dấu hiệu nào của điều đó từ cô ta, ngoại trừ vẻ căng thẳng của cái lưng, đùi và cánh tay cô ta - sự căng thẳng của việc chờ đợi hắn bỏ đi.

Hắn ngược nhìn bầu trời, nơi đường như mặt trời xoay quanh trong bầu không khí nóng bức rồi nhìn qua mái nhà nơi hắn cùng các bạn đã đứng ban nãy. Hắn có thể nhìn thấy làn

sóng nhiệt run rẩy nơi họ đã làm việc. Và họ muốn bọn ta làm việc trong điều kiện như vậy đó! Hắn nghĩ, ngập tràn sự phẫn nộ chính đáng. Người đàn bà không cử động. Làn gió nóng vờn nhẹ mái tóc đen của cô ta, mái tóc sáng lên óng ánh. Hắn nhớ lại cảm giác khi vuốt ve mái tóc ấy vào đêm qua.

Cuối cùng cơn phẫn uất của nàng đã đưa hắn xuống cầu thang, qua tòa nhà, ra phố. Vậy thì hắn phải uống say bởi căm thù nàng.

Hôm sau, khi hắn thức giấc, bầu trời đã ngả sang màu xám. Hắn nhìn làn mưa xám ẩm ấy và nghĩ ác răng: Nay, bây giờ việc ấy đã trả thù cho mày đó, đúng không. Trời đã chơi đẹp và xử sự đúng đắn vì mày.

Ba người đàn ông làm việc sớm trên mái nhà lợp chì mát mẻ, xung quanh là những mái nhà dầm mưa phùn; chẳng có ma nào ló lên sưởi nắng; những tấm lợp đen, trơn tuột bởi nước mưa. Bây giờ, bởi trời mát mẻ, nếu làm nhanh họ có thể kết thúc công việc trong ngày hôm ấy.

LÊ HUY BẮC *dịch*

## LOẠI MỘT NGƯỜI TÌNH KHỎI DANH SÁCH NGẮN

*M*ấy năm trước, lần đầu gặp Barbara Coles, hắn chỉ lưu ý đến nàng bởi ai đó nói: "Đấy là cô nàng mới của Johnson". Chắc chắn khi ấy hắn đã không sử dụng kiểu nói đậm đặc riêng của hắn: *Ù, thi ấy*. Nhưng hắn lại thầm

hỏi, Johnson tìm được gì ở nàng. "Cô ta sẽ không tồn tại lâu đâu", hắn nhớ ý tưởng ấy khi quan sát Johnson, một gã đẹp trai nhưng hơi đỏ mặt vì rượu, đang ve vãn một cô gái lạ trong lúc Barbara đứng nhìn bên bức tường. Hắn nghĩ nàng có vẻ khó chịu.

Nàng xanh xao, không được thon thả lấm bẩn vóc người hơi đây, nhưng phong cách nàng vẫn tạo nên sự quyến rũ. Mái tóc vàng, thẳng, rõ ngôi lệch một bên, hơi luộm thuộm trong suy nghĩ của hắn. Hắn không để ý y phục nàng. Nhưng mắt nàng thì hắn nhớ: mỏ to, xanh biếc, gợi cảm bởi nét tình tứ mơ hồ ánh lên nơi khoé mắt. Đôi mắt xanh màu ngọc lục bảo trên khuôn mặt của một cô nữ sinh, hoặc một giáo viên trẻ đang nhìn người yêu của mình tán tỉnh kẻ khác hắn rồi sẽ hờn dỗi về điều đó.

Tên nàng thỉnh thoảng xuất hiện trên báo. Nàng trang trí sân khấu, một người thiết kế hay một nghề đại loại gì đấy trong lãnh vực này.

Khi tờ báo *Sunday* mở cuộc thi thiết kế sân khấu, nàng đoạt giải. Barbara Coles là một trong những "tên tuổi" của nhà hát, ảnh của nàng được trưng bày. Trông nàng rất nghiêm túc. Hắn nhớ là đã nghĩ về vẻ hờn dỗi của nàng.

Tối nọ, tại một bữa tiệc, hắn thấy nàng đi qua phòng. Nàng đang nói chuyện với một nghệ sĩ nổi tiếng. Mái tóc vàng của nàng vẫn lệch một bên nhưng bây giờ trông đã gọn gàng. Nàng đeo chiếc nhẫn ngọc ở tay phải, chiếc nhẫn dường như đã có chủ ý mòi mọc so sánh với màu mắt nàng. Hắn bước lại, nói: "Tôi là Graham Spence, chúng ta đã từng gặp nhau". Hắn nói với vẻ lúng túng vì đã ngắt lời họ. "Xin lỗi, tôi không nhớ, nhưng xin chào anh", nàng nói, mỉm cười. Và tiếp tục cuộc đối thoại của mình.

Hắn bám theo một lát, nhưng nàng vội bỏ đi với nhóm người nàng mời đến nhà dùng trà. Nàng không mời Graham.

Ở nàng toát lên vẻ tự tin, bất cẩn mà hắn nhận thấy như là dấu hiệu của thành công. Ngay lúc ấy, nhìn nàng cười vang trong lúc bỏ đi cùng nhóm bạn, hắn dùng lối nói: "*U, thi ấy*". Rồi hắn về nhà với vợ trong tâm trạng vui vẻ như thể cuộc hẹn giữa hắn và Barbara đã được thu xếp.

Cuộc sống gia đình của hắn kéo dài hai mươi năm nay. Thoạt tiên có cãi cọ, khổ đau, bi kịch - đầy bất đồng, phản bội và tái hợp ngọt ngào. Phải mất đến mươi năm thì hắn mới nhận ra rằng hôn nhân của hắn thật chẳng ra gì, kiểu hôn nhân mà hắn đã trải qua trong ý nghĩ và cảm giác đầy kinh ngạc. Trái lại, hôn nhân của hầu hết những người hắn quen, đều cho họ có thay đổi một, hai hoặc ba lần thì cũng y như cũ. Tình cảm của hắn đã thực sự thay đổi, thậm chí hắn còn yêu say đắm một cô gái và vì quyền lợi của cô ta hắn suýt li dị vợ - nhưng vào phút cuối, hắn thay đổi ý định, bỏ rơi cô để lương tâm hắn (không phải không hài lòng) luôn cắn rứt vì cô. Hành vi nhục nhã đó đã giúp hắn hiểu ra rằng vở kịch ấy chẳng là gì so với điều duy nhất hắn tưởng tượng. Chẳng có gì hơn kinh nghiệm của bất kì ai ở vào hoàn cảnh hắn. Và cũng có lẽ ở vào hoàn cảnh của bất kì một ai khác?

Dẫu sao, trong suốt mươi năm sống cuộc sống gia đình hắn đã hiểu ra rất nhiều điều, cuộc đời hắn nảy sinh một kiểu phiêu lưu tình cảm kì lạ, và cuộc sống gia đình cũng đã thay đổi.

Vợ hắn kết hôn với một gã nghèo kiết xác có cái tiền đồ rực rỡ là nhà văn. Sự hy sinh đã xuất hiện, chủ yếu là từ nàng cho cái tương lai ấy. Chẳng phải hắn không nhận thức được điều đó hay vong ân, bạc nghĩa, thực tế hắn cảm thấy luôn mang tội lỗi về chuyện ấy. Cuối cùng thì hắn cũng đã xuất bản một cuốn sách thành công hậu hĩnh, nhưng đến cuốn thứ hai bây giờ, thì lạy Chúa, chẳng một ai nhớ nổi. Hắn chuyển sang truyền thanh, truyền hình và bình luận sách.

Hắn hiểu hắn sẽ không làm việc đó; cái công việc mà hắn làm - không phải là người viết văn thuê, chẳng ai có thể gọi hắn như thế - là trở thành thành viên của một nhóm sống bằng sự khôn ngoan của mình bên rìa nghệ thuật. Khoảnh khắc bừng ngộ là khi hắn ngồi trong quán rượu vào giờ ăn trưa bên cạnh đài BBC, nơi hắn thường tạt vào để gặp những người giống hắn: hắn hiểu đấy là lí do mà hắn tìm đến - họ giống hắn. Chỉ đến khi cuộc sống gia đình đầy kịch tính suốt muốt ấy hoá ra là giống với mọi nhà khác - chỉ khác là được chia sẻ với một người đàn bà thay vì là hai hay ba - thì cũng hoá ra rằng tài năng độc đáo của hắn, sự phấn đấu trở thành nhà văn đã đưa hắn đến đó, đến quán rượu này và cả nửa tá quán rượu tương tự, nơi tất cả đàn ông trong đó đều có cùng một lịch sử. Bọn họ tất cả đều có tiểu thuyết, kịch, thơ thời hoàng kim dành cho tài năng họ. Nhưng ở đây, họ chạy theo những chương trình truyền hình mà họ xem thường (lẫn nhau hoặc với vợ) hoặc viết những bài bình luận về sách của những kẻ khác. Đúng, đấy là việc hắn làm, một ông bầu cho tài năng của những kẻ khác. Hai khoảnh khắc thấu rõ về hôn nhân và tài năng hắn lại trùng khít lên nhau; và (chắc không phải tình cờ) cũng trùng với quyết định từ bỏ hắn của cô vợ để theo một anh chàng trẻ hơn hắn, có triển vọng, theo cô ta, là một kịch tác gia. Chà, hắn phải nói cho cô ta từ bỏ ý định ấy. Về phần cô, cô phải hiểu rằng hắn sẽ không trở thành T.S. Eliot hay Graham Green của thời nay - nhưng thử tính xem, có bao nhiêu người như thế? Cuối cùng cô cũng phải hiểu điều đó vì hắn chẳng thể nào chịu đựng nổi sự cay đắng của cô thêm chút nào nữa. Về phần mình, hắn cũng phải từ bỏ việc say khật khùng, mò về nhà vào khoảng năm giờ sáng và bắt đầu câu chuyện lâng mạn mới, cứ sáu tháng một lần và thực hiện nghiêm túc đến mức khiến cô khổ sở bởi những khuyết điểm tiềm ẩn của cô. Tóm lại hắn sẽ là một người chồng tốt (hắn đã

luôn là người cha có trách nhiệm). Và cô là người vợ ngoan. Và thế là: cuộc sống gia đình trở nên bền vững, như cách người ta nói.

Cái công thức: *Ư, thị ấy*, từ lâu đã không hàm chứa nhu cầu quan hệ tình dục. Trong cách dùng sau này, nó nghiêng về phía những điều mà hắn cảm thấy xấu hổ. Mặt khác, nó diễn tả khía cạnh khôi hài trước phẩm chất, tài năng thật sự và năng khiếu của hắn, hoá ra là chúng chẳng liên quan gì đến nghệ thuật, nhưng lại gắn liền với đời sống cảm xúc và kinh nghiệm khó đạt đến. Nó diễn tả một lối sống đồi bại, một bằng chứng đâu chỉ riêng với hắn: bản thân ta có thể trung thực, nhưng nếu cần, ta sẽ kiểm được ả tốt nhất trong đám ấy bất cứ khi nào ta muốn.

Hắn theo dõi phạm vi dành cho những phụ nữ nổi tiếng trong nghệ thuật hoặc trong chính trường; săn lùng ảnh, lắng nghe những mẩu chuyện ngôi lê đôi mách. Hắn lên kế hoạch xem họ làm việc, khiêu vũ hay diễn thuyết khoa trương. Hắn xây dựng lên hình ảnh không phải là không khôn ngoan của họ. Hắn hoặc âm thầm kéo sợi dây cơ hội để gặp cô ta, hoặc - thường xuyên hơn, vì đã mang đặc điểm hài lòng khi chờ đợi của một con bạc - bỏ bẵng đi cho đến khi gặp cô ta trong trường hợp hết sức tự nhiên mà chẳng chóng thì chày cũng sẽ xảy ra. Hắn hẳn được thu xếp công khai gặp nàng đôi lần bởi công việc của hắn là phải làm vui lòng những người nổi tiếng, cả nam lẫn nữ. Vợ hắn luôn biết, hắn kể với cô. Hắn hẳn có quan hệ gần gũi nhanh chóng với người đàn bà này, nhưng thường xuyên hơn đấy không phải là quan hệ hình thức. Không phải hắn không thấy hài lòng khi những người khác ghen tị với hắn - hắn sẽ lên kế hoạch, chẳng hạn như, đưa người đàn bà này đến những quán rượu đồng nghiệp nam của hắn thường đến. Cảm giác hài lòng thực sự của hắn đến khi hắn thấy sự ngạc nhiên của nàng hiện lên khi biết hắn hiểu rõ

nàng đến chừng nào. Hắn khoái trá trước không khí hắn có thể tạo dựng giữa một phụ nữ thông minh và bản thân hắn: một sự phức tạp khôi hài chứa chất nhiều điều không thể nói và như thế thì việc làm tình chẳng có liên quan gì đến.

Trong danh sách những phụ nữ hắn dự định quan hệ như thế, có Barbara Coles. Chẳng cần vội vã. Tuần tới, tháng tới, năm tới họ sẽ gặp nhau tại một bữa tiệc. Thế giới của những người nổi tiếng ở London thì nhỏ bé. Các loại cá lớn cá bé lớn vớn, chạm mũi nhau, giương vi tán tỉnh rồi lại lẩn tránh nhau. Khi hắn dụng phải Barbara Coles thì đấy sẽ là lúc hắn quyết định có ngủ với nàng hay không.

Trong thời gian ấy, hắn nghe ngóng. Nhưng hắn chẳng khám phá được gì nhiều. Nàng đã có chồng, con, nhưng gã chồng dường như mờ nhạt. Bọn trẻ dễ thương và được nuôi dạy tốt giống như trẻ con của các nhà khác. Nàng cũng từng quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, họ nói; nhưng nhiều người hắn gặp đều nói tốt về nàng, thật khó có thể biết được họ đã ngủ với nàng hay chưa bởi chẳng một ai khoác lác trực tiếp về nàng. Nàng được nhắc đến trong lãnh vực bè bạn, công việc, nhà cửa, tiệc tùng nàng tổ chức và công việc nàng tìm hộ cho ai đó. Nàng được hâm mộ, kính trọng và thói kiêu hãnh của Graham Spence được tâng lên bởi hắn đã chọn nàng. Hắn chờ đợi để nói bằng kiểu giọng rề rà: "Barbara Coles hỏi tôi nghĩ gì về cảnh đó và tôi trả lời cô ấy khá thẳng thắn..."

Rồi tình cờ hắn gặp được gã trai trẻ khoác lác về Barbara Coles; gã tuyên bố là đã yêu đương ra trò với nàng, gần đây thói và gã nói như thế chuyện ấy thì ai cũng biết cả. Graham nhận ra trong tâm trí mình nỗi ao ước được gần gũi với nàng lớn biết nhường nào, bởi lúc này hắn đang rối bời bởi cung cách của gã oắt con Jack Kennaway kia. Mới đây gã đã thành công ở cương vị biên tập viên cho một tờ tạp chí - một trong số những gã trai tơ ấy, không hiếm như người ta giả dụ ở những

thành phố lớn đã gặt hái thành công bằng sự thô lỗ và tính vô liêm sỉ trắng trợn. Chẳng có bao tài năng hoặc lịch thiệp nhưng khả năng mặt dày mày dạn của gã lại có sức lôi cuốn. "Đúng, tôi nhất định sẽ thành công, bởi tôi đã quyết định như thế; đúng, tôi có thể ngốc, nhưng không ngốc đến nỗi không biết những khiếm khuyết của mình. Đúng, tôi sắp thành công bởi những người như anh lại sống quên tú, vân vân, đơn giản là không tin vào khả năng của những kẻ như tôi. Các anh quá hèn nhát để có thể ngăn cản tôi. Đúng, tôi chấp nhận chuẩn mực của anh và tôi sẽ thành công bởi tôi can đảm, không những vô đạo đức mà còn thẳng thắn hoàn toàn trước nó. Thêm nữa, anh đừng mờ tôi, chắc thế, nếu không thì anh đã cản tôi rồi..." Chà, cái gã oắt con Jack Kennaway này, gã làm Graham choáng váng. Gã nói năng liền thoáng, cao, đẹp trai, bí ẩn và rõ ràng gã hoặc là người lãnh cảm hoặc là người đồng tính luyến ái. Gã huyên thuyên về ân huệ của Barbara Coles; thực sự là bốc lên trời về tình yêu của nàng. Hoặc giả nàng loạn thần kinh nói năng làm nhảm theo sở thích của người tâm thần; hoặc giả Jack Kennaway là kẻ nói dối trắng trợn nhất; hoặc là nàng đã ngủ với bất kì ai. Graham nổi cơn tò mò. Hắn đưa Jack Kennaway đi ăn tối cốt để nghe gã nói về Barbara Coles. Chẳng còn nghi ngờ gì về việc hai người này rất thân nhau - tất cả những bữa tối, nhà hát, kì nghỉ cuối tuần ở miền quê - Graham Spence cảm tưởng như hắn đã đặt được tay lên ví của Barbara Coles; và việc hắn phải đợi để gặp nàng thì không thể nào chịu được nổi nữa; hắn quyết định thu xếp để gặp gỡ.

Việc đó hoá ra là không cần thiết. Nàng lại xuất hiện trên báo với một loạt may mắn. Nàng đã thiết kế thành công một vở kịch lịch sử, và ngay sau đó là một vở kịch hiện đại rồi tiếp theo là vở kịch ca vũ. Trong cả ba vở, cách bài trí gây ấn tượng lớn. Graham đọc mấy bài phỏng vấn trên báo và

trên tivi. Tất cả đều xoay quanh chủ đề khả năng giải quyết dễ dàng của nàng với nhiều kiểu sân khấu khác nhau; nhưng dĩ nhiên, trọng tâm điểm là ở chỗ người thiết kế là phụ nữ, điều này dễ dàng tăng thêm sức hấp dẫn cho vấn đề. Còn bây giờ Graham Spence được cử đến gấp nàng để thực hiện bài phỏng vấn truyền thanh nửa tiếng. Hắn vạch ra những câu hỏi để hỏi nàng về sự quan tâm, suy nghĩ trước những gì người ta đã phát biểu về nàng, kèm thêm vào đó là bản năng và kinh nghiệm của hắn đối với phụ nữ. Cuộc phỏng vấn sẽ bắt đầu vào lúc chín rưỡi tối; hắn sẽ đón nàng vào lúc sáu giờ tại nhà hát nơi làm việc thường xuyên của nàng, để còn có thời gian, như bức thư từ đài BBC viết, "để anh và cô Coles tìm hiểu nhau".

Vào lúc sáu giờ, hắn đến cửa sân khấu, nhưng cô Coles gởi mẫu nhẫn tin báo là cô chưa sẵn sàng, xin đợi một lát. Hắn đi loanh quanh rồi đến quán rượu đối diện uống nhanh một ly nhưng vẫn chưa thấy cô Coles. Vậy nên hắn vòng ra phía sau sân khấu vọng tiếng người, tiếng búa và tiếng cười. Ánh sáng tối nên nhóm người đang làm việc không nhìn thấy hắn. Giám đốc, James Poynter, khoác vai Barbara. Anh ta mới nổi, trẻ, đẹp, hào hoa, nổi tiếng về sự thông minh. Barbara khoác chiếc áo choàng màu xanh đậm, mái tóc phảng xoã xuống trán nên nàng đưa bàn tay đeo nhẫn hất giữ ngược lên. Hai người đứng bên nhau, rất gần. Ba chàng trai trẻ, nhân viên trang hoàng sân khấu, đứng dằng kia bức, nơi mấy bức minh họa đang được kéo lên. Họ đang xem xét mấy bức họa đó. Barbara nói bằng giọng ấm áp, truyền cảm: "Này, tôi nghĩ thế nếu chúng ta đặt ở đây - anh thấy được chứ, Jame? Anh nghĩ thế nào, Steven?" "Ô, tuyệt", chàng trai nàng gọi là Steven đáp. "Tôi hiểu ý chị, nhưng tôi phân vân nếu..." "Tôi nghĩ là em đúng đó, Babs", giám đốc nói. "Nhìn này", Barbara nói, khi giữ một bức họa trước mặt Steven.

"Nhìn này, tôi chỉ cho anh xem". Cả năm người cùng cúi nhìn, miệt mài với công việc.

Bỗng nhiên Graham không thể nào chịu đựng nổi cảnh đó. Hắn biết hắn chấn động tận đáy lòng. Hắn rời sân khấu, đứng tựa lưng vào bức tường của lối đi dơ bẩn dẫn vào phòng thay đồ. Mắt hắn ngập đầy nước mắt. Hắn đang thấy những hình ảnh tự xa xưa thuở hắn ra đời từ thế giới thù hằn, sự điên rồ của cái tôi tuổi trẻ, cứng nhắc đầy ngưỡng mộ mà hắn từng nếm trải từ năm hai mươi tuổi. Nhóm người ấy - làm việc, trêu đùa, tranh luận, phải, đấy là tất cả những gì hắn đã không biết suốt nhiều năm nay. Điều làm họ trong sáng là tinh thần dân chủ trong thái độ tôn trọng công việc của nhau, tin tưởng người khác. Trong họ giống như những người kết thành nhóm và cùng chống lại một thế giới mà họ - không, không phải xem thường, nhưng đã cảm nhận, thấu hiểu là sẽ chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng, không quan tâm đến việc họ ủng hộ ai hay cái thế giới ấy ủng hộ ai. Hắn thấu hiểu một phần của sự cảm bằng ấy đã lâu lắm rồi. Và hắn biết hắn đã nhìn thấy Barbara Coles tại khoảnh khắc nàng nàng đúng là nàng đang thoái mái với nhóm người nàng cùng làm việc. Đến lúc đó, nước mắt đang ráo dần trên mi, cảm thấy già nua và khôi hài, hắn quyết định sẽ ngủ với Barbara Coles. Điều ấy cần thiết cho hắn. Hắn quay lại, bước qua cửa lên sân khấu, lòng nung nấu quyết tâm duy nhất này.

Cả năm người vẫn cùng làm việc. Barbara nhắc tấm vải xanh lồng lánh quấn quạ vai Steven, người trang hoàng sân khấu. Anh ta phô nó ra, mấy người kia cùng quan sát. "Anh nghĩ thế nào, James?" nàng hỏi giám đốc. "Chúng ta chọn màu xanh xỉn ấy, anh nghĩ..." "Được", James nói nhưng không thật chắc chắn, "được đó, Babs, được..."

Bây giờ Graham bước tới gần, đứng bên cạnh Barbara và nói: "Tôi là Graham Spence, chúng ta đã từng gặp nhau trước

"đây". Và lần thứ hai, nàng mỉm cười xã giao rồi nói: "Ô, xin lỗi, tôi không nhớ". Graham gật đầu chào James, người hắn quen hoặc chí ít đã từng gặp nhau đôi lần trong vài năm nay. Nhưng rõ ràng là James cũng chẳng hề nhớ hắn.

"Từ đài B.B.C", Graham nói với Barbara, một lần cắt ngang đột ngột nữa, trái với ý muốn của hắn. "Ô, xin lỗi, xin lỗi, tôi quên khuấy đi mất. Tôi phải đi trả lời phỏng vấn", cô nói với cả nhóm. Ông Spence đây là phóng viên". Graham khẽ nhếch mép cười mỉa mai cái danh hiệu phóng viên ấy, nhưng lúc ấy nàng không nhìn hắn. Nàng đang mải mốt với công việc. "Chúng ta nên quyết định tối nay", nàng nói. "Steven đúng đấy". "Vâng, tôi đúng", tay trang hoàng nói. "Cô ấy đúng đấy James, chúng ta cần màu xanh ấy với cái màu xanh xỉn ở mọi nơi". "James", Barbara nói. "James, nó có gì sai? Anh không nói". Nàng bước về phía James, vượt qua Graham. Lại nhớ tới hắn, nàng phân bua. "Xin lỗi", nàng nói, "chúng tôi chưa thể đồng ý. Ô, này" - nàng quay sang Graham - "ông khuyên chúng tôi đi, chúng tôi thấy khó quyết định quá..." Lúc ấy, James cười phá lén, mấy người trang trí kia cũng cười rộ. "Đừng, Babs", James nói, "dĩ nhiên ông Spence không thể khuyên được. Ông ấy vừa mới đến tức thì. Chúng ta phải quyết định lấy. Nay, tôi sẽ để các bạn đến sáng mai. Đã đến lúc về nhà, bây giờ chắc đã sáu giờ".

"Gần bảy giờ rồi", Graham nói với vẻ bực bội.

"Thế ư!" Barbara nói như đóng kịch. "Lạy Chúa, khùng khiếp quá, tôi tệ quá là cái công việc mà tôi đã làm..." nàng đang tự cười mình. "Ô, ông sẽ phải thứ lỗi cho tôi thôi, ông Spence à, bởi ông không còn đường lựa chọn nào khác".

Họ lại phá ra cười: rõ ràng đây là trò đùa của nhóm. Và bây giờ, Graham chớp lấy cơ hội. Hắn nói quả quyết như thể hắn là giám đốc của nàng, nhưng thực tế là bắt chước cung cách của James Poynter dành cho nàng: "Không, cô Coles, tôi

sẽ không thứ lỗi cho cô đâu, tôi đã lang thang mòn cả gót gân cả giờ đồng hồ nay rồi". Nàng nhăn nhó, cười rồi chấp nhận điều đó. James nói: "Đấy, Babs, đấy là cách em đáng được đối xử. Bọn anh làm hư em". Anh ta hôn lên má nàng, nàng hôn cả hai má anh ta, mấy người trang trí bước ra. "Chúc một buổi tối tốt lành, Babs", James nói, đi ra và gật đầu chào Graham. Người đang đứng che dấu sự hãi lòng của mình trong điệu bộ khó xử. Hắn biết, bởi lẽ hắn có đủ can đảm để kiên quyết, thực sự dứt khoát với Barbara, rằng bản thân hắn đã tiết kiệm được nhiều giờ diễn tập. Uống nhiều, một bữa ăn tối - có lẽ hai hoặc ba tối đi uống và ăn tối - đã được tiết kiệm vì bây giờ hắn đã dần được một bước như thế với Barbara Coles khi có thể nói: "Không, tôi sẽ không tha thứ cho cô, cô đã bắt tôi chờ đợi".

Nàng nói: "Em cần phải..." rồi đi vượt qua hắn. Trên lối đi, nàng móc chiếc áo khoác vào cái măr̄t áo. Dường như nàng đang suy nghĩ về việc gì khác nhưng khi bắt gặp cái nhìn của hắn, nàng mỉm cười thân thiện; hắn hãi lòng nhận ra đây là kiểu cười nàng hắn dành cho một trong những người trang trí sân khấu hay thậm chí là cho James. Nàng lại nói: "chỉ vài giây..." rồi đi đến phòng làm việc có cửa thông sang sân khấu. Nàng trao đổi ý kiến với người gác cửa. Có chuyện gì rồi. Graham chớp thêm một cơ hội nữa nói: "Chuyện gì vậy, anh có thể giúp được gì không?" - như thể hắn có thể giúp, như thể hắn mong muốn được giúp. "Ồ"... nàng nói, nhăn trán. Rồi nói với người kia: "Không, sẽ ổn cả thôi. Tạm biệt". Nàng đến chỗ Graham. "Bạn em hơi bất đồng ý kiến bởi một nửa cảnh là ở Liverpool, còn một nửa là ở đây - nhưng rồi cũng sẽ tìm ra cách". Nàng đứng trò chuyện với hắn như cách một người đối với đồng nghiệp mình. Hắn cảm thấy tất cả được thu xếp rất đáng khâm phục; nhưng chắc sẽ có khoảnh khắc tệ đi, họ chuyển từ lĩnh vực sân khấu chuyên môn ra đường. Hắn lại đưa ra quyết định, cầm cứng cánh tay nàng và nói: "Chúng ta

sẽ uống một tí trước lúc làm bất cứ việc gì, bên ngoài này, trời đêm khủng khiếp quá". Cánh tay nàng có vẻ lưỡng lự nhưng vẫn để yên trong tay hắn. May mắn thay, trời đang đổ mưa. Hắn tự tiện chỉ lối cho nàng: "Không, không phải quán ấy, có một quán dễ thương hơn ở sau góc kia kia". "Ồ, nhưng em thích quán này", Barbara nói, "bọn em luôn uống ở đây".

"Dĩ nhiên mà có thể vào", hắn thầm nhủ. Nhưng trong quán ấy chắc là có mấy tay trang trí sân khấu, có lẽ là cả James và hắn sẽ không tiếp cận được nàng. Hắn lại trở thành *phóng viên*. Hắn kiên quyết lôi ào nàng qua khỏi nơi nguy hiểm, vòng qua hai gốc phô rồ tạt vào quán rượu hắn tình cờ trông thấy. Liếc nhìn quanh một vòng - không, chúng chẳng có ở đây. Nhưng lại có mấy người của nhà hát, nàng chẳng tỏ dấu hiệu gì. Nàng dề nghị bia. Hắn gọi cho nàng một suất đôi rượu Scotch, sau khi được nàng đồng ý. Rồi, sau một loạt những chiến thắng nhỏ, hắn cần thời gian để suy ngẫm. Có cái gì đó đang làm hắn khó chịu - cái gì nhỉ? Đúng, đấy là cảnh hắn thấy ở hậu trường, Barbara và James Poynter. Nàng đang dây dưa với gã sao? Nếu như thế thì sự thể sẽ khó khăn hơn nhiều. Hắn buộc bản thân phải xem xét chuyện hai người và tự duy với cảm giác ghen tuông mạnh mẽ đến kì lạ: *Đúng, là thế rồi*. Trong lúc đó hắn ngồi nhìn nàng, biết rõ cái nhìn của mình dành cho nàng, *một người đàn ông đăm đăm nhìn người đàn bà với vẻ điềm tĩnh nhận biết giá trị*: chờ đợi nàng cảm thấy và phản ứng. Nàng đang ngó nghiêng quán rượu. Bộ đồ len trắng của nàng thất ngang lưng là bộ đồng phục không phải khêu gợi. Mái tóc vàng thẳng của nàng được buộc vội sau khi làm việc đã không được gọn ghẽ. Làn da trắng sạch của nàng, không điểm tô chút màu gì cả, khiến nàng trông mệt mỏi. Vào lúc ấy, Graham nghĩ, chẳng hào hứng lắm, nhưng vẫn giữ nguyên cái nhìn thấu hiểu giá trị của hắn cho đến khi nàng quay lại và sẽ nhìn thấy. Hắn biết nàng sẽ nhìn

thấy gì; hắn đâu có tuyệt đối trông cậy vào ánh mắt đăm đăm "ấm áp dịu dàng" của hắn bởi đây chỉ là ấn tượng giả tạo mà hắn cố nặn ra. Tóc hắn đen, điểm bạc. Quần áo hắn rộng thùng thình, công kềnh và sắc vẻ đàn ông. Đôi mắt hắn lộ vẻ khôi hài và tùng trăi. Hắn không, và sẽ không bao giờ, để rơi vào tình cảnh sao nhăng ấn tượng về sự ổn định, phụ thuộc của một người chồng và người cha. Nhưng ngược lại, hắn biết phụ nữ luôn tìm thấy ở đó sự đảm bảo.

Rốt cuộc, khi quay lại, nàng nói như có lỗi: "Anh không phiền nếu chúng ta ngồi xuống chứ? Tôi đã chạy tới chạy lui nhiều việc suốt cả ngày nay rồi". Nàng chỉ hai chiếc ghế trống trong góc. Hắn cũng muốn thế nhưng vội phản đối vì đã có mấy người đang ngồi bên bàn. "Nhưng dĩ nhiên, bồ à!" Họ ngồi xuống ghế, khi ấy Barbara nói: "Em xin lỗi ra ngoài một lát". Nàng nhớ mình cần trang điểm. Hắn nhìn nàng đi ra, cảm thấy bức bối. Nàng mệt và hắn chắc đã thấu hiểu, che chở, cho nương tựa. Hắn nhận ra rằng ở quán kia với những người cùng làm việc suốt ngày, nàng chắc đã không nghĩ: "Mình phải trang điểm, phải tươi tắn". Dung mạo này dành cho người ngoài. Cho đến lúc này, nàng đã không xem Graham là người ngoài, bởi hắn dồn lấy cơ hội xuất hiện như thể hắn là một trong những thành viên của nhóm làm việc tại nhà hát; nhưng bây giờ cơ hội ấy không còn nữa. Nàng đã quay lại với vỏ bọc của mình. Tóc nàng đã được chải chuốt, không còn cẩu thả nữa. Mắt nàng đã trang điểm. Lông mày được chăm chút, bên trên đôi mắt xanh sáng là những đường kẻ vàng nhạt, lông mi được kẻ đen. Khá tốt, hắn nghĩ, sự tương phản. Phải, nhưng khoảnh khắc ấy qua đi khi hắn mở miệng nói: Em có biết má em có vết bẩn không? Hoặc - cô bé xinh đẹp của tôi ơi! rồi dùng sống tay thân mật vuốt tóc nàng ra sau. Thực tế nếu hắn không cẩn thận thì hắn sẽ phải quay về xuất phát điểm ban đầu.

Hắn lưu ý: "Chiếc nhẫn ngọc rất xinh" - mỉm cười nhìn vào mắt nàng.

Nàng mỉm cười lịch sự rồi nói: "Không xinh lắm đâu, chỉ là ngẫu nhiên, của bà nội em". Nàng khẽ co mặt vào tay và mỉm cười. Nhưng đây là điệu bộ nàng thường đáp lại những lời ca ngợi nàng nhận trước đây. Tất cả chỉ mang tính xã giao, nàng trở nên hoàn toàn xã giao. Nàng nhắc: "Chẳng phải anh đã nói chin rưỡi chúng ta thu băng sao?"

"Barbara thân thương của tôi ơi, ta còn cả hai tiếng nữa. Ta sẽ uống vài ly nữa, sau đó tôi sẽ hỏi em vài câu rồi ta tạt vào trường quay và mọi việc kết thúc, tiếp đó ta sẽ thoải mái đi ăn bữa khuya".

"Em muốn ăn bây giờ nếu không làm phiền anh. Em không ăn trưa nên đói lắm".

"Thì em thân thương ơi, cứ tự nhiên". Hắn cáu. Chỉ vì hắn đang sững sờ bởi cơn ghen thực sự của hắn với James, vậy nên lúc này hắn không giữ được bình tĩnh; hắn đã tính toán suốt bữa ăn tối lặng lẽ kéo dài sau đó để thu xếp chung chăn gối với nàng. "Cạn ly đi rồi anh sẽ đưa em đến nhà hàng *Nott*". *Nott* đắt. Khi nói hắn liếc nhìn thầm dò nàng. Nàng nói: "Em nghĩ sao anh không đến nhà hàng *Butler*? Ngon và gần hơn". *Butler* ngon nhưng rẻ, hắn cho nàng điểm tốt vì thích nhà hàng ấy. Nhưng *Nott* đã được chọn. "Cưng à, ta sẽ dón taxi và đến *Nott* ngay, đừng lo".

Nàng nghe lời nhắc chân đi: cái cách nàng đi chuyển khiến hắn hiểu mình đã sa lầy như thế nào. Nàng đang tự nhủ: Rất tốt, hắn thích thế, vậy thì được, ta sẽ làm bất cứ điều gì hắn muốn rồi kết thúc bằng...

Nuốt vội ly rượu của mình, hắn theo nàng và khoác tay nàng trên ngưỡng cửa quán rượu. Động tác của hắn lịch sự. Bên ngoài trời mưa bụi. Không có taxi. Bây giờ hắn đang gấp rùi ro. Họ im lặng đi bộ đến cuối phố. Đến đây, Barbara liếc

nhìn bên đường nơi có biển hiệu: NHÀ HÀNG BUTLER. Không nhầm để lưu ý hắn, mà trái lại nàng che giấu cái liếc nhìn. Và đến lúc này, nàng nhất nhì nghe theo lời đề nghị của hắn, hai người chắc sẽ không bao giờ chia sẻ khoảnh khắc gần gũi như ở nhà hát.

Họ cuốc bộ nửa dặm đến *Nott*. Không có taxi. Nàng nói chuyện: điều ấy hắn biết là nhầm để khoả lấp thái độ ngượng ngùng mà hắn có thể cảm nhận được bởi nửa dặm đi bộ dưới trời mưa trong lúc nàng đã mệt mỏi. Nàng đang nói về mấy dự định sẽ thực hiện ở nhà hát, với các bản thiết kế xây dựng nhà hát. Hắn nghe tiếng nàng nói và lặp lại: Ừ, ừ, ừ. Hắn nghĩ về nhà hàng *Nott*, làm sao để thu xếp mọi thứ ngay khi hai người đến *Nott*. Ở đó, hắn kéo gã bồi trưởng sang một bên, cho gã một pound và căn dặn. Họ được xếp ngồi trong góc. Mấy ly rượu Scotch lớn được mang đến. Thực đơn trải rộng. "Nào, cưng", hắn nói. "Anh xin lỗi là đã kéo em đến đây, nhưng hi vọng rằng em sẽ nghĩ việc ấy đáng làm".

"Ô, nhà hàng hấp dẫn quá, em rất thích. Chỉ có điều là..." nàng bỏ dở nửa chừng câu nói: đoạn đường xa ơi là xa. Nàng mỉm cười với hắn, nâng ly và nói: "Đây là một trong số những địa điểm yêu thích nhất của em, rất vui vì anh đã đưa em đến đây". Giọng nàng đều đều vì mệt mỏi. Tình thế trở nên tồi tệ, hắn ngồi suy tính cách phục hồi vị trí của mình. Trong lúc đó, nàng mải rà tay trên thực đơn. Bồi trưởng nhận yêu cầu, nhưng Graham phác cử chỉ ra hiệu: Hãy đợi một lát. Hắn muốn rượu Scotch ngấm trước lúc nàng ăn. Nhưng nàng đã nhìn thấy hiệu lệnh im lặng của hắn; và chẳng hề bức mình hay trách cứ mà chỉ nghiêm người tới trước nói với vẻ cam chịu: "Graham, xin anh hãy để em ăn, chắc anh chẳng muốn em say khi phỏng vấn, đúng không?"

"Họ sẽ mang lên ngay khi làm xong", hắn nói rề giọng như thể nàng tham ăn. Hắn không nhìn cả bồi trưởng lẫn

Barbara. Hắn tự nhủ, khi hắn càng trượt xa, trượt xa con đường tiếp cận nàng, thì một quyết định tàn nhẫn dấy lên trong hắn; rõ ràng nó xuất phát từ hành động ý thức của dục vọng, mà những gì có thể xảy ra là, nếu phải mất cả đêm thì trước khi trời sáng hắn sẽ vào được giường nàng. Còn bây giờ, nhìn khuôn mặt xanh xao bé nhỏ, có đôi mắt xanh, to thì đây là lần đầu tiên hắn tưởng tượng cơ thể nàng trong vòng tay. Mặc dù hắn đã nói: *Phải, thi ấy*, nhiều tuần lễ trước, thì chỉ bây giờ hắn mới hình dung nàng như đối tượng để nếm mùi cảm giác. Giờ thì hắn đã quyết tâm, mạnh đến nỗi chỉ dám liếc nhìn nàng rồi vội lảng xa đến chỗ mấy tay bồi đang mang thức ăn vào.

"Lạy Chúa", Barbara nói, và ngay lập tức giọng nàng vui nhộn, thành tâm. "Lạy Thượng Đế. Lạy khắp các quyền năng mà..." Nàng đang đùa bởi lối nói cương điệu của mình; rồi như hắn thấy, bởi vì nàng muốn hắn lấy lại cảm giác thoái mái của chính hắn sau khi hắn đã thô lỗ với việc trì hoãn gọi thức ăn. (Nàng vẫn không bị cuốn vào, hắn thấy bẽ mặt và ghét). "Cảm ơn tất cả các thánh thần của nhà hàng *Nott*", nàng nói tiếp, "bởi nếu không được ăn trong vòng năm phút thì em nói cho mà biết nhé: em chắc chết mất". Đến đây nàng cầm dao, nĩa và bắt đầu ăn món bít tết của mình. Hắn rót rượu, mỉm cười với nàng trong lúc nghĩ rằng khoảnh khắc gần gũi này sẽ không được để mất đi. Hắn nhìn cơn đói ngấu của nàng khi nàng ăn và nghĩ: Khoái cảm xác thịt - thật lạ lung minh đã không tự hỏi nàng có hay là không.

"Nào", nàng nói lúc ngồi dựa người ra, sau khi đã đẩy lùi cơn đói: "Ta tiến hành công việc đi thôi".

Hắn nói: "Anh đã nghĩ chuyện này rất kỹ lưỡng - cách giới thiệu em ấy mà. Đường như đối với anh, việc đầu tiên là chúng ta phải bỏ ngay cái lối cũ rích: Thưa cô Coles, thật phi thường làm sao đối với một phụ nữ, người rất tháo vát trong

công việc của mình... tôi hi vọng cô đồng ý chứ?" Đây là quan át chủ bài của hắn. Khi trông thấy nàng trên tivi, hắn đã lưu ý đến nụ cười lịch sự lúc lời ấy được đưa ra. (Kiểu cười mỉm mà hắn luôn thấy tối nay). Nụ cười ấy nói: Thôi được, nếu bạn phải là đồ ngốc thì tôi có thể làm gì đây?

Bây giờ nàng cười vang rồi nói: "Đã chịu làm sao. Em nghĩ anh sắp làm hệt như vậy".

"Tốt, bây giờ em ăn còn tôi nói".

Bằng giọng chuẩn bị kỹ càng, nhưng không trực tiếp, hắn nói về các phong cách khác nhau của nhà hát mà nàng đã chứng tỏ tài nghệ của mình: hắn đang tâng bốc chuyên môn nàng; sự phức hợp của đặc trưng được thể hiện qua cách bày trí của nàng. Nàng bình thản ăn, gương mặt chẳng bày tỏ chút dấu hiệu gì. Cuối cùng nàng hỏi: "Và anh đã tính toán như thế nào để dẫn dắt điều đó?"

Hắn trù tính bất ngờ nói ra điều ấy với nàng, câu gì đó đại loại: Cô Coles, một phụ nữ trẻ tài năng với những gì đã đạt được (nàng ba mươi? ba hai?) và là người rất duyên dáng..."Có lẽ tôi sẽ cung cấp cho quý vị những sở thích của cô nếu tôi nói cô có thể được nhận thay cho minh tinh màn bạc Marie Carletta". Carletta nổi tiếng là người có trí tuệ với mái tóc vàng sẫm khoẻ mạnh. Nhưng giờ thì hắn biết chưa phải lúc để nói điều đó: hắn có thể hình dung được cái nhìn đứng đằng sau nàng nếu hắn nói. Nàng nói: "Ông vui lòng nếu chúng ta đừng đả động chút gì đến chuyện ấy nữa - chuyện tài năng linh kỉnh của tôi ấy mà, vân vân..." Hắn cảm thấy cơ thể co cứng vì bức bối; đặc biệt một khi đấy không phải là lời buộc tội, hắn hiểu nàng chẳng coi kể hắn ra gì. Nàng đánh giá hắn: Đây là loại người sử dụng cái lối tán tỉnh ấy và vì thế... Nó khiến hắn thêm phần giận dữ bởi thậm chí nàng cũng không gây rắc rối bằng cách bảo: Tại sao anh lại cứ làm đúng những gì mà anh đã hứa là không

làm? Nàng đang lịch sự hết mực, cố giữ kiên nhẫn trước sự ngó ngắt của hắn.

"Tóm lại", nàng nói, "công việc của một người thiết kế sân khấu là thực hiện những gì được đưa diễn. Ai cũng sẽ làm được, ta thử đề cập đến Johnnie Cranmore" (một người thiết kế sân khấu) "ở trong hoàn cảnh ấy hoặc trên tivi và nói: Anh thật tháo vát làm sao bởi tháng trước anh đã minh họa cho nhạc phẩm ấy về Java và một vở kịch hiện đại về những người lao động Ailen?"

Hắn cố kìm cơn giận. "Barbara thân thương, anh xin lỗi. Anh đã không nhận ra rằng những gì anh nói lại nghe như thể những lời rối rắm trước đây. Vậy thì chúng ta sẽ nói gì đây?"

"Những gì chúng ta đã nói khi đi bộ đến nhà hàng; chúng ta có thể đừng đề cập gì đến vấn đề cá nhân được không?"

Lúc này hắn rất hoang mang. Rồi, lạy Chúa, hắn cười xoà nhẹ nhõm bởi nàng đã phá lên cười và nói: "Anh chẳng nghe lấy một câu nào của em."

"Đúng, anh đã không nghe. Anh sợ em sắp nổi giận bởi anh để em đi bộ quá xa trong lúc đã mệt mỏi".

Họ cùng cười, quay lại lúc ở trong nhà hát: Hắn cúi người, cầm tay nàng lên hôn. Hắn nói: "Nói lại cho anh nghe đi". Hắn nghĩ: Mẹ kiếp, bây giờ cô ả sắp sửa thuỳ mị nhất và dễ bảo.

Nhưng hắn biết hắn ngốc. Hắn đã quên bêng bản thân lúc hai mươi - hoặc, vì vấn đề ấy, ở tuổi ba mươi; quên mất rằng con người có thể nhiệt thành sống vì một quan điểm, một loạt quan điểm. Bởi lẽ khi nói về quan điểm của nàng (cũng như quan điểm của những người cùng làm việc với nàng) về một sân khấu mới, một phong cách sân khấu mới thì nàng hồn hởi như cách nàng xử sự với các đồng nghiệp trước những bức minh họa hay tấm vải màu xanh. Nàng thoái mái, không kiêu cách và rất cởi mở. Đây là cơ sở, hắn nhớ, để ai đó phát biểu, quan điểm là hơi thở của cuộc đời. Những quan điểm ấy, hắn

nghĩ, quả thực là thông minh; và hắn sẽ đồng ý với họ, với nàng, nếu hắn tin điều ấy cực kì quan trọng theo cách này hay cách khác, nếu bất cứ một trong những tấm lòng nhiệt tình ấy là quan trọng đúng mực. Nhưng rốt cuộc bây giờ đã có chìa khoá, hắn biết phải làm gì. Cuối cùng, chưa đến quá nửa giờ, họ lại là hai nhà chuyên môn, nói về những quan điểm có thể chia sẻ, vì một lần nữa, hắn nhớ tuyệt đối cẩn trọng về tất cả chuyện này. *Khi nào? Hắn đã từng cẩn trọng như thế cách đây bao nhiêu năm rồi?*

Cuối cùng hắn nói: "Barbara thân thương, em có nhận thấy em đang đẩy anh vào thế kẹt không? Margaret Ruyen, người điều hành chương trình quyết định anh phỏng vấn đời tư của em, người đàn bà đáng thương ấy đã không có lấy một ý tưởng nghiêm túc trong đầu".

Barbara cau mày. Hắn đặt tay lên tay nàng, an ủi: "Đừng, hãy đợi đã, cứ tin vào anh, chúng ta sẽ thuyết phục được bà ta". Nàng mỉm cười. Thực ra Margaret Ruyen đã trao toàn quyền cho hắn mà không nói gì về cô Coles.

"Bọn chúng chẳng sáng dạ lắm đâu - cái đồ mặt dày mày dạn ấy", hắn nói. "Nào, đừng bận tâm, chúng ta sẽ tìm được thứ mình muốn, cứ thực hiện đi và sự việc sẽ hoàn toàn tốt đẹp".

"Cám ơn anh, dễ chịu quá. May mắn làm sao khi em được anh phỏng vấn". Bây giờ nàng thoái mái, bởi vì rượu whisky, thức ăn, rượu vang và hơn nữa là một liên minh mới chống lại Margaret Ruyen. Mọi việc sẽ dễ dàng. Họ tìm ra năm sáu câu hỏi, một chầu cà phê, rồi đón taxi đi trong mưa đến phòng ghi âm. Hắn để ý thấy nhu cầu bức bối được gấp nàng, tiếp xúc rồi chinh phục nàng, đã rời bỏ hắn. Thậm chí hắn đang hình dung trong lòng cảnh buổi tối kết thúc, hắn hôn lên má nàng rồi về nhà với vợ. Tình cảm bạn bè như thế hắn cực kì dễ chịu. Điều đó làm dịu đi vết thương mà hắn không ý thức là đã

mang suốt cả tối hôm ấy khi hắn phải chấp nhận sự phán xét từ cái từ *phóng viên*. Hắn cảm thấy có thể nói chuyện mãi về vấn đề sân khấu, tình hình tài chính của nó, sự ngu ngốc của chính phủ, về tính phi văn hoá của...

Đến phòng ghi âm, hắn cẩn thận pha trò để hai người vừa bước vào vừa cười. Hắn tính toán để cuộc phỏng vấn tiến hành ngay, không nói chuyện với Margaret, Ruyen; rồi từ lúc đèn xanh bật sáng, giọng hắn mất hẳn vẻ thân tình dễ dãi. Hắn đảm bảo không có bất cứ một câu hỏi về đời tư nào được đưa ra trong suốt cuộc phỏng vấn. Sau đó, Margaret Ruyen, với vẻ hài lòng, tiến đến để bày tỏ nhưng hắn vội kéo bà sang một bên và bảo cô Coles bị mệt, cần được đưa về nhà ngay; bởi vì hắn biết, đối với Barbara, hành động đó như thể hắn đang chống lại người phụ trách, người đang mong đợi một cuộc phỏng vấn theo kiểu khác. Hắn đưa Barbara ra, tay nàng búi chặt và áp sát vào người hắn. "Ôn", hắn nói, "ta đã làm xong, anh không nghĩ bà ta biết chuyện gì trái ý mình".

"Cám ơn anh", nàng nói. "Thật dễ chịu khi có dịp nói về điều gì đó một cách sáng suốt".

Hắn hôn nhẹ lên miệng nàng. Nàng đáp lại và mỉm cười. Lúc bấy giờ hắn cảm thấy chắc chắn trạng thái ấy không rời bỏ nữa, hắn có thể giữ lại.

"Có hai việc chúng ta có thể làm", hắn nói. "Em có thể đến câu lạc bộ của bọn anh uống một chút. Hoặc anh có thể đưa em về nhà rồi em sẽ mời anh uống. Đằng nào anh cũng đi qua nhà em".

"Anh sống ở đâu?"

"Ở Wimbledon". Thật ra hắn sống ở Highgate; nhưng nàng sống ở Fulham. Hắn sắp nhận một cơ hội nữa, nhưng đến lúc nàng phát hiện ra thì họ đã ở vào quan hệ cưới phì trước mưu kế ấy.

"Tốt", nàng nói. "Vậy thì anh có thể thả em xuống nhà.

Em phải dậy sớm". Hắn không nói gì. Trong taxi, hắn cầm tay nàng; bàn tay nặng trĩu trong tay hắn, hắn hỏi: "James có bắt em làm quá sức không?"

"Em cứ tưởng là anh không quen anh ấy - không, anh ấy không làm như vậy đâu".

"Ồ, thật ra anh không thân anh ấy đâu. Làm việc với anh ta thì như thế nào?". "Tuyệt vời", nàng đáp. "Em chẳng thích làm việc với bất cứ ai bằng anh ấy".

Cơn ghen lại bốc lên trong hắn. Hắn chẳng thể kiềm chế nổi: "Em đang quan hệ với anh ta phải không?"

Nàng nhìn: thì can hệ gì đến anh? nhưng nói: "Không, em không".

"Anh ta rất hấp dẫn", hắn nói trong nụ cười thầm của sự đồng loã từng trải. Nàng chẳng nói gì và hắn quả quyết: "Nếu là phụ nữ thì anh sẽ phải lòng James".

Nàng đừng nói gì thì có lẽ tốt hơn. Nhưng nàng lại buột miệng: "Anh ấy đã lập gia đình".

Hắn xây xẩm mặt mày. Đấy là lời ngốc hại đầu tiên nàng mắc phải. Đấy là lời nhắc nhở cực kì ngu ngốc đến nỗi... hắn buông một tiếng cười lấy lòng, choàng tay ôm nàng, hôn rồi nói: "Babs bé bỏng thân thương của tôi ơi".

Nàng nói: "Tại sao lại Babs?"

"Có phải đó là đặc quyền của James, và của mấy người trang trí sân khấu kia không?". Hắn không thể tự ngăn mình dừng nói nữa.

"Tên ấy chỉ dùng khi làm việc". Nàng cưỡng người trong vòng tay hắn.

"Vậy thì Barbara thân thương..." Hắn đợi nàng nguôi đi và giải thích, nhưng nàng không nói gì. Lát sau nàng toài người ra khỏi vòng tay hắn, lấy cớ là châm thuốc. Hắn châm cho nàng. Hắn để ý rằng quyết tâm chinh phục nàng bằng bất cứ

giá nào đã trở lại trong hắn. Họ đến bên nhà nàng. Hắn nói nhanh: "Và bây giờ, Barbara, em có thể pha cho tôi một tách cà phê và một ly rượu mạnh". Nàng lưỡng lự; nhưng hắn đã ra khỏi taxi, trả tiền và mở cửa cho nàng. Hắn để ý thấy ngôi nhà không một ánh đèn. Hắn nói: "Chúng ta sẽ thật khẽ để không làm bọn trẻ thức giấc".

Nàng từ từ quay đầu lại nhìn hắn. Nàng nói đều đặn đáp lại câu hỏi thực của hắn: "Chồng em đi vắng. Bọn trẻ cũng vậy, tối nay chúng đến thăm bạn". Bây giờ nàng đi trước hắn đến cửa ngôi nhà. Đó là ngôi nhà nhỏ nằm trong dãy những ngôi nhà nhỏ nhưng không thật xinh xắn. Bên trong hành lang cá nhân hẹp, sáng sủa, nàng nói: "Em sẽ đi pha cà phê. Rồi sau đó, bạn tôi ơi, anh phải về bởi tôi đã rất mệt".

Cum từ *bạn tôi ơi* khiến hắn giật mình, bởi trong mối quan hệ gần gũi này giờ, hắn đã bị tổn thương. Hắn nói, liền thoáng: "Anh đã làm em bức mình - ô, xin đừng. Anh xin lỗi".

Nàng mỉm cười, lạnh lùng xa lạ. Hắn thấy, trong ánh đèn nhô trên trần, đôi mắt lạ thường của nàng. Đôi mắt "xanh" có màu nâu đỏ, màu nâu pha những đốm xanh, thậm chí là xanh nhạt. Đôi mắt đầy sóng gió, tì vết, đổi thay. Mắt nàng màu xanh ròng nhưng trước đây hắn chưa hề nhìn thấy một đôi mắt nào như thế. Chúng như thể màu nước ở dưới đáy. Chúng giống - ờ phải, màu ngọc lục bảo; hay màu xanh thuần khiết của tán cây mùa hạ. Và bây giờ, khi nàng mỉm cười trực diện, hắn thấy một màng đen bao phủ lên chúng. Bóng đen nuốt chửng màu xanh thuần khiết. Nàng nói: "Em chẳng bức bối gì cả đâu". Câu ấy như thể nàng đã ngáp dài vì chán ngán. "Bây giờ em pha mấy thứ... ở trong đó". Nàng hất đầu về phía cánh cửa màu trắng và để hắn lại. Hắn đi vào căn phòng màu trắng dài rất gọn gàng, có một cái giường nhỏ ở trong góc và một cái bàn xếp đầy các bản vẽ, bản phác thảo và bút chì. Đính trên tường với những chiếc ghim vẽ là những miếng vải mẫu thử

màu. Hai chiếc ghế nhỏ đặt gần cái bàn tròn thấp; căn phòng làm việc này rất tiện nghi. Hắn đang nghĩ: Mình chẳng thích chút nào nếu vợ mình có một căn phòng như thế này. Mình không rõ liệu chồng Barbara...? Cho đến tận bây giờ, hắn đã không nghĩ về nàng trong các mối quan hệ chồng, con. Khó có thể tưởng tượng nổi cảnh nàng cầm chiếc chảo rán trong tay, hoặc chuyện ấy, ám cúng trên chiếc giường đôi.

Có tiếng động bên ngoài; hắn vội chỉnh lại tư thế, tì người lên cánh tay đặt trên bệ lò sưởi. Nàng mang cái khay nhỏ đựng tách, ly, rượu, cà phê bước vào. Trông nàng có vẻ lơ đãng. Điều bộ đó càng khiến Graham nuối hy vọng; có lẽ như muốn mách bảo, nàng hài lòng khi có mặt hắn. Hắn thấy hơi căng thẳng và thấm mệt. Dĩ nhiên, nàng cũng mệt, đó là lý do khiến nàng thẫn thờ. Hắn nhớ đâu buổi tối hắn đã để mắt cơ hội khi không lợi dụng sự mệt mỏi của nàng. Còn bây giờ, nếu hắn thông minh... Nàng chuẩn bị rót cà phê. Hắn đón cái bình cà phê từ tay nàng rồi gật đầu chỉ vào chiếc ghế. Nàng mỉm cười nghe theo lời hắn. "Tốt hơn đấy", hắn nói. Hắn rót cà phê, pha rượu mạnh rồi đẩy cái bàn về phía nàng. Nàng nhìn hắn. Rồi hắn nâng tay nàng, hôn, vỗ nhẹ rồi dịu dàng đặt xuống. Được, hắn nghĩ, mà làm được đấy.

Giờ thì có trở ngại. Hắn muốn tiếp cận nàng nhưng nàng đã ngồi lọt thỏm vào trong chiếc ghế tựa nhỏ chết tiệt có tay vịn. Nếu hắn đến ngồi cạnh nàng trên sàn...? Nhưng không được, vì hắn, một gã đàn ông to kềnh đang tự trấn an, cảm thấy điều bộ sẽ không được tự nhiên, và tư thế sẽ không bình thường. Giả dụ như mình bế nàng khỏi ghế đưa vào giường? Hắn uống cà phê khi trù tính. Phải, mình sẽ đưa nàng lên giường, nhưng chưa phải bây giờ.

"Graham", nàng gọi khi đặt ly xuống. Hắn bực bội nhìn và thấy nàng có vẻ bứt rứt: "Graham, mười hai rưỡi rồi, em muốn về giường ngủ".

Khi nói, nàng ban cho hắn một nụ cười gây tức cười trong tình huống đó - tình huống rất khôi hài bởi sự trổ tài khéo léo của người đàn ông và người đàn bà. Với vai ấy, chắc hẳn hắn có thể thực hiện được. Hầu như hắn suýt mỉm cười với nàng, cười rũ rượi. (Và suốt nhiều ngày sau, hắn thầm thốt lên: Trời ơi, mày thật quá sai lầm khi không chia sẻ trò đùa ấy với nàng; đây là điều mình rất sai lầm). Nhưng hắn không thể mỉm cười. Mặt hắn đanh lại với kiểu cách tự trọng lố bịch. Chẳng phải tại nàng đang theo dõi âm mưu của hắn; nét mặt gây buồn cười, nàng đã phô cho hắn thấy lúc nãy, đã cho thấy điều đó. Mà chỉ tại vì quyết tâm sống còn của hắn để đạt mục đích, hắn sắp sửa chiếm đoạt nàng. Hắn sẽ không về. Nhưng hắn có cảm giác như thể đang giữ một chùm chìa khoá nhưng không biết phải chọn cái nào.

Hắn nhấc cái ghế nhỏ thứ hai ngồi đối diện với Barbara, đẩy cái bàn cà phê sang một bên để tiện bề thực hiện ý đồ. Hắn ngồi trên ghế, cúi người tới trước, cầm cả hai bàn tay nàng và nói: "Cưng à, đừng bắt anh về nhà nghe, đừng nghe, anh xin em đó". Điều rắc rối là suốt cả buổi tối ấy chẳng có chuyện gì thấy dấu hiệu dẫn đến những lời ấy và hắn nói bằng kiểu giọng chân thành, nghiêm túc, thiết tha cầu xin được tiếp tục ở lại. Hắn thấy mình nghiêng người tới trước, hai bàn tay lớn của hắn nắm trọn tay nàng; hắn biết nét mặt mình đang ám lên vì lời yêu cầu ấy. Và hắn nhận ra rằng cách ăn nói của hắn có hiệu quả. Mọi việc không nằm ngoài dự kiến của hắn. Hắn muốn ở lại với nàng vì nàng muốn hắn, vì hắn là đồng nghiệp, cùng hoạt động trong lãnh vực nghệ thuật như nàng. Hắn khao khát điều đó. Nhưng nàng đang dò xét hắn, tờ mờ hơn là ngạc nhiên, rất đứng đong. Hắn nghe giọng mình nói: "Nếu James ở đây thì tôi biết cô đã làm gì rồi?" Giọng hắn cău kỉnh; hắn thấy bóng tối lướt nhanh qua mắt nàng; nàng nói: "Graham, anh có muốn dùng thêm cà phê trước lúc ra về không?"

Hắn nói: "Anh đã khao khát gặp em từ lâu. Anh quen nhiều người tử tế, từng biết em".

Nàng cúi người tới trước, rót thêm một ít rượu mạnh, ngồi tựa người ra, hai tay giữ cái ly ngang ngực. Cử chỉ lóng ngóng: Graham nhận thấy cái ly nàng đang nâng niu trong lòng bàn tay là chính hiện thân nàng. Một thái độ chịu đựng bền bỉ, nhẫn耐. Hắn nghĩ về những thằng đàn ông đã nói về nàng. Hắn nhớ đến Jack Kennaway, run run, hoảng hốt nói: "Chẳng hạn như Jack Kennaway".

Bây giờ, với cái tên ấy, mắt nàng lộ cảm xúc - cảm xúc gì vậy? Hắn nói tiếp, tự do kiểm nghiệm cảm xúc ấy. "Tuần trước anh ăn tối với cậu ta - ô, hoàn toàn tình cờ! - cậu ta đã nói về em".

"Anh ta ư?"

Hắn nhớ là đã hình dung nàng sâu muộn từ nhiều năm trước. Nhưng lúc này nàng như thể co mình lại, nhăn nhó. Hắn nói: "Thật ra là cậu ta đã dành hầu hết buổi tối để nói về em".

Nàng nói những câu ngắn, hụt hơi, hắn biết là do giận dữ: "Tôi có thể hình dung rất rõ những gì hắn nói. Nhưng chắc chắn là anh biết tôi không thích nghe lại những lời đó..." Nàng nín lặng, căm giận hắn, hắn biết bởi hắn đã dồn nàng đến mức hận thù. Nhưng đấy không phải do hắn; tất cả là do lỗi của nàng, hoàn toàn của nàng! Đã nhiều năm nay, trong đầu hắn không có tình huống nào liên quan đến đàn bà mà không điều khiển được. Một lần nữa hắn có cảm giác như thể người đang đi trên dây. Hắn nói, cố vớt vát chút gì đó từ Jack Kennaway, dẫu cho vào cái giờ khuya khoắt này: "Dĩ nhiên cậu ta hấp dẫn, nhưng thật chẳng là đàn ông nào cả".

Nàng nhìn hắn, im lặng, ly rượu mạnh tì sát ngực.

"Dĩ nhiên, trông mặt thì khó bắt hình dong". Hắn không thể cưỡng lại việc tìm ra sự thật mặc dù hắn biết điều đó là tai họa.

Nàng không nói gì.

"Em có biết người ta đồn em quan hệ gần gũi với Jack Kennaway không?" hắn kêu lên với vẻ ngăn chặn thành tâm những kẻ ngốc, người có thể tin điều đó.

"Tôi nghe nói cả rồi". Nàng đặt ly xuống. "Còn bây giờ", nàng nói, đứng dậy, bỏ rơi hắn. Đầu óc hắn quay cuồng, bước lên một bước, hắn chộp tay nàng và rên rỉ: "Barbara!"

Mặt nàng quay qua quay lại theo những nụ hôn của hắn. Hắn liếc nhanh thăm dò thái độ nàng - vẫn nhẫn耐. Hắn chạm môi xuống cổ nàng, lại rên rỉ "Barbara", và chờ đợi. Lẽ ra nàng phải làm cái gì đó. Vùng thoát, đẩy mạnh hay những hành động tương tự. Nhưng nàng chẳng làm gì cả. Cuối cùng nàng nói: "Lạy Chúa, Graham". Giọng nàng nghe thật buồn cười; một lần nữa hắn được tặng tâm thế tức cười. Nhưng nếu hắn chia sẻ điều đó với nàng thì cơ hội chiếm đoạt nàng sẽ không còn nữa. Hắn áp nhanh miệng lên miệng nàng để khiến nàng im lặng. Nàng không cưỡng lại hắn mạnh như xô bắn hắn ra. Miệng nàng đối xử với cái mồm tấn công của hắn như cách phụ nữ thổi hoặc cười vang trong nước, ngoeo đầu sang một bên, cười dội lên những con sóng hay những tia nước. Điều bộ ấy nửa bức mình, nửa khôi hài. Hắn tiếp tục hôn nàng trong lúc nàng di chuyển đầu và mặt theo từng cái hôn như thể chúng là những làn sóng nhỏ đang tấn công.

Về sau, khi nhớ lại chuyện này, hắn biết đấy là cái khởi đầu đáng hổ thẹn nhất trong đời. Thậm chí lúc ấy hắn căm ghét nàng cũng vì sự vụng về của hắn. Bởi lẽ hắn cứ ôm nàng đứng đó gần nửa tiếng đồng hồ. Nàng thấp hơn hắn nhiều nên hắn phải cúi, cổ hắn đau nhức. Hắn ôm cứng nàng, dùi kẹp chặt hai bên đùi nàng, tay nàng ép chặt bên sườn như tay gấu. Nàng không thể cử động, chỉ trừ cái đầu. Khi miệng hắn buộc môi nàng mở ra, lưỡi hắn di chuyển, trườn vào, nàng vẫn ở thế bị động. Còn hắn thì không thể dừng lại.

Trong lúc trí thông minh của hắn đảo qua khung cảnh kì quặc ấy, hắn quyết định tiếp tục bởi chẳng chóng thì chày thân hình nàng sẽ mềm đi theo nhục dục. Và hắn không thể dừng lại bởi hắn không dám đối mặt với nỗi kinh hoàng trong khoảnh khắc hắn buông nàng ra và nàng nhìn hắn. Càng lúc hắn càng ghét nàng hơn. Bất gặp ánh nhìn từ đôi mắt xanh lớn mở to và buồn bã của nàng dưới mắt hắn, hắn biết mình chưa bao giờ ghét bất cứ thứ gì hơn đôi mắt "nạm ngọc" ấy. Chúng làm hắn ghê tởm. Cuối cùng hắn rơi vào trạng thái nếu bây giờ nàng muốn hắn thì hắn cũng chẳng thể nào biết bởi nàng chẳng thể nhúc nhích được lấy một ly. Hắn thận trọng nói rộng vòng tay để nàng có được tí khoảng trống để xoay trở. Nàng vẫn hoàn toàn bị động. Như thế, hắn nghĩ giêu cợt, nàng đã đọc hoặc được bảo ban cái cách làm đàn ông phát điên lên bởi cứ để cơn ham muộn giày vò chúng. Hắn nhận ra mình đang suy nghĩ: đồ bò cái ngu ngốc, bộ mày tưởng tao tìm thấy ở mày sức hấp dẫn sao? Mày cứ tự cao tự đại mà nghĩ như thế đi!

Sự chêch hướng tác động vào hắn do cơn giận dữ điên cuồng của ý tưởng này, đã mở vòng tay hắn, đùi hắn và nhấc lưỡi hắn ra khỏi miệng nàng. Nàng bước lùi lại, đưa mu bàn tay chùi miệng, đứng trân, sững sốt. Cơn hổ thẹn đang nầm đợi hắn gần nuốt chửng lấy hắn, nhưng hắn để cơn giận kìm hãm nó lại. Nàng nói với vẻ biện hộ, thậm chí, vào lúc ấy, cũng khôi hài: "Anh điên à, Graham. Chuyện gì vậy, anh say à? Anh đâu có vẻ say. Thậm chí anh còn không thấy tôi hấp dẫn".

Máu thù hận bốc lên đầu, hắn lại vồ lấy nàng. Bây giờ nàng kiên quyết quay mặt đi để hắn không thể chạm vào miệng mà cứ hôn đi hôn lại lên các vùng má, cổ, để săn cho hắn: "Graham, buông em ra, để em đi, Graham". Nàng tiếp tục nói như thế; hắn tiếp tục ôm chặt, ghi riết, hôn và liếm. Điều ấy hắn sẽ kéo dài suốt đêm; nó là cuộc đấu của sự khao

khát lầm lạc chứ chẳng vì cái gì khác. Hắn nghĩ: Chỉ có đàn bà thực sự nam tính đến giờ mới chưa chịu mềm đi theo khoái cảm xác thịt! Nhưng hắn biết rõ một điều, rằng nàng sẽ lên chiếc giường đó, trong vòng tay hắn và rất nhanh. Hắn buông nàng ra, nhưng lại nói: "Tôi nay tôi sẽ ngủ với cô, cô biết điều đó, đúng không".

Nàng chống tay lên lò sưởi để giữ thăng bằng. Mặt nàng không màu bởi hắn đã liếm hết đồ trang điểm. Nàng như thể đã hoàn toàn đổi khác, nhỏ bé và bất lực với cái miệng rộng lúc này đã nhợt nhạt, đôi mắt xanh nhòe của nàng lấp lánh ánh vàng. Còn bây giờ, lần đầu tiên, hắn cảm nhận được cái mà lẽ ra đã được mong đợi (chắc chắn là bởi nàng) từ nhiều giờ trước. Quan sát khuôn mặt nhỏ dâm dấp của nàng, hắn cảm thấy gần gũi, thân thiết với nàng, hắn cảm thấy sự thân mật của xác thịt, sự chung đụng, của khiếu khôi hài thuần thực. Hắn thấy nàng là thịt da mình, thân hữu với hắn về nhục cảm. Hắn cảm thấy khao khát nàng, thực sự mong muốn có nàng; và vì điều đó mà hắn xấu hổ về trò hề mà hắn đang diễn. Lúc này hắn chỉ đơn giản ao ước đưa nàng lên giường trong sự thôi thúc nhục cảm.

Nàng nói: "Tôi biết làm cái quái gì đây? Gọi cảnh sát, hay làm gì?" Hắn bị tổn thương bởi nàng vẫn nói với cái con người đã cưỡng bức nàng trong sự lãnh đạm giận dỗi; chứ không nói về hắn tí nào.

Nàng nói: "Hoặc hé tay gọi hàng xóm, anh thích kiểu nào?"

Đôi mắt viền màu vàng gần như ngả sang màu đen bởi độ sâu của cái bóng chán nản bao phủ lên chúng. Nàng mệt mỏi và rã rời đến mức quy xuống sàn hắn có thể nhận thấy điều đó.

Hắn nói: "Anh sẽ ngủ với em".

"Nhưng đâu có thể muốn như thế?" - một câu hỏi văn minh, hợp lý dành cho người (hắn biết) nàng tin là sẽ trả lời.

Nàng nói: "Anh biết là tôi không muốn và tôi biết thực ra anh không thèm đếm xỉa gì đến chuyện đó cả".

Hắn bị đẩy lùi trở lại thành kẻ thô lỗ, bởi nàng không đủ thông minh để hiểu rằng kẻ thô lỗ đâu còn tồn tại nữa; bởi nàng không thể hiểu ra đây là người đàn ông khao khát nàng theo cách mà nàng phải đáp lại.

Nàng đứng đó, một tay đỡ cơ thể, trông nhỏ bé, trắng nhợt, kiệt sức và hoàn toàn ngờ vực. Hắn có thể nhận thấy nàng sắp sửa quay người bước ra khỏi cái chốn chẳng tin được tí nào nữa. "Em nghĩ là tôi không muốn chuyện ấy sao? " hắn hỏi, giọng rỉ rít qua kẽ răng. Nàng phác điệu bộ - sấp nhắc chân đi. Bàn tay hắn vô thức chộp lấy cổ tay nàng. Nàng cau mày. Bàn tay kia của hắn nắm lấy cổ tay kia của nàng. Người hắn chồm sát nàng để bắt đầu cuộc ôm áp chặt nghẹn mới. Trước lúc điêu đó diễn ra, nàng nói: "Ôi, Lạy Chúa, đừng, tôi không chịu đựng được lần nữa đâu. Vậy thì, được".

"Vậy thì, được - em nói vậy có nghĩa gì?" hắn hỏi.

Nàng đáp: "Anh sẽ ngủ với tôi. Được. Bất cứ chuyện gì cũng tốt hơn lại diễn ra trò ấy. Chúng ta sẽ kết thúc với việc ngủ ấy chứ?"

Hắn nhăn răng cười và thầm nhủ: "Không phải đâu em yêu, ô, không, em không, tôi không chấp từ ngữ em dùng, tôi sấp ngủ với em bây giờ và tất cả mọi chuyện ở đó".

Nàng nhún vai. Sự xem thường, chán ngắt của tấm thân ấy chẳng mấy may tác động đến hắn, bởi lẽ lúc này hắn lại đang căm ghét nàng đến nỗi muốn nàng như thể muốn giết đi một cái gì đó hay một ai đó.

Nàng cởi đồ như thể bắn thân nàng sấp đi ngủ: áo jackét, váy, áo lót. Nàng đứng trong chiếc xu chiêng và quần lót màu trắng, một cô gái da thịt khá săn chắc, vẫn rám nắng từ mùa hè. Hắn cảm nhận cảm xúc thân thương trước cô gái da nâu với mái tóc vàng buông xoã khi nàng đứng trần truồng. Nàng

bước lại giường, nằm xuống trong lúc đôi mắt xanh nhìn hắn với ánh mắt vẫn minh: Anh thực sự, làm tình như vậy sao? Anh cần phải à? Ừ, đôi mắt hắn đáp lời: Anh cần phải. Nàng chuyển ánh mắt sang một bên lên bức tường, im lặng: Được, nếu anh muốn làm tình mà chẳng có chút khao khát gì ở tôi thì cứ việc, nếu không biết xấu hổ. Hắn không xấu hổ, bởi hắn đang duy trì ngọn lửa căm ghét nàng mà hắn biết rõ tổng đi rằng đang đứng giữa hắn và sự xấu hổ. Hắn cởi đồ rồi lên giường nằm bên nàng. Khi hắn làm tình, trong sự thấu hiểu là đang đặt mình vào vị trí cưỡng hiếp một người đàn bà biết rõ là hắn chán nàng, thì dục vọng hắn nguội hẳn xuống, buồn bã, đầy oán trách bởi vừa mới đây thôi sự ham muốn đã trỗi dậy dành cho người thân thương của hắn, người mà lẽ ra hắn đã mang lại hạnh phúc. Hắn nằm nghiêng bên nàng, bí mật tự kích thích, lát sau chống khuỷu tay chồm lên người nàng, đưa bàn tay còn lại vuốt ve vú nàng. Hắn thấy nàng nghiến răng khi hắn chạm vào người. Dù sao nàng cũng không thể biết, sau tất cả những phức cảm ấy hắn không thể làm tình.

Để kích thích ham muốn, hắn lại ôm chặt nàng. Nàng cảm thấy cái của hắn nhỏ choắt, thông thượt bèn ngồi dậy bảo: "Nằm xuống".

Trong lúc đang nằm, nàng nghĩ: Cách duy nhất để thoát khỏi cảnh ngộ này là phải làm cho y lớn trở lại, nếu không thì mình sẽ phải chịu đựng y suốt cả đêm. Nỗi căm ghét nàng đã mang lại cho hắn khả năng tiên đoán: hắn biết rất rõ ý nghĩ gì đang diễn ra trong đầu nàng. Nàng bật đèn, với quyết tâm *kết thúc mọi chuyện* bằng thái độ kiên nhẫn, khôi hài, nhạy cảm hết mực. Hắn nằm xuống. Nàng ngồi xổm bên cạnh, ánh đèn từ trần nhà mờ chiếu trên bờ vai nâu rám, mái tóc đẹp, thẳng xoã xuống mặt. Nhưng nàng không nhìn mặt hắn. Nàng giống như người vợ diệu nghệ, mỗi mét hoặc giống như một cô điếm.

Nàng chế ngự và đang buộc bản thân làm hài lòng hắn. Được, hắn nghĩ, thể xác nàng khêu gợi, nàng có thể. Suốt thời gian đó, nàng đã thành công trong việc đánh bại sự miến cưỡng nhục dục, dấu hiệu tổn thương của ước muốn có thể chấp nhận được của hắn bằng cách sử dụng kĩ năng phớt lạnh như vũ khí có hiệu quả trong việc cám dỗ hắn. Ngay khi đó hắn quyết định: Tốt, ổn rồi, bây giờ mình đường hoàng với nàng, nàng đã làm sống dậy. Đây không phải là mèo, do vội vã hoặc lừa dối hắn, cái đánh bại hắn là ý tưởng minh bạch của nàng: Đây, giá trị của y là thế đấy.

Rồi, khi đã xong, đợi một lát, nàng đứng dậy, trần truồng, mảng lông ánh vàng dưới bụng và trong nách nàng nói với hắn bằng thứ ngôn ngữ khác hẳn ngôn ngữ từ đôi mắt mệt mỏi, xanh thẳm của nàng. Nàng nhìn hắn, suy nghĩ và thể hiện một cách đơn giản: Y thuộc cái hạng dàn ông nào đây...? Hắn dõi nhìn đôi vai thoảng cử động của nàng: chỉ một cái nhún vai dò hỏi. Nàng ra khỏi phòng; rồi có tiếng nước chảy. Lát sau nàng trở lại trong chiếc váy ngủ trắng, tay mang theo chiếc khăn tắm vàng. Nàng đưa khăn cho hắn, lichen sù quay nhìn đi chỗ khác khi hắn lau. "Bây giờ anh sẽ về nhà chứ?" nàng hi vọng hỏi về chuyện ấy.

"Không, anh không về". Hắn tin rằng bây giờ hắn sẽ phải bắt đầu một cuộc chiến nữa với nàng, nhưng nàng nằm xuống bên cạnh, không dùng vào người hắn (hắn có thể cảm nhận được sự chán ngán của nhục cảm nàng đối với hắn), hắn nghĩ: Được lắm, cứng à, nhưng đêm hãy còn dài dãy. Hắn nói lớn: "Tôi nay anh sẽ làm tình đúng kiểu với em". Nàng chẳng nói gì, chỉ nằm im và ngáp. Lát sau, nàng nói với vẻ *an ủi*, còn hắn thì hắn đã cười phá lên vì quá dỗi ngạc nhiên: "Đây khó có thể là môi trường thích hợp để làm tình". Nàng đang an ủi hắn. Hắn căm nàng vì điều đó. Đúng là đồ chó cái! Mình ép à lên giường, à đâu có muốn mình, nhưng à

vẫn làm cho mình sướng rơn lên, giống hệt một con điếm. Nhưng đâu cho có đang căm ghét nàng thì hắn vẫn trả lời dịu dàng bởi thói quen hào phóng dục tình. "Chỉ tại vì tôi ngưỡng mộ em, tại vì... sau rốt, tôi đang ôm ấp trong vòng tay một trong số cả ngàn phụ nữ".

Im lặng. "Cả ngàn ư" nàng hỏi, dè dặt.

"Cả ngàn phụ nữ đặc biệt".

"Ở Anh hay trên toàn thế giới? Anh chọn họ vì trí tuệ, vẻ đẹp của họ hay lời ngợi khen.

"Chà", cuối cùng nàng nói, kích thích hắn khôi hài lần nữa: "Tôi hi vọng chí ít cũng có một danh sách ngắn, anh có thể nói tôi ở trong đó, vì lịch sự".

Hắn không trả lời vì hắn biết mình đang buồn ngủ. Hắn vẫn luôn tự nhủ là phải cố thức, nhưng khi hắn từ từ tỉnh giấc thì trời đã sáng. Lúc ấy khoảng tám giờ. Barbara không ở đó. Hắn nghĩ: Lạy Chúa! Mình biết ăn nói với vợ sao đây? Barbara đâu rồi nhỉ? Hắn nhớ lại cảnh tượng kì quặc tối qua và suýt đâm ra xấu hổ. Sau một hồi suy nghĩ, cơn giận sống lại: Nếu ả không ngủ bên mình ở đây thì mình sẽ không bao giờ tha thứ cho ả... Hắn lặng lẽ ngồi dậy, quyết định lùng sục khắp nhà cho đến khi tìm thấy nàng, và sau khi thấy nàng thì hắn sẽ làm tình với nàng, lúc ấy cánh cửa mở ra, nàng bước vào. Nàng vận bộ đồ màu xanh, tóc chải gọn, mắt trang điểm. Nàng mang khay cà phê, đặt xuống bên giường. Hắn ý thức được cái cơ thể lông lá lùng nhùng to đùng của mình đang tồng tồng, nửa kín nửa hở. Hắn thầm nhủ, sẽ không chịu nằm trên giường, trần truồng trong lúc nàng đã vận xong sống áo. Hắn nói: "Em có cái áo ngủ nào không?" Không nói lời nào, nàng đưa cho hắn cái khăn và bảo: "Phòng tắm thứ hai bên trái". Nàng bước ra. Hắn đi theo, cái khăn quấn quanh người. Mọi thứ trong nhà đều xám, ám沉 - chẳng giống tí nào với căn phòng làm việc đủ tiện nghi của nàng. Hắn muốn tìm nơi

nàng đã ngủ bèn mở cánh cửa thứ nhất. Đây là bếp, nàng ở trong đó, đang đặt cái đĩa bằng đất nung lên lò. "Cửa bên cạnh", Barbara nói. Hắn vội vã bỏ cánh cửa thứ hai và (với hi vọng thầm lặng) mở cánh cửa thứ ba. Đây là cái tủ chứa đầy những vật dụng bằng vải lanh. "Cửa này này", Barbara đứng sau hắn nói.

"Vậy thì được rồi, em đã ngủ ở đâu?"

"Thì can hệ gì đến anh? Trên lầu, ở giường tôi. Bây giờ, nếu anh đã có được mọi thứ thì tôi xin ngỏ lời tạm biệt, tôi muốn đến nhà hát".

"Tôi sẽ đưa em đi", hắn nói ngay.

Lần nữa, hắn lại nhìn thấy sự chuyển động trong mắt nàng, bóng đèn nuốt chửng lấy ánh sáng trong sự chán nản vô cùng tận. "Tôi sẽ đưa em đi", hắn nhắc lại.

"Tôi thích đi một mình", nàng nói. Rồi nàng mỉm cười: "Đi nhiên, anh sẽ đưa tôi đi. Và nhất thiết anh sẽ đưa tôi đến nơi, để James và những người khác có thể chứng kiến - đây là lý do anh muốn đưa tôi đi, đúng không?"

Cuối cùng, hắn ghét nàng chỉ đơn giản vì trí thông minh của nàng, vì không phải một lần hắn phải từ bỏ mọi dự định, vì nàng đã thấu hiểu, kể từ phút hai người gặp nhau hôm qua, mỗi một hành vi trong kế hoạch hắn vạch ra để chinh phục nàng. Tuy nhiên, do sự thôi thúc của số mệnh hay bản năng nào đó mà hắn không kiềm chế nổi đã khiến hắn nói đầy cảm thông: "Cưng à, em phải hiểu rằng anh chỉ muốn đưa em đi làm thôi".

"Chẳng sao, tôi đồng ý", nàng nói, tráng trọng lừa hắn. Nàng vượt qua hắn đi đến phòng hắn đã ngủ. "Mười phút nữa tôi sẽ đi", nàng nói.

Hắn tắm nhanh. Khi hắn quay lại, phòng làm việc đã được dọn gọn gàng, giường được dọn, mọi dấu hiệu tối qua đã biến mất. Cả dấu vết của ly cà phê nàng mang cho hắn cũng không

còn. Hắn không dám đề nghị uống cà phê vì sợ nhận được lời từ chối thẳng thừng. Thêm nữa, nàng đã sẵn sàng, mặc áo khoác, túi xách tay khoác ở tay. Chẳng nói chẳng rằng, hắn ra cửa trước, nàng bước theo, im lặng.

Hắn có thể nhận ra mỗi một thớ thịt trên người nàng đều mang dấu hiệu của một thông điệp đơn giản: Ôi lạy Chúa, cầu xin khoảnh khắc để con có thể từ bỏ cái đồ thô lỗ này! À chẳng là gì cả ngoại trừ là con diếm mạt hạng, hắn nghĩ.

Taxi đến. Lên xe, nàng ngồi xa hắn ở mức có thể. Hắn nghĩ điều sê nói với vợ.

Đến nhà hát, nàng nói: "Có thể thả tôi ở đây, nếu anh thích". Đấy không phải là lời cầu xin, nàng không hạ mình vì điều đó. "Tôi sẽ đưa em vào", hắn nói và thấy nàng đang suy nghĩ: Rất tốt, mình sẽ chấp nhận để cho y xấu hổ. Hắn quyết tâm đưa nàng vào và trao nàng cho các đồng nghiệp, hắn sợ nàng lần thoát khỏi tay mình. Nhưng cuộc chơi dẫu đã diễn ra thế nào thì đường như nàng luôn quyết định chơi theo lối của hắn. Đến cửa sân khấu, nàng nói với người gác: "Đây là ông Spence, Tom - anh nhớ chưa, ông Spence tôi qua ấy? " "Chào Babs", người ấy nói và lịch sự kiểm tra Graham như mệnh lệnh được giao cho hắn.

Barbara đi đến cửa sàn diễn, mở ra và giữ cho hắn. Hắn vào trước rồi giữ cửa cho nàng. Họ cùng nhau bước vào khu vực tối om, đầy rác, giống hệt như một cái hang và nàng cất tiếng gọi: "James, James!" Giọng của một người đàn ông vọng đến từ phía trước tòa nhà: "Đây này, Babs, sao em đến trễ thế?"

Thính phòng mở ra trước mắt họ, tối đen, yên tĩnh, đợi công việc dọn dẹp buổi sáng của nữ lao công. Một cái máy hút bụi rít lên nho nhỏ gần đâu đó. Hai tay trang trí sân khấu đứng nhìn lên giọt nước được thiết kế theo màu xanh có những đường xoắn màu xanh đậm. James đứng quay lưng lại khu thính phòng, hút thuốc. "Em trễ rồi đấy, Babs", anh

ta nhắc lại. Trông thấy Graham đứng sau nàng, anh gật đầu chào. Barbara và James hôn nhau. Barbara nói, giọng nhấn đều trên từng âm tiết: "Anh còn nhớ ông Spence tối qua không?" James gật đầu: "Chào ông?" Barbara đứng bên cạnh anh ta, cả hai cùng nhìn tấm phông xanh nhạt sọc xanh đậm. Rồi Barbara nhìn lại Graham, lặng lẽ hỏi: Giờ thì xong, chưa đủ sao? Hắn có thể đọc trong mắt nàng nỗi khổ sở vì chán ngấy.

Hắn nói: "Tạm biệt Babs. Tạm biệt James. Tôi sẽ gọi cho em, Babs". Không có tiếng trả lời, nàng phớt lờ hắn. Lát sau hắn nghe tiếng James nói với Barbara: "Cái này không ổn đâu, Babs, anh hiểu em say mê hình dáng khác lạ của màu xanh ấy, nhưng thử nhìn lại xem, có một cô gái tốt bụng..." Graham rời sân khấu, đi qua văn phòng nơi người gác cửa sân khấu ngồi đọc báo. Anh ta ngược nhìn, gật đầu, rồi quay lại với tờ báo. Graham bước ra tìm taxi và suy nghĩ: tốt hơn là mình nên nghĩ lý do gì đó có sức thuyết phục trước khi gọi điện cho vợ.

May mắn thay, hắn đã có lý do để vắng nhà hôm đó, tối nay hắn phải phỏng vấn một anh chàng trẻ tuổi (cho truyền hình) về cuốn tiểu thuyết mới của anh ta.

LÊ HUY BẮC *dịch*

MARIO VARGAS LLOSA  
(Pêru)

## THẮNG ÚT

Bên cạnh đường có một tảng đá khổng lồ và ở trên nó có một con dốc. David cẩn thận chĩa nòng súng vào nó.

- Đừng bắn, anh! - Juan nói.

David hạ súng xuống, ngạc nhiên nhìn em mình.

- Thằng ấy có thể nghe thấy tiếng súng nổ, - Juan nói.

- Em có điên không đấy? Còn những 50 km mới tới thác nước kia mà.

- Có lẽ thằng ấy không ở thác nước mà lại ở thung lũng, - Juan cãi lại anh mình.

Cả hai đi bộ về phía những con ngựa. Anh em họ tiếp tục đi cho tới khi trời tối hẳn. Màn đêm như một tấm ga đen trùm lên họ và trong bóng tối cảnh trợt rọi ở cái vùng quanh hiu không cả bóng cây, không cả bóng người ấy thì có thể được nhìn thấy qua khung cảnh tĩnh mịch vốn được cô lại thành một hình hài ma quái. Cúi khom người trên lưng ngựa, Juan lo quan sát cho kỹ dấu ấn lờ mờ của con đường hẻm. Thằng em biết rằng anh em nó đã lên đến đỉnh đồi khi bất chợt thấy mình đang đi trên đất bằng. David ra hiệu anh em nó phải đi bộ. Chúng xuống ngựa, buộc ngựa vào tảng đá. Thằng em thả bờm ngựa, vỗ lén lưng mấy cái rồi nói thầm vào tai ngựa:

- Sáng mai gặp lại nhé. Mong sao chú mày không bị nóng.

Hai anh em xuống dốc ngay. David đi trước, cầm một chiếc đèn pin nhỏ, và ánh đèn chiếu sáng ở khoảng giữa chân nó và chân Juan. Vòng sáng ấy dừng lại một lát ở ngay địa điểm mà có lẽ thằng út sẽ đặt chân vào. Được mấy phút thôi, Juan đã ra khá nhiều mồ hôi, và những tảng đá thô ráp của vách núi in đầy vết móng tay Juan cào vào. Juan chỉ nhìn thấy cái đĩa sáng ở phía trước mình, nhưng nó nhận rõ tiếng thở và đoán được các cử động của anh mình: có lẽ anh ấy đang tiến lên, lòng đầy tự tin vào chính mình, băng qua mọi chướng ngại không một chút khó khăn trên mặt đất dốc trơn nhuồi nhuồi. Ngược lại trước mỗi bước đi nó đều phải dò tìm chỗ đất chắc, tìm cho được một chỗ dựa để vịn tay vào, ấy vậy mà đã suýt ngã vài lần. Khi anh em xuống đến vực, Juan nghĩ rằng chuyến đi xuống vực có lẽ lâu mất vài giờ. Thằng út mệt phờ và bây giờ nó nghe thấy tiếng thác nước đổ rất gần. Đây là một tấm màn bằng nước khổng lồ vào hào hùng sôi trào từ trên cao rồi ầm ầm như sấm rền đổ xuống một hồ nước làm nguồn sống không cạn kiệt cho một nhánh sông. Xung quanh hồ nước có rong rêu và cỏ dại mọc xanh quanh năm và đây là bãi cỏ duy nhất trong vòng hai mươi mét.

Anh em mình có thể nghỉ ngơi được rồi, - David bảo vậy. Người nọ dựa lưng vào người kia, anh em họ ngồi xuống. Đêm lạnh, không khí ẩm ướt, bầu trời quang đãng. Juan châm một điếu thuốc lá, thấy người mệt mỏi nhưng không buồn ngủ. Thằng em cảm thấy anh mình duỗi chân tay và ngáp dài, sau đó ít lâu không động đậy gì, cảm thấy tiếng thở của anh mình nhẹ và nhịp nhàng hơn, thi thoảng lại phát ra tiếng ngáy. Về phần mình, Juan cố ngủ lấy một giấc. Thằng em cố nằm thoái mái trong điều kiện có thể được giữa những hòn đá và cỏ thư giãn đầu óc, nhưng không làm được. Thằng em lại châm điếu

thuốc nữa. Ba tháng trước, khi thằng em đến điền trang thì đã hai năm trời nó không gặp anh trai và em gái mình. David vẫn là chính con người mà ngay từ bé nó vừa ghét vừa kính trọng, nhưng Leonor đã khác hẳn, không còn là cái cô bé thò đầu qua cửa sổ của ngôi nhà La Mugre để ném đá xuống những người thổ dân Anhđiêng bị trừng phạt mà là một người đàn bà cao, có điệu bộ nguyên thủy, và như thiên nhiên bao quanh, sắc đẹp của cô gái có vẻ tàn bạo. Trong đôi mắt em gái xuất hiện một ngọn lửa bao la. Juan cảm thấy một cơn chóng mặt choán lấy mắt mình, một cú trống rỗng trong dạ dày mình mỗi lần nhớ lại hình ảnh thằng ấy mà anh em nó đang truy tìm. Tuy nhiên, buổi đêm về sáng ngày hôm ấy, khi Juan nhìn thấy Camilo vượt qua cánh đồng trống vốn tách ngôi nhà - điền trang ra khỏi xóm làng, để chuẩn bị ngựa, thì Juan đã dao động.

- Chúng mình hãy nhẹ nhàng mà đi. Không được làm cho con bé thức giấc đấy, - David bảo vậy.

Thằng em có cảm giác ngọt ngạt lạ lùng cứ như đang đứng trên đỉnh núi cao nhất của Cordillera, trong lúc nó rón rén đi trên năm đầu ngón chân để bước xuống từng bậc thềm ngôi nhà - điền trang và trên con đường hoang vắng chạy men theo cánh đồng, nó hầu như không cảm thấy đòn muỗi dày đặc bay tấp mạnh vào người nó và đốt đau điếng đến hổng cả làn da người thành phố của mình ở tất cả mọi chỗ quang đãng. Vào lúc bắt đầu trèo núi, cảm giác ngọt ngạt tan mất. Thằng em không là kị sĩ cù khôi và cái vực sâu đã hớp mất hồn nó, bởi cái vực ấy hiện ra như miệng một con rắn chực nuốt nó ở một bên con đường. Suốt cả chuyến đi lúc nào thằng em cũng phải cảnh giác theo dõi từng bước đi của con ngựa mình cưỡi và tập trung cao độ ý chí để chống lại cơn ngất xỉu ngày một tăng thêm đe doạ nó.

Nhìn kia.

Juan giật mình sợ hãi, nói:

- Anh, em giật nẩy mình. Em cứ tưởng anh ngủ rồi.

Ở đằng xa nơi phát ra tiếng thác đổ ầm ầm, có một đống lửa lập loè đang bay là là trên mặt đất.

- Đó là một ngọn lửa, - David bảo. - Anh thế rằng là nó đấy. Chúng mình đi thôi!

Hãy đợi cho đến khi trời sáng đã nào, - Juan thì thào nói. Bỗng nhiên cổ họng thằng út khô khốc và bỏng rát. - Nếu thằng ấy bỏ chạy thì chẳng bao giờ chúng mình đuổi kịp nó trong những đám sương mù dày đặc này.

- Nó không thể nghe thấy tiếng bước chân anh em mình chạy trong khung cảnh thác nước đổ ầm ầm thế này đâu. - David trả lời với giọng cả quyết, tay xốc lấy cánh tay em út mình. - Nào, chúng mình đi thôi.

David bắt đầu lướt đi cúi mình sát xuống sườn đồi. David đi rất thong thả, thân người cúi xuống như để chuẩn bị xung phong ấy. Juan đi bên cạnh David, chân vấp hoài phải đá, mắt dán vào thứ ánh sáng lúc to lúc nhỏ như ai đó đang thổi lửa. Trong lúc anh em họ ngày một đến gần, và ánh sáng của ngọn lửa giúp họ phát hiện ra bãi đất ngay cạnh đây sỏi đá um tùm cỏ dại, cho thấy bờ của hồ nước nhưng tuyệt nhiên không cho họ thấy một bóng người. Tuy nhiên, lúc này? Juan đã chắc tin rằng cái thằng mà anh em họ đang truy đuổi ấy đang có mặt tại đây, ẩn sâu mình trong những bóng tối kia, tại một địa điểm gần ngọn lửa.

- Thằng ấy đấy, - David nói. - Em có thấy không?

Trong một khoảnh khắc, những lưỡi lửa mỏng manh lướt rời sáng một gương mặt nhìn nghiêng đen sạm và hoảng hốt đang tìm hơi ấm.

- Chúng mình làm gì hả? - Juan thầm thì hỏi, dừng bước đứng khụng lại. Nhưng David không còn ở bên cạnh, mà đang chạy bổ đến nơi bộ mặt chạy trốn kia vừa ló ra.

Juan nhắm mắt lại, tưởng tượng ra người Anhđiêng đang quỳ gối, hai tay vươn dài ra về phía lửa cháy, hai con người lấp lánh những ánh lửa hồng trong bếp: bỗng nhiên một cái gì đó rơi trên người hắn và hắn nghĩ đến một con thú khi cảm thấy hai bàn tay bạo liệt khoá lấy cổ mình, và thế là hắn đã hiểu. Có thể hắn cảm thấy một nỗi kinh sợ vô cùng trước cuộc tấn công bất ngờ đến từ trong bóng tối và thằng em chắc tin rằng - ngay đến tự vệ thằng mọi Anhđiêng cũng không dám mà có lẽ nói chỉ còn biết co rúm người như một con ốc để thu nhỏ thân hình lại và cố mở to hai con mắt để qua làn sương mù nhận ra người tấn công mình. Thế là thằng em nhận ra tiếng nói của David: "Đồ đỉu, mày đã là gì hả?", "Mày đã làm hả, đồ chó?" Juan nghe thấy tiếng nói của David và biết rằng anh mình đang thảng chân đá túi bụi và đôi lúc hình như không đá trúng thằng mọi Anhđiêng mà lại đá phải những hòn đá bên bờ hồ. Điều đó lại càng làm cho anh mình nổi giận thêm. Thoạt đầu một tiếng kêu rống chậm rãi, như thể thằng Anhđiêng súc miệng, vang đến tận chỗ Juan đứng nhưng sau đó nó chỉ còn nghe thấy tiếng hét điên cuồng của David, những lời đe dọa và cả những lời chửi bới của anh mình. Bỗng nhiên, Juan phát hiện ra khẩu súng lục nằm trong lòng bàn tay phải và ngón tay mình đang siết nhẹ lên cò súng. Thằng em hốt hoảng nghĩ rằng nếu bắn thì chắc là đã giết luôn cả anh mình rồi. Tuy nghĩ vậy, nhưng Juan vẫn không chịu tra súng lục vào bao, ngược lại, trong lúc tiến về phía đống lửa đang cháy, nó cảm thấy bình tĩnh lấm lamm.

- Đủ rồi, David! Juan gào toáng lên. - Hãy cho nó một phát đạn. Không nên đá nó thêm nữa.

-Không có tiếng trả lời. Giờ đây Juan không nhìn thấy bọn họ và nghĩ rằng thằng Anhđiêng mọi rợ và anh mình, hai người ôm nhau vật lộn trong bãi đất được ánh lửa bếp chiếu sáng. Thằng em không thấy họ nhưng nó nghe rõ tiếng động

khô khốc của những cú đá và thi thoảng cả một lời chửi rủa hay một tiếng thở hổn hển.

- David ơi, anh hãy ra khỏi đáy - Juan gào toáng lên. - Em nổ súng đây này.

Juan cố ghìm lòng chờ một lúc, sau đó nhắc lại:

- Hãy buông nó ra đi, David. Em xin thề với anh rằng em bắn nó ngay.

Cũng vẫn không có tiếng trả lời.

Sau khi bắn phát súng đầu tiên, Juan đứng yên một lúc trong tâm trạng thoảng thốt, nhưng ngay lập tức tiếp tục bắn và không cần ngắm cho đến khi cảm thấy tiếng rung ngân của sắt thép khi cò súng nổ vào ổ đạn rỗng. Juan đứng dần người ra mà không biết khẩu súng lục tuột khỏi tay rơi xuống chân mình. Tiếng âm ầm của thác nước đổ bỗng biến đâu mất. Một cơn rùng mình chạy khắp người thằng em. Da nó ướt sưng mồ hôi. Nó hår như không thở. Đột nhiên nó thét toáng lên:

- David ơi!

- Tao đây, đồ con lợn ạ! - Một giọng nói vừa thảng thốt vừa giận dữ vang lên bên tai thằng em. - Mày cũng biết là mày đã giết cả tao rồi hả. Mày lại điên rồi hay sao?

Juan xoay người quanh gót chân mình, mở rộng hai cánh tay rồi ôm lấy anh mình. Ghì chặt ông anh trong vòng tay mình. Juan lảm nhảm nói những chuyện không tài nào hiểu nổi rồi rên rỉ và hình như không hiểu những lời nói của David lúc này đang cố an ủi. Juan khóc lóc và nhắc đi nhắc lại những lời không đúng lúc một hồi rõ lâu. Khi bình tĩnh lại, thằng em sực nhớ đến người Anhđiêng.

- Thằng ấy đâu rồi, David?

- Thằng ấy hả? - David đã lấy lại bình tĩnh. Böyle giờ cậu ta nói với giọng mạnh mẽ hơn. - Làm sao em tin rằng thằng ấy có mặt ở đây?

Bếp lửa vẫn cháy nhưng sức chiếu sáng đã yếu đi rất nhiều. Juan cầm lấy một thanh củi to và đi tìm người Anhđiêng.

- Anh đã nhìn thấy nó chưa hả David?

- Rồi. Anh đã thấy rồi! Nào chúng mình đi khỏi roi đây thôi.

Juan thẩn thờ và điếc đặc bước đi cứ như thể đi trong một giấc mơ mà cảm thấy David đang lôi mình lên đỉnh núi. Việc leo núi làm họ tốn nhiều thời gian. David một tay cầm đèn pin tay kia ôm lấy Juan, người lúc này mềm nhũn, vẫn trượt hoài trên những tảng đá chắc chắn nhất và lăn xuống tận sàn đất mà không hề phản ứng. Trên đỉnh núi, cả hai anh em mệt rã, kiệt sức. Juan rúc đầu trong hai cánh tay mình, nằm thảng cẳng thở từng hơi dài. Khi đứng dậy, thằng em nhìn ông anh đang dùng đèn pin kiểm tra vết thương cho mình.

Mấy chú ngựa rét run lấy bẩy và mũi chúng xanh lè. David dùng tay lau sạch mũi, mơn lung và mông, tặc tặc lưỡi một cách âu yếm ngay tại tai chúng. “Bây giờ bọn ta được sưởi ấm rồi”, David thủ thỉ vào tai mấy chú ngựa.

Khi hai anh em lên ngựa thì trời vừa sáng. Một thứ ánh sáng yếu ớt ôm quanh những ngọn núi. Một rảng mây trắng trải dài theo đường chân trời bị đứt quãng, nhưng các vực núi vẫn chìm trong bóng tối. Trước khi xuất phát, David tu một hơi dài thứ nước đựng trong bình toong sau đó trao nó cho Juan, người không muốn uống lúc này. Anh em cưỡi ngựa đi suốt cả buổi sáng trong một khung cảnh nhiều trắc trở. Họ để mấy chú ngựa mặc sức đi theo sở thích. Đến trưa, họ nghỉ chân và chuẩn bị cà phê. David ăn một ít bơ với hạt đậu rang do Camilo cắt trong ruột tượng. Khi trời tối, họ nhìn thấy hai cây gỗ bắt chéo hình chữ A ở giữa treo tấm biển đê La Aulora. Đám ngựa hí vang mừng rõ vì nhận ra dấu đánh dấu hiệu ranh giới của điền trang.

- Nghỉ thôi. - David bảo. - Đến giờ rồi. Anh mệt nhoài. Hai gói em thế nào rồi?

Juan không trả lời.

- Em đau l้า phải không? - David gặng hỏi.

- Em sẽ không trở lại điền trang. Em ngán rừng núi l้า rồi. Em sẽ mãi mãi sống ở thành phố. Em chẳng muốn biết gì về đồng ruộng cả.

Juan nhìn về phía trước cố lảng tránh đôi mắt của David hiện đang tìm ánh mắt nó.

- Vậy điều gì đã xảy ra với em nào?

Juan quay lại phía anh mình. Lúc này Juan có bộ mặt hốc hác, giọng nói chua xót.

- Điều gì đã xảy ra với em ư? Anh có hiểu điều anh nói không? Anh đã quên mất cái thằng ở thác nước rồi à? Nếu em ở lại điền trang thì kết cục em sẽ tin rằng việc làm những chuyện như thế là bình thường.

Thằng em định nhấn thêm chữ “như anh ấy” nhưng nó không dám nói hết ra.

Hai giờ sau, anh em họ về đến ngôi nhà lá của Camilo được dựng trên một cái gò đất nằm giữa ngôi nhà - điền trang với các khu nhà khác. Trước khi hai anh em dừng chân, cửa nhà đã mở và Camilo đã hiện ra. Tay cầm chiếc mũ cối, đầu cúi xuống vẻ kính cẩn, hắn đi về phía anh em rồi đứng ngay giữa hai chú ngựa, cầm ngay lấy cương.

- Mọi chuyện đều tốt đẹp chứ? - David hỏi.

Camilo lắc đầu, nói:

- Cô bé Leonor...

- Đã có chuyện gì với Leonor à? - Juan cắt ngang lời Camilo, nhổm hắn người chân đứng trên hai bàn đạp.

Bằng thứ lời ăn tiếng nói chậm chạp và nhầm lẫn của mình. Camilo giải thích rằng từ cửa sổ phòng mình Leonor đã nhìn thấy anh em họ ra đi trong buổi đêm về sáng hôm ấy, và rằng có lẽ bọn họ mới chỉ đi xa nhà chừng một cây số.

cô đã có mặt ở ngoài bãi trống, mặc quần cưỡi ngựa, chân đi ủng, gào toáng lên để ra lệnh chuẩn bị ngựa cho cô. Theo đúng lời dặn của David, Camilo đã không chịu nghe lệnh cô. Thế là lúc đó, như một người đàn ông thực thụ, Leonor mạnh mẽ bước vào chuồng ngựa, tự tay thăng lấy yên cương, áo khoác và đủ bộ đồ dùng cho Colorado, con ngựa nhỏ bé và hay run sợ nhất mà cô ta thích trong số ngựa của điền trang La Aulora.

Khi cô chuẩn bị cưỡi ngựa, các cô hầu và ngay cả Camilo đã giữ cô lại. Trong một thời gian rất lâu, bọn họ phải chịu đựng những lời chửi bới, những cú đá của cô, người vì thất vọng quá đã đánh lộn, rồi van nài rồi đòi hỏi người ta phải để cho cô đi theo các anh mình.

Sau khi chửi bới và cầu xé các cô hầu, cô bắt đầu gào khóc và trở về nhà. Từ đó, cô đóng chặt cửa ở lì trong phòng.

Cứ theo tiếng sủa của bầy chó, Leonor biết rằng họ đã trở về. Khi cô đang nửa thức nửa ngủ, tiếng gầm gừ khàn khàn cắt ngang đêm tối và một con vật mệt mỏi đi qua bên dưới cửa sổ phòng cô như một làn hơi. Đó là con Spoky. Cô để ý đến cách đi khép nép và tiếng sủa không thể nhầm lẫn của nó. Ngay sau đó cô nghe thấy tiếng chân chạy lẳng cảng và tiếng kêu không thành tiếng của Domitila - con chó cái đang có chửa. Tinh thần hăng hái tấn công của bầy chó bỗng tan biến. Thay cho tiếng sủa chu chéo là tiếng thở phán khích mà bầy chó thường dùng để đón David. Qua khe hở cô nhìn thấy hai anh trai mình đang trở về nhà và nói, cô nghe thấy tiếng động của cửa chính lúc mở ra và đóng lại. Cô đợi họ lên cầu thang và đến phòng mình. Khi cửa bật mở, Juan vươn tay ra để ôm lấy em gái.

- Chào bé, - David lên tiếng.

Cô để cho họ ôm mình và hôn trán nhưng cô không hôn hai anh. Juan châm đèn.

- Vì sao các anh không báo cho em biết? Các anh cần phải báo cho em biết chứ. Em muốn đuổi theo các anh nhưng Camilo không chịu. David ạ, nếu anh thấy hắn lôi em như thế nào thì anh phải phạt hắn. Hắn là một kẻ ương bướng và thô bạo. Em đã van vỉ hắn để hắn buông em ra nhưng hắn không chịu nghe lời.

Cô bắt đầu hăng hái nói nhưng giọng cô đã khản đặc. Tóc cô rối bù. Chân cô không đi tắt. David và Juan cố an ủi cô. Họ xoa đầu cô, cười với cô và gọi cô là bé.

- Bọn anh không muốn làm bé kinh sợ. - David nói. - Hơn nữa, bọn anh cuối cùng quyết định đi vào giờ mà lúc đó bé đã ngủ rồi.

- Đã xảy ra chuyện gì chưa? - Leonor hỏi.

Juan cầm lấy tấm khăn choàng, choàng nó lên người em gái. Loenor đã thôi khóc. Da cô xanh tái, miệng cô hé mở và mắt cô khao khát chờ đón tin tức.

- Chưa! - David nói. - Chưa xảy ra chuyện gì cả. Bọn anh không tìm thấy thằng ấy.

Nỗi lo lắng căng thẳng biến mất trên gương mặt Leonor. Một biểu hiện thanh thoát hiện trên làn môi cô.

- Nhưng bọn anh sẽ tìm thấy nó, - David nói.

Với một cử chỉ nhẹ nhàng, anh ra hiệu cho cô hãy yên đi ngủ. Sau đó, anh quay ra.

- Hãy khoan đã nào. Các anh chờ có đi vội. - Leonor nói. Juan vẫn đứng nguyên tại chỗ, hỏi:

- Chuyện gì vậy hả em gái bé bỏng?

- Các anh hãy thôi truy tìm thằng ấy đi.

- Em đừng lo, - David nói, - Hãy quên chuyện áy đi bé gái. Đó là chuyện của cánh đàn ông. Em hãy để chuyện đó cho bọn anh lo.

Thế là Leonor lại khóc và lần này thảm thiết hơn nhiều.

Cô đưa tay lên ôm lấy đầu. Toàn thân cô run lên bần bật như bị điện giật. Những tiếng gào khóc của cô làm kinh động bầy chó lúc này bắt đầu sửa ở dưới chân cửa sổ. David, bàng cù chỉ ra hiệu cho Juan giúp mình an ủi Leonor, nhưng thằng em cứ đứng ý ra một chỗ.

Thôi, được rồi em gái bé bỏng ạ, - David nói. - Em đừng khóc nữa nhé. Bọn anh thôi không truy tìm cái thằng ấy nữa.

- Nói dối! Anh nói dối. Anh sẽ giết nó mà. Em thừa biết anh rồi mà.

- Anh sẽ không làm điều đó, - David nói. - Nếu em thấy thằng ấy không đáng bị trừng trị thì...

- Nó không làm gì em cả. - Leonor, nói rất nhanh, rắng cắn chặt lòn môi dưới.

- Em chớ nghĩ nhiều đến chuyện đó. - David cố khuyên giải em. - Chúng ta hãy quên nó đi. Em gái bé bỏng, em hãy bình tâm lại đi.

Leonor vẫn khóc tiếp. Má và môi cô vẫn ướt đẫm nước mắt. Chiếc khăn choàng vai rơi xuống sàn nhà.

- Nó không làm gì em cả. - Leonor nhắc lại. - Em nói dối đấy.

- Em có hiểu điều em nói không đấy? - David hỏi.

- Em không tài nào chịu nổi khi thấy nó bám riết lấy mình ở mọi nơi mọi chốn. Như một chiếc bóng suốt ngày nó ám em.

- Anh có lỗi. - Với vẻ cay đắng, David nói. - Một cô gái mà cứ một thân một mình bay nhảy ngoài đồng thì quả thật là nguy hiểm. Anh sẽ rá lệnh để họ chăm nom em. Anh không nên quá tin vào chỉ một gã Anhđiêng. Bọn chúng như nhau cả thôi. - David ạ, nó không làm gì có hại cho em đâu. Hãy tin em đi. Em đang nói thật với anh đấy. Anh hãy hỏi Camilo thì biết. Anh ta biết là không có chuyện gì cả. Vì lẽ đó, anh ta đã giúp nó ẩn trốn đấy. Anh không biết sao? Đúng thế, nó đã đi. Em đã nói ra điều đó. Chỉ để thoát khỏi nó, em đã bịa ra câu

## THẮNG ÚT

chuyện ấy thôi. Camilo biết hết mọi chuyện. Anh hãy hỏi ta đi thì sẽ rõ ngay mà.

Dùng mu bàn tay, Leonor lau khô hai má mình. Cô i khăn choàng lên và quàng nó trùm kín hai bờ vai m Đường như cô đã thoát khỏi một cơn mê sảng.

- Ngày mai chúng mình sẽ băn về chuyện ấy. - David nói. Bây giờ chúng mình đều mệt mỏi cả rồi. Cần phải trước đã.

- Không cần! - Juan nói.

Leonor phát hiện ra anh mình ở ngay bên cạnh: cô quên beng việc Juan cũng có mặt tại đây. Trán Juan nhăn với hai cánh mũi cứ pháp phà pháp phồng y hệt cái mõm Spoky.

- Ngày bây giờ em lại lặp lại điều em đã nói. - Juan nói cách hết sức lạ lẫm. - Em sẽ lại lừa dối bạn anh như đã lừa

- Em đã nói thật mà. - Leonor van vỉ, với ánh mắt hết i David lại nhìn Juan. - Ngày ấy, em bảo nó để em đi một n nhưng nó không muốn. Em ra đến tận sông và nó vẫn leo theo sau. Em không tài nào có thể tắm thoái mái được. những con chó, nó dừng lại ở phía xa canh chừng cho em. Em không thể cứ bình thản tắm trước ánh mắt của nó. Tt em về nhà và kể chuyện ấy cho các anh nghe.

- Hãy đợi nào Juan! - David nói. - Bây giờ em đi đâu? đợi nào.

Juan đã quay gót đi về phía cửa. Khi David định ngăn Juan đã nỗi cáu. Như một kẻ bị ma ám, Juan bắt đầu chử thậm tệ: gọi em gái là đồ con đĩ, gọi anh trai là đồ khốn i rồi phũ phàng đầy David sang một bên - người lúc đó m chặn đứng thẳng em lại. Sau đó, Juan nhảy ra khỏi ngôi để lại sau lưng mình một tràng những lời chửi bới. Từ c phòng mình, Leonor và David nhìn Juan băng qua cánh c với tất cả sức bình sinh mà miệng không hé hét như

thẳng điên, và họ nhìn thấy cậu bước vào tàu ngựa rồi sau đó ít lâu hiện ra đang cưỡi trên lưng trần con ngựa Colorado! Con ngựa tinh ranh của Leonor cứ ngoan ngoãn đi theo hướng mà đôi bàn tay thiếu kinh nghiệm cầm cương chỉ cho nó; nó nhảy nhót rất điệu nghệ, lúc thì đổi bước, lúc thì múa chiếc đuôi vàng như một chiếc chổi. Nó cứ phi như thế cho đến tận mép con đường đi ra thành phố len lỏi giữa những núi đồi, những dãy đèo cao và những bãi cát trải rộng mênh mông. Tại đấy nó nổi loạn. Nó đứng thẳng người trên hai chân sau mà hí vang, quay vòng tròn như một vũ nữ, rồi phi thật nhanh trở lại cánh đồng.

- Con ngựa sẽ hất ngã anh ấy mất, - Leonor nói.
- Không! - David nói. - Em hãy nhìn, Juan vẫn cưỡi ngon lành.

Rất nhiều người Anh điêng từ trong nhà bước ra cửa và thẳng thốt ngắm nhìn cảnh tượng cậu em ông chủ ngồi vững vàng trên lưng con ngựa đồng thời lấy chân nện thật lực vào lườn con vật, còn tay thì đấm mạnh vào đầu nó. Bị nện đau điếng, con ngựa đi xiên xéo hết bên nọ sang bên kia, nhảy cẳng rồi nhảy chồm chồm tạo ra những nước phi ngắn, chóng mặt và đột ngột dừng phắt lại nhằm quật ngã kẻ đang liều lĩnh cưỡi trên lưng nó nhưng chàng kị sĩ vẫn cưỡi vững vàng cứ như thể dính chặt vào lưng con vật. Leonor và David thấy Juan lúc hiện lúc ẩn, ngồi vững vàng hơn cả người dạy ngựa tài ba nhất, và cả hai đều im lặng, thẳng thốt. Bỗng con Colorado đầu hàng, cái đầu thon thả của nó treo dài xuống nền đất, y như nó đang xấu hổ lắm. Nó đứng yên thở phì phò mệt lử. Trong khoảnh khắc ấy, mọi người những tưởng Juan đã trở lại; Juan cho con ngựa đi về phía ngôi nhà - điền trang và dừng ngựa lại trước cửa, nhưng không xuống ngựa. Cứ như thể vừa nhớ ra điều gì, Juan cho ngựa quay trở lại phi thẳng đến ngôi nhà vốn được gọi là La Mugre. Juan nhanh

nhẹn nhảy xuống ngựa. Cửa đã được gài then chắc chắn nhưng Juan đã đá tung cánh cửa. Tiếp đó, Juan thét bảo những người Anh điêng ở bên trong rằng hãy ra ngay, rằng sự trừng phạt đã không còn hiệu lực nữa đối với tất cả. Sau đó, Juan trở về ngôi nhà - điền trang, cho ngựa thong thả đi từng bước một. David đợi thằng em ngay tại cửa chính. Juan đã bình tĩnh hoàn toàn; người dâm mê hôi nhưng ánh mắt đầy vẻ tự hào. David đến bên em, khoác lấy vai em đưa vào tận trong nhà.

- Nào, chúng mình sẽ cạn một ly rượu trong lúc Leonor chăm sóc vết thương nơi đầu gối cho em, - David bảo thế.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC *dịch*

VLADIMIR MACANIN  
(Nga)

## TÙ BINH ÇAVCAZ

Những người lính, thật ra, không hiểu được ý nghĩa câu nói: "Cái đẹp cứu vãn thế giới", nhưng cái đẹp ra sao thì cả hai, nói chung, đều cảm nhận được. Họ cảm thấy vẻ đẹp của vùng rừng núi hoang vu này quá chừng đe dọa. Giữa khe núi hẹp có những con suối róc rách chảy vui tai, nhưng bấy rừng trống mở ra trước mắt làm họ lo ngại. Rubakhin đi đầu, anh là người có kinh nghiệm hơn.

Những quả nùi này dẫn đến đâu đây? Khoảng không gian tràn ngập ánh mặt trời làm Rubakhin nhớ đến tuổi thơ hạnh phúc (tuổi thơ chưa từng có đối với anh). Những cây rừng phượng Nam (mà anh không biết tên) trang trọng, kiêu hanh đứng trên đá cỏ. Nhưng chính những đá cỏ cao đang thở dưới làn gió nhẹ lại làm xao động tâm hồn cái thung lũng này hơn cả.

- Dừng lại, Vovca. Đừng có hấp tấp. - Rubakhin khẽ nhắc.

Xuất hiện trên khoảng đất trống khác nào đứng ngay trước điểm ngắm của Vovca - Xạ Thủ.

Trước khi ra khỏi bụi rậm, Vovca - Xạ Thủ đưa khẩu các bin lên và chậm rãi rê nòng súng từ trái sang phải, lợi dụng ống ngắm của khẩu súng như ống nhòm. Anh ta nín thở đảo mắt quanh khoảng trống ngập trong ánh nắng mặt trời hào

phóng, bỗng nhiên nhìn thấy chiếc đài bán dãnh nhỏ trên một mõ đất.

- A ha! - Vovca - Xạ Thủ kêu lên. (Mõ đất khô ráo. Mặt kính của chiếc đài lấp lánh dưới ánh mặt trời).

Hai người lính mặc đồ rằn ri chạy dích dắc những bước nhỏ đến cái tăng xê sâu nửa thân người vốn là đường ống ga đã bỏ hoang từ lâu bên cạnh gò đất có màu mùa thu hung đỏ. Họ ngắm nghía chiếc đài trong tay và nhận ra đó là chiếc đài của binh nhất Baiarcov. Khi nào uống rượu say anh ta thường thích tách mình ra một chỗ, nằm ôm lấy chiếc đài cũ kĩ này. Vạch đám cỏ cao họ tìm thấy Baiarcov nằm cách đó không xa, tựa vào hai tảng đá. Anh ta đã chết (Người lính bị bắn trực diện, có vẻ như không kịp dụi đôi mắt say rượu của mình. Đôi má hõm sâu. Trong đơn vị họ đã kết luận là cậu ta bỏ trốn). Không có một thứ giấy tờ nào. Cần phải thông báo. Nhưng tại sao bọn phỉ lại không lấy chiếc đài nhỉ? Bởi vì đó là vật chứng? Không phải, mà là vì nó đã quá cũ, quá nát. Đó không phải là đồ vật. Tình huống không thể đảo ngược (cái chết là một trong những tình huống không thể đảo ngược rõ ràng nhất) đã thúc giục, xô đẩy bất chấp ý muốn: nó làm cho hai người lính tất bật, vội vã. Họ dùng những mảnh đá sắc cạnh hùng hục đào rất nhanh một cái hố để chôn người chết. Cũng nhanh như vậy, một gò đất nhỏ được đắp lên trên để làm dấu. Xong việc, những người lính lại tiếp tục lèn đường.

Vừa ra khỏi ngách núi hẹp họ lại thấy trước mắt một vùng cỏ mọc cao, tươi tốt, khẽ xao động. Và những con chim ríu rít trên trời (trên cả cây cối, trên đầu hai người lính). Có thể, trong ý nghĩa này, cái đẹp đang cứu vãn thế giới. Nó hiển hiện như một sự chỉ dẫn không cho con người đi chệch đường. (Họ đi cách con đường không xa lắm, vừa đi vừa nhìn ngó). Cái đẹp buộc người ta phải cẩn trọng, cái đẹp còn buộc người ta phải nhớ.

Tuy nhiên, lần này quãng cổ trống tràn ngập ánh mặt trời trước mặt hìn như khá quen thuộc và không còn nguy hiểm. Những quả núi tản ra, lùi lại ở phía xa. Đằng trước là con đường bằng phẳng, xa hơn chút nữa là ngã ba đầy bụi do xe cộ đi lại nhiều. Nơi đó là doanh trại. Những người lính bất giác rao bước.

Tuy nhiên, đại tá Gurov không ở đơn vị mà ở nhà. Cần phải tới đó. Không nghỉ lấy một phút, hai người lính đi một mạch thẳng tới nhà đại tá, một người mạnh nhất ở vùng này, mà cũng có thể, còn là người mạnh nhất khắp các vùng lân cận (cũng đẹp đẽ và tràn ngập ánh mặt trời như vậy). Ngài đại tá sống với vợ trong một ngôi nhà xây theo kiểu thôn quê có hàng hiên hóng mát, có giàn nho, có vườn tược bao quanh. Cả một cơ ngơi. Giữa trưa, trời nóng bức. Trên hiên nhà, đại tá Gurov và ông khách Alibecov no nê sau bữa trưa đang thiu thiu trên chiếc ghế mây chờ uống chè. Rubakhin báo cáo đại tá. Anh áp úng, lúng túng. Gurov ngái ngủ nhìn hai người lính quân phục nhau nát, bụi bặm (những thằng lính không gọi mà đến với cái mặt lợ hoắc lợ huơ, chả được cái tích sự gì); thoát một cái Gurov dường như trẻ lại; ông gay gắt hét toáng lên rằng cho dù có là ai thì ông đây cũng không giúp! Quý tha ma bắt đi chứ giúp với chẳng đở! Thậm chí ông còn thấy tức cười khi nghe người ta yêu cầu ông phái lính của mình đi đâu đó để giải thoát cho bọn lái xe ngu xuẩn đã để cho đám xe tải mắc kẹt trong hẻm núi!...

Đã thế ông không cho hai thằng lính này đi vội. Nguôi cơ túc ông ra lệnh cho cả hai dọn đống cát to lù lù trước cổng: cứ để cho chúng lao động ở nhà ông một cách trung thực xem sao hăng. Đằng sau quay! Làm sao cho cả cái núi cát kia được rải khắp các đường nhỏ! Trong nhà, ngoài vườn chỗ nào cũng bẩn, mè nó chử, chẳng còn có chỗ mà đi!... Bà vợ ngài đại tá, cũng như tất cả các bà chủ trên đời, phấn khởi ra mặt khi thấy có

các chàng lính đến giúp. Anna Fedorovna tay áo xắn cao, đi đôi ủng cũ nát của chồng, lập tức xuất hiện ngoài vườn rau, vui vẻ réo lên: "Để họ giúp tôi đánh thêm mấy cái luống nữa!"

Những người lính chở cát trên xe đẩy. Họ đổ cát xuống con đường nhỏ và dùng xéng san đều. Nóng bức. Mà cát thì ẩm, chắc mới lấy từ sông về.

Vovca đặt cái dài bán dẫn của tay binh nhất bị giết lên đống cát. Bắt được sóng âm nhạc, hắn khẽ vận nút điều chỉnh vừa đủ nghe và không làm ảnh hưởng đến cuộc nói chuyện của chủ nhà với ông khách dưới mái hiên. (Alibecov, căn cứ vào cái giọng đều đều kéo dài của lão, chắc đang mặc cả mua bán vũ khí, một công việc quan trọng).

Chiếc dài nhỏ nằm trên đống cát lại làm cho Rubakhin nhớ tới cái nơi mà Baiarcov chọn để chết - chỗ ấy mới đẹp làm sao. Thằng ngốc say rượu sợ ngủ ở trong rừng nên mới mò ra quang trống, mà lại còn chọn gò đất cao để mà nằm nữa chứ. Khi bọn phỉ đổ xô đến, Baiarcov đã đẩy chiếc dài nhỏ (người bạn tin cậy của mình) về phía tăng xê. Hắn sợ người ta cướp mất chiếc dài, thôi thì bản thân thế nào cũng được, nhưng cái dài thì quyết không đưa. Nhưng cũng chưa chắc đã phải vậy! Có thể đơn giản gã say này ngủ, cái dài tuột khỏi tay rồi lăn theo sườn dốc xuống.

Chúng đã giết người một cách trực diện. Những thằng phi trẻ. Đó là những kẻ muốn giết thật nhanh người đầu tiên để cho quen đi. Thậm chí giết cả người đang ngủ. Chiếc dài nhỏ giờ đây nằm trên đống cát, còn Rubakhin thì cứ nhớ hoài đến cái gò đất hung đỏ với hai bụi cây gai bám chặt vào sườn dốc phía Bắc. Vẻ đẹp của nơi ấy khiến người ta choáng váng và Rubakhin không nguôi nghĩ tới (càng ngày nó càng ám ảnh anh) cái sườn dốc nơi Baiarcov nằm ngủ, tới cái gò đất, tới đám cỏ, tới những đám lá vàng của bụi cây, và những thứ này cho anh thêm một kinh nghiệm sống nữa, một thứ kinh

nghiệm không gì thay thế được. Cái đẹp thường xuyên trong tư thế cứu giúp. Nó làm sống lại trí nhớ của con người. Nó nhắc người ta nhớ lại.

Thoạt đầu họ chở những xe cát trên con đường đất nhão nhoét, sau nghĩ ra cách trải những tấm gỗ lên trên. Vovca ranh mãnh đẩy chiếc xe nhỏ hơn đi đầu, phía sau Rubakhin đẩy cái xe to vật với đống cát đánh cao có ngọn. Anh cởi trần phơi thân hình to lớn ướt đẫm mồ hôi dưới ánh nắng mặt trời.

- Tôi sẽ giao mười "calas", năm thùng lựu đạn. Ông có nghe thấy không, Alibecov, không phải ba, mà là năm thùng.

- Nghe thấy rồi.

- Nhưng làm sao cho tới mùng một quân lương...

- Tôi, Petrovich, sau bữa trưa thế nào cũng phải ngủ một tí. Tôi biết, ông cũng có thói quen như vậy. Liệu Anna Fedorovna có quên cho chúng ta uống trà không nhỉ?

- Bà ấy không quên đâu. Ông khỏi bận tâm về trà.

- Không bận tâm là thế nào! - Ông khách cười vang.

- Trà có phải là chiến tranh đâu, nó nguội đi đấy.

Gurov và Alibecov bắt đầu nối lại cuộc đàm phán. Nhưng những câu nói uể oải (cũng như cuộc tranh luận nhạt nhẽo) của họ chỉ là bề ngoài, thực ra Alibecov muốn mua vũ khí, còn Gurov cùng sĩ quan và binh lính của ông thì đang quá cần lương thực. Một sự trao đổi, tất nhiên rồi, để có được những thứ đó họ phải giao cho Alibecov vũ khí, đôi khi cả xăng dầu.

- Làm sao cho kịp ngày mùng một thì làm. Mà đừng có những trận phục kích ngu xuẩn trong núi nữa đấy. Rượu không cần thiết lắm, nhưng cũng phải có ít vodca.

- Vodca không có đâu.

- Kiếm đi, kiếm đi, Alibecov. Còn tôi sẽ tìm cho ông lựu đạn!

Đại tá gọi vợ:

- Trong ấy đã chuẩn bị trà chưa đấy? Ô, giá bây giờ được

cốc trà đặc nhỉ! Aina, sao lại lâu thế? Bà chảng đã kêu ở ngoài vườn là trà đã pha rồi cơ mà!

Trong khi chờ uống trà, cả hai thong thả hút thuốc, cái thong thả lười biếng sau bữa trưa. Khói thuốc cũng lười biếng như thế bò ngang qua hàng hiên mát mẻ, leo lên giàn nho và thoát ra ngoài vườn rau.

Sau khi ra hiệu cho Rubakhin: thôi thì mặc kẹt ở đây rồi, để tôi đi kiếm cái gì uống cái đã, Vovca - Xạ Thủ lẩn ra phía bờ rào. (Vovca bao giờ cũng có những dấu hiệu, cử chỉ ma lanh). Đằng sau bờ giậu có một thiều phụ còn trẻ bế một đứa bé trên tay, Vovca đã kịp nhấp nháy cô ả. Lập tức gã nhảy qua bờ giậu tiến đến bắt chuyện. Cử thật! Còn Rubakhin thì chỉ biết è cổ ra mà đẩy xe cát. Ai có khả năng của người này. Vovca thuộc loại những chàng lính sôi nổi không chịu được loại công việc nhảm chán. (Và nói chung là mọi loại công việc).

Thế mà lại cắn câu ngay mới tài chứ. Ngay lập tức người thiếu phụ trẻ chịu chuyện chàng trai cứ như thể cô nàng đã chờ đợi hắn từ lâu rồi, cái anh chàng giọng lưỡi ngọt ngào đang tán tỉnh cô. Nhìn chung Vovca là chàng trai dễ thương, tươi tắn và bất cứ ở đâu cũng chỉ cần có chút xíu thời gian là hắn "bám rẽ" được.

Vovca ôm lấy cô nàng, còn cô ta thì lấy tay phát hấn. Chuyện thường tình. Họ đang còn đứng ngoài trời và Vovca hiểu rằng cần lôi được cô ả vào trong nhà. Hắn thuyết phục, thử dùng sức kéo tay cô ta. Người đàn bà trẻ ồm ờ cười cợt níu lại: "Em chả vào đâu". Nhưng từng bước một, cả hai cùng tiến về phía ngôi nhà có cánh cửa khép hờ vì trời nóng. Cuối cùng họ đã ở bên trong. Còn đứa trẻ thì lê la cạnh cửa nghịch con mèo.

Trong khi đó Rubakhin vẫn một mình hùng hục chờ cát

san lên các con đường, dỡ những tấm bảng gỗ lót xuống chỗ mới, cẩn thận lái hai bánh xe đi trên những tấm gỗ đó, giữ thẳng bằng cho cái xe chở đầy cát nặng.

Đại tá Gurov vẫn tiếp tục công chuyện buôn bán không vội vã với Alibecov, bà vợ (bà ta rửa tay, đeo chiếc tạp dề đỏ) mang ra cho họ một ấm trà pha theo lối phương Đông.

Gurov:

- Thôi dừng ngang buồng nữa, Alibec!.. Nói thẳng ra thì ông là tù binh. Cũng đừng quên rằng ông ~~đang~~ ở đâu. Ông đang ngồi ở nhà tôi đấy.

- Ô hay nhỉ, tại sao tôi lại ngồi ở nhà ông?

- Thì ít ra những thung lũng này cũng thuộc về chúng tôi rồi.

- Thung lũng thuộc về các ông, nhưng núi là của chúng tôi,

- Alibecov cười, - với lại ông đừng có đùa, ông bảo ai là tù binh, ở đây ông là tù binh của chúng tôi thì có.

- Vừa cười lão vừa chỉ tay về phía Rubakhin đang ra sức kéo xe cát: - Anh ta là tù binh. Ông là tù binh. Tóm lại, tất cả lính của ông đều là tù binh tất.

Lão vẫn cười:

- Còn tôi, tôi không phải là tù binh

Rồi lão lại tiếp tục vơ vào cho mình:

- Mười hai "calas"<sup>(1)</sup>. Và bảy thùng lựu đạn.

Đến lượt Gurov cười cười:

- Mười...

Alibecov thở dài cảm thán:

- Buổi chiều hôm nay đẹp ra trò đây!

- Còn lâu mới đến chiều.

Họ chậm rãi uống trà, chậm rãi trò chuyện - cuộc chuyện

<sup>(1)</sup> Tên của loại súng máy Kalashnikov nổi tiếng.

trò giữa hai con người từ lâu đã biết và kính trọng lẫn nhau. (Rubakhin vẫn kéo hết xe cát này đến xe cát khác. Nghiêng chiếc xe đổ cát xuống đường, anh dùng xéng xới đều, san phẳng mặt đường).

- Ông có biết những người già ở chỗ chúng tôi nói gì không hở Pet'rovich? Người già chỗ chúng tôi thông thái lắm.

- Họ nói gì?

- Họ nói đã đến lúc cần phải làm một cuộc thập tự chinh sang Châu Âu. Đã đến lúc phải đi đến đó rồi.

- Ôi dào, đù rồi, Alibec. Châu Âu!...

- Thì sao, Châu Âu bao giờ cũng là Châu Âu. Những người già bảo rằng đến đó cũng chẳng xa lắm. Người già không bằng lòng. Người già bảo rằng người Nga đi đâu chúng ta đi đó, thế thì việc gì mà phải bắn giết lẫn nhau?

- Thì ông đi mà hỏi mấy cha ngồi trên của các ông ấy, - Gurov cáu kỉnh cự lại.

- Ô - ô - ô, tự ái kia. Chúng mình uống trà cho thanh thản lại đi...

Có lúc cả hai cùng im lặng. Alibecov lại tiếp tục bàn luận, thong thả rót trà vào chén của mình:

...Châu Âu kể không xa mấy thật. Sớm muộn rồi cũng cần phải tới đó thôi. Người già nói, lúc đó hòa bình lập tức sẽ được vãn hồi. Và cuộc sống tử tế sẽ tới.

- Sẽ tới, sẽ tới. Cứ đợi đấy!

- Trà ngon thật. Ax, Anna Fedorovna, hãy pha cho chúng tôi một ấm nữa, tha thiết đề nghị chị đấy!

Gurov thở dài:

- Buổi chiều hôm nay quả là sẽ rất tuyệt. Về điều này thì ông nói đúng đấy.

- Tôi bao giờ mà chả đúng. Thôi được, mười "calas". Còn lưu đạn là bảy kèm...

- Lại vơ vào. Ông lấy đâu ra những con số ấy đấy, không có số bảy!

Bà chủ nhà cho chõ thức ăn thừa từ bữa trưa vào hai cái soong để thết hai người lính. Rubakhin phấn khởi reo lên: "Vâng! Vâng! Lính tráng nào biết từ chối!"... "Thế còn chú kia đâu?". Đến đây Rubakhin ngắc nga ngắc ngứ, anh chàng buộc phải nói dối: "Vâng, cậu ấy hình như bị đau bụng thì phải". Nghĩ một hồi anh lắp bắp khẳng định: "Cậu ấy đau quằn quại, rõ khổ". "Chắc là ăn nhiều quả xanh? Táo có phải không?" Bà đại tá ân cần quan tâm. Món súp củ cải khá ngon, có cả trứng cùng với giò thái nhỏ; Rubakhin cứ thế cắm cúi vào chiếc nồi thứ nhất, vừa ăn vừa gõ thìa vào cạnh nồi ầm ĩ. Ám hiệu.

Vovca - Xạ Thủ nghe thấy (tất nhiên là hiểu ngay) tiếng gõ thìa ám hiệu. Nhưng lúc này ăn uống đối với hắn là cái quái gì. Người đàn bà trẻ đến lượt mình nghe thấy (và cũng hiểu ngay) tiếng con mèo gào như hóa dại vọng từ sân vào và tiếp theo là tiếng thét của đứa bé bị mèo cào: "Me-mẹ...". Nhưng cô nàng còn mải âu yếm vuốt ve anh chàng Vovca - Xạ Thủ, cô sung sướng và tham lam ôm chặt lấy hắn, cô không muốn để phí mất dịp may. Còn anh chàng Vovca - Xạ Thủ thì khỏi phải nói, lính mà. Nhưng đứa trẻ lại ré lên: "Me - me e..."

Người đàn bà tụt khói giường, thò đầu ra khỏi cửa dỗ dành đứa bé; sau đó đóng cửa lại chặt hơn. Dẫm chân trần trên nền nhà, ả quay trở lại với chàng lính. "Ối chà chà, em thật bốc lửa! Ra vấn đề!" Vovca thán phục, còn ả thì lấy tay bụt miệng gã: "Xuyt...".

Vovca thầm thì gạ cô nàng kiểu rất lính tráng: đề nghị cô tới cửa hàng thực phẩm thôn mua cho hắn một chai vang rẻ tiền, là bởi vì người ta không bán rượu cho quân nhân, còn với cô đó chỉ là trò vớ vẩn...

Hắn tâm sự với cô về vấn đề chính: lúc này hắn đâu chỉ cần một chai vang, giá có cả thùng thì tốt quá.

- Cả thùng để làm gì?
- Công nộp. Chúng nó chặn đường bọn anh.
- Nếu như chỉ cần rượu thì các anh đến ông đại tá làm gì?
- Thế mới ngu chử.

Người đàn bà trẻ bỗng nhiên khóc nức lên kể cho hắn nghe cách dây không lâu chúng nó lôi cô xuống vệ đường thay nhau hãm hiếp. Vovca - Xạ Thủ bật ngay dậy: "Thế à?"!... Bằng giọng thông cảm (lẫn tò mò) hắn hỏi có bao nhiêu thằng cả thẩy? Bốn thằng, cô nắc lên, lấy mép khăn trải giường chùi nước mắt. Hắn muốn hỏi chi tiết, nhưng cô không muốn nói nữa. Cô rúc đầu, dụi mặt vào ngực hắn: cô muốn những lời an ủi, muốn một tình cảm giản đơn.

Họ nói với nhau: được rồi, tất nhiên là cô sẽ mua cho hắn một chai vang, với điều kiện hắn phải đi cùng với cô đến cửa hàng. Cô sẽ trao ngay chai rượu cho hắn, là vì sau tất cả những gì đã xảy ra, cô không muốn mang chai rượu về nhà, người ta sẽ biết, người ta nghĩ...

Trong cái nồi thứ hai còn khá nhiều đồ ăn: cháo và cả một miếng thịt hộp. Rubakhin trộn các thứ vào với nhau. Anh ăn từ tốn, không tham, sau đó uống hai vại nước lạnh. Nước mát làm cho anh dịu đi chút ít, anh khoác lên người chiếc áo varoi.

Nghỉ một lúc, anh tự nhủ, rồi sẽ ra chỗ bờ giậu.

Anh nằm và rời ngay vào giấc ngủ. Từ nhà bên cạnh, nơi Vovca trốn trong đó, câu chuyện thầm thì của đôi trai gái vẫn vang tới qua cửa sổ để mở.

Vovca: ... Anh sẽ tặng em một món quà. Một cái khăn choàng thật đẹp. Hay là anh sẽ kiếm cho em một chiếc khăn voan.

Cô nàng: - Rồi anh sẽ đi khỏi đây thôi. - Sụt sịt khóc.

Vovca: - Anh sẽ gửi cho em, nếu anh đi khỏi đây! Em đừng nghi ngờ gì cả!...

Rubakhin thiếp đi trong những lời nồng nhiệt ấy.

\*  
\* \* \*

Cạnh cửa hàng thực phẩm, vừa nhận được chai rượu từ tay thiếu phụ, Vovca liền đút ngay vào túi quần rõ sâu, chắc chắn của lính, rồi dông thẳng tới chỗ Rubakhin đang chờ. Người đàn bà trẻ thấy hắn vội vã như thế liền gào lên giữa phố, với theo hắn trách móc, nhưng Vovca chỉ vãy vãy tay, thôi xong rồi, còn bao nhiêu việc phải làm, đã đến lúc kết thúc, kết thúc!... Hắn chạy băng qua phố hẹp, băng qua các bờ giậu, chạy tắt tới nhà đại tá Gurov. Hắn có một tin mới (một cái tin cực kì nhé!) Cái tin này hắn biết được từ miệng những người lính đi ngang qua cửa hàng thực phẩm nơi hắn chờ lấy chai rượu.

Nhảy qua bờ giậu, hắn tìm thấy Rubakhin đang ngủ. Hắn đánh thức anh:

- Rubakhin, nghe thấy không! Có việc rồi đây: trung úy Savkin ngay bây giờ sẽ dẫn quân vào rừng để bắt tù binh, tước vũ khí.

- Hả? - Rubakhin ngái ngủ nhìn hắn.

Vovca tuôn ra một tràng. Hắn giục giã:

- Họ đang đi bắt tù binh kia kia. Minh cùng đi với họ. Bắt được một tên thì tốt quá, anh đã chẳng nói là...

Rubakhin đã tỉnh hắn. Ồ, hiểu rồi. Ồ, đúng lúc thật. Ồ, mà bọn mình gặp may thật, cần phải đi gấp. Hai chàng lính khẽ lủi khỏi vườn nhà đại tá Gurov. Họ thận trọng lấy đồ đạc, vũ khí để ở cạnh giếng. Nhảy qua bờ giậu, họ cẩn thận đi ra bằng lối cổng nhà hàng xóm để cho hai người đang ngồi nói chuyện ở hiên nhà khỏi nhìn thấy, khỏi gọi lại.

Chủ nhà và khách không nhìn thấy, không gọi lại. Họ đang ngồi.

Nóng bức. Im lặng. Alibecov khẽ hát. Giọng của lão rất trong: *Cảnh vật nơi này tinh lặng đến ban mai...*<sup>(1)</sup>

Yên lặng.

- Con người không thay đổi. Alibec.

- Ông nghĩ con người ta không thay đổi ư?

- Không thay đổi. Chỉ có già đi thôi.

- Khà. Cũng giống như ông và tôi... - Alibecov rót trà vào chén của mình. Lão không muốn mặc cả nữa. Buồn thật. Với lại lão cũng đã nói hết lời rồi. Giờ chỉ còn những lời đúng đắn nhất, chúng sẽ tự tới người bạn già Gurov của hắn (theo cái lôgic không vội vã). Chẳng cần phải nói thành lời.

- Thế đấy, trà tốt hoàn toàn biến mất rồi.

- Kê.

- Trà càng ngày càng quý hiếm. Còn thời gian thì chẳng thay đổi, - Alibecov dài giọng.

Vừa lúc đó bà chủ mang hai ấm trà mới pha tới. Thì đúng rồi, trà thật là quý. "Nhưng thời gian có thay đổi hay không thì lương thực, người anh em ạ, vẫn cứ phải mang tới..." Gurov nghĩ và cũng không nói thành lời.

Gurov hiểu rằng Alibecov thông minh hơn ông, lúu cá hơn ông. Nhưng mà ông, Gurov, lại có một số những ý nghĩ khá vững chắc và với thời gian, những ý nghĩ này được suy đi tính lại rõ đến mức không còn là ý nghĩ nữa, mà là những bộ phận của cơ thể ông, giống như chân tay vậy.

Ngày trước (cái thời huy hoàng) những lúc xảy ra tranh chấp thực phẩm, quân nhu hay đơn giản những thứ này chỉ bị chậm một chút là lập tức Gurov đánh ngay bộ quân phục trịnh trọng chuyên dùng trong các ngày lễ. Ông gắn tất cả những huân chương, huy chương lên ngực áo. Ngồi vào chiếc

<sup>(1)</sup> Bài hát Chiêu Moscva.

Gaz - 69 ông phóng như bay trên những đường núi gập ghềnh (mới bụi và gió làm sao!) cho tới khi dừng lại ngay trước tòa nhà nổi tiếng có hàng cột cao. Chẳng chùng nửa bước, ông xông thẳng vào văn phòng (không thèm nhìn những khách và những kẻ cầu cạnh đang đau khổ vì chờ đợi ở bên cửa ra vào). Nếu ở huyện ủy không được, ông vọt thẳng lên tỉnh ủy. Ở đâu ông cũng biết cách đạt bằng được mục tiêu. Cũng có khi đích thân ông phải lẩn tới tận kho, đưa hối lộ, đôi lúc thậm chí phải mang cả súng lục ra mà dọa (cái câu phương Đông vẫn cứ là phương Đông thế mà cũng hiệu nghiệm ra phết... chẳng bao giờ ông lại nghĩ những câu đùa cợt này có lúc lại cần tới). Còn súng lục bây giờ ấy à, chẳng là cái định gỉ nhá. Bây giờ thì mười khẩu súng máy còn là ít, đưa đây mười hai. Còn ông, Gurov, ông phải nuôi lính. Cùng với tuổi tác con người ta ít có thay đổi, nhưng mà đổi chắc thì ngày càng thích hợp hơn với những điểm yếu của con người. Chẳng qua là sự điều chỉnh. Ông lại còn phải nuôi cả bản thân nữa chứ. Cuộc sống tiếp tục và đại tá Gurov cũng chỉ giúp cho nó tiếp tục mà thôi. Đó là tất cả lí do. Lấy vũ khí đổi lấy thực phẩm ông đã không nghĩ đến hậu quả. Nhưng tại sao lại là ông ở đây?... Bản thân cuộc sống thay đổi theo chiều hướng có thể đổi chac bất kì cái gì (muốn đổi cái gì và đổi lấy cái gì, cứ việc), và Gurov đã đổi. Bản thân cuộc sống đã xoay sang chiều chiến tranh (cho dù cuộc chiến tranh có ngu xuẩn, vớ vẩn tới đâu thì đó cũng không phải là hòa bình!) và Gurov, hiển nhiên là phải chiến đấu. Ông tham dự cuộc chiến, nhưng không bắn, (Thỉnh thoảng đi bắt tù binh theo lệnh. Hoặc bắt quá cũng phải bắn là vì phải theo một lệnh khác, từ cấp cao hơn). Ông dàn xếp được với cả hoàn cảnh đó, ông thích ứng được. Nhưng... nhưng mà buồn. Buồn vì nghĩ tới cái thời huy hoàng dễ hiểu xa xưa, khi ông có thể phóng như bay trên chiếc Gaz của mình, khi ông có thể lao vào văn phòng đảng ủy, có thể gào thét, chửi bới

## TÙ BINH CAVCAZ

chính quyền, rồi sau đó lại hạ cổ làm lành, ngồi ườn từ chiếc ghế bành da nói chuyện với bí thư huyện ủy như với bè thân thuộc, kệ cho bọn người đang phải chờ ở đằng sau. Có một hôm ông không tìm thấy bí thư huyện ủy cả trên quan lâm ở nhà: cha này đi vắng. Nhưng ông lại tìm được hắn ở nhà. Bà này theo ông về. Không có sự từ chối. Bà ta dâng hiến cho đại tá Gurov lúc đó tóc có hơi điểm bạc vẫn còn sung sức lắm, tất cả những gì mà người đàn bà buồn chán vì phải ở nhà một mình cả tuần lễ vào giữa mùa có thể dâng hiến. Dâng hiến tất cả những gì có thể. Tất thatem chí còn hơn thế (ông nghĩ đến chìa khóa mở cái tủ số 2 to đùng của nhà máy liên hợp sản xuất thịt của họ trong đó cơ man nào là thịt hun khói còn tươi nguyên).

- Alibecov. Tôi chợt nhớ ra. Ông kiếm được thịt hun khói?...

\*

Chiến dịch bắt tù binh (từ thời tướng Ermolov còn gọi là chiến dịch "móng ngựa") được thực hiện theo kiểu chặt vòng vây đối phương. Tuy nhiên vòng vây không kín hết mà vẫn mở một đường hẹp duy nhất. Chạy tán trên đường hẻm đó, bọn phỉ như một chuỗi xích bị cắt mất một, và cứ thế từ các ổ phục kích lúc thì bên trái, lúc bên phải con đường, có thể tóm bắt kì tên nào trong bọn chúng vào bụi rậm tước vũ khí. Tất nhiên, trong khi diễn ra chiến dịch súng vẫn bắn đều đẽo, nhưng bắn lên trời để dọa lối, để dồn cho chúng chạy.

Cả hai cùng lọt vào lực lượng quân đi tước vũ khí nhiên, Vovca bị để ý ngay và lập tức bị đuổi ra khỏi hàng: úy Savkin chỉ lấy những người trong đại đội mình. Cái nhì trung úy lướt trên thân hình to lớn của Rubakhin,

không dừng lại mốc mói. Bằng giọng khàn khàn: "Tiến lên phía trước hai bước!" trung úy làm như thể không chú ý. Rubakhin đứng vào đội ngũ những chiến sĩ to khỏe nhất. Anh lẩn vào họ.

Chỉ vừa bắt đầu nổ súng Rubakhin đã vội vã nấp vào ổ mai phục; anh hút thuốc trong bụi rậm cùng với một tay binh nhất có tên Gesha. Cả hai cùng là lính cũ, họ chuyện trò nhớ lại những người quen đã được giải ngũ. Không, họ không ghen tị với những người này. Ghen tị làm quái gì cơ chứ. Cũng chẳng biết được ở đâu tốt hơn ở đâu...

- Bọn quái này chạy lẹ gớm, - Gesha nói, vẫn không rời mắt khỏi những bóng người thấp thoáng chạy dưới bóng những lùm cây.

Quân đối phương lúc đầu chạy từng hai, ba người một. Tiếng ồn và tiếng cành cây bị bẻ gãy vang tới những bụi cây mọc hai bên đường mòn. Đã có những kẻ chạy một mình bị tóm. Những tiếng kêu thét vang lên. Om sòm... rồi lại tĩnh lặng. ("Chộp được rồi?" Gesha hỏi bằng mắt, Rubakhin trả lời bằng cái gật đầu: "Được rồi"). Lại vọng lại tiếng cành gãy trong các bụi rậm. Chúng đã tới gần. Bắn thì chúng còn hơi biên biết một tí (cả giết người cũng vậy), nhưng mà chạy trong những bụi cây, súng xách trong tay, lựu đạn lủng lẳng trước ngực, lại còn dưới làn đạn nữa, thì đương nhiên là khó rồi. Hoảng loạn vì vấp phải các ổ phục kích bắn như vãi đạn, quân đối phương tất nhiên chỉ chạy theo con đường mòn hình như dẫn vào núi.

- Kìa, thằng kia là của tớ nhé? - Rubakhin nói và đứng dậy rảo bước ra ngoài chỗ sáng.

- Chúc may mắn, - Gesha rít nốt điếu thuốc.

Hóa ra "thằng kia" không phải một mình. Còn một thằng khác cùng chạy với nó. Nhưng Rubakhin đã vọt ra khỏi bụi cây, anh không được phép để chúng chạy thoát. "Đ-ứ-n-g lạ - iii!..." - anh hô rõ to để thị uy. Xuất phát chạy thì Rubakhin

có hơi kém, cơ bắp chưa thể hoạt động được ngay. Nhưng đến khi đã chạy được rồi thì những bụi cây trước mặt, gai góc ở dưới chân anh chẳng coi vào đâu. Không phải là chạy, bay mới đúng.

Anh vọt lên, chỉ cách chúng chừng sáu mét. Thằng đầu (tức là thằng chạy trước) chạy nhanh hơn anh, đã vượt lên phía trước. Thằng sau (đã hoàn toàn gần anh) thì Rubakhin chẳng sợ, là vì anh nhìn thấy khẩu súng trường lủng lẳng trước ngực hắn đã bắn hết đạn (hay là bắn súng trường khi chạy đối với hắn rất khó?) Thằng đầu nguy hiểm hơn, hắn không đeo súng trường, tức là hắn có súng lục.

Đang suy tính, Rubakhin nghe thấy tiếng chân chạy phía sau, à hả, có nghĩa Gesha đã chạy tới yểm hộ cho anh. Hai chơi hai...

Đuối kịp thằng phỉ anh không tóm, cũng chẳng quật ngã (làm những việc ấy với thằng này, thì thằng kia chạy mất), mà chỉ dùng một cú đánh mạnh, gạt hắn xuống dưới hố đầy những bụi cây gãy bên đường. Anh ngoái lại gọi Gesha: "Một thằng ở dưới hố ấy! Bắt lấy nó!..", rồi lại vọt lên đuổi theo thằng chạy đầu có mái tóc dài.

Rubakhin đã mờ hết tốc lực, nhưng thằng kia còn chạy khỏe hơn. Hễ cứ đuổi gần kịp là nó lại tăng tốc. Giờ đây khoảng cách giữa hai người luôn giữ từ tám đến mười mét. Ngoài đầu lại, thằng đang chạy rút súng nhằm Rubakhin bắn. Anh nhìn thấy nó còn trẻ măng. Lại một phát súng nữa. (Nó đã giảm tốc độ. Giá không bắn thì nó đã chạy thoát rồi).

Thằng phỉ bắn qua vai phải và rõ là không trúng đích, biết vậy nên Rubakhin không cúi người tránh đạn khi nó quặt tay về phía sau để bắn. Thế nhưng nó cũng chẳng bắn hết đạn, khôn ra phết. Nó lại chạy vọt lên, sắp mất hút. Rubakhin hiểu ra ngay. Không chậm trễ, anh liền quăng khẩu tiểu liên

## TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI

mình vào chân hắn. Tất nhiên, bằng động tác này, anh đã  
được hắn.

Thằng đang chạy rú lên vì đau. Nó khụng lại, đổ vật ra.  
một cú nhảy Rubakhin đã với tới, anh đè lên người nó,  
phải sờ soạng thắt lưng nó để tìm súng lục. Khẩu súng  
đó có đó. Thằng giặc này lúc ngã đã đánh rơi súng, thế mà  
ng gọi là lính!.. Rubakhin bẻ quặt tay nó ra phía sau, tất  
tên là đau rồi. Hắn rên lên, xỉu đi. Đang khí thế, Rubakhin  
từ trong túi sợi dây da nhỏ trói nó giật cánh khuỷu, đẩy  
thân hình không lấy gì làm to lớn về phía gốc cây, ngồi  
ống đấy!... Rồi anh lùi húi lần theo con đường mòn, vừa  
hỉ, vừa tìm trong đám cỏ hai bên vệ đường khẩu tiếu liên  
mình và súng lục của hắn.

Rubakhin quay trở lại, nhảy từ đường mòn về phía cây sồi  
queo, nơi thằng phi vừa tóm được đang ngồi. "Im lặng!"  
h ra lệnh cho hắn. Trong một thoáng, bên cạnh họ là bọn  
h đối phương đang chạy vắt chân lên cổ, đằng sau là quân  
vừa đuổi vừa chửi rủa ầm ĩ. Rubakhin không tham gia vào  
các đuổi bắt nữa. Anh đã hoàn thành công việc của mình.

Anh nhìn thằng phi vừa tóm được. Một khuôn mặt lạ lùng,  
éo thơ đến nao lòng, mặc dù bọn lính phi tầm tuổi mười sáu,  
tười bảy đâu phải hiếm. Những đường nét trên khuôn mặt nó  
rất hài hòa, làn da mịn màng. Nhưng còn một cái gì đó làm  
tên mặt của chàng thanh niên Cavcaz này thật hấp dẫn.  
ii gì nhỉ? Rubakhin không thể hiểu nổi.

- Đi thôi, - Rubakhin nói với nó. Anh giúp nó (hai tay bị  
đi quặt) đứng dậy.

Trên đường đi anh cảnh cáo:

- Đừng có mà nghĩ đến chuyện chạy. Tao không bắn đâu,  
nhưng mà đánh đau đớn, hiểu chưa?

Thằng từ binh đi cà nhắc. Khẩu súng trường mà  
ubakhin quăng vào chân đã làm nó bị thương. Hay là giả

vờ?... Những kẻ bị bắt thường hay cố làm cho người khác mủi lòng. Nào là đi cà nhắc ư, nào là ho rú rượi ư.

\*

Bọn phỉ bị tước vũ khí khá đông, hai mươi ba thằng, chính vì vậy mà Rubakhin không mấy khó khăn giữ rịt lấy tên tù binh. Đặt tay lên vai nó, anh nhắc đi nhắc lại: "Thằng này là của tớ" trong tiếng ồn ào, trong cảnh túi típ bận rộn xô đẩy bọn tù binh xếp thành hàng để giải về doanh trại. Cảnh hỗn độn căng thẳng vẫn không sao dẹp được. Bọn tù binh sợ bị xé lẻ ra, cứ túm tụm lại. Chúng ríu lại với nhau, í ới gọi nhau bằng tiếng của mình. Một số đứa thậm chí tay còn không bị trói. "Tại sao lại của cậu? Kia kia, tất cả bọn chúng là của chúng ta". Nhưng Rubakhin vẫn lắc đầu buông binh: những đứa kia là của chúng ta, nhưng thằng này là của tớ. Vovca - Xạ Thủ xuất hiện, như mọi lần, bao giờ cũng đúng lúc và vào đúng thời điểm của mình. Hơn hẳn Rubakhin, hắn biết cả cách nói sự thật, cả cách làm người nghe mụ mẫm đầu óc. "Chúng tôi đang cần gấp! Để yên đấy! Có thư của Gurov đây... Chúng tôi cần nó để trao đổi tù binh!", - hắn thao thao bốc phét. "Thế thì cậu đi mà báo cáo trung úy". "Báo cáo rồi. Đã thỏa thuận rồi!". Hắn tiếp tục bịa chuyện rằng đại tá Gurov hiện đang uống trà ở nhà (quả có thể), rằng hai người họ vừa đi từ đó đến (cũng là sự thật), và Gurov đã đích thân viết thư. Vâng, thư đó hiện đang ở trên văn phòng đảng ủy...

Vovca trông phờ phạc, hốc hác hẳn đi. Rubakhin chẳng còn hiểu ra làm sao: rõ ràng anh phải chạy chí chết từ bụi cây nọ sang bụi cây kia để đuổi bắt cái thằng tóc dài chết tiệt này, tù binh anh đã tóm được, đã phải đổ mồ hôi, nhưng người hốc hác, phờ phạc lại là Vovca.

Người ta đẩy bọn tù binh lên xe (cuối cùng thì cũng xếp được chúng vào hàng lối). Một số chuyển vũ khí tước được. Có ai đó đang đếm: mươi bảy "calas", bảy súng lục, mươi lựu đạn. Hai

thằng bị giết chết trong khi chạy trốn. Hai đứa bị thương, còn quân ta một người bị thương, Corotcov bị giết. Những chiếc xe tải phủ bạt kín nối đuôi nhau chạy thành hàng có hai chiếc Beter đi kèm (một chiếc phía trên đầu, một chiếc đoạn hậu), gầm rú, tăng tốc chạy về phía doanh trại. Trên xe, những người lính đang còn hào hứng trao đổi, hét rống lên. Tất cả đều muôn ăn.

Tới nơi, vừa xuống xe, Rubakhin và Vovca - Xạ Thủ cùng với tên tù binh lập tức đứng về một bên. Không ai đứng vào chỗ họ. Nói chung giữ tù binh lại cũng chẳng để làm gì: những tên trẻ được thả ngay, những tên già hơn thì giữ lại một hai tháng kiểu như ở tù, nhưng nếu chạy trốn thì cứ việc bắn thẳng tay. Chiến tranh mà! Có thể chính bọn này đã giết Baiarcov lúc anh đang ngủ (hay vừa mới mở mắt thức giấc). Mắt mũi không một vết sướt, nhưng kiến thì bâu kín. Ngay lúc đầu Rubakhin và Vovca đã phải phủi sạch kiến. Khi lật người xáu sổ lại họ thấy lưng anh ta thủng một lỗ tướng. Bọn chúng bắn trực diện, nhưng những viên đạn đã không kịp tais ra mà đồn đồng phá tan lồng ngực: làm gãy những chiếc xương, đạn lõi tuột tất cả mọi thứ bên trong cơ thể Baiarcov ra ngoài. Trên mặt đất gan ruột, tim phổi nằm trên một vũng máu lớn đã đông đặc. Baiarcov nằm sấp, một vết thủng lớn trên lưng, còn ruột gan cùng những viên đạn thì nằm dưới đất.

Vovca rẽ vào nhà ăn.

...Họ bắt tù binh để trao đổi. Đại tá đã hạ lệnh, Vovca vội vã trả lời những chất vấn của cánh lính ở trung đội Orlicov.

Đám lính, sau khi đã no nê, nói với theo hắn: Chuyển lời chào nhé. Họ hỏi hắn, ai bị bắt làm tù binh? Đổi lấy ai?!

- Để trao đổi, - Vovca - Xạ Thủ nhắc lại.

Van Bratenco cười ha hả:

- Đổi lấy ngoại tệ!

Trung sĩ Khozaev gào lên:

- Các cậu tài thật, bắt được của sộp đầy. Những đứa như

thế chúng khoái lầm đấy!... Máy thằng chỉ huy, - anh ta hát đâu về phía núi, - thích những đứa như thế lầm.

Để làm rõ thêm điều mình nói, Khozaev tiếp tục nhăn nhở, phô hàm răng lính chắc khỏe, trắng ớn.

- Đổi lấy loại này thì người ta sẵn sàng đưa ra bốn năm người ấy chứ!, - hắn lại gào lên. - Những đứa giống con gái như thế này là chúng nó thích lầm đấy! - Nói rồi hắn nháy nháy Rubakhin.

Rubakhin cau có. Anh bỗng thấy lo lắng về tên tù binh này: đúng là hắn đẹp trai thật.

Tên tù binh nói tiếng Nga không tốt lắm, nhưng hắn hiểu hết. Hắn tức giận rít lên trả lời Khozaev bằng tiếng mẹ đẻ. Những bắp thịt và cả khuôn mặt động đậy càng làm cho hắn thêm điển trai. Móng tóc dài đen rủ thành hình ôvan ôm lấy khuôn mặt. Làn môi rõ nét. Mũi thẳng, thanh thoát. Đôi mắt màu nâu đặc biệt buộc người ta phải để ý.

Vovca nhanh chóng thỏa thuận được với cấp dưỡng. Trước lúc lên đường cần phải ăn uống cho tử tế.

Xung quanh bàn ăn dài bằng ván ghép thật âm ī, khó thở. Trời nóng bức. Họ ngồi phía cuối bàn, ngay lập tức Vovca rút từ túi quần chai rượu rẻ tiền; hắn kín đáo luồn chai rượu qua gầm bàn cho Rubakhin. Anh cắp chai rượu vào hai đầu gối và bằng cách nào đó để mọi người không nhìn thấy, uống nốt chỗ rượu còn lại. "Còn đúng nửa chai giữ lại cho cậu đấy. Hãy đánh giá lòng tốt của tớ đi, Rubakhin!..."

Hắn đặt đĩa thức ăn trước mặt tên tù binh: - Không muốn, - nó xăng giọng trả lời. Nó quay mặt đi, lúc lắc móng đèn lượn sóng.

Vovca đẩy chiếc đĩa lại gần nó hơn: thì gặm lấy vài miếng thịt, đường xa lầm đấy.

Tên tù im lặng. Vovca chỉ lo thằng quái này lấy tay hất đổ đĩa thức ăn xuống đất thì mất công toi đầu hót với đầu bếp để

được thêm một xuất cháo với thịt.

Hắn vội vàng đổ tuột khẩu phần được thêm này vào đĩa của mình và đĩa của Rubakhin. Họ ăn uống xong. Đã đến lúc lên đường.

\*

Họ dừng lại bên bờ suối, thay nhau dùng chiếc cốc nhựa múc nước lên uống. Tên tù binh, chắc là bị cơn khát hành hạ, bước vội đến con suối, khuỷu đầu gối xuống làm những hòn sỏi kêu lạo xạo. Nó không đợi được cởi trói hay đợi người ta đưa cốc nước lên miệng cho mình, cứ quỳ như vậy vục đầu xuống suối uống lấy uống để một lúc lâu. Hai cánh tay bị trói giật ra phía sau giờ ngược lên trời khi cúi xuống uống nước, trông như đang cầu nguyện một cách kì quặc.

Uống nước xong tên tù binh ngồi lên cát. Mặt mũi đẫm nước. Dui má xuống vai, nó cố gắng không cần tay, lau khô những giọt nước trên mặt. Rubakhin lại gần:

- Chúng tôi sẽ cho cậu uống, sẽ cởi trói nữa... đi đâu mà vội?

Hắn không trả lời. Rubakhin nhìn hắn và lấy lòng bàn tay lau những giọt nước trên cầm hắn. Làn da mịn đến nỗi bàn tay của Rubakhin bỗng nhiên run bắn lên. Thật không ngờ. Nhưng quả như vậy! Đúng như da con gái, anh nghĩ.

Mắt họ gặp nhau, Rubakhin vội nhìn lảng ra chỗ khác, bối rối bởi những ý nghĩ không tốt lắm bỗng tự nhiên thoáng qua.

Làn gió lay động trong các bụi cây lập tức làm Rubakhin cảnh giác. Hình như tiếng những bước chân?... Sự bối rối lảng đi (nhưng nó chỉ trốn tạm thời, chứ chưa đi hẳn). Rubakhin là một người lính chất phác, anh không được bảo vệ trước vẻ đẹp như vậy của con người. Thì đấy, cái tình cảm lạ lùng, mới mẻ lại bắt đầu dần dần từng tí một nảy nở trong anh. Và tất nhiên, anh nhớ rất rõ gã trung sĩ Khozaev đã gọi

anh, nháy anh như thế nào. Bây giờ là lúc mặt đối mặt đây. Tên tù binh không thể tự lội qua suối được. Những viên đá cuội lớn, trơn tuột, dòng nước chảy xiết, còn nó thì đi chân trần vì chỗ mắt cá sưng húp lên, ngay từ lúc khởi hành nó đã phải quăng đôi giày thể thao rất đẹp của mình đi (tạm thời đôi giày đang nằm trong cái túi đựng đồ của Rubakhin). Nếu như trong lúc qua suối nhỡ nó có sảy chân ngã xuống thì coi như toi đặc, nó sẽ chẳng còn được cái tích sự gì. Con suối sẽ cuốn phăng nó đi như một chiếc lồng. Không còn sự lựa chọn. Thế thì rõ rồi, Rubakhin chứ còn ai vào đây nữa, phải giúp nó qua suối thôi, là vì anh đã chẳng quăng khẩu súng vào chân làm nó què là gì?

Lòng cảm thông đã giúp Rubakhin; lòng cảm thông đến giúp anh thật đúng lúc như thể từ một nơi nào đó trên cao, từ trời rơi xuống (nhưng đồng thời cũng từ nơi đó sự bối rối kéo đến mỗi lúc một nhiều cùng với ý thức mới mẻ về mối nguy hiểm của cái đẹp). Rubakhin chỉ bối rối một chút. Anh nhấc bổng chàng trai mang qua suối. Tên tù binh quấy đạp, nhưng đôi tay to lớn của Rubakhin rất khỏe.

- Nào - nào, đừng có giãy giụa. - Anh nói hơi thô bạo, như thể người ta hay nói với đàn bà trong trường hợp tương tự.

Anh nghe thấy hơi thở của chàng trai. Hắn cố tình quay mặt đi, nhưng hai tay (được cởi trói khi qua suối) thì bám chặt vào cổ áo anh như hai cái móc, vì hắn sợ ngã xuống nước, xuống những tảng đá phía dưới. Cũng như tất cả những ai bế người trên tay, Rubakhin không nhìn thấy gì dưới chân mình, chính vì vậy anh phải dò dẫm từng bước một. Mắt nhìn ra phía trước, nhưng anh chỉ thấy dòng nước đang chảy về phía xa và trên nền của dòng nước đang nhảy nhót là khuôn mặt nhìn nghiêng của chàng trai, một khuôn mặt thanh tú, trong trắng, với môi dưới mòng mộng, nũng nịu bùi ra như môi thiếu nữ.

Sang đến bên kia suối họ nghỉ chân lần đầu. Để đỡ nguy hiểm, họ tránh con đường mòn, đi theo dọc suối ở phía dưới. Họ ngồi nghỉ trong bụi cây. Rubakhin kẹp khẩu súng trường giữa hai đầu gối, mở chốt an toàn. Hiện thời chưa ai muốn ăn, nhưng họ đã vài lần uống nước suối. Vovca nằm nghiêng vặt nút đài. Chiếc đài nhỏ ọ ẹ, ré lên, eo éo như tiếng mèo kêu, bỗng dừng giật lên một tràng tiếng nước nào không rõ. Như mọi lần, Vovca ỷ vào kinh nghiệm của Rubakhin, người có thể đánh hơi xa một cây số tiếng đá lạo xạo dưới bước chân kẻ lạ.

- Rubakhin, tớ ngủ đây, nghe thấy không. Tớ ngủ, - hắn khai báo thành khẩn rồi lập tức chìm vào giấc ngủ chớp nhoáng của lính.

Khi viên trung úy tinh tường đuổi hắn ra khỏi đội đi tước vũ khí, Vovca không có việc gì làm đã quay trở lại ngôi nhà của người đàn bà trẻ (ngôi nhà nhỏ này sát ngay cạnh nhà đại tá, nhưng Vovca rất cẩn thận). Cô nàng tất nhiên là xỉ vả hắn vì hắn đã vội vàng bỏ cô mà đi. Nhưng chỉ sau một phút họ đã mặt kề mặt, sau phút nữa, cả hai đã ở trong chăn. Chính vì vậy mà bây giờ Vovca mới bã người ra một cách dễ chịu như vậy. Khi đi thì hắn còn cố được, chứ lúc nghỉ chân là hắn vật ra ngủ tức thì.

Rubakhin rất chân chất, bắt đầu nói theo thói quen nói nhanh của mình.

-... Nếu như nhìn thẳng vào thực tế thì làm sao chúng ta là kẻ thù của nhau được, chúng ta là bạn bè thì có. Chúng ta đã chẳng từng là bạn bè đó sao? Không phải à? - Anh nói một cách sôi nổi, thậm chí nhắc đi nhắc lại ý mình, cố giấu trong những lời nói bình thường thời Xô Viết cái tình cảm làm anh bối rối. - Đã từng là bạn bè chung lưng đấu cật.

Vovca - Xạ Thủ dè biếu:

- Tình hữu nghị giữa các dân tộc không gì phá vỡ nổi muôn năm...

Rubakhin tất nhiên là nghe thấy lời giễu cợt đó, nhưng anh vẫn nói bằng giọng kìm chế.

- Vovca, nhưng mà tớ có nói với cậu đâu.

Vovca hiểu rằng tốt nhất nên im lặng. Nhưng chàng thanh niên cũng im lặng nốt.

- Tôi cũng là người, giống như cậu. Mà cậu cũng là người, giống như tôi. Thế thì tại sao chúng ta lại đánh nhau?

Rubakhin vẫn tiếp tục nói những điều người ta đã biết từ lâu, nhưng chẳng để làm gì. Xem ra những lời nồng nhiệt ấy anh nói chỉ cho bản thân nghe, à còn cho cả bụi cây, và cho cả con đường mòn nữa chứ, con đường mòn chạy theo dòng suối, đổ thẳng vào núi. Rubakhin rất muốn chàng trai này mở miệng. Anh muốn nghe giọng của cậu ta. Nói gì cũng được (Rubakhin càng lúc càng cảm thấy bất an).

Vovca - Xạ Thủ (trên đường đi) động đậy cái tay, cái đài nhỏ trong ba lô của hắn kêu chiêm chiếp. Vovca tiếp tục động đậy, cuối cùng hắn đã tìm được bài quân nhạc. Còn Rubakhin thì vẫn tiếp tục nói. Cuối cùng mệt quá, anh im bặt.

Đi trên đường dốc gập ghềnh với hai tay trói quặt phía sau (và cái chân què) quả là khó khăn. Tên tù binh tụt lại phía sau, hắn đi rất khó nhọc. Khi leo lên một trong những đoạn dốc, bỗng nhiên hắn ngã sấp xuống. Hắn cố gượng dậy, không một lời than vãn, nhưng Rubakhin đã nhìn thấy trong đôi mắt hắn những giọt nước mắt.

Đã mấy lần Rubakhin nói rất nhanh:

- Nếu như cậu không bỏ chạy, tôi sẽ cởi trói. Hứa đi.

Vovca - Xạ Thủ nghe thấy (qua tiếng nhạc) kêu lên:

- Rubakhin, đừng có mà điên!...

Vovca đi phía trước. Hắn lẩm bẩm: rõ là ngốc ở đâu đấy. Còn cái đài thì cứ hát oang oang.

- Vovca, tắt cái đài đi... tớ cần phải nghe ngóng.

- Ngay đây.

Tiếng nhạc im bặt.

Rubakhin cởi trói cho tên tù binh. Làm sao nó chạy cho thoát được với cái chân què như thế này.

Họ đi khá nhanh. Phía trước là tên tù binh. Ở giữa là Vovca nửa thức nửa ngủ. Sau một chút là Rubakhin lầm lì, căng toàn bộ các giác quan để nghe ngóng.

Giải phóng cho ai, dù chỉ là cái cổ tay, dù chỉ một khoảng thời gian trên đường, cũng thật dễ chịu. Rubakhin nuốt vào cổ họng cái thứ nước bọt có dư vị ngọt ngào. Những giây phút hiếm hoi. Nhưng dư vị là dư vị, còn cặp mắt anh vẫn không chịu mờ đi. Con đường mòn lượn vòng. Họ đi xung quanh một quả đồi nhỏ, nơi đã chôn cất người lính say rượu Baiarcov. quả đồi tuyệt vời tràn ngập ánh hoàng hôn.

Lúc nghỉ đêm Rubakhin đưa cho tên tù binh đôi tất len của mình. Bản thân anh đi ủng không tất. Tất cả đều phải ngủ (đồng lửa chỉ để lại rất nhỏ). Rubakhin tước chiếc đài nhỏ của Vovca (ban đêm không được gây bất kì tiếng động nào). Súng trường, như mọi khi, kẹp giữa hai đầu gối. Anh ngồi sát vai cạnh tên tù binh, lưng tựa vào gốc cây trong một thế ngồi quen thuộc từ xa xưa của người thợ săn (rất thính, đồng thời vẫn cho phép ngủ một chút). Đêm. Anh có vẻ như đã ngủ. Trong giấc mơ màng anh nghe thấy tên tù ngồi ngay bên cạnh, nghe thấy và cảm thấy rõ đến mức ngay lập tức anh có thể bật dậy nếu như tên này chỉ cần có một biểu hiện bất bình thường. Nhưng hắn đâu có nghĩ đến chuyện chạy trốn. Hắn buồn (Rubakhin đã xâm nhập được vào tâm hồn kẻ lạ). Cả hai đều đã ngủ say (tin tưởng), còn Rubakhin thì vẫn cứ cảm thấy chàng trai này bị nỗi buồn xâm chiếm. Ban ngày tên tù binh cố gắng giữ thể diện, còn bây giờ sự đau đớn nội tâm đang giày vò hắn. Nhưng mà nó buồn cái gì mới được chứ? Ban ngày anh đã chẳng giải thích cho nó biết là anh không đưa nó vào nhà

tù hay dùng nó vào những việc bẩn thỉu nào đó, mà trả nó về với người của nó để đổi lại việc chúng cho bọn anh đi qua đường. Chỉ độc có mỗi việc là đánh đổi với người của nó thôi. Ở cạnh Rubakhin nó đâu phải lo lắng gì. Cứ cho là nó không hiểu gì về việc những chiếc xe tải hay con đường đã bị chặn, nhưng chắc nó cũng phải hiểu được (cảm thấy được) là chẳng có gì đe dọa nó cả. Hơn nữa, nó cũng phải biết là nó gây được thiện cảm đối với anh chứ... Rubakhin bỗng nhiên lại thấy bối rối. Rubakhin khẽ hé mắt. Tên tù binh đang buồn. Trong màn đêm đã bắt đầu loãng, khuôn mặt của hắn vẫn đẹp như trước, nhưng thật buồn. "Nào - nào!" Rubakhin thân mật nói, cố gắng vui vẻ.

Và anh chậm chạp đưa tay ra. Sợ rằng làm cho nửa khuôn mặt và vẻ đẹp tuyệt trần của đôi mắt đang nhìn bất động kia kinh hoàng, Rubakhin chỉ dám khẽ chạm ngón tay vào bắp thịt thanh mảnh, làm như sửa lại lọn tóc xoăn dài rủ xuống má. Chàng trai không quay mặt đi. Hắn im lặng. Và Rubakhin có cảm giác, cố tìm được cái cảm giác hắn đáp lại những ngón tay ve vuốt của anh bằng má của mình.

Được nhắm mắt một lúc quả là sướng. Vovca - Xạ Thủ lại sống lại những phút giây ngọt ngào trôi nhanh trong ngôi nhà thôn quê nhỏ bé ấy. Niềm vui sướng ngắn ngủi được gần gũi phụ nữ từng giây một cứ thoắt biến, thoắt hiện. Hắn ngủ ngồi, ngủ đứng, ngủ đi. Chẳng có gì là lạ khi hắn ngủ say như chết (mặc dù đang trong phiên gác của mình), chẳng để ý có một con thú chạy ngang qua, có thể là lợn rừng cũng nên. Con thú làm náo động tất cả mọi người. Tiếng cành cây gãy răng rắc rõ lâu trong các bụi cây. "Cậu có muốn bị bắn chết trong lúc ngủ không?". Rubakhin khẽ kéo tai người lính. Hắn choáng tỉnh. Hắn nghe lời anh. Tất cả trở lại yên tĩnh.

Ném thêm cành củi vào đống lửa, Rubakhin đứng dậy đi một vòng rồi quay về. Anh ngồi cạnh tên tù binh. Hốt hoảng vì

những gì vừa xảy ra, hắn ngồi trong tư thế cẳng thẳng, vai nhô cao, khuôn mặt đẹp rúc vào giữa hai đầu gối. "Thế nào? Cậu ra sao rồi?" Rubakhin hỏi. Trong những trường hợp tương tự, câu hỏi này giống như sự kiểm tra tên tù: liệu hắn có giả vờ ngủ hay không; liệu hắn có đang tìm dao hay không; hoặc hắn chỉ chờ cho mọi người ngủ say là lẩn ngay vào đêm tối? (Có họa là ngu, Rubakhin này lại không đuổi được ngay chắc).

- Bình thường, - tên tù bình trả lời ngắn gọn.

Cả hai cùng im lặng.

Xem ra khi hỏi tên tù, Rubakhin buộc phải ngồi sát cạnh hắn (chẳng lẽ cứ mỗi phút lại đổi chỗ bên đồng lửa ấy còn ra làm sao nữa).

Rubakhin vỗ vai hắn:

- Đừng có sợ. Tôi đã nói rồi: khi về tới nơi nhất định chúng tôi trao trả cậu ngay cho phía bên ấy, hiểu không?

Hắn gật đầu:

- Vâng, hắn hiểu.

Rubakhin cười hềnh hêch:

- Ồ, mà cậu đẹp trai thật đây.

Cả hai lại im lặng.

- Chân thế nào rồi?

- Đõ rồi.

- Thôi được, ngủ đi. Trời sắp sáng, chớp mắt một tí kéo là sáng bảnh ngay bây giờ...

Thế rồi, như thể đồng ý là cần phải chớp mắt, tên tù ngã ngay đầu vào vai phải Rubakhin. Thì có gì là đặc biệt: cũng như những người lính dựa vào nhau tranh thủ đánh một giấc. Nhưng mà hơi ấm của cơ thể và cùng với nó là dòng xúc cảm (cũng từng đợt như vậy) cứ truyền từ cái vai ngả xuống của chàng trai sang vai của Rubakhin. Không được thế. Chàng trai đang ngủ. Đơn giản là chàng trai đang ngủ, Rubakhin

nghĩ, cố dìm từng đợt sóng cứ trào lên. Anh gồng mình, cả người như hóa gỗ là vì cái sức mạnh của hơi ấm, của sự dịu dàng cứ thấm qua bờ vai, thấm vào tâm hồn tinh lặng của anh. Rubakhin chết lặng. Và chàng trai, dường như nghe thấy, hoặc đoán được sự lo lắng của anh cũng như đang chết lặng. Thêm một phút nữa, sự động chạm của họ đã mất đi cảm giác. Họ đơn thuần chỉ là những kẻ ngồi cạnh nhau.

- Rồi, thế là chúng mình cũng chớp mắt được tí chút, - Rubakhin nói vào khoảng không. Anh nói, mắt không rời những lưỡi lửa bé tí, đỏ chót, nhảy nhót trên đống cùi.

Tên tù binh giật mình, sửa lại thế ngồi cho cái đầu tựa vào vai Rubakhin dễ chịu hơn. Ngay lập tức anh lại cảm thấy dòng điện của cái cơ thể đáp ứng, mời gọi kia. Bây giờ Rubakhin đã nghe thấy thoáng run rẩy rất nhẹ từ thân thể của chàng trai, sao lại thế nhỉ... thế là thế nào nhỉ? Anh cố hiểu cho được cái ý nghĩ đang vẩn lên. Và anh lại cố kìm hãm, nín thở (chỉ sợ sự run rẩy của mình tố cáo mình). Nhưng run thì run, có thể chịu được, đáng sợ hơn cả là cái đầu của chàng trai bây giờ hình như khẽ quay về phía anh thì phải (tất cả những cử chỉ của hắn thật nhẹ nhàng, nhưng vẫn có thể cảm nhận được, nhưng nhô ra đó lại chỉ là những cựa quậy vô nghĩa của một người đang ngủ thì sao?...). Quay về phía anh chính là cái khuôn mặt, gần như kề cận, liền sau đó thể nào anh cũng nghe thấy hơi thở thanh tân và sự gần gũi của làn môi. Một thoáng trôi nhanh. Rubakhin đã trải qua giây phút mềm yếu. Dạ dày của anh là bộ phận đầu tiên trong mối quan hệ với các cơ quan khác trong cơ thể không chịu được cái gánh nặng của cảm giác không quen biết ấy, đã lén cơn co thắt, và cái máy nghiền thức ăn ấy bỗng phút chốc trở lên thô nháp như tấm ván gỗ được đem cọ rửa. Và hậu quả là sự thở bị ngắt quãng. Rubakhin ho sặc ho sụa. Chàng trai sợ hãi cất đầu ra khỏi vai anh.

- Nổ ầm ầm như đại bác ấy, điên rồ!... Có mà cả cây số cũng nghe thấy!

Vovca vô tư nói rồi lại lăn ra ngủ, tự trả lời mình bằng những tiếng ngáy. Mà những tiếng ngáy của hắn mới khiếp làm sao, chói cả tai như tiếng huýt sáo vậy.

Rubakhin bật cười, trời đất, ông bạn chiến đấu của tôi! Ngủ liên hồi kì trận. Ban ngày ngủ, ban đêm ngủ!

Tên tù binh vừa cười vừa chậm rãi nói:

- Tôi nghĩ là anh ta có đàn bà. Hôm qua.

Rubakhin ngạc nhiên: Thế cơ đấy?... Anh nhớ lại lập tức và đồng ý ngay: Ồ cũng giống như vậy thật.

- Theo tôi thì chuyện ấy xảy ra hôm qua, vào lúc ban ngày.

- Đúng vậy! Chính xác!...

Cả hai cùng cười, như những người đàn ông thường cười vào những tình huống tương tự.

Nhân thể (rất chi là thận trọng) chàng tù binh hỏi:

- Chắc từ lâu rồi anh không gần đàn bà?

Rubakhin nhún vai:

- Lâu rồi. Một năm, có thể tính như vậy.

- Chắc là không đẹp? Một mụ sê?... Tôi nghĩ là bà xã không thể đẹp được. Lính tráng thì làm gì có vợ đẹp.

Sự ngắt quãng kéo dài nặng nề. Rubakhin có cảm giác như có đá đeo đằng sau gáy mình (và nó cứ thế ghè, cứ ghè...).

Sáng sớm đồng lửa đã tắt lui. Anh chàng Vovca sắp chết cũng cõng lăn vào với họ, rúc đầu vào vai, vào lưng Rubakhin, còn anh chàng tù binh thì rúc vào cạnh sườn, suốt đêm quyến rũ người lính bởi hơi ấm ngọt ngào thanh tân. Cứ như vậy cả ba cùng sưởi ấm cho nhau, họ kéo được cho tới sáng.

Họ đặt cà mèn nước lên bếp lửa.

- Chúng mình tự chiêu đãi nước trà, thì cũng phải nuông

chiều bản thân một chút chứ, - Rubakhin nói vẻ có lỗi vì những xúc cảm không bình thường hồi đêm.

Ngay từ buổi sáng cái mặc cảm tội lỗi không mấy rõ ràng nhưng cũng không giấu giếm đã bắt đầu trỗi dậy: tự nhiên Rubakhin bắt đầu chăm sóc chàng trai. (Anh hồi hộp. Anh không thể ngờ được điều đó ở bản thân mình). Có một thoáng anh không làm chủ được bản thân, hai lần pha trà vào cốc cho hắn, bỏ vào đầy mây cục đường, khuấy thia loạn lên và đưa cho hắn. Hình như anh nhường mãi mãi cho hắn đôi tất len của mình, dừng có cởi ra, cứ để mà đi!... Sự quan tâm mỗi lúc một nhiều hơn.

Rồi Rubakhin trở nên tất bật, lúc nào cũng cố nhóm cho bằng được bếp lửa để cho hắn được sưởi ấm.

Tên tù binh uống trà. Hắn ngồi trên đám rễ cây quan sát những chuyển động của đôi bàn tay Rubakhin.

- Đôi tất ấm thật đấy. Rõ là tất xịn, - hắn khen, mắt nhìn xuống đôi chân của mình.

- Mẹ tôi đan đấy.

- Thế hả.

- Đừng có cởi ra!... Đã bảo mà: cứ để vậy mà đi. Còn tôi thì quần cái gì vào chân mà chẳng được.

Chàng trai lôi từ trong túi cái lược để chải tóc: hắn chải chuốt rõ lâu. Chốc chốc hắn lại lúc lắc mái đầu một cách kiêu kì, rồi lại chải, lại vuốt làn tóc lượn sóng đổ xuống tận vai. Hắn cảm nhận vẻ đẹp của mình tự nhiên như hít thở không khí vậy.

Mang đôi tất len ấm áp, ôm khít, chàng trai đi có vẻ vững tin hơn. Hắn cư xử cũng có vẻ dạn dĩ hơn. Nỗi buồn trong mắt hắn đã không còn nữa. Hiển nhiên hắn cũng hiểu được rằng Rubakhin lúng túng bởi mối quan hệ nảy sinh giữa họ. Có thể điều đó làm hắn dễ chịu. Hắn liếc nhìn Rubakhin, nhìn đôi tay của anh, nhìn khẩu súng trường của anh, bất giác cười

thầm, hắn cảm thấy trong cuộc chơi này hắn đã giành được chiến thắng đối với cái anh chàng to lớn, mạnh mẽ nhưng nhút nhát như con trẻ này.

Đến bờ suối hắn không cởi tất mà đứng đó chờ Rubakhin bế hắn lội qua. Đôi tay hắn không túm lấy cổ áo anh như lần trước. Lần này, không chút ngượng nghịu, đôi bàn tay mềm mại ấy quấn chặt lấy cổ Rubakhin đang lội qua suối, thỉnh thoảng hắn còn luồn tay dưới áo và rời cửa anh để túm cho tiện hơn.

Rubakhin một lần nữa lại tước chiếc đài nhỏ của Vovca. Anh ra hiệu im lặng: anh đang dẵn đường; trên con đường mòn chắc chắn có nhiều người qua lại, càng lúc càng mở rộng ra phía trước, Rubakhin không tin tưởng một ai (cho đến chỗ có tảng đá trắng). Tảng đá, nơi con đường rẽ làm ba ngả, đã gần ngay trước mặt. Đây là một chỗ khá nguy hiểm, nhưng đồng thời cũng lại là chỗ an toàn là vì từ đó có hai con đường hẹp rẽ đi hai ngả (hoặc nhập lại làm một tùy theo hướng nhin).

Lính tráng bỗ bã gọi tảng đá đó là "cái mũi". Một cái mũi đá có ba cạnh nhô ra về phía họ, treo lên phía trước như mũi thuyền.

Họ đã trèo được tới chân mõm đá, đang ở trong đám bụi cây có những chiếc lá xoăn. *Không thể thế được!* - Lóe lên trong đầu người lính ý nghĩ đó, khi anh nghe thấy ở đấy, từ phía trên, sự nguy hiểm đang tiến lại gần (cả ở bên trái lẫn bên phải). Từ cả hai phía tảng đá có những người đang tụt xuống. Một sự di chuyển lộn xộn, dày đặc không ra hàng ngũ. Chó má thật. Làm sao lại gặp đúng hai toán lính đối phương khác nhau, đi theo hai con đường khác nhau, không hẹn mà lại sáp gặp nhau ở một chỗ, *không thể thế được!* Tảng đá cứu giúp họ chính là ở chỗ nó cho người ta nghe được trước lúc nhìn thấy để sớm tản ra, ẩn nấp.

Tất nhiên bây giờ họ đã rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng

nan. Thậm chí họ không còn kịp men theo chân tảng đá, vượt qua khoảng trống để chạy vào rừng được nữa. Họ có ba người, trong đó có một tù binh; bọn chúng sẽ nhìn thấy họ liền và ngay lập tức sẽ xả súng vào họ; hoặc đơn giản là sẽ lùa họ vào rừng rồi vây xung quanh. *Không thể thế được!* Ý nghĩ đó lại thúc thít than vân lần thứ ba rồi mới chịu rời bỏ anh. (Nó đi khỏi, biến mất, nó bỏ rơi anh). Böyle giờ chỉ còn biết phó mặc cho bản năng. Một làn khí lạnh toát bò vào hai lỗ mũi. Không chỉ có tiếng bước chân của chúng. Trong không khí gần như tạnh gió Rubakhin còn nghe thấy cả tiếng bập dập từ từ của những ngọn cỏ khi chúng đi qua.

Anh đặt ngón tay lên môi. Vovca đã hiểu. Hắn khẽ đưa đầu về phía tên tù binh: nó ra sao rồi?

Rubakhin nhìn vào mặt tên tù: chàng thanh niên cũng hiểu ngay lập tức (hắn hiểu người của hắn đang đi tới), trán và hai má của hắn phủ một lớp màu báo hiệu một hành động không thể lường trước được.

"Thôi thì mặc kệ! Muốn đến đâu thì đến!" Rubakhin tự nhủ, nhanh chóng chuẩn bị súng trường vào trận. Anh nắm băng đạn dự trữ. Nhưng ý nghĩ về trận đánh (giống như mọi ý nghĩ khác trong những tình huống nguy hiểm) cũng lại tránh sang một bên (nó bỏ anh), không muốn trút vào mình cái trách nhiệm. Bản năng ra lệnh phải nghe ngóng. Và phải chờ đợi. Hai lỗ mũi vẫn bị những làn khí lạnh ngắt bò vào. Và tiếng những ngọn cỏ động đậy đầy ý nghĩa. Những bước chân lại gần. Không. Chúng đồng lăm. Rất đồng... Rubakhin một lần nữa lại nhìn vào mặt tên tù binh, đoán xem nó đang nghĩ gì, sẽ hành động ra sao. Có thể vì sợ bị giết hắn sẽ im thin thít, hoặc là vã dai ra quần (cũng còn may), hoặc là sẽ bỏ nhào tới gấp đồng bọn với niềm vui sướng, với sự ngu dai trong đôi mắt to điên điên của hắn, và (đây mới là điều chủ yếu), với tiếng kêu cứu!?

Không rời mắt khỏi cánh quân bên trái (nhóm này hoàn

tòan đang rất gần họ và đi ngang qua họ trước), Rubakhin quài tay ra đằng sau, cẩn thận chạm vào người tên tù binh. Tên này khẽ run rẩy giống như người đàn bà run rẩy trong vòng tay ôm của người đàn ông. Rubakhin sờ vào cổ hắn, nắn dần lên mặt, nhẹ nhàng đặt lòng bàn tay lên đôi môi xinh đẹp, lên miệng (cái miệng cần phải im lặng); đôi môi khẽ giật giật.

Rubakhin từ từ lôi tên tù gần lại mình (nhưng mắt vẫn không rời khỏi con đường mòn phía trái, khỏi đoàn người kéo dài như một chuỗi xích). Vovca theo dõi cánh bên phải: từ nơi đó cũng đã nghe rõ tiếng những bước chân, những hòn đá nhỏ đang ào ào đổ xuống và có một tên nào đó trong bọn chúng vác súng máy trên vai luôn quẹt phai thằng đi sau.

Chàng trai không chống lại, Rubakhin. Choàng tay qua vai hắn, Rubakhin quay hắn lại phía mình (hắn thấp hơn anh), tự trườn tới hắn, áp sát vào người hắn, dí môi xuống dưới cái cầm không cạo râu của hắn, vào động mạch cổ của hắn. Chàng trai rùng mình, không hiểu. "Nờ -n..." hắn thở yếu ớt, giống như người đàn bà sau khi nói từ "không" không ra là từ chối, mà là ngượng ngùng, trong khi đó Rubakhin theo dõi và chờ (phòng khi hắn kêu lên). Cặp mắt hắn mở rộng trong cơn sợ hãi, cố gắng lảng tránh cặp mắt của Rubakhin và qua không khí, bầu trời, cố nhìn thấy người của mình! Hắn mở miệng, nhưng nào có kêu. Có thể hắn chỉ muốn thở thật sâu. Nhưng bàn tay kia của Rubakhin khẽ đặt khẩu súng xuống dưới đất bịt lấy cái miệng khẽ giật giật cùng làn môi tuyet vời của hắn. "Nờ -n..." chàng trai muốn nói nốt điều gì, nhưng không kịp. Thân hình hắn giật giật, hai chân cong lên, tuy nhiên dưới chân không có điểm tựa. Rubakhin nhấc hắn lên khỏi mặt đất. Ôm hắn trong tay, anh không cho hắn động tới những bụi cây, những hòn đá để khỏi gây ra tiếng động. Bằng cánh tay đang ôm, anh khóa chặt lấy cổ hắn, xiết mạnh. Cái đẹp đẽ không kịp cứu vãn. Vài cơn co giật... và cũng chỉ có thể.

Phía dưới tảng đá, nơi hai con đường chập lại, đã vang lên tiếng chào hỏi thân mật. Hai toán quân đã tìm thấy nhau. Vọng lại những tiếng chào hỏi, những câu hỏi *Thế nào? Cái gì?! Các câu chuyển đi đâu?* (câu hỏi thường gặp nhất trong các câu hỏi). Chúng cười nói, vỗ vai nhau. Một tên trong bọn lợi dụng lúc dừng chân, tranh thủ đi tiểu. Hắn chạy lại phía tảng đá, tìm một chỗ thuận tiện. Hắn không hiểu là hắn đã đứng ngay trước điểm ngắm. Hắn đứng cách bụi cây nơi hai người sống và một người chết đang ẩn nấp chỉ có vài bước chân. Đái xong, nắc cụt, hắn cài khuy quần rồi chạy vội đi.

Khi đoàn người đã đi xa, những bước chân và tiếng nói đã không còn rõ, hai người lính khoác súng lên vai, khiêng người chết ra khỏi bụi cây. Họ khiêng hắn vào cánh rừng thưa, nơi Rubakhin còn nhớ có một khoảng trống nhẵn nhụi toàn đất cát mềm. Họ đào cái hố, moi cát bằng những miếng đá mỏng dẹt. Vovca - Xạ Thủ hỏi Rubakhin có lấy lại đôi tất hay không. Anh lắc đầu. Họ không nói một lời nào về con người đã bắt đầu trở lên quen thuộc đối với họ. Họ ngồi im lặng trước ngôi mộ nửa phút. Ngồi lâu làm gì, chiến tranh mà!

\*

Không có gì thay đổi: hai chiếc xe tải (Rubakhin nhìn thấy chúng từ xa) vẫn đứng ở chỗ cũ. Trên con đường dẫn vào hẻm núi, ở chỗ hẹp nhất, lính đối phương vẫn canh giữ. Hai cái xe bị bắn rơi bời, nhưng không vào những chỗ hiểm (vẫn còn chạy được, chỉ bị bắn chí chít ở phía trên). Hai cái xe này đứng ở đây đã sang ngày thứ tư. Chúng chờ. Chúng chỉ muốn lấy vũ khí. Có được vũ khí chúng sẽ thả cho xe đi.

-...Chúng tôi không chở súng! Chúng tôi không có vũ khí! - Cánh lái xe gào lên.

Một loạt đạn bắn ra từ phía bọn phiến quân. Tiếp theo là

một loạt tiếng cười rộ lên ha - ha - ha!... những tiếng cười khoái trá, dai dẳng không hàm nghĩa gì, như tiếng cười trẻ con vọng từ trên cao xuống.

Những người lính áp tải đoàn xe và cánh lái (họ có tất cả sáu người) ngồi rải rác trong các bụi cây ven đường, ẩn dưới gầm những chiếc xe tải. Cuộc sống du mục của họ thật đơn giản: họ nấu thức ăn trên đống lửa hoặc lăn ra ngủ.

Khi Rubakhin và Vovca - Xạ Thủ tiến tới gần, trên tảng đá, nơi có ổ phục kích, Rubakhin nhìn thấy ngọn lửa, một bếp lửa nhợt nhạt ban ngày. Chắc bọn lính đối phương cũng đang nấu bữa trưa. Một cuộc chiến tranh buồn tẻ. Cớ làm sao lại không ăn cho no đây, không uống nước trà cho nóng giãy?

Bọn phỉ cũng đã nhìn thấy hai người lính đang tiến lại gần. Chúng rất tinh mắt. Và mặc dù chúng biết rằng hai người kia rồi lại quay về, chúng vẫn cứ bắn. Một loạt đạn. Lại một loạt nữa.

Rubakhin và Vovca - Xạ Thủ đã về tới nơi.

Đội trưởng ưỡn cái bụng ra phía trước hỏi Rubakhin:

- Sao?... Có tiếp viện chứ?

- Tiếp cái con tiều!

Rubakhin chẳng buồn giải thích.

- Thế không tóm được thằng tù binh nào à?

- Không.

Rubakhin hỏi nước. Anh uống nước rõ lâu từ trong một cái xô, sau đó dội ào xô nước lên người, rồi cứ để vậy bước như người mù về một phía, và cũng chẳng chọn chỗ, cứ thế lăn vào một bụi cây mà ngủ. Cỏ ở đây vẫn chưa thảng dậy; anh nằm chính ở cái chỗ mà hai ngày trước đó đã nằm, rồi người ta hích vào cạnh sườn anh, cử anh đi xin tiếp viện (cho Vovca đi theo trợ giúp). Trên đám cỏ rối, anh bỏ ngoài tai tất cả, không nghe thấy những lời trách cứ của đội trưởng. Mặc kệ tất. Anh đã mệt rồi.

Vovca ngồi dưới bóng cây, duỗi thẳng hai chân, che cái

mũ vải lên mặt. Vừa cười nhạo, hắn vừa hỏi những người lái xe: "Thế nào, các bố, vẫn không tìm ra được đường vòng à?... Chẳng lẽ lại thế nữa?!" "Không có đường vòng". Cánh lái xe nằm trong đám cỏ cao. Một tay trong số những thằng ngô ấy còn biết quấn thuốc lá từ những mảnh giấy báo vụn.

Đội trưởng Beregov cáu tiết vì cuộc hành quân không kết quả, lại cố gắng tiếp tục cuộc đàm phán.

- È! - anh ta gào lên, - nghe tôi nói đây!... È! - Anh ta gọi với lên bằng một giọng thật thà (tự cho là như vậy). Tôi thấy, chúng tôi chả có một tí gì đâu, không có vũ khí lẩn thực phẩm. Chúng tôi chỉ có người không... cứ cho người của các anh xuống đây kiểm tra mà xem, chúng tôi không bắn đâu. Này, có nghe thấy không?...

Thay câu trả lời lại một loạt súng vang lên. Lại một chuỗi cười sảng khoái.

- Đ... mẹ chúng mày! - Đội trưởng cáu tiết văng ra.

Chúng bắn loạn xạ từ trên tầng đá. Chúng bắn rõ lâu và vỡ nghĩa đến nỗi đội trưởng lại văng tục và quay lại gọi:

- Vovca. Nào, lại đây!

Cả hai lái xe nằm trong đám cỏ sinh động hắn lên:

- Vovca! Vovca, lại đây. Hãy cho bọn chó chết ấy biết cần phải bắn như thế nào!

Vovca - Xạ Thủ ngáp dài, lười biếng cất lưng ra khỏi cái thân cây mà hắn đang ngồi tựa khá là dễ chịu.

Nhưng khi cầm lấy khẩu súng và ngắm bắn thì hắn cầm có lười. Hắn lựa thế nằm tiện lợi trên cỏ và, giơ khẩu cacbin lên, hắn nhìn thấy qua ống kính ngắm hết hình người nọ đến hình người kia trong đám người đang túi tí trên tầng đá chìa ra, treo ở phía bên trái con đường. Tất cả bọn chúng đều hiện lên rất rõ trong tầm ngắm và hắn có thể bắn trúng bất kì tên nào trong số đó.

Đúng lúc có một tên đứng ngay trên rìa tảng đá đang chõ xuống la hét, nhạo báng.

- Vovca, cậu có muốn xơi tái thằng này không? - người lái xe hỏi.

- Đám thèm vào, - Vovca dè bỉu.

Yên lặng một chút, hắn nói thêm:

- Tớ thích ngắm và xiết cò. Không cần đạn tớ cũng biết khi nào tớ bắn trúng.

Không cần nói cũng hiểu được là Vovca không thể nào bắn vào bọn lính đối phương. Chỉ cần anh giết chết một thằng thì mấy chiếc xe tải này đừng có hòng mà đi qua được.

- Cái thằng đang gào kia, cứ coi như tớ đã hạ được rồi.

- Vovca bóp cò khẩu cacbin không nạp đạn. Hắn đang nghịch. Lại ngắm, lại bóp cò. Lại thằng kia nữa nhé, xong rồi!... Còn thằng kia tớ có thể cắt nửa cái mông. Không giết được, nó đứng nấp sau cây, nhưng nửa cái mông thì có thể được!...

Thỉnh thoảng nhảm được tên phỉ nào đó cầm vật gì sang sáng, như là chai vodca hay là (hiện đang là là buổi sáng!) chiếc phích Trung Quốc tốt nổi tiếng chẳng hạn, Vovca ngắm kĩ rồi bằng một phát chuẩn xác, bắn tan tành cái đồ vật nhìn thấy đó. Nhưng bây giờ thì hết các thứ để tiêu khiển rồi.

Trong khi đó Rubakhin ngủ yên, lúc nào cũng chỉ có một giấc mơ khó chịu, bất an đổ đến (hay là rúc xuống đám cổ anh đã gọi nó tới với mình?): khuôn mặt đẹp của chàng trai tù binh.

- Vovca. Bấm cò đi!

- Ngay đây.

Vovca vẫn miệt mài ngắm, đang cơn hứng khởi, hắn rẽ rẽ ống kính ngắm khắp khuôn hình tảng đá: qua những mỏm đá... qua các bụi cây nhỏ... qua những thân cây. A ha, đây rồi! Hắn đã tìm thấy một tên phỉ gày nhẳng đứng bên cạnh gốc

cây đang dùng kéo để sửa mái tóc. Cắt tóc là công việc riêng tư. Cái gương treo trên thân cây lóe sáng như ra hiệu, Vovca lập tức nạp đạn và tìm thấy ngay điểm ngắm. Hắn bóp cò, vung nước bạc gán trên thân cây du bắn tung tóe thành muôn giọt li ti. Ngay lập tức những tiếng chửi rủa vang lên, và như mọi lần, lại những tiếng súng hỗn độn. (Những tiếng chửi rủa giống như tiếng những con sếu đồng loạt quang quác sau tảng đá treo trên con đường: gulial - kilial -lial - kilial - thằng Vovca - Xạ Thủ...). Những hình người trên tảng đá chạy đi chạy lại, kêu la, chửi bới. Một lúc sau tất cả trở lại im lặng (chắc là theo mệnh lệnh). Một lúc lâu chúng không dám thò đầu ra (có vẻ biết điều hơn). Tất nhiên chúng cứ tưởng chúng đã nấp được rồi. Nhưng Vovca - Xạ Thủ không chỉ nhìn thấy những cái đầu đang ẩn núp, những cục hầu trên cổ, những cái bụng, hắn còn nhìn thấy cả những chiếc cúc áo của chúng. Đầu cợt, hắn rê nòng súng từ chiếc cúc nọ sang chiếc cúc kia...

- Vovca! Đủ rồi! - Đội trưởng gọi giật hắn.

- Xong rồi!... - Vovca - Xạ Thủ trả lời, tay xách khẩu súng chạy tới bụi cỏ cao (với ý nghĩ đơn giản: Ngủ lấy một giấc).

Còn Rubakhin lại đánh mất giấc mơ: khuôn mặt của chàng trai sau khi xuất hiện đã không còn giữ được trước mắt anh, nó bị nhòa đi. Nó tan ra, biến hình biến dạng, chỉ để lại vẻ đẹp nhạt nhòa, không thú vị. Một khuôn mặt của ai đó. Khuôn mặt đã bị lãng quên. Hình ảnh tan ra. Giống như trong cuộc tiễn biệt (khi chia tay nhau, nó đã tha thứ cho anh) chàng trai với những đường nét rõ ràng (và rực rỡ làm sao!). Khuôn mặt. Nhưng không chỉ có khuôn mặt, mà cả bản thân chàng trai đang đứng đó. Có vẻ như cậu ta muốn nói một điều gì. Cậu ta bước tới gần và đưa tay ôm riết lấy cổ Rubakhin (giống như anh đã làm với cậu ta ở chỗ tảng đá). Đôi bàn tay mảnh mai, mềm mại, giống như tay phụ nữ, mãnh liệt, nhưng dịu dàng, và Rubakhin (vẫn rất cảnh giác) kịp hiểu trong giấc

mơ người đàn ông có thể yếu đuối. Anh nghiến răng cố gắng xua đuổi giấc mơ và choàng tỉnh dậy, toàn thân nhức nhối, nặng nề.

- Giá có thuốc để hút! - Trong giấc mơ anh đã lảm nhảm. Và anh nghe thấy tiếng súng...

Cũng có thể, tiếng súng đã đánh thức anh dậy. Một dòng âm thanh đanh, gọn, - sọc - sọc - sọc phá vỡ những mảnh đá và từng cột bụi như dài phun trên đường đi dọc theo những chiếc xe tải đang đứng chết lặng. Những chiếc xe tải vẫn đứng đó. (Rubakhin cũng chẳng mấy quan tâm là vì sớm muộn thế nào rồi chúng cũng phải cho đi qua).

Vovca ôm khẩu súng ngủ trong đám cỏ gần đấy. Vovca hiện đang có thuốc lá (mua cùng với chai rượu trong cửa hàng mậu dịch thôn), những điếu thuốc từ trong túi áo ngực của hắn rơi xuống đất. Rubakhin nhặt lấy một điếu. Vovca khẽ trả mình.

Rubakhin hút thuốc, hít thật dài. Anh nằm ngửa, mắt nhìn lên trời, còn bên trái và bên phải (từ phía cạnh sườn) những quả núi đan chặt, vây lấy anh ở đây và chẳng chịu thả anh ra. Rubakhin đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Cứ mỗi lần bàn giao công việc với thủ trưởng, chào hỏi mọi người (để trở về quê, vùng thảo nguyên bên sông Đông), anh nhanh chóng xếp chiếc vali chặt cứng của mình để rồi lại... ở lại. "Ở đây có cái gì đặc biệt nhỉ? Những quả núi ư?" - anh bật nói thành tiếng cùng với nỗi tức giận. Không giận ai, chỉ giận thân. Sống trong trại lính thì có cái gì là thú vị cơ chứ, và cũng có gì là thú vị ở những quả núi này? Anh bức dọc nghẽn ngợi. Anh muốn nói thêm: "Vâng, đã bao năm rồi!" Nhưng lại nói: "Đã bao thế kỉ rồi!..." như trót buột miệng; từ ngữ tự chúng nhảy ra từ bóng tối, và người lính giờ đây chỉ còn biết kinh ngạc nghĩ cho hết cái ý nghĩ thầm lặng, nằm trong sâu thẳm tiềm thức. Những khe núi hẹp màu xám. Những ngôi

nhà nhỏ bẩn thỉu trông như chuồng chim của vùng sơn cước. Nhưng dù sao duyên có vẫn là những quả núi?... Đây đó những đỉnh của chúng chen chúc nhau vàng óng ánh trong ánh nắng mặt trời. Những quả núi. Những quả núi. Những quả núi. Đã bao nhiêu năm rồi trái tim anh đã phải thốn thúc trước vẻ hùng vĩ, trước sự trang trọng câm lặng của cùiúng, nhưng thật ra vẻ đẹp của chúng muốn nói gì với anh? Vì sao nó lại réo gọi anh?

ĐÀO TUẤN ANH *dịch*

BERNARD MALAMUD

(Mĩ)

## CON TRAI TÔI KỂ GIẾT NGƯỜI

Nó thức giấc, cảm thấy cha mình đang ở ngoài hành lang, lắng nghe. Ông lắng nghe nó ngủ và mơ. Lắng nghe nó thức giấc và dò dẫm tìm quần. Nó không đi giày. Nó sẽ không vào bếp để ăn. Nhìn vào gương với đôi mắt nhắm nghiền. Ngồi hàng tiếng đồng hồ trong toilet. Lật những trang sách mà nó không hề đọc. Nỗi đau đớn, sự cô độc của nó. Người cha đứng ở hành lang. Đứa con trai lắng nghe ông lắng nghe.

Con trai tôi là người xa lạ, nó không kể cho tôi nghe bất cứ điều gì.

Tôi mở cửa và thấy cha mình trong hành lang. Tại sao cha đứng đây, tại sao cha không đi làm!

Theo kế hoạch tôi đi nghỉ vào mùa đông thay vì mùa hè như tôi vẫn thường đi.

Điều quái quỷ gì làm cha tiêu phí thời gian trong cái hành lang tôi tăm tối tha này, theo dõi từng cử động của con? Xét đoán những điều cha không thể hiểu. Tại sao cha cứ luôn theo dõi con?

Cha tôi đi vào phòng ngủ và sau đó một lúc lại lên ra hành lang, lắng nghe.

Thỉnh thoảng tôi nghe thấy nó ở trong phòng nhưng nó

không nói chuyện với tôi và tôi không biết có chuyện gì. Đó là cảm giác kinh khủng đối với một người cha. Có lẽ một ngày nào đó nó sẽ viết cho tôi một lá thư, *Cha yêu quý của con...*

Harry con trai yêu của cha, mở cửa đi con. Con trai tôi, người tù.

Vợ tôi ra khỏi nhà từ sáng để đến với đứa con gái đã lấy chồng, nó đang có thai đứa thứ tư - Người mẹ nấu nướng, dọn dẹp cho nó và chăm sóc ba đứa con của nó. Con gái tôi đang mang thai khó nhọc vì bị cao huyết áp, hầu hết thời gian nằm trên giường. Đây là điều bác sĩ khuyên nó. Vợ tôi đi cả ngày. Bà lo lắng có điều gì đó không hay cho Harry. Kể từ khi tốt nghiệp cao đẳng từ mùa hè năm ngoái, nó cô đơn, căng thẳng và trầm lặng. Khi nói chuyện với nó, một nửa thời gian nó lả hét nếu nó trả lời. Nó đọc báo, hút thuốc, ở lì trong phòng mình. Thỉnh thoảng nó đi dạo phố.

Đi dạo thế nào, Harry?

Một cuộc đi dạo.

Vợ tôi khuyên nó tìm việc làm, một đôi lần nó đã đi, nhưng khi có một lời đề nghị nào đó, thì nó lại không nhận việc ấy.

Không phải con không muốn làm việc. Chỉ tại con cảm thấy tệ quá.

Tại sao con lại thấy tệ?

Con cảm thấy điều con thấy. Con cảm thấy điều đó là như thế.

Có phải do sức khoẻ không, cu con? Có lẽ con nên đi khám!

Con xin bố mẹ đừng gọi con bằng cái tên ấy nữa. Không phải tại sức khoẻ của con đâu. Nhưng đâu nó có là chuyện gì thì con cũng không muốn nói về nó. Công việc không phải là thứ con cần.

Trong khi chờ đợi nên đi làm tạm cái gì đó, vợ tôi bảo nó.

Nó bắt đầu la hét. Mọi thứ đều tạm bợ. Tại sao con cứ phải thêm vào những cái việc tạm bợ ấy? Bụng dạ con cảm thấy tạm bợ. Thế giới chết tiệt này là tạm bợ. Trên hết là con không muốn làm việc tạm bợ. Con muốn điều ngược lại cái tạm bợ ấy, nhưng nó ở đâu. Cha tìm nó ở đâu!

Người cha lảng nghe trong bếp.

Đứa con trai tạm bợ của tôi.

Mẹ bảo tôi sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu đi làm. Tôi nói tôi sẽ không. Tôi hai hai tuổi kể từ tháng Mười hai, một người tốt nghiệp cao đẳng, và bạn biết nơi bạn có thể thi thố được điều đó. Đến đêm tôi xem bản tin thời sự. Tôi xem chiến tranh từ ngày này qua ngày khác. Đó là một cuộc chiến tranh lớn đang thiêu huỷ trên màn ảnh nhỏ. Những trận mưa bom và những ngọn lửa bốc cao. Thỉnh thoảng tôi tì và sờ vào cuộc chiến bằng lòng bàn tay của mình. Tôi đợi tay mình chết.

Con trai tôi với bàn tay chết.

Một ngày nào đó tôi hy vọng sẽ được lôi đi nhưng nó chẳng làm phiền tôi theo cái cách nó vẫn thường xảy ra. Tôi sẽ không đi. Tôi sẽ đi Canada hay bất cứ nơi nào mình có thể.

Cái cách ấy nó làm vợ tôi sợ hãi nhưng bà vui lòng khi đi đến nhà con gái tôi vào sáng sớm để chăm sóc ba đứa trẻ. Tôi ở nhà với nó nhưng nó không nói chuyện với tôi.

Con nên gọi điện cho Harry và nói chuyện với nó, vợ tôi nói với con gái tôi.

Lúc nào đó con sẽ, nhưng con không quên sự khác biệt giữa chín năm tuổi tác của chúng con. Con nghĩ nó sẽ cho rằng con giống như một bà mẹ nữa cai quản nó và chỉ một mẹ là đủ. Con luôn yêu quý nó khi nó còn là một cậu bé, nhưng giờ đây thật khó để quan hệ với một người không đáp lại tình cảm của người khác.

Nó bị cao huyết áp. Tôi nghĩ nó sơ phải gọi điện thoại.

Tôi nghỉ việc hai tuần. Tôi là nhân viên bán hàng ở quầy tem trong bưu điện. Tôi nói với người quản lý là tôi cảm thấy mệt, đó không phải là nói dối và ông ta bảo tôi nên xin nghỉ ốm. Tôi bảo tôi không hẳn là ốm, tôi chỉ cần một kỳ nghỉ nhỏ. Nhưng tôi nói với Moe Berkman - bạn tôi là tôi nghỉ việc vì Harry làm tôi lo lắng.

Leo, em hiểu điều anh muốn nói. Em có những nỗi lo của riêng mình và mỗi băn khoăn về bạn trẻ. Nếu anh có hai đứa con gái trưởng thành thì coi như anh đang làm con tin cho số mệnh. Nhưng rốt cuộc chúng ta vẫn phải sống! Tại sao anh không đến chơi bài vào tối thứ sáu này? Mẹ con em đang có một trò chơi thú vị. Dừng tước đoạt đi sự nghỉ ngơi tốt lành của bản thân mình.

Anh sẽ xem xem mình thấy thế nào và mọi thứ tiếp diễn ra làm sao vào thứ sáu. Anh chưa thể hứa với em được.

Cố đến đi. Còn những điều ấy, nếu anh có đủ thời gian cho chúng, thì nó sẽ qua thôi. Nếu tình hình có vẻ tốt hơn anh hãy đến nhé. Mà dù nếu không khỏe, cũng nên đến vì có lẽ nó sẽ làm dịu đi sự căng thẳng của anh và nỗi lo lắng mà anh đang chịu đựng. Ở tuổi anh, thì thật là không tốt cho tim nếu anh đeo quanh mình quá nhiều lợ lág.

Đó là kiểu băn khoăn tồi tệ nhất. Nếu anh lo lắng về bản thân mình thì anh sẽ biết mình lo lắng cái gì. Ý anh là, không có gì bí mật cả. Anh có thể nói với bản thân mình, Leo, mà là đồ đại ngốc, đừng lo lắng vớ vẩn nữa - vượt lên đi, chỉ những chuyện vặt phải không? Hãy giữ gìn sức khỏe mà nó luôn đứng vững khá tốt dù anh vẫn có nhiều cơn đau ư? Vượt lên cái tuổi đã gần sáu mươi bây giờ và không còn trẻ lại nữa ư? Tất cả mọi người đều không chết ở độ tuổi từ năm lăm đến sáu mươi. Người ta không thể thắng được thời gian khi nó cứ chạy đua với mình. Nhưng nếu cứ lo lắng về một người khác, thì đó là điều tồi tệ nhất. Đây là mối lo thực sự vì nếu nó không nói

với em, thì em sẽ không hiểu được nội tâm người khác và không hiểu được nguyên nhân. Em không biết chỗ để tắt mồ công tắc. Tất cả những gì em làm là lo lắng hơn.

Nên tôi đợi ở hành lang.

Harry, đừng lo lắng quá nhiều về chiến tranh.

Xin đừng nói với con việc lo hay không lo về điều đó.

Harry, cha rất yêu con. Khi con hãy còn bé bỏng, hàng đêm lúc cha về đến nhà con thường chạy đến với cha. Cha bế con lên và nhắc bổng con đến trần nhà. Con thích sờ vào trần nhà bằng bàn tay nhỏ bé của mình.

Con không muốn nghe về điều đó tí nào nữa. Đây đúng là điều con không muốn nghe. Con không muốn nghe kể về lúc mình còn nhỏ.

Harry, chúng ta sống như những người xa lạ. Tất cả những điều cha đang nói là cha hồi tưởng về những ngày tốt đẹp. Cha nhớ khi ấy chúng ta không sợ khi chúng tỏ chúng ta thương yêu nhau.

Nó không nói gì cả.

Hãy để cha luộc cho con một quả trứng.

Một quả trứng là thứ cuối cùng con muốn trên thế giới này.

Thế con muốn gì?

Nó mặc áo khoác. Nó lấy cái mũ ra khỏi cây treo đồ và đi xuống phố.

Mặc áo khoác dài, Harry đi bộ dọc theo Ocean Parkway và vò nát chiếc mũ nâu trong tay. Cha nó đang theo nó và điều đó làm cho nó giận dữ.

Nó đi nhanh lên đường phố rộng. Ngày xưa có một lối mòn ở bên cạnh vỉa hè nơi giờ đây là đường xe đạp bằng bê tông. Và ở đó có ít cây hơn, những cành cây đen cắt ngang bầu trời không ánh nắng. Ở góc đại lộ X, đúng về nơi người ta có thể ngửi thấy mùi đảo Coney, nó qua đường và đi bộ về nhà. Nó

giả đò không thấy cha mình cũng băng qua mặc dù nó đang tức điên lên. Người cha qua đường và theo con trai mình về nhà. Khi ông về đến nhà, ông nghĩ Harry đã lên gác. Nó đi vào phòng mình và đóng sầm cửa lại. Bất cứ việc gì nó định làm trong phòng thì nó đã đang làm.

Leo lậy chiếc chìa khoá nhỏ của mình và mở cửa thùng thư. Có ba lá thư. Ông nhìn xem liệu có lá nào trong số đó có thể là của con trai gửi cho ông. *Cha yêu quý của con, hãy để cho con giải thích về bản thân mình. Nguyên nhân khiến con hành động như vậy...* không có lá thư nào như thế cả. Một lá chuyển từ bưu điện Clerks Benevolent Society, ông đút nó vào túi áo khoác. Hai lá thư kia gửi cho Harry. Một cái gửi từ Hội đồng quân dịch. Ông mang nó lên phòng con trai, gõ cửa và đợi.

Ông đợi một lúc.

Có tiếng càu nhau của cậu bé, ông nói. Có một lá thư từ Hội đồng quân dịch gửi cho con đấy. Ông xoay nắm đấm cửa và đi vào phòng. Con trai ông đang nằm trên giường, mắt nhắm nghiền.

Để nó ở trên bàn ấy.

Harry, con có muốn cha bóc nó cho con không?

Không, con không muốn cha mở. Hãy để nó ở trên bàn. Con biết nó là gì rồi.

Con đã viết cho họ một lá thư nữa à?

Đấy là việc riêng của con.

Người cha để nó trên bàn.

Lá thư kia của con trai ông mang vào trong bếp, đóng cửa lại, đun sôi chút nước trong ấm. Ông nghĩ ông sẽ đọc nhanh bức thư và dán lại cẩn thận bằng một ít hồ rồi đi xuống cầu thang và thả lại trong thùng thư. Vợ ông sẽ lấy nó ra bằng chiếc chìa khóa của mình khi bà trở về từ nhà con gái và mang nó lên cho Harry.

Người cha đọc lá thư. Đó là lá thư ngắn của một cô gái. Cô gái nói Harry đã mượn hai quyển sách của cô từ hơn sáu tháng trước và bởi vì cô quý chúng nên cô muốn Harry trả lại cho cô. Có lẽ nó phải làm việc ấy càng sớm càng tốt để cô không phải viết thư lại nữa.

Lúc Leo đang đọc lá thư của cô gái thì Harry đi vào bếp và khi nó thấy cái nhìn sững sờ và tội lỗi hiện lên nét mặt ông, nó liền giật lá thư ra khỏi tay ông.

**Con phải giết cha vì cái kiểu cha cứ theo dõi con.**

Leo quay đi nhìn ra ngoài khung cửa sổ căn bếp nhỏ vào bóng tối của khoảng sân trước dãy nhà. Mặt ông nóng bừng lên, ông cảm thấy khó chịu.

Harry đọc qua lá thư và xé nát nó. Rồi nó xé đến cái phong bì được đóng dấu cá nhân.

Nếu cha còn làm thế nữa thì đừng ngạc nhiên nếu con có giết cha. Con phát ốm lên vì chuyện cha cứ theo dõi con.

Harry, mày đang nói chuyện với bố mày đấy.

Nó bỏ **ra** khỏi nhà.

Leo đi vào phòng nó và nhìn quanh. Ông nhìn vào những hộc tủ nhưng không thấy gì bất thường cả. Trên bàn cạnh cửa sổ có một tờ giấy Harry đã viết. Nó viết: *Edith yêu, sao em không tự thủ darm lấy. Nếu em còn viết thư cho anh nữa, anh sẽ giết em đấy.*

Người cha lấy mũ và áo khoác rồi ra khỏi nhà. Ông chạy chậm chạp một lúc, và đi cho tới khi ông thấy Harry ở phía bên kia đường. Ông đi theo nó, cách sau nửa dãy nhà.

Ông theo sau Harry đến phố Đảo Coney và đúng lúc ấy ông thấy nó nhảy lên xe điện đi ra đảo. Leo phải đợi xe tiếp theo. Ông nghĩ phải bắt tắc xi đuổi theo xe điện nhưng không có chiếc tắc xi nào đi qua cả. Chuyến xe buýt tiếp theo đến chậm sau mười lăm phút và ông lên xe đến đảo. Đang là tháng Hai nên đảo Coney ẩm ướt, lạnh lẽo và vắng vẻ. Có mấy cái ô

tô ở đại lộ Surf và có ít người trên đường phố. Trời như có tuyết. Leo đi bộ trên vỉa hè giữa những trận mưa tuyết bất chợt, tìm con trai. Những bãi biển hoang vắng xám xịt không có ánh nắng mặt trời. Những quầy bán xúc xích, những trường bắn, những nhà tắm đều đóng cửa. Đại dương ánh lên màu thép súng, dập dềnh tựa lớp chì được nung chảy ra, trông như đang đông cứng lại. Một cơn gió thổi xuống mặt nước và thốc vào quần áo ông khiến ông run rẩy khi bước đi. Gió làm bạc đầu những con sóng xám đang chầm chậm liếm lên bờ biển vắng trong tiếng gầm lặng lẽ.

Ông đi bộ trong gió đến gần Sea Gate tìm con trai mình, và rồi ông quay trở lại. Trên đường đến phía bãi biển Brighten, ông thấy một người đàn ông đang đứng trên bờ biển trên tấm ván lướt dập dềnh. Leo vội vàng bước xuống bậc tam cấp của lối đi dạo và vượt qua bãi biển đầy những luống cát dài. Người đàn ông trên bờ biển đang rít gầm ấy là Harry, giày nó ngập trong nước đến cổ.

Leo chạy đến bên con trai. Harry, đó là lỗi của cha, hãy bỏ quá cho cha. Cha xin lỗi vì đã mở lá thư của con.

Harry không nhúc nhích. Nó đứng trong nước, dán mắt vào những con sóng xám đang cuộn lên.

Harry, cha lo sợ. Hãy nói cho cha biết chuyện gì đi. Con trai, hãy tha thứ cho cha.

Con sợ cả thế giới này, Harry nghĩ. Nó trùm nỗi kinh hoàng lên con.

Nó không nói gì.

Một luồng gió nháu cái mũ của cha nó lên và cuốn ra xa bờ biển, trông như thể nó sắp bị thổi chìm vào trong sóng, nhưng rồi gió lại cuốn nó lên phía lối đi, quay tròn như một bánh xe trên cát ướt. Leo đuổi theo cái mũ. Ông đuổi theo nó một đoạn, một đoạn nữa, rồi xuống cả mặt nước. Gió thổi nó dạt vào chân ông và ông vồ lấy nó. Giờ đây ông đang khóc. Thở hổn

hển, ông chùi mắt bằng những ngón tay lạnh giá và quay trở lại chõ con trai mình nơi mép nước.

Nó là một người đàn ông cô đơn. Kiểu của nó là như vậy. Nó sẽ luôn cô đơn. Con trai tôi, nó tự thu mình thành người cô độc.

Harry, cha có thể nói gì với con? Tất cả những gì cha có thể nói với con rằng ai cho cuộc sống là dễ dàng? Từ khi nào? Nó không dễ với cha và nó cũng không dễ với con. Cuộc đời ấy mà, nó là như thế - cha còn có thể nói gì hơn? Nhưng nếu một người không muốn sống thì anh ta có thể làm được gì nếu anh ta chết? Không gì cả. Không có gì là không có gì, sống thì tốt hơn.

Harry, về nhà đi, ông nói. Ở đây lạnh lắm. Con sẽ bị cảm lạnh với bàn chân ngâm trong nước như thế.

Harry đứng bất động trong nước và sau một lát cha nó bỏ đi. Khi ông đang đi, gió giật chiếc mũ ra khỏi đầu ông và thổi nó lăn tròn dọc theo bờ biển.

Cha tôi lắng nghe trong hành lang. Ông đi theo tôi trên phố. Chúng tôi gặp nhau ở mép nước.

Ông chạy theo cái mũ của mình.

Con trai tôi đứng ngâm chân trong đại dương.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

GABRIEL GARCIA MARQUEZ  
(Colombia)

## NGƯỜI CHẾT TRÔI ĐẸP NHẤT TRẦN GIAN

Có một vật màu xám mang vẻ bí hiểm từ ngoài khơi đang dạt vào bờ. Những đứa trẻ nhìn thấy nó, lúc đầu tưởng là một chiếc tàu chiến địch nhưng sau thấy nó chẳng treo cờ cũng chẳng có hệ thống cột buồm, chúng lại nghĩ rằng đó là một con cá voi. Khi vật đó đã đậu lại ở bãi biển; bọn chúng liền ùa xuống nước, xúm lại thi nhau gỡ hết rong rêu, vẩy cá, cả xác những con sứa bám xung quanh, chỉ đến lúc này bọn trẻ mới nhận ra đó là một người chết trôi.

Thế là cả buổi chiều ấy chúng nghịch cái xác chết, hết đào lên lại chôn xuống cát. Bỗng có người nhìn thấy kêu toáng lên cho mọi người hay biết, lúc ấy chúng mới chịu thôi. Những người đàn ông khiêng cái tủ thi này về một ngôi nhà gần nhất đều kêu rằng họ chưa hề khiêng một người chết nào nặng như thế và họ bảo với nhau rằng vì ngâm lâu dưới biển nên nước đã ngấm tới xương. Khi cái xác đã được đặt xuống sàn nhà, người ta nhận thấy đó là một cái xác to đùng chưa từng có bởi nó choán gần hết gian nhà. Nhưng mọi người lại nghĩ rằng theo đặc tính tự nhiên của những tủ thi chết trôi bao giờ nó cũng trương phình ra. Chỉ có hình thù của nó cho phép người ta nhận ra đó là một cái thây người

bởi vì da của nó được bao phủ bởi một lớp bùn mang màu xanh của biển.

Không cần phải rửa mặt cho anh ta cũng nhận ra anh là một người lạ mặt. Làng này chỉ có khoảng 20 nóc nhà lá, sân lủng củng những ngôi nhà này được dựng lên một doi đất đã heo hút lại rất hẹp đến nỗi mỗi bạn đi vắng các bà mẹ đều lo gió thổi con mình ra biển. Làng hẹp đến nỗi không có đất để mai táng người chết và buộc phải ném tử thi xuống vực biển, nhưng biển ở đây rất hào hiệp và hiền lành đối với con người, và lại đàn ông trong cái làng này không lấy gì làm đồng lăm, chỉ cần bảy chiếc thuyền cũng vừa đủ chở họ. Do đó khi có cái xác chết trôi này những người đàn ông trong làng đưa mắt nhìn nhau đã biết ngay trong số họ không thiếu một ai.

Đêm đó đàn ông không đi biển. Họ vội tản đi các làng lân cận hỏi xem ở đó có người mất tích không. Đàn bà ở lại trông nom người chết trôi, rồi lấy chiếc lược làm bằng đồi mồi gỡ hết rong biển bám vào tóc của anh ta. Trong lúc tắm gội cho người chết, các bà các chị thấy rằng rong rêu này là thứ chỉ có ở biển Thái Bình Dương và quần áo của anh ta rách bươm như thể anh ta đã bơi qua rừng san hô. Họ còn nhận ra rằng người chết trôi này rất kiêu hãnh bởi anh không mang biểu hiện cô đơn thường thấy ở những người chết trôi ngoài biển, cũng chẳng có biểu hiện gì là cầu cứu của những người chết đuối trong sông. Khi tắm gội xong cho người chết trôi này, mọi người bỗng nín thở im lặng vì nhận ra anh thuộc lớp người hiếm có không chỉ vì anh là người cao nhất, khỏe nhất và dũng cảm nhất mà còn vì ngay khi ngắm nhìn anh họ vẫn không thể tin được rằng trong cuộc đời lại có người đàn ông đẹp đến thế.

Khắp cái làng này không có lấy một chiếc giường đủ rộng để anh nằm vừa, cũng chẳng có chiếc bàn nào chắc chắn đủ

sức chịu nổi sức nặng của anh. Anh không mặc vừa quần áo của đàn ông làng này dù đó là quần diện ngày lễ của những người đàn ông cao nhất, dù đó là sơmi diện ngày chủ nhật của những người đàn ông vạm vỡ nhất. Cả những đôi giày ngoại cỡ đóng đep nhất cũng không vừa chân anh. Cái cơ thể ngoại cỡ và đep đẽ đó của anh khiến các chị các cô khoái chí và thế là họ lấy luôn vải buồm may cho anh chiếc quần và một chiếc áo sơmi để anh đi sang thế giới bên kia với tất cả niềm kiêu hãnh của mình. Ngôi thành vòng tròn, các chị vừa khâu quần áo vừa ngắm nhìn anh và thốt nhiên nhận ra chưa bao giờ cơn gió lại gào thét như lúc này và biển Caribé cũng chưa bao giờ sôi động như đêm ấy, các chị đoán rằng những thay đổi bất thường đó của thiên nhiên là những điểm báo ít nhiều có liên quan đến người chết trôi này. Họ nghĩ rằng nếu con người quý hóa ấy mà sống ở trong cái làng này thì nhà của anh hẳn phải có cửa rộng, trần cao, sàn chắc chắn nhất, giường nằm của anh hẳn phải rộng rãi và vững chãi nhất và người vợ của anh ta phải là người phụ nữ hạnh phúc nhất. Họ lại nghĩ rằng anh là người có mảnh lực đến mức có thể gọi tên cá, cá phải nhảy lên khỏi biển; khơi dòng nước ngọt, nước ngọt phải chảy ra ngay ở nơi chỉ có đá phèn; trồng hoa trên vách biển, hoa phải nở. Họ còn so sánh anh với chính các đức ông chồng của mình và cho rằng cái đám đàn ông không có khả năng làm trong cả đời mình cái mà anh chỉ làm trong một đêm và tự đáy lòng mình các chị chán ngấy những con người đó, coi họ như là những sinh vật tỳ lợm và vô vị trên mặt đất này. Bọn họ cứ mãi mê theo đuổi những ý nghĩ ma quái ấy cho tới khi có một cụ già nhất, mà vì là người già nhất nên bà cụ đã có thể bình tâm quan sát người chết trôi, bỗng thở dài nói.

- Người này có khuôn mặt của Éxtêban!

Đúng vậy, phần lớn chị em khi nghe nói nhìn lại người

chết thêm một lần nữa đã không thể không nhận đó là Éxtêban. Nhưng các cô gái trẻ, vốn bướng bỉnh hơn, vẫn khăng khăng cho rằng nếu mặc quần áo tử tế cho anh, nếu đi giày màu vecni cho anh và nếu quàng cho anh rất nhiều hoa thì anh sẽ có cái tên là Lautêrô. Nhưng đó chỉ là ý tưởng trống rỗng mà thôi. Do thiếu vải nên quần áo cắt cho anh đều không vừa. Chiếc quần đã cắt tồi lại may vụng nên anh mặc chật căng. Chiếc áo somi vừa cài khuy xong thì cả hàng cúc đứt tung, dường như cái sức sống tiềm ẩn trong trái tim anh đã đứt đứt những chiếc cúc ấy. Sau nửa đêm tiếng gió hú ngày một yếu dần và biển Caribê cũng ngày một lặng hơn. Trái lại căn phòng này bỗng trở nên ồn ào hơn bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa, người chết trôi này chính là Éxtêban. Những chị đã mặc quần áo cho anh, những chị đã cắt móng tay cho anh, những chị đã chải đầu cho anh, không thể ghìm lòng mình được nữa khi buộc phải đặt anh nằm xuống sàn nhà. Ngay chính lúc này chị em mới hiểu rằng với tấm thân ngoại cỡ ấy anh đã phải chịu bao nỗi bất hạnh, bất hạnh ngay cho đến khi chết. Người ta buộc anh đứng suốt buổi không biết làm gì với đôi bàn tay trắng hồng mềm mại khi bà chủ nhà tìm cái ghế đầu chắc chắn mời anh ngồi mà lòng thấp thỏm sợ ghế gãy: Éxtêban ơi! Hãy ngồi xuống đi! Làm ơn hãy ngồi xuống nào; còn anh, lưng tựa vào tường, mặt mày hờn hở: bà ơi, cứ để mặc cháu, cứ để cháu đứng thế này cũng được mà, vẫn tựa lưng vào tường trên đôi chân đỏ hỏn và cái lưng đã chai ra do phải lặp đi lặp lại một động tác duy nhất trong tất cả các buổi thăm viếng hàng xóm: Bà ơi! Bà đừng ngại, cứ để mặc cháu cứ để cháu đứng thế này cũng được; mà hình như anh làm thế cốt để khỏi mang tiếng to xác ngồi gãy ghế nhà người khi đứng trước mặt anh thì mời mọc tha thiết: đừng đi với Extêban nhé, hãy đợi một lúc cho tôi khi cà phê nóng đã, nhưng khi anh vừa đi khỏi thì lại lầm

bẩm: thế là đã cút rồi cái thằng... ngớ ngắn to xác, sao mà tốt thế, đã bước đi rồi cái thằng to đâu dễ thương. Các bà nghĩ tới điều đó trước lúc trời gần sáng... Sau đó ít lâu, khi lấy khăn che mặt cho anh, các bà các chị đã thấy anh vĩnh viễn chết rồi, nom anh yếu ớt y hệt các đức ông chồng của mình và họ đã khóc anh bàng những giọt nước mắt chảy từ trái tim mình. Chính cô gái trẻ nhất đã khóc oà lên trước tiên. Những người đàn bà khác, do ấm ức mãi rồi, được thể cũng oà lên khóc theo, lúc đầu còn là tiếng thở dài nôn nuột sau đó là tiếng than khóc, bởi cái người chết trôi ấy đối với họ ngày càng hiển nhiên là Extêban. Họ khóc anh mãi tới mức anh trở thành người cô đơn nhất thế gian, trở thành người hiền lành nhất, con người tận tụy nhất, Extêban đáng thương! Họ cứ khóc rưng rức như vậy cho tới khi những người đàn ông trở về nói rằng người chết trôi này không phải là người của các làng lân cận. Thế là các bà, các chị, các cô cảm thấy một niềm vui lâng lâng giữa hai hàng nước mắt:

- Lạy Chúa! - Bọn họ nói. - Đích thị là người của chúng ta rồi.

Những người đàn ông tin rằng đó chẳng qua chỉ là nỗi hoảng sợ thoảng qua của bọn đàn bà mà thôi. Đêm qua do phải chạy đi hỏi các làng lân cận có người mất tích không nên giờ đây bọn họ đều mệt bã người. Họ chỉ mong trút bỏ ngay lập tức cảnh ôn ào như ong vỡ tổ do cái xác chết gây ra trước lúc ông mặt trời lên cao tâng nắng lửa xuống, nhất là trong các ngày oi bức không một ngọn gió này. Bọn họ vội vàng lấy cột buồm buộc thành một cỗ đòn chắc chắn đảm bảo khiêng cái xác chết trôi này ra tới vực biển nơi làng vẫn thường “an táng” người chết của mình. Bọn họ còn muốn buộc thêm cái mỏ neo to vào củ khoai chân của xác chết để nó chìm hẳn xuống đáy biển, nơi cá phải mù mắt và những người thợ lặn giỏi nhất cũng không bao giờ lặn tới. Bằng cách này, họ nghĩ thế, dòng nước ngược không thể đẩy xác chết trở

lại bối biển như đã có một vài trường hợp trước đây đã từng xảy ra.

Song trong lúc đàn ông càng khẩn trương làm việc thì đàn bà bầy đủ chuyện để làm mất thời gian. Hốt hoảng như gà mẹ mất con, bọn đàn bà chạy tới lục trong rương hòm để tìm những chiếc bùa hộ mạng cho những người đi biển, ở chỗ này mấy cô tranh nhau đeo cho anh những chiếc bùa cầu gió thuận, chỗ kia mấy bà tranh nhau đeo cho anh chiếc vòng tay phước. Và sau nhiều lần quát tháo âm ī. Hãy cút khỏi nơi đây, hãy tránh ra đằng kia, này, nhìn đây này, suýt nữa làm người ta ngã phải xác chết, bọn đàn ông giận tràn hông và bắt đầu chửi bới vì sao lại đeo nhiều vòng quý cho người chết vô chủ này thế, à mà các bà không biết rằng hắn đeo nhiều thứ kia thì cá mập lại không biết đuôi theo rìa hết đi à. Mặc cho các ông muốn nói gì thì nói, các bà cứ tiếp tục đeo những trang sức quý của mình cho anh, cứ băng nhắng đi lại và phải các ông. Lúc này các bà các chị, các cô không khóc nữa mà chỉ đôi lúc bật ra những tiếng thở dài não ruột. Chính điều đó càng chọc tức bọn đàn ông hơn, khiến họ càng giận hơn, buộc họ phải nói: ở đây chưa từng có chuyện huyền náo như thế chỉ vì một người chết trôi xa lạ, một cái xác vô chủ, một cửa thừa thiu thối. Ngay tức khắc một bà, vì nén giận chẳng được, đã lật tung cái khăn che mặt người chết và thế là cả đám đàn ông câm họng im bặt.

Đó là Extēban. Bọn đàn ông không thể nghi ngờ được nữa nếu như có ai nói với họ rằng đó là ngài Oantø Ralitx, thì có lẽ chính họ sẽ hình dung ra ngài với thứ tiếng Anh nói giọng Mỹ của ngài, với khẩu súng săn và chú vẹt của ngài đậu trên vai, song đây là Extēban, một con người hiền lành trên thế gian này. Như con cá, anh nằm trên sàn nhà, mặc chiếc quần chật ních, cái áo sơmi phanh cúc, chân không quần xà cap, móng chân anh thô phải dùng dao mới cắt nổi. Chỉ cần nhìn

mặt anh một lần là đã nhận ra ngay vẻ bên lén của anh, rằng anh không có tội gì ngoại trừ điều anh là người cao lớn quá, nặng quá, đẹp quá và nếu như anh biết trước sự thể sẽ diễn ra như thế này anh đã tìm nơi thật bí mật để trầm mình, thật đấy, nói một cách nghiêm túc đấy. Sự hiện diện của anh là có thực, rất thực đến mức ngay cả những người đàn ông hay ngò vực nhất, những người trong những đêm thanh vắng ở ngoài khơi đang héo ruột héo gan lo ở nhà vợ mình vì đợi họ no chán vẫn không thấy về, ao ước được chung chạ với những người chết trôi, chính những con người ấy và cả những người đàn ông sắt đá nhất cũng đã phải mủi lòng thực sự trước Êxtêban chân thành.

Rồi đám tang của Êxtêban được cử hành với nghi thức trọng thể nhất có thể có đối với một cái thây vô chủ. Những cô gái đi hái hoa ở các làng bên cạnh khi trở về đã mang theo một số bạn bè vốn không tin chuyện các cô kể; đến lượt các cô này sau khi đã tận mắt nhìn thấy người chết trôi đẹp nhất trần gian, đã kiếm thêm hoa cho anh khi trở về lại kéo thêm nhiều cô khác..., cứ như vậy cho tới khi làng này đầy hoa và đông nghịt người đến nỗi không len chân nổi. Phút cuối cùng của tang lễ đã đến và mọi người không dành tâm đưa anh cõi cút đi về thế giới bên kia nên làng chọn cho anh một ông bố và một bà mẹ trong số những cụ già được kính trọng nhất, một số người nhận là anh em của anh, số khác nhận là chú, bác, cô, dì, cháu, chắt, là anh em họ với anh... Thế là nhờ có anh mà cả làng này bỗng chốc trở thành những người ruột thịt của nhau. Tít ngoài khơi xa, khi nghe thấy tiếng khóc đưa ma có một số thủy thủ bỗng dừng bị mất phương hướng và người ta còn biết rằng trong số họ có một người khi nhớ câu chuyện những nàng tiên cá thuở xưa đã vội lấy thuyền nhờ đồng đội trói mình vào cột buồm chính. Trong lúc tranh nhau khiêng người chết trôi đẹp nhất trần

gian, trước vẻ đẹp rực rỡ của anh, những người đàn ông, những người đàn bà lần đầu tiên cảm thấy những con đường chạy trong làng mình sao mà trống trải, nhận thấy cái sân nhà mình sao mà cằn cỗi, nhận thấy những ước mơ của họ sao mà chật hẹp thế. Người ta ném người chết trôi xuống biển không cần phải buộc thêm mỏ neo để phòng khi anh muối, hay khi nào anh muối thì anh trở về với dân làng. Chẳng phải nhìn nhau dân làng cũng biết họ đã thiếu mất một người, rằng từ nay trở đi không bao giờ họ sẽ có anh bên cạnh. Nhưng họ lại nhận ra rằng từ đây trở đi tất thảy sẽ khác đi, những ngôi nhà của họ rồi sẽ có cửa rộng, trần cao, sàn chắc để hôn Éxtêban dạo chơi khắp làng mà không va đầu vào bụi cửa, và trong tương lai sẽ không còn ai lầm bẩm cái mõm; thế là đã chết rồi cái thằng ngố to xác, thế là đã về chầu tổ cái thằng ngố xinh xinh, thật là đáng thương bởi chính họ sẽ là người sơn quét lại tường nhà bằng những màu sắc vui mắt để mãi mãi kỷ niệm về Éxtêban, và rồi chính họ sẽ phá hoang, khai dòng nước ngọt và trồng hoa trên vách đá vực biển để một buổi mai nào đó, ngay giữa khơi, hành khách đi trên những con tàu khổng lồ bỗng thức dậy trong mùi hương nhài ngào ngạt và chính cái sự kiện đó khiến vị thuyền trưởng trang trọng trong bộ đồng phục đắt tiền, ngực lắp lánh huân chương chiến công, một tay cầm ống nhòm, từ trên buồng chỉ huy bước xuống boong tàu, tay kia chỉ hòn cù lao nằm ở phía chân trời biển Caribê và nói bằng 14 thứ tiếng: hãy nhìn về phía đó, nơi mà lúc này cơn gió đang say ngủ dưới gầm giường, ở đó, nơi mà giờ đây mặt trời đang chói chang tỏa rạng khiến cho hoa hướng dương phải lúng túng không biết hướng về ngả nào. chính nơi ấy là làng của Éxtêban.

# CHUYẾN ĐI CUỐI CÙNG CỦA CON TÀU MA

Bây giờ họ sẽ biết mình là ai, y nói một mình bằng cái giọng ồm ồm của người lớn, sau rất nhiều năm kể từ cái lần đầu tiên y nhìn thấy một con tàu khách đi qua làng. Đó là một con tàu khổng lồ to như một dinh thự, không đèn đóm không tiếng động, dài hơn chiều dài của cả làng và cao hơn cả chiều cao tháp chuông nhà thờ, đang dò dẫm đi về phía thành phố thời thuộc địa Tây Ban Nha, một thành phố được phòng thủ kiên cố nhằm chống lại những cuộc đột nhập của bọn cướp biển từ phía bờ bên kia. Bên ấy có một hải cảng lâu đời màu xám xịt và ngọn đèn pha tự quay chung quanh cứ mười lăm phút một rọi ánh sáng buồn thảm sang bên này biển làng biển thành một doanh trại hoang vắng với những ngôi nhà lấp lánh ánh lân tinh và các con đường hiu quạnh. Mặc dù lúc ấy y còn là một đứa trẻ chưa vỡ giọng nhưng đã được mẹ cho phép ngồi một mình ngoài bờ biển cho đến rất khuya để nghe tiếng gió thổi du dương y như tiếng nhạc cụ cầm và hiện nay y vẫn nhớ rõ như thể y đang nhìn thấy con tàu khách biến mất dạng khi ánh đèn pha chiếu thẳng vào mạn sườn rồi lại hiện nguyên hình khi ánh đèn vừa lướt qua. Thì ra đó là một con tàu ma lúc ẩn lúc hiện đang trên đường vào vịnh. Nó mò mẫm tìm các phao đánh dấu luồng vào cảng vì vậy như những kẻ mộng du nó đi cho đến lúc có một cái gì đó làm trêch kim la bàn, thế là nó lao thẳng vào vỉa đá ngầm, vỡ toang rồi chìm xuống đáy biển, dấu không nghe thấy tiếng đổ vỡ nhưng y vẫn có cảm giác kinh sợ tưởng như nghe thấy tiếng cốc tách

rơi vỡ kêu loảng xoảng cũng như tiếng nổ đinh tai nhức óc của đầu máy từng làm ấm lạnh xương sống những chú rồng đang say ngủ trong cánh rừng nguyên thủy rộng vô biên kéo suốt từ ngoại vi thành phố đến bờ thế giới bên kia. Vậy là chính y tin rằng đó chỉ là một giấc mơ, nhất là vào ngày hôm sau khi y đi dạo chơi ở ngoài vịnh thấy một nhà cá cảnh rực rỡ ánh sáng, thấy những ngôi nhà dân da đen sắc sô sắc mầu xây cát trên những quả đồi ôm lấy bờ vịnh, thấy thuyền dân buôn lậu đang bốc lên những lồng vẹt gồm những chú vẹt ngây thơ, trong diều chật ních hạt kim cương. Y nghĩ rằng thôi đúng rồi trong lúc ngủ đêm sao trời, mình mơ thấy con tàu khách vượt đại dương khổng lồ ấy. Y tự nhủ lòng mình sẽ không kể chuyện ấy cho bất kỳ ai và sẽ không nhớ hình bóng con tàu ma ấy. Tháng Ba sau vào đúng ngày hôm ấy, khi y đang đi tìm hình bóng những chú cá heo ngoi trên mặt nước biển thì cái mà y nhìn thấy lúc ấy lại là con tàu ma vẻ buồn rầu, lúc ẩn lúc hiện, lại y như lần trước bị trêch kim la bàn lao đầu vào đá ngầm. Khác hẳn với lần trước, lần này y hoàn toàn biết rằng mình đang tinh thức và thế là y lập tức co cẳng chạy thẳng về nhà kể lại cho mẹ nghe. Sau khi nghe chuyện, ba tuần liền bà mẹ thất vọng mà la mắng con: mày bị loạn trí mất rồi con ạ vì mày toàn làm những chuyện ngược đời: ngày thì ngủ đêm thì sục sạo như những kẻ trộm cắp. Thời kỳ này bà cần phải ra thành phố để tìm mua một chiếc ghế êm mang về ngồi mà tưởng nhớ người chồng quá cố vì chiếc ghế xích đu của bà đã hỏng do sử dụng liên tục có trong hơn mười một năm. Nhân dịp này bà nhở một tay lái đò bơi thuyền đưa thẳng con ra tận bãi đá ngầm để nó có thể nhìn thấy cái mà nó nhìn thấy dưới làn nước trong như pha lê: những con bọt biển đang làm tình với nhau, những chú cá pagrô màu hồng sắc sô, những chú cá corvina màu xanh đang tung tăng bơi lội trong cái giếng ngay giữa nước biển, nhìn thấy cả những mớ tóc người chết trôi từ

thời thuộc địa lớn vốn lượn đi lượn lại, nhưng nó sẽ không thấy dấu vết nào của con tàu đắm. Nhưng y không chịu làm theo kế hoạch của bà mà ngược lại cứ một mực cho rằng con tàu ấy là có thực đến mức bà phải hứa sẽ cùng đi với y ra bãi biển vào đúng cái đêm ấy trong tháng Tư tới để xem con tàu. Bà hứa mà không biết rằng cái duy nhất chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai của mình là cái chết do ngồi trên chiếc ngai có từ thời tên cướp biển Phrăngki Drăc. Bà mua lại chiếc ngai này của những người Thổ Nhĩ Kỳ theo hình thức mua đấu giá. Đêm ấy bà ngồi trên ngai, tưởng nhớ người chồng quá cố, than vãn: Hỡi Hôlôpheclet, nếu anh biết điều tốt đẹp em đang nghĩ về anh khi em ngồi trên chiếc ngai bọc nỉ của hoàng hậu này... Nhưng trong lúc càng tha thiết gọi tên người chồng quá cố, bà càng thấy mình bị ù tai chóng mặt. Máu trong tim bà từ màu đỏ hồng chuyển dần sang màu tím của bồ quản như thể bà bị đốt cháy trong lúc ngồi trên chiếc ghế. Hơi thở của bà khò khè đầy bụi đất. Khi y trở về đến nhà bà đã chết luôn trên chiếc ngai, tuy người vẫn còn hồi hổi nóng nhưng đã rửa thối, như thể bà chết vì nọc độc rắn. Cái chết thảm này còn xảy ra đối với ba bốn người đàn bà, trước khi người ta quăng chiếc ghế chết người ấy xuống biển ở nơi rất xa để nó không thể gây tai vạ cho bất kỳ ai, bởi vì hàng thế kỷ nay nó đã được người ta dùng và vì vậy nó đã mất khả năng đem lại sự nghỉ ngơi cho những ai sử dụng nó. Vậy là y buộc phải sống cuộc sống vật vương của trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ. bị người ta riết móc là con của mụ góa mang cái ngai gây nhiều bất hạnh về làng này. Y sống bằng thương hại của mọi người, bằng những con cá lát cắp trên các thuyền. Y cố quên những áo ảnh trước đây và y đã làm được điều đó. Nhưng vào đúng cái đêm ấy, tháng Tư năm sau, ngẫu nhiên y nhìn ra biển rồi ngay lập tức y gào: ôi cha mẹ ơi. cái con cá voi khổng lồ. cái tòa dinh thự biết đến kia kia. Hãy ra mà coi, dân làng ơi! Tiếng gào của y đã

khuấy động lên cả một khung cảnh ôn ı của tiếng chó sủa, tiếng la thất thanh của đàn bà và trẻ nhỏ đến mức ngay cả các cụ già nhiều tuổi nhất cũng phải, vì nhầm tưởng là tiếng kêu của các tổ nội mình, hốt hải chui ngay xuống gầm giường chạy trốn tên cướp biển Uyliam Dampier, nhưng những ai đỡ ra đường thì chẳng phải mất công sức nhìn hình bóng con tàu ma lúc nó đang mất phương hướng lao vào đá ngầm trong tai nạn hàng năm, mà họ chỉ việc thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, nện cho y vô hối kỳ trận khiến y nằm còng queo ra đầy chịu đau đớn. Đó chính là lúc với giọng giận dữ, y nói: "Bây giờ nó sẽ biết ta là ai?" Nhưng y lại cố giữ môi giữ miệng để không tiết lộ cho ai hay biết quyết tâm của mình. Cả một năm y sống thầm lặng với ý nghĩ rõ ràng rằng bây giờ họ sẽ biết ta là ai, rồi y kiên trì đợi cho đến đêm trước ngày con tàu ma lại xuất hiện để thực hiện quyết tâm của mình. Cái ngày ấy đã tới. Y ăn cắp một chiếc thuyền nhỏ bơi sang bờ vịnh bên kia. Cả buổi chiều ấy, y đợi cái giờ vĩ đại của mình trên các ngõ hẻm thuộc bến cảng cũ kĩ, nhưng vì y đang quá đắm say trong ý nghĩ mạo hiểm đến mức không thèm dừng chân trước cửa hàng của người Anh điêng như mọi bận để ngắm nhìn các vị quan lại được tạc trên cả một chiếc ngà voi, hoặc không thèm chế nhạo bọn người da đen Hà Lan đi xe đẹp ầy chăn, cũng chẳng như mọi bận từng hoảng hồn trước những người Malaixia có bộ da rắn hổ mang bành, từng cho y đi vòng quanh thế giới với một ý nghĩ viển vông về một quán ăn bí hiểm có bán chả nướng thịt người Braxin. Quả thật là y chẳng còn biết gì tới chung quanh mình khi màn đêm đã buông xuống, bầu trời lấp lánh các vì sao và rừng già phả ra mùi giành giành thơm lựng, y chợt tỉnh và thế là y bơi chiếc thuyền nhỏ lấy cắp được ra phía luồng đường tàu vào cảng. Y không thấp đèn con thuyền nhỏ nhoi của mình, sợ cảnh sát làm nhiệm vụ trên bến cảng phải bận tâm theo dõi y. Cứ :nười lăm phút một lần y lại có cái

dáng vẻ ma quái trong ánh sáng xanh của ngọn đèn pha để khi trong bóng đêm y lại trở lại hình thù người mà biết chắc rằng con thuyền của mình đang đi gần tới vùng biển neo những chiếc phao và y biết được không chỉ vì các phao ngày càng nổi rõ hình thù, mà còn vì hơi nước ở đây ngày càng mang khí vị buồn tẻ, do vậy y càng mải miết khua mái chèo hơn đến mức y không biết cái mùi tanh kinh tởm của cá mập đến với mình từ lúc nào và cũng không hiểu vì sao bỗng nhiên sao lặn hết, bầu trời đen kịt lại, giữa lúc ấy ngay trước mặt y là con tàu ma với tầm vóc khổng lồ không thể tưởng được, nó to hơn bất cứ vật gì to lớn có trên thế giới, dù trên cạn hay dưới nước, đó là ba trăm ngàn tấn cá mập đang đi qua bên cạnh cái thuyền nhỏ nhoi của y, đến mức y có thể nhìn rõ mạn tàu bọc kim loại của nó, có thể nhìn rõ những chiếc cửa tờ vò tối om không hề le lói một thứ ánh sáng nào, không hề có một bóng người nào và ở buồng máy không hề nghe thấy một tiếng động nhỏ và con tàu mang theo nó khung cảnh hoàn toàn thanh tịnh của chính nó, mang theo nó chính cái không khí chết chóc của chính nó, mang theo nó cái thời gian ngưng đọng của nó, mang theo nó cái bầu trời trống rỗng của nó, mang theo nó cái biển cả trôi nổi không định hướng trong đó bềnh bồng nổi lên cả một thế giới những con vật chết trôi, nhưng rồi bỗng nhiên tất cả những thứ đó biến mất khi ánh sáng xanh ngọn đèn pha rơi tới và cái biển ấy lại biến thành chính biển Caribê trong suốt với chính cái đêm tháng Tư ấy, với chính thứ thông thường hàng ngày. Thế là y đứng một mình giữa những chiếc phao mà chẳng biết làm gì, mà tự hỏi lòng rằng có thật là mình không mơ trong lúc đang thức không, không phải chỉ lần này mà cả những lần khác y không mơ trong lúc đang thức dậy chứ, và sau khi y chỉ vừa kịp tự vấn xong thì một ngọn gió kì lạ thổi tắt những chiếc phao, lần lượt từ cái thú nhất đến cái cuối cùng và khi ánh sáng xanh ngọn đèn

pha lia ra chõ khác thì con tàu ấy lại hiện ra, nhưng lúc này các la bàn của nó bị trêch hướng khiến nó hâu như không biết chính xác hiện đang ở tọa độ nào trên Đại Tây Dương, đang mò mẫm trên con đường không chắc tin nhưng thực tế là nó đang lao vào vùng biển có đá ngầm và thế là y thấy rõ ràng rằng cái sự bất hạnh của những chiếc phao kia là chìa khóa duy nhất cần thiết để đạt tới niềm vui. Lập tức thắp sáng ngọn đèn trên chiếc thuyền nhỏ nhoi của mình. Đó là một ngọn lửa mảnh mai không khiến ai đứng gác phải để ý nhưng ngược lại, đối với người lái tàu thì nó lại là một mặt trời dẫn lối vì nhờ có ngọn đèn này con tàu không chệch choạng mà chạy thẳng vào luồng chính với một sự nỗi dậy đầy hạnh phúc. Thế là các đèn trên tàu được thắp sáng, các nồi chảo lại được đun sôi trên bếp, sao lại nhấp nhánh sáng rực trên bầu trời. Xác các con vật chết trôi lại chìm nghimb xuống tận đáy biển sâu, rồi bỗng nhiên vang lên tiếng bát đĩa va chạm vào nhau kêu lanh canh, lại thơm phức mùi lá nguyệt trong các bếp nấu, vang lên tiếng âm nhạc du dương trong boong tàu, vang lên tiếng hôm môi kêu chùng chụt của các đôi nhân tình trong cảnh tranh tối tranh sáng nơi các buồng khách. Nhưng lúc ấy trong lòng y vẫn sôi sục nỗi căm giận dai dẳng đến tận lúc này đủ sức truyền cho y một tinh thần bình tĩnh tuyệt vời, giữ cho y không xốn xang vui mừng cũng không sợ hãi quá trước điều kì ảo đã được khai thị, rồi với giọng cả quyết y nói: Của khỉ, chưa lúc nào như lúc này, bọn họ sẽ biết ta là ai, lúc này họ sẽ tận mắt nhìn thấy con tàu ma, rồi dáng lẽ phải né sang một bên nhường đường cho con tàu thì y lại bơi con thuyền ra trước mũi tàu bởi vì bây giờ họ sẽ biết ta là ai và với ngọn đèn nến y tiếp tục dẫn đường cho con tàu cho đến khi y tin rằng nó đã ngoan ngoãn tuân theo sự chỉ huy của mình để thoát khỏi con đường không chắc tin. Con đường dẫn tới vùng biển nhiều đá ngầm rất nguy hiểm và y dắt con tàu như dắt cổ một con

cửu biển đưa nó về phía những ánh lửa sáng của một làng đang ngủ. Đó là một con tàu sống động chứ không phải là con tàu ma nữa bởi lúc này ánh sáng xanh ngọn đèn pha không những không làm cho nó phải tàng hình mà ngược lại càng làm sáng hơn màu nhôm dát trên thân tàu và tại đây các cây thánh giá đã được định hình, quang cảnh nghèo khổ của làng cũng được định hình, con tàu vẫn đi theo y mang theo trong nó tất cả. Vị thuyền trưởng nằm nghiêng về bên trái - bên phía có trái tim, mà nằm ngủ, đàn bò mộng xứ Liđia được ướp đông lạnh trong kho, người bệnh nằm trên giường bệnh, nước ngọt trong các thùng chứa, người lái tàu tuyệt vọng có lẽ nhìn các dải núi đá lại nghĩ là cầu tàu nên vội vàng kéo còi và y bỗng nhiên bị ướt sũng vì một trận mưa: những giọt nước phun ra từ nỗi hơi rơi xuống, lại một lần nữa con tàu rúc còi và chiếc thuyền nhỏ chòng chành suýt bị đắm. Lại một lần nữa con tàu rúc còi nhưng lần này đã muộn rồi vì đây là chỗ đã nổi rõ hình thù những con ốc nơi vịnh bờ, nổi rõ những nhà cửa của những người thiếu lòng tin, đã nổi rõ cả cái làng đang rực sáng nhờ ánh sáng những ngọn đèn hắt từ con tàu đã tắt máy và y hầu như không kịp tránh sang một bên nhường chỗ cho sự đảo lộn khủng khiếp xảy ra mà gào to lên trong lúc hân hoan vui sướng: Hỡi các người, các người đã có con tàu rồi **đây**. Điều ấy xảy ra một phút trước khi thân tàu kim loại đâm vào đất liền, và người ta nghe rõ tiếng nổ lách tách của chín mươi ba ngàn chín trăm cốc champagne bị đổ vỡ lần lượt từ cuối tàu đến đầu tàu, lúc ấy ánh sáng bừng mở và không còn là đêm khuya một ngày tháng Tư nữa mà là giữa trưa một ngày tháng Tư rực rỡ ánh sáng, rồi y thích thú ngắm đám người kém lòng tin đang há hốc miệng nhìn con tàu khổng lồ chưa từng thấy trên trái đất này và mạn tàu phía bên kia của nó im lặng đứng đối diện với nhà thờ. Nó trắng hơn tất thảy, cao hơn tháp chuông nhà thờ hai mươi lần và dài hơn chiều dài của

làng chín mươi sáu lần, với cái tên của nó khắc nổi bằng kim loại: Halalesillag. Và hai bên mạn tàu vẫn giọt một thứ nước cổ xưa màu xám ngắt của các biển trong cõi chết.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC *dịch*

## CỤ GIÀ VỚI ĐÔI CÁNH KHỔNG LỒ

**T**rời mưa đến ngày thứ ba, cua bị chết ở trong nhà rất nhiều đến mức Pêladô phải lội qua sân nhà mình ngập nước để ra biển ném chúng đi, bởi vì đứa trẻ sơ sinh cả đêm qua sốt cao và người ta liền nghĩ ngay rằng nó ốm là do nhiễm phải cái mùi khẫn của xác những con vật chết. Ngay từ ngày thứ ba khung cảnh làng thật buồn bã. Đầu trời và mặt biển đều xám màu tro. Các bãi biển mọi ngày cứ vàng rộm, chói chang dưới ánh mặt trời, nay biến thành những vũng nước nổi váng bùn và rác rưởi. Ngày lúc đang trưa, ánh sáng cũng lờ mờ yếu ớt đến mức Pêladô từ ngoài biển trở về phải lấy hết sức bình sinh mới nhìn ra ở cuối sân có một vật gì đó đang cựa quậy và rên rỉ. Anh ta buộc phải đến rất gần mới nhận ra đó là một ông già ngã sấp mặt trên bãi đất bùn và dù cố sức vùng vẫy đến đâu ông già cũng không đứng dậy nổi bởi hai cái cánh to, rất to cứ ghim cổ lại.

Pêladô rất kinh hoàng, vội chạy đi tìm Elixenda, vợ anh, đang pha thuốc cho đứa trẻ ốm và lôi chị đến tận nơi có ông già. Hai người vừa lo sợ vừa chăm chú quan sát ông già. Ông

già ăn mặc rách rưới như một kẻ đi buôn đồ đồng nát. Trên cái đầu hói bóng lơ thơ còn lại mấy mớ tóc bạc kẽm từ thái dương ra sau gáy và trên hai hàm răng cũng chỉ còn lại mấy chiếc khấp khểnh. Ông già trong tình trạng ấy thật là thiểu nāo. Đôi cánh của ông già giống như cánh gà, bê bết trui gần hết lông, cứ dính chặt xuống đất bùn. Do ngắm nhìn ông già quá lâu và quá quan tâm lo lắng cho ông già, cả hai người không cảm thấy sợ nữa và bắt đầu cảm thấy ông già gần gũi với mình hơn. Thế là họ bạo dạn đến nói chuyện với ông già và ông già đã trả lời họ bằng một thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu nhưng giọng nói của ông sang sảng như giọng nói của thủy thủ. Thế là, không kể đôi cánh kỳ quái kia gây cho họ cảm giác khó chịu, ông già đã đem lại cho họ một ý nghĩ đúng đắn. Họ nghĩ, đó là một hành khách đi trên một chiếc tàu ngoại quốc bị cơn bão đánh đắm và ông già đã giật vào đây. Tuy nhiên, bọn họ đã gọi bà hàng xóm thông hiểu nhiều chuyện đời và chuyện bí ẩn của thần chết cùng đến xem ông già. Chỉ cần nhìn thoáng một cái, bà ta đã nói để an ủi hai người.

Đó là một vị thần. Ta tin chắc rằng ngài đến để chúc mừng đứa trẻ sơ sinh nhưng vì quá già nên đã bị mưa bão đánh ngã.

Đến ngày hôm sau, cả bàn dân thiên hạ đều biết rằng trong nhà Pêladô có một vị thần bằng xương bằng thịt. Theo quan điểm của bà hàng xóm thông hiểu mọi nhẽ cho rằng trong thời kỳ ấy các vị thần đều là những kẻ sống sót và phải chạy trốn cuộc nổi loạn trên Thiên đường, dân làng không đang tâm dùng gậy mà đập chết ông già. Suốt buổi chiều hôm ấy, từ nhà bếp, Pêladô cảm gậy dùi cui mà ngồi canh chừng ông già rồi trước khi đi ngủ, anh ta lôi ông già trên đất bùn đến chuồng gà và nhốt ông già cùng với bầy gà trong chuồng bưng lưới sắt. Đến nửa đêm, khi trời mưa tạnh, Pêladô và

Elixenda vẫn tiếp tục giết cua bò trong nhà. Sau đó ít lâu, đứa trẻ thức giấc, hết sốt, đòi ăn. Thế là vợ chồng họ cảm thấy sung sướng và họ liền trở thành những người hào phóng đã quyết định để ông già trên một chiếc máng cùng với nước uống và thức ăn trong ba ngày và sẽ thả cụ ra ngoài biển phó mặc cho vận may rủi. Nhưng khi trời vừa hửng sáng, hai vợ chồng ra sân thì thấy hàng xóm láng giềng kéo đến đông nghẹt đứng trước chuồng gà mà trêu chọc vị thần già, mà ném cho ngài các thức ăn làm như thể vị thần già này không phải là một con người không bình thường mà chỉ là con vật làm xiếc mà thôi.

Cha xứ Gôngxaga đến đây lúc bảy giờ. Cha được tin này và cả bản thân cha cũng cảm thấy khác thường. Vào giờ này, không chỉ có những người nhẹ dạ cả tin mà còn có những người chín chắn hơn cũng tò mò kéo đến nhà Pêladô và họ thi nhau bình luận về tương lai của kẻ bị nhốt trong chuồng gà. Những người đần độn hơn cả thì nghĩ rằng có lẽ ông già này sẽ được bổ nhiệm làm quan thị trưởng của cả thế giới. Những người khác, những người có tinh thần bi quan lại đoán rằng có lẽ ông già sẽ được phong tước năm sao đế chiến thắng tất cả các cuộc chiến tranh. Những kẻ hay mơ mộng hão hải nghĩ rằng ông già sẽ được bảo quản và giữ gìn cẩn thận như con vật giống để gieo rắc trên trái đất này một loại người có cánh và thông minh để lãnh đạo cả thế giới. Nhưng cha xứ Gôngxaga, trước khi là thầy tu đã là phu đốn củi lực lưỡng, dù đang chăm chú nhìn qua lưỡi sắt vẫn ôn lại cuốn sách giáo lý vấn đáp của mình và vẫn tiếp tục đề nghị mở rộng cánh cửa hơn để đến gần ông già đáng thương kia có vẻ giống một con gà già nua khổng lồ đang ở giữa bầy gà ngây ngô. Ông già đang nằm ở xó chuồng, giữa vỏ hoa quả và các thức ăn mà người ta ném cho từ lúc sáng sớm, để phơi khô cánh khổng lồ dang ra dưới nắng. Khi cha sứ Gôngxaga bước

vào chuồng gà và dùng tiếng Latin chào vị thần thì ông già vẫn giữ vẻ thờ ơ mặc cho đám đông tò mò đang đứng trước cửa chuồng gà và hầu như ông già cũng chỉ ngược mắt lên và lẩm bẩm điều gì bằng thứ ngôn ngữ địa phương khó hiểu. Khi cha xứ biết rằng ông già này không biết ngôn ngữ Latin, ngôn ngữ của Thượng đế và cũng không biết chào hỏi những đại diện của mình ở hạ giới nên cha sinh nghi. Sau đó, càng quan sát kỹ, cha càng thấy ông già giống người nhiều hơn là giống thần: cũng có mùi hôi ẩm trong trận mưa bão, có rêu xanh mé trong hai cánh, những chiếc lông lớn cũng bị gió bão làm cho xơ xác và như vậy là không một biểu hiện bề ngoài nào của ông già này phù hợp với các thánh được vẽ trong tranh. Thế là đức cha ra khỏi chuồng gà rồi đức cha đọc một bài thuyết giảng văn tắt nhắc nhở những kẻ tò mò hãy cảnh giác trước những ý nghĩ nông cạn và chớ nên vội tin vào điều mình nhìn thấy. Cha nhắc họ rằng quý dữ cũng thường ranh ma trá hình các thánh, trà trộn trong các vũ hội cacnavan<sup>(1)</sup> để đánh lừa những kẻ nhẹ dạ cả tin. Cha còn lập lý rằng nếu đôi cánh kia không phải là yếu tố cơ bản để phân biệt một con diều hâu với một chiếc máy bay, lại càng không phải điều kiện để thừa nhận ông già là một vị thần. Tuy nhiên, cha xứ hứa sẽ viết ngay một bức thư cho đức giám mục báo cho ngài biết tin này để ngài viết thư lên đấng bê trên để đấng bê trên của ngài lại viết thư lên đấng bê trên nữa cho tới khi nào đến tay Đức Giáo Hoàng và nhờ thế mọi người ở đây sẽ được đọc lời phán quyết cuối cùng của tòa thượng thẩm.

Sự cẩn trọng của cha xứ là vô ích. Tin tức về vị thần bị nhốt trong nhà Pêladô được lan truyền đi rất nhanh đến mức chỉ sau ít đó mấy giờ, sân nhà Pêladô bỗng trở thành một cái

<sup>(1)</sup> Vũ hội giả trang.

chợ ôn ào buộc cả một đội quân lê tuốt trần phải đến để dẹp đám đông kéo họ làm đổ mất nhà. Elixenda, lưng còng hẵn đi vì phải cui suốt ngày để quét rác chợ, lúc ấy liền nảy ra ý định rất đẹp: che sân nhà lại và bán vé với giá nám xu cho những ai muốn xem vị thần già có cánh khổng lồ.

Những kẻ tò mò thích chuyện lạ từ đảo Mactinic cũng đến đây. Một gánh xiếc lưu động mang cả một gã làm trò nhào lộn cũng đến đây. Gã nhiều lần bay vù vù trên đầu đám dân chúng nhưng không một ai thèm để ý vì đôi cánh của gã không phải là cánh thiên thần mà chỉ là cánh của con dơi khổng lồ. Những người bất hạnh nhất của cả vùng biển Caribê đã đến đây để mong được chữa bệnh: một người đàn bà bị bệnh tim ngay từ thời ấu thơ lúc nào cũng đếm nhịp tim mình và bà ta đã đếm được rất nhiều tới mức không còn đủ con số cho bà ta đếm; một bác nông dân Haimaica không tài nào ngủ được vì tiếng động của các vì sao cứ làm bác khó chịu; một kẻ mông du về ban đêm đi lại làm ồn không để cho ai ngủ và rất nhiều những người bị bệnh khác. Trong hoàn cảnh ôn ào chen lấn đến ngột thở kia, Pêladô và Elixenda cực kỳ sung sướng vì chưa đầy một tuần, bọn họ đã thu được rất nhiều tiền bạc nhét chặt vào các phòng ngủ và hàng người chờ xếp hàng đến lượt vào xem vẫn dài lê thê kéo đến tận chân trời.

Chỉ có vị thần già kia là không tham dự vào chính sự kiện do mình gây ra. Trong lúc thời gian qua đi, vị thần già tìm cách nằm thoái mái trong cái ổ người ta làm cho mình, mà chịu đựng cái nóng khủng khiếp nơi hỏa ngục do những ngọn đèn dầu và nến thắp sáng ngay bên cạnh gây nên. Thoạt đầu mọi người tưởng rằng vị thần sê ăn lá long não, mà theo như lời bà hàng xóm thông thái nọ đó là món ăn đặc biệt của các vị thần. Nhưng ngài không thèm ăn, cũng như ngài không dùng đến các thức ăn trưa của giáo hoàng do các tín đồ dâng lên mà

chỉ ăn lá non cây Bêrênhêna. Kiên nhẫn đó là đức tính nổi bật của ngài. Nhất là trong những ngày đầu ngài rất nhẫn nại, cứ mặc nhiên thây kệ bọn gà thi nhau rìa sâu bọ sinh sản trong đôi cánh ngài, thây kệ bọn ốm đau nhổ lông ngài để phết lên những chỗ đau, thây kệ những kẻ ném đá vào ngài để buộc ngài phải đứng dậy cho họ có dịp được nhìn ngắm toàn bộ thân hình ngài. Chỉ có một lần duy nhất họ khiến ngài phải đứng dậy ấy là khi bọn họ dùng một con dấu sắt nung đốt ẩn vào mạng sườn ngài, vì họ nghĩ rằng ngài đã chết rồi. Thế là ngài thức dậy đầy hoảng hốt, miệng lảm nhảm nói một thứ ngôn ngữ rất khó hiểu; nước mắt lưng tròng, rồi ngài vỗ cánh liền hai cái khiến cho bụi và phân gà trong chuồng bay lên tựa như một cơn lốc.

Nhiều người tin rằng sự phản ứng của ngài không phải do ngài giận dữ mà là do ngài đau đớn. Thế là từ đó trở đi, người ta chăm lo cho ngài cẩn thận hơn vì phần lớn đều cho rằng sự nhẫn nại chịu đựng mọi phiền toái của ngài không phải là sự nhẫn nại của người anh hùng mà là trạng thái nghỉ ngơi sau bao gian truân trong bão táp.

Cha Gôngxaga dùng những lời lẽ ngọt ngào để thuyết phục dân chúng đừng đến đây nữa mà hãy chăm lo công việc gia đình trong lúc đợi sự phán quyết dứt khoát của đấng bồ trên về bản thể của kẻ bị giam giữ. Nhưng dường như Rôma có lẽ không còn có ý thức trách nhiệm trước tính chất khẩn cấp của lá thư. Trong lúc thời gian trôi đi thì mọi người bận tâm tìm hiểu xem cái vị thần già bị giam kia có rốn không, tiếng địa phương của ông già có phải là tiếng Aramêo hay chỉ đơn giản ông già là một người Nôruêgô có cánh mà thôi. Những bức thư chậm trễ ấy cứ việc đi rồi về cho đến tận cuối các thế kỷ nếu như không có một sự kiện hiển nhiên xảy ra đã kịp thời chấm dứt những tham vọng của đức vua.

Quả nhiên, trong những ngày ấy có một sự kiện độc đáo đã xảy ra. Giữa những gánh xiếc lưu động đến làng có một gánh xiếc trình diễn tiết mục về một người con gái vì không nghe lời cha mẹ bị biến thành con nhện. Vé vào cửa chẳng những rẻ tiền hơn so với vé vào cửa xem vị thần già mà còn trong khi xem người ta có thể hỏi rất nhiều điều về hoàn cảnh câu chuyện cho đến khi nào không còn nghi ngờ gì về sự thật của nó. Đó là một con nhện khổng lồ to như con cừu và nó có bộ mặt giống như bộ mặt cô trinh nữ buồn tủi. Nhưng điều đáng thương tâm hơn cả không phải là cái hình thù xấu xí, nực cười của cô ả mà chính là thái độ ngây thơ và chân thành trong khi cô ả kể lại chuyện đời mình với đầy đủ các chi tiết nhỏ nhặt nhất: ngay từ khi còn là trẻ ranh, cô ả đã trốn cha mẹ để đi khiêu vũ. Sau một đêm khiêu vũ không được phép của cha mẹ, trên đường về cô ta bị một tiếng sấm nổ rạch đôi bầu trời và một tia chớp xanh lè bổ xuống biến cô thành con nhện. Thức ăn duy nhất của cô ả là những viên thịt băm người ta vui vẻ ném vào mồm ả. Một tích chuyện như thế tự nó mang một sự thật nhân bản và một bài học đáng sợ, nó đã đánh bại một cách không thương tiếc cái trò đi xem vị thần già nua không làm được trò trống gì ngoài việc đủ can đảm nhìn vào cái chết. Ngoài ra, những phép màu hiếm hoi mà người ta cố gán cho vị thần già chẳng có sức thuyết phục, tỉ như phép màu mà ngài chữa bệnh cho một ông mù thì ông mù không lành mắt lại mọc thêm được ba răng, như phép màu ngài dùng để trị bệnh cho kẻ bị bại liệt thì kẻ này không khỏi bệnh mà lại suýt nữa trúng số độc đắc hoặc phép màu ngài dùng để trị bệnh cho một người hói thì người hói không lành bệnh mà lại thấy những cây hướng dương mọc lên quanh những vết lở loét. Đúng ra những phép màu này giống những lời đùa tếu bông lơ đã đánh tan thanh danh của vị thần già khi gánh

xiếc có người con gái bị biến thành con nhện đến làng. Đó là nguyên nhân khiến đức cha khỏi bệnh lâm cảm giúp cho sân nhà Pêladô trở lại khung cảnh vắng vẻ như cái hôi mưa ba ngày liền khiến cua thi nhau bò lồm cồm khắp các phòng trong ngôi nhà.

Chủ nhà chẳng có lý do gì để mà phải ca thán. Với số vốn lớn thu được họ làm một ngôi nhà hai tầng, có ban công và vườn hoa, chân tường ốp gạch men để cho cua không thể bò vào được phòng trong những ngày mưa to gió lớn và tại các cửa sổ lưới thép được chằng lên không để một vị thần nào có thể chui vào trong nhà. Pêladô còn cho lập một trại nuôi thỏ ngay cạnh làng và xin thôi không làm trương tuần nữa. Elixenda mua những đôi giày cao gót và khá nhiều váy có lụa y hệt y phục các bà mệnh phụ thường dùng trong các ngày lễ tết. Chỉ riêng chuồng gà là nơi họ không thèm quan tâm. Nếu như có vài lần họ cọ rửa và xông lá thơm bên trong chuồng không phải để thờ phụng vị thần già mà chính là để tẩy uế cái mùi hôi thối lớn vondon khắp khu nhà như một hồn ma và nó làm cho ngôi nhà ngày một cũ đi. Lúc đầu, khi đứa bé mới lâm châm biết đi, họ chú ý trông nom nó, không cho nó đến gần chuồng gà. Nhưng rồi họ cũng quên đi nỗi sợ hãi và bắt đầu làm quen với cái mùi hôi khó chịu kia và trước khi đứa trẻ thay răng sữa, nó đã vào chơi ngay trong chuồng gà làm cho sắt giơi lá tá từng mảng một. Vị thần khó chịu trước thằng bé hiếu động nhưng đã cố sức chịu đựng nó với tinh thần nhẫn nhục của một con chó đã rũ sạch mọi ảo tưởng. Cùng một lúc đứa trẻ và vị thần già đều bị bệnh thủy đậu. Viên bác sĩ lo điều trị cho đứa trẻ không thể kìm được lòng thương hại đã lấy ống nghe khám bệnh cho vị thần già và ông ta cũng nhận thấy tim vị thần già đập nhanh quá và trong thận ông già có nhiều tiếng sôi khiến ông ta cảm thấy rằng vị thần già khó mà sống nổi. Tuy nhiên điều khiến ông

ta ngạc nhiên hơn cả tính chất lôgic của đôi cánh. Chúng rất tự nhiên trong cái bộ phận hoàn toàn người của vị thần già khiến bác sĩ không hiểu vì sao ở những người đàn ông khác lại không có cánh.

Khi đứa trẻ đi học, nắng mưa đã phá sập chuồng gà từ lâu. Vị thần già lê đôi cánh đi lại đây đó như một kẻ mộng du. Vợ chồng Pêladô vừa đuổi vị thần già ra khỏi phòng ngủ thì ngay sau đó lại thấy ngài có mặt trong nhà bếp. Đường như cùng một lúc vị thần già có mặt ở khắp mọi nơi trong ngôi nhà địa ngục đầy ma quái. Vị thần già hâu như không ăn và đôi mắt trong của ngài lại ngầu đục và thế là ngài đi mà cứ va vấp hoài vào cột nhà, đôi cánh ngài trụi hết lông. Pêladô lấy chăn đắp lên lưng cho vị thần già và cho ngài nằm trong nhà và chỉ đến khi ấy anh ta mới nhận ra rằng ngài lên cơn sốt suốt đêm và trong lúc lên cơn sốt ngài lẩm bẩm nói thứ giọng khó hiểu của người Nôruegô cổ xưa. Đó là một trong những lần hiếm có, họ phải ngạc nhiên bởi ý nghĩ vị thần già sẽ chết và ngay cả bà hàng xóm thông thái cũng không thể bảo họ cần phải làm gì khi trước thần chết.

Tuy nhiên vị thần già không những không chết trong ngày đông tháng giá mà còn tươi tỉnh khi mặt trời thức dậy. Nhiều ngày, ngài nằm im trong góc sân biệt lập, không mấy ai nhìn thấy ngài và vào những ngày đầu tháng Chạp bỗng trên đôi cánh ngài mọc ra một ít lông to và cứng, đó là những chiếc lông của con chim già nua, chúng là những biểu hiện của tuổi già lão. Nhưng có lẽ chính vị thần hiểu mình hơn ai hết về những lý do thay đổi ấy bởi vì ngài tự chăm nom mình cẩn thận hơn, để không một ai nhận ra ngài, để không một ai nghe thấy tiếng hát của những người đi biển mà đôi lúc hình như họ đang ca hát bên dưới các vì sao. Một buổi sáng nọ, trong lúc Elixenda đang ngồi thái hành chuẩn bị bữa cơm trưa thì nghe thấy một cơn gió hình như từ ngoài

khơi lọt vào nhà bếp. Thé là Elixenda liền thò đầu qua cửa sổ và cô ngạc nhiên thấy vị thần già đang chuẩn bị cất cánh bay. Lúc đầu là những cú vãy cánh hẫy còn ngượng nghịu cuốn bụi bay theo và xuýt nữa làm đổ cả mái hiên. Nhưng rồi cuối cùng, vị thần đã bay được và ngày càng bay cao. Elixenda thở phào một cách nhẹ nhõm khi chị ta nhìn thấy ngài hiên ngang vãy đôi cánh vĩ đại của con đại bàng. Cô ta tiếp tục nhìn theo cho đến khi hình bóng vị thần già mất hút ở đường chân trời, ấy là khi chị gọt thái hành xong, bởi vì lúc ấy không phải là lúc vất vả của đời chị mà đúng hơn lúc ấy là một điểm tưởng tượng trong đường chân trời ngoài biển cả mênh mông.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC *dịch*

ALAN MARSHALL  
(Australia)

## TRĂNG MỌC THẾ NÀO

*P*hía sau quần đảo nhô ra từ biển sâu, cây cổ mọc lên rậm rạp. Trên một vài hòn đảo, nước biển bị giữ lại nhiều vũng trở thành những phá nước mặn. Trong phá có nhiều cá.

Thuở ấy có hai chị em nhà nợ tên là Nakari và Kurramara đến đảo để tìm thức ăn. Nakari có một đứa con, cô cõng nó trên lưng.

Bribie là một hòn đảo trẻ, rừng cây mới mọc còn chưa có lối mòn. Hai chị em bị lạc lối giữa rừng và không thể tìm thấy đường đi. Họ đi cho tới khi đến giữa đảo nơi có trảng cỏ. Gần trảng cỏ có một phá nước mặn.

“Chúng ta sẽ cắm trại ở đây”, Nakari nói. “Chỗ này được đấy”. Cô đặt đứa bé lên đáy vỏ cây mềm, nó ngủ.

Hai chị em dựng một cái lều nhỏ bằng vỏ cây *mia mia* rồi đến phá xiên cá. Họ bắt được một con cá to khác hẳn với tất cả những con cá khác. Nó tròn vành vạnh và tỏa bóng như mặt trăng.

Họ mang nó về trại rồi nhóm lửa nướng. Họ đợi cho tới khi củi cháy hết thành than rồi đặt con cá lên đống than và phủ tro lên nó.

“Đây là một con cá lớn”, Kurramara nói. “Sẽ mất nhiều

thời gian để nướng đây. Trong khi nướng chúng ta sẽ tìm củ mõ”.

Hai chị em mang theo những cây gậy chọc củ mõ và đi vào trong bụi rậm, nơi những dây mõ leo bám xung quanh thân cây, những chiếc lá màu xanh sáng rủ xuống từ các nhánh cây.

Họ nhét đầy củ mõ vào những chiếc túi chuyên dụng rồi quay trở lại khu lều. Nakari vội vàng đến bên đống lửa vì cô đã đói. Cô nhìn vào đống tro than rồi hét to lên với Kurramara:

“Em à, đến đây. Con cá của chúng ta đã biến mất rồi”.

Kurramara chạy đến bên cô, họ cùng nhìn vào đóm tro đã bị tái ra quanh đống lửa, than cũng bị hất ra một bên.

Rồi họ thấy một vạch tro dẫn ra khỏi đống lửa, một con đường nhỏ làm bằng tro rơi ra từ con cá khi nó bỏ trốn.

Hai chị em, Kurramara và Nakari đi theo sau vết tro ấy, xuyên qua rừng cây. Họ bám theo cho tới khi vạch tro mất dấu ở gốc một cây gỗ đỏ cao.

“Con cá sẽ ở đây”, Kurramara nói, “không còn dấu đi tiếp từ cái cây này”.

Họ nhìn lên cây, con cá đã leo được nửa đường.

“Chị này, quay lại lều lấy những cái xiên và gậy chọc củ mõ lại đây”, Kurramara nói. “Em sẽ trông con cá lúc chị đi”.

Nakari chạy trở lại lều còn Kurramara ở lại. Cô ném những cái que lên chõ con cá nhưng nó trèo lên cao hơn và cô không thể chọc tới được.

Khi Nakari quay lại, hai chị em cô phóng xiên vào con cá nhưng nó lại trèo lên cao hơn, cao hơn nữa trên thân cây. Họ ném những chiếc gậy chọc củ mõ vào nó nhưng nó càng trèo lên cao hơn nữa khiến họ không thể ném tới được.

Nakari dối và cô bắt đầu khóc.

“Em ơi, lẽ ra một trong hai chúng ta phải ở lại chõ đống

lửa để canh con cá đó thì nó sẽ không thoát được. Bây giờ chúng ta chỉ còn cùi mõ để ăn thôi mà chị thì đang đói”.

“Khi con cá leo lên cành cây, cành cây sẽ gãy và nó sẽ rơi xuống”, Kurramara nói. “Chúng ta cứ đợi”.

Họ đợi cả ngày hôm đó cho tới khi đêm xuống và bóng tối trùm lên cái cây, con cá chuyền đi từ các cành cây rồi tiến về phía Tây băng qua bầu trời như một luồng sáng.

Hai chị em quay trở lại căn lều, sáng hôm sau họ đi cho tới khi đến bờ biển. Nakari đặt con nầm trên cát, quấn nó trong tấm mền bằng da thú ôpôt trong khi cô và Kurramara đi tìm sò. Họ đi từ tảng đá này sang tảng đá khác; trong lúc họ đi xa, thủy triều đã dâng lên, những con sóng lớn ào đến, chồm lên người đứa trẻ. Cát bị sóng cuốn trôi trùm lên nó cho tới khi chỉ còn một bàn chân lộ ra trên biển.

Khi hai chị em quay lại, Nakari trông thấy bàn chân, cô khóc nức nở và bối đứa bé lên, nhưng nó đã chết.

Hai chị em chôn đứa trẻ trên bờ biển và rời đi, nhưng Nakari cứ ngoái nhìn lại nhiều lần khi họ bước đi. Rồi cô dừng hẳn lại, Kurramara phải kéo tay và dẫn cô đi, sau đó cô không nhìn lại nữa.

Họ cứ đi mãi cho tới khi đến một eo biển giữa đảo và đất liền, bên kia eo biển là Caloundra.

Họ cùng nhau bơi qua eo biển và thấy mấy cái hang dọc theo bờ biển. Đêm đó họ ngủ ở một trong những cái hang ấy, sáng hôm sau họ men theo bờ biển cho tới khi đến mũi Mooloolah. Họ bơi qua và đến bờ biển Maroochy.

Ngoài khơi là một hòn đảo tên là Mudjimba. Hai chị em đứng nhìn, đột nhiên trong không gian một cây gỗ khổng lồ mọc ra, vươn qua ngang biển, nối từ bờ ra đến đảo.

Naraki và Kurramara đi qua cây gỗ ấy, khi họ bước lên đảo, cây gỗ liền biến mất. Họ đứng trên đảo, không còn đường quay lại.

“Chị, chị thấy nơi này thế nào?” Kurramara hỏi. “Bây giờ chúng ta sẽ sống ở đây mãi mãi. Chúng ta sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Bây giờ đây là chỗ ở của chúng ta. Chúng ta không bao giờ có thể bơi trở lại được”.

“Chị thích nơi này nếu như ở đây có thức ăn”, Nakari nói. “Chị sẽ muốn sống ở đây mãi mãi. Ở nơi này chúng ta sẽ ăn gì?”

“Chúng ta sẽ ăn mít, cá, cua và củ mõ”, Kurramara nói. “Có nhiều thức ăn ở đây”.

Họ nhóm lửa rồi ngồi ngay trước đống lửa ấy vì họ đã mệt. Khói từ đống lửa không lan rộng ra mà quyện vào nhau bốc thẳng lên trời.

Đêm xuống, họ nhìn lên và thấy mặt trăng.

“Ôi! Em nhìn kia, đó là con cá mà chúng ta đã bắt!” Nakari hét lên.

Cả hai quan sát mặt trăng và cùng thấy buồn vì đó là con cá lớn nhất trong tất cả số cá đã xổng thoát của họ.

Đêm hôm sau họ lại ngắm trăng và thấy nó nhỏ hơn, như thể có ai đó đang ăn nó.

Mỗi đêm nó đều bị ăn đi cho tới khi chỉ còn một nửa con cá, cho tới khi chỉ còn một phần tư con cá, cho tới khi chỉ còn đường viền tròn của con cá sót lại. Đêm tiếp theo sau đó không còn gì cả.

“Nó đã bị ăn hết”, Kurramara nói. “Con cá của chúng ta đã biến mất”.

Và giờ đây, trong tất cả những đêm sáng trăng về sau, hai chị em lại ngồi xem con cá của mình bị ăn dần. Và khói từ đống lửa trại của họ cuộn lên, luôn có thể được nhìn thấy vào ban ngày, mặc dù chúng như thể luồng không khí mà bạn có thể bước qua mà không biết nó hiện diện ở đâu.

## BÀI CA MẶT TRỜI

“ ó là con vịt, phải không?”  
“Đâu?”

“Nó vừa đáp xuống mặt nước kia. Đợi một chút. Bây giờ chú có thể thấy nó. Đấy, gần đầm bèo kia kia”.

Người đàn ông đang nằm trên mặt đất chống khuỷu tay nhôm người dậy. Chiếc áo khoác ngoài của ông ta phanh ra. Những giọt nước lấp lánh trên bộ ngực trần của ông.

Mái tóc ông ướt. Bộ quân phục A.I.F gấp lại đặt bên cạnh. Chàng trai trẻ đứng thẳng cách ông ta chừng vài mét. Cậu đang mặc chiếc quần tắm. Cơ thể cậu rám nâu vì ánh mặt trời.

Nước đầm lầy len lỏi qua đầm cỏ thưa thớt gần như đến sát chân họ. Những cuống bèo chết đen sẫm lại, tương phản với ánh sáng lấp loá. Xa hơn ở bên ngoài, giữa đầm cỏ bắc, nước sâu hơn. Phía sau đó, những cây bạch đàn đổ sà xuống, quét lá lên dòng nước.

“Một hay hai con vậy?” người đàn ông hỏi, nhìn về phía đầm lầy.

“Hai con, cháu nghĩ thế. Chúng luôn luôn đi thành đôi. phải không?”

“Thường thế, chú không thể trông thấy chúng. Cháu bảo chỗ nào?”

“Phía bên kia kia”. chàng trai chỉ. “Bây giờ chú đã thấy chưa?”

“Rồi. Đúng đây!”.

“Đó là một con vịt, phải không?”

“Chắc chắn đó là một con vịt”.

“Trông nó có vẻ nhỏ nhỉ?”

“Chúng luôn nhỏ như thế khi đang bơi. Cháu biết đấy, một phần cơ thể của nó chìm trong nước mà. Chú không thể nhìn thấy con kia”.

“Chắc hẳn chỉ có một con thôi. Cháu đã nghĩ là có hai con. Chúng ta sẽ quay lại lấy súng chú?”

Chàng trai háo hức. Câu hỏi biểu lộ sự cầu khẩn.

“À... à... ừ. Chúng ta có thể làm thế”, người đàn ông nói chậm chạp.

Ông quan sát con vịt với sự háo hức tăng dần.

“Dường như nó thú vị cái gì đó thì phải? Hãy nhìn cái cách nó quay đầu kia. Nó nhìn mọi thứ. Hình như nó là một con vịt con”, ông nói thêm với vẻ thăm dò.

“Chúng ta sẽ lấy súng chú?” chàng trai trả nêu nôn nóng. “Khi chúng ta trở lại thành phố cháu muốn kể với mọi người rằng cháu đã bắt được một con vịt”.

“Ta hãy ngắm nó thêm một chút”, người đàn ông nài nỉ. “Chú không thể gạt bỏ ý nghĩ là nó đang vui vẻ. Nó giống một người đàn ông về nhà trong kỳ nghỉ phép. Cháu có thấy nó đậu xuống không?”

“Có. Nó bay ở đó. Cháu thấy nó lướt trên mặt nước. Bây giờ ta sẽ đi chứ ạ? ”

“Lạ thật, nó sống một mình”, người đàn ông lẩm bẩm. “Chú không thể hiểu được vì sao nó lại hạnh phúc khi nó cô đơn như thế! Nhìn kia, nó đang tiến về phía chúng ta! Kỳ chưa, ngộ quá! Không biết nó đã được thuần hóa chưa?”

“Nhanh lên. Ta hãy quay lại lấy súng”.

“Được rồi”, người đàn ông nói một cách cam chịu. “Cháu đi mà lấy. Chú sẽ canh chừng con vịt”.

Chàng trai xỏ vội đôi giày đi cát vào.

“Chú đừng làm nó sợ nhé!” Cậu lo lắng nói.

Cậu di chuyển một cách lặng lẽ, bước đi nhẹ nhàng giữa những cành cây khô rụng bừa bãi trên mặt đất dưới rặng bạch đàn ven bờ. Khu trại nằm trên đỉnh ngọn đồi nhìn ra đầm lầy. Cậu bắt đầu chạy.

Con vịt đậm nhẹ cái đuôi và luồn lách giữa bãi cỏ đầm lầy. Nó tiến vào trong dòng nước giữa bụi cỏ bắc, ngó nghiêng cái đầu rất linh hoạt. Đột nhiên nó xù lông lên, đậm nước trong khi vỗ cánh. Rồi nó đậu xuống với vẻ thỏa mãn và tiếp tục cuộc hành trình háo hức của mình.

Người đàn ông dợm bước. Ông biểu lộ sự chăm chú, nhưng một nỗi buồn xa xôi nào đó đã đến với ông, đôi môi ông run run. Ông quan sát chú vịt nhỏ với sự chăm chú nảy sinh từ nhu cầu cần thiết nào đó.

Ông muốn giữ nó gần gũi trong tay mình, để cảm nhận nhịp đậm đà áp của trái tim nó, để cảm nhận được sự sống ngập tràn, cảm nhận cái sức mạnh có thể nâng nó lên cao hơn cả đám mây...

Ông có vẻ nôn nóng muốn nắm bắt điều đó và cái ấy như thể một món tài sản quý giá - cái thứ đang bị tước đoạt khỏi ông.

Con vịt sống hồn nhiên, không vướng bận bụi trắn, cuộc sống của những ao hồ êm đềm lặng gió, được bao quanh bởi những đám cỏ bắc, nơi không có bất kỳ tiếng động nào phá vỡ bầu không khí hoà bình; nơi bầu trời tinh khiết không bao giờ rền vang nỗi kinh hoàng; và cả ánh mặt trời lấp lánh cũng không bị cắt chia vì ánh thép.

Nó có thể ngắm nhìn ngóng mà không phải sợ những điều nhìn thấy nghe thấy. Nó có thể hoà mình trong bài ca mặt trời... Bên trên những khu rừng nghi ngút tỏa hơi..

Ông xiết chặt tay lại.

*Đêm đó Jim ở bên ông khi bọn Nhật tiến vào New Britain... mặt nước đen ngòm i oap... Ánh sáng báo hiệu màu xanh... cuộc đổ bộ.*

“Cứ để chúng vào”.

*Những tiếng gào... tiếng thét.*

“Ném thẳng vào chúng...”

*Bờ biển Rauana, súng máy của họ quét như mưa qua hàng rào... và Jim lẩn bẩm mè kiếp, mè kiếp, mè kiếp... Bình minh... máu... giết chó... Những con sóng đỏ sậm nặng nề bởi gánh nặng của những xác chết... những cái xác nhô lên chìm xuống - nhẹ nhàng nhô lên trong tràn đầy khinh bỉ. Xà lan nối đuôi nhau trên những đợt sóng cuồn cuộn xác người.*

*Bọn Nhật bị kẹt trong hàng rào. Họ kiểm soát chúng, họ đốn chúng như gặt lúa mì. Nhưng chúng vẫn tiến lên - kẻ sống vượt qua người chết; người chết chất đầy khu chướng ngại vật mà phía sau đó những chiếc xà lan chênh tiệt đang cày sâu xuống cát.*

*Muối đầy miệng ông... nhịp tim ông khô khốc... Rồi tiếng rên và tiếng gục ngã...*

Và Jim: “Bị vào chỗ nào? Nói đi. Lạy Chúa!”

“Không nặng đâu. Tao ổn thôi”.

*Lão đảo, sụp đổ, bọn Nhật mang cái chết của chúng vượt qua hàng rào.*

*Chúng trèo lên nhau: chúng đạp nhau xuống. Chúng ào lên như lũ châu chấu trong nạn dịch.*

*Rồi tiếng nổ cuồi cùng... và cánh rừng... và con đường hồi hương dài dằng dặc.*

Ôi! Chết chó! Chết chó! Chết chó!

Ông quay lại và thấy chàng trai mang khẩu súng chạy về phía mình. Ông lại nhìn con vịt.

Nó bơi lướt qua vùng nước trống làm vỡ oà làn nước bạc trong ánh sáng lấp lánh.

Ông nhặt một cái que dưới mặt đất và ném nó làm toé nước lên bên cạnh con vịt.

Con vịt nhởn dậy, đồi chân rẽ nước khi nó bay là là trên mặt nước. Nó bay lên cao và lượn tròn, nghiêng người tránh gió để trong giây lát ông nhìn thấy sải cánh đầy đặn ở mỗi bên người màu nâu của nó.

Bay ra xa, nó lại hạ cánh.

“À, ra thê”, chàng trai thở hổn hển bực bội. “Bây giờ chúng ta không bao giờ bắn được nó”.

Người đàn ông cầm lấy bộ quân phục.

“Ừ, bây giờ chúng ta sẽ không bao giờ bắn được nó nữa”, ông nói.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

BOBBIE ANN MASON  
(Mì)

## SHILOH

*N*orma Jean, vợ của Leroy Moffitt, đang luyện tập. Cô nâng những quả tạ ba pound để làm ấm người lên, sau đó chuyển qua nâng tạ đôi 20 pound. Trong tư thế đứng dạng chân, cô gọi Leroy nhớ đến Người Đàn Bà Xa Lạ.

"Em sẽ làm tất cả mọi điều mà em có thể làm được cho cơ bắp này thật sự săn chắc", Norma Jean nói. "Cái tay này này. Em cảm thấy nó không được rắn bằng tay kia".

"Chỉ vì em thuận tay phải thôi, có sao đâu", - Leroy nói, bước né sang bên trong khi Norma quay tạ theo hình vòng cung.

"Anh nghĩ thế à?"

"Chắc chắn rồi".

Leroy là tài xế xe tải. Anh bị thương ở chân trong một tai nạn trên đường cao tốc đã bốn tháng nay và phải tập luyện phục hồi chức năng với một ròng rọc cùng những quả tạ nặng. Điều đó gợi ý cho Norma Jean tập thử tạ để rèn luyện thể hình. Hiện cô đang dự một lớp thể dục thẩm mĩ. Leroy trở nên tàn tật từ khi chiếc xe tải kéo rơ mooc của anh bị chồm rúm lại và đột ngột lật qua một bên, ở Missouri, và chân trái anh kẹp dí trong cabin. Giờ đây, nơi xương háng của anh có một cái ghim bằng thép. Có lẽ anh chẳng bao giờ lái xe nữa. Chiếc xe

nằm trong sân sau, như một con chim khổng lồ đã kết thúc chuyến bay, xếp cánh trong tổ. Leroy trở về nhà ở Kentucky từ ba tháng nay, chân đã健全, nhưng tai nạn làm anh hãi và anh chẳng muốn lái xe tiếp. Leroy chưa biết phải làm gì sau đó. Hiện giờ anh làm những thứ đồ thủ công. Anh bắt đầu bằng việc dựng chòi gỗ với những que popsicle có vết khía hình chữ V. Anh đánh véenci rồi đặt căn nhà gỗ nhỏ bé ấy lên trên tivi. Cái nhà gỗ gợi anh nhớ về một lễ Giáng Sinh đơn sơ, mộc mạc. Rồi anh làm cái thuyền buồm bằng nhung đen; một con cú mèo bằng tua, ren; một pháo dài bay B17, một cây đèn theo hình xe tải, với nút điều chỉnh ánh sáng gắn vào đầu buồng lái. Thoạt tiên, những vật anh làm ra chỉ để tiêu khiển, một số chỉ để giết thời gian, nhưng bây giờ thì anh đã nghĩ tới việc dựng một ngôi nhà gỗ to bằng khuôn khổ thật. Nó sẽ rẻ hơn xây một ngôi nhà bình thường nhiều lần và hơn nữa. Leroy đã đủ trưởng thành để hiểu giá trị của ngôi nhà gỗ sẽ được dựng lên kia. Anh bắt đầu nhận ra rằng tất cả những năm qua của đời anh trên những con đường rong ruổi, anh chẳng có thời gian để thể nghiệm bất cứ cái gì. Anh gần như bay lướt qua cảnh vật quá khứ.

"Người ta sẽ chẳng cho anh xây một căn nhà gỗ trong bất kì khu vực cư trú hiện đại nào đâu", Norma Jean nói với anh.

"Họ sẽ cho phép nếu đó là ngôi nhà gỗ dành cho em". anh chàng ghẹo cô. Từ khi cưới nhau, anh đã hứa một ngày nào đó sẽ xây cho Norma Jean một căn nhà mới. Họ thường thuê nhà để ở, căn nhà ở thật nhỏ bé và chả có gì đặc biệt, nó lẩn lộn nhạt nhòa giữa muôn vàn căn nhà khác. Nó thậm chí chẳng ra một ngôi nhà nữa, bây giờ thì Leroy nhận thấy vậy.

Norma Jean làm việc ở hiệu thuốc Rexall. Cô biết rất nhiều về các mĩ phẩm. Khi cô giải thích cho Leroy nghe ba loại sản phẩm chăm sóc da, và liên quan đến kem, chất dưỡng da và chất làm ẩm da thì anh lại khoan khoái nghĩ đến các sản

phẩm hoá dầu khác như mỡ bôi trơn trực xe, dầu diezel. Đó là một liên hệ nối ánh với Norma Jean. Từ khi thôi lái xe, trở về nhà, anh cảm thấy một tình âu yếm dịu dàng khác thường đối với vợ và hối hận về lỗi lầm do những chuyến đi xa nhà lâu ngày của mình. Nhưng anh không thể hiểu cô nghĩ gì về anh. Norma Jean chẳng bao giờ phàn nàn về việc đi xa của anh, cô không khi nào nói những lời dằn vặt, như gọi cái xe tải của anh là "kẻ tạo ra những goá phụ" chẳng hạn. Anh tin rằng cô chung thủy với anh, nhưng anh ước sao cô đón mừng về việc anh sẽ ở nhà với cô lâu dài một cách phấn chấn hơn. Norma Jean thường hơi giật mình khi thấy Leroy trong nhà, và anh cho rằng cô có lẽ thất vọng chút ít về điều đó. Có lẽ anh đã khiến cô hồi tưởng nhiều đến những ngày đầu tiên sau đám cưới, trước khi anh đi lái xe. Họ từng có một đứa con. Nhưng nó mất từ mấy năm trước. Họ không bao giờ nói tới những kỉ niệm về Randy, những kỉ niệm đó hầu như đã phai nhạt. Nhưng giờ đây khi Leroy thường xuyên ở nhà, đôi khi họ cảm thấy một bầu không khí ngượng ngập, lúng túng quanh mình. Và Leroy tự hỏi phải chăng anh hay cô lại sắp nói đến đứa bé. Anh cảm thấy họ vừa cùng tỉnh thức khỏi một giấc mơ - họ phải sáng tạo một cuộc hôn nhân mới, họ phải bắt đầu lại tất cả, từ đầu. Anh và cô may mắn vì họ vẫn còn sống với nhau - Leroy đã đọc thấy người ta viết ở đâu đó rằng phần lớn những đôi vợ chồng mất con đều làm hỏng cuộc hôn nhân của họ - hoặc có lẽ anh đã nghe nói về điều đó trên chương trình *Donahue*. Anh không bao giờ có thể nhớ nổi anh đã học được điều này điều nọ ở đâu nữa.

Ngày Noel, Leroy mua cho Norma Jean một cây đàn organ điện tử. Cô đã từng chơi piano khi học đại học. Có lần cô nói với anh: "Không bao giờ quên được. Cũng như đi xe đạp vậy".

Nhạc cụ mới có nhiều phím và nút bấm đến nỗi thoát tiền làm cô hết sức bối rối. Cô lướt tay thử trên các phím đàn, bấm

vài nốt rồi nhấn vào "Chopsticks". Vang lên một nhịp điệu *fox-trot* nhanh, dồn, với tiến kèn marimba.

"Hợp táu!" - cô kêu lên.

Cây đàn organ có nút tắt trông giống một quả hồ đào và mười tám hòa âm đã được cài đặt, với sự phụ họa của sáo, violon, trumpet, clarinet, banjo tùy ý chọn. Norma Jean gần như ngay lập tức làm chủ được cây đàn. Trước tiên, cô chơi những bài ca Noel. Rồi cô mua về cuốn *Sáu mươi bài hát* và học tất cả các giai điệu nhạc trong đó, thêm vào những biến táu cho mỗi điệu bằng cách dùng những hàng phím màu sáng.

"Em không thích những bài ca cũ quay trở lại", cô nói. "Nhưng em có cảm giác điên rồ rằng em đã đánh mất điệu gì đó, nuối tiếc điệu gì đó".

"Em không mất mát, tiếc nhớ gì đâu", Leroy bảo.

Leroy thích nằm trên đì văng, hút một điếu thuốc nặng và nghe Norma Jean chơi bài *Anh không thể nhìn em* và *Anh sẽ trở về*. Anh đã trở về. Sau mười lăm năm trên những con đường, cuối cùng anh đã dừng lại bên người đàn bà anh yêu. Cô vẫn còn xinh đẹp. Da cô mịn màng, tươi tắn. Những lọn tóc quăn đã điểm bạc giống những nét vờn được phác vẽ tô điểm bằng bút chì.

\*

Giờ đây khi trở về nhà, Leroy bỗng nhận ra thị trấn này đã thay đổi biết bao nhiêu. Những khu cư dân đang mọc lên dọc phía Tây Kentucky như một lớp dầu loang. Tấm biển ở rìa thị trấn ghi: *Dân số: 11.500 người* - nhiều hơn con số ghi hai mươi năm trước chừng 700 người. Leroy không thể tính được số người đang sống trong những ngôi nhà mới xây. Cảnh những người nông dân mỗi chiều thứ bảy tụ tập tới khuôn

viên của tòa án để chơi cờ đam và nhai thuốc lá rồi khạc nhổ nước bã, giờ đây không còn đâu nữa. Lâu lắm rồi, anh không còn nghĩ đến những người nông dân ấy và họ đã hoàn toàn biến mất trong tâm trí anh.

Leroy gặp chú bé Stevie Hamilton ở bãi đỗ xe gần trung tâm thương mại mới mở. Trong khi họ làm bộ như những người xa lạ tình cờ gặp nhau trên một chiếc xe bị nhồi nhét chật chội, Stevie quẳng một ounce cỏ marifiana xuống dưới ghế trên trong xe của Leroy. Stevie mặc chiếc áo thun có dòng chữ CHATTAHOOCHEE SUPER RAT (Chuột lùng danh Chatta-hoochee) và đi một đôi giày cưỡi ngựa màu cam. Cha cậu bé là một bác sĩ quan trọng, sống trong một khu nhà đất tiền mới xây bằng gạch màu trắng, giống như nhà tang lễ trong danh bạ điện thoại, dưới tên cậu ta có một con số riêng, với dòng viết nghiêng: *thiếu niên*.

"Cậu lấy cái của này ở đâu ra đấy?" Leroy hỏi. "Của ba cậu hả?"

"Tôi không cần biết, còn ông, không cần phải hỏi" Stevie bảo. Cậu ta có đôi mắt ti hí, người ốm nhom ốm nhách.

"Cậu còn thủ được cái gì khác nữa không?"

"Ông quan tâm làm gì?"

"Không có gì đặc biệt cả. Chỉ hỏi thế thôi?"

Leroy từng phóng rất nhanh trên đường. Nhưng giờ đây Leroy phải di chậm. Anh cần chín chắn lại. Anh ngả lưng vào ghế xe và nói: "Tôi đang định dựng cho mình một căn nhà bằng gỗ, chừng nào rảnh rồi. Tuy rằng tôi không nghĩ là vợ tôi thích thú cái kế hoạch này".

"Ô, khi nào cần tôi, ông cứ bảo", - Stevie nói. Cậu ta cầm một điếu thuốc trong bàn tay khum lại, như muốn che gió. Cậu ta lè chân chậm chạp trên đường, vứt điếu thuốc xuống rồi di khuất, dáng đi lòng không, vai thông xuống.

Ở đại học, cha của Stevie học trên Leroy hai năm. Nay anh ba mươi tư tuổi. Anh và Norma Jean cưới nhau khi cả hai đều mươi tám tuổi và sinh Randy mấy tháng sau đó. Đứa bé chết lúc mới được bốn tháng ba ngày. Nếu còn, bây giờ nó đã bằng tuổi Stevie. Norma Jean và Leroy đang ngồi trên xe hơi, vừa ăn vừa xem một tiết mục kép (*Bác sĩ Strangelove và Tình yêu trả lại*) còn đứa bé ngủ ở ghế sau. Khi bộ phim thứ nhất kết thúc, đứa bé đã chết. Đó là hội chứng đột tử của trẻ sơ sinh. Leroy nhớ đã ôm Randy tới đưa cho một cô y tá ở phòng cấp cứu, cứ như thể anh tặng cô ta một con búp bê lớn. Đứa bé đã chết giống như một túi bột. "Điều này đôi khi xảy ra", - bác sĩ nói, bằng cái giọng Leroy nhớ là rất hững hờ, lãnh đạm. Leroy hầu như không thể nhớ đứa bé nữa, nhưng anh vẫn còn thấy, hết sức sống động một cảnh trong phim *Bác sĩ Strangelove*, trong đó Tổng thống Mĩ giọng thân mật đang trao đổi với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô (cũ) về chiếc máy bay ném bom đã vô tình nhầm hướng nước Nga. Ông ta ngồi trong Phòng Chiến Tranh, tấm bản đồ thế giới được chiếu sáng. Leroy nhớ Norma Jean kinh hoàng đứng bên anh trong bệnh viện, lúc đó anh tự nhủ: "Cô gái này là ai?", anh không còn nhớ nổi cô là ai. Ngày nay, các nhà khoa học bảo rằng cái chết trên giường của trẻ sơ sinh như vậy do một loại virus gây ra. Chẳng ai biết cái quái gì cả, Leroy nghĩ. Những câu trả lời luôn luôn khác nhau.

Khi Leroy từ trung tâm thương mại về đến nhà, anh thấy bà Mabel Beasley, mẹ của Norma Jean. Đến bây giờ Leroy vẫn không hiểu được Mabel Beasley dành bao nhiêu thời gian cho Norma Jean. Khi đến thăm, bà khám xét từng căn phòng và từng cái cây trong vườn. Bà báo cho Norma Jean cây nào rụ xuống, cây nào úa vàng. Mabel gọi chúng là những cây hoa dù chúng chẳng bao giờ nở hoa cả. Bà cũng sẽ nhắc nhở nếu quần áo chưa giặt ủi của Norma Jean dồn dống nhiều lên. Mabel là một phụ nữ thấp lùn, mập mạp, những búp tóc nhuộm nâu

của bà nom giống tóc già hơn cả búi tóc già mà bà đói khi dùng. Hôm nay bà mang đến cho Norma Jean một chiếc khăn trải giường trắng muốt tự làm. Mabel làm việc trong một cửa hiệu bán nệm ghế, mền, thảm.

"Đây là cái thứ mười mẹ đã làm trong năm nay", Mabel nói. "Mẹ bắt tay vào làm và không sao dừng lại được".

"Nó thực là đẹp ạ", Norma Jean nói.

"Bây giờ chúng ta có thể giấu các thứ xuống dưới gầm giường được rồi! Leroy nói. Anh sống hòa thuận được với mẹ vợ chủ yếu nhờ những câu đùa vui với bà. Thực ra, không bao giờ bà tha thứ cho anh tội đã sỉ nhục bà khi làm cho Norma Jean có bầu. Khi đứa bé chết, bà bảo rằng ấy là số mệnh đã chơi khăm bà, giấu cợt bà.

"Cái gì thế này?" Mabel cao giọng hỏi Leroy khi bà chỉ tay vào móng chì roi trên miếng vải bạt.

Leroy cầm lên cho bà xem. "Đây là cái kim của con ấy mà", anh giải thích, "đây là khăn phủ gối".

"Việc may vá là của phụ nữ", Mabel nói. "Mới sáng ra đã có chuyện hay ho thế đấy".

"Các cầu thủ bóng đá trên tivi đều làm thế đấy, mẹ ạ", anh bảo.

"Tại sao, Leroy, tại sao anh luôn luôn cố biến tôi thành một mụ ngốc? Tôi không tin được anh dù chỉ một phút. Anh không biết cái anh đang làm với bản thân mình. - Tất cả rắc rối là ở đó. Khâu vá gì cơ chứ!"

"Con định làm cho chúng con một căn nhà bằng gỗ", Leroy nói. "ngay khi con có thể thực hiện dự định của mình".

"Anh là đồ quỷ quái", - Norma Jean nói. Cô cầm cây kim của Leroy lén và nhét nó vào ngăn kéo. "Trước tiên, anh phải tìm việc làm đã. Thời buổi này, không ai đủ tiền để xây dựng nhà cửa!"

Bà Mabel chỉnh cái thắt lưng lại cho ngay ngắn và nói: "Mẹ vẫn nghĩ là trước khi các con bị ràng buộc, bận biu, các con phải đến Shiloh".

"Một ngày nào đó, chúng con sẽ đi, mẹ ạ", Norma Jean nói, vẻ thiếu kiên nhẫn.

Bà Mabel đang nói tới Shiloh, Tennessee. Vài năm gần đây, bà luôn thúc giục Leroy và Norma Jean tới thăm chiến trường nội chiến ở đó. Mabel đã tới Shiloh vào tuần trăng mật của bà. Đó là chuyến du lịch duy nhất trong đời bà. Chồng bà chết vì bệnh ung loét khi Norma Jean mới lên mười, nhưng Mabel, người đã được kết nạp vào Hiệp hội những người con gái của Liên bang năm 1975 vẫn bận tâm với việc trở lại thăm Shiloh.

"Con đã từng đi qua, đi lại khắp đất nước trên chiếc xe tải để đằng kia". Leroy nói với Mabel. "Nhưng chúng con chưa bao giờ đặt chân tới chiến địa ấy".

"Thế là thế nào? Sao con có thể bỏ qua nơi ấy được nhỉ? Nó không xa đâu", Mabel nói.

Sau khi Mabel bỏ đi, Norma Jean đọc cho Leroy nghe một danh sách dài cô viết. "Những việc anh có thể làm nhé: Anh có thể làm bảo vệ ở Union Carbide. Ở đó, họ sẽ để anh ngồi trên một cái ghế. Anh có thể đến làm ở kho chứa gỗ. Anh có thể làm chút ít công việc về mộc. Nếu anh muốn dựng nhà dựng cửa đến thế. Anh có thể..."

"Anh không thể làm được những việc phải đứng cả ngày".

"Anh hãy thử đứng suốt ngày sau một quầy mì phẩm xem. Em cũng ngạc nhiên là em có đôi chân thật khoẻ mạnh".

Norma Jean di trong bếp và vẫn tiếp tục câu chuyện. Cô nâng đầu gối lên mỗi lần nói. Cô đeo một chiếc vòng chun 2 pound gắn những quả tạ nặng.

"Đừng lo lắng gì cả", Leroy nói. "Anh sẽ làm một việc gì đó mà".

"Anh có thể chở những con bò tới lò sát sinh. Anh sẽ không phải chở nặng đâu".

"Anh sẽ dựng cho em cái nhà này", Leroy nói. "Anh muốn làm cho em một cái nhà ra nhà".

"Em không muốn sống trong cái chòi gỗ nào hết".

"Không phải chòi. Một cái nhà mà".

"Em không thiết. Nó vẫn giống một cái chòi thôi".

"Anh và em sẽ có thể cùng nhau nâng những súc gỗ lớn này lên. Cũng chỉ như tập tạ vậy".

Norma Jean không trả lời. Cô đang vừa thở vừa đếm thầm. Böyle giờ cô đang bước những bước đều trong bếp.

\*

Trước khi xảy ra tai nạn, mỗi lần trở về, Leroy thường ở nhà với Norma Jean, nằm trên giường xem tivi và chơi cờ. Cô sẽ làm những món anh thích: gà chiên, dăm bông, bánh sôcôla. Nay, phần lớn thời gian anh ở nhà một mình. Sáng dậy, Norma Jean đã đi khỏi, để lại chỗ nằm lạnh lẽo trên giường ngủ. Cô ăn điểm tâm bằng món bánh ngũ cốc Body Buddies và để sót lại những mẩu bánh sưng nước nổi phèn trên vũng sữa trong cái bát trên bàn. Anh nhận ra nhiều điều trước đây không hề biết về Norma Jean. Khi cắt hành tây, cô nhìn xéo đi chỗ khác, như thể cô không nhìn nổi vào củ hành. Tối tối, gần như cứ đúng chín giờ thì cô xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà và nhẹ nhàng đẩy đôi giày bó của cô vào dưới đi văng. Cô để dành vụn bánh cho chim. Khi cho chim ăn, Leroy thường quan sát chúng. Anh phát hiện ra cách bay rất đặc biệt của bọn kim tước băng qua cửa sổ. Chúng khép chặt đôi cánh, lao xuống, rồi mới dang cánh ra để giữ thăng bằng và bay lên. Anh tự hỏi không biết khi lao xuống, chúng có nhảm

chặt mắt lại không. Norma Jean luôn nhắm mắt khi họ cùng nhau ân ái. Cô muốn tắt đèn đi. Mặc dầu vậy, anh vẫn biết chắc rằng cô nhắm mắt lại.

Anh lái xe lòng vòng quanh thị xã. Anh có xu hướng lái xe con không cẩn thận lắm. Tay lái cơ và hộp số tự động khiến cái xe con sao mà nhỏ bé, và thật phi lí là cơ thể anh hầu như không ăn nhập vào việc lái xe. Cái chân bị thương của anh dang rộng một cách thoái mái. Một hai lần anh suýt đụng xe, nhưng ngay cả viễn tưởng về tai nạn của một cái xe con dường như cũng chẳng ghê gớm. Anh đảo qua đảo lại những khu phố mới, cảm thấy như đang diễn tập để chuẩn bị một vụ cướp. Norma Jean hẳn có lí khi bảo rằng một cái nhà gỗ không thể phù hợp ở đây, giữa những khu phố mới xây dựng. Tất cả các ngôi nhà đều đồ sộ và phức tạp. Chúng làm anh thất vọng.

Một hôm lái xe về, Leroy thấy Norma Jean đang khóc. Cô đang làm món súp nấm, khoai tây với pho mát. Cô khóc vì bị bà mẹ bắt được đang hút thuốc.

"Em không nghe thấy tiếng chân mẹ. Em đang đứng đây, bập bạp từng hơi khoan khoái". Norman Jean nói, đưa tay lau nước mắt.

"Anh biết sớm hay muộn sẽ xảy ra như thế mà", Leroy nói, vòng tay ôm quanh người cô.

"Mẹ chẳng biết nghĩa của từ "gõ cửa" nữa", Norma Jean nói. "Thật lạ, sao mẹ lại không tóm được em từ những năm trước".

"Hãy nghĩ thế này", Leroy nói, "sẽ ra sao nếu có ngày mẹ tóm được anh hút loại thuốc có sao tẩm".

"Tốt hơn là anh đừng có để bị tóm. Em báo trước cho anh đấy, Leroy Moffitt!"

"Anh chỉ đùa thôi. Lại đây em, chơi một bản nhạc. Điều đó sẽ giúp em thư giãn" Norma Jean đặt nồi vào bếp và hẹn

giờ. Rồi cô chơi một điệu nhạc *ragtime*, với kèn và đàn banjo. Trong khi đó Leroy nằm trên giường, hút thuốc, cười thầm khi nghĩ đến chuyện Mabel bắt được anh. Anh nghĩ đến Stevie Hamilton - cậu quý tử của một ông bác sĩ giàu giấu giếm cỏ marijuana. Tất cả mọi điều đều nực cười. Cả thị xã này có vẻ bé nhỏ và rồ dại. Anh nhớ tới Virgil Mathis, một viên cảnh sát khoác lác mà anh từng đi săn cùng. Vừa rồi, Virgil cùng một dược sĩ xông vào một phòng hậu bên hẻm nhỏ, tại đây, ông ta lôi ra được một lượng cỏ marijuana đáng giá chừng 10.000 đôla. Báo chí vẽ hình ông ta giờ cao những túi cỏ marijuana, ngoác mồm cười nhăn nhở. Giờ đây, Leroy có thể hình dung cảnh Virgil xô cửa xông vào và bắt anh, với đôi lá phổi đầy khói thuốc sao tẩm. Virgil có lẽ sẽ đột nhiên chú ý đến vì những tiếng ồn của Norma Jean. Cô đang chơi, náo động như một ban nhạc rốc nặng. Norma Jean hẳn sẽ khiếp hãi lắm. Khi cô chuyển sang nhịp *latin* của bản nhạc *Sunshine Superman*, Leroy ử hát hòa theo. Đôi chân Norman Jean nhún nhảy cùng điệu nhạc.

"Thế nào, em thấy sao?" - Leroy hỏi, khi Norma Jean dừng một chút để xem xét bản nhạc.

"Về cái gì cơ?"

Tâm trí anh trống rỗng. Anh nói: "Anh sẽ bán cái xe tải và dựng cho chúng ta một căn nhà". Đó không phải điều anh muốn nói. Anh muốn biết cô đang nghĩ gì - cái mà cô thực sự nghĩ về nó.

"Anh đừng quay lại với chuyện ấy làm gì", Norman Jean bảo. Cô bắt đầu chơi bản nhạc *Tới đây, sẽ đến lượt ai?*

Leroy từng kể cho những người khách đi nhờ trên xe anh toàn bộ cuộc đời mình về những chuyến đi, về thị xã quê hương, về đứa con bé bỏng. Anh kết thúc bằng câu hỏi: "Thế nào, anh thấy sao?". Đó chỉ là một câu hỏi tu từ. Lúc

đó, anh có cảm giác đã kể đi kể lại mỗi một câu chuyện cho cùng một người khách duy nhất. Anh ngừng nói khi nhận ra giọng nói của mình nghe như lời than vãn, rên rỉ và tự thương xót, giống như những bài ca bi ai của bọn choai choai mới lớn. Giờ đây, Leroy cảm thấy một rung động mãnh liệt bất ngờ từ nội tâm, muốn kể với Norma Jean về chính mình như thể anh vừa mới quen biết cô lần đầu. Họ biết nhau lâu đến mức đã quên rất nhiều về nhau rồi. Họ có thể cần được làm quen lại. Nhưng khi đến giờ hẹn của món súp, cô chạy vào bếp, anh quên mất vì sao anh muốn trò chuyện với cô về mình.

\*

Ngày hôm sau, Mabel ghé thăm. Đó là ngày thứ bảy và Norma Jean đang làm vệ sinh nhà cửa. Leroy đang nghiên cứu bản vẽ ngôi nhà gỗ, rốt cục những bản vẽ cũng được gửi đến cho anh qua đường bưu điện. Anh trải rộng chúng trên bàn - những tờ giấy khổ lớn màu xanh, những hình vẽ và con số in màu trắng. Trong khi Norma Jean hút bụi trong phòng, Mabel uống cà phê. Bà đặt tách cà phê trên những bản vẽ màu xanh.

"Tôi chỉ đợi cho thời gian trôi qua", bà nói với Leroy, gõ gõ những ngón tay trên bàn.

Norman Jean vừa tắt máy hút bụi thì Mabel cao giọng nói: "Con đã nghe nói về con chó giống *datsun* cắn chết đứa bé chưa?"

"*Dachshund* chứ mẹ", Norma Jean nói.

"Họ dùng con chó ấy làm thí nghiệm. Nó nhai đứt chân đứa bé. Trong suốt thời gian ấy, người mẹ ở ngay phòng bên cạnh", bà cao giọng lên. "Họ cho rằng đó là do sơ ý".

Norman Jean bịt chặt tai. Leroy mở tủ lạnh, lấy Pepsi

không béo để mời Mabel. Mabel vẫn còn ít cà phê và bà ngoắc tay từ chối.

"*Datsun* là giống chó như vậy đấy".

"Nó là giống chó ghen tị, hờn thù. Nó sẽ cào xé, cắn nát nếu người ta không đề phòng".

"Tốt hơn mẹ nên cẩn thận với lời mẹ nói", Leroy bảo.

"Ô, thực tế vẫn là thực tế chứ".

Leroy nhìn qua cửa sổ, ngắm nghía cái xe tải. Nó giống như một đồ vật to lớn để thu gom cát bụi trong sân sau. Nó sẽ sớm thành một thứ đồ cổ. Norma Jean có lẽ sắp hút bụi thảm phòng khách lần nữa.

Về sau, cô nói với Leroy: "Mẹ kể về đứa bé vì mẹ tóm được em hút thuốc. Mẹ muốn trả đứa em".

"Em đang nói chuyện gì vậy?" Leroy nói, tay xê dịch những bản vẽ một cách mệt bình tĩnh.

"Anh thừa biết, anh biết rõ quá mà", Norma Jean nói. Cô ngồi trên một chiếc ghế nấu ăn, chân để trên ghế và tay vòng quanh đầu gối.

Trông cô nhỏ bé và bất lực làm sao. Cô nói: "Chính đó là điều mẹ muốn rút ra qua câu chuyện. Nói rằng điều đó chỉ do sơ ý mà thôi".

"Mẹ không có ý thế đâu", Leroy nói.

"Bà ấy có thể không nghĩ rằng mình định ngụ ý như thế. Bà ấy luôn luôn nói những điều như vậy. Anh không hiểu vì sao bà ấy làm thế đâu".

"Nhưng mẹ thực sự không có ý đó mà. Bà chỉ kể chuyện, thế thôi".

Leroy mở một chai bia cỡ lớn, rót đại vào hai ly, chia thật đều nhau. Anh đưa một ly cho Norma Jean và cô đón lấy một cách mای móc. Họ ngồi bên cửa sổ nhà bếp xem những con chim đến ăn, im lặng hồi lâu.

\*

Có một chuyện mới. Norma Jean sắp theo học trường ban đêm. Cô đã hoàn thành khoá học thể dục thể hình kéo dài sáu tuần và nay cô học một khoá dạy soạn thảo văn bản ở Đại học Cộng đồng Paducah. Cô dành các buổi tối vào việc lo sắp xếp tổ chức những đoạn văn.

"Thoạt tiên, anh có một câu chủ đề", cô giải thích cho Leroy, "sau đó anh phải triển khai nó ra. Chủ đề thứ hai của anh phải liên hệ với chủ đề đầu tiên".

Đối với Leroy, những câu đó nghe có giọng doạ dâm. "Anh chẳng khi nào giỏi tiếng Anh cả", anh bảo.

"Điều ấy có nhiều ý nghĩa lầm chứ".

"Nhưng mà em học cái đó để làm gì vậy?"

Cô nhún vai. "Thì phải có việc gì đó để làm thôi". Cô đứng dậy và nâng quả tạ lên mấy lần:

"Khi anh đi lái xe tải, chẳng ai quan tâm đến tiếng Anh của anh".

"Em đâu có phê bình tiếng Anh của anh".

Norma Jean từng bảo: "Nếu em ngủ thiểu mười phút thì em sẽ mệt mỏi, uể oải suốt ngày". Böyle giờ thì cô thức rất khuya, ngồi viết những bài luận. Cô được điểm loại B cho bài viết đầu tiên với đề tài cách nấu những nồi súp. Gần đây, Norman Jean hay nấu những món lạ: - *tacos*, *lasagna*, *gà Bom bay*. Cô chẳng chơi đàn organ nữa, dù rằng bài luận thứ hai là: *Vì sao âm nhạc quan trọng đối với tôi*. Cô ngồi bên bàn bếp, viết lách, trong khi Leroy chơi đùa với những bản vẽ nhà gỗ, thực hành với một bộ đồ Lincoln Logs. Ý nghĩ về một xe tải chở những khúc gỗ có đánh số, có khía hình chữ V choán hết tâm trí và anh muốn bắt tay vào công việc. Khi anh và cô cùng ngồi làm việc bên bàn bếp, Leroy thầm hi vọng họ đang chia sẻ một điều gì đó, nhưng anh biết chỉ là

một gã ngớ ngẩn mới nghĩ như vậy. Norma Jean đã ở xa anh. Anh biết anh sắp mất cô. Như Mabel, cô chỉ đang chờ cho thời gian trôi qua.

Một hôm Mabel đến chơi, trước khi Norma Jean đi làm về và Leroy thấy tin tưởng, anh tâm sự với bà. Anh nhận ra rằng, bà hiểu Norma Jean hơn anh nhiều.

"Tôi không hiểu chuyện gì xảy ra với con bé này", Mabel bảo. "Nó thường quen đi ngủ lúc gà lên chuồng. Thế mà nay anh nói nó thức hàng giờ liền. Rồi hay hút thuốc nữa. Tôi muốn nó phải kiêng khem".

"Con muốn làm cho cô ấy một ngôi nhà thật đẹp", Leroy nói, và chỉ cho bà xem bộ đồ Lincoln Logs. "Con không nghĩ rằng cô ấy muốn có nhà. Có lẽ nếu con đi khỏi thì cô ấy hạnh phúc hơn".

"Nó không biết phải làm gì với anh, anh đã trở về nhà như thế này".

"Thế ư?"

Mabel lật mái cái chòi gỗ Lincoln lên. "Anh không thể nhét tôi vào một chòi gỗ như thế này", bà nói. - "Tôi đã từng lớn lên trong một cái chòi gỗ. Mà đây không phải một chuyến đi picnic, tôi nói để anh biết như vậy".

"Giờ đây, người ta khác xưa rồi", Leroy nói.

"Tôi bảo anh này", Mabel nói, mỉm cười một cách kì cục.

"Cái gì ạ?"

"Hãy đưa nó đến Shiloh. Cả hai đứa cần phải cùng nhau thoát ra, cần phải được có chút khuấy động trong cuộc sống. Đầu óc nó cũng rối tung với những quyền sách rồi".

Leroy có thể thấy những nét chân dung Norma Jean trên nét mặt mẹ cô. Khuôn mặt bà đã có những vết nhăn, nhưng bỗng trông thật xinh đẹp. Leroy đột nhiên nghĩ ra rằng bà cũng xa gần gợi ý, bà muốn vợ chồng anh đưa bà đi cùng tới Shiloh.

"Thế thì tất cả chúng ta sẽ đi Shiloh", anh nói. "Mẹ, con và cô ấy. Chủ nhật tới này".

Mabel xua tay phản đối. "Ô, không, tôi không đi đâu. Những đôi trẻ chỉ muốn đi với nhau thôi".

Khi Norman Jean về, mang theo thực phẩm, đồ khô, Leroy nói với cô, đầy phẫn chấn: "Mẹ em đã mong đợi chuyến đi Shiloh ba mươi lăm năm nay rồi. Giờ là lúc chúng ta đi, phải không em?"

"Tôi không xen vào tuần trăng mật thứ hai của người khác đâu", Mabel nói.

"Ai đi tuần trăng mật vậy, vì Chúa chắc?" Norma Jean nặng lời.

"Tôi không nuôi con gái tôi lớn lên để nói với tôi bằng cái giọng như vậy đâu đấy", Mabel nói.

"Mẹ chẳng biết gì cả", Norma Jean nói. Cô bắt đầu quăng ra những hộp, những gói, đóng sầm cửa nọ cửa kia.

"Ở Shiloh có một chòi gỗ", Mabel nói. "Nó đã tồn tại ở đây suốt thời gian chiến tranh. Trên đó còn những vết đạn".

"Khi nào mẹ có thể thôi nói về Shiloh, hả mẹ?" Norman Jean hỏi.

"Tôi luôn nghĩ rằng Shiloh là nơi đẹp nhất, đầy những dấu tích lịch sử", Mabel tiếp tục. "Tôi chỉ ao ước hai anh chị có thể thấy nó một lần trước khi tôi chết, vì như thế, hai anh chị có thể kể lại cho tôi nghe về nó". Sau đó, bà nói thầm với Leroy. "Anh hãy làm như tôi bảo. Một chút thay đổi là cái mà nó cần đấy".

\*

"Tên của anh có nghĩa là Đức vua" - Tôi hôm đó Norma Jean bảo Leroy. Anh đang thuyết phục cô đi Shiloh, còn cô đang đọc cuốn sách viết về một thế kỉ khác.

"Ừ, anh nghĩ là mình được quyền hành diện lăm'.

"Em đoán thế mà".

"Ở đây, anh vẫn là vua chứ?"

Norma Jean co duỗi bắp tay và cảm thấy chúng rắn chắc. "Em không phí thì giờ vớ vẩn với bất kì ai hết, nếu đó là điều anh muốn nói", cô bảo.

"Còn khi nào muốn thì em sẽ nói với anh chứ?"

"Em không biết".

"Tên em nghĩa là gì?"

"Đó là tên thật của Marilyn Monroe".

"Đừng đùa".

"Norma xuất phát từ những người Norman. Họ là quân xâm lược". Cô nói. Cô gấp cuốn sách lại và nhìn thẳng vào Leroy: "Em sẽ đi Shiloh cùng anh nếu anh đừng tiếp tục nhìn em chằm chằm như thế".

\*

Chủ nhật, Norma Jean chuẩn bị đồ cho một cuộc picnic và họ đi Shiloh. Mabel trả lời Leroy rằng bà không muốn đi cùng với vợ chồng anh. Norma Jean lái xe, còn Leroy, ngồi bên cô, cảm thấy mình giống một người khách nhạt nhẽo cô cho đi nhờ xe. Anh nhiều lần cố gợi chuyện, nhưng cô chỉ trả lời nhát gừng. Ở Shiloh, cô lái xe lang thang không mục đích qua công viên, qua những dốc đứng, những con đường mòn, những hẻm núi. Shiloh rộng mênh mông. Leroy thấy nó chẳng có vẻ một bãi chiến trường. Nó không giống như cái mà anh hình dung. Anh tưởng nó phải tựa như một sân gôn. Tượng đài kỉ niệm có ở khắp nơi, ẩn hiện giữa những lùm cây rậm rạp. Norma Jean đi ngang qua cái chòi gỗ Mabel đã kể. Nhiều khách du lịch vây quanh để xem những vết đạn.

"Đây không phải kiểu nhà gỗ trong ý nghĩ của anh", Leroy biện bạch.

"Em biết".

"Nơi này thật đẹp. Mẹ em nói đúng lắm".

"Tốt thôi", Norma Jean nói. "Nào, chúng ta đã xem rồi. Em hi vọng bà sẽ hài lòng".

Họ cùng nhau cười phá lên.

Trong nhà bảo tàng của công viên, một bộ phim về Shiloh được chiếu liên tục, cứ ba mươi phút một lần. Nhưng họ quyết định không xem phim. Họ mua một lá cờ Liên bang làm kỉ niệm cho Mabel. Sau đó, hai người tìm đến một địa điểm picnic gần nghĩa trang. Norma Jean mang theo bánh sandwich, các đồ uống nhẹ và *Yodels*. Leroy ăn một chiếc sandwich rồi hút ít thuốc tẩm thuốc phiện, anh giấu thuốc sau cái thùng lạnh picnic. Norma Jean không hút. Cô nhặt nhạnh những mẩu bánh vụn dính trên giấy bóng kính, như một con chim tinh nghịch, nhí nhảnh.

Leroy nói: "Những chàng lính trẻ bận quan phục màu xám đã tử trận ở Corinth. Những người lính Liên bang cuối cùng đã bị tiêu diệt. Ngày 7 tháng 4 năm 1862".

Cả hai đều biết rằng anh chẳng biết gì về lịch sử. Anh chỉ đang nói về những tấm biển lịch sử mà họ đã đọc. Anh cảm thấy ngượng ngập, lúng túng, như một cậu con trai trong cuộc hẹn với người đàn bà lớn tuổi hơn mình. Họ, cả hai, chỉ đang cố bắt chuyện với nhau.

"Corinth là nơi mẹ đã trốn đi theo người ta", Norma Jean nói.

Họ ngồi lặng lẽ, nhìn mảnh đất nghĩa trang của những binh lính Liên bang, và nhìn xa hơn, nơi những bụi cây cao cao. Lều trại du lịch san sát bên nhau, bọn trẻ con ăn mặc quần áo sáng màu nhảy nhót, đứa giỡn, hét la inh ỏi. Norma Jean vò tờ giấy bóng kính gói bánh, siết chặt nó trong tay. Không nhìn Leroy, cô nói. "Em muốn xa anh".

Leroy lấy một chai Coke ra khỏi thùng lạnh và bật nắp.

Anh nâng cái chai gần miệng nhưng quên uống. Cuối cùng, anh nói: "Không, em đừng xa anh".

"Em bỏ anh".

"Anh không cho phép em làm thế".

"Anh không thể cấm em được".

"Đừng đối xử với anh như vậy".

Leroy biết Norma Jean sẽ làm như cô nghĩ. "Phải chăng anh chưa hứa với em từ nay anh sẽ ở nhà?", anh nói.

"Nói chung, phụ nữ ưa thích người đàn ông phiêu du", Norman Jean nói. "Điều ấy nghe điên rồ, em biết thế".

"Em chẳng điên rồ". Leroy nhớ ra và anh bắt đầu uống chai Coke đã mở. Rồi anh nói: "Đúng thôi, em đang điên rồ. Anh và em có thể bắt đầu làm lại tất cả, từ đầu. Từ đầu".

"Chúng ta đã làm lại từ đầu rồi mà", Norma Jean nói. "Và chính vì vậy mà như thế này đây".

"Anh đã làm gì sai?"

"Không, chẳng có gì sai cả".

"Một trong những vấn đề giải phóng phụ nữ chẳng?" Leroy hỏi.

"Anh đừng đùa nữa".

Những tấm bia trắng giữa thảm cỏ xanh, nghĩa trang trông như một khu phố. Leroy cố hiểu cái thực tế rằng cuộc hôn nhân của anh đang đổ vỡ, nhưng tâm trí anh lại vẫn vơ vê những tấm bia mộ trắng.

"Mọi thứ vẫn tốt đẹp cho đến khi mẹ bắt được em đang hút thuốc", Norma Jean nói. Cô đứng lên. "Điều đó đã làm hỏng cả".

"Em nói về chuyện gì vậy?"

"Mẹ không để em được một mình - anh không để em được một mình, các người không để tôi được một mình". Norma Jean dường như sấp bật khóc, nhưng cô tránh mắt anh, nhìn

đi chỗ khác. "Em cảm thấy trở lại mười tám tuổi. Em không thể chịu nổi rằng tất cả trở lại như cũ". Cô bắt đầu bước đi. - "Không, như thế chẳng hay ho gì. Em chẳng biết em đang nói gì nữa. Anh hãy quên đi nhé".

Leroy hít một hơi thuốc dài, đầy hai lá phổi, anh nhắm mắt lại khi những lời nói của Norma Jean tràn tới, nhấn ngập tâm trí. Anh cố gắng định tâm vào vấn đề ba ngàn năm trăm chiến binh đã tử trận trên mảnh đất anh đang ngồi. Anh chỉ có thể nghĩ tới chiến tranh như một trò cờ bạc lớn, chơi với những người lính bằng nhựa. Leroy suýt bật cười khi anh thầm so sánh trận tấn công của Liên bang vào những trại lính Đồng minh với chiến dịch của Virgil Mathis tấn công ngôi nhà trong hẻm. Tướng Grant, say bét nhè và cáu kỉnh xị ngậu, đầy quân miền Nam quay trở lại Corinth, nơi Mabel và Jet Beasley vài năm sau kết hôn, khi ấy Mabel còn thon thả và xinh đẹp. Hôm sau, Mabel và Jet đi tham quan bãi chiến trường, rồi sinh ra Norma Jean, rồi cô cưới Leroy, rồi họ sinh một đứa bé, đứa bé mất và giờ đây, Norma Jean và Leroy ở đây, cũng vẫn trên bãi chiến trường này. Leroy biết rằng anh đã đi quá xa. Anh đã bỏ rơi nội hàm của lịch sử. Lịch sử đối với anh, luôn luôn chỉ là những cái tên và những con số. Anh bỗng nhận ra rằng dựng một ngôi nhà gỗ cũng trống rỗng tương tự như vậy - cũng quá đơn giản. Còn động lực nội tại thực sự của một cuộc hôn nhân cũng như phần lớn động lực nội tại của lịch sử, đã lìa bỏ anh. Giờ đây anh thấy dựng ngôi nhà gỗ là ý nghĩ ngu xuẩn nhất mà anh có thể nghĩ ra. Thật rõ dại khi ạnh cho rằng Norma Jean khát khao một ngôi nhà gỗ. Đúng là một ý tưởng điên rồ. Anh sẽ phải nghĩ ra một cái gì khác, đúng rồi, ngay lập tức, phải nghĩ ra một cái gì hay ho hơn. Anh sẽ cuộn đống bản vẽ màu xanh nhồi thành những trái bóng mà lảng xuống hồ. Rồi anh sẽ tiếp tục phiêu du. Anh mở mắt ra. Norma Jean đã bỏ

đi. Cô đang bước xuyên qua khu nghĩa trang, theo một con đường gạch ngoằn ngoèo, uốn lượn.

Leroy đứng dậy, bước theo vợ. Nhưng bên chân còn lành thì mệt mỏi, bên chân bị thương thì vẫn còn đau. Norma Jean đã đi xa, cô đang bước nhanh về phía cái dốc đứng bên bờ sông. Anh cố bước tập tành về phía cô. Vài đứa bé chạy vượt qua anh, la hét ầm ĩ. Norma Jean đã đến bên con dốc, cô đứng nhìn dòng sông Tennessee. Giờ thì cô quay lại phía Leroy và vẫy tay. Cô đang vẫy anh đấy ư? Hình như cô đang tập bài thể dục luyện cơ bắp. Bầu trời trắng nhợt khác thường - màu trắng của cái khăn trải giường mà Mabel đã làm cho vợ chồng họ.

PHAN THU HIỀN *dịch*

JOHN MORRISON  
(Úc)

## BUỔI SÁNG THẦN TIÊN

**P**hát súng vang lên khoảng bốn rưỡi sáng. Một tiếng trước bình minh và hơn một tiếng trước khi cả nhà thức dậy. Trại gia cầm thì cần phải dậy sớm, nhưng không cần thiết phải dậy lúc bốn giờ ba mươi. Tất cả mọi người và tất cả mọi vật đều đang ngủ. Không một bộ lông nào di lại lộn xộn trong những hàng dài của bãi quây rào sơn trắng được đặt trên ụ đất cao trên sườn đồi. Không một tiếng líu lo của lũ sói đá hay chim sê tu tập trên những cây mận tía, cây boobyalla<sup>(1)</sup> sau trại.

Chỉ vài giây sau khi tiếng súng tan bầu không gian yên lặng nó đã dội âm âm dọc theo thung lũng hẹp rồi vang lại từ sườn dốc đối diện. Tất cả mọi người đều bị thức giấc, nhưng họ giữ yên lặng một lúc, như người ta thường làm trong những lúc như vậy, huy động trí khôn của mình, phân biệt mơ và thật, đợi xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Họ có năm người: Arthur Brady và Margaret vợ anh ta, Lance, con trai mười ba tuổi của họ, ông nội Brady và Hung Griffiths, một người làm công tự do, đã sửa xong hệ thống thoát nước và sẽ đi vào ngày hôm ấy, ngay sau bữa sáng.

---

<sup>(1)</sup> Tên một loại cây ở Úc theo cách gọi của thổ dân.

Sự phản ứng đầu tiên đến từ phòng ngủ Brady, giọng cô Brady thì thầm đầy kích động:

"Arthur, anh có nghe thấy tiếng súng đó không?"

"Mẹ kiếp tôi đã nghe tảng rồi!" âm thanh tiếp theo là của một người đàn ông đang vội vàng ra khỏi giường và tiếng bật công tắc lách cách.

Đêm ấy trời nóng, cửa ngõ đều mở rộng cho không khí dễ lưu thông, và luồng ánh sáng đột ngột trong phòng ngủ đã xua tan bóng đêm lan trùm khắp căn nhà. Ông nội và Lance gọi với ra ngoài cùng một lúc từ phòng riêng của họ:

"Đấy là tiếng súng, ba ạ!"

"Con đã thức dậy à, Arthur? Joe đã làm điều gì đó!"

Chỉ ở hiên sau, nơi Griffiths đặt ống rơm, là vẫn còn yên lặng. Ngôi nhà đầy những âm thanh rì rầm và tiếng mặc quần áo khẽ khàng nhưng nhanh nhẹn.

"Bây giờ phải cẩn thận đó, Arthur! Đừng có lao ra".

"Nói năng cảm tính, đồ đàn bà! Cô cho rằng tôi sẽ làm gì..."

"Chúng ta đâu có biết chuyện gì xảy ra..."

"Joe đã bắn ai đó, chuyện là như vậy. Hắn đã làm cái gì đó ở chỗ hắn..."

"Con có thể ra được không, ba?"

"Không, Lance, cứ ở yên đó".

"Con lên..."

"Cứ ở yên trong đó, tao bảo mày cứ ở yên đấy!"

Arthur Brady, đã ngoài bốn mươi tuổi, bé nhỏ, rắn chắc, đi xuống hành lang, cái dây lưng có khoá thắt quanh chiếc quần dài mà gã đã mặc trùm ra ngoài quần ngủ. Gã cúi gầm khuôn mặt rám nắng, dữ tợn và hăm hở. Đi qua cửa phòng ông nội, gã gần như va mạnh vào ông già, người vừa mới ló ra.

"Arthur, bố chẳng nghe thấy gì thêm nữa'.

"Con cũng thế. Có lẽ hắn đã giết cái đồ con hoang ấy".

Arthur vội vã đi qua nhà bếp, ra hành lang, nơi gã đứng nhìn chầm chằm vào bóng tối, lắng nghe với cái đầu héch lên và hơi thở nén lại. Nhưng tất cả những gì gã có thể nghe thấy là tiếng xào xác không ngừng khe khẽ và tiếng cục cục của hàng ngàn con gà mái đang sợ hãi trong những ngôi nhà cách xa hơn bốn mươi mét.

"Mày đấy phải không, Joe?", gã hét.

Trên con đường nhỏ dẫn xuống sườn đồi, một ngọn đuốc cháy sáng rực và một giọng nói khoẻ mạnh đáp lại: "Ư, xuống đây đi!"

"Mày đã thịt hắn à?"

"Xuống đi - nhanh lên!"

Bây giờ, vợ Brady, ông nội và Lance đang túm tụm lại phía sau Arthur trên đỉnh bậc tam cấp. Tất cả họ đều nói cùng một lúc.

"Nghe như thể hắn đã giết ai đó, anh Arthur ạ".

"Ba có nghĩ là chú ta giết người không, ba?"

"Lance, đừng có nói như thế!"

"Nhưng mẹ..."

"Mày hãy im đi..."

"Bố cứ đứng ở đây, bố ạ. Tất cả mọi người hãy đứng ở đây. Tôi sẽ kêu lớn nếu cần".

Arthur Brady rời đi, chạy vào trong bóng tối. Những người còn lại đứng đó, dõi theo tiếng động của gã lúc đi xuống lối nhỏ trong vườn, ra khỏi cái cổng bằng cọc rào, băng qua không gian rộng mở để đến bãi quây gà vịt, đi qua đám dương xỉ diều hâu cắn cỗi phủ kín sườn đồi. Khoảng giữa đoạn đường, ánh sáng từ ngọn đuốc vẫn toả sáng, khẽ bật bùng như thể người giữ nó đang xem xét cái gì đó. Giọng nói vọng lên căn nhà nhưng không thể phân biệt được hai người đàn ông nói gì khi họ đi cùng với nhau.

"Có chuyện gì đó ở dưới ấy rồi, Madge à", ông nội nói. "Tốt hơn là phải vào nhà và mặc quần áo vào".

"Bố muốn làm gì cơ?"

Ông nhún vai bồn chồn. "Ồ, bố không làm gì. Có lẽ điều gì đó đã xảy ra".

"Điều gì?"

"Joe đã làm điều gì đó, và hắn hắn sẽ không gọi to lên như thế nếu đó là một con cáo. Có lẽ chúng ta phải gọi bác sĩ".

Lúc ấy, cô chưa thể nhúc nhích ngay được, chỉ đứng đó nhìn chằm chằm vào hướng của ánh đuốc, nhăn mặt lại, như thể âm vang tiếng súng của tên trộm gia cầm từ từ tiến vào nhà về hướng cô.

"Chúng ta có phải gọi cảnh sát không, ông?" Lance hỏi với tất cả sự kích động của trẻ con.

"Tất nhiên chúng ta sẽ gọi nếu Joe tấn công ai đó".

"Con nghĩ tốt hơn là con phải mặc đồ vào". Cô Brady quay đi, nhưng trên đường vào bếp, cô đứng và quay nhìn lại. "Bố có nghĩ là anh ta có thể giết người không?", cô hỏi bằng giọng sợ hãi.

"Giết người - Không! Joe sẽ đánh hắn khi hắn muốn tấn công anh ta. Anh ta có một cái đèn pin tự tạo. Đi vào và mặc quần áo đi! Bố sẽ đứng đây với Lance".

Cô đi vào, và ngay khi ấy, ông nội và Lance nhận ra người đàn ông làm thuê. Hắn có một cái túi ngủ để ở cuối hành lang và đang ngủ mà không mặc pijama. Thậm chí trong cái ánh sáng lờ mờ lọt vào đó họ còn có thể nhìn thấy hai ống chân màu trắng và chiếc quần đùi khi hắn đặt chân ra sàn và đứng dậy.

Thực tế là chẳng có gì đáng chú ý bằng việc hắn mặc đồ mà không nói năng gì. Hai tuần đã trôi qua kể từ khi hắn rời con đường tiến vào tìm việc làm, gia đình này đã trở nên quen

với tính tình kín đáo của hắn. Hắn là người chắc mập trông tầm thường với một thái độ ôn hòa cam chịu rõ ràng và thoát tiên họ đã nhìn nhầm hắn.

Dù sao, duy nhất có ông nội là thực sự không thích hắn. Ông đã lưu ý với Arthur là ông luôn có cảm giác rằng Griffiths cười đầy bí hiểm về họ. Arthur hài lòng bởi vì hắn là người làm công tốt; cô Brady hài lòng vì hắn sinh hoạt sạch sẽ và biết giữ mình.

Bây giờ hắn xuất hiện trong chiếc quần dài, áo may ô, đôi ủng làm việc nặng nề rồi đứng bên cạnh ông nội. "Không phải tiếng súng lục, đúng không?", hắn hỏi.

"Không, súng trường đây", ông nội đáp khá thờ ơ, nhưng ngay khi câu ấy thoát ra, ông quay nhanh sang Griffiths như thể bị giật mình bởi sự ngờ ngợ về những gì ẩn sau câu hỏi.

Hắn là Griffiths đã nhận thấy điều đó, nhưng hắn giả vờ không để ý.

Trời khá ấm, nhưng một cơn rùng mình chạy khắp người ông già và ông vỗ bành bạch hai tay vào cái bụng lép kẹp của mình. "Vào tìm hộ ông cái áo khoác ngoài, được không?", ông nói với thằng bé. "Cái áo treo ở sau cánh cửa ấy".

"Chú ta có đánh hắn không ông?"

"Chúng ta vẫn chưa biết gì mà, Lance. Chúng ta phải đợi cho tới khi bố cháu quay lại".

Không có gì xảy ra giữa hai người đàn ông trong khi thằng bé đi cả. Rồi nó quay lại chõ ông nội, ôm chiếc áo khoác trong lòng, ngồi xuống bậc tam cấp trên cùng.

Griffiths đứng phía trên nó, hắn tựa người vào cột, ngón tay cái móc vào thắt lưng. Thậm chí cậu bé cũng nhận thấy có điều gì đó lơ lửng trong không gian ngoài cái tiếng súng thực kia. Đôi mắt tò mò của cậu chuyển từ ông nội sang Griffiths và ngược lại. Cậu muốn hỏi nhiều hơn, nhưng vẻ đàm dăm

trên cả hai khuôn mặt khiến cậu yên lặng, cậu bước đi mẩy bước, cánh tay gập lại tì vào lan can.

Cả ba người đều quan sát ánh sáng dưới ngọn đồi. Böyle giờ vẫn tiếp tục cháy như thể ngọn đuốc đã được đặt trên một mỏ đất hay một gốc cây. Thỉnh thoảng chùm ánh sáng nhỏ lại chập chờn khi có cái gì đó đi qua. Những âm thanh rì rầm phát ra hầu như liên tục. Không gian ấy yên tĩnh, sự im lặng khó hiểu đó trôi qua ngay trước bình minh. Trong những bãi quây gà vịt, lũ gia cầm sợ hãi đậu túm lại. Ba người quan sát, chờ đợi và lắng nghe. Khi chú chó sotent dưới bậc tam cấp rồi mò tới hít hít vào mẩy ngón chân để trần của ông nội, ông liền đẩy nó đi với sự cău bắn của người bị làm xáo trộn những ý nghĩ lo âu.

"Xéo đi và nambi xuống, Bob. Đi đi, nambi xuống".

Đột nhiên ánh đuốc lịm dần và lại có tiếng bước chân nặng nề của một người đàn ông bước qua đám dương xỉ khô. Những âm thanh ấy vang lên một lúc, tiếng Arthur khá rõ:

"Joe, đừng lo lắng về chuyện đó. Anh đến đây để làm một việc..."

Tất cả mọi ánh mắt đổ dồn vào gã khi gã xuất hiện trên lối nhỏ trong vườn. Gã đang thở dốc, trèo lên tam cấp mà không nói lời nào, ông nội cũng thế, vẫn ngồi yên, chỉ khẽ dịch chân ra khỏi tư thế cũ và đưa tay chặn gã lại.

"Sự thực thế nào, Arthur?"

"Có cái xác ở dưới ruộng thấp, thế thôi".

"Hả!"

Ông nội đứng dậy, nhưng Arthur đã đi qua, tiến về phía cửa bếp. Cô Brady cũng ra khỏi chỗ đó ngay lúc ấy, cô đã mặc áo và chải tóc, đứng trên nương cửa, những ngón tay vỗ nhẹ vào môi.

"Arthur, có phải anh nói..."

"Cô nghe đây. Tôi đã bảo cô là Joe sẽ không gây lộn xộn nếu hắn đi khỏi. Thoát khỏi rắc rối..."

Gã đi vào, họ nghe thấy tiếng leng keng của chuông điện thoại khi gã nháy máy ở cuối hành lang. "Lil, nói D24 cho chúng tôi - nhanh lên! - Phải, rắc rối đấy..."

Ở phía sau, Lance bắt đầu nói gì đó, nhưng ông nội đã ấn nó ngồi xuống bằng một động tác giận dữ.

Cô Brady nhìn hai người đàn ông đầy cầu khẩn. "Thật vậy ư? Joe đã giết ai đó ư?"

"Madge, bây giờ thì đừng có làm mọi việc rối tung lên như thế..."

"Hắn đã - Lạy Chúa!". Hai tay ôm mặt, cô đi đến hành lang và nhìn ra nơi súng nổ. Có một sự chuyển động khe khẽ của khí lạnh, mang theo hơi cỏ khô. Ở phía Đông, bầu trời bắt đầu sáng lên. Chú gà trống đầu tiên cất tiếng gáy. Từ một nơi nào đó gần đây vang lên tiếng quang quác khô khốc ngắn gọn của một con kookaburra<sup>(1)</sup>.

Griffiths đứng ở bên kia bậc tam cấp. Bây giờ hắn đang đứng rất thẳng, hai tay nắm chặt lan can, đầu hắn ngả về phía trước, lông mày nhíu lại trong cái cau mày giận dữ. Ông nội nhìn hắn khó chịu.

Arthur đã kết thúc cuộc nói chuyện qua điện thoại với cảnh sát và tiếp tục nói chuyện với nhân viên điện thoại ở quận. Tất cả mọi người đổ hết ra hiên.

"Tôi đã thấy quá nhiều những thằng chó chết, không phải chỉ để biết. Cái gì? - Đúng, tất nhiên là cô ta thế - tôi cũng thế - Joe cũng thế. Không, Lil, hãy để cho tôi vài ngày nữa, cô biết Joe rõ hơn thế mà! Nghe nào - tôi phải đi. Mọi người đã đến đây, ở phía sau".

<sup>(1)</sup> Tên một loài chim, tiếng kêu chói tai giống tiếng lửa, sống trong các khu rừng ở Úc.

Gã gác máy và lại ra ngoài. Mọi người đều quay ra nhìn gã nhưng gã chỉ nhìn cậu bé.

"Lance, đi xuống đầu cổng. Phải có người ngăn họ lại..."

"Ai, ba? Cảnh sát á?"

"Mày thì cứ nói đến D24 - thôi, đi đi!"

Lance đã ở bậc tam cấp. "Đừng có ra đường đấy! Mày nghe chứ? Chỉ mở cổng và đứng bên cạnh nơi họ sẽ nhìn thấy mày. Mẹ kiếp, chúng đến mới động chứ..."

Lance đi. Arthur kéo mạnh quần lên và rụt đầu xuống cổ áo sơ mi. Mọi người đang nhìn gã nhưng gã chẳng nhìn ai cả. Bộ dạng của gã đầy thách thức.

"Vụ này sẽ làm cho cái lũ con hoang ấy tốn đến già", gã nói. Gã bắt đầu cuốn một điếu xì gà. Cô Brady quan sát gương mặt gã, nhưng ông nội lại nhìn tay gã, đôi bàn tay đang run.

"Arthur, anh có chắc là anh ta đã chết không?" Cô Brady hỏi.

"Cô không biết gì khi trông thấy một cái xác ư? Dẫu sao, bác sĩ Noyes cũng sẽ đến đây ngay thôi. Lil đang gọi điện cho ông ta".

"Joe đang ở lại dưới ấy à?", ông nội hỏi.

"Một trong số chúng ta phải ở đó".

Yên lặng bao trùm, nhưng đó là sự yên lặng khó chịu khiến không ai trong số họ đưa ra ý kiến của mình cả, mọi người sợ nói ra những ý nghĩ sai lầm. Griffiths đã rời lan can và đang ngồi trên cái hộp, tựa vào tường, đựng đầy ống dẫn nước của hắn. Bình minh đang toả chiều. Những cây cối ở gần nhất đang lộ rõ dần. Những tiếng líu lo và xào xạc lớn phát ra từ bụi mận tía và boobyalla. Những con wattle-bird<sup>(1)</sup> đã cất tiếng trong vườn.

---

<sup>(1)</sup> Tên một loài chim không lớn lắm.

Arthur bắt đầu đi lại trên những tấm ván ọp ẹp. Cô Brady nói gì đó với gã, nhưng nhỏ đến nỗi gã khó có thể nghe được.

"Cái gì?"

"Em bảo: trông anh ta thế nào?"

"Cô định nói gì? - trông anh ta thế nào..."

"Có phải anh ta - trẻ?"

"Trẻ - không! Đủ chín chắn để biết điều hẵn làm".

"Joe ở chỗ nào - hẵn tấn công anh ta ở chỗ nào?"

"Hẵn tấn công anh ta ở đâu thì có hề gì? Nay, Madge, cô sẽ làm cho chính mình và tất cả mọi người rối lên đấy". Arthur ngập ngừng và nhìn về phía cô, nhấn mạnh từng từ với điệu bộ giật cục ngắn gọn. "Điều này đã xảy ra hàng tuần, và cô cũng biết rõ như tôi. Joe..."

"Nhưng em không bao giờ nghĩ..."

"Tôi cũng vậy. Joe cũng vậy. Bất kì ai cũng vậy. Chuyện đó vẫn - ôi trời, mẹ kiếp!"

Cô Brady lấy tay che mặt. Arthur quay người lại phía cô vì cău giận, nhưng ông nội đã bước đến, dắt người đàn bà đầy lo âu đi, nhẹ nhàng giục cô đi về phía cửa bếp. "Vào đi, Madge. Đây là việc của đàn ông. Không giúp gì được đâu. Không ai muốn giết người hết, nhưng chuyện đó đã xảy ra. Vào đi. Vào và pha trà cho mọi người. Bố và Brady sẽ giải quyết chuyện này".

Cô đi vào, nhưng không có tiếng ấm chén nào vọng ra chỗ ba người đàn ông ở ngoài hiên cả.

Phải mất một đến hai phút không ai trong số họ nói năng gì cả trong khi ánh sáng đèn của ngôi nhà bắt đầu yếu đi trước bình minh. Rồi đột nhiên, Arthur ném mẩu xì gà của hẵn xuống sàn ván và di gót chân lên.

"Tại sao cái đồ khốn kiếp ấy lại bắt chúng ta lâm vào tình

trạng này cơ chứ! Một thằng đến ăn trộm gia cầm của tôi. Hắn biết tôi ghét điều đó và tôi sẽ làm điều gì đó về chuyện này. Rốt cuộc hắn đã ăn trộm và bị bắt. Tôi phải làm gì bây giờ - ngồi đây mà khóc ư?"

"Có điều là hắn đã bị giết", ông nội nói khẽ khàng.

"Và cái sai lầm chết người ấy thuộc về ai? Con chăng?"

"Tôi đâu có nói đó là lỗi của anh".

"Vậy của Joe ư? Tất cả chúng ta đều đã dính vào và đã thuê Joe..."

"Không, tôi không nói - ta đừng tranh cãi về chuyện đó, Arthur. Chuyện đã dù tệ rồi".

"Bố muốn nói - dù tệ. Con nói đấy là một việt tốt đáng làm. Chúng ta sắp đặt để ngăn việc ăn trộm này lại, và mẹ kiếp, chuyện này đã kết thúc".

"Được rồi", ông nội, không hài lòng, nhưng sợ sẽ kéo dài cuộc cãi cọ xa hơn, đã trở lại chỗ của mình trên lan can. Mặt trời vẫn chưa mọc nhưng bây giờ đã đủ sáng để soi tỏ toàn bộ cảnh vật: một khu vườn nhỏ được chăm sóc qua loa, con đường nhỏ mờ tối chạy qua cổng, dẫn ra nhà ngoài và bãi quây gà vịt, những cây keo lưa thưa, vỏ có thớ, những mảng dương xỉ màu nâu trên bãi cỏ vàng.

"Đây có đúng là nơi thấy chúng không?" Ông nội hỏi sau một hồi yên lặng thận trọng.

Arthur đến đứng cạnh ông và chỉ. "Bố có nhìn thấy những bụi keo trong hàng với những cái cột móng kia không?", gã nói mát.

"Có".

"Qua bên trái - chỗ cây bạch đàn nhựa phân nhánh ở gốc đấy, ngoài đó là địa phận của chúng ta?"

"Đúng".

"Chúng ở gần đó. Nơi nào đó trong những mảng dương xỉ

ấy. Trời còn chưa sáng lắm. Bố sẽ thấy cái đầu Joe ngay thôi. Anh ta đang ngồi đó..."

Ông nội gật đầu. "Bố nghe con nói với Lil là hắn đang chạy", ông nói thận trọng. "Thật thế à?"

"Vâng. Joe để xổng..."

"Anh ta tấn công hắn vào lưng?"

"Đúng. Có một lỗ trên người hắn xuyên lên vai trái".

"Xuyên qua tim. Con biết chuyện này sẽ gây phiền toái chứ, đúng không?"

"Phiền toái. Phiền toái cái gì".

"Pháp luật quy định không được giết người vì người ta ăn trộm một con gà".

"Pháp luật quy định người ta không được ăn trộm gà".

Ông không trả lời điều đó. Ông để một hai giây trôi qua. Rồi, với đôi mắt vẫn dán vào mảng dương xỉ, ông nói buồn bã: "Có thể hắn ta cần nó".

Arthur cười lớn đầy khinh bỉ. "Lạy Chúa, bố tốt quá nhỉ. Còn con thì thế nào? Con không cần chúng chắc? Con là kẻ quái quỷ đang cố nâng số lượng lũ gà lên ư? Bất cứ một thằng con hoang đê tiện nào..."

"Suyt! Anh sẽ để lộ hết với Madge đấy". Ông nội nói lo lắng vì Arthur đang cáu tiết thêm, đỡ lấy tay hắn. "Đó hoàn toàn là một vụ sát hại, Arthur ạ. Bố không có gì phản đối về trách nhiệm của phát súng".

Dù sao, cũng không có ai trong số họ để ý, người đàn bà đã xuất hiện, đang đứng trên lối vào cửa bếp. Cô không nhìn họ, mà nhìn vào cái đầu gục xuống của Griffiths, như thể cô thấy sự cô độc bối rối và khó chịu của hắn.

Lúc ấy Arthur cũng đang nghĩ về hắn và quay sang hắn khuyên khích: "Anh nói gì đi chứ, Griffiths. Anh không cho là gã đó mò mẫm cái gì à?"

Griffiths ngẩng đầu lên, lấy tẩu thuốc ra khỏi miệng và nhìn Arthur chầm chằm. "Nếu một người có tài sản thì anh ta phải bảo vệ nó", hắn nói khẽ khàng.

"Ồ đúng quá! Chính xác như cách hiểu của tôi."

\*

Arthur, hài lòng rằng ý đồ của gã đã được thực hiện, lấy lại vẻ tự nhiên của mình, nhưng tất cả sự chú ý của ông nội vẫn tập trung vào người làm thuê. Ông bắt đầu thở dốc, theo cách thở mà một người già mắc phải trong tình trạng bị kích động tăng dần. Cả người ông run run, đầu ông vươn về phía trước như một con vẹt giận dữ. Ông giơ ngón tay buộc tội - Cô Brady gọi to ông từ ô cửa, nhưng ông không nghe thấy cô.

"Gã con hoang đó đang cười anh đấy!" ông gào lên. Cô Brady và Arthur tiến về phía ông, nhưng ông tránh họ, lách sang bên, người ông cúi rạp khiến tà chiếc áo choàng quét xuống sàn. "Có chuyện gì xảy ra với hắn nào. Hắn chẳng sao cả. Hắn chẳng bao giờ gặp chuyện rắc rối. Hắn không muốn. Hắn sẽ bắn anh. Hắn là một trong những kẻ nguy hiểm trên thế giới". Arthur đã tới chỗ ông, đẩy ông quay trở lại lan can. "Đúng đấy, Arthur. Anh đã không hiểu hắn. Tôi hiểu. Hắn đang cười. Đó là nụ cười trâng tráo, bẩn thỉu. Tôi đã thấy hắn..."

"Chuyện gì đây - dẹp đi, bố - con đã quá đù phiền toái rồi..."

Griffiths đứng lên, khinh khỉnh một cách công khai. "Cứ để ông nỗi giận", hắn nói cộc lốc với cô Brady. "Tôi xin thanh toán bằng séc. Tôi sẽ ăn sáng trên đường".

Arthur nghe thấy điều đó. "Lại có chuyện gì với anh vậy? Tôi đang thu xếp. Và cô đừng có xen vào chuyện này, Madge..."

Bị làm mất mặt với cả đôi bên, cô đứng đó, lặng lẽ nhìn Griffiths khi hắn ta đi một cách quả quyết về phía giường

của mình. Cô thấy hắn lột tấm mền xám cũ kĩ mà hắn đã mang tới, trải ra nền nhà và bắt đầu ném lên đó những thứ linh tinh lặt vặt bao gồm đồ đạc của hắn: cái áo sơ mi rách tiền, đồ lót, một cái áo nịt len rách tả tơi, dôi giày vải bạt đã mòn vẹt, bộ đồ cao ráu.

Bên lan can ông già gần như nức nở.

"Tôi không lừa anh đâu, Arthur ạ. Tôi không lừa ai hết. Đây là một vụ sát hại, hoàn toàn là sát hại. Tôi không bệnh vực gì bọn trộm, nhưng không ai được phép giết người như thế. Người ta thường treo cổ những gã đó chỉ khi chúng lấy đi những gì không phải của chúng. Chúng ta biết gì về hắn? Hắn đang nằm đó - bỏ tay anh ra khỏi mồm tôi! - Tôi biết điều mình đang nói. Khi anh còn bé thì hắn bắn thân tôi đã bị giết hơn một lần rồi. Tôi không bao giờ có gì cả. Tôi vui mừng thấy anh có một ít của cải. Nhưng tôi không muốn trông thấy anh giống như thằng trọc phú - cứ vác một khẩu súng chét tiệt quanh quẩn với những thứ anh kiếm được. Mẹ anh..."

"Ông im đi có được không?"

Cô Brady lao đến chỗ họ, chỉ xuống đường. "Arthur, nhìn kia! Ô tô kia rồi - cảnh sát..."

Họ buông nhau ra. Trong không gian yên lặng bao trùm lên ngôi nhà, chỉ còn tiếng leng keng của cái khoá dây thắt lưng khi người đàn ông làm thuê siết chặt lại gói quần áo của mình. Ánh sáng vẫn toả chiếu rực rõ và một ngày mới lại ngồi lên trên mặt đất bình yên, màu mỡ và trù nặng tự ngàn xưa với con người.

TIM O'BRIEN

(Mí)

## HÀNH TRANG CỦA HỌ

Trung úy Jimmy Cross mang theo những lá thư của một cô gái tên là Martha, sinh viên năm hai của trường Đại học Mount Sebastian ở New Jersey. Đây không phải là những lá thư tình, nhưng Trung úy Cross đang nuôi hy vọng, vì vậy anh cất chúng trong bọc nhựa ở dưới đáy của ba lô. Cứ mỗi buổi chiều, sau một ngày hành quân dài, anh lại đào một hố cá nhân, rửa tay sạch rồi mở bọc ra, cẩn thận dùng mảnh đầu ngón tay để giữ mảnh lá thư, bắt đầu đọc, mơ mộng và tưởng tượng cho đến tối. Anh tưởng tượng những lần cảm trại nên thơ trong vùng Núi Trắng ở tiểu bang New Hampshire. Mỗi khi anh dùng lưỡi liếm mép của nắp một bao thư, biết rằng Martha cũng đã làm vậy. Hơn bất cứ cái gì, anh muốn Mart' a yêu anh cũng như anh yêu nàng, tuy nhiên thư của nàng gửi cho anh thường chỉ để tán gẫu; nàng cố tránh né vấn đề tình cảm. Nàng còn trong trắng, anh gần như chắc chắn là như vậy. Nàng học môn sinh ngữ ở Mount Sebastian, và nàng viết những bức thư tuyệt vời về các giáo sư, bạn chung phòng và những kỳ thi giữa mùa, về sự kính trọng nàng dành cho Chaucer<sup>(1)</sup> cũng như tình

---

<sup>(1)</sup> Nhà thơ cổ điển Anh nổi tiếng.

cảm nàng dành cho Virginia Woof<sup>(1)</sup>. Nàng thường trích vài dòng thơ; nàng không bao giờ để cập đến cuộc chiến và chỉ nhấn nhủ ở cuối thơ, Jimmy, cẩn thận nhé. Các lá thư cân nặng khoảng 300 grams, tất cả đều được ký là *Love*, Martha, nhưng Trung úy Cross hiểu rằng *Love* chỉ là một cách ký tên và không có nghĩa như đôi khi anh tưởng tượng. Khi trời sắp tối, anh cẩn thận cất bó thư vào ba lô. Chầm chậm và hơi mất tập trung anh đứng dậy và đi một vòng để kiểm tra vành đai phòng thủ, rồi khi trời sắp tối anh trở lại hố cá nhân và tự hỏi Martha có còn trong trăng không.

Hành tranh của họ phần lớn tùy thuộc vào nhu cầu. Trong số những nhu cầu, hoặc gần như là nhu cầu, gồm có cây khui đồ hộp P-38, dao bỏ túi, đồng hồ đeo tay, thẻ bài, thuốc chống muỗi, kẹo, kẹo nhai, thuốc lá, muối viên, những gói Kool-Aid<sup>(2)</sup>, bật lửa, diêm quẹt, đồ khâu vá, giấy phát lương, đồ hộp, và hai hay ba bi đồng nước. Gộp chung lại, những thứ này cân nặng chừng 5 đến 10 ký, tùy theo thói quen của mỗi người hay sức tiêu thụ thức ăn. Henry Dobbins, khá to con, còn mang thêm các trái đào đóng hộp trong nước sirô để trải lên mặt bánh ngọt, một món ăn mà hắn đặc biệt ưa thích. Dave Jensen, phụ trách về vệ sinh quân sự, mang theo bàn chải răng, giấy chùi răng, và nhiều cục xà phòng cỡ nhỡ hắn đã ăn cắp trong chuyến nghỉ phép ở thành phố Sydney ở Úc. Ted Lavender, tính nhút nhát, mang theo thuốc an thần cho đến khi hắn bị bắn chết ở phía ngoài một làng ở Thản Khê vào giữa tháng Tư. Do nhu cầu, và cũng vì đây là lệnh, họ đều mang mũ sắt nặng chừng 2 ký rưỡi kể cả lưỡi bọc và lớp mũ nguy trang. Họ mang theo quân phục dã chiến: áo jacket và quần bốn túi. Rất ít người mang theo đồ lót. Dưới chân họ mang giày ống, 1 ký -

<sup>(1)</sup> Nữ văn sĩ Mỹ nổi tiếng.

<sup>(2)</sup> Một loại bột thơm và ngọt để khuấy nước uống.

Dave Jensen mang theo ba đôi tất và một hộp bột rắc chân để đề phòng bệnh tê thấp. Cho đến khi hắn bị bắn, Ted Lavender mang theo chừng 200 grams thuốc phiện thươn<sup>x</sup> hạng, rất cần thiết cho hắn. Mitchell Sander, sĩ quan truyền tin, mang theo bao cao su ngừa thai. Norman Bowker mang theo một cuốn nhật ký. Rat Kiley mang theo mấy cuốn sách tranh hài hước. Kiowa, một con chiên ngoan đạo, mang một cuốn Thánh Kinh mà ba hắn trao cho - ông dạy ở một trường ở thành phố Oklahoma, tiểu bang Oklahoma. Đề phòng lúc nguy hiểm, Kiowa còn mang theo sự ngờ vực của bà nội hắn đối với người da trắng, cái rìu đi săn cũ kỵ của ông nội hắn để lại<sup>(1)</sup>. Nhu cầu quyết định tất cả. Do có nhiều mìn và bẫy treo, mỗi người phải mang một áo giáp chính giữa là một miếng thép, bên ngoài bọc ni lông, nặng chừng 3 ký rưỡi, nhưng trong những ngày nóng bức nó dường như nặng hơn nhiều. Bởi vì bạn có thể chết bất cứ lúc nào, mỗi người mang theo một tấm vải băng lớn hay được nhét trong mũ sắt để dễ lấy ra. Do đêm rất lạnh và mùa mưa ướt át, mỗi người mang theo một miếng bạt nhựa màu xanh lá cây dùng để làm áo mưa hoặc làm lều tạm hay tấm trải. Tấm bạt nặng gần 1 ký, nhưng mỗi phần nhỏ có nó đều đáng giá. Chẳng hạn khi Ted Lavender bị bắn chết, họ dùng tấm bạt của hắn để bọc xác hắn, khiêng qua cánh đồng, và rồi đưa hắn lên chiếc trực thăng di tản.

Người ta gọi họ là những cái chân đi hay là lính đi bộ<sup>(2)</sup>.

Trong bọn họ hầu như ai cũng đem theo các bức ảnh. Trong ví của anh, Trung úy Cross mang 2 tấm ảnh của Martha. Một tấm là hình chụp nhanh ký tên là *Love*, mặc dầu anh dư biết nó không phải vậy. Nàng đứng dựa vào một tảng

<sup>(1)</sup> Kiowa là người Mỹ gốc da đỏ.

<sup>(2)</sup> Nguyên bản tiếng Anh là Grunts, tiếng lóng chỉ lính bộ binh Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

gạch. Mắt nàng có màu xám, vừa phải, môi hơi hé mở khi nàng nhìn chăm chú vào ống kính. Đôi khi vào ban đêm, Trung úy Cross tự hỏi ai đã chụp bức hình đó, vì anh biết là nàng có nhiều bạn trai, vì anh quá yêu nàng, vì anh có thể thấy bóng của người chụp hình trải dài trên bức tường gạch. Tấm ảnh thứ hai được cắt từ sách niên giám năm 1968 trường Đại học Mount Sebastian. Đây là một hình chụp di động - bóng chuyền nữ - Martha khom người ngang với sán đấu, hai tay đưa ra, hai lòng bàn tay chụm lại, lưỡi căng thẳng, vẻ mặt cương quyết. Không thấy mồ hôi. Nàng mặc quần đùi thể thao. Chân nàng, anh ngẫm nghĩ, gần như là chân của một cô gái còn trong trắng, không có lông, nhẵn, gối trái thẳng và chịu hết sức nặng của toàn thân, khoảng dưới 50 ký. Trung úy Cross nhớ có lần mình dụng vào đầu gối trái đó. Anh nhớ lại trong một rạp hát tối den, bộ phim đang chiếu là *Bonnie và Clyde*, lúc đó Martha đang mặc một cái váy đầm và trong phim đang chiếu cảnh cuối cùng, anh sờ vào gối trái nàng, nàng quay đi và nhìn anh với bộ mặt buồn và nghiêm trang tới mức anh phải giật tay lại. Anh luôn nhớ đến cái cảm giác của cái váy, cái đầu gối bên dưới và âm thanh của phát súng giết chết Bonnie và Clyde, tiếng súng thật xấu hổ chàm chàm và tàn bạo. Anh nhớ lúc hôn từ biệt nàng. Đúng lúc đó anh lại nghĩ, lẽ ra anh nên làm một chuyện táo tợn nào đó. Lẽ ra anh đã nên bồng nàng vào phòng, cột chặt nàng vào giường và sờ cái đầu gối đó cả đêm. Lẽ ra anh đã nên liều một phen. Mỗi khi anh nhìn vào mấy tấm ảnh, anh lại nghĩ ra những hành động mới mẻ mà lẽ ra anh đã nên làm.

Hành trang của họ một phần tùy thuộc vào chức vụ, một phần tùy thuộc vào chuyên môn.

Là Trung úy Trung đội trưởng, Jimmy Cross mang một la bàn, bản đồ, sách giải thích kí hiệu quân sự, ống nhòm, và một cây súng Colt 45 nặng chừng một ký rưỡi lúc nào cũng

nạp đạn sẵn sàng. Anh mang một đèn hiệu và cả cái trách nhiệm về những mạng sống của thuộc hạ mình.

Là sĩ quan truyền tin, Michell Sanders mang máy PRC-25, nặng bở hơi tai - 13 ký cùng với bình điện.

Là bác sĩ, Rat Riley mang một túi vải bạt chứa đầy mooc phin, huyết thanh, thuốc sốt rét, băng vải và sách hình hài hước và tất cả những thứ khác mà một bác sĩ phải mang, kể cả kẹo sôcôla phòng khi vết thương quá nặng, tổng cộng các thứ nặng gần 10 ký lô.

Do quá to con nên anh được làm xạ thủ súng máy - Henry Dobbins mang cây đại liên M-60, khi không có đạn thì nó nặng 10 ký; tuy nhiên cây súng gần như luôn luôn được nạp đạn đầy. Ngoài ra, Dobbins mang chừng 5 đến 7 ký đạn quấn quanh ngực và vai.

Đa số họ là lính đi bộ bình thường và mang súng M-16. Súng này nặng 3,7 ký không có đạn, 4 kí khi nạp đầy đạn, mỗi băng đạn chứa 20 viên. tùy thuộc vào nhiều yếu tố như địa hình và tâm lý mỗi cá nhân, họ mang theo chừng 12 đến 20 băng đạn, đựng trong dây đeo, do đó thêm vào chừng từ 4 đến 7 ký nữa. Nếu có, họ còn mang theo đồ chùi súng - cây sắt, bàn chải bằng thép và giẻ lau súng cũng như các ống tube đựng dầu lau chùi - tất cả nặng chừng nửa kí. Một vài người còn mang theo súng phóng lựu M-79, nặng 3 ký khi chưa nạp đạn, một loại súng tương đối nhẹ mặc dầu đạn của nó cũng khá nặng. Một trái đạn nặng 300 grams. Thường thì mỗi người mang được 25 trái. Nhưng Ted Lavender, do quá lo xa, mang 34 trái khi hắn bị bắn chết phía ngoài Tân Khê, và hắn ngã xuống dưới một sức nặng kinh khiếp, hơn 10 ký đạn được cộng với áo jacket và mũ sắt, đồ hộp, nước uống, giấy đi cầu, thuốc an thần và các thứ khác, cộng với nỗi sợ hãi không thể cân đo được. Hắn chết không cục cựa do mang quá nặng. Không nấy người, cũng không lăn qua lăn lại. Kiowa, chứng

kiến mọi việc, nói rằng giống như xem một viên đá rơi hay một bao cát lớn ngã xuống. Chỉ nghe bùm, rồi ngã xuống. Không giống như trong phim. Trong phim, người chết thường quay mây vòng biếu diễn - không giống vậy, Kiowa nói, thằng nhỏ tội nghiệp chỉ lăn dùng ra một cái. Bùm. Ngã xuống. Không có gì khác. Đó là một buổi sáng đầy nắng giữa tháng Tư. Trung úy Cross thấy thầm thía nỗi đau. Anh tự trách mình. Họ gõ các bi đồng nước và đạn của Lavender, tất cả các vật nặng, và Rat Kiley nói lên điều hiển nhiên, nó chết rồi, và Mitchel Sanders dùng máy truyền tin để báo cáo một lính Mỹ bị chết trong khi thi hành nhiệm vụ và gọi trực thăng. Rồi họ bọc Lavender trong tấm bạt của hắn. Họ khiêng hắn ra một cánh đồng khô, thành lập hàng rào bảo vệ, và ngồi hút hết cần sa của hắn cho đến khi trực thăng đến. Trung úy Cross rất im lặng. Anh tưởng tượng nét mặt trẻ trung và êm ái của Martha và nghĩ rằng anh yêu nàng hơn bất cứ cái gì trên đời này, hơn cả thuộc cấp của mình, và giờ đây Ted Lavender đã chết. Khi trực thăng đến, họ đưa xác Lavender lên máy bay. Sau đó họ đốt Tân Khê. Họ hành quân tối, rồi đào hố cá nhân, và đêm đó Kiowa cứ nói mãi, tụi mày phải chứng kiến mới biết, xảy ra nhanh lắm, thằng nhỏ tội nghiệp ngã xuống như một bao ximăng. Bùm, ngã xuống, như ximăng.

Ngoại trừ ba loại vũ khí tiêu chuẩn, M-60, M-16 và M-79, họ mang theo bất cứ loại súng gì tìm thấy, hay bất cứ vật gì thích hợp cho việc giết người hay để tự vệ. tùy lúc, tùy hoàn cảnh, họ mang M-14, AR-15 và súng K Thuỵ Điển, ống bơm mõi. Chi-Com RPC, cácbìn Simonov, súng trường, ống hâm thanh, lưỡi lê và chất nổ bằng chất dẻo C-4. Lee Shrank mang một cái ná, loại vũ khí khi không còn gì khác, anh ta gọi nó như vậy. Mitchell Sanders mang quả đấm sắt. Kiowa mang theo cái rìu có gân lông chim của bố hắn để lại. Trong mỗi nhóm 3 hay 4 người, có một người sẽ mang theo mình

Claymore - nặng 1,7 ký với ngòi nổ. Tất cả đều mang lựu đạn - mỗi quả nặng chừng 400 grams. Mỗi người đều mang ít nhất một quả lựu đạn khói M-18 nặng chừng nửa ký. Vài người mang lựu đạn cay. Có người mang lựu đạn phốt pho trắng. Họ mang tất cả những gì mang được, thêm thứ này thứ kia, kể cả sự thán phục thâm lặng cái sức mạnh kinh khủng của vũ khí mà họ mang theo.

Trong tuần lễ đầu tiên của tháng Tư trước khi Lavender chết, Trung úy Jimmy Cross nhận một món quà lấy hên từ Martha. Một viên sỏi đơn thuần, nặng không quá 30 grams, phẳng lì, hòn sỏi có màu trắng sữa với những đốm màu cam và tím, nó có hình bầu dục giống như một cái trứng gà non nhỏ. Trong lá thư kèm theo, Martha viết rằng cô nhặt được viên sỏi ở bờ biển Jersey, đúng ngay nơi biển tiếp giáp với đất liền lúc thủy triều lên, nơi mà mọi thứ gần nhau nhưng cũng xa nhau. Nàng viết rằng chính cái xa mà gần này đã thúc giục nàng nhặt viên sỏi lên, cất trong túi áo trước ngực nhiều ngày rồi gửi nó qua đường hàng không để biểu lộ cái cảm giác thật sự của nàng đối với anh. Trung úy Cross thấy điều này lanh man lắm. Nhưng anh tự hỏi, cảm giác thật sự của nàng là gì, và nàng muốn nói gì khi nàng dùng chữ *xa mà gần*. Anh tự hỏi làm sao mà các đợt thủy triều và những con sóng đã tham gia vào mọi việc ở buổi chiều đó dọc theo bờ biển Jersey khi Martha nhặt được viên sỏi. Anh tưởng tượng đôi bàn chân trần của cô. Martha là một nhà thơ, với những nhạy cảm của một nhà thơ, và đôi chân của cô trần và có màu nâu, móng chân không sơn, đôi mắt lạnh và u sầu như mặt biển tháng ba, và mặc dù cảm thấy đau đớn, anh tự hỏi buổi chiều đó cô đang đi với ai. Anh tưởng tượng hai cái bóng đi dọc theo những dải cát và sênh nhập làm một, mặc dầu chúng vẫn riêng biệt. Đây chỉ là sự ghen bóng ghen gió, qua những ngày nóng bức của đầu tháng Tư, anh ngậm viên sỏi trong miệng, dùng

lưỡi quay tròn nòi, nếm mùi muối biển và hơi nước. Tâm trí anh đì lang thang. Anh thấy khó tập trung vào cuộc chiến trước mặt. Thỉnh thoảng anh la hét các thuộc hạ bởi họ nói rỗng khoảng cách di hành, phải cảnh giác tối da, nhưng rồi anh lại rơi trở vào những giấc mơ, tưởng tượng mình đang đi bộ chân trần dọc theo bờ biển Jersey với Martha, không mang theo thứ gì cả.

Hành trang của họ còn tùy thuộc vào nhiệm vụ.

Khi phải đi lên vùng rừng núi, họ mang mùng, diêm quẹt, vải dâu và kem chống côn trùng.

Nếu là nhiệm vụ hiểm nghèo, hay nếu nó đòi hỏi đi đến một nơi nguy hiểm, họ mang tất cả mọi thứ có thể mang được. Ở những nơi đầy đặc mìn cát và bom bi, họ thay phiên nhau mang máy do mìn, nặng 14 ký. Với hai tai nghe và dĩa dò thật lớn, máy deo rất nặng trên lưng và vai rất khó xoay sở, thường thì nó chẳng có tích sự gì vì có quá nhiều các mảnh đạn ở dưới đất, nhưng họ cũng mang máy theo, phần để được an toàn, phần vì để có cái cảm giác được an toàn.

Khi đi phục kích, hay trong những chuyến hành quân ban đêm, họ mang những món lặt vặt nho nhỏ. Kiowa luôn mang theo cuốn *Thánh Kinh* và một đôi giày để mềm để đi cho im lặng. Dave Jensen mang thuốc bổ mắt có nhiều chất carotine. Lee Strunk mang theo cái ná, đạn dược, hǎn nói, không cần phải lo. Rat Kiley mang rượu và kẹo sôcôla. Cho đến khi chết, Ted Lavender mang theo cây đèn hiệu nặng 3 ký đựng trong chiếc hộp nhôm. Henry Dobbins mang pantyhose<sup>(1)</sup> của bạn gái hǎn, cột lủng lẳng trên cổ để làm một niềm an ủi. Tất cả đều mang theo những bóng ma. Tối đến, họ đi thành từng hàng qua những bãi cỏ và cánh đồng để đến mục tiêu, ở đó họ im lặng gài mìn Claymore, nằm và chờ đợi cả đêm.

<sup>(1)</sup> Một loại quần thuần của phụ nữ, mặc lót bên trong, dài tới chán, rất mỏng.

Các nhiệm vụ khác thường phức tạp hơn và đòi hỏi dụng cụ đặc biệt. Vào giữa tháng Tư, họ có nhiệm vụ lùng sục và phá huỷ hệ thống đường hầm chằng chịt trong vùng về phía Nam căn cứ Chu Lai. Để làm nổ tung các đường hầm, họ mang nhiều khối thuốc nổ nặng nửa ký, mỗi người 4 khối, tất cả là 34 ký. Họ mang dây, ngòi nổ. Dave Jensen mang theo đồ bịt lỗ tai. Thông thường, trước khi giật ngòi nổ đường hầm họ phải lục soát nó theo lệnh của cấp trên. Điều này chẳng hay ho gì, nhưng họ vẫn phải tuân theo. Vì anh quá to con, Henry Dobbins được miễn nhiệm vụ này. Những người còn lại sẽ bốc thăm. Trước khi Lavender chết thì trung đội có 17 người, và ai rút trúng số 17 sẽ bỏ hết đồ đặc xuống, bò vào hầm mang theo một cây đèn pin và cây súng lục Colt 45 của Trung úy Cross. Những người còn lại sẽ dàn ra để giữ an toàn. Họ ngồi, hoặc quỳ gối, mặt quay ra phía ngoài, lắng nghe lòng đất phía dưới, tưởng tượng các mạng nhện, bóng ma, bất cứ cái gì bên dưới - các bức tường của đường hầm từ từ khép lại - cây đèn bấm đường như nặng vô tả trong tay và tầm nhìn trong hầm bị dồn ép lại từ mọi hướng; mọi khía cạnh, kể cả thời gian; mình phải trườn vào như một con rắn - mông đít và cùi chỏ - cảm giác ngập thở, lõi như đèn bấm bị hỏng? Chuột có mang bệnh dại không? Nếu mình la lên, âm thanh sẽ đi bao xa? Các bạn ở phía trên có nghe không? Họ có đủ can đảm để kéo mình lên không? Trong một khía cạnh nào đó, sự chờ đợi còn khủng khiếp hơn là chính cái đường hầm. Sự tưởng tượng rất nguy hiểm.

Ngày 16 tháng Tư, khi Lee Strunk rút thăm số 17, hắn cưỡi liasm bấm một câu rồi nhanh chóng leo xuống. Buổi sáng rất nóng và yên tĩnh. Điểm chặng lành, Kiowa nói. Hắn nhìn vào cửa hầm rồi hướng mắt về một cánh đồng khô phia làng Tân Khê. Cảnh vật yên tĩnh. Không một gợn mây. Không một con chim hay một bóng người. Trong khi chờ đợi, họ hút thuốc

và uống nước Kool-Aid, không ai nói nhiều, họ vừa thấy thông cảm cho Lee Strunk vừa thấy mình may mắn. May thắng một ít, thua một ít, và đôi khi phải sắp hàng chờ đợi, Mitchell Sanders nói. Trong đám lính mệt mỏi không ai cười.

Henry Dobbins ăn một thỏi sôcôla. Ted Lavender uống một viên thuốc an thần và tách ra đi tiểu.

Năm phút trôi qua, Trung úy Jimmy Cross bước về phía cửa hầm, nghiêng người xuống xem xét. Không xong rồi, anh nghĩ - chắc là bị sập. Bỗng nhiên, một cách vô ý thức, tư tưởng anh lại hướng về Martha. Sức nặng và các kẽ nứt, sự sụp đổ thật nhanh, hai người bị chôn sống dưới tất cả sức nặng của đường hầm. Tình yêu mạnh và dày đặc như những khói đất của đường hầm. Anh quỳ gối nhìn vào bên trong, cố gắng tập trung vào Lee Strunk và cuộc chiến, vào tất cả sự nguy hiểm, nhưng tình yêu của anh mạnh mẽ quá, anh thấy bị tê liệt, anh muốn ngủ vùi trong buồng phổi của nàng, thở bằng máu nàng, ngập thở. Anh muốn nàng còn trong trắng, và không còn trong trắng, cả hai. Anh muốn biết rõ ràng. Những bí mật riêng tư. Sao lại làm thơ? Sao buồn như vậy? Không phải cô đơn, chỉ là cô độc thôi - cưỡi xe đạp vòng quanh trường hoặc ngồi một mình trong quán cà phê - ngay cả khiêu vũ một mình - và chính sự cô độc này làm anh yêu nàng vô cùng. Anh nhớ lại có một buổi chiều anh đã nói với nàng như vậy. Nàng gật đầu và nhìn đi chỗ khác. Và sau đó khi anh hôn nàng, nàng nhận nhưng không hôn lại, mắt nàng mở to, không e thẹn, không phải mắt của một cô gái còn trong trắng; đôi mắt hờ hững, bình thường.

Trung úy Cross nhìn trừng trừng vào đường hầm. Nhưng đầu óc anh không có ở đó. Anh đang bị chôn sống cùng với Martha dưới lớp cát trắng ở bờ biển Jersey. Họ nằm sát nhau, và viên sỏi trong miệng anh là lưỡi của nàng. Anh dang mím cười. Anh ý thức một cách mơ hồ về buổi sáng quá mức yên

tĩnh và những cánh đồng ảm đạm, tuy thế anh không thể nào hướng đầu óc vào những vấn đề an toàn. Đầu óc anh đã đi quá xa. Anh chỉ là một gã thanh niên mới lớn, đang yêu. Anh mới có 24 tuổi. Anh không thể làm khác được.

Một lát sau, Lee Strunk bò ra khỏi đường hầm. Hắn nhăn mặt, người dơ dáy nhưng còn sống. Trung úy Cross gật đầu và nháu nghiền mắt lại trong khi cả toán vỗ lưng Strunk, đùa cợt rằng hắn đã thoát khỏi tay tử thần.

Đồ mẩy con trùn mới bò ra khỏi nhà mồ, Rat Riley nói. Mày là cái xác quý quái mới sống lại.

Cả đám cười. Họ đều thấy nhẹ hẵn người.

Thành phố ma, Mitchell Sanders nói.

Lee Strunk phát ra một âm thanh ma quái nghe thật buồn cười, một tiếng rên rỉ nhưng nghe rất vui, và đúng lúc đó, khi Strunk kêu lên như vậy, bỗng hắn thốt lên, *ői trời*, ngay khi Ted Lavender bị bắn một phát vào đầu trên đường đi tiểu về. Hắn nambi miệng há hốc. Hầm rồng bị gãy. Phía dưới mặt trái bầm đen, sưng húp lên. Xương má gãy nát. Mẹ nó, Rat Riley nói, nó chết rồi. Nó chết rồi, hắn cứ lẩm bẩm. Nó chết rồi, thật đấy.

Hành trang của họ, ở một mức độ nào đó, còn tùy thuộc vào sự mê tín. Trung úy Cross đem theo viên sỏi may mắn. Dave Jensen đem theo cái chân thỏ. Norman Bowker, bình thường rất hoà nhã, mang theo một ngón tay cái mà Mitchell Sanders đã cho hắn.

Họ mang theo dụng cụ văn phòng, viết mực, viết chì. Họ mang đèn chiếu sáng, những cuộn dây thép, dao cạo râu, thuốc lá nhai, hương nén, tượng Phật nhỏ xíu, đèn cầy, bút chì mờ, tờ báo *The Stars and Stripes*<sup>(1)</sup>, đồ cắt móng tay, truyền đơn, mũ mềm nguy trang và nhiều thứ khác nữa. Một

<sup>(1)</sup> Những ngôi sao và những kẻ sọc, biểu trưng của lá cờ Mỹ.

tuần hai lần, khi máy chiếc trực thăng chở tiếp liệu đến, chúng đem theo thức ăn nóng trong các thùng màu xanh và bao vải bố lớn đầy bia ướp lạnh và sôđa. Chúng mang các thùng nhựa chứa nước, mỗi thùng chứa chừng 8 lít. Mitchell Sanders mang một bộ đồng phục dã chiến ủi hồ để mặc trong những dịp đặc biệt. Henry Dobbins mang thuốc diệt côn trùng Black Flag. Dave Jensen mang bao cát, để nhồi cát và giúp phòng thủ vào ban đêm. Lee Strunk mang kem thoa làm đậm da. Có thứ họ cùng nhau mang. Họ thay phiên nhau mang chiếc máy phát sóng PRC-77, nặng 15 ký có bình điện. Họ cùng mang sức nặng của ký ức. Họ thường nâng đỡ nhau, người bị thương hay kẻ yếu đuối. Họ mang sự nhiễm trùng. Họ mang bàn cờ tướng, banh bóng rổ, tự diễn Việt Anh, phù hiệu cấp bậc, huy chương, thẻ nhựa có in *Tác Phong Quân Đội*. Họ mang các chứng bệnh, gồm cả sốt rét và kiết ly. Họ mang cháy rận, sán lăi, đỉa, rong rêu từ các cánh đồng, sự thối rữa, mốc meo. Họ mang chính mảnh đất này, một loại đất bụi màu cam phủ đầy giầy ống, quân phục và mặt mũi họ. Họ mang cả bầu trời. Cả bầu không khí, họ mang theo cái ẩm ướt của mùa mưa sinh lầy, mùi hôi của cây nấm và sự mục nát, tất cả các thứ đó, họ mang sức hút của quả đất. Họ di chuyển như những con lửa. Ban ngày họ bị bắn tỉa, ban đêm họ bị pháo kích, nhưng vấn đề không phải là những cuộc chạm trán, mà là những cuộc hành quân dài vô tận, làng này qua làng khác không mục đích rõ ràng, không thăng cung không thua. Họ đi hành quân chỉ để mà đi hành quân. Họ lê từng bước, chàm chậm, câm lặng, thân người chui về phía trước trong cái nắng cháy bỏng, không cần suy nghĩ, tất cả xương máu, những người lính đi bộ bình thường đang đánh giặc bằng đôi chân, nặng nhọc lên đôi xuống dốc đến những cánh đồng rồi ~~Đuyên~~ qua những con sông và rồi lại lên, xuống, chỉ đi, đi mãi, nhưng họ không hề nản lòng, bởi vì

điều này đã trở nên tự động, trở nên thuần tuý thể xác, không cảm giác, không suy nghĩ, và cuộc chiến đối với họ chỉ là vấn đề đi, đứng và mang theo hành trang, một sự ù lì, trống trải, thiếu vắng những ước muôn, tư duy, lương tâm, hy vọng hay xúc cảm của con người. Nguyên tắc chiến đấu là ở bắp chân của họ. Sự suy tính chỉ thuần tuý về thể xác. Họ không biết đến chiến thuật hay nhiệm vụ gì. Họ lùng sục các ngôi làng không biết để tìm cái gì, chẳng cần biết gì hết, họ đã ngả những chĩnh gạo, lục soát con nít và người già, làm nổ tung các đường hầm, đôi khi đốt nhà, đôi khi không đốt, rồi lại tập hợp thành hàng, đi qua làng kế cận, những làng khác nữa, và cứ thế mọi việc lại tiếp diễn. Họ mang chính sinh mạng của mình. Những áp lực thật kinh kiếp. Trong cái nắng giữa trưa, họ lột mũ, cởi áo ngoài, đi chân trần tuy có nguy hiểm nhưng nó làm đỡ bớt căng thẳng. Họ thường vứt bỏ đồ đạc trên đường đi. Chỉ để thoải mái hơn, họ ném bỏ đồ hộp, cả mìn Claymore và lựu đạn, không thành vấn đề, vì họ biết khi đêm đến máy bay tiếp liệu sẽ tới và lại cung cấp thức ăn, rồi một hay hai ngày sau sẽ có đưa hấu mát lạnh, hàng đống đạn dược, kính mát và áo len - hàng tiếp liệu nhiều vô kể - pháo bông để đốt vào dịp lễ Độc Lập, trưng nhuộm màu cho lễ Phục Sinh - đây là cả một ngân quỹ chiến tranh vĩ đại của nước Mỹ - sản phẩm của khoa học; những ống khói tàu thủy, đồ hộp, kho vũ khí ở Hartford, gỗ từ các khu rừng ở Minnesota, những xưởng máy, những cánh đồng bắp và lúa mì bát ngát - họ mang đến như những chuyến tàu lửa chở hàng; họ mang trên lưng và trên vai - và lẩn trong những sự bí ẩn của xứ sở Việt Nam, những bí mật và những điều chưa biết, ít nhất họ cũng biết chắc một điều, đó là họ luôn luôn có vật dụng để mang theo.

Sau khi trực thăng đưa xác của Lavender đi, Trung úy Jimmy Cross dẫn lính vào làng Tân Khê. Họ đốt tất cả mọi

thứ. Họ bắn gà, giết chó, phá tan ngôi làng, gọi pháo binh nã vào làng và nhìn nó bị đổ sập; và rồi họ lại tiếp tục hành quân nhiều giờ nữa trong cái nắng của buổi xế trưa. Tối đến, trong khi Kiowa diễn đạt cái chết của Lavender, Trung úy Cross thấy mình xúc động mạnh mẽ.

Anh cố kìm lại để khỏi khóc. Dùng cái xéng đào hầm, nặng 2 ký rưỡi, anh bắt đầu đào một hố cá nhân.

Anh thấy xấu hổ. Anh ghét bản thân mình. Anh đã thương Martha hơn các đồng đội của mình. Kết quả là Lavender đã chết, và vết thương này anh phải mang theo như một viên đá trong lòng từ nay về sau.

Anh không biết làm gì khác, chỉ đào. Anh dùng xéng như một cái rìu, chém, chặt, cảm thấy vừa yêu vừa hận, và khi trời sập tối, anh ngồi dưới hố và khóc thật lâu. Anh khóc một phần vì Lavender, nhưng phần lớn là anh khóc cho Martha và cho bản thân mình, bởi vì nàng thuộc về một thế giới khác, không hiện hữu, cũng bởi vì nàng là một sinh viên năm hai trường Mount Sebastian ở New Jersey, một thi sĩ, một cô gái còn trong trắng và cô độc, cũng vì cô ta đã không yêu anh và sẽ không bao giờ yêu anh.

Giống như một cục ximăng, Kiowa nói thầm trong bóng tối. Tao thề trước Chúa - Bùm, ngã xuống. Chẳng nói được lời nào.

Tao nghe rồi, Norman Bowker nói.

Nó đang đi tiểu, mà biết không? Vẫn còn đang kéo dây kéo lên. Bị bắn gục trong khi đang kéo dây kéo.

Được rồi. Đủ rồi.

Vâng, nhưng mà phải thấy mới biết, nó chỉ vừa mới...

Tao nghe rồi, thằng kia. Ximăng. Sao mà không câm họng lại.

Kiowa lắc đầu buồn bã và liếc về phía hố cá nhân của Trung úy Jimmy Cross. Không khí đặc sệt và ẩm. Một lớp

sương mù dày và âm ám phủ trùm các cánh đồng. Sự yên tĩnh báo hiệu trời sắp chuyển mưa.

Một lát sau Kiowa lại thở dài.

Có một điều đáng nói, hắn nói. Trung úy đau lắm. Ý tao nói, coi ổng kìa - không phải ổng giả bộ đau, đau thiệt đó. Ổng thật sự quan tâm đó..

Chắc chắn rồi, Norman Bowker nói.

Mày nói sao cũng được, ổng thật sự quan tâm.

Chúng ta ai cũng có vấn đề cả.

Nhưng Lavender thì không.

Không, chắc là không, Bowker nói. Giúp tao một chuyện được không?

Câm miệng lại?

Thằng Da Đỏ thông minh. Câm miệng lại.

Kiowa nhún vai và cởi giày ra. Hắn muốn tiếp tục nói, chỉ để ngủ ngon hơn, nhưng hắn lại mở *Kinh Thánh* ra và dùng làm đồ gối đầu. Lớp sương mù làm cho mọi thứ trở nên rực và trống rỗng. Hắn cố không nghĩ đến Lavender, nhưng hắn lại nghĩ đến cái chết, xảy ra thật nhanh, không một chút kịch tính, ngã xuống và chết. Hắn không hiểu tại sao mình không thấy cảm xúc gì, ngoại trừ chỉ hơi ngạc nhiên. Vô lương tâm quá. Hắn mong là mình thấy buồn, hay giận, nhưng hắn hoàn toàn không có cảm giác gì. Phần lớn hắn chỉ thấy mình may mắn được còn sống. Hắn thấy ưa cái mùi của cuốn *Kinh Thánh* dưới má, mùi da thuộc, mực, giấy và mùi keo, bất cứ chất hóa học gì. Hắn muốn lắng nghe màn đêm. Cơn mệt mỏi dường như cũng biến mất. Các thớ thịt cứng nhắc và cảm giác nhói đau trong thân thể, tất cả đều trở thành một cảm giác thoái mái. Hắn đang tận hưởng sự sống sót. Nằm tràn trẹo, Kiowa thấy phục Trung úy và khả năng thương tiếc của anh ta. Hắn muốn chia sẻ nỗi đau đơn của anh ta, hắn muốn quan

tâm như Trung úy Cross quan tâm. Mặc dầu vậy, khi nhắm mắt lại hắn chỉ thấy bùm - ngã xuống, và hắn chỉ thấy sự khoẻ khoắn nhẹ nhàng với đôi giày đã được lột ra và màn sương xung quanh, mùi đất ẩm ướt, mùi thơm của cuốn *Kinh Thánh* cộng với sự dễ chịu êm á của ban đêm.

Một lát sau, Norman Bowker ngồi dậy trong bóng tối.

Không sao, hắn nói. Mày muốn nói. Vậy thì *nói đi*. Nói với tao.

Không nói nữa.

Nói đi, nói đi. Có một thứ tao ghét nhất, đó là một thằng Da Đỏ bị câm.

Thông thường thì họ rất bình tĩnh và có phong cách. Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có những lúc hãi hùng và khi đó họ la hét hoặc muốn la hét nhưng không được, những lúc mà họ co rút lại, rên rỉ che đầu bịt tai lại và cầu Chúa che chở, quay vòng trên mặt đất và bắn loạn xạ, co rúm lại, khóc nức nở và lạy trời cho mọi việc chấm dứt, rồi nổi điên và hứa trăng hứa cuội với bản thân, với Chúa Trời, với ba mẹ, hy vọng là sẽ được sống. Dưới nhiều hình thức khác nhau, mỗi người đều trải qua những cơn như vậy. Sau đó, khi tiếng súng chấm dứt, họ mở mắt ra và len lén nhìn lên, sờ soạng khắp người, cảm thấy xấu hổ và nhanh chóng giả vờ bình tĩnh. Họ cố gắng đứng lên. Giống như trong phim quay chậm, từng bức hình một, thế giới hiện ra theo một logic cũ rích - im lặng tuyệt đối, rồi nghe tiếng gió, rồi xuất hiện ánh nắng mặt trời, và nghe có tiếng người. Đó là gánh nặng của sự sống sót. Vụng về, họ tự động chấn chỉnh lại, từng người một, và rồi từng nhóm, trở lại là những người lính. Họ lau nước mắt. Họ kiểm tra thiệt hại, gọi trực thăng di tản, đốt thuốc lá hút, cố gắng cười, khạc nhổ nước miếng và bắt đầu lau dọn súng ống. Một lát sau, có người sẽ lắc đầu và nói: Nói thật, lúc nãy tao sợ muốn ỉa trong quần đó tụi bay, và một thằng sẽ cười to lên, ý nói là, đúng rồi, dễ sợ

quá, nhưng rõ ràng nó không có ỉa trong quần, vậy nó cũng không sợ lấm, và nếu có đứa nào làm vậy thì cứ việc thú nhận. Họ sẽ nhường mắt nhìn vào ánh mặt trời chói chang đậm đặc. Có lẽ họ sẽ im lặng vài phút, đốt một điếu cần sa và theo dõi nó được chuyên từ bàn tay này qua bàn tay khác, hít sâu vào, đè nén sự nhục nhã. Để sự thật, một người có thể thốt lên. Nhưng sẽ có người nhường mày lên và nói, ăn thua gì, tao sém bể đít, sém.

Có rất nhiều màn kịch như vậy. Có người thì khoác lên một bộ mặt đăm chiêu, có kẻ thì khoác lên bộ mặt hanh diện kỉ luật của một người lính, kẻ thì giả vờ cười cười nói nói, kẻ thì trở nên hung hăng táo tợn. Tất cả đều sợ chết nhưng không ai muốn cho người khác biết là mình như vậy.

Họ cố gắng kể chuyện tiểu lâm.

Họ dùng những từ ngữ dữ dội để che lấp sự mềm yếu của họ. Những chữ *Bị đắn rồi, bị đốt rồi, bị thịt khi đang kéo dây kéo*. Không phải là họ vô tình hay ác độc với người chết. Họ chỉ muốn đóng kịch thôi. Họ là những diễn viên. Khi có người chết, theo họ, đó không phải là chết thật sự, bởi vì lạ lùng thay hình như mọi việc đã được sắp sẵn như một vở kịch và họ đã thuộc lòng phần lớn kịch bản, trong đó có những điều nghịch lý lẩn sự thương tâm, và bởi vì họ đặt nhiều tên khác nhau cho cái chết, như thể muốn huỷ bỏ sự hiện hữu của nó. Họ đá vào xác chết. Họ cắt ngón tay của xác chết. Họ dùng tiếng lóng. Họ tán gẫu về gói thuốc an thần dự trữ của Ted Lavender và làm sao mà nó không cảm thấy đau đớn gì; hấn chết bình yên làm sao.

Bài học đó tại bay, Mitchell Sanders nói.

Trong khi chờ đợi trực thăng đến chở xác Lavender đi, họ hút cần sa của người đồng đội đã chết. Bài học đã rõ ràng rồi, Sanders nói, nháy mắt. Tránh xa cần sa. Thật đấy, coi chừng có ngày.

Nghe hay lăm, Henry Dobbins nói.

Nó phá hư cái đầu mày hiểu chưa? Chẳng còn gì trong đầu hết. Chỉ còn máu và bộ não.

Họ cố cười to lên.

Lại nữa rồi, họ sẽ nói. Nhắc đi nhắc lại - nữa rồi, anh bạn, tới nữa rồi - như thể cái việc lặp đi lặp lại này là có thể giúp họ biểu hiện một tinh thần vững chãi, một sự thăng bằng giữa cái diên dại và không diên dại, biết mà không làm gì được, lại nữa rồi, có nghĩa là cứ tỉnh bơ mặc cho mọi việc xảy ra, bởi vì bạn ạ, ta không thể thay đổi cái không thể thay đổi, tới nữa rồi, tuyệt đối và chắc chắn rồi.

Họ là những người lính có sức chịu đựng.

Họ mang nặng những cảm xúc của những người có thể chết bất cứ lúc nào. Những sự buồn rầu, sợ hãi, những nỗi ao ước và cả tình yêu - những thứ này xem ra rất mơ hồ nhưng chúng lại có sức nặng, một sức nặng rõ ràng. Họ mang những kỷ niệm đáng xấu hổ? Họ còn mang cái bí mật của sự nhút nhát thấy rõ, cái linh tính mà cứ thúc giục họ bỏ chạy hay trốn thoát, vì nhìn từ nhiều khía cạnh, đây là cái gánh nặng to lớn nhất mà họ phải mang, bởi vì họ không bao giờ đặt nó xuống được; để làm được điều này đòi hỏi sự cân bằng tuyệt đối và một tư thế rất hoàn hảo. Họ mang theo sĩ diện của họ. Họ mang nỗi sợ to lớn nhất của người lính, đó là nỗi sợ nhục nhã. Lính giết người, rồi lính chết, bởi vì nếu không như vậy thì quá nhục. Đó là tại sao họ bị dính dáng vào cuộc chiến này. Không có gì chắc chắn, không phải là những ước mơ cao xa để được danh dự to lớn gì, tất cả chỉ để khỏi bị xấu hổ. Họ chết để khỏi phải chết vì nhục. Họ bò vào những đường hầm, băng qua các chốt chấn và xung phong trong lửa đạn. Mỗi buổi sáng, mặc dầu chẳng biết ngày hôm nay sẽ ra sao, họ vẫn bắt đôi chân phải lê bước. Họ chịu đựng. Họ tiếp tục mang hành trang. Họ không khuất phục và chọn một con đường khác, ví

dụ như chỉ cần nhắm mắt lại và ngã xuống. Dẽ lấm, thật đấy. Giả bộ cà nhắc và vấp ngã xuống đất, mềm người ra, im lặng và đừng nhúc nhích cho đến khi bạn đồng đội đến đỡ lên, đưa lên trực thăng di tản và trở về với đời sống. Chỉ là một vấn đề ngã xuống, tuy nhiên đã chẳng có ai ngã như vậy. Nói cho chính xác, cũng chẳng phải là họ can đảm gì, mục tiêu không phải là làm anh hùng. Đơn giản là họ quá sợ mình sẽ trở thành những thằng lính hèn nhát.

Một cách chung chung, họ mang những thứ đó trong lòng, cố gắng giữ một bộ mặt điềm tĩnh. Họ chê bai, mỉa mai những thằng hay cáo bệnh. Họ cay đắng nói về những thằng tìm cách giải ngũ bằng cách bắn ngón chân hay ngón tay. Đồ hèn, họ chửi. Đồ thỏ đế. Họ chế giễu dùng những lời cay độc tuy chúng chỉ chứa đựng chút ganh tị hay ngạc nhiên. Tuy thế, trong mắt họ, họ vẫn mường tượng được mọi việc.

Họ tưởng tượng thấy đầu súng lạnh dí vào làn da. Dẽ ợt, chỉ cần bấm cò và bắn đứt một ngón. Họ tưởng tượng. Họ tưởng tượng sự đau đớn đến thật nhanh nhưng ngọt ngào, chuyển di tản qua Nhật, rồi chiếc giường, ấm áp trong một bệnh viện và mấy cô y tá khéo khỉnh.

Và họ mơ về những cánh chim tự do.

Ban đêm, trong phiền gác, nhìn trừng trừng vào bóng đêm, họ được máy bay đến đưa đi. Họ cảm thấy được không khí ào ạt lúc máy bay cất cánh. *Thoát rồi!* Họ la lên. Và rồi máy bay bay đi - cánh và động cơ - một cô chiêu đãi đang mỉm cười - nhưng đây không chỉ là một chiếc máy bay, mà nó thật sự là một con chim, một con chim bằng bạc bóng mượt với đầy đủ lông cánh và móng vuốt đang rít lên chói tai. Họ đang bay bổng. Tất cả mọi gánh nặng đã được cất đi; không có gì để mang. Họ cười và nắm chặt thành ghế, cảm thấy được tiếng vỗ của gió lạnh trên tầng không khí, bay bổng, họ nghĩ trong đầu *Hết chuyện rồi, mình thoát rồi?* - Họ trần truồng, nhẹ như bông

và tự do - tất cả là sự nhẹ nhõm, sáng trưng, nhanh chóng và lâng lâng, nhẹ như ánh sáng, một cảm giác khoan khoái trong đầu, một sự bùng vỡ đến xẩy xẩm trong buồng phổi khi họ bay vút lên trên, qua khỏi các tầng mây và cuộc chiến bên dưới, bỏ xa mọi trách nhiệm và nhiệm vụ, sức hút của trái đất, những sự nhục nhã và những dính dáng toàn cầu<sup>(1)</sup>. - *Xin lỗi*, họ la lên bằng tiếng Việt. *Xin lỗi nhé, mấy thằng quỷ kia, nhưng ở đây hết chuyện của tao rồi, đã qua, tao đi du hành không gian đây, tao đi đây!*! - và đó là một cảm giác vô cùng thoả mái, tự do hoàn toàn, cưỡi lên trên những con sóng của ánh sáng, lèo lái con chim tự do khồng lồ bằng bạc, vượt lên trên núi và biển cả, nước Mỹ, các nông trại, những thành phố vĩ đại đang yên ngủ, những nghĩa địa, các con đường cao tốc và cái vòng cung màu vàng của tiệm ăn nhanh McDonald, dó là một chuyến bay gần như là một cuộc trốn chạy, một sự rơi rụng, rơi xa và xa hơn, vòng veo ra khỏi bìa trái đất vượt qua mặt trời và xuyên qua khoảng không gian im lặng bao la nơi đó không tồn tại một gánh nặng nào và mọi thứ đều nhẹ như chân không - *Thoát rồi!* Họ gào lên. *Xin lỗi nhé nhưng tao thoát rồi!* - Và rồi cứ như thế, mỗi đêm, không phải hoàn toàn nằm mơ, họ lại tìm đến với sự nhẹ nhõm như vậy và thấy mình được mang đi, nhắc bổng lên, lâng lâng.

Buổi sáng sau khi Ted Lavender chết, Trung úy Jimmy Cross thu mình dưới đáy hố cá nhân và dốt những lá thư của Martha. Rồi anh dốt hai tấm ảnh. Trời mưa đều đều làm cho việc này rất khó khăn, nhưng anh dùng mấy miếng phát lửa và vài cây bút chì để nhúm một đống lửa, lấy thân mình che nó lại, và dùng mấy đầu ngón tay giữ hai bức hình để nhúng chúng vào ngọn lửa nhỏ màu xanh.

<sup>(1)</sup> Bản tiếng Anh là: *global entanglements*, chỉ chiến lược can thiệp của Mỹ trên toàn thế giới.

Anh biết rằng việc anh đang làm chỉ là hình thức thôi. Ngốc nghếch, anh tự nhủ. Còn ủy mi nữa, nhưng chủ yếu là ngốc nghếch.

Lavender chết rồi. Mày không thể đốt trách nhiệm được.

Hơn nữa, dù sao anh cũng đã nhập tâm mẩy lá thư rồi. Bây giờ, dù cho không có mẩy tấm hình, Trung úy Cross vẫn có thể tưởng tượng ra hình ảnh Martha đang chơi bóng chuyền, mặc quần đùi trắng và áo thun vàng. Anh có thể mường tượng ra nàng đang di chuyển trong cơn mưa.

Khi đồng lửa tắt, Trung úy Cross kéo tấm vải bạt, che vải lại và ăn sáng bằng đồ hộp.

Chẳng có gì bí mật cả, anh chợt nghĩ ra.

Trong các lá thư, đã bị anh đốt, Martha không bao giờ nhắc đến cuộc chiến, chỉ nói, Jimmy cẩn thận nhé. Nàng không muốn dính líu. Nàng kí tên cuối lá thư là *Love*, nhưng đó không phải là tình yêu, và tất cả những dòng thư và các chi tiết dù hay ho cách mấy cũng không còn là vấn đề đối với anh. Sự trinh tiết cũng không thành vấn đề. Anh ghét nàng. Đúng vậy, anh ghét nàng. Yêu, cũng có, nhưng đó là một tình yêu đầy căm hận. Buổi sáng ướt và mờ mịt. Mọi vật dường như lẩn vào nhau: màn sương, Martha và cơn mưa nặng hạt.

Anh là một người lính.

Miệng hơi mỉm cười, Trung úy Cross lấy ra mẩy cái bản đồ. Anh lắc đầu thật mạnh như thể muốn làm sạch đầu óc của mình rồi anh cúi xuống và bắt đầu hoạch định kế hoạch hành quân. Trong vòng 10 phút, hay 20 phút, anh sẽ đánh thức các đồng đội dậy và họ sẽ chuẩn bị hành trang và cùng nhau hành quân về hướng Tây, nơi mà như trong bản đồ cho thấy, đầy cây cối xanh tươi hấp dẫn. Mưa sẽ làm hành trang nặng thêm đôi chút. Ngoài điều đó ra thì đây cũng sẽ chỉ là một ngày nữa chồng chất lên bao ngày đã qua.

Anh rất thực tế về vấn đề này. Trong lòng anh như có một cảm giác cứng cỏi mới vừa xuất hiện. Anh yêu nàng nhưng cũng ghét nàng.

Sẽ không có chuyện mơ mộng nữa, anh tự nhủ.

Từ đây về sau, mỗi khi anh nhớ về Martha chỉ là để biết rằng, nàng không thuộc về anh. Anh sẽ chấm dứt mọi mơ mộng. Đây không phải là trường Mount Sebastian mà là một thế giới khác, một thế giới không có những bài thơ bóng bẩy hay là các kì thi giữa mùa, là nơi mà người ta chết chỉ vì bất cẩn hay do ngốc nghếch. Kiowa nói đúng. Bùm - ngã xuống, và mày sẽ chết, chết hẳn.

Thật nhanh, trong cơn mưa, Trung úy Cross chợt thấy đôi mắt xám của Martha nhìn trả lại anh chăm chắm.

Anh đã hiểu.

PHẠM BÁ ĐẠM dịch

FLANNEY O'CONNOR  
(Mĩ)

## CUỘC CHẠM TRÁN MUỘN MÀNG VỚI KẾ THÙ

General Sash một trăm linh tư tuổi. Cụ sống với cháu gái, bà Sally Poker Sash, sáu mươi tuổi, người đêm nào cũng quỳ gối nguyện cầu mong cụ sống cho đến lễ tốt nghiệp của bà ở trường Cao đẳng. Cụ General không quan tâm đến việc tốt nghiệp của bà nhưng cụ không bao giờ nghỉ ngơi việc mình sẽ sống. Ở lúc đó, đang sống với một thói quen như vậy nên cụ không thể tưởng tượng được bất kỳ hoàn cảnh nào khác. Một bản diễn văn trong lễ tốt nghiệp không thực sự long trọng đối với cụ, mặc dù, như bà đã nói, người ta chỉ hy vọng cụ mặc quân phục ngồi yên trên khán đài. Bà nói là sẽ có một đoàn diễu hành dài của giáo viên và sinh viên mặc áo choàng nhưng cũng không có gì sánh được với cụ trong bộ quân phục. Cụ biết điều này quá rõ không cần bà phải nói, còn về phía đoàn diễu hành chét tiệt ấy, nó có thể tiến đến âm phủ rồi quay lại thì cũng không gây cho cụ chút xúc động mấy may nào. Cụ thích cuộc diễu hành với những chiếc xe rước đầy hoa hậu American, hoa hậu Daytona Beaches, hoa hậu Queen Cotton Products. Cụ chưa tham dự bất kỳ cuộc diễu hành nào và theo cách nghĩ của cụ thì một cuộc diễu hành mà toàn giáo

viên thì ảm đạm như dòng sông Styx<sup>(1)</sup> vậy. Dù sao, cụ cũng sẽ mặc bộ quân phục ngồi trên lề dài để người ta có thể nhìn ngắm cụ.

Sally Poker không lấy làm chắc rằng cụ sẽ sống cho tới lễ tốt nghiệp của bà. Không có bất kỳ dấu hiệu gì cho thấy sự thay đổi của cụ trong năm năm qua, nhưng bà cảm thấy mình có thể gặp may bởi vì bà thường xuyên như vậy. Hàng năm, kể từ hơn hai mươi năm nay, bà phải đến trường vào dịp hè vì cái thuở bà bắt đầu dạy thì người ta chẳng cần chút bằng cấp nào cả. Thuở ấy, bà nói, mọi thứ đều bình thường nhưng lúc bà mười sáu tuổi thì chẳng có gì bình thường nữa; rồi trong suốt hơn hai mươi mùa hè qua, khi lễ ra được nghỉ ngơi, thì bà phải lê thân dưới cái nóng bỏng rát đến trường Cao đẳng sư phạm; và cho dù khi bà quay trở lại vào mùa thu, bà vẫn luôn dạy chính xác như cách bà được dạy là không phải để dạy, đấy là mối bất mãn nhẹ nhàng mà ý thức về sự công bằng của bà không được thỏa mãn. Bà muốn cụ General có mặt ở lễ tốt nghiệp vì bà muốn cụ thấy bà đứng ở đó, hoặc, như bà nói, "tất cả mọi điều đều ở phía sau bà", - mà không phải là ở phía sau họ. "Họ" này không phải là một người nào đặc biệt. Đó chỉ là tất cả những kẻ mới phát đã quay lưng lại với thế giới trên đầu chúng và phá vỡ lối sống thuần phong mỹ tục.

Bà dự định đứng trên bục diễn thuyết đó vào tháng Tám, với cụ General ngồi trên xe đẩy trên bục phía sau bà, bà muốn ngẩng đầu rất cao cứ như là đang nói: "Hãy nhìn ông ấy! Hãy nhìn ông ấy! Dòng dõi nhà ta, hỡi những kẻ mới phát kia! Một ông già quang minh chính trực vẫn đang giữ vững truyền thống cũ. Lòng tự trọng! Danh dự! Dũng khí! Hãy nhìn ông ấy!". Đêm nọ trong giấc mơ bà đã hét lên: "Hãy nhìn ông ấy!"

<sup>(1)</sup> Dòng sông dưới âm phủ, sông Mê.

Hãy nhìn ông ấy!" và quay nhìn thấy cụ, đang ngồi trên xe lăn phía sau mình lộ vẻ kinh hoàng trên gương mặt, đã cởi hết quần áo trừ cái mũ tướng, đêm đó bà thức dậy và không dám ngủ lại nữa.

Về phần mình, cụ General thậm chí sẽ không đồng ý đến dự lễ tốt nghiệp nếu bà không hứa để ý đến chỗ cụ ngồi trên khán đài. Cụ thích ngồi trên bất cứ loại khán đài nào. Cụ cho rằng mình vẫn là người rất đẹp trai. Khi cụ có thể đứng thẳng dậy, cụ bước đi hùng dũng không kém bất kỳ ai. Tóc cụ đã bạc trắng xoa xuống vai, cụ không đeo răng giả vì cụ nghĩ nhín nghiêng, mặt cụ sẽ gây ấn tượng hơn khi không có chúng. Khi cụ mặc bộ lễ phục cấp tướng, cụ biết rõ ràng ở bất cứ chỗ nào cũng không có gì xứng được với cụ.

Đây không phải là bộ quân phục cũ cụ đã mặc trong chiến tranh giữa các bang. Trong cuộc chiến ấy, thực ra cụ không phải là một vị tướng. Có lẽ cụ chỉ là một người lính bình thường; cụ không nhớ cụ đã làm gì, thực tế là cụ không nhớ được cả cuộc chiến tranh đó nữa. Giống như bàn chân cụ, giờ đây đã thông xuống, teo lại ở đoạn cuối: vô cảm, được phủ một chiếc khăn len xanh mà Sally Poker đã đan khi còn là một cô bé. Cụ không nhớ chiến tranh Tây Ban Nha - Mĩ mà trong cuộc chiến đó cụ đã mất một người con trai; thậm chí cụ cũng không nhớ cả đứa con ấy nữa. Cụ không đả động tí gì đến lịch sử vì cụ không bao giờ mong muốn gặp lại điều đó. Trong ký ức cụ, lịch sử có mối liên hệ với những cuộc diễu hành và với đời sống bằng những cuộc duyệt binh; cụ thích duyệt binh. Người ta luôn hỏi liệu cụ có nhớ chuyện này hay chuyện kia không - một loạt những câu hỏi đèn ngòm ấm đạm về quá khứ. Chỉ có một trường hợp trong quá khứ có một chút ý nghĩa với cụ mà cụ đã cẩn thận khi nói đến: đó là mười hai năm trước, lúc cụ được nhận bộ quân phục tướng lĩnh và có mặt trong lễ ra mắt.

"Tôi đã tham dự buổi lễ được tổ chức ở Atlanta đó", cụ nói với những người khách đang ngồi trên hành lang trước cụ. "Những cô gái đẹp vây quanh. Đó không phải là tập tục địa phương. Nghe đây! Đó là trường hợp đặc biệt mà người ta dành cho tôi - họ đứng lên cả khán đài. Không có những thành phần cộc đuôi ở đó. Để vào được, tất cả mọi người phải trả mười đôla và phải mặc áo xmockinh. Tôi mặc bộ quân phục này. Một cô gái đẹp đưa tôi vào phòng khách sạn trưa hôm đó".

"Đây là một dãy phòng trong khách sạn và cháu cũng ở đó, ông ạ", Sally Poker nói, nháy mắt ra hiệu với những người khách. "Ông đâu có ở một mình với quý bà trẻ tuổi nào trong phòng khách sạn".

"Này, ta biết điều mình làm", cụ già General nói với một cái lườm, những người khách cười phá lên. "Đó là một Hollywood,<sup>(1)</sup> California thực sự, và gái", cụ tiếp tục. "Nàng đến từ Hollywood, California nhưng chưa hề đảm nhận một vai nào cả. Ở đó họ có nhiều gái đẹp đến nỗi họ không cần phải gọi thêm người dự bị nữa và các cô gái ấy chẳng được sử dụng vào việc gì cả ngoài chuyện giới thiệu mọi thứ với khách và chụp ảnh cùng họ. Họ chụp ảnh tôi với nàng ấy. Không, với hai nàng cơ. Hai nàng hai bên, tôi ở giữa vòng tay ôm eo, eo họ thì chẳng có lớn hơn nửa đôla tí nào".

Sally Poker lại ngắt lời. "Ông ạ, chính ngài Govisky đã trao bộ quân phục ấy cho ông, ông ta còn đưa cho cháu bó hoa cài ngực thanh tú nhất. Thật đấy, ước gì ông nhìn thấy nó. Nó được kết từ những cánh hoa lay ơn rời, được sơn vàng, xếp úp cánh vào nhau trông như một bông hồng. Nó thật là thanh tú. Cháu ước gì ông nhìn thấy nó. Nó..."

"Nó to như đầu cô ta ấy", cụ General càu nhau. "Ta đang

---

<sup>(1)</sup> Kinh đô điện ảnh Mĩ và thế giới.

nói. Người ta đưa cho tôi bộ quân phục và thanh gươm này rồi nói: "Nào General, chúng tôi không muốn ngài tham chiến cho chúng tôi. Tất cả những gì chúng tôi muốn là ngài đi thẳng lên lề đài khi ngài được giới thiệu tối nay và trả lời vài câu hỏi. Ngài có nghĩ mình làm được việc đó không?" "Tôi cho rằng tôi làm được!", tôi nói, "Nghe đây. Tôi đã làm những điều này trước khi các ngài ra đời đấy", và họ reo hò.

"Cụ nhà may mắn về hình thức", Sally Poker nói, nhưng bà không muốn nhớ đến buổi ra mắt bởi chuyện đã xảy ra với đôi chân của bà. Bà đã mua một bộ váy mới để mặc vào dịp lễ hội - một cái váy lụa đen dài mặc vào tiệc tối với dây thắt lưng bằng kim cương giả và một chiếc áo bôlêrô, một đôi giày đế mỏng màu bạc để đi cùng với nó, bởi vì bà nghĩ rằng mình phải đi lên khán đài với cụ để giữ cho cụ khỏi ngã. Mọi thứ được chuẩn bị sẵn sàng cho họ. Một chiếc xe hòm thực sự đến lúc tám giờ kém mười phút, đưa họ đến nhà hát. Tới đúng giờ, nó đỗ lại bên dưới vòm ra vào, phía sau những ngôi sao lớn, giám đốc, đạo diễn, thống đốc, thị trưởng và những ngôi sao kém quan trọng. Cảnh sát giữ trật tự giao thông để tránh tắc nghẽn, những sợi dây căng lên để ngăn không cho người ta lấn vào. Tất cả mọi người đều đứng lại để xem họ bước ra từ cái xe hòm trong ánh sáng. Rồi họ đi xuống phòng đợi sang trọng, một người hướng dẫn bé nhỏ đội mũ đồng phục liên bang và mặc váy ngắn đưa họ vào chỗ ngồi đặc biệt của mình. Khán giả đã ổn định, các thành viên của nhóm UDC bắt đầu vỗ tay khi họ thấy General trong bộ quân phục và tất cả mọi người cũng vỗ tay theo. Thêm vài người nổi tiếng nữa đến sau họ, rồi cửa đóng và đèn tắt.

Một người đàn ông trẻ có mái tóc hoe vàng lượn sóng đại diện cho ngành công nghiệp điện ảnh bước ra bắt đầu giới thiệu tất cả mọi người, mỗi người được giới thiệu đều tiến lên khán đài và nói mình đã hạnh phúc như thế nào

khi đến đây dự sự kiện trọng đại này. Cụ General và cháu gái cụ được giới thiệu lượt thứ mười sáu trong chương trình. Anh ta giới thiệu là ngài General Tennesses Hintrock Sash thuộc Liên bang, cho dù Sally Poker đã nói với ngài Govisky rằng tên cụ là Goerge Poker Sash và cụ chỉ từng là thiếu tá thôi. Bà giúp cụ đứng dậy khỏi ghế nhưng tim bà đập nhanh đến nỗi bà không biết mình có làm được điều đó hay không.

Cụ già chậm chạp đi lên lối đi giữa các hàng ghế, cái đầu cao bắc trắng của cụ xấu vô cùng, chiếc mũ giữ trước ngực. Dàn nhạc bắt đầu chơi rất du dương bản *Bài ca Chiến trận Liên bang*, nhóm các thành viên của UDC đứng lên và không ngồi lại cho tới khi cụ General lên đến bục. Khi cụ lên đến giữa bục cùng với Sally Poker ngay ở phía sau để dắt tay cụ, dàn nhạc trào lên trong sự biểu diễn cuồng nhiệt bản *Bài ca Chiến trận*; ông lão, với dáng vẻ rất sân khấu cúi chào với vẻ xúc động mãnh liệt và đứng nghiêm cho tới khi tiếng kèn tắt hẳn. Hai người hướng dẫn chỗ ngồi đội mũ đồng phục liên bang và mặc váy ngắn cầm cờ liên bang đi qua phía sau họ.

Cụ General đứng ngay chính giữa vòng, một vùng ánh sáng hình mặt trăng kỳ quặc chiếu lên một bên bà Sally Poker - dóa hoa cài ngực, dây thắt lưng bằng kim cương giả, một tay nắm chặt chiếc găng màu trắng và cái khăn mùi xoa. Người đàn ông trẻ với mái tóc hoe vàng lượn sóng bước vào trong vòng tròn ánh sáng và nói rằng anh ta thực sự hạnh phúc được ở đây tối nay trong sự kiện trọng đại này, một người, anh ta nói, đã từng chiến đấu và đổ máu trong những trận đánh và chẳng mấy nữa các bạn sẽ thấy một trận phản công táo bạo trên màn ảnh, và "thưa ngài General, xin hãy nói", anh ta hỏi, "ngài bao nhiêu tuổi à?"

"Chín mươi-hai-ai!", cụ General gào lên.

Trông người đàn ông trẻ như là anh ta vừa nghe thấy điều gây ấn tượng nhất trong cả buổi tối hôm nay. "Thưa quý bà, quý ông", ông ta nói; "Hãy dành cho ngài General tôn kính tràng vỗ tay lớn nhất!" và ngay lập tức tiếng vỗ tay vang lên, người đàn ông trẻ dùng ngón tay cái ra hiệu cho bà Sally Poker rằng bây giờ bà có thể đưa cụ già quay trở lại chỗ ngồi để giới thiệu người tiếp theo; nhưng cụ General chưa chịu kết thúc. Cụ đứng bất động giữa vòng tròn ánh sáng, cổ cụ đưa ra phía trước, miệng cụ hơi há, đôi mắt xám hau húu của cụ đang nhìn một cách thích thú vào ánh sáng chói lòa và tiếng vỗ tay tán thưởng. Khuỷu tay cụ bị bà cháu gái lôi đi một cách thô bạo. "Làm cách nào mà tôi giữ được sự trẻ trung như thế", cụ hét lên: "Tôi hôn tất cả những cô gái dễ thương".

Điều này được đón nhận bằng một tràng vỗ tay tự phát rầm rầm, ngay lập tức Sally Poker nhìn xuống chân mình và phát hiện ra rằng trong lúc chuẩn bị vội vã bà đã quên thay giày: đôi giày dường sinh màu nâu thò ra dưới gấu váy. Bà kéo mạnh cụ General và hầu như cùng với cụ chạy ra khỏi buc. Cụ rất giận vì cụ không nói được mình đã vui mừng như thế nào khi ở đây tham dự sự kiện này và trên đường quay trở lại chỗ ngồi, cụ dồn hết sức hét tướng lên: "Tôi hết sức vui mừng được ở đây trong sự kiện trọng đại này với tất cả các cô gái đẹp ở đó!", nhưng những người nổi tiếng khác đi lên và chẳng ai tỏ ra có bất kỳ dấu hiệu nào chú ý tới cụ. Cụ ngủ suốt cả buổi quay phim, cứ thỉnh thoảng lại cắn nhăn hết sức khó chịu ngay cả trong giấc ngủ.

Kể từ đó, cuộc sống của cụ không còn thú vị nữa. Bây giờ chân cụ đã liệt hẳn, hai đầu gối cụ cử động như những bản lề, người cụ hoạt động lúc nào nó muốn, nhưng trái tim cụ thì đập vô cùng bền bỉ. Kể cả ngày xưa hay mai sau nó vẫn như thế với cụ, lần này quên lần khác lại không nhớ: ý niệm về cái chết của cụ không hơn một con mèo. Hàng năm vào ngày Quốc

khánh cụ lại gói ghém và đi đến Bảo tàng thủ đô nơi cụ được trưng bày từ ngăn thứ nhất đến ngăn thứ tư, trong một căn phòng ẩm mốc, đầy những bức ảnh cũ, những bộ quân phục cũ, những khẩu pháo cũ, những tư liệu có tính chất lịch sử. Tất cả những thứ đó được giữ gìn cẩn thận trong tủ kính để trẻ con không sờ vào. Cụ mặc bộ quân phục cấp tướng của mình từ buổi ra mắt và ngồi, nhìn chằm chằm vào bên trong khu vực đã được chăng xung quanh bằng một sợi dây nhỏ. Người cụ chẳng có gì là dấu hiệu của sự sống ngoại trừ đôi mắt xám đục thỉnh thoảng đảo qua đảo lại; nhưng một lần khi một đứa bé táo bạo sờ vào lưỡi gươm của cụ, cánh tay cụ liền bật về phía trước và đập đập bàn tay vào đó một lúc. Vào mùa xuân, khi những ngôi nhà cũ mở cửa cho khách hành hương, cụ được mời mặc quân phục và ngồi ở một nơi dễ thấy nào đó, góp phần vào không khí cảnh vật. May mắn đó cụ chỉ càu nhau với những người khách, nhưng thỉnh thoảng cụ lại kể về buổi lễ ra mắt và những cô gái đẹp.

Nếu cụ chết trước lễ tốt nghiệp của bà Sally Poker, bà nghĩ chắc mình sẽ chết mất. Vào lúc bắt đầu mùa hè, thậm chí trước khi biết mình sẽ đỗ, bà đã nói với ngài hiệu trưởng rằng ông nội bà, ngài General Tennesses Hintrock Sash thuộc Liên bang, sẽ tới dự lễ tốt nghiệp của bà, rằng cụ đã một trăm linh tư tuổi, rằng đầu óc cụ vẫn còn minh mẫn như một quả chuông. Những người khách sang trọng luôn được đón mừng và mời ngồi lên khán đài để giới thiệu. Bà đã thu xếp với đứa cháu trai của mình, John Wesley Poker Sash, một hướng đạo sinh, đầy xe lăn cho cụ General. Bà nghĩ thật hài lòng làm sao khi thấy một cụ già trong bộ quân phục màu xám oai vệ và một thằng bé trong bộ ka kí sáng màu - cũ và mới, bà thấy thật thích hợp - họ sẽ ở sau bà, trên bục khi bà nhận bằng tốt nghiệp của mình.

Tất cả mọi thứ gần như chính xác theo tính toán của bà.

Trong suốt cả mùa hè, bà luôn ở trường, cụ General ở với những người họ hàng khác và họ dẫn cụ cùng John Wesley, đứa bé hướng đạo sinh đến lễ tốt nghiệp. Một phóng viên đến khách sạn nơi họ ở, chụp bức ảnh cụ General đứng giữa Sally Poker và John Wesley đứng bên kia. Cụ General, người đã từng chụp ảnh với những cô gái đẹp, đã không nghĩ nhiều về điều đó. Cụ đã quên hết những buổi lễ kiểu như cụ sẽ dự nhưng cụ nhớ rằng mình đã mặc quân phục và đeo gươm.

Vào buổi sáng lễ tốt nghiệp, bà Sally Poker xếp hàng vào đoàn diễu hành của học viện cùng với những cử nhân khoa học thuộc khoa Giáo dục Tiểu học, bản thân bà không thể đưa cụ lên khán đài - nhưng John Wesley, một thằng bé béo tròn mười tuổi tóc hoe vàng với sự sốt sắng, đã đảm bảo chu toàn mọi chuyện. Bà mặc áo lê đến khách sạn để mặc bộ quân phục cho cụ. Cụ yếu như một con nhện khô. "Ông vừa rùng mình phải không, ông?" - bà hỏi. "Ta vừa rùng mình để chết đấy!"

"Nhớ đặt thanh gươm ngang qua lòng ông, cháu yêu nhé!", cụ già nói, "nơi đó nó sẽ được chiếu sáng".

Bà đặt nó ở đó rồi đứng xoay lại nhìn cụ. "Trông ông rất oai vệ", bà nói.

"Mẹ kiếp", ông cụ nói bằng một giọng chắc chắn, chậm đều như thể cụ nói điều đó với trái tim đang đập của mình. "Mẹ kiếp, tất cả mọi thứ đều mẹ kiếp".

"Nào, nào", bà nói rồi hạnh phúc đến nhập vào đoàn diễu hành.

Những cử nhân đứng xếp hàng phía sau tòa nhà Khoa học, bà tìm thấy chỗ của mình đúng lúc đoàn người bắt đầu đi. Đêm hôm trước bà không ngủ được nhiều và khi ngủ, bà đã mơ về bài diễn thuyết, lẩm bẩm: "Nhìn ông, nhìn ông!" trong giấc ngủ, nhưng mỗi lần thức giấc, ngay sau khi bà quay đầu

lại đã nhìn thấy cụ ở phía sau bà. Những cử nhân mặc áo choàng len màu đen phải đi bộ qua ba khu phố dưới mặt trời nóng bỏng và khi bà lê bước một cách thản nhiên theo đoàn diễu hành bà đã nghĩ rằng nếu có bất cứ ai muốn để ý đến một điều gây ấn tượng nào đó của đoàn diễu hành thuộc học viện này, họ chỉ cần đợi cho tới khi thấy ngài General già mặc bộ quân phục màu xám đường bê và một hướng đạo sinh trẻ sáng sủa, béo mập đầy xe lăn của cụ băng qua bức dưới ánh nắng mặt trời chiếu lấp lóá lên thanh gươm. Bà cho rằng bây giờ John Wesley đã đưa cụ đến sau bức.

Đoàn diễu hành màu đen đã đi qua hai khu phố và bắt đầu lên con đường chính dẫn đến giảng đường. Khách khứa đứng lên cổ, đang chỉ trỏ những cử nhân của mình. Đàn ông hất ngược mũ ra sau, lau trán, đàn bà kéo lớp vẩy mỏng ra khỏi vai để giữ không cho nó dính vào lưng. Đám cử nhân mặc những chiếc áo choàng nặng nề trông cứ như những giọt ngây thơ cuối cùng đang thoát ra khỏi họ. Mặt trời chiếu sáng chói trên bảm sốc ôtô, chiếu đến những chiếc cột của tòa nhà và khiến những ánh mắt phải quay nhìn sang hướng khác. Nó khiến Sally Poker nhìn về phía chiếc máy Coca-Cola lớn màu đỏ đặt bên cạnh giảng đường. Ở đó bà thấy cụ General đã dừng lại, đang cau có, không đội mũ, ngồi trên xe đẩy dưới mặt trời đang tỏa nắng, trong khi John Wesley, mặc chiếc áo cánh rộng phía sau, hông và má tì vào cái máy đỏ, đang uống một chai Coca-Cola. Bà tách ra khỏi hàng, chạy nhanh đến chỗ họ chộp lấy cái chai. Bà lắc thằng bé, giật cái áo choàng của nó và chụp chiếc mũ lên đầu cụ già. "Bây giờ đưa ông vào trong này!", bà nói, giận dữ chỉ tay vào cái cửa bên cạnh tòa nhà.

Về phần mình, cụ General cảm thấy hình như có một cái lỗ nhỏ bắt đầu nới rộng ra trên đỉnh đầu mình. Thằng bé đẩy nhanh cụ xuống con đường đi bộ, lên một đoạn dốc, vào trong

tòa nhà, đẩy mạnh cụ qua cửa vào đúng vị trí dành cho cụ. Cụ General nhìn trừng trừng ra phía trước, tất cả như hòa lẫn vào với nhau, nhưng đôi mắt chuyển từ gương mặt này đến gương mặt khác. Những người mặc áo choàng đen đến cầm tay cụ và lắc. Đoàn diễu hành màu đen đang tràn qua các lối đi và hình thành bản nhạc ở khu vực trước mặt cụ. Bản nhạc dường như chui vào đầu cụ, xuyên qua cái lỗ nhỏ trên đầu và cụ nghĩ trong giây lát rằng đoàn diễu hành cũng sẽ cố đi vào đó.

Cụ không biết đây là đoàn diễu hành gì nhưng trông chúng có vẻ quen quen. Hắn là rất quen đỗi với cụ bởi vì đoàn người đến chào cụ, nhưng cụ không thích một đoàn diễu hành màu đen. Bất kỳ đoàn diễu hành màu đen nào đến chào cụ, cụ bức bối nghĩ, cũng nên có xe diễu hành với những cô gái đẹp ngồi trên đó giống như đoàn xe diễu hành trong sự kiện trọng đại trước kia. Hắn là có một điều gì đó liên quan đến lịch sử như chúng đã luôn luôn có. Cụ chẳng có ích gì cho nó cả. Giờ đây điều diễn ra không có ý nghĩa gì đối với một người đàn ông đang sống và cụ rõ là đang sống.

Khi tất cả đoàn diễu hành đã tràn vào trong khu vực màu đen thì một hình người đen ngòm bắt đầu diễn thuyết phía trước. Hình người ấy đang nói điều gì đó về lịch sử và cụ General cố làm cho tâm trí mình không lắng nghe, nhưng những từ ấy vẫn lọt qua cái lỗ nhỏ trên đầu cụ. Cụ nghe thấy tên mình được nhắc đến và chiếc xe bị đẩy nhanh như con thoi một cách thô bạo về phía trước, thẳng cháu hướng đạo sinh đưa cụ đến một khu vòm lớn. Người ta hô tên cụ và thẳng bé cúi chào. Cụ tin rằng sự náo nhiệt đó người ta dành cho cụ. Giá mà cụ đã đi qua, cụ không có ý định lắng nghe thêm tí nào nữa. Nếu không có cái lỗ nhỏ trên đầu, không một từ nào có thể lọt vào người cụ được. Cụ có ý định ấn một ngón tay vào cái lỗ để chắn những âm thanh đó, nhưng cái lỗ nhỏ ấy lại

rộng hơn ngón tay cụ và có cảm giác như thể nó đang khoét sâu thêm.

Một người mặc áo choàng đen khác lén thay chỗ người ban nãy và bây giờ thì đang nói, cụ lại thấy tên mình được nhắc đến, nhưng người ta không nói về cụ, họ vẫn đang nói về lịch sử. "Nếu chúng ta quên đi quá khứ", người diễn thuyết nói, "chúng ta sẽ không nhớ được tương lai và tương lai cũng sẽ khiến không ai trong chúng ta có thể tồn tại được". Cụ General nghe được mấy từ đó một cách chậm rãi. Cụ đã quên lịch sử và cụ không có ý định nhớ lại. Cụ đã quên tên, quên mặt vợ mình, quên tên quên mặt con mình hoặc thậm chí quên cả việc cụ đã có vợ có con, cụ quên cả tên địa danh, những địa danh đã xảy ra nhiều sự kiện.

Cụ rất khó chịu vì cái lỗ trên đầu. Vào lúc này cụ không hề mong chờ có một cái lỗ như thế ở trên đầu. Một bản nhạc trầm vang lên, mặc dù hầu hết những nốt nhạc ở bên ngoài, nhưng vẫn còn một ít lọt được vào trong cái lỗ đó, đi sâu hơn và xoáy vào trong ý nghĩ của cụ, để cho những từ cụ nghe được lọt vào vùng tối của óc cụ. Cụ nghe thấy những từ, Chickamauga, Shiloh, Johnston, Lee, cụ biết cụ đang truyền cảm hứng cho những từ không có ý nghĩa gì với mình. Cụ băn khoăn không biết mình đã từng là một vị tướng ở Chickamauga hay ở Lee. Khi ấy cụ cố chỉnh trang lại mình và cưỡi con ngựa ở giữa chiếc xe rước đầy những cô gái đẹp, đang lái chầm chậm qua khu thương mại ở Atlanta. Nhưng, những từ xưa cũ đó bắt đầu khuấy đảo trong đầu cụ như thể chúng đang cố bứt khỏi đó để ra ngoài cuộc sống.

Người diễn thuyết đã nói hết phần chiến tranh và đến người tiếp theo, giờ đây cụ đang tiến gần đến những từ khác và tất cả những từ ngữ của cụ, giống như cuộc diễu hành màu đen kia, có nét quen thuộc mơ hồ và cáu bẩn. Một nốt nhạc dài ngân lên trong đầu cụ, dò tìm dấu vết của những từ

ngữ khác, để lại một chút ánh sáng lên những từ ngữ ấy, giúp cho chúng trở nên sống động. Những từ ngữ ấy bắt đầu tiến về phía cụ, cụ nói: "Mẹ kiếp! Tôi sẽ không nhận cái đó!" Và cụ bắt đầu lùi trở lại để thoát ra. Khi ấy cụ thấy một người mặc áo choàng đen ngồi xuống và một tiếng âm ầm vang lên, toàn bộ vòm đèn bắt đầu lao ầm ầm, tuôn về phía cụ từ mọi ngả, tấu lên một bản nhạc trầm chậm rãi, cụ nói: "Mẹ kiếp, dừng lại đi! Lúc này ta không thể làm được gì ngoài một điều!" Cụ không thể tự bảo vệ mình khỏi mớ từ ngữ đó, kể cả những dự định đối với đoàn diễu hành; mớ từ ngữ đang lao đến cụ rất nhanh. Cụ cảm thấy cụ đang chạy lùi lại và chúng, mớ từ ngữ ấy đang lao vào cụ như những viên đạn hỏa mai; cụ chỉ muốn trốn thoát nhưng lại tiến đến gần hơn, gần hơn. Cụ quay lại và bắt đầu cố chạy thật nhanh nhưng cụ lại thấy mình chạy về phía những từ ngữ ấy. Cụ lao vào trong một loạt ngôn từ đều đều và lập tức gặp chúng trong tai họa... Khi âm nhạc lan về phía cụ, toàn bộ quá khứ hiện về trong cụ, mịt mù, cụ cảm thấy người mình lỗ chỗ hàng trăm vết thương đậm bằng dao găm sắc, cụ ngã xuống, mỗi nhát đậm là một tai họa. Cụ thấy gương mặt đẹp của vợ mình đang nhìn cụ đầy trách móc qua mắt kính tròn gọng vàng; cụ thấy một trong những đứa con trai hói đầu của mình liếc nhìn; mẹ cụ chạy về phía cụ với một cái nhìn đầy lo âu; rồi một loạt các địa danh - Chickamauga, Shiloh, Marthasville... lao vào cụ như thể giờ đây quá khứ là tương lai duy nhất và cụ phải chịu đựng nó. Rồi đột nhiên cụ thấy đám diễu hành màu đen gần như đến sát cụ. Cụ nhận ra nó bởi vì nó đã bám riết cụ suốt cả cuộc đời. Cụ rán sức một cách liều lĩnh để vượt qua, để phát hiện ra những gì đến sau quá khứ ấy và bàn tay cụ xiết chặt thanh gươm cho tới khi lưỡi gươm thấu tận xương.

Đám cử nhân đi qua khán dài thành một hàng dài đê lĩnh

bằng của mình, và bắt tay ngài Viện trưởng. Khi Sally Poker, đứng gần cuối hàng, đi qua, bà liếc nhìn cụ General, thấy cụ đang ngồi cau có và dữ tợn. mắt cụ mờ to, bà lại quay đi lên phía trước, đầu ngẩng cao đến mức có thể để nhận bằng. Thế là xong, bà ra khỏi hội trường, vào trong ánh mặt trời; bà tìm thấy gia đình mình, họ cùng đợi trên chiếc ghế dài trong bóng râm chờ John Wesley đẩy cụ già ra. Thằng khốn đó đã làm cụ ngã ngửa, lăn nhanh xuống con đường lát đá và bây giờ nó đang đứng bên cái xác, trong hàng người dài cạnh cỗ máy Coca-Cola.

ĐÀO THU HẰNG *dịch*

CYNTHIA OZICK  
(Mi)

## TẤM KHĂN

*S*tella, lạnh, lạnh, cái lạnh của âm phủ. Cái cách họ cùng nhau cuốc bộ trên đường, Rosa bế Magda đang cuộn người giữa đôi bầu vú đau nhức, tấm khăn quấn quanh người Magda. Thỉnh thoảng Stella bế Magda. Nhưng cô lại ghen với Magda. Một cô gái gầy gò mười bốn tuổi, quá bé nhỏ, với bộ ngực quắt nhỏ, Stella muốn mình được quấn trong khăn, được che chở, ngủ khì theo nhịp dung đưa của bước chân, như một đứa bé, một hài nhi bé bỏng được bế trên tay. Magda ngậm vú Rosa, còn Rosa thì vẫn mải bước, ria nó theo nhịp chân. Sữa không đủ; đôi lúc Magda bú không khít; khí ấy nó khóc thét. Stella dõi lả người. Đâu gói cô như thể mây khói u mạc trên cây sậy, khuỷu tay cô xác xơ như xương gà.

Rosa không thấy đói; cô cảm thấy người bị hăng, không phải đang đi mà như người sắp ngất, rơi vào trạng thái hôn mê, bệnh bồng như thể một thiên thần đang bay lượn. tinh táo ngắm nhìn vạn vật, nhưng ở trên trời chứ không phải ở đây, không chạm xuống đường. Như thể đang loạng choạng trên đầu ngón chân. Cô nhìn khuôn mặt Magda qua khoảng hở của chiếc khăn: một chú sóc nhỏ nấp trong tổ, bình yên, khêng ai có thể chạm được nó trong ngôi nhà bé nhỏ bằng những vòng khăn quấn. Khuôn mặt, rất tròn như được phản chiếu trong

gương: nhưng nước da ấy không có màu hơi sẫm của Rosa mà lại đen đùi như màu bệnh tả, khuôn mặt ấy cũng chẳng giống, đôi mắt xanh màu trời, lớp lông tơ mịn màng có màu vàng gần giống như màu của những ngôi sao thêu trên áo Rosa. Bạn có thể nghĩ con bé là con của họ.

Rosa đang bênh bõng trong giấc mơ trao Magda cho người khác tại một trong những làng đã đi qua. Cô có thể rời khỏi hàng một phút để dí Magda vào tay một phụ nữ nào đó bên đường. Nhưng nếu cô rời bỏ hàng, chúng sẽ bắn. Và cho dusk cô có thể trốn khỏi hàng độ nửa giây và đặt bó khăn ấy vào tay một người lạ mặt thì liệu bà ta có dám nhận không? Chắc bà ta sẽ kinh ngạc, sợ hãi rồi để rơi tấm khăn, Magda sẽ rơi xuống đập đầu mà chết. Cái đầu tròn bé bóng. Đứa bé dễ thương đến thế, nó ngừng khóc, bây giờ đã ngậm chặt bầu vú chỉ để cảm nhận được vị khô khốc. Hai hàm lợi xinh xắn giữ chặt. Một cái răng vừa nhú lên, trắng muốt, một tấm bia mộ bằng đá trắng lấp lánh. Không hề kêu khóc, Magda từ bỏ cả hai vú Rosa, thoát tiên là vú trái, sau đó là vú phải; cả hai cằn khô, không còn tí mùi sữa. Tuyến sữa đã tắt, một cái núi lửa chết, con mắt mù, cái hố lạnh lẽo, vậy nên thay vì vú, Magda nhăn một góc khăn và bú sữa từ đó. Nó mút, mút mãi, làm ướt những sợi khăn. Tấm khăn có vị hấp dẫn, mùi sữa của vải lanh.

Đây là tấm khăn thần, nó có thể nuôi dưỡng đứa bé suốt ba ngày đêm. Magda không chết, nó vẫn sống, mặc dù thoi thóp. Một thứ mùi đặc biệt, mùi quê pha lẫn mùi hạnh, từ miệng nó tỏa ra. Nó cứ mở mắt thao láo, quên mất động tác nhắm hay chớp mắt; Rosa và đôi lúc cả Stella theo dõi màu xanh của đôi mắt. Dọc đường, họ cứ lê những bước chân nặng nề và ngó nghiêng khuôn mặt Magda. “Đức thuần chủng”, Stella khẽ nói nhẹ như hơi gió; và Rosa bỗng hiểu tại sao Stella lại nhìn Magda như thể một kẻ ăn thịt đồng loại bé nhỏ.

Rồi lúc Stella nói “Đức thuần chủng”, thì đối với Rosa, giọng điệu ấy nghe như thể hàm ý “ta hãy nuốt sống nó đi”.

Nhưng Magda vẫn sống để bước đi. Nó sống như thế khá lâu nhưng đi chưa thật vững, một phần vì nó mới mười lăm tháng và thêm nữa là tại cẳng chân khảng kхи của nó không thể đỡ nổi cái bụng ồng. Cái bụng ồng đầy không khí, căng phồng và tròn. Rosa nhường hầu hết thức ăn của mình cho Magda, Stella chẳng nhường tí nào cả; Stella đói rã rời, cô là đứa trẻ mới lớn, nhưng chưa đủ trưởng thành. Stella chưa có kinh. Rosa chưa có kinh. Rosa đói cồn cào, nhưng lại cũng không đói; cô học Magda cách mút mùi vị ngón tay trong mồm. Họ ở vào tình thế cạn kiệt tình thương, ở Rosa, tình thương đã bị hủy hoại hoàn toàn, cô nhìn cái khung xương của Stella mà chẳng động lòng mấy may. Cô chắc rằng Stella đang đợi Magda chết để có thể cắn ngập răng vào hai cái đùi bé nhỏ.

Rosa biết chẳng mấy nữa Magda sẽ chết; lẽ ra nó đã chết từ lâu rồi, nhưng con bé lại được vùi sâu trong tấm khăn thần, nhầm lẫn nằm đó run rẩy trên ngực Rosa; Rosa bám chiếc khăn như thể nó chỉ che chở người cô. Chẳng có ai tước đoạt nó khỏi cô. Magda câm lặng. Nó không khóc. Rosa giấu nó trong trại, dưới tấm khăn, nhưng cô biết có ngày ai đó sẽ tố giác; hoặc có ngày, ai đó, không phải Stella, sẽ ăn cắp Magda để ăn thịt. Khi Magda bắt đầu chập chững đi thì Rosa biết Magda sẽ không còn sống lâu nữa, chuyện gì đó sắp sửa xảy ra. Cô sợ mình chìm vào giấc ngủ; cô ngủ với một chân gác lên người Magda; cô sợ đùi mình sẽ làm Magda ngạt thở. Trọng lượng của Rosa càng ngày càng suy giảm; dần dần Rosa và Stella sấp biến thành không khí.

Magda câm câm, nhưng mắt nó sống động, kinh hoàng, tựa màu xanh mắt hổ. Nó nhìn. Thỉnh thoảng nó cười - đường như là tiếng cười. Nhưng làm sao mà phân định? Magda chưa

bao giờ nhìn thấy ai cười. Nhưng Magda lại cười với tấm khăn khi gió lùa vào góc của nó, cơn gió xấu mang theo những hạt màu đen làm Rosa và Stella trào nước mắt. Mắt Magda luôn trong veo, không một giọt nước mắt. Nó nhìn như thể một con hổ nhìn. Nó canh chừng tấm khăn của mình. Chẳng một ai có thể chạm vào chiếc khăn ấy, trừ Rosa. Stella cũng không được phép. Tấm khăn là đứa bé của Magda, là con vật cưng, là đứa em bé gái bé bỏng của nó. Nó cuộn người trong khăn, mút một góc khăn khi muốn giữ im lặng tuyệt đối.

Rồi Stella lấy chiếc khăn để khiến Magda chết.

Sau đó Stella bảo: “Tôi lạnh”.

Và sau đó cô thường xuyên lạnh, thường xuyên, Cái lạnh ngấm vào tim cô: Rosa biết tim Stella lạnh giá. Magda lóng ngóng bước bằng đôi chân nhỏ xíu tựa bút chì, nguêch ngoạc đi tìm tấm khăn; hai cái chân bút chì lần ra đến cửa trại, nơi ánh sáng chiếu rọi. Rosa nhìn thấy và đuổi theo. Nhưng Magda đã bước hẳn ra sân bên ngoài trại, trong ánh nắng rực rỡ. Người ta gọi cái sân ấy là vũ đài. Mỗi sáng, Rosa phải giấu Magda trong tấm khăn đặt sát vách trại và ra ngoài đứng trên vũ đài cùng với Stella và hàng trăm người khác, đôi khi họ phải đứng hàng tiếng đồng hồ, còn Magda thì nằm một mình lặng lẽ dưới tấm khăn, mút góc khăn của mình. Hằng ngày, Magda im lặng vậy nên nó không chết. Nhưng hôm nay, Rosa hiểu rằng Magda sắp chết, ngay lúc ấy nỗi kinh hoàng dâng lên trong lòng Rosa, tay cô như đặt trên lửa, cô sững sờ, phát sốt: Magda, trong ánh nắng, tròng trành trên đôi chân bút chì của nó, đang cất tiếng hú. Từ khi bầu vũ Rosa khô kiệt, từ khi cất tiếng thét cuối cùng trên đường, Magda không thốt lên bát kì âm thanh nào nữa; Magda đã câm. Rosa nghĩ rằng tại thanh quản, khí quản, dây thanh âm của nó bị trực trặc gì đó: Magda bị khuyết tật, không thể nói, có lẽ nó diếc; hay trí tuệ của nó chắc có gì bất ổn; Magda câm. Thậm chí tiếng cười khi

thấy cơn gió bẩn cuốn dám mây bụi ra khỏi tấm khăn của Magda cũng chỉ là luồng không khí thổi phô hàm răng của cô bé. Ngay cả khi lũ chuột, chuột lớn chuột bé, làm nó kinh hoàng đến nỗi khi thấy một trong số những con chuột lớn lẻn vào trại vào ban ngày tìm thịt thối thì nó vật vãy mình, cào bầu, đá và cuộn người lại mà chẳng thốt lên một âm thanh rên rỉ nào cả. Nhưng bây giờ, mom Magda đang tuôn ra cả tràng âm thanh dài huyễn náo.

“Mẹ e e e...”

Đấy là âm thanh đầu tiên Magda phát ra khỏi cổ họng kể từ khi bú cạn sữa Rosa.

“Mẹ e e e... e e e!”

Một lần nữa! Magda lóng ngóng dưới ánh nắng ngập tràn của vũ đài, loạng choạng trên đôi chân bé nhỏ chùng xuống đáng thương. Rosa hiểu. Cô hiểu Magda tiếc chiếc khăn mất của mình, cô biết Magda sắp chết. Hàng loạt mệnh lệnh dội lên trong ngực cô: Tìm kiếm, lấy, mang đến! Nhưng cô không biết phải làm điều gì trước, Magda hay cái khăn. Nếu cô lao ra sân giữ lấy Magda thì tiếng gào thét sẽ không ngừng lại bởi Magda vẫn chưa có tấm khăn; nhưng nếu cô chạy về trại tìm khăn, nếu cô tìm thấy và nếu cô chạy theo Magda, giữ lại và đưa tấm khăn cho nó thì cô sẽ đưa được Magda về. Magda sẽ dứt khăn vào miệng và cảm trở lại.

Rosa lùi vào bóng tối. Tấm khăn dễ tìm. Stella nằm trên nó, ngủ vùi trong bộ xương gầy còm của cô. Rosa xé tấm khăn rồi bay - cô có thể bay, cô chỉ là không khí - đến vũ đài. Cái nóng mặt trời thì thầm về một cuộc sống khác, cuộc sống của đàn bướm trong mùa hè. Ánh nắng diêm tinh, dịu êm. Bên phía hàng rào sát xa kia, thảm cỏ xanh rờn diêm nhũng cây bồ công anh và những bông hoa violét tím sẫm; đằng sau chúng, xa hơn nữa, những khóm huệ hổ hồn nhiên cao, nâng những rụt hoa màu da cam của chúng. Ở trại, người ta nói về

“hoa” hay “mưa” như “phân” hay “những sợi phân dày” và thác nước màu nâu đỏ hôi hám từ từ ngấm xuống từ những cái giường tầng trên, mùi hôi thối quyện lẩn mùi khói béo ngậy đăng đăng giăng ra ám cả lên da Rosa. Cô đứng một lát bên lề sân trại. Đôi khi, điện cài trên hàng rào kêu o o; và dẫu cho Stella bảo điều đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng, nhưng Rosa vẫn nghe rõ âm thanh ấy qua dây điện; một thứ âm thanh sâu thẳm. Càng đứng xa hàng rào bao nhiêu thì cô càng nghe rõ những tiếng nói ấy bấy nhiêu. Giọng khóc than nỉ non ai oán, xót xa quá đỗi mà ta khó có thể bảo đây là giọng của ma quái. Giọng ấy bảo cô giữ chặt lấy tấm khăn, nâng cao; giọng ấy bảo cô rung khăn, đậm và rũ tung nó ra như một lá cờ. Rosa nhắc lên, rũ, đậm, mở ra. Đằng kia, rất xa, Magda cúi người trên cái bụng dày không khí của nó, vươn rộng cánh tay xương xẩu. Nó vươn cao, được nâng lên trên vai của người nào đó. Nhưng đôi vai mang Magda không tiến về Rosa và tấm khăn, nó đặt đi xa, bóng hình nhỏ bé của Magda cứ chìm dần vào khoảng xa đầy khói. Bên trên đôi vai, chiếc mũ sắt lấp lánh. Ánh nắng rọi vào cái mũ làm biến dạng nó thành hình cái ly. Bên dưới cái mũ là một cơ thể đen ngòm giống như quân cờ domino và một đôi ủng đen đưa họ về phía hàng rào điện. Âm thanh điện bắt đầu vang lên mạnh mẽ. “Mẹ, mẹ, mẹ”, tất cả chúng đang o o với nhau. Lúc này Magda đã cách rất xa Rosa, nó đã ở bên kia sân trại, qua mươi hai dây trại, qua hết các lối đi đến lề bên kia! Nó đã bé hơn cả một con bướm đêm.

Ngay khi đó, Magda đã bơi trong không trung. Cơ thể Magda bay đến độ cao chót vót. Trông nó như thể một con bướm đang đậu trên dây nho bạc. Vào khoảnh khắc cái đầu tròn lông lá của Magda, đôi chân bút chì, cái bụng ống, đôi cánh tay vẹo vẹo của nó chạm vào hàng rào, thì giọng nói của dây điện rộn ràng, hối hả, giục giã Rosa chạy, chạy đến nơi

Magda ngã xuống khi đường bay của nó vướng vào hàng rào dây điện; nhưng dĩ nhiên, Rosa không nghe lời chúng. Cô chỉ đứng yên bởi nếu cô chạy thì chúng sẽ bắn và nếu cô cố đỡ mảnh hình hài xác xơ của Magda dậy thì chúng cũng bắn và nếu lúc này cô buông tiếng hét đau đớn của người mẹ trước bộ xương vỡ vụn của đứa con thì chúng cũng bắn; vậy nên cô cầm tấm khăn của Magda nhét vào miệng mình, nhét nó xuống, ấn xuống cho đến khi cô nuốt được tiếng hét thảm thương và ném được vị quê và vị hạnh vương trong nước bọt của Magda; Rosa uống tấm khăn của Magda cho đến khi khô kiệt.

LÊ HUY BẮC *dịch*

## KERISAN SENTAN

(Ấn Độ)

## CÂY NƯỚC

 Ấu thôn và cuối thôn tôi là núi. Sườn núi phía Đông trơ trụi, ít cây cối, ở đây có mỏ muối. Sườn núi phía Tây đầy những bụi cầu gai, cây trần kết và cỏ ngưu lang<sup>(1)</sup>. Núi đá một màu thép xanh. Giữa khe những tảng đá xanh ấy có lạch nước ngọt. Một thung lũng nhỏ nằm giữa hai ngọn núi. Thôn tôi ở đầu thung lũng.

Trong thôn thường khan hiếm nước ngọt. Từ lúc tôi bắt đầu có trí nhớ, ấn tượng đầu tiên in đậm trong tôi là vòm trời nóng bỏng, những đám ruộng khô cằn nứt nẻ như mai con rùa. Và những bàn tay nâu xám của những người nông dân với những khuôn mặt héo khô tiêu tuy của họ, trong đó đang ẩn dấu một niềm khát vọng đời này qua đời khác. Trong thôn những mái nhà tranh đơn sơ, những thửa ruộng gần đó, đất đai khô cằn, ngả màu đen xạm. Mụ ngoài đồng héo khô. Nước da và màu quần áo của bà con thôn tôi cũng chẳng khác gì mụ ngoài đồng. Riêng đôi má của chị em phụ nữ hưng màu vàng tươi, vì họ thường được ra khe lấy nước.

Ký ức tuổi thơ tôi gắn liền với nước, nỗi buồn về nước,

---

<sup>(1)</sup> Phiên âm, tên khoa học là *Ardium Lappa*, cỏ cao, nhiều rễ, lá to. Rễ cây dùng làm thuốc.

niềm vui về nước, sự mất còn của nước. Dòng suy nghĩ của mỗi người trong thôn đều xoay quanh chuyện nước, lúc nào nước có lúc nào nước không.

Nhớ hồi nhỏ, tôi thường theo bà tôi ra dòng sông Cairô, ở mé dưới thung lũng giặt quần áo. Bà giặt, tôi giúp bà phơi quần áo trên dải cát vàng. Lòng sông cạn và hẹp. Nước chảy lặng lẽ, nhẹ nhàng, yêu kiều, lả lướt như cô Paplơ, con gái ông Satota Hyda Raen người hàng xóm nhà tôi.

Tôi thích chơi ven sông, và ham chơi vui đùa với Paolơ. Ну cười mỉm của dòng sông và của Paolơ sao mà ngọt ngào đến thế! Chỉ những người làm việc ở mỏ muối như tôi mới thấu hiểu được cái ngọt ngào đó.

Tôi nhớ, dòng sông Cairô của chúng tôi chỉ sáu tháng có nước, còn sáu tháng khô cạn. Đến tháng tư hàng năm nước sông bắt đầu cạn, đến cuối tháng năm không còn một giọt. Những hòn đá tròn như trứng vịt, trắng màu bụng cá, phơi ra giữa dòng sông. Đi trên lớp bùn mềm nhão, có cảm giác như giẫm lên tấm thảm lông cừu mượt mà. Vài hôm sau, lớp bùn ngoài sông đã khô cứng lại. Những đường nứt nẻ chya vằn vện trên lòng sông, tựa như những vết nhăn trên vầng trán người già, tựa đôi gò má của người nông dân lao động, được phủ một lớp sương muối.

Tôi còn nhớ, lần đầu tiên khi mình nhìn thấy dòng sông khô cạn, tôi băn khoăn, trong lòng buồn bã lạ lùng. Đêm ấy, tôi không sao ngủ được. Bà tôi kể nhiều chuyện kì lạ. Tôi nằm trong lòng bà lặng thinh. Bà kể mà đầu óc cứ quay cuồng biết bao ký ức đầy hấp dẫn về dòng sông Cairô. Khi dòng sông nhẹ nhàng, chậm rãi trườn mình trên tảng đá; khi dòng sông lồng lênh chảy xiết giữa hai vách đá, khác nào lúc Paolơ giận dỗi tôi, quay ngoắt bỏ đi khỏi lối hẻm. Tôi và Paolơ thường đùa nghịch, lấy cọng rơm bén thành những chiếc guồng cối xay nước đặt giữa khe của hai tảng đá gần nhất, xay ướt lúa

mạch. Cối xay bị dòng nước đẩy tung bọt trắng; đẩy quay quay tí... Còn giờ đây? Dòng sông đã cạn khô.

Nhớ lại những cảnh tượng đó, tôi hỏi bà tôi.

- Bà ơi, con sông thôn ta biến đâu rồi bà?
- Chui xuống đất rồi.
- Sao lại xuống đất, hả bà?
- Vì sợ ông mặt trời.
- Sao phải sợ ông ta. Ông ấy tốt, có gì đáng sợ.

- Ngốc ạ! Không chỉ một ông mặt trời mà hai kia. Một ông mặt trời mùa đông, rất nhân từ, hiền lành. Còn ông mặt trời mùa hạ thì khắc nghiệt, tính tình nóng nảy, động một chút là nổi cơn giận dữ. Cả hai ông thay phiên nhau đến thôn này. Khi ông mặt trời mùa đông đến, cũng là lúc dòng sông của thôn ta reo vui. Còn lúc ông mặt trời khắc nghiệt của mùa hạ đến là dòng sông phải lột bỏ áo, mà ngày một chiết, mãi cho đến tận cuối tháng năm dòng sông chỉ còn lại một tross ám áo lót mỏng manh. Chính vì xấu hổ mà dòng sông phải chui mình xuống lòng đất. Chờ đến mùa đông sang năm, ông mặt trời nhân từ lại trở lại, khoác cho nó tấm áo màu xanh mới.

Tôi chớp mắt hỏi:

- Thật hả bà? Vậy ông mặt trời mùa hạ xấu!
- Thôi ngủ đi, cháu cưng của bà!

Tôi chẳng ngủ được, lại hỏi:

- Bà ơi! Thế sao nước trên núi muối ở thôn ta lại mặn?

Bọn trẻ con thôn tôi thường hỏi hiết bao chuyện về nước. Trí tưởng tượng của chúng tôi thường hướng về nước. Những thôn xóm có sǎn nước, bọn trẻ ở đó thường mơ tưởng đến việc khám phá những hòn đảo có vàng bạc châu báu, hoặc trên con đường lên Bồng lai, Tiên cảnh. Vậy mà, bọn trẻ thôn tôi, từ thuở biết di, đã phải tìm nước ở thung lũng, ở xa xa tít trên núi cao.

Thời ấu thơ, tôi cũng đã đi tìm nước, tìm thấy hai ba khe

nước trên mỏ muối. Cho đến nay, tôi còn nhớ. Lúc ấy tôi háo hức, hăng hái biết bao! Lần đầu tiên tìm ra được một mạch nước! Đôi bàn tay run run, tôi vạch cho mạch nước từ khe đá rroc rách chảy ra. Lần đầu hứng được một cục nước, nước run rẩy trong lòng bàn tay, như chú chim non mới bị bắt. Tôi từ từ đưa vục nước lên môi. Tôi nhớ rất rõ lúc đó hứng khởi vô cùng, bỗng tôi bàng hoàng thất vọng. Vừa chạm vào đầu lưỡi, tôi giật thót như bị một con rệp đốt, nọc thấm dần vào tâm hồn tôi. Tôi vội nhổ nước ra dành đi tìm lạch nước khác. Nhưng than ôi, cho tới nay trên ngọn núi muối ấy, tôi vẫn không tìm được một giọt nước ngọt ngào!

\*

Vì vậy, khi dòng sông đã khô cạn, lòng băn khoăn không yên tâm khi nghĩ đến lạch nước ngọt, tôi hỏi bà:

- Bà, nước trên núi muối sao mặn thế?

Bà tôi nói:

- Có một sự tích đây!

- Bà kể cháu nghe đi.

- Bà không kể nữa, ngủ đi.

- Ứ ừ, bà kể đi, bà không kể, cháu khóc!

- Thôi được, cháu phải nằm yên, bà mới kể.

- Vâng!

- Cám ngắt lời bà!

- Vâng, vâng!

- Cháu nghe đây...

Ngày xưa, ngày xưa... ngọn núi đó là một người đàn bà, là vợ của ngọn núi có lạch nước ngọt.

Một hôm, xảy ra trận kịch chiến giữa hai thiên thần. Ngọn núi phía trước ngọn núi nước ngọt bà vừa nói là chồng,

cũng tham gia trận chiến. Ông ta để vợ ở nhà và dặn rằng: Trong lúc ông đi vắng không được chuyện trò với một ai và ở nhà trông nom nhà cửa.

- Sao nữa?

- Và chị ta kiên trì đợi chồng về, chờ đợi mãi bao năm mà chồng vẫn không thấy về. Một hôm có vị thần mặt trăng đến nhà và yêu chị ta.

- "Yêu" là gì hả bà?

Bà dừng lời và mắng tôi:

- Lại cắt ngang lời bà rồi!

Tôi nghĩ bụng, đang kể đến đoạn hay nếu bà giận không kể nữa thì tiếc quá, phải nằm yên nghe hết chuyện đã rồi hỏi thế nào là "yêu". Tôi vội vàng nói với bà:

- Bà kể tiếp đi, cháu không cắt lời bà đâu.

Bà tôi không hứng thú kể nữa, như có điều gì phiền muộn, bực dọc:

- Ôi biết chuyện gì nữa! Người vợ của ngọn núi phía Tây bị thần mặt trăng lừa dối, nói rằng chồng chị ta đã chết trận. Chị ta nhẹ dạ tin lời, rồi lấy ông ta.

- Thế vì sao các thần lại đánh nhau hả bà? Tôi buột mồm hỏi bà.

- Lại cắt ngang lời bà rồi! Bà bực mình rồi bảo: Ngủ đi bà chẳng kể nữa đâu!

- Cháu không chịu đâu! Bà ơi, bà... bà kể nữa đi, cháu không nói ngang nữa.

Tôi van nài bà tôi:

- Sau đó thì sao bà?

- Được vài năm sau, có hôm, một vị thần già đến thung lũng này, đó là chồng chị ta. Thấy vợ sống chung với thần mặt trăng, ông ta tức giận lắm, vung lưỡi rìu chém chết vợ và thần mặt trăng. Vì đã phạm tội với thánh thần, nên đầu lâu hai người nọ biến thành tảng đá. Dòng nước phía Tây ngọt vì ông ta thuỷ

chung với vợ. Ngọn núi phía Tây ngọt vì ông ta thuỷ chung với vợ. Ngọn núi phía Đông nước mặn, là vì có muối. Chính đó là nước mắt người vợ khóc than với chồng về tội thiếu thuỷ chung. Những giọt nước mắt khô đọng thành những hạt muối. Cha cháu hàng ngày leo núi là để đào xúc những hạt muối đó.

- Sao nữa hả bà?
- Chuyện thế hết rồi!

Câu chuyện được nghe xong, tôi cũng quên khuấy những gì tôi đã hỏi được bà và bà đã giải thích. Tôi vươn vai, nhâm mắt, thiu thiu ngủ. Chẳng mấy chốc, trước mắt tôi hiện lên mỏ muối, nơi cha tôi đang làm việc. Sau này lớn lên, là nơi tôi không tránh khỏi phải làm lụng ở đó. Nhớ lại lần đầu tiên tôi theo mẹ mang cơm lên mỏ cho cha tôi. Chao ôi! Một cái mỏ muối to rộng làm sao! Bốn bên toàn là muối, từng tầng muối cao sừng sững, lồng lánh tựa tấm gương to gắn vào vách núi. Phía dưới là ruộng muối. Xung quanh vách muối, trên đỉnh núi cũng là muối. Từng dòng nước muối chảy ròng ròng, tụ thành đầm muối lớn. Tôi chợt nhớ, đó là nước mắt của người vợ đã phạm tội thiếu chung thuỷ với chồng biến thành ngọn núi muối này.

Cha tôi đưa mắt nhìn đầm muối nói:

- Ở đây có nhiều “nước” đến thế, như vậy mà vẫn kiểm không được một giọt nước ngọt. Làm việc suốt ngày muối đã kết thành một lớp vỏ trên thân thể, nhẹ đậm một tí muối cũng đã rơi lá tả. Ai cũng điên tiết lên, muốn sùng sục tìm cho bằng được một đầm nước ngọt để ngụp lặn, tắm rửa.

\*

Nước! Nước!

Trên núi muối không có nước. Cả thôn chẳng tìm đâu ra nước. Chỉ trên ngọn núi phía Tây - ngọn núi chung thuỷ với

tình yêu là có nước. Dòng sông Cariô cũng có nước, song chỉ được sáu tháng, sáu tháng còn lại khô cạn. Nhưng rồi một ngày nọ dòng sông này quanh năm vĩnh viễn cạn khô. Cho đến nay, những hòn đá bằng quả trứng vịt đã ngả màu xanh dưới lòng sông, những hạt cát khô ran, những bước chân thất thểu của chị em phụ nữ bên bờ sông. Tất cả đang mong ước nước lại trở về với dòng sông. Cảnh đó không còn là chuyện của thời thơ áu của tôi, mà chuyện đang xảy ra trong tuổi thanh xuân.

Ở phía núi cách núi cách thôn xa xa, có một trang trại thuộc diền chủ Laca<sup>(1)</sup> Akopalơ Ali Raen, rộng hàng trăm cây số vuông. Lão ta không muốn để cho dân thôn tôi sống, lão cho nắn dòng sông Cairô chảy vào trang trại của lão, khiến thung lũng thôn tôi và rất nhiều vùng khác đều chịu cảnh hoang tàn, khô cằn. Đạo ấy dân làng tôi ở kề ngay bờ sông và các thôn trong lũng núi, khác nào đứa trẻ, bỗng chốc mồ côi mẹ. Dòng sông Cairô của chúng tôi chết, nước khô cạn. Những thôn xóm bên bờ sông trong cảnh của những đứa bé mồ côi mẹ. Đó là một ký ức đau buồn.

Tôi còn nhớ, thời đó, dân bản tôi và các thôn xóm lân cận đã rủ nhau đi kiện lão Laca Akopalơ Ali Raen, đòi phải trả dòng sông Cairô cho dân làng. Đối với chúng tôi, con sông như khác nào một người mẹ trong gia đình, cho chúng tôi nước uống, nấu cơm cho chúng tôi ăn, giặt giũ áo quần và tắm rửa cho chúng tôi. Lớp sóng như đứa con của nước, vỗ về yêu thương, hát những bài hát ru con, ôm sóng vào lòng, lặng lẽ chảy xuôi về phía phương trời Tây.

Xóm thôn tôi không có nước, khác nào gia đình không có người nội trợ. Dân làng đều cảm thấy như con gái đã bị dụ dỗ, ai cũng thấy buồn rầu, tức giận.

<sup>(1)</sup> Laca là thủ lĩnh của thổ bang.

Lão Akopalø Ali Raen là một địa chủ lớn nhất vùng Têhôkovan, quan hệ mật thiết với các quan chức trong chính quyền. Ngay đến quyền khai thác mỏ muối lão cũng có quyền đứng thâu. Cuối cùng dân chúng trong thôn chẳng những không đòi lại được dòng nước, mà nhiều người làm lụng ở mỏ muối cũng bị đuổi. Họ chẳng có tội tình gì ngoài việc dám lên tiếng đòi hỏi lại dòng nước đã bị cướp.

Tôi còn nhớ cảnh tượng hôm đó, cha tôi trở về người run lẩy bẩy, mặt mày tái mét, đôi tay đưa lên bịt tai, miệng kêu la:

- Trời ơi! Trời ơi! Hỗng cả rồi, sai lầm lớn. Số kiếp đã định cả rồi, may mà trời chưa giáng xuống đâu, nếu không ta cũng bị Paca đuổi việc! Thôi, chống lại ông ta mà làm gì! Nước đáng là gì! Ngay con gái bị cướp đi cũng đành phải bó tay chứ làm sao được!

Đó là sự thật. Dân chúng thôn tôi quý nước như quý con gái mình. Nước cho chúng tôi cuộc sống. Nước là dòng máu chảy trong huyết quản. Không có nước, làm sao rửa sạch những vết bẩn trên mặt, quần áo bẩn thỉu, hôi hám, dầu tóc bù xù đầy chấy, mình mẩy sặc mùi mồ hôi, muối sê đồng lại trong con người. Ở đây, nước quý hơn vàng, đẹp hơn các cô gái trẻ. Muốn biết nước quý đến đường nào, xin hãy hỏi dân thôn tôi, những người suốt đời đấu tranh vì người, khắc rõ.

... Suốt ngày ròng rã chúng tôi sục tìm khắp núi, mà vẫn không tìm ra nước. Dưới bóng um tùm của cây hồng mai<sup>(1)</sup> trong các khe sâu vách núi, dưới vực sâu thẳm, trong hang thú dữ ở núi, khắp nơi đều thất bại. Chúng tôi đào những lạch nước cũ như đào huyệt, như chuẩn bị cho nơi ở tận cùng cuộc đời mình. Cũng như tên trộm đào tường khoét ngạch khắc nơi nhưng cuối cùng vẫn không lấy được của

<sup>(1)</sup> Loại chè mọc trên núi, thường vào tháng chạp, hoa nở cùng lúc với hoa mai nên gọi là hồng mai.

cái! Nước luồn lách ẩn mình ở xó xỉnh nào dưới vực thẳm.

Tuy vậy, không ai nản chí, vẫn theo cha tôi đi tìm nước. Lúc màn đêm buông xuống, cha tôi lau khô mồ hôi leo lên đỉnh núi, nhìn về phía mặt trời lặn để tìm tiếp. Trong ánh nắng vàng chiều tà, bỗng nhiên ở dưới khe sâu của những tảng đá có một đầm rêu xanh mướt mịn. Cha tôi liền chỉ về phía đó và nói:

- Xem kia, rêu, rêu! Thế nào phía đó cũng có nước. Rêu là ngọn cờ của nước, nước như một bộ lạc du mục, đến đâu trơ trọi cờ đến đó.

Cha tôi leo lên, lao về phía đầm rêu. Mọi người đã chạy theo. Đến nơi, cha tôi moi những tảng đá đất rắn cứng. Bóc hết lớp đất mềm đến lớp đất ẩm ướt khác, một dòng nước toé ra. Hàng trăm tiếng reo hò, phấn khởi vang lên:

- Nước. Có nước rồi!

Đôi bàn tay cha tôi run run vục nước. Ánh mắt mọi người đều dán mắt vào nét mặt cha tôi. Hàng trăm trái tim đang cùng nhịp đập, thầm cầu nguyện thánh Ala. Nước ngọt! Ala. Ngài ban cho chúng con nước ngọt.

Ném ngum nước ngọt trong lòng tay, cha tôi sung sướng reo lên. - Nước ngọt! Nước ngọt!

Mọi người xôn xao, reo hò:

- Nước ngọt! Nước ngọt thật rồi!

Tiếng reo hò vang khắp lòng núi:

- Có người rồi! Nước ngọt, nước ngọt!

Cùng lúc đó dưới thung lũng tiếng trống dồn vang. Trai gái say sưa hát ca, nhảy múa. Trẻ con thả sức hò reo. Không ai nén nổi lòng chờ đợi, dân trong thôn hối hả lấy tay moi đất, múc nước vào các hũ. Họ quay quanh lạch nước. Những cặp mắt háo hức như cảm động triền miên nhìn lạch nước, khác nào như người mẹ đang hoan hỉ, âu yếm ngắm nhìn đứa con mới lọt lòng.

\*

Tôi khó quên được cái đêm ấy. Không một ai muốn trở về thôn. Giống như ngày hội, mọi người vây quanh lạch nước vui đùa thoả sức. Bầu trời lấp lánh muôn vàn ánh sao. Dưới bóng những cây hồng mai, các bà mẹ nhóm lửa soạn bữa ăn tối. Những bé sơ sinh nằm yên trong bụng mẹ, thiêm thiếp trong tiếng hát ru. Các thiếu nữ say sưa cất lên những bản tình ca. Tiếng hát ngọt dịu dàng, ngọt ngào, êm tai, như dòng nước ngọt nhẹ nhàng tuôn chảy. Tất cả đàn bà con gái trong thôn trở nên xinh đẹp khác thường. Tất cả đất đai trở nên phì nhiêu, màu mỡ. Những rễ cây xanh tươi lại. Lúc lại tươi xanh khắp đồng ruộng.

Đó là kết quả trong đêm hôm cha tôi tìm ra lạch nước ngọt.

Nước là kết quả lao động của con người, là tình yêu của con người. Hôm nay, dân thôn tôi đón dòng nước như đón cô dâu mới về làng. Nghe lạch nước róc rách chảy tôi có cảm giác như tiếng khóc mừng tủi của cô dâu mới bước về nhà chồng đang còn xa lạ.

Đêm ấy, trên nền trời đang lấp lánh các vì sao, một tay tôi hứng dòng nước ngọt, một tay nắm tay nàng Paolo.

Dòng nước ngọt đã gây cho tôi biết bao kỷ niệm êm đẹp của tuổi thanh xuân. Chính bên dòng nước ấy tôi đã yêu Paolo. Paolo cũng xinh đẹp trong sáng như dòng nước ngọt ngào trong xanh đang ẩn trong lòng đất. Những đoá hoa rực rỡ mùa hạ, những lá cây vàng của mùa thu, những hoa tuyết màu trắng của mùa đông. Những đức tính diêm đạm hiền dịu đáng yêu của Paolo, tôi cũng có cảm tưởng như những giọt nước ngọt dưới lòng đất. Khi ánh bình minh chưa hé, Paolo lơ lửng ra lạch lấy nước. Không ai khác, chỉ có tôi đang đứng đợi chờ nàng ở đó. Vừa thấy tôi, nàng rạng rỡ, má nàng ửng đỏ.

Nàng vừa vui chiến hũ xuống nước, tôi cũng bắt đầu thô lộ

với nàng những lời ân ái. Nước đã đầy hũ, lòng tôi cũng tràn đầy niềm vui. Ánh bình minh đã lặng lẽ đến từ lúc nào không hay. Gió lay động cành lá. Lá nhẹ nhàng vuốt mặt chúng tôi. Chúng tôi đứng dậy, đưa mắt nhìn quanh, tôi nhẹ nhàng đặt chiếc hũ nước lên đầu nàng. Paold mỉm cười đứng dậy, đi xuống sườn núi. Tôi đứng lặng yên nhìn theo bóng nàng, cho tới lúc bị các cô gái trong thôn phát hiện giễu cợt tôi, tôi mới rời khỏi lạch nước. Lúc ấy tôi mới chợt nhớ ra cái câu mà tôi đã từng hỏi bà tôi: "Yêu là cái gì hả bà?"

Sau một ngày làm lụng trên mỏ, mệt nhoài tôi lê bước về nhà. Đặt lưng xuống giường, ngủ một mạch tới sáng hôm sau. Đã mấy hôm tôi không ra lạch nước gặp Paold. Là một phu mỏ mới vào nghề cho nên cái gì tôi cũng muốn học hỏi. Không còn thì giờ đến tùn Paold. Hơn nữa, nghe mọi người nói: "Ai đến làm mỏ người đó cũng biến thành muối".

Tôi còn nhớ một hôm, Paold hẹn tôi:

- Hai giờ sáng em chờ anh ở lạch nước nhé!

Tôi đáp:

- Anh rất mệt, muốn nghỉ ngồi đôi chút!

Nhưng Paold cho biết nàng đang có việc cần, muốn được gặp tôi, tôi nhận lời.

Hai giờ khuya, trời tối như mực, ở lạch nước không có một ai ngoài tôi và Paold.

Tôi hỏi:

- Có chuyện gì vậy em?

Nàng im lặng không trả lời. Tôi lại hỏi:

- Chuyện gì, cho anh biết đi, em?

Paolo đáp:

- Em sắp sửa phải rời khỏi thôn ta.

Tim tôi se lại, khát náo nước trong lạch dang chảy, bỗng ngưng động lại.

Giọng tôi lạc hẳn, tôi hỏi:

- Sao thế?
- Em đã hứa hôn rồi.

- Với ai?

- Với người anh họ, anh ấy ở quân đội về, hiện là sĩ quan cảnh sát trên khu Chikovan.

- Em sẽ rời bỏ thôn để theo anh ta? - Tôi đau buồn hơn.
- Vâng!

Hai chúng tôi im lặng, không nói năng gì. Lúc ấy trong tôi vụt loé lên một ý nghĩ tội lỗi: “Ta phải giết nàng ngay lúc này? Hay chờ đến lễ cưới của nàng?”.

Im lặng giây lát, Paolo lên tiếng:

- Nghe nói ở Chêkovan có nước, có nước máy nữa, lúc dùng chỉ cần vặn một cái là nước ra ngay!

Quá xúc động, giọng nói của nàng run run, định nói tiếp, nhưng vì chợt nhớ người đã cầu hôn với nàng, nên nàng lại im lặng.

Tôi lại gần nàng, hai tay đặt lên vai nàng, ngắm nhìn vào đôi mắt nàng, Paolo cúi đầu. Ánh mắt nàng không tỏ ý từ chối tình yêu của tôi, mà chỉ ánh lên niềm khát vọng về nước. Đôi bàn tay tôi từ từ buông xuống đôi vai ấy và nhận ra rằng, tình yêu không những đòi hỏi sự trung thành, đòi hỏi tình cảm mà cần có nước. Ánh mắt Paolo bộc lộ nỗi buồn sâu oán, hình như nàng nói rằng: “Anh biết cho, thôn ta chẳng đâu có nước. May tháng rồi, em không được tắm rửa. Đến em, em cũng chán ghét cái thân thể mình”.

Paolo lặng lẽ ngồi xuống lạch nước. Trong đêm tối, tôi thầm nghĩ, tình yêu mà Paolo theo đuổi, đâu phải là mối tình của một tấm thân thể bẩn thỉu, quần áo dính máu chảy rận, hôi hám, mà muốn một mối tình mà thân thể được tắm rửa thanh khiết, một bộ quần áo sạch sẽ, thơm tho.

Đã hai giờ khuya. Tôi mệt người ngồi xuống cạnh nàng. Paolơ và tôi ngồi im lặng.

Trái đất cũng im lìm, yên ắng quá chừng. Haùa như cả thế giới đêm nay đều trổ nên trống trải. Paolơ nhẹ nhàng lấy nước vào hũ. Nước róc rách chảy vào hũ, như đang trò chuyện với Paolơ. Tiếng nói của nước là hồi ức đẹp nhất của con người.

Paolơ đi rồi. Tôi thực sự nhớ đến câu chuyện bà tôi kể thời thơ ấu. Lúc người đàn bà không chung thuỷ với tình yêu, những giọt nước mắt họ sẽ biến thành những hạt muối. Trong mắt tôi không có một giọt nước mắt, nhưng biết bao hạt muối đã đông, kết lại trong tim tôi. Lòng ngực tôi như một mỏ muối - một tảng muối, một ngôi nhà muối, một đầm muối, miên man khắp nơi. Tôi tin chắc rằng, chỉ cần đập nhẹ tay những giọt nước mắt sẽ rơi xuống. Tôi như một hòn đá vô tri vô giác, bất động. Paolơ đứng lên, chân bước đi mà mắt nàng ngoái lại nhìn tôi. Cuối cùng, bóng nàng đã khuất hẳn con đường rẽ xuống dồi. Còn tôi, tôi vẫn ngồi lặng im chốn này. Các nơi không có nước. Paolơ phải bỏ đi tìm nơi có nhiều nước!

\*

Đêm cưới Paolơ, tôi nằm gặp một giấc mơ kỳ lạ. Nước sông Cairô lâu nay cạn khô bỗng tràn về. Trên núi có mỏ muối, lạch nước ngọt cũng cuồn cuộn tuôn trào. Giữa thôn tôi bỗng mọc lên một cây rất to, rễ cành, hoa đều là nước.

Lá trên cành đều phun nước xối xả, nước đã đem lại sự sống đất đai, cho cái thôn hoang vu của tôi. Nông dân vui mừng gieo mạ cày cấy, phụ nữ giặt giũ quần áo. Thợ mỏ tắm rửa thoải mái. Bầy con trẻ mang những vòng hoa nhảy múa tung bừng bên cây nước. Paolơ khoác tấm áo choàng giản dị, sạch sẽ, sánh vai bên tôi, thõ lộ những lời tâm tình:

- Thôn ta đã trồng được cây nước, em sẽ mãi mãi sống bên cạnh anh, sẽ không đi đâu nữa!

Đó là giấc mơ kỳ lạ của tôi. Nghe tôi kể về giấc mơ đó, cha tôi sợ run lên và nói:

- Ngoài cha ra, con đã kể cho ai nghe về giấc mơ này chưa?

- Thưa cha, chưa ạ! Nhưng sao cha có vẻ lo sợ đến thế. Đó chỉ là giấc mơ thôi mà!

Cha tôi nói:

- Ủ, chỉ là một giấc mơ, nhưng đó là một giấc mơ đỗ đầy con ạ!

Tôi cười:

- Thưa cha, giấc mơ của con đâu có đỗ và vàng, nó trong xanh như màu của nước. Đó là một cây nước mà! Cây không nở hoa mà là những chiếc bình pha lê trong suốt. Tiếng nước lóc xóc trong bình như tiếng trẻ nô đùa cười vì vẻ. Những chiếc bình như vòi nước vọt lên rồi rơi xuống.

Cha tôi nói:

- Dù sao, đó cũng là giấc mơ kỳ lạ. Nếu cảnh sát nghe thấy, người ta sẽ bắt con như từng bắt những người phu mỏ đấu tranh đòi dòng nước sông Cairô. Thế nào con cũng không được kể lại cho ai nghe. Hãy quên đi, xem như không có một giấc mơ nào cả! Không có chút lợi lộc gì đâu! Trời hạn thì mặc trời hạn, không có nước cũng dành chịu!

Cho đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ giọng nói đầy bi quan thất vọng của cha tôi. Buổi đầu tôi cũng chẳng dám kể cho ai nghe giấc mơ đó, nhưng dần dần tôi không thể giữ kín được, buột mồm ra kể cho bạn bè nghe. Nghe xong họ không những không sợ hãi mà còn cười ồ lên. Tôi hỏi vì sao cười, họ nói:

- Có gì mà sợ! Đó chỉ là giấc mơ tốt lành. Ở đây ai cũng từng có những giấc mơ như vậy.

- Thật ư? Đều mơ thấy cây nước cá chứ?

- Ai nói dối với cậu làm gì? Ở đây ai chẳng mong ước có được một dòng nước vừa ngọt vừa mát. Cậu chẳng phải lo sợ quá đáng như vậy, thế nào cũng có ngày ước mơ đó được thực hiện.

Mới đầu tôi chưa tin lời họ, nhưng càng làm việc lâu ngày với họ trên mỏ, càng ngày tôi càng tin ở họ. Giấc mơ của chúng tôi nhất định sẽ thành hiện thực. Một ngày nào đó thôn tôi sẽ trồng “cây nước”. Nước sẽ chảy tràn lan, tha hồ giặt rửa những vết nhơ trên mặt mũi. Nước sẽ thỏa mãn được mọi khát khao. Ruộng đồng, vườn tược sẽ có nước mà xanh tươi, sa mạc sẽ có nước mà trở nên màu mỡ, tình yêu sẽ có nước mà thuỷ chung.

LƯU ĐỨC TRUNG *dịch*

LESLIE MARMON SILKO  
(Mī)

## NGƯỜI ĐÀN BÀ DA VÀNG

**D**ùi tôi áp sát đùi chàng, ươn ướt và tôi nhìn mặt trời đang nhô lên qua cụm liễu rủ. Máy chú chim nước nhỏ, màu nâu bay đến bờ sông, nhảy trên mặt bùn, để lại dấu chân trên lớp đất màu trắng bạc. Chúng lặng lẽ tắm trong dòng sông. Tôi có thể nghe tiếng nước gần như sát chân chúng tôi, nơi những con sóng nhỏ vỡ tan nhanh rửa sạch đám lá dương xỉ và lớp rêu xanh bù xù. Tôi nhìn chàng cuộn người trong cái mền đồ nǎm bên tôi trên lớp cát sông trắng. Tôi phủi sạch cát ra khỏi kẽ chân, mắt nheo lại bởi mặt trời đã vượt lên khóm liễu. Tôi ngắm chàng đang ngủ trên bờ sông cát trắng lần cuối cùng.

Tôi cảm thấy đói, từ chiều hôm trước, men theo dòng sông lên hướng Nam, chúng tôi đến đây, dấu chân đã bị xoá mờ bởi đám thán lὸn và lũ côn trùng. Máy con ngựa vẫn đang nằm yên, con ô hí vang khi nhìn thấy tôi nhưng không đứng dậy - có lẽ là tại chỗ quây ngựa được kết bằng những cành tuyết tùng rậm rạp nên lũ ngựa chưa cảm nhận được mặt trời như tôi. Tôi cố nhìn qua những ngọn đồi dốc nhợt đến khu làng da đỏ Pueblo. Tôi biết ngôi làng ấy ở đó dẫu cho tôi không thể nhìn thấy, làng nằm trên ngọn đồi đầy đá sỏi bên dòng sông hệt như dòng sông lúc này đang chảy qua tôi và đã lấp lánh ánh trăng tối qua.

Bên dưới tôi, con ngựa cảm thấy ấm áp. Nó lắc đầu và cào cát. Con ngựa nâu đỏ hí vang, áp vào cổng, cố bám theo và tôi nhớ chàng đang ngủ trên cái mền đỏ bên bờ sông. Tôi xuống ngựa, buộc nó gần con kia. Tôi lại bước về phía Bắc của dòng sông, cát trắng vỡ ra, in những dấu chân chồng lên dấu chân.

“Dậy đi”.

Chàng ngọ nguậy người trong mền, quay mặt về phía tôi nhưng mắt vẫn nhắm chặt. Tôi quỳ xuống chạm vào người chàng.

“Em sắp đi”.

Bây giờ chàng mỉm cười nhưng mắt vẫn nhắm. “Em sẽ đi cùng anh, nhớ chú?” Lúc này chàng ngồi dậy, bộ ngực và cái bụng đen đen để trần trong nắng

“Đi đâu?”

“Đến chỗ anh”.

“Rồi em sẽ quay lại chứ?”

Chàng mặc quần. Tôi rời chàng bước đi, cảm thấy chàng ở ngay phía sau và đang ngủ mùi liễu.

“Người Đàm Bà Da Vàng”, chàng nói.

Tôi quay lại đối mặt với chàng. “Anh là ai?” - tôi hỏi

Chàng cười rồi quỳ gối cúi xuống bờ cát rửa mặt trong dòng sông. “Tôi qua em đã đoán ra tên anh và em đã biết tại sao anh đến”.

Tôi nhìn qua chàng vào chỗ dòng nước nông đang chảy và cố nhớ lại tối qua, nhưng tôi chỉ nhìn thấy vầng trăng trong nước và nhớ hơi ấm của chàng bao trùm khắp người tôi.

Nhưng em chỉ nói rằng anh là người ấy và em là Người Đàm Bà Da Vàng - thật ra em không phải là cô ta - em có tên của mình, em đến từ ngôi làng Pueblo ở phía bên kia rặng đồi. Tên của anh là Silva, anh là người xa lạ mà em đã gặp bên dòng sông chiều qua”.

Chàng khẽ cười. “Những gì xảy ra hôm qua thì chẳng liên quan tới những gì em sẽ làm hôm nay, Người Đàm Bà Da Vàng à”.

“Em biết - đây là điều em đang nói - câu chuyện cổ về con ma *ka'tsina* và Người Đàm Bà Da Vàng chẳng liên quan gì đến chúng ta”.

Ông nội già nua của tôi thích kể những câu chuyện như thế này nhất. Có một chuyện kể về Badger và Coyote, những người đang đi săn suốt cả ngày, và khi mặt trời sắp lặn, họ tìm thấy một ngôi nhà. Có một cô gái đang sống một mình trong đó, mắt và tóc nàng nàng gợi cảm, nàng bảo với họ rằng hai người có thể ngủ với nàng. Coyote muốn một mình ngủ với nàng suốt đêm vậy nên hắn dụ Badger chui vào hang sóc chó bằng cách bảo với gã kia rằng hắn thoáng thấy có cái gì trong đó. Ngay khi Badger vừa chui vào, Coyote khuân đá lấp kín miệng hang rồi vội quay vào với Người Đàm Bà Da Vàng.

“Lại đây nào”, chàng dịu dàng nói.

Chàng chạm vào cổ tôi và tôi dịch sát vào chàng để cảm nhận hơi thở và nghe nhịp tim chàng. Tôi đang thầm nhủ liệu Người Đàm Bà Da Vàng có biết nàng là ai không - nếu nàng biết điều ấy thì hắn nàng sẽ trở thành một phần của câu chuyện. Có lẽ nàng còn một tên nữa, cái tên để chồng và họ hàng nhà nàng gọi, còn cái tên Người Đàm Bà Da Vàng kia thì duy chỉ có *ka'tsina* ở phương Bắc và những người kể chuyện biết mà thôi. Nhưng tôi không nghĩ tiếp nữa; tôi cảm thấy chàng đã ôm choàng, đẩy tôi nằm xuống bờ cát trắng của dòng sông.

Người Đàm Bà Da Vàng đi với con ma phương Bắc, sống cùng hắn và họ hàng nhà hắn. Nàng ra đi trong khoảng thời gian dài, nhưng rồi ngày nọ, nàng trở về mang theo hai cậu bé song sinh.

“Anh có biết câu chuyện ấy không?”

“Chuyện gì?” Chàng mỉm cười rồi kéo tôi vào lòng khi cất tiếng hỏi. Tôi sợ nambi lên cái mền đỏ. Tất cả những gì tôi có thể biết là sự cảm nhận về chàng, ám áp, ướn ướt và thân thể chàng bên tôi. Đây là điều xảy ra trong câu chuyện, tôi đang nghĩ, tâm trí không còn ruồi qua cái khoảnh khắc nàng gấp con ma *ka'tsina* và họ ra đi.

“Em không phải đi. Những gì họ nói trong chuyện là chỉ đúng cho thời ấy, cái thời xưa như họ kể ấy mà”.

Chàng đứng dậy, chỉ vào đống quần áo rối tung của tôi trên mền. “Ta đi thôi”, chàng nói.

Tôi bước bên cạnh chàng, thở ~~hổn~~ hổn hển vì chàng đi nhanh, tay chàng nắm lấy cổ tay tôi. Tôi dừng lại cố rút tay ra bởi tay chàng lạnh lẽo và mặt trời đã lên cao, sấy khô lòng sông thành màu bạc thêch. Tôi sẽ gặp ai đó, chắc chắn tôi sẽ gặp một ai đó, khi ấy tôi sẽ chắc rằng chàng chỉ là một người đàn ông - một người bình thường tình cờ đi qua - rồi tôi sẽ chắc chắn rằng mình không phải là Người Đàm Bà Da Vàng. Bởi vì nàng đã ra đi từ trong quá khứ còn tôi thì đang sống bây giờ, tôi đã từng đến trường, có đường cao tốc, có xe tải, những thứ mà Người Đàm Bà Da Vàng chưa hề nhìn thấy.

Thật dễ chịu khi cưỡi ngựa đi về phương Bắc. Tôi quan sát sự thay đổi từ những cây bông dọc bờ sông đến những cây *juniper* sột soạt vượt qua chúng tôi dưới chân đồi và cuối cùng chỉ còn rặt cây thông; khi tôi ngược nhìn lên rìa bình nguyên trên núi tôi có thể nhìn thấy hàng thông mọc trên gờ vách. Có lúc tôi dừng lại nhìn xuống nhưng lớp đá sa thạch xám nhợt đã biến mất, dòng sông cũng đã khuất, chỉ còn những quả đồi nham thạch đen vây quanh. Chàng sờ tay tôi, không nói mà chỉ luôn khẽ hát bài ca núi rừng và nhìn vào mắt tôi.

Tôi thấy đôi và thầm nghĩ bây giờ mọi người đang làm gì ở nhà - mẹ tôi, bà nội tôi, chồng tôi và đứa bé. Đang nấu bữa

sáng và nói: “Nó đi đâu nhỉ? - có lẽ bị bắt cóc”, rồi Al sẽ đến gặp cảnh sát bộ tộc cung cấp chi tiết: “Cô ấy đi dạo dọc sông”.

Ngôi nhà được dựng bằng đá nham thạch đen và bùn đỏ. Nó lượn cao trên hàng dặm thung lũng và dồi dài trải rộng. Tôi ngửi thấy mùi thông núi và cành cây gai. Tôi đứng lại, bên con ngựa ô, nhìn xuống vùng quê mờ mờ nhỏ bé mà chúng tôi đã đi qua rồi tôi rùng mình.

“Người Đàm Bà Da Vàng, vào trong đi, sê ám”.

\*

Chàng nhóm bếp. Đây là cái bếp cũ có khoang giữa tròn và chiếc bình cà phê tráng men trên miệng. Chỉ có một bếp lò duy nhất, mấy cái mền Navajo bạc màu, một túi ngủ và một cái thùng catton. Nền nhà láng vừa đất sét sông bằng phẳng, cánh cửa sổ nhỏ, duy nhất trổ sang hướng Đông. Chàng chỉ cái thùng.

“Có một ít khoai tây và chảo rán”. Chàng ngồi xuống sàn, vòng hai tay qua, kéo đầu gối vào sát ngực và nhìn tôi rán khoai tây. Tôi không bận tâm đến cái nhìn của chàng bởi chàng luôn ngắm nhìn tôi - chàng đã luôn nhìn kể từ lúc tôi gặp chàng ngồi bên bờ sông, dùng dao xén những chiếc lá rời khỏi cành liễu. Chúng tôi ăn trong chảo và chàng chùi mồ hôi ở tay vào chiếc quần Lewis của mình.

“Trước đây anh đã từng đưa người đàn bà nào về đây chưa?”. Chàng mỉm cười và tiếp tục nhai, vậy nên tôi bảo: “Anh luôn sử dụng cùng một mẹo ấy à?”

“Mẹo gì?” Chàng nhìn tôi như thể chàng không hề hiểu.

“Câu chuyện về ma *ka'tsina* trên núi. Câu chuyện về Người Đàm Bà Da Vàng”.

Silva im lặng, vẻ mặt chàng điềm tĩnh.

"Em không tin. Bây giờ những câu chuyện ấy không thể nào xảy ra".

Chàng lắc đầu và nói dịu dàng: "Nhưng có ngày họ sẽ kể về chúng ta và họ sẽ nói: "Hai người ấy sống tự thời xưa thời xưa khi những chuyện như thế mới có thể xảy ra".

Chàng đứng dậy đi ra ngoài. Tôi ăn hết chõ khoai tây và nghĩ ngợi mông lung - về âm thanh mà bếp lò đang tạo ra, về tiếng gió núi bên ngoài. Tôi nhớ lại hôm qua và cả ngày trước đó rồi tôi bước ra ngoài.

Tôi bước qua bãi quây súc vật đến rìa núi nơi lối mòn hẹp chạy qua tầng đá viền đen. Tôi đang đứng giữa vòm trời, xung quanh chàng có gì trừ làn gió đang thổi xuống từ đỉnh núi màu xanh phía sau lưng. Tôi có thể nhìn thấy những ngọn núi cách xa nhiều dặm mờ mờ vắt qua những ngọn đồi, thung lũng và bình nguyên bao la. Tôi thầm nghĩ ai đã từng đến đó để tận hưởng làn gió núi tỏa xuống từ những mỏm xanh trập trùng ấy - ai thả bộ trên thảm lá thông trong rặng núi xanh này.

"Em có thể nhìn ra làng chứ?" Silva đang đứng sau tôi.

Tôi lắc đầu. "Chúng ta đã đi quá xa".

"Từ nơi này anh có thể nhìn thấy thế giới". Chàng bước lên mỏm đá. "Vùng đất của người Navajo bắt đầu từ đây kia". Chàng chỉ tay về hướng Đông. "Biên giới làng Pueblo ở phía này". Chàng nhìn xuống phía dưới chúng tôi rồi dời về hướng Nam nơi lối mòn hẹp đường như khởi đầu từ đây". Người Texan lập trại nuôi gia súc ở đây kia, bắt đầu từ thung lũng ấy, thung lũng Concho. Người Mexico cũng chăn nuôi gia súc ở đó".

"Anh có làm việc cho họ không?"

"Anh ăn trộm của họ", Silva đáp. Mặt trời đang lặn phía sau chúng tôi, những cái bóng đang lấp đầy vùng đất bên dưới. Tôi bước khỏi mỏm đá cắt thẳng đứng xuống thung lũng bên dưới.

“Em lạnh”, tôi nói; “em sẽ vào trong”. Tôi bắt đầu phân vân về người đàn ông này, người có thể nói tiếng Pueblo rất thạo nhưng lại sống trên núi và ăn trộm gia súc. Tôi khẳng định người này thuộc bộ tộc Navajo bởi vì đàn ông Pueblo không bao giờ làm những điều như thế.

“Chắc chắn anh là người Navajo”.

Silva dịu dàng lắc đầu. “Người Đàn Bà Da Vàng bé bỏng”, chàng nói. “Em vẫn chưa tin, đúng không? Anh đã bảo với em anh là ai. Người Navajo cũng biết anh”. Chàng quỳ xuống, tháo chiếc túi ngủ, trải thêm mấy cái mền lên mảnh vải bạt. Mặt trời đã lặn, ánh sáng duy nhất trong ngôi nhà được hắt từ bên ngoài vào - ánh sáng màu cam âm ấm của hoàng hôn.

Tôi đứng im đợi chàng chui vào trong chăn.

“Em còn đợi gì nữa?”, chàng nói, và tôi nằm xuống bên chàng. Chàng chậm rãi cởi đồ tôi như cái đêm hôm trước bên dòng sông - dịu dàng hôn lên mặt tôi rồi xoa tay khắp bụng và chân tôi. Chàng cởi đồ lót tôi ra, lúc ấy chàng phì cười.

“Sao anh cười?”

“Em thở dữ quá”.

Tôi tuôn ra khỏi chàng và nằm quay lưng lại.

Chàng kéo tôi lại, dùng tay và ngực xoay người tôi, tôi sợ bởi biết rằng sức khoẻ của chàng có thể làm tôi đau. Tôi nằm dưới chàng và biết chàng có thể giết chết tôi. Nhưng lát sau, lúc chàng ngủ bên tôi, tôi sờ mặt chàng và thấy lòng rung động - kiểu xúc cảm dành cho chàng hệt như đã đến với tôi sáng hôm ấy bên bờ sông. Tôi hôn lên trán chàng và chàng choàng tay ôm tôi.

Buổi sáng, khi tôi thức giấc, chàng đã đi. Điều đó tạo cho tôi cảm giác kì lạ bởi mất một hồi lâu, tôi ngồi yên trên mền nhìn quanh ngôi nhà bé nhỏ tìm dấu vết chàng - một bằng chứng gì đó cho thấy chàng đã ở đây hoặc có lẽ chàng sẽ quay

về. Chỉ có đống mền và cái thùng catton còn đó. Khẩu súng cỡ 30 - 30 dựng trong góc nhà không còn, kể cả con dao tôi dùng tối qua. Chàng đã đi, bây giờ tôi có cơ hội. Nhưng trước hết tôi phải ăn cái đã bởi tôi biết đường về nhà rất xa.

Tôi tìm thấy một ít mơ khô trong thùng catton, tôi ngồi trên phiến đá bên rìa bình nguyên. Không có gió và cũng không có mặt trời sưởi ấm. Tôi bị bao quanh bởi sự im lặng. Tôi ngủ chập chờn với những quả mơ trong miệng và tôi chẳng tin là có đường cao tốc, đường xe lửa hoặc ga súc để ăn trộm.

Khi thức giấc, tôi nhìn xuống đôi chân trong lớp bụi đèn vùng núi. Mấy con kiến đen nhỏ bò lổn nhổn trên đám lá thông quanh chân tôi. Chắc chúng đã bắt được mùi mơ. Tôi nghĩ về gia đình mình mãi tít xa bên dưới. Mọi người chắc đang lo lắng về tôi bởi vì trước đây chuyện này chưa bao giờ xảy ra với tôi. Cảnh sát bộ lạc hẳn phải gởi báo cáo. Nhưng nếu người ông già nua của tôi chưa mất thì ông sẽ nói cho họ biết chuyện gì đã xảy ra - ông sẽ cười xòa và nói: "Bị trộm bởi ma núi *ka'tsina*. Con bé sẽ quay về - bọn chúng luôn làm như thế". Có đủ người để xoay xở mọi việc. Mẹ và bà tôi sẽ nuôi nấng đứa bé như họ đã nuôi tôi. Al sẽ tìm được một cô nào đó rồi mọi người sẽ tiếp tục sống như cũ, ngoại trừ câu chuyện về cái ngày tôi biến mất trong lúc tôi đi bộ dọc theo bờ sông. Silva đã vì tôi mà đến. Chàng đã bảo chàng đến. Tôi chưa quyết định ra đi. Nhưng tôi đã đi. Hoa cúc bạch nở trên đồi cát trước lúc bình minh, chỉ đến khi ấy, tôi theo chàng. Đây là những gì tôi nghĩ trong khi đi theo lối mòn xuyên qua rừng thông.

Đến trưa tôi quay lại. Khi nhìn thấy ngôi nhà đá, tôi sực nhớ mình muốn về nhà. Nhưng chuyện ấy đường như chẳng còn quan trọng nữa có lẽ bởi vì đã có những bông hoa bé nhỏ màu xanh vươn trên thảm cỏ đằng sau ngôi nhà đá và một

chú sóc xám đang nô đùa trong rừng thông bên cạnh nhà. Mấy con ngựa đang đứng trong bãi quây, một tấm da bê đang treo trong bóng râm của cây thông lớn phía trước nhà. Ruồi bay vù vù quanh những đốm máu đông trên bộ da. Silva đang rửa tay trong cái xô đầy nước. Chắc chàng đã nghe tiếng tôi đến bởi chàng nói với tôi mà không ngoảnh lại nhìn.

“Anh đang sốt ruột vì em”.

“Em đi dạo trong rừng thông lớn”.

Tôi nhìn vào cái xô đầy nước loang máu với những sợi lông trắng nâu của con vật lèn bệnh trong đó. Silva đứng yên để nước rò khỏi tay và quan sát tôi thật kỹ.

“Em sẽ đi cùng anh chứ?”

“Đi đâu?”, tôi hỏi chàng.

“Bán thịt ở Marquez”.

“Nếu anh chắc là không bị làm phiền”.

“Thì anh có hỏi em là phiền phức gì đâu”, chàng đáp.

Chàng tráng nước quanh xô trước khi đổ ra và úp xô xuống gần cửa. Tôi theo chàng đến bãi quây và xem chàng thắng yên mấy con ngựa. Ngay cả khi đứng bên lũ ngựa, trông chàng vẫn cao to, tôi lại hỏi có phải chàng là người Nevajo. Chàng không nói, chỉ lắc đầu và tiếp tục thắng yên.

“Nhưng người Nevajo thì cao”.

“Lên ngựa đi”, chàng bảo, “rồi ta đi thôi”.

Việc cuối cùng chàng làm trước khi chúng tôi đi xuống con đường dốc là chộp lấy khẩu 30 - 30 trong góc nhà. Chàng đút khẩu súng vào bao treo bên yên.

“Họ lùng bắt anh à?”, tôi hỏi.

“Họ chẳng biết anh là ai đâu”.

“Vậy thì tại sao anh phải mang súng theo?”

“Bởi vì chúng ta sẽ đến Marquez, nơi người Mexico sinh sống”.

\*

Lối mòn bằng phẳng trên gờ đất hẹp, hai bên đổ dốc xuống như thể cái xương sống của một con vật. Phía bên này, tôi có thể nhìn thấy một lối mòn chạy vòng qua những ngọn đồi đá xám và biến mất vào hướng Đông Nam nơi những ngọn đồi phủ đá sa thạch xám nhạt đứng cách xa, gần nhà tôi. Lối mòn phía bên kia chạy về hướng Tây và khi nhìn tít tận đằng xa kia, tôi nghĩ mình thấy một thành phố nhỏ. Nhưng Silva bảo không phải vì tôi đã nhìn sai hướng, mấy ngôi nhà tôi thấy chỉ do trí tưởng tượng của tôi dựng nên mà thôi. Sau đó tôi không nhìn ra xa nữa; trời nóng, khóm hoa dại xếp cánh. Duy chỉ có những bông hoa xương rồng màu sáp nở tung trong ánh mặt trời chói chang, tôi có thể nhìn thấy các sắc màu của chùm hoa xương rồng; những cụm trắng và đỏ thì hãy còn nụ, nhưng màu đỏ tía và vàng thì đã nở, nở tung và đẹp hơn hết thảy.

Silva nhìn thấy hắn trước tôi. Gã da trắng cưỡi con ngựa xám lớn đang tiến theo lối mòn về phía chúng tôi. Hắn phóng nhanh, vó ngựa xám hất tung đá lăn khỏi đường rồi xuống vạt cỏ khô. Silva ra hiệu cho tôi dừng lại, chúng tôi quan sát gã da trắng. Từ xa hắn chưa nhận ra ngay chúng tôi, nhưng rốt cuộc khi con ngựa hắn hí vì mấy con ngựa chúng tôi ném hắn dừng lại. Hắn liếc nhìn chúng tôi trước lúc giật cương con ngựa xám băng qua khoảng đất chừng ba trăm mét ngăn giữa chúng tôi và hắn. Hắn dừng ngựa trước mặt Silva, khuôn mặt béo tròn của hắn được che nắng bởi vành mũ. Trông hắn không có vẻ phát khùng, những đôi mắt xanh nhỏ của hắn hết nhìn những chiếc túi đựng thịt sưng máu treo bên yên ngựa tôi, nhìn mặt Silva rồi lại nhìn mặt tôi.

“Bạn mày lấy chỗ thịt tươi ấy ở đâu?”, gã da trắng hỏi.

“Tôi săn”, Silva đáp và khi chàng trở người trên yên, mấy sợi dây da kêu cót két.

“Mày săn cái con mẹ gì, đồ mọi da đỏ. Mày ăn trộm gia súc thì có. Bọn tao đang lùng kẻ cắp từ bấy lâu nay”.

Gã chăn gia súc béo ú, mồ hôi vã ướt sũng chiếc sơ mi cao bồi màu trắng, lần vải ướt dính bết vào những lằn mõ trên cái bụng béo của hắn. Hắn đường như đang hổn hển vì phải nỗ lực nói, người hắn tỏa mùi, có lẽ tại Silva làm hắn sợ.

Silva quay sang tôi và mỉm cười. “Trở lại núi đi hỡi Người Đàm Bà Da Vàng”.

Gã da trắng nổi đóa khi hắn nghe Silva nói bằng thứ tiếng mà hắn không hiểu. “Đừng cố giở trò làm gì, đồ mọi đỏ. Cứ tiếp tục đến Marquez đi. Từ đây bọn tao sẽ gọi điện cho cảnh sát tiểu bang”.

Gã chăn gia súc hắn không được trang bị vũ khí bởi lẽ hắn rất hoảng sợ, còn nếu có súng thì khi ấy hắn đã rút ra rồi. Tôi quay vòng ngựa lại, gã chăn gia súc hét: “Đứng lại!”. Tôi liếc nhìn Silva, có nét gì đó mông muội và đen tối - mà tôi có thể cảm nhận bằng tim mình - trong mắt Silva, và khi liếc nhìn tay chàng, tôi thấy bàn tay đã đặt lên cò khẩu 30 - 30 vẫn nằm trong bao bên yên ngựa. Tôi vỗ xuống vai con ngựa, mây túi thịt sống va vào đầu gối khi con ngựa phi ngược lên đường mòn. Thật khó để giữ thăng bằng và có lúc tôi nghĩ chiếc yên như thế đã tụt ra sau; vì thế nên tôi không thể quay nhìn lại.

Phi liền một mạch cho đến lúc tôi đến mỏm núi nơi lối mòn rẽ ba. Con ngựa thở phì phò, cổ nó phủ một lớp mồ hôi đen sẫm. Tôi nhìn xuống con đường mình vừa đến, nhưng tôi không thể thấy chỗ ấy. Tôi đợi. Một cơn gió thoáng đến đầy không khí nóng bay đi. Tôi nhìn lên bầu trời xanh nhợt và đầy áp những đám mây mỏng và những vệt mây tơ nhạt dần do máy bay phản lực để lại. Tôi chắc có bốn phát đạn được bắn ra - tôi nhớ khi nghe bốn tiếng nổ vang ấy nó gợi tôi nhớ lại cuộc săn hươu. Sau đó có lẽ còn thêm nhiều phát nữa song tôi

không thể nghe bởi con ngựa tôi lại phi và đá vỡ dưới vỏ ngựa lại phát ra âm thanh lớn quá.

Lúc ngựa khi xuống đồi thì rất vất vả nhưng tôi cứ theo hướng ấy thay vì leo dốc chạy lên núi bởi lẽ tôi nghĩ đi xuống sẽ an toàn hơn. Tôi cảm thấy dễ chịu khi con ngựa phi về hướng Đông Nam vượt qua những ngọn đồi xám tròn mọc đầy cây tuyết tùng và đá nham thạch đen. Khi đến vùng đất phẳng, tôi có thể nhìn thấy những vệt xanh sẫm của rừng liễu mọc hai bên bờ sông phía xa xa; nhìn qua sông tôi có thể thấy những quả đồi đá sa thạch xám nhợt tiếp giáp. Tôi ghìm ngựa, quay lại nhìn xem có ai đuổi theo, rồi tôi nhảy xuống quay đầu ngựa lại và thầm nhủ liệu nó có quay trở lại bãi quây dưới rặng thông trên núi kia không. Nó nhìn tôi một lát, ngoạm một miệng đầy cỏ xanh trước lúc phi nước kiệu trở lại lối mòn, đeo tai vểnh cao, hơi nghiêng đầu sang để tránh giãm lên sợi dây cương lòng thòng. Khi con ngựa biến mất sau ngọn đồi cuối cùng, mấy chiếc túi đựng thịt đầy áp thịt vẫn đang đưa và nẩy lên.

Tôi cuốc bộ về phía dòng sông theo đường của những người đốn củi, tôi biết lối này sẽ dẫn ra con đường lát đá. Tôi đang tính chuyện đợi bên đường chờ xe ai đó đi nhờ, nhưng lúc ra đến đường rộng, tôi quyết định nếu cứ men theo dòng sông đi ngược lại lối Silva và tôi đã đi thì đoạn đường không còn xa lắm.

Nước sông có vị dễ chịu, tôi ngồi trong bóng mát, dưới cụm liễu bạc. Tôi nghĩ về Silva, tôi cảm thấy buồn khi rời xa chàng; nhưng ở chàng có cái gì đó kì lạ và tôi cố cắt nghĩa trên suốt cả đoạn đường về nhà.

Tôi quay về chỗ bên bờ sông nơi chàng ngồi trong lần đầu tiên tôi gặp. Những lá liễu xanh chàng cắt từ cành cây vẫn đang nằm đó, héo rũ trong cát. Nhìn thấy đám lá, tôi muốn quay lại với chàng - để hôn và chạm vào người chàng - nhưng

bây giờ núi đã cách xa quá. Và tôi tự nhủ lòng, bởi tôi tin rằng hôm nào đó, chàng sẽ quay lại ngồi đợi bên dòng sông.

Tôi theo con đường dẫn từ sông về làng. Mặt trời đang lặn, tôi có thể ngửi thấy khói cơm chiều khi tôi vào đến cánh cửa trước của nhà mình. Tôi có thể nghe giọng mọi người trong nhà - mẹ tôi đang bảo bà cách điều chỉnh chiếc Jell-O, còn chồng tôi, Al đang đùa với đứa bé. Tôi quyết định nói với mọi người rằng một gã Navajo đã bắt cóc tôi, nhưng tôi lấy làm tiếc bởi ông nội già nua không còn sống để nghe câu chuyện của tôi vì đây là chuyện về Người Đàn Bà Da Vàng mà ông thích kể nhất.

LÊ HUY BẮC *dịch*

ISAAC BASHEVIS SINGER  
(Mī)

## BÀI GIẢNG

Tôi lên đường đến Montreal thuyết giảng. Bây giờ đang giữa mùa đông và tôi đã được báo cho biết trước là nhiệt độ ở đó thấp hơn New York mười độ. Báo chí tường thuật rằng nhiều chuyến tàu đã bị sa lầy trong tuyết và nhiều làng chài bị biệt lập khiến thức ăn và thuốc men tiếp tế phải thả xuống cho họ bằng máy bay.

Tôi chuẩn bị cho chuyến đi như thể đó là một cuộc thám hiểm đến Bắc cực. Tôi mặc chiếc áo khoác dày bên ngoài hai cái áo len rồi gói ghém đồ lót ấm và một chai côn hắc trong vali phòng nhỡ tàu có bị kẹt lại ở một nơi nào đó trên cánh đồng. Trong túi áo ngực, tôi để tập bản thảo viết tay mà tôi dự định đọc - một bản báo cáo đầy lạc quan về tương lai ngôn ngữ I-đít.

Vào lúc khởi đầu, tất cả mọi thứ đều suôn sẻ. Như thường lệ, tôi đến sân ga sớm hơn một tiếng trước giờ tàu khởi hành, vì thế tôi chẳng tìm thấy một người phu khuân vác nào cả. Sân ga đầy khách du lịch, tôi quan sát họ, cố đoán xem họ là ai, họ sẽ đi đâu và tại sao?

Không có người nào ăn mặc nặng nề như tôi cả. Thậm chí vài người còn mặc áo khoác mỏng. Những quý bà trông rực rỡ và lịch sự trong những chiếc áo lông chồn và lông hải

ly, tất dài bằng nilon và mū hợp thời trang. Họ mang chiếc túi màu sắc sặc sỡ và những tạp chí báo ảnh, hút thuốc rồi tán gẫu và cười nói với một vẻ vô tư làm tôi không ngừng ngạc nhiên. Cứ như là họ không biết gì về những vấn đề sống còn của thế giới hay những vấn đề đã tồn tại vĩnh hằng, cứ như họ không bao giờ nghe nói đến sự chết chóc, bệnh tật, chiến tranh, đói nghèo, sự phản bội hoặc chỉ là những rắc rối như trễ tàu, mất vé hay cướp giật. Họ đùa bõn như những cô nàng đong đảnh, khoe những ngón tay màu đỏ máu. Sáng hôm đó sân ga lạnh lẽo nhưng hình như chẳng có ai cảm thấy điều đó. Tôi ngạc nhiên không biết những người này từng biết là đã có Hitler không? Có nghe nói đến cái máy chém không? Họ có thể biết, nhưng họ quan tâm gì khi người khác bị hành hạ?

Tôi thấy ngứa ngáy từ lớp áo len mặc bên trong. Bây giờ tôi bắt đầu cảm thấy nóng. Nhưng thỉnh thoảng một cơn ớn lạnh lại chạy dọc khắp cơ thể. Bài thuyết giảng với những điều tôi dự đoán về một tương lai chói lọi cho ngôn ngữ I-dít làm tôi lo lắng. Cái gì đã làm tôi trở nên lạc quan một cách bất ngờ như vậy? Theo quan điểm của riêng tôi, phải chăng tiếng I-dít sẽ không bị huỷ diệt?

Tàu hỏa Mỹ chạy nhanh và việc nghỉ ngơi thoải mái trên toa đường như giống phép màu đối với tôi. Tôi nhớ những chuyến đi ở Ba Lan khi những hành khách Do Thái không được vào trong toa, còn tôi thì phải đu người trên lan can. Tôi nhớ những cuộc bãi công đường sắt khi tàu hỏa bị chặn lại giữa đường trong nhiều giờ đồng hồ và không thể len qua được dãy dông dày đặc để đến phòng vệ sinh.

Nhưng tôi đã ở đây, ngồi trên một chiếc ghế mềm mại bên cạnh cửa sổ. Toa xe bị hun nóng. Ở đây không có đồ đạc lính kinh gì, không có những chiếc mū bằng da lông thú cao, không có áo khoác da cừu, không có thùng hộp, và cũng chẳng

có sen đầm. Không có ai ăn bánh mì hay mõ lợn, không có ai tu rượu vodka từ chai. Không có ai nghiếc móc những người Do Thái về sự phản bội. Trong thực tế, không ai nói đến chính trị cả. Ngay khi tàu bắt đầu chuyển bánh, một người da đen to lớn đeo tạp dề trắng đi vào và thông báo ăn trưa. Tàu không chạy rầm rầm mà lướt đi nhẹ nhàng trên đường ray dọc theo miền Hudson lạnh giá. Bên ngoài, cảnh vật lấp lánh trong tuyết và ánh sáng. Những con chim vẫn còn ở lại cho đến mùa đông bay ríu rít trên mặt sông băng.

Càng đi xa thì cảnh vật càng chìm trong băng giá. Thời tiết đường như thay đổi trong từng dặm. Giờ đây chúng tôi đang đi xuyên qua vùng sương mù dày đặc và bây giờ không khí thoảng đãng rồi mặt trời lại đang tỏa sáng một vùng không gian rộng lớn lấp lánh ánh bạc.

Tuyết bắt đầu rơi nặng. Trời đột nhiên tối sầm. Ánh ngày chỉ còn thoảng qua. Tàu tốc hành không chạy nữa mà trườn đi chậm chạp và thận trọng như thể nó đang rò rãm trên đường ray. Hệ thống sưởi trên tàu đường như đã bị hỏng. Tàu trở nên lạnh lẽo và tôi phải mặc áo khoác. Trong một lát, những hành khách khác giả đò rằng họ không cảm thấy gì cả, như thể họ sẽ xấu hổ khi phải thừa nhận quá nhanh rằng mình bị lạnh. Nhưng ngay sau đó, họ bắt đầu giật chân, cắn nhăn, nhăn mặt lúng túng và lục lọi trong vali của mình để tìm áo len, khăn quàng, ủng hay bất cứ cái gì mà họ đem theo. Họ bẻ dựng cổ áo lên, rút tay vào tay áo. Son phấn trên mặt các quý bà khô lên và bắt đầu bong ra như vữa trát tường.

Người Mỹ mơ mộng rằng dần dần tuyết sẽ tan cơn người Ba Lan chân chất thực tế thì không tin như thế. Ai đó uống whisky từ trong chai. Ai đó ăn bánh mỳ và xúc xích để làm ấm cái dạ dày. Cũng có người lao nhanh vào toilet. Khó mà hiểu được chuyện gì đã xảy ra, nhưng sàn toa xe trở nên ẩm ướt và

nhớp nháp. Những ô kính cửa sổ bị băng đóng cứng và sương giá phủ lên những giọt nhũ trăng.

Đột nhiên tàu dừng lại. Tôi nhìn ra ngoài thấy rừng cây thưa thớt. Cây cối khảng khiu, cong queo và mặc dù bị tuyết phủ, trông chúng vẫn trơ trọi và đen đúa, như thể vừa trải qua đám cháy. Mặt trời đã lặn nhưng những quầng sáng màu đỏ tía vẫn rực lên ở phía Tây. Tuyết trên mặt đất không còn trắng nữa, mà chuyển sang màu tím. Mấy con quạ bước trên mặt tuyết, vỗ cánh và tôi nghe thấy tiếng kêu của chúng. Tuyết rơi thành từng khối xám nặng, như thể những ông thần giữ cửa của Kho Tuyết ở trên kia đã quá lười nhác vung chúng rơi đều hơn. Hành khách đi từ toa này sang toa khác để lại những cánh cửa mở. Nhân viên phục vụ và những người làm công khác trên tàu khi được hỏi, họ không dừng lại mà khiếm nhã càu nhàu điều gì đó.

Chúng tôi cách biên giới Canada không xa, và hầu như đã đi qua lãnh thổ của Chú Sam. Vài hành khách bắt đầu tháo hành lý xuống; có lẽ chẳng mấy nữa họ phải trình nó cho các nhân viên hải quan. Một công dân Mỹ nhập tịch lấy giấy tờ tùy thân ra và xem xét ảnh của mình, như cố thuyết phục bản thân rằng những giấy tờ ấy không giả.

Một hay hai hành khách gì đấy đánh bạo đi ra khỏi tàu, nhưng chân họ bị ngập tuyết đến đầu gối. Lát sau họ đành phải trèo lại vào trong toa. Hoàng hôn còn rơi rớt lại một lúc rồi màn đêm ập xuống.

Tôi thấy mọi người dùng thời tiết như một cái cớ để làm quen nhau. Phụ nữ bắt đầu nói chuyện với nhau thân tình một cách bất ngờ. Dàn ông cũng tụ thành một nhóm. Tất cả mọi người đều kiếm được những mẩu thông tin. Người ta tặng cho nhau những lời khuyên. Nhưng không ai chú ý tới tôi cả. Tôi ngồi cô đơn, là nạn nhân của sự cô lập của chính mình, nhút nhát và xa lạ với cả thế giới. Tôi bắt đầu đọc một quyển

sách và đó là một thái độ chống đối đầy khiêu khích, bởi đọc sách trong lúc như vậy dường như là một sự thách thức hay một sự xúc phạm đối với những hành khách khác. Tôi không cho phép mình giao du với lớp thượng lưu, và tất cả những gương mặt kia như thầm nói với tôi rằng: Anh không cần chúng tôi và chúng tôi cũng chẳng cần anh. Không hề gì, anh sẽ vẫn phải quay về với chúng tôi nhưng chúng tôi sẽ chẳng thèm đoái hoài tới anh đâu...

Tôi mở cái vali rộng, nặng nề, lấy ra chai côn hắc và thỉnh thoảng lén lút làm một hớp. Sau đó, tôi tì mặt vào ô kính cửa sổ lạnh lẽo và cố nhìn ra ngoài. Nhưng tất cả những gì tôi thấy chỉ là sự phản chiếu lại bên trong toa xe. Thế giới bên ngoài dường như đã biến mất. Triết học duy ngã của Bishop Berkeley đã lôi kéo về mình tất cả những nguyên lý triết học khác. Chẳng có gì tồn tại ngoại trừ phải chờ đợi kiên nhẫn cho tới khi ý muốn của Thượng Đế về việc dùng tuyết làm con tàu tắc lại trên đường ray sẽ nhường chỗ cho những ý muốn khác của Thượng Đế cho phép con tàu chuyển động và tới đích.

Thương thay cho bài diễn thuyết của tôi! Nếu tôi tới nơi vào nửa đêm, sẽ không có ai đợi tôi cả. Tôi sẽ phải tìm một khách sạn. Giá mà tôi có một tấm vé khứ hồi. Nhưng, có phải thuyền trưởng Scott do bị lạc trên cánh đồng băng của địa cực, ở vào một vị trí tốt hơn sau Amundsen, đã khám phá ra Nam cực? Liệu thuyền trưởng Scott phải trả bao nhiêu để được ngồi trong toa xe sáng chói như thế này? Không, con người ta không được phép phàn nàn vì tham lam.

Rượu côn hắc làm tôi ấm lên. Hương rượu say nồng từ cái dạ dày rỗng xông lên não. Cùng một lúc, tôi vừa tỉnh táo vừa gà gật. Thời gian trôi đi hết chỉ để lại một vệt mờ mờ. Tôi nghe thấy tiếng nói chuyện, nhưng không biết rõ điều gì. Tôi chìm vào thái độ trung lập đầy sương sướng. Về phần tôi, tàu hoả có

thể dừng lại đây suốt ba ngày ba đêm. Tôi có hộp bánh quy trong vali. Tôi sẽ không chết đói. Nhiều vấn đề bồng bềnh lướt qua đầu tôi. Trong tôi trỗi lên tiếng thì thầm về một điều gì đó kì diệu tựa như giấc mơ.

Cái đầu máy điêzen hắn đang lao về phía trước. Tôi nghe thấy những âm thanh gầm gừ, lọc xọc, rầm rầm kéo về phía trước như thể âm thanh của một con bò kỳ quái, một con bò bằng thép trong huyền thoại. Hầu hết hành khách đã đến quán bar hay nhà hàng trên toa xe nhưng tôi quá lười thúc dậy. Tôi dường như đã mọc rẽ vào trong ghế. Tính bướng bỉnh trẻ con đã chế ngự tôi: tôi sẽ tỏ rõ cho tất cả bọn họ thấy rằng tôi không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ sự huyễn náo nào; tôi ở trên những sự việc tầm thường của cuộc sống.

Tất cả mọi người đi qua tôi - từ phía sau đến hay từ phía trước lại - đều liếc nhìn tôi; và đối với tôi, dường như mỗi một người đã hình thành nên ý kiến phán xét của riêng mình về cái loại người tôi. Nhưng liệu có ai biết tôi là một nhà văn Do Thái bị trễ giờ diễn thuyết. Về điều này, tôi chắc rằng, chẳng một ai nghĩ đến. Điều này chỉ những người có quyền lực cao hơn mới biết mà thôi.

Tôi làm một hớp khác, rồi một hớp khác nữa. Tôi chưa bao giờ hiểu cảm giác của việc uống rượu, nhưng giờ đây tôi đã thấy được sức mạnh nằm ở trong cồn. Đó là một chất lỏng nắm giữ trong mình bí mật của cõi niết bàn. Tôi không nhìn đồng hồ đeo tay của mình nữa. Tôi không lo lắng về chỗ ngủ nữa. Trong thâm tâm, tôi thầm chế giễu bài thuyết trình mà tôi đã chuẩn bị. Điều gì sẽ xảy ra nếu nó không được đọc? Người ta sẽ được nghe ít lời dối trá hơn. Nếu tôi có thể mở cửa sổ, thì tôi sẽ quẳng tập bản thảo vào trong rừng. Để cho mờ giấy tờ và mực viết trôi về với cát bụi, nơi không thể tồn tại một lối lầm hay sự dối trá nào. Nguyên tử và phân tử vô tội; chúng là một phần của chân lý vĩnh hằng...

Tàu tới nơi đúng vào hai rưỡi. Không có ai đợi tôi cả. Tôi rời sân ga và bị một luồng gió đêm lạnh buốt cuốn lấy, cái lạnh mà không một chiếc áo khoác hay áo len nào có thể ngăn lại được. Trong nháy mắt, tất cả những chiếc xe tắc xi đều đã được thuê hết. Tôi quay lại nhà ga, chuẩn bị trải qua một đêm ngồi trên ghế.

Đột nhiên tôi thấy một người đàn bà thợ và một cô gái trẻ đang nhìn và chỉ tay vào tôi. Tôi đứng và quay lại nhìn. Người đàn bà thợ chống trên hai chiếc nạng to, ngắn. Bà ta nhăn nheo và nhếch nhác, trông như một bà già Ba Lan, nhưng đôi mắt đen của bà ta cho thấy bà ốm yếu và suy sụp hơn là già. Quần áo bà ta cũng gợi tôi nhớ về Ba Lan. Bà mặc một chiếc áo kiểu jacket bằng lông thú không tay. Mũi và gót giày của bà có kiểu mà tôi đã không nhìn thấy trong nhiều năm. Trên va. bà choàng một chiếc khăn len có tua rua, giống như một trong những cái khăn của mẹ tôi. Trái lại, người phụ nữ trẻ lại ăn vận kiểu cách nhưng cũng hơi nhếch nhác.

Sau một hồi do dự, tôi đến gần họ.

Cô gái hỏi: “Ông có phải là ông N. không?”

Tôi đáp: “Phải, tôi đây”.

Người đàn bà thợ đột nhiên di chuyển như thể sắp thả rơi đôi nạng và vỗ tay. Đột nhiên bà ta vẫn như thể đã rất thân thiết đối với tôi.

“Ôi lạy Chúa lòng lành!”, bà kêu lớn. “Tôi đang nói với con gái tôi đó đúng là ngài, nhưng nó bảo không phải. Tôi đã nhận ra ngài. Ngài đi đâu mà mang theo vali vậy? Thật kì diệu khi ngài trở lại. Tôi không bao giờ tha thứ cho mình cả. Ôi. Binele, con nói gì bây giờ? Mẹ của con vẫn còn linh cảm tốt. Tôi chỉ là một người đàn bà, nhưng tôi là con gái giáo sĩ Do Thái, và trong đôi mắt mọi người, đó là người có học thức.

Tôi chỉ nhìn một lần và thầm nghĩ - đúng là ngài rồi! Nhưng ngày nay trứng khôn hơn gà. Nó nói với tôi: "Không, đó không phải là ngài". Và trong khi ấy thì ngài biến mất. Tôi đã bắt đầu thầm nghĩ rằng: Ai mà biết được, làm người thì ai cũng thế, không ai là không có lỗi. Nhưng khi tôi thấy ngài quay lại, tôi biết đúng là ngài rồi. Người yêu quý của tôi ơi, chúng tôi đã đợi ngài ở đây từ bấy rưỡi tối. Không chỉ có mình chúng tôi: có cả toàn bộ nhóm giáo viên, những nhà sư phạm, cả vài nhà văn nữa. Nhưng rồi cuộc chờ đợi cứ kéo dài mãi, và mọi người về nhà. Họ còn có vợ, con. Vài người phải dậy sớm để đi làm. Nhưng tôi nói với con gái. "Mẹ sẽ không về. Mẹ không thể để cho nhà văn yêu quý của mình - người mà mỗi từ mẹ đều trân trọng giữ gìn như một viên ngọc quý - đến đây mà không thấy ai đợi mình. Nếu con muốn, con gái của mẹ ạ", tôi nói với nó, "con có thể về nhà và đi ngủ". Tiếc gì một giấc ngủ đêm? Khi tôi còn trẻ, tôi vẫn nghĩ rằng nếu ngài mất ngủ một đêm thì cả thế giới sẽ tan biến đi. Nhưng Hitler đã dạy cho chúng tôi một bài học. Hắn đã dạy cho chúng tôi một bài học mà tôi sẽ không quên cho tới khi nhắm mắt xuôi tay. Ngài nhìn tôi và thấy tôi già nua, ốm yếu, tàn tật, nhưng tôi đã phải lao động vất vả trong những trại của Hitler. Tôi đào hào và bốc vác hàng hóa ở toa xe lửa. Còn có việc gì mà tôi không làm? Đó là nơi mà tôi đã mắc bệnh thấp khớp. Đến đêm chúng tôi phải ngủ trên những ngăn ván không xứng làm chỗ nằm cho chó, và chúng tôi bị đói đến nỗi..."

"Mẹ, lát nữa mẹ sẽ có đủ thời gian để nói chuyện. Bây giờ đã là nửa đêm rồi", con gái bà ngắt lời.

Chỉ đến khi ấy tôi mới nhìn kỹ cô gái. Toàn bộ thân hình và dáng diệu của cô là của một thiếu nữ, nhưng rõ ràng cô phải ở vào độ tuổi cuối hai mươi hay thậm chí quá ba mươi. Cô nhỏ bé, thanh mảnh với mái tóc hoe vàng chải hất ra sau búi

thành búi. Mặt cô là gương mặt của một người ốm yếu xanh xao, đầy tàn nhang. Cô có đôi mắt vàng, trán rộng, mũi khoằm, môi mỏng và một cái cầm dài. Cô quấn quanh cổ một chiếc khăn như của đàn ông. Cô làm tôi nhớ đến một cậu bé người Hassidic.

Mấy lời cô nói chứng tỏ đó là giọng của một người Ba Lan tỉnh lẻ mà tôi đã quên mất trong suốt thời gian sống ở Mỹ. Cô làm tôi nhớ đến bánh mỳ mạch đen, hạt carum, pho mát thôn quê và nước lấy từ giếng vào thùng và được gánh bằng đòn gỗ trên vai.

“Cảm ơn, nhưng tôi có đủ kiên nhẫn lắng nghe”, tôi nói.

“Khi mẹ tôi bắt đầu kể về những năm tháng ấy, bà có thể nói cả ngày, cả tuần...”

“Suyt, suyt, mẹ của con không điên rồ tới mức như con nghĩ đâu. Sự thật là, thần kinh của chúng ta đã bị chùng ra ở đó. Thật ngạc nhiên khi chúng ta không hoàn toàn mất trí mà chạy quanh đường phố. Nhưng còn nó? Như ngài đã thấy đây, nó cũng ở Auschwitz để chờ đợi đưa vào lò. Thậm chí tôi đã không biết nó còn sống. Tôi cứ chắc chắn là nó bị lạc, và ngài có thể tưởng tượng được tình cảm của một người mẹ! Tôi nghĩ là nó đã đi theo con đường của ba thằng anh nó; nhưng sau giải phóng, chúng tôi đã tìm thấy nhau. Đồ súc vật, chúng muốn gì ở chúng tôi? Chồng tôi là một người sùng đạo, một người Do Thái giữ công văn giấy tờ. Con trai tôi làm việc vất vả để kiếm từng mẩu bánh mỳ, bởi vì khoản tiền cho vay dưới hình thức cổ phần không mang lại nhiều lợi nhuận. Chồng tôi, chính ông ấy, phải thường xuyên nhịn đói: Ánh sáng của Chúa đã ngừng lại trên gương mặt ông ấy. Các con trai tôi thì bị giết bởi những kẻ giết người...”

“Mẹ, xin mẹ dừng lại đi!”

“Mẹ sẽ dừng lại. Mẹ sẽ dừng lại. Dẫu sao thì tôi nói có dài dòng lắm không? Nhưng nó đúng đắn. Trước hết, hối người

yêu quý của tôi, chúng tôi phải lo liệu cho ngài. Ngài hiệu trưởng đã nói cho tôi biết tên của khách sạn - họ đã đặt phòng trước cho ngài - nhưng con gái tôi không nghe những gì ông ta nói, mà tôi thì đã quên mất. Việc quên ấy là điều không may của tôi. Tôi đặt một thứ gì đó xuống và tôi không biết là ở đâu nữa. Tôi cứ mãi tìm kiếm nhiều thứ, và đấy là cách thời gian trong ngày của tôi mất đi. Nên có lẽ, nhà văn yêu quý của tôi ạ, ngài sẽ ngủ đêm nay ở chỗ chúng tôi chứ? Chúng tôi không có một căn phòng nào tử tế. Nó lạnh lẽo, tồi tàn. Tuy nhiên, như vậy còn tốt hơn là không có chỗ nào cả. Tôi định gọi điện cho ngài hiệu trưởng, nhưng tôi sợ đánh thức ông ấy vào ban đêm. Ông ấy nóng tính như vậy đấy, có lẽ ông ấy sẽ tha thứ cho tôi. Ông ta cứ quát tháo rằng chúng tôi không được khai hóa văn minh. Vậy nên tôi nói với ông ta: Người Đức là người văn minh đấy, đi mà theo chúng..."

"Đi với chúng tôi, dù sao, đêm đã hết ba phần tư rồi", cô con gái nói với tôi. "Lẽ ra, ông ta nên viết tên khách sạn thay vì chỉ nói mà nếu có nói; thì ông ta nên nói với tôi, chứ không nên nói với mẹ tôi. Bà ấy quên tất cả mọi thứ. Bà ấy đeo kính vào và gào lên: "Kính của tao đâu rồi?" Thỉnh thoảng tôi lại phải bật cười. Hãy đưa vali của ông cho tôi".

"Cô nói gì? Tôi có thể tự xách được, nó không nặng lắm đâu".

"Ông không quen xách đồ đạc, nhưng ở đó tôi đã học cách mang những vật nặng. Nếu ông nhìn thấy những hòn đá tôi đã khuân thì ông sẽ không tin nổi vào mắt mình. Thậm chí bản thân tôi cũng không tin những chuyện ấy nữa. Đôi khi, đối với tôi tất cả điều đó như thể là cơn ác mộng..."

"Lạy trời đừng có chuyện đó, cô không phải xách vali cho tôi đâu. Đó là tất cả những gì tôi muốn..."

"Ngài ấy là một người lịch sự, ngài là một người tế nhị, dịu dàng. Mẹ biết điều đó ngay khi lần đầu tiên mẹ đọc tác

phẩm của ngài”, người mẹ nói. “Ngài sẽ không tin tôi, nhưng thàm chí chúng tôi đã đọc truyện của ngài ngay ở trong trại. Sau chiến tranh, người ta bắt đầu gửi sách cho chúng tôi, và tôi đã lần lượt đọc hết truyện của ngài. Tôi không nhớ rõ những nhan đề tác phẩm, nhưng tôi đã đọc chúng, rồi bóng tối tan khỏi trái tim tôi. Binele, tôi gọi - khi ấy nó luôn ở bên tôi - Mẹ đã tìm thấy một kho báu.” Tôi nói như vậy đấy...

“Cảm ơn, cảm ơn bà rất nhiều”.

“Đừng cảm ơn tôi, xin đừng cảm ơn tôi. Chúng tôi mới là những người phải cảm ơn ngài. Tất cả những điều rắc rối đều xuất phát từ điếc và mù. Họ không nhìn thấy người bên cạnh và thế là họ hành hạ anh ta. Chúng tôi đang lang thang giữa những kẻ độc ác mù quáng... Binele, đừng để cho con người tôn kính này phải xách vali”.

“Vâng, xin hãy đưa nó cho tôi!”

Tôi phải nài xin Binele là để tôi mang vali. Cô ta gần như cố giật nó khỏi tay tôi.

Chúng tôi ra khỏi ga và một chiếc tắc xi chờ tôi. Thật không dễ để đưa bà mẹ vào trong xe. Tôi vẫn không hiểu nổi bằng cách nào mà bà ta xoay xở để đến được nhà ga. Tôi phải bế bà ta lên và đặt vào trong xe. Trong lúc làm như thế, bà ta đã đánh rơi mất một chiếc nạng, Binele và tôi phải tìm nó trong tuyết. Gã lái xe bắt đầu càu nhau, gắt gỏng bằng thứ tiếng Pháp-Canada của gã. Rồi thì chiếc xe bắt đầu rồ máy và lăn tròn trên mặt đường trơn, lờ mờ, phủ đầy tuyết và mấp mô những mỏm băng. Những lốp xe bị kẹt vào đó, tài xế phải lùi xe lại nhiều lần.

Cuối cùng chúng tôi cũng đến được con đường, gợi tôi nhớ về một thị trấn nhỏ ở Ba Lan; tối tăm, hẹp, với những ngôi nhà bằng gỗ. Người đàn bà ôm yếu vội vàng mở ví nhưng tôi đã trả trước lúc bà kịp lấy tiền ra. Cả hai người phụ nữ đều la

rầy tôi, còn gã lái xe yêu cầu chúng tôi phải ra khỏi xe càng nhanh càng tốt. Tôi gần như phải bế người đàn bà thot ra khỏi tăcxì. Một lần nữa, chúng tôi phải tìm chiếc nạng của bà rời vào trong lớp tuyết dày. Sau đó, cô con gái của bà và tôi nửa dẫn, nửa lôi bà ta lên bậc tam cấp cao. Họ mở cửa và tôi đột nhiên bị chìm ngập trong những thứ mùi mà tôi đã quên từ lâu: mùi cà chua mốc meo, hành tây, rau diếp xoăn thối rửa, và cả những mùi gì đó mà tôi không thể gọi tên ra được. Bằng cách bí ẩn nào đấy, bà mẹ và cô con gái đã xoay xở để mang theo mình toàn bộ không khí của sự nghèo nàn khốn khổ từ căn nhà cũ nát của họ ở Ba Lan.

Họ thắp một ngọn đèn dầu và tôi thấy căn phòng với giấy dán tường đã rách bươm, sàn nhà bằng gỗ nhám, mạng nhện giăng tứ phía. Một chiếc bếp dầu đã cũ, những căn phòng bị gió lùa. Những chai lọ vỡ, những cái đĩa vỡ, những chiếc cốc mất quai được đặt trên một chiếc ghế dài. Thậm chí tôi còn thấy một chiếc chổi sể che trên đống rác nữa. Không một đạo diễn trên sân khấu nào, tôi nghĩ, có thể làm công việc sao chép tốt hơn cái cảnh khổ sở của xứ sở cần cỗi như thế.

Binele bắt đầu xin lỗi. "Bừa bộn quá, phải không? Chúng tôi đã rất vội vàng như thế để đến nhà ga, chúng tôi không có cả thời gian để rửa chén đĩa. Dù sao, thì việc rửa ráy và lau chùi ở đây có tốt gì. Nó là một căn nhà lụp xụp đã cũ và ọp ẹp. Bà chủ nhà lại chỉ biết có mỗi một điều: đến lấy tiền thuê nhà hàng tháng. Nếu trả chậm một ngày, bà ấy sẵn sàng cắt đứt họng người ta. Dù vậy, sau tất cả mọi chuyện mà chúng tôi đã trải qua ở đó, đây vẫn là một biệt thự đấy..."

Và Binele cười to, để phô cái mồm đầy những chiếc răng rất thưa, kẽ răng được trám vàng, việc ấy hẳn được thực hiện lúc cô vẫn còn ở phía bên kia đại dương

\*

Họ dọn chỗ ngủ cho tôi trên một chiếc giường gấp trong căn phòng nhỏ xíu với những ô cửa sổ có chấn song. Binele đắp lên người tôi hai tấm chăn và phủ cả cái áo khoác của tôi lên trên. Nhưng không khí vẫn lạnh như ở ngoài trời. Tôi nằm bên dưới tất cả những thứ che phủ đó mà không cảm thấy ấm lên.

Đột nhiên tôi nhớ tới bản thảo của mình. Tập bản thảo bài giảng của tôi đâu rồi? Tôi đã để nó trong túi ngực áo khoác. Không dám ngồi dậy, sợ rằng chiếc giường sẽ sập xuống, tôi cố lẩn mò tìm nó. Nhưng tập bản thảo đã không còn ở đó. Tôi nhìn áo Jacket treo trên chiếc ghế bên cạnh, nhưng cũng không thấy. Tôi chắc rằng mình không bỏ nó vào vali, vì tôi mở vali chỉ để lấy chai. Tôi đã định mở nó ở phòng thuế quan, nhưng nhân viên hải quan chỉ vẫy tay ra hiệu cho tôi đi, tỏ ý không cần thiết.

Rõ ràng là tôi đã đánh mất tập bản thảo. Nhưng mất bằng cách nào? Bà mẹ và cô con gái nói với tôi rằng buổi thuyết giảng được hoãn đến ngày hôm sau, nhưng tôi sẽ đọc cái gì đây? Chỉ còn một hy vọng duy nhất: có lẽ nó rơi trên sàn nhà khi Binele phủ áo khoác lên người tôi. Tôi quỳ xuống sàn nhà, cố không gây tiếng động nhưng chiếc giường cũ kêu cót két dù tôi khẽ nhúc nhích. Thật chí với tôi, chiếc giường bắt đầu kêu cót két trước khi tôi nghĩ đến việc di chuyển. Những vật vô tri vô giác thật ra không hề vô tri vô giác...

Bà mẹ và cô con gái rõ ràng là không ngủ. Tôi nghe tiếng thì thầm, tiếng nói lầm rầm từ phòng kế bên. Họ đang khé bàn luận về một điều gì đó, nhưng về cái gì?

Tôi nghĩ, mất tập bản thảo, là một thảm họa theo kiểu Frót. Tôi đã không hài lòng với bài tiểu luận ngay từ lần đầu

tiên. Giọng nói lúc đó quá khoa trương. Ấy thế mà, tôi đã nói gì vào buổi tối hôm đó? Có lẽ tôi đã bối rối ngay từ những câu đầu tiên, giống như người diễn thuyết, người đã bắt đầu với bài thuyết giảng của mình bằng, “Peretz là một người khác thường”, và không thể thoát ra thêm một từ nào nữa.

Giá mà tôi có thể ngủ. Tối hôm trước tôi cũng đã không ngủ. Khi tôi xuất hiện trước công chúng, thì tôi đã không ngủ trong nhiều đêm. Mất tập bản thảo thật là một tai họa lớn. Tôi cố nhắm mắt, nhưng chúng cứ mở thao láo. Có con gì đốt tôi; nhưng ngay khi tôi muốn gãi, chiếc giường lại lung lay và rít lên như một gã ốm trong cơn đau.

Tôi nằm đó, yên lặng, ngay đơ và tinh hồn. Một con chuột đào hố kèn kẹt ở nơi nào đó, và tôi nghe thấy một tiếng động, như của loài vật nào đó với cái cưa và những chiếc răng nanh đang cố cưa thủng tấm ván sàn. Một con chuột không thể gây nên âm thanh như vậy. Chắc con quái vật nào đó đang cố làm sụp móng của ngôi nhà...

“Ôi, cuộc phiêu lưu này sẽ là cuộc phiêu lưu cuối cùng của tôi!” tôi tự nhủ. “Ta sẽ không còn sống sót để ra khỏi đây”.

Tôi nằm rét共青, không động đậy được chân tay. Mũi tôi bị nghẹt nên tôi phải hít thở khí lạnh của căn phòng bằng miệng. Cổ họng tôi dường như thắt lại. Tôi phải ho, nhưng tôi không muốn quấy rầy bà mẹ và cô con gái. Họ cũng có thể làm sập chiếc giường xiêu vẹo này... À, hãy để tôi hình dung rằng tôi vẫn còn đang dưới ách Hitler trong chiến tranh. Cũng nên để cho tôi nếm một ít mùi đó...

Tôi tưởng tượng mình ở một nơi nào đó ở Treblinka hay Maidanek. Tôi phải làm việc vất vả cả ngày dài. Bây giờ tôi đang nằm trên ngăn ván. Ngày mai có khả năng trở thành “kẻ bị lựa chọn”, và nếu tôi không còn khoẻ nữa, thì tôi sẽ bị tống đến lò thiêu... Tôi thầm nói lời tạm biệt với vài người thân

thiết của mình. Tôi chắc hẳn đã chợp ngủ lơ mơ, vì tôi bị đánh thức dậy bởi một tiếng hét lớn. Binele la lên: “Mẹ! Mẹ! Mẹ!...” Cánh cửa bật tung ra và Binele gọi tôi:

“Giúp tôi với! Mẹ tôi chết rồi!”

Tôi muốn nhảy khỏi chiếc giường gấp nhưng nó đã sập xuống chân tôi, và thay vì nhảy xuống, tôi phải toài người ra. Tôi kêu lên: “Có chuyện gì thế?”

Binele hét: “Bà ấy lạnh rồi! Diêm đâu? Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ! Thắp đèn lên! Ôi, Mẹ ơi!... Mẹ! Mẹ!”

Từ khi bỏ thuốc, tôi không bao giờ mang theo diêm. Tôi đi vào với bộ pijama mặc khi ngủ. Trong bóng đêm, tôi va phải Binele. Tôi hỏi cô: “Tôi có thể gọi bác sĩ bằng cách nào đây?”

Cô không trả lời, nhưng mở cánh cửa dẫn ra hành lang và gào lên: “Cứu, mọi người hãy giúp tôi! Mẹ tôi chết!” Cô gào lên với tất cả sức lực của mình, như những người phụ nữ gào lên trong những khu phố nhỏ của người Do Thái ở Ba Lan, nhưng không ai đáp lại. Tôi cố tìm diêm, biết trước rằng tôi không thể tìm thấy diêm trong ngôi nhà xa lạ này. Binele quay lại và chúng tôi lại va vào nhau trong bóng tối. Cô níu lấy tôi với sức mạnh không ngờ và khóc lóc: “Cứu! Cứu! Tôi không còn ai khác trên thế gian này! Mẹ là tất cả những gì tôi có!”

Rồi cô khóc lóc điên cuồng, làm tôi choáng váng và chết lặng đi.

“Tìm diêm! Thắp đèn lên!” Cuối cùng tôi cũng gào lên dù tôi biết những lời nói của mình là thừa.

“Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ!” cô kêu lên khi bản thân cũng nhận thấy không thể tin vào yêu cầu phi lý của mình.

Cô nửa dẫn, nửa kéo tôi vào giường nơi mẹ cô nằm. Tôi đưa tay sờ vào cơ thể của bà. Tôi bắt đầu tìm bàn tay bà, tìm nó và thử bắt mạch nhưng mạch không còn đập nữa. Bàn tay

rũ xuống nặng nề, nó lạnh như một sinh thể lạnh khi chết. Binele hình như đã hiểu việc tôi đang làm và giữ yên lặng trong một lúc.

“Sao, sao? Mẹ chết rồi ư?... Mẹ chết rồi!... Mẹ đã bị một cơn đau tim...

“Giúp tôi với! Giúp tôi với!”

“Tôi có thể làm được gì? Tôi chẳng nhìn thấy gì cả!” Tôi nói với cô, và những lời của tôi dường như cũng không tự tin lắm.

“Giúp tôi với!... Giúp tôi với!... Mẹ ơi!”

“Không có người hàng xóm nào trong khu nhà này sao?” Tôi hỏi.

Có một gã nghiện rượu ở tầng trên...”

“Có lẽ chúng ta có thể muộn diêm của hắn?”

Binele không trả lời. Tôi đột nhiên nhận thấy mình lạnh lám. Tôi phải mặc cái gì đó nếu không tôi sẽ bị viêm phổi. Tôi run lẩy bẩy, răng va vào nhau lập cập. Tôi tìm đường đến căn phòng nơi tôi đã ngủ nhưng lại thấy mình ở trong bếp. Tôi quay ra và suýt huých ngã Binele. Cô gần như trần truồng. Vô thức, tôi đặt tay lên ngực cô.

“Mặc cái gì vào đi!” Tôi bảo cô. “Cô sẽ bị cảm lạnh đấy!”

Tôi không muốn sống! Tôi không muốn sống!... Mẹ không có bổn phận phải đến nhà gái.... Tôi lả cầu xin nhưng mẹ quá bướng bỉnh. Mẹ không con gì để ăn. Mẹ cũng không uống dù chỉ một tách trà. Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi sẽ đi đâu? Ôi, mẹ, mẹ ơi!

Rồi đột nhiên không gian yên lặng. Binele hắn đã đi lên tầng trên để gõ cửa nhà gã nghiện rượu. Tôi còn lại một mình với cái xác trong bóng tối. Nỗi khiếp sợ mà tôi đã quên từ lâu nay lại chế ngự tôi. Tôi có cảm giác đáng sợ rằng người đàn bà chết đang cố đến gần tôi, để túm lấy tôi bằng đôi tay lạnh giá, để kéo tôi đến nơi bà ở bây giờ. Rốt cuộc, tôi lại phải chịu trách

nhiệm về cái chết của bà. Sự căng thẳng lúc đợi gặp tôi đã giết chết bà. Tôi bắt đầu tiến ra phía cửa như thể săn sàng để chạy ào ra phố. Tôi vấp phải một cái ghế, ngã dập gối. Những ngón tay xương xẩu vươn ra phía sau tôi. Trong yên lặng, một quái vật kỳ lạ hét vào tôi. Tai tôi ngân vang tiếng thét và nước bọt túa ra đầy miệng như thể tôi sắp ngất đi.

Thật kỳ lạ, thay vì ra khỏi nhà, tôi thấy mình trở lại căn phòng đã ngủ. Tôi vấp chân vào cái giường đã bếp dumas. Tôi cúi xuống nhặt áo khoác lên và mặc vào. Chỉ đến khi ấy tôi mới thấy mình lạnh thế nào và ngôi nhà ấy mới lạnh làm sao. Chiếc áo khoác như một túi băng áp vào cơ thể tôi. Tôi run lên như bị sốt rét. Răng va vào nhau lập cập, chân tôi bủn rủn. Tôi săn sàng đánh lui người đàn bà chết kia, chống lại bà ta bằng một trận đấu ra trò. Tôi cảm thấy tim đập nhanh, mạnh, liên hồi. Chẳng có trái tim nào có thể chịu đựng lâu cú sốc kinh hoàng như vậy. Tôi nghĩ rằng khi Binele trở về, thay vì một, cô sẽ thấy hai xác chết.

Tôi nghe thấy tiếng nói chuyện, tiếng bước chân và nhìn thấy ánh đèn. Binele dẫn người hàng xóm ở tầng trên xuống. Cô khoác một chiếc áo choàng của đàn ông trên vai. Người hàng xóm cầm một cây nến đang cháy. Đó là một gã đàn ông to lớn đen đúa với mái tóc đen dày và cái mũi dài. Hắn đi chân trần và mặc một chiếc áo choàng tắm bên ngoài pijama. Điều khiến tôi kinh hoàng nhất là bàn chân quá cỡ của hắn. Cầm nến, hắn đến bên giường, cái bóng nhún nhảy sau lưng hắn và rung rinh vắt qua trần nhà tối mờ.

Hắn liếc nhìn người đàn bà và nói với tôi rằng bà ta đã chết. Gương mặt bà đã hoàn toàn biến dạng. Miệng bà trở nên mỏng và hóp vào đến lạ kỳ, dó không phải là miệng nữa mà là một cái hố. Gương mặt vàng ệch, cứng đanh lại, như băng sáp. Chỉ có mái tóc bạc trắng như thể hãy còn sinh khí. Gã hàng xóm lẩm bẩm điều gì đó bằng tiếng Pháp. Hắn cúi xuống người đàn bà và

sờ trán. Hắn thốt ra chỉ một từ và Binele lại bắt đầu gào lên rên rỉ. Hắn cố nói với cô, nói với cô điều gì đó nữa, nhưng rõ ràng là cô không hiểu được thứ ngôn ngữ của hắn. Hắn nhún vai, đưa cho tôi cây nến, và đi ra. Tay tôi run đến nỗi không giữ được ngọn lửa nhỏ tròng trành theo các hướng và gần như tắt đi. Tôi rò rỉ giọt mồ hôi nén lên tủ quần áo và cầm cây nến vào đó.

Binele bắt đầu giật tóc, buông tiếng khóc than rùng rợn đến mức tôi phải giận dữ hét lên với cô: “Im đi!”

Cô liếc xéo tôi một cái, đầy ngạc nhiên và căm tức rồi trả lời nhẹ nhàng và cảm động: “Trên thế gian này, mẹ là tất cả đối với tôi...”

“Tôi biết, tôi hiểu... Nhưng gào thét thì chẳng có ích gì”.

Câu nói của tôi hình như đã tác động đến cô, đến ý thức của cô. Cô đứng yên lặng bên giường, nhìn mẹ. Tôi đứng đối diện phía bên kia. Tôi nhớ rõ rằng người đàn bà này có cái mũi ngắn; bây giờ nó trở nên dài và có hình móc câu, cứ như cái chết đã tố cáo một điểm di truyền mà bà đã giữ kín trong suốt cuộc đời. Trán và lông mày bà ta mang những đường nét dàn ông và lạ lẫm. Có lúc sự đau buồn của Binele dường như chuyển thành trạng thái sững sờ. Cô mở to mắt, nhìn chằm chằm, như thể cô không nhận ra cả mẹ mình.

Tôi liếc ra cửa sổ. Đêm có thể dài đến bao lâu, thậm chí là một đêm đông? Phải chăng mặt trời không bao giờ mọc nữa? Có thể đây là khoảnh khắc thảm họa vũ trụ mà David Hume đã vạch ra như một giả thuyết khoa học chăng? Nhưng những khung cửa kính đã bắt đầu chuyển sang màu xám.

Tôi đến bên cửa sổ và lau ô kính mờ mờ. Màn đêm bên ngoài đang trà trộn với ánh ngày băng bạc. Những đống tuyết, những căn nhà nhỏ, những mái nhà; những đường nét ấy của con phố hiện ra trở nên mờ nhạt. Đèn đường chập chờn ở phía xa, những tia ánh sáng rọi. Tôi nhướng mắt nhìn lên

bầu trời. Một nửa vẫn còn đầy sao; nửa kia hửng sáng lên với ánh bình minh. Trong vài giây, đường như tôi quên hết mọi chuyện đã xảy ra và hoàn toàn đắm chìm trong sự khai sinh của một ngày mới. Tôi thấy những ngôi sao lần lượt biến mất. Những tia đỏ, hồng, vàng băng qua bầu trời, như trong bức tranh của một đứa trẻ.

“Tôi sẽ làm gì bây giờ? Tôi sẽ làm gì bây giờ?” Binele lại bắt đầu gào lên. “Tôi sẽ gọi ai? Tôi sẽ đi đâu? Gọi bác sĩ! Gọi bác sĩ!” Và cô oà lên khóc nức nở.

Tôi quay về phía cô. “Giờ thì bác sĩ còn có thể làm được gì nữa?”

“Nhưng cần phải gọi ai đó”.

“Cô không còn bà con gì sao?”

“Không. Tôi chẳng có ai trên thế gian này cả”.

“Họ không sống quanh đây...”

Tôi đi vào phòng mình và bắt đầu mặc quần áo. Quần áo tôi đã lạnh cứng. Bộ comlê của tôi bị ép chặt trước chuyến đi đã nhau nát. Đôi giày của tôi trông quê mùa xấu xí. Tôi bắt gặp cái nhìn từ khuôn mặt mình trong gương, và nó làm tôi sững sốt. Nó hóp lại, bẩn thỉu, xám xì, râu ria lởm chởm. Bên ngoài, tuyết lại bắt đầu rơi.

“Tôi có thể giúp gì cho cô?” Tôi hỏi Binele. “Ở đây tôi là người lạ. Tôi không biết chỗ nào để đi cả”.

“Khổ tôi chưa! Tôi sẽ làm gì với ông đây? Ông là nạn nhân của sự bất hạnh của chúng tôi. Tôi sẽ ra ngoài gọi điện cho cảnh sát, nhưng tôi không thể để mẹ tôi một mình”.

“Tôi sẽ ở lại đây”.

“Ông ư? Mẹ rất yêu quý ông. Bà không bao giờ ngừng nói về ông... Cả ngày hôm qua...”

Tôi ngồi xuống ghế không nhìn người đàn bà chết. Binele đã mặc quần áo. Thường thường, tôi rất sợ phải ở lại một

mình với một cái xác. Nhưng tôi nửa ớn lạnh, nửa buồn ngủ. Tôi đã kiệt sức sau một đêm khổ sở. Một nỗi tuyệt vọng sâu sắc bao trùm lấy tôi. Đã lâu, lâu lắm tôi mới phải chứng kiến cái cảnh bất hạnh và bi kịch lớn như thế này. Những năm tháng ở Mỹ của tôi dường như đã bị quét sạch bởi một đêm đó và tôi trở về, cứ như bởi phép thần, để đến những ngày đen tối nhất ở Ba Lan, đến cơn khủng hoảng cay đắng nhất đời tôi. Tôi nghe thấy tiếng đóng cửa ở bên ngoài. Binele đã đi. Tôi không thể ngồi lâu hơn trong phòng với người đàn bà chết nữa. Tôi chạy vào bếp. Tôi mở cánh cửa dẫn ra cầu thang. Tôi đứng bên cánh cửa mở như thể sẵn sàng tẩu thoát ngay khi xác chết bắt đầu giở những mưu mẹo, mà tôi đã kinh hãi từ ngày còn ấu thơ... Tôi thầm nói với bản thân nếu người chết còn cảm nhận được mọi chuyện thì quả là ngu ngốc khi sợ hãi người đàn bà hiền lành này, một người tàn tật, người đã yêu mến tôi suốt khi còn sống và chắc chắn giờ đây cũng không thù hận gì tôi. Nhưng tất cả những nỗi sợ hãi từ thời niên thiếu lại quay về trong tôi. Sườn tôi cảm thấy ớn lạnh, như thể có mấy ngón tay băng giá sờ lên đó. Tim tôi đập mạnh và run rẩy như tiếng tích tắc trong chiếc đồng hồ vỗ... Trong người tôi, tất cả mọi thứ đều căng ra. Một tiếng sột soạt dù nhẹ nhất cũng sẽ làm tôi nhảy bổ xuống cầu thang trong sự kinh hãi. Cánh cửa dẫn ra đường phố ở tầng dưới có những ô cửa kính nhưng chúng bị sương giá phủ mờ mờ. Ánh sáng vàng vụt chiếu qua chúng như vào lúc hoàng hôn. Sự lạnh lẽo băng giá từ bên dưới tỏa lên. Đột nhiên tôi nghe thấy tiếng bước chân. Xác chết ư? Tôi muốn chạy, nhưng nhận thấy rằng bước chân đi từ sàn nhà bên trên. Tôi thấy một người nào đó đi xuống. Đó là gã hàng xóm ở tầng trên trên đường đi làm, gã đàn ông to lớn ấy đi đôi ủng cao su và mặc áo khoác có mũ trùm đầu, tay xách chiếc cặp lồng kim loại đựng bữa ăn trưa. Hắn liếc nhìn tôi mà

và bắt đầu nói với tôi bằng thứ tiếng Pháp-Canada. Thật là tốt khi có người khác để giao tiếp một lát. Tôi gật đầu, diễn tả bằng tay và trả lời hắn bằng tiếng Anh. Hắn cố gắng nhiều lần để nói điều gì đó bằng thứ tiếng ngôn ngữ lạ lẫm của mình, như thể tin rằng nếu tôi lắng nghe cẩn thận thì cuối cùng tôi cũng hiểu. Sau đó hắn lẩm bẩm điều gì đó rồi lại khoát tay, đi ra đóng sầm cửa lại. Böyle giờ tôi chỉ còn lại một mình với căn nhà.

Ngô nhỡ Binele không quay lại? Tôi bắt đầu suy nghĩ vẩn vơ với sự tưởng tượng rằng có lẽ cô bỏ chạy. Có lẽ tôi bị nghi ngờ về tội giết người chăng? Trên thế giới này việc gì cũng có thể xảy ra. Tôi đứng nhìn chằm chằm ra ngoài cửa. Giờ đây tôi chỉ muốn một điều - quay trở lại New York càng nhanh càng tốt. Căn nhà của tôi, công việc của tôi dường như đã hoàn toàn xa xôi và mơ hồ, giống như những hình ảnh trước khi ăn sâu vào ký ức. Ai hiểu được? Có lẽ toàn bộ cuộc sống của tôi ở New York chẳng hơn gì một ảo giác. Tôi bắt đầu lục soát túi áo ngực... Có phải tôi đã đánh mất giấy tờ tùy thân cùng với tập bản thảo. Tôi sờ thấy một mẩu giấy cứng. Đội ơn Chúa, giấy tờ tùy thân của tôi đây rồi. Lẽ ra tôi cũng có thể đánh mất chúng. Những giấy tờ này giờ đây là bằng chứng khẳng định rằng những năm tôi sống ở Mỹ không phải là chuyện bịa.

Đây là ảnh của tôi. Và chữ ký của tôi. Đây là con dấu của chính phủ. Thật ra, đó chỉ là những vật vô tri vô giác, không có sự sống, nhưng chúng tượng trưng cho phẩm chất, ý nghĩa về bốn phận, pháp luật. Tôi đứng trên ngực cửa và lần đầu tiên thực sự đọc những giấy tờ xác nhận tôi là công dân Mỹ. Tôi đọc chăm chú đến nỗi hầu như quên hắn người đàn bà chết. Lát sau, cửa bên ngoài bật mở và tôi thấy Binele, người phủ đầy tuyết. Cô quàng cái khăn giống như cái mẹ cô đã quàng hôm qua.

“Tôi không thể tìm thấy điện thoại!”

Cô oà lên khóc. Tôi đi xuống chỗ cô, đút nhanh những giấy tờ tùy thân vào lại trong túi. Cuộc sống đã trở lại. Cơn ác mộng dài đã qua. Tôi choàng tay lên người Binele, cô không cố giãy ra. Tôi bị ướt vì tuyêt tan. Chúng tôi đứng giữa đường đi lên cầu thang và khẽ đung đưa người - một nhá vân Do Thái nhõ đường, và một nạn nhân của Hitler và bài thuyết giảng tai hại của tôi. Tôi nhìn thấy một con số xăm trên cổ tay Binele và tôi thầm nói trong đầu: “Binele, tôi sẽ không bỏ rơi cô. Tôi xin thề trước linh hồn mẹ cô...”

Cơ thể Binele bất đầu là di trong tay tôi: Cô mở mắt và thì thầm: “Tại sao mẹ lại làm như thế? Mẹ đã đợi ông đến mà...”

ĐÀO THU HÀNG *dịch*

## GIMPEL THẰNG NGỐC

**T**ôi là Gimpel thằng ngốc. Tôi không nghĩ mình là một thằng ngốc. Ngược lại. Nhưng đấy là những gì người ta gọi tôi. Họ đặt cho tôi cái tên ấy trong lúc tôi hẵn còn ở trường. Tôi có cả thảy bảy cái tên: ngu đần, khỉ, đầu he, ngu si, dại dột, khùng khùng, thằng ngốc. Cái tên cuối thì thật là hóc. Sự ngu ngốc của tôi là gì nhỉ? Tôi dễ bị mắc lừa. Họ nói: “Gimpel, em cho biết vợ của một giáo sĩ Do Thái giáo có được đưa lên giường sinh không?”. Thế là tôi trở thành trò cười cho cả trường. À, hóa ra đấy là sự đánh lừa. Làm sao mà tôi biết được cơ chứ? Cô ta không có bầu. Còn tôi thì chẳng

bao giờ nhìn bụng cô ta. Chuyện ấy có thực sự ngu ngốc quá không? Cả đám cười ầm lên, sảng sặc, giật chân huỳnh huỵch, khiêu vũ và hát bài thánh ca nguyện cầu cho buổi tối tốt lành. Và thay vì nhớ khô, họ tặng khi một phụ nữ lúc sinh con, thì họ nhét vào tay tôi đầy phân dê khô. Tôi không phải là kẻ nhu nhược. Nếu tôi tái một ai đó thì hắn sẽ thấy trời đất quay cuồng ngay. Nhưng bản chất tôi không phải là kẻ hiếu chiến. Tôi thầm nhủ, kệ nó. Thế là họ lợi dụng tôi.

Tôi đang trên đường từ trường trở về nhà thì nghe tiếng chó sủa. Tôi không sợ chó, nhưng dĩ nhiên tôi chẳng hề muốn gây sự với chúng. Một trong số đó có thể mắc bệnh dại và nếu bị nó đớp phải thì ngay cả Thượng đế cũng dành bó tay. Vậy nên, tôi tìm cách lánh xa. Rồi tôi nhìn quanh và thấy cả khu chợ ấy phát rồ lên vì cười. Chẳng có con chó nào cả ngoài Wolf Leib - kẻ trộm. Làm sao mà tôi biết được là hắn ta cơ chứ? Nghe như thể một con chó cái đang tru lên.

Khi những kẻ ưa châm chọc và phỉnh phờ người khác phát hiện ra tôi dễ bị lừa thì bất cứ ai trong bọn họ cũng cố thủ vận may với tôi: "Gimpel, Nga hoàng sắp đến Frampol; Gimpel, mặt trắng roi ở Turbeen kia; Gimpel, Hodel Furpiece bé bỏng tìm ra kho báu ở phía sau nhà tắm kia". Và tôi giống như một *golem*<sup>(1)</sup> tin tưởng mọi người. Lí do đầu tiên là mọi điều hợp lí như thế nó được viết trong thánh thư, mà bằng cách nào đó tôi đã quên béng đi mất. Lí do thứ hai là tôi buộc phải tin khi toàn bộ thành phố đều dồn ép tôi! Nếu tôi cả gan nói: "Ô, anh đang nói láo!" thì sẽ gấp rắc rối ngay. "Mày bảo gì! Mày muốn bảo mọi người là đồ lọc lừa à?" Tôi biết làm gì đây? Tôi tin họ và hi vọng chí ít tôi cũng đã làm điều gì đó tốt cho họ.

<sup>(1)</sup> Gã khờ.

Tôi mô cõi. Ông nội, người nuôi nấng tôi, đã qua đời. Thế là họ gởi tôi đến chỗ người bán bánh và thật quả là một địa ngục khi họ đưa tôi đến đó! Mỗi một phụ nữ hoặc cô gái nào đó đến nướng mẻ bánh hoặc hong khô mẻ mì thì ít nhất cũng phải trêu chọc tôi một lần. "Gimpel, có hội chợ ở thiên đường đấy; Gimpel, giáo sĩ giúp con bê chào đời khi ở tháng thứ bảy; Gimpel, con bò cái bay qua mái nhà và đẻ trứng đồng kia". Một dạo, có chàng sinh viên từ *Yeshiva*<sup>(1)</sup> đã mua một ổ bánh mì và anh ta nói: "Này, Gimpel, trong lúc cậu đứng đây dùng xéng của ông chủ hiệu nướng bánh đào xúc thì Đấng Cứu thế đã đến. Người chết sẽ phục sinh". "Ý anh là gì vậy?" - tôi nói. "Tôi không nghe thấy tiếng ai đó thổi tù và sừng cừu!" Anh ta nói, "Cậu điếc à?". Rồi mọi người cùng gào to: "Chúng tôi nghe rõ, chúng tôi nghe!". Rồi Reitze-chim-hết-nước bước vào và cất giọng khàn khàn của mình, "Gimbel, cha mẹ mày đã đội mồ đứng dậy. Họ đang đợi mày".

Thực tình mà nói, tôi biết rất rõ rằng chẳng có chuyện nào trong số đó xảy ra, nhưng như mọi lần, khi mọi người đang nói, tôi quàng vội chiếc áo gile lông cừu và bước ra. Có thể điều gì đó đã xảy ra. Tôi đứng nhìn để thấy cái gì? Chà, một tiếng nhạc mèo vắng đến! Và rồi tôi sẽ không tin vào bất kì chuyện gì nữa. Nhưng rồi sự tình lại không diễn ra như thế. Họ làm tôi rối rắm đến nỗi tôi chẳng lần ra được đâu cua tai heo gì nữa.

Tôi đến chỗ giáo sĩ xin đôi lời khuyên. Ông ấy nói: "Sách đã viết, làm thằng ngốc trong suốt cuộc đời hơn một giờ làm quý dữ. Anh không phải là thằng ngốc. Họ mới là lũ ngốc. Bởi vì chính cái kẻ từng gây cho những người xung quanh cảm giác xấu hổ, đã tự mình đánh mất đi thiên đường". Dẫu sao thì cô con gái của giáo sĩ cũng đã đưa tôi vào trong. Khi tôi rời

---

<sup>(1)</sup> Trường thần học.

khỏi phòng của giáo sĩ, cô ta nói, “Anh đã hôn bức tường chưa?” tôi nói, “Chưa, để làm gì?” Cô ta đáp, “Đây là luật, anh phải làm điều đó sau mỗi lần đến thăm”. Chà, việc này dường như chẳng có hại gì. Và cô ta phá lên cười. Mẹo lừa ngoạn mục. Cô ta đã cho tôi một vố, thế đấy.

Tôi muốn bỏ đi đến thành phố khác, nhưng rồi thì mọi người nhiệt tình làm mối và cứ bám riết lấy tôi đến nỗi gần như kéo đứt cả vạt áo sau. Họ nói với tôi và nói cho đến khi tai tôi ù hết cả lên. Cô ta không phải là thiếu nữ trong trăng nhưng họ bảo tôi là nàng hãy còn trinh tráng. Cô ta có cái chân thot và họ bảo đây là biểu hiện của tính e lệ. Cô ta có một đứa con hoang và họ bảo tôi đứa bé là cậu em út của cô. Tôi gào lên, “Các người đang lãng phí thời gian. Tôi sẽ không bao giờ cưới cái con điểm đó”. Nhưng họ nói đầy phẫn nộ, “Ăn với nói! Cậu không tự thấy xấu hổ à? Chúng tôi có thể đưa cậu đến gặp giáo sĩ để phạt cậu vì việc gọi cô ta bằng cái tên tồi tệ ấy”. Khi đó tôi hiểu rằng tôi sẽ không dễ dàng thoát khỏi họ như tôi nghĩ. Họ lập kế để biến tôi thành trò cười. Nhưng khi người ta kết hôn thì người chồng trở thành ông chủ và nếu cô ta đồng ý thì tôi cũng đồng ý theo. Thêm nữa, người ta không thể đi qua cuộc đời mà không bị xát cho dù không mong chờ vấp phải tí nào.

Tôi đến ngôi nhà đất của cô ta, cất trên cát và cả đám người ấy hò la và đồng loạt reo vang ngay sau tôi. Họ hành động như thể những người chơi trò hành hạ gấu. Khi chúng tôi đi đến giếng, họ nhất loạt dừng lại. Họ sợ phải gây sự với Elka. Miêng cô ta sẽ mở như thể nó được đóng bản lề và cô ta có cái luối hiểm ác. Tôi vào nhà. Đây phơi đồ gi้าง từ tường này sang tường kia và quần áo đang được phơi. Cô ta đi chân đất, đứng bên chiếc bồn, giặt giũ. Cô ta mặc chiếc áo lụa dài cũ. Tóc cô tết bím, cặp vắt ngang qua đầu. Tôi gần như nín thở vì khung cảnh sặc mùi ấy.

Rõ ràng cô ta biết tôi là ai. Cô ta liếc nhìn tôi và nói, “Xem ai đây nào! Đến rồi kia à, kẻ quấy rầy. Kiếm chỗ ngồi đi”.

Tôi kể cho cô tất cả, tôi chẳng giấu giếm điều gì, “Hãy nói thật với tôi”, tôi nói, “Cô có thực sự trinh trắng và cậu Yechiel tinh nghịch có thực là em út của cô không? Đừng lừa gạt tôi vì tôi là kẻ mồ côi”.

“Chính tôi cũng mồ côi”, cô ta đáp, “và bất kì ai xoắn mũi anh, thì chóp mũi của hắn ta cũng có thể bị xoắn ngược lên. Nhưng đừng để chúng nghĩ chúng có thể lợi dụng được tôi. Tôi muốn một khoản hồi môn là năm mươi guider và để cho bọn họ thu thập ở ngoài đó. Nếu khác đi thì họ có thể hôn cái-anh-biết-là-gì-của-tôi”. Cô ta nói rất từ tốn. Tôi nói, “Đừng mặc cả với tôi. Hoặc đơn giản chỉ nói “có” hoặc chỉ nói “không” - quay lại nơi cô bắt đầu đi”.

Tôi nghĩ, chẳng có bánh mì nào sẽ được nướng từ chỗ bột nhào này. Nhưng thành phố của chúng tôi không phải là thành phố nghèo. Họ đồng ý mọi chuyện và đám cưới được tiến hành. Rắc rối là lúc ấy dịch kiết lị đang xảy ra. Hôn lễ được tổ chức ở cổng nghĩa địa, gần túp lều nhỏ rửa thi hài. Mọi người uống say. Trong lúc hôn khế đang được viết thì tôi nghe giọng nói ngoan đạo vang vang của giáo sĩ hỏi, “Cô đâu là bà góa hay là người đã li dị?” Và vợ của người trong nom nghĩa địa đáp lời thay cô ta, “Cả góa lẫn li dị”. Đây là khoảnh khắc đen tối với tôi. Nhưng tôi còn biết phải làm gì, bỏ chạy khỏi rạp cưới ư?

Họ hát và khiêu vũ. Một bà già nhảy điệu đồi vũ với tôi, ôm một chiếc *chalah*<sup>(1)</sup> trắng có viền. Thủ lĩnh của cuộc vui đề nghị mọi người “Cầu chúa ban phước lành” để tưởng nhớ bố mẹ cô dâu. Đám học sinh phát âm chữ r trầm trọng họng như

<sup>(1)</sup> Chalah: *Ö* bánh mì phủ lòng trắng trứng, món ăn ngày nghỉ hoặc ngày lễ Sabbath của người Do Thái.

ở trong ngày *Tishe b' Av*<sup>(1)</sup>. Có rất nhiều quà tặng sau bài giảng đạo: một dụng cụ làm mì, máng nhào bột, một cái xô, chổi, muôi, rất nhiều đồ dùng gia đình. Rồi tôi liếc nhìn và thấy hai chàng thanh niên vạm vỡ khiêng một cái bồn tắm vào. “Chúng tôi cần cái này để làm gì?” tôi hỏi. Thế là họ nói, “Đừng bạn tâm đến nó. Ông cả thôi, cái này sẽ đúng lúc đấy. Tôi nhận ra mình sắp bị lừa. Nhưng mặc kệ nó, tôi còn gì để mà mất? Tôi cho là tôi sẽ thấy chuyện gì sắp đến. Cả thành phố không thể cùng điên được”.



Tối, tôi đến chỗ vợ tôi nằm, nhưng cô ta không cho tôi vào. “Nghe này, hãy nói đi, đây là cách họ tổ chức cưới cho chúng ta ư?” Tôi nói. Và cô ta nói, “Tôi đến tháng”. “Nhưng hôm qua họ vừa đưa cô đi tắm nghi lễ và rồi thì không phải dự định thế sao?” “Hôm nay không phải là hôm qua”, cô ta nói, “và hôm qua thì không phải hôm nay. Anh có thể đi nếu không thích”. Tóm lại, tôi đợi.

Chưa đến bốn tháng sau, cô ta lâm bồn. Dân thành phố giàu tiếng cười của họ với vẻ gân như là xúc phạm. Nhưng tôi biết làm gì đây? Cô ta chịu đựng nỗi đau đớn tột độ và bấu tay vào tường. “Gimpel!” cô ta gào lên, “Tôi sắp mất. Tha lỗi cho tôi!”. Ngôi nhà đầy nghẹt phụ nữ. Họ đang nấu nồi nước. Tiếng kêu thét vang đến tận trời.

Điều cần làm là đi đến nhà nguyện đọc thánh kinh và đây là những gì tôi đã làm.

Rõ ràng là dân phố thích điều đó. Tôi đứng trong góc đọc

---

<sup>(1)</sup> *Tishe b' Av*: Ngày để tang tưởng niệm những người bị tai nạn và bị khủng bố.

kinh và cầu nguyện, còn họ thì cứ hất đầu về phía tôi. “Cầu nguyện, cầu nguyện ngay đi!” họ bảo tôi, “Cầu thêm nữa để không bao giờ làm bất cứ phụ nữ nào phải mang bầu”. Một thành viên của giáo đoàn đặt cộng rơm vào miệng tôi và nói, “Cỏ khô cho bồ”. Có điều gì đó hiệu nghiệm, lạy Chúa!

Cô ta sinh được một bé trai. Thứ sáu, tại giáo đường Do Thái, người trông nom nhà thờ đứng dậy trước chiếc hộp gỗ đựng pháp điển Do Thái, đấm mạnh lên bàn nguyện và tuyên bố, “Reb Gimpel giàu có, mời giáo đoàn dự tiệc nhân dịp sinh hạ được con trai”. Toàn thể nhà nguyện vang dội tiếng cười. Mặt tôi đỏ bừng. Nhưng tôi chẳng thể làm gì được. Bởi tôi là người chịu trách nhiệm cho sự kiện vinh dự và nghi lễ cắt bao quy đầu cho đứa bé.

Đến cả nửa thành phố sôi động. Bạn chẳng thể nào nêm được bất kì một linh hồn nào nữa vào. Đàm bà mang đậu rắc tiêu đến và có cả thùng bia được đưa đến từ quán rượu. Tôi ăn uống thỏa thích như mọi người và tất cả họ đều chúc mừng tôi. Rồi đến lễ cắt bao quy đầu, tôi đặt tên đứa bé theo tên cha tôi, cầu Chúa cho người được an nghỉ. Khi mọi việc kết thúc, chỉ còn tôi với vợ, cô ta thò đầu qua rèm giường và gọi tôi đến.

“Gimpel”, cô ta nói, “tại sao anh im lặng? Thuyền của anh đã đi hay chìm nghỉm rồi sao?”.

“Tôi biết nói gì nào?” Tôi trả lời. “Cô vừa làm cho tôi một việc hay hớm quá! Nếu mẹ tôi biết chuyện này thì bà sẽ chết đến lần thứ hai”.

Cô ta nói, “Anh điên hay sao đấy?”

“Sao cô có thể biến tôi thành ngốc” tôi nói, “một người mà đáng ra là chủ là thầy cô?”.

“Có chuyện gì với anh thế?” cô ta nói. “Anh đang tưởng tượng gì trong đầu ấy?

Tôi hiểu rằng mình phải nói toạc móng heo cả ra. “Cô nghĩ đây là cách sử dụng một kẻ mồ côi à?” Tôi nói. “Cô vừa sinh ra một đứa con hoang”.

Cô ta đáp, “Bỏ ngay ý nghĩ ngu ngốc ấy ra khỏi đầu anh. Đứa bé là con anh”.

“Làm thế nào mà nó là con tôi được?” tôi cãi. “Nó được sinh ra sau ngày cưới mười bảy tuần”.

Lúc ấy cô ta bảo tôi rằng đứa bé bị đẻ non. Tôi nói, “Nó không quá non chứ?” Cô ta nói bà nội cô cũng sinh con sau thời gian mang thai rất ngắn và cô giống hệt bà như hai giọt nước. Cô ta buông lời thề độc đến nỗi bạn hắn phải tin như tin một gã nông dân ở hội chợ khi hắn mở miệng thề thốt. Thực tình mà nói, tôi không tin cô ta; nhưng khi tôi kể chuyện ấy với một thầy giáo vào hôm sau thì ông ta bảo tôi rằng điều tương tự đã từng xảy ra với Adam và Eva. Họ lên giường vào lúc hai giờ và bốn giờ thì họ sinh hạ ra con người.

“Chẳng có người đàn bà nào trên thế giới lại không là con cháu của Eva”, ông ta nói.

Sự thề là thế đấy - lập luận của họ làm cho tôi không thể nào mở miệng. Nhưng rồi liệu có ai thực sự biết những chuyện như thế xảy ra theo cách nào?

Tôi bắt đầu quên nỗi buồn của mình. Tôi yêu đứa bé tha thiết và nó cũng yêu tôi. Thoáng trông thấy tôi, nó vẫy đôi tay bé nhỏ và muốn tôi bế; khi nó dở chứng, chỉ có tôi là người duy nhất có thể dỗ nó. Tôi mua cho nó cái vòng bằng xương nhỏ và cả cái mū màu vàng nhỏ xíu. Nó thường xuyên bị quỷ ám bởi vía nặng của ai đó và rồi tôi phải đi lùng kiếm một lá bùa để giúp nó thoát khỏi ma quỷ. Tôi làm việc hùng hục như bò. Bạn biết việc chi tiêu tăng vọt ra sao khi trong nhà có con nhỏ. Tôi không muốn nói dối về điều đó; tôi cũng không phải không thích Elka, về chuyện ấy. Cô ta vẫn tục với tôi và nguyên rủa còn tôi thì không thể đáp ứng nổi cô ta. Cô ta mới khỏe làm

sao! Chỉ một cái nhìn của cô ta cũng đủ cướp của bạn ngôn ngữ đang hé trên môi. Và những bài diễn thuyết của cô ta! Hắc ín và lưu huỳnh, đầy áp trong móng ngón ngữ hùng hồn ấy nhưng bằng cách nào đó nó cũng đầy vẻ quyến rũ. Tôi ngưỡng mộ từng lời của cô ta. Nhưng cô ta gây cho tôi những vết thương rỉ máu.

Buổi tối, tôi mang về cho cô ta một ổ bánh mì tráng hoặc một ổ bánh mì đen kèm với nhân hoa quả do tôi tự nướng. Tôi ăn gấp vì cô ta và nồng mọi thứ mà tôi có thể đặt tay vào, bánh hạnh nhân, nho khô, quả hạnh, bánh trái. Tôi hi vọng mình sẽ được tha thứ vì đã ăn trộm từ những cái nồi của cảnh đàn bà để lại ủ ấm trong lò của người làm bánh vào thứ bảy. Tôi nhón những mẩu thịt đầu thừa đuôi theo, những khoanh bánh pudding, dùi hoặc dầu gà, một mẩu dạ dày bò hay bất cứ thứ gì mà tôi có thể thó thật nhanh. Cô ta ăn, trở nên béo tốt và xinh đẹp ra.

Tôi phải ngủ xa nhà suốt cả tuần, tại xưởng bánh. Những tối thứ sáu, khi tôi về nhà, cô ta luôn thoái thác vì lí do nào đó. Hoặc là cô ta bị chứng nóng lồng ngực, hoặc là đau xót bên sườn, hoặc náu cụt, hoặc đau đầu. Bạn chắc biết cái mà đàn bà viện làm lí do. Tôi có cả thời cay đắng vì điều đó. Thật là phiền toái. Thêm vào đó, cậu em trai út của cô ta, một gã con hoang, đang ngày một lớn lên. Nó đấm tôi sưng vù và khi tôi muốn đấm trả thì cô ta ngoác miệng nguyên rủa tôi hăng đến mức tôi thấy cả làn sương mù xanh bênh bồng trước mặt tôi. Một ngày mười lần cô ta dọa li dị tôi. Ở vào hoàn cảnh tôi, người khác chắc đã chuồn sang Pháp và biến mất. Nhưng tôi là típ người được sinh ra để chịu đựng điều đó mà không phàn nàn gì cả. Con người ta biết làm gì? Chúa sinh ra dỗi vai và cả gánh nặng.

Tối nọ, tai họa xảy ra ở xưởng bánh, lò bị cháy, chúng tôi suýt gặp hỏa hoạn. Chẳng còn việc gì để làm nữa ngoài việc

về nhà, thế là tôi về nhà. Để tôi, tôi nghĩ, những ném được sự vui thú được ngủ trên giường vào giữa tuần. Tôi không muốn làm thằng bé đang ngủ thức giấc bèn nhón chân vào nhà. Vào đến bên trong, dường như tôi nghe không chỉ tiếng của một người mà như là hai tiếng ngáy, một tiếng rất khẽ vừa đủ nghe còn tiếng kia thì giống tiếng ngáy của con bò ở lò mổ. Ôi, tôi chẳng thích điều đó! Tôi chẳng thích chút nào. Tôi tiến đến giường và mọi thứ trở nên tối sầm hết cả lại. Bên cạnh Elka là hình dáng của một gã đàn ông. Người khác ở vào địa vị tôi hẳn sẽ gầm lên và dựng cả thành phố dậy, nhưng trong tôi lại nảy ra ý nghĩ sẽ làm thằng bé thức giấc. Một chuyện nhỏ nhặt như thế - tại sao lại phải làm kinh động đến một chú sẻ non, tôi nghĩ. Vậy thì được, tôi quay lại xưởng bánh, duỗi người trên chiếc bao bột và cho đến sáng, tôi không hề chợp mắt. Tôi run như thể bị sốt rét. “Đủ để trở thành con lừa”, tôi tự nhủ. “Gimpel sẽ không là một kẻ đàn độn suốt đời. Có một giới hạn ngay cả đối với sự ngu ngốc của một thằng ngốc như Gimpel”.

Buổi sáng tôi đến chõ giáo sĩ xin lời khuyên và điều này đã gây nên sự huyên náo dữ dội trong thành phố. Họ cử thầy tư tế đi gọi Elka ngay. Cô ta đến, mang theo đứa bé. Và bạn đoán cô ta sẽ làm gì? Cô ta phủ nhận điều đó, phủ nhận mọi thứ, tráng trọng và bướng bỉnh! “Anh ta bị tâm thần”, cô ta nói. “Tôi chẳng biết gì về giấc mơ hoặc điều tiên tri nào cả”. Họ la ó, cảnh cáo cô ta, gõ búa lên bàn, nhưng cô ta nhất mực giữ nguyên ý kiến: đây là lời cáo buộc giả dối, cô ta nói:

Cánh buôn thịt và buôn ngựa đứng về phía cô ta. Một trong số những gã thuộc cánh lò mổ đến và nói với tôi, “Chúng tôi đứng về phía anh, anh là người bị ruồng bỏ”. Trong lúc ấy, đứa bé vòi xuống và bĩnh ra quần. Trong phòng giáo đoàn, có cuốn kinh thánh và họ không thể chấp nhận điều đó nên Elka được đưa ra ngoài.

Tôi nói với giáo sĩ, “Tôi sẽ làm gì đây?”

“Anh phải li dị cô ta ngay lập tức”, ông ta nói.

“Ngộ nhỡ cô ta từ chối?” tôi hỏi.

Ông ta nói, “Anh phải tự mình li dị cho bằng được, đấy là tất cả những gì anh phải làm”.

Tôi nói, “Thôi được, thưa giáo sĩ. Để tôi nghĩ thêm về chuyện này”.

“Chẳng việc gì phải nghĩ cả”, ông ta nói. “Anh không được ở cùng nhà với cô ta”.

“Và nếu tôi muốn thăm đứa bé?”, tôi hỏi.

“Mặc xác cô ta, đồ hư hỏng”, ông ta nói, “cùng với lũ con hoang của cô ta”.

Phán quyết ông ta đưa ra là tôi thậm chí không được phép bước qua ngưỡng cửa nhà cô ta - không bao giờ, trong lúc tôi còn sống.

Suốt ngày, việc này khiến tôi bận tâm rất nhiều. Tôi nghĩ, điều đó chắc chắn xảy ra, cái ung nhọt phải vỡ. Nhưng đêm đến, khi nầm dài trên lớp bao bột, tôi cảm thấy thực sự rất là cay đắng. Nỗi mong nhớ xâm chiếm tôi, vì cô ta và vì đứa bé. Tôi muốn nỗi cơn thịnh nộ, nhưng nỗi bất hạnh thực sự của tôi là tôi không sở hữu tí cuồng nộ nào trong người. Thứ nhất là - đây là cách ý tưởng hình thành - đôi lúc, với con người lầm lẫn chắc chắn xảy ra. Con người ta không thể sống mà không có lỗi lầm. Có lẽ cái gã ấy đã dụ dỗ cô ta, tặng cho cô ta nhiều quà và còn thiếu gì nữa, mà phụ nữ thì luôn dài về đầu tóc và ngắn về khả năng nhận thức, thế là hắn chiếm đoạt được cô ta. Thứ nữa, bởi vì cô ta khăng khăng phủ nhận nên có lẽ tôi chỉ nhìn thấy thứ gì đó? Ảo giác gây nên điều đó. Bạn thấy một hình bóng hoặc một thằng lùn hay một vật thể, nhưng khi bạn đến gần hơn thì chẳng có gì, chẳng có cái gì ở đó cả. Và nếu sự thể như thế

thì tôi đã bất công với cô ta. Rồi khi tiếp tục suy nghĩ, tôi bắt đầu khóc. Tôi thốn thức đến nỗi làm ướt sưng chõ bột nơi tôi nằm. Sáng hôm sau, tôi đến gặp giáo sĩ và nói với ông ta rằng tôi đã nhầm lẫn. Giáo sĩ viết bằng cây bút lông ngỗng, ông ta nói rằng nếu sự tình như thế thì ông ta sẽ xem xét lại toàn bộ vụ việc. Cho đến khi ông ta kết thúc, tôi không được đến gần vợ, nhưng tôi có thể nhờ người mang cho cô ta bánh mì và tiềng.



Chín tháng đã trôi qua trước khi tất cả giáo sĩ có thể đi đến chõ thỏa thuận. Thư từ gởi tới gởi lui. Tôi không nhận ra rằng cần phải mất rất nhiều tri thức uyên bác cho một vấn đề như thế này.

Trong lúc ấy, Elka tiếp tục sinh thêm một đứa trẻ nữa, lần này là một bé gái. Vào ngày lễ Sabbath, tôi đến giáo đường Do Thái và cầu chúa ban phước lành cho nó. Họ gọi tôi đến bàn thờ và tôi đặt tên đứa bé theo tên mẹ vợ tôi, cầu mong cho bà được yên nghỉ. Những kẻ thô lỗ và những kẻ lầm lời của thành phố vào xưởng bánh dòm ngó tôi kĩ càng. Toàn bộ Frampol chấn hưng lại tinh thần vì chuyện rắc rối và nỗi buồn của tôi. Tuy nhiên, tôi quyết tâm sẽ luôn tin tưởng vào những gì mình đã được dạy bảo. Không tin tưởng thì có gì tốt lành? Hôm nay, đấy là cô vợ, bạn không tin tưởng, ngày mai ấy chính là Chúa, bạn sẽ chẳng tôn thờ.

Qua gã học nghề, hàng xóm của cô ta, hằng ngày tôi gởi cho cô ta một chiếc bánh ngô, bánh mì hoặc một miếng bánh ngọt. bánh mì vuông hoặc bánh mì dài hoặc, khi tôi có cơ hội thì là một miếng bánh pudding, một lát bánh mật hoặc

là bánh tròn nhân táo dùng trong đám cưới - bất cứ thứ gì tôi có thể kiếm được. Gã học nghề là một tay lương thiện và hơn một lần gã kèm thêm thứ gì đó của riêng gã. Gã từng công khai làm phiền tôi nhiều lần, kéo mũi tôi, huých cùi tay vào mạng sườn tôi, nhưng khi bắt đầu trở thành vị khách ở nhà tôi thì gã trở nên tử tế và thân thiện. “Ê, anh bạn, Gimpel” gã nói với tôi, “cậu có một cô vợ bé nhỏ, rất đoan trang và hai đứa con xinh xắn. Cậu không xứng đáng với họ”.

“Nhưng những điều người ta nói về cô ta”, tôi nói.

“Chà, cái bọn lười dài ấy mà”, gã nói, “chớ bận tâm gì đến cái kiểu lảm nhảm của họ. Hãy mặc xác họ như cậu đã mặc xác cái lạnh của mùa đông trước”.

Ngày nọ, giáo sĩ gọi tôi đến bảo, “Gimpel, anh có chắc chắn rằng anh đã nói sai về vợ không?”

Tôi nói, “Con chắc chắn”.

“Sao vậy, nhìn thẳng đây! Chính anh đã tận mắt nhìn thấy”.

“Chắc là một cái bóng”, tôi nói.

“Bóng của cái gì?”

“Của một trong những xà nhà, con nghĩ”

“Vậy thì anh có thể về nhà. Anh nhớ cảm ơn giáo sĩ Yanover. Ông ấy tìm thấy một mục tham khảo tôi nghĩa trong sách *Maimonides*<sup>(1)</sup> điều đó mang lại sự đồng ý cho anh”.

Tôi nắm chặt bàn tay của giáo sĩ và hôn.

Tôi muốn chạy về nhà ngay lập tức. Chẳng phải là chuyện vặt khi bị chia tách quá lâu với vợ và con. Sau đó tôi đổi ý, tốt hơn là tôi nên quay lại làm việc lúc này và đợi đến

---

<sup>(1)</sup> Maimonides: Nhà triết học người Do Thái (1135-1204). Cuốn Cẩm nang về sự hoang mang (1190) của ông nêu lực dung hòa giữa đạo Do Thái và giáo lý của Aristotle.

tối mới về nhà. Tôi chẳng nói gì với bất kì ai, mặc dù con tim tôi hồi hộp với điều đó đến mức như thể đây là một trong những Ngày Thiêng. Đàm bà trêu chọc và lừa bịp tôi như họ vẫn làm mỗi ngày, nhưng suy nghĩ của tôi là, cứ tiếp tục đi, cái kiểu nói vô thưởng vô phạt của các vị. Sự thật thì luôn rõ ràng, như dầu trên mặt nước. Maimonides bảo điều đó đúng thì vì thế nó đúng!

Buổi tối, khi ủ xong chõ bột nhào, tôi lấy phần bánh của mình và một túi bột nhỏ rồi ra về. Vầng trăng tròn tria, sao đang lấp lánh, có cái gì đó đang khủng bố tinh thần. Tôi mải miết đi và phía trước tôi, cái bóng ngả dài. Trời sang đông, những bông tuyết tinh khôi rơi đều. Tôi muốn hát nhưng đã khuya và tôi không muốn đánh thức những người trong nhà dậy. Lát sau tôi cảm thấy thích huýt sáo, nhưng sự nhớ người ta không huýt sáo ban đêm bởi nó sẽ gọi ma quỷ đến. Thế là tôi im lặng và rảo bước nhanh.

Chó trong sân nhà những người theo Thiên chúa giáo sửa khi tôi đi qua nhưng tôi nghĩ, sửa cho rụng hết cả răng đi! Bọn mày là cái thá gì ngoại trừ là chó? Trái lại, tao là người, một người chồng của cô vợ dễ thương, một người cha của những đứa con đầy triển vọng.

Khi đến gần nhà, tim tôi bắt đầu nện như thể nó là tim của một kẻ tội phạm. Tôi không cảm thấy sợ, nhưng tim tôi đập thình thịch! thình thịch! Chao ôi, không rút lui được nữa rồi. Tôi lặng lẽ nhắc chốt cửa rồi bước vào. Elka đã ngủ. Tôi nhìn vào nôi đứa bé. Cửa chớp đã đóng, nhưng mặt trăng vẫn len qua khe hở. Tôi ngắm mặt đứa bé mới sinh và yêu thương nó ngay lúc thoát nhín - yêu ngay lập tức - yêu đến nghẹt thở.

Rồi tôi đến gần giường hơn. Và tôi nhìn thấy gì ngoài gã học việc đang nằm đó, bên cạnh Elka. Ngay lập tức ánh trăng tắt ngấm. Đất trời tối đen và tôi run rẩy. Răng tôi va vào nhau

cầm cập. Ở bánh mì rơi khỏi tay, vợ tôi thức giấc và hỏi, “Ai đó, hả?”

Tôi thì thào, “Tôi đây?”

“Gimpel?” cô ta hỏi. “Làm sao anh lại ở đây? Tôi nghĩ anh đã bị cầm rồi mà”.

“Giáo sĩ bảo”, tôi trả lời trong cơn run rẩy như đang sốt.

“Nghe này, Gimpel”, cô ta nói, “ra ngoài chuồng xem con dê có sao không. Như thế nó bị ốm hay sao ấy.” Tôi đã quên không nói rằng chúng tôi có một con dê. Khi nghe nói nó không được khỏe tôi vội ra vườn. Con dê cái là một sinh vật bé nhỏ tử tế. Tôi cảm nhận về nó gần như thể đấy là một con người.

Bằng những bước chân lưỡng lự, tôi lần đến chuồng gia súc và mở cửa. Con dê đứng đó bằng cả bốn chân. Tôi sờ khắp mình nó, giữ nó lại, kiểm tra vú sữa và thấy nó chẳng việc gì. Có lẽ nó đã ăn quá nhiều vỏ cây. “Chào nhé, dê ngoan”, tôi nói. “Hãy giữ gìn sức khỏe”. Con vật bé bỗng trả lời với tiếng “Maa” như thể cảm ơn tôi vì lời chúc tốt lành.

Tôi quay lại. Gã học việc đã biến mất.

“Đâu, tôi hỏi, “gã ấy đâu rồi?”

“Gã nào?” vợ tôi hỏi.

“Ý cô là gì?” tôi nói. “Gã học nghề. Cô đang ngủ cùng hắn?”

“Những điều tao mơ thấy tối nay và tối qua”, cô ta nói, “có thể trở thành sự thật và ám ảnh mi, cả thể xác lẫn tinh thần! Một linh hồn tội lỗi đã mọc rễ trong mi và trong mắt mi”. Cô ta gào lên, “Mi là đồ đáng ghét! Đồ đần độn! Đồ ma quái! Đồ mông muội! Cút ngay nếu không tao sẽ gào cho cả Frampol thức giấc!”.

Trước lúc tôi có thể cử động, thằng em cô ta nhảy từ sau bếp ra giáng cho tôi một quả vào sau đầu. Tôi nghĩ nó đã làm gãy cổ tôi. Tôi cảm thấy mình đã làm điều gì đó sai trái, tôi

nói. “Đừng có làm âm lên. Điều cô cần bây giờ là mọi người sẽ buộc tôi tội đánh thức những hồn ma và ác quỷ”. Vì đó là những gì cô ta muốn. “Đừng ai động đến ổ bánh mì đang nướng của tôi”.

Rốt cuộc, bằng cách nào đó tôi đã làm cô ta bình tĩnh lại.

“Thôi được”, cô ta nói “đủ rồi đấy. Nằm ngủ đi và đừng có phá vỡ sự yên tĩnh nữa”.

Sáng hôm sau tôi gọi gã học nghề ra ngoài. “Nghe này, người anh em!” tôi nói. Và nói mọi chuyện. “Cậu nói gì vậy?” Gã ta trố mắt nhìn như thể tôi vừa rơi từ mái nhà hay một nơi nào đó xuống.

“Tôi thề”, anh ta nói, “tốt hơn là cậu nên đi khám bác sĩ đông y hay một thầy thuốc nào đó. Tôi đồ rằng thần kinh cậu bị chùng mắt mấy ốc vít, nhưng tôi sẽ giấu chuyện này cho cậu”. Và đấy là cách vụ việc kết thúc.

Xin được rút ngắn câu chuyện dài này, tôi đã sống hai mươi năm với vợ. Cô ta sinh cho tôi sáu đứa, bốn gái, hai trai. Mọi thứ chuyện này nọ đã xảy ra nhưng tôi không thấy và cũng chẳng nghe. Tôi tin tưởng và đấy là tất cả. Gần đây giáo sĩ đã nói với tôi, “Tin vào điều mình tin là có lợi. Sách đã viết rằng một người tử tế thì sống bằng niềm tin của chính mình”.

Bỗng nhiên vợ tôi lâm bệnh. Thoạt tiên chỉ là một vết sưng nhỏ trên ngực. Nhưng hiển nhiên cô ta sẽ không sống lâu nữa; cô ta nguy kịch. Tôi chi rất nhiều tiền cho cô ta. Tôi đã quên không kể rằng vào thời điểm ấy tôi đã là chủ một xưởng bánh và ở Frampol, người ta xếp tôi vào hàng người giàu có. Thầy thuốc đến hàng ngày và cả đám thầy cũng lân cận cũng được mời cả sang. Họ quyết định sử dụng biện pháp hút sạch máu rồi sau đó phong bế nó lại. Họ thậm chí còn mời cả một bác sĩ ở Lublin đến nhưng đã quá

trẽ. Trước khi chết, cô ta gọi tôi đến bên giường và nói, “Tha lõi cho tôi, Gimpel”.

Tôi nói, “Có gì để tha lõi đâu? Cô là một người vợ ngoan và chung thủy”.

“Tôi nghiệp thay, Gimpel!” cô ta nói. “Thật quá xấu hổ khi tôi đã lừa dối anh ngần ấy năm trời. Tôi muốn trong sạch khi đứng trước Đấng sáng tạo của mình, vậy nên tôi phải nói cho anh biết rằng bọn trẻ không phải là con anh”.

Giả dụ như tôi bị ném vào đầu bằng một mẩu gỗ thì nó cũng sẽ không làm tôi phát rõ thêm hơn.

“Chúng là con ai?” tôi hỏi.

“Tôi không biết”, cô ta nói, “có rất nhiều... Nhưng không phải là con anh”. Và khi đang nói, đầu cô ta nghèo sang một bên, đôi mắt trở nên mờ dại và mọi chuyện chấm dứt với Elka. Trên đôi môi tái nhợt của cô ta, vẫn còn in dáng nụ cười.

Tôi hình dung rằng, cô ta chết khi sắp sửa nói, “Tôi đã lừa được Gimpel. Đây là ý nghĩa của cuộc sống ngắn ngủi của tôi”.



Tối nọ, khi thời gian để tang đã chấm dứt, lúc tôi nằm mơ trên những bao bột thì một con quỷ đến nói với tôi, “Gimpel, sao mà ngủ?”

Tôi nói, “Tao biết làm gì bây giờ? Ăn krepelach<sup>(1)</sup> ư?”

“Toàn bộ thế giới lừa mày”, hắn nói, “và đến lượt mày, mày nên lừa ráo cả thế giới đi”.

“Làm sao mà tao có thể lừa được cả thế giới?” tôi hỏi hắn.

---

<sup>(1)</sup> Một loại bánh bao nhồi thịt, pho mát và những nguyên liệu khác.

Hắn trả lời, “Mày có thể gom một xô nước đá mỗi ngày rồi đợi tối đến đem đổ vào bột nhào. Để cho các nhà thông thái của Frampol ăn phải đồ đờ bẩn”.

“Thế còn sự phán xét ở thế giới sắp đến thì sao? tôi nói.

“Chẳng có thế giới nào để đến cả”, hắn nói. “Bạn chúng đã bịp mày cả một lô một lốc những điều thiện và thuyết phục mày tin rằng mày đã mang một con mèo trong bụng. Thật ngớ ngẩn!”

“Vậy thì” tôi nói, “có Chúa không?”

Hắn trả lời, “Cũng chẳng có Chúa nào cả”.

“Cái gì”, tôi nói, “Chẳng có ư?”

“Một vũng bùn đặc sệt”.

Hắn đứng trước mặt tôi phô cá sừng và bộ râu dê, những chiếc nanh nhọn và cả cái đuôi. Nghe những lời báng bổ ấy, tôi muốn chộp lấy đuôi hắn, nhưng tôi chỉ ngã nhào khỏi những bao bột và suýt gãy một xương sườn. Rồi sự thê hóa ra rằng tôi phải đáp lại tiếng gọi của tự nhiên và khi đi qua, tôi thấy đám bánh mì đứng dậy, đường như bảo tôi, “Hãy làm đi!” Tóm lại, tôi đã để bản thân mình bị thuyết phục.

Vào lúc bình minh, người học nghề đến. Chúng tôi nhào bột, cho thêm hạt cây carum rồi đưa bánh vào lò nướng. Sau đó, người học nghề ra ngoài, chỉ mình tôi ngồi lại trên đống vụn vải trải trên chiếc ghế dài nhỏ bên bếp lò. Này, Gimpel, tôi nghĩ, tự tay mày đã trả thù bọn chúng vì mọi điều xấu xa mà chúng tạo ra cho mày. Ngoài trời sương tuyết lấp lánh nhưng không khí ấm áp bên cạnh bếp lò. Lửa phả hơi nóng vào mặt tôi. Tôi gục đầu xuống và rơi vào giấc ngủ chap chờn.

Ngay lập tức tôi mơ thấy Elka trong tấm vải liệm. Cô ta gọi tôi, “Anh làm cái gì vậy, hả Gimpel?”

Tôi nói với cô ta, “Tất cả là tại lỗi của cô” tôi bắt đầu gào to.

“Đồ ngốc!” cô ta nói. “Anh ngốc thật! Bởi nếu tôi giả dối thì mọi thứ cũng đều giả dối hết sao? Tôi chưa hề lừa dối bất kì ai ngoài bản thân mình. Tôi đang trả giá cho tất cả điều đó, Gimpel. Ở đây, họ chẳng tha thứ cho anh đâu”.

Tôi nhìn mặt cô ta. Nó đen ngòm. Tôi rùng mình thức giấc mà vẫn đang ngồi sững sờ. Tôi ý thức rằng vạn vật được đặt trong thế cân bằng. Một bước lầm lạc lúc này và tôi đã đánh mất cuộc sống vĩnh hằng. Nhưng Chúa sẽ giúp tôi. Tôi chộp lấy chiếc xéng dài và hất chõ bánh ấy ra, mang chúng ta vươn và đào một cái hố trên mặt đất phủ đầy băng tuyết.

Người học nghề quay lại khi tôi đang đào hố. “Ông đang làm gì vậy, ông chủ?” cậu ta nói và tái nhợt như xác chết.

“Tao biết mình đang làm gì” tôi nói rồi chôn hết chõ bánh ngay trước mắt cậu ta.

Sau đó tôi về nhà, lấy vàng bạc ra khỏi nơi cất giữ rồi chia cho bọn trẻ. “Tao gấp mẹ chúng mày tối nay”, tôi nói. “Bà ấy đã đen ngòm, thật tội nghiệp”.

Bọn chúng kinh hãi đến nỗi chẳng thể thốt nổi một từ.

“Hãy sống lương thiện”, tôi nói, “và hãy quên rằng đã từng có một gã Gimpel tồn tại trên đời”. Tôi mặc chiếc áo khoác ngắn vào, đi đôi ủng, một tay xách chiếc túi đựng tấm khăn cầu nguyện, tay kia cầm cây gậy rồi hôn *mezzuzah*<sup>(1)</sup>. Khi mọi người nhìn thấy tôi trên đường, họ vô cùng ngạc nhiên.

“Ông đi đâu vậy? họ nói.

Tôi đáp, “Đi vào thế giới ấy”. Thế rồi tôi rời khỏi Frampol.

Tôi lang thang khắp mọi miền, những người tốt bụng không bỏ rơi tôi. Sau nhiều năm, tôi trở nên già nua, râu tóc bạc phơ; tôi đã nghe rất nhiều, nhiều lời nói dối và việc làm

<sup>(1)</sup> Cái bảng hình chữ nhật nhỏ gắn gần cửa trước của ngôi nhà, viết dài lời răn của Kinh Thánh.

gian dối, nhưng càng già thì tôi càng hiểu ra rằng thực sự chẳng có điều gì là dối trá. Hết bất cứ điều gì thực sự không xảy ra thì được mơ vào ban đêm. Nó xảy ra với người này nếu không xảy ra với người khác, ngày mai nếu không là hôm nay hoặc sẽ trong vòng một thế kỉ nữa nếu không là năm tới. Chúng có thể làm nên sự khác biệt gì nào? Thường khi nghe những chuyện như thế tôi nói, “Lúc này, đây là chuyện không thể xảy ra được”. Nhưng trước khi một năm trôi qua, tôi nghe nó đã thực sự xảy ra ở một nơi nào đó.

Đi từ nơi này sang nơi nọ, ăn tại những bàn ăn xa lạ, điều thường xuyên xảy ra là tôi luôn bịa chuyện huyên thuyên - những chuyện không thực và không thể nào xảy ra - về ma quỷ, phù thủy, cối xay gió và nhiều chuyện như thế. Trẻ con chạy bám theo tôi nắn nิ, “Ông ơi, kể chuyện cho bọn cháu nghe đi”. Đôi lúc, bọn chúng yêu cầu những chuyện đặc biệt và tôi cố làm chúng hài lòng. Một đứa trẻ béo mập một lần đã bảo tôi. “Ông ơi, chuyện này ông đã kể cho chúng cháu rồi”. Thằng nhóc tinh quái, nó đúng.

Cả những giấc mơ cũng diễn ra theo cách ấy. Đã nhiều năm kể từ khi tôi rời khỏi Frampol, nhưng bất cứ lúc nào hễ nhắm mắt là tôi thấy mình lại ở đó. Và bạn nghĩ tôi trông thấy ai? Elka. Cô ta đang đứng bên chậu giặt, như trong lần chúng tôi gặp nhau đầu tiên, nhưng gương mặt cô ta thì rực sáng, còn mắt cô thì sáng ngời như mắt một vị thánh, cô ta nói những lời kì quặc với tôi, những điều kì lạ. Khi thức giấc, tôi quên hết sạch. Nhưng trong lúc giấc mơ diễn ra, tôi thấy dễ chịu. Cô ta trả lời tất cả những thắc mắc của tôi và hóa ra là mọi chuyện đều có lí của nó. Tôi sụt sùi và cầu khẩn. “Để tôi đi cùng bà”. Cô ta an ủi và bảo tôi hãy kiên nhẫn. Thời gian đến gần hơn, không lâu nữa. Thỉnh thoảng cô ta vuốt ve, hôn và khóc trên mặt tôi. Khi thức giấc, tôi vẫn cảm nhận môi cô ta và cả vị muối của nước mắt ấy.

Chẳng nghi ngờ gì nữa, rõ ràng thế giới này là thế giới của sự tưởng tượng nhưng duy nhất một lần nó được khai sinh từ cái thế giới thực. Cạnh ngưỡng cửa của ngôi nhà tồi tàn nơi tôi nằm, những tấm ván mang thi hài người chết được dựng ở đó. Người Do Thái đào huyệt đã chuẩn bị xêng sẵn sàng. Nấm mồ chờ đợi và lũ giun cồn cào vì đói, vải liệm đã được chuẩn bị - tôi mang theo trong túi hành khất của mình. Một người ăn mày khác đang đợi để thừa kế chiếc ổ rơm của tôi. Khi thời gian điểm, tôi sẽ vui vẻ ra đi. Bất cứ thứ gì có thể tồn tại ở đó thì sẽ là xác thực, không phức tạp, không ngớ ngẩn, không gian dối. Tạ ơn Chúa: ngay đến cả Gimpel cũng không thể bị lừa dối.

LÊ HUY BẮC *dịch*

PETER TAYLOR  
(Mĩ)

## MƯA TRONG TIM

Khi cuộc diễn tập kết thúc, họ dừng lại bên rìa cánh đồng, viên trung sĩ huấn luyện nhìn qua thung lũng bằng phẳng về phía cánh rừng trên mỏm Peavine. Giữa những luồng ánh sáng lấp loá trên ngọn cây vào buổi chiều muộn, viên trung sĩ huấn luyện có thể nhìn thấy những mái nhà chóp nhọn ở phía bên kia, cách bảy dặm về phía Tây, nơi dân cư cư trú nhiều hơn.

Chán chường, viên trung sĩ chống báng súng vào bùn và quay ra bảo đội tân binh quay về doanh trại. Nhưng họ đã đi mà không nói gì với anh, anh đứng một lát nhìn họ quay trở về phía những dãy nhà ở khu đất công, vài người đã tháo súng ra khỏi vai, những người khác đeo súng bằng sợi dây da theo mốt mang vali.

Trên cánh đồng phía sau viên trung sĩ là những dấu vết mà anh và mười hai người đã tạo nên trong suốt một tiếng đồng hồ luyện tập. Anh quay lại, ngắm nghía những dấu vết ấy một lát và bắn khoan tự hỏi không biết mình có nói được là có bao nhiêu người đã đậm chân ở đó và số lượng ấy có đủ để đổi đầu với sức mạnh của quân địch hay không. Rồi với một cái nhún vai, anh lại quay mặt về phía mỏm Peavine, nghỉ ngơi trong chốc lát về cái mỏm còn lại ấy ở vùng ngoại ô nơi vợ

anh đã tìm thuê được mấy căn phòng có sẵn đồ đạc. Và nhìn mỏm đất dâng trước trải dài vô tận tới phía Bắc và phía Nam trong lúc anh đang để ý một chiếc xe buýt dài và xe điện đang chạy phía trước con đường anh trở về nhà tối nay. Đột nhiên anh khoác khẩu súng trường qua vai và bắt đầu quay về doanh trại của mình.

Lối đi gần nhất để đến doanh trại của các hạ sĩ là đi qua khu rải nhựa đường rộng lớn nơi tất cả đơn vị được quản lý. Khi viên trung sĩ băng qua khu rải nhựa, mỗi lần nâng bước chân lại đòi hỏi một sự cố gắng đặc biệt của anh. Kể từ kì nghỉ phép và cuộc du lịch tuần trăng mật lên vùng núi thì đây là đêm đầu tiên viên trung sĩ được cấp phép để đi thăm vợ. Khi tới cổng trước lối vào doanh trại, anh nấn ná bên bảng tin. Anh đứng vu vơ xem xét những thông tin được ghi ở đó. Nhưng cuối cùng anh đứng thẳng người, quay ra và nhanh nhẹn bước vào trong. Anh biết doanh trại đã đầy áp người với những trò đùa cũ rích, thân thiện nhưng ác ý.

Khi hấp tấp bước xuống lối đi của doanh trại để lấy chiếc áo khoác bằng vải bông chéo màu xanh, anh đã để lộ sự vội vã của mình. Đầu tiên đường như không có ai để ý tới anh. Nhưng anh vẫn thủ thế vì chán ngấy những trò đùa mà chắc hẳn là không thể tránh được nhầm thẳng vào anh ngày hôm nay. Cuối cùng một hạ sĩ tóc màu đồng, người ngồi trên giường gần giường anh, đang sửa móng tay bằng một con dao, bắt đầu hát:

*Vâng, nàng nhảy lên giường*

*Và nàng che đầu mình lại...*

Một giọng khác từ bên lối đi vọng sang đáp lại lời hát này:

*Và nàng thế là anh không thể tìm thấy nàng.*

Rồi có những giọng khác, vài giọng giả giọng nữ cao, những giọng còn lại bắt chước họng xương nam trầm, từ tất cả mọi hướng của căn phòng dài hợp lại:

*Nhưng nàng biết rất rõ  
Rằng nàng dõi như quỷ  
Khi anh nhảy đến bên nàng.*

Viên trung sĩ hơi đỏ mặt, giả bộ rất giận và bắt đầu cởi quần áo để đi tắm. Lặng lẽ, anh thầm nhắc mình khi xuống thị trấn thì nhớ phải mang theo quyển *Lịch sử nội chiến* to tướng vì nó đã quá hạn ở thư viện thành phố. *Nàng* sẽ trả nó cho anh vào ngày mai.

Trong phòng tắm, đầu tiên cánh lính cũng giả đò không trông thấy anh. Họ đang nói về những kế hoạch của mình tối nay dưới thị trấn. Một viên trung sĩ cao và gầy giữ xương có mái tóc đen cứng đang nói: “Tôi đã có cuộc hẹn rất hay vào tối nay với một nữ quân nhân ở Vermont. Nhưng tất nhiên chúng tôi sẽ phải tiến hành vào lúc nửa đêm”.

Bây giờ tay hạ sĩ tóc màu đồng đã vào phòng tắm. Anh ta nhỏ hơn hầu hết các tay lính khác, và ngay dưới mái tóc màu đồng của anh là cặp mắt màu xanh xám sáng. Anh ta có cái bụng phệ đầy lông trông như một quả bóng. “Kế hoạch của tôi tối nay cũng khá hay”, anh ta nói với người lính cao đứng bên cạnh. “Nàng sống dưới phố với gia đình nên tôi cũng sẽ phải tiến hành sớm. Nhưng cả anh và tôi ngày mai cũng sẽ không bị kiệt sức đâu, Slim à!”

“Đúng”, tay lính cao gầy nhom nói, “có thể chúng ta lấy lại được càn bằng à xoay sở được như những gã khác, bởi vì đôi khi người ta sẽ không cảm thấy thích hành động”.

Nước ấm từ vòi hương sen dỗ xuống ngực và lưng anh trung sĩ huấn luyện. Đã là nám thứ hai trong quân ngũ và giờ đây anh phát hiện ra bản thân mình vẫn tiếp tục ngạc nhiên về những tác dụng nho nhỏ mà chuỗi ngôn từ của cánh lính rót lên anh.

Đứng trên lối đi hẹp giữa giường mình và giường viên

hạ sĩ tóc màu đồng, anh mặc bộ kaki sạch sẽ trước sự quan sát của những người lính ở trần đang ngồi uể oải trên hai chiếc giường.

“Khi lập gia đình”, viên trung sĩ tóc cứng nói. “Tôi sẽ cưới cho mình một nữ quân nhân mà tôi có thể đưa thẳng ra mặt trận với tôi”.

“Anh không nên làm điều đó”, tay hạ sĩ nói. “cô nàng có thể sẽ bị thương trong trận đánh”. Anh ta và viên trung sĩ gầy nhom, tóc cứng cười to thô lỗ và vui vẻ đến nỗi anh trung sĩ huấn luyện cũng phải cười theo, tuy hầu như không biết gì về những trò đùa mà họ đang làm. Nhưng những tay lính ở trần khác có vẻ ngoài bình thường hơn, nhận thấy trò đùa này không rõ ràng lắm và họ bắt đầu hỏi thẳng:

“Một ả quân nhân và một anh lính nước ngoài có thể cưới nhau được không nhỉ?”

“Nếu một cô quân nhân có thai thì chuyện gì sẽ xảy ra?”

“Khi tôi cưới vợ”, anh lính đang duỗi thẳng lưng với đôi mắt nhắm nghiền và chiếc khăn tắm quấn quanh thắt lưng nói, “nàng sẽ là một cô bé dễ thương như vợ ngài trung sĩ đây”.

Vिण trung sĩ yên lặng nhìn anh ta.

“Nhưng ở nơi nào”, Slim hỏi, “anh sẽ gặp được một cô gái như thế khi anh cứ giao du với cái đám bạn bè ấy?”

Tay lính đang nằm ngửa mở một mắt ra: “Nếu tôi là anh thì tôi sẽ không nói về bạn bè của mình. Tôi đã thấy anh và anh hạ sĩ này cùng mấy con búp bê của họ ở khúc quẹo Midway”.

Mắt tay hạ sĩ quan sáng lên. Anh ta cười lớn và hét tướng. “Và hắn đã hẹn tôi hai lần, Buck à”.

“À”, Buck nói, mắt vẫn nhắm nghiền, hai tay khoanh trên khuôn ngực trần, “khi tôi lấy vợ tôi sẽ không lấy cái loại đó đâu. Mà cũng không lấy mấy ả quân nhân của anh đâu, Slim à”.

Slim nói: "Tống nó ra khỏi cái dạ dày thối của anh đi".

Một trong những tay lính có hình thức bình thường hơn, dường như để tự đánh thức mình khỏi giấc ngủ đã nói: "Đó là lý do tại sao anh thích họ, phải không, Slim? Anh thích họ bởi họ biết cách à?" Câu đùa của anh ta đủ để làm cho tất cả cười phá lên. Họ cùng nhìn về phía Slim. Thậm chí cả tay lính đang nằm cũng mở một mắt ra nhìn anh ta. Còn Slim, đang lau mái tóc đen cũng bù xù bằng một chiếc khăn tắm màu trắng thì càu nhau: "Ít ra thì tôi cũng không làm hư bọn trẻ miệng còn hơi sữa như ai đó".

Anh lính cởi trần tên Buck đang vươn người trên chiếc giường nhỏ mở mắt ra và liếc nhìn về hướng Slim. Lát sau anh ta nhắm mắt lại trầm tư rồi đột nhiên lại mở ra. Anh ta ngồi dậy, đung đưa chân trên sàn. "Chà, đêm nọ tôi đã gặp một nàng lẻ đôi", anh ta nói. "Nàng đang uống bia một mình ở quán cà phê Conner, tôi đến và ngồi vào phía bên phải nàng, như thế này này". Anh ta vỗ nhẹ tay lên chiếc chăn màu vàng lục, trong khi nói, anh ta không nhìn ai. Đúng hơn là gương mặt anh ta quay về phía ô cửa sổ ở cuối giường, và với quai hàm bánh nhô ra, đôi mắt tròn nhỏ đang liếc nhìn, anh ta nhìn chăm chú vào những tia nắng. "Nàng là một người kì quặc và sẽ không nói với tôi bất kỳ chuyện gì chừng nào mà tôi còn ngồi đó. Khi tôi chuẩn bị biến thì nàng nói không được dễ nghe cho lắm; "Này anh lính, chuột đã nói với mèo cái gì?" tôi bảo tôi không biết, nàng nói, "Con mèo này đang giết tôi". Böyle giờ tất cả những người lính khác bắt đầu cười lớn và kêu lên ê ê. Nhưng Buck thậm chí không mỉm cười. Anh ta tiếp tục nhìn vào ánh nắng và nói bằng giọng đều đều như trước. "Nên tôi bảo, "vậy thì đi" và cầm tay cô ấy kéo mạnh. Nhưng các bạn biết đấy, cô ấy là một người kỳ quặc. Cô ta không bao giờ nói nhiều mà chỉ thỉnh thoảng nói một câu đùa tục tĩu. Cô ta không có kiểu rên rỉ nho nhỏ mà

tiến tới đều đều và biết xoay xở. Nhưng tôi ghét phải nghe đàn bà nói tục”.

Tay hạ sĩ quan bụng phệ nháy mắt viên trung sĩ huấn luyện và nói: “Nghe hắn nói kìa. Hắn bảo sẽ cưới một cô gái dễ thương như vợ anh, nhưng tôi cuộc là anh không xoay xở với cô á của anh ở quán cà phê Conner hoặc trên sân trượt băng chứ”.

Buck giật cái khăn tắm ra khỏi người, kéo nó lại lấy đà và nhanh nhẹn như chớp quật vào cái bụng phệ nhỏ đầy lông của tay hạ sĩ. Viên trung sĩ huấn luyện cười to với mẩy tay còn lại và nhìn một lúc vệt trắng chiếc khăn vạch trên bụng mà lê ra vẫn còn đỏ vì nước nóng.

Bây giờ viên trung sĩ huấn luyện đã mặc đồ. Anh chải mái tóc hung hung trước cái gương tay hình vuông mà anh ta đã treo trên ngưỡng cửa sổ. Hình ảnh của chính anh gợi anh nhớ về nàng, người chắc hẳn đang đợi anh ở phía bên kia. Nàng với giọng nói miền Nam nhẹ nhàng và đôi tay nhỏ bé cứ luôn nắm lấy chiếc khăn mùi xoa. Đó là cái mà chính gương mặt anh trong chiếc gương nhỏ xíu mang lại cho tâm hồn anh. Thật là không thực tế với anh về những người lính kia và những cơ thể đầy lông của họ, lối ăn nói và tính cách thô lỗ của họ. Thật là tạm bợ. Thật khác với cuộc sống của anh, với cuộc sống của chính anh và nàng.

Anh mở cái tủ thấp bằng kim loại của mình và lấy ra cuốn sách lịch sử mà anh đang đọc đến trận đánh từng xảy ra trên chính nơi doanh trại đóng quân và đọc theo mạn đường anh sẽ đi xe buýt tối nay. Anh với lấy chiếc mũ nước ngoài bằng vải kaki; treo phía bên phải, đội lên đầu và lẩn đi, cố tránh sự chú ý của những người lính đang tụ tập ở đó. Bây giờ tất cả bọn họ đều yên lặng để nghe Slim nói: “Tôi nợ tôi và Pat McKenzie vớ được một á diếm bé nhỏ khâu khỉnh, á bị câm và điếc. Nhưng cuối cùng khi tôi và á tiến tới để làm

chuyện ấy thì ả phát ra những âm thanh khủng khiếp nhất mà ta từng nghe thấy”.

Kẹp quyển sách trong nách, viên trung sĩ huấn luyện băng xuống dưới lối đi giữa những dãy giường, quan sát chỗ này một người lính ở trần đang nhặt đôi tất bẩn lên, chỗ kia một người lính khác đang đánh bóng đôi giày chiến lợi phẩm hay người khác đang thắt chiếc cà vạt bằng vải kaki với sự cẩn thận quá kỹ càng. Nhưng ý nghĩ của viên trung sĩ huấn luyện vẫn hướng về nàng với những lọn tóc quăn màu nâu rủ xuống cổ áo trắng của chiếc váy mùa hè. Anh có thể vượt qua đám lính khi đi qua họ như những người bạn tốt mà chỉ cần nói. “Tạm biệt, Smoky Joe”, kẻ dường như luôn nghỉ ngơi thậm chí trước cả lúc mặt trời lặn, và “Tạm biệt, Happy Jack”, kẻ đang cau có nhìn anh. Tất cả bọn họ là những gã tốt bụng nhưng dễ nổi nóng, Smoky Joe, Happy Jack, Slim, Buck và tay tóc màu đồng. Nhưng một người trong bọn họ đã gọi anh khi anh đi ra cửa: “Tôi sẽ không mang theo quyển sách đâu. Anh nghĩ thế nào mà anh lại cầm một quyển sách vào tối nay?” Và những tiếng cười xuyên qua cửa sổ mở rộng phía sau anh, vọng ra ngoài trên khu rải nhựa.

Chiếc xe buýt xô đẩy anh vào những người công nhân thường đi từ các trại nhỏ và công nhân nhà máy xay, những người đã trèo lên xe ngay từ điểm dừng đầu tiên cùng với cặp lồng đựng bữa tối. Anh cảm thấy bắp đùi béo mump của những người đàn bà trung niên đang cọ vào những vùng nhạy cảm trên cơ thể anh, và họ - không biết được những cảm giác thầm kín như thế - nghiêng về phía người khác và trao đổi những câu chuyện về các ông chủ bất lương của mình. Một trong những người đàn bà nói rằng chỉ suýt nữa là bà ta đã ngừng làm việc vào tuần này. Đàn ông, hầu như cũng ở tuổi trung niên, mặc quần yếm công nhân và áo sơ mi trần, dường như không nhận thấy gì cả ngoài chuyến xe buýt ngoại ô này đi

đến một nơi nào đó qua Lake Road, Pidgeon Street, Jackson Boulevard và ở một điểm giao nào đó như vậy họ phải sẵn sàng giật dây báo hiệu và bước xuống. “Ngày đang ngày càng ngắn hơn”, một người trong bọn họ nói.

Viên trung sĩ xuống xe ở đường John Ross và chuyển sang tuyến Mc Flarland Gap. Hành khách trên xe lần này không đông như chuyến đầu tiên. Đàm ông mặc quần áo lao động bằng vải lanh và vải kẻ sọc, đàn bà mang váy, mặc những bộ quần áo được may ở những tiệm may nhỏ và đội mũ rơm rẻ tiền. Những người đó túm tụm lại với nhau mà không nói chuyện gì cả. Thậm chí họ đường như biết người khác đang thi thầm. Viên trung sĩ đứng trên lối đi nhưng thỉnh thoảng lại cúi người và nhìn qua cửa sổ ra những ngôi nhà gỗ một tầng xinh xắn và những khu nhà ở rộng rãi dọc theo hai bên đường. Một ngày nào đó anh sẽ có một ngôi nhà như thế cho riêng mình. Nhà của cha mẹ anh là một ngôi nhà như vậy, có hành lang chấn bên cạnh và mái nhà lợp ngói. Anh như có thể nghe cha mình đang nói: “Cái gọi là ngôi nhà chỉ khi nó có mái lợp”. Nhưng có phải những thứ đó đường như đã trở nên tầm thường và quá trói buộc đối với anh? Có phải trước khi anh nhập ngũ cái đó đã không quan trọng khi tâm trí anh bị giới hạn với cuộc sống ngoại ô thương lưu đường như không thể chịu đựng nổi bởi sự hạn chế và tù hãm của nó? Thậm chí còn bởi vì sự tù hãm đối với một đoàn người như những người ở đây trên chuyến xe buýt với anh? Vậy nhưng giờ đây khi thỉnh thoảng anh nằm thao thức và cô đơn trong bóng đêm ở doanh trại tối đen dài dằng dặc giữa những người lính ba hòa và vô tư hay khi anh bị huých gối hoặc thúc bàng khuỷu tay bởi sự lo lắng và những bàn tay mệt mỏi vát và trên xe buýt, anh đều ước ao mong đợi một tình bạn ấm áp mà anh sẽ tìm thấy với nàng và những người hàng xóm điếm đậm của họ trong ngôi nhà có mái lợp xinh xắn.

Xe buýt chạy rầm rầm xóc nảy lên xênh xệch đến vài dặm về phía sườn dốc ở đầu đường nơi mà rõ ràng là nó cố leo lên bằng số một. Ở tuyến xe buýt cuối cùng anh bước xuống bên đường và đợi xe điện. Một ít hành khách trên chiếc xe đó cũng bước xuống và toả đi khắp các ngả của vùng lân cận, biến mất vào trong các ô cửa những ngôi nhà gỗ một tầng bằng gạch hay những căn nhà hai tầng ốp ván xây ở trên đỉnh và sườn dốc của mỏm đất giữa những cây thường xanh, sồi, gỗ thích và những cây sơn dại. Đây sẽ là một vùng tốt để định cư. Quang cảnh thật đáng để mơ ước - dù ở bất cứ góc độ nào khi ta chọn để ngắm nhìn.

Nhưng khi viên trung sĩ vừa mới kiểm được chỗ đứng trong bãi cỏ để đợi xe điện, thực ra thì đang khẽ dựa vào, bức tường thấp tiếp giáp với bãi cỏ dốc, thì anh thấy hình dáng một người phụ nữ đang đứng dưới bóng râm của cây mận xoan nhỏ mọc bên cạnh bức tường.

Người phụ nữ đến từ phía sau cái cây và đứng bên bức tường. Cô đứng cách viên trung sĩ ba, bốn bước chân. Anh nhìn cô một cách vô tư, nhưng sự xấu xí của cô ngay từ cái nhìn đầu tiên đã khiến anh muốn quay mặt đi về phía đường chân trời của thành phố trong thung lũng. Bộ ngực lép kẹp và nói chung là cả cơ thể gầy ốm của cô được che phủ bởi bộ váy bằng vải bông kẻ trông xoàng xĩnh dài chạm đến hai đầu gối xương xẩu. Cô đi đôi giày hướng đạo sinh màu nâu đế phẳng. Đôi bít tất dài đến mắt cá chân màu trắng càng làm nổi bật hai ống chân rắn chắc đầy lông của cô. Cô đội chiếc mũ nỉ sẫm màu kéo sụp gần xuống cặp mắt nâu. Tóc cô thẳng đuột và sẫm hơn màu nâu nhưng chưa đủ để gọi là màu đen, nó được cắt có chủ ý thành một đường thẳng hoàn toàn không mềm mại, bện ở hai bên má và cuộn lên một đoạn mỏng nhất ở ngay đuôi tóc.

Trong hai tay đặt ở phía trước, người đàn bà cầm một bó

to hoa đậu Hà Lan tươi màu trắng và xanh nhạt. Tuy vậy, cô cầm chúng cứ như thể đó là một bó rau mù tạt. Hoặc có lẽ cô cầm chúng giống một cậu bé cầm hoa hơn, có vẻ thận thùng khi bị bắt gặp đang giữ một thứ gì đó quá mảnh mai. Đôi mắt cô không dừng lại ở bó hoa. Đúng hơn là mắt cô liếc nhìn bồn chồn khắp nơi trên con đường. Cuối cùng cô quay bộ mặt dài nhợt nhạt và hỏi viên sĩ quan với một nụ cười gượng gạo để lộ ra đôi ló rộng và hàm răng nhỏ: “Đây có phải là nơi xe điện dừng không?”

“Tôi nghĩ thế”, anh nói. Rồi anh quay nhìn về phía thành phố.

“Tôi thấy dấu hiệu màu vàng đánh trên cột, nhưng tôi không chắc lắm”, cô đeo đẳng. Anh phải quay nhìn lại cô, và khi anh làm thế, cô nói: “Bộ quân phục đó không nóng lắm sao?”

“Ô vâng”, anh đáp. Anh không muốn nói nữa. Nhưng cuối cùng một ý tưởng về vận may của chính mình và lòng tốt bẩm sinh đã thôi thúc anh lại nói: “Đôi khi tôi thay nó hai hay ba lần một ngày”.

“Tôi đã chắc khi nói là nó nóng”.

Sau một lúc yên lặng viên trung sĩ nhận xét: “Ở đây thời tiết rất nóng”.

“Vào mùa hè đây là nơi nóng khủng khiếp”, cô nói. “Nhưng ở đây luôn luôn kinh khủng theo một cách nào đó. Anh là người vùng nào?”

Anh lại không muốn nói nữa. “Tôi ở West Tennessee”.

“Vùng nào?” Cô gần như gặng hỏi.

“Memphis. Ở đó nóng khủng khiếp”.

“Tôi từng biết ai đó ở đây”.

“Memphis cũng nóng khủng khiếp vào mùa hè”.

“Vâng”, cô nói, hít một hơi dài, “anh đã chọn một nơi nóng khủng khiếp để đến. Tôi không bị phiền hà quá mức vì thời

tiết nóng. Đây chỉ là một nơi kinh khủng. Tôi đã sống tại đây cả cuộc đời và tôi căm thù nó”.

Viên trung sĩ đi bộ lên đường và ngả người về phía trước để nhìn xe. Rồi anh quay trở lại chỗ bức tường vì cảm thấy cô sê nghĩ anh là kẻ hờn hĩnh. Không thể nghĩ ra chuyện gì khác, anh nhìn những bông hoa và nói: “Chúng rất dễ thương”.

“À, nếu anh thích”, cô nói, “anh thích chúng hơn tôi rất nhiều. Tôi ghét hoa. Mới hôm nọ tôi nói với mẹ rằng nếu con ốm và phải đi bệnh viện thì đừng mang bất kì bông hoa nào đến cho con cả. Tôi không muốn chúng chút nào. Tôi không thích chúng”.

“Tại sao, những bông hoa đó dễ thương đấy chứ”, anh nói. Anh cảm thấy có một nguyên nhân nào đó khiến anh phải bảo vệ cho giá trị của chúng. “Tôi thích tất cả các loài hoa. Nhất là những bông hoa mọc ở West Tennessee”.

“Nếu anh thích chúng, anh thích chúng hơn tôi thích. Mới hôm nọ tôi nói với giáo viên Trường dòng của tôi rằng nếu tôi chết thì sẽ tiết kiệm được rất nhiều tiền cho bà ấy bởi vì tôi không muốn bắt cứ ai gửi một bông hoa nào đến cả. Tôi ghét chúng. Mà không chỉ có thế. Tôi ghét tất cả các loài hoa”.

“Tôi nghĩ chúng dễ thương đấy chứ”, anh nhấn mạnh. “Cô hái chúng dưới thung lũng phải không?”

“Chúng mọc tràn lan trên cánh đồng và tôi hái chúng vì không có việc gì để làm cả. Đây”, cô nói và ấn bó hoa vào tay anh, “anh hãy cầm lấy. Tôi ghét chúng”.

“Không, không, tôi không nghĩ tới việc lấy hoa của cô. Nay, cô hãy cầm lại chúng đi”.

“Tôi không muốn. Tôi sẽ ném chúng đi ngay”.

“Tại sao? - Tôi không thể giữ hoa của cô”.

“Anh cứ giữ lấy, tôi sẽ không lấy lại chúng đâu. Chúng sẽ chỉ nằm đó và tàn đi nếu anh vứt lên tường”.

“Tôi cảm thấy thật tệ khi nhận hoa. Cô hẳn phải rất vất vả mới hái được chúng”.

“Chúng chỉ mọc hoang ở ven cánh đồng, còn các quý bà nói rằng họ hái nó trong vườn nhà mình. Tôi không thích hoa. Tôi đã chiếu cố đến nó, và anh có thể làm điều ấy với tôi một lần”.

“Không phải là tôi thích hơn”, anh nói, cảm thấy mình khiếm nhã. “Tôi nghĩ rằng mình thích chăm sóc hoa, tôi đã từng làm vườn một thời gian”. Anh nghiêng người về phía trước, lắng nghe âm thanh của chiếc xe điện.

Một hai phút trôi qua mà cả hai người không nói gì. Cô đổi từ chân nọ sang chân kia và hình như đang nói chuyện một mình. Liếc mắt nhìn anh thấy cô lập bập. Cuối cùng cô nói lớn: “Một số người cư xử như thế họ đang chiếu cố bạn vì trả bạn một đôla một ngày”.

“Không có nhiều những lần như thế đâu”, anh nhận xét.

“Việc đó hoàn toàn giống như tôi nói với một người nào đó hôm nọ, nếu ông không vui lòng trả một đôla rưỡi một ngày thì chắc sẽ không có bất kì ai làm việc tốt cho ông cả. Nhưng tôi làm việc như thế mà chỉ nhận có một đôla. Còn nửa đôla nữa ở ngay đây này”. Cô giữ nửa đôla giữa ngón cái và ngón trỏ. “Nhưng tuần trước tôi đã phải đóng hết tiền bảo hiểm cho năm tới. Tôi để dành tiền thay vì mua những thứ tôi thực sự cần. Anh không thể thấy điều đó ở nhiều cô gái đâu”.

“Chắc thế”.

“Chẳng mấy cô làm việc đó”.

“Tôi không biết nhiều về chuyện ấy”.

“Không thưa ông”, cô nói, bật tanh tách mấy ngón tay ở bàn tay phải, “bọn con gái ở đây thật kinh khủng. Tôi ghét cái cách họ cư xử với cảnh lính ở khu kinh doanh. Họ tới những quán nhảy rẻ tiền và uống bia. Tôi không lãng phí tiền của bất

cứ ai để uống bia cả. Tôi tiết kiệm tiền của mình thay vì mua những thứ có lẽ tôi thực sự cần”.

Viên trung sĩ bước ra giữa đường và ngóng tiếng xe. Khi anh quay lại bức tường, một người đàn ông và một người đàn bà da đen phóng qua trên chiếc ôtô mui kín lớn màu xanh. Người phụ nữ đang đứng bên bức tường quan sát xe ôtô đi lên đường ray xe điện và xuống dốc. “Không có người da đen nào trong thị trấn này nhận làm việc nhà mà lấy ít hơn hai đôla rưỡi một ngày, trong khi đó họ chỉ trả cho người da trắng chúng tôi một đôla”.

“Tại sao họ lại trả cho những người da đen nhiều hơn?”

“Bởi vì người ta có thể điều khiển họ”, cô nói nhanh. “Hoàn toàn bởi vì người ta có thể sai khiến họ. Hôm nọ tôi nói với một người nào đó: “Bà không thể sai khiến tôi như một người da đen được, không thể làm thế với tôi được bà à”.

“Tôi tán thành điều đó”. Bây giờ anh bắt đầu đi lại lại trước mặt cô, nghe ngóng và tìm kiếm xe điện, thỉnh thoảng lại nâng bó hoa lên mũi ngửi. Cô tiếp tục tựa vào tường, đứng bất động với khuôn mặt kém hài hước quay về phía xe điện báo nơi đang treo sáu, bảy cuộn báo buộc thành cặp bởi những sợi dây dài bẩn thỉu. “Làm thế nào mà người ta đếm được những tờ báo mà họ mang tới đó?” cô hỏi.

“Mấy đứa trẻ hàng xóm hoặc trẻ bán báo làm việc đó, tôi đoán thế!”

“Vâng. Thế đấy. Bọn trẻ con nhà giàu hoàn toàn xấu xa như bất kì kẻ nào”.

“À, trẻ bán báo có thể làm việc đó bất cứ khi nào người ta để báo lại. Khi còn bé tôi cũng đã tự mình làm việc đó”.

“Vâng”, cô nói bằng giọng mũi. “Nhưng bọn trẻ chỉ làm tôi lo lắng. Và tôi cũng chẳng thích việc trở thành trẻ con lầm”.

Viên trung sĩ nhìn dọc theo một trong những đường ray

vẫn còn loé sáng một chút trong ánh chiều muộn và nhớ lại những phút giây hạnh phúc khi đi bộ dọc theo đường ray lúc còn là một đứa trẻ. Đột nhiên anh hy vọng đứa con đầu lòng của mình sẽ là con trai.

“Tôi sẽ kể cho anh một chuyện, anh lính ạ”, người phụ nữ đứng cạnh anh nói: “Tôi không phí tiền vào việc mua son môi và một loạt những thứ quần áo ngắn khác. Tôi không tô đầy son hay quấn ngược tóc lên đỉnh đầu rồi đi thơ thẩn trong khu kinh doanh để cảnh lính nhìn tôi đâu. Anh không tìm thấy nhiều cô gái như vậy ở cái nơi tồi tệ này, đúng không?”.

“Tôi chắc là không nhiều”. Viên trung sĩ cảm thấy xấu hổ.

“Tốt hơn là anh phải cẩn thận vì anh sắp làm rơi mấy bông hoa xấu xí kia. Tôi không biết anh muốn gì với chúng nữa”.

“Sao, chúng dễ thương thế mà”, anh nói cứ như thể trước đó anh chưa nói câu ấy.

Bây giờ chiếc xe mui kín màu xanh lại tiến lên ngọn đồi và bình thản lăn bánh trên đường xe ôtô. Trong xe chỉ còn người da đen và ông ta đang lái khá nhanh.

“Làm thế nào mà một người da đen như thế mà lại có một chiếc xe như vậy nhỉ!”

“Có thể ông ta chỉ chở vài người sống quanh đây thôi”.

“Vâng. Thế đấy. Thế đấy. Bọn da đen có thể xoay xở được bất cứ chuyện gì. Tôi cho là anh đã nghe nói về việc chúng tấn công cô gái da trắng ấy dưới kia”.

“Vâng... Vâng”.

“Người ta nên giết hết bọn chúng hoặc tống chúng về châu Phi”.

“Tôi nghĩ, dù thực sự là cả một vấn đề đấy”.

“Tôi không quan tâm tới việc không có một người đàn ông da đen hay da trắng nào không bao giờ nhìn tôi nếu tôi đầy

son hay quần ngược tóc lên và đi loanh quanh mà không đội mũ hay không”.

Viên trung sĩ nghiêng người về phía trước, nghzeń cỗ.

“Tôi sđk với anh hôm nọ chuyện gì xảy ra với tôi ở khu kinh doanh”, cô dai dẳng. “Tôi đđng đứng nhìn vào tủ kính bày hàng trên phố Broad thì một tay lính đến bên tôi, tôi sđk cho anh hắn nói gì. Hắn nói hắn có một phòng trong khách sạn, hắn hỏi tôi có muốn đến đó với hắn không và sau đó đến một nơi nào đó để ăn và hắn sẽ đưa cho tôi một ít tiền”.

“Tôi biết”, viên trung sĩ nói. “Bây giờ trong thị trấn có một đám cực kì thô lỗ”.

“Nhưng tôi nói ngay với hắn: "Không, cảm ơn. Nếu tôi không thể kiếm tiền một cách lương thiện thì tôi cũng không muốn nó", tôi đã nói với hắn như thế. Tôi bảo: "Có một cô gái ở góc đường kia khu Main đang cần ông đấy. Hãy xuống dưới đó!".

Viên trung sĩ đứng nhìn xuống con đường, lắc đầu.

“Anh biết đấy, hắn xáp sát vào tôi, bảo tôi là hắn có một phòng trong khách sạn và chúng tôi có thể đến đó làm điều mình muốn và rồi đi kiếm cái gì đó để ăn và hơn nữa hắn sẽ trả cho tôi một ít tiền. Và tôi nói ngay với hắn, "không, cảm ơn. Có một cô gái ở góc đường kia khu Main đang cần ông đấy. Hãy xuống dưới đó. Rồi tôi đi khỏi khu phố ấy một đoạn, sau đó quay lại nơi tôi đã xem lù quần áo ngắn ấy thì một người đàn ông mặc áo sơmi xanh đứng đó từ đầu nói rằng tay lính đó đã quay lại tìm tôi”.

Viên trung sĩ vươn cánh tay trái để lộ ra chiếc đồng hồ deo tay. Rồi anh gấp khuỷu tay nhìn đồng hồ.

“Ô, anh phải đợi *một chút* nữa”, cô nói.

“Chúng thường chạy thế nào?”

“Tôi không biết”, cô nói không hào hứng, “chỉ biết là khá

thường xuyên. Anh biết đấy, tôi bảo hắn, nếu tôi không thể kiếm tiền lương thiện thì tôi cũng không muốn chuyện ấy. Người ta không thể nói chuyện đó với nhiều cô đâu". Bất cứ khi nào sự chú ý của anh có vẻ lơ là, giọng nói của cô lại trở nên lớn hơn.

"Đúng, người ta không thể", anh đồng ý.

"Tôi tiết kiệm tiền của mình. Anh lính ạ, tôi đã để dành được hai trăm linh bảy đôla trong ngân hàng, hơn nữa tôi còn trả hết tiền bảo hiểm cho năm sau rồi". Trong mấy phút dường như cô không nói gì. Rồi cô hỏi: "Cha mẹ anh sống ở đâu?"

"Ở West Tennessee".

"Anh sống ở đâu? Ngoài doanh trại chứ?" Bây giờ cô hầu như không để cho anh có thời gian trả lời câu hỏi của cô.

"À, có vài đêm tôi sống ngoài doanh trại".

"Vài đêm? Những đêm ấy anh ở đâu?" Cô cười nhàn nhở.

"Tôi đã cưới vợ và sống với vợ tôi. Tôi vừa mới cưới được một thời gian nhưng chúng tôi có mấy căn phòng trên con đường này".

"Ô, hoá ra anh là một người đã có vợ à? Cô ấy quê ở đâu? Tôi hy vọng là không phải ở đây".

"Cô ấy ở Memphis. Cô ấy vừa mới ra trường".

Người phụ nữ cau có, đỏ bừng mặt rồi lại cười nhăn nhở để lộ ra đôi lợi rộng. "Tôi khuyên anh hãy mang cho cô ấy bó hoa. Anh sẽ không phải mua gì cho cô ấy nữa".

"Tôi mong cô lấy lại vài bông".

Người phụ nữ không trả lời anh một lúc lâu. Cuối cùng, khi anh hầu như đã quên điều mình nói, thì cô nói mà không có dấu hiệu của nụ cười toe toét: "Tôi không muốn chúng. Cái vẻ của chúng làm tôi phát ốm".

Sau cùng xe điện cũng đến.

Xe chạy một đoạn ngắn thì đến chỗ của viên trung sĩ. Xe dừng lại đối diện ngay trước căn nhà trắng hai tầng. Viên trung sĩ xuống xe và đứng bên kia đường cho tới khi chiếc xe điện dài màu vàng rầm rầm chạy đi. Chiếc xe như thể một bức rèm ôn ào, xấu xí cuối cùng cũng đã được kéo ra. Anh thấy gương mặt nàng qua ô cửa sổ tầng trên của căn nhà màu trắng với vòm nhà cầu kỳ nhô lên thậm chí còn cao hơn cả ống khói cao bằng gạch với những phần trang trí bằng gỗ kì quái làm giống như ren, cái hành lang nhỏ xíu và mái hiên đua. Anh thấy nàng qua ô cửa sổ duy nhất của tầng hai nơi có thể nhìn thấy rõ giữa những cây lá kép trồng trong sân.

Ngôi nhà này cổ hơn hầu hết các ngôi nhà khác ở vùng ngoại ô lân cận dọc theo mạn này, một hàng rào dây thép cũ bao quanh sân. Anh dừng lại một lát để mở chốt chiếc cổng sắt, ở đó anh nhìn thẳng lên sắc mặt tươi cười trên ô cửa sổ để ngỏ. Nàng nói với anh bằng giọng thậm chí còn dịu dàng hơn anh đã nhớ.

Bây giờ anh đã đi qua hành lang phía trước phòng bà chủ và leo lên các bậc cầu thang cuộn trước khi tới phòng mình, chiếc chuông kiểu cũ đã kêu leng keng khi anh mở cánh cửa trước. Nghe tiếng kêu leng keng này, giọng bà chủ già vọng lên từ một nơi nào đó phía sau ngôi nhà: "Ai đấy?" Nhưng anh không trả lời. Anh vội vã đi lên bậc tam cấp và cuối cùng cũng vào đến phòng vợ mình.

Họ ngồi trên đì văng, đầu gối chạm vào nhau, tay trong tay.

Đúng là giọng nàng dịu dàng hơn, dáng điệu của nàng thậm chí còn đẹp hơn là anh tưởng. Anh kể với nàng điều mà anh đã được nghe ngay trong từng giây phút một của hai tiếng đồng hồ vừa qua, đồng thời anh nhận ra những gì mình đang nói là sự thật, điều mà trong tất cả những cuộc đối thoại và những hành động khác trí tưởng tượng của anh sẽ liên tục đưa ra nhiều tình huống.

Nàng liếc nhìn bó hoa đậu ngọt nằm cạnh chiếc mũ của anh trên bàn và nói rằng khi nàng nhìn thấy anh trên lối cổng vào cùng với bó hoa, nàng cảm thấy rằng có lẽ trong suốt thời gian họ xa nhau thậm chí nàng cũng không nghĩ anh lịch sự và dễ thương đến thế. Nhưng nàng đã phấp phỏng trong tim cho tới lúc đứng bên cửa sổ rằng nàng đã cưỡng điệu những đức tính đó của anh.

Viên trung sĩ đã không nói cho nàng biết làm thế nào mà anh có được bó hoa. Anh biết việc xảy ra với người đàn bà làm thuê công việc dọn dẹp trong nhà sẽ làm thất vọng tâm hồn trong trắng của nàng khi nó đã thuộc về anh. Và trong khi anh đang nghĩ về sự hiểu biết và đồng cảm phức tạp giữa họ thì anh nghe thấy nàng nói: "Em biết anh đã mệt. Có thể anh không mệt như vậy vì đi lính cho dù phải quan hệ với nhiều loại người khác nhau suốt cả ngày. Sáng nay em đã đi cửa hàng một mình và về nhà bằng xe buýt, em nghĩ về sự mệt mỏi buồn chán mà anh sẽ gặp trên suốt quãng đường dài về nhà tối nay khi xe buýt lại đông nghẹt". Anh cúi người tới trước hôn nàng, ôm nàng cho tới khi thấy nàng đang mỉm cười. Anh buông nàng ra, nàng cười to, đứng lên đi và nói rằng nàng đã chuẩn bị bữa tối và nàng phải cắm mấy bông đậu ngọt vào lọ.

Trong khi nàng đang tất bật vì dọn dẹp căn bếp nhỏ thì anh quan sát căn phòng khách tranh tối tranh sáng, nó vẫn là căn phòng lạ lẫm đối với anh, không có ánh sáng của đèn bàn hay đèn trần, anh đi tho thẩn trong phòng ngủ, căn phòng rộng nhất có một cửa sổ chớp kiều cũ nhìn ra thung lũng. Anh dừng lại bên cửa sổ và nâng bản lề. Anh bị choáng ngợp bởi quang cảnh tráng lệ của những ngọn núi nhô lên từ phía bên kia thành phố. Và ở đó, anh chứng kiến những giây phút cuối cùng của hoàng hôn - màu cam chói và màu đỏ gạch - phía bên kia dãy núi xanh lam.

Họ ngồi ăn ở một cái bàn nhỏ mà nàng đã kéo từ bức tường trong phòng khách. “Anh phải làm thế nào để xứng đáng với một người vợ nấu ăn ngon như thế này đây?” anh nói và mỉm cười khi bữa ăn kết thúc. Họ chất đống chén đĩa chưa rửa vào chậu rửa bát, vì nàng đã quàng tay quanh cổ anh, thì thầm: “Tại sao em lại phải lãng phí một ít thời gian khi có anh ở đây giữa những ngày cô đơn và bất tận này”.

Họ ngồi trong phòng khách đọc to những lá thư đã nhận được suốt mấy ngày qua. Họ nói chuyện một lát trong lúc nàng thêu đường viền chiếc khăn trải bàn. Họ nói về những người bạn của họ ở nhà. Nàng cho anh xem vài món quà cưới nhận muộn. Và họ tiếp tục nói họ thật may mắn vì tìm được căn phòng khá tiện nghi như thế này. Ô mạn này, hầu như trời lạnh hàng đêm.

Sau đó anh lấy bút viết thư cho cha mình. Anh đọc to lá thư cho nàng nghe.

Rồi sau đó thì trời mưa. Cả hai vội vàng hạ các cánh cửa sổ xuống. Rồi họ ngồi nghe mưa đậm mạnh, bắn toé nước vào kính cửa sổ khi gió thổi.

Lúc cả hai mặc đồ ngủ thì trời đã ngừng mưa. Anh ngồi trên chiếc ghế để chân cạnh giường đọc quyển sách lịch sử to nặng và sẫm màu. Một lần anh đọc to một câu mà anh nghĩ là gây ấn tượng: “Tôi chưa bao giờ thấy quân Liên bang nằm chết dày đặc đến thế trên mặt đất phía trước bức tường thấp ở Fredericksburg”. Đây là một ông tướng người miền Nam viết về trận đánh đã diễn ra đọc theo dỉnh mạn này.

“Một câu nghe thật buồn”, nàng nói. Nàng đang lướt lược chải dài theo mái tóc.

Sau cùng anh đặt quyển sách xuống nhưng vẫn ngồi trên ghế dấu để đánh bóng đôi giày lính để thấp của mình. Nàng ngồi bên bàn trang điểm, nhìn vào hình ảnh phản

chiếu của anh trong tấm gương trước mặt và nói: “Trời đã ngừng mưa”.

“Trời đã ngừng mưa một lúc lâu trước đây rồi”, anh nói. Và anh nhìn lên chăm chú, vì dường như có một sự tiếc nuối nào đó trong giọng nàng.

“Em lấy làm tiếc vì trời đã tạnh”, nàng nói, đáp lại cái nhìn chăm chằm của anh.

“Em nên vui mới phải”, anh nói. “Ngày mai anh sẽ phải huấn luyện trong cả đống bùn”.

“Tất nhiên là em mừng”, nàng nói. “Nhưng có phải trời mưa dường như làm cho chúng ta thậm chí còn gần nhau hơn ở đây không”.

Viên trung sĩ đứng lên. Căn phòng rất yên tĩnh và kín đáo. Thật chí không có cả âm thanh của đồng hồ. Một ngọn đèn đang tỏa sáng trên bàn trang điểm của nàng, qua ô cửa sổ mở anh có thể thấy chiếc đèn vẫn sáng trong phòng khách. Chiếc bàn đó là một phần trong những đồ đặc bình thường của căn phòng. Nhưng nó là món đồ mà họ có thể chọn cho mình. Anh đi ra cửa và đứng một lúc xem xét kết quả mà nàng đã đạt được bằng việc sắp xếp đồ đặc trên bàn. Trên mặt chiếc bàn bát giác sẫm màu là một chiếc đèn trăng chân hình cái bình. Ánh sáng từ chiếc đèn tỏa ra làm nổi bật hình dáng của đế bình với toàn thể hình của một chiếc bình pha lê tựa trên những chồi non của dây trường xuân nằm lắn với cây dừa cạn hiện ra trong sự hoang vu độc đáo của chúng. Và một chiếc gạt tàn bằng pha lê hình vuông phản chiếu lại những ánh sáng kì lạ của nó được đặt ở góc chéch với chiếc đĩa tròn nhỏ bằng bạc.

Anh đến phòng khách để tắt đèn. Nhưng khi bàn tay đặt trên công tắc, anh ngập ngừng bởi vì sự sắp xếp từng đồ vật ấy thật hài hoà.

Ngay khi điện tắt anh quay trở lại phòng ngủ luân. Và giờ đây anh lại ngập ngừng trong khung cửa, vì khi anh tiến vào phòng ngủ, mắt anh dừng nơi bình hoa đậu ngọt mà nàng đã cắm. Lọ hoa đặt trên mặt tủ gương cao và anh đã không trông thấy nó trước đây. Không hiểu tại sao ở trên đó những bông hoa trông giống hoa giả đến lạ lùng, không giống những bông hoa đậu ngọt thật mà anh đã thấy trong đôi tay thô nhám của người phụ nữ chiêu nay. Trong khi anh đang nhìn chằm chằm như thế anh cảm thấy ánh mắt của vợ đang chiêu vào anh. Thế nhưng không quay lại phía nàng, anh đến bên cửa sổ, vì anh hoàn toàn lo lắng về ấn tượng mà anh vừa tiếp nhận và anh đã có một ước ao lạ lùng là chịu đựng ấn tượng đó đủ lâu để kiểm tra nó. Anh tiếp tục nghĩ về đôi bàn tay của người phụ nữ đó.

Bây giờ anh nâng chốt và mở rộng ô cửa sổ lớn trong phòng, chân trần anh đứng đó trên tấm thảm nhỏ có móc nhìn ra ngoài rặng núi tối sầm, những đường nét, những quầng sáng ở thành phố phía dưới. Anh nghe thấy nàng tắt hai chiếc đèn nhỏ ở bàn trang điểm. Anh biết đã làm nàng bối rối khi để nàng thấy anh đột nhiên bồn chồn và điều đó như thể anh cố nhét những cảnh tượng của cả ngày vào trong khoảnh khắc. Có phải thật sự những bông hoa níuỢt nhạt kia gây ấn tượng với anh đến thế? Hoặc có lẽ nó là chiếc đồng hồ cảnh báo anh vài phút trước và sự thực là sau vài tiếng nữa ở đây với nàng anh lại phải tiếp tục một cuộc đời khác nơi chiếc xe điện màu vàng đã đưa anh đi với nó chiêu nay? Anh như nghe được giọng nói của các chàng trai trong doanh trại và hình dáng người đàn bà bên bức tường đá dưới cây mận xoan.

Bây giờ anh có thể nghe thấy vợ mình dời chỗ để tắt bóng điện trên đầu. Có một tiếng tách. Căn phòng trở nên tối om, cảnh vật bên ngoài dường như sáng hơn. Trên sườn dốc của móm đất trải dài xuống phía sau ngôi nhà có thể trông thấy

được những ngọn cây sẫm màu. Và lại thấy giọng nói của các chàng trai trong doanh trại. Tính thô lỗ của họ, sự cứng rắn của họ, thậm chí cả tính hèn hạ của họ - những phẩm chất đó dường như đã ăn sâu vào trong trái tim mỗi người đàn ông đó - tiếp tục lướt qua như những vật thể xuyên qua tâm trí anh - và sự cay đắng của người đàn bà đứng đợi bên đường xe điện đè nặng lên anh.

Trong bóng tối vợ anh đã đến bên anh và luôn cánh tay nàng quanh hông anh. Anh vòng tay ôm chặt lấy nàng. Nàng gọi tên anh. Rồi nàng nói: "Những giờ phút chúng ta bên nhau như thế này lại quá xa cách và ít ỏi đến nỗi đôi lúc dường như chúng không thực trong anh mỗi khi anh đi xa". Anh nhận ra nàng cũng cảm thấy những dáng vẻ tách biệt khủng khiếp của mọi vật. Trong sự ấm áp của tình bạn của nàng, anh cảm thấy sự trái ngược bất ngờ với cuộc chiến đấu lạnh lùng mà anh có thể tham dự trên chiến trường mà giờ đây đã xa vời và gần như khó hiểu.

Bây giờ đôi mắt viên trung sĩ đã trở nên khá quen với bóng tối ở cả bên trong lẫn bên ngoài ngôi nhà khiến anh có thể nhìn qua những ngọn cây trên triền dốc của mỏm đất. Anh hình dung ở đó những hàng lính Liên bang tiếp nối đã từng bị ném vào chiến trường để giành lại miền này bằng mọi giá. Sở chỉ huy của tướng Liên bang cách đây không quá hai dây nhà. Nếu anh và nàng sống vào thời đó thì anh đã hiểu rõ Nghiệp Lớn của cuộc chiến ấy. Và cuộc chiến này sẽ không khó hiểu. Anh sẽ đứng đây giành lại từ quân địch từng mảnh đất mà anh sở hữu, giành lại ngôi nhà mà ở đó nàng đã đợi anh.

Nhưng đến đây viên trung sĩ ngừng lại và mỉm cười một mình. Anh đã thảm vấn viên trung sĩ ma anh vừa tưởng tượng trong đội ngũ Liên bang không dính dáng gì tới anh. Anh so sánh viên trung sĩ Liên bang với viên trung sĩ trên cánh đồng chiều nay, người đã đứng bối rối mất một lúc về đâu vết mà

mười hai tân binh để lại. *Viên trung sĩ đó là tôi*, anh tuyệt vọng nhủ thầm, *nhưng không phải buổi sáng tháng Chạp năm 62 ấy khi những người lính Liên bang chết nằm chất chồng trên mặt đất*. Anh cúi xuống hôn lên trán vợ, bế nàng trong tay và đưa đến giường. *Đó chỉ là một bình hoa*, anh thầm bình luận đầy hoa mỹ với chính mình khi vợ quàng tay ôm cổ anh khít hơn. *Ba nhánh từ một cây đậu ngọt hái trong vườn bà chủ*. Khi anh nhẹ nhàng đặt nàng xuống giường, nàng hỏi: “Tại sao anh nhìn lạ lùng vào bình hoa như thế? Chúng làm cho anh nghĩ ngợi điều gì đó khá lâu bên cửa sổ phải không?”

Mất một lúc viên trung sĩ lại bị khuấy động bởi sự nhận thức và hiểu biết của vợ. Anh sẽ nói hết với nàng mọi chuyện trong lòng. Thật là may mắn lớn vì có một người vợ có thể hiểu anh, ở bên anh, hiểu được mọi điều trong trái tim và tâm hồn anh. Nhưng khi anh nằm trong bóng tối cố để nhìn ra đường nét gương mặt nhìn nghiêng của vợ in lên ánh sáng tối lờ mờ của cửa sổ, thì có tiếng ầm ầm của xe điện phá tan bầu không khí đã được nước mưa gột sạch ở bên ngoài. Và thậm chí trước khi anh có thể nói ra những ý nghĩ mà mình đang nghĩ, thì tất cả những điều ấy dường như đã không còn quan trọng nữa. Tiếng ồn xe điện, tiếng ầm ầm không đều đặn và tiếng kêu lanh lảnh bất định đã một lần mang lại cho anh nhiều hơn tất cả mọi việc tinh cờ xảy ra trong ngày. Anh và vợ anh đã ở đây bên nhau, nhưng đột nhiên anh lại bị bối rối tuyệt vọng bởi cảm giác mới lạ này. Böyle giờ xe điện đã đi xa khỏi tầm nghe: của anh, và anh có thể hình dung ra nó đang tỏa luồng ánh sáng khuếch tán ra khắp các tán cây cối và những viên sỏi trắng giữa đường ray. Anh đã bị bỏ lại với cảm giác không có khoảnh khắc nào trong cuộc đời của anh mà lại có tí quan hệ nào với người khác. Việc ấy như thể anh đang sống hàng nghìn cuộc đời. Và niềm hạnh phúc, tính vẹn toàn của cuộc hôn nhân của anh có thể không thành vấn đề nữa.

Sự bốc đồng, hầu như không hiện hữu trong việc anh đang làm, anh ngồi lên bên kia giường. "Thực sự anh không nghĩ về những bông hoa," anh nói. "Anh cho là anh đang nghĩ về những thứ thật dễ thương mà em đã sắp xếp trên bàn trong phòng khách".

"Ô", nàng nói, và bởi vì mỗi từ *anh cho là* rõ ràng đã khiến anh cảm thấy anh đánh giá thấp tầm quan trọng những ấn tượng của anh tối nay và sự gần gũi của chính họ. Trong bóng tối anh đi đến chỗ chiếc ghế xích đu nhỏ đang treo bộ quần áo của anh và lấy ra một điếu thuốc từ túi áo sơmi. Anh châm thuốc và ngồi trên mép ghế, mặt hướng về ô cửa sổ mở, anh ngồi hút thuốc lặng lẽ cho tới khi mưa đột nhiên lại bắt đầu rơi. Khi nghe những âm thanh đầu tiên của mưa, anh đứng lên. Anh đi nhanh đến cửa sổ và dụi tắt điếu thuốc trên bậu cửa gần tấm lưới thép. Mẩu cuối cùng của điếu thuốc rơi qua mắt lưới. Mưa rào rào giữa tán lá. Anh vội vàng quay lại trong bóng tối và trườn vào giường, ôm chặt vợ trong cánh tay.

"Trời lại bắt đầu mưa", nàng nói.

"Ù", viên trung sĩ nói. "Bây giờ như thế lại tốt hơn nhiều".

ĐÀO THU HẰNG *dich*

TACHIANA TOLSTAIA  
(Nga)

## SÔNG OKKERVIL

Khi dấu hiệu Hoàng đạo chuyển sang Thiên ất, ấy là lúc trời đã tối hẳn và toàn những gió cùng mưa. Thành phố ướt sượt, lã chã nước, mượn gió quất vào ô kính cửa sổ đơn độc, không rèm che, không có gì bảo vệ, lùng sục gói fomat mềm giấu giữa hai lớp cửa sổ<sup>(\*)</sup>. Lúc đó thành phố dường như hiện thân cho ý đồ tàn bạo của Piot Đại Đế, là sự trả thù của vị Sa hoàng - thợ mộc mắt lồi, miệng rộng, răng to, tay cầm chiếc búa đóng tàu đang đuổi theo những thần dân hốt hoảng chạy trong đêm đen khủng khiếp. Những con sông chạy tới biển, thấy biển gầm gào nhe răng đe dọa, vội lui trở lại, kiên trì vặn vẹo bật những nắp cống bằng gang, rồi rất nhanh, luồn những tấm lưng lạnh giá vào tầng hầm nhà bảo tàng, liếm vào những bộ sưu tập dễ vỡ bám đầy cát ướt, những chiếc mặt nạ phù thuỷ làm từ lông gà trống, những luối kiếm cong vùng biển, những chiếc áo choàng đính hạt cườm, những bước chân của các nhân viên cáu kỉnh vì bị đánh thức vào lúc nửa đêm.

Vào những ngày như thế, từ trong cơn mưa, từ khoảng tối ảm đạm, từ những cơn gió quất cửa kính, hiện lên khuôn mặt

---

<sup>(\*)</sup> Vào mùa đông khoảng trống giữa hai lớp cửa kính cửa sổ được người Nga sử dụng như ngăn lạnh đựng thực phẩm.

trắng tráng màu bã sữa của sự cô đơn, Simeonov đặc biệt cảm thấy mùi của mình to hơn, đầu hói nhiều hơn, đặc biệt nhận thấy tuổi tác chưa già của mình ở gương mặt phía trên và đôi bí tất rách tiền ở xa phía dưới, nơi ranh giới của sự tồn tại. Ông đặt ám nước pha trà, lấy tay áo lau bụi trên mặt bàn, dọn dẹp những cuốn sách có kẹp những que dẹp đánh dấu màu trắng để lấy chỗ đặt chiếc máy hát. Ông chọn một cuốn sách đủ độ dày kê vào chỗ chân đế máy hát bị khập khiễng, và lòng tràn đầy cảm giác khoan khoái, ông lôi Vera Vaxilievna ra khỏi chiếc phong bì cũ nát đầy vệt ố vàng - chiếc đĩa hát cũ kĩ, mẻ ở rìa, nhưng những đường tròn nhăn nhí nhảnh hoặc mới có chỗ bị xước và ở mỗi mặt đĩa là một bản tình ca.

- Không, không phải anh là người/ em/ yêu/ say đắm! -  
 Vera Vaxilievna lượn nhanh dưới mũi kim máy hát, nảy lên, phát ra những tiếng rin rít, lạo xạo; những tiếng động đó và những đường lượn vòng trộn lẫn vào nhau trong cái phễu màu đen, được phồng to lên qua chiếc kèn máy hát. Đặc thăng trước Simeonov, từ trong chiếc hoa loa kèn to tướng ấy, một giọng hát thánh thiện, trầm đục, sẫm màu, thoát đầu là những vòng xoáy, bụi bặm, càng về sau càng nở ra như bị áp lực của nước, thoát lên từ khoảng không sâu thẳm, biến hình đổi dạng, hùng hực bốc lên từng đám lửa, - psø-psø-psø, psø-psø-psø - parus<sup>(1)</sup> - giọng hát giống như cánh buồm căng gió, mỗi lúc một vang to, vượt qua những vết xước trên đĩa không kìm được phát ra những tiếng psø-psø - những đám lửa bắn tung lên làm sáng rõ làn nước đêm đen - mỗi lúc một mạnh hơn, trải đôi cánh, tăng tốc độ, uyển chuyển bay đi, bỏ lại dòng nước mênh mang sinh ra nó, bỏ lại trên bờ Simeonov đang ngẩng cái đầu trần hói của mình dõi theo giọng hát đang lớn dần, toả sáng nửa bầu trời, phát ra lời hiệu triệu chiến thắng,

<sup>(1)</sup> Parus - cánh buồm (tiếng Nga). Ở đây Tolstaiia dùng thủ pháp láy âm.

- không, không phải ông là người Vera Vaxilievna đã yêu say đắm, nhưng mà dù sao, thực ra, nàng chỉ yêu có mỗi mình ông, và ông cũng vậy. Ks-s-s-s-s-s-s.

Simeonov cẩn thận nhắc Vera Vaxilievna đã im bặt ra khỏi máy hát, lật mặt chiếc đĩa hát bằng hai lòng bàn tay trân trọng duỗi thẳng, nhìn vào những dòng chữ trên chỗ giấy dán phía trong mặt đĩa: Ôi, nàng ở đâu, Vera Vaxilievna? Những mảnh xương trắng của nàng hiện chôn nơi đâu? Và, xoay lưng nàng lại, đặt chiếc kim đĩa hát lên, ông nheo mắt nhìn ánh phản quang màu đen của chiếc đĩa đang chao đảo, một lần nữa lại chìm đắm, lại nghe về những bông cúc đại đoá tàn úa từ lâu trong vườn, sss, nơi ông đã gặp nàng, và một lần nữa như sinh ra từ dòng nước lũ, rũ khỏi bụi bặm, khỏi những vòng đời và năm tháng, Vera Vaxilievna phát ra những tiếng lách tách rồi hiển hiện như nữ thủy thần éo lá, không u bấp, cái dáng éo lá của đàn bà đầu thế kỉ - ôi, trái lê ngọt ngào, cây đàn ghi ta, chai sâm banh thon thon!

Nhưng ấm nước đã sôi và Simeonov lôi từ trong ngăn lạnh giữa hai lớp cửa sổ gói fomat mềm, mấy miếng thịt hun khói, đặt đĩa hát lại từ đầu và thưởng thức bữa tiệc độc thân trên tờ báo trải rộng, khoan khoái, sung sướng bởi hôm nay Tamara không truy nã ông, không quấy rầy cuộc gặp gỡ quý báu giữa ông và Vera Vaxilievna.

Ông thấy dễ chịu trong nỗi cô đơn của mình, trong căn hộ nhỏ bé, một mình với Vera Vaxilievna; và cửa ra vào khoá chặt không để Tamara lọt vào, còn nước trà thì đặc, ngọt ngào, cuốn sách dịch từ một thứ tiếng nước ngoài hiếm gặp cũng đã gần xong, - tiền sẽ có, và Simeonov sẽ mua của một gã buôn đồ cổ bằng một giá cắt cổ một chiếc đĩa hiếm, nơi Vera Vaxilievna hát về nỗi đau khổ vì mùa xuân không phải dành cho nàng, - một bản tình ca của của đàn ông, tình ca của nỗi cô đơn, và Vera Vaxilievna phi hình thể sẽ hát cho Simeonov, hoà cùng

ông vào một giọng buồn bã, xúc động. Ôi nỗi cô đơn khoan khoái! Nỗi cô đơn ăn thẳng từ chảo, đánh bữa tối bằng mấy miếng chả thịt nguội băm nhỏ đóng sẵn trong hộp, trà pha thẳng vào cốc - thì làm sao nào? Sự yên tĩnh và tự do! Còn gia đình ấy à, thể nào cũng đập những cánh cửa tủ ầm ầm, nhất thiết phải đặt những tách uống trà lên đĩa, nắm bắt tâm hồn bằng dao và đĩa, - túm lấy hai cạnh sườn nó, chụp cái nắp ấm nước lên làm cho nó ngạt thở, quẳng khăn trải bàn lên đầu nó, còn tâm hồn tự do thì lọt ra khỏi những tua viền bằng lanh, luồn qua cái lỗ nhỏ hẹp của cái vòng đựng giấy ăn và - hấp! Có mà trời tim! Nó đã ở chốn ấy, trong cái vòng ma lực đèn ngòm đầy những ánh lửa, mỗi lúc một rõ nét bởi giọng hát của Vera Vaxilievna, nó chạy theo Vera Vaxilievna, bám theo váy và cái quạt của nàng, từ trong phòng khiêu vũ bước ra ngoài ban công mùa hè hình bán nguyệt trên khu vườn đầy những bông cúc ngát hương. Thật ra mùi hoa cúc có màu trắng, khô và đắng - đó là mùi của mùa thu, cái mùi báo hiệu mùa thu, báo hiệu những cuộc chia li, sự lãng quên, nhưng tình yêu vẫn cứ sống trong trái tim đau yếu của ta, - đó là thứ mùi bệnh hoạn, mùi của sự rữa nát, của nỗi buồn, em hiện ở đâu, Vera Vaxilievna, ở Paris hay ở Thượng Hải, và loại mưa nào - mưa Paris màu xanh, mưa Thượng Hải màu vàng - đang rắc lên nấm mồ của em, và loại đất nào đang làm ướt những mảnh xương trắng của em? Không, tôi không phải người em yêu say đắm! (Em hãy kể tôi nghe, tất nhiên là tôi rồi, Vera Vaxilievna!)

Cạnh cửa sổ căn hộ Simeonov, tàu điện đã từng qua lại, da có lúc nào đó chúng leng keng tiếng chuông, chao đảo những cái cần điện, - vậy mà Simeonov vẫn có cảm giác phía đó, trên trần nhà, có những con ngựa đang ẩn náu, dường như những chiếc xe điện từ thời cụ kỵ được mang lên gác xếp; sau đó tiếng chuông cũng tắt lặng, chỉ còn nghe thấy tiếng bánh xe nghiến

trên đường ray vọng lại mỗi khi tới chỗ rẽ, và cuối cùng, những toa tàu sơn đỏ cạnh sườn với những chiếc ghế dài bằng gỗ cũng mất đi, thay vào là những toa tàu tròn tròn, không ồn ào, kêu lạch cách khi đỗ ở những bến đợi, và có thể thả người xuống chiếc ghế đậm mềm mà đi tới chốn xa xôi xanh thẳm, tới bến đỗ cuối cùng mang một cái tên hấp dẫn “Sông Okkervil”.

Nhưng Simeonov chưa bao giờ tới đó cả. Nơi cùng trời cuối đất là chỗ mà ông chẳng có việc gì để làm, nhưng vấn đề đâu phải chỗ đó; không nhìn thấy, không biết được con sông xa xôi, gần như không phải là sông Leningrad, có thể tưởng tượng thế nào cũng được: thí dụ tưởng tượng làn nước dùng đục màu lá cây nhạt với ông mặt trời màu xanh dùng đục bơi trong đó, những cây liễu ánh bạc, cây bạch dương cong cong khẽ rủ những cành mềm, những ngôi nhà gạch hai tầng nhỏ xinh mái ngói, những cây cầu gỗ cong cong - một thế giới tĩnh lặng, chậm rãi như trong mơ; còn trên thực tế chắc chỗ đó có những nhà kho, những bức tường rào, một nhà máy vớ vẫn còi náo đó đang thải ra những chất độc hại màu xà cù, từ những đồng rác thải bốc lên mùi khói thối của những thú rửa nát, và còn những thứ gì đó vô hi vọng, quê kệch, tệ hại. Không, không cần phải tuyệt vọng thế, hãy đi tới sông Okkervil, tốt nhất nên trồng ở nơi đó những cây liễu tóc dài, dựng những ngôi nhà có nóc tròn, đưa tới đó đám cư dân không hấp tấp, có thể, đám người đó đội những chiếc mũ của Đức, đi những đôi tất kẻ sọc, miệng ngậm những tẩu thuốc bằng sứ, hoặc tốt hơn cả là kè đá hai bên bờ sông, bơm đầy nước sạch vào đó, bắc những cây cầu qua sông với những cái tháp và những dây xích, với những tay vịn cong cong bằng đá hoa cương, hai bên bờ sông xây những ngôi nhà cao tầng màu xám, dưới cổng là những tấm lưới bằng gang, còn trên cổng trang trí bằng lưới thép hình vẩy cá, còn từ những ban công bao chấn song sắt có

thể ngắm nhìn những bông sen cạn, đưa Vera Vaxilievna tới sống ở đó, cứ để nàng đi trên con đường lát đá vuông, tay mang găng dài, chân đi đôi giầy mũi tù có đế tròn tròn như quả táo, đầu đội chiếc mũ nhỏ có rèm che, dưới mưa phùn của những buổi sáng Peterburg, và những lúc như thế sương mù thường có màu xanh.

Sương mù màu xanh! Sương mù bao phủ, Vera Vaxilievna đi qua làn sương mù, gõ gót giày xuống nền đường lát đá được xây bằng trí tưởng tượng của Simeonov, và đây cũng là ranh giới cuối cùng của cái phông kịch, đạo diễn đã hết vật liệu. Ông đã kiệt sức, mệt mỏi. Ông cho các diễn viên nghỉ, xoá những ban công với những cây sen cạn, để lại cho những người cần dùng những tấm lưới sắt trang trí hình vảy cá, vắt xuống nước những thành vịn đá hoa cương, đút túi quần áo những cây cầu với những cái tháp, - những chiếc túi căng phông, những sợi xích rơi ra, treo lủng lẳng, như sợi xích đồng hồ của ông nội, và chỉ có sông Okkervil là vẫn chảy, lúc thu hẹp, lúc nở rộng, không thể nào nắm bắt được khuôn hình ổn định của nó.

Simeonov ăn fomat mềm, dịch những cuốn sách chán ngắt, chiêu tối thỉnh thoảng dẫn đàn bà về nhà để sáng hôm sau thất vọng tiễn họ đi - họ, chứ không phải em! - khoá mình trong nhà để trốn Tamara, cái cô Tamara cùng với những đồ giặt ria, khoai tây rán, những chậu hoa đặt trên bậc cửa sổ, luôn chủ tâm bỏ quên những đồ dùng ở nhà Simeonov, khi thì cái cặp tóc, lúc chiếc mù xoa, để đến khuya muộn chúng trở thành những thứ cần gấp, không thể thiếu được và vì chúng cô phải đi xuyên qua thành phố, - Simeonov tắt điện, nín thở đứng nép vào trụ tường ngoài hành lang nghe tiếng đập cửa của cô, và rất nhiều lần ông đã phải đầu hàng. Những khi đó ông ăn bữa tối với thức ăn nóng sốt, uống nước chè đặc trong chiếc cốc màu xanh hoa vàng, còn Tamara tất nhiên là không

thể về nhà - muộn mót rồi, chuyến tàu điện cuối cùng vừa đi khỏi. Và ông, lại càng không thể tới được con sông Okkervil đầy sương mù. Tamara rũ gối, còn Vera Vaxilievna quay lưng lại, không thèm nghe những lời phân trần của ông, bỏ đi về phía bờ sông khuya khoắt, chao đảo trên đôi gót giày tròn như hai quả táo.

Trời mang đậm vị thu, Simeonov mua được của một gã bán đồ cổ một chiếc đĩa hát to, nặng, đã bị vỡ một góc. Họ mặc cả khá lâu, cãi nhau về tì vết của chiếc đĩa, cuối cùng thì ông cũng mua được chiếc đĩa với giá rất cao. Tại sao vậy? À là bởi vì người ta đã quên hẳn Vera Vaxilievna, trên đài không còn thấy giọng hát của bà, trên mặt báo đã từ lâu không còn thấy cái tên ngắn gọn, mềm mại của bà. Nay giờ chỉ có những người kì quặc tinh tế, những kẻ chuộng mốt, những người hâm mộ là còn săn lòng quảng tiền ra vì một ca sĩ đã hết thời, săn lùng những đĩa hát của bà, sang băng cassette giọng hát trầm, ấm, rực rỡ, tựa một loại vang đỗ đất tiềng của bà.

- À mà bà già đang còn sống đây, - gã buôn đồ cổ nói, - bà ấy ở đâu đó trong thành phố Leningrad này, nghe nói, sống nghèo và tệ hại lắm. Thì bà ấy nổi lên cũng chỉ được một dạo, sau đó bị mất kim cương, chồng, con và hai ông nhân tình, cuối cùng mất cả giọng. Đúng là cảnh ngộ như vậy đó, và chỉ tới ngoài ba mươi tuổi bà ấy mới kịp thu xếp những mảnh mát của mình, cũng từ dạo đó thôi không hát nữa, nhưng vẫn còn sống.

Ra thế, Simeonov nghĩ ngợi. Tim ông trêu nặng. Trên đường về nhà, qua cầu, qua mấy khu vườn, qua đường tàu điện, ông vẫn còn nghĩ: ra thế... Và sau khi khoá chặt cửa, pha trà, ông đặt chiếc đĩa quý hiếm vừa mua lên máy hát, và nhìn ra ngoài cửa sổ về phía đám mây đen nặng nề nhuốm những màu sắc sặc sỡ, đang vươn về phía hoàng hôn, như mọi khi, ông lại dựng lên một đoạn đường ven sông, lại bắc cầu, nhưng những cái tháp trên cầu lần này trông thật nặng nề, còn

những dây xích bằng gang không sao nâng lên nổi, còn gió thì làm gợn những lọn sóng, vẽ lên những nếp nhăn và làm xao động mặt nước bạc của sông Okkervil, còn Vera Vaxilievna thì vấp nhiều hơn trên đôi góp giày hoàn toàn không thuận tiện mà Simeonov đã tưởng tượng ra, vặn đôi tay, nghiêng mái đầu nhỏ nhăn chải mượt xuống đôi vai xuôi nhỏ, - im lặng, mặt trăng cứ im lặng chiếu sáng, và những suy tư về số phận tràn ngập bóng trăng, - nhưng mà trăng không đứng yên một chỗ, như bánh xà phòng trơn tuột khỏi lòng bàn tay, lẩn qua những đám mây mù rách bươm của sông Okkervil, - trên con sông Okkervil bao giờ cũng có một cái gì đó đe dọa rơi xuống từ trời, - còn trí tưởng tượng trong sáng, được thuần dưỡng của chúng ta mới bối rối làm sao khi hơi thở và mùi vị của cuộc sống thấm vào cái thế giới đầy sương mù lạnh lẽo của nó!

Nhin về những con sông hoàng hôn, nơi bắt đầu thương nguồn Okkervil đã dần ngả sang màu xanh lục độc hại, bắt đầu bị ô nhiễm bởi hơi thở sống của bà già. Simeonov lắng nghe cuộc cãi cọ giữa hai con quỷ: một con nhất quyết đòi vứt bà già ra khỏi đầu, khoá cửa cho thật chặt, thỉnh thoảng chỉ mở cho Tamara vào, sống như trước đây, yêu đương chừng mực, đau khổ chừng mực, vào những lúc cô đơn nghe theo âm điệu thuần khiết phát ra từ ống kèn ánh bạc, vang trên con sông hư ảo đầy sương mù. Con quỷ khác - một chàng trai rõ đại cùng với cái ý thức u sầu bởi luôn phải dịch những cuốn sách tệ hại - đòi phải đi, phải chạy, phải tìm cho được Vera Vaxilievna - một bà già mù dở, nghèo khó, khốn khổ, đúm dó, héo hon, - tìm kiếm, ghé sát vào đồi tai nghẽnh ngãng của bà mà kêu lên qua năm tháng, qua gian truân sóng gió, rằng bà - chỉ có bà - duy nhất, là người ông đắm say, rằng tình yêu giờ đây vẫn đang sống trong trái tim bệnh tật của ông, rằng bà, một nữ thuỷ thần tuyệt diệu, cát giọng ca từ đáy nước sâu thẳm, làm căng cánh buồm, lượn trên làn nước đêm lung linh

ánh lửa, lao vút lên không trung che lấp nửa bầu trời, tàn phá ông và nâng đỡ ông - ông, Simeonov, một hiệp sĩ trung thành, - và giọng ca bạc của bà và những tiếng lao xao như thể những hạt đậu văng ra khắp phía của những chuyến tàu điện đã đè lên những cuốn sách, những miếng fomat mềm, những con đường ướt đẫm nước mưa, những tiếng chim kêu, những Tamara, những cốc chén, những người đàn bà không nhớ nổi tên, những năm tháng trôi qua và toàn bộ kiếp phù du của thế giới này. Và bà già, ngạc nhiên sững sờ, nhìn ông nước mắt rưng rưng: Sao? Anh biết tôi à? Không thể thế được? Trời ơi! Chẳng lẽ những bài hát của tôi lại cần cho một ai đó? Làm sao tôi lại có thể nghĩ ra được! Và bà lúng túng không biết mời Simeonov ngồi vào đâu, còn ông, khẽ nâng khuỷu tay bà, hôn vào bàn tay không còn trắng tréo, mà chỉ chút nhũng đốm dồi mồi già nua, dẫn bà tới chiếc ghế hành, chăm chú nhìn vào khuôn mặt già nua, tàn úa của bà. Âu yếm nhìn lên đường ngôi rẽ mái tóc bạc trắng mỏng manh của bà, ông sẽ nghĩ: Ôi, chúng ta đã đi qua thế giới này! ("Phù, không cần phải vậy", - con quỷ bên trong nhăn mặt, nhưng Simeonov vẫn cứ thiêng về những cái điều cần phải xảy ra).

Ông cảm thấy buồn buồn, thậm chí còn hơi tự ái nữa, khi chỉ phải trả có năm đồng xu ở quầy chỉ dẫn ông đã tìm được địa chỉ của bà; vậy mà tim đã đập gấp lên: không phải Okkervil? Tất nhiên là không phải. Và cũng không phải vùng ven sông. Ông mua ở chợ một bó cúc với những bông nhỏ màu vàng buộc trong bao ni lông. Những bông cúc đã nở từ lâu. Và trong cửa hiệu ông đã chọn một cái bánh ngọt. Cô bán hàng mở nắp hộp, giơ chiếc bánh cho ông xem: "Được chứ?" - Nhưng Simeonov không chú ý, ông vội né người sang một bên, bởi vì ông nhìn thấy, hay cảm thấy, phía ngoài cửa sổ cửa hàng, Tamara đang đi tới lôi ông về căn hộ ấm áp. Chỉ khi ngồi vào tàu điện ông mới giơ chiếc bánh ra xem. Không

làm sao. Một chiếc bánh ngọt trộn hoa quả. Một chiếc bánh sang trọng. Dưới tấm màng thạch màu vàng trong suốt như kính ở từng góc bánh các thứ quả đang ngủ yên: chõ thì là những lát táo, chõ là những lát đào đắt tiền hơn, chõ này nửa sân kem sữa chết cứng trong một vùng đồng giá vĩnh viễn, chõ kia - cái góc nghịch ngợm, đàn bà, có ba quả anh đào đỏ chót. Tàu điện lắc mạnh, chiếc bánh ngọt rùng mình, và Simeonov nhìn thấy trên mặt lớp thạch màu vàng nhẵn bóng như gương, hần rõ một dấu vân tay to tướng, không hiểu là của đầu bếp, hay của cô bán hàng. Không sao, bà già mắt kém, chắc không nhìn thấy. Còn mình lập tức phải cắt bánh ngay. ("Quay về đi, - con quý hộ mệnh buồn bã lắc đầu, - chạy đi, thoát thân đi!"). Simeonov buộc lại chiếc bánh như có thể và bắt đầu ngấm hoàng hôn. Ol'kervil rì rào như tiếng con suối nhỏ, va vào hai bờ đá hoa cương, bờ sông vụn ra như bờ cát, bờ dần xuống dưới sông.

Ông đứng một lúc bên cổng nhà Vera Vaxilievna, chuyển đám quà từ tay nọ sang tay kia. Phía trên cánh sắt cổng dẫn vào khu chung cư có tấm lưới trang trí hình vẩy cá. Đằng sau cánh cổng là cái sân khủng khiếp. Con mèo gầm gừ. Thì ông cũng đã mường tượng như thế. Nữ nghệ sĩ vĩ đại cần phải sống trong một cái sân như vậy. Lối cửa sau dẫn lên nhà, những xô đựng rác, thanh vịn cầu thang hép bằng gang, không sạch sẽ. Tim đập mạnh. Tất cả đã héo tàn từ lâu. Trong trái tim đau yếu của ta.

Ông bấm chuông. ("Thằng ngu", - con quý bên trong nhô nước miếng, bỏ đi). Cửa phòng mở toang hất ra những tiếng ồn ào, những tiếng hát và tiếng cười, và ngay lập tức ông nhìn thấy tháp thoáng bóng Vera Vaxilievna, trắng toát, to lớn, hồng hào, lông mày đen rậm, tháp thoảng ở đằng ấy, cạnh chiếc bàn được bày biện, trong vàng sáng, trên những đống đồ ăn thức nhấm mà mùi vị bay ra tới tận cửa, trên chiếc bánh

ngọt to tướng phủ socola có con thỏ cũng bằng socola chạy phía trên, đang cười hả hả, cười nghiêng ngả, - thấp thoáng, và đã bị số phận vĩnh viễn cướp đi. Mười lăm con người xung quanh bàn cùng cười hô hố, nhìn vào miệng bà: hôm nay là ngày sinh nhật của bà, Vera Vaxilievna đang kể chuyện tiểu lâm và cười tưởnг ngọt thở. Bà kể chuyện tiểu lâm từ lúc Simeonov đang leo lên cầu thang, bà cùng mười lăm người ấy đã phản bội ông lúc ông đang còn lúng túng đứng ngoài cổng, chuyên chiếc bánh ngọt có vết vân tay từ tay nọ sang tay kia, từ lúc ông còn ngồi trên tàu điện, từ lúc ông nhốt mình trong phòng và lau sạch bụi trên bàn lấy chỗ cho giọng hát bạc của bà, từ khi, lần đầu tiên mở bao giấy úa vàng, rách nát, lôi ra chiếc đĩa màu đen, nặng, phản chiếu con đường nhỏ tràn ngập ánh trăng, từ lúc chưa có một Simeonov nào trên đời, mà chỉ có gió lay động ngọn cỏ và trên mặt đất ngự trị sự tĩnh lặng. Bà ta, người đàn bà tệ hại ấy, đã không đợi ông nỡ ban công có chấn song sắt, dõi mắt về phía xa, ngắm nhìn làn nước trong như kính của sông Okkervil, mà bà ta lại ha hả cười trên cái bàn đầy những bát đĩa, trên những đĩa nộm, những quả dưa chuột, cá và những chai rượu, lại còn uống ngang nhiên như thế, lại còn xoay trở thân hình phì nộn của mình ngang nhiên như thế. Bà ta đã chôn cất ông. Hay là ông đã chôn cất Vera Vaxilievna? Böyle giờ để hiểu được thì đã muộn mất rồi.

- Thêm một người nữa! - Một người nào đó vừa cười vừa hétoáng lên. Ngay sau đó tên người này được gọi ra - Poseluev. - Tôi được phạt rồi!

Và người ta lấy chiếc bánh ngọt cùng bó hoa từ tay Simeonov, ấn ông ngồi vào bàn, bắt ông uống mừng sức khoẻ của Vera Vaxilievna, cái sức khoẻ bà chẳng dùng vào việc gì, Simeonov bức bối nghĩ thầm. Ông ngồi và cười một cách máy móc, đầu gật gật, cầm chiếc đĩa vào quả dưa chuột muối, và

như mọi người, nhìn lên Vera Vaxilievna, nghe những chuyện tiểu lâm của bà - cuộc sống của ông bị nghiền nát, bị xé làm đôi; bản thân ông, một thằng ngốc, bây giờ không cứu vãn được bất kì điều gì, kể cả chạy trốn; nàng trinh nữ thần thoại đã bị đám đàn ông sơn cước bắt cóc<sup>(1)</sup>, mà cô ta lại sẵn sàng để người ta bắt cóc, chẳng thèm đếm xỉa đến chàng hoàng tử tuyệt vời, buồn buồn, hơi hói một chút mà số phận đã hứa dành cho, chẳng muốn nghe thấy tiếng bước chân của chàng trong tiếng mưa rơi và tiếng gió rít của đêm thu sau lần kính cửa sổ, không nuốt thiếp ngủ cả trăm năm bởi con thoi khung cùi đâm vào<sup>(2)</sup>, mà lại vây xung quanh mình những con người hữu hạn, trần tục, ăn ăn uống uống, để cạnh mình cái gã Poseluev kinh tởm kia, cái gã đặc biệt xứng với cái tên của mình<sup>(3)</sup>, - và thế là Simeonov giãm nát những ngôi nhà xám cao tầng trên sông Okkervil, phá những cây cầu cùng với những cái tháp, dứt tung những dây xích, đổ rác xuống dòng nước bạc long lanh. Nhưng sông Okkervil lại khai phá cho mình dòng chảy mới, còn những ngôi nhà lại buồng bỉnh mọc lên từ đổ nát, và trên cây cầu không thể phá, chiếc xe song mã có hai con ngựa tía kéo vẫn nhong nhong chạy.

- Anh có thuốc không? - Poseluev hỏi. - Tôi bỏ quên ở nhà.

Và hắn dốc tuột một nửa bao thuốc lá của Simeonov.

- Anh là ai vậy? Người hâm mộ? Tốt rồi. Anh có căn hộ riêng không? Nhà tắm có không? Gut<sup>(4)</sup>. Là vì ở đây chỉ có nhà tắm công cộng. Anh để bà ấy tắm ở nhà anh nhé. Bà ấy thích tắm táp. Chúng tôi thường tụ tập vào mùng một đầu tháng để

<sup>(1)</sup> Tục lệ bắt cóc cô dâu ở một số vùng miền núi các nước (ND).

<sup>(2)</sup> Tác giả mượn mô típ của truyện Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn (ND).

<sup>(3)</sup> Poselui - cái hôn (tiếng Nga - ND).

<sup>(4)</sup> Good - tiếng Anh.

nghe băng ghi âm. Anh có những đĩa gì của bà ấy? Có *Viên ngọc lục bảo* không? Tiếc quá. Tôi tìm đĩa này đã bao nhiêu năm rồi, toàn không gặp may. Không tìm đâu ra. Những đĩa của anh có nhiều bản, không thú. Anh hãy tìm *Ngọc lục bảo*. Anh có mồi nào có thể mua được giờ hun khói không? Không, bà ấy ăn có hại, ấy là để... cho tôi. Anh không mua được những bông hoa to hơn à? Xem kia, những bông hoa hồng tôi mang tới mới to làm sao, bằng nắm tay chứ chẳng bõn. - Poseliev chìa nắm tay lồng lá tận mặt Simeonov.

- Thế anh có phải nhà báo không? Không à. Giá mà có được chương trình nho nhỏ về bà ấy thì tốt quá. Verunchik<sup>(\*)</sup> của chúng ta vẫn cố chạy đáy. Ừ mà mặt mũi, người ngọt nom thế, chứ giọng của bà ấy đến nay vẫn còn quyến rũ lắm. Cho tôi xin địa chỉ của anh. - Đôi tay to tướng của hắn ấn Simeonov xuống ghế, - Ngồi đây. Ngồi đây, không cần phải tiễn tôi.

Nói rồi Poseliev bỏ ra về, không quên mang theo chiếc bánh ngọt của Simeonov có vết vân tay trên bề mặt.

Những người lạ thoảng chốc đã tản ra bờ sông Okkervil đầy sương mù mang theo cái mùi cũ kĩ của tất cả đồ đặc trong căn hộ của họ: mùi của nồi niêu soong chảo và của đệm giường, của những xô chậu và của con mèo hung. Trên bờ sông lát đá hoa cương không còn chỗ để chen vào, và ở đó họ đã ca bài ca hàng ngày, quét rác rưởi trên con đường mà Simeonov đã lát đá, sinh con đẻ cái, nhân giống, tới thăm viếng nhau, và bà già to béo lông mày đen chen lấn, đánh mất cả cái bóng nhợt nhạt có bờ vai xuôi của mình, giẫm cả lên chiếc mũ có mạng che, loạng choạng từ bên nọ sang bên kia trên dôi gót giày tròn trùng trực, cũ kĩ của mình. Vera Vaxilieva kêu qua bàn ăn: "Chuyển cho tôi đĩa nấm!". Simeonov chuyển chiếc đĩa và bà ta bắt đầu ăn nấm.

<sup>(\*)</sup> Tên Vera Vaxilieva gọi một cách thân mật.

Ông nhìn thấy chiếc mũi to của bà động đậy và dưới mũi là hàng ria. Ông nhìn cái cách bà đưa đôi mắt to đen với hai cái túi thịt già nua chảy xệ phía dưới nhìn vào mặt khách khuya, từ người nọ sang người kia. Bỗng nhiên ai đó bật máy hát và giọng ca bạc của bà lấp hơi, bay lượn - không sao, không sao, - Simeonov nghĩ. Ngay bây giờ mình sẽ về nhà, không sao. Vera Vaxilievna đã chết, đã chết từ lâu rồi. Nàng đã bị người đàn bà to béo này giết chết, và đáng ra mình đã làm được cỗ cúng cho nàng, nhưng Poseliev đã lấy mất chiếc bánh ngọt của mình, không sao, vẫn còn bó hoa cúc này, mình sẽ đặt lên mộ nàng, những bông hoa cúc đau yếu, héo tàn, rất hợp, mình kính viếng hương hồn người quá cố, thôi, có thể đứng dậy về được rồi.

Trước cửa căn hộ của Simeonov thấp thoáng bóng Tamara - Tamara thân thuộc - cô túm lấy ông, lôi ông vào phòng, tắm rửa, thay quần áo cho ông và cho ông ăn những thức ăn nóng. Ông hứa sẽ cưới cô, nhưng tới gần sáng, Vera Vaxilievna bước vào giấc mơ, nhổ vào mặt ông, gán cho ông mọi thứ xấu xa rồi bỏ đi theo con đường bờ sông ướt át trong đêm, lắc lư trên đôi gót giày màu đèn tưởng tượng.

Ngay từ sáng Poseliev đã bấm chuông và gọi cửa ầm ĩ. Hắn tới để xem xét buồng tắm, chuẩn bị cho buổi chiêu. Tới chiêu hắn dẫn Vera Vaxilievna tới nhà Simeonov để tắm giặt. Hắn hút thuốc của ông, tấn công vào bánh mì kẹp thịt của ông, miệng nói: "Ồ, ờ ò... Verunchik quả là một người đàn bà mạnh mẽ! Vào thời của mình không biết bao nhiêu đàn ông đã bị bà mê hoặc, - trời đất!" Còn Simeonov bất chấp ý muốn, lắng nghe những tiếng động phát ra khi thân hình đồ sộ của Vera Vaxilievna bước vào bồn tắm, tiếng i oẹp, lép nhép khi cạnh sườn đầy mỡ của bà cọ vào thành bồn tắm, giống như tiếng nước chảy xuống cổng, tiếng bàn chân trần bước trên sàn, và cuối cùng là tiếng động của cái móc cửa bị bật lên,

Vera Vaxilievna mặc áo choàng tắm, mặt mũi xông hơi đỏ rực: “Chà, thật khoan khoái”. Poseluev vội pha trà, còn Simeonov, chần chừ một chút, mỉm cười, vào buồng tắm dọn dẹp, rửa sạch lớp ghét màu xám bám vào thành bồn tắm, moi những sợi tóc bạc vương vào lỗ thoát nước. Poseluev mở máy hát, giọng hát tuyệt vời, cao dần lên, giọng hát chứa đầy giông tố, dậy lên từ đáy vực sâu thẳm, giang rộng đôi cánh, bay lượn bên trên mặt đất, trên cái cơ thể được xông hơi của Verunchik đang uống trà trong chiếc tách có đĩa đựng, trên người đàn ông có tên Simeonov suốt đời nhẫn nhịn vâng lời, trên cái cô Tamara nồng nhiệt, nội trợ, trên tất cả mọi thứ, những thứ mà nếu có muốn, cũng không thể giúp gì được, trên buổi hoàng hôn đang tới dần, trên cơn mưa nặng hạt, trên gió, trên những dòng sông vô danh cuồn cuộn tràn bờ, lồng lộn nhấn chìm thành phố, điều mà chỉ có những dòng sông mới làm nổi.

ĐÀO TUẤN ANH *dịch*

JOHN UPDIKE  
(Mi)

## HIỆN DIỆN TẠI ĐÂY LÀ VỢ CHỒNG MAPLE

Họ từng là một đôi may mắn. Chính nhờ sự may mắn đó, sau khi họ quyết định chia tay, mà cộng đồng Thanh giáo họ sống trong đó đã bổ sung một tu chính *li dị không xét lỗi* vào bộ luật kỉ dị đã quá sáo mòn và cộc cách của cộng đồng. Theo điều khoản của nó, họ phải nộp một chứng thư chung. Chứng thư này ghi: *Hiện diện tại đây là Richard F. và Joan R. Maple, xác quyết, và chịu trách nhiệm nếu có khai gian: rằng hiện có một sự sụp đổ không cứu vãn được trong cuộc hôn nhân của họ.* Với Richard, khi đọc mẫu chứng thư đó trong căn hộ của mình ở Boston, lời lẽ đó gợi lên hình ảnh anh và Joan tay trong tay phơi phới đi vào một buổi liên hoan, trong khi người giữ cửa mặc đồng phục đầm dáng hò vang tên của họ giữa vô vàn hoa giấy rơi và bọt champagne phun bắn trong phòng. Suốt nhiều năm trong cuộc sống hôn nhân, họ đã cùng đi dự vô số các cuộc liên hoan, và bao giờ cũng một ít hào hứng, một ít hy vọng, một ít chờ đợi một điều gì may mắn sẽ xảy ra.

Kèm theo chứng thư là đủ thứ biểu mẫu tài chính và một đơn xin cấp bản sao Giấy hôn thú. Tuy họ từng sống ở New York và London, trên nhiều hòn đảo và nông trại, và có một

mùa hè họ còn sống trong một căn chòi gỗ thô, nhưng họ đã lấy nhau tại một nơi chỉ cách chỗ Richard đang đứng đọc mấy thứ giấy tờ ấy vài trạm xe điện ngầm. Anh chưa từng trở lại tòa thị chính Cambridge ấy kể từ buổi sáng anh nhận Giấy hôn thú ở đó, buổi sáng họ làm lễ cưới. Bố mẹ anh đã lái xe chở anh đến đây từ cái khách sạn xa lộ ở Connecticut, nơi họ đã ngủ qua đêm sau khi khởi hành từ Tây Virginia; họ dậy từ sáu giờ để có thể tới nơi kịp lúc và trong gần hết lộ trình, anh đã trùm áo khoác lên đầu, hi vọng sẽ ngủ lại được. Trong ký ức bây giờ, anh có vẻ như một sinh vật biển không xương nằm dưới tấm chụp, như thân con sứa, của chiếc áo khoác, trôi lên một cách trơ trọi dọc theo bờ biển khi không khí ngày càng nóng hơn. Đó là tháng Sáu, và mọi thứ đều bốc hơi. Đến gần trưa, khi họ đến Cambridge, và kéo lê thân xác cùng những hộp đựng trang phục cưới lên bốn tầng lâu, đến căn hộ của Joan trên phố Avon, thì cô dâu đang tắm. Richard không thể nhớ còn có ai nữa trong căn hộ lúc đó; kí ức của anh về bữa đó thật lõm bõm - những vệt rõ nét trên một tấm giấy thấm ẩm màu xám. Ngày đó chẳng thấy bầu trời chẳng thấy mây, chỉ một đám u mờ những vật nắng không bóng râm phủ lấy những tòa nhà gạch trên phố Brattle, và những đỉnh nhọn của Harvard, và những chiếc xe đèn dầu dàng nằm nung trên mặt đường tráng nhựa. Lúc đó anh hăm mốt, Eisenhower là Tổng thống và cô dâu thì ở sau khung cửa đóng, hô lên rằng anh không được vào, nếu anh gặp cô lúc đó sẽ là xui xẻo lắm. Ai đó đang ở trong đấy với cô, cười rúc rích và té nước rào rào. Ai vậy? Chị, hay mẹ cô ấy? Richard đứng tựa vào cửa buồng tắm, và nghe tiếng ba mẹ anh đang lên cầu thang phía sau anh, họ thở mạnh nhưng vẫn trò chuyện, và mường tượng hình ảnh Joan trong bồn tắm, những ngón chân cô màu hồng, những lọn tóc ở cổ nằm ép sát da, bộ ngực cô bồng bênh đầy xà bông và trơn tuột. Rồi mẩu ký ức ấy khô sạch, và trong một mẩu

khác lại thấy anh và cô ta bên nhau trên xe bị vướng vào một chỗ tắc nghẽn giao thông giữa trưa nắng chập chờn ở quảng trường Cenrtal Square. Cô mặc cái váy mùa hè bằng vải bạc màu; anh chú mục vào dòng xe cộ để giảm thiểu chuyện xui xẻo vì nhìn cô trước khi làm lễ. Những cặp khác, lúc đó anh nghĩ, hẳn đã thu xếp mọi giấy tờ đâu vào đó ít nhất là hai tiếng trước khi làm lễ cưới. Nhưng hồi đó, dĩ nhiên những chú rể khác đã chẳng ngồi xe tới nơi làm lễ cuối với áo khoác trùm lên đầu như đứa trẻ trốn mưa bão. Tay trong tay, nhỏ bé hơn Hansen và Gretel trong trí tưởng của anh, họ chạy lên những bậc thang dẫn vào lối cổng vòm màu nâu nhạt và khuất dạng.

\*

Toà thị chính Cambridge, trong một xã hội đầy đổi thay, đã không thay đổi. tòa lâu đài chạy hình cung thời Richardson, sa thạch đỏ và hoa cương hồng, đứng lù lù như một gã khổng lồ dịu dàng giữa đám hàng xóm nhạt nhẽo của nó. Nội thất bằng gỗ đánh vecni, màu nhạt, và sáng nhè nhẹ. Richard có vẻ nhớ ra mình đã nhận giấy tờ ở một ô cửa sổ lưới có biển đồng ghi chữ ở tầng dưới, nhưng một mũi tên trên tấm bìa cứng lại chỉ anh lên tầng trên. Đầu gối anh run và bao tử nhộn nhạo trước sự lớn lao của cái việc anh đang làm. Anh rẽ ở một góc hành lang. Một phụ nữ ra dáng bà ngoại ngự bề thế trong một cõi rộng thênh và uể oải trước những bàn phủ vải xanh và những cuốn sổ lớn trên các kệ thép.

"Tôi muốn xin một bản sao hôn thú có được không ạ?"

"Năm?"

"Bà bảo sao ạ?"

"Anh làm hôn thú năm nào?"

"1954." Đọc rõ từng số thì cái năm ấy nghe xa vời như một

vì sao, vậy mà anh lại có mặt ở đây, chẳng thấy già đi một phút nào, và vẫn đổ mồ hôi trong cái nóng mùa hè như thế. Tuy nhiên, bà kia, sau khi ghi lại họ tên và ngày tháng, đã phải bỏ anh ở đó đi sang một gian phòng khác chứa giấy tờ, thực tình thì sự vụ anh muốn giải quyết đây quả là xa xôi.

Bà ta trở lại với dáng khập khiễng mà lúc nãy anh không nhận thấy. Cuốn sổ bà vác theo, khi mở ra, thì rộng tới cả thước, như pho sách của một tay phù thủy. Bà cẩn thận lật những trang giấy mênh mông, như thể khoảng trống của quãng đời đã mất và thời gian đã qua biểu hiện trên những trang giấy có thể vụt một cái chồm lên nuốt chửng cả hai người. Bà này hẳn đã từng có mái tóc hung đỏ rực rỡ, nhưng giờ nó đã hoá vàng cách, cứng thành những lọn uốn cố định, vô hồn như tờ giấy khô queo. Bà ta mỉm cười, một nụ cười nhẹ thành nếp. "À, đây rồi", bà ta nói.

Và Richard có thể đọc thấy, theo phía ngược lại, trên một đường mực đỏ dài, tên của anh và của Joan thời con gái. Nghề nghiệp của cô được ghi là "giáo viên" (cô từng là giáo viên tập sự môn mỹ thuật, anh đã quên chiếc áo choàng xanh lốm đốm sơn của cô, cái mùi đất sét ở những ngón tay của cô, cái kiểu cô đạp xe đi làm ngay cả trong những ngày lạnh nhất), rồi khoản của anh, kém cỏi hơn, ghi "sinh viên". Rồi địa chỉ của họ trong đó làm anh ngạc nhiên, chúng không giống nhau - gian tiền sảnh trên phố Avon, lối vào tòa nhà Lowell, những cánh cửa bị lăng quên mở ra đoạn hành lang của những địa chỉ dùng chung trải dài suốt từ đó đến nay. Chữ ký của họ - anh không chịu được chuyện ngầm nghĩa các chữ ký của họ, cho dù nhìn ngược từ trên xuống. Liếc qua là thấy, chữ ký của Joan trông vững chãi, và xanh đậm hơn. "Anh muốn một hay nhiều bản?"

"Một chắc là đủ".

Mẫn cán như thể chưa từng làm việc này hàng ngàn lần

trước đây, người phụ nữ tóc đỏ ngày xưa, vuốt thẳng tờ giấy và liên tục chấm mực cho cây viết cổ lỗ, ngồi chép lại những chi tiết vào một mẫu chứng nhận.

Còn đọng lại gì về ngày đám cưới ấy? Chỉ có vài hình ảnh, Richard nhớ lại. Một người em họ của Joan đã sắp xếp những nhân vật chính dự lễ cưới trên hè phố trước nhà thờ, mọi người tụ tập quanh đồng hồ tính giờ đậu xe. Cây đồng hồ, một đại diện mảnh mai ánh bạc của chính quyền thành phố, chiếm vị trí danh dự giữa nhóm người, với cái đầu nhỏ hẹp và cái lưỡi đỏ tía. Giống cây đồng hồ, chàng rể cũng gầy gò. Anh chớp mắt ngay khi máy ảnh bấm, nên khuôn mặt anh gợi tới mặt nạ xác chết. Tư thế của cô dâu, vừa căng thẳng vừa duyên dáng, trông có gì giống như một vũ viên, bàn chân quay ra ngoài trên mặt gạch lát nóng; cô có vẻ như sắp kéo tấm ván cưới lên và làm một động tác múa xoay vòng. Cha mẹ hai bên, chưa biến hẳn thành ông bà nội ngoại, trông mờ nhạt trong cảnh này, chìm khuất trong vùng sáng chói, rộng lượng và ngô nghê như nhữ g viên đá của tòa nhà trong đó Richard đang trả ba đôla lệ phí cho tờ bản sao, tờ phản chứng nhận của anh.

Còn một hình ảnh nữa thì được một người bạn sinh viên ghi nhận lại, anh này đã chở họ đến khu nhà hướng tuần trăng mật tại một thị trấn ven biển, cách Cambridge một giờ chạy xe về phía Nam. Một bộ đồ chơi bóng vồ được bỏ lại trước cửa, và Richard, vào một trong những trò biểu diễn mà anh đã tập làm để che giấu tâm trạng bất an, đã nhặt lấy ba trái banh và bắt đầu trò tung hứng. Anh bạn sinh viên, có lẽ cũng bồn chồn, đã bấm máy ngay lúc đó; và trái banh đỏ cứ ở vị trí lơ lửng mãi như thế, mờ nhòa, trong màu hổ phách của ánh ngày đang tàn, trong khi ánh vàng và xanh trên hai tay Richard và trên khuôn mặt anh chăm chú nhìn lên trong một vẻ hoan lạc.

"Tôi còn có một chuyện nữa," anh nói khi bà thư ký đóng cuốn sổ to đùng lại và chuẩn bị vác đi.

"Cái gì vậy?", bà ấy hỏi.

"Tôi cần công chứng một chứng thư."

"Việc đó không thuộc phận sự của phòng này. Xuống tầng một, rẽ trái khi ra khỏi thang máy, hay rẽ phải nếu đi cầu thang. Đi cầu thang thì lệ hơn, nếu như anh muốn hỏi ý tôi về chuyện đó."

Anh theo những chỉ dẫn của bà và tìm ra một bà da đen còn trẻ ngồi sau một cái bàn bằng sắt đặt đầy những chiếc khung vàng choé gắn các hình ảnh về sự trung thành, đoàn kết và ổn định; về các con cái và cha mẹ; về một cậu trai da nâu trông nghiêm trang trong bộ quân phục cũng màu nâu; về một gia đình đang cười toe toét bên bờ một cái hồ. Còn có cả ảnh chụp một căn nhà - một căn nhà nông trại nho nhỏ bình thường ở đâu đó, với một bãi cỏ xanh. Bà ta đọc chứng thư của Richard mà không bình luận gì. Anh cố né nỗi nôn nóng muốn nói xin lỗi với bà ta. Bà ta yêu cầu cho xem bằng lái và so khuôn mặt anh với tấm ảnh trong đó. Bà đưa cho anh một cây viết và đóng một cái dấu không thể huỷ ngang bên cạnh chữ ký của anh. Trái banh đỏ vẫn cứ lơ lửng trong không khí, đâu đó trong chiếc hộp đựng những tấm phim đèn chiếu mà anh sẽ chẳng bao giờ xem lại, và cái im lặng sảng sủa của ngôi nhà hướng tuần trăng mặt nơi họ được bỏ lại một mình thì vẫn di chuyển, một đầu đạn chứa im lặng, thoát ra hướng về các vì sao, nhưng điều khiến Richard ưu phiền hơn, nhăn cả mặt mày khi anh bước từ khung cửa vòm màu nâu ra ánh chói chang của mùa hè, là một chi tiết chưa tròn của hôm lỄ cưới. Trong nỗi bối rối, mụ mẫm hoang mang về cái con người mặc toàn trắng run rẩy bên cạnh anh trước bàn thờ, ở mép bờ ý thức của anh như một đường cầu vồng trong cõi sương mù, anh đã quên kết thúc những lời thề hứa

bằng một nụ hôn. Joan đã liếc nhìn qua anh, mỉm cười, chờ đợi; anh đã mỉm cười đáp lại, không nhớ ra. Giây phút ấy trôi qua, và họ vội vàng đi ra giữa hai hàng ghế như bây giờ anh đang vội vàng bước, bối rối ngượng ngùng, xuống những bậc thềm của tòa thị chính, tới mặt đường và xuống đường xe điện ngầm.

\*

Khi chiếc xe điện ngầm thông dong lao vào bóng tối thì anh đọc về các sức mạnh của tự nhiên. Một trích đoạn nghiên cứu đã được gửi đến anh qua bưu điện, cùng chuyến với tờ chứng thư. Trước thời sống ly thân, hẳn anh đã quẳng nó đi chẳng thèm nhìn lại, nhưng bây giờ, khi từ từ niềm thoi lập dị của một ông già Boston, anh đã đọc mọi thứ với vẫn người ta gửi tới, thậm chí còn dừng lại trong ngõ hẻm để nhặt lên một mẩu nhật báo và đọc qua xem có chân lý gì không. Như thế, anh đọc, *từ năm 1935 người ta đã biết rằng thế giới tự nhiên được điều khiển bởi bốn lực, xếp theo thứ tự cường độ tăng dần là lực hút, lực yếu, lực điện từ, và lực mạnh*. Vừa đọc, anh vừa thấy mình nghiêng về các lực yếu; anh đồng hoá với chúng. *Sức hút trái đất, tuy chẳng quan trọng ở tầm vi mô, khởi sự tác động các vật thể ở độ lớn hàng trăm cây số, như các vì tinh tú; nó giữ yên vị cho mặt trăng, trái đất, hệ mặt trời, các vì sao, các chùm sao trong các dải ngân hà và chính bản thân các dải ngân hà nữa*. Với Richard, điều đó giống như một đội thể thao kiên cường bị áp đảo ngay lúc bắt đầu cuộc thi đấu và hiện đang xông lên giành chiến thắng trong giây phút cuối cùng; lòng anh thầm hoan hô chúng. Chiếc xe điện ngầm dừng lại ở ga Kendall, và anh nhớ lại chuyện vài ngày sau đám cưới, anh và Joan, như một đôi vợ chồng, đã đón chuyến xe lửa lên phía Bắc

qua ngả New Hampshire thế nào, để nhận công việc trong mùa hè mà họ đã ký kết. Tuyến xe lửa, lâu nay đã ngừng hoạt động, đã chạy quanh co lên phía Bắc, dọc theo những con sông mải miết trôi và bị bẩn thỉu đi vì những trại cưa, tiến vào những núi đồi lúc nào cũng xanh um, nơi mấy chiếc thùng treo trên dây cáp để chở người trượt tuyết lên đầu dốc vẫn đứng đó chờ rì sét. Những ghế ngồi trên xe lửa bọc vải đǒ tía và con tàu cứ nhẹ nhàng lắc lư liên tục. Đôi cánh tay nàng, trắng xanh trên nền vải tía, ửng một màu hồng rám nắng. Không rõ làm thế nào để hưởng một tuần trắng mật, nhưng lại biết rõ rằng mình phải tạo ra những kỷ niệm tồn lưu mãi cho đến ngày cái chết chia lìa họ, hai người đã trần truồng chơi bóng vô trong một khoảng sân nhỏ giữa rừng cây cứ như một con mắt cỏ xanh nhìn miết lên trời cao. Ván đầu nào nàng cũng thắng. *Lực yếu, Richard đọc, không ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc của nhân nguyên tử cho đến khi quá trình phân huỷ diễn ra; giống như một vết rạn trên một cái chuông bằng gang, nó không ảnh hưởng tới tiếng ngân vang của chuông cho tới lúc sau cùng nó khiến chuông vỡ ra từng mảnh.*

Chiếc xe điện ngoi vào ánh sáng, để vượt cầu Charles. Những chiếc thuyền buồm nghiêng nghiêng trong nắng phía dưới. Bên kia sông, những tòa nhà chọc trời màu khói nhạt của Boston đứng như những voi phun bất động. Con tàu lửa lượn theo vịnh của một cái hồ và dừng lại ở ga Weirs, một vùng đá sỏi mùa hè như những cục kem rải rác trên mặt đường nhựa, như mùi kẹo táo từ bờ tuổi thơ phả về. Sau khi chờ đợi hết mấy tiếng, họ theo chuyến tàu chở thư ra hòn đảo nơi họ sẽ làm việc. Hòn đảo nằm ở mạn bên kia của hồ Winnipesaukee, phải vượt qua nhiều đảo nhỏ khác mới tới được, và cũng cần rất nhiều chuyến thư tín. Trước mỗi lần cập bờ, con tàu lại hú còi - một tiếng ôn khủng khiếp. Hai vợ

chồng Maple ngồi ở mũi tàu, để phơi nắng và ngắm cảnh; một khi ở đó, ngay bên dưới cây còi tàu, họ cảm thấy phải ở lại. Những hòn đảo, mặt nước, những núi đồi sâu trong bờ tạo thành những viễn cảnh chuyển động nhẹ nhàng quanh họ và rồi - mỗi lần, ngạc nhiên thay - tiếng còi tàu vang lên lại làm tim họ chùng xuống và bóp nát phong cảnh thành một mớ âm thanh; những tiếng còi ấy đánh vào cuộc hôn nhân non trẻ của họ. Anh vừa đổ lỗi cho nàng vừa mong nàng tha thứ cho những gì mà cả hai người đều không kiểm soát được. Sau mỗi hồi còi, động cơ sẽ tắt và con tàu sẽ lưỡng lự trôi vào một chiếc cầu tàu mảnh dẻ, và từ những con đường đất mềm lốm đốm của đảo này hay đảo nọ luôn xanh um, những đứa bé rám nắng đi cắm trại và những ông thầy quản trại mặc quần tắm đi giày, sẽ đổ ra để nhận thư, tiếng la hét của họ vang vang một cách kỳ lạ trong đôi tai đã điếc đặc của vợ chồng anh. Khi đến được đảo của họ, vợ chồng anh đã kiệt sức.

*Cơ học lượng tử và thuyết tương đối, cùng với nhau, đều cực kỳ giới hạn và do đó chúng đem đến cho chúng ta một công cụ lý luận rất to lớn.* Richard nhét tập giấy vào túi và rời xe lửa ở ga Charles. Anh băng qua cầu vượt đi về phía bệnh viện để gặp bác sĩ trị viêm khớp cho anh. Xương cốt anh đêm nào cũng nhức. Anh có những bạn bè đang hấp hối, có người đã chết; có vẻ thật khó tin rằng chẳng bao lâu nữa anh sẽ tiếp bước họ. Lần đầu tiên anh đến bệnh viện là để tán tỉnh Joan. Anh đã leo lên chính đoạn dốc này để tới những khung cửa kiếng, rồi vào trong cái mê cung khổng lồ của những kẻ bệnh hoạn, lắp bắp hỏi thăm chõi của cô gái, với sợi dây cao su buộc mớ tóc đuôi ngựa, vẫn thường ngồi ở hàng ghế đầu lớp Anh văn 162b: *Truyền thống sử thi Anh, từ Spenser tới Tennyson.* Anh đã chiếm ngưỡng cái gáy nghiêng nghiêng của nàng ba giờ mỗi tuần suốt mùa đông. Anh thu

hết can đảm để nói chuyện với nàng trong đợt thi, ngồi cùng một cái bàn thư viện, họ cùng nghiền ngẫm những bản sao tối tăm của các minh họa của Blake cho cuốn *Paradise Lost*. Họ đồng ý gặp lại sau kỳ thi và đi uống bia với nhau. Nàng đã không tới. Trong cái giảng đường đầy những cái đầu miệt mài suy tư thì không có cái đầu của nàng. Và đặt hai cuốn *Faerie Queene* và *The Idylls of the King* tựa vào nhau, anh đã gọi đến phòng ký túc của nàng và được biết rằng Joan đã được đưa vào bệnh viện. Một lực tự nhiên đã khiến anh bất chấp những hành lang dài dằng dặc, những lần rẽ sai và đâm đông các bà cô bà dì và các kẻ khác đang theo dõi nàng ở cuối giường; anh tìm thấy nàng trăng toát; giữa các lớp vải trăng, mái tóc xoã quanh vai và một ống nhựa dẻo truyền chất gì trong suốt vào dưới cánh tay nàng. Trong những lần sau đến thăm, anh đã được quyền cầm tay nàng, tuy nó còn lồng nhằng những băng keo và thanh kẹp. Chẩn đoán nói rằng nàng bị giảm tiểu cầu. Chứng bệnh cụ thể là nàng cứ bị chảy máu và máu không đông lại được. Nàng xấu hổ kể cho anh nghe chuyện các bác sĩ và các nội trú viên đã hỏi nàng làm tình lần gần đây nhất là lúc nào, và nàng cảm thấy bối rối làm sao khi phải thú thật, trước vẻ không tin lịch thiệp của họ, rằng nàng chưa hề làm tình lần nào.

Bác sĩ gỡ dụng cụ đo huyết áp ra khỏi tay Richard và mỉm cười.

"Gần đây anh có bị căng thẳng gì không?"

"Tôi vừa mới li dị".

"Viêm khớp, anh biết đó, nằm trong hệ thống những chứng bệnh có yếu tố tâm thần cơ thể".

"Tôi chỉ biết rằng tôi thức dậy lúc bốn giờ sáng và thật thối chí khi nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ thoát chứng này được, cơn đau sẽ nằm bên trong bả vai tôi cho đến hết đời chắc."

"Anh sẽ phải chịu mãi. Còn nó thì không ở đó mãi đâu."

"Cho đến khi nào?"

"Khi nào bộ anh thôi phát tín hiệu đau."

Bàn tay nàng, trong cái giá đỡ nhỏ bé của dụng cụ chữa trị, độ ấm của nó không cự tuyệt cũng không gắn bó khi anh cầm trong tay ở cạnh giường của nàng, nó nằm cao, gần như ngang tầm mắt anh. Trên đảo, hai chiếc giường dành cho họ trong căn nhà gỗ lại cao thấp khác nhau, và dù Joan đã cố biến chúng thành một cái giường đôi, thì vẫn còn một cái mí nơi hai tấm nệm giáp nhau mà hoặc anh hoặc nàng phải lăn qua, bên cạnh điều bất tiện của tấm trải giường xộc xệch. Nhưng căn nhà gỗ lại nằm ngay trong rừng và mùi ẩm hăng nồng của thông và dương xỉ ùa vào qua khung cửa lưỡi cùng tiếng chim hót buổi sáng và thú vật lạo xao buổi tối. Người ta đồn có nai trên đảo; chúng vượt qua mặt hồ đóng băng vào mùa đông và kẹt lại trên đảo lúc băng tan vào mùa xuân. Mặc dù chẳng có ai, bọn cắm trại cũng như các thủy quản trị từng trông thấy nai, nhưng lời đồn vẫn nhất định là có nai ở đó.

*Tại sao chưa từng có ai trông thấy một hạt quark?*<sup>(1)</sup> Trong khi đi bộ theo phố Charles về căn hộ của mình, Richard mơ hồ nhớ ra một câu đại loại như vậy, và thò tay vào túi lấy tập giấy viết về các lực tự nhiên, nhưng hoá ra lại móc nhầm một hoá đơn mới cho thuốc giảm đau, một bản sao Giấy hôn thú và tờ chứng thư với chữ ký. *Bây giờ tôi...* tập giấy bị lắn vào đó. Anh không tìm ra câu đó, và đành đọc. *Lý thuyết cho rằng các lực mạnh trở nên mạnh hơn khi các hạt quark tách khỏi nhau là ít nhiều vô đoán; nhưng phần bổ sung của nó là ý tưởng cho rằng lực sẽ trở nên yếu đi khi các*

<sup>(1)</sup> Quark: một trong sáu loại hạt, theo giả thuyết, đã cấu thành những hạt cơ bản của nguyên tử.

*hạt quark bị đẩy lại gần nhau, thì lại rất có cơ sở.* Phải, anh nghĩ, điều đó đã xảy ra. Trong cuộc sống có bốn lực: tình yêu, thói quen, thời gian và nỗi buồn chán. Tình yêu và thói quen, trong ngắn hạn, thì cực kỳ mạnh mẽ, nhưng thời gian, chẳng có sức đột phá nào, lại tích tụ một cách vững chãi, và cùng với đồng minh là nỗi buồn chán, sẽ bình địa mọi thứ. Anh đang chết dần đây; điều đó làm anh đau khổ. Tim anh chùng xuống trong kinh hoàng trước việc anh vừa làm. Làm sao anh nói cho Joan nghe việc anh vừa làm với tờ hôn thú của họ? Chính những hạt quark trong đường điện thoại cũng sẽ nổ loạn tung lên.

Trong rừng, có một khoảng trống xanh, một con mắt cỏ, một bãi cỏ điểm những hoa trắng lì ti, và ở đây một hoàng hôn nọ nai đã tới, con cái đi lên trước một chút, con đực to và lông sẫm hơn, cái mông nó còn khuất trong tối khi con bạn nó thăm dò tia nắng cuối ngày, bóng dáng chúng được viền bằng thứ ánh sáng đang mạ vàng lên bãi cỏ. Một đoàn những tay cưỡi mô tô mặt không hình dáng gầm rú chạy qua, một gã say ở cửa tiệm và cho thuê máy giặt vẩy tay với Richard, một cô gái mặc chiếc váy yếm nhìn anh lạnh tanh, ánh sáng chuyển từ đỏ sang xanh lá cây, và anh không thể nhớ mình muốn nước cam hay bánh mì, và lại càng bức hơn vì anh không thể nhớ họ đã thấy được nai ở đó lần nào chưa, hay phải chăng anh tưởng tượng ra ký ức đó, dựng nó lên do ước muốn rằng nó phải xảy ra như vậy.

"Em không nhớ," Joan nói qua điện thoại. "Em không nghĩ mình đã thấy, mình chỉ nói về chuyện đó thôi."

"Bộ ra khỏi căn nhà một lát, không có một khoảnh rừng trống nào sao, nếu em đi theo con đường mòn đó?"

"Chúng ta chưa từng đi theo lối đó, nó nhiều sâu bọ quá."

"Một con nai đực với một con nai cái, ngay lúc trời sẩm tối. Em không nhớ gì hết sao?"

"Không. Thực tình là không, Richard à<sup>(1)</sup>. Anh muốn em phải hồi hận về chuyện đó đến cỡ nào đây?"

"Đâu có gì đâu, nếu không có chuyện đó thì thôi. Nói sang chuyện hoài niệm thì..."

"Sao?"

"Anh đã tới tòa thị chính Cambridge hồi chiều để xin một bản sao hôn thú của tụi mình."

"Ôi anh. Nó ra làm sao?"

"Cũng vậy thôi. Chỗ đó vẫn y như hồi xưa. Mình nhận hôn thú ở trên lầu hay dưới nhà?"

"Dưới nhà, phía bên trái thang máy khi từ ngoài bước vào."

"Bây giờ đó là chỗ công chứng giấy tờ. Nay mai chắc em sẽ nhận được một bản sao; một thứ giấy tờ dễ sợ."

"Em đã nhận được nó hôm qua. Nó có gì dễ sợ đâu? Em thấy nó vui đáy chứ, cái kiểu câu chữ viết trong đó. Ta đến tại đây, ta bỏ đi kia."

"Ô, em thiệt là cứng cỏi."

"Em nghĩ mình phải thế. Không đúng sao?"

"Phải."

Đây không phải lần đầu tiên trong hai năm qua anh cảm được độ mỏng manh của cái vỏ trứng mà anh đang co ro nằm bên trong và chỉ cần Joan cất cao giọng nói là đập vỡ được nó. Nhưng nàng không muốn phá vỡ, hoặc là do nàng không biết nó mỏng tới cỡ nào, hoặc bởi vì nàng đang đập vào mé bên kia, cũng giống như, ở phía trong cánh cửa phòng tắm, nàng bị lôi tới cuộc hôn nhân với cùng một tốc độ như anh, và với cùng lực thúc đẩy tiệm giảm. "Điều mà em không hiểu", nàng nói, "là người ta muốn hai đứa mình cùng ký vào một văn bản, hay mỗi đứa ký một cái, hay cái gì khác? Và cái nào đây? Ông luật

---

<sup>(1)</sup> Người vợ sắp lì dị này không gọi Richard bằng Dick - tên gọi thân mật.

sư cứ gửi cho em mỗi thứ ba bản, một số thì nằm trong bao thư xanh. Có phải đó là những bản quan trọng hay không quan trọng mà em có thể lưu lại?"

Thực ra, các vị luật sư, vốn tài ba đến thế trong cái thế giới đối địch quen thuộc của họ gồm các trò cáo buộc, kiện tụng và kháng cáo, có vẻ cũng bị rối vì điều khoản cho phép li dị mà không xét lỗi mỗi bên. Ngay buổi sáng xử vụ li dị của họ, Richard chào ông luật sư trên những bậc thềm pháp đình với ý nghĩ rằng trong tư cách nguyên đơn anh sẽ bị người ta yêu cầu nói rõ điều gì trong cuộc hôn nhân đã khiến anh thấy rằng nó là một sự sụp đổ không cứu vãn được. "Nhưng toàn bộ tinh thần của điều luật *li dị không xét lỗi*", Joan chen vào, "là anh không cần phải nói bất cứ điều gì cả". Nàng đã sánh vai Richard leo lên các bậc thềm pháp đình; thực ra, họ đã đi chung xe tới đây, vì một trong những đứa con của họ đã sử dụng chiếc Volvo của nàng rồi.

Vụ phân xử được lênh lịch đầu buổi sáng. Đến đón nàng lúc bảy giờ mười lăm, anh thấy nàng đang đứng chân trần trên bãi cỏ vòng xoay đường xe chạy vào nhà, cổ chân ngập trong sương. Nàng cầm đôi giày cao gót trong tay. Hình ảnh đó khiến anh bật cười. Mở cửa xe, anh nói: "Vậy là có nai trên đảo!"

Nàng đang mải lo nghĩ không hiểu kịp lời nói xa xôi của anh. Nàng hỏi. "Anh nghĩ em không đi vớ dài thì quan tòa có phiền không?"

"Cứ giấu chân em sau băng ghế của ông ta", anh nói. Anh cảm thấy hơi quay cuồng lảo đảo. Anh ngủ không được ngon, tuy rằng cái vai của anh không đau nữa trong một lúc nào đó. Nàng vào xe, mang theo đôi giày và cả mùi cỏ ướt. Nàng vẫn là người ưa dậy sớm, còn anh luôn dậy trễ. "Cám ơn anh về việc này", nàng nói, về vụ anh tới đón, và thêm, "Chắc thế."

"Anh thích vậy mà", Richard nói. Khi chạy xe tới pháp đình, nói chuyện về xe cộ và con cái, anh tự hỏi Joan bây giờ nhẹ nhàng đến mức nào; nàng ngồi phía đuôi mắt anh trông nhẹ như một chiếc lông, giọng của nàng mơ trán tai anh, lối nhấn nhá và ngữ điệu quen thuộc rất có nhạc tính và nghe loáng thoảng, như kiểu của một bản giao hưởng làm ta mơ mộng. Anh không còn trách cứ nàng nữa: đó là lý do của sự nhẹ nhõm. Suốt những năm ấy, anh đã trách nàng về đủ thứ chuyện: chuyện kẹt xe ở quảng trường Central Square, tiếng động âm vang trên chuyến tàu chở thư, độ chênh gữa hai cái giường họ ngủ. Không còn nữa: anh đã thôi không bắt nàng phải giữ vai trò toàn năng nữa. Anh đã trả tự do cho nàng, thoát khỏi khuyết điểm. Nàng đối với anh cũng như Gretel đối với Hansen, một sinh vật đồng diệu đang đi cùng anh dọc theo con đường trong khi bọn chim mổ những vụn bánh mì sau lưng họ.

Luật sư của Richard nhìn Joan với vẻ buồn bã quá lố. "Tôi hiểu hết, thưa bà Maple", ông ta nói. "Nhưng có lẽ tôi phải nói chuyện riêng với khách hàng của tôi".

Luật sư mà hai người đã chọn khác nhau một cách kỳ cục. Luật sư của Richard là dân gốc Ireland bụ con và trông luộm thuộm. Bộ đồ mùa hè màu nâu nhạt của ông ta thì lụng thụng còn cái bụng thì làm căng cứng chiếc áo sơmi, đúng kiểu một ông bố dễ chịu và tẻ nhạt. Còn luật sư của Joan thì nhỏ con, chải chuốt và đánh đồng mọi sự; ông ta mặc đồ ca rô và phát âm qua khoé miệng như những tay gạ bát độ cá ngựa. Mắt lấp lánh và hoạt bát ngay cả vào cái giờ còn ngái ngủ này, ông ta xuất hiện từ sau một cây cột của tòa pháp đình và kéo Joan ra xa. Cái đầu của nàng, hơi cao hơn ông ta, nghiêng qua để lắng nghe ông ta nói. Nàng lúm đồng tiền, ngoan ngoãn. Richard tự hỏi trong nỗi hoang mang: Phải chăng đây là loại đàn ông mà, qua bao nhiêu năm ấy, đã là kiểu mẫu thảm mơ ước của nàng?

"Luật sư của anh, thở hồng hộc, hỏi: "Nếu quan tòa yêu cầu đưa ra một lý do cụ thể cho vụ chia tay này - mà tôi không chắc là ông ta sẽ hỏi - chúng ta đang trong một tình thế chưa từng có trước đây thì anh sẽ nói gì?"

"Tôi không biết nữa," Richard ngẫm nghía đường hoa văn trên mặt gạch bông, như một con sóng nhỏ vỡ ra, giữa hai đầu mũi giày của anh. "Chúng tôi có những khác biệt về chính trị. Cô ấy thường bắt tôi dự những cuộc tuần hành đòi hòa bình."

"Có xô xát tay chân không?"

"Không nhiều. Không đủ nhiều, có lẽ vậy. Bộ ông nghĩ quan tòa sẽ hỏi những chuyện thế này sao? Đây là vụ *li dị không xét lỗi* hay cái gì khác đây?"

"Ở bang này, *li dị không xét lỗi* là chưa có tiền lệ. Về điểm này, Dick à, chính ta là người tạo ra nó. Tôi không biết ông ta sẽ làm gì. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng thôi."

"Được rồi, ngoài chuyện chính trị, chúng tôi còn không hòa hợp lắm về mặt tình dục."

Không khí giữa hai người đặc cứng lại; với bố anh cũng vậy, tình dục luôn là vấn đề rối rắm. Hơi thở ông luật sư nghe rõ một cách trầm trọng. "Vậy là anh sẵn sàng nói là có sự không hòa hợp về tình cảm và cá nhân?"

Điều này có vẻ không đúng lắm, nhưng Richard vẫn gật đầu. "Nếu tôi phải nói."

"Được rồi." Ông luật sư đặt bàn tay to bè lên cánh tay anh và siết lại. Tướng tá chật cẳng của ông ta, hơi thở nặng nề, cái vẻ cấp bách bồn chồn và vui vẻ gượng gạo, bộ đồ kiểu xưa và mớ hồ sơ kẹp trong nách cứ như những bảng phân công, tất cả tập trung thành một điểm: ông ta là huấn luyện viên, và Richard sắp sửa ghi bàn thắng ấn định tỉ số, làm một cú nhảy cầu cực khó, hay đánh trái banh đã cầu trúng tâm của lợt đánh với đủ ba góc sân đã vượt qua. Lên đường thôi.

Họ đi vào phòng xử từng đôi một. Căn phòng giản dị và trống trơn; phần viền khung cửa có chạm trổ được sơn màu xanh rừng. Các cửa sổ mở ra một con sông nhỏ đã đen thui đi vì chất thải công nghiệp. Chân dung các quan tòa quá cố từ trên cao nhìn chòng chọc xuống. Hai luật sư trao đổi với nhau, để mặc Richard và Joan đứng xớ rớ hai bên. Anh bày bộ mặt "Làm gì bây giờ?" ra với nàng. Nàng cũng bày ra bộ mặt "Không biết" với anh. Rồi nghe có ai kêu "Trật tự, trật tự," và quan tòa bước rất nhanh vào, miệng mỉm cười, lớp áo chùng của ông phát pho. Ông thuộc loại người nhỏ con sắc gọn với khuôn mặt hồng hào lịch lâm; khuôn mặt ông tuyên bố rằng ông hoàn toàn khoẻ mạnh, và sẽ chẳng bao giờ chết. Ông đứng và gật đầu với họ. Ông ngồi xuống. Các luật sư tiến tới thăm thì bàn bạc với ông. Richard chậm chạp nhích về phía Joan, vật thể sống duy nhất trong phòng không cự tuyệt anh. "Đó là một bức tranh khôi hài kiểu Daumier", nàng thì thào, ám chỉ màn kịch đang diễn ra trước mặt họ. Hai luật sư lui về chỗ. Quan tòa ra hiệu. Ông ta sạch bong đến độ nụ cười mỉm của ông cũng kêu lên chin chít. Ông chìa ra với Richard một tờ giấy; đó là bản chứng thư. "Chữ ký của anh đây phải không?", ông hỏi.

"Phải", Richard đáp.

"Và anh tin rằng, như trong đây có ghi, cuộc hôn nhân của anh gặp một sự sụp đổ không cứu vãn được phải không?"

"Tôi tin như thế."

Quan tòa quay sang Joan. Giọng ông mềm lại một chút. "Chữ ký của cô đây phải không?"

"Phải." Giọng của nàng là một tia xịt có tác dụng phục hồi sức khoẻ, đầy những câu vồng nhỏ xíu, trong khoé mắt Richard.

"Và cô tin rằng cuộc hôn nhân của cô gặp một sụp đổ không cứu vãn được phải không?"

Im lặng một lát. Nàng không tin điều đó, Richard hiểu như thế. Nàng nói "Tôi tin như thế".

Quan tòa mỉm cười và chúc cả hai người được may mắn. Hai luật sư giǎn người nhẹ nhõm, sau đó là hàng tràng những trao đổi vui vẻ trong nghề luật: tiên liệu về những vụ lì dị không xét lỗi trong tương lai, nhắc lại những ngày xưa của Alabama với tác phong nhảm lẹ. Họ quên hẳn vợ chồng Maple. Thùa thãi ngay trong buổi xử vụ lì dị của chính họ, Joan và Richard cùng bước lui ra khỏi phòng xử và đứng bên cạnh nhau, hoang mang chưa biết kế tiếp sẽ làm gì, cho đến khi sau cùng Richard nhớ ra việc cần làm; anh hôn nàng.

PHẠM VIÊM PHƯƠNG *dịch*

## NGÔI NHÀ SA THẠCH

**K**i ức đầu tiên của Joey về ngôi nhà mít mùng tựa đám mây, tựa bức ảnh cũ nhạt phai bởi sương, mốc. Suốt Chiến tranh thế giới lần thứ hai, gia đình hắn không có xe, phải đi xe thuê vào những dịp hiếm hoi khi cả nhà rời thành phố, rời ngôi nhà xây bằng gạch, nơi cha hắn làm việc, ra vùng ngoại ô; cậu bé mười hai tuổi là hắn lúc ấy rất xấu hổ bởi không thể nhìn qua cửa kính, chiêm ngưỡng cảnh quan mà luôn phải cố gắng mình kìm cơn say xe. Cậu chống lại những cú xóc, cú lạng; pha trong mùi nồng hắc của chiếc đệm cao su, mùi xăng sống, và cả bàn tay của cha cậu, nổi đầy gân, nhợt nhạt, yếu ớt, đang nắm cần số. Miền quê, dã qua nhiều dặm,

cứ lùi dần về phía sau. Những cánh đồng đơn điệu, lồi lõm, trũng nồng lúa mì, mờ mờ lượn lên lượn xuống. Con đường cao tốc rải nhựa vòng vèo lượn lên đồi, vượt qua nhà thờ đá lổn nhổn rồi trườn ra vùng đất bằng phẳng nơi họ từ từ rẽ trái xuống đoạn đường hẹp gập ghềnh, chiếc xe tròng trành mạnh. Chẳng có lấy một ngôi nhà nào trong tầm mắt. Không một dấu vết văn minh ngoại trừ dây cột điện thoại kéo mỗi một sợi dây đơn chiếc. Xe lại rẽ, lần này thì sang phải, xuống con đường nhỏ và bẩn hơn, rồi dừng lại và trong luồng không khí trong trẻo ập vào khi Joey mở cửa xe, màu xanh của thảm cỏ hơi ngả sang màu vàng nhạt, rực rõ đón chào cơn choáng váng, buồn nôn của cậu. Trong kí ức mơ hồ, hắn nhớ mọi người vào nhà; có nhiều người trong nhà, những người nông dân vận quần áo lao động, đi giày bẩn, rụt rè lùi lại khỏi lối họ đi, tựa những con vật. Có một mái hiên phía trước nhà, hắn nhớ rất rõ. Với lan can, được những phiến gỗ chạm trổ thật đẹp chống đỡ và một khoảng đất ẩn kín bên dưới, mọc đầy cỏ và cuội nhỏ. Khoảnh đất ấy là nơi gà có thể bới và chó có thể nằm thở hổn hển trong những ngày nóng bức, khoảng không gian ấy dễ chịu và quyến rũ đối với cậu bé ở vào độ tuổi đang trưởng thành của hắn.

Vào khoảng thời gian gia đình mua ngôi nhà với tám mươi hecta đất xung quanh và chuyển đến, hắn mười ba tuổi, hàng hiên phía trước được dọn đi, để lại khoảng trống giữa mặt tiền ngôi nhà và lối đi tráng xi măng; vạt đất được trồng hoa tulip, hoa lay ơn và một giàn nho. Khi đã trưởng thành, Joey không thể nhớ việc ấy xảy ra như thế nào và từ bao giờ, việc họ kéo đổ mái hiên cũ mục nát ấy. Nhiều mảnh của nó vẫn còn ở trong chuồng gia súc - những mảnh lan can và những cột chống bằng gỗ thông được chạm hoa văn trang trí. Một dạo hắn về mang một mẫu lên New York để giữ làm kỉ vật về một kiểu nghệ thuật dân gian. Mẫu vật khắc hình

hai vòng tròn lồng nhau đồng tâm và một lỗ nhỏ, giữa hai vòng tròn, hai khuôn hình được chạm sâu vào gỗ, một nom tựa mũi tên và một nom tựa con cá. Những vảy nhỏ nhiều màu khác nhau bong ra khỏi lớp sơn lót, đầu tiên từ thuở xưa. Mẫu vật, không hoàn toàn là nghệ thuật, nầm nghiêng trên mặt lò sưởi bằng phiến đá màu đen một thời gian rồi tìm đường ra nầm phía sau phòng để đồ cùng với những chiếc vợt tennít hỏng, những cuốn sách của trường cao đẳng và mấy cây đèn bàn mà có lẽ một ngày nào đó sẽ được thắp sáng trở lại. Giống mẹ, hắn do dự khi quẳng đi bất cứ vật dụng nào.

Nếu chính hắn, cha và ông nội đã đập hàng hiên thì hắn đã nhớ rất rõ công việc ấy như việc hắn đập đổ bức phên gỗ trát vữa ngăn hai phòng nhỏ ở tầng dưới, để tạo nên một phòng khách rộng lớn hay việc dỡ bỏ cái lò sưởi trong bếp bằng đá lớn và ống khói của nó xuyên qua căn phòng áp mái. Hắn nhớ mình đã lắng những viên đá lớn qua cửa sổ căn phòng ấy, hắn và ông hắn đẩy, cố không để kẹp phải tay, trong lúc cha hắn, mặt trắng bệch ra vì gắng sức, đang giữ sợi dây ròng rọc vắt tạm qua rui nhà. Một khi ra đến bụng cửa, những tảng đá nặng rơi xuống, chậm chạp một cách kì lạ khi được nhìn từ bên trên rồi dần đống lại tựa quả núi, công việc mùa hè của Joey là dọn đống đá ấy đi. Mùa hè đầu tiên ấy ở nông trại, hắn đã học được bài học giá trị lúc bước sang tuổi mười bốn: thậm chí nếu mỗi lần bạn chỉ cố xoay được một hòn đá duy nhất lên xe cút kít, rồi toát mồ hôi, lặc lè đẩy nó xuống vùng đầm lầy bên cạnh nhà thì dần dần toàn bộ ngọn núi cũng sẽ bị dọn đi. Cùng phương châm ấy, nếu một người khổng lồ mà cứ để phí hoài thời gian thì chẳng mấy chốc toàn bộ cuộc sống của hắn cũng sẽ đi tong.

Hơn bốn mươi năm sau mùa hè 1946 ấy, kể từ khi mẹ qua đời và cuối cùng ngôi nhà không có người sinh sống đã từ bỏ

khối tài sản được lưu giữ lâu đời của nó, thì bất chợt hắn thấy bức ảnh của mẹ lúc lên mười, chụp phía trước cửa. Ai đó dùng bút chì viết dòng chữ bay bướm - không phải chữ mẹ hắn, chữ mẹ gọn gàng, chân phương, hơi ngả ra sau - lên đằng sau tấm ảnh: *Chụp tháng tám 1914, phóng lớn tháng Tám 1917*. Ai đó hẳn đã rất thích bức ảnh chụp nhanh này nên đã phóng lớn và đính lên tấm bảng gỗ xám dày: ai?

Mẹ hắn, vận chiếc váy trễ eo, đi đôi tất đen, giày đèn, đế cao và lớn, mái tóc tết bím hất sang một bên vai, đang ôm cổ một chú chó, cõi trung bình, lai giống *côli*. Cả đứa bé lẩn con chó đều nhìn thẳng vào ống kính, hơi mỉm cười, đôi mắt mở to đầy tự tin. Cả hai đứng trên con đường bêtông vẫn còn đó nhưng chưa bị nứt; sau lưng là hàng lan can của hiên nhà, được trang trí bằng những hoa văn đơn giản, và một khóm hồng nhỏ đang trổ hoa. Con chó đã chết từ lâu, còn người đàn bà mới qua đời thì trông rất hạnh phúc. Hắn Joey không thể nhận ra mẹ mình nếu không nhờ mái tóc dày của bà - một cô bé chưa có ngực, vui vẻ đi đôi giày của một bà lão. Phía mép chuồng gia súc bên trái bà, mờ mờ do ảnh phóng lớn, là hàng rào, những cây cột không để lại vết tích gì, chỉ một vạt đất trơ trọi. Toàn bộ khu nhà đã bị dỡ bỏ - có lẽ đấy là lều chứa thuốc lá. Cỏ được xén quanh lối đi, hàng rào trông gọn gàng. Thuở ấy, nơi đây tựa một thiên đường riêng và vì thế nên bà cố quay về, mua lại ngôi nhà xây bằng đá sa thạch mà cha mẹ bà, sau khi cảm thấy kiêng đủ tiền từ lợi nhuận thuốc lá để nghỉ ngơi, đã bán đi trong lúc bà hãy còn thơ ấu, lúc vừa tốt nghiệp phổ thông cơ sở. Thuở ấy, mới mười hai tuổi, bà bị lôi tuột ra khỏi trường địa phương để gửi đi học xa, bà ghét chuyến đi ấy, ghét mọi chuyện, kể cả chuyến đi xe hàng tiếng đồng hồ đến Kutztown. Những cú xóc, mùi dầu xe và cả người đàn ông say rượu ngồi bên cạnh đã làm bà phát ốm.

\*

Bà yêu ngôi nhà cũ, yêu dáng vẻ của nó. Bởi hầu như suốt cả đời, trừ hai mươi năm đi xa lúc còn là thiếu nữ, để đến nhập trường trung học, rồi cao đẳng, kết hôn với người bạn trai bà quen nơi đó, rồi đi khắp nơi với chồng cho đến lúc cuộc khủng hoảng đã tước đi nghề du lịch của ông và sinh cho ông một cậu con trai ngay vào thời điểm nước sôi lửa bỏng nhất của cuộc khủng hoảng, lúc cả gia đình sống với cha mẹ bà trong ngôi nhà tại thành phố gạch - ngoại trừ hai mươi năm này, hạnh phúc luôn sống trong bà. Qua thời gian háo hức tìm kiếm, bà đã khám phá ra là ngôi nhà sa thạch được xây vào năm 1812. Thuở ấy, hàng đoàn thợ nề, thợ cát đá đi khắp miền quê, xây dựng những ngôi nhà ở các trang trại tại Pennsylvania này theo kiến trúc cực kì đơn giản. Nền nhà hình vuông, cát góc theo la bàn. Hướng Nam mở tối đa để đón nắng; cửa sổ hướng Đông trổ về phía mặt trời mọc; còn cửa sổ phía Tây hướng ra mặt trời lặn. Những phiến đá được đeo sắc cạnh để tôn độ nét của góc tường. Giàn giáo vững chắc được dựng lên từ những cây xà xuyên qua bức tường dày gần một mét, những lỗ đặt giàn giáo sẽ được bít lại bằng những viên đá vuông, rộng một tấc khi bức tường được xây xong và giàn giáo được tháo ra, từ trên xuống. Vữa xây, được trộn bằng vôi từ lò nung và cát dưới đáy suối, trát kĩ vào kẽ đá. Mặc dù việc nâng những phiến đá lên đặt vào vị trí của chúng là phi thường, nhưng kì công trong việc bẩy đá lại diễn ra ở bãi khai thác. Phần đá sa thạch lộ thiên thì kết dính chặt, vô dụng bởi nắng mưa, nhưng dưới đất, phần đá tốt hây còn ngủ yên, được cẩn thận cắt phiến bằng những mũi khoan, mũi nêm và xà beng rồi được đâm ngựa kéo đi trên những cỗ xe có bánh hoặc xe trượt. Thỉnh thoảng, một chiếc xe vỡ tan bởi độ nặng của phiến đá. Nhưng những chuyến tiếp theo vẫn tiến lên tựa đợt

thủy triều của dòng sông băng trong thời băng tan cuối cùng ở điểm xa gần mút phía Nam, đã để lại những lớp đất đá trầm tích rải rác trong khu vực - nhiều hecta đất bị vùi trong đá; những khối đá lớn chồng chất lên nhau khiến cây cối không thể đâm chồi, mặc dù xung quanh những đụn đá ấy là rừng bao phủ; những hố nước cằn khô đã hấp dẫn và cuốn hút biết bao tâm hồn ở thế kỉ mười chín từ mọi nơi háo hức đến chiêm ngưỡng sự sắp đặt của Chúa trên vùng đất.

\*

Bởi do nhạy cảm và hen suyễn nên Joey đã rời khỏi ngôi nhà thành phố chung bức tường gạch nơi hàn có thể cảm nhận được sự ấm áp - nơi hàn có thể nghe qua bức tường phòng ngủ tiếng những người hàng xóm sột soạt khi hàn thức giấc, tiếng bình sữa được đặt trước cửa và tiếng những chiếc xe lọc xọc khi lạng qua góc dãy nhà - đến những bức tường đá dày cảm lạng được tô một lớp vữa, bồi thêm lớp giấy dán tường cũ; nền lò sưởi và cả lò sưởi thô ráp như kiểu lò sưởi thường được thấy ở những ngôi nhà miền quê; ngôi nhà như thể là nơi cư ngụ của sự lạnh lẽo và ẩm ướt của tự nhiên. Cái nóng mùa hè xua hàng đàn nhện, cuốn chiếu, kiến, mối ra khỏi những khe nứt. Mùa đông đầu tiên trong ngôi nhà ấy, trước lúc cái lò sưởi dầu được lắp ở tầng trệt, cái bếp dầu trong phòng khách là nơi cung cấp nhiệt duy nhất. Joey nhớ rất rõ cái bếp ấy; nó được sơn màu nâu sôcôla, có mấy cái chân hơi cong, đặt trên mảnh vải tráng amiăng bắt chước hình thớ gỗ. Hắn cuộn mình trong chăn ngồi hàng tiếng đồng hồ trên chiếc sofa bọc da bóng, lốm đốm sát bên cái bếp. Do chứng cảm lạnh kinh niên của mình nên hắn đã nghỉ học nhiều ngày; hắn không thích điều đó bởi ở trường ấm hơn, có vòi nước và toilet đội. Đám con gái thì mặc váy dài xếp nếp, áo len xù, tất lật cạp, chúng thuộc thời

hiện đại, thời văn minh. Hắn bám lấy nề văn minh bằng cách đọc: ngồi co ro trong bầu không khí ngập mùi khói dầu của cái bếp màu nâu, hắn đọc đủ thứ - P.G.Wodehouse, Ellery Queen, John Dickson Carr, Thorne Smith - những thứ ấy gợi nên không khí của các thành phố và giúp hắn thoát ra khỏi ngôi nhà đá bé nhỏ lạnh lẽo, ẩm ướt này.

Mẹ hắn với vẻ hài lòng, thư thái khi nhớ về mùa đông đầu tiên ấy, lúc hàng loạt những gian truân đã được vượt qua. "Lúc ấy thật sự gian khổ, mẹ nghĩ, đối với tất cả mọi người: con thì bị bệnh rất nặng, ba con thì phải vật lộn với chiếc xe Chevrolet cà tàng chúng ta có được ấy để đi làm; còn với ông bà thì đây là một sự thất bại thảm hại. Việc quay trở lại nông trại sau khi ông bà đã bỏ đi, ông bà cứ ngồi mãi trong xó nhà như những đứa bé nhưng mẹ thì thật sự hạnh phúc khi trở về đây. May mắn khuân vác đã làm vỡ một tấm kính lớn ở cửa trước và vì lí do nào đó mà suốt mùa đông đầu tiên ấy chúng ta không cố thay mà chỉ dùng một tấm ván bịt ra ngoài chỗ vỡ. Thật không thể ngờ nổi, làm sao mà cả nhà có thể sống sót". Rồi bà cười vang khi tiếp tục nhớ: "Chúng ta cố nhóm lửa lò sưởi phòng khách nhưng số củi gia đình Schellenbarger để lại trong tầng trệt là gỗ cây du đã mục, còn cái lò sưởi ấy thì không hề được thông ống khói, ngay cả tổ của lũ én cũng không được dỡ bỏ đi. Khói tràn ra khắp phòng, mẹ chẳng thể nào hiểu được nguyên nhân. Nếu soi đèn pin lên ống khói thì ta chỉ thấy nó méo vẹo đi.

Dẫu sao thì Joey dường như nhớ rõ lúc hắn lên cầu thang, đặt chân xuống sàn gỗ cứng, chộp nhanh bộ đồ đi học rồi mặc nguyên đồ ngủ chạy vội xuống cầu thang hẹp - các bậc thang đã bị mòn vẹt nơi bước chân của nhiều thế hệ đặt lên, đầu đinh nhô ra, sáng bóng, nguy hiểm - đến thay đồ phía trước lò sưởi, nơi những cây gỗ đang cháy nứt tanh tách. Không khí tầng trệt lạnh giá liếm vào da hắn tựa những ngọn lửa lạnh,

tựa những cuộc đối thoại vô tận của cha mẹ hắn, cứ kéo dài cho đến lúc dễ biến thành cãi vã rồi bình tĩnh trở lại trong lúc hắn tập trung, nếu hắn ở nhà, vào cuốn sách. Ông hắn có giọng nói đầy nghệ thuật, kiên nhẫn và lưu loát; bà hắn ít nói và chỉ âm ừ khi trả lời. Mẹ hắn, không giống như đa số những người lớn khác, không thể rời được ông bà mà cứ bám riết lấy với những câu chuyện và những lời than phiền cũ rích, tựa người nào đó cứ cộng mãi vài phép tính quen hết ngày này sang ngày khác, hi vọng tìm ra một đáp số khác. Trong lúc đó, Joey đang ốm, cuộn người ngồi bên bếp, nghe những lời đối thoại nặng nề dội vào tai như thể mùi dầu nồng nặc xộc vào mũi; nhưng suốt năm năm ấy (chỉ năm năm!) sống trong ngôi nhà sa thạch với bốn người lớn, tâm trí hắn luôn hướng về nơi khác - trường học và tương lai. Hắn cố phớt lờ những chuyện diễn ra xung quanh. Ngôi nhà, thậm chí sau khi được sửa sang, xây lò sưởi, lắp điện thoại, dán giấy mới, những căn phòng đẹp hơn, thì vẫn làm hắn khó chịu.

\*

Hắn chưa bao giờ thấy khó chịu hơn cái mùa hè trước, lúc gia đình chuyển đến và mua chiếc Chevrolet cà tàng ấy. Chiến tranh vẫn tiếp diễn, vùng Thái Bình Dương cũng có chiến sự. Nhiều lần mẹ đã bắt hắn đi cùng, đón xe buýt đến nông trại thuộc quyền sở hữu của gia đình. Bên phía dọc theo con đường bà quan sát thấy nhiều cây thông trồng quanh rìa nông trại rộng lớn bị gió quật gãy; bà và Joey mang theo cây giống trong hộp, cuốc xép, kéo xén và thùng tuối nước - tất cả mớ dụng cụ tầm thường ấy được mang bởi một người đàn bà đứng tuổi, mặt đỏ gay và một thằng bé ốm nhách, tai vểnh ra, vận bộ đồ lao động bằng vải trúc bâu thô ngắn cũn cỡn. Mẹ hắn mặc chiếc sơmi kẻ giống áo đàn ông, đội cái mũ rơm rộng vành, đeo

yếm và quần bảo hộ lao động màu xanh nhạt; trông bà như thể là người sắm vai nông dân trong một cảnh phim hài ở Hollywood. Trong xe buýt không còn chỗ để cuốc xêng; bác tài xế phải đút chúng vào ngăn hành lí, rồi phải dỗ xe lại dọc đường để đưa trả những dụng cụ ấy. Thật dễ chịu khi chiếc xe lại chuyển bánh về phía Nam, hướng Washington, rồi biến mất sau khúc cua trên đường cao tốc.

Joey và mẹ mang dụng cụ bước xuống con đường hẹp, bụi bặm. Chưa lúc nào hắn lại xấu hổ như lúc ấy nên hắn thề là sẽ chẳng bao giờ lặp lại một chuyến đi như thế. Hắn không thể trách mẹ, hắn vẫn rất cần bà, vậy nên hắn lâu lâu về cái nông trại ấy - cánh đồng thì lồi lõm, mù mù sương, hơi nước đậm phấn hoa làm hắn chảy nước mắt và hắt xì hơi; ngôi nhà bằng đá sa thạch nhỏ của nông trại nom tựa một khối đường vuông màu nâu đang tan trong bầu không khí nóng bức, tan trên sườn đồi bên dưới vườn táo già cỗi dở sống dở chết. Công việc kéo dài qua trưa, đến chiều họ đã dọn được khoảnh đất nhỏ bên rìa nông trại, nơi vụ lúa mì cuối cùng của gia đình Schellenbarger đang đậm những chồi xanh yếu ớt lên từ cuống rạ, cắt hết những bụi kẽ, đám dây leo hoang độc và những khóm kim ngân, rồi đào hố, đặt những cây thông non cao chừng một tấc ruồi xuống, tưới nước ướt hố đất cát màu hung đỏ. Rồi cứ cách vài bước, hai mẹ con trồng tiếp một cây khác; Joey, từ hố tiếp theo, đã không thể nhìn thấy cây vừa mới trồng bởi nó đã lâm trong đám cây cổ rậm rì. Công việc thật vất vả. Nhưng khi những làn gió nhẹ buổi chiều thổi đến, hắn nghe được âm thanh tinh <sup>lý</sup>hiết của vùng đất yên tĩnh mà không thể nào tồn tại nổi trên những con phố thân thương của hắn trong khu nhà gạch chung vách. Cứ độ một tiếng đồng hồ thì có một chuyến xe chạy qua, mọi người tò mò nhìn người đàn bà và cậu bé ăn vận nửa nông thôn nửa thành thị trên cánh đồng. Hắn cảm thấy mình như một người hùng trong

việc đi bộ, mang cái xô tưới rỗng đi dọc theo bờ cánh đồng ngô chừng ba trăm mét đến ngôi nhà trống có cái bơm nước bằng sắt gỉ ở sân sau, rồi xách cái xô quay lại, bây giờ nó nặng như xách một tảng đá.

Hắn cảm thấy mình can đảm. Không gian của lòng düng cảm tồn tại nơi này; ý nghĩa tồn tại của hắn đã được chuyển sang hệ đo mới. Hắn quyết định gây bầm được ấn tượng với mẹ - để chiếm lấy tình cảm bởi ở đây, nơi nông trại này lần đầu tiên hắn cảm nhận được rằng rõ ràng mẹ yêu cái gì đó ngang với yêu hắn.

Cuối cùng, đám cỏ dại ngả những cái bóng dài lên nhau, những cây thông tí hon đã được trồng hết trên vạt đất cằn bên đường, đã đến lúc quay lại con đường hẹp, bụi bặm để đợi chuyến xe buýt từ Washington chạy vòng qua khúc cua. Phải một tiếng nữa mới có xe, họ chong mắt nhìn đợi chuyến xe trên đường cao tốc sẫm đen rồi ruột gan hắn quặn lại bởi ý nghĩ hai mẹ con bị nhỡ xe và bị bỏ lại. Nhưng điều ấy chẳng thể nào làm hắn nhụt chí mảy may, bởi lẽ hắn đã dần tiến tới tâm trạng hợp tác đầy thách thức, với tâm trạng đó hắn xấu hổ đến đần mặt ra và phải đóng một lúc hai vai: một người kiên cường chịu đựng gian khổ và một người thủ vai hài, cùng đóng vai chính với bà mẹ đội mũ rơm rộng vành và các phụ tá cao lêu nghêu mặt nhọn là mấy cái xén cỏ và cuốc xẻng. Nhiều năm sau, mẹ cùng hắn cứ phì cười khi nhớ lại chuyện ấy; kí ức về những chuyến đi cực kì nóng bức để trồng một hàng cây mà hầu hết không thể mọc do bị chèn bởi những bụi cây ké và đám dây leo bìm bìm hay bị đốn gục trong khoảng thời gian một, hai năm sau bởi những lưỡi dao xén cỏ vô ý.

Nhưng vẫn còn vài cây, độ sáu, bảy cây gì đó, vươn cao lên bên lề đường - những tán cây bù xù nom cao hơn cánh buồm tàu, dung đưa theo chiều gió. Vào khoảng thời gian ấy, con đường bụi bặm, đã được rải đá dăm, suốt ngày ầm ầm xe cộ.

nhưng tuyến xe buýt đến Washington đã bị bỏ từ lâu, bởi không mang lại lợi nhuận.

\*

Năm năm sau cái tháng Chín, khi cả nhà chuyển đến ấy, Joey vào trường cao đẳng. Hắn hầu như không quay lại nhà. Hắn lập gia đình vào năm học cuối rồi chuyển đến New York sau khi tốt nghiệp. Một trong số những niềm tự hào của mẹ hắn, sánh ngang với việc xem nông trại như một thiên đường, là việc mong mỏi hắn trở thành nhà thơ; hắn dốc hết khả năng để đáp ứng nhiệm vụ thiêng liêng ấy bằng cách đăng ký làm việc cho một hãng quảng cáo và miệt mài quên mình tìm kiếm những cụm từ hoa mỹ, giật gân - có thể hơi thô thiển, miễn là kích thích mọi người chịu dốc hầu bao - mang lại cho họ sự thích thú, được gợi lên bởi sự bí ẩn trong những dòng chữ, hình ảnh bịa đặt, để tiêu xài. Công việc này giống thơ ở chỗ người thực hiện chỉ cần một chút gì may mắn và hắn đã có nó mà không phải phàn nàn gì cả. Hắn chẳng bao giờ vác xép đáp chuyến xe buýt ấy lần nào nữa.

Nhiều sự vật đã tồn tại hằng bao thập kỷ nay dần dần đổi thay, cùng với chúng là các con số trong tài khoản ngân hàng của hắn và những ngôi nhà hắn từng trú ngụ. Cuộc hôn nhân đầu tiên của hắn kéo dài qua ba căn hộ, cuộc thứ hai tăng đến bốn, còn cuộc ngắn ngủi thứ ba thì chỉ có một và bây giờ hắn tự hỏi liệu đời hắn có còn tìm thấy được người đàn bà nào nữa không. Hắn luôn nghĩ về điều đó, về cảnh đàn ông, đặc biệt là những người gọi hắn nhớ lại người cha hiền lành, không hề mở miệng ta thán lấy một lời. Nhưng vào thời gian đó, những năm tám mươi của đại nạn AIDS, tóc hắn đã chuyển từ màu muối tiêu sang trắng xóa và hắn dự định sống quãng đời còn

lại với những cuốn sách, chồng đĩa CD, sổ tài khoản và bộ sưu tập nghệ thuật hiện đại ít ỏi, pha lẩn ý đồ kinh doanh nhạt nhẽo với sự thu mình lạnh lùng. Phía bên kia mây bức tường trắng trong căn hộ của mình, hắn có thể nghe những tiếng lầm rầm và tiếng động nhẹ của những người hàng xóm. Hắn thích những âm thanh ấy. Vào những năm năm mươi, hắn đã chuyển đến sống trong ngôi nhà chung vách.

Cách ba tiếng đi xe, người mẹ goá bụa của hắn sống một mình trong ngôi nhà sa thạch. Joey là người đầu tiên ra đi. Vài năm sau, ông hắn chết bất thình lình như bị sét đánh, rồi sau một năm liệt giường, bà hắn cũng qua đời. Ngôi nhà thừa một phòng trên gác nên khi Joey cùng cô vợ đầu và mấy đứa con nhỏ về thăm nhà vào những năm sáu mươi, thì không phải ngủ đất hay ghế sofa bị vẩy bẩn bởi bánh quy giòn kẹp bơ đậu hàn thường ăn khi ngồi đọc sách trong những ngày xa xưa ấy. Trên gác có hai phòng ngủ, cửa đã có thể đóng mở và phía đầu cầu thang có hành lang nơi hắn từng ngủ ở đây suốt năm năm, nằm nghe bốn người lớn ngáy và trở mình trong lúc hình ảnh của những cô gái, những lời cầu nguyện và mở đầu của những bài thơ cứ xuất hiện lộn xộn trong đầu. Ông hắn, cứ sáng tinh sương đã xuống cầu thang, luôn cúi xuống vuốt nhẹ mái tóc của thằng bé đang ngủ; rồi khi bà và cha Joey xuống, thì những âm thanh của bữa sáng vọng đến hắn cùng với mùi bánh mì nướng, mùi ấm áp của cuộc sống đầm ấm len qua lớp ván sàn lạnh lẽo bằng gỗ thông mềm.

Còn có căn phòng thứ tư, một phòng nhỏ nằm ở góc tây nam, nơi mẹ hắn chào đời trong cơn khai sinh quằn quại kéo dài - Joey hình dung cảnh ấy: một cây thánh giá xù xì, mây ngọn đèn lập loè, ấm nước bốc hơi, bà đỡ đến bằng xe độc mã... tất cả đã đưa mối quan hệ giữa mẹ và bà thành như thế đấy là một tội lỗi lớn, một sự kết dính kéo dài vô ích trong nỗ lực đòi hỏi sự bền bỉ. Mẹ hắn chăm sóc bà suốt khoảng thời gian dài

của căn bệnh bại liệt, nhưng không phải lúc nào cũng ân cần hay dịu dàng, rồi cuối cùng khi bà qua đời, mẹ hắn vẫn còn lí do để ca cảm. "Mẹ đã dâng hiến hết cả đời", mẹ hắn kết luận. "cố làm bà hài lòng nhưng chẳng bao giờ có được điều đó".

Bực mình bởi sự lặp đi lặp lại những lời lẽ tự bi kịch hoá ấy, Joey hỏi: "Thế bà có nói ra điều đó không?"

"Không, nhưng con phải hiểu bà. Bà không bao giờ ta thán bất cứ điều gì".

"Không giống như mẹ của con", hắn nói với vẻ chế giễu pha nịnh nọt.

Mẹ nghe được giọng châm chọc của hắn. "Ư, mẹ kế thừa cái tài tán dóc của ông", bà thú nhận. - "Thực sự, đấy là điều tai hoạ. Nếu người ta cứ huyên thuyên suốt thì sẽ không còn biết mình phải làm gì nữa".

Căn phòng thứ tư ấy đã trở thành phòng tắm, có bồn tắm nhưng không có vòi hoa sen, có chậu rửa mặt nhưng không có tủ để đồ. Kem đánh răng, kem chống nắng, kem bôi tay, dao lam, nước súc miệng, những bánh xà phòng dính bết vào nhau... tất cả dồn hết lên bệ cửa trung, nhìn ra những tấm ván lợp thăm đèn của mái nhà phía sau. Sau khi cha hắn qua đời, vào đầu những năm bảy mươi, ngôi nhà dần dần mất đi sức mạnh tự đào thải những thứ tích tụ. Trong suốt khoảng thời gian gia đình cư ngụ, bắt đầu bằng việc dỡ bỏ mái hiên, bức tường ngăn trong nhà và ống khói, đến bây giờ nó đã chật như nêm; gác xếp, tầng hầm, bệ cửa sổ đầy ắp các đồ lưu niệm được mẹ hắn giữ lại trong suốt đời bà.

Với lập luận rằng phải cho mèo hoang ăn thi lũ chim mới khỏi bị ăn thịt, bà đã cho một con mèo hoang ăn ở hiên sau; dần dần con mèo ấy đẻ nhiều mèo con đến nỗi, ngôi nhà đã có đến chừng bốn mươi con. Nhà bếp trả nên chật chội bởi những thùng thức ăn của mèo, rồi tại một chỗ trong rừng. dằng cuối của lối mòn nhỏ, nơi mọc đầy những cây phúc bồn tử, một

ngọn núi những hộp đựng thức ăn mèo rỗng nhô cao. Máy đưa con của Joey gọi nó là Núi Thiếc. Những tờ tạp chí, đống bưu phẩm cũ, những cuốn kinh nhỏ nằm rải rác khắp mặt bàn, ghế, đang đợi bó lại đưa xuống nhà kho. rồi ở đó chờ chuyến xe giấy sắp đến của các Hướng Đạo Sinh. Những bức ảnh của Joey, con và những người vợ, thiếp chúc mừng Giáng Sinh, mừng lễ thánh Valentine (ngày 14 tháng 2) của họ hàng và hàng xóm gửi tặng chất đống khắp mọi xó xỉnh, nom như thể một loài rêu. Thậm chí cả cái bàn, nơi mẹ hắn ngồi ăn cũng chỉ có đủ không gian để đặt một cái cốc, đĩa đặt cốc và một đĩa thức ăn. Joey cảm thấy ngôi nhà như đang co hẹp lại như chính trái tim mẹ mình - phim chụp mạch vành cho thấy điều đó - đang bị vít kín bởi chứng xơ cứng động mạch, và hai lá phổi thoi thóp đậm đang chứa đầy nước.

Những lần về thăm của hắn, qua nhiều năm, dường như làm phong phú thêm kho tích luỹ ấy. Hắn đỗ xe cạnh kho, bước lên những bậc đá được giữ nguyên hàng mấy chục năm nay (trong khi cây đại dương cầm bị hỏng phải dùng xà beng chống) đã bị cát bụi phủ đầy và cả đám cỏ đại yếu ớt. Trên hiên sau, hàng dàn mèo mẹ, mèo con meo meo đòi ăn. Lúc đi qua cửa sau, hắn cố không hít phải mùi ôi của thức ăn mèo và hộp catton thối. Tại những khoảng ngăn riêng trên sàn, mẹ hắn cất những chiếc hộp rỗng, những túi nilon siêu thị gói hàng cho bà, một đống những tờ catalogue đặt mua hàng qua đường bưu điện và cả mớ dây dợ bùng nhùng trong cái xô tráng kẽm. Joey nhận thấy việc tích giữ này mang tính mê tín mà chính bản thân hắn cũng có phần dao động với niềm tin rằng mọi vật đều có giá trị của nó. Lũ chim trên cây, doa hướng dương bên hàng rào vườn cây ăn quả, những tấm thiếp chúc mừng của đám cháu chắt, bà con xa nhân các ngày lễ từ nhiều năm trước... tất cả có một giá trị mà ở vào một thời điểm nào đó, nó tương đương với một khoản tài sản

lớn. Đây là cách quảng cáo cho cuộc sống thực sự sung túc của người sở hữu chúng.

Trên ngưỡng cửa, hắn có thể nhận được nhiều nụ hôn, rồi mang vali lên gác, vượt qua con chó; con cuối cùng trong bầy chó đồng đúc ấy là một con chó cái lai, gầy guộc chạy lảng xăng vì háo hức khi thấy có người đến nhà. Phòng khách trở thành buồng ngủ của cha mẹ hắn. Khi chồng qua đời, mẹ hắn chuyển đến căn phòng cũ của ông bà hắn, sát căn phòng nơi bà được sinh ra. Joey nhận thấy việc di chuyển ấy như có lí do từ tín ngưỡng kì lạ mà chẳng liên quan tí gì tới nghi lễ Thiên Chúa Giáo. Hắn nhớ cái cách bằng một kiểu nghi lễ kì lạ của tín ngưỡng kì lạ đó, ngay hôm sau ngày chết của bà, cha mẹ hắn mang chiếc chiếu bẩn, thấm đầy nước tiểu của bà ra dốt bên cạnh đống đá hắn vứt dồn lại, khói bốc đèn ngòm bầu trời suốt cả buổi sáng.

Còn đây, trong phòng khách, buổi tối, không có bà vợ nào vỗ về, chăm sóc, hắn lại vật vã với từng hơi thở. Chiếc giường gỗ ghê đến nỗi làm lưng hắn đau. Cái gối nặng trịch và cứng ngắc. Nền lò sưởi bằng đá sa thạch chưa từng được sử dụng chắc đang toả mùi ẩm ướt khắp phòng như ngoài trời. Chim chóc, dơi và chuột hắn đang trở mình trong những bức tường rỗng, và những tiếng động của mẹ, hắn là bà đang buông màn bên kia bức tường mỏng, rạn nứt. Mẹ thức hay ngủ? Và cả hắn nữa? Hắn chỉ có thể thoái mái thực sự trong ánh bình minh, khi con chó đánh thức mẹ dậy, bằng cách đưa vuốt cào cào lên những tấm ván xù xì, rồi cả hai từ từ bước mạnh chân xuống cầu thang, tiếng mở hộp bắt đầu lách cách theo nhịp đều đều trên những nắp hộp thức ăn của mèo vọng từ tầng dưới lên.

Vì lí do gì đó mà phòng khách không có rèm, trong đêm tĩnh lặng, mặt trăng chiếu lên những bộ cửa rộng như thế thúc giục hắn, giục hắn quay về với khoảng đời mà toàn bộ cuộc sống trưởng thành của hắn mãi hòng xóa bỏ. Bệnh hen

suyễn, hậu quả của những dǎn vặt, cǎng thǎng nội tâm, thường không quá nặng - vào hai đêm đầu hǎn có thể ngủ từ năm đến sáu tiếng - nếu hǎn có thể bỏ quay về New York ấm cúng, đầy đủ tiện nghi. Nhưng vào những dịp nghỉ cuối tuần dài, hǎn phải vật vã để qua đêm thứ ba bởi bụi bẩn và phấn hoa ngập đầy phổi, bởi cái gối cứng ẩm mốc, bởi ánh trǎng ngoan cố và cả lời buộc tội trong màu trǎng bạc cảm lặng của nó.

Hǎn hình dung mẹ và hǎn, đang nằm mõi người mõi giường là những người còn sống sót sau bữa đại tiệc đã từng được tổ chức trong ngôi nhà. Cảnh tượng như thế, trên một ngọn đèo tuyết, đoàn người phải giết và ăn thịt lẫn nhau và bây giờ một trong hai người còn sống phải tiêu diệt kẻ còn lại. Mẹ hǎn đã vào độ tuổi mười lăm cũng bị bệnh về đường hô hấp, phải ngủ gối lên hai cái gối chồng nhau. Đêm nọ bà khẽ gọi đánh thức hǎn dậy, "Joey, mẹ không được khỏe. Hãy mặc chiếc áo khoác cũ của ba rồi xuống tầng dưới với mẹ".

Hǎn thức giấc, cái đầu trống rỗng như ánh trǎng. "Chúng ta có gọi đến bệnh viện không?"

"Đừng. Mẹ chỉ cần ngồi dậy thôi. Con biết cái áo khoác ấy ở đâu rồi, nó treo dưới chân cầu thang".

Chiếc áo được treo ở đó trong nhiều năm nay, đấy là một trong số những chiếc áo cũ mà cha hǎn chắc đã tìm mua được ở các cửa hiệu hay kho chứa đồ cũ. Joey thường xuyên thấy cha mặc nó, trong năm cuối cùng của đời cha, khi chân ông ngả sang màu trǎng bợt, bị viêm tĩnh mạch, mũi ông chuyển sang màu xanh nhạt, máu tuần hoàn chậm, mắt ông cứ lặn sâu, sâu hơn nữa vào hốc và tai ông trở nên điếc đặc. Nhưng đến phút cuối, cha hǎn vẫn ngẩng cao đầu, thiết tha với thế giới bằng tâm hồn của một học giả. Từng làm giáo viên môn khoa học xã hội, ông vẫn tiếp tục đọc những cuốn sách dày về lịch sử đương đại và viết cho Joey, qua một trong số các lá thư

hiếm hoi của ông, bằng nét bút của một ông giáo mẫu mực, ôm đau bệnh tật, rằng bệnh điếc đã giúp ông dễ dàng hơn trong việc tập trung.

Joey thầm hỏi tại sao mẹ lại quá quan tâm đến cái áo, nhưng đã vâng lời mặc vào. Trong bóng tối, chiếc áo trông là lạ, rộng so với cơ thể hắn bởi cha to hơn hắn nhiều. Mẹ đã đúng; một khi đã mặc nó ra ngoài bộ pijama, hắn lại trở thành con nít, bình tĩnh và tự tin. Họ xuống tầng dưới, bật máy suối rồi cùng nhau ngồi trong phòng khách mờ tối, hắn ngồi trên ghế sofa, còn mẹ thì ngồi ở ghế xem tivi của bà; hắn nhìn mẹ trầy trật thở, từng hơi thở đứt quãng, ngắn, tựa hơi thở pháp phồng tuyệt vọng của con chim bị kẹt trong ống khói.

"Mẹ có khó thở lắm không?", hắn hỏi.

Bà không đủ sức trả lời mà chỉ lắc đầu. Không, rồi lại gục xuống thở hổn hển như thể đang cố ngoi lên mặt nước. "Nó như thể", bà nói đứt quãng, "đang bị bóp nghẽn".

"Mẹ có chắc là không cần đi bệnh viện không?"

Bà lắc mạnh đầu. "Chúng có thể làm được gì? Ngoại trừ việc tra tấn con người ta".

Thế là hắn ngồi yên, trong chiếc áo khoác của cha, chổng lại cơn buồn ngủ, lòng thầm hỏi liệu mẹ có chết ngay trước mắt mình không. Con chó, thoát tiên đã cuống quýt bởi phải thức dậy trước lúc bình minh, thở khò khè rồi lại nằm xuống sàn. Ánh trăng yếu ớt rơi qua khung cửa vào phòng, in hình những cành phong lữ thảo, violet và những cụm hoa xương rồng được để mọc tự do, đến nỗi cành của chúng giằng đầy cửa sổ. Vai mẹ hắn đỡ căng hơn, bà bảo hắn về phòng, bà muốn ngồi ở đây thêm lát nữa. Khi đã già, mẹ hắn hầu như luôn gắn với chiếc ghế riêng của bà. Trong lần về thăm trước, bà đã làm hắn ngạc nhiên bởi bà từ chối về phòng khi chương trình hài kịch tivi buổi tối làm bà thất vọng đã hết; bà cứ mặc nguyên quần áo ngồi như thế suốt đêm. Việc ấy làm hắn bức mình,

phát cáu với cách hán hỏi bà: "Với mẹ chúng gần gũi hơn là con sao?"

Bà không phủ nhận. "À", bà đáp: "chúng luôn ở đó"

Giờ đây, khi cơn nguy kịch của bà đã qua, hán ngoan ngoãn, không miễn cưỡng nghe theo lời mẹ. Hán lên gác và cảm nhận rằng một tiếng đồng hồ vừa qua ấy là khoảng thời gian gần gũi tuyệt vời nhất mà hán đã trải qua với mẹ trong ngôi nhà. Đối với Joey, lúc đang mặc chiếc áo khoác quá cõram ráp của cha, lặng im quan sát mẹ cố thở và con chó hết chạy lui rồi lim dim ngủ và khóm hoa xương rồng đang ngả những cái bóng loằng ngoẳng lên bệ cửa sổ, vươn qua chiếc đèn được trang trí bằng chùm tua chỉ, qua chiếc piano; thì chúng như thể một trong số những cảnh tượng ta đã chứng kiến thuở thơ ấu, dưới cái bàn hay qua rìa cái giỏ, chẳng hiểu gì cả ngoại trừ những xung lực lớn đang dịch chuyển quanh ta, đã tồn tại một động lực mạnh chưa được nhận thức nhưng nhờ nó mà ta - những đứa trẻ - trong khoảnh khắc đã được chở che.

\*

Khi cơn khó thở tiếp theo của bà xảy ra, hán không ở đó, bà gọi hàng xóm rồi người ta gọi xe cứu thương thành phố đến vào lúc năm giờ sáng. Trong số những lời bà nói về chuyện "tra tấn", bà dường như tỏ vẻ biết ơn sự chăm sóc của bệnh viện. "Họ bảo mẹ xanh quá, máu mẹ không tải đủ oxy". Dần dần bà miêu tả những bác sĩ trực cấp cứu đã thọc mạnh dụng cụ gì đó dọc theo cổ họng vào phổi mình.

Đồ tẩm của bà màu ngọc lam với đường viền lai màu hạt dẻ; bây giờ bà đặt quần áo qua catalogue và thích những màu sắc sỡ. Với mái tóc bạc trắng xoã trên gối, mấy ống dẫn ôxy

đính vào mép tựa bộ ria, cái vòng nhẫn dạng buông chùng xuống cổ tay, trông bà thích hợp với việc đi dự lễ hội, tinh táo và đầy nữ tính. Suốt ngày, nhiều người đàn ông trẻ tuổi, mặc đồ đã được khử trùng đến chăm sóc bà, cắt móng tay và hỏi về việc tiêu hoá của bà. Ruột của bà, đấy là điều khiến Joey xấu hổ nhưng lại là đề tài ưa thích nhất đối với bà. Nhìn chung, nội tạng bà không còn tốt bởi sự suy yếu của cơ thể. Phương pháp mà cha hắn dùng để đối phó lại với những việc mà theo Joey đấy là những cơn bốc đồng vô tận của mẹ, bao gồm cả việc chuyển gia đình về sống ở nông trại, bằng cách nói: "Bà ấy đúng là đàn bà. Mẹ con là một người đàn bà đích thực. Ta có thể làm gì được cơ chứ?" Ông nhún vai rồi thỉnh thoảng nói thêm: "Lẽ ra ba nên đưa mẹ lên sân khấu hài".

Lập luận ấy như thể một trong những trò đùa đau khổ và kiêu ngạo; nhưng giờ đây vẻ nữ tính của bà, mà cha Joey và cả Joey cũng bị thói đóng đảnh của những cô vợ chế ngự, lại khiến hắn bối rối. Trong chiếc váy dài đã sờn hơi nhéch nhác, trong dáng vẻ yếu ớt và thái độ biết ơn khi nhận sự giúp đỡ, trong thần thái toát lên từ cơ thể đã suy sụp, nữ tính đã hiện diện trong trí bà. Bà kể cho hắn nghe chuyện của những năm đầu trong cuộc sống gia đình tại Pittsburgh, "Cái gã bác sĩ Langhorne ở đại lộ thứ sáu ấy, khi mẹ đến khám bởi những cơn đau trong ngực mà mẹ không hiểu nguyên nhân, đã bảo mẹ cởi hết quần áo. Chà, mẹ tin hắn và rồi hắn cứ đứng chăm chăm nhìn mẹ mãi hồi lâu rồi nói: "Cô không béo phì". Đó là tất cả những gì hắn nói.

Trước khi sinh Joey, bà tin chắc rằng mình không thể làm nổi một điều bình thường như thế, việc có thai và sinh con, như cách giải thích của bà; bác sĩ Mull đã già, phải quát để bà trấn an nỗi sợ, ông điều trị cho bà theo cách một phụ nữ bình thường chứ không phải là sản phẩm quái quỷ như cách mẹ của bà than vãn; ông là người nổi danh với tư cách là một thầy

thuốc về tâm lí tình dục tài ba và đã khiến bà từ bỏ ý nghĩ cố chấp của mình. "Ông ấy bảo mẹ không được nói nǎng vớ vẫn nữa mà phải tin vào tự nhiên, mẹ đã nghe lời ông ấy và kết quả là được một cậu con trai xinh xắn!" Joey bỗng nhiên hiểu ra rằng, bản thân hắn, như hắn đã hình dung là được mẹ hài lòng bởi những phẩm chất và được mẹ yêu hơn chính bản thân bà, bây giờ là một bằng chứng sống cho thời xuân sắc của bà.

Rồi bà kể lại, trong những ngày gian khó của thời kì Đại Khủng Hoảng lúc hắn hãy còn bé xíu, bà đã để hắn ở nhà cho ông bà trông nom và lái chiếc xe cà tàng đi làm tại quầy bán mì ở bách hoá tổng hợp của thành phố. Mẹ bị gãy một cái răng, phải trồng lại và phần gắn phía trên của cái răng giả ấy không thật khớp, nó gây khó chịu, rồi ngày nọ mẹ không lắp răng lúc đi làm nên, đã bị tay quản lí - ngài Wertheimer - trừng trị nghiêm khắc. Hình ảnh cái răng gãy của mẹ, cái lỗ đen ngòm nho nhỏ phô ra trong nụ cười của người đàn bà trẻ dường như cũng đầy quyến rũ như ý nghĩ của hắn về thân hình mảnh mai hấp dẫn của người bán hàng là mẹ thuở ấy. "Ôi những ngày tươi sáng của tôi". bà thốt lên, "mẹ có thể bán bất cứ thứ gì. Nhưng rồi vào thứ hai, người ta lại mang hàng đến đòi đổi lại. Như thế mẹ đã mê hoặc họ. Ông Wertheimer bảo thật rầy rà, chỉ tại *khéo quá*".

Nhưng không phải tất cả mọi ngày trong đời bà đều tươi đẹp, bà bảo Joey. Bà đã trải qua nhiều giai đoạn khốn khổ, người ta đã đập căn hộ của bà trong vòng ba mươi sáu, bốn mươi tám tiếng, điều ấy đã khiến hắn nhớ lại hình dáng cơ thể mẹ, người của mẹ cong trùm lên đời hắn tựa bầu trời, hắn đã có thể rời bệnh viện, về thành phố tìm nơi thư giãn cả thể xác lẫn tinh thần. Alton với khu ngoại ô đông đúc, thành phố hắn yêu như mẹ hắn đã yêu cái trang trại ấy, bởi vì nó đã hàn trong hắn những kí ức đầu tiên, thuở tâm hồn hắn hẵn hắt còn trắng tinh như tờ giấy. Hắn ăn tại những buồng ăn vách bằng

nhôm, mỗi buồng vẫn còn chiếc máy hát cá nhân tự động; mua hàng tại các quầy dân dụng, các bộ phận hay trộn bộ một thiết bị nào đó để thay thế cho các vật dụng đã hư hỏng trong ngôi nhà sa thạch; một chiếc máy hút bụi thay chiếc Hoover cũ của mẹ, có một bóng điện nhỏ phía trước nom hệt như chiếc tàu điện đồ chơi của hắn khi chạy vòng quanh cây thông Noel. Hắn cắt tóc tại hiệu; nơi có radio đang mở và tiếng một đứa bé đang gào dâu đó trong phòng, có cái cột xoáy tròn ốc nhô ra phía trước; mà hắn nghĩ là đã biến mất bởi những cửa hiệu như thế đã biến khỏi New York. Nhiều năm sau, đứa trẻ nhỏ là hắn đã dập vỡ cái nắp sứ dậy trên thùng dội toilet, mảnh vỡ văng khắp nơi. Bây giờ cứ mỗi lần về thăm mẹ, hắn mang ra thành phố một hộp catton đựng các mảnh vỡ, bám đầy bụi, màng nhện giăng dây sau nhiều năm ngự trên gian phòng áp mái; để duy trì việc bảo dưỡng ngôi nhà, đã quá tải, ám khói, thì không một kẻ ưa châm chọc nào lại quay về đào bới trong kho đồ chạm trổ cũ để kiếm vài đôla, mấy cái nắp cũ dự trữ chưa sử dụng, hoá ra là lại vừa khít. Hắn cứ cố. Alton dần mất đi tiếng tăm và nhiều cơ xưởng từ dạo hắn hay còn bé và xuất hiện trên bản đồ bang Pennsylvania chỉ bằng một dòng chữ bé hơn, nhưng nó vẫn là nơi sản xuất và lưu thông hàng hoá, nơi tội lỗi vẫn có quyền được hưởng sự trung thực của tội lỗi. Hắn vẫn tin vào biểu tượng chiếc cổ áo xanh của thành phố in trên đồ nhựa, máy móc và các dịch vụ sửa chữa, một niềm tin khiêm nhường mà đã làm hồi sinh tất cả các chuyến đi trước đây của hắn trong chuỗi hình ảnh lướt qua - những dòng quảng cáo, những phác họa, những tòa nhà lớn.

Nhưng cuộc sống, dốc cạn đáy, còn lại gì ngoài sự suy sụp? Sau một tuần, bệnh viện đã hút sạch phổi của mẹ hắn và bây giờ các chuyên gia về tim muốn phẫu thuật phục hồi chức năng tim bởi đó là nguyên nhân gây phù phổi cấp. Các tấm phim chụp cho thấy động mạch vành bị hẹp lại gần như tắc

hắn. "Ôi Joey - Mẹ có thể đi bất cứ lúc nào", bà thốt lên với hắn sau khi biết các kết quả khám nghiêm. Bà đưa ngón trỏ và ngón cái cầm tấm phim chụp đưa cho hắn. "Tệ hơn họ nghĩ". Bà đang ngồi trên ghế, tóc xoã, một bên vai lộ ra bởi nút thắt của bộ đồ bệnh viện tuột lỏng. Nét mặt bà nom như thế nét mặt của một bé gái, tất cả những đường nét nhoc nhần của một bà lão đã tan biến. Cuộc đời lúc gần gũi lúc xa cách của họ đã được chuyển sang cung bậc khác, trong những khoảnh khắc bên nhau ở bệnh viện, mẹ và con trai dường như đơn thuần là một người đàn ông và một người đàn bà, cả hai có nhiều tóc bạc hơn tóc đen, đang tham khảo ý kiến của nhau bởi chẳng còn một ai khác có thể đưa ra được lời khuyên có giá trị, còn tồn tại trên thế gian này.

Trước những vướng mắc của hắn, bà không muốn làm phẫu thuật mở tim, chỉ tại việc này sẽ gây khó khăn cho hắn, phí tổn, khám nghiêm, đi di về về Philadelphia. Hắn cố che giấu những vướng mắc và thuyết phục mẹ phẫu thuật để sức khoẻ phục hồi, dẫu bà đã ngoài tám mươi. Bà nói, miệng phác điệu bộ chế nhạo giống như cha bà khi đề cập đến các chính khách của quận: "Đi nhiên, *người ta* sẽ chữa khỏi. Bệnh nhân trả tiền vì điều đó. Đây là việc của chúng nó giống như tổ tiên chúng nó, duy chỉ món hàng rao bán là có khác đi. Chúng cứ chuyển mẹ từ nơi này đến nơi khác; nhưng mẹ vẫn chưa gặp một tín đồ Thiên Chúa giáo nào".

Trong khoảng cách cận kề với thần chết, khi những phẩm chất phụ nữ phúc tạp tan đi thì cảm hứng chống Do Thái là một trong những điều nổi trội. Bà không thể thấy những bác sĩ Do Thái nổi tiếng xử sự như những đấng cứu nạn, cứu khổ mà chỉ là những kẻ cơ hội và bóc lột. Thậm chí bà còn đùa với một bác sĩ trẻ, dè mến, chuyên khoa tim về vai giả làm người Palestine của bà: "Anh đã đẩy tôi đi khỏi làng tôi", bà nói. Joey nao núng: người vợ thứ ba của hắn, người ngắn ngủi

nhất, là người Do Thái, cô và mẹ hắn dường như đặc biệt quý nhau; bây giờ hắn tưởng tượng những tình cảm chưa được nói lên lời của mẹ trong những năm ấy, tựa như ai đó nhìn thấy con cá vàng hiện ra qua những trang cổ tích. Vào những ngày ít hồn nhiên hơn của mình, bà dường như nghĩ rằng, đám bác sĩ và bầu đoàn thê tử của họ ("có một gã béo, giống hệt như Danny Thomas đến cắt móng tay cho mẹ; con nghĩ việc ấy sẽ được tính thêm vào hoá đơn là bao nhiêu?") đang âm mưu tống khứ bà ra khỏi ngôi nhà sa thạch và tám mươi hécta đất vô giá của mình - rằng bà là vùng lãnh thổ mà họ muốn chiếm giữ và phát triển. Cứ một ngày ở lại bệnh viện là một ngày ngôi nhà sa thạch bé nhỏ lại thôi thúc bà hơn: "Để mẹ về nhà", bà nài nỉ Joey.

"Và rồi ngộ nhỡ có chuyện gì?"

"Rồi thì chúng ta sẽ thấy chuyện gì đến". Mắt bà mở to nhìn hắn, miệng bà, khi phát âm ra mấy chữ "chuyện gì đến", trông rất giống miệng một đứa bé đang bướng bỉnh vòi vĩnh. Nhưng, bất chấp các ý kiến bàn bạc chân tình, bất chấp các thoả ước đầy nhiệt thành thì cả hai đều biết rõ rằng bà là một minh tinh màn bạc, trong khi đó hắn chỉ là một tay nhặc vở quèn, dấu cho thời của hắn rồi cũng sẽ đến, tựa những đốm sáng chiếu lên bà. Bà là sân khấu trung tâm trong vở kịch này, mà bất kì ai cũng biết điểm mút xung đột của nó.

\*

Sáu tháng sau, bà mất trong bếp, ngay dưới căn phòng nơi bà được sinh ra, theo các nhân viên điều tra, hai người hàng xóm Mennonite và Lutheran đã kiên nhẫn cả ngày mới tìm thấy xác bà và phải mất thêm mười hai tiếng nữa mới liên lạc được với hắn theo số điện thoại phòng riêng. Hắn đi làm về

muộn. Mãi nửa đêm hắn mới đến được ngôi nhà cũ. Chìa khoá cửa đã bị mất từ lâu, trong những ngày tươi đẹp sau khi gia đình dọn đến. Lúc mẹ hắn có việc phải đi xa hơn một ngày thì bà khóa cửa từ bên trong rồi ra ngoài bằng cửa hầm rượu. May mắn hàng xóm biết điều đó và khoá lại như thế khi cái xác được đưa đi. Joey không mang đèn pin theo; sau khi đỗ xe cạnh nhà kho, hắn đi đến cửa hầm rượu thấp thoáng trong ánh trăng rồi lẩn bước đi trong hầm tối theo trí nhớ. Cái cột chống ở đây, còn kia là đồng thùng sơn. Cha hắn và hắn đã tráng xi măng nền hầm này trong một ngày làm việc cuồng cuồng khi ba mét khối xi măng trộn sẵn được xe tải chở đến. Đạo đáy hắn chừng mười lăm, còn cha hắn thì ở vào khoảng cuối bốn mươi. Nền tầng hầm của những ngôi nhà cổ ấy rất bẩn, lớp đất sét đỏ của miền này chỉ hơi cứng lại và khi những bức tường móng thấm ướt vào mùa xuân, nền đất chuyển sang bùn. Cha hắn bàn bạc với cảnh thợ xây, rồi đặt mấy tấm ván để làm khung nền lò sưởi và đào cái rãnh thoát nước trên lớp bùn, chẳng mấy sợi dây đo độ bằng, nhưng những việc chuẩn bị ấy sẽ hoá thành công cốc nếu vấp phải sự đong đếm của vừa xây diễn ra quá chậm vào lúc sáng sớm của ngày thứ bảy. Dùng cào, xéng, bê và bay họ rải đều vữa ra ở những góc xa, dưới chân cầu thang, dày đến miệng ống thoát nước. Mặt cha hắn trắng bệch vì phải dốc hết sức như thể lúc ông vật lộn với những tảng đá của ống khói lò sưởi trong nhiều năm trước, cuộc thử thách cứ tiếp tục diễn ra dưới ánh sáng của mấy bóng đèn tròn, chạy đua cật lực với thời gian và vật liệu; khi lớp vữa cứng dần, đang đẩy nước trồi lên bề mặt thì nó phát lên những âm thanh đặc biệt từ dưới mặt đất và cả mùi đá đặc trưng nữa. Sàn nhà khi được lướt xong, đẹp tuyệt vời, sau cái ngày lao động vất vả ấy, nó mịn màng, phớt xám và bằng phẳng đến nỗi hầu như không còn một vũng nước nhỏ nào đọng lại sau khi giội nước qua. Thỉnh thoảng, trong dòng hồi

tưởng nhạt nhoà, như thể còn có một người thứ ba ở dưới tầng hầm ấy với hai cha con, một người thợ xây chuyên nghiệp bối lẽ khó có thể nghĩ rằng, cha và hắn, một thầy giáo và một nhà thơ tương lai, lại có thể tráng được cái nền nhà hoàn hảo đến thế. Nhưng nếu có một người như vậy, thì đấy chỉ là sản phẩm từ trí tưởng tượng của Joey, bởi sự ganh đua với cha, trong ngày gian khổ ấy, chiến thắng bệnh tật, làm công việc của một người đàn ông. Hắn sắp trở thành một người đàn ông, còn cha hắn thì đang già từ tuổi trai tráng, đây là công việc đầy tham vọng cuối cùng mà hắn đã thực hiện trong ngôi nhà.

Trong bóng tối đen ngòm của tầng trệt, đôi giày thành thị của Joey lần đi trên sàn nhà bằng phẳng, đặt lên những bậc thang; hắn đẩy cánh cửa thông sang nhà bếp loang lổ ánh trăng. Một thân hình lông lá ấm áp rên ư ử chồm mạnh lên người hắn và hắn nghĩ mẹ hãy còn chưa chết. Nhưng đấy là con chó, nó ngậm chặt tay hắn và cứ ư ử mãi như thể đang kể cho hắn nghe câu chuyện dài, chuyện về những giờ phút nó ở nhà một mình với chủ, với cái xác lạnh ngắt, không cử động, với cơn đói của loài chó và sự bối rối.

\*

Mọi thứ được thu xếp. Một trong số những người vợ cũ của Joey, Peggy, đã lập gia đình lại ở ngoại ô Connecticut, đồng ý nhận nuôi con chó. Bầy mèo thì cứ vài ngày một lần, một người đàn ông từ Hội Nhân đạo quận đến bầy bắt đi xông hơi ngọt, cứ gào thét tuyệt vọng trong lồng. Joey xếp dống những cuốn tạp chí, catalogue, thiếp mừng Giáng Sinh rồi bó lại bằng sợi dây lấy từ trong xô, mang ra nhà kho, đợi chất lên xe tải của người láng giềng Mennonite để đưa ra bãi rác. Máy cậu bé Hướng đạo đã lâu khêng còn đến nhặt giấy và chai nứa; chúng

không còn giá trị bởi ta có thể thấy hàng đống quăng khắp nơi. Khi gia đình tập hợp đông đủ, Joey làm mọi người kinh ngạc bởi khả năng nhớ kí diệu của mình; hắn phân chia đồ đạc và đồ gia bảo cho các con, các bà vợ, người bán đấu giá địa phương và cả người bán đồ cổ.

Còn bản thân, hắn chỉ giữ lại những món đồ nhỏ, xưa cũ, gợi nhớ lại thời thơ ấu của mình trong ngôi nhà gạch trước lúc chuyển về nông trại - một con hổ bằng đồng đặt trên chiếc piano, từ lúc hắn đang theo học những bài vở lòng về piano; một cái bàn chải đánh xi cong, hắn nhớ ông nội thường dùng đánh bóng đôi giày cao cổ trước khi đi dự lễ ở nhà thờ Tin Lành. Hắn giữ mấy cuốn vở cao đẳng của cha, được cất trên gác xép, với nét bút tròn tria của một giáo sinh cần mẫn. Hắn giữ bộ *Shakespeare*, bìa màu hạt dẻ đã sờn, bị đâm một lỗ găm thủng nham nhở vài trang.

Mẹ hắn lúc còn trẻ là người buôn bán đồ lót, tất và đồ trang sức phụ nữ, bỗng trở nên gần gũi với hắn trong vài chục năm lúc bà đã già. Những món đồ bạc, ngọc lam, ngọc bích và những món hàng hiệu *Art Deco* không đắt tiền của những thập kỉ hai mươi, ba mươi, với một số lượng đáng kinh ngạc, là bằng chứng cho một nhu cầu rất phù phiếm, xa hoa của thói chuộng đồ trang sức. Rất nhiều mũ di nắng của mẹ hắn thật khó để quăng đi, nhưng chẳng một ai trong số các phụ nữ có mặt muốn lấy chúng. Hai đứa con gái Joey đang phân loại quần áo. Hắn không đủ can đảm để chạm vào hay vứt bỏ những chiếc váy dài treo trong phòng để đồ, hàng tá quần áo treo sát nhau theo trật tự thời gian của các kiểu mốt cũ, cả chiếc áo khoác mùa xuân viền lông cáo, cổ của chiếc áo, kì lạ thay hắn nhớ rất rõ, những sợi lông màu hung đỏ đầu đen ram ráp của nó cứ sát vào mặt hắn khi được mẹ cõng trên lưng.

Trong nhà chứa dụng cụ, nơi cha hắn để lại một khôi tài sản thảm hại gồm những ốc vít, đinh gỉ được xếp gọn gàng

trong mấy cái bình và những dụng cụ tẩm dầu, một nửa trong số ấy đã gãy, xếp đống trên mặt ván có chân mục nát, cũng còn những dụng cụ cổ xưa mòn vẹt như thế là đồ do người tiền sử tạo ra: một viên đá màu hồng dạng hình chữ nhật rất cổ được mài nhọn ở hai đầu, hơi oằn lên tựa bánh xà phòng bởi mục đích sử dụng; một cái cuốc hình vuông theo kiểu cổ, lưỡi thép đã bị mòn lõm vào và bị mẻ bởi đã nhiều lần cuốc phải đá. Số dụng cụ mòn vẹt ấy hẳn đã không thể nào được sử dụng chỉ trong vòng bốn mươi năm lúc cả nhà chuyển đến, mà phải được nhiều thế hệ lao động chuyên tay, những dụng cụ ấy đã di chuyển qua khắp vùng này, còn sót lại sau bao lần đổi chủ và dừng lại trong bàn tay thiếu kiên nhẫn của hắn. Trông chúng rất linh thiêng - tựa lối chữ cổ mà chưa từng có một ai khác giải mã nổi. Hắn là người cuối cùng của dòng họ từng cuốc một luống su hào, từng mài sắc lưỡi xén trong lúc đứng ngập chân giữa đám cỏ ẩm ướt, lá lướt cao đến đầu gối của vườn cây ăn quả.

Bà con và hàng xóm nói những lời chia buồn dịu dàng, nghiêm trang như thể hắn sắp quy xuông vì gánh nặng của nỗi buồn. Hắn biết quan hệ giữa hắn và mẹ là thứ quan hệ kì lạ, có lẽ là khác thường, bởi thực tế, giữa hai người luôn tồn tại một nỗi sợ là chưa thật gần gũi nhau. Tại sao lại buồn? Mẹ đã già, ốm đau, gầy gò. Nửa năm cuối đời, bà đã quá yếu không di nổi đến hòm thư, không bưng nổi một thùng thức ăn mèo hoặc kéo một bụi cây kẽ; đã đến lúc, chết là ân huệ cuối cùng ta ban cho thế giới, là khoản thuê cuối cùng ta trả. Suốt đám tang, duy nhất chỉ một lần hắn khóc, hoàn toàn bất ngờ, lúc đang ngồi trước gia đình đông đúc, lõm nhôm của hắn, khóc một cách thoái mái, trong khoảnh khắc, tiếng khóc bật ra không một tí cố tình hay gượng ép nào cả. Cách hắn độ một tầm tay với, chiếc quan tài gỗ đỏ màu anh đào yếu ớt ánh lên trong ánh đèn, hắn đã chọn từ cửa hàng ở tầng trệt của người

bán hòm cách đây ba ngày. Chiếc quan tài gỗ được ghép mông sít sao, bóng loáng, chẳng mấy nữa sẽ được đem vùi xuống đất - vùi luôn cả sự trang nhã của nó một cách lãng phí. Mẹ hắt nầm đó nhưng trong tâm trí hắt lại hiện lên một bóng hình khác, thoát thai từ những hình ảnh thời xuân sắc của mẹ, một phụ nữ trẻ, dong dỏng mặc bộ đồ xanh màu nước biển, cổ áo viền trắng, đi làm việc tại bách hoá tổng hợp của thành phố, cố đón cho kịp chuyến xe buýt điện. Một dạo bà hào hứng nhớ lại: "Ô, người ta phải chen nhau mạnh làm sao. Nếu bị trễ chuyến đó thì phải chờ đến hai mươi phút mới có chuyến khác. Lúc ấy thì chỉ còn biết kêu trời," bà cười vang.

Nước mắt hắt cứ trào ra như dập nước vỡ bờ, không thể kìm nén bởi xót xa, thương cảm trước cảnh người phụ nữ trẻ chậm chân ấy đang chạy băng qua những dãy nhà ở Pennsylvania, dưới tán cây, cố đuổi kịp chiếc xe điện, thế giới của những năm ba mươi xác xơ, lạnh lùng quanh bà, những chiếc cổng có mái che, rặng cây tú cầu giữa mùa hạ xanh biếc, nhưng con người xinh xắn ăn vận tử tế ấy lại không còn nhiều thời gian, chưa biết tương lai của mình, cái chết và nồng trại hãi còn vắng xa trong tâm trí. Rõ ràng đây là người mẹ hắt hàng yêu quý, người phụ nữ trẻ sống với hắt và nhiều người khác trong ngôi nhà gạch chung vách, một người phụ nữ của thế giới, phải tự lắn lộn ngay từ thời còn son trẻ. Suốt chiến tranh, bà làm việc trong nhà máy sản xuất dù, quấn một dải băng quanh đầu như những phụ nữ khác, lúc ấy, bà đã mập tròn như họ, tụ tập và tán gẫu trong giờ ăn trưa, khi hắt có việc gì đó, đi xe đạp vào cổng hậu đến gặp mẹ. Bà không thích họ, những người phụ nữ bối chát ấy, hắt biết, nhưng lúc đó bà phải chan hòa với họ, cùng làm việc với họ: dòng hồi ức lại khiến hắt trào nước mắt, thuở ấy, lúc lên mươi hay mươi một, hắt rất tự hào về mẹ. Bà cố sống như một con người đúng nghĩa, và bà đã thực hiện được điều đó. Có điều gì đó thật kì lạ

và vĩnh cửu trong hồn hăn trước hình ảnh mẹ đuổi theo chuyến xe. Hăn nhớ, trong những năm đầu tiên đến sống ở trang trại, mái nhà bị hỏng, đang được nhóm thợ lợp lại và họ chưa hoàn tất nốt phần còn lại trong đêm mưa bão. Tiếng cây đổ rãng rắc, ánh chớp, cha mẹ, ông bà Joey thức giấc và hăn dẫu hây còn bé cũng choàng tỉnh dậy, đến bây giờ vẫn cứ ước ao được thức giấc và giúp đỡ; mọi người xách xô chạy xuống chạy lên cầu thang tầng áp mái để cứu lớp giấy dán tường và trần nhà bên dưới. Có tấm vải dầu trong nhà kho có thể che được khoảng hở; hăn thấy mình ra khỏi nhà, dưới trời mưa xối xả và hăn giữ lại hình ảnh người mẹ chạy băng qua thảm cỏ trong ánh chớp loé sáng, soi tó bắp chân trắng ngần. Mẹ chưa đến bốn mươi, hây còn rất khoẻ; có lẽ cha cũng lưu giữ hình ảnh chợt thoáng qua ấy; tất cả toát lên vẻ tươi tắn, một sức khoẻ hoàn hảo.

Cứ theo dòng hồi tưởng, sau cái chết của mẹ, trong số quà tặng được gìn giữ suốt cả đời bà. Joey thích cuốn album giữ những bức ảnh thuở con gái lúc bà còn học cao đẳng. Nhiều bức chụp bà cùng với đội hockey, với câu lạc bộ di bộ đường dài. Dùng chiếc kính lúp, hắn ngắm vẻ mặt nghiêm nghị đầy quyết tâm, tóc được cột thành hai búi ở hai bên đầu và một dải băng quấn quanh. Mặt bà đường như hơi nhỉnh hơn mặt của các bạn gái, khoảng hình bầu dục chõ lông mày là rộng nhất, vẻ cương nghị hiện rõ trên nét mặt. Khi hắn ngồi thốn thức bên cạnh chiếc quan tài màu đỏ, mấy người vợ cũ và những đứa con lớn lo lắng liếc trộm nhìn hắn, một người phụ nữ trẻ chạy đuổi theo chiếc xe buýt điện, hụt hơi, hổn hển thở trong tiếng cười chế giễu, hình ảnh ấy sống động, ăn sâu tựa bức hình quảng cáo cũ dã hằn sâu trong kí ức. Hình bóng người mẹ chạy xuống đường, rồi xa hắn, kéo thành vệt dài tựa cái đuôi của một hành tinh nhập nhoà, hình ảnh mẹ trong những năm hắn còn thơ dav - cùng vẽ bằng bút chì với hán trên sàn

phòng khách, may những bộ đồ Halloween cho hắn theo kiểu của các quái vật Disney, để hắn nhắc cái mẹ gọi là "váy" của bụi cây mọc trên thảm cỏ khi bà lia cái liềm cũ qua gốc chúng - nhưng từ cái nhìn của bà, dường như hắn cảm nhận được trong đầu bà ý tưởng về bản thân và về đứa con bé nhỏ, một sinh vật non nớt chưa đủ sức tự vệ, nói năng líu ríu, về những cảm xúc do dự trong tâm trí và bản năng khi bà - thấy mới mẻ trong cuộc đời làm mẹ bởi đứa con đang trưởng thành - phát hiện ra giới hạn ngăn cách giữa họ. Trên căn phòng áp mái, hắn tìm thấy cuốn vở giấy màu xanh nhạt dán các mẫu giấy tờ, được bảo quản cẩn thận, lưu giữ những dòng chữ đầu tiên của hắn, ngày tháng hắn bắt đầu bò, giấy khai sinh ở bệnh viện có in hai bàn chân bé xíu giẫm lên mực của hắn. Những cái bồn tắm. Đầu gan cá thu. Số điện thoại của bác sĩ, chữ kí trong những cuốn tạp chí trẻ em, mấy chiếc áo len bà đan. Cố làm những việc chân chính, những việc bình thường, chạy đến nông trại, đến cái chết của bà. Hình ảnh mẹ đang chạy trong tâm trí hắn rất rõ, nhanh và nhỏ bé tựa một con thú bị đặt vào thước ngắm đầu mũi súng. Đây là người mẹ Joey yêu quý, người mẹ trước lúc họ chuyển đi, trước lúc bà bỏ rơi hắn để theo cái nông trại và ngôi nhà sa thạch trên vùng đất.

Mệt mài, hăm hở đầy thù hận, hết dịp nghỉ cuối tuần này sang cuối tuần khác, hắn dọn sạch ngôi nhà - không nối điện thoại, để mặc tay bán đấu giá dọn sạch căn phòng áp mái, tống khứ cái tủ lạnh, và lò sưởi với giá vài đôla mỗi cái, trên chiếc xe tải bị sa lầy trên thảm cỏ mùa đông nhão nhoét. Với chiếc máy hút bụi mới. Joey tấn công những căn phòng trống, hút sạch đám bụi lưu cữu nhiều năm giữa những khe hở của ván sàn, quét sạch những lớp mạng nhện chồng chất trên tường, trần nhà. Công việc này mới thoả lòng làm sao, hết phòng này sang phòng khác, hắn không phải dọn lại. Joey phát hiện ra rằng đã từ lâu đâu chỉ có mỗi mình mẹ hắn

ở nhà trong lúc lũ mèo cứ meo meo và loanh quanh ngoài hiên thì cả một bộ tộc nhà chuột, từ năm này qua năm khác, hết tổ tiên đến cháu chắt được nuôi dưỡng bằng hạt hướng dương, vỏ tích thành đống to tướng tràn đầy ra cả cái thùng đặt phía sau tủ đựng li tách bằng gỗ thông ố bẩn cạnh góc tường và kề sát ngăn đựng khăn lau bát đĩa trên bệ rửa chén của nhà bếp. Hắn đặt bẫy bẫy chuột, dùng cả thuốc d-Con, rồi kì cuối tuần tiếp theo hắn nấm đuôi những cái bị kẹp chết cứng quẳng xuống đầm lầy nơi những tảng đá của ống khói, tro chiếu của bà hắn đã hòa lẫn vào trong vòng chuyển lưu vĩnh hằng của đất.

Ngôi nhà cổ có những chiếc tủ kì lạ được xây chìm vào bức tường đá dày, chúng chứa đầy ắp những thẻ thư mục thư viện của cha hắn, ghi đầy những chú thích khó hiểu, và một tập những tờ phiếu hình bầu dục ở trường trung học cũ, những cái hộp nhỏ đựng bút chì cùn ngòi và mấy cục tẩy đã cứng ngắt lại, bộ bài từ những ngày xa xưa khi hắn cùng chơi với cha mẹ trên bàn ăn. Thoạt tiên, hắn khó có thể cầm hết những con bài, mười sáu con xoè trên bàn tay bé nhỏ rồi sụt sịt khóc khi được chia phải những con bài xấu và bị thua. Một khi đã đến nông trại thì cả gia đình cứ chui mũi vào bộ bài. Có mấy con thú nhát người của trò Play-Doh do mấy đứa con Joey tự thiết kế, mớ lọ hoa xinh xắn không được dùng đến, những cái chén của hiệu Bloomingdale gửi đến như một món quà tặng hú hoạ, chồng album theo kiểu cũ bọc lụa, đính những chiếc gương mờ mờ ngoài bìa, đựng những bức chân dung của tổ tiên đã cứng lại mà hắn không thể nào phân biệt nổi. Suốt nhiều năm, mẹ bảo hắn để bà nói tên của từng bức ảnh và giải thích mối quan hệ với hắn nhưng hắn không quan tâm và giờ thì bà không còn để yêu cầu nữa, còn tổ tiên hắn thì cứ tự do phiêu bạt, vô danh, tựa những thiên thần.

Có nhiều chuyện bà muốn kể cho hắn nhưng hắn không

muốn nghe. "Mẹ không thích ba ở điểm nào?" Một dạo hắn hỏi mẹ khi bà đang nói về cha hắn bằng giọng mệt mỏi, bệnh hoạn.

Ngồi trên ghế xem tivi của mình, sức khoẻ và trọng lượng của bà thật là lãng phí bởi chỉ có miệng và đầu óc hoạt động, bà kể cho hắn nghe về quãng đời trẻ trung đầy lãng mạn của mình. Bà từng đi học ở ngôi trường làng độc có một phòng - khi bà qua đời, hắn tìm thấy bức ảnh chụp đám học sinh với ông giáo béo đẫy, râu ria xồm xoàm, khuôn mặt trẻ thơ rạng rỡ của mẹ hướng thẳng về ống kính với một bím tóc tết nặng trĩu. Trong số học sinh, có một cậu tóc đen, mắt đen, người bà mến và người đó cũng quý bà. Nhưng cha mẹ bà không tán thành "nguồn gốc xuất thân" của cậu ta và kể cả vài người bạn mắt đen sau đó mà bà đưa về giới thiệu. Mãi đến khi người cha mắt xanh lơ, tóc bạch kim của Joey đến thăm nhà thì họ mới đồng ý. Ông bà thích ba con và ba con cũng quý ông bà. Mẹ rút ra điều này từ ba con, không một người đàn ông nào lại có thể vui vẻ sống ngần ấy năm của cả đời mình với gia đình nhà vợ. Ông ấy thực sự ngưỡng mộ bà của con, một mẫu người phụ nữ bé nhỏ. Bé nhỏ nhưng đầy uy quyền - ông ấy ngưỡng mộ họ. Ông nghĩ họ có thể kiếm ra tiền cho ông. Đây là sự thật, bà là người hái ra tiền. Bà thức dậy lúc trời hãy còn tối, đánh xe ngựa đi chợ Alton. Khoản lợi tức thuốc lá mà ông bà sống dựa vào lúc tuổi già là kế hoạch của bà. Nhưng khi đã ngưỡng mộ bà thì không có lí gì để lấy mẹ. Mẹ to. Đây là sai lầm mà cả ba lần mẹ đều biết. Ba mẹ biết điều đó ngay ngày đầu tiên của tuần trăng mật". Joey thường nghe mẹ bình luận về những người đàn bà nhỏ con, về ưu thế thượng phong họ có để chiếm đoạt đàn ông từ tay những người to lớn như mẹ, những người phụ nữ to lớn lúc được sinh ra đã làm đau đớn bà mẹ bé nhỏ của mình. Tiếp theo luận điểm ấy là dôi điều - về tình dục, hắn biết - rằng hắn không

muốn, khi là một chú bé hay đã trưởng thành, nghe thấy. *Một người đàn bà đích thực.* Thậm chí khi hãy còn bé tí, hắn đã ý thức được độ nặng cơn giận của mẹ; hắn nhanh chóng hình thành - từ lúc mới biết bò, hay bập bẹ những từ đầu tiên - sự hiểu biết khôn ngoan là tránh xa khi mẹ nổi cơn thịnh nộ và ao ước có thể khuyên nhủ mẹ nguôi giận. Nhưng bây giờ, khi hai mẹ con dường như gần đi hết hành trình bên nhau, thi thể bà hãy đang còn đó, những day dứt trong lòng bà vẫn nguyên kia, thì trách nhiệm của hắn trở nên nặng nề hơn, thậm chí có phần thách thức dẫu cho không phải bận tâm nhiều về chuyện chăm sóc vật chất. Đôi mắt xanh lơ của bà vẫn trong veo dẫu chưa bao giờ phải làm phẫu thuật lột mi mắt, mở to bởi câu hỏi của hắn như thể bà đang nhìn thấy một con ma đằng sau vai hắn. "Ồ, Joey", bà nói, "chớ có hỏi. Đây là điều không thể nói".

Hắn phải mỉm cười trước khái niệm cũ rích đó. "Không thể nói ư? Ba?"

Sắc đỏ lan nhanh trên gò má tàn phai của bà. Bà lại sắp nổi cơn giận. Bà nhìn trùng trùng, không nhìn thẳng vào hắn mà vào khoảng không bao quanh hắn. Nhờ xem tivi, bà biết bây giờ chương trình tâm tình cho phép người ta nói đến vấn đề ấy. "À, có lẽ con đã khôn lớn. Có lẽ mẹ nên nói toạc điều ấy ra".

"Ồ, mẹ đừng, đừng. Xin mẹ đừng nói", hắn đáp rồi nhổm dậy khỏi ghế, chạy vào bếp, mặc dù cha hắn thường hay ngoại tình. *Ba tội nghiệp*, hắn nghĩ. Hãy để người chết được an nghỉ. Giờ thì mẹ cũng đã chết và còn rất nhiều điều có thể nói, dẫu chỉ một lần thì Joey cũng sẽ chẳng bao giờ hiểu. Mặc dù dần quen với ngôi nhà sa thạch vắng bóng mẹ thì hắn vẫn cảm thấy cứ lạ lẫm khi quay trở về căn hộ của mình ở Manhattan, bởi vì bà không bao giờ còn gọi điện vào sáng thứ bảy theo thói quen để kể công việc trong tuần của mình bằng

giọng đùa đùa, châm chọc. Người chết thật quá yếu, thậm chí họ không thể gọi được điện thoại. Điện thoại câm lặng, mạnh hơn bất kì thứ gì khác, trong việc mang lại sự bình yên cho người đã khuất, và kết cục của họ, hoá ra là, một cuộc rút lui đầy thù hận.

\*

Người môi giới bất động sản, bạn học cũ ở trường trung học, vận bộ đồ xám đứng dưới tầng hầm đầy mạng nhện, bên cạnh cái lò sưởi dầu ọp ẹp giữa đồng thùng sơn và ống dẫn khí nóng hanh giật, nói với Joey: "Mười bảy năm sống nơi đây một mình. Phải gan lì lắm lắm".

Đúng, mẹ đã rất can đảm, giờ thì hắn mới thấu hiểu, ngần ấy năm sống độc thân, một mình với đám vật bà nuôi nấng và những hình ảnh trên tivi. Qua điện thoại, thậm chí khi kể về một đêm mất ngủ vì khó thở và lo sợ, bà cũng cố nói giảm đi để hắn đỡ lo, và giấu bản thân mình, một cách vui vẻ là vẫn cứ sống khoẻ vào độ tuổi tám mươi lăm. "Thật kì lạ", bà tự thú với con trai, "nhưng thật ra mẹ không có dự định chết. Mặc dù nhiều người hẳn muốn mẹ chết".

"Thật không? Ai vậy?"

"Những kẻ mua bán bất động sản. Máy đưa láng giềng. Chúng nghĩ đã đến lúc bà khom già này chết đi để chúng dòm ngó đất đai".

"Có thật chúng nghĩ vậy không?" Hắn mừng vì mẹ không vơ hắn vào đám người mong bà chết.

"Thật đấy", bà giấu cợt. "Nhưng mẹ có trách nhiệm ở lại đây. Mảnh đất này vẫn cần mẹ".

"Mọi người đều cần mẹ", Joey nói, thở dài và ngừng cuộc thoại. Số phận của nông trại là một vấn đề nữa không thể nói.

Bà muốn mảnh đất được gìn giữ, không thay đổi, như hình ảnh của nó được lưu giữ trong kí ức bà.

Hắn đã hoài công theo dõi mẹ để tìm xem có dấu hiệu nào của sự ngừng nghỉ vào lúc hoàng hôn. Bà cố nuốt cho bằng hết các viên thuốc, kể cả vitamin và nỗi lo sợ của bà về việc các giác quan ngừng hoạt động dường như thật rõ. Lần cuối cùng hắn về thăm vào một ngày mùa thu mát mẻ, bà ra khỏi nhà xem hắn trồng cây, hai tá củ hoa tulip bà đặt qua catalogue, đọc theo hình vòng cung của con đường tráng ximăng. Đầu tiên hắn đặt đầu nhọn củ hoa chui xuống rồi sau lại nhận ra rằng chúng phải được hướng thẳng lên, về phía mặt trời. Mẹ đứng đó, chân run run, khoác chiếc áo choàng lòe loẹt, nhìn xuống đám củ màu kem mập mạp nằm trong lớp đất đỏ được xới tơi và trầm trồ theo kiểu của mình: "Ôi, trông chúng dễ thương quá", bà nói. Quay sang Joey bà nói thêm theo kiểu động viên của người mẹ: "Con trông đẹp quá".

Trong số tất cả các đồ đặc bà để lại, hắn hâu như giật mình khi xem đến các khoản chi tiêu của bà - những phiếu thuế, những cuốn ngân phiếu đã được sử dụng, được ghi chép kĩ càng dẫu cho bàn tay đưa những nét chữ gọn gàng hơi ngửa ra sau đã bắt đầu không đều nét và run rẩy (Có phải dòng chữ lớn viết bằng bút chì đằng sau bức ảnh phóng to ấy là nét chữ của bà, lúc mười ba tuổi? ) Bà đã giữ, trên tờ giấy xanh khổ rộng, những ô tính toán việc chi tiêu hàng tháng, cứ đầu mỗi tháng lại được gạch ngang bằng tay. Những con số cuối cùng được viết vào ngày hôm trước buổi sáng bà qua đời. Bản tài chính với những con số gọn ghẽ của bà là sự kiện hoàn toàn bất ngờ, tựa xúc cảm say mê âm nhạc trong hồn của một ông chủ ngân hàng. Giữa những dây số được lưu giữ, có nhiều khoản được đưa vào trước lúc họ chuyển nhà, với những cột chi tiêu kẻ sát nhau - thuế, chất đốt, vật dụng, bảo dưỡng. Nhiều khoản nhỏ chi li đối với họ bây giờ thì trong thời chiến

lúc vật giá rất thấp đấy là cả món tiền lớn. Bằng tính toán của bà, việc chi tiêu ở ngôi nhà sa thạch bé nhỏ giảm xuống và kế hoạch cho những nông dân lân cận thuê tám mươi hecta đất đã tiết kiệm cho họ năm trăm đôla - bằng một phần ba lương chồng bà. Thực ra đối với Joey, chưa bao giờ hắn nghĩ việc gia đình chuyển về nông trại là có lí do về mặt kinh tế. Khi xem đến phần ghi khoản chi phí cho hắn theo học cao đẳng, được ghi riêng ngoài các khoản khác, hắn không đủ nhẫn耐 nại để tiếp tục đọc.

\*

Dần dần, qua những tháng của một mùa đông khắc nghiệt mà, theo dự báo thời tiết, cái lạnh bất ngờ và rồi độ ấm cũng đến bất ngờ, hắn dọn dẹp sạch ngôi nhà đến mức có thể, xóa bỏ các dấu tích, thậm chí cả cái gọt bút chì được bắt vít vào bệ cửa sổ của hắn cũng như của bốn người đã từng sống. Tại đây, trên sàn gỗ bây giờ đã lột hết thảm, ông hắn đã ngã xuống bởi cú nhảy mạnh do cơn co giật từ trên giường, nơi một năm sau người vợ goá của ông đã trút hơi thở cuối cùng. Còn đây, trong phòng ngủ bên cạnh, vào lúc nửa đêm cha hắn đã ngồi dậy bởi những cơn đau vật vã trong lồng ngực đến nỗi rốt cuộc ông phải bảo vợ gọi xe cứu thương. Ông đã chết trên xe ấy. Nơi đây, trong cùng khoảng không gian này, Joey nằm tràn trọc cố nghĩ cách để thưa với mẹ vụ lì dị sắp tới. Ở đây, phía bên kia bức tường, hắn có thể nằm nghỉ sau cuộc hò hẹn, đâu hắn hãy còn ong ong bởi khói thuốc và mùi nước hoa của cô bạn gái. Và đây, trên lớp vải sơn lót sàn mòn vẹt, mẹ hắn đã chết, ngay chân tường nơi bà đã thuê mấy tay thợ mộc đóng ốp bằng ván gỗ dẻ, số ván còn sót lại trong nhà kho từ thuở bệnh làm trụi cây cối chưa xảy ra, che những viên đá xù xì nhô ra khi ống khói đồ

sô của nhà bếp được dỡ bỏ, những căn phòng xinh xắn, trống rỗng. Lớp ván sàn bằng gỗ thông không trải thảm đậm trong ánh nắng. Joey nhìn qua dây cửa sổ không rèm, thấy những gì mẹ hắn đã từng ngắm, vườn cây ăn quả già nua nghiêng dốc nằm về phía Bắc, nhà kho, con đường và cánh đồng ở hướng Đông, những cụm tử đinh hương, lối mòn rẽ chân chim và thảm cỏ nằm về hướng Nam, khu rừng với những cây vân sam xanh cao ở phía Tây. Hằng ngày mặt trời lặn sau cánh rừng ấy, tựa chiếc khiên lửa, đồng tâm đỏ máu máu.

Trong chuyến dọn dẹp cuối cùng của mình, Joey phát hiện trong phòng vệ sinh vật gì nom như con quỷ - thân hình khô cứng đen thăm bé nhỏ, kích thước ở vào khoảng giữa chuột và dơi, chân nó nối với nhau bởi màng da. Một con sóc bay. Nó từ phòng áp mái lần xuống và bị chết đuối, bởi đau đớn và khát nước vì thuốc d-Con. Joey hồi tưởng lại khung cảnh vào lúc hoàng hôn, mùa hè ấy khi hắn chuyển những tảng đá, một cặp sóc bay liệng ra như thể đang lướt trên sợi dây, từ cửa sổ phòng xếp sang cây vân sam xanh. Ngôi nhà đã được dọn sạch từ mùa hè trước, trước khi gia đình hắn chuyển tới và dội sóc ấy đã đến ở trước họ.

Hắn mua cái khoá dây khoá cửa tầng hầm và khoá nhà bằng chìa sau khi đã thay xong khoá mới. Ngôi nhà đã sẵn sàng để bán vào mùa xuân. Nhưng trong khoảng thời gian đó, khi hắn thức giấc nằm trong căn phòng của mình cách xa ba tiếng đồng hồ, sự trống vắng của ngôi nhà thăm thì gọi hắn. Ngôi nhà cần hắn. Chỉ mình hắn hiểu nó. Giả dụ như một mồi lửa, hay những kẻ ưa đập phá của miền quê, do ghen tị bởi giá cả của khu đất nông trại sẽ tìm cách... Nhà cửa đang được xây dựng khắp nơi, thậm chí những người ở Philadelphia cũng đang đổ xô về miền này. Mẹ hắn thực hiện một cú đầu tư ngoạn mục, khi đã mua lại thiên đường kia.

Những kì cuối tuần cô đơn trong ngôi nhà ấy, phân loại đồ đạc, lau chùi, ở xa khu chung cư cho đến khi ánh trăng thay thế ánh mặt trời rơi xuống sàn nhà, Joey phát hiện ra mình đang nói lớn, như thể đáp lời lại sự hiện hữu thân thiện ẩn dang sau lớp giấy dán tường cũ khô ráo, trong những bức tường đá dày. Những ngày thường trong tuần, căn phòng của hắn, lủng lơ bên trên tiếng rú gầm không ngớt của Manhattan, với một mẫu lan can chạm trổ của hàng hiên giấu phía sau phòng để đồ, dường như đang bay đến đâu đó. Hắn cảm thấy tội lỗi, lo âu, bất định. Hắn luôn mong muốn được đến nơi xuất phát, được thấy diện mạo đã gây ra tâm trạng ấy, hoá ra là, nó ở nơi đó, dang sau.

LÊ HUY BẮC *dịch*

## THÚ HOANG

Đối với Ferris, thành phố sexy hoặc dường như luôn là như thế. Ông đã sống ở đó nhiều năm và người vợ trước của ông vẫn đang sống ở đó. Đây là thành phố biển với những đầm lầy và những bãi tắm rộng; mùa hè là lễ hội của những làn da rám nắng, váy ngắn, những bữa ăn nấu ngoài trời và các vết dốt của côn trùng. Không chỉ có muỗi, ruồi nhiều và muỗi mắt mà còn có vô khói loài kí sinh trùng hút máu kì lạ và cả giống ruồi khát máu đầu xanh sinh trong những đầm lầy, các eo biển mặn quanh co. Bầu không khí tù đọng lưu tồn qua nhiều mùa - mùa thu thay thế bằng những đêm tối đến sớm hơn,

mùa đông khi trên những con đường trơn tuột uốn lượn những chiếc xe trượt va nhau trong sự di chuyển chậm rãi tựa trong mơ, mùa xuân cùng gió đông ẩm lạnh, những đợt cùm và sự cău kỉnh khó tránh của con người.

Thành phố không dành cho tất thảy mọi người, nó không có câu lạc bộ miền quê, chính sách thì lại phạm luân lý, trường học chỉ ở mức trung bình, nguồn thuế cần được mở rộng hơn. Những người đi làm bằng vé tháng, trẻ có triển vọng đến Boston hoặc những kĩ sư tay nghề cao làm công trên phố 128, chuyển đi nơi khác, đến những thành phố phù hợp hơn - thành phố có hải cảng xanh đẹp lát đá granite và được tô điểm bằng những ban công vòm của câu lạc bộ thuyền buồm, thành phố khác được cung cấp ngựa, yên cương và thuyền săn cáo một tuần lễ, thành phố thứ ba thì kiêu hãnh về khu nhà cổ quý giá còn lại từ ngày đầu lập liên bang, thành phố thứ tư đầy ắp những bất động sản rộng lớn đang đợi chia nhỏ ra. Tất cả những thành phố ấy thích hợp, an toàn để đầu tư hơn là cái xứ phóng đãng, tả töi nơi Ferris sống trong chuỗi ngày tháng dõi dào sức khoẻ nhất của mình.

Vẻ đẹp tự nhiên của nó gần như là hoang dã và bạo lực dễ bùng nổ. Những vụ xì căng đan về hôn nhân đột ngột chen ngang vào bài giảng ở trường hay dàn đồng ca của những người theo Hội Giám Lý. Những vụ giết người tự sát vào sáng sớm hẵn gây chấn động lớn cho ngôi nhà xanh nhạt cho đến nay vẫn tẻ nhạt trong dây của nó. Thời tiết cũng thất thường kì quặc, sau một đợt gió đông - bắc hoành hành dữ dội khắp bờ biển thì suốt cả tuần chẳng có lấy một tí gió nào, hay một cơn hạn kéo dài làm khô sạch mọi giếng nước và làm phơi cả đáy sỏi của bể chứa nước thành phố. Hoả hoạn thường xuyên xảy ra trong thành phố cổ được dựng hầu hết bằng gỗ này. Trong mấy năm sau khi Ferris rời đi, ngôi nhà thờ đầu tiên của Giáo đoàn da trắng bị thiêu rụi - đấy là một tòa kiến trúc gỗ kiểu

Gothic không thể nào thay thế, tiếp sau đó là một công trình khác, tòa Greek Revival uy nghi dựng trong xứ đạo phái Li giáo vào năm 1842. Rạp chiếu bóng, với phần trang trí Đêm Ả Rập kì quặc xây dựng từ những năm 1930 cũng biến mất trong một vụ hoả hoạn khác cùng với cửa hàng sơn bên cạnh, những thùng dầu thông và sơn Williamsburg nổ tựa pháo liên thanh. Máy đưa con đang trưởng thành của Ferris kể lại những thảm họa ấy cho cha cùng với thảm họa của chúng. Ông đã tái hôn và sống ở Boston.

Quay về từ Boston để đưa một đứa con đi ăn tối hoặc tham khảo ý kiến từ nha sĩ của mình, người cũng đang già cùng ông, ông chẳng bao giờ đánh mất cảm giác là bầu không khí thành phố khiến mình sôi động hơn, ham muốn hơn. Bước chân của ông trẻ trung hơn và làn sương nhám cọ vào da tạo cho ông cảm giác căng thẳng đầy khêu gợi. Dường như chẳng một ai, sau mười năm biết Ferris - kể cả những hiệu thuốc bên góc phố, đã từng tồn tại qua cuộc cạnh tranh sinh tử, đã thay đổi chủ - nhưng ông được đón chào bởi sự cân xứng thân thuộc của các tòa nhà, sự bố trí thất thường của những con phố và những món quà tặng bất ngờ trong quá khứ của ông; cửa hàng đồ cổ vẫn bày bán, vẫn những món đồ sạm nắng trong tủ kính, người đưa thư tóc bạc vẫn làm công việc trong khu, cây du lớn duyên dáng vẫn chưa chết, lề đường bụi bặm chấp vá vẫn chưa được lát. Thành phố manh mún, lộn xộn với những vết nối nơi bộ mặt thật của cuộc đời - bụi bặm, tình dục, nước mặn, chết chóc - vẫn tiếp tục rò rỉ qua. Đến cả đám trẻ và đàn chó thành phố như ông nhìn thấy là bẩn và lọc lõi hơn trẻ con và chó của những thành phố được tổ chức tốt, hơn cả cộng đồng được chăm sóc sức khoẻ kĩ.

Trong mười năm kể từ lúc ông ra đi, một đại họa đã viếng thăm thành phố - đại họa hươu. Từ thuở ông hay còn là cư dân, các bà nội trợ đọc theo con đường bờ biển đã phàn

nàn răng trong đêm hươu đã tàn phá sạch hoa tulip của họ và những cây sơn thù du và táo dại mới trồng của họ đều bị gãm quanh vỏ cho đến chết bởi đàn hươu. Nhưng đám kẻ cướp ấy lén lút, ngầm ngầm và cảnh ấy được xem như là sự ban thưởng cho bọn trẻ, thích hơn là phải đi cả chặng đường dài đến sở thú, chỉ đi bộ trên bãi biển vào tháng mười, nhường đường khi bóng một chú hươu phóng vút qua, những chiếc đuôi trăng của chúng khẽ phất, nhảy khuất vào các đụn cát.

Ferris nhớ như in khoảnh khắc chồng chất với mặc cảm tội lỗi và niềm vui sướng vô ngần trong những ngày đầu li hôn, khi vùng đất nơi ông sống được tuyên bố thuộc quyền sở hữu. Ông từ Boston về, cùng với con trai Jamie, khi ấy ở vào khoảng 15 - 16 tuổi, dọn dẹp sân tennis, chuẩn bị cho mùa đông bằng cách đặt những thanh gỗ nhỏ có đá đè bên trên lên các đường chèn thảm sân. Nếu không thì giá lạnh và độ mềm của đất trong mùa đông sẽ làm bật những chiếc đinh nhôm lên. Tình cờ Ferris liếc nhìn lên. Tại mé rừng cây bụi dằng xà kia, một già đình hươu vừa mới ló ra khỏi rừng. Đó là một ngày trời ấm trái tiết của tháng mười một, mù sương và trong đám mù ấy, thân hình của ba con hươu - hươu đực, hươu cái và con nhỏ hơn nhưng không phải là hươu con bé xíu - ngập ngừng như thể đang lúng túng trong một bức ảnh cũ diệu huyền, những sinh vật màu nâu nhạt, tao nhã đến từ thế giới đầy đủ nhân cách trước khi có loài người.

“Nhìn kìa!” Ferris khẽ bảo con trai nhưng dấu cho đây chỉ là tiếng thì thầm thì những cái bóng mờ ảo ấy cũng vụt chạy phóng băng qua cánh đồng cỏ rậm ẩm ướt đến vạt rừng ở phía đối diện trong vùng đất ông sở hữu, nơi thủy triều lên theo lạch nhỏ. Ferris cảm thấy mình không được phép, vào cái ngày đầu đông ngập tràn tội lỗi ấy, chiêm ngưỡng được cảnh tượng mê hồn đến vậy và đã chuyển đặc ân ấy sang cho con

trai như thế là sự bù đắp cho những tháng năm vắng mặt sắp tới của ông.

Bây giờ thì con trai ông, ở vào giữa độ tuổi hai mươi và được gọi là James hoặc Jim, đã quen với việc vắng mặt cha và chuyện đàn hươu đã trở thành vấn đề xã hội nổi cộm mà Ferris đọc được trên báo chí Boston. Chúng sinh sôi nảy nở trong lúc vùng đất hoang quanh đấy đang hép dần lại, thiếu đói, chúng cướp phá các vườn rau và cuỗm đi cây cảnh của những ngôi nhà ngầm sóng đất tiền dựng trên mặt đầm lầy. Cây thông Noel bị kéo đổ xuống tuyết và bị tước sạch lá bởi lũ vật điên cuồng, ngay vào lúc ban ngày; ban đêm, những đôi học sinh trung học đỗ xe trên bãi biển thấy mình bị vây bởi cả đàn hươu đứng im lặng xin ăn quanh xe. Đàn hươu với vẻ đẹp tuyệt mĩ độc đáo của mình bỗng trở nên nguy hại như lũ chuột, còn thành phố, với năng khiếu kì lạ về những vụ xì căng đan mà những thành phố khác hẳn sẽ tìm được một giải pháp nhẹ nhàng, đã đưa vấn đề tranh luận này thành sự rùm beng của công chúng. Những người yêu tự nhiên ở tít tận dãng kia Tổ Quốc đến để phản đối để xuất tuyển chọn hươu với ngụ ý là thuê những tay súng thiện xạ trong quân đội làm giảm số lượng đàn hươu xuống. Những người phụ nữ căm phẫn đe doạ là sẽ khoác da hươu trà trộn vào một ngày đã định, sẵn sàng hi sinh tính mạng mình cho lí tưởng bảo vệ môi trường khỏi sự tàn phá. Nhiều bác sĩ thú y đến đưa ra bằng chứng rằng chết vì đói thì hoàn toàn không đau đớn và sẽ loại bỏ những cá thể yếu, những người khác thì đưa ra bằng chứng trái ngược đấy là nỗi đau đớn và sự chết chóc tập trung vào những con non. Nhiều cuộc mittinh, phong toả và phỏng vấn trên truyền hình diễn ra. Trong khi đó, khắp các địa hạt rộng lớn của thành phố - những nơi hợp mốt và đất đỏ nhất - những thùng bắp cải bị đá bật nắp, những bụi cây khô bị ăn tiệt lá và xác hươu chết được loài chim ăn xác chết tìm thấy đông cứng.

Rồi, còn tồi tệ hơn cả thế, người ta tung tin đồn hươu mang trên mình loài kí sinh trùng nhỏ xíu có tên là *Ixodes dammini*, loài này ủ mầm khuẩn xoắn gây bệnh *Lyme*, căn bệnh được đặt tên theo thành phố ở bang Connecticut nơi lần đầu tiên nó được phát hiện. Những vết ban tròn đỏ, khó chịu, mệt mỏi, lạnh, sốt nóng và cứng cổ là các triệu chứng của căn bệnh ấy. Biến chứng cuối cùng của nó có thể gây nên bệnh suy tim hay viêm khớp mãn tính. Chúng ta đã sống qua nhiều trận dịch. Bởi dòng giống người phủ đầy trái đất tựa lớp bọt vàng, vi khuẩn, vi rút và kí sinh trùng cũng vượng phát đầy sáng tạo. Thuở Ferris sống ở thành phố, người ta chưa hề nghĩ đến, giả dụ như bệnh hoa liễu. Bệnh *Écpét*, AIDS và *Chlamydia* cũng chưa từng được nghe thấy; tình dục chỉ có liên quan đến hiểm họa về kinh tế và nhà thờ. Dàn ông và dàn bà thường thức nhau như thể đang đứng bên bộ sưu tập các món ăn không có chất gây bệnh, một mớ hỗn lốn những món chiêu đãi, vài món bốc khói, vài món nguội, vài món bồ, vài món không bồ nhưng tất cả đều tinh khiết.

Luận điểm của những người yêu hươu bị bác bỏ và vào những ngày đã định, các tay thiện xạ tấn công vào cồn cát. Nhưng những ca bệnh *Lyme* vẫn tiếp tục được chuyển đến bệnh viện địa phương từ tất cả các trại áp dọc theo con đường bờ biển nơi giá trị bất động sản vốn đã cao lại tăng vọt lên, nhưng bây giờ thì đã giảm xuống.

Khu bất động sản cũ của Ferris không nằm trên đường bờ biển nhưng nằm trên con đường cùt dẫn đến khu ấy. Con đường chạy qua một cây cầu cong nhỏ bắt qua con lạch lén xuống theo thủy triều, chạy qua vài ngôi nhà nứa rẽ ngoặt xuống con đường đất, len giữa đám cỏ đầm lầy đang mọc lan cả ra đường, đầy những vỏ lon bia bạc màu và móng sắt ngựa. Con đường được lát đến cầu, Ferris biết rõ mỗi khúc cua, chỗ láng và ổ gà trên đường; con đường ấy đường như

cũng sexy và gợi lại những tháng ngày hoa mộng. Thành phố từng là của một người đàn bà và chịu ảnh hưởng từ quyền năng của phái yếu. Thấy rõ bản thân mình, vào một buổi chiều trong tuần, lên giường với vợ của người đàn ông khác sẽ là giành được tư cách hội viên vững chắc - một sự uỷ quyền trong sáng thế nguyên thủy, một giá trị cơ bản trong bộ tộc Amazon. Trong những cuộc giao hoan lớn ấy có bốn loại người: những người đàn bà biết mùi của vô khói đàn ông, những đàn ông biết mùi vô khói đàn bà và những đàn ông, đàn bà hãy còn trinh trắng. Đôi khi những loại người sau ấy lại cưới phải những người không còn trinh trắng nữa, rồi điều đó sẽ dẫn đến phiền muộn là li hôn. Ferris trở về thăm Jamie, đang đảm nhận việc trông nhà trong lúc người vợ cũ của Ferris di vắng suốt cả tuần đến Nova Scotia với người gần đây nhất trong xêri nhân tình, nhân ngã mà suốt mười năm nay đã chịu không tìm được cú nhượng chồng nữa. Ferris với tất cả thất bại của mình cũng đã thấu hiểu là không thể nào tìm được người để thay thế.

Cậu con trai đón cha với những lời phàn nàn và trông đầy vẻ mệt mỏi. Cậu đứng khom người, đã một hai ngày chưa cạo râu nên mó râu ria đen dấu hiệu của tố chất đàn ông tua tua mọc khắp mép và cằm. “Con đã cố ấn định một trật tự trên đám cây bụi này”, cậu giải thích. “Mẹ thì cứ để mọi thứ thoải mái mọc. Mẹ có một triết lí rằng bất cứ cây nào cũng có quyền sống”.

Phải, Ferris nhớ, đây là triết lí của vùng đất này; trong lúc phụ nữ ở những thành phố lân cận giàu có thì chăm sóc vườn tược của mình và gia nhập *Câu lạc bộ Vườn*, thì những bà nội trợ ở đây lại đi ra bãi biển để làm đậm hơn làn da rám nắng trông đã phát khiếp lén của họ. Tỉa tót bắn thân là mốt và sao nhăng chăm sóc vườn tược là dấu hiệu của sự giải phóng. Một dạo Ferris cố tỉa lại dây cây đậu tía đồ sộ đang bò cá qua ván

che ngôi nhà và vợ ông đã buộc tội ông là tên đồ tể, là kẻ giết người. Tất cả những gì ông ao ước là một tí trật tự. Cô ta thì cho là cây bồ công anh Trung Quốc và cây Burdock (loài cây ra hoa, lá có gai) rất đẹp và cho phép bụi trường xuân nuốt chửng cả hàng rào thủy tùng. Có thì bị xén tận gốc để chơi bóng vồ (loại bóng chơi bằng vồ gỗ và bóng gỗ), và đã đánh mất đi hương vị khác nhau của mỗi tháng mùa hè - mùi hương của món salad tươi đầy gia vị vào tháng sáu, mùi của những bức tường trong cái giếng sâu vào tháng bảy và cỏ mùi khô tháng tám với những vật đất đầy dấu giày quanh những gôn bóng đá vừa dựng và những vết dầu nơi bọn trẻ hí hoáy với xe đạp của chúng.

Tháng tám là tháng yêu thích của Ferris. Bây giờ là tháng tám. "Jimmy, chớ có đụng vào cây trường xuân độc đó", ông nhắc nhở con, người mà lúc bé đã chịu đau đớn kinh hoàng vì loài cây ấy, đôi mắt cậu sưng vù nhắm nghiền trên đôi má đỏ thẫm. "Những chiếc lá sáng bóng, luôn ra thành bộ ba. Không có răng cưa và lông như loài cây dây leo Virginia. Sáng bóng với thân phớt hồng".

"Con suýt quên mất, ba à. Con có cái này muốn nhờ ba xem".

"Gì vậy?" tim Ferris đập nhanh.

"Vào nhà con sẽ để ba xem".

Ferris nhận điều ấy như một lời mời trước hết hãy đi xem qua khu vườn. Ông và cậu con trai, người đã thay thế ông giữ vai trò đàn ông trên vùng đất, đi qua tàn tích của vườn cây ăn trái một thời. Hàng rào kẽm gai, đã có thời hãy tinh nguyễn chưa giỉ, được đóng đinh ép vào những cây cột bắt bùloong thẳng đứng thơm phức mùi crêozốt, bây giờ đã tả tơi dưới sức nặng của khóm kim ngân leo lên. Những mảnh buồm cũ mục nát được trải dọc theo bìa rừng để ngăn chồi non xâm lấn cánh đồng. Ferris ngược nhìn về một chỗ trên cánh đồng nơi ông đã một lần nhìn thấy hươu.

nhưng giờ đây chỉ thấy khu rừng, cao hơn và tiến gần hơn. Những bức ảnh cũ của vùng này cho thấy đường lượn rõ ràng của viền đất bị chặt sạch để lấy cát đun và bị tiện cựt bởi lũ cừu và cả vùng không gian thoáng đãng băng qua những đụn cát thấp ra tới biển. Nay giờ những lùm cây rậm rì mọc trên những gò đất cao và nước mặn từ con lạch chỉ lấp lánh xuyên qua tán lá ken trong tiếng ồn ào của những chiếc thuyền máy và của tiếng hét gào phẫn khích của đám thiếu niên.

“Công việc ra trò đấy”, ông thở dài với con trai. Vào tháng Tám, không gian vọng tiếng rả rích, một thứ âm thanh ngầm rì rầm không thể xác định mà người ta gọi là tiếng dế mèn hay tiếng ve sầu, nhưng Ferris lại kết hợp âm thanh ấy với âm thanh mà chiếc đồng hồ điện bên giường phát ra, bên cạnh cái đầu mắc chứng mất ngủ trong đêm.

“Và những cây lê ngọt ngắn ấy”, con trai ông nói bằng kiểu giọng nhiếc móc như trẻ con thường nói, “cứ ra quả rồi rung tất xuống cổ làm kẹt cả máy xén”. Giọng của nó hay còn trẻ con nhưng âm sắc thì lại của người lớn, một giọng nam trung râu râu đi kèm theo với bộ râu den, đôi chân mạnh khoẻ đầy đặn, cổ tay và bàn tay rắn chắc. Ferris khó có thể hiểu đời sống tình dục của *thằng bé người lớn* của mình. Ông đã gặp mấy cô bạn của con; chúng là những thiếu nữ trông được với thân hình đầy đặn, những lọn tóc xoăn tẩy mờ, bóng dầu, những đôi mắt sáng, cung cách dịu dàng thân ái và những đôi môi cong cong ẩn chứa vẻ tinh nghịch. Nhưng ngay khi Ferris vừa kịp biết tên và những nét sơ đẳng về nền tảng giáo dục và xuất thân của một cô thì cô ta vội biến ngay. Chẳng một ai trong số họ tồn tại, chả một ai hoàn toàn hấp dẫn đến mức khơi dậy trong cảm xúc của một người tầm tầm thuộc thế hệ Ferris cái ước muôn lấy vợ - thành cầu sự chứng giám của nhà thờ, công khai tẩm hình

hài nữ ấy, để đi đến cuộc ái ân hợp thức như thể tiến vào lãnh địa đã được chinh phục, thuần hoá, gieo trồng và gặt hái. Người vợ bên chậu rửa bát trong bếp, người vợ tại bữa tiệc cocktail hay quán giải khát trung tâm, người vợ tắm gội để đi dạo hoặc lê bàn chân đau mỏi từ nơi mua sắm trở về, người vợ ngoan ngoãn trong vòng tay hoặc cãi vã ngẫu xị trên ghế sau xe taxi: sự lâng mạn mà đối với Ferris, đã gắn kết những cảnh tượng này và đã khiến ông muốn kết hôn không chỉ một lần mà lặp lại thêm nữa đã hoàn toàn biến mất khỏi nền văn hoá Mỹ - một sự huỷ diệt, có lẽ, của kí túc xá nam nữ hay cái giá quá đắt của kiều ăn ở mới ra đời. Chẳng hạn như cậu con trai nói giọng trầm của ông đã sống ở đây suốt nhiều tháng liền với người mẹ cô độc và những luống mâu đơn quá lứa của bà.

Lũ chó vây quanh hai người khi họ băng qua bãі cỏ nâu cao ngồng đến cửa bếp. Vào bên trong, đàn chó huyên náo lăn cả ra lớp vải sơn lót sàn hi vọng được cho ăn. Có ba con chó lai từ nhiều giống khác nhau được ưa chuộng bởi gia đình cũ của Ferris vào những thời điểm hứng khởi khác nhau bây giờ đang tập hợp ở đây cùng với một con chó hàng xóm đã tự đến nhập đàn. Lông chúng vương khắp nơi, trên thảm, trên ghế sofa và cuộn thành những búi nhỏ dọc theo ván chân tường như búi cỏ đại lăng theo hàng rào dây thép gai. Đồ đạc, nhiều thứ trong số đó một thời từng là tài sản quý giá, dường như bầm bồng trong phút thu gọn tạm thời, không đứng ở vị trí của chúng mà như nghỉ ngơi - môđen của thập kỉ năm mươi trở nên lỗi thời và rơi tả. Tay vịn băng gỗ têch của những chiếc ghế bành theo kiểu Đan Mạch đã nứt nẻ; tấm kính mặt bàn trông đã ố bẩn kinh niên. Người vợ trước của ông luôn quẳng lung tung những cái gối tràng kỉ loè loẹt và những vuông vải phủ Ấn Độ như thể để làm dịu mắt, những mảnh vải sặc sỡ ấy càng làm tăng thêm dáng vẻ xộc xệch, vô

tư túc thời, một khung cảnh mà đã khiến chiếc sơmi trên ngực Ferris và cả chiếc quần dài ngoài đôi chân mơn trớn làn da bằng động thái trơn trườn đầy nhục cảm.

Cậu con trai đứng bên cạnh khẽ buông tiếng thở dài. “Con đã lên kế hoạch sơn lại chỗ đồ gỗ nhưng chỉ mới thu dọn gọn gàng một nửa ở đây và bếp đường như ngốn hết cả thời gian của con”.

Ferris hỏi: “Con muốn cho ba xem cái gì nào?”

“Ồ, trời đất. Con, à, con phải tụt quần”.

“Vậy hả? Ồ, tụt đi, ba nghĩ thế. Đừng xấu hổ. Ba đã thường thay tã cho con”. Máu Ferris dồn nhanh với điều bí ẩn ấy.

Bên trong chiếc quần dài kaki của mình, cậu con mặc quần đùi theo cách Ferris thấy ở những người già. Ba của ông từng mặc những chiếc quần rộng thùng thình như thế. Ferris mặc quần Jockey, càng bó càng tốt. “Ở phía sau dùi phải của con đó, ba à. Trên cao ấy, ba thấy chưa?”

“Một nốt đỏ tròn lớn. Con bị lâu chưa?”

“Khá lâu. Con nhớ, chừng hai tuần trước, con bọ nhỏ ấy đã đốt con. Một loài kí sinh trùng bé nhỏ - nhỏ hơn cả bọ chét chó. Con đã không bận tâm nhiều về nó nhưng bây giờ vết đốt ấy ngứa buốt khủng khiếp và có cảm giác nóng ở nơi con chẳng thể nào nhìn thấy dấu có soi gương”.

Ferris hỏi, mặc dù ông biết trước câu trả lời: “Con làm việc trong bụi cây à?”

“Con phải làm”, cậu bé rên rỉ. “Chúng đang lan khắp cả sân. Chỉ còn chưa đến một mét. Sau đó con cảm thấy kiệt sức”.

“Lạnh và sốt chứ?”

“Chỉ ơn lạnh một lần. Con không biết có sốt không. Nhiệt kế đã vỡ”.

“Cố con có cứng không?”

“Chỉ vào buổi sáng, và thỉnh thoảng cũng xảy ra”.

“Jamie, chàng trai tội nghiệp của ba. Chúng ta phải đưa con đến khám bác sĩ”. Khi Ferris cúi thấp hơn để kiểm tra lại triệu chứng, ông cố ngăn ý nghĩ hạnh phúc rằng mình đến thật đúng lúc.

LÊ HUY BẮC *dịch*

## MẮT NAI GIỮA THÀNH PHỐ BẠC

Năm mươi ba tuổi, cùng với bố, lần đầu tiên tôi đến thành phố New York. Tôi đến đây để thăm bác Quin và mua một cuốn sách về Vermeer. Việc mua sách là do tôi tự nghĩ và mẹ cũng tán thành; còn thăm bác Quin là dự định của bố. Khoảng ba mươi năm trước, bác bỏ nhà đến Chicago rồi dần dần trở nên giàu có; tuần trước bác lên miền Đông để theo đuổi đường kinh doanh, còn tôi thì đã đạt điểm cao trong kì thi hết lớp Tám. Bố tuyên bố rằng tôi và anh trai của bố là những người tài ba nhất mà ông đã từng gặp trong đời - “Những người dám nghĩ dám làm”, bố gọi chúng tôi như thế là do dựa vào khả năng nhìn xa trông rộng của mình - và trở trêu thay, khi bố dùng cụm từ đó để tự hào về việc tôi mang về những tờ hóa đơn chưa được thanh toán. Thế là, bất thình lình trong bố bỗng dấy lên ước muối không thể nào ngăn được là bây giờ, thật đúng dịp để chúng tôi gặp nhau. Chặng đường đến New York, tại thời điểm ấy, dài bảy đôla; thời đó, chúng tôi đo mọi thứ - cả không gian lẫn thời gian - đều là bằng giá trị đồng tiền.

Chiến tranh thế giới thứ Hai đã qua rồi nhưng chúng tôi vẫn đang sống trong cơn khủng hoảng. Bố và tôi lên đường với hai chiếc vé khứ hồi và tờ giấy bạc năm đôla trong túi bố. Món tiền ấy dùng để mua sách.

Lúc trên sân ga, đột nhiên mẹ buột miệng: “Tôi căm thù cả dòng họ nhà August”. Câu đó đã làm tôi ngạc nhiên bởi lẽ tất cả chúng tôi đều là August. Tôi là August, bố tôi - August, bác Quin là August và cả mẹ, tôi nghĩ, cũng đã mang họ August.

Bố trừng mắt nhìn mẹ và nói: “Có nhiều lí do khiến bà nghĩ như thế. Tôi sẽ chẳng trách cứ gì nếu bà bắn chết hết thảy bọn tôi. Ngoại trừ Quin và con trai bà. Hai người duy nhất trong dòng họ tôi đã bứt ra được và có tài”. Chẳng có chuyện gì khiến bố giận hơn khi buộc ông phải thừa nhận điều ấy.

Bác Quin không ra đón chúng tôi ở ga Pennsylvania. Nếu bố có phật lòng thì ông cũng không dễ lộ cho tôi biết. Bấy giờ đã quá một giờ chiều nên chúng tôi đành phải ăn trưa bằng hai thanh sôcôla. Sau một hồi cuốc bộ, mà đường như đối với tôi là rất lâu, trên vỉa hè chỉ rộng hơn vỉa hè ở thị trấn của chúng tôi chút xíu và không được sạch sẽ cho lắm, băng cách nào đó bố và tôi đến được khách sạn, xây bên cạnh nhà ga trung tâm Grand. Hành lang khách sạn ngập mùi nước hoa. Sau khi nhân viên lễ tân điện thoại cho ngài Quincy August để báo có em trai đến thăm, chiếc thang máy đưa chúng tôi lên tầng thứ hai mươi. Ba người đàn ông đang ngồi trong phòng, vận đồ màu xám hoặc xanh nhạt, những chiếc quần bó sát vào người, còn những chiếc nịt tất thì đang ló ra dưới lai quần mỗi khi họ gác chéo chân. Cả ba không hấn y hệt nhau. Một đे ria con kiến, người khác có cặp lông mày màu vàng bù xù như lông mày của bố, còn người thứ ba thì đang cầm chiếc cốc ở trong tay - hai người khác cũng đang uống, song họ không giữ cốc quá chặt.

“Xin hân hạnh được giới thiệu. đây là em trai Marty của tôi và con trai của chú ấy”, bác Quin nói.

“Cháu tên là Jay”, bố tiếp lời khi đang bắt tay hai người và nhìn vào mắt họ. Tôi bắt chước bố nhưng người đàn ông để râu không đón nhận cái bắt tay và ánh mắt nhìn thân thiện của tôi mà chỉ nói: “Ồ, chào cháu, Jay!”

“Marty, em và cháu có cần rửa tay chân mặt mũi không? Buồng vệ sinh ở đằng sau cửa, phía bên trái ấy”.

“Cảm ơn anh, Quin. Hai bố con em vào trong một lát. Xin lỗi quý ông”.

“Không dám”.

“Không dám”.

Bố và tôi đi vào buồng ngủ. Đồ đạc trong phòng đều mới, xinh xắn, được đóng theo hình bầu dục. Chiếc vali mở nắp, đặt ở trên giường, cũng rất mới. Mùi da thuộc và mùi nước hoa tinh khiết thoang thoảng làm tôi ngây ngất. Đồ lót của bác Quin may bằng lụa có nền bsessionId hoạ tiết hình hoa huệ. Sau khi ra khỏi toilet, tôi định vào phòng khách để nghe bác Quin nói chuyện với bạn bè.

“Hương đã”, bố nói, “chúng ta hãy đợi ở đây”.

“Bố không sợ mất lịch sự sao?”

“Không, bác Quin muốn thế”.

“Bố ơi, đừng có quá suy diễn kéo bác lại nghĩ chúng ta đã chết cả ở trong này”.

“Không, bác sẽ không nghĩ vậy đâu. Bác đang làm việc. Bác không muốn bị quấy rầy. Bố biết cách bác làm việc mà bác muốn chúng ta ở đây thì chúng ta sẽ ngồi đây”.

“Thực vậy không hả bố? Bố thực là một nhà phân tích tình huống đại tài”. Tôi nói nhưng không muốn trở lại phòng khách mà không có bố đi cùng. Tôi nhìn quanh căn phòng để kiểm xem có cuốn sách nào đó để đọc. Chẳng có gì, thậm chí đến cả một tờ

báo, ngoại trừ một sách mỏng, bìa sáng bóng viết về khách sạn. Tôi tự nhủ không biết khi nào mình mới có dịp ra ngoài đi tìm mua cuốn *Vermeer*. Tôi không biết những người đàn ông ở phòng bên đang bàn bạc chuyện gì. Tôi phân vân tại sao bác Quin lại quá thấp trong khi bố tôi lại quá cao. Cúi người qua cửa sổ nhìn xuống, tôi thấy những chiếc xe ca di chuyển như thể những chiếc xe đồ chơi cho trẻ con chạy bằng dây cót.

Bố bước đến đứng cạnh tôi. “Đừng cúi thấp quá”.

Tôi nhích xa bố rồi há miệng hợp một ngum không khí lạnh loãng, sạch sẽ do cách xa mặt đường ồn à. “Bố nhìn chiếc xe màu xanh đang cắt ngang trước chiếc màu vàng kia kia”, tôi nói, “chúng có được phép quay vòng chữ U trên đường phố không hả bố?”

“Ở New York thì ổn cả. Kẻ nào mạnh thì sống là luật lệ duy nhất tại đây”.

“Kia có phải là tòa nhà Chrysler không?”

“Đúng đó. Đẹp đấy chứ? Nơi ấy luôn gợi bố nhớ lại hình bóng của một nữ hoàng trong khu bàn cờ”.

“Bên cạnh đấy là cái gì vậy?”

“Bố không rõ. Có thể một vài tấm bia mộ. Còn tòa nhà nằm sâu phía sau, nhìn từ hướng cửa sổ này, là Woolworth. Trong nhiều năm, đấy là tòa nhà cao nhất thế giới”.

Lúc đứng cạnh nhau trò chuyện bên cửa sổ, tôi ngạc nhiên về việc bố có thể trả lời được rất nhiều những câu hỏi của tôi. Ngày còn trẻ, trước khi tôi chào đời, bố đã đi nhiều nơi để kiếm việc; lần này không phải là lần đầu tiên bố đến New York. Song do bị quyến rũ bởi thần tượng mới của mình, tôi muốn nói điều gì đấy để nhắc nhở bố nhớ lại gương mặt đầy vẻ chịu đựng và lạnh lùng ấy.

“Bố có thực sự nghĩ bác muốn chúng ta ở đây không?” Tôi hỏi.

“Bác Quin là người can đảm”, bố nói và nhìn qua đầu tôi. “Bố rất phục bác. Bất cứ điều gì mình muốn, đâu lớn hay nhỏ, bác cũng đều thực hiện cho bằng được. Danh tiếng, tiền tài, Tư duy của bác, giống như mẹ con, luôn vượt quá xa bố. Con có thể hình dung được điều này”. Bố di chuyển hai bàn tay, lòng bàn tay úp xuống, giống như hai chiếc taxi, chiếc bên trái nhanh chóng vượt lên trên chiếc bên phải. “Con cũng có được cách tư duy ấy”.

“Hắn rồi, hắn rồi”. Tôi không chỉ xấu hổ trước sự ngợi khen mà còn nghi ngờ về việc bố tin rằng bác Quin lại có thể khôn ngoan như tôi.

Cuối cùng thì bác Quin cũng bước vào phòng, bác nói: “Martin, anh muốn chú cùng cháu ra ngoài nói chuyện với bọn anh”.

“Quái quỷ thực, em không muốn xen vào chuyện của người khác. Anh và các bạn đang bàn chuyện làm ăn”.

“Lucas, Roebuck và anh ư? Không. Martin, chẳng có gì quan trọng để em phải tránh đâu. Đây chỉ là một thỏa thuận nhỏ. Hai gã ấy tốt lắm đấy. Rất thông thạo công việc. Anh lấy làm tiếc là không có nhiều thời gian để chú tiếp xúc với họ. Nghe anh đi, anh đâu có bảo chú ngồi ở trong này. Bây giờ chú muốn uống gì?”

“Gì cũng được. Đạo này em ít uống”.

“Rượu Scotch pha nước nhé, Martin?”

“Vâng”.

“Thế còn cháu? Một cốc nước gừng nhé, hỡi chàng trai?”

“Một cốc nước gừng”, tôi nói.

“Một đạo, cháu biết không, bố cháu có thể uống nhiều bằng cả hai người”.

Tôi nhớ rất rõ, anh bồi bàn mang thức uống vào phòng và trong lúc đang uống, tôi hỏi liệu hai bố con có thể nghỉ tại

phòng này vào buổi chiều hay không? Bác Quin vờ không nghe thấy nhưng chỉ năm phút sau bác gợi ý rằng cậu bé hắn thích đi dạo quanh thành phố - Gotham, bác nói, đường tàu điện ngầm tựa như cả kinh đô Bátđa trong lòng đất. Bố nói rằng đấy hắn là một sự kiện lớn trong đời của chú nhóc. Bố luôn gọi tôi là “nhóc con” khi tôi bị ốm hay đánh mất một vật gì đó hoặc nổi đoá với mọi người. Tóm lại, lúc ấy bố cảm thấy xót xa cho tôi. Cả ba chúng tôi xuống bằng thang máy và đón taxi xuống Broadway, hoặc lên Broadway, tôi cũng không chắc. “Người ta gọi con đường này là Đại Lộ Trắng”, lát sau, bác Quin nói. Nhưng rồi vội chừa lại “vào ban ngày thì nó cũng y hệt như mọi con đường khác”. Hành trình vội vã ấy dường như không phải để ngắm cảnh mà để đưa bác Quin đến Pickernut, một nhà hàng nhỏ nằm trong dãy nhà hàng có những bức rèm giống hệt nhau. Tôi nhớ chúng tôi dừng xe và đi vào, bên trong nhà hàng tối om. Một nhạc công piano đang chơi bài *Có một khách sạn nhỏ*.

“Anh ta không nên chơi bài ấy”, bác Quin nói rồi vãy chào người đàn ông ngồi trước cây đàn. “Anh có khoẻ không, Freddie?Bạn trẻ thế nào rồi”.

“Ôn cả, thưa ông August. Ôn cả”, Freddie đáp, cúi đầu mỉm cười mà không để lộ một nốt nhạc nào.

“Đó là bài hát của bác Quin”, bố nói trong lúc chúng tôi đang lần từng bước đi đến những chiếc ghế cong, đen xỉn, xếp quanh cái bàn tròn.

Tôi không mở miệng nhưng bác Quin đã đoán được ý tưởng bực bội đang dâng trong đầu tôi, bèn khoả lấp: “Freddie là người đàn ông số một đấy. Ông ta có con trai sắp nhập trường Colgate vào mùa thu này”.

Tôi hỏi: “Có thực bản nhạc ấy là của bác không?”

Bác Quin cười và đặt bàn tay to, ấm của mình lên vai tôi; ngày ấy, tôi không thích bị người khác chạm vào người. “Bác

để họ nghĩ như thế” bác nói, thì thầm rất kì cục. “Theo bác nhạc phẩm thì luôn giống những cô gái trẻ”.

Một người hầu áo đỏ bước nhanh về phía chúng tôi. “Ô, chào ông August! Ông đã đi miền Tây về rồi à? Ông có khoẻ không, thưa ông August?”

“Vẫn thường thôi, Jerome, vẫn thường thôi, Jerome. Giới thiệu với anh, đây là Martin, em trai tôi”.

“Chào ông Martin. Ông đang ghé thăm New York, hay sống ở đây?”

Bố bắt tay rất nhanh với Jerome. Điều ấy đã khiến Jerome ngạc nhiên. “Tôi chỉ ở đây đến hết chiều nay, cảm ơn anh. Tôi đang sống tại một thị trấn nhỏ ở Pennsylvania, nơi mà anh chẳng bao giờ nghe nói đến”.

“Tôi hiểu, thưa ông. Chỉ là một cuộc viếng thăm”.

“Suốt sáu năm qua, đây là lần đầu tiên tôi gặp lại chú ấy”.

“Vâng, gia đình tôi cũng không gặp bác suốt ngàn ấy năm. Bác là người mà chúng ta đâu dẽ gặp, có đúng không?”

Bác Quin ngắt lời “Còn đây là Jay, cháu tôi”.

“Em cảm nhận thành phố lớn này ra sao hở Jay?”

“Thật đẹp”. Tôi đã không lặp lại lỗi của bố khi đưa tay ra bắt.

“Thế nào, Jerome”, bác Quin nói, “chú em tôi và tôi muốn dùng rượu Scotch. Còn cậu bé thì thích một cốc nước gừng”.

“Không, hãy đợi đã”, tôi nói, “ông có những loại kem nào?”

“Thưa, kem vanilla và kem chocolate”.

Tôi lưỡng lự. Tôi không tin điều đó bởi lẽ một quầy kem rẻ tiền ở quê cũng có đến mười lăm loại.

“Tôi lấy làm tiếc là cửa hàng không có nhiều loại”, Jerome nói.

“Cho tôi kem vanilla”.

“Vâng, có ngay. Một đĩa kem vanilla”.

Khi món kem của tôi được mang đến, trông nó giống như thể một quả bóng để chơi golf, được đặt trên chiếc đĩa bạc bằng phẳng; nó quay tròn khi tôi đưa thìa vào múc. Bác Quin nhìn tôi và hỏi: “Cháu còn thích điều gì đặc biệt nữa không?”

“Nó muốn đi đến hiệu sách”, bố nói.

“Hiệu sách à? Loại sách gì vậy, Jay?”

Tôi đáp: “Cháu muốn tìm một cuốn *Vermeer* thật đẹp”.

“*Vermeer*”, bác Quin phát âm chậm rãi, kéo dài âm “r” cho ra vẻ mình đang suy nghĩ. “Trường phái Hà Lan”.

“Vâng, ông ta là người Hà Lan”.

“Theo ý bác, Jay à, người Pháp mới là dân tộc đáng được lưu ý. Nhà bác có bốn bức tranh vũ nữ balê của Degas treo trong phòng khách ở Chicago và bác có thể ngồi ngắm một trong những bức tranh ấy suốt nhiều tiếng đồng hồ. Bác cho rằng chúng thực tuyệt diệu vì đã mang lại cảm giác thăng bằng cho con người”.

“Thế à, nhưng các bức tranh của Degas không khiến bác quan tâm đến cách phối màu của chúng hay sao? Bởi vì với cái nhìn thực, theo con mắt thẩm mĩ của hội họa và với cách nhìn trong sáng, cháu nghĩ trước *Vermeer*, Degas trông thực thảm hại”.

Bác Quin không nói gì, còn bố, sau cái liếc nhanh qua bàn đầy vè lo lắng, đã lên tiếng. “Đây là luận điểm mà cháu cùng với mẹ nó luôn tranh luận. Em không quan tâm. Em không thể hiểu nổi bất kì điều gì về đối thoại của hai mẹ con”.

“Có phải mẹ cháu đang khuyến khích cháu trở thành hoạ sĩ không, Jay?”

Nụ cười mỉm của bác Quin rất rộng, hai má bác phồng như thể đang ngậm hai cái kẹo.

“Hắn rồi. Cháu nghĩ mẹ muốn thế”.

“Jay à, mẹ cháu là một phụ nữ tuyệt diệu”, bác Quin nói.

Lời ngợi khen ấy hàm chứa sự mỉa mai và mức độ của nó là tùy thuộc vào việc xác định giới hạn của từ “tuyệt diệu”. Tôi múc kem ăn trong lúc bố đang hỏi bác Quin về bác gái Tessie. Lúc chúng tôi đứng dậy, bác Quin đã kí vào tấm séc tên của bác và tên của một công ty nào đó. Bấy giờ đã gần năm giờ.

Bác tôi không biết nhiêu về địa điểm của các quầy sách ở New York - mười lăm năm trở lại đây bác sống ở Chicago - nhưng bác nghĩ rằng nếu chúng tôi đi đến đường phố Bốn mươi hai đại lộ thứ Sáu thì chúng tôi sẽ tìm thấy. Người tài xế taxi thả chúng tôi xuống cạnh một công viên nằm ở phía sau thư viện công cộng. Quang cảnh trông như thể có nhiều người đến đây, nhiều bụi; những con chim bồ câu và cả người đang ngủ gật trên những chiếc ghế dài, những cô công nhân trong những bộ đồ mùa hạ; chưa kịp suy nghĩ, tôi vội kéo tay bác và bố đi vào. Những tòa nhà long lanh nhô lên ở đằng kia, xuyên qua các ngọn cây. Đây là New York, tôi cảm nhận được: thành phố bạc. Cảm giác muốn chiêm ngưỡng dâng lên trong lòng tôi. “Nếu con đứng tại chỗ này”, bố nói, “thì con có thể nhìn thấy toàn bang New York”. Tôi bước đến, đứng bên dưới cánh tay của bố và dõi mắt nhìn về hướng ấy. Song một vật gì đấy nhọn và sắc rơi vào mắt phải của tôi. Tôi cúi xuống rồi chớp chớp mắt; tôi bị đau.

“Chuyện gì thế?”, giọng của bác Quin hỏi.

Bố lén tiếng: “Thằng nhóc bị vật gì rơi vào mắt. Nó thật là người gặp nhiều xúi quẩy nhất trong tất cả những người kém may mắn mà em đã từng biết”.

Vật ấy dường như biết cử động. Nó đốt. “Ôi”, tôi thốt lên và giọng nói, do tức giận, đã chuyển thành tiếng hét.

“Nếu chúng ta đưa nó vào chỗ khuất”, giọng của bố, “thì em có thể xem thử”.

“Không được đâu, ngay bây giờ, Martin, hãy tư duy bằng đầu. Đừng có đùa với mắt hoặc tai. Khách sạn nằm

cách đây hai dãy nhà. Cháu có thể đi bộ qua hai dãy nhà được không Jay?"

"Cháu chỉ mù chứ không què", tôi đốp lại.

"Cháu thực là thông minh".

Dùng một bàn tay che mắt, bước giữa hai người, tôi đi về khách sạn. Lần lượt bố hoặc bác nắm tay tôi hay để tay lên vai nhưng tôi lại bước nhanh hơn và bàn tay ấy bị rơi xuống. Do không muốn gây nhiều chú ý, khi chúng tôi đi vào cổng khách sạn, tôi bỏ tay khỏi mắt và cố bước đi đĩnh đạc, bất chấp nỗi đau đang âm ỉ. Ngoại trừ một con mắt phải nhắm lại và khuôn mặt có thể bị đỏ, tôi hình dung ra mình khá chững chạc. Tuy nhiên, những người hộ tống đã không bỏ phí cơ hội để phản bội tôi. Họ không chỉ bám sát chân tôi, làm như thể tôi sẽ ngã nhào ra bất kì lúc nào, mà bố còn nói với người gác cổng già đang ngồi đầu hành lang rằng: "Thằng nhỏ bị vật gì rơi vào mắt", còn bác Quin bước vào bàn lễ tân, đề nghị "cử ngay một bác sĩ đến phòng mươi một tầng hai mươi".

"Không cần phải mời bác sĩ đâu anh Quin", bố nói khi đang đứng trong thang máy. "Em sẽ lấy ra ngay thôi mà, bây giờ cháu đã vào trong chỗ khuất. Chuyện này vẫn thường xuyên xảy ra. Mắt của cháu hơi lồi ra ngoài".

"Chớ có xem thường đôi mắt, Martin. Chúng là tài sản vô giá nhất trong cuộc đời con người".

"Nó sẽ ra khỏi", tôi nói mặc dù không lấy làm chắc chắn. Tôi có cảm giác nó như một mẩu sắt nhọn, đâm sâu vào.

Vào phòng, bác Quin đặt tôi nằm lên giường. Bố vừa vò chiếc khăn tay sạch, sao cho một góc của nó mềm đi, vừa bước về phía tôi, nhưng việc mở con mắt đã làm tôi đau đến nỗi tôi phải đẩy bố ra. "Đừng có hành hạ con", tôi nói, rồi quay mặt đi. "Làm điều ấy có ích gì? Bác sĩ sẽ lên ngay thôi mà".

Tổ vê ân hận, bố dút chiếc khăn tay vào túi áo khoác.

Bác sĩ là người đàn ông có bàn tay mềm mại, ít lời, và

không có vẻ là một bác sĩ tư. Ông dùng chiếc que nhỏ rà rà trên mi mắt dưới của tôi rồi ấn sâu vào, rà tiếp, lấy ra đưa tôi xem, đầu chiếc que ấy là một sợi lông mi. Ông nhổ ba giọt thuốc màu vàng vào mắt để đề phòng nhiễm trùng. Những giọt thuốc đau rát, tôi nhấp mắt, nambi tựa người vào chiếc gối và vui mừng vì mọi chuyện đã kết thúc. Khi tôi mở mắt, bố đang trao tờ giấy bạc cho bác sĩ. Bác sĩ cảm ơn bố, nháy mắt với tôi rồi ra về. Bác Quin từ phòng tắm bước ra.

“Nào, chàng trai trẻ, bây giờ cháu thấy thế nào?”, bác hỏi.  
“Tốt”.

“Nó chỉ là một sợi lông mi”, bố nói.

“Chỉ là sợi lông mi! Chà, anh biết, một sợi lông mi mỗi khi rơi vào mắt thì cũng có thể được xem như một lưỡi dao cạo râu sắc. Nhưng lúc này, chàng trai trẻ đã bình phục, chúng ta có thể tính toán chuyên ăn tối”.

“Không được đâu. Em thực sự cảm kích trước tấm thịnh tình của anh. Quin ạ, song hai bố con phải quay trở về. Em phải dự một cuộc họp vào lúc tám giờ”.

“Anh rất lấy làm tiếc khi nghe điều ấy. Cuộc họp gì vậy hở Martin?”

“Hợp hội đồng nhà thờ”.

“Hoá ra là chú vẫn còn tham gia những hoạt động của nhà thờ. Tốt. Chúa sẽ ban phước lành cho chú về chuyện ấy”.

“Grace chuyển lời mời anh về nhà chúng em chơi. Nếu anh thu xếp được công việc, cả nhà sẽ giữ lại ở qua đêm. Cô ấy sẽ rất mừng khi được gặp lại anh”.

Bác Quin bước đến, choàng tay lên vai người em. “Martin, anh muốn thực hiện chuyến viếng thăm ấy hơn bất kì thứ gì trên đời. Nhưng công việc của anh ngập đầu, thứ năm anh phải lên miền Tây. Họ không dễ cho anh có được giây phút nào rảnh rang. Chẳng có gì mang lại hạnh phúc cho anh bằng một ngày yên tĩnh được sống bên Grace và chú tại nhà cô chú.

Hãy chuyển đến cô ấy cả tấm lòng anh và nói rằng cô ấy đang có một chú nhóc tuyệt vời, người mà chú đang nuôi dưỡng”.

Bố hứa: “Em sẽ làm điều ấy”. Và sau một thoáng bịn rịn, chúng tôi ra về.

“Cậu bé đã khá hơn chứ”, ông già gác cổng hỏi khi chúng tôi bước ra.

“Cảm ơn ông, chỉ là một sợi lông mi thôi mà”, bố nói.

Lúc chúng tôi ra đến ngoài phố, tôi phân vân không biết có hiệu sách nào còn mở cửa hay không.

“Chúng ta hết tiền”.

“Không còn một xu sao?”

“Bác sĩ đã lấy năm đôla. Đây là giá để lấy một vật trong mắt người ta ra ở New York”.

“Con không cố ý làm việc ấy. Bố có nghĩ là con đã tự nhổ lông mi rồi thả vào mắt mình không? Con đã không bảo bố gọi bác sĩ”.

“Bố biết điều đó”.

“Sao chúng ta không đi đến hiệu sách để xem qua một lát?”

“Chúng ta không có thời gian. Jay”.

Nhưng khi chúng tôi đến nhà ga Pennsylvania, còn ba mươi phút nữa chuyến tàu mới khởi hành. Chúng tôi ngồi xuống ghế. Bố mỉm cười bí hiểm. “Con thấy chưa, lão thực khôn khéo có phải không? Tư duy của lão vượt quá bố đến sáu mươi năm ánh sáng”.

“Của ai vậy?”

“Của anh trai bố. Con có để ý cách lão trốn trong buồng tắm cho đến lúc bác sĩ ra về? Đây là cách giữ tiền. Ngươi giàu xén so từng xu một như người chơi tem giàn giữ từng con tem. Bố biết lão sẽ xử sự như thế. Bố biết khi lão bảo thư kí gọi bác sĩ thì bố sẽ phải trả tiền”.

“Mà tại sao bác ấy phải trả? Bố là người phải chịu trách nhiệm thanh toán”.

“Đúng thế. Tại sao lại là lão ấy?” Bố dựa lưng vào thành ghế, mắt nhìn về phía trước, hai bàn tay đan chéo đặt vào lòng. Mảng da bên dưới cầm bối chùng xuống; hai bên thái dương dường như lõm vào. Bố đang chìm trong dòng suy tưởng. “Điều đó giải thích tại sao lão ấy đang ở địa vị của lão và bố thì ở nơi của bố”.

Cơn giận của tôi dường như đã chuyển thành ước muốn, muốn gọi bố quay trở lại với thực tại, thoát khỏi trạng thái già nua, mệt mỏi. “Ừ, tại sao bố chỉ mang theo năm đôla? Lê ra bố phải đoán biết sẽ có chuyện gì đó xảy ra chứ?”

“Con nói đúng, Jay. Bố nên mang nhiều hơn”.

“Bố nhìn kia. Đằng kia có một hiệu sách đang còn mở cửa. Bay giờ, giá mà bố mang theo mười đôla”.

“Nó còn mở chẳng? Bố không nghĩ thế. Họ chỉ để ánh sáng lọt qua cửa sổ”.

“Nó chưa đóng thì đã sao? Chẳng mắc mớ gì đến chúng ta cả? Dẫu sao thì liệu có loại sách nghệ thuật nào để bố có thể mua với giá năm đôla? Sách minh họa bằng hình màu rất đắt. Bố nghĩ giá của một cuốn sách ra gần đây nhất của Vermeer là bao nhiêu? Rẻ nhất cũng đến mười lăm đôla, thậm chí kể cả sách cũ, những cuốn có tất cả số trang đều nhau nát và vầy càphê”. Tôi tiếp tục đay nghiến léo nhéo bởi tức giận trước việc tính toán của bố, cho đến lúc rời khỏi thành phố. Ngay khi chúng tôi lên tàu, cơn cău kinh của tôi đã tan biến. Đây là kiểu bất đồng đặc biệt giữa bố và tôi. Bố đã chịu đựng sự la lối của tôi với thái độ bình tĩnh, gật đầu tán thành như kiểu của một bà mụ xuất hiện lúc đứa trẻ - niềm tự hào của một gia đình nào đó - ra đời. Đã nhiều năm trôi qua kể từ ngày ấy, trước lúc tôi muốn đến New York một lần nữa.

TOBIAS WOLFF

(Mi)

## NHỮNG KẺ ĐI SĂN TRONG TUYẾT

Tub đợi cả tiếng đồng hồ dưới trời tuyết rơi. Hắn đi lại trên vỉa hè để giữ ấm và thò đầu ra ngoài lề đường bất cứ khi nào trông thấy ánh đèn xe đến gần. Một người lái xe dừng lại nhưng trước lúc Tub kịp vẫy, người đàn ông trông thấy khẩu súng trường đằng sau lưng Tub bèn dặn ga đi tiếp. Bánh xe quay tròn trên mặt băng. Tuyết rơi dày hơn. Tub đứng dưới mái hiên của một toà nhà. Bên kia đường, những đám mây trắng xóa bay là là trên những nóc nhà, đèn đường bật sáng. Hắn đổi dây súng sang vai kia. Không gian ngập chìm trong màu trắng.

Một chiếc xe tải lao quanh qua góc phố, bấm còi inh ỏi, đuôi xe nảy lên. Tub di len vỉa hè và giơ tay vẫy. Chiếc xe chồm lên lề đường nhưng vẫn cứ lao tới, một nửa thân xe dưới lòng đường, một nửa trên vỉa hè. Nó không chạy chậm hơn chút nào. Tub đứng một lát, vẫn giơ tay vẫy rồi nhảy lùi lại. Khẩu súng của hắn tuột ra khỏi vai, nảy lóc cốc trên mặt băng, chiếc bánh sandwich rơi ra khỏi túi hắn. Hắn chạy đến bậc tam cấp của toà nhà. Một chiếc bánh sandwich khác và gói bánh bao đổ nhào trên lớp tuyết mới. Hắn lén đến bậc tam cấp và nhìn lại.

Chiếc xe tải dừng lại vài mét phía bên kia đường nơi Tub đứng. Hắn nhặt mấy cái bánh sandwich và bánh bao rồi đeo

súng đi lên cửa buồng lái. Gã lái xe cúi người lên vô lăng, vỗ vỗ đầu gối và nhịp chân trên ván sàn. Trông gã chẳng khác nào bức tranh biếm họa của một người đang cười, chỉ trừ đôi mắt đang nhìn người đàn ông ngồi cạnh hắn. “Mày nên xem lại bản thân một tí”, gã lái xe nói. “Trông nó giống y một quả bóng lớn đói mū, phải không? Có phải không, Frank?”

Người đàn ông bên cạnh hắn mỉm cười và nhìn đi chỗ khác.

“Mày làm tao gần kiệt sức”, Tub nói. “Mày suýt giết chết tao đây”.

“Lên đi, Tub”, người đàn ông ngồi cạnh gã lái xe nói. “Vui vẻ lên. Kenny chỉ vừa mới đi loãng quãng một tí thôi mà”. Hắn mở cửa và dịch vào giữa ghế.

Tub khoá chốt an toàn của khẩu súng rồi trèo lên cạnh hắn. “Tao đã đợi hàng tiếng đồng hồ”, hắn nói. “Nếu mày định mười giờ thì sao không nói mười giờ cho rõ?”

“Tub, mày đã chẳng làm gì ngoại trừ cứ kêu ca suốt từ lúc chúng tao đến đây”, người đàn ông ngồi giữa nói. “Nếu mày muốn đáy ịa hay than vãn cả ngày thì mày có thể về nhà cũng được và đi mà cǎn nhǎn với mấy con dê non của mày. Bằng cái “cuốc chim” của mày ấy”. Khi Tub không nói lời nào nữa hắn quay sang gã lái xe. “Được rồi, Kenny, phán thôi”.

Bên đường, lúc xe chạy, bọn choai choai lêu lổng đã ném một viên gạch xuyên qua kính chắn gió nên hơi lạnh và tuyết thốc vào cabin. Những kẻ tán gẫu không chuyện trò nữa. Chúng che người bằng hai tấm chăn Kenny đã đem theo và hạ tấm bạt trên nóc xe xuống. Tub cố gắng giữ ấm đôi bàn tay bằng cách chà xát dưới chăn nhưng Frank bắt hắn dừng lại.

Chúng rời Spokane rồi tiến sâu vào vùng nông thôn, chạy dọc theo những hàng rào màu đen. Tuyết rơi thưa dần, nhưng vẫn không thấy đường biên vùng đất nơi nó tiếp giáp với chân trời. Không có gì di chuyển trên những cánh đồng trắng xoá. Hơi lạnh làm trắng bợt những gương mặt và làm râu mọc lởm

chởm trên má và mép chúng. Chúng dừng lại hai lần để uống cà phê trước khi vào rừng, nơi Kenny muốn đi săn.

Tub đã thử đi vài nơi khác; trong vòng hai năm nay chúng đã lùng sục khắp vùng đất này mà chẳng thấy con thú nào. Frank chẳng quan tâm đến cái gì cả, hắn chỉ muốn thoát ra khỏi chiếc xe chết tiệt này. “Thế đấy!”, Frank nói, sập mạnh cánh cửa. Hắn duỗi chân ra và nhắm mắt lại rồi ngả đầu ra phía sau, thở đều đều. “Điều chỉnh sóng dài kia đi”.

“Có một điều khác là”, Kenny nói. “Đây là vùng đất trống. Hầu hết đất đai quanh vùng này đều đã được sở hữu”.

“Tao lạnh quá”, Tub nói.

Frank thở dài. “Đừng cằn nhằn nữa, Tub. Im miệng đi”.

“Tao không cằn nhằn”.

“Câm họng”, Kenny nói. “Frank này, việc tiếp theo là mày sẽ mặc một chiếc áo ngủ. Bán hết sạch hoa ở sân bay”.

“Kenny”, Frank kêu. “Mày nói nhiều quá đấy”.

“Thôi được”, Kenny nói. “Tao sẽ không nói một lời nào nữa. Giống như tao sẽ không nói gì về một cô giữ trẻ nào đó”.

“Cô giữ trẻ nào?” Tub hỏi.

“Đấy là chuyện của bọn tao”, Frank nói và nhìn Kenny. “Đó là điều bí mật. Mày phải giữ mồm giữ miệng đấy”.

Kenny cười vang.

“Mày đang yêu cầu cái đó”, Frank nói.

“Yêu cầu gì vậy?”

“Rồi mày sẽ thấy!”

“Này”, Tub nói. “Chúng ta đang đi săn hay làm gì?”

Chúng băng qua cánh đồng. Tub gặp trở ngại khi vượt qua những hàng rào. Frank và Kenny hắn đã có thể giúp hắn, chúng có thể nhắc sợi dây trên đỉnh rào lên và giảm sợi dây bên dưới xuống, nhưng chúng không làm. Chúng đứng và nhìn hắn. Ở đó có rất nhiều rào chắn và Tub phì phèo khi chúng đến khu rừng.

Chúng đã săn hơn hai tiếng đồng hồ mà không thấy hươu nai, không thấy bống dáng hay dấu vết bất kì con thú nào cả. Cuối cùng chúng dừng lại ăn bên một nhánh sông. Kenny có vài lát bánh piza và hai thỏi kẹo; Frank ăn một chiếc bánh sandwich, một quả táo và một miếng sôcôla; Tub ăn trứng luộc và một cọng cần tây.

“Mày hỏi hôm nay tao muốn chết như thế nào?”, Kenny nói.  
“Tao sẽ bảo mày thiêu tao ở trên giàn thiêu ấy”. Hắn quay sang Tub. “Mày vẫn ăn kiêng đấy à?” hắn nháy mắt với Frank.

“Mày nghĩ gì đấy? Mày tưởng tao thích trứng luộc sao?”

“Tất cả những gì tao có thể nói với mày là, từ lần ăn kiêng đầu tiên, tao đã nghe nói rằng mày bị tăng cân”.

“Ai bảo tao tăng cân?”

“Ôi, hãy bỏ qua đi. Tao xin rút lại lời nói. Theo tao, mày chỉ lăng phí thôi. Phải không, Frank?”

Những ngón tay của Frank xoè ra như rẽ quạt, đầu ngón tay tì vào lớp vỏ gốc cây, chỗ hắn để thức ăn. Đốt tay hắn đầy lông. Hắn đeo một dải băng cưới nặng trịch, và ở ngón út trên bàn tay phải là một chiếc nhẫn vàng mặt đet chạm chữ F bằng một chất liệu trông như kim cương. Hắn xoay tới xoay lui chiếc nhẫn.

“Tub à”, hắn nói, “mày không nhìn thấy hai hòn ngọc của chính mày đã mười năm nay rồi”.

Kenny cười rũ rượi. Hắn lột mũ ra đập đập vào chân.

“Tao phải xử lý thế nào đây? Đây là điểm yếu của tao”.

Chúng rời rừng, đi săn dọc theo nhánh sông. Frank và Kenny săn bờ bên này, còn Tub săn bờ bên kia, tiến ngược dòng. Tuyết rơi nhẹ nhưng chất đống lên, dày và khó đi qua. Bất cứ chỗ nào Tub cũng cẳng mắt nhìn mặt tuyết mềm mại, yên tĩnh, nhưng rồi lát sau hắn lại không chăm chú nhìn nữa. Hắn dừng lại tìm kiếm dấu vết và cố bám theo Frank và Kenny ở bờ bên kia. Ngay khi ý thức phải đuổi kịp hai thằng kia thì hắn nhận ra rằng không thấy chúng từ lâu rồi. Gió nhẹ thổi từ

phía hắn sang chỗ bọn chúng; khi gió lặng, thỉnh thoảng hắn có thể nghe thấy Kenny cười nhưng tất cả chỉ có thể. Hắn tăng tốc, vất vả giữa trời tuyết, vật lộn để đi trong tuyết bằng hai đầu gối và khuỷu tay. Hắn nghe thấy nhịp đập tim mình và cảm thấy mặt đỏ bừng nhưng hắn không một lần dừng lại.

Tub bắt kịp Frank và Kenny ở khúc lượn của nhánh sông. Chúng đang đứng trên một khúc gỗ vắt từ bờ bên chúng tới hắn. Băng dùn lên bên dưới khúc gỗ. Đám lau sậy bị đóng băng mọc nhô ra, trơ trụi và rập rờn mỗi khi gió thổi.

“Thấy gì không?” - Frank hỏi.

Tub lắc đầu.

Ở đó không có nhiều ánh sáng nên chúng quyết định quay lên phía con đường. Frank và Kenny qua sông, trên khúc gỗ và chúng đi xuôi dòng, men theo vết chân Tub đã đi. Trước lúc chúng đi một khoảng xa, Kenny dừng lại. “Nhìn kia”, hắn nói và chỉ vào mấy vết chân thú đi từ bờ sông vào rừng. Dấu chân của Tub giẫm lên chúng. Trên một ụ tuyết, rõ như ban ngày, có nhiều dấu chân hươu. “Mày nghĩ thế nào về điều này, Tub?” Kenny đá vào những dấu vết đó. “Những quả hồ đào trên mặt băng bóng chăng?”

“Tao cho là tao đã không nhìn thấy”.

Kenny nhìn Frank.

“Tao bị lạc”.

“Mày bị lạc. Đồ bị thịt”.

Chúng lần theo dấu vết vào trong rừng. Con hươu đã đi qua bờ rào bị tuyết vùi mất một nửa. Một bảng hiệu cấm săn được đóng lên đầu một trong những cái cột. Frank cười to và nói rằng chỉ có đồ chó đẻ mới đọc điều đó. Kenny muốn đuổi theo con hươu nhưng Frank nói là không còn đường, người ngoại vùng không được làm lộn xộn. Hắn nghĩ có thể người nông dân, người chủ sở hữu mảnh đất sẽ để cho bọn hắn đi săn nếu chúng xin phép. Kenny không thật chắc. Dẫu sao,

hắn tính toán rằng trong khoảng thời gian bọn hắn đi về chỗ xe tải và lái lên con đường rồi quanh lại thì trời đã gần tối.

“Bình tĩnh đi”, Frank nói. “Mày không thể quen cái thói bộp chộp như vậy. Nếu chúng ta muốn săn con hươu đó, chúng ta sẽ săn được. Nếu chúng ta không muốn, chúng ta sẽ không săn”.

Chúng bắt đầu quay lại chiếc xe. Phần này của cánh rừng chủ yếu là thông. Tuyết đã phủ một lớp băng láng bóng lên khu rừng. Kenny và Frank vẫn đứng vững nhưng Tub ngã chuí xuống. Khi hắn đá về phía trước, gờ băng đã làm thâm tím cổ chân hắn. Kenny và Frank bỏ đi trước, khiến hắn không thể nghe thấy tiếng chúng tí nào nữa. Hắn ngồi xuống gốc cây và lau mặt. Hắn ăn hai cái bánh sandwich và nửa chiếc bánh bao, tận hưởng khoảnh khắc khoái trá của mình. Không gian tĩnh lặng như tờ. Khi Tub đi qua hàng rào cuối cùng xuống đường thì chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Tub phải chạy theo và cố gắng túm được vào khung cửa phía dưới rồi lăng mình vào thùng xe. Hắn nằm yên, thở hổn hển. Kenny nhìn qua cửa hậu và cười nhăn nhở. Tub trườn vào trong mạn khuất gió của buồng lái để tránh gió lạnh. Hắn kéo sụp vành mũ che tai xuống thấp và rúc cầm vào trong cổ áo khoác. Ai đó gõ cửa sổ nhưng Tub không quay ra.

Hắn và Frank đợi ở bên ngoài trong khi Kenny vào trang trại xin phép. Ngôi nhà đã cũ, sơn tường bong ra từ phía. Trên đỉnh ống khói, khói tuôn lên ngả về hướng Tây và loãng ra thành một đám khói xám mỏng. Trên đỉnh đồi, một dải mây xanh đang trườn lên.

“Trí nhớ mày tồi quá”, Tub nói.

“Cái gì?” Frank nói. Hắn lại khởi động máy.

“Tao vẫn thường bảo vệ mày”.

“Tốt, thế là mày đã bảo vệ cho tao. Vậy cái gì đang cắn rút mày thế?”

“Mày đừng nên gọi cho tao nhớ lại chuyện ấy nữa”.

“Tub, mày là người đã trưởng thành. Mày có thể tự lo toan

cho mình được. Dù sao, nếu mày cho rằng mày là người duy nhất gặp rắc rối thì tao có thể nói với mày rằng mày chẳng gặp rắc rối gì cả”.

“Frank, có cái gì làm mày bức bối phải không?”

Frank đá vào một cành cây trồi lên mặt tuyêt. “Đừng bận tâm”, hắn đáp.

“Kenny nói quá nhiều”. Frank nói. “Mày chỉ nên để ý việc của mày thôi”.

Kenny ra khỏi trang trại và ra hiệu đã được đồng ý, chúng bắt đầu bước quay lại phía rừng. Khi chúng đi qua kho thóc, một con chó săn to đeo với cái mõm đốm chạy ra sửa. Mỗi lần sửa nó lại bị trượt lùi về phía sau một tí, giống như một khẩu súng thần công đang nhả đạn. Kenny quỳ xuống bò bằng tay rồi gầm gừ sửa lại, con chó len lén đi vào kho thóc, ngoài đầu nhìn lại rồi té một bãi nhỏ khi bỏ đi.

“Dân kỳ cựu đây”, Frank nói. “Một bô lão chính cống. Phải thọ được mười lăm năm rồi chứ không ít”.

“Quá già”, Kenny nói.

Đi hết kho thóc chúng đi tắt qua cánh đồng. Vùng đất này không có hàng rào và bị lớp băng đóng cứng dày lên nên chúng đi lại dễ dàng. Chúng lần theo rìa cánh đồng cho tới khi lại tìm ra dấu chân thú, cứ đi sâu vào rặng đồi. Cây cối bắt đầu mờ dần thành những cái bóng, gió quét những vụn băng châm buốt lên mặt chúng. Cuối cùng chúng lại để mất dấu.

Kenny chửi thề và ném mū xuống. “Đây là ngày săn tồi tệ nhất mà tao từng gặp, đến một cái lông cũng chẳng có”. Hắn nhặt mū lên và phủi sạch tuyêt. “Kể từ khi tao mười lăm tuổi, đây là mùa săn đầu tiên mà tao không hạ được con hươu của mình”.

“Đó không phải là hươu”, Frank nói. “Mà là một cuộc săn. Tất cả các nhóm ấy đổ hết ra đây và mày thì chỉ bám theo chúng”.

“Mày bám theo chúng ấy”, Kenny nói. “Còn tao đến đây là để săn hươu, không thèm nghe theo cái lũ *hippi* nhảm nhí ấy.

Còn nếu không thấy dấu vết nào ở đây thì tao cũng chẳng thể tìm thấy”.

“Đủ rồi đấy”, Frank nói.

“Còn mày - nếu mày còn mãi mơ tưởng đến con gà mái ta của mày thì mày cũng sẽ không biết gì hươu nai cả, đâu cho mày có nhìn thấy nó”.

“Câm miệng đi”, Frank nói và quay đi.

Kenny và Tub theo hắn băng qua cánh đồng. Khi chúng về đến kho thóc, Kenny đứng lại và chỉ tay. “Tao cầm thù cái cột kia”, hắn nói. Hắn nâng súng bắn. Tiếng nổ nghe tựa một cành cây khô nứt toác ra. Phía bên phải cái cột bị toác ra tới tận ngọn. “Này”, Kenny nói. “Đấy, nó câm miệng rồi đấy”.

“Dẹp đi”, Frank nói và đi vượt lên trước.

Kenny nhìn Tub. Hắn mỉm cười. “Tao cầm thù cái cây kia”, hắn nói, và lại bắn. Tub vội vàng đuổi kịp Frank. Hắn mở miệng nói nhưng khi ấy chú chó chạy ra khỏi kho thóc và sửa. “Ngoan nào, cậu bé”, Frank nói.

“Tao cầm thù con chó kia”, Kenny đang ở phía sau chúng.

“Đủ rồi đấy”, Frank nói. “Mày hạ súng xuống đi”.

Kenny bắn. Viên đạn găm vào giữa hai mắt con chó. Nó gục xuống tuyết, bốn chân xoai rộng ra, cặp mắt vàng mở trừng trừng và trồi lên. Trừ vũng máu, trông nó giống như một tấm thảm da gấu nhỏ. Máu từ mõm chó chảy xuống tuyết.

Cả ba nhìn con chó đang nằm đó.

“Nó đã làm gì mày chưa?” Tub hỏi. “Nó chỉ sửa thôi”.

Kenny quay về phía Tub - “Tao cầm thù mày”.

Tub lia súng ngang thắt lưng. Kenny bị quật mạnh về phía sau và vào hàng rào, khuỷu gối xuống. Hắn đưa tay ôm bụng. “Nhìn đây”, hắn nói. Tay hắn đầy máu. Trong ánh chiều nhập nhơng trông máu hắn sắc xanh nhiều hơn sắc đỏ. Đường như chỗ máu ấy khuất trong bóng râm, trông như thể không phải của hắn. Kenny thận trọng rờ lên bụng mình. Hắn thở hắt ra vài lần, rất sâu. “Mày đã bắn tao”, hắn nói.

“Tao phải”, Tub nói. Hắn quỳ xuống bên Kenny. “Lạy Chúa”, hắn kêu. “Frank, Frank”.

Frank đã không nhúc nhích kể từ khi Kenny giết con chó. “Frank!” Tub gào lớn.

“Tao chỉ đùa chơi thôi mà”, Kenny nói. “Đó là một trò đùa. Ông!” hắn nói và đột nhiên gập lưng lại. “Ông”, hắn lại kêu, và thọc sâu gót chân vào trong tuyết rồi oằn người đẩy về phía trước vài bước. Hắn dừng lại, nằm yên, cong người trên gót chân và đầu, vặn vẹo giống như một đồ vật đang tập bài thể dục khởi động.

Frank chợt tỉnh. “Kenny”, hắn nói. Hắn cúi xuống và đặt bàn tay deo găng của mình lên trán Kenny. “Mày đã bắn nó”, hắn nói với Tub.

“Nó buộc tao”, Tub nói.

“Không, không, không”, Kenny kêu lên.

Mắt mũi Tub dàn dụa nước. Toàn bộ gương mặt hắn dâng nước. Frank nhấp mắt rồi lại nhìn xuống Kenny. “Đau ở đâu?”

“Ở khắp nơi”, Kenny nói.

“Lạy Chúa”, Tub nói.

“Tao muốn hỏi viên đạn trúng chỗ nào?” Frank nói.

“Đây này”, Kenny chỉ vào vết thương trên bụng. Vết thương đang chảy máu chậm chạp.

“Mày còn may đấy”, Frank nói. “Vết thương nằm ở bên trái. Chênh ruột thừa. Nếu trúng vào ruột thừa thì thực sự mày đã tiêu đời rồi”. Hắn oằn người vật vã trên tuyết, tay ôm chặt lấy bụng nhu thể đang giữ ấm.

“Mày thấy ổn chứ?” Tub nói.

“Có mấy viên thuốc giảm đau ở trong xe ấy”, Kenny nói.

“Tao sẽ đi lấy”, Frank nói.

“Tốt hơn là chúng ta nên gọi xe cứu thương”, Tub nói.

“Lạy Chúa”, Frank kêu lên. “Chúng ta sẽ phải nói gì đây?”

“Chính xác những gì đã xảy ra”, Tub nói. “Nó định bắn tao nhưng tao đã bắn nó trước”.

"Không đời nào!" Kenny het. "Không đời nào!"

Frank vỗ nhẹ lên tay Kenny! Bình tĩnh đi, anh bạn". Hắn đứng lên. "Đi thôi".

Tub nhặt súng của Kenny lên khi chúng đi bộ xuống phía trang trại. "Không thể coi thường lời đe doạ ấy", hắn nói. "Kenny hẳn đã có ý định."

"Tao chỉ có thể nói với mày một điều", Frank nói. Lần này mày đã thực sự làm điều đó. Rõ là ngu xuẩn".

Chúng phải gõ cửa hai lần trước lúc một người đàn ông giànゴ có mái tóc rủ xuống ra mở cửa. Căn phòng phía sau ông ta đầy khói. Ông hấp háy mắt nhìn chúng. "Các anh cần gì?" - ông ta hỏi.

"Không", Frank trả lời.

"Tôi biết anh sẽ đáp không. Đây là những gì tôi có thể nói hộ cho anh kia.

"Chúng tôi gặp tai nạn".

Người đàn ông rời mắt khỏi Frank và nhìn Tub đang ủ rũ. "Bắn bạn, có phải không?"

Frank gật đầu.

"Tôi đã bắn", Tub nói.

"Tôi đoán các anh muốn gọi điện thoại".

"Nếu ông cho phép".

Người đàn ông nhìn về phía sau lưng mình rồi bước lùi lại. Frank và Tub theo ông ta vào nhà. Có một người phụ nữ ngồi bên lò sưởi ở giữa phòng. Lò sưởi đang tỏa khói mù mịt. Bà ta ngược lên rồi lại nhìn xuống đứa trẻ đang ngủ trong lòng. Gương mặt bà trắng bệch và đượm vẻ chán nản: những lọn tóc rủ xuống trán. Tub sưởi ấm hai bàn tay trên lò sưởi trong khi Frank vào bếp gọi điện. Người đàn ông đã mở cửa ra cho họ. đang đứng bên cửa sổ, đút tay vào túi quần.

"Bạn tôi đã bắn chết con chó của ông", Tub nói.

Người đàn ông gật đầu mà không quay lại. "Lẽ ra chính

tôi cũng muốn làm điều đó. Chỉ có điều tôi không thể". "Anh ấy quý con chó lắm", người đàn bà nói. Đứa trẻ vặn vẹo và bà ta đưa nó.

"Ông nhở hắn à?" Tub nói. "Ông nhở hắn bắn con chó của mình ư?"

"Nó đã quá già và ốm yếu. Thậm chí không nhai nổi cả thức ăn nữa. Bản thân tôi cũng sẽ phải làm điều đó nhưng tôi không có súng".

"Dù thế nào anh cũng không thể làm", người đàn bà nói. "Hoàn toàn không thể làm suốt cả triệu năm".

Người đàn ông nhún vai.

Frank ra khỏi bếp. "Chính chúng ta phải mang hắn đi. Bệnh viện gần nhất cách đây năm mươi dặm và tất cả xe cứu thương của họ đều đã đi hết".

Người đàn bà biết một con đường tắt nhưng hướng đi rắc rối nên Tub phải vẽ lại. Người đàn ông chỉ cho chúng nơi có thể kiểm được mấy tấm ván để khiêng Kenny. Ông ta không có đèn pin nhưng ông nói sẽ bật đèn cổng.

Bên ngoài trời tối. Những đám mây sà thấp xuống trông nặng nề, còn gió thì thổi rít lên từng cơn. Có một tấm màn chắn buông chùng trước nhà; nó khẽ đung đưa rồi đập mạnh mỗi khi gió nổi lên. Chúng có thể nghe thấy tất cả những âm thanh đó trên đường ra kho thóc. Frank đi lấy những tấm ván trong khi Tub tìm Kenny, hắn đã không còn ở chỗ cũ. Tub thấy hắn phía xa trên con đường lái xe vào nhà, đang nằm sấp. "Mày thế nào?" - Tub hỏi.

"Đau quá".

"Frank bảo nó chêch ruột thừa rồi mà".

"Tao đã cắt ruột thừa rồi".

"Ôn rồi", Frank nói lúc tiến về phía chúng. "Bạn tao sẽ làm cho mày một cái giường thật ấm và dễ chịu trước khi mày có thể nói chuyện với Jack Robinson". Hắn đặt hai tấm ván xuống bên phải Kenny.

“Miễn là tao không phải gặp một trong những gã y tá thối ấy”, Kenny nói.

“Ha ha”, Frank nói. “Nó là con ma đấy. Nào săn sàng. Lên... lăn qua...” và hắn lăn tròn Kenny lên trên tấm ván. Kenny thét lên rồi đạp đạp chân trong không khí. Khi hắn diu xuống, Frank và Tub nhác cáng khiêng hắn xuống đường. Tub khiêng phía sau bởi tuyết cứ quất vào mặt hắn làm hắn bước đi khó nhọc. Dù sao hắn cũng đã mệt và người đàn ông trong nhà lại quên bật đèn cổng. Lúc vừa đi qua ngôi nhà, hắn bị trượt và phải vung tay ra để giữ thăng bằng. Cái cáng rơi xuống, Kenny đổ nhào, lăn tròn xuống lòng đường, luôn mồm la hét. Hắn lăn đi rồi dừng lại khi chạm vào bánh phải phía trước của xe tải.

“Đồ bị thịt”, Frank nói. “Mày không giỏi lừa đâu”.

Tub túm lấy cổ áo Frank và ấn lưng hắn vào hàng rào. Frank cố giẫy ra khỏi tay Tub nhưng Tub đã lắc hắn điên cuồng và chộp nhanh cái đầu dang vùng vẫy của hắn, cuối cùng Frank cũng đứng im.

“Mày biết quái gì về bị thịt”, Tub nói. “Mày biết quái gì về bất lực” Khi nói hắn vẫn lắc Frank. “Mày biết cái mẹ gì về tao”.

“Thôi nào”, Frank nói:

“Không được nhắc lại lần nữa”, Tub nói.

“Được rồi”.

“Không nói với tao như thế thêm bất cứ lần nào nữa. Không được nhìn như thế. Không được cười như thế”.

“Được rồi, Tub. Tao hứa”.

Tub thả Frank ra và tì trán vào hàng rào. Tay hắn buông thõng xuống.

“Tao xin lỗi, Tub”. Frank chạm tay lên vai hắn. “Tao đi xuống chỗ xe tải đây”.

Tub đứng bên hàng rào một lúc rồi lấy khẩu súng ở cổng. Frank vẫn Kenny lên cáng rồi chúng đặt hắn vào thùng xe. Frank đắp chăn cho hắn. “Đủ ấm chưa?” hắn hỏi.

Kenny gật đầu.

“Được rồi. Bây giờ làm thế nào mà quay đầu xe trên con đường này đây?”

“Cứ đánh tay lái về phía bên trái rồi dậm ga”. Kenny bật dậy khi Frank bắt đầu tiến về phía cabin. “Frank!”.

“Cái gì”.

“Nếu chiếc xe ì ra thì dừng có ép nó”.

Chiếc xe từ từ chuyển bánh. “Có điều là”, Frank nói, “mày nên gửi chiếc xe cho dân Nhật. Một nền văn hóa rất cổ kính và rất ưa suy tôn, và có thể họ vẫn còn sản xuất ra một chiếc xe chết tiệt như thế này”. Hắn liếc nhìn Tub. “Này, tao xin lỗi. Tao không biết là mày lại bức mình như thế, thề có Chúa tao không biết thật. Mày hãy nói gì đi”.

“Tao nói rồi”.

“Khi nào? Chỉ ra một lần xem”.

“Vài tiếng trước”.

“Tao cho là tao đã không chú ý”.

“Frank, chắc thế”, Tub nói. “Mày đã không chú ý lắm”.

“Tub”. Frank nói. “Chuyện đã xảy ra rồi. Lẽ ra tao phải thông cảm hơn. Tao thấy rõ mọi việc mà. Mày cũng đã cố rất nhiều. Tao chỉ muốn mày hiểu rằng đó không phải là lỗi của mày. Nó đã định làm thế”.

“Mày nghĩ thế sao?”

“Chắc chắn thế. Hoặc nó hoặc mày phải bắn. Tao cũng sẽ làm như thế nếu ở địa vị của mày, không còn cách nào khác”.

Gió đang thổi vào mặt chúng. Tuyết là cả một bức tường trắng xoá đang di chuyển phía trước đèn xe chúng; nó xuyên qua lỗ thủng ở kính chắn gió, xoáy vào cabin rồi bám vào chúng. Tub đập hai tay vào nhau để sưởi ấm, nhưng chẳng ăn thua.

“Tao sẽ phải dừng lại”, Frank nói. “Những ngón tay tao mất cảm giác rồi”.

Xa xa phía trước, chúng thấy vài ánh đèn hắt ra mặt

đường. Đó là quán rượu. Bên ngoài, trên bãi đỗ xe có nhiều xe ZEEP và xe tải. Vài chiếc có những con hươu được buộc vắt ngang qua mui xe. Frank dừng xe và chúng quay lại chỗ Kenny. “Thế nào, anh bạn”, Frank nói.

“Tao lạnh”.

“À! dừng có tướng giống Lone Ranger. Phía trước này tối hơn, tao thè đầy. Mày nên thay cái kính chắn gió đi”.

“Kìa”, Tub nói, “nó đã đẹp chán ra”. Mấy cái chăn dồn thành một đống gân cửa.

“Này, Kenny”, Frank nói, “nếu mày không cố chịu đựng và giữ ấm thì rên rỉ về chuyện lạnh chẳng có ích gì. Mày cũng phải tự lo cho mình đi”. Hắn trùm chăn cho Kenny rồi dém góc lại.

“Chúng bị thổi bay đi”.

“Vậy thì giữ để nó đừng bay”.

“Tại sao chúng ta dừng lại vậy, Frank?”

“Bởi vì nếu tao và Tub không được sưởi ấm lên thì chúng tao sẽ bị đông cứng lại và rồi mày sẽ đi đến được đâu”. Hắn dầm nhẹ nhẹ cánh tay Kenny. “Canh chó ngựa này nhé”.

Quán bar đầy người mặc áo khoác đủ màu, chủ yếu là màu da cam. Cô phục vụ mang cà phê đến. “Đúng như những chỉ dẫn của bác sĩ”, Frank nói, giữ cái cốc đang bốc khói vào trong lòng bàn tay. Da hắn trắng bợt. “Tub, tao nghĩ rồi. Điều mày nói về chuyện tao không chú ý là đúng đấy”.

“Không sao”.

“Không. Thật sự tao cứ nghĩ mãi về điều đó. Tao cho rằng tao quá ít quan tâm đến vấn đề cũ. Đầu tao có quá nhiều chuyện không chỉ riêng chuyện ấy đâu, thật đáng trách”.

“Quên nó đi, Frank. Lúc ấy tao mất bình tĩnh. Tao nghĩ tất cả chúng ta đều ở trong trạng thái khó chịu”.

Frank lắc đầu. “Không hẳn chỉ thế đâu”.

“Mày có muốn nói về chuyện ấy không?”

“Chỉ riêng hai chúng ta thôi, hả Tub?”

“Là cái chắc, Frank. Chỉ giữa hai chúng ta thôi”.

“Tub à, tao nghĩ tao sẽ bỏ Naney”.

“Ôi, Frank. Ôi, Frank” Tub ngả lưng ra ghế và lắc đầu.

Frank đưa tay đặt lên cánh tay Tub. “Tub, mà đã bao giờ yêu thật sự chưa?”

“Ồ...”

“Ý tao là ... thật sự... yêu”. Hắn bóp chặt cổ tay Tub. “Yêu bằng toàn bộ tấm lòng”.

“Tao không biết. Khi mà đặt giả thiết như vậy. Tao không biết”.

“Mày không biết là phải. Không có gì để chứng minh cho mày thấy cả. Nhưng mày sẽ biết nếu mày yêu”. Frank thả cánh tay Tub ra.

“Chuyện tao đang nói với mày không đơn thuần chỉ là chuyện trai gái lăng nhăng đâu”.

“Frank, cô ấy là ai vậy?”

Frank ngập ngừng. Hắn nhìn vào chiếc cốc trống rỗng của mình. “Roxanne Brewer”.

“Con của Cliff Brewer ư? Cô giữ trẻ ư?”

“Mày không thể phân loại con người như vậy, Tub. Điều đó là nguyên nhân làm cho hệ thống sai bét. Và đây là lý do làm cho quốc gia này sắp biến thành địa ngục”.

“Nhưng con bé chưa thể hơn”. Tub lắc đầu.

“Mười lăm. Nàng sẽ mười sáu tuổi vào tháng Năm tới”. Frank cười. “Mùng bốn tháng Năm vào ba giờ mười bảy phút chiều. Mẹ kiếp. Tub, một trăm năm trước ở vào tuổi ấy nàng đã là một thiếu nữ trưởng thành. Juliet chỉ có mười ba tuổi”.

“Juliet nào? Juliet Miller á? Lạy Chúa. Frank, thậm chí nó còn chưa có vú. Thật chí nó còn chưa mặc được quần áo tắm có nịt ngực. Nó vẫn còn đang chơi đùa ếch ngóe đấy”.

“Không phải Juliet Miller đâu. Mà là Juliet thật. Tub, mà không thấy rằng nàng đang phân chia con người thành

từng loại à. Chàng là ủy viên ban quản trị, nàng là thư ký, chàng là tài xế xe tải, nàng mười lăm tuổi. Tub, người được gọi là cô giữ trẻ này, người được gọi là cô gái mười lăm tuổi này so với chúng ta nàng vẫn còn nhỉnh hơn một ngón út. Tao có thể nói với mày rằng tiểu thư bé nhỏ này là người đặc biệt”.

Tub gật đầu. “Tao biết bọn trẻ quý nó”.

“Đối với tao, nàng đã mở ra vô vàn thế giới mà tao chưa bao giờ từng biết”.

“Thế Nancy nghĩ gì về tất cả chuyện này”.

“Mụ ta không biết”.

“Mày vẫn chưa nói với cô ấy à?”

“Chưa. Chuyện này không đơn giản. Bao năm nay mụ ấy đã tốt với tao. Rồi còn phải cân nhắc cả chuyện con cái nữa”. Những giọt nước mắt trong từ từ lăn trên mặt Frank, hắn đưa mu bàn tay chùi nhanh. “Tao chắc mày nghĩ tao cực kỳ khốn nạn”.

“Không đâu, Frank. Tao không nghĩ thế”.

“Ồ, mày... nê...”

“Frank, khi mày có một người bạn, điều đó có nghĩa là luôn có một người ở bên cạnh mày, chẳng có vấn đề gì cả. Dù sao, đó là cách tao cảm nhận về chuyện này”.

“Tub, mày nghĩ vậy à?”

“Đương nhiên”.

Frank mỉm cười. “Tao không biết tâm hồn mình nhẹ nhõm đến mức nào khi nghe mày nói thế”.

Kenny cố trườn ra khỏi xe nhưng không thể. Người hắn vắt qua cửa, đầu treo lủng lẳng trên thanh chắn. Chúng kéo hắn trở lại thùng xe, và lại đắp chăn cho hắn. Người hắn vẫn mê hôi nhưng răng thì va vào nhau lập cập. “Frank, đau quá”.

“Vết thương sẽ không quá đau nếu mày chịu nằm yên. Nào, bây giờ chúng ta đến bệnh viện. Đi đến đó chứ? Nói đi - Tao đang đến bệnh viện”.

“Tao đang đến bệnh viện”.

“Lần nữa”.

“Tao đang đến bệnh viện”.

“Nào, hãy tiếp tục nói như thế và đến khi mà nhận ra thì bọn ta đã đến đó rồi”.

Sau khi đi chừng vài dặm, Tub quay sang Frank. “Tao mắc phải một sai lầm ngớ ngẩn thật”, hắn nói.

“Điều gì vậy?”

“Tao đã để quên cái sơ đồ chỉ đường trên mặt bàn ở đó rồi”.

“Yên tâm đi. Tao nhớ đường khá tốt”.

Tuyết rơi nhẹ hơn, còn những đám mây bắt đầu cuộn bay khỏi những cánh đồng nhưng trời không ấm lên chút nào, sau đó một lúc cả Frank và Tub bị té cứng và run cầm cập. Frank hầu như không đánh tay lái quanh xe qua đoạn đường vòng được, chúng quyết định dừng lại ở quán ăn sắp tới bên đường.

Có một cái máy sấy tự động trong phòng tắm, chúng thay phiên nhau đứng trước máy, mở nút áo khoác, áo sơ mi, để những luồng hơi nóng phả lên mặt và ngực chúng.

“Mày biết đấy”, Tub nói. “Cái chuyện mày nói với tao lúc nãy ở đó thì tao đã đánh giá đúng. Tin tao đi”.

Frank co duỗi những ngón tay trước mũi. “Tub à, điều đó tao rút ra qua chuyện ấy là, chẳng có ai là một hòn đảo cả. Hắn phải tin tưởng một ai đó”.

“Frank...”

Frank chờ đợi.

“Khi tao nói gì đó về cái sự bất lực của tao, điều ấy không đúng. Sự thật là tao chỉ ấn nó vào”.

“Tub...”

“Frank, cả ngày lẫn đêm. Dưới cơn mưa rào. Trên đường cao tốc”. Hắn quay người và để cho không khí ùa lên lưng mình. “Thậm chí tao cũng từng làm tình trong lúc làm việc bên cạnh máy sản xuất giấy ăn”.

“Chim chóc mày không hề hấn gì cả chứ”. Frank tháo ủng

và cởi tất ra. Thoạt tiên hắn nán bàn chân phải rồi bàn chân trái sát vào mũi.

“Không. Không hề gì”.

“Thế Alice có biết không?” Cỗ máy tự dừng, Frank bắt đầu mang ủng vào.

“Không một ai biết. Frank ạ, đó là điều tồi tệ nhất của chuyện này. Không riêng lúc béo đâu mà cả lúc gầy tao cũng chưa bao giờ phóng một cú ra trò cǎ, tao chỉ vờ làm như thế thôi. Phải sống cuộc đời hai mặt như một gã gián điệp hay một người cố làm ra vẻ hào hoa. Điều ấy nghe có vẻ kỳ quặc nhưng tao cảm thấy tiếc cho những kẻ bù nhìn đó. Tao thực sự tiếc. Tao biết chúng phải chịu đựng điều gì. Luôn luôn phải nghĩ về những điều người ta nói và hành động. Luôn cảm thấy như có một người theo dõi mình, cố tóm lấy mình vì một nhẽ gì đó. Chẳng bao giờ có thể tự tin cả. Giống như khi tao làm điều làm bộ với mỗi một quả cam cho bữa sáng và rồi lại quàng khăn suốt dọc đường đi làm. Oreos, Mars Bars, Twinkies. Sugar Babies Knickers.” Tub liếc qua Frank và nhìn nhanh đi chỗ khác. “Hơi chán, phải không?”

“Tub. Tub”. Frank lắc đầu. “Vào thôi”. Hắn nắm tay Tub dẫn vào cái quán nửa nhà hàng nửa quán bar. “Bạn tôi đang đợi”, hắn nói với cô phục vụ. “Cho tôi bốn cái bánh kếp, nhiều bơ và sirô”.

“Frank...”

“Ngồi xuống đi”.

Khi những đĩa thức ăn được mang ra, Frank xén ra một miếng bơ phết lên bánh kếp. Rồi hắn uống cạn chai sirô, đưa qua đưa lui cái chai trên những chiếc đĩa. Hắn chống tay nghiêng người về phía trước và đặt cầm lên bàn tay. “Ăn tiếp đi. Tub”.

Tub ăn vài miếng rồi bắt đầu lau miệng. Frank giật lấy khăn ăn của hắn. “Khoan lau đã”, hắn nói. Tub giữ lại. Nước sirô bám vào cầm hắn; cháy nhỏ giọt xuống như chùm râu dê. “Chén thật đây vào. Tub”, Frank nói và đẩy một cốc sữa khác

qua mặt bàn. “Ăn tiếp đi”. Tub cầm chiếc nĩa bằng tay trái, cúi thấp đầu xuống và bắt đầu ăn ngấu nghiến. “Làm sạch đĩa của mày đi”. Frank nói khi mấy cái bánh kếp đã được ăn hết, rồi Tub nháu từng cái đĩa và liếm sạch cả bốn chiếc. Hắn ngồi ngả lưng ra, cổ thở đều.

“Tuyệt”, Frank nói. “Mày no chưa?”

“Tao no rồi”, Tub nói. “Tao chưa bao giờ no như thế này”.

Mấy cái chǎn của Kenny lại bị dùn lên đồn vào cửa thùng xe.

“Không khéo chúng bị cuốn mất”, Tub nói.

“Chúng chẳng có ích gì cho nó cả”, Frank nói. “Có lẽ chúng ta nên tận dụng những cái chǎn ấy”.

Kenny lẩm bẩm. Tub cúi xuống. “Giù vậy? Nói đi”.

“Tao đang đến bệnh viện”, Kenny nói.

“Cù lầm”, Frank nói.

Những chiếc chǎn giữ ấm. Gió vẫn táp vào mặt chúng và tay của Frank nhưng chúng cảm thấy đỡ hơn nhiều. Lớp tuyết mới trên đường và trên cây cối lấp lánh dưới ánh đèn pha. Những ô vuông ánh sáng từ cửa sổ trang trại hắt xuống lớp tuyết xanh nhạt trên cánh đồng.

“Frank”, lát sau Tub nói. “Mày có biết gã nông dân đó không? Hắn bảo Kenny giết con chó đấy”.

“Mày cứ đùa!” Frank lái đi cẩn thận. “Cái thằng Kenny ấy. Đúng là đồ khùng”. Hắn cười, Tub cũng cười. Tub mỉm cười quay nhìn ra cửa sổ phía sau. Kenny nắm ôm bụng, nhìn những vì sao và mấp máy môi. Ngay trên đầu hắn ta chòm sao Gấu lớn và ở phía sau nhìn qua kẽ chân Kenny theo hướng bệnh viện, là sao Bắc đầu, sao Bắc cực, sao Hoa tiêu. Khi chiếc xe tải len lỏi xuyên qua những ngọn đồi thoai thoải, những ngôi sao lượn di lượn lại giữa dôi ủng của Kenny. Luôn luôn trong tầm nhìn của hắn. “Tao sắp đến bệnh viện”, Kenny nói. Nhưng hắn lầm. Chúng đã rẽ theo hướng khác từ lâu.

## MỤC LỤC

• <i>Lời giới thiệu</i>	LÊ HUY BẮC	5
1. KHUAGIA AMET ABAT Người không muốn nhớ	<i>Nguyễn Vinh</i> dịch	15
2. SHERMAN ALEXIE Lời cuối của hành trình Phoenix, Arizona	<i>Lê Huy Bắc</i> dịch	31
3. THEA ASTLEY Tiến sĩ Forkhammer đưa bạn gái về phòng	<i>Lê Huy Bắc</i> dịch	47
4. MARGARET ATWOOD Những cái kết hạnh phúc	<i>Lê Huy Bắc</i> dịch	53
5. DONALD BARTHELME Lớp học	<i>Lê Huy Bắc</i> dịch	59
6. PINCKNEY BENEDICT Khói thị thành	<i>Đào Thu Hằng</i> dịch	64
7. ITALO CALVINO Cuộc phiêu lưu của người lính	<i>Lê Huy Bắc</i> dịch	85
8. ONELIO JORGE CARDOSO Chú ngựa san hô	<i>Nguyễn Trung Đức</i> dịch	97
9. BO CARPELAN Cơn bão	<i>Bùi Việt Hoa</i> dịch	111
10. ANGELA CARTER Cô gái tuyết	<i>Lê Huy Bắc</i> dịch	118

11. RAYMOND CARVER		
Thánh đường	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	120
Mình đang gọi từ đâu	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	140
Điều tốt lành nho nhỏ	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	159
12. CAO HÀNH KIÊN		
Trong công viên	<i>Nguyễn Hồi Thủ</i> dịch	188
Tai nạn	<i>Nguyễn Hồi Thủ</i> dịch	199
13. SANDRA CISNEROS		
Ngôi nhà trên phố Mango	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	211
14. LE CLÉZIO		
David	<i>Đặng Anh Đào</i> dịch	216
Vòng xoáy	<i>Nguyễn Văn Qua</i> dịch	238
15. TONY EARLEY		
Nhà tiên tri từ Jupiter	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	252
16. LOUISE ERDRICH		
Fleur	<i>Đào Thu Hằng</i> dịch	275
17. HELLEN GARNER		
Linh hồn muốn gì?	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	295
18. NADINE GORDIMER		
Cái tìm được	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	303
19. LYNDALL HADOW		
Chiều chủ nhật	<i>Đào Thu Hằng</i> dịch	309
20. OE KENZABURO		
Quái vật trên không	<i>Phan Thu Hiên</i> dịch	316
21. JAMAICA KINCAID		
Con gái	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	355
22. ABE KOBO		
Chiếc kén dở	<i>Bảo Trân</i> dịch	358
23. MILAN KUNDERA		
Hãy để cho người chết cũ nhường chỗ cho người chết mới	<i>Ngân Xuyên</i> dịch	363

24. DAVID LEAVITT			
Trọng lượng	Đào Thu Hằng dịch		386
25. DORIS LESSING			
Người đàn bà trên mái nhà	Lê Huy Bác dịch		393
Loại một người tình khỏi danh sách ngắn	Lê Huy Bác dịch		405
26. MARIO VARGAS LLOSA			
Thằng út	Nguyễn Trung Đức dịch	440	
27. VLADIMIR MACANIN			
Tù binh Caveaz	Đào Tuấn Ánh dịch		454
28. BERNARD MALAMUD			
Con trai tôi kẻ giết người	Đào Thu Hằng dịch		494
29. GABRIEL GARCIA MARQUEZ			
Người chết trôi dạt nhất trần gian	Nguyễn Trung Đức dịch		503
Chuyến đi cuối cùng của con tàu ma	Nguyễn Trung Đức dịch		511
Cụ già với đôi cánh khổng lồ	Nguyễn Trung Đức dịch		518
30. ALAN MARSHALL			
Trăng mọc thế nào	Đào Thu Hằng dịch		528
Bài ca mặt trời	Đào Thu Hằng dịch		532
31. BOBBIE ANN MASON			
Shiloh	Phan Thu Hiền dịch		537
32. JOHN MORRISON			
Buổi sáng thần tiên	Đào Thu Hằng dịch		558
33. TIM O'BRIEN			
Hành trang của họ	Phạm Bá Đam dịch		571
34. FLANNEY O'CONNOR			
Cuộc chạm trán muộn màng với kẻ thù	Đào Thu Hằng dịch		593
35. CYNTHIA OZICK			
Tâm khẩn	Lê Huy Bác dịch		607

36. KERISAN SENTAN		
Cây nước	<i>Lưu Đức Trung</i> dịch	614
37. LESLIE MARMON SILKO		
Người đàn bà da vàng	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	629
38. ISAAC BASHEVIS SINGER		
Bài giảng	<i>Đào Thu Hằng</i> dịch	642
Gimpel thằng ngốc	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	663
39. PETER TAYLOR		
Mưa trong tim	<i>Đào Thu Hằng</i> dịch	684
40. TACHIANA TOLSTAIA		
Sông Okkervil	<i>Đào Tuán Ánh</i> dịch	708
41. JOHN UPDIKE		
Hiện diện tại đây là vợ chồng Maple	<i>Phạm Viêm Phương</i> dịch	723
Ngôi nhà sa thạch	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	740
Thú hoang	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	777
Mắt nai giữa thành phố bạc	<i>Lê Huy Báć</i> dịch	788
42. TOBIAS WOLFF		
Những kẻ đi săn trong tuyết	<i>Đào Thu Hằng</i> dịch	801

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập:

LẠI NGUYỄN ÂN - NGUYỄN HÀ MY

Vẽ bìa:

DÔNG TÂY

Trình bày và sửa bản in:

HÀ MY

---

Tổng đại lý phát hành:

Nhà sách Đông Tây • Số 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT/Fax: (04) 7733041

• 32 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT/Fax: 8251374

---

TRUYỆN NGẮN HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

Lê Huy Bắc *tuyển chọn và giới thiệu*

Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 65 Nguyễn Du, Hà Nội

Trung tâm VHNN Đông Tây, 8/91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Cuốn sách tập hợp hơn 40 truyện ngắn của nhiều tác giả nổi tiếng trên thế giới viết theo khuynh hướng chủ nghĩa Hậu hiện đại, đặc trưng cho nền văn học nghệ thuật thời bùng nổ công nghệ thông tin, đô thị hóa lối sống, toàn cầu hóa kinh tế.

---

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp in 19 - 8

số 3 đường Nguyễn Phong Sắc - Cầu Giấy - Hà Nội.

Giấy phép xuất bản số: 97/210/XB-QLXB ngày 3/3/2003

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2003.



# VĂN HỌC HẬU HIỆN ĐẠI THẾ GIỚI

*Quyển một* **Những vấn đề lý thuyết:** bước đầu giới thiệu lịch sử hình thành, phát triển và các vấn đề lý thuyết của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học thế giới.

*Quyển hai* **Truyện ngắn hậu hiện đại thế giới:** tập hơn 40 truyện ngắn của các nhà văn thế giới viết theo khuynh hướng Hậu hiện đại.



PHÁT HÀNH TẠI

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

32 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: 9348484 - Fax: 8251374  
466 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội - ĐT: 7733041

Giá:

\$26.00